1926

Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France

3e ANNÉE — Nº 116 — 7 JANVIER 1926

科學集誌

KHOA HỌC TẬP CHÍ

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
Nº 4403

REVUE

DE

VULGARISATION SCIENTIFIQUE

PARAISSANT LE JEUDI

Bán lẻ mỗi số: 0$15

SAIGON

IMPRIMERIE DE L'UNION, NGUYỄN-VAN-CỦA
157, Rue Catinat, 157

Année 1926

TIỆM CỦ CỦA ÔNG BÉRENGUIER

Ông MOLINIER, kế nghiệp. — Ông H. de MARI, kế nghiệp

ÔNG L. SARREAU

Bào-chế sư có cấp-bằng Y-viện thành Lyon, kế nghiệp

HIỆP-PHÁP DƯỢC-PHÒNG

PHARMACIE NORMALE

Số 119 tới 123, Đường Catinat. — SAIGON

Thuốc chế theo toa

và thuốc hiệu riêng, giá rất thấp

Kiếng con mắt cho người bịnh

Đồ chụp hình

Hóa-học vật chất. — Dược liệu

Dầu măn hiệu Molinier

Tinh anh hơn hết.

Tốt hơn hết. — Trừ độc mạnh hơn hết.

3e ANNÉE — Nº 116 — 7 JANVIER 1926

KHOA HỌC TẠP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1° — M. BUI-QUANG-CHIÊU, *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*
2° — M. LÂM-VĂN-HUỀ, *Commis indigène des Services Civils.*
3° — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics a Cholon.*
4° — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal de Travaux Publics.*
5° — M. NGUYỄN-KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon.*
6° — M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*
7° — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*
8° — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN, *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*
9° — M. TRẦN-VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole superieure de Commerce de Paris.*
10° — M. TRẦN-QUANG-NGHIÊM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*
11° — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*
12° — M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3,00		

MỤC LỤC

Cáo bạch.....	2108	Văn chương nôm.....	2116
Tạo vật sơ diễn.....	2109	Chuyện cảm ứng.....	2119
Khoa học thời đàm.....	2111	Pour qu'on sache l'annamite.....	2121
Văn minh đời thượng cổ.....	2113	Le charme de la diction annamite...	2122

8° R 32480

CÁO BẠCH

Nhơn dịp Tết Tây, năm cũ qua năm mới đến, bổn báo xin mạng phép nghỉ một kỳ ngày 31 Décembre và chúc cho bạn độc-giả được phước lành lộc trọn. Vậy nên số 116 nầy đến ngày nay mới ra, xin độc giả miễng chấp.

Bổn-Báo

K. H. T. C.

TẠO VẬT SƠ DIỄN

Nguyệt thực-Nhựt thực

(Eclipses de Lune et de soleil)

Khi nào ta thấy trăng đang tỏ rỏ mà lần lần lu tối mất đi thì ta gọi là *nguyệt-thực*. Còn *nhựt-thực* là lúc mặt trời đang sáng mà bỗng nhiên tối lần, làm cho u ám. Khi nào có nhựt thực thì Annam ta hay nói *mặt trăng ăn mặt trời;* còn có nguyệt thực thì nói *mặt trời ăn mặt trăng.* — Nói thế nghe cũng phải, song không biết ăn là ăn làm sao. Có người hỏi tại sao mà có nguyệt thực, nhựt-thực? Những người không có học không biết đâu mà nói.

Nhựt thực là khi nào mặt trăng ở ngay mặt trời mà che khuất yến sáng giọi xuống trái đất ta.

Nguyệt thực là khi nào mặt trăng bị trái đất ở ngay mặt trời mà che khuất mất yến sáng giọi xuống mặt trăng.

Mặt trăng vốn không có yến sáng tự nhiên, nên lúc đi vào trong cái bóng trái đất thì bị cái bóng áng tối, làm cho ta không thấy nó nữa được.

Mặt trăng đi vòng quanh trái đất, nhưng cái vòng ấy hơi nghiên nghiên, cho nên mặt trăng đi khi ở dưới cái lằng bóng trái đất khi lại ở trên. Nếu lúc mặt trăng đi gặp lằng bóng trái đất mà ở trên hoặc ở dưới cái bóng cách $12^0 5$, thì không khi nào có nguyệt thực. Nếu nó ở cách chừng $9^0 30$, sấp xuống thì mới chắc có nguyệt thực.

Khi mới khởi nguyệt thực thì ta thấy cái bìa phía trái vào bóng trước mà vào bóng trái đất, rồi khuất lần, cho đến khi ra khỏi bóng, thì ta thấy cái bìa phía trái ấy ra sáng trước.

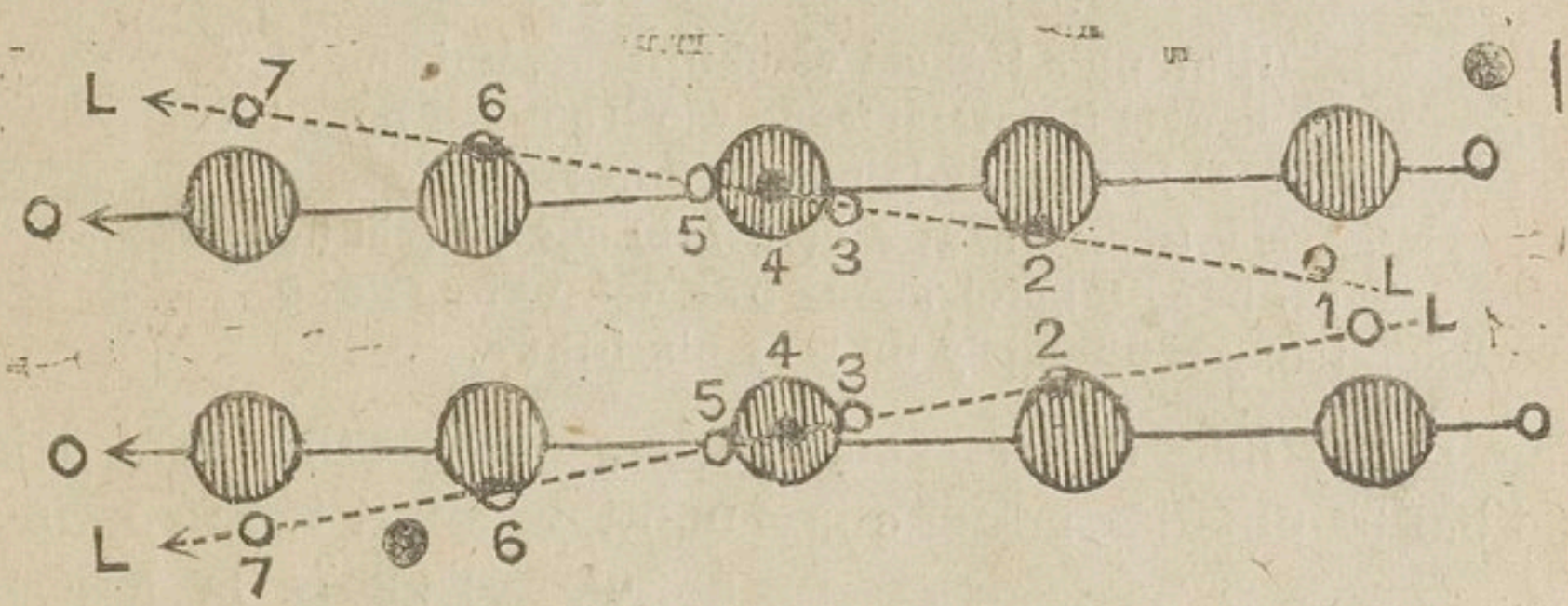

Xem như cái hình đây thì rõ: mấy cái vòng tròn lớn là cái bóng trái đất, mấy cái vòng tròn nhỏ 1, 2, 3, 4, 5, là mặt trăng. Cái đường O O là đường của bóng trái đất đi; cái đường L L là đường của mặt trăng đi.

Lúc mặt trăng đi đường lên tới chỗ số 2, số 6 thì nguyệt nhực một phần (éclipse partielle), đến số 4, thì là nguyệt-thực trọn (éclipse totale), trời tối hết ta không thấy mặt trăng.

Còn như mặt trăng mà đi nhằm ở dưới hay là ở trên, nghĩa là ở phía nam hay phía bắc của cái bóng trái đất (xem số 1 và 7) thì không có nguyệt thực.

Nói về *nhựt nhực* thì cách cắc nghĩa cũng tựa như cắc nghĩa về nguyệt-thực, song phải hiểu rằng cái bóng của mỗi vật giọi lại thường có 2 thứ: thứ bóng thiệt kêu là *ombre pure* là cái bóng thật tối, thứ bóng giả kêu là *pénombre* là cái bóng mờ mờ.

Như trong cái hình vẻ đây, bóng thiệt là cái bóng đen ở phia trong, con bóng giả là cái bóng lang ở phía n oài xung quanh cái bóng thiệt.

Xem như cái hình phía bên trái (nhựt-thực), thì những người ở trong vòng cái bóng thiệt đều ngó thấy *nhựt nhực trọn* (éclipsé totale de soleil); còn những người ở trong vòng cái bóng giả thì chỉ thấy nhựt-thực một phần mà thôi (éclipse partielle de soleil).

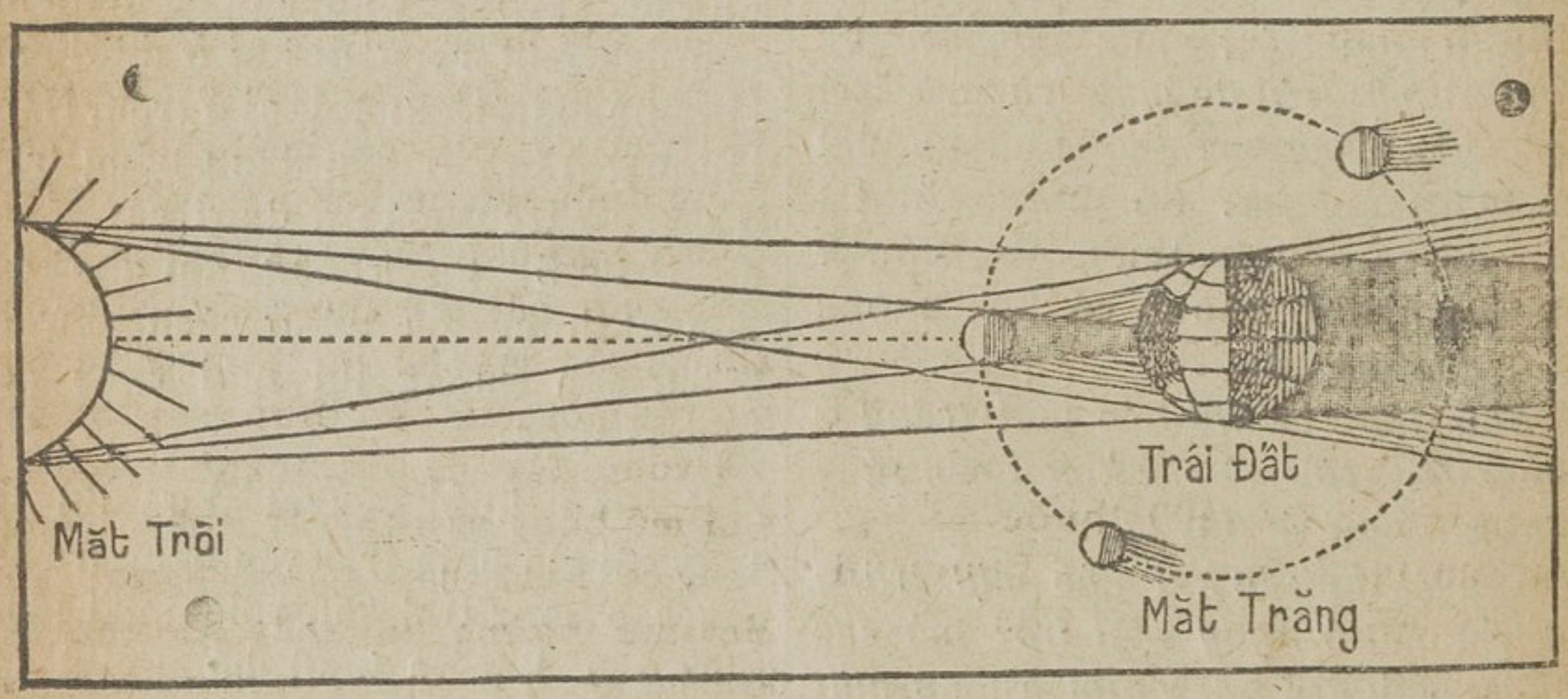

Nhựt thực và Nguyệt-thực

(Hình phía trái chỉ về nhựt-thực, phía mặt chỉ về nguyệt thực) Mặt trăng vào trong cái bóng trái đất thì lu mất, ấy là nguyệt thực;

Mặt trăng ở ngay mặt trời thì che bít mặt trời, cái bóng tối giọi xuống trái đất, những nơi ở trong cái bóng ấy thì thấy nhựt-thực.

Cái bóng nhựt thực đi trên mặt địa cầu thì bắt từ phía tây mà đi qua phía đông.

Tùy theo cái đường mặt trăng đi và cái lúc trái đất tự xây đến phía nào, thì thiên-văn học định biết trước được nơi nào ngó thấy nhựt thực trọn, nơi nào thấy một phần và nơi nào thấy nhựt thực có vòng (éclipse annulaire) nghĩa là mặt trăng che áng mặt trời nhưng mà không áng khuất mất hết được, làm cho người ta còn thấy cái vành mặt trời.

THANH-TÂN

Khoa-học thời-đàm

Thả phi-thoàn bay bọc gió

Ông quan hai Thoret mới đây có đi tàu bay đi biển kêu «*Hanriot 17*» máy mạnh 130 mã-lực mà bay lên đến núi ở cù lao Corse là một nơi hiểm trở thứ nhứt, lại không có đất bằng để đáp. Ngài đi máy bay ấy nặng có gần *một ngàn* ki-lô, mà hồi ngày 24 Septembre rồi đây, ngài cởi tàu bay ấy mà bay qua cù-lao Corse, rồi tới nơi bèn ngừng máy lại mà thả cho bay bọc gió luôn như vậy trong 3 giờ rưỡi đồng hồ. Lúc ngài bay cao còn chừng 600 thước thì ngừng máy lại, thả bọc gió cho bay lên cao thêm tới 1100 thước mà đảo qua đảo lại trong bờ, kể đường đi bay có 40 ngàn thước. Chừng đáp xuống ngài ra biển mà đáp dưới nước dựa bờ bải Fari ole.

Dùng tàu bay ngoài biển là một thứ tàu bay rất nặng nề mà cho bay thả bọc gió thật là khó khăn hơn hết và rất hiểm nghèo lắm; thế mà ông Thoret bay được trọn 3 giờ rưỡi đồng hồ, thì thật là tài tình gan dạ lắm; Nếu tàu bay làm ra kiểu nhẹ và bọc gió hơn nữa thì có lẻ ngài bay thả bọc gió cả ngày cũng được nữa.

Những loại thú kỳ quái.

Người ta nói ở lối cù lao Aléoutienne (trên phía bắc Thái-bình-dương) có thứ cá, người bổn thổ gọi là *culammak* và *Umgulik*, dài tới 56 thước tây, và một thứ kêu là *jubarte* dài 27 thước

Lại nói hồi năm 1909 bên Ītalie có 7 người ngư-phụ ở Catane đi đuổi bắt cá voi, bỗng thấy có một con thú dị-kì to lớn lắm, phun lên 2 vòi nước và rượt cá voi, hả miệng táp mất khúc đuôi con cá voi mà nuốt. Mấy người ngư-phu thấy vậy bỏ cá voi, toan rượt bắt con thú lạ ấy. Nhờ có khí cụ sẵn sàng lại có tay thợ phóng lao rất giỏi nên bắt được con thú ấy mà vòng giây dắt về thành Catane. Khi mổ bụng con thú ấy, thấy trong bụng có 3 cái thây người. Người xứ Messine thường hay thấy con thú lạ ấy; họ nói nó thường vớn vơ lối ấy gặp thuyền chài thì rượt. Người ta gọi nó là *murengel* (thần-biển). Con thú ấy có lẻ lớn hung lắm là vì nó táp đến cá voi được thì chắc nó lớn hơn cá voi nhiều lắm.

Bên xứ Huê-kỳ người ta tìm thấy được nhiều con thú rất to, mà là loại thú thuở nay ta chỉ thấy nhỏ nhỏ mà thôi. Ví như tại nhà Cô-tich-viện Muséum ở Paris người ta còn để một cái vỏ tôm hùm kêu là *Homard américain* dài tới *một thước tây*. Lại cũng tại đó có để một cái vỏ cua hùm kêu là *marcrocheira-kempferü* lớn, bề ngang cái mu nó tới 2 thước 6 tây,

ngoe nó dài mỗi cái 1m.20. Giống cua nầy ở theo mé biển phía đông cù lao Nhựt Bổn.

Loại rồng biển xưa nay ta nghe nói mà chưa ai thấy, chỉ thấy hình vẽ của Tàu, cho là một con thú lạ trong tứ-linh. Nay có kẻ thấy tận mắt một thứ rắn biển to lớn dị kỳ người ta lấy hình dáng nó mà đoán ra thì cho la con rồng.

Như nghe đâu hồi năm 1909 và 1920 có người thấy nơi vịnh Hạ-Long (Bắc-kỳ) một con quái vật rất lớn mình đen, ló lên uốn khúc như rồng mà lội mau lắm. Người ta định cho cái mình nó dai trên 20 thước. Tàu tuần đi gặp mà rược theo không kịp nó. Có một lần lấy súng canon mà bắn nó, đạn trái phá trúng mình nó giội lên nổ mà nó không chết, lại lặng đi mất. Sau có người thấy no nổi lên nữa.

Hồi tháng Septembre 1923 báo «France australe» có kể một chuyện nói rằng nhiều người có thấy con quái lạ ấy tại hải-quân Nouméa bên cù lao Nouvelle-Calédonie, lại còn rõ ràng hơn ở vịnh Hà-Long nữa. Con quái ấy lội ngóc đầu lên khỏi nước có 10 thước, cái đầu có chóp mào chạy dài xuống tới lưng, xem không khác nào như một con ngựa biển. Có lúc người ta thấy nó nổi ló cái đầu và cái đuôi lên, cách nhau chừng vài thước, khi lại nổi lên làm 2, 3 khúc, hình như có 2, 3 con cá voi lộn theo nhau. Ba khúc ấy kể phỏng cũng có 20 thước, còn khúc ở dưới nước không biết dài được bao nhiêu, song định chung cả mình nó dài cũng trên ba bốn mươi thước. Tiếng nó kêu nghe rất gớm ghê, cũng như voi rống cũng như tiếng súng nổ gầm vậy. Hễ nó nổi lên thì người ta thấy miệng nó phun khói và một vòi nước lên rồi nó vẫy vùng, day trở trên mặt nước, tiếng kêu ầm ầm tựa như tiếng bảng sắt chì rớt xuống gạch mà kêu vậy.

Người ta thấy đó chớ không biết nó là con gì, định là cá thì không phải cá, rắn cũng không chắc, nhưng có lẽ ấy là con rồng biển vậy.

*
**

Thú quái lạ ngoài biển lại còn thứ mực ma (poulpe) hình thù kỳ dị, cái mình tròn, cái đầu rất to, tỉa ra 8 cái tay có đốt rất dữ tợn, gặp thú gì thì tay ấy nắm cứn như rắn quấn, mấy cái đốt bèn hút riết máu tuôn ra như dát.

Nghe nói ở phương bắc và nam cực có thứ mực ma to đến nổi quấn rút tàu lật úp được. Năm 1861 ông quan tàu Bouyer đi tàu Alecton đến giữa biển Thái-tây-dương cách cù lao Madère và Ténériffe, gặp một con mực ma cái mình dài đến 5, 6 thước, chưa kể tay nó. Người trên tàu thả vòng mà vớt nó, nhưng khi vớt lên thì nó đứt hai ra mà rớt xuống biển. Con mực ấy nặng nổi ước 2000 kí lô.

VĂN MINH ĐỜI THƯỢNG CỔ

Anh hùng mắc nạn

Kỳ trước đã nói chuyện giặc vây thành Troie 10 năm, nay nói tiếp theo từ khi tan đám giặc ấy.

Từ ngày quân Gơ-rec thắng trận trở về, nhiều kẻ anh hùng bị các thần giúp phe Troyens hoán hận, nên bị lắm nỗi tai nạn khổ sở lâu năm mới về được tới nhà. Chuyện các anh hùng trở về mắc nạn có lắm chuyện phi-thường, người xưa hay nhắc, hay thuật lại lắm.

Như *Ménélas* lúc trở về, bị bão chìm mất hết cả đoàn tàu lại bị bê tấp vào đến xứ É-díp, phải bị lưu lạc hơn bảy năm mới về đến xứ được.

Ajax thì cũng bị bão, thuyền tấp vào một hòn đá mà bể tan. Chàng lội được vào đụng bờ bèn nói: « Tôi thoát khỏi nạn được rồi, thần làm thế nào nữa đi cũng chẳng lo.» Nói giứt lời thì bị thần Poseidon lấy chỉa ba thần mà đánh vào hòn đá của Ajax niếu được mà lên, làm cho hòn đá vỡ tan, Ajax phải nhào xuống biển mà chết.

Nes'or, Philoctète, Idoménée và *Diomède* thì đều bị lạc đường gió tấp bê tàu qua tới bờ xứ Italie. Những người ấy mới lo dựng thành thị khác rất nhiều.

Nhưng trong các chuyện anh hùng lưu lạc thuở ấy, chỉ có chuyện ông *Ulysse* phiêu lưu là có danh tiếng hơn hết. Chuyện ấy cũng của một ông thi sĩ có danh nhứt trong đời là ông Homère đặt ra thơ, đến nay người ta còn ca tụng cũng như truyện giặc thành Troie vậy. Thơ ấy đề tựa là *Odyssée*. Tích truyện ấy thuật sơ lại như vầy:

Thuyền của Ulysse bị bão tấp vào xứ Lotophages, là xứ có những cây trái lạ kêu là *lotos*, ai ăn trái ấy thì quên mất hết những việc xưa việc cũ trước. Hết một phần bạn của Ulysse ăn những trái ấy, cho nên quên hết cả quê hương cha mẹ vợ con, mà không chịu trở về xứ nữa. Vậy phải bắt những người ấy mà cột vào ghế trong tàu mà chở về xứ. Nhưng thuyền đi ra lại lạc qua một cái cù-lao phú túc, đầy những chiên bò, mà ở đó có một thứ dân khổng lồ cao lớn dị kỳ mà có một con mắt to nơi trán mà thôi. Dân ấy kêu là *Cyclopes*. Vua Ulysse bèn dắc bạn bè lên cù-lao ấy, chun vào động của một người độc nhản (một mắt) tên là *Polyphème* mà nghỉ ? Khi ấy người khổng lồ dắc bầy chiên về động, rồi lấy một cục đá rất to mà tấn cửa; xong rồi trở vô thấy mấy người bạn của vua Ulysse, bèn 2 tay bắt lấy 2 người mà đập vào đá bể sọ mà ăn thịt. Sáng bữa sau người khổng lồ lại ăn thêm 2 người nữa rồi đi ra khỏi động, lấy cục đá to mà tấn cửa lại. Chiều bữa

ấy khi người khổng lồ về thì ông Ulysse lấy rượu của mình đem theo mà cho người ấy uống. Người khổng lồ độc nhản bị uống rượu say lên ngủ mê, ông Ulysse bèn hối bạn lấy cây nhọn còn tươi mà đốt cho cháy một đầu rồi lén đâm ngay vô con mắt người độc nhản. Người ấy bị đuôi mắt, sợ mấy người nầy trốn đi, bèn ra ngồi dựa ngay cửa động, chờ hễ có ai ra tới thì nó bắt mà ăn. Nhưng mà tên Polyphème ấy cũng phải cho bầy chiên mình đi ra mà ăn. Vì vậy Ulysse cùng bạn bè lập thế ôm nằm đeo dưới bụng chiên, nhờ vậy mới thoát khỏi đặng.

Thuyền của Ulysse ra đi ít lâu lại đáp nhằm cù-lao của thần Gió Eole ở. Thần bèn cho người một cái bủ to, trong ấy đựng đầy những gió dữ và dặn người chớ khá thả gió ra. Nhưng bạn bè của người thì không biết, tưởng là trong ấy có vật quí, nên mở ra làm cho gió dữ tuôn ra thành một trận bão rất to, thổi thuyền tấp qua xứ Lestrygons. Người Lestrygons cũng là người khổng-lồ ăn thịt người ta. Những người ấy thấy đoàn tàu của Ulysse bèn lấy đá hòn mà quăng bể nát hết, trừ ra chiếc của Ulysse đi mà thôi. Ulysse còn có một chiếc, bèn chạy trốn khỏi xứ ấy, nhưng lại đáp nhằm cù-lao của bà tiên-nữ *Circé*. Bà tiên ấy cho những bạn bè của Ulysse uống một thứ rượu chi không biết mà hóa ra heo hết thảy; còn Ulysse nhờ có một thứ cỏ tiên của thần Hermès cho nên phá nổi các phép của bà tiên ấy và lại khiến bà tiên ấy phải làm phép cho bạn bè mình hiện nguyên hình người lại.

Ulysse ở đó với tiên-nữ Circé được một năm, rồi cứ nhằm về phía mặt trời lặng mà đi cùng đất, tới một chỗ u ám tối tâm tinh những người chết ở mà thôi: Người đến đó đặng mà cầu hỏi thăm ông tiên-tri Tirésias. Lúc trở về đi ngang qua xứ cá người *Sirènes*, là một thứ tinh mình cá mà mình trên thì là con gái lịch sự như tiên. Những quái tinh ấy ngồi ở trong đồng dựa mé biển mà hát, tiếng hát nghe rất tiên lãnh lót khiến cho hành khách đi đường rất nê phải đáp vào thì nó giết mà ăn thịt. Ulysse nhờ có tiên-nữ dặn cho biết trước nên khi đi ngang đó biểu bạn bè đều lấy sáp nhét lỗ tai, còn mình thì dặn bạn phải buộc chặc vào cột buồm đặng nghe tiếng hát, hễ có biểu tháo dây ra thì bạn cứ việc buộc lại cho chặc nữa. Như thế thì được nghe tiếng hát mà khỏi sợ phép mê dụ vào bờ.— Khỏi chỗ ấy rồi Ulysse lại đi ngang qua một chỗ eo biển, 2 bên có đá hòn chớn chở, có hai con tinh ở giữ: một bên thì con *Sarybde* hả miệng nuốt sóng rồi phun ra tiếng nghe ghê gớm; một bên thì con *Scylla*, có 6 đầu 12 móng dữ tợn; đầu hả miệng rất to đưa ba hàm răn chơm chởm, Ulysse muốn tránh khỏi con Charybde, sợ e nó nuốt mất cả tàu mình đi, nhưng lại phải bẻ vào gần con tinh Scylla, nên bị nó bắt mất hết 6 người bạn mà nuốt vào 6 cái họng to của nó. Sau Ulysse đi tới một chỗ cù lao, nơi ấy có những bầy bò của thần mặt Nhựt. Ulysse đã cấm bạn bè mình không nên giết hại những bò ấy mà họ không nghe lời.

cho nên thần Nhựt nổi giận làm bão chim chết hết cả bạn bè. Một mình Ulysse thoát khỏi ôm lấy cột buồm gảy mà lội hơn 10 ngày mới tấp vào cù-lao của thần nữ *Calypso* Thần nữ ấy rước người lên nuôi dưỡng tử tế sau lại đem lòng sủng ái mới biểu người muốn được trường sanh bất tử thì hãy ở lại làm vợ chồng với nàng, nàng cho phép sống đi. Ulysse lòng chẳng quên xứ sở, nên chẳng khứng nghe. Nàng tiên bèn cầm người ở lại nơi động nàng hơn 7 năm. Sau nàng phải vâng lịnh Ngọc hoàng mà mà thả người đi. Ulysse bèn đóng bè mà thả đi, lại bị sóng gió chìm trôi mất bè phải lội tấp vào cù-lao nước *Phéaciens*. Vua nước ấy tiếp rước người tử tế và cho một chiếc tàu chở về xứ mình là cù-lao Ithaque.

Tính ra từ ngày lìa quê hương mà đi đánh giặc, đến lúc trở về được, thì đã trọn 20 năm trường (10 năm đánh giặc, 10 năm lưu lạc) cha người là ông *Laërte* nay đã già cả, nên về đồng mà ở; mẹ người buồn bả quá vì thương con lắm nên đã thắc họng mà thát; con của người là chàng *Télémaque*, lúc người đi thì còn thơ ấu, nay đã ra người trai tráng một đứng anh hùng khôn ngoan gan dạ. Vợ người là bà trinh liệt *Pénélope*, ở nhà giữ phận tiết trinh không rời khỏi cửa. Ai nấy cũng đều ngỡ cho ông Ulysse đã chết rồi; mấy ông hoàng trong xứ ngày tối tựu đến đài ông mà tiệc rượu, làm thịt bò thịt chiên mà ăn uống hoài, lại muốn ép uổng vợ Ulysse chọn người chồng mới. Nàng Pénélopé, lòng chẳng nở chối từ ngay, nên tính kế, bèn xin huởn cho nàng làm xong tấm gấm nỉ để sau chôn cất cha chồng. Vậy ban ngày nàng cứ việc thêu dệt, mà đến đêm thì lén tháo gỡ ra hết, cho nên tấm ấy làm chẳng hề xong.

Lúc nầy vua Ulysse về đã tới nơi, bèn giả làm ăn mày đi xin ăn vào tới trong đền, không ai nhìn biết đặng cả, duy có con chó của ngài nuôi lúc xưa nay đã già quá thấy người mà biết nên ráng lết lại gần liếm tay mừng rỡ rồi thì chết luôn. Đến nơi ngài thấy mấy kẻ muốn vợ mình đều tựu tại nhà. Ngài lại nghe nàng Pénélope nói hễ ai có sức mạnh giương nổi cây cung của chồng mình dùng khi trước để lại, và có tài bắn tên cho qua khỏi vòng cà rá thì nàng mới ưng làm chồng. Trong cả đám không ai giương nổi cây cung. Ulysse cũng cứ giả người ăn mày, bước lại lấy cung giương lên như trở bàn tay, lại bắn mấy mũi tên lọt qua khỏi vong cà rá, rồi đứng ngay trước cửa đền xưng tên mình. Ulysse lúc ấy nhờ con phụ lực, hai cha con bèn bắn giết sạch tan quan vô loại. Sau rồi Ulysse bèn vô cho vợ nhìn biết, vợ chồng rất mừng rỡ yêu dấu vô cùng. Từ đây Ulysse làm chúa trong nhà, trong nước lại.

Hết

THANH-TÂN lược dịch.

VĂN CHƯƠNG NÔM

Nhị độ mai giải nghĩa (*N*° 1)

Hóa-nhi [1] thăm thẳm ngàn trùng,
Nhắc cân phước tội, rút vòng vẫnxây.[2]
Tuần huờn lẽ ấy chẳng xa,
Xem cơ báo ứng biết tay trời già.
Ngàn xưa bấy kẻ gian ngay,
Chớ đem nông nổi mà ngờ cao xanh.[3]
Trời nào phụ kẻ trung trinh ?
Dầu vương nạn ấy ắt dành phước kia.
Danh thơm muôn kiếp còn ghi,
Đề gương trong sách, tạc bia dưới đời.
Gian tà đắc chí bấy hơi ? [4]
Mắt thần khôn giấu[5] lưới trời khôn dung. [6]
Oai quyền một phút như không,
Xem bằng lửa đá, ví cùng đám mây.

*
* *

Thanh nhàn khi dựa hiên tây,[7]
Vui lòng đèn sách, nghĩ tay văn bài.
Truyện ngoài xem « *Nhị-độ-Mai* »,[8]
Nhà *Đường*[9] truyền đến là đời *Túc-tông*.
Thường-châu có kẻ thanh trung.
Bá-cao là chữ, vốn dòng họ *Mai*.
Nền trung trực, dạ trang đài,
Trời cho Văn-tướng kén tài Trạng-nguyên.
Đặc tên *Lương-ngọc* dõi truyền,
Thông minh rất mực, phương tiên[10] trong đời.
Tâm cơ vốn sẵn tư trời, [11]
Hôn nhơn đã định về nơi họ *Hầu*.
Chỉn vì ngoại lị bấy lâu,[12]
Chưa trao lễ nhạn,[13] mới đầu thiếpcanh. [14]
Mai-Công tri huyện *Lịch-thành*,
Gương trung sáng vặc, túi thanh nhẹ bồng.[15]
Cầm đường[16] ngày tháng thung dung,
Tên ngay là tiết, nước trong ấy lòng.[17]
Bấy lâu *Lư-Khỉ* tướng công,

Tuy quyền tước lớn mà phong độ hèn.
Túi tham của đút chật lền.
Dung bên gian đảng ghét bên hiền tài.
Mai-Công bấy độ quan ngoài,
Bạn bè nhờ có mấy người đồng niên.(18
Trong triều hết sức giữ gìn,
Kẻ ngôi thiêm-sự,(19) người nguyền Thượng thơ.
Kìa *Đảng-tấn*, nọ *Đông-sơ*,
Người tòa Đô-sát, kẻ tòa Hàn-lâm.
Châu toàn trung ngoại mười năm,
Bè trung chống vững, mưu thâm chớ hòng.(20)

*
* *

Một ngày huyện vụ vừa xong,
Vào trong ông mới ngỏ cùng phu-nhân.
Rằng: « ta vốn kẻ trung thần,
Trên vì nước, dưới vì dân mới là.
Ví bằng theo phụ người ta,
Uốn lưng co gối cũng nhơ một đời.(12)
Lựa là cầu cạnh chi ai ?
Chẳng trong lang miếu(22) cũng ngoài điền-viên.
Con ta trạc tuổi thanh niên,
Có gương khoa giáp, có nền đỉnh chung.(23)
Sao cho giữ được chữ trung,
Mới là hiếu tử nối dòng thơ hương.»

(Sau tiếp).

Giải nghĩa tiếng mc

(1) *Hoá-nhi*, là Tạo hóa, Trời Đất.

(2) Con người hễ làm lành thì sau gặp sự lành còn làm ác thì sau gặp sự dữ báo ứng vần xây.

(3) Trước mình làm sự gì thì sau sẽ có báo ứng, cho nên đừng ngờ trách Trời (cao xanh).

(4) Làm sự gian tà, mà đắc chí có bao lâu?

(5) Mình làm sự quấy, giấu người thì được, chớ có thế nào giấu mắt thánh thần cho được. Người ta nói mỗi người đều có 2 thần vai vác theo mà biên chép sự phải quấy của mình làm.

(6) *Lưới trời*, thiên võng khôi khôi sơ nhi bất lậu, là câu tục ngữ Tàu nói, lưới trời tuy thưa mà sự chi nhỏ mọn cũng không qua lọt được.

(7) *Hiên-tây*, là phòng ở phía tây, phòng đọc sách.

(8) *Nhị-độ-mai*, đây là nói bông mai nở 2 lần

9) *Nhà-đường*. tri vì bên Tàu từ năm 618 tới 907 sau C.G.S. qua đến đời vua Túc-tông nhằm năm 756. Vua trị vì đến năm 763. Đời ấy hay có loạn lạc.

(10) *Phương tiên*, tờ giấy vuông chỉ là nói cốt cách đều đặng lịch sự người.

(11) Bắt chước theo câu Kiều: *Thông minh vốn sẵn từ trời;*

(12) *ngoại-lị* mắc đi trấn nhậm cỏi ngoài.

(13) *Lễ-nhạn* đây là lễ *nạp-thê*, hay là *nạp-tệ*, đưa lễ sính.

(14) *Thiệp-canh*, mới đưa thiếp định ngày tốt mà cưới hỏi.

(15) *Túi thanh nhẹ bổng*, ý nói thanh liêm, không ăn hối lộ nên túi hằng nhẹ, như cỏ bồng.

(16) *Cầm đường*, là chỗ huyện đường, huyện cầm. Tích xưa thầy Mặc tử tiên hay khảy đờn cầm mà dân sự được thái bình.

Sau ông Vu mả tử kỳ cũng là học trò Đức khổng-Tử làm huyện thế nơi ấy hằng lo lắng, đêm thì nương bóng sao mà đi vãn dân sự, mình cực nhọc chẳng hề được thảnh thơi. Nhưng vậy huyện của người cũng được thái bình, dân tĩnh cũng được an cư vậy. Ngài bèn nói với ông Mặc-tử rằng: « Ông chỉ cử đờn kiềm mà dân sự đặng yên. Tôi không thấy ông cực nhọc chút nào. » Ông kia trả lời: « Tôi thì tôi dùng người khác mà làm việc, còn ông thì ông cứ đích thân đi làm: ai biết dùng kẻ khác thì có dư thời giờ ai tự lo àm mất mình thì cực. »— Ông Vu-mả tử kỳ nói: « Cái chước của tôi thua chước ông xa quá (Lấy theo Ấu-Học, thiên Thiên-Vận) Đây ý nói ông Mai-công muốn bắt chước theo cach ông Mặc tử tiên, nên huyện dân được thai bình, ma mình được rảnh rang thanh nhàn.

(17) Lấy tiết mà giữ mực ngay thẳng, lòng ở trong sạch như nước trong.

(18) *Đồng niên*, mấy người đậu khoa giáp một lược với mình.

19) *Thiêm-sự*, xưa chức quan coi dạy thái-tử.

(20) Những bè bạn trung của ông *Mai-công* thì có 4 người là *Trần-đông sơ*, làm chức Lại bộ thượng thơ, ông *Phùng lạc-Thiên*, làm chức Đô-sát viện, tả đô nghị sự; ông *Đảng-Tâm*, làm Đại học sĩ; ông *Lú phước-tề*, làm thiêm-sự. Trong thơ, người đặt thơ chỉ kể tên có 2 ông mà thôi.

(21) Tích Đào-uyên-Minh ghét sự làm quan Ngài được phong quan mà chỉ làm có 80 ngày thì từ chức, bởi có ông quan lớn chức hơn mới đến nhậm; ngài nói tham chi 5 đấu gạo mà phải uống lưng co gối dưới người.

(22) *Lang miêu*, trong trào, làm quan.

(23) *Đỉnh-chung*, giàu có.

T. T.

Chuyện cảm ứng

Với người không lòng ăn năng lại.

Ông Viên-Sùng-Tượng trong nhà không dư giả mà tánh hay cứu giúp người ta. Khi ấy, gặp cúi năm, trong nhà còn năm đấu gạo, có người bạn nghèo đến xin mượn. Họ Viên quyết lòng lấy ba đấu mà cho. Đến bữa mai, mồng một tết, ăn cháo lạc mà chịu. Vợ con phải nhịn đói, đều đem lời oán trách Họ Viên rằng: «đã cho người rồi còn ăn năn lại ích gì! Chúng bây phiền ngày tết ăn cháo, thì sánh với kẻ không có cháo mà ăn, ấy thì làm sao?»

Lại tháng mùa đông, thấy kẻ mình rần, liền cởi áo tơ mà cho. Về nhà, coi bộ lạnh run; người vợ hỏi biết cớ tích, mới cười mà rằng: mình mẩy, tóc, da, chịu của cha mẹ, chẳng dám phá hại, gọi là hiếu vậy. Nay anh để lạnh mình anh, mà thương người khác lạnh lẻo, thì anh chưa khỏi về sự lỗi không cân nặng nhẹ. Tôi có cái áo nhỏ, khá đem đi mà đổi về. Họ Viên rằng: «lấy nhỏ đổi lớn, chi bằng đừng cho. Mình ta tuy lạnh, mà lòng nghĩ vui. Nàng chớ lo chi, bèn lấy áo nhỏ bận vào.» Một ngày kia, đi vô nhà tiêu, thấy trên vách có treo một cái túi vải; trong túi đương còn sáu gói bạc lớn, ước chừng đáng ba trăm lượng. Ông mới than rằng: của với mạng liền nhau. Lúc nầy kẻ mất của, chẳng biết nông nỗi nó làm sao? Ngồi ở bên đường, chờ đến trời tối, thì chẳng thấy người mất bạc. Đem về dấu trong trắp; trước mặt người nhà, không khi nào nói đến. Bữa sau, lại đến chỗ củ mà chờ người đó; không dè mình mẩy mỏi mệt, mê mang như ngủ, thấy có ông thần bảo rằng: «người mất bạc đó, là kíp trước nó hà tiện kì cục, một đồng không chịu nới ra. Kíp nầy, nó phải làm tôi nhà quan vưng lịnh đi mua đồ, nó phản chủ, nó làm sự riêng, ăn lời ba trăm lượng bạc, toan lấy cho mình. Trời ghét nó tham, cho nên khiến nó giữa đường rớt

mất. Nó lấy của bất nghĩa mà được, rồi bỡi trong khi lật đật mà mất đi, ấy là bỡi ý trời, nó đã không trở lại, chẳng cần gì chờ nó cho lâu.»

Họ Viên thức vậy bèn nghĩ tuy là vưng lời thần nói, nhưng mà của bất nghĩa, rồi cũng không nên dùng.

Lúc ấy, gặp năm mất mùa, một đấu gạo là ba tiền, bèn mua một trăm tạ gạo, để ở bốn phía cửa thành, thí cho người ta, nấu cháo, vài bữa mà hết; còn người trong nhà, tuy hết sức đổi khác, cũng chẳng nhờ được đồng nào. Sau họ Viên sống hơn trăm tuổi, râu mày chẳng đổi, mạnh mẻ như khi còn trẻ, gặp kẻ dị nhơn cho một liều kim đơn bay lên mà làm tiên.

Mesdames, vous êtes toujours les bienvenues
AU TISSEUR
Magasin moderne de Soierie
SAIGON. — 82, BOULEVARD BONNARD, 82. — SAIGON
La meilleure qualité de tout Saigon
Les soieries suivantes sont à la portée de tout le monde:
CRÉPONS DE CAUKHO
Toutes nuances, lavables
PONGEES LAVABLES
Pour Lingerie
SATINS
Pour Robes
TUSSOR EXTRA
PRIX FIXE — PRIX FIXE
Les prix sont exactement les mêmes qu'autrefois.
La Maison se charge d'expéditions sur France avec formalités de douanes gratis.

Pour qu'on sache l'Annamite

Hôm nay, tôi mua hai ve rượu ngon, đi vô Bình-hòa đặng mà cho người anh em bạn tôi; rượu ấy là rượu ngon xứ Tô-châu thuở trước ông Tuần-Thần uống rượu đó mà say, đến đỗi bị ăn cướp lấy đồ, còn mình thì bị xô xuống sông, vợ con lại bị nó bắt làm dâu con.

May sau gương nẽ lại lành, lìa rồi lại hiệp, đến sau vợ chồng gặp nhau tại nhà ông Cao-cống, tìm đặng gốc tích quân ăn cướp, trả được hoán cừu thiệt là việc tốt lắm. Bởi đó mà coi, thì rượu nó làm hại, cho đến như vậy; cho nên vua Võ thuở xưa ghét rượu ngon mà ưa lời nói lành, là vì cớ đó vậy. Còn như tôi cho anh em bạn tôi, thì chẳng qua cho trọn nghĩa thiết tư và cho tỏ lòng mọn tôi một chút mà thôi.

Règles grammaticales. — En annamite comme en français, la proposition complétive explicative, déterminative, directe et indirecte se place après la proposition principale, excepté la proposition complétive circonstancielle: khi tôi ở Paris, tôi hay đến rap hát Phansa.

Le complément déterminatif est uni, en général, au mot complété par le mot cua (propriété), qui est son appositif, et qui doit être supprimé après un nom de personne ou de pays: Vương-quan là em Túy-Kiều với Túy-Vân.—Rượu nầy là rượu ngon xứ Tô-Châu.

Le complément explicatif est quelquefois précédé du mot *là* (être): ông Vỏ là vua thuở xưa ghét rượu ngon mà ưa lời lành là vì cớ đó vậy.— Ông Franklin, là người Américain, bày ra cây dẫn lôi, là đồ làm cho ta khỏi bị sét đánh.

Le charme de la diction Annamite

Đoái trông nhau đã cách ngằn,
Tuôn mảu mây biếc rạch ngằn
núi xanh.
Chốn Hàm kinh chàng còn
ngảnh lại,
Ngạc Tiêu tương thiếp hãy
trông sang.
Khói tiêu tương cách hàm
dương,
60.— Cây hàm dương cách tiêu
tương mấy trùng
Cũng trông lại mà cùng chẳng
thấy,
Thấy xanh xanh những mấy
ngàn dâu.
Ngàn dâu xanh ngắt một màu,
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn
ai?
65.— Chàng ừ trẩy vào nơi gió
cát,
Đêm trăng nầy nghĩ mát phương
nao?
Xưa nay chiến địa dường bao.
Nỗi không muôn dặm xiết sao
giải sầu.
Hơi gió lạnh người dầu mặt
dạn,
70.— Dòng nước sâu ngựa rán
bôn chôn,
Ôm yên gối trống đã mòn,
Nằm vùng cát trắng ngó cồn rêu
xanh,
Nay Hán xuống Bạch thành
đóng lại,
Mai Hồ vào thanh hải dồn qua.
75.— Hình khe thể núi gần xa,
Dứt thôi lại nối thấp đà lại cao,
Sương đầu núi buổi chiều
như gội,
Nước lòng khe nẻo suối còn
sâu.
Xót người áo giáp mấy lâu.
80.— Lòng quê qua đó mặt sầu
chẳng khuây.

(Chiết t ... ng Chinh phnqâm)

3e ANNÉE — Nº 117 — 14 JANVIER 1926

KHOA HỌC TẠP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1° — M. BUI-QUANG-CHIÊU, *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*
2° — M. LÂM-VĂN-HUÈ, *Commis indigène des Services Civils.*
3° — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics a Cholon.*
4° — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal de Travaux Publics.*
5° — M. NGUYỄN-KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon.*
6° — M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*
7° — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*
8° — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN, *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*
9° — M. TRẦN-VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole superieure de Commerce de Paris.*
10° — M. TRẦN-QUANG-NGHIÊM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*
11° — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*
12° — M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3,00		

MỤC LỤC

Khoa học thời đàm..... 2124
Sơ luận cách trí..... 2126
Nhị-độ-mai giải nghĩa..... 2129
Đồng thinh tương hội..... 2132
Thời sự..... 2136-2137

Khoa-học thời-đàm

Sự rủi ro về máy bay

Từ n:ày khai trương đường máy bay từ Paris qua thành Londres, mới xảy ra một sự rủi ro lần thứ nhứt là hồi máy bay mới khởi bay lên. Có một chiếc máy bay to chở hành khách mới khởi bay lên bèn lật đảo đụng nhằm một gốc cây rồi đụng luôn một cái nhà, làm cho máy bay xây trở lại, bể thùng dầu săn bắt cháy người cầm bánh và người coi máy thành thang và 2 người bộ hành, còn bao nhiêu chạy khỏi nhưng cũng đã bị bịnh, bị phỏng.

Tuy vậy nghề máy bay đưa đò cũng không khá bỏ được, vì sánh với nghề xe-lửa thì không thấy tuần ễ nào mà không có sự rủi ro về xe-lửa. Sánh với xe-hơi thì cũng thế, mà những người chết về sự rủi ro ấy cũng nhiều lắm.

Còn như nghề đò máy bay, xưa nay sự rủi ro trên không ít khi nào hấy lắm, duy có lúe mới khởi bay còn ở trên mặt đất, lúc đáp xuống mới có sự rủi ro mà thôi. Vậy thì nghề máy bay phải toan liệu chế cách thế nào mà trừ cho khỏi cái rủi ro về lúc mới cất bay và lúc đáp xuống thì khỏi cái hại về sau, chớ úc máy bay bay lên cao rồi thì không khi nào có sự rủi ro nữa. Sự rủi về úc cất bay và lúc đáp xuống là tại sân máy bay eo hẹp và không được bằng thẳng lắm.

Những nhà phi-công nay đều nhận rằng sự rủi ro máy bay là lúc còn ở dưới th:p, khi cất bay khi đáp xuống, còn bể bay cao chừng nào thì càng vô hại, càng dễ bay chừng nấy, bởi khí trời nhẹ hơn.

Vậy muốn cho khỏi cái rủi ro trong những lúc bay và lúc đáp thì sân phải rộng rải bằng thẳng mà lại phải có làm dấu riêng chi cho tỏ rõ để cho phi-công ở trên cao xa xem biết liền được. Ban đêm thì phải làm dấu bằng yến sáng cho thật tỏ rõ.

Nếu đất có gò nồng cao, e có gió thổi cảng phất đứng lên, khi máy bay, bay ngang đó bị gió thổi lên thình-lình, máy bay phải lật ngửa mà hại. Còn như gặp nơi đất hủn, triền núi thì có gió vận xuống làm như vận xoáy trốt, máy bay đi ngang đó sợ e nó hút xuống mà phải lật úp thì cũng mang hại.

Ở gần trong thành phố có cất nhà lầu cao cũng sợ cái gió vận ấy lắm. Nhưng máy bay phải đáp xuống chỗ nào vừa cho bộ hành được thông tiện vô thành phố gần mà khỏi lo cái nổi gió vận.

Lúc rủi ro ở thành Londres đã nói trên kia, nếu không có nổ nổi săn bắt cháy thì không đến nổi gì chết hết mấy mạng con người. Vậy thì cái hại cũng tại nơi cái nổi săn. Muốn tránh cái hại đó phải tìm cách thế

nào mà ngừa cho những khi có sự rủi ro, cái nồi săn khỏi vỡ cháy thì bớt lo.

Máy bay Khổng-Lồ

Lúc trước ở bên Đức-quốc (Allemagne) tại xưởng Zeppelin có đóng một chiếc máy bay cánh chiếc (Monoplan) toàn bằng loại-kim rất to tát. Máy bay ấy đóng bớt còn có 2 cây cột và bỏ hết dây chằng, cho nên ít cảng gió lắm. Chỗ để máy cũng chế lại làm cho không còn cảng gió chút nào.

Cái máy bay ấy cánh dài tới 31 thước, sâu rộng tới 3, 4 thước. Cánh ấy đóng toàn bằng duralium (là loại kim pha, 90 phần aluminium với 10 phần đồng) ở trong làm bộng. Cái sường ở trong cánh làm như hình chữ U, ở ngoài bao bằng tấm bản aluminium. Máy của nó thì để ở trong cánh ấy, người ta đi luồn ở trong cái bộng cánh được

Cái mặt chở trên máy bay ấy tính ra có 110 thước vuôn. Bề dài của cái máy bay được 16 thước cao từ dưới đất lên trên 4 thước rưỡi. Chiếc máy bay nầy nặng được 5500 kilos, chưa có để vật phụ tùng chi cả. Cân trọn có đủ vật hết thì nặng 8 ngàn kilos. Vậy thì mỗi thước vuôn chở được 72 kilos rưỡi. Có 4 máy chạy quây 4 chong chóng, mỗi máy mạnh 240 mả lực, cọng chung lại được 960 mả lực, đủ sức cho bay mau mỗi giờ 200 ngàn thước và bay cao được 4000 thước.

Máy bay ấy mỗi khi bay chở đủ dầu đặng bay đi một đường xa 500 ngàn thước. Xong rồi thì còn dư lại 1300 kilos không nữa: cho bạn bè và phi-công hết 300 kilos thì còn lại 1000 kilos dành cho 10 người bộ hành cũng đủ dư.

Đến lúc có giặc cái số 1000 kilos nầy để dành chở trái phá cũng tiện nhiều lắm. Còn máy bay đóng toàn bằng loại kim, dầu ở luôn ngoài trời năm ba bữa không đem vào trại cũng không sao.

THANH-TÂN.

SO' LUẬN CÁCH TRÍ

Loài động vật

Loài có vú (tiếp theo)

Loài cá có vú (Phoques-Cétacés).— Mấy tuần nay luận những loài có vú ở trên bờ, nay nói qua loài ở dưới nước. Tuy trước ta có nói con *rái* và con *hạm* (trâu nước, ngựa nước) ưa lội dưới nước, nhưng nó là loại ở trên bờ, cũng đi, chạy trên bờ như các thú.

Chí như con cá *đà-ngư* (phoque), con *cá voi*, *cá nược cá nược voi* (baleine, dauphin, cachalot) mới thiệt là loại có vú mà ở nước. Con cá đà-ngư, chưn cẳng đều bẹp lại tựa như cái mái dầm nên không thế đi chạy được, dầu lết trên bải cát xem bộ cũng là khó lắm, bởi cái chưn ấy nó thành như cái bơi cá. Nó là thú ở dưới nước tư niên, hay bơi lội, rược theo cá khác bắt mà ăn rất giỏi, và lanh lẹ lắm. Thuở xưa người ta ít bắt cá đà ngư, nên thấy nó ở theo bờ bải biển nước Pháp. Từ ngày người ta đi săn bắt nó mà lấy dầu lấy mỡ thì loại đà ngư kéo nhau lên trên biển Bắc-cực là nơi rất lạnh lẻo ít người lai vản mà ở. Nhưng vậy mà còn người rất độc ác, nở sắm thuyền lên tới biển đặc biển lạnh ấy mà giết con thú hiền lành đó rất nhiều. Tính như trong năm 1870, thợ đánh cá ở xứ Ecosse lên biển Bắc mà giết hơn 9 muôn con đà-ngư!— Đà-ngư có con to lớn dài đến 10 thước tây, nhưng thường dài từ 1 thước ba đến 2 thước rưỡi mà thôi.

Ở trên biển Bắc cực lại còn một thứ cá đà-ngư lớn con dữ tợn lắm, miệng nó nơi hàm trên có 2 cái răng to đâm chỉa xuống như 2 cái nanh rất dài, lấy mà làm ngà cũng tốt như ngà voi. Cá ấy tiếng tây gọi là *Morse*. lớn con, lắm khi dài đến 7 thước, Nó ở có bầy, nằm trên nước đặc mà chờ cá đặng bắt mà ăn. Người đi săn nó nhiều khi bị nó áp tới cả bầy, nhảy lên xuồng thuyền câu mà nhận chìm.

Cá voi (baleine) thuộc về loại cá có vú kêu là *cétacé*. Giống nó ở dưới nước mà thôi, không hề lên đất. Bởi vậy hễ có bị bão, sóng gió đánh tấp lên bờ cát thì phải chết mau lắm.

Nhiều người tưởng cá voi (Annam gọi là cá ông) là thật loài cá là vì cái hình dáng nó xem lại không khác gì con cá, nhưng bởi nó có phổi chớ không có mang, và cái đuôi nó thường nằm xuôi mặt theo mặt nước. Vã lại nó không có vảy như vảy cá, máu nó không lạnh như máu cá, nó lại còn cho con nó bú như thú trên bờ vậy nữa. Tuy nó ở dưới nước chớ nó phải lên trên mặt nước mà thở không khí chớ không ở hoài dước nước sâu được. Nó không có chưn sau, mà 2 chưn trước nó lại

hóa ra 2 cái bơi to. Cá voi không có răng, nhưng trong miệng nơi hàm trên đưa xuống mấy tấm đăng như răng lược vậy gọi là *fanons*. Răng ấy khít khít nhau mà dẻo dai. Những cá to vào miệng nó không qua lọt tấm răn ấy, bởi vậy nó ăn những cá nho nhỏ mà thôi. Cũng bởi trời sanh nó cái họng rất nhỏ, nếu cá lớn lọt vào thì ắt là mắc cổ chết. Cá voi to lớn có khi dài đến 35 thước, cân nặng 25 muôn ki-lô, nặng bằng 40 con voi. Người ta hay đi bắt cá voi về mà xẻ thịt lấy mỡ và lấy cái răng lược của nó để làm kèo dù, làm đồ nịt của đờn-bà, vân vân.

Cá nược-voi (cachalot) lại có một hàm răng rất dữ tợn mà bén lắm, ở tại hàm dưới. Nó cũng lớn con gần bằng cá voi, dài đến 25 thước. Đi bắt nó rất hiểm nghèo cũng như đi bắt cá voi.

Cá nược thường (marsouin, dauphin) nhỏ con, dài chừng đôi ba thước là nhiều. Nhưng mà nó có răng dữ tợn, ăn hại những cá khác rất nhiều.

(Hết loài có vú).

Loài cầm điểu (chim chóc)

(Les Oiseaux)

Loài chim là những loài có mỏ, có lông, có 2 cánh và 2 chưn.

Cái mỏ chim hình như 2 cái ống sừng bao lấy 2 hàm của nó. Lông chim không giống như lông các thú chạy khác. Chưn lông là một thứ ống bộng ghim vào da thịt ngoài thì là cộng đặc, 2 bên có 2 hàng lông nhỏ mềm như bông kêu là *râu* (barbes), râu ấy lại có thêm râu nhỏ nhỏ nữa kêu là *barbettes*, râu nầy có khi lại còn thêm thứ sợi nhỏ nữa kêu là *barbules*, như lông ngỗng lông vịt kia vậy. — Cánh chim có thứ phải mạnh lắm cho nên nó mới quạt cánh bay đi được. Có thứ chim to lớn như lạc-đà điểu mà cánh rất nhỏ nên bay không được, duy có tài chạy thì giỏi, chớ không bay lên khỏi đất được. Có thứ chim lại dùng cánh để mà bơi lội dưới nước như le le, bồng bồng, vân vân.

Hết thảy các loài chim đều đẻ trứng; có nhiều thứ hay làm ổ mà đẻ. Trứng chim có 3 phần, là một *lớp vỏ*, một lớp *tròng trắng* và một lớp *tròng vàng*, ta lại kêu là *tròng đỏ*. Đập một cái trứng gà ra mà để trên dĩa thì ngó thấy nơi giữa tròng đỏ nó có một đốm trắng trắng, ấy là cái *mộng* nó (germe). nhờ có mộng đó mà sau nó hóa sanh ra con, lần lần lớn lên ăn lấy tròng trắng tròng đỏ mà sống.

Chim con trong trứng khi mới nở ra có thứ còn yếu lắm, không có lông, không mở mắt, không đi đứng được, vi như con bò-câu, cùng là mấy thứ chim bay giỏi. Có thứ vừa mới nở ra thì đã đủ lông, đủ cánh, đi chạy rất giỏi như con gà con. Thứ lại vừa ra khỏi trứng đà biết lội, như vịt con.

Thường thường trứng đẻ ra *thì* con mẹ phải ấp cho có hơi ấm nó mới nở. Nhưng người ta cũng biết thế dùng cái hơi ấm mà làm cho trứng chim nở được. Họ dùng cái *đồ ấp* (couveuse) mà làm cho nó nở.

Chim cũng có nhiều loại lắm: có thứ *chim bắt mồi thịt* mà ăn (oiseaux de proie), có thứ *chim leo* (grimpeurs), chim *loại bò-câu* (pigeons ou colombes), chim *loại gà* (gallinacés), chim *cẳng cao* (échassiers), chim *hay chạy* (coureurs), chim *cẳng-đinh* (palmipèdes) và những chim *mỏ cụt* (passereaux), chim mỏ cụt có thứ mỏ to, thứ mỏ nhỏ.

Lòi chim bắt-mồi.
(*Oiseaux de proie*)

(Sau tiếp)

THANH-TÂN

SU'Ả CHỖ SÁI

Kỳ số 116, nơi bài « Nhị-độ-mai giải nghĩa » ẩn công sắp lộn câu thứ năm đem lên câu thứ ba, còn câu thứ ba đem xuống câu thứ năm, vậy xin độc giả sửa lại.

Tiếp với câu thứ nhì :

Ngàn xưa bảy kẻ gian ngay,
Tiếp với câu thứ tư
Tuần huờn lẻ ấy chẳng xa.

K. H. T. C.

B. B.

Nhị độ mai giải nghĩa

(N° 2) (Tiếp theo)

Những là vui chuyện nội đường,
Sảnh ngoài (24) bỗng có hai chàng báo tin.
Mai công phụng chỉ thăng thuyên, (25)
Chiếu trời mây vỗ, ân trên mưa nhuần
Triều ban dự bực quan thân, (26)
Lại khoa cấp sự (26) giữ phần gián quan.
Tin đâu khêu tấm trung can,
Một hai quyết hẳn trừ gian hội nầy.
Truyền làm tiệc rượu vui vầy,
Dặn dò gia sự, định ngày khởi thân,
Tàn tàn chén cúc (2) vài tuần,
Đòi công tử với phu nhơn dạy lời.
Rằng: «Bấy lâu những ở ngoài,
Dạ nầy tấm tức với người quyền gian.
Rày vưng đài gián thăng quan,
Phen nầy ta quyết cả gan phen nầy.
Bây giờ một dở một hay,
Hiệp nhau nào biết có ngày nữa, thôi. (29)
Cũng đừng theo đuổi lôi thôi,
Mẹ con sớm liệu về nơi quê nhà.
Điền viên vui thú nông gia
Tiện con đèn sách, ấy là lẽ nên.
Ví dầu giải kiết (30) có tin,
Bảo nhau sớm liệu tìm miền ẩn thân.
Chờ cho thiên địa xây vần,
Sẽ toan tính với thù nhân sau nầy.
May mà vua chứng lòng ngay,
Đoàn hồ lủ thỏ một ngày quét thanh.
Bấy giờ phu quí thê vinh,
Đưa tin sẽ đón thăng kinh cũng vừa. »

*
* *

Tân bằng mừng rỡ chật nhà,
Tiếp thù ông bận những là hàn ôn. (31)
Phu nhân nữa lệ nữa buồn,
Đòi công-tử lại mẹ con bàn hoàn.

Rằng: « Nghe như bố con bàn. (32)
Trận nầy quyết với quyền gian đối đầu.
Xẻ đoàn phụng (33) một chắc đâu?
Cái lo nầy để về sau tày trời. »
Nghe rồi công-tử thưa lời:
« Thế rằng cái đạo làm tôi mới là.
Nhà uyên (34) xin chớ lo xa;
Hễ trời có mắt thì ta lệ gì?
Hảy cho vẹn tấm trung nghì,
Vinh khô đắc tán, sá chi cuộc đời? » (35)
Ông vừa xong việc khách ngoài
Bước vào trong, bỗng nghe lời con thơ.
Vuốt râu cười nói lui ra,
Khen rằng: « ấy thật đại gia con nòi.
Trẻ thơ biết đạo làm tôi,
Gương trung hiếu, lấy một lời mà suy.
Chẳng sai hổ phụ làn nhi,(36)
Khéo thay tánh trẻ cũng y tánh già. »

Giải nghĩa chữ mắc *(Tiếp theo)*

(24) *nội đường, sảnh ngoài*, nhà trong, nhà ngoài. Nhà trong để cho người trong nhà, sảnh ngoài để làm phòng tiếp khách.

(25) *thăng thuyên*, thăng chức thuyên bổ về trảo (nơi khác).

(26) *Dự bực quan thân*, theo hàng các quan thân, có buộc dây đai

(27) *Lại khoa cấp sự*, chức vua ban coi xét lục bộ thượng thơ.

(28) *Chén cúc*, rượu cúc, rượu có chưng bông cúc cho có mùi cúc.

(29) Không biết có ngày nào còn hiệp nhau lại nữa hay thôi.

(30) Như có được tin hung kiết thể nào.

(31) *Thù tiếp hàn ôn*, tiếp rước nhau, thù tạc nhau, hỏi thăm nhau sự mạnh giỏi thể nào. Hàn ôn nghĩa là lạnh nóng.

(32) *Bố*, tiếng Bắc kêu cha là bố. Nghe như cha con bàn.

(33) Phụng hoàng, thuộc về tứ linh. Sách *Sơn hải-kinh* nói: Phụng hoàng là chúa các loài chim, phụng là chim trống, hoàng là chim mái. đều ở núi Đơn-huyệt. Lông nó đủ ngũ sắc, mỏ nó như mỏ chim trĩ, con mắt giống mắt người, cổ rắn, hàm én, lưng rùa, đuôi cá. Tiếng nó kêu đủ ngũ âm, Bề cao nó 6 thước mộc đậu thì chỉ đậu cây Ngô-đồng, ăn thì ăn hột tre, uống nước suối trong mà thôi. Hễ nó hiện đậu nơi đâu,thì các chim khác cũng đáp theo nơi ấy, cho nên gọi nó là chúa loại cầm (chim). Người ta

sánh việc vợ chồng đi ở có nhau không rời, cũng như chim Phụng-hoàng. Ý câu nầy nói không chắc vợ chồng có phải phân rẽ nhau không.

(34) *Nhà uyên* (huyên đường) chỉ là mẹ. Sánh người mẹ như cỏ uyên, cũng kêu là *lộc-thông* (hành hưu) hay là *vong ưu thảo*, nghĩa là cỏ làm cho quên sự ưu sầu, buồn bả. Sách *Bác vật chí* nói, hễ ai ăn cỏ uyên thì trong lòng được vui vẻ mà quên hết sự buồn. Đờn bà có thai, đeo bông cỏ đó nơi dây lưng thì chắc có con trai, cho nên cũng kêu là cỏ *nghi-nam*. Vì thế cho nên mới gọi người mẹ là *uyên đường*.—Người cha thì gọi là *Thung đình*, sánh như cây Thung, là cây sống lâu năm, nói trong núi có một cây thung sống đến 8 ngàn năm. (Những cây ấy đời nay không ai ngó thấy.)

(35) Dầu được vinh vang, hay nghèo khổ, đắc thời hay là tán gia thì có cần chi là cái cuộc đời. (Không kể gì).

(36) *Hổ phụ, lân nhi.*— Hổ phụ sanh hổ tử, long mẫu xuất lân nhi.

Nghĩa là con nòi cháu giống. (Cha cọp sanh con cọp, mẹ rồng sanh con lân..)

T.T.

(*Sau tiếp*)

ĐÈN KHÍ VÀ ĐỒ PHỤ TÙNG ĐÈN KHÍ

măng-sông hiệu « WIZARD »

dầu lửa, đứng treo các kiểu

BAN SỈ VA BAN LẺ

Tại cửa hàng

TRẦN-QUANG-NGHIÊM

200, d'Espagne. — SAIGON

Đồng thinh tương hội

Một cuộc đá banh rất lớn

Trên Cao-mên-quốc mấy năm sau đây cuộc thể tháo cũng phát đạt chẳng thua chi Nam-kỳ, bởi vậy kỳ tranh chức vô-địch mới rồi đây thì gần mười hội thể tháo dự tranh. Trong mấy hội ấy có hội thì toàn người Cao-mên, có hội toàn người Annam, có hội chung lộn người Pháp, người Annam, và người Cao-mên.

Ngày 25 Décembre 1925 hội Annam «Union sportive de Pnompenh» thắng hội lai « Oriental club » được rồi nên lảnh chức vô-địch về nghề đá banh tròn trên xứ Cao-mên.

Ở Nam-kỳ có hội Annam là hội « l'Etoile de Giadinh » thuở nay lảnh chức vô-địch nhiều lần, công chúng ai cũng khen mến tài hay của chiến tướng. Từ năm ngoái đến nay người làm đầu trong hội thấy Nam-kỳ thể tháo tổng cuộc hiếp đáp khinh bỉ mấy hội Annam, nên tách ra mà lập Commission Interclub Annamite đặng kiếm thế mà giúp cho mấy hội nhỏ của Annam tân phát, ngỏ hầu luyện tập gân cốt cho dẻo dai, mà lại khỏi bị người hiếp đáp khinh thị nữa. Nhờ có sự bất hòa ấy ngày nay Annam ta mới có một cái sân banh tốt ở đường Mayer và mới có nảy ra hơn 10 hội Annam, trước đã tranh đấu giành « hình đồng Khoa-Học-Tập-Chí » rồi sau nầy còn đương tranh chức vô-địch nữa.

Hội l'Etoile de Giadịnh ra khỏi Thể-tháo Tổng-cuộc rồi danh tiếng càng lừng lẫy tài hay càng chói rạn, vì mấy lần đá chơi với Ăn-lê thì chưa hề thua một lần nào.

Người làm đầu hội « l'Etoile de Giadinh » vừa nghe hội « Union sportive de Pnompenh » là hội Annam mới giựt được chức vô-định tại Nam-vian danh tiếng lẫy lừng liền đánh dây thép mời xuống Saigon đấu sức tranh tài cho công chúng xem chơi. Hội « Union sportive » đến bữa 28 Décembre thì trả lời hứa chiều thứ bảy 2 Janvier 1926 sẽ đấu tài tại sân « l'Etoile de Giadinh ».

Chiều bữa 1er Janvier có một cái xe hơi lớn chở gần 20 chiến-tướng xuống tới Saigon lại có M. Giàu là Hội-trưởng, M. Nguyễn phước-Sâm thơ-ký phòng-văn quan Đốc-lý Thành-phố Nam-vian, M. Sửu, quan Chủ-sự sở Thương-chánh, M. François Nguyễn-tá-Lý sở Tạo-tác, M. Giày Thông-ngôn sở Mật-thám cùng nhiều vị khác nữa ngồi bốn năm cái xe hơi nhỏ mà đi theo.

Bàn trị sự Commission Interclub Annamite tiếp rước để ở nhà hàng « Đông-pháp-lử-quán » của Annam, rồi mới dự tiệc tại nhà hàng « Cửu-

long-Gian » cũng của Annam.

Buổi sớm mai ngày 2 Janvier thì người làm đầu cùng chiến-tướng hội « Union sportive » đi dạo Thành-phố Saigon Cholon chơi cho khỏe khoắn. Commission Interclub Annamite có phái người theo hầu chuyện hoặc chỉ đường luôn luôn. Trưa bữa ấy dùng cơm Annam rồi chiến-tướng nghỉ.

Lúc ba giờ chiều tại sân banh « l'Etoile de Giadinh » treo cờ hực hở, công chúng mua giấy kéo nhau vô sân giập-giều, còn các nẻo đường lên sân banh thì đường nào xe chạy cũng rần-rần, người ta đi như nước chảy, vì công chúng Saigon, Cholon Giadinh phần nhiều đều mộ đá banh nên ai cũng quyết đến xem hai hội vô-địch tranh đấu.

Ba giờ 45 phút thì xe hơi chở chiến-tướng « Union sportive » vô sân, bốn phía thiên hạ đứng coi đã chật hết. Chiến tướng l'Etoile de Giadinh rải rát vô lần lần ; đến bốn giờ một khắc hai bên hiệp nhau đứng trước khán đài mà chụp hình, bên Union sportive bận áo vàng vẳn đen, còn bên l'Etoile de Giadinh bận áo trắng mà cũng vẳn đen. Lúc ấy công chúng đứng xem bốn phía sân dày năm bảy lớp, nếu kể cho hết chắc trên số năm sáu ngàn người. Trong ấy thấy có quan Bác-vật Lưu-văn-Lang, quan Lương-y Trần-văn Đôn, lại cũng có người Pháp đông nức kể không xiết, Người Annam ai thấy công chúng yêu mến hội thể thao Annam nên đến xem đông như vậy, thuở nay chưa từng thấy cuộc đá banh nào đông bằng, thì củng khấp-khởi vui mừng, bởi vì có như vậy các bợm đố ký hội l'Etoile de Giadinh kiếm đều nói xấu cho hội, và các bợm bợ-đở mà lượm xương, coi một cái xương của chúng quăn quí hơn danh dự của toàn thể Quốc-dân mới biết hổ ngươi, mới biết nhục nhả.

Đúng bốn giờ rưỡi M. Tramat là Capitaine hội Stade Militaire ở Saigon, lãnh làm giám-cuộc, người thổi sip lê hai bên chiến tướng dàn ra, hội Union sportive bắt nhằm phía đường Mayer nên bị chói nắn, còn hội Etoile de Giadinh bắt nhằm phía đường Champagne khỏi bị mặt trời.

Chiến tướng hai bên sắp như vầy :

Bên Union-sportive

Mourtiramen Heng Lợi Chuối Mạnh
Muối Dong Hon
Chia Lái
Ngà

Bên l'Etoile de Giadinh

Tài Xuân Giỏi II Thi Danh
Qúi Trung Hà
Xường Giỏi I
Của

Bên Union sportive đá trước. Lợi hất banh qua cho Heng đem xuống bị Hà chận lại giao lên cho Danh chạy riết xuống rồi đá ngay vô cữa thành, trái banh đụng cây ngang ở trên rồi lọt ra sau.

Đem ra đá lại, Chia đá lên Lợi bắt được đem xuống giao cho Mạnh rồi Mạnh lừa xuống tống vô cữa

thành song đá mạnh một chút nền banh vọt ra ngoài.

Từ đó về sau hai bên qua lại như nhau, cách đá giống nhau, cách chuyền banh, chận banh, đội đầu đều in nhau, hễ ai được banh thì giao liền cho người khác chớ không lừa, Bên Etoile de Giadinh thì Thi với Danh hay lắm, song phía tay trái Tài không đá một cái nào hết, để chúng lấy banh hoài, còn Xuân thì nhút nhát nên mất ăn hai ba lần. Hàng tiếp ứng thì Hà bợ ngợ không bằng mỗi lần trước, bởi vậy công chúng tiếc Phú, Khuê và Tám. Các chiến-tướng khác cũng bay như xưa nay nên chẳng cần phải khen.

Còn bên Union sportive, hàng tiên phuông đều sức, nhưng vì bị Trung, Quí bên nây giử chặc ba người giữa khó xuống mà Mạnh cũng khó thoát. Chiến tướng đồng sức nhau nên đá coi hay hơn bên kia, nhứt là hai tướng hậu tập thiệt là đáng địch thủ với Xường Giỏi I lắm. Có một lần Xuân đá ngay vô cữa, Ngà ôm được vừa muốn đá bổng thấy Giỏi Thi xông tới nên phải quăn corner.

Đúng nửa giờ hai bên nghĩ uống nước mà chưa phân thắng bại. Tuy hai bên đồng sức, không bên nào lấn bên nào được, song ai thấy Tài lôi-thôi và Hà nhút-nhát thì cũng sợ nửa giờ sau Etoile de Giadinh phải thua. Chẳng dè khi ráp vô đá lại, Thi lấy banh giao xa cho Danh rồi Danh riết xuống đá qua cữa thành, may có Lái lẹ-làn tống lên khỏi chớ không thì khó chịu.

Từ ấy hàng tiên phuông bên Etoile de Giadinh trừ tài ra còn 4 người kia chuyền nhẹ-nhẹ mà sà dưới đất hay lắm nên banh ở bên nghịch thường hơn, Chia với Lái thiệt là hay mà Ngà thủ thành cũng tỉnh nên nhiều dịp nguy cấp tránh khỏi hết. Nửa giờ sau Hà bên nây cũng rán sức ngăn cản nên Heng ít xuống được.

Cách chừng 10 phút Danh được banh chạy xuống rồi chuyền cho Thi. Thi lại giao ngang qua, Xuân thừa thế trước mặt không ai cảng mới tống banh vô goalf, ăn được một bàn. Etoile de Giadinh ăn được rồi càng hứng chí nên hâm hở lắm; có một lúc Heng được banh chạy riết một mình qua khỏi Xường Giỏi I rồi ai cũng tưởng gở được, may nhờ Của xông ra xa mà đá banh văn trở lên. Cách chẳng bao lâu, Lợi được banh đá vô rủi trúng cây trụ đứng, banh dội lại rồi Xường cứu nữa.

Còn chừng 5 phút, Danh được banh lừa xuống rồi đá vô thành. Ngà đá ra rủi gặp Trung xông tới đá trở lại nhằm trước thành cho Giỏi II đội đầu vô goalf. Union sportive thua 2 bàn cho đến mãng giờ mà không gở được.

Nhạt Tân-Đinh thổi kèn mừng hai hội rồi M. Thơm là Hội-trưởng Commission Interclub mời chiến tướng hai bên tựu trước khán đài thưởng Etoite de Giadinh một cái bình bông của chư qui thầy Đông-Pháp ngân hàng tặn và thưởng Union sportive hai cái coupe bằng bạc khảm vàng của Commission Interclube Annamite thưởng. Công chúng vỗ tay khen ngợi rồi chiến tướng hai bên đồng lên xe hơi về hội quán Etoile de Giadinh mà uống rượu sâm-banh và trò chuyện

chơi. M. Coste là Tổng lý báo Echo des sports nhơn dịp ấy Mới tỏ lời khen ngợi cuộc thể tháo của Annam.

Tối bửa ấy Commission Interclub thiết tiệc lớn tại nhà hàng Cửu-long-gian mà đải chiến tướng hai bên và chư vị trị sự mấy hội thể-tháo Annam, chủ khách cọng lạc kể hơn 70 người, chén thù chén tạc, mặn nghĩa nặn tình đến nữa đêm mãng tiệc rồi hội lại mời hết đồng-bào trên Nam-Van đi xe hơi lên Thủ-Đức vui chơi tới sáng mới nhớ lại dắc nhau trở về Saigon, rồi lối 10 giờ rưỡi đưa anh em hội Union sportive về Nam-Vian.

Công chúng ao ước sao mấy hội thể-tháo Annam trển Nam-Vian và dưới Saigon hội hiệp mà đấu tài với nhau được thường thường như vầy hoài thì cuộc thể-tháo của Annam mới mau tấn phát, mà tình ái chưởng mới được thêm khắn khích. Tuy lần nầy hội Union sportive thua, nhưng mà cách đá chẳng hề kém hội Etoile de Giadinh. Vậy đồng bào ta trên Nam-Vian chớ nên thấy thua mà buồn, thua mà danh dự vẹn toàn thua mà ai cũng khen ngợi.

Công chúng Saigon nghe nói có một người Annam phản bạn đi theo đầu hội nghịch của mình xưa nay có đến Đông-Pháp Lữ-quán mà viến Hội-trưởng hội Union sportive và năn nỉ xin ở lại đặng chiều chúa-nhựt đấu chơi với một hội lai người Pháp với người Annam ở Saigon. Ông Hội-trưởng hội Union sportive đáp rằng: «Chúng tôi là người Annam, dầu ở xứ Mên-man song cũng còn máu Annam, không lẽ chúng tôi vong bổn. Vã nay hội, Etoile de Giadinh là hội Annam mời chúng tôi xuống đá chơi, nếu chúng tôi ở được thì ở mà đá với hội Etoile de Giadinh mà thôi. Trên Nam-Vian có đủ thứ hội, nếu ông thuộc hội Pháp thì mời hội Pháp ở trển xuống mà đá, nếu ông ở trong hội lộn người Pháp với Annam thì mời hội lại ở trển xuống mà đá, chớ anh em chúng tôi là Annam nếu muốn đá chơi với hội Annam mà thôi»

Người Annam phản bạn lãnh đi mời đó sượng sùng nên lật-đật từ mà đi. Vậy mà đã biết xấu hay chưa?

THỜI-SỰ

SAIGON

Già mà còn diện quá

Không lạ gì con người ở đời, dầu đờn-ông đờn-bà gì phần nhiều cũng ham chưng diện lắm. Song dẫu thế nào thì cũng là lúc còn thanh-niên thiếu-ngại, chớ hễ già rồi thì thủ phận an nhàn, dẫu quần bô áo vải miễng che kín cái thân là đủ.

Thế mà vừa rồi đây có tên Trần-v-Chi, 42 tuổi, cu-ly làm vườn nhà ở tại đàng hẽm Rousseau, đã già rồi mà xem ý cậu ta còn ham chưng diện quá; thừa dịp bèn lỏn vào nhà của Mme R... ở tại con đàng Richaud số 46, chẳng lấy đồ đạc chi cả thảy, chỉ chọt có một bộ-đồ pyjama bằng hàng giá đáng 12 đồng, của Mme R... để dành bận ra vô trong nhà, thôi! Ấy đó nghĩ coi có phải là cậu nầy còn ham chưng diện hay không? Nhưng mà theo như cái bộ tướng của cậu đó bận cái bộ-đồ ấy vô ai mà coi cho được. Thật là cách muốn chưng diện cũng chướng đời.

*
**

Vì thương vợ phải liều

Phạm v-Bo, chuyên nghề kéo xe-kéo, ở tại đàng Chasseloup-Laubat, nhà thì nghèo chi để, làm không đủ mà ăn. Vậy mà có người vợ thật nghiệt quá, thấy ai ăn mặc cáigì cũng muốn, nhứt là chị ta thích chí cái áo « tố » hơn hết. Nên nhiề u khi cứ than-thỉ với chồng hoài, ước làm cho có. Nhưng nghèo quá biết liệu làm sao, còn nếu không có thì e vợ buồn lòng thì rất tội ngiệp lắm. Túng thế, một hôm chàng ta ráng lỏn đến nhà của cô Tran-thị-Ky, ở đàng Frères-Louis. thừa lúc vắng, bèn rút hết một cái áo « tố » giá đáng 17 đồng, ấy là cái thứ hàng mà vợ chàng ta bấy nay hằng để dạ ước-ao đó.

Rút được rồi, để bước đi ra. mau mau đem về, thật cùng nhau chi xiết nỗi vui mừng. Song rồi đây chừng đến ngày lính thộp, chẳng biết vợ có ra mà chia giùm nỗi thảm ấy hay không; hay lấy con mắt mà ngó mà cười, chê rằng thằng chồng dại mới hại dữ đa. Thương sao thương lạ thương lùng!

*
**

Xe-hơi giỡn với xe-điền

Hồi sớm mai ngày hôm qua, chuyến xe-điền số 42, vào lối 7 giờ 45, vừa bỏ ga Catinat đặng chạy ra ga Chợ-mới Saigon. Dè đâu mới đến con đàng Bonnard, gặp phải cái xe-hơi số 5846 hiệu « Roland Pilaire » ở trong con đàng nhỏ sở Tạo-tác (Trường-tiền) chạy ra. Thì có lạ gì cái thứ xe-điền, ngày nào lại không có chạy ra chạy vào mấy mươi chuyến. Thế mà xe-hơi vừa ló ra trông thấy lấy làm mừng, chẳng kể gì là sức mình yếu-ớt, bèn đâm sầm xong đại tới, kê mũi hun đùa cái toa xe đầu, ấy là cố ý giỡn chơi đa. Có

dè đâu vì một sự vui mừng giỡn chơi đó mà làm hại cái bàn đạp để bước lên leo xuống của xe-điền phải hư hỏng chút ít.

Nghe rằng cái xe-hơi nầy đây của M. Trần - quang - Nhiêu ở Rạch-giá. Đoạn sau khi cuộc giỡn chơi nầy rồi, vừa chủ vừa sốp phơ xe-điền giận nên bỏ xe chạy tuốt.

Thật xe-hơi chơi lạ lùng quá. Trong thế ở Rạch-giá lâu ngày đến Saigon, nên xe-hơi ta vừa thấy liền mừng; bỡi quá mừng nên sanh rủi?

*
* *

Đem của ra bỏ giữa chợ

Cô Truong-thị-Son, không có làm nghề nghiệp chi, vì chắc là nhà cũng có ăn, ở tại con đàng Bourdais số 121. Hôm rồi đây có đi chợ, cô mua đồ ăn, nào cá thịt, nào rau cải ê-hề. Đoạn khi xong xuôi rồi cô lững-thững để bước ra về. Thật về đến nhà mệt cha chả là mệt, chơn tay gì cũng đều mỏi rụt, đã vậy lại còn thêm hai cái lỗ tai nó lùn-bùn khó chịu quá, cùng bởi vì đi ra chợ đông, lớp thì đằng nầy mấy chú chệc chặt thịt nghe bốp-bốp, đằng kia mấy chị bán cá chưởi rủa tưng bừng. Vì vậy nên khi cô về rồi bỏ đó để đi nghỉ ngơi một lát cho khỏe đã, chớ chẳng vội gì. Đoạn cô ngồi lại rót một chung trà vừa thổi vừa uống chấm chút, cô tính đi tính lại nào những vật thực của cô mua, món nào rẻ món nào mắt, tổng cọng lại là bao nhiêu. Chửng cô mới móc tiền bạc trong túi ra xem.., húy mèn ơi! Cái gói giấy đựng 20 đồng bạc với hai miếng mề-dai-dong (médaillons) đâu mất rồi! Cô ngồi lưỡng lự một hồi, mới sực nhớ lại: à à, nói vậy mình bỏ quên ở ngoài chợ rồi; trời ơi! Mà bây giờ đâu có nhớ bỏ quên tại hàng nào mà ra tìm lại. Ôi! Cái thời vận nó xui xẻo làm sao!

Cô than thở vậy rồi coi ý cô buồn nghiến, đoạn cô lần lần đi cớ bót chớ làm sao bây chừ! Thật nghĩ rủi ro quá lẽ, làm thế chẳng khá nào đem của ra mà bỏ giữa chợ đặng đi về. Thảm thay!

MARQUE

DÉPOSSÉE

ĐỀU LƠ'I CHO QUÍ VỊ

LÀ MUA THUỐC MEN

NƠI NHÀ THUỐC

Grande Pharmacie de France

Tại Đường d'Ormay,
môn bài số 84-90, ở Saigon

Mỗi món thuốc đều tính giá phải chăng

Maurice BARBEROUSSE

Pharmacien de 1re classe

Ancien Interne des Hôpitaux de Paris

3e ANNÉE — Nº 118 — 21 JANVIER 1926

KHOA HỌC TẠP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1° — M. BUI-QUANG-CHIÊU, *Ingenieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*
2° — M. LÂM-VĂN-HUỀ, *Commis indigène des Services Civils.*
3° — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics a Cholon.*
4° — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*
5° — M. NGUYỄN KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon.*
6° — M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*
7° — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*
8° — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN, *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*
9° — M. TRẦN-VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole superieure de Commerce de Paris.*
10° — M. TRẦN-QUANG-NGHIÊM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*
11° — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*
12° — M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3,00		

MỤC LỤC

Khoa học thời đàm..... 2140
Văn minh đời thượng cổ..... 2144
Nhị-độ-mai giải nghĩa..... 2147
Y-khoa..... 2151
Annam thể tháo tổng cuộc..... 2153 2154

Khoa-học thời-đàm

Máy bay không người

(*Avion sans pilote*)

Đời càng văn-minh thì người ta lại bày chế ra nhiều vật cơ xảo lạ lùng. Thuở nay thuyền bè đi đâu cũng phải có người cầm bánh coi máy; từ ngày bày ra vô tuyến-điện (T.S F) thì lại có nào là tàu không người coi máy mà chạy, nào xe hơi không người cầm bánh mà đi như thường, đến máy bay đi trên không cũng không người mà lại day trở đi phía nào cũng được, tùy ý có một người coi cái máy vô tuyến điện mà thôi.

Máy bay không người thì đã có kẻ nghĩ đến rồi từ hồi năm 1910. Ý nghĩ ra máy bay không người đó lại là ý của ông Branly người nước Pháp là người đã bày ra được vô tuyến điện. Lúc ngài diễn thuyết tại Trocadéro, ngài thí nghiệm những cách sai khiến máy mốc ở cách xa bằng vô tuyến điện cho thiên hạ coi. Ngài coi một cái máy chánh vô tuyến điện mà làm dấu cho các máy ở cách xa chạy được. Như ngài khiến cho pháo nổ; làm cho một cái máy chạy đi được và cho đi mau hoặc đi chậm được, ngài đốt đèn rồi tắc đi, thảy đều được cả, mà không cần phải có dây thép chi hết.

Đến năm 1910, có ông Gabet thiệt hành được cái ý đó và cho thử một cái thủy-lôi có để máy vô tuyến chạy đi từ trong bờ ra ngoài biển được.

Bây giờ người ta lại dùng vô tuyến điện mà sai khiến cho máy bay bay đi được, đã thí nghiệm tại Villacoublay. Bên Huê-kỳ người ta đã thí-nghiệm nhiều lần, bây giờ tàu bay đi chẳng cần ai coi máy coi bánh. Một người đi một

chiếc máy bay chánh ở sau xa có thể sai khiến cả một đoàn máy bay ở trước, muốn cho bay đi phía nào cũng được.

Máy bay khổng-lồ của ông Caproni

Lúc trước ông bác-vật người nước Ý là ông G. Caproni đã chế ra nhiều đều hay cho nghề máy bay trong lúc giặc, sau lại bày ra đóng một chiếc máy bay thật to, chở nổi đến một trăm người hành khách. Ấy mới thật rõ là một *chiếc tàu bay*.

Chiếc tàu bay ấy làm khác hơn mấy thứ máy bay thường. Cánh của nó sắp hàng ba (triplan) từ trước ra đến sau là 3 hàng. Tàu bay ấy lại làm cách đi đáp trên mặt nước được. Lúc mới thử thì thử tại mặt biển hồ Majeur.

Tàu bay ấy có một cái lường to dài, trong ấy để chứa bộ hành, làm như cái lường tàu có thể xuống nước nổi được; trên có 3 hàng cánh; nơi chính giữa 3 hàng cánh có làm 2 cái con-quay (fuselages) hẹp cho dính liền 3 hàng cánh trong ấy có để 4 cái máy 2 cái trước hai cái sau. Cách 2 cái quay ấy lại còn có 2 cái lường hình mình cá, cũng một cái trước một cái sau, trong mỗi cái lường thì có để 2 cái máy, thành ra hết thảy có 8 cái máy chạy quây mỗi cái một cái chong chóng (8 hélices). Mỗi cái máy sức mạnh 400 mã lực, tính chung lại thì sức mạnh tới *3200 mã lực*.

Tàu bay nầy không có cái đuôi, muốn bẻ bánh day trở thì nhờ có 18 cái cánh con để liền dài theo phía sau hàng cánh chót.

Phòng tàu bay chia ra làm 2 ngăn. Ngăn phía trước để cho phi-công và bạn tàu bay, ở phía sau thì để những hàng ghế dựa cho một trăm người hành khách.

Tàu bay lúc còn trống không thì nặng đến 15000 kilos, chở nổi thêm được 10000 kilos nữa được.

Cánh nó rộng được 33 thước, sâu 2 thước 75, bề dài có 24 thước. Sức bay mau nó mỗi giờ bực trung được 140 ngàn thước; mỗi giờ hao đến 500 kilos dầu săn. Dầu chở theo đủ bay trong 850 ngàn thước mà chở đủ 100 người.

Rủi thay! Lúc thử xông rồi để trong trại bị hỏa tai cháy hư hại hết nhiều. Tuy vậy tàu bay to chở được trăm người cũng đã thành, đã kết quả rồi.

Một chỗ máy bay đậu trên trời rất lạ

Người Ăn-lê mới đóng rồi một chiếc tàu bay R-101 có thể chở theo được 6 chiếc máy-bay lẹ, để khi lên trời có việc tuần tiểu hay có việc chi thì nó bay ra, khi nào xong phận sự thì trở về đeo vô tàu-bay ấy mà đậu.

Dưới lường tàu bay và trên cánh máy bay có làm máy có móc, hễ muốn bay ra thì cho máy thòng dây móc cho thòng máy bay xuống, chừng nào bay thì cho hay, ở trên tàu bay bèn mở móc thì máy bay cứ việc bay luôn. Chừng trở về thì trên tàu bay thòng móc xuống, cho cái móc hở ra, người đi máy bay cho máy ngay lại cái móc, làm thế nào cho móc dây ngay với các móc để trên máy bay, ngay phía trên chong chóng, đặng cho cái móc liền nhau mà móc lại. Chừng ấy trên tàu bay cứ việc kéo dây lên mà đem máy bay vào, đeo dưới cái lỗ lường tàu bay.

Sự rủi ro về xe lửa với máy bay

Trước đã nói sự lợi về máy bay nên ngày nay bộ hành đi máy bay rất nhiều mà sự rủi ro thì rất ít. Tuy vậy sự rủi ro về cách đi nào cũng phải có. Đường đi trên bộ thì có rủi ro về xe, hơi xe ngựa, xe lửa; đường đi thủy thì có sự rủi về sóng gió, chìm tàu, hoặc đụng nhau, thì đi máy bay lẽ nào cũng phải có sự rủi. Nhưng sự rủi về máy bay sánh với các sự rủi khác thì không có bao nhiêu.

Mới đây có xảy ra 2 đều

mới biết rằng máy bay có chỗ tiện hơn. Như hồi ngày 15 tháng năm tây năm 1921 có hai sự rủi ro rất nặng, là xe lửa đường Paris đi Toulouse bị trật đường rầy cách nhau trong vài giờ mà thôi. Sự rủi ấy làm chết hết 12 người, bịnh 30 người, mà có 10 người rất nặng.

Còn trước bữa ấy, đường máy bay đi từ Londres qua Paris máy bay bị liệt máy phải đáp xuống đồng, bị rủi gảy hết cánh. Nhưng vậy mà không có một người nào bị bịnh cả, hàng hóa cũng chẳng có hư hao.

Vậy thì nghề máy bay rất tiện lợi cho bộ hành cùng nhà thương mải hơn là nghề đưa hành khách cách khác.

T.T.

SỬA CHỖ SÁI

Bài Nhị độ mai *số 2, chữ giải nghĩa số 36 giải sái, xin độc giả sửa lại:* Hổ phụ *sanh* hổ tử, Lân mẫu *xuất* lân nhi *(cha cọp sanh con cọp, mẹ lân sanh con lân).*

T. T.

VĂN MINH ĐỜI THƯỢNG CỔ

Lịch sử nước Ê-díp (Egypte)

Xét trong sử sách các nước và xem những cổ tích còn lại, thì nghĩ cho không có nước nào trên hoàn cầu mà văn-minh trước hơn là nước Ê-díp. Thuở nay ta cho nước Tàu là văn-minh trước các nước, kể ra thì văn-minh từ 3000 năm trước Chúa G.G. ra đời. Nước Ấn-độ, nước Assyrie, nước Judée, nước Phénicie, nước Grèce cùng nước Romains là văn-minh xưa có tiếng, nhưng cũng chẳng trên 2500 năm trước Ch. G.G. Đến nay người ta tìm được những cổ tích và lịch sử tạc khắc vào đá ở bên nước Ê-díp mới hay nước ấy đã văn-minh cực điểm từ hơn 4000 năm trước Ch. G.G.

Vậy thì chúng ta nên biết lịch sử nước ấy thể nào.

Cách chừng gần một trăm năm nay, người ta chỉ biết lịch sử nước Ê díp là nhờ sách vở truyện tích của mấy ông danh sĩ gơ-rec và la-tinh (romains) truyền lại mà thôi. Đến năm 1798 đại tướng Bonaparte (sau là hoàng-đế Napoléon) qua chinh phạt bên ấy có dắc theo nhiều ông bác-sĩ tìm học thấy những cổ tích lưu truyền đồ sộ mà bắt kính phục văn-minh xưa của nước ấy. Nhiều người đem về những cổ tích, như tượng hình, vẻ vời rất khéo.

Tuy vậy cũng không có ai đọc được cho ra những chữ xưa của nước ấy dùng từ đời thượng cổ. Trên những vách những cột đền đài đều có chạm chữ kể những truyện sử của nước Ê-díp, nhưng mấy nhà bác sĩ không ai đọc được cả. Vả lại dân nước ấy cũng không còn ai mà đọc được. Chữ đó không phải như chữ các nước đời nay, chỉ là vẻ ra hình mà thôi, cũng như chữ Tàu lúc ban sơ vậy. Đến sau nhờ có một ông bác-sĩ Pháp tên là *Champollion* (1790-1832) ra công tìm kiếm hết sức mới rõ được cái bí mật của thứ cổ tự ấy. Nhờ ông mà từ ấy đến sau mấy nhà bác-sĩ đều đọc được những chữ xưa Ê-díp, mới rõ được hết sử tích, văn-minh của nước Ê-díp. Lần lần cái màng che sử tích văn-minh xưa của nước Ê-díp nhờ có mấy ông bác-cổ giở lên, thiên hạ mới biết nước Ê-díp là nước văn-minh lâu đời hơn hết.

Từ đời thượng-cổ không rõ là lúc nào, những dân tộc ở cõi Á-đông tràng theo eo đất *Péluse* (bây giờ là eo-đất Suez) mà qua cõi Phi-Châu, lập cơ nghiệp theo mạn sông Nil, đuổi lần dân bổn thổ thuộc dòng hắc-chủng, mà choán đất, đắp đê trị thủy, đào kinh dẫn nước, đặng đem nước lụt xuống gần vàm sông ngoài chót xứ. Lần lần nhiều nước lập lên, chịu quyền của mấy ông chưởng-giáo (prêtres). Sau nữa mấy nước ấy hiệp lại

làm một nước chịu quyền một ông vua nhứt thống. Ông vua trước hết tên là ông *Ménès* hay là *Ménas*, trị vì đâu lối gần năm ngàn năm trước Chúa G G. ra đời.

Vua Ménès bèn lập thành đô hiệu là *Memphis*, tại phía tả ngạn sông Nil, gần nơi trung-châu. Thành ấy dựng nên cả năm sáu ngàn năm vẫn còn đồ sộ. Cho đến kỷ thứ 13 người Á-rặp xem thấy những cảnh điu tàn đền đài hư sập mà cũng còn cái vẻ to tác nguy nga.

Kinh-thành Memphis cũng kêu là thành *Phtah*, lấy theo tên vì chánh thần của dân Ê-díp là *Hâ-ka Phtah*. Người Gơ-rec lấy tên ấy mà viết ra chữ nước mình thì thành ra *Aiguptos* (Ai-díp-tô), từ ấy đến sau nước ấy cũng kêu theo tên đó mà gọi là nước Ai-díp-tô, người Pháp nay dịch lại thành ra Ê-díp (Egypte).

Từ khi vua Ménès băng rồi, có các đời vua khác lên nối ngôi, kể ra có 30 dòng vua (dynasties) cai trị nước, mà có 26 dòng vua độc lập mới bị nước Ba-Tư (Perse) qua chiếm cứ (hồi năm 525 trước C.G.S.).

Sử ký 26 dòng vua ấy chia ra làm 2 thời: thời trước kể được 16 dòng vua trị vì cho đến khi dân Á-đông qua xâm lăng bờ cỏi. Chừng đuổi được xong dân ấy thì tới thời kỳ thứ nhì.

Thời kỳ thứ nhứt (Thời kỳ đắp lăng *pyramides*.— Ông vua Ménès lập nên đô thành Memphis là một ông vua võ tướng khắp đâu đâu các nước lân cận cũng đều kinh sợ, lại cũng là một ông vua xa xỉ, ham những sự nguy nga đẹp đẻ. Tuy vậy mà ngài vì đi săn bắn hạm (trâu nước) mà bị hạm cắn chết.

Qua đến đời vua dòng thứ tư thì có mấy ông vua là *Khéops* (tiếng Ê-díp kêu Khouwou), *Khéphrên* (Khaw a) và *Mycérinus* (Menkara) để lại những dấu tích đền đài đồ sộ (mấy cái lăng bằng đá cao như núi trên nhọn dưới lài) chỉ rõ cái thoi kiêu lạ của những vua thời ấy. Mấy cái lăng đá ấy tới ngày nay vẫn còn trơ trơ một đống, cao đến 145 thước, ở giữa chốn đồng không những cát. Mấy cái hòn đá cao làm lăng ấy chẳng qua là để dấu những mồ vua ở trỏng mà thôi.

Trong mấy đời vua nối ngôi kế đó, những đời có danh thì có ông *Pepi Ier* (dòng thứ sáu) và ông thừa tướng Ouna, có đem binh đánh thắng các nước ngoài biên; mộ những binh mọi hắc-chủng ở xứ Ethiopie (nay là xứ Nubie) và qua đánh bắt nhiều tù binh ở Á-đông. Có một bà hoàng-hậu tên *Nitakrit* «má hồng» cũng trị vì nước Ê-díp và cất hoàn thành cái lăng đá thứ ba.

Cách một khoản có một trăm rưỡi năm thì trong nước loạn ly. Kinh thành Memphis lần lần cũng suy, cho nên mấy dòng vua sau cũng lập đô trên mạn sông trên, là thành Thèbes.

Qua đời vua thứ mười hai mấy ông vua mở mang thêm bờ cỏi xuống đến một phần nước Nubie, khỏi mấy cái thác nước Syènes và lại còn lập sở thuộc địa nơi do Sinai xứ Arabie (Á-rặp). Trong nước thì là lo sửa sang thành quách cho đẹp, đắp đê cứ, đào hồ rộng đặng trị thủy sông Nil. Ông vua Amènemhat thứ ba, kêu là

vua *Mœris* dạy đào một cái biển hồ rộng để chứa nước sông Nil cho khỏi lụt.

Dân Á-đông (Hyksos) xăm lăng. — Qua đến lối năm 2000 trước Cb. G.S. lại có dân Hyksos (hay là Pasteurs) qua xâm phá bờ cỏi Ê-díp, làm chấn ngăn sự thịnh hành trong nước. Những dân ấy không rõ gốc tích bởi đâu mà qua chiếm đoạt Ê díp, trấn tại kinh thành Memphis và lập xây đắp lủy thành Péluse Dân ấy không phải qua mà phá hại văn-minh Ê-díp, lại thọ lấy cái văn-minh ấy. Những dòng vua nước ấy qua lập nước, làm vua nối dõi, lưu truyền lại nhiều dấu tích như tượng hình to tác. Những vua dòng ấy thì gọi là *pharaons*.

Có lẽ trong đời ấy con cháu của ông Jacob qua trú ngụ bên xứ Ê díp mà sanh sản thêm ra cả muôn người gần thành ra một nước mà khiến ra sau bi hà khắc đuổi xua.

Thời đại thứ nhì. — Thuở ấy dòng Ê-díp thiệt thì ở về mạng trên. Sau mấy đời vua ấy chiếm lần đất cát lại mà về thành Memphis đánh đuổi người ngoại quốc qua khỏi sông, chạy đến tận trại binh của chúng nó đóng tại Hà Ouar (Avaris). Qua đến dòng vua thứ 18, vua thỉ-tổ dòng ấy là ông Ahmès (hay là Amosis) đại chiến một trận sau cùng, bèn hãm được trại quân Pasteurs, mới cứu khỏi nước Ê-díp. Người ta định chừng cho lúc ấy nhằm kỷ thứ 18 hoặc 16 trước Ch.G.S.

Từ ngày ấy trong nước mỗi ngày càng thịnh, cho đến đời vua Thoumès thứ ba thì có một lúc suy, qua đến Séti thứ nhứt (dòng vua thứ 19) thì sự thịnh-vượng trong nước lại càng tấn thêm nữa, đến đời vua Ramsès II Meïamoun, người Gơ-rec gọi là Sésostris thì đã đến thời kỳ văn minh cực-điểm bên xứ ấy, không đời vua nào mà trong nước được cường thạnh hơn nữa.

Vua Ramsès Meïamoun hay là Sesostris. — Vua Sésortris thuở còn thơ ấu thì chơi với những đứa con nít sanh đồng ngày với mình; bày những cách tháo luyện chơi dữ tợn, chia phe mà đánh giặc. Đến lúc tuổi thanh niên thì đã có cầm binh đánh tan các nước ở theo Hồng-Hải (Biển đỏ) đánh giẹp từ cõi Á-đông mà qua đến Âu-Tây, nào dân Scythes, nào dân Thraces cũng thảy đều kinh oai thần phục, lại lấy thuộc-địa cho đến miền Colchide, mà đâu đâu cũng đều có bản khắc vào đá, kể những công trạng của ngài hoặc chạm tượng bình ngài. Ông Hérodote nói rằng, khi vua Sésostris đánh giặc trở về bắt những tù-binh theo đem về xứ mà bắt làm những việc rất nặng nề như là khai đá to để cất chùa miếu đền đài, cùng là đào đất khai kinh.

Nay nhờ mấy ông bác-cổ đọc được chữ Ê díp xưa, nhứt là ông de Rougé đọc ra mới biết rõ sử tích vua Ramsès nhiều. Vua Ramsès dùng của cải và thời giờ dư mà tu bổ chùa chiền, cất thêm đài các rất nguy nga to tác. Trong đời ngài cai trị, nào là mĩ-thật, nào là văn chương, thi phú cũng thảy đều thịnh-thành lắm.

(Sau tiếp)

T. T.

Nhị độ mai chú giải

(N° 3) (Tiếp theo)

Nói rồi truyền gọi lại nha,
Đương đường nhủ hết nỗi xa nỗi gần.
Làm người biết đạo tu thân,
Việc quan cũng giữ lấy nhân làm đầu.
Tiếng thanh bạch để về sau,
Dẫu là uống nước ăn rau chớ nài.
Việc văn ăn án, phải quan hoài, (37)
Một câu nặng nhẹ mấy người oan khiên.
Khuyên đừng đổi trắng thay đen ; (38)
Ngược dân dưới, dối quan trên, khó lòng.
Giữ gìn đôi chữ hiếu trung,
Sao cho không hổ với trong cao dày. (39)
Ta đây vã tiếng quan thầy,
Giả nhau một chút niềm tây gọi là.
Rồi đây một bước một xa,
Nghe ta bay chẳng nghe ta mặc dầu.
Dạy rồi ai nấy cúi đầu,
Rằng: vưng khuyến dụ từ sau nghi lòng.

*
* *

Trù phòng dọn rượu vừa xong,
Một công tử với hai ông bà ngồi.
Đập đều sẽ rót chén mồi, (40)
Ngàn câu trân trọng, trăm lời biệt li.
Người trần trọc nỗi về quê.
Kẻ thăn thỉ nỗi đường đi giữ gìn.
Người khuyên cẩn thận sớ tiến
Kẻ răn học lấy sách đèn sớm khuya.
Lối thôi dở nỗi lâm kì,
Ngoài đầy vơi chén, trong mê man tình.
Phu-nhân rằng: « Buổi thăng kinh,
Phỏng cho bấy kẻ tùy hành theo ông? »

Mai-công rằng : « Lọ chi đông?
Một chàng *Mai-Bạch* vốn trong họ nhà.
Gọi là làm bạn đường xa,
Gọi là ngày gió ngày mưa theo hầu. »

*
* *

Còn đương trò chuyện trước sau,
Xôn xao nghe bỗng tiếng đâu gần gần,
Đầu giày ông mới động thân, (41)
Trông ra đã chật một sân những người.
Bẩm rằng « Dân dã chúng tôi,
Tấm lòng xin ngỏ, chúc lời xin thưa.
Từ người trọng lị đến giờ,
Một đường sao phước (42), muôn nhà Phật sanh. (43)
Bao nhiêu lại tệ dân tình,
Đuốc soi, chẳng chút đỉnh đinh dám mờ. (44)
Tất lòng xem ví mẹ cha,
Đọc ca mạch-tuệ (45), nghâm thơ cam đường. (46)
Điểm tay mười mấy năm trường.
Mùa xuân rưới khắp một phương Lịch-thành.
Rày vương thăng điêu lại kinh,
Thỏa lòng hồ thỉ, rỏ mình đài cân. (47)
Thanh thanh nhẹ bước thanh vân, (48)
Nhành cây dám tưởng bận chân loan hoàng. (49)
Nghĩ cho chút phận tầm thường,
Đạo con cái được dựa nương bấy chầy.
Chỉn e tiếp lị sau nầy,
Lòng thương cân được như rày mấy phân? (50)
Bấy giờ lễ cách quan dân,
Tường công-đức trước lại nâm ni nhiều.
Lòng thành nay quyết xin theo,
Làm đơn ải mộ dâng liều một chương.
Họa là vua nặng lòng thương,
Thấy tình *Trường xả* lưu chàng *Khấu quân*. (51)

Giải nghĩa chữ mắc *(Tiếp theo)*

(37) *Quan hoài*, phải xem xét cho hết cho cạn lẽ.

(38) Trong Kim-vân-Kiều có câu: Trong tay đã sẵn đồng tiền, Dầu lòng đổi trắng thay đen khó gì.

(39) *Cao dày*, là trời đất (Trời cao đất dày).

(40) *Chén mồi*, chén rượu làm bằng đồi-mồi.

(41) Bèn xỏ chưn vô giày mà bước ra.

(42) *Sao phước*. Tích ví ông Tiên-vu-tử Thuấn đời Tống (420-477) nhà nước sai đi trấn một tĩnh suy kia. Tài giúp nước của ngài lẽ phải làm đến quan đại thần, nhưng phi người đi trấn nhậm tĩnh ấy, thì không còn ai dựng tĩnh ấy lại cho được cường thịnh lại nữa. Cho nên ông Tư-mã-Quang sai người đi đó thì sánh người như một cái *sao phước*.

(43) *Muôn nhà phật sanh*. Câu nầy là chỉ ông Tư-mã-Quang từ vua chí dân thảy đều yêu chuộng, nên lúc ngài còn sống vua có làm bài vị mà để trong đền, còn ngoài dân nhà nhà thảy đều có thờ hết.

(44) Sánh Mai Công như cây đuốc sáng soi khắp, không có chút vật chi nhỏ mọn mà không được sáng soi đến.

(45) *Ca mạch tuệ*. Tích đời Hậu Hán có tên Trương-Kham cai trị xứ Ngư Dương, thì quân Hung-nô không dám xâm phạm bờ cõi, cho nên mùa màng đặng trúng lắm. Dân bổn xứ bèn làm bài ca *mạch tuệ* ca tụng nói rằng: dâu (tầm) không sanh nhánh nhỏ, còn lúa trổ bông đôi.

(46) *Cam đường*. Tích ông Y-doản làm quan hiền lành nhơn đức, thường ngày hay ngồi dưới bóng cây cam đường mà nghỉ. Sau chết rồi, dân sự mến đức ngài, rào mấy cây cam-đường lại không cho ai động đến có ý kính ông Y-doản và đặt bài ca cam-đường mà tặng đức ngài.

(47) Câu nầy ý nói được thỏa lòng hoài vọng, vì được làm quan to đai cân mủ áo rở ràng.

(48) *Nhẹ bước thanh-vân*, được lên chức cao như chơi.

(49) Ý nói không dám làm bận bực rộn ràng cho ngài đi không tiện,

Tích đời Hậu-Hán có tên Cừu-Hương cai trị trong làng giỏi giắn lắm, mở mang việc canh nông, việc giáo huấn trong làng, nhứt là người cản một người mẹ kia đừng kiện cáo con bất hiếu và lại dạy người con phải ở thảo thuận cùng mẹ được, cho nên ngài nổi danh, quan phủ sở tại hay, bèn khen rằng: ngài bực tài đức, như thế sánh với *Ưng thiên* không lẽ làm chức nhỏ mọn như vầy. (Ưng thiên là chim săn các chim khác tỉ như ông quan thanh đẹp hết quân hung ác vậy). Cừu-Hương trả lời: « chim Ưng-thiên sao bằng loan phụng được? » Ông quan phủ nói: «chim loan chim phụng không hề đậu trên cây chỉ (có gai). » Rồi ngài bèn giúp cho người ấy ăn học thêm mà thành danh.

(50) Sợ khi sau nầy có ai khác thế, biết được thương dân như ông hầy giờ không.

(51) *Khấu-quân*— Tích đời Đông-Hán có tên Khấu-Tuân giúp vua Quan Vỏ mà giẹp giặc quận Đỉnh-xuyên rồi cáo từ không chịu làm quan nữa. Nhưng mà dân ở tỉnh ấy nài xin cho ngài ở lại làm quan một năm nữa đặng day dân đường đạo đức.

Trường xả là huyện ở Hứa-châu, vì có cây to ở tại quận nên lấy tên cây ấy mà đặt là Trường-xả

(Sau tiếp)

T.T.

ĐÈN KHÍ VÀ ĐỒ PHỤ TÙNG ĐÈN KHÍ

măng-sông hiệu « WIZARD »

dâu lửa, đứng, treo các kiểu

BAN SỈ VA BAN LẺ

Tại cửa hàng

TRẦN-QUANG-NGHIÊM

200, d'Espagne. — SAIGON

Y-KHOA

Bệnh phung *(la lèpre)*

Bệnh Phung có xứ gọi bệnh Hủi.

Bệnh Phung là một bệnh rất ghê-gớm. ghê-gớm là vì hay truyền-nhiễm, lại hiện-nay chưa có thuốc trị Trong nước Ta, từ Bắc đến Nam, tỉnh nào cũng có bệnh ấy. Biết đôi ba chuyện về bệnh ấy để phòng-bị sự truyền-nhiễm là một sự hay.

*
* *

Bệnh Phung hình-hiện ra làm sao?

Xét một người có bệnh Phung thời thấy những sự nầy :

Ở mặt và tai có những mụt thường-thường sắc hồng. Thứ mụt ấy không đau. Nhiều khi ở mình và ở chân-tay cũng có thứ mụt ấy ;

Trên mặt da, có những đám khoang-khoang, hoặc sắc trắng, hoặc sắc đỏ, lấy kim chích vào không biết đau ;

Dưới bàn-chân, có những mụt ung, sâu và máu mủ rất nhiều. Tuy thế mặt lòng, không đau-nhứt lắm ;

Tay chân đều tê, lấy kim chích không biết đau. Nhiều khi trong mình cũng có từng đám tê như thế ;

Mấy ngón tay co rút lại ; ở chân đôi khi có những ngón cụt mất đi ; sóng mũi sụp xuống.

Đó là những dấu hiện-hiện ra khi bệnh đã nặng. Khi bệnh mới phát hay khi bệnh chưa nặng, thời chỉ có một hay đôi ba dấu như những dấu đã kể trên đó mà thôi.

*
* *

Bệnh Phung bởi đâu mà sinh ra ?

Bệnh Phung sinh ra bởi một con vi-trùng, chữ Pháp gọi là *bacille de Hansen*. Con vi-trùng ấy ở trong nước-mũi, trong mụt, trong gân, trong mủ của ung-độc người bệnh.

*
* *

Bệnh Phung truyền-nhiễm cách thể nào ?

Bệnh Phung là một bệnh truyền-nhiễm, đều ấy ai ai cũng biết. Nhưng bởi ở đâu mà truyền-nhiễm đều ấy mỗi nhà thí-nghiệm nói mỗi cách, không đồng ý. Xét ra thời thường-thường những người nào ở chung-lộn với một người có bệnh Phung, thời hay lây phải bệnh ấy.

*
* *

Cách phòng-bị bệnh Phung thể nào?

Bệnh Phung là một bệnh không có huốc trị. Mấy năm nay, nhật-trình

có đồn rằng Y-khoa đã tìm được thuốc trị bệnh Phung, rất hiệu nghiệm, sự đồn ấy là một sự hoang-đường. Vốn hiện nay Y-khoa cũng có một vị-thuốc về bệnh ấy, song ở trong vòng kinh-nghiệm, hay dở chưa quyết-đoán được.

Nhưng thuốc thời chưa có, chớ cách phòng bị cho khỏi lây, thời nên biết. Muốn thế; không nên ở chung với người bệnh. Hiện nay Nhà-nước có lập ra nhiều làng phung, xứ nào cũng có. Nếu trong làng mình hay trong nhà mình, xét biết có người phung, thời nên đem người ấy đến Nhà-thương, xin Nhà-nước bỏ vào những làng phung ấy cho.

TRẦN-ĐÌNH-NAM.

(*Lời thăm du 15-12-25*)

Annam thể thảo tổng cuộc

Những người đại biểu của hội Thể tháo

L'Etoile de Giadinh
Tândinh sport
Giadinh école
Govap sport
Donai sport
Dakao foot ball club
Télépost sport
Electro sport
Commerce sport
Distamy sport
Paul Bert sport

Vốn là hội Viên của Annam Thể-Tháo-Tổng-Cuộc nhóm ngày 12 Janvier 1926, hồi giờ thứ 20, tại Tổng-Cuộc ở Saigon đường Lareynière số 15.

Đã đọc bài ấn hành trong nhựt báo « L'Impartial » ngày 4 Janvier 1926 bình luận cuộc đá banh ngày 2 Janvier 1926 của Annam Thể-Tháo Tổng-cuộc tổ chức cho hội « L'Etoile de Giadinh » đấu tài với hội L'union sportive khmère

Nghỉ vì nếu Annam Thể-Tháo Tổng-Cuộc cáo báo trước rằng trên Nam-Vian sẽ lựa rút chiến tướng hay nhứt đem xuống mà tranh đấu, ấy là cáo báo lầm lộn mà thôi, mà sự lầm lộn ấy chẳng hề làm mất sự hay trong cuộc tranh đấu ngày nọ chút nào bởi vì hội « l'Union sportive de khmère» từ hôm lễ Sanh Nhựt đến nay, chánh là hội vô địch trên Cao-Mên, và cách đá trúng qui cũ, chiến tướng đều đồng sức, nên những người đến dự xem ai cũng khen ngợi.

Nghỉ vì chiến tướng của hội « L'Etoile de Giadinh » ra tranh tài ngày 2 Janvier phần nhiều đều là chiến tướng đá có thử tài với hội lựa trên Cao-Mên ngày 15 Août 1925 tại Kinh-Đô Nam-Vian, và nếu có một vài chiến tướng ấy trong kỳ tranh chữ vô địch Annam nầy người làm đầu hội « L'Etoile de Giadinh » Cho phép họ đá theo hội khác, song họ cũng còn chưn hội viên trong hội « L'Etoile de Giadinh » luôn luôn ;

Nghỉ vì trong cuộc đá banh ngày ấy năm sáu ngàn người đến xem chẳng có một người nào thật chơi dữ hoặc xấu chút nào và hết thảy đều khen ngợi chiến-tướng hai bên hòa nhả và tử tế ;

Nghỉ vì người giám cuộc trong lúc tranh đấu thì giữ công bình chánh trực luôn luôn, và chẳng hề có một cái lỗi nhỏ nào mà không phạt bao giờ, mà lỗi thiệt là ít lắm ;

Nghỉ vì Phó-hội trưởng hội « L'Etoile de Giadinh », đã thay mặt cho hội ấy, viết trong nhựt báo « Saigon Républicain » mà phản đối lời công kích phi lý và lời nói xấu vô cớ ấy rồi.

Nghỉ vì các tờ báo Tây Nam ở Saigon đến đồi báo « Saigon Sportif »

cũng đều công nhận rằng hai hội tranh đấu ngày nọ chiến tướng hai bên thảy đều đá tử tế, biết vì nhau, biết kính nhau, mà lại đá hay nữa ;

Nghỉ vì cần phải binh vực cuộc thể-tháo, phải binh vực cuộc thể-tháo cao trọng và trong sạch, nên mọi người đều phải khinh bỉ cái cách kiếm chuyện mà phá hại cho bại hoại, dầu cách ấy ở đâu phát ra cũng vậy.

Lấy làm buồn mà chứng cái lòng bất minh và cái trí bất lương của người lảnh mục thể tháo trong nhựt báo « L'Impartial rồi tiếp mà công nghị chương trình nhóm hội.

Làm tại Saigon, ngày 12 Janviér 1926.

Kỳ tên:

Lê-văn-Thơm (L'Etoile de Giadinh)
Nguyễn-thành-Hoa (Tândinh sport)
Nguyễn-dung-Sữu (Giadinh école)
Nguyễn-văn-Đại (Govap sport)
Nguyễn-văn-Mạnh (Donai sport)
Vỏ-văn-Bút (Dakao foot ball club)
Nguyễn-văn-Cho (Joseph) Télépost sport
Nguyễn-long-Điện (Electro sport)
Trần-quốc Cường (Commerce sport)
Lê-văn-Hà (Paul Bert Sport)
Vỏ-văn-Mẹo (Distamy sport)

3e ANNÉE — Nº 119 — 28 JANVIER 1926

KHOA HỌC TẠP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1º — M. BUI QUANG-CHIÊU *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*
2º — M. LÂM-VĂN-HUÊ, *Commis indigène des Services Civils.*
3º — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics à Cholon.*
4º — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*
5º — M. NGUYỄN KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon*
6º — M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*
7º — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*
8º — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN, *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*
9º — M. TRẦN VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Paris.*
10º — M. TRẦN-QUANG-NGHIÊM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*
11º — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*
12º — M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3,00		

MỤC LỤC

Khoa học thời đàm..... 2156
Sự dạ vàng cua con nít còn trong tháng..... 2159
Sơ luận cách trí..... 2161
Văn chương nôm..... 2164
Luân lý..... 2167
Gương luân lý..... 2169-2170

Khoa-học thời-đàm

Nghề khai khoán lưu hoàng (sanh)

Từ xưa cho đến năm 1903 nghề lấy lưu hoàng chỉ có một mình xứ Sicile choán lấy phần hơn mà thôi. Mỏ sanh nơi ấy to lắm bắt từ chơn núi hỏa-diệm Etna mà đi xa tới 160 ngàn thước, rộng đến 85 ngàn thước. Nội sanh bán trong hoàn-cầu, 10 phần hết 9 đều là sanh khai tại Sicile. Tuy thế mà cái cách khai lấy ra còn vụng về lắm.

Qua đến năm 1903 mỏ sanh ấy bị mỏ khai ở bên Mỹ-quốc choán hết phần chợ. Mỏ sanh bên Mỹ ở tại Lake Charles, giáp ranh tỉnh Texas và Louisiane, tại vịnh Mexique.

Mỏ ấy có 40 triệu tấn sanh nguyên một mỏ tự nhiên dày 80 thước rộng lớn mỗi bề 500 thước. Mỏ ấy có hơn 80 phần trăm sanh (80% de soufre). Mỏ ấy đã tìm được từ năm 1865 mà không khai được, bởi lớp đất trên đều là cát mà có nước cho nên khó khai lắm.

Năm 1903, nhờ ông H. Frash tìm được cách khai bằng hơi nước nóng 168 bực: đào giếng sâu 200 thước cho ống chạy hơi nước nóng 168 bực, sức giàng ép tới 7 sức không-khí (7 atmosphères) xuống tới dưới mỏ, sanh bèn chảy tan ra nước lỏng thì dùng ống thục khí trời ép cho sanh lỏng chạy theo ống khác mà lên. Nhờ dùng cách ấy mà đem sanh lên rất dễ, ít tốn kém cho nên giá rẻ hơn sanh ở Sicile. Bởi vậy sanh bên Mỹ cạnh tranh với sanh bên Sicile càng ngày càng thắng tới.

Hồi năm 1902 sanh ở Mỹ khai được có 1500 tấn, mà qua năm 1903, được 25000 tấn, năm 1904 được 85000 tấn, đến năm 1905, được tới 220000 tấn. Trong năm ấy sanh lấy tại Sicile tới 560000 tấn, nhiều hơn các

năm, rồi từ ấy số khai mỗi ngày càng sụt lần, còn bực trung chừng 400000 tấn (từ năm 1909 tới 1913) Trong lúc ấy thì mỏ sanh khai bên Mỹ quốc cứ tăng số khai lên hoài. — Lúc giặc Âu châu, sanh ở Sicile sụt còn có 203000 tấn hồi năm 1917; đến năm 1921 lên được 280000 tấn. Còn ở bên Mỹ quốc từ trong lúc giặc số khai khoán mỏ sanh lại lên nhiều lắm: năm 1915 được 520.600 tấn, năm 1918 được 1.354.500 tấn. Thiệt sự thì qua năm 1920 nó bèn sụt còn có 970000 tấn. Nhờ mỏ sanh bên Mỹ quốc khai nhiều quá nên giá sanh bây giờ rất rẻ.

Đi phi thoàn bọc gió lâu hơn hết.

Hồi trước có tên Maneyrol đi tàu bay bọc gió kỳ thi lảnh thưởng Daily Mail bên Anh quốc ngày 21 Octobre 1922 bay lâu hơn hết được 3 giờ 21 phút 7 phân; đến ngày 29 Janvier năm sau tại Vauville, gần Cherbourg, bay phi-thoàn không máy kiểu Peyret lâu 8 giờ, 5 phút.

Hồi ngày 31 Janvier, tại Biskra có tên Barbot cởi phi-thoàn không máy hiệu Deswoitine, bay lâu hơn nữa, được 8 giờ 36 phút 55 phân, không ai hơn nữa. Thế thì ông Thoret đã nói lúc trước bay lâu hơn hết được 7 giờ ba phút lại còn thua xa nữa.

Làm mưa giả

Bên Huê-kỳ tại Dayton người ta có thí nghiệm kết quả được cái cách khiến cho mây phải mưa. Tạp chí *Nature* của người Anh bên thành Londres nói rằng, cách dùng làm mưa giả như vầy: cho một cái máy bay lên khỏi đám mây chừng 150 thước rồi rảy những cát có điển xuống. Cát ấy cho điển vô tới 10000 volts; mỗi hột các có thế rút không biết bao nhiêu hột hơi nước mây mà hiệp lại thành một giọt nước, làm cho cả một đám mây dày từ 150 tới 500 thước bị cát rải mà thành mưa, nên phải tan đi

hết. Đám mây ấy bề dài bề ngang kể đến 5, 7 ngàn thước. Dục cho mây thành mưa như vậy chỉ không đầy 10 phút là xong. Nếu đám mây không được dày thì hột nước mưa xuống không kịp tới đất thì đã bay hơi đi hết.

Số xe hơi (tự động xa) ở trong hoàn cầu:

Hồi năm 1923, báo Le Temps có đăng số xe hơi chạy trong hoàn cầu, tính ra khi ấy được cả thảy là 14.743.468 cái, kể ra bên

Mỹ Châu (Amérique).....	13.078.279 cái
Âu Châu.....	1.302.153 —
Dương Châu (Océanie).....	147.189 —
Á Châu (Asie).....	144.479 —
Phi Châu (Afrique)...	71.368 —

Bên Mỹ Châu nội nước Huê-kỳ chiếm hết 12.364.377 cái, một mình choán hết gần 84 phần số xe hơi trong hoàn cầu. Bên Âu-Châu thì nước Hồng Mao chiếm bực nhứt (554.443 cái) kế nước Pháp 290303 cái, nước Ý (Italie) 65000 cái... Bên Á-đông thì Ấn-độ bực nhứt 54000 cái. Bên Dương Châu thì Australie 97.189 cái; Nouvelle-Zélande 34500 cái.

Bên Huê kỳ nội châu thành New-York có hơn một triệu cái xe hơi.

Xem lại thì những nước nào thuộc của dân Anglo-Saxom ở (thuộc giống Hồng Mao) thì đều có xe hơi nhiều hơn hết.

T.T.

Sự da vàng của con nít còn trong tháng

Có nhiều đứa nhỏ lúc mới sanh rồi chừng đôi ba bữa thường hay có vàng da; có đứa vàng nhiều, có đứa vàng ít, vàng da mà thôi; năm ba bữa hết chẳng có đau chi lạ nữa.— Lúc con nít mới sanh ra, thì da mình nó đều có bả cơm, trắng trắng nhớt nhớt. Tắm rửa nó và chuồi bả cơm đó rồi, thì coi da nó đều đỏ tất cả mình.— Qua bữa thứ hai hay thứ ba, coi nó lại càng đỏ hơn nữa, nhứt là trên mặt, nơi cổ, nơi tay nơi chưn.— Người Annam mình tục hay nói « mới đẻ ra còn đỏ chói ». Chừng ba bốn bữa lúc da đứa nhỏ tột xủi xủi ra, thì bớt đỏ và như nó phải vàng da thì lúc đó ngó thấy da nó khởi sự vàng.— Lúc mới có, khi ngó thấy, mà như muốn biết và thấy cho rõ, ấy ngón tay đẻ cái da đứa nhỏ rồi lấy tay ra thì da đứa nhỏ hết đỏ mà mình lại thấy nó vàng.

Như ít vàng thì mình ngó thấy trong tròng trắng con mắt nó; nơi mặt, nơi da bụng nó mà thôi.

Trong sự da vàng con nít, mấy sự sưng, nơi bụng, nơi tay, sự sưng rồi hết một lượt với sự da vàng.— Chẳng khi nào con nít non hết;— phần nó vàng như mấy đứa con nít mạnh khác, nước tiểu cũng nhiều và như thường. Trong một trăm đứa nhỏ mới sanh ra thường có tới bảy tám chục đứa có da vàng như vậy. Theo lệ thường nước da hay vàng nơi mấy đứa con nít sau nầy:

1.— Mấy đứa đẻ non tháng, mấy đứa yếu, nhỏ thó, mấy đứa song đôi.

2.— Lúc chiền bụng lâu, khó đẻ phải đẻ kềm; hay là đẻ ra rồi hay sưng đầu, hay đẻ ra rồi bị ngộp hơi.— Mấy đứa nhỏ mà cắt rún lâu — vì muốn cho nó có máu nhiều— cũng hay có da vàng.

Mấy đứa nhỏ lúc mới đẻ ra mà bị lạnh cũng thường hay có da vàng. Sự da vàng của ta mới chỉ đây coi cũng như sự thường đứa nhỏ chẳng có bịnh chi hết;

— chẳng cần thuốc men chi, trong năm bảy bữa tự nhiên nó hết.

Song như trong mười lăm, hai mươi ngày mà chẳng hết, con nít càng ngày càng ốm, ỉa cức trắng, mửa, khóc nhè nhè thi sợ có khi đau bịnh trong mình mà sanh ra da vàng.— Hoặc khi con nít bị ngỏ đường của mật đi bít mất chạy vô máu làm ra da vàng. Hoặc khi bị đau trong gan, tại tự nhiên mà đau, mà cũng khi tại nơi máu của cha mẹ nó mà sanh ra. — Vả lại như con nít có da vàng mà trong mười lăm bữa mà không hết, phải tưởng rằng nó có bịnh đem vô nhà thương cho quan thầy xem.

Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN

Loan phụng hòa minh

Bổn tập-chí mới hay tin mừng rằng ông Huỳnh-thiên-Kinh, nghiệp chủ tại Vủng-liêm (Vinhlong) sẽ định đôi bạn cho lịnh lang người là thầy Huỳnh-thiên-Kim cùng cô Tạ-trinh-Tiết là linh-ái của ông Tạ-trung-Nghĩa, nghiệp chủ chánh-hội-trưởng hội nông-nghiệp-tương-tế tại Travinh.

Lễ cưới sẽ định ngày 6 và 7 Février 1926 tại Vung-liêm (Vinhlong).

Vậy bổn Tập-chí xin kính lời chia vui cùng hai họ và cầu chúc cho đôi tân nhân được:

Long vân thiên cổ kỳ phùng.
Loan-Phụng bách niên túc-ước.

K. H. T. C.

SƠ LUẬN CÁCH TRÍ

Loài động-vật (*tiếp theo*)

Loại cầm-điểu (chim chóc)

Loài chim bắt mồi (Orseaux de proie). — Có nhiều thứ chim chỉ ăn thịt chim khác cùng là thịt các thú khác mà thôi. Nó phải bắt những thú khác nhỏ hơn mới có thịt mà ăn. Vì vậy nên kêu nó là *chim bắt mồi*.

Những chim-bắt-mồi cái mỏ quấu bén lắm, chưn thì có ngón có móng dài bén dữ tợn; cánh thì to lớn mạnh lắm cho nên bay rất tài mà rất mau.

Chim bắt-mồi có thứ đi ăn ban ngày, thứ đi ăn ban đêm. Thứ đi ăn ban ngày thì có chim *kên kên* (Vautour) hay ăn thịt thây ma chết lắm. Kên-kên lớn con, mình dài hơn một thước, 15 phân tây. Ở những xứ nóng nực như bên Ấn-độ, Xiêm-la, giống chim ấy có ích lắm, vì nhờ nó ăn sạch ráo những thây ma sình thúi cho bớt mùi hôi và khỏi bịnh dịch truyền nhiễm, nên họ cũng kính trọng nó như thần. Bên Tân-thế-Giái có thứ kên-kên rất lớn kêu là *Condor*, mình dài một thước ba, cánh rộng đến bốn thước, là một loại chim bay lớn hết, đời nay người ta còn thấy.

Con *ó-núi* (gypaète) cũng to dữ vậy; mình nó 1 thước 2; *con-ó* (aigle) mình dài một thước, mà miệng chưn đều mạnh mẻ dữ tợn và nó gan dạ hơn loài kên-kên, nên chỉ ăn những thịt sống mà thôi.

Chim ưng (fraucon) nhỏ con hơn dài có 5 tất mà cũng gan dạ mạnh mẻ như ó. Người ta hay nuôi nó để mà đi săn thịt khác gặp hươu nai thì thả chim ra cho nó bay lên rượt theo mà đáp mồ con mắt thú cho đui.

Các loại *dều* cũng đều thuộc về một loại chim ó, chim ưng những loại dều ấy có con *buse*, *bruard*, *épervier*, *milan* hay bắt gà con vịt con mà ăn, nhiều khi cũng bắt chuột ngoài đồng nữa.

Những loại đi ăn ban đêm cái lông nó mềm cho nên bay ít có tiếng tâm; giống nó lỗ tai rộng, con mắt to tròn đưa ra phía trước, Trong giống ấy có *chim ụt*, *chim mèo*, *chim heo*, vân. vân... (hiboux, chat-huant, chouette, grand-duc)

Mấy thứ ấy đều là loại lớn con, như con grand duc, to bằng con gà lôi, Thứ nhỏ hơn hết là con *scop*, bằng con sáo mà thôi. Những chim nầy ăn chuột rất nhiều, cho nên nó là loại có ích.

Loài chim leo (grimpeurs). — Trong loại chim nầy thì có chim Két (perroquet), cái mỏ to quấu xuống, cái lưỡi thịt tựa như lưỡi người, cho nên nó học nói tiếng người rất dễ; chưn nó có 4 ngón, 2 ngón trước 2 ngón

sau Nó leo chuyền theo cây rất giỏi nên gọi nó là *chim leo* (grimpeur) Ở trong rừng rậm miền nóng nực, chim Két ở có bầy rất nhiều kêu la choát óc(1).— Con chim *mỏ kiến* (les pics) cũng là loại chim leo.

Loại bỏ-cáu (pigeons colombes). — Loại nầy không có bao nhiêu thứ. Thứ bò câu-nhà là thưởng, còn thứ rừng thì là *loài cu* (tourterelle, ramier, bizet) bắt về nuôi thì nó cũng dạn như bò-câu vậy,

Loài gà (gallinacés). Loài gà là thứ chim ăn lúa. Phần nhiều những gà đều là gốc ở xứ Ấn-độ, như *công* (paon) *trỉ* (faisan) gà lôi (dindon) và các thứ gà nhỏ như *gà nòi* (coq de combat) *Gà sao* (pintade) gốc ở Phi-châu, *gà tây* (dindon, dinde) cũng gốc ở Tân-thế-giái. Con *đa-đa* (perdrix), *con cút* (caille, con *gà-rừng* (coq de bruyère). vân. vân. . , cũng kể về loại gà.

Loài chim cẳng-cao (Echassiers).— Những loại chim nầy thương cái cẳng dài cao mà không có lông. Những chim ấy hay ở bưng ở đia, ở ruộng. đi bắt cá bắt nhái ếch mà ăn, như loại *cò cò trâu, cò ma, cò ngà, cò quắm, nhan sen, séo, trích, mỏ nhác* vân vân).

Loài chim hay chạy (coureurs). — Ấy là những chịm không có tài bay, nhưng có tài chạy giỏi, dầu ngựa rược theo cũng không kịp. Như *chim lạc đà* (autruche) cánh cụt mà cao đến hai ba thước, chưn có 2 ngón Ấy là một loài chim lớn hơn hết thảy trong đời ta còn thấy. No là thú ở Phi-Châu Bên Mỹ Châu (hay là Tân-thế-Giái) có thứ lạc-đà-điểu kêu là *nandou*, nhỏ hơn thứ trên kia mà chưn có 3 ngón. Con *casoar* cũng giống như con nandou mà lông dài rậm hơn ; nó là thứ ở Australie.

Ở xứ Madagascar và Nouvelle-Zélande hồi xưa có thứ chim hình như con casoar mà cao lớn dị thường nay không còn thấy, nhưng người ta có gặp được bộ xương cốt và vỏ trứng nó, Bộ xương đo cao tính có 3 thước rưỡi, trứng to bằng 6 trứng đà-điểu, 150 trứng gà.

Loài chim cẳng dính (Palmipèdes). — Loài chim nầy mấy ngón chưn nhờ có tấm da mỏng dính liền nhau, cho nên lội dưới nước giỏi lắm.

Thử xem như cái cẳng con vịt thì biết: Khi nào nó lội hễ đưa cẳng tới trước thì xếp mấy ngón lại, không có cản nước, chừng bơi ra sau thì sẽ mày ngon ra, nhờ tấm da mỏng quạt nước như mái chèo làm cho con vịt trường tới trước được.

Trong những loài chim cẳng-dính có *con vịt, con ngỗng con nhạn,* đều là chim lội rất giỏi, bay cũng hay, nhưng có đi thi chậm chạp, dở lắm. Mấy con ấy cái mỏ thường giẹp-giẹp khum khum, trong miệng có khía nhám nhám nơi hàm như răng.

Mấy loài cẳng-dính mà bay giỏi thì có những *le le* (sarcelles) *cồng-cộc* (cormorans) *chàng-bè* (pélican), dưới miệng có cai đảy bọc để đựng cá, con *goéland* là chim ở theo bờ biển,

(1) Có thứ két kêu là *kakatoès* rất lớn con, lông màu trắng, đầu có chóc màu, eó kh lông đỏ, lông xanh. Két mái nhỏ con lông xanh Còn nhiều thứ két lông xanh đỏ chen ọn nhau rất đẹp.

con *albatros*, con *frégate* là chim cánh to bay giỏi lắm, dầu có giông gió lớn cũng không nao.

Ở theo bờ biển Bắc cực có chim *pinguoins* hằng hà sa số ở biển Nam-cực, có chẳng biết bao nhiêu *chim cánh cụt* (*manchot*). Hai thứ chim nầy không biết bay, bởi cánh không có lông dài, Cánh ấy mạnh lắm, mà chỉ dùng để lặng lội dưới nước thôi.

Loài chim nhỏ mỏ cụt (passereaux). — Thuộc loại nầy thì kể những loài chim nhỏ nhỏ, không ăn vào mấy loài kể trên kia. Trừ *con quạ* (corbeau) và con *chim chìa-vôi* (pie) là trộng, còn bao nhiêu đều là chim nhỏ-nhỏ, cái mỏ cụt mà to như *chim sẻ sẻ* (moineau) *chim sắt* chim *manh-manh*, vân. vân... đều ăn lúa ăn hột. Chim mỏ nhỏ mà dài nhọn để bắt sâu bọ mà ăn như *chim sâu*, *sáo*, *chà chuyện*, *chim-quyên*, chim *bắ-muồi*, *chim-ruồi* (oiseau-mouches) ở Mỹ-Châu rất nhỏ con gần như con ong mà lông chiếu màu sắc rất đẹp, chim *chóc mào* (huppe) vân vân. . .

Chim mỏ to, nhọn như cái cúp (pic) để mổ kiếm trùng bọ dế dưới đất cùng mổ thây ma mà ăn thì có chim *quạ* chim *chắc-chòe* (chìa-vôi, pie), chim *cưởng*.

(Còn nữa)

THANH TÂN

ĐÈN KHÍ VÀ ĐỒ PHỤ TÙNG ĐÈN KHÍ

măng-sông hiệu « **WIZARD** »

dầu lửa, đứng, treo các kiểu

BAN SỈ VA BÁN LẺ

Tại cửa hàng

TRẦN-QUANG-NGHIÊM

200, d'Espagne. — SAIGON

VĂN CHƯƠNG NÔM

Nhị độ mai chú giải

(N° 4) (Tiếp theo)

Ông rằng: « Vưng biết lòng dân,
Lời trung hậu ấy, tình ân ái nầy.
Ta làm huyện tể bấy nay,
Có chi công đức đáng rày truy tư.
Song mà thế lộ bây giờ,
Dễ dò bụng hiểm, khôn ngừa mưu gian.
Họ *Lư* cưu dạ tham tàn,
Rình như miệng mọt (52) những toan hại người.
Phỏng mà nghe hẵn như lời,
Ắt rằng mua chuộc lòng người tại ta.
Miệng sàm (53) dệt gấm thêm hoa,
Công nào chưa thấy, tội đà đến ngay.
Lại càng mang tiếng chẳng hay,
Yêu đây, để xấu cho đây, ích gì ? »
Dân nghe, biết ý quyết đi,
Lui ra, còn dám nằm nì nữa đâu.
Một đoàn kẻ trước người sau,
Khen cho rằng khéo bảo nhau một bề.
Lễ đâu đưa đến tức thì,
Vạn dân tán, vạn dân y sẵn sàng (54).
Thưa rằng : gọi chút lễ thường,
Mà lòng tạc dạ ghi xương còn dài.
Ông nghe biết ý vật nài,
Kịp truyền thâu lễ trao lời giả ơn.

***

Phu nhơn, công tử xuống thuyền,
Mai-Công ở lại, đợi còn bàn giao.
Ngại ngùng thay lúc phân bào,
Kẻ về tử-lý (55) người vào ngọc kinh (56).

Cho bay rằng kẻ trung thành,
Nặng lòng vương sự, nhẹ tình gia mang.
Mặc ai châu lụy hai hàng,
Gác tình nhi nữ, xem dường như không.

*
* *

Vài ngày huyện vụ giao xong,
Ra thành lên kiệu thẳng giong nhựt trình.
Huyện dân chực sẵn tiền hành,
Hương đăng bày án, trường đình dựng bia (57).
Đón đưa khắp mặt thiếu ai,
Bấy tòa quan tĩnh, bấy người hương thân ? (58)
Người dường ra ý ân cần,
Ông rằng : thủng thẳng, có phần xem khinh.
Giả nhau mười dặm trường đình,
Trông theo đã khuất mây xanh bấy trùng. (59)
Nước non đưa đón người trung,
Suối tuông dòng chảy, núi chồng chập cao.
Chòm chòm cỏ rước hoa chào,
Hang men móc vượn, cây xào xạc chim.
Tấc gan kinh quốc giờ xem, (60)
Đường ngày giục kiệu, trạm đêm nghỉ cờ.
Kìa chài sớm, nọ cày trưa,
Gió gần giọng địch, mây xa tiếng tiêu.
Quê người phong cảnh đìu hiu,
Trăng thanh, gió mát, dường chìu trọng ai.

Giải nghĩa chữ mắc *(Tiếp theo)*

(52) *Rình như miệng mọt*: — sánh những quan hà lạm như con mọt rình mà cạp cây như miệng mọt. Có câu ví: *sâu dân mọt nước* chỉ mấy người hà lạm, hay ăn hối lộ dân. dựt tiền nước.

(53) *Miệng sàm*. — sàm nịnh, nói gian nói giảo cho người. Nghĩa là hay bợ đở kẻ trên trước mặt nói gian cho kẻ khác.

(54) *Vạn dân tán, vạn dân ý*, nghĩa là áo, lọng của muôn dân.

(55) *Tử lý*. Làng cây Tử. Xưa phân ranh đất mỗi nhà 5 mẫu, thì dựa

sau trồng nhà trồng một cây dâu tằm và một cây tử để sau con cháu dùng dâu cho tằm ăn và dùng cây tử mà làm công việc trong nhà. Cây tử là cây quí tốt hơn hết.

(56) *Ngọc kinh*, kinh đô ngọc, kinh thành quí trọng.

(57) *Trường đình*.— Là chỗ nghỉ. Xưa bên Tàu cứ đi đường đi hễ cách 5 dặm đường thì có cất một cái lầu vuông nhỏ kêu là *đoản đình*. cách 10 dặm thì có cất một cái lầu vuông lớn kêu là *trường-đình* để cho bộ hành đi đường nghỉ chơn.

Dựng bia, dựng một tấm bia kính trọng ông Mai-Công.

(58) *Hương-thân*, là người giàu có quyền thế mạnh, học biết nhiều.

(59) *Mây xanh bấy trùng*. Đi xa lên gần đường non núi cao vời vợi, có mây bao mấy lớp. *Bấy trùng* là mấy từng mây chỉ đi đường núi. Coi tới mấy câu thơ sau thì rõ-

(60) Xem thấy kinh đô càng gần. Mỗi giờ đi mỗi thấy kinh thành gần tới, thấy gần đó như tấc gan.

(Còn nữa)

THANH-TẨN

LUÂN LÝ

Trai khôn kén vợ, gái ngoan kén chồng

Người ta trên đời, trước khi làm việc gì, mua cái gì-cuộc gì, thì phải đo-đắn suy xét cho ý ắng chắc chắn mới trong khỏi lầm lỡ, khỏi thất bạc sau nầy. Huống chi việc «vợ chồng» can hệ nhất đời người, nguồn gốc trong phong hóa. Một Gia đình thịnh hay suy hay hoặc là dở; êm đềm hay chênh choảng có phúc hay sinh tội, thiết yếu bởi chưng đạo vợ chồng. Nên chi, bọn trai, gái thiếu niên, sắp xỉ tới kỳ: lá thắm xe duyên, tơ đào kết chỉ; phải lo tính trước sau, cân chắc sau trước, là kén cá chọn canh tìm nơi gởi của. . *Trăm năm tính cuộc vuông tròn. phải dò cho đến ngọn nguồn ngách sông.*

Đọ đến đây, hẳn cũng có người tự nghĩ rằng: ai còn nhớ gì, dại gì, lạ gì ma chả biết cách kén vợ kén chồng: trai lấy vợ thì kén những «cô nàng» đẹp như chim sa cá lặn, giá đáng nghiêng nước nghiêng thành; gái lấy chồng thì kén những «đức-anh-chang» con nhà lầu hồng gác tía, giàu co quan sang. Sau nữa là đôi bên môn đương hộ đối. Thế là được... thế là thỏa nguyện... chứ gì! — Phải tại có khờ dại, hớ hênh gì không biết những «ngón» như thế...

Nhưng mà, nếu ai nghĩ thế thì thực là lầm! lầm to! Lấy nhau mà chỉ dòm vào tư bản: nhờ vào lưng vợ mà sanh ăn khó chồng; cốt cái thân có nơi nương tựa, cai đời được sung sướng phong lưu. Thì ái tình không được đằm thắm mặn mà: còn tiền thì còn vợ còn chồng, lở khi vận túng cơn đen thì hết ân hết ái. — Lấy nhau lại chỉ mê nhau vì sắc đẹp, ham nhau cái bám ở bên ngoài: mà không yêu nhau vì nết, mê mệt nhau vì tình. Thì cuộc nhân duyên khó thôn: trăm năm chăn ấm chiếu êm được, vì cái đẹp cái dòn dẫn yêu chịu quí báo đến đâu cũng chả qua nhất thời chi tạm; còn những tật hư nết xấu, nó làm khổ sở đau đớn suốt một đời, chịu sao cho nổi ma ăn ở với nhau được. — Lấy nhau lại so từng góc ra; giàu làm bạn với giàu, sang đánh đọ với sang, như thế càng không phải! Những con nhà vọng tộc quí phái, dứa chẳng ra gì cũng cho là con dòng cháu giống; lấy nhau xứng đáng! Những con nhà tầm thường bách tính, dù có tài đức cũng mục cho là bạch ốc cùng dinh; lấy nhau chếch lệch, e tiếng thiên hạ cười! Mà nào có xét đâu đến: ai giàu ba họ, ai khó ba đời; nghĩ đến đâu: con nhà khá giả là thằng hư, con nhà bình dân lại là đứa nết tốt. Ôi! «lấy vợ xem tông, lấy chồng xem giống» là so sánh thế lực, cân nhắc sang, hèn giàu nghèo như thế ư?!

Cho nên, trai khôn gái ngoan, kén vợ kén chồng, quyết hẳn không nên ham sắc mê tài, so sánh môn hộ được. Vì « Sắc tài, môn hộ », là mấy thứ « bùa mê » hay làm lòng trai gái mê mẫn.. không suy tới mọi lẽ dở hay, quên cả sự « hôn phân trạch phối », không kịp suy nghĩ đến « số phận » mai sau...

Vậy phải ý tứ cho tinh, con mắt sành, kén chọn mấy điều đại khái như sau nầy.

Trai kén vợ : trước hết phải xem cha mẹ bên gái cho thật quả là người hiền lành, trung hậu, đạo đức, tử tế, và đức tính người con gái có đủ tư cách gồng gánh đở giang sơn cho mình.

Gái kén chồng : phải dò xét nề nếp gia phong đức anh chồng, và tư cách anh chồng đối với gia đình xã hội thế nào.

Đôi bên khi đã ý hợp tâm đầu lại còn phải đem ý kiến của mình mà ỏ cùng cha mẹ bàn với kẻ khôn ngoan chỉ dẫn cho những sự quan sát của mình hoặc còn khuyết điểm. Và cầu xin cùng đấng Tạo hóa, ưng-hộ cho mình lo toan cuộc « Bách-niên » cho được hoàn hảo. Như thế gọi là kẻ khôn ngoan. Ước trông hưởng hạnh phúc « lạc thú gia đình » vậy.

Ta hãy xét xem những gia-đình Nam-việt nầy: bởi đâu đến nỗi nhiều đôi vợ chồng nước lã ao bèo chi đềnh đoảng : đá húng chi bứng mía lộn thừng chi nhảy chảo ! trai phàn nàn : khổ sở vị nợ vì vợ ! gái than thân trách phận : cái thằng chồng tôi nó chẳng ra gì ! con vợ tôi không nên dáng. Đó cũng bởi việc lấy vợ lấy chồng còn khuyết điểm : con cái thì dấn nguyệt say hoa ; cha mẹ thì ép lấy ép để. Có kẻ lấy nhau chỉ trông cậy vào sợi tơ bà nguyệt xe duyên ; có người kết bạn với nhau, chỉ cậy quyền thần « tự do » phù hộ. Thậm chí, có nhà lấy tiền trăm bạc cục, con lợn to xù, mâm xôi trắng muốt hơn « thân danh đức hạnh » con người. Ôi lấy nhau mà không biết kén chọn. Còn dỗ cho duyên số làm sao ?!

Vậy muốn cho cái đời được vui vẻ, đạo nhà được hưng thịnh, sinh con đẻ cháu, nối dõi tông đường. Thì vấn-đề nầy chớ coi thường coi dễ. Nhất là ở cái đời « Văn-minh giao thời » nầy các cô các cậu, và kẻ có trách nhiệm trong việc nầy càng phải nên chủ-ý.

A. HOÀNG-BẠCH-HÀNH.

(*Lời thăm du 1er janvier 1926.*)

Gương luân lý

Gương nhân đức:

Chuyện ông thánh Charles Borromée

Ông Charles Borromée là dòng dỏi nhà danh giá ở tại thành Milan. Lúc mới nên 20 tuổi thì người cậu của ông đã được tôn lên làm Đức Giáo-tông, niên hiệu là Pie IV. Như thế thì ông lại càng được thêm danh vang hơn nữa, như vậy mà tánh nết ông vẫn giữ mực khiêm nhường, ở với ai ai dầu lớn nhỏ cũng là lấy dạ nhỏ nhoi, hiền từ nhân đức. Nhà giàu có lớn, mà lòng còn rộng rãi khoan nhơn hơn của cải mình nữa. Ông bố thí cứu giúp chẳng biết bao nhiêu người nghèo khó, lại xuất tiền cất nhà trường to nhỏ, đặt máy nước cho thiên hạ dùng, cất nhà thương nuôi kẻ bịnh, cất nhà thờ trong thành Milan cùng mấy thành nho nhỏ khác, đến nay cũng còn dấu tích.

Ông làm nhiều việc nhơn đức lắm, dầu khó khăn, khổ nảo đến đâu cũng chẳng màng đến thảo, miễng cứu giúp được người là đủ lòng ước nguyện. Ví như ngày kia ông muốn tìm mấy nhà nghèo khó ở trong núi mà viếng thăm. Bèn dắc theo một người chỉ dẫn đường, rồi một mình đi vào đến xóm, Đi ngán qua một cái suối, vì trời mới mưa nên nước đỏ ào ào rất gớm ghê. Người dẫn đường phải cỏng ông mới lội ngang qua suối ấy được ; ông bằng lòng, bèn để cho người ấy cỏng, chẳng dè ra đến nữa chừng, người ấy hoặc mệt mỏi, hay là trật té chi đó mà làm cho ông phải té xuống nước. Thấy vậy người ấy đã chẳng vớt lên mà chớ, lại sợ mình chết chìm, bèn trở lại leo lên bờ mà chạy miết đi trốn. Ông Borromée tuy mắc áo dài lược bược (.....) ông làm đến chức Hồng y giám mục (Cardinal) và bị chỗ ấy nước sâu mà cũng ráng lội lên được, dầm mình ướt mà đi tìm đến xóm nhà cửa. Ông bèn sai đi kiếm người dẫn đường khi trước, tưởng là ông rầy la quở trách nặng lời, chẳng dè ông lấy lời ,an ủy mà lại còn cho tiền bạc thêm là khác nữa. Còn như lúc bịnh ôn truyền nhiễm tại thành Milan, ông lại càng tỏ lòng nhơn đức một cách rất anh hùng.

Lúc bịnh truyền nhiễm tại đó thì ông mắc còn ở phương xa, chừng hay tin ông lật đật trở về. Còn ở đó nào là quan tòa, nào mấy nhà sang trọng mấy bực phú hộ đều trốn xứ bỏ đi hết Nhiều người thấy ông quyết ý về đó cứu dân, đều cảng đảng ông mà ông trả lời rằng; «Không! người mục đồng hiền từ thì phải thế thân mình mà nuôi chiên trừu chớ. »

Thuở ấy bịnh truyền nhiễm rất nên dữ tợn, nên không còn ai mà dám coi săn sóc người mắc bịnh nữa ; mấy người không bịnh đều lần lần bỏ xứ mà trốn đi nơi khác. Ông trở về đấy lấy lời khuyến dụ nên cầm lại được nhiều người khuyên hãy lấy lòng nhơn cứu giúp kẻ bịnh. Ngài bèn ra

luật phép lập cách tuần phòng, và ráng hết sức giữ lấy quyền cai trị nơi ấy vì quan trên văn vỏ cũng đều bỏ mà đi hết không còn ai ở lại.

Xảy đến mùa đông tới càng thêm cảnh khổ vô hồi: trời lạnh gắt gao, lắm kẻ nghèo nàn chẳng cũi thang mà nhúm lửa hơ thân, không áo quần mà mặc mình cho ấm. Nhiều kẻ xúm nhau vây đoàn trước cửa ông mà kêu ca xin cứu giúp. Ông thấy cảnh tình như thế càng động lòng, chứa chang nước mắt. Mà biết sao bây giờ? Ông đã bán hết bàn ghế đồ đạt trong nhà mà giúp kẻ khó hết rồi. Ngài bèn xem xét lại trong nhà coi còn sót món chi không, ông bèn lấy hết những màn treo khảm lót, cùng nệm giường màng cửa mà phân phát cho mấy người rách lạnh ấy. Ông lấy hết áo quần của mình mà cho nữa, chỉ để lại có một bộ mặc thân che lạnh mà thôi.

Bịnh truyền nhiễm luôn luôn như thế trong 15 tháng trời thiên hạ trong thành chết có hơn 18 ngàn mạng, trong địa phận giám mục ngài chết hết 3 ngàn người nữa, thế mà ông cũng một lòng như cũ, ra ơn giúp đỡ chẳng hề nao. Ngày đêm ông ở một bên giường kẻ bịnh, những công việc nhơn đức của ông kể cho hết cũng phải năm bảy quyển sách dày. Ngài đã xả thân cứu giúp người trong cơn tai biến, mà lòng vẫn chưa an, nên ngài đọc kinh khẩn cầu trời đất cho dân chúng được an. Có một lúc đi đường đọc kinh ngài đạp nhằm một cây đinh nhọn, lủn ngón cẳng tróc mất móng chưn cái. Quan thầy khuyên bảo ngài nghỉ chưn ở nhà dưỡng trị mà ngài cũng chẳng nghe, lòng còn uất ức vì nỗi sốt sắn cứu người.

Chừng bịnh truyền nhiễm đã qua, tai nạn đã hết thì ngài lo đi viếng thăm trong xứ. Có một lần đi thăm ngài phải mắc bịnh, phải trở về Milan; từ ấy bịnh mỗi ngày một trầm trệ, nhiều người biểu ông ráng dưỡng thân, ông cứ biểu lót rơm nơi giường cho ông nằm thì được yên mà thôi.

Sau ông điềm nhiên mà tạ thế chẳng có một chút nào rên siết đớn đau, thiệt là một vì thánh. Thiên hạ ở đó nghe ngài mất thảy đều than tiếc vô cùng, vì chẳng khác con mất cha yêu dấu.

T. T.

3e ANNÉE — N° 120 — 4 FÉVRIER 1926

KHOA HỌC TẠP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1° — M. BUI QUANG-CHIÊU *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*
2° — M. LÂM-VĂN-HUÊ, *Commis indigène des Services Civils.*
3° — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics à Cholon.*
4° — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*
5° — M. NGUYỄN KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon*
6° — M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*
7° — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*
8° — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN, *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*
9° — M. TRẦN VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Paris.*
10° — M. TRẦN-QUANG-NGHIÊM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*
11° — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*
12° — M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3,00		

MỤC LỤC

Về sự mữa của con nít nhỏ..... 2172
Liệt nữ truyện..... 2174
Công nghệ đời nay..... 2178
Văn chương nôm..... 2182
Giới thiệu sách mới..... 2185

VỀ SỰ MỮA CỦA CON NÍT NHỎ

Thường thường cha mẹ hễ thấy con nít còn trong năm. mữa hay sợ. Sợ cũng phải cho, vì mữa cũng là tại có cớ chi mới mữa, và mữa trong năm ba bữa thì đứa nhỏ ốm o gầy mòn.

Ta xin chỉ và xin đừng lộn mữa với ọc: con nít khi bú nhiều, no quá, dứt vú ra liền sữa ra một mớ sữa, còn nóng hổi, sữa như sữa mới bú, chẳng có lộn chi hết. — Ấy là sữa chớ không phải mữa.— Trong bảy nầy cũng chẳng cần gì nói đến sự mữa trong lúc con nít nóng, đau, bị trúng thực hay là bị uống thuốc mà mữa. Con nít khi bị bí ruột, khi bị một sổ mắt kẹt, khi đau trên óc, khi ho ngấc (coqueluche) cũng hay mữa ;— mấy sự đó bị đau mà phải bị xin để lại một bên.

Trong bài nầy ta xin nói về sự mữa mữa luôn luôn, một ngày mữa đôi ba lần, bú vô rồi một vây mộ lác lại mữa ra. Làm cho đứa nhỏ ốm o gầy mòn, còn da với xương, hình tượng như khỉ già, ốm khi khóc hay là da trắng, da mặt nhăn nhiếu có lằng lên.— Mình mấy đứa đó lại lạnh vì máu ít và chạy không đều, mấy đứa làm vậy lại hay bị thêm bịnh nầy bịnh nọ, mà sang qua bịnh nào cũng là nặng.

Con nít hay mữa vậy cũng bởi:

a/— Tại cách nó bú. Hoặc bú nhiều, bú ít, hoặc sữa xấu. Con nít cho bú ít, không đủ, còn đói ốm và mữa. Con nít mới đau, cắm bú một bữa rồi cho nó bú lại, mà bú không đủ, mữa; có khi lắm : tưởng tại bú nhiều mà mữa, lầm tưởng vậy cho bú ít hơn nữa, nó lại càng mữa nữa, hoặc khi người vú ít sữa, không đủ chà nó bú; như vậy thì đổi vú hay là cho bú nhiều một chúc thì con nít hết mữa và mạnh lại mau quá.— Con nít có được bú nhiều, có đứa bú ít, sự đó chẳng có tính ra cho trúng theo một mục cho được cho hết, phải nhớ mấy đứa nhỏ hay đói mà mữa, thường thường hay bôm, vì thiếu xát đồ ăn trong bụng.— It khi mà nó chảy.

Còn con nít mà cho bú nhiều quá, mấy bữa đầu mau mập, mình mạnh mẻ lắm sao chừng mươi bữa, bị tiêu vận không kịp, ruột và bao-tử mệt đau.

mữa mà lại hay bị chảy, rồi mau ốm quá. — Mấy đứa như vậy cho bú ít lại một chút thì mạnh, hết mữa, cho bú nhiều ít gì cũng phải có cái cân thì dễ hiểu và dễ độ lượng hơn.

Cũng có một hai khi con nít còn uống sữa đau; cấm không cho uống sữa đôi ba bữa, hết đau mà cho uống sữa lại thì mữa nhiều, chảy và nổi mày đay. ngứa mình, khó khè, làm như siển.— Ấy là đứa nhỏ không chịu sữa nữa phải đổi món ăn cùng cho thuốc uống.

b/ — Có đứa con nít mới đẻ chừng một tuần lễ thì bú vô bao nhiêu mữa ra gần hết; phẩm có hột, khi bón khi chảy; mấy đứa đó có bao-tử đau bịnh: spasme total de l'estomac : bao-tử có cái chi vô thì bóp lia, bóp lịa, làm đồ ăn đi xuống ruột không được phải chạy ra miệng lại. Mấy đứa nhỏ đó nhiều khi tại nơi cha mẹ có bịnh mới sanh nó ra như vậy.

c/ — Có một bịnh mữa mà cũng ít lắm : bịnh đau nơi bao-tử, chỗ đường thông thương với ruột non, chỗ đó làm như dây lại, đồ ăn trong bao-tử đi qua ruột non khó đi phải trở lại mữa ra. — Bú vô rồi chừng một chặp dọt ói ra hết ; mà sữa chẳng khi nào có lộn với mật. — Con nít hay bón lắm, bụng binh rỉnh, nổi giồng cùng nơi bụng. — Con nít mau ốm lắm và phải mổ sữa nổi trường nó lại. — Sự như vầy ít tnấy lắm.

Cũng có đứa nhỏ bú vô rồi ọi ra miệng, ngặm đó rồi nuốc lại chẳng khác gì như bò ăn cỏ vô nhả ra, rồi nuốc lại.

Ít lời sơ qua, bài cũng khó hiểu và ngó thấy đứa nhỏ cũng chẳng biết liền cho được.

Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN

Liệt Nữ Truyện

Chuyện người con gái có hiếu

(Feuilleton nº 1)

Tôi thường khi thừa nhàn thì hay xem truyện sách Tây, thấy có truyện sau nầy, khiến cho tôi xem mà cảm xúc muôn phần, lòng những thương xót cho một người hiếu nữ, không kể phận liễu bồ yếu đuối, dầm sương trải nắng cực nhọc trăm bề mà lội bộ muôn dặm đường trường tìm đến kinh đô Nga-quốc, xin vào yết-kiết thượng hoàng mà xin xá tôi cho cha vì một lẽ chi không rõ mà phải bị đàynơi xa, ở nhằm một xứ hoang vu lạnh lẽo.—Thấy truyện hay mà lại có phần luân lý, đủ làm gương con thảo cho đàng phụ nữ noi theo, nên tôi ráng công dịch thuật ra cho độc-giả xem chơi, trước là giãi muộn, sau cho biết nơi cõi Âu-Tây cũng có người liệt-nữ hơn nàng Đề Oanh bên Trung-quốc vậy. Tác giả truyện nầy là ông Xavier de Maistre cũng là một nhà văn hào trứ danh bên nước Pháp hồi kỷ thứ 18.

THANH-TÂN

Đời vua Paul thứ nhứt (1796-1801) có một người thiếu-nữ can đởm dị thường, một mình đi bộ từ Xi-bê-ri (Sibérie) mà qua đến kinh thành nga quốc thuở ấy là thành Xanh-bê-iết-bua (Saint Pétersbourg) mà xin tội cho cha, danh hiếu nữ tiếng đồn rền, khiến cho đời ấy mới có tay danh-sĩ đặt nên bộ tiểu thuyết mà để tên nàng lưu đến ngàn xưa. Song những người đã biết nàng đều đem lòng than tiếc rằng: ai chi nở đem chữ ái tình, câu lạ tai mà bia cho một người nhi-nữ trung-trinh, cả đời chỉ có biết giữ tình hiếu tử giữ nết thanh tân thôi, chớ không ai giùm giúp, không ai xuối biểu, mà lại sẵn tâm làm việc cả đáng khen, lại có sức làm cho xong việc nữa.

Truyện nầy tuy không có chỗ làm cho người xem qua phải ngẫn ngơ làm lạ như lắm truyện đã đặt ra, nhưng biết một chuyện thường của một đời người con gái nầy cũng đủ ý vị, chớ không trang điểm chi thêm, chỉ nghe thấy sự thiệt cũng là đủ cho độc giả thỏa hứng được đôi chút.

Bây giờ xin kể qua chuyện nàng ấy:

Nàng tên là *Prascovie Lopouloff* (1), cha nàng cũng là người trâm anh, sanh trưởng tại nước Hông-gơ-ri (Hongrie), sau ra giúp nước ít năm, kế lìa cha mẹ mà qua ngụ bên Nga-quốc (Rút-xi) rồi cưới vợ bên ấy, sau lại trở về quê hương vô đầu quân nữa, theo đạo binh Nga mà xung đột mấy phen đánh với quân Thổ-nhĩ-kỳ (Tuyệt-cô); trong mấy trận hẳm thành Ich-mai (Ismail) và Oc-sa-cốp (Otchakoff) người tỏ lòng can đảm được tiếng ngợi khen, trong cơ binh đều yêu mến. Không ai hiểu vì sao mà người phải bị đày qua xứ Tây-bá-lị (Xi-bê-ri) vì là đơn kêu nài

---

(1) Xin độc giả miễn chấp vì tôi không viết tên ra quốc-ngữ, bởi nhiều tên bằng tiếng nước Nga khó dịch ra quốc-ngữ lắm

của người và tờ xét đoán của người đều phải giữ gìn kính nhẹm lắm.

Có kẻ nói rằng: vì người trái mạng quan chủ tướng, nên ngài giận mà xử hiếp. Nói vậy mà cho đến khi người thiếu nữ dời gót lên đường thì kể đã hơn 14 năm người chịu lao khổ ở chốn Ich-sim (Ischim) bên xứ Tây-bá-lị là làng ở giáp ranh với Chánh-phủ Tô-bôn (Tobolsk). Ở đó người cùng gia quyến làm lụng, ngày kiếm đặng mười su của nhà nước cho tội nhơn đặng mà chi độ qua bữa.

Nàng Prascovie cũng ra sức giúp mẹ cha trong các việc nhà: khi giặt áo quần, khi gặt hái lúa rơm, tùy sức phận liễu bồ, làm công trong rẫy bái, mà đem về cho cha mẹ, khi thì lúa mì, khi trứng gà khi rau đậu.

Thuở mới đến Xi-bê-ri thì còn thơ ấu, không ý tưởng phận mình sung sướng, hằng vui lòng mà làm những việc nặng nề (mà không muốn xuể).

Mẹ nàng thì lo việc nội trợ bền lòng chịu khổ, còn cha nàng xưa vốn quen nghề binh lính, nên không thế chịu kham số phận như vầy, thường khi than thân trách phận, rầu rỉ trăm bề, chẳng khác người trong cơn khốn đốn.

Tuy cha mẹ nàng dấu giếm, không cho biết những cơn sầu thảm, nhưng lắm khi trong phòng, nàng hay lén dòm theo kẻ vách, thấy cha mẹ mình lụy ứa dầm dề, từ ấy mới nghĩ biết phận những khó khăn.

Cha nàng có gởi đơn cho quan khâm-mạng xứ Xi-bê-ri mà xin ân xá mấy phen, song chẳng hề nghe tin tức.

Có một ông quan kia nhơn có việc đi ngang qua làng Ich-sim, thấy vậy bèn hứa chịu giúp giùm và kêu nài đến quan khâm-mạng. Nghe vậy anh ta còn có thuở cậy trong, nhưng đến sau cũng chẳng nghe tin tức chi cả.

Mỗi chuyến bộ hành và xe tờ bên Tô-bôn đi qua —ít khi lắm— cũng không có tin về, lại khiến cho khó nỗi cậy trong nữa, làm cho người càng đau lòng xót dạ.

Trong lúc ấy nàng Prascovie đi gặt hái về, thấy cha mẹ dầm dề lụy nhỏ, cha thì mặt ủ mày châu đương cơn ai hoài sầu thảm, nên lấy làm sợ hãi. Lúc cha nàng ngó thấy, bèn than lên rằng: «Đó cái cục khổ của ta kia. Trời đang lúc thạnh nộ mà cho ta con nhỏ nầy, nên nay ta phải mang lấy nỗi âu lo buồn thảm, ta thấy nó phải làm ăn cực khổ, càng ngày gầy ốm, khiến cho ta rất đỗi đau lòng. Mà phận làm cha thì phải lo cái hậu phước, nhưng ta đây lại phải mắc phần mạng bạc!» Nàng nghe qua kinh hãi, bèn ở ngoài chạy đại vào lòng cha. Mẹ con đều chứa chan khuyên giải. Từ ấy nàng mới biết cảm động đến tâm cang.

Ấy là mới lần thứ nhứt cha mẹ tỏ nỗi xốn xan trong cái địa-vị mình, lần đầu nàng mới rõ cái cảnh khốn nạn trong chốn gia đình.

Lúc ấy nàng mới đặng 15 tuổi xuân xanh, mà ý đã tính qua kinh thành Xanh-Bê-tiếc-bua xin xả tội cho cha. Nàng nói rằng: Khi kia nàng vừa đọc kinh xong, thì cái ý tính đó nó hiện ngay trong trí làm cho nàng rối rấm trong lòng. Nàng cứ nghi

cho là lòng trời xui khiến, cho nên dẫu cơn thốn thới đến đâu, nàng cũng vẫn bền lòng chặc dạ. Vì cái ý mới ấy mà nàng rất đỗi vui mừng, bèn đọc kinh thêm nữa, mà trí vẫn còn bối rối, nên không tưởng đến cầu nguyện đều chi, chỉ cầu Trời đừng làm cho nàng mất cái lòng sở nguyện khi nảy nó khiến nàng không cùng vui về đó.

Lần lần cái ý nàng muốn lội bộ cho đến kinh đô (Saint-Pétersbourg) vào lạy hoàng-đế xin xá tội cho cha càng ngày càng in vào trí, năm tối những lo suy nghĩ có bấy nhiêu. Nàng lựa trong mé rừng gần nhà một chỗ tốt, để thường khi đến đó mà đọc kinh cầu nguyện; từ ấy nàng càng đi đúng và thường lắm.

Hễ vào đến nơi thì càng hết sức khẩn cầu, xin Chúa Trời khiến cho nàng có sức lực, có thế thần mà thi thố cái chí ước của mình.

Nàng mản lo sự ấy mà lắm khi quên lửng sự nhà, phải bị mẹ cha quở trách. Đã lâu rồi nàng chưa dám tỏ ý ra cho cha mẹ biết. Mỗi khi nàng muốn lại gần cha mà phân tỏ cái đởm đang liều mạng ấy, thì tâm chí rụng rời, mà không dám nói song nàng cũng biết trước dầu nói ắc cũng không được như ý.

Đến chừng cái chí ấy đã mùi, nàng mới định ngày đánh liều, quyết thắng cái nhút nhát mà nói đại ra, Đến ngày ấy nàng đi sớm vô rừng cầu khẩn Trời cho nàng có gan mà tỏ chí, có lanh mà nói quyết cho cha mẹ phải nghe theo; xong rồi nàng trở về tính thầm hễ gặp cha mẹ thấy ai trước thì nói với người ấy. Nàng ước trông cho trời xui khiến nàng gặp mẹ trước thì có chỗ mông đặng nhặm lời, nhưng mà về đến nhà nàng lại thấy cha mình ngồi trên ghế dựa cửa, mà miệng ngậm ống điếu. Nàng làm gan bước đến gần cha mà tỏ nỗi âm hao và nàng hết sức xin cha chớ từ lời nàng ước xin, cho phép nàng đi tới kinh thành Xanh-bê-tiếc-bua.

Khi nàng nói xong rồi, người cha thung dung nghe từ đầu chí cuối chẳng nói một lời bèn đứng dậy nắm tay nàng mà dắc vô nhà bếp, thì mẹ nàng đương lúc dọn ăn. Cha nàng mới nói: «— Nầy mẹ nó! Có tin mừng đây! Ta mới được người bảo hộ thật oai quyền. Đây nầy, con gái ta nó tính qua Xanh-Bê-tiết-bua mà bổn thân ra mắt tâu với hoàng-đế đó.»

Rồi người vui cười thuật lại những lời của nàng đã nói.

Người mẹ nàng nghe qua bèn nói: « Phải vậy nó đi lo bổn phận nó còn hơn để đi nói những chuyện vô ích đó.»

Nàng đã tính sẵn ngừa trước cơn nóng giận của mẹ cha, nay thấy cha mẹ mình cười nhạo như thế, trong lòng rất khó chịu, bao nhiêu sự ước mông cũng tưởng đã trôi theo dòng nước. Nàng bèn khóc than mùi mẫn. Cha nàng đương lúc vui cười, bỗng trở dáng oai nghiêm như cũ, rầy nàng chuyện chi mà khóc tủi. Người mẹ thương con, nên mơn cười hun hít, rồi đưa tấm vải cho nàng mà nói: « Thôi con hãy sửa soạn lau bàn đặng có dọn cơm ăn, rồi con sẽ đi Xanh Bê tiệt bua tùy ý.»

Cái buổi ấy làm cho cái chí hành

trình của nàng càng đau đớn hơn là lời quở trách, nàng đều kiếp bạc nữa.

Nhưng mà cái sự nhục mình vì thấy cha mẹ coi mình như đứa trẻ thơ, lần lần nàng cũng nguôi đi, nên cũng chừa thói chí.

Việc kia đã nói rồi mà nàng nài nỉ khi còn nói lại nữa; nàng cứ gia tâm cầu khẩn mãi; thiết quá cha nàng rủng chí chịu đã không nổi, mới làm nghiêm la quở và cấm chẳng cho nàng nói đến sự đó nữa. Mẹ nàng từ hậu giải cho nàng nghe rằng nàng còn tuổi nhỏ, chớ mong tính việc khó khăn. Từ ấy nơi 3 năm nàng không dám nói đến sự xuất đi nữa.

Khi ấy mẹ nàng đương bịnh trầm trệ, nàng phải dẹp sự tính đi, chờ qua khi khác; nhưng mà chẳng có ngày nào nàng không đọc kinh cầu khẩn, khiến cha cho phép mình đi, trong ông ngoài bà không lễ thờ phụng không khẩn nguyện.

Một đứa nữ nhi trẻ tuổi dường ấy, chẳng phải vì giáo dục mà lại có cái lòng hiếu đạo, cái chí thành thiệt như thế, cũng là lạ thay!

Người cha tuy không phải người không đạo song ít lo kinh-kệ; còn mẹ nàng hay mộ đạo mà không có học thức, cho nên nàng mắc cái chí nhiệt thành về đạo lạ chẳng qua tại nơi thiên tánh.

Trong ba năm sau nầy trí nàng càng mở nàng trong gia tình có bàn luận việc chi, trí nàng cũng thấu cho nên nàng biết tính mà biết cãi lẽ sự hành trình, làm cho cha mẹ không tưởng nàng là con nít nữa; nhưng mà thấy nàng một ngày một lớn, tuổi cần kíp giúp việc trong nhà, nên hết sức cản nàng không cho đi, khiến cho nàng thêm áo não sầu bi. Bây giờ cha mẹ nàng không dùng tiếng nhạo cười hăm dọa mà cản nữa lại lấy lời điệu ngọt khuyên than mà dỗ con đừng bỏ mà đi, nói rằng: « — Nay cha mẹ con đã già yếu rồi mà của cải cũng không, bà con chẳng có, con nỡ nào đành bỏ mẹ cha nơi chốn hoang vu nầy mà đi, cha mẹ còi trông cậy một mình con mà an ủy cơn sầu, nay con mà đi rồi, đường trường cách trở, sống thác đâu tường, khiến cho cha mẹ ưu sầu mà bỏ mình thì có, chớ ân xá nhất đâu mong được hỡi con! »

Nghe mấy lời nàng chan chứa giọt sầu, mà lòng nàng chẳng rúng, mỗi ngày càng thêm chí quyết.

(còn nữ

à
họ
họ
các
nay c
giấy n.
chuyển
làm nà
giấy hơi

Công Nghệ Đời Nay

Nghề làm giấy (Papeterie)

Người ta biết dùng giấy đã lâu đời lắm. Hồi đời thượng cổ người Ai-cập (Ê-dip) đã biết lấy lá cây papyrus mà làm giấy để viết chữ trên ấy. Cây ấy mọc trên đồng-đìa xứ Ê-díp rất nhiều; lá nó sáng, mịn mà láng để danh lâu được. Sau thứ giấy ấy truyền qua đến xứ La-mả (Rome), thiên hạ dùng nó mà viết chữ.

Còn thiệt giấy làm ra thì người Tàu biết trước hơn hết. Đâu lối kỷ thứ hai trước C.G.S., nhằm đời Hán có ông Tế-Luân (Tsaï-Loun) dùng tre quyết mà làm ra giấy. Sau nghề làm giấy truyền qua đến dân Á-rạp, người Á-rặp mới bắt chước mà làm theo, song họ dùng bông vải mà làm giấy. Người Á-rặp qua đến kỷ thứ 11 truyền nghề qua xứ Âu-châu, qua bên ấy mà lập nhà làm giấy, song thuở ấy họ làm còn vụng lắm nên giấy không đặng chắc. Người Nhựt-bổn cũng học của Tàu, song họ dùng vỏ dâu tằm mà làm.

Bây giờ bên Âu-châu nghề làm giấy đâu cũng đều thịnh hành, không phải họ dùng bông vải mà làm giấy thôi, họ dùng đến vải mục, giẻ rách, đến các thứ cây mềm mà làm giấy. Ngày nay những giấy bên Âu-mỹ đều là giấy làm bằng máy.— Thuở trước chưa có máy móc tinh xảo, nên nghề làm giấy thường làm bằng tay, nên giấy còn vụng về.

Thuở trước bên Tây không dùng vỏ cây sống mà làm giấy; họ dùng giẻ rách bằng bông vải, bằng gai mà làm ra giấy. Giẻ rách ấy đem bầm nát, rồi nấu với nước, làm cho nó sạch, để cho nó nổi dậy có về đặng trắng cho ra giấy được.

Từ ngày chưa bày được máy làm giấy thì phải dùng thợ rất đông mà công việc làm cũng không mau được. Từ khi bày được máy làm giấy rồi thì nghề làm giấy mới mở mang thêm, mỗi ngày mỗi thịnh. Ông bày ra được máy đó là người nước Pháp tên Louis Robert, cũng là một tên thợ làm giấy nơi xưởng giấy ở Essonne. Người bày ra cái máy làm giấy, in ra một tờ giấy bề ngang có chừng, song bề dài muốn dài đến đâu cũng được. Mà công người như thế chỉ được nhà nước thưởng có 8 ngàn quan mà thôi. Tuy vậy máy của ông còn phải có chế sửa lại cho tinh xảo nữa. Đến năm 1803, chủ nhà máy làm giấy ở Essonne mua kiểu của ông Robert mà đem qua kinh đô Anh quốc, nhờ bên ấy nhiều nhà giàu có giúp sức lập nên nhà máy làm *giấy luôn*. Đến năm 1814 mới trở về Pháp mà đem nghề chế tạo đã tinh xảo ấy về xứ. Từ ấy đến sau người ta noi theo máy ấy mà lập thêm nhiều nhà máy khác, thành ra nghề ấy mỗi ngày một bành trướng thêm.

Cách làm giấy.— Có 2 thế làm giấy một thế làm bằng tay và một thế làm bằng máy.

Thế làm bằng máy ngày nay đâu đâu cũng dùng đến, thành ra thế làm bằng tay mỗi ngày mỗi bỏ lần. Tuy vậy người ta còn dùng thế làm bằng tay để làm giấy tốt, như là giấy bạc. Giấy làm bằng máy đều là giấy bán ra ngoài công nghệ cho thiên hạ dùng để viết, hoặc in, hoặc làm giấy gói đồ.

Vậy trước hết ta nên nói về cách làm giấy bằng máy.

Lựa giẻ rách ra từ hạng. Giẻ rách lượm đem về phải lựa sơ ra. Trước phải lựa bỏ những vật cứng như là núc áo, móc sắt v v. Rồi lựa riêng ra những giẻ bằng bông vải, bằng gai bỏ những giẻ bằng tơ lụa, bằng nỉ ra vì mấy vật ấy không thuộc loài cây không làm giấy được. Rồi còn phải lựa thứ giẻ mới giẻ cũ, giẻ trắng, giẻ màu, mà để riêng nữa.

Nơi nhà máy làm giấy, người ta có sẵn máy để cắt giẻ rồi thợ phải coi lựa ra, còn phải lựa cho đều có miếng giẻ nào dài to thì phải cắt bớt Lựa chọn ấy phải có nhiều thợ lắm mới làm xong việc.

Giẻ lựa rồi thì đem vô nồi máy mà nấu với cát lồi (soude caustique) nồi máy ấy làm bằng một cái ống sắt hoặc đồng to, nắm dai có máy quây cho xây tròn; nấu bằng hơi nước nóng cho chạy vào nóng đến 130 bực nhờ sức nóng và sức ép của hơi nước rất mạnh, nên các vật không thuộc về chất *cellulose* (chỉ sợ vải) thì đều tiêu đi hết còn lại cái sợ nguyên Nấu xong rồi thì tháo lỗ cho giẻ ra rớt xuống nước mà giặt cho nó thành về trắng. Chừng nó sạch rồi, thì đem nó vào cái máy đánh, đặng đánh cho nhuyễn đều, thành về như về bột. Trong máy có làm những lưỡi dao sắt, nhờ máy chạy quây mấy lưỡi dao xây cắt giẻ ra nhỏ nhỏ như bầm tương. Có một cái ống nước cho nước chạy vô đều đặng cho mấy cái dao nó đánh thành sệt sệt. Ấy là cái về để làm giấy đó.

Làm cho giấy trắng.— Về giấy đã làm như vậy rồi cũng chưa được trắng, phải làm sao cho nó trắng? Vậy phải để nó vào trong một cái nồi kính, rồi cho hơi lục khí (chlore) vào đặng nó trắng.— Hơi lục khí ấy làm bằng muối biển trộn với nước hoàng-cường toạn (acide sulfurique) và một vật nữa kêu là *péroxyde de manganèse*, rồi đem nấu lấy hơi.— muốn dùng nước chlorure de soude (nước Javelle) mà nấu về giấy cho trắng cũng được, hoặc dùng chlorure de chaux cũng tốt.— Nấu trắng xong rồi đem vô thùng to trộn nước mà rửa lại cho nó đi hết chất lục khí (bằng không, sau giấy mau mục lắm). Sạch rồi đem vô nồi máy lọc nữa. Máy ấy cũng như máy đánh về vải khi trước nhưng mà trong ấy lưỡi dao nhiều hơn nữa, chìm ở trong giữa về giấy mà đánh, nên đều hơn, và đánh mua lắm.

Cáng ra tờ giấy.— Làm giấy theo kiểu máy của ông Robert bày thì như vầy: Dùng ống máy đem về đã lọc sạch rồi, chạy vô một cái nồi cạn. Nhờ máy làm cho về giấy trong nồi chảy ra trên mặt một tấm lưới mà chạy ra cho tới ống cáng. Đến nơi

nhờ có máy hút hơi cái về giấy đã ráo, có hơi chắc rồi bèn chun lòn vô kẻ của 2 ống cáng để khít lại, trong ống có cho chạy hơi nóng; qua khỏi 2 ống cáng đó thì lòn qua nhiều ống khác nữa; lần lần ra khỏi ống chót thì giấy đã mỏng láng và chắc. Có cho chạy như vậy hoài thì nó ra giấy mãi cho đến chừng về giấy hết thì mới là không ra tờ giấy nữa. — Giấy ra khỏi ống cáng chót, thì có máy cắt nó ra từ tờ theo khuôn hình thức của mình định sẵn, rồi thợ cứ việc lấy sấp chồng lên mấy tấm kẻm để sau đem vô máy ép mà ép cho nó thật khô ráo. — Giấy dùng để viết thì phải có pha keo trước trong về giấy, bằng không thì đến khi viết nó hay dậm lem (như giấy chậm). — Giấy ép xong rồi đem phơi khô gởi ra bán cho thiên hạ dùng.

Làm giấy bằng tay — Giấy làm bằng tay khác hơn làm bằng máy là vì không làm cho ra dài luôn luôn được, chỉ phải làm ra từ tờ mà thôi. Cái về giấy đã lọc sạch, đựng trong một cái hồ to, có đổ nước nóng vô khuậy cho hoặc lỏng hoặc bơi sệt sệt, tùy theo mình muốn làm ra giấy mỏng hay giấy dày. — Người thợ lấy cái khuôn vuôn vừa bằng tờ giấy muốn làm ra, khuôn làm bằng lưới cước mà nhúng vô về giấy, rồi lấy ra mà tráng sàn qua lại, lấy cái nắp khuôn đậy vô rồi để lên cái mặt bàn xiêng. Người thợ khác lấy khuôn ấy trut tờ giấy ra trên một tấm nỉ, rồi kế trên tờ giấy để một tấm nỉ nữa. Cứ mỗi lợp giấy thì một lớp nỉ; chừng nào chồng giấy lên cao thì bưng đi, đem vô máy ép mà ép cho nó ráo nước rồi gở ra phơi. Trong khuôn cước cứ mỗi khoản có một sợi cước to, và nơi góc làm dấu chữ hoặc hình kiểu, nên khi ta đưa tờ giấy ấy ngay ngoài sang mà coi thì ngó thấy có lắng.

Giấy làm bằng rơm, bằng cỏ alfa, bằng cây — Từ ngày bày ra máy làm giấy luôn, đến nay không thấy chế sửa máy chi khác nữa, duy cái về giấy thì ngày nay người ta chế ra nhiều thứ. Nay không phải dùng giẻ rách mà thôi, người ta dùng đến rơm đến cỏ, nhứt là một thứ cỏ lác *alfa* ở bên xứ Algérie và xứ Espagne làm giấy tốt lắm, và cây, nhứt là mấy thứ cây mềm. Dùng cây alfa thì chặc nhỏ nó ma nấu với nước tro soude và làm cũng như làm về giấy bằng giẻ vậy. Rơm thì cũng chặc nhỏ mà nấu như vậy. Giấy làm bằng rơm thì trong mà được chắc.

Còn giấy làm bằng cây ngày nay đâu đâu cũng làm cho nên những rừng cây mỗi ngày một thưa trống lần. Bên xứ Suède, xứ Norvège và nhứt là xứ Canada là mấy xứ có rừng cây thông rất nhiều mà cũng vì nghề làm giấy mà người ta đốn đã gần hết cây.

Làm giấy bằng cây có 2 thể: hoặc làm bằng máy, hoặc làm bằng cách hóa học. Làm bằng máy thì phải dùng cây xốp mềm như cây *peuplier*. Cây cưa khúc ra rồi dựng đứng trên một cái cối mài máy bằng đá cho nó cạ mai cây ra mạc rồi nhờ có giọt nước chảy cái mạc ấy trôi đi vào một cái thùng mà thành ra cái về để làm giấy.

Dùng cách hóa học mà làm thì dùng cây có dầu như là cây thông, cây épicéas, có máy chặc ra từ miếng nho nhỏ như dằm, rồi đem nấu với nước *bisulfite de chaux*, thì nó thành cái về giấy, để làm ra một thứ giấy tốt lắm.

Giấy dày (Carton) — làm bằng giấy vụng, rơm, cây mà nấu lại thành về, rồi làm cũng như giấy làm bằng tay hoặc bằng máy vậy, nhưng chỉ làm ra dày hơn mà thôi. Có khi người ta dùng nhiều tờ giấy mỏng mà dán lại nó thành ra giấy dày.

Còn những giấy màu là giấy đã có pha màu sẵn trong lúc mới làm ra về giấy (pâtes).

THANH-TÂN

ĐÈN KHÍ VÀ ĐỒ PHỤ TÙNG ĐÈN KHÍ

măn-sông hiệu « WIZARD »

dầu lửa, đứng, treo các kiểu

BAN SỈ VA BÁN LẺ

Tại cửa hàng

TRẦN-QUANG-NGHIÊM

200, d'Espagne. — SAIGON

VĂN CHU'O'NG NÔM

Nhị độ mai chú giải

(N° 5) (Tiếp theo)

Những mong giong ruổi dặm dài,
Trông ra bồng thấy bốn người xa xa.
Hỏi ra mới biết rằng là,
Trong kinh lại bộ sai nha rước mình.
Huỳnh hôn gác bóng chinh chinh, (60b)
Truyền tìm quán khách bộ hành nghỉ ngơi.
Bốn người tức khắc vưng lời,
Trước đi tìm chốn thảnh thơi, rước mời.
Tuy rằng quán khách hẹp hòi,
Chốn nằm cũng tịnh, chốn ngồi cũng thanh.
Thung dung nói chuyện trong kinh :
Lư-Huỳnh lủ ấy tung hoành những sao ?
Thưa rằng : chức trọng quyền cao,
Triều quan quá nữa ra vào làm tôi.
Ai ai khóa miệng, bắt hơi,
Ngang vua phú quí, nghiêng trời oai linh.
Đại gia rày ở quan kinh,
Theo đòi nhiều ít thế tình là xong. (61)
Mai-công nổi giận đùng đùng,
Rằng : phen nầy quyết chẳng dung loài hồ.
Vào đây ta sẽ hay cho,
Đừng *Tung*, đừng *Khỉ*, hết *Lư*, hết *Hoàng*.
Mặt nào bắt chước thế thường,
Thiết tha ban tối, khoe khoan nửa ngày. (62)
Gan càng tức, ruột càng đầy,
Truyền thôi cuộc rượu, vào ngay trong bình. (63)
Rạng mai thức dậy trông quanh,
Treo trên thấy có bức tranh *Di Tề*. (64)
Như khêu tấm dạ trung nghì,

Dạy đem nghiên bút tay đề bốn câu :

I

Thuở xưa núi *Thú* (65) hái rau vi,
Muôn kiếp danh thơm, miệng ấy bi.
Ví khiến đời nay còn kẻ ấy,
Miếu đường chi để lủ giang phi.

II

Màng bao bấy nỗi cuộc sang giàu,
Nghĩa cả vua tôi nặng đính đầu.
Thủng thẳng cầm hơi rau núi *Thú*,
Bộn bàng ngảnh nặt thóc nhà *Châu*.
Từng cao, thấp, đá in còn dấu,
Bóng rạng, lờ, trăng tỏ với nhau.
Mặt mắt truyền thần còn thấy đó ;
Hồn trung một tấm vẻ nên đâu.
Than rằng : thinh ứng khí cầu, (66)
Người kim cổ, bụng trước sau một đường.
Lại truyền giục kiệu lên đường,
Trông kinh quốc đã tấc gang đó rồi.
Một vùng riêng đặt phủ trời,
Hoàng thành chớn chớn, cờ đài cao cao.
Cõi người nước nhược (67) nguồn đào, (68)
Liền mây ngàn dảy, bày sao trăm tòa. (69)
Chập chồng bích phấn, tường hoa, (70)
Cửa lầu ngủ phụng, thềm nhà lưởng long.
Bá quan đóng chật sân phong,
Tiếng chen xe ngựa, vẻ lồng cân đai.
Tìm vào lội bộ tại nơi,
Truyền nha môn định ngày mai tấn trào.
Nhắm xiêm, sửa mão giờ lâu,
Uống lưng năm lạy, khấu đầu ba phen.
Lạy rồi rén rén bước lên,
Chúc câu vạn tuế dưng trên cửu trùng.
Tiếng trời đưa lại bệ rồng: (71)
Đặt tòa giản viện kén dòng kẻ trung.
Phải cho vàng đá một lòng,
miệng hùm chớ sợ, vảy rồng chớ ghê.

Tâu rằng : Hồ phận ngu si,
Đem lòng khuyển mã (72) đền nghì biển sông.

Giải nghĩa chữ mắc *(Tiếp theo)*

(60b).— *Bóng chinh chinh*, bóng xế, mặt trời chen lặng.

(61) Làm theo như mấy kẻ khác, đem lễ vật tới lo chút đỉnh thì là xong công việc.

(62) Ai đi bắt chước chi những kẻ như thế thường mà chiu lòn, ban đêm về thì thiết tha rên siết, đến ban ngày trước mặt người bợ đở khoẹ khoan làm chi.

(63) *Trong bình*.— Trong nhà trong, phía sau tấm bình phong.

(64) (65) Di Tề — Tích hai anh em Bá-Di và Thúc-Tề, con của một vị vương hầu nhà Ân. Lúc vua cha mất, muốn truyền ngôi cho con thứ, mà người con không nhận, lại nhường cho anh. Người anh cũng không chịu, bèn bỏ xứ trốn đi ; người em cũng bỏ xứ theo anh. Sau anh em nghe danh tiếng vua Văn Vương là hiền-đức bèn tìm đến ra mắt ; chẳng may đến nơi thì Văn Vương đã mất, con Văn Vương là Võ Vương lên nối ngôi, lập nhà Châu đánh nhà Ân (nhà Thương) là vua Trụ, bèn can gián mà không được. Đến sau nghe vua nhà Châu giẹp được nhà Ân rồi 2 anh em không chịu đầu nhà Châu, bèn vô núi mà ở. Có người nói khôug đầu nhà Châu mà ăn thóc của nhà Châu thì sao ? Anh em bèn vô ở núi Thú-Dương nhịn đói mà chết.— Núi Thú ở về tỉnh Sơn-Tây.

(66).— *Thinh ứng khí cầu* — Đồng thinh tương ứng, đồng khí tương cầu. Nghe tiếng thì hô theo, nghe hơi thì tìm theo nhau.

(67).— *Nước Nhược*.— Suối nước ở trong núi Côn-Lôn mà ra, bao cỏi Thần chia khúc. Nước ấy rất nhẹ, đến nổi lông chim rớt xuống cũng phải chìm.

(68) *Nguồn Đào*.— Đời Tấn, có tên Ngư-Ông ở Vỏ-lăng chèo thuyền đánh cá theo một ngọn rạch, vào đến một chỗ truông, xa thiên hạ, mà vui sướng vô cùng ở đó có một thứ dân ở không thông đồng với dân nào khác cả. Ấy là dân trốn giặc lai sanh ra từ đời giặc Tấn. Người hạ bạc ấy trở về thuật chuyện, ai nấy nghe bèn rủ nhau đi vào chỗ truông ấy mà tìm, nhưng không còn thấy truông đâu cả, xứ Đào-nguyên (xứ Tiên) ấy đã biến đâu mất. Câu nầy, ý sánh chỗ kinh-thành như chỗ Đào-nguyên.

(69) *Tòa*.— Là tòa nhà.— Trên kia phủ trời chỉ là đền vua.

(70) Câu nầy nói vách nhà lầu đài đều tô phấn, dưới có trồng kiển-hoa.

(71) *Bệ rồng*, nơi thềm rồng sân chầu nơi đền vua. Tiếng trời nói là tiếng của vua nói, vua là con Trời (thiên-tử) cho nên tiếng vua nói lại kêu là tiếng trời.

(72) *Lòng khuyên mã*.— Tôi tớ hết lòng trung tín với chủ, như con chó với con ngựa, nó biết thương, biết triều mến chủ, giúp chủ nhiều công việc.

(Còn nữa)

THANH-TÂN

Giới thiệu sách mới

Nhà in Qui Nhơn mới xuất bản một quyển sách tựa đề là « *Memento indochinois* » bằng giấy thật tốt, dày có hơn 200 trang, đóng theo cở nhỏ bỏ túi rất tiện. Ấy là một quyển sách rất hữu ích cho những người đi đường cùng những người ở cõi Đông-Pháp vì trong sách có kể rút những việc thuộc cõi Đông-Pháp nào là nhơn số, nào là thương-mãi, kỷ nghệ, nào các sở chánh-trị các nhà buôn to, lại thêm có lịch sử các quan Toàn-Quyền Đông-Pháp có danh từ xưa, có lịch tây ta, có chỗ để biên chép thân xuất, cùng mấy đều minh nên nhớ, vân vân... Sách bán tại nhà in Qui-Nhơn, giá 1$.

Hồi ngày 17 mars 1925, ông Trạng sư luật khoa Tấn sĩ Phan-văn-Trường có diễn thuyết tại nhà hội quán « Khuyến học Nam-kỳ, nói về « *Việc giáo dục học vấn trong dân tộc Annam* ».

Những lời lẽ và lý-thuyết của ông thật là chánh đáng và rất hiệp với thời thế bây giờ lắm, rõ thật ngài là một nhà đã quan sát được nhiều nhơn tinh rồi. Nay có ông Phan-trường-Mạnh lại xuất bản thành sách những lời diễn thuyết của ông ra, thì những người ở xa, hôm ngài diễn không được đến nghe những lời châu ngọc của ngài, nên mua mà xem và nghiệm xét những lời chí đáng của ngài mà truyền bá lại cho những anh em bà con quen lớn, hãy bớt cái tính hiếu danh lạ kỳ là cái mê-tín khoa-mục. Những nhà có con, nếu muốn con có học thức rộng xa không phải nên cầu kỳ khoa-mục, chỉ là biết lo cho con tìm cách học vấn mà thôi. Nếu có khoa-mục mà nhờ có kim-tiền mới được thì dầu nó có mắc đến đâu thì cũng không đáng cho là một món quí báu vô giá đặng.

Bàn qua đến việc học bằng tiếng nào, thì ngài lại khuyên học bằng tiếng Annam và tiếng Pháp, ngài lại có kể ra những bằng cớ rất đúng lắm; còn như

học được bằng tiếng các nước khác nữa thì lại càng tốt, bởi biết được nhiều tiếng thì càng lợi hơn.

Nay như siển ý tôi nghĩ cũng là nên học bằng 2 thứ tiếng ấy, song không chi hay bằng học dịch tiếng Pháp ra tiếng Nam tiếng Nam ra tiếng Pháp. Như thế thì mình càng hiểu rõ 2 thứ tiếng mà lại được thâm thúy thêm cái văn và cái tiếng mình học nữa Riêng 2 thứ tiếng đó lại cần phải học thêm chữ Tàu để mà làm gốc cho được rõ nghĩa tiếng Annam, không dùng sai chỗ, mà lại là có thế làm giàu thêm cho tiếng ta nữa. Tôi thấy phần nhiều những người nào học Tây giỏi mà học Tàu giỏi nữa, thì tự nhiên tiếng Annam đều giỏi, ý tứ hay hơn người chỉ học tiếng Pháp không mà thôi. Ta tự hỏi lại coi ông Trương-vĩnh-Ký ông Paulus Của, ông Trương-minh-Ký. ông Diệp-văn-Cương, ông Phạm-Quỳnh, ông Nguyễn-văn-Vĩnh, vân. vân. . . vì sao mà giỏi tiếng Annam, rồi suy xét ra thì rõ.

Nay tôi chỉ giới thiệu cuốn sách «Giáo dục học vấn trong dân tộc Annam» của ông Phan-văn-Trường đây cho đồng bào xa gần, dầu đã được nghe cùng không được nghe ngài đã diễn thuyết, cũng đều nên mua mà đọc, rồi nghiệm suy lại coi cái giáo dục học vấn ta phải nên thế nào.

Sách bán tại nhà in Xưa Nay, số 62-64, đường Bonnard-Saigon.

T. T.

3e ANNÉE — N° 121 — 11 FÉVRIER - 1926

KHOA HỌC TẠP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1° — M. BUI QUANG- CHIÊU *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*

2° — M. LÂM-VĂN-HUÊ, *Commis indigène des Services Civils.*

3° — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics à Cholon.*

4° — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*

5° — M. NGUYỄN KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon*

6° — M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*

7° — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*

8° — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN, *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*

9° — M. TRẦN VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Paris.*

10° — M. TRẦN-QUANG-NGHIÊM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*

11° — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*

12° — M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3,00		

MỤC LỤC

Ghẻ chóc..... 2188
Công nghệ đời nay..... 2189
Liệt nữ truyện..... 2193
Văn chương nôm..... 2197
Giới thiệu sách mới..... 2200
Sơ luận cách trí..... 2202-2203

GHẺ CHÓC

Ghẻ chóc nghĩa là ghẻ ở nơi da đầu mà cũng một nòi, một giống ghẻ đó cũng thường khi ở nơi khác trong mình,nơi cẳng, nơi tay nơi mình. — Ghẻ ở nội nơi da mà thôi. — Thường thường ít khi mà biết rằng chóc mới có. — Có chỗ da ngứa, gải nổi đỏ ra một chút, chỗ đó nổi lên một mục trong bóng dặp ra chảy nước vàng vàng. — Nước chảy ra đông lại làm một cái vảy cứng vàng như mậc, mặt nó nhắm nhắm. Như gở cái mặt ghẻ đó ra, thì thấy da ở dưới đỏ hồng, ước ước làm như có bột ở trên mặt. — Thường ở trong mình có mười lăm, hai chục mục làm vậy. — Như không quào, không gải, ghẻ không có lở ra nữa, mau lành, trong mươi lăm bữa thì hết. Song ghẻ hay ngứa lắm, con nít nhỏ hay gải hay quào, có trùng độc khác vô thêm làm cho ghẻ lở lớn lên nữa, có khi ăn xâu xuống hơn nữa, làm ra độc ung, có mủ; còn ở trên đầu thường hay lở lớn và có vẻ, bị chóc dính dưới mặt ghẻ, đau đớn lắm nên con nít hay đau nóng lạnh, hay có hoạch ở nơi cổ, nơi nách, nơi háng. — Cũng có khi bị sưng hết cả mặt. — érydipèle. — nóng lạnh, sảng, làm kinh. Có nhiều đứa săn sóc không kỷ, nổi về từ đầu cho đến chưng, chẳng còn chỗ nào da liền hết; tội nghiệp đứa nhỏ cựa quạy chi cũng khóc cũng la. Mấy đứa đau như vậy cũng hay bị đau đó mà nổi sanh ra bịnh khác độc hiểm, như bịnh sưng cật đái ít; — bịnh đau con mắt, bịnh đau trong óc.

Ở trên đầu, mấy người có tóc có chí nhiều, bị chí cắng phải hay bị chóc.

Vã lại bịnh ghẻ chóc thường bị gải, bị chí mà ra. — Vậy phải cho sạch sẽ trong mình. — Có chí khải làm cho tiệc hết chí. — con nít phải tắm rửa nó mỗi ngày cho sạch sẽ; — Quần áo nó phải giặc nấu với savon. — Tay nó đừng để ra móng tay, cắt và tặp nó rửa cho sạch sẽ

Như mới có chóc, lấy nước chín mà rửa và bó cho rụng mặt rồi tha thuốc pommade oxyon de zim... Bằng không hết đem lại nhà thương có thuốc trị.

Dr TRÂN-VĂN-ĐÔN

Công Nghệ Đời Nay

Nghề in chữ (Imprimerie)

Nghề in chữ mới bày hồi kỷ thứ 15. Trước nữa thì bên Âu-châu chưa ai biết cách chi in sách cho nhiều được, chỉ phải viế bằng tay mà thôi, cho nên làm xong một cuốn sách thì mất ngày giờ nhiều lắm. Làm một cuốn sách có vẽ vời cho đẹp, đóng xong rồi thì quí báu mắc tiền lắm bán một cuốn cả mấy ngàn quan.

Người Trung-quốc (Tàu) biết in sách đã lâu đời (đến nay có hơn 2000 năm rồi), nhưng cách in không giăng tiện như bây giờ. Tuy in ra nhiều được, song trước phải khắc bản vào cây lâu lắc lắm.

Thiệt nghề in bày in bằng chữ in r êng, sấ nối nhau lại thì mới bày hồi năm 1450; người bày ra chữ in và cách in đó là một người nước Đức, tên là ông Gutenberg. Cho nên ông tổ nghề in bên Âu-Châu là ông Gutenberg. Người sau có dựng hình ông ấy bằng đồng.

Nay xin nói qua những máy móc và cách in chữ (sách) đời nay thể nào cho đọc-giả rõ biết

Cách in chữ thì phải dùng chữ riêng mà sấp ráp lại cho thành tiếng, thành câu, thành hàng lần lần thành ra trương, nhờ có khoản trống để phân ra từ chữ và từ hàng.

Chữ in thì làm bằng 80 phần chì pha với 29 phần antimoine (thanh mòng thạch) mà đúc ra, thì nó cứng lắm nên chịu nổi máy in nhiều lần. Chữ in rồi thì tháo ra để dùng sau in lại nữa.

Cách đúc chữ.— Trước khi đúc chữ phải làm một cái khuôn. Khuôn ấy như vầy: Ban đầu người thợ kh ắc chữ dùng một cây sắt thép ngoài đầu có làm chữ nổi, kê cây sắt ấy ngay lên mặt một tấm đồng, mà đóng xuống một cái cho mạnh, làm cho hủn lõ xuống in ra khuôn chữ hủn. Chừng làm khuôn ấy xong rồi đem ráp phía dưới đít khuôn đúc chữ mà làm cái đáy gọi là *matrice* Khuôn đúc thì làm có đường rảnh xuống hình vuông xéo (canal állongé prismatique), mỗi đường chạy ngay xuống mỗi chữ khuôn nơi cái dáy khuôn. — Cái khuôn ấy làm rồi, bây giờ nấu chì pha antimoine cho chảy mà đổ lên khuôn, nó xuống tràng bit theo mấy đường hủn mà xuống khuôn chữ hủn. Chừng nó nguội cứng lại, tháo khuôn lấy chữ ra thì ngó thấy chữ lộ. Thợ bèn đem ra tề sửa mài làm cho trơn bén, công việc làm bằng máy móc rất nhiều không thế chỉ ra cho rõ được. Chữ làm xong rồi thì gói lại, từ gói mà gởi cho thợ in xem thử lại, rồi mới sắp ra ngăn hộp. — Một cái khuôn sắt bằng chữ lộ để đóng làm khuôn chữ hủn thì làm được không

biết bao nhiêu tấm đồng làm đáy khuôn, rồi mỗi đáy khuông chữ hủn đúc ra được chẳng biết là bao nhiêu chữ in con. Công việc đúc chữ in bên Tây đều làm bằng máy móc riêng cho nên mau mà nhiều lắm.

Cách sấp chữ (Composition). — Tiếng gọi sấp chữ chẳng phải kể khi sấp cho thành trương mà thôi, gồm đến cả các công việc làm trước khi in ra trương sách, như là sấp chữ, sấp trương sửa bản.

Sắp chữ.— Sấp chữ thì là phải coi theo bài trong tập sách viết của tác giã mà sấp ra từ chữ một, chữ một cho thành tiếng. thành câu và thành trương. Làm như vầy : Người thợ sấp chữ đứng trước cái hộp ngăn đựng chữ in (*casse*) để xiêng xiêng trên cái bàn, tay trái cầm một cái *composteur* (cái cự, cở) bằng sắt một bên lên như cây thước nách và bít một đầu. Trong cái thước ấy có một cái mặt vuôn chạy tới lui để mà ngăn chữ, làm ra một hàng chữ dài là bao nhiêu. Người thợ dòm vô tập sách để trước mặt mà đọc, rồi tay mặt lựa chữ in mà sấp lần lần lên composteur ; phải sấp cho xuôi chữ, cho cái đường rảnh chữ ăn nhau. Sấp được mỗi chữ thành tiếng (mot) nào thì phải nhớ sấp nối theo phía cái mặt một cái khoản (*espace*) cũng như chữ in mà trơn và thấp hơn cái chữ in. Sấp được hàng nào thì phải lót vô 2 đầu những đồ ngăn đặng cho nó ép chữ lại cho đều. Cách cái hàng ấy phải để một cây thước nhỏ mà ngăn cái khoản hàng (*interligne*) cũng thấp hơn chữ in. Sấp đầy một cái composteur rồi thì lấy ra đem sấp lại lên trên tấm vánng có bìa cong lên kêu là *galée*. Xong rồi sấp cho đầy một cái composteur khác nữa, rồi cũng để nối theo hàng đã sấp khi nảy trên tấm váng galée, cho đến khi nó gần đầy hết thì lấy chỉ giây buộc lại làm như bó vậy.

Sấp trương (mise en pages) — Bây giờ thợ mới lấy trong mỗi bó đã sấp thành hàng khi nảy mà đem sấp lại cho thành trương, một trương là mấy hàng, bề cao bề ngan là bao nhiêu, rồi sấp tựa, sấp số trương, và số xấp (folio). (Một xấp là một tờ giấy nguyên, số xấp để nơi trương đầu của mỗi tờ giấy.)

Sấp mặt bản. — Làm trương rồi, bây giờ phải lo sấp mấy trương chung lại một bản; sấp thế nào cho đến khi in cả mặt bản vào một mặt tờ giấy, rồi in bản khác vào mặt bên kia tờ giấy nữa, đến chừng xếp lại thành một xấp thì những trương sách đều tiếp kế nhau được.

In bản thử và sửa bản. — Bản đã sấp xong hết rồi, bây giờ in thử ra một tờ coi có chỗ nào sái thì sửa lại. Vậy phải lấy cái ống cáng mực in mà lăng lên trên mặt bản cho chữ in dính mực đều, rồi đấp một tờ giấy lên mặt đem vô máy ép in, thì chữ in qua tờ giấy. Đem tờ giấy in rồi với cái tập sách viết của tác giã cho người sửa dò theo mà sửa mấy chỗ sái lại cho trúng, Có chỗ có một người cầm quyển giấy mà đọc to lên cho người sửa dò theo, gặp chữ nào sái thì làm dấu riêng, gạch ra ngoài lề mà sửa đặng sau thợ sấp chữ dễ biết mà sửa chữ lại.

Tờ giấy in sửa rồi giao lại cho người sấp trương, coi chỗ nào sái thì chỉ oho thợ sấp sửa lại, phần của ai sấp sái đâu thì nấy sửa đó. Muốn sửa bản thì phải đè trước cái hàng chữ, rồi lấy nhiếp mà gắp cái chữ nào sái ra, đặng thế chữ khác vào cho trúng.

Xong rồi in lại một tờ thứ nhì nữa mà đưa cho tác giả xem lại, có chỗ nào sửa, hay thêm bớt nữa tùy ý cho đến khi nào tác giả đã vừa ý hết rồi có đề trên đầu tờ giấy một câu « *in được* » (bon à tirer), thì chừng ấy thợ cứ việc in luôn, không sửa lại nữa.

In ra sách (Tirage).— Bây giờ phải đem bản sấp xong rồi đó vào máy in mà in. Có hai thứ máy in, một thứ quây tay và một thứ cho chạy máy.

Thứ quây tay mà in thì là thứ dùng từ hồi xưa, nay ít ai dùng đến, chỉ để in bản thử hoặc in đồ nhỏ mọn không đáng in nhiều mà thôi. — Đem cái bản in đề lên bàn, rồi lấy ống mực mà lăn lên, để tờ giấy nhúng nước ướt sẵn vô trong cái khuôn, đậy nắp lại cho tờ giấy đừng chạy và đừng lem, rồi để khuôn lên mặt bản in, cho tờ giấy nằm ngay lên mặt ; quây máy cho khuôn và bản chun vô cái đồ ép kêu là *platine*, rồi vặn máy ép xuống cho ăn chữ; quây trở lại cho khuôn và bản trở ra, đặng lấy tờ giấy lên, in tờ khác nữa, cứ làm vậy hoài. — Như sách có in hình thì, trước phải để khuôn hình vô cái bản in, nơi chỗ trống in hình. Khuôn hình làm hoặc bằng kẻm hoặc bằng đồng, hoặc bằng cây, v. v.— Chừng in xong hết một mặt rồi thì phải thay bản mà in qua mặt khác cũng làm như trước vậy, mà phải làm sao cho trương sách ăn tiếp nhau, đến khi xếp lại đừng lộn.

In bằng máy thì các việc in thảy đều bằng máy cả, người thợ chỉ lo sấp giấy vô máy mà thôi. Hễ giấy sấp vô thì máy chạy kéo đi vô in, in xong thì tháo trở ra cho người thợ lấy mà sấp ra ngoài, Bản in đề vô cái bàn máy, nhờ máy chạy, cái bàn chạy vô chạy ra, cái ống mực lăn lên bản rồi, thì bản chạy ngay lại cái ống bắt giấy, tờ giấy chạy xuống in ngay lên mặt bản.

Giấy in như thế được mới có một bề mà thôi, còn phải in một bề nữa, Có thứ máy khéo, có ống nhiều cũng chạy chung một lược với máy, in trước một bề ; tờ giấy in rồi một bề còn một bề trắng bèn chạy lòn theo ống mà qua cái máy liền đó, sẵn bản in đề in mặt kia, bèn chạy xuống cho máy in luôn cái bề mặt giấy trắng cách in cũng y như trước, song giấy in xong hai mặt rồi thì chạy luôn ra ngoài, có người coi hứng bắt lấy mà sấp riêng lại một chỗ.

Cách in như vậy thật là mau lắm bây giờ bên các nước văn minh đâu đâu cũng dùng máy ấy. Hồi trước máy còn chạy bằng hơi nước, bây giờ lại chạy bằng hơi điền lại càng tinh xảo mau lẹ hơn nữa, mà lại bớt số nhờn công. Bây giờ máy móc lại còn tinh xảo hơn nữa : trước máy chạy như thế nói trên kia một giờ in được có 6 ngàn tấm ; máy bây giờ máy quây 3 người thợ mà in một giờ

gần 5 muôn tấm bằng tờ nhựt-trình nhỏ thường.

Cách in chạy bằng máy nhờ có một người nước Anh tên là *Nicholson* nghĩ ra trước, sau nhờ có 2 người thợ đồng hồ tên *Kœnig* và *Bauer* làm ra máy dùng tiện được (năm 1814) — sau nhờ có một người Pháp tên *Marinoni* bày máy in thứ bây giờ. Máy ấy gọi là *máy quây* (machine rotative,) hễ thấy vật gì cũng đều quây tròn, đến bàn in cũng chung với cái ống mà quây, tờ giấy cũng quấn vô trong ống mà quây tháo ra, tháo tới đâu thì in ra tới đó hoài, in luôn một lần 2 mặt; in xong chạy ra ngoài thì có máy cắt, máy xếp. Cách đó bên Tây dùng để in nhựt báo hằng ngày ra cả bốn năm chục muôn tấm.

Khi nào in xong đủ số hết rồi, thợ phải tháo chữ in đã sấp khi trước ra mà chùi lau cho sạch sẽ rồi để lại vào bộp ngăn để dùng qua khi khác.

Có kẻ muốn làm thế để dành bản đặng ngày sau sách có hết thì in lại, khỏi mất công sấp ra bản khác nữa. Cách đó kêu là *stéréotypie*. Cái bản in củ để làm cái khuôn kiểu, dùng cách thế mà in vô cái khuôn làm bằng vật chi khác để mà in cái khuôn kiểu vào cho nó thành khuôn hủn lấy trọn cả mặt bản. Rồi lấy khuôn ra, đổ vật kim pha đã nấu chảy lên khuôn hủn ấy, chờ nó nguội, đặc lại thì nó thành ra cái bản in đặc như bản khắc vậy, giống in như cái bản củ đã làm kiểu vậy. Cái bản ấy làm xong thì làm cho nó dày vừa thế nào đặng để ngày sau thế bàn in củ mà in sách lại nữa.

(Sau sẽ nói về cách in hình)

THANH-TÂN

Liệt Nữ Truyện

Chuyện nàng con gái có hiếu *(Nº 2)*

(Tiếp theo)

Thanh-Tân dịch thuật

Tuy vậy mà còn một nỗi khó cho nàng nữa, là phải có giấy thông hành, bằng không dầu nói ra khỏi làng cũng chẳng được. Phần không chắc xin với quan khâm-mạng Toàn-quyền được chăng, vì mấy lần vào đơn trước cũng bặc tin.

Nàng phải đình sự đi lại, chờ khi khác, bây giờ chỉ cứ lo thế cho có giấy thông hành.

Trong làng nàng ở có một người tội nhơn tên là Nay-Le (Neiler) gốc ở Rút-xi, con người thợ may Đức-quốc; người ấy xưa làm tiểu đồng cho một anh học-trò ở trường Cao-đẳng Moscou cho nên nhờ vậy mà anh ta nổi tiếng là người thông thạo trong làng. Người ấy không hay tin việc dị đoan. Cái tánh kỳ khôi với cái nghề may của va làm cho trong làng ai ai cũng biết danh, nên thường có kẻ thì mướn vá áo, kẻ lại ghẹo phá cái tánh lỗ mãng của va. Trong mấy người hay ghẹo cũng có anh Lô-bu-lốp (Lopouloff), anh thợ may cũng có khi hay đến nhà mà chơi. Anh ta thấy nàng Prascovie hay tin tưởng việc đạo, nên thường cười nhạo nàng, kêu nàng là thánh-nữ Prascovie.

Còn nàng lại tưởng anh ta là người thông thạo, nên tính mượn người làm đơn xin với quan Toàn-quyền trong ý nàng ước cho cha mình ký tên vào rồi thì khỏi lo cảng trở, việc ắc phải xong.

Ngày kia nàng giặt đồ rồi, bèn sửa soạn trở về. Thường trước khi đi, nàng làm dấu thánh giá rồi mới ôm đồ mà đi. Lúc ấy anh Nay-le đâu vừa đi tới, thấy vậy bèn ngạo nàng và nói: « chớ phải em múa ít cái nữa như vậy, chắc là có phép phi thường, từ nhiên đồ giặt ấy đi về trước một mình. » Rồi vừa nói vừa dành đống đồ mà vát, và nói rằng: « Thôi em đưa đây, anh làm cho em biết rằng, những kẻ không hay tin cũng giỏi vậy. » Nói rồi bưng thúng áo đi về cho tới trong làng.

Giọc đường nàng ước có một đều xin cho được giấy thông hành, nên mới nói với anh ta làm ơn giúp sức xin giùm; mà lại rủi anh kia là người dốt không biết chữ; anh ta mới nói thiệt rằng; từ khi anh qua nghề thợ may thì bỏ không lo tới văn-chương, chữ nghĩa nên quên hết, rồi ảnh chỉ cho nàng, nói trong làng có một người giỏi, nàng ắt cậy được.

Nàng Prascorvie rất mừng, trở về tính ngày mai thi hành lời ấy. Về đến nhà thấy có vài người khách, anh Nay-le khoe lớn rằng mình giúp cho cô thánh-nữ được việc cho nên nảng khỏi mất công làm phép, và ngạo dởn nhiều cách nữa; nhưng anh

ta lại bị nàng trả lời một câu mà nghẹn ngào hổ thẹn. Nàng nói:

« — Sao tôi lại không tin cậy nơi lòng Trời được? Tôi mới cầu nguyện đọc kinh có một lát nơi bờ rạch, mà đồ giặt của tôi, tuy không về một mình, chớ nó về mà tôi khỏi mắc bưng, lại bắt người vô-tín phải bưng về. Như vậy thì phép lạ đã có rồi, tôi còn mong chi nữa?»

Nghe mấy lời ấy, ai nấy cũng đều cười, chộ anh thợ may, làm cho anh ta mất cở phải đi một nước. Nhờ cái trí lanh lẹ ấy mà sau nầy dầu cơn khó ngặt đến đâu, nàng cũng chẳng hề nao núng.

Qua ngày sau nàng lật đật đi tìm nhà kẻ đã được người điểm chỉ cho nàng mà cầu, mới biết rằng cái đơn ấy phải nơi tay nàng ký lấy. Anh kia mới thảo đơn theo như cách thức; vậy mà anh Lopouloff còn dùng dằng không chịu gởi, đến sau lâu mới bằng lòng gởi, đặng thừa dịp gởi luôn một cái thơ nữa mà nhắc chuyện riêng của mình. — Chừng ấy nàng mới bớt sự buồn rầu, mặt mày tươi tốt, cha mẹ lấy làm mừng rở mà thấy con rày vui vẻ tươi cười.

Sự vui mừng ấy chẳng qua là vì nàng chắc ý xin được giấy thông hành và cũng bởi lòng nàng tin cậy Trời phù hộ cho đó thôi.

Bây giờ nàng thường đi chơi theo đường lộ qua Tobolsk, có ý chờ khi gặp xe tờ mà hỏi thăm nàng đến trước nhà trạm ngựa mà nói chuyện với người coi ở đó, vì người ở đó cũng coi phát một ít thơ từ về làng Ich-sim (Ischim). Mà bấy lâu nay thì nàng không dám hỏi tới, vì người ấy nói tiếng nghe mau mà cộc cằng và thường khi hay ngạo nàng cái ý muốn qua Xanh-bê-tiết-bua.

Từ ngày gởi đơn đến nay kể đã sáu tháng trời rồi. Ngày kia có tin đến cho gia quyến hay rằng có xe trạm về lại có thơ cho ít người trong làng nữa. Nàng Prascovie nghe tin lật đật chạy ra nhà trạm; cha mẹ nàng cũng theo sau. Chừng đến nơi Lopouloff nói tên mình, chủ trạm bèn đưa ra một gói trong ấy có tờ giấy thông hành của con, rồi lấy tấm biên lai (reçu).

Lúc ấy bà con đều thảy vui mừng vì bấy lâu nay bặc tin nhàn cá nay thấy gởi gói nầy, tưởng còn chỗ cậy trông. Nhưng mà trong gói ấy không thấy thơ trả lời với cái đơn của Lopouloff xin.

Còn nàng thì rày được thong thả, không ai mà còn lấy dạ bất công cầm làng ở lại, làm cho trái ý nàng được nữa. Còn đơn của cha nàng xin mỗi nẻo cũng đều bị bất đây, thì càng rõ chắc là người chẳng được thọ ân trên. Càng nghỉ đến sự ấy bao nhiêu sự vui trước cũng đều tiêu mất cả. Người bèn giựt lấy thông hành của nàng. Sẵn cơn nóng giận, người nói xưa người chịu xin giấy thông hanh, là tưởng chắc quan trên không lẽ nhậm lời phê cho, mà để cho con mình phải biệt ly xa cách vậy.

Nàng Prascovie chẳng hỏi đều chi cứ theo cha mẹ về nhà, lòng những tin cậy, nên lầm thầm tạ ơn thánh chúa nhậm lời nàng ước nguyện.

Còn cha nàng gói kỷ tờ giấy thông hành vào khăn rồi ôm chung với gói đồ mà đi về. Nàng có ý xem, thấy

cha nàng giữ kỷ, lòng cho là điềm tốt, chớ nàng đã e người xé đi. Nàng nghĩ rằng xưa nay cha mình không chịu cho đi, ấy chẳng qua số trời chưa định ngày cho mình đi đó thôi.

Xong rồi nàng vô rừng ở hơn hai giờ châm chỉ đọc kinh, trong lòng vui mừng chẳng xiết, không chó chút nghi ngờ rằng việc mình chẳng nên .....(1).

Trong mỗi việc gì nàng cũng cho là ý trời đã định cho nên nàng mới nói: «—Tôi có nhiều khi cũng mắc lầm, song chẳng hề lầm trong đều tin cậy Trời.»

Có một việc cách vài ngày sau nầy nữa, mà khiến cho nàng càng vui lòng phấn chí, và có lẽ vì thế mà cha mẹ nàng cũng phải quyết định theo nữa.

Mẹ nàng tuy không tin tưởng dị đoan lắm, song cũng hay kiếm đoán việc tiên-tri trong mỗi sự xảy thường trong đời, tuy không tin ngày hung kiết, chớ mần việc chi cũng tránh bữa thứ hai(2) và chẳng ưa coi lật dĩa muối.

Đôi khi người cũng lật quyển Sấm truyền, thấy câu nào trước hết thì lấy nghĩa ý mà suy ra coi giống số phận mình chăng và toán ra điềm lành cùng dữ. (Bên Rút-xi thường hay dùng cách ấy, như câu nào vô nghĩa thì lật lại)

Những người gặp cơn nạn khó thường vậy, tuy lòng chẳng tin tưởng lắm, song hễ gặp câu ý hiệp với cái hy vọng mình thì lấy làm vui lòng đắc ý lắm.

Mỗi khi tối Lopouloff thường hay lấy sách thần kinh mà đọc một chương và cắc nghĩa cho vợ con nghe Nàng Prascovie nghe lấy làm vui vẽ lắm. Có một buổi chiều kia buồn bực bà con ngồi dựa bàn đọc sách xong rồi thì thấy vắng vẻ lặng êm. Nàng Prascovie vùng cất tiếng nói với mẹ rằng; « Thưa mẹ, đâu mẹ giở sách ra kiếm chữ hàng thứ 11 bên trương hữu coi. »

Mẹ nàng liền lấy sách, cầm cây kim mà giở ra, rồi đếm bên mặt cho đến hàng thứ 11, rồi đọc lớn lên rằng: « Vả lại có một vì thiên-thần kêu « Agar trên trời mà nói: ngươi làm « gì đó, đừng sợ chi hết. »

Nghe câu ấy rồi bàn qua việc hành trình đây, thì thấy rõ chắc, không thế nghi ngờ sợ sệt nữa.

Nàng Prascovie mừng rỡ cầm cuốn sách lên mà hun đôi ba lần. Bà mẹ nàng ngó chồng mà nói: «— Cái đó cũng lạ quá thấy ông? »

Nhưng anh chồng không muốn cho con đi, nên nghe những câu tiên-tri ấy, thì giận cải lại chớ chẳng chịu tin, người nói: « Mẹ con bây tưởng lấy kiêm mà lật sách hỏi trời như vậy, rồi Trời lại trả lời những câu hỏi điên cuồng vậy sao? » Rồi day lại nói với con rằng: « như vậy thì chắc là có một vì thần đi theo bảo hộ con giọc đường, cho con ăn uống khi đói khác đa. Vậy nếu bỏ cơ hội nầy chẳng là điên-khùng lắm phải con ! »

---

(1) Bỏ một khúc không ăn vào truyện,

(2) Theo thói tục Nga-la-tư, bữa thứ hai là ngày chẳng lành, cho nên cử không nên đi đâu trong ngày ấy.

Nàng trả lời rằng nàng không dám trông chắc gì có thiên thần ủng hộ, theo cứu giúp nàng đi đường. Rồi nàng tiếp: « nhưng mà con ước mong và tin chắc vì thiên-thần ủng hộ con chẳng bỏ con và lại còn khiến cho con không thể cải thối cái sự hành trình nầy đây được nữa. »

Lopouloff nghe con mình quyết chí cũng rúng lòng. Tuy vậy mà cách một tháng rồi cũng không nói đến việc lên đường nữa.

Nàng Prascovie lúc nầy tỏ mặt sầu bi lo lắng. Thường khi nàng hay ở một mình nơi chốn rừng hoang, hoặc trong phòng tối, chớ không còn tỏ lòng triếu mến mẹ cha nữa. Lắm lúc nàng lại hâm muốn đi mà chẳng thèm lấy giấy thông-hành; cha mẹ thấy nói vậy sợ nàng có đi liều, nên mỗi khi nàng có đi đâu vắng lâu hơn ngày thường, thì cha mẹ lấy làm lo buồn lắm.

Ngày kia 2 ông bà tưởng nàng đã đi mất, vì khi đi xem lễ trở về một mình, nàng đi theo một đám con gái về nhà rơm gần đó mà ghé đó chơi hơn đôi ba giờ. Chừng nàng về nhà người mẹ ôm nàng mà hun, lụy tuôn xuống mắt, và nói: « Sao con về trễ quá vậy con, làm cho mẹ ngỡ con đã bỏ mẹ cha mà biệt ly muôn thuở rồi. » Nàng liền nói: « Chẳng bao lâu đây cha mẹ cũng sẽ thấy cái sự buồn ấy, vì cha mẹ chẳng khứng đưa cái giấy thông-hành cho con, rồi đây cha mẹ đừng có than tiếc sao có hẹp lượng mà chẳng khứng cho con đi. » Nàng không hun lại mẹ mà trả lời câu ấy giọng nghe rất đỗi bi ai tức tưởi, khiến cho mẹ nàng càng cảm động muôn phần,

Mẹ nàng lại muốn cho nàng an lòng, nên hứa chẳng cản trở nàng nữa, và nói rằng cái sự hành trình ấy chỉ nơi cha nàng cho phép cùng không đấy mà thôi. Nàng không hỏi xin đâu chi nữa, chỉ tỏ mặt sầu bi cũng đủ khiến cho cha nàng chẳng biết liệu toan sao nữa.

(còn nữa)

VĂN CHƯƠNG NÔM

Nhị độ mai chú giải

(N° 6) (Tiếp theo)

Tan triều lịnh ngự vào trong,
Bá quan lui xuống đều cùng bước ra,
Mai-công toan trở lại nhà,
Tiện gần tướng phủ sang qua vào liền.
Nghiêm trang, cửa thế, sân quyền,
Trước bia hạ mã chật lền ngựa xe
Ông bèn giả cách vô tri,
Ngồi chăm chắm kiệu vào kề nghi môn.
Môn quan trông thấy nạt giồn,
Lao xao ngăn đón, ồn ồn hỏi tra.
Ông rằng: đâu chẳng biết ta,
Huyện quan về bộ lại khoa ngày rày ?
Buổi chầu nhân tiện sang đây,
Nhờ ai ở đấy bẩm thay cho tường.
Môn quan rằng: lệ phủ đường,
Có đồ yết lễ, có vàng muôn bao. (73)
Có, thời sẽ bẩm cho vào,
Bằng không sẽ chực ngoài rào xa xa.
Ông rằng: « lệ đặt bao giờ?
Ấy là quốc pháp hay là phủ-qui?
Ta đây vốn chẳng cầu chi,
Vào thì cũng được, ra thì cũng nên. »
Không xuống kiệu, vẫn ngồi trên,
Tay cầm thủ bổn ném bên thềm ngoài.

*
* *

Kiếp truyền quân kiệu tháo lui,
Sang tòa đô sát hiệp người đồng-niên.
Phùng-công ra đón rước liền,
Chủ tân một hội hàn huyên bấy lời (74)

Sự tình kể lễ lôi thôi,
Ngoài ngàn muôn dặm, trong mười mấy năm (75)
Xiết bao trò chuyện tri-âm, (76)
Khói hương cao thấp, chén trầm đầy vơi.
Mai-công rằng: Lúc mới rồi,
Tức gan vã lại nực cười lắm sao.
Kể từ tướng phủ mới vào,
Thế nào khinh dễ, thế nào hỏi han.
Miệng đường lại, mặt môn quan,
Người xin đòi lễ, ta qnăng nhắm tờ. (76bis)
Đỉnh đinh kẻ tóc chơn tơ,
Từ đầu đến cúi, kể qua một hồi.
Chư công rằng: hảy kín hơi !
Nghĩ cho chính, mới là người tri cơ.
Rồi đây trời cũng có ta,
Làm bao giờ biết, bấy giờ mới cao.
Ông rằng: những thế thảo nào,
Bè gian trách chẳng quyền hào lắm ru.
Như bây giờ việc nên lo,
Khuấy hôi *Thát đát*, bày trò *Triều châu*. (77)
Tôi đà nghĩ trước nghĩ sau,
Muốn an chi khỏi lấy đầu họ Lư ?
Thôi ! đừng sợ oán sợ thù,
Rày lần mai lựa nhập nhù (78) khó coi.
Việc nầy giao một mình tôi,
Để mà xem *Khỉ* với *Mai* thế nào.
Ví bằng giải kiết làm sao,
Giữ gìn Mai thị trổ vào lối sanh. (79)
Già nầy dầu thác cũng vinh
Suối vàng khuất mặt cũng khinh khích cười. (80)
Thốt rồi từ tạ bấy người
Tấc riêng thề chẳng đội trời với ai.

(Sau tiếp)

Giải nghĩa chữ mắc *(Tiếp theo)*

(73) *Có vàng muôn bao*, là phải có đủ một muôn bao vàng. Vàng làm ra thoi nho nhỏ, gói giấy, bao giấy.

(74) Chủ với khách hỏi han nhau việc nhà, cùng sự mạnh giỏi thể nào.

(75) Kể những sự tình trong lúc xa nhau hơn ngàn muôn dặm từ trong mười mấy năm.

(76) *Tri âm*: Bằng hữu biết tiếng nhau, chỉ là bạn thiết.

Tích *Du-bá-Nha* với *Chung-tử-Kỳ*. Bá-Nha làm quan nước Sở, có tài khảy đờn cầm rất hay kêu là đờn ngủ-huyền cầm (đờn cầm 5 giây). Một đêm kia Bá-Nha đi thuyền đậu nơi mé sông mà đờn, một chập xảy có một sợi dây đờn đứt, ngài biết có kẻ rình nghe, vì đờn ấy có phép lạ, hễ có sự gì phi-thường thì bổng nhiên đờn kêu sái tiếng hoặc đứt dây. Ngài bèn sai người lên bờ đi kiếm coi ai rình nghe, thì gặp một người tiều-phú tên là Tử-Kỳ. Bá-Nha mời xuống ghe mà hỏi thăm, thì Tử-Kỳ đối đáp rất hay, ngài lấy làm khen phục. Sau ngài đờn cho Tử-Kỳ nghe rồi hỏi có biết ý ngài đờn mà lòng tưởng ở đâu chăng, thì Tử-Kỳ cũng đáp trúng ý Bá-Nha hết cả, vì thế mới gọi là *tri-âm*. Hai người bèn kết nghĩa kim bằng, hẹn nhau năm sau sẽ gặp tại chốn nầy nữa. Năm sau Bá-Nha đến thăm Tử-Kỳ mà chẳng gặp Tử-Kỳ, chỉ gặp người cha mà thôi. Bèn hỏi thăm mới hay Tử-Kỳ đã thác. Bá-Nha mới xin dắc tới mộ Tử-Kỳ mà cúng lễ, xong rồi ngài lấy đờn mà khảy một bản rất bi-ai; khảy xong lại đập bể nát cây đờn nói rằng từ đây không còn ai biết nghe tiếng đờn của mình nữa, vì có một mình Tử-Kỳ biết nghe, mà nay đã thác thì còn ai nữa mà nghe đặng.

(76 bis).— Những kẻ đường-lại, môn-quan (quân-hầu) đòi lễ, thì ngài lấy nắm giấy mà quăn cho nó.

(77) *Thát đát*, mọi ở về giáp giới phía tây. Còn *Triều châu* là phủ thuộc Quảng-Đông.

(78) *Nhập nhủ*, lò ra thục vô (như đầu con rùa), lần lựa.

(79) *Trố-vào lối sanh*, đi vào ngã sóng, kiếm thế mà thoát thân.

(80) *Suối vàng*, huỳnh tuyền là nơi 'chín-suối (cữu-tuyền) chốn Âm-ti (phủ). Dầu xuống chốn Âm-ti, dạ đây cũng vui mà cười khanh khách vậy.

THANH-TÂN

Giới thiệu sách mới

M.M. Ng-tr-Hy và B.c. Trừng mới xuất bản bài diễn-thuyết của ông PHAN-CHÂU-TRINH diễn tại hội Việt Nam hôm ngày 19 tháng 11 năm 1925, nói về *«Đạo đức và luân-lý Đông-Tây»* Mấy trương đầu có dẫn lược sử của ông.

Đại ý trong bài diễn-văn ấy, thì ông Phan-châu-Trinh so sánh cái luân-lý và đạo-đức của Tây và của Nam ta, nói rằng luân lý và đạo đức của Annam ta bây giờ suy lắm, còn bên Tây thì càng ngày càng tấn. Nước ta bây giờ không có cái xả-hội luân lý, quốc gia luân lý, mà lại còn sanh thêm cái thói nô lệ. Các nước văn-minh được cường thạnh chẳng qua cái tinh đoàn thể, cái tình ái-quốc của họ, ta suy nhược là vì thiếu mấy cái đức ấy, ta phải gắng mà vung trồng lấy mới mong có ngày mở mặt với ngoại bang được.

Những lời ông nói thật là khẳng khái chí đáng lắm, ai là người Annam, hảy mua sách ấy mà xem, trước là cho rõ sự tích của một người Annam đáng kính đáng trọng hết lòng vì nước vì dân, sau cho rõ những lời quí báu của một nhà ái quốc rất xứng đáng là con cháu Lạc-Hồng.

M.M. B.c. Trừng và Tr.h. Liệu lại có xuất bản quyển sách nói việc ông «PHAN-BỘI-CHÂU» bị xử hiếp và dư luận của quốc dân đối cùng ông. Ông với ông Phan-châu-Trinh đã nói trên kia là 2 nhà đại danh ái quốc của nước Annam ta ngày nay, vì nỗi lòng thương đồng bào mê muội trong vòng áp chế, nỗi tình thương nước suy nhược vì một đám quan lại tham tàn mà phải chịu lắm cơn khổ não, đất knách lưu lý, ông thì mười mấy năm trời

bên Pháp địa, ông lại 20 năm dư nơi cõi ngoại.

Vậy thì phận ta, ta phải nhớ ân người vì ta mà lắm phen lao khổ, ta phải mua sách nói về hai ông mà xem cho rõ sự tích để mà ghi lòng cho nhớ.

Sách bán có 2 cắt một cuốn, đã rẻ mà quí hơn là những truyện phong tình huê nguyệt, xem đã hại tâm trí mà lại mất nhiều tiền Saïgon Lục tỉnh đâu cũng có bán.

T. T.

SƠ LUẬN CÁCH TRÍ

Lôài động-vật (*liếp theo*)

Loài thú hay bò (Reptile)

Những thú thuộc loài nầy thường hình dạng khác nhau, duy có giống là cái sự bò mà thôi. Như *con rùa*, con *thằng lằng*, con *rắn* mỗi thứ đều khác hình nhau, mà giống có một sự bò. Cho nên ta nói *rùa bò, rắn bò, sấu bò* chớ không ai nói *rùa đi, rùa chạy. rắn đi, sấu đi...*

Con rùa có *mỏ cứng* như mỏ chim có 4 chưn và một cái mu bao hết cả mình nó; con thằng-lằng có chưn, có răng mà không có cái mu như rùa con rắn thì không chưn cẳng chi hết,

Cả 3 loại ấy minh dều có vãy không gở được như vãy cá, đẻ trứng như trứng chim, mà không cứng lắm.

Loài rùa (Tortues). — Rùa có thứ ở đất, thứ ở bưng ở sông, thứ lại ở biển.

Rùa đất cái cẳng vắn, cái mu bầu mà cứng chắc lắm, sức chịu nỗi người ta lên đứng trên lưng mà không bể. Rùa ấy nhỏ con ít khi lớn. Nhưng vậy mà bên Phi-châu người ta gặp có con dài quá một thước tây.

Rùa bưng, rùa sông, cái hình nữa giống rùa đất, nữa giống rùa biển. Nó hay ở bưng ở đia, cùng ở trong sông rạch. Nó là thứ rùa nhỏ con hơn mấy thứ kia: nhưng vậy có khi người ta cũng gặp con to lớn dị thường;

Rùa biển là những rùa ở nước mặng ngoài biển, to lớn con lắm, cái mu không bầu như rùa sông rùa đất mà lại hơi giẹp giẹp như mu *cua-đinh*, chưn cẳng cũng giẹp như mái dầm mà lại dài cho nên lội dưới nước rất tài. Người ta gặp có con to lớn đo bề giài có hơn 2 thước tây. Rùa biển ở Thái-tây đương (Océan Atlantique) có nhiều, người ta hay đi kiếm bắt mà ăn thịt, ăn trứng cùng lấy vãy nó. Rùa có vãy tốt, trong láng có vân ta kêu là *con qui* con *đồi-mồi*. Ở vịnh Xiêm-la, nơi một Hà-tiên ta có nhiều đồi-mồi tốt, người ta bắt mà lấy vảy làm đồ trang vật cùng là lược chải.

Loài thằng-lằng (*Lézards*). — Trong loại nầy con thú lớn hơn hết là *con sấu* (crocodile) da vảy rất dày đạn qua không phủng, sức mạnh vô cùng, người người đều sợ. Ở mày sông to bên Phi-châu, Á-châu và Mỹ châu có sấu to ở nhiều, có lắm con dài hơn 8 thước tây. Nó là gtống ăn thịt; người ta léo gần nơi nó ở ắt là bị nó bắt mà ăn.

Mấy loại một giống với nó, cái hình hơi giống nó, nhưng tánh hiền và nhỏ con. Như con *kỳ đà, kỳ-nhông, cắc-ké, kắc-kè, thằng-lằng, rắn-mối*, rắn *liêu-điêu*, v.v. Con kỳ nhông rất lạ, trên lưng có *kỳ*, màu sắc nó thay đổi không chừng, lúc xanh, lúc đỏ, lúc vàng, lúc xám, lúc đen, vân vân, tùy khi nó giận cùng không,

Con thằng-lằng có một sự lạ nầy là hễ khi ta niếu đuôi nó sứt đi thì

cái đuôi ấy nguo-ngoe như còn sống dính với mình nó vậy. và hễ no có sút đuôi thì *ít lâu* nó cũng mọc lại dài y như trước.

Có một thứ thằng-lằng rất kỳ nữa. Tây kêu là con *orvet* hễ ai bắt nó thì nó đứt ra làm 2 khúc, cho nên có kẻ lại kêu nó là *rắn chai* (kiến) vì chai kiến hay bể.

Loại rắn (serpents). — Loài rắn có thứ *rắn độc* có thứ *rắn hiền*. Rắn độc hễ cắn mồ nhằm ai thì nhả độc (venin) theo răng ra ngoài thịt làm cho nhức-nhối sôi đờm mà chết.

Rắn hiền không hay cắn mồ mà hay quấn mồi thịt mà ăn. Vậy thì rắn nầy không hại người nỗi, trừ ra thứ nào to lớn lắm như *con trăn* (boa), con rắn *python* và một ít thứ rựa là loại rắn lớn con hơn hết, có khi dài đến mười mấy thước tây Rắn to như vậy, dầu trâu bò cọp beo mà gặp nó quấn thì cũng bể sường mà chết, huống chi người. Rắn nhỏ hơn thì có *rắn rồng*, *rắn nước*, dài lắm thì chỉ đến 2 thước là nhiều.

Loài rắn độc cũng nhiều thứ, mà thứ độc hơn hết ta kêu là *rắn hổ* (vipère). Rắn hổ có nhiều thứ lắm; thứ rắn hổ thường bên ta đã có nhiều loại rồi, nào là *hổ đất hổ mây*, *hổ ngựa*, *hổ hành*, mà ở các nước khác lại còn nhiều rắn hổ dữ tợn như *rắn hổ sừng* (vipère à cones) bên trăng cát xứ Algérie. rắn *lưỡi giáo* (fer-de-lance) ở xứ Martinique, *rắn lục lạc* (serpent à sonnettes) ở Mỹ-châu, *rắn mặt trăng* hay là *rắn đeo kiến* (serpent à lunettes) ở Ấn-đô. Những rắn ấy hễ cắn nhằm mà không thuốc trị kịp thì không khi nào sống được. Một thứ rắn đeo kiến ở Ấn-độ, trong năm 1875 cắn chết người ta hơn 2 muôn 6 ngàn mạng.

Bây giờ người ta đã tìm được thuốc chít trừ nọc rắn độc rồi, ở mấy nhà thương lớn đều có thuốc ấy.

Nọc rắn là một thứ nước độc đựng ở trong một cái bao nhỏ ở dưới chưn răng khóa con rắn. Cái răng ấy có lỗ nhỏ, hễ con rắn cắn thì cái răng đè bao nọc, nọc chạy theo lỗ răng mà ra ngoài vít cắn. Hễ nhổ mất 2 cái răng khóa rắn hổ đi thì sau nó cắn không hại gì nữa được.

Thấy rắn hổ dễ biết hơn rắn hiền như rắn nước, bởi cái đầu nó hình ba khía (tam giác) còn rắn nước cái đầu hơi thuẫn (ovale).

(Còn nữa)

THANH-TÂN

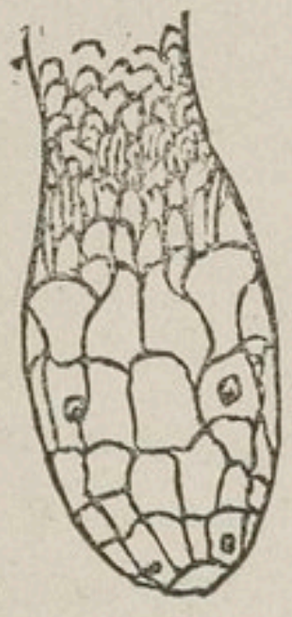

Đầu rắn nước

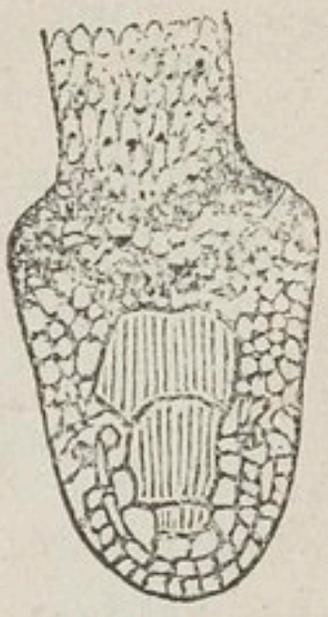

Đầu rắn hổ

3e ANNÉE — Nº 122 — 18 FÉVRIER 1926

KHOA HỌC TẠP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1º — M. BUI QUANG-CHIÊU *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*
2º — M. LÂM-VĂN-HUÊ, *Commis indigène des Services Civils.*
3º — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics à Cholon.*
4º — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*
5º — M. NGUYỄN KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon*
6º — M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*
7º — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*
8º — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN, *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*
9º — M. TRẦN VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Paris.*
10º — M. TRẦN-QUANG NGHIỆM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*
11º — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*
12º — M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3,00		

MỤC LỤC

Tạo vật sơ diển..... .. 2206
Loài con chí 2210
Liệt nữ truyện..... 2213
Văn minh đời thượng cổ..... 2217

TẠO VẬT SƠ DIỂN

Trái đất hóa sanh

(Formation de la Terre)

Thuở trái đất mới ở trong hỗn độn mà thành ra thì còn là một bầu vật chất lửa lỏng; sau rồi những vật nặng thì lóng rút vô trung tim, vật nhẹ lại nỗi lên trên mặt. Vật nhẹ hơn hết thì là những hơi khí, bèn bay lên cao mà thàng bầu không khí (khí trời), kẻ đó thì là nước, trong nước lại lộn nhiều vật khác tan ở trong ấy kế phần nước tới phần đất đá là những vật kim-thạch lộn lần nhau mà thành, vật nào nặng hơn hết thì ở gần về phía trung.

Phía trung-tim trái đất không chắc rõ là vật chi, nhưng xét theo cái lẻ nầy thì đoán chắc có lẻ là một vật lửa lỏng: vả chăng nơi mấy mỏ kim-thạch (như mỏ than đá) đào xuống càng sâu bao nhiêu thì càng thấy nhiệt-độ thêm bấy nhiêu. Tuy vậy ở dưới hang mỏ người ta thấy nhiều nơi nhiệt độ lên cũng không chừng, cho nên cũng không quyết chắc được rằng nó có lên được đều đều chăng. Vả lại càng xuống sâu lắm thì cái sức đè nén (pression) nó lại càng thêm, cái số nhiệt độ cũng phải lên theo cho nên cũng không dám chắc trong ruột trái đất là đặc hay lỏng.

Bây giờ thế nào lại sanh ra có bờ có biển? Trái đất xưa đã là một bầu lửa lỏng thì sau lâu thế nào trên mặt cũng phải nguội lần mà đóng cứng, thành một cái vỏ đá Phần trong vẫn còn là vật lỏng, khi nguội lần thì thâu tóp hình lại, làm cho lớp vỏ cứng ở ngoài nặng phải sụp xuống mà làm thành ra có chỗ hún chỗ lồi, mới có núi non biển giả.

Nay địa chất học người ta nghiệm xét ra thấy có

lắm nơi sâu thẳm thuở trước như biển giả mà nay lại trồi lên cao có núi có non, còn chỗ đất liền xưa rừng rú sum sê mà sau lại hóa ra nơi thẳm, nước biển bao quanh. Vậy thì có lẽ đất ta ở bây giờ đây xưa cũng là ở sâu dưới đáy biển.

Nhưng cái việc bể dâu, cồn hóa vực, vực hóa cồn ấy phải lâu năm lắm mới có xảy ra một kỳ đại biến thì cái đời ta sống đây đâu có đủ mà thấy đặng, duy có bỗng nhiên mà họa đến hờ cơ thời mới biết.

Như thế mà trong đời ta đây trái đất cũng tự nhiên biến đổi mải, song cái biến đổi ấy nó cứ đi từ từ, ta không thấy rõ liền được, trừ ra những khi tai biến như địa chấn cùng là hỏa-diệm-sơn nổi dậy, thì nào là núi nổi lên lần, nào là gió mưa, non mòn biển cạn, nào là sống bủa xoi bờ, nào là bảo to nước lụt, đều là những sự khiến cho đất đai biến đổi lần lần. — Trái đất nguội lần thì sanh ra trồi sụp, mới có núi nổi giữa đồng, cù-lao sanh trên mặt biển. Mấy sự biến đổi ấy chẳng qua là nhờ sức mặt trời mà sanh ra vậy.

Mặt trời chuyển hóa mặt đất. — *Mặt trời* chói nắng trái đất không đều mới có sanh ra không khí chuyển vời mà thành gió thành bảo, thành con trốt vòi rồng, làm cho nước nóng bay hơi thành mây thành mưa, gió đưa đi khắp xứ.

Mây bay khi nóng thì lên cao, lúc lạnh thì xuống thấp mà sanh ra mưa ra tuyết. Mưa chảy trên mặt đất hoặc rút xuống dưới sâu. Chảy trên mặt thì nó hiệp lại đường nước to mà thành ra sông rạch, nước chảy trên mặt đất thành ra sông suối, lôi những đất cát kim-thạch theo mà chảy ra ngoài biển. Nước chung xuống đất cũng chảy xoi đất đá thành ra hang động cùng mội nước rồi sau cũng chun ra mà thành suối hiệp với sông rạch mà ra biển nữa.

Gió với *cát* cũng phụ lực vào sự biến đổi trên địa cầu

Gió thổi cát bay lên đá lâu ngày cạ với đá mà mòn trơn bèn bay đi xa mà đóng lại thành đống thành nổng thành hòn. Lần lần gió thổi đưa đi nơi khác mà thành nổng cát khác nữa. Cứ như vậy mà đi lần từ ngoài biển vào chôn lấp hết cả làng cả xóm, nếu không có cây cản trở.

Sóng với *nước thủy triều* cũng giúp sức biến dời cuộc đất. Nhưng vậy sóng ấy cũng tại nơi gió mà sanh ra rồi đánh dập vào bờ làm cho đá mòn đất lở, lâu ngày bờ biển thụt vào xa. Sau những đá đất bị sóng nắn lần thành đá sạn nằm đầy bải biển mà đở nưng những sóng cho bớt sự lở bờ.

Mặt trăng thì phụ sức với mặt trời mà đem nước lên cùng xuống mới sanh ra con nước lớn ròng, thêm sức cho sóng gió nữa. -- Vậy những cuộc biến đổi đả thành ra tại nơi đất trồi sụp thì nay lại phải bị cái sức nhiệt mặt trời mà biến đổi lại nữa. Mặt trời lại còn giọi yến sáng xuống trái đất mà làm cho cỏ cây muôn vật đều sống. Vả chăng các loài thú đều nhờ ăn cây xanh mà sống; cây xanh phải nhờ có yến sáng mặt trời mới hút được thán-khí cùng nước mới hoá được chất đường mà nuôi loài vật cho sống.

Bởi vậy mặt trời lại rất cần cho muôn vật trên địa cầu lắm lắm, bằng không thì đâu có sự hoá sanh sống sót trên đời.

Còn những cây cối rừng rú ở trên địa cầu thì hít lấy hơi thán-khí mà sống, bao lấy núi non đất cát, chịu cho mưa gió bớt sự phá mòn về sau, mà lại còn hoá thành thang-đá nữa — Loài động vật ở dưới biển cũng rút lấy thán-toan mà làm vôi (vỏ sò ốc, v. v.); đến khi nó chết, cái chất vôi đùng đóng lại dưới đáy biển, lâu năm nó chất đống lần rất cao. Còn những loài san-hô, hào ốc đeo theo mé biển mà sanh sãn lâu ngày thành ra đá hòn ngăn chống bờ cho khỏi sóng đánh lở mòn; khi lại ở theo cồn biển, gần gần theo

mặt nước độ 40 thước tây mà sanh sản thêm, chớ dưới sâu nữa thì không sống được nó hoá sanh như vậy lâu ngày lên khỏi mặt nước mà thành ra cù lao. Vì thế nên ngoài biển cả Thái-bình dương có lắm cù lao nổi lên như thế. Cái doi đất Floride ở xứ Huê-kỳ bây giờ, xưa cũng là cù-lao san-hô hoá sanh gần bờ biển lâu năm nó hiệp lại với bờ nổi lên thành đất liền. Độ theo sức hoá sanh mau của loài san-hô thành cù lao mà tính ra đến nay thì phải ít hơn hết cũng là 10 muôn năm rồi (100.000 ans) mới thành xong cái doi đất Floride bây giờ.

T.T.

LOÀI CON CHÍ

Theo học văn Langsa, loài con chí có ba thứ: con chí, poux de tête; con rận, poux de vêtements con rận ở nơi chỗ kín đáo của người, poux du pubis hay la morpions. — Loài chí là loài vô ích, mà lại làm hại cho ta nhiều đều lắm. Chẳng phải nó ở trên mình người mà hút máu mà thôi song còn làm cho ngứa, bắt gải cho thành chóc, thành ghẻ, làm cho bịnh khác theo mấy chỗ lở lói đó mà vô mình ta được nữa. Loài chí hút máu bỡi một cái vòi ở dấu trong đầu nó. Cái đầu nó có con mắt;—cái ngực nó—nghĩa khúc trên ở minh nó, thorax, có ba cặp cẳng ở hai bên cẳng nọ chỉa hai làm như cái kềm vậy nên nó bấu và bò nương theo mấy sợi tóc mới được. Bụng nó lớn và có sọc chỉa ngang qua, sáu hay là tám chỉa.— Chí đực nhỏ hơn chí cái chí đẻ trứng. mỗi con chí cái đẻ chừng năm sáo chục trứng, trứng dính theo tóc. Chừng mười lăm hai chục ngày thi trứng nở ra chí con — Có khi một sợi tóc mà có đến bốn năm trứng chí.— Cái trứng đẻ đầu thường ở gần nơi chưn tóc. Tóc ra mỗi tháng dày chừng một phân — un centimètre — Vậy như gặp được một trứng chí lép ở đầu sợi tóc chừng năm bảy phân ở xa chưn tóc, có lẽ tưởng rằng người bị có chí năm bảy tháng.

Minh gọi trứng lép. lép nghĩa là chí con nở ra rồi, chớ chẳng phải trứng lép là trứng hư không tượng con được đâu! Chí con nở ra, hút máu rồi trong chừng một tháng sanh đẻ ra lớp khác nữa. — Cứ mỗi con chí cái sanh ra trong một tháng nữa, năm sáu chục trứng, nở ra năm sáu chục con chí con nữa.— Ấy là biết dưởng nào là mau, nên người nào có tóc mà ở dơ, không gội đầu, chải chí thì có lẽ trên đầu có chí tới cả muôn con Cũng có khi ta thấy có người đau ốm lâu ngày, đầu cổ không săng sóc, tóc sau ót trắng đốm đầy trứng chí.— Có nhiều người tưởng rằng chí tự nhiên sanh ra.— không phải đâu, chí lây khi ngủ chung, khi cạ đầu minh

cùng đầu người có chí thì chí mới qua được. — Cần gì mà qua nhiều, một con chí cái cũng đủ và trong năm ba tháng cũng đủ có đến cả trăm cả ngàn. — Mấy người tủ, mấy người điên cuồn mấy người đau ốm lâu ngày lâu tháng chẳng có tắm gội, nhứt là ở xứ ta trong lúc đau hay cử nước lại thường hay có chí lắm.

Trong lúc ta để đầu ta gần đầu mấy người đó lúc khán bịnh họ, cũng thường khi có chí sang qua đầu ta, song nó ở lâu không được, hoặc nó cắng ta ngứa chúng ta bắt nó, gội đầu nó trôi xuống.

Khi có chí trên đầu, chí cắng ngứa bắt gải, có khi trầy, sưng nơi da đầu, nổi ghẻ, nổi chót lên như ta nói trông bài kỳ rồi. — Có khi da đầu nỗi sưng điều có mủ màu đầy, ngứa mải, ăn ngủ chẳng đặng, bị đó mà ốm o gầy mòn

Vã lại loài chí là loài hại cho ta, dơ dáy thấy đến thì gớm. — Song có người còn dốt nát mà còn tưởng rằng có chí mới mạnh mẻ trong mình; nên cũng có người mẹ dại khờ mà để chí trên đầu con mình, có khi xin của người khác mà thả qua đầu con mình, — Đều dị đoan đó là vô lối, nên phải bỏ đi—Ai ai cũng biết con khỉ hay bắt chí giỏi;— nên khi trước có nhiều xứ, có người nuôi khỉ mà cho mướn bắt chí giạo.— Khỉ bắt được con nào, bỏ vào miệng nhai con nấy. Dùng lược dày lược thưa mà gở cũng không hết được.— Vì còn trứng và chí mén. Ta thấy có người bạn đi ghe, lặng móc bùn non thoa một lớp trên đầu rồi ở ngoài trời nắng chừng một giờ, rồi gội đầu lại chí trôi ra nhiều lắm: ấy là tại bùn làm cho chí ngộp hơi thở không được phải chết. —Cũng là khá tiềm, song còn trứng không hư, sẽ nở ra chí khác. — Annam ta cũng biết muốn cho tuyệt chí thì cạo đầu cho sạch tóc. — còn như người nào không muốn cạo đầu, thì lấy dầu ăn pha với dầu hôi mà thoa trên đầu trước khi đi ngủ mai lại lấy savon mà gội đầu với nước nóng.— Làm như vậy đôi ba lần thì có lẽ tuyệt.— Dầu làm cho chí ngộp hơi chết, còn dầu hơi làm cho trứng chí rụng ra. —Như trứng chí không hết lấy dắm mà thoa tóc rồi lấy lược dày mà nhúng dắm mà gở nó xuống.

Người Annam nhờ sức dầu dừa nhiều nên chí cũng là chết bớt.— Có ý mà coi khi thoa dầu vô tóc, chí bị ngộp bỏ ra ngoài có khi rớt xuống; song một mình dầu không thế làm cho trứng rụng xuống được.

Bằng không hế thi có thuốc sublimé trộn với dắm, xứt vài lần thi tuyệt mà phải nhớ chí hay lây nên trong nhà một người có chí, mấy người khác có thế mà bị nữa.

Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN

Liệt Nữ Truyện

Người con gái có hiếu (*N° 3*)

(Tiếp theo)

Thanh-Tân dịch thuật

Một buổi sớm mai kia vợ Lopouloff biểu người vô trong vườn của mình mà kiếm ít củ khoai tây, người cứ ngồi im lìm mơ tưởng nỗi buồn dường như chẳng nghe biều đều chi; thình lình người bèn nói: « Thôi mình đi đi, tôi giúp với. » Dứt lời người đi lấy cái mai mà vô vườn. Nàng Prascovie cũng đi theo. Nàng nói: « Phải đấy cha. Ở đời thì phải giúp nhau trong cơn hoạn nạn, mà con cũng ướt ao cho trời giúp con trong lúc con xin phép chá đó và làm cho cha phải động lòng. Cha ôi; con xin cha đưa cái giấy thông hành lại cho con, nghe cha. Trời đã muốn vậy rồi, lẽ nào cha nỡ để cho con mang nỗi khốn nạn gớm ghê mà phải bất tuân cha sao? » Nàng nói vậy rồi, ôm đầu gối cha mà hun và làm cho cha nàng khó nỗi cầm lòng. Lúc ấy mẹ nàng vừa đi tới. Nàng cầu khẩn với mẹ xin nói sao cho cha nàng phải xiêu lòng, mà mẹ nàng biết làm sao, chịu cho nàng, lên đường thì được, còn xin cho nàng thật là rất khó.

Tuy vậy Lopouloff không lẽ chặc dạ được mà chối từ hoài như thế; vã lại thấy nàng đã quyết chí sợ khi nàng có bỏ giấy mà đi không chăng, chọ nên vừa nghỉ rồi, bèn nói lên rằng: « — Thiệt con nầy rộn quá phải cho nó đi mới được. »

Nàng Prascovie mừng quá bèn nhảy hót ôm cổ cha mà hun hít và nói rằng: « Cha ôi, cha hảy tưởng chắc rằng cha nghe lời con mà cho con đi đây, ngày sau cha khỏi có ăn năn đều chi hết; thưa cha, thiệt vậy, con sẽ đi cho tới kinh thành Xanh-bê-tiết-bua mà vào lạy hoàng-đế, và con chắc Trời mà khiến cho con muốn đi, cho cha phải nghe theo đây, có lẽ cũng khiến cho hoàng-đế nghe con mà thứ tội cho cha. »

Cha nàng chảy nước mắt ra mà nói: « Con ơi, con đừng có tưởng người ta tâu với hoàng-đế dễ cũng như con nói chuyện với cha đâu. Bốn phía đều có quân canh gát cữa đền, con làm sao qua khỏi cữa được mà mông, phận con nghèo khó xin ăn, không áo mặc, không ai giúp, làm sao con dám đến mà ra mắt thượng hoàng? »

Nàng nghe luận qua rất phải, song chỉ nàng chẳng núng nao; có một cái sự biết trước vô hình nó khiến cho nàng qua khỏi đều luận ấy; nàng mới trả lời rằng: « Con nghe cha thương con mà sợ vậy cũng phải, song có nhiều lẽ khiến cho con mong được; xin cha hảy nghỉ lại coi biệt

mấy khi tình cờ Trời giúp cho con rồi đó, bởi vì con hết dạ tin cậy Chúa-Trời, con không biết làm sao cho có giấy thông hành. Trời lại khiến cho kẻ vô tín chỉ cho con có thế xin được; cũng Trời khiến cho quan Toàn quyền xiêu lòng ưng nhận; sau nữa cha đã cứng lòng chắc dạ không cho con đi, rồi rốt lại Trời cũng khiến cho cha phải cho phép con đi đó. Vậy thì cha hảy chắc rằng Trời đã giúp cho con qua khỏi mấy lúc khó khăn cho đến ngày nay đây thì ắc là cũng giúp cho con có thế đi đến tận chưn hoàng-thượng mà khẩn cầu. Trời sẽ giúp lời cho con nói ra mà hoàng-đế phải xiêu lòng còn như nay mà cha cho phép con đi đây, thì cái kết quả ngày sau là cha sẽ được miễng tội và tự do vậy. »

Lúc ấy việc lên đường đã quyết định rồi, song chưa quyết chắc ngay nào thượng lộ.

Lopouloff ước nhờ anh em bạn mình giùm giúp, nhiều kẻ tội nhơn có phương thế giúp đở cho người lúc trước thường hay giùm giúp người mà người cứ từ chối, nay thừa dịp nầy người cũng nên thọ lãnh.

Người cũng ước ao cho có kẻ đi đường với con mình cho có bạn trong lúc bước chưn ra đi, song những đều ước ao đó chẳng đặng thỏa lòng. Còn nàng Prascovie cứ thúc việc lên đường mà của cải trong gia quyến thì chỉ còn có một đồng bạc mà thôi (4 quan thuở ấy). Tìm đã hết phương thế mới thêm vô được cho số bạc ấy một chút, thì bây giờ mới định ngày từ giả biệt ly. Theo ý nàng Prascovie thì định ngày mồng 8 tháng chín là ngày lễ đức thánh Nữ-trinh. Khi trong làng, những người quen theo hầu được tin ấy rồi, đều tựu đến nhà phần nhiều thì lấy cái sự lạ mà coi chớ không thật lòng vì nghĩa. Nhiều người đã chẳng giúp đở dụ dả an ủy nàng thì chớ, lại trách cha nàng sao có cho phép nàng đi. Những kẻ có thế giúp đở lại nói những đều khốn nạn, khiến cho làm rủn chí lắm người đã sẵn lòng muốn giúp đở; bà con tưởng là được người giúp đở, được tiếng ủy an chi, té ra lại nghe những điều độc dữ mà thôi.

Nhưng vậy mà cũng có 2 người tôi nhơn nghèo nàn hèn hạ hơn hết lại đem lòng bình vực cho nàng Prascovie và kiếm lời thôi thúc nàng; họ nói rằng: « Người ta thấy nhiều cơ khó lắm mà nên được không chừng. Như nàng mà chẳng đến tận chưn hoàng-thượng được, có lẽ những người rõ biết được lòng nàng, thương nàng như ta thì họ cũng giúp đở nó giùm cho. »

Ngày mồng 8 tháng chín Trời vừa rựng đông thì 2 người ấy đà đến mà từ giả đưa nàng lên đường. Hai người thấy nàng đà sửa soạn xong đồ hành lý, vai mang gói sắp thượng lộ đăng trình. Người cha nàng mới lấy đồng bạc đã để dành cho nàng mà đưa ra, song nàng chẳng lấy, nói rằng bạc ấy để cho ở nhà gia quyến đương còn túng ngặt phải dùng cho như bao nhiêu đó nàng có lấy cũng không đủ đâu mà chi phí cho đến kinh thành. Cha nàng rầy lắm nàng mới chịu lãnh lấy. Hai người nghèo kia cũng rộng lòng giúp đở cho nàng đi đường; kẻ cho được ba mươi đồng

su, người cho được góc tư bạc, ấy là của 2 người ấy làm ra đủ dùng mà chi độ được nhiều ngày đó.

Hảo tâm thay! Nàng Prascovie hết sức từ chối chẳng chịu thọ lãnh, song nàng lại rơi lụy khó nỗi cầm lòng mà nói rằng: « Vái Trời, như có thương đến cha mẹ tôi, xin hãy thương hay người nầy với. »

Lúc ấy mặt trời vừa lố mọc, bóng giọi vào phòng, nàng bèn nói: « Giờ đi đã tới, ta phải giả từ nhau, thôi con xin kiếu biệt. » Nàng nói rồi bèn ngồi xuống, bà con anh em cũng đồng ngồi xuống, ấy là tục lệ bên Nga-quốc trong khi từ giả nhau như thế.

(Tục nước Nga, hễ có người bằng hữu sắp sửa đi xa thì đến lúc giả biệt nhau người ấy ngồi xuống, những người có mặt đó đều phải bắt chước ngồi theo: trong một phút đó mặc tình nói chuyện hoang đàng, rồi thì đứng vậy, mà hun hít khóc than với nhau.)

Cái lễ ấy mới ngó vô xem đường chẳng có tình chi, nhưng vậy mà cũng có phần hay lắm. Trước khi biệt ly nhau lâu lắc, có lẽ biệt ly nhau muôn thuở nữa, thì ngồi nghỉ chung một chập với nhau ý như muốn gạt khuất cái số phận mà lén vui được dây lát vậy.

Nàng Prascovie quì gối xuống cho cha mẹ ban phép lành rồi, nàng bèn đứng dậy dan ra mà biệt ly cá chòi ơm tù túng cầm nàng từ thuở mới u niên. còn hai người kia ra đưa àng đi hơn một dậm đường. Cha ẹ nàng thì đứng im lìm nơi trước ữa, lấy mắt ngó theo con đường như còn muốn nói câu giả từ sau chót nhưng mà nàng chẳng ngó trở lại sau nữa, lần lần nàng đi xa khuất mất không còn thấy nữa.

Hai vợ chồng Lopouloff bèn trở vào nhà; từ nay trong nhà càng quạnh hiu vắng vẻ hơn khi trước nữa: đã vậy mà mấy kẻ ở Ich-sim lại còn vu cho cha nàng nói xúi dục con đi, và cười nói lắm điều ngạo bán chê bai. Thứ nhứt họ ngạo ba người tội nhơn kia vì lòng thật thà chẳng dấu rằng nàng Prascovie cũng đã có hứa cầu giúp cho mình, và lại làm như chúc mừng cái phước lành trước của 2 người kia vậy.

Bây giờ ta dẹp cái xứ khổ Xi-bê-ri ấy qua một bên, để nói theo việc nàng đi đường. Chừng hai người kia từ giã nàng trở về, thì nàng lại gặp, nhiều người con gái khác cũng đi một đường với nàng mà qua đến làng kế cận, ở cách Ich-sim lối chừng 25 dặm. Dọc đường mấy chị em lại gặp một con trai ở rẩy đi theo, có kẻ bộ hơi xoàn xoàn say rượu, đều xuống ngựa ý nói để theo mà bảo hộ, vì lúc ấy đã vào tới dám rừng to rồi. Mấy người con gái đi đường thấy thế trong lòng sợ hải, chẳng dám đi chung cùng chúng nó: bèn xúm nhau ngồi dựa đường nghỉ mát, mà lấy đồ ăn của mình đem theo ra đãng ăn dưỡng sức, biểu bọn kia cứ việc đi trước: nhưng mà chúng nó lại cũng ngồi theo, và nói muốn chia bữa xong rồi sẽ đưa mấy nàng theo cho tới làng. Trong cơn rối rấm ấy, nàng Prascovie mới nghỉ được một kế mà gạt cho bọn ấy phải đi, bèn nói: « Chúng tôi đi với mấy người cũng

được rồi, ngặt chúng tôi còn mắc đợi anh của chúng tôi đem xe tới đây mà rước chở chúng tôi đi. » Mấy đứa trai nghe nói bèn dòm nơi xa, ngó thấy rõ ràng có hai cái xe đi tới mà nàng Prascovie thì đã ngó thấy rồi trước bọn ấy; một lát rồi chúng nó đều lên ngựa đi mất hết. Nang Prascovie thấy mấy người kia đi hết rồi mới nói với mấy chị em rằng: «Hồi nảy tôi nói đó là nói gạt họ mà thôi, song nghỉ cũng không hại gì cho tôi.»

Nàng lên đường đi vào tới làng bình yên vô sự; nàng ghé nơi nha quen, người rầy bái cũng tiếp đải nàng rất hậu.

Qua ngày sau nàng thức dậy thì thấy trong mình mệt mỏi lắm, bởi thuở nay chưa quen bước đi đường xa. Nàng từ giả nhà nàng ngụ đêm ấy mà lên đường bỗng lấy làm sợ hải trong lòng vì bởi thấy mình độc thân ở giữa chốn đường trường. Nàng bèn nhớ lại chuyện xưa Agar ở chốn đồng hoanh sa mạc. nên lại vững lòng. Nàng mới làm dấu thánh giá rồi. chỉ dậm lên đường phú thân cho thiên thần ủng hộ. Khi đi khỏi ít chòm nhà nàng ngó thấy có tấm bản vẻ phụng treo nơi quán nước, hôm qua nàng đã đi ngang qua đó, mới biết mình lầm, chẳng đi thẳng qua Xanh-bê-tiết-bua mà chớ, lại còn trở lại đường cũ về nhà. Nang mới đứng lại mà nhắm đường, thì ngó người chủ nhà đứng nơi trước cữa mà cười rằng: «— Nếu cô mà đi như vậy thì biết chừng nào cho cô đi xa khỏi xứ được, họa là cô có trở lại nhà cô mà thôi.»

Nàng đi lạc như thế đến sau cũng còn nhiều lần; khi có ngần ngại, hỏi thăm đường đi Xanh bê tiết-bua, thì ai ai cũng đều cười nhạo nàng, khiến trong lòng thêm bối rối, người ta ngạo vì bởi nghe hỏi đường đi kinh-quốc là đường xa hơn mười muôn dặm. Nàng không hiểu một chút gì đến địa dư xứ mình, nghe mẹ thường khi nói chuyện đến thành Kiêu (Kiew) là thành họ đạo có danh trong xứ tưởng là cũng ở đâu một đường với đường qua kinh-đô Nga-quốc vậy: bụng nàng đã tính khi đi ngang qua đó, nàng sẽ ghé mà làm lễ tụng kinh và nguyện khi sau việc đã thành thì nàng sẽ vào đó mà lãnh chức ni cô (bà phước). Vì tưởng lầm như thế, nên mỗi khi hỏi thăm đường qua kinh-đô thì ai ai cũng chím cười nàng, nàng mới hỏi mấy qua đường, đường nào đi đến thành Kiêu, họ chỉ ra thì lại càng bậy hơn nữa.

Một khi kia nàng đi tới một ngã ba thì chẳng biết đường nào mà đi cho trúng, bèn đứng đợi có xe hỏi thăm ngã nào đi đến thành Kiêu. Bộ hành nghe nàng hỏi lạ, ngỡ là nàng điều cợt chơi, bèn cười nói rằng: « Cô muốn đi đường nào cũng được hết: mấy đường ấy cũng đều đi tới thành Kiêu, thành Paris, thành Rome được hết. »

Nàng bèn nhắm đường giữa mà đi, sau cũng may lại trúng ngã cho nàng. Đi như vậy chớ nào có nhớ đường sá nào ra sao, tên làng nào nàng đã qua đâu.

(Còn nữa)

Văn minh đời thượng cổ

Lịch sử nước Ê-díp (*tiếp theo*)

Bên Á-đông thuở ấy cũng có người danh nhơn thi sử, có kẻ tài tình về mỹ thuật vậy; từ ngày nước E-díp qua chiếm cứ đến sau, đem cái văn minh mình qua đó mấy trăm năm mà truyền bá, cho nên đến sau cũng còn cái dấu tích văn minh E-díp thâm nhập trong dân, đến trong đạo, cùng là phong tục, nghề khéo cũng còn cái ảnh hưởng nước E-díp. Vì thế cho nên nay người ta tìm được những cổ tích lưu lại trong mấy chỗ đền các điêu tan, còn cái dấu ảnh hưởng của dân E-díp, đến mảo triều thiên của vua xứ Tyr cũng là bắt chước theo kểu mảo của vua nước E-díp ; đến cách làm văn cũng là học theo của nước E-díp.

Sách thánh-kinh (là Bible) của đạo Thiên-chúa cũng có nói chuyện con chau ông Jacob phải chịu đồ khổ mà đắp nên thành ở Trung-châu, đặt tên là Ramsès *Sách* sử nước E díp cũng nhiều khi có nói đến thành ấy, kêu là Ramsès meïamoun như thế thì vua Ramsès nầy rõ ràng là vua đã hà khắc dân nước Du-dêu (Israélite) thuở trước mà sách thánh-kinh đã nói đó. Vua Ramsès chẳng quên rằng thuở trước nước mình đã bị dân Á-đông 2 phen xâm lăng bờ cỏi. Vì thế nên mới có sự thù hiềm, mới có lịnh giết hết những con nít mới sanh của dân ấy, mới có tích ông Moïse thả trôi theo giòng nước nhờ bà công chúa nước E-díp cứu về nuôi trong đền, sau mới học được cách trí đạo đức văn minh nước E-díp mà trở nên một vì đại-thanh của đạo Gia-tô, Cũng thuở ấy ông Moïse ẩn dật ở xứ Arabie, Đời vua Ramsès binh cường nước thình, vua lại trị vì cho đến 68 năm, cho nên đến khi vua ấy băng hà rồi, ông Moïse mới dám trở qua xứ E-díp mà cứu kẻ đồng bào mình, dắc đoàn con cháu dân Du-dêu mà vượt qua Hồng Hải trở về xứ Du-dêu, thì ông đặng tám mươi tóc bạc.

Mấy đơi vua kế ngôi cho hoàng-đế Ramsès. — Vua Ramsès băng rồi, thì trong nước thể nào sử sách không thấy nói, các nhà bác cổ tìm tòi hết hơi mà cũng chưa rõ mối, song định chắc có lẽ trước đã đến kỳ suy nhược,

Có một ông vua tên là *Sésac* (Dòng vua thứ 22) cũng là đồng thời với con ông vua Salomon (lối 976 trước Ch. G. S.) Sach thánh kinh nói Sésac có xâm lăng đất Juda. Vả lại, nay người ta còn thấy nơi vách tường nam ở đài Karnak có vẻ tượng hình, ông Sésac kéo lôi đến chưn các thần chẳng biết bao nhiêu tù tội nơi ngục hình những tù binh ấy đều có khắc tên dân nước nào tỉnh nào. Ông Champollion có đọc được tên khắc trong

ngực một cái hình đọc ra là Yihoudahh Malek (nước Juda). Nơi đài Karnak ấy có khác nhiều thành ở Israël và ở Juda.

Khi vua Sésac mất rồi thì càng suy nhược mau lắm. Nước E-díp bây giờ lại bị ngoại quốc lấn xâm tứ phía: Nam thì mắc quân hắc chủng Ethiopiens, bắc lại phải dân Assyriens chiếm giựt miềng trung-châu sông Nil thạnh vượng. Có 3 ông vua Ethiopiens lên kế vị nhau mà trị vì xứ E-díp; có một ông tên là *Shabak* (Sabacon) muốn vào đến tận nước Syrie mà xâm phá vào mới đến thành Ropeh (Raphia) nơi phía nam Gaza thì bị ông *Sargon* là chúa nước Assyrie đánh phá vỡ tan, Thuở ấy nước Assyrie đương thời cường thịnh, binh hùng tướng dỏng, cho nên có anh đại tướng *Sin-akhé-irib* (Sennachérib) đánh phá chiếm đất E-díp. Có lời truyền ngôn bên xứ E-díp nói rằng thuở ấy nhờ có ông vua chưởng-giáo *Sethon* (Séthos) niệm kinh thần mà cứu nguy cho nước. Lúc đêm khuya có một bầy phi-thử (chuột) tràng vào trại quân Assyriens mà cắn phá cung tên, khiên giáp hết cả, làm cho quân binh không thế ra trận phải cuốn giáp trở về. Tuy vậy đến mấy đời vua sau dòng Sennachérib trở qua xâm lăng nước E-díp nữa, lần theo mang sông Nil mà đánh thẳng đến kinh thành Thèbes mà đốt phá tan tành thành thị đập đổ điêu tàn lầu dài nhà cửa. (năm 672 trước Ch. G. S.).

Đời thiệt sử (650 hoặc 665 trước Ch. G. S.) — Trong lúc nước E-díp bị ngoại quốc xâm lăng thì mấy đời vua cũng không còn ai kế nghiệp trị vì. Ở miền hạ E-díp thở ấy lại nổi lên 12 sứ quân. Ông *Hérodote* thuật rằng thuở ấy có lời tiên tri nói trong 12 vị sứ-quân ấy, nếu có ai lấy mảo đồng mình mà cúng thần thì được làm hoàng-đế nhứt thống cả E-díp. Vì thế cho nên chẳng khi nào người nầy vô chùa miếu mà chẳng có mấy người kia theo. Đến một ngày lễ kia, mấy vì sứ quân đều vào đền chùa mà cúng lễ, ông đại chưởng-giáo bèn đem ra một mâm chén vàng để đựng rượu cho mấy vị cúng lễ, vì thường khi mấy vì đều dùng chén ấy mà cúng. Vả chăng trong đám có 12 người, mà bữa ấy đem ra chỉ còn có 11 chén mà thôi; mười một người kia đều cúng xong rồi, đến phiên ông *Psamétik* cúng chót thì hết chén, ông bèn lột mảo đồng mình ra mà làm chén đựng rượu cúng thần, Mấy vị kia nhớ đến lời tiên tri, bèn đày Psamétik, bỏ người ngoài chốn đồng-địa mông quạnh. Có một lời tiên tri khác cho Psamétik hay rằng phước của người tự ngoài biển đi vào *chừng nào có người đồng hiệp đến thì người khỏi nạn tai*. Cách ít lâu xảy có quân ăn cướp biển Ioniens và Cariens, mặc giáp đồng, tràng đến lên bờ E-díp mà cướp phá. Psamétik biết lời tiên tri đã ứng cho mình, bèn tiếp đãi quân ấy hậu tình, nhờ được quân ấy giúp sức, bèn đánh tan 11 vị quân kia mà lên làm chúa và cho mấy người ngoại quốc đã giúp mình kia lập nghiệp nơi bờ biển.

Chuyện ấy có lẽ là chuyện bia đặt ra cho khỏi nhục quốc thể của dân E-díp chăng, chớ có lẽ chắc là thuở

người ngoại ban đến thừa lúc
rớc yếu, bèn dụng cường quyền mà
t phải cho họ vao lập nghiệp buôn
n chăng, vì từ trước đến đó, người
díp chẳng cho ai ngoại quốc vào
ụ nước mình, có vao nước mình
là những tù binh mà thôi.

Vua Psamétik lên ngôi nhứt thống
nên dòng vua thứ 26; ngài yêu
uộng nhứt là dân Gơ-rec, cho con
nh học theo giáo-dục gơ-rec, bắt
n nít phải học chữ học tiếng gơ-
, và quân binh luyện tập cũng dều
ân gơ-rec. Những dòng dỏi công
ần võ tướng lấy làm tức giận, bất
ng phục mà chẳng biết làm sao,
n bỏ sứ mà đi ra ngoại quốc hết
nhứt là đi xuống nước Ethiopie
cư ngụ, làm cho trong nước phải
t hế một phần mạnh, sau có nước
xâm lấn thì khó ma trở đương.

Vua Néko (Néchao). — Con vua
métik lên kế vị cho cha đặt hiệu
Nécho (hay là Néchao) nhằm 611
595 trước Ch. G. S. Ấy là một
vua rất oai quyền danh tiếng
ng thời ấy. Ngài mở rộng việc
ng thương trong nước đào kinh
lộ, làm cho việc thương mải mở
ng. Ngài bắt đào kinh cho thông
trung-hải (Méditerranée) qua Hồng-
(Mer Rouge), bèn bắt hơn 12
ôn dân đào kinh ăn từ sông Nil
Hồng-Hải. Nhưng vậy mà việc
chẳng thành. (Đến hơn 25 trăm
n sau nữa mới có người Pháp là
Ferdinand de Lesseps dụng tài
g của hùn hiệp mà đào xong cái
h Suez cho thông thương 2 biển.)
ua Néko cũng có bắt dân Phéni-
ns vượt biển đi giáp vòng cỏi Phi-
châu mà quan sát, song đến sau mới lời truyền tụng của họ để lại cũng là lạc mất.

Vua Néko cũng muốn học chước mấy đời vua trước mà qua Á-đông chinh phạ đánh lấy nước người nữa. Cho nên ngài qua đánh thắng vua xứ Juda nơi trận *Mageddo* (năm 608) bắt vua ấy phải chịu tùng quyền bảo hộ. Ngài lại đánh lấy thành Jérusalem, lại tự nơi mình phong vương cai trị đó nữa. Bởi thế nên tiếng truyền qua đến tai các vua xứ Assyrie, vua xứ ấy lấy làm tức giận bèn quyết trận với Néko, đánh thắng vua Néko nơi trận *Carchémois* (năm 605).

Vua Ahmès hay là *Amasis*. — Người kế ngôi cho vua Néko là *Ouhabra* (Apriès) chẳng bao lâu kế bị dân E-díp phế đi mà lập vua Ahmès (Amasis) lên. Vua nầy của dân chọn trong bực thường dân lên-đến vua Ahmès thứ nhì thì nước E-díp đã gần hết kỳ cực điểm thịnh hành trong nước rồi Tuy thuở ấy vua Ahmès mở mang việc chánh trị, trong nước được cường thịnh, nhân dân được giàu có mà bên Á-đông lại nổi lên một nước rất hùng cường là nước (Perse) chẳng bao lâu đây qua chiếm đất E-díp. Vua Ahmès II cũng rõ biết nước mình sẽ có ngày bị diệt, chẳng dè con chúa Ba-tư Cyrus là *Cambyse* lại hạ chiến thơ cho mình. Nhưng vậy khi binh Ba-tư qua chưa đến nước thì vua Ahmès đã băng hà rồi. Con người là Psamétik thứ ba, lên nối ngôi phải chịu tai họa mất nước (nhằm năm 525 trước Ch.G.S).

Tới đây thì sữ nước E-díp đã hết.

Từ ấy về sau nước E-díp lại thuộc tay ngoại quốc lần lượt phân nhau mà chiếm trị, đổi tay người làm chủ nào là Ba-Tư, nào là gơ-rec, nào Ro manh (Romains) nào Á-rặp, cho đến gần ngày nay đã mấy mươi trăm năm mà văn minh cũ vẫn còn dấu tích ràng ràng thiên niên bất tuyệt, (1)

(1) Đến đây dịch giả xin nghỉ bài « Văn minh đời thượng cổ » để nói qua những bài chi bổ ích cho đồng bào ta trong các công nghệ mà thôi.

3e ANNÉE — Nº 122 — 25 FÉVRIER 1926

KHOA HỌC TẠP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1° — M. BUI QUANG-CHIÊU *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*
2° — M. LÂM-VĂN-HUÊ, *Commis indigène des Services Civils.*
3° — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics à Cholon.*
4° — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*
5° — M. NGUYỄN KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon*
6° — M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*
7° — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*
8° — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN, *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*
9° — M. TRẦN VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Paris.*
10° — M. TRẦN-QUANG-NGHIÊM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*
11° — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*
12° — M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3,00		

MỤC LỤC

Ôn rận..... 2222
Khoa học thời đàm..... 2224
Liệt nữ truyện..... 2226
Công nghệ đời nay..... 2230
Văn chương nôm..... 2233
Gương luân lý..... 2236

CON RẬN

Như ta đã nói hôm trước: con rận cũng là một loài chí. — Song con rận ở nơi kẹt quần kẹt áo và lại lớn hơn con chí một chút. — Cái mình nó xám xám, vàng vàng và cái mình nó có tám khúc ngấn ngang.— Con rận lại hay ở nơi mấy người giả, và con nít. Ít khi mà thấy nó bò ở trên mình người, rangoài da người bút máu rồi chun vô kẹt quân kẹt áo mà núp.— Con rận lại sanh sãn ra mau hơn chí nữa.

Có ông Leuwenhœck một ngày kia, lúc ông tìm học về con rận, làm thử như vầy: ông bắt hai con rận cái, ông bỏ nó vô trong một đôi vớ bằng hàng của ông và ông mang đôi vớ đó ngày và đêm. — cúi tuần lễ đầu, ngài thăm chừng thì đếm được một trăm cái trứng.— Trứng nở ra, rồi mấy con rận cái to đẽ ra nữa trong hai tháng sau, ngài tính ra có hai con rậ đầu nghỉ sanh sãn ra đượ mười tám ngàn con tất cả.— Thấy đó mà sợ và biết loài rậ có thể mà làm cho ta cực kh là dường nào. Khi rận cắng ta cái nước miếng nó đọc dín đâu đều nổi một mục nhỏ đỏ bầm nơi da mình. Nên kh rận nhiều có người bị da lưn và da bụng đầy những mục nh nhỏ đỏ đỏ bầm cũng như ba điều; — Có nhiều người ăn mà bị rận nhiều quá lâu ngày lâ năm cho đổi da họ bị tiếm đen — còn mấy chỗ không bận á quần lại còn da liền tự nhiên.— Rận cắn rồi cũng ngứa lắm, nê mấy người bị rận nhiều hay gả mải đứng đâu, ngồi đâu cũng l gải và bị gải cho nên da tron mình bị trầy trụa tất cả. — C người đau nằm một chỗ khôn thay áo quần thường, bị rận cắ rồi thấy mấy mục đỏ đỏ trâ

bụng hay trên lưng, tưởng là bị đau trong mình mà nổi ra.— Có nhiều người ăn mày, giả cả ở mấy xứ lạnh không có đồ mà thay, bị nhiều rận, mà có khi rận chun dưới da làm ổ sưng có vòng lên; chít vòng ra không có mủ máu chi hết mà rận ra cả trăm cả ngàn.

Thuốc rận : Ấy là dễ hết sức: rận không ở trên minh con người ; rận ở trong kẹt áo kẹt quần mà sanh đẻ trứng nó ra. Hắp áo quần cùng trụng trong nước sôi chừng đôi ba giờ, để trên lửa mà nấu thi trong đôi ba giờ rận và trứng gì cũng tiêu chết hết. — Mà phải nhớ rận như chí hay lây người nầy qua người kia.

Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN

Khoa-học thời-đàm

Sự nguy hiểm về bóng đèn điện cháy

Hồi trước khi có đèn điện người ta thắp đèn bằng hơi khí thắp đèn và hơi khí á; cách thắp đèn bằng hơi khí thường khi hay bị hỏa hoạn, nhứt là ở nơi mấy nhà hát thuở trước. Từ ngày bày ra đèn điển, dây thang, dây kim trong bóng đèn trống khí trời, nhờ hơi điển mà cháy sáng, chớ không hề sợ hỏa hoạn nữa, cho nên mấy người chủ hát lấy làm mừng.

Vậy mà sau nầy lại còn thấy sự hiểm nghèo về đèn điện nữa: là vì mấy sợ dây dẫn điển (canalisations électriques) nhiều khi nóng quá bèn chảy cái lớp bao ở ngoài, rồi dính nhau mà bắt cháy lên, bắt luôn tới vách ma cháy nữa thành ra cũng có hỏa-hoạn. Bởi vậy nên người mới bày ra cái «*coupe circuits*» và *dây chì* mềm, để phòng khi điển có chạy mạnh quá, nóng lắm thì dây chì chảy mà chảy đi thì bit ngăn đường điển khỏi cháy bậy.

Nay rõ ra chẳng phải dây dẫn-điển nóng cháy sanh hại mà thôi, cai bóng đèn cháy nóng quá cũng có thế hại về hỏa hoạn được vậy. Song giả như bóng đèn có nóng quá thình lình mà nổ đi thì sợ dây ngọn nó tắc liền, không thế nào bắt cháy vật chi ở gần nó được. Nhưng nếu cái bóng đèn mà gần vật chi chạy lửa lâu quá, thì khi nó nóng quá cũng có thể sanh lửa mà cháy lên được.

Thử lấy một miếng vải nhún cau-su mà bao cái bóng đèn cháy chừng 110 volts và 32 ngọn đèn cầy thì nội trong 6 tới 10 phút miếng vải ấy cháy liền.

Ở trong phòng hóa-học bên thành Londres người ta có thí nghiệm như vầy: để bóng đèn điển cháy gần với thuốc súng, thấy thuốc súng không có hệ gì hết, mà nếu bao cái bóng đèn bằng một lớp thuốc súng dày hơn, thì sanh ở trong thuốc và điển cũng chảy ra.

Một cái bóng đèn 16 ngọn (16 bougies) cho cháy để trong một cái hộp cây bit thì chừng không đầy một giờ, cái hộp ấy nóng đến 215 bực (nước sôi lên hơi nóng 100 bực).

Bây giờ để cái bóng đèn cháy vô một cai bầu kiến ở ngoài bao bằng một tờ thiết láng mỏng rồi đổ nước vô cho ngập cai bóng đèn, để vậy trong nữa giờ thấy nước sôi lên.

Người ta còn thí nghiệm cách nầy: trộn 2 thứ khinh khô (hydrogène) và dưỡng khí (oxygène) lại rồi cho cái bóng đèn điển chạy thình lình bể đi thì nó bắt cháy 2 thứ khí ấy liền.

Vậy bóng đèn điển tuy là tiện lợi hơn các thứ đèn, và ít nguy hiểm hơn mà ta cũng phải dùng nó cho ý chỉ mới được.

Lấy không khí lỏng mà làm vật nổ.

Từ ngày có đam giặc Âu-châu thì các nước đều chuyên lo về việc bày

chế những vật nổ. Các thầy hóa học đều châm lo tìm kiếm những cách làm thuốc súng cho thật mạnh.

Nhưng đã tìm được thuốc mạnh dữ tợn không phải nguy hiểm cho binh nước nghịch mà thôi, đến những người ở trong xưởng chuyên lo mần nó ra cũng lắm lúc vì nó mà mang tai.

Vì vậy cho nên người ta trù tính cách làm thuốc chi mà lúc mần nó chở chuyên nó thì vô hại, mà đến lúc đem ra dùng cho nó nổ thì càng dữ tợn. — Từ hồi năm 1897 ông Georges Claude đã nghĩ ra được cách ấy rồi Ông lại là người đã bày ra cái nghề làm khí trời lỏng trước hết bên Tây.

Cách của ngài tìm không có chi khó. Ngài tìm thế làm cho khí trời ra lỏng như nước, rồi lấy dưỡng khí lỏng (oxygène liquide) trong ấy ra. Muốn làm vật nổ thì lấy thang đã đựng trong bì bằng nhiều lớp giấy dày bao nhau mà đem nhúng vô dưỡng khí lỏng cho nó ướt. Dưỡng khí lỏng thì lạnh lắm, dưới bậc nước đá (0°) có 200 lần. Khi nhúng thang vô khí trời lỏng ấy thì nó sôi lên hơi xem ra không khác nào như thợ rèn nhúng sắt đốt đỏ vào nước lạnh vậy. Song để thang trong ấy một hồi thì nó cũng lạnh bằng như khí trời lỏng kia vậy thì nó hết sôi. Cái bì thang nhúng trong ấy vừa lấy ra thì phải đem đi dùng liền. vì nếu để lâu nó bớt lạnh lại thì hơi dưỡng khô lỏng trong ấy sẽ bay đi mất hết mà thành vô dụng, Cái đều ấy cũng bất tiện thật nhưng vậy mà cái bất tiện ấy lại cũng có ích cho người, là giả như dùng nó mà làm thuốc nổ khai mỏ, khai hầm đá, như rủi nó có tắc thì thợ chịu khó chờ chừng 15, 20 phút cho nó bay hết cái hơi dưỡng khí đi thì không có hại gì nữa, chớ như dùng thuốc nổ như *dynamite* rủi có tắc thì khó lấy ra lắm, lấy cũng là nguy hiểm. Dùng điển-khí lỏng làm lại còn tiện thế nầy, là đến lúc thuốc nổ dùng nó mới là đem nhúng nó vô nước dưỡng-khí, chớ không có nhúng trước lâu mà phải sợ sự rủi ro.

Một lít nước dưỡng khí rút vô trong thang mạc thì sức nổ mạnh bằng một kí lô thuốc nổ để khai hầm đá. Thang mạc không phải là cần kịp vì lắm. Người ta dùng cái thứ bọt vôi lộn cứt sắt ở trong lò nấu sắt, mà nhúng dầu lửa rồi nhúng vô nước dưỡng-khí thì dùng cũng vậy. Còn như muốn cho nó mạnh hơn nữa, thì lại thêm mạc aluminium vô chừng nổ rồi thì aluminium lộn với dưỡng khí mà sanh hỏa-nhiệt nóng vô cùng, bèn cháy thang thêm nóng hơn nữa, thành ra cái sức mạnh nó thêm lên bội phần

T. T

Liệt Nử' Truyện

Người con gái có hiếu *(N° 4)*

(Tiếp theo)

Thanh-Tân dịch thuật

Hễ khi nàng đến mấy xóm làng nho nhỏ, tới nhà ai mà xin tá túc cũng đều có người tử tế tiếp đãi, mà khi tới làng to, gặp nhà giàu có một chút thì rất khó xin ngũ đậu nhờ: người ta nghi cho nàng là một gái giang hồ phong tục xấu, cho nên cái sự nghi ngờ bất bình ấy khiến cho nàng lắm nỗi xót đau trong buổi lộ trình.

Nàng ráng sức đi trọn ngày, còn chừng vài dặm đường nữa thì tới thành Ca-muôi-sếp (Kamoülcheff) xẩy bị một trận giông mưa dữ dội. Nàng bèn ráng sức đi mau cho gặp nhà mà đụt đở, tưởng khi nhà cữa chẳng bao xa sẽ thấy; nhưng lại bị một trận cuồn phong cuốn gãy cây trước mặt, khiến cho nàng hoảng kinh phải chun vào rừng mà trốn. Nàng đụt gió dưới gốc cây thông, chung quanh có bờ cao buội rậm. Trời giông mưa cả đêm chẳng dứt, mà nàng cũng ráng chịu đựng nơi chốn rừng hoang, một mình dầm mưa trải gió cho đến sáng, rựng đông mưa mới tạnh. Trời vừa hừng đông nàng mới ra tới lộ mà đi, thì là mệt mỏi đói rét rồi, không phương đi nữa. Nhưng sao lại cũng may, có một người đánh xe đi ngan qua thấy vậy động lòng cho nàng đi nhờ một chỗ trên xe. Nhờ vậy mà chừng 8 giờ sáng nàng đã tới một cái làng to. Người rầy đánh xe không ghé đó, cho nên để nàng bước xuống rồi chạy thẳng đi luôn. Còn nàng Prascovie đến đó, lòng biết mình chắc khó xin đậu nhờ: vì nhà cữa xem ra nhà giàu có. Nhưng mà vì mệt mỏi đói khác biết sao, bèn bước lại gần cữa sổ thấp thấy có một người đờn-bà tuổi trạc bốn năm mươi đương ngồi lựa đậu nàng bèn xin cho tá túc. Người đờn bà ấy nhắm xem nàng giây lâu, coi bộ khinh bỉ nàng, bèn đuổi bức nàng đi.

Số là khi nàng xuống xe bị trợt té, lấm dính bùn, áo quần lem luốt, cho nên người thấy mà khinh như vậy, phần thì phải chịu một đêm mưa gió nơi chốn rừng vu, không ăn không uống nên mới ra thân thể dường nầy, dáng mạo ra người cơ hàng đói rách chẳng thật thà, mới khiến tới nhà ai cũng bị người xua đuổi. Có một lần vì mệt mỏi quá nàng ngồi dựa cữa nhà kia mà xin đồ nhờ, lại bị một người đờn bà vô nhơn làm dữ đuổi nàng đi xa và nói chẳng chịu chứa quân trộm cấp điếm đàng lưu lạc giang hồ đâu. Nàng thấy gần đó có

ột nhà thờ, bèn rón rén lại, nghĩ ing: « Đây không lẽ ai đuổi mình ữa. » Đến đó nàng thấy cửa đóng ien gài, bèn ngồi dựa nơi thềm mà ghỉ. Những con nít nhỏ khi nảy ấy nàng bị người đờn bà xua đuổi, ây giờ cũng xúm lại mà nhiếc mắng àng, kêu là con ăn trộm. Nàng cũng hẫn tâm ngồi đó mà chịu đói chịu nh hơn hai giờ, miệng thì vái Trời no nàng chịu đựng cho nổi cơn bốn khó.

Lúc ấy có một người đờn bà bước ri hỏi nàng, nàng mới thuật chuyện êm hôm mắc mưa ở chốn rừng già, ấy người khác cũng đứng lại mà nghe.

Có một ông xả trong làng đi ngan ua đó mới lấy giấy thông hành của àng mà coi rồi nói đủ phép luật : gười đờn bà tử tế thấy vậy động lòng ương mới biểu nàng về nhà mình à ngủ. Chừng nàng muốn đứng ậy thì tay chưn đều tê cứng phải có gười đở mới dậy được. Nàng mất ết một chiếc giày, đưa bàn cẳng hông và cái chưn sưng lên, ai nấy ấy cũng phải động lòng thương xót, à khi nảy lại nghi ngờ, nở lòng ạc đãi nàng. Khi đở nàng lên xe rồi, ấy đứa chưởi mắng nàng khi nảy úm lại kéo xe đưa nàng về tới nhà gười đờn bà ấy, người tiếp đãi rất ậu tình. Nàng ở đó hơn mấy ngày.

Trong lúc nàng ở trọ nơi đó, có gười ở rẫy nhơn đức đóng cho nàng một đôi giày; chừng nàng mạnh giỏi như xưa mới từ giã người đờn bà tử-tế à lên đường, đi luôn cho đến mùa ông tới Tùy khi mệt mỏi cùng khi ặp người hậu đãi thì nàng có ghé àng nầy hoặc làng kia mà ở hoặc lâu hoặc mau. Khi ở ngụ đâu thì nàng cũng hết lòng giúp việc trả ơn, như quét nhà hoặc giặt đồ, hoặc may vá áo cho chủ nhà. Chừng được tiếp đãi tử-tế xong rồi nàng mới dám thuật chuyện gian nan của nàng.

Nàng có ý thấy mỗi khi ban sơ nàng muốn thuật chuyện mình, nói thiệt ra thì chẳng có ai tin, lại còn nghi cho nàng là gái giang hồ nữa. Thế thường hễ khi nào người ta thấy ai muốn than thở nói chuyện cô khổ của mình mà mua chuộng lòng người, thì họ bèn ngừa lòng trước, không để cho cảm súc. Vậy muốn cho họ cảm động thì nói sao cho người cảm mà không dè thì họ mới thật lòng thương xót cho. Nàng Prascovie biết vậy, nên trước hết nàng xin cho ăn đở dạ, rồi sau mới tỏ nỗi đi đường mệt mỏi xin cho tá túc một khi, đến chừng nàng được ở yên, nàng xưng tên thuật chuyện của mình. Nhờ mấy nỗi gian truân cô khổ ấy, nàng mới rõ được lòng người bao nả vậy.

Có nhiều kẻ khi đuổi xua nàng đi, thấy nàng vừa đi vừa khóc tủi mà động lòng thương, bèn kêu trở lại tiếp đãi tử tế. Mấy kẻ ăn mày lắm phen bị đuổi nên đã nhàm lòng, chớ như nàng Prascovie, tuy phận nghèo nàn, nhưng mà xưa nay chưa từng kêu xin làm phước, nên khó nỗi cầm lòng. Tuy tánh nàng chí quyết, lòng hay nhẫn nhịn, chớ thấy người phụ rẫy, nhứt là nghe người nói oan cho mình, thì nàng lấy làm xốn xan đau xót tấm lòng lắm.

Nhờ dịp may mắng như đã kể trước kia, nghĩa là phải trình giấy thông hành, cho nên sau nầy mỗi

khi nàng muốn cho chủ nhà đừng phụ, thì nàng lại trình giấy ấy ra bởi trong giấy có nói rằng nàng là con gái quan ba; nhờ vậy nên nhiều lúc nàng mời được người hậu đãi.

Sau nàng cũng thú thiệt rằng cái đều xô đuổi nàng thiệt cũng ít khi, chớ cách bậu đãi, có nhơn thì chẳng thiếu chi mà kể. Sau nàng cũng có nói: « Ai cũng tưởng sự hành trình của tôi đây rất khó khăn, vì bởi tôi hay thuật những chuyện khốn khó, những lúc nan phân của tôi chớ không hề nói đến những nhà tử tế tôi đã gặp. Mà có ai muốn hỏi thăm cho biết đâu mà tôi phải nói làm chi. »

Trong mấy lúc gian truân, có một lần nàng cũng tưởng đã mạng vong đi rồi. Cái sự lạ ta nên kể ra đây cho biết: Một buổi chiều kia nàng đi dài theo làng mà kiếm nơi ở ngụ, có một người trước đã không cho nàng ở ngụ mà sau lại đi theo nàng mà kêu lại. Người ấy tuổi cao mà bộ xem chẳng phải hiền. Nàng tuy trong lòng nghi ngại bợ ngợ chẳng biết có nên về đó mà ngụ cùng chăng song còn sợ nỗi mình chẳng theo về đó, e khi không xin tá túc đâu nữa được, bèn theo về nhà người ấy. Tới nơi thấy có một bà già hình thù càng ghê gớm đáng sợ hơn nữa. Vô nhà rồi người ấy đóng cửa lại và gài cửa sổ. Nàng thấy chủ nhà đã không tiếp đãi chị mà lại xem bộ dáng rất lạ lùng khiến cho nàng lòng thêm lo sợ, ăn năn vì trót đã ghé vào. Hai ông bà ấy mời nàng ngồi nghỉ. Trong nhà chỉ thắp bằng một cây thông đốt cháy nhét rong lỗ vách mà thôi, có gần tàn thì mồi chêm cây khác Nhờ hơi yến sáng gớm ghê, nàng đánh bao (làm gan) mà nhướng mắt ngó lên, xem thấy chủ nhà ngồi mà ngó trân mình. giây lâu bà già mới hỏi nàng: « Nàng ở đâu mà đến đây? » Trả lời rằng:

— Thưa tôi ở Ich-sim, đi Xanh-bê-tiết-bua, vừa mới ngan qua đây.

— Nói vậy nàng chẳng là cót iền nhiều lắm, mới là đi qua cho tới đó đặng?

— Thưa bà, tôi chỉ còn có 80 đồng su nữa mà thôi.

Bà ấy nói lớn lênrằng « Người nói láo! Lẽ đâu đường đixa như thế mà chỉ dem có bao nhiêutiền thôi!»

Nàng một hai cải nói mình còn có bấy nhiêu đó thôi. mà chủ nhà cũng quyết không tin. Bà già kia mới nói giả ngộ với chồng rằng: « Từ thành Tô-bôn (Tobolk) mà qua Xanh-bê-tiết-bua có 80 co-béc (kopeck), hoặc may phải rồi há! »

Nàng bị nhục lấy làm sợ hải, cầm nước mắt mà vái Trời phò hộ. Tuy vậy chớ chủ nhà cũng cho nàng ít củ khoai mà ăn Chừng nàng ăn rồi; bà chủ nhà biểu nàng đi ngủ. Nàng bây giờ lòng nghi quyết chắc chủ nhà là ăn trộm, muốn đưa bứt hết tiền của mình đi, cho khỏi tay người hung dữ. Nàng bèn thay áo, trước khi leo lên gát mà ngủ nàng để gói và túi ở dưới, cho chủ nhà dễ bề lấy bạc của mình mà đếm và cho khỏi mang tiếng bị chúng lục xét trong mình.

Chừng tưởng nàng đã hơi nồng giấc điệp, ông bà mới tính lục đồ. Nàng Prạscovie lặng nghe hai người nói chuyện, trong lòng nàng lấy làm lo sợ. Nàng nghe nói: « Nó còn tiền

tiền trong mình nó, chắc là nó có bạc giấy. » Lại nghe bà già nói : «Tôi thấy trên cổ nó có đeo một sợi dây, có treo một cái gói nhỏ chắc trong ấy có tiền.» Ấy lá một cái gói nhỏ may bằng vải dầu nàng để đựng cái giấy thông hành mà đeo chẳng hề rời ra khỏi mình, Hai ông bà bèn nói chuyện nhỏ, những tiếng nào nàng lóng tai nghe được đều là những câu khiến cho nàng trong dạ bất an. Nàng nghe mấy người khốn ấy nói: « Không có ai thấy nó vô nhà mình đâu ; cũng không có ai mà ngở rằng nó ở trong làng rầy đâu. » Rồi hai người nói chuyện xầm xì với nhau, nho nhỏ hơn nữa, nàng không nghe được. Im lìm một chập lâu, nàng vừa tưởng tượng những sự hiểm nguy đã đến bên mình, thì bỗng đâu dòm thấy cái mặt ghê gớm eủa bà già đương leo lên, đưa ngay trước mắt, làm cho nàng vỡn ốc lạnh tê mình mẩy. Nàng năn nĩ khẩn cầu bà già xin tha tánh mạng, nói rằng mình thiệt chẳng có tiền bạc ; nhưng vậy mà bà già cũng chẳng chịu nghe, cứ việc lục kiếm trong mình nàng, bắt nàng cởi giày ra mà xét. Ông kia bưng đèn lên : 2 người mới lục xét trong giấy thông hành, biểu nàng sè tay ra kiếm chẳng có chi bết, ông bà mới lần xuống, bỏ nàng nằm đó trơ trơ như đã chết rồi.

Nàng mãng lo sự ấy và sợ e 2 ông bà còn lên lục xét mình nữa cho nên khiến cho nàng thao thức rất khuya. Đến chừng nghe 2 ông bà đã ngũ ngáy pho pho, thì nàng mới là vững bụng, giây lâu mệt mỏi nàng cũng ngũ quên đi, cho đến trưa bà già mới kêu dậy. Nàng tuộc xuống gát, lòng những lấy làm lạ sao thấy bữa nay hai ông bà lại ra dáng tử tế hơn đêm hôm. Tuy vậy nàng cũng tạ ơn mà từ giã, song 2 ông bà lại cầm nàng ở lại mà ăn uống. Bà già bây giờ mới lật đật sửa soạn dọn ăn, lòng lại sốt sắng hơn hôm qua nhiều lắm. Hai ông bà đem những đồ ăn ngon cho nàng ăn, nào là cháo, nào thịt, nào rượu la ve đem ra cho một bịt. Thấy người thiệt lòng hậu đải dường ấy nàng mới an lòng, hỏi thăm chi nàng cũng nói thiệt và thuật lại một ít chuyện mình.

(Còn nữa).

Công Nghệ Đời Nay

Nghề in hình (La gravure)

Những hình in trong các sách cùng trong nhựt-trình đều là hình in bằng bản khắc vào trên khuôn cây, khuôn đồng, khuôn sắt, khuôn kẻm hoặc trên đá kêu là đá in. Có thứ hình khắc hủn vào bản, thứ lại khắc cho lồi lên. Bây giờ người ta hay dùng cách thế in hình chụp (photogravure).

Nghề chạm hình vào vật cứng thì người ta đã biết lâu đời lắm; nhưng cách bày chạm hình lên mặt vật cứng để mà làm khuôn bản đặng in ra giấy cho được nhiều thì chỉ mới bày ra hồi kỷ thứ 15 nhờ có một người ở thành Florence bên nước Ý (Italie) tên là ông Masso Finiguerra. Ông ấy bày ra *cách khắc hình bằng cây cọ* (gravure au burin). Khắc bản hình có 2 thế, như đã nói trên kia: thế khắc lằng hủn, và thế khắc lằng nổi. *Khắc hình có lằng hủn* (gravure en creux).— Khắc hình hủn thì thường khi khắc trên bản đồng hoặc bản sắt khắc bằng *cọ* (burin) hoặc bằng *nước mạnh* (eau forte).

Khắc hình bằng cọ thì dùng một tấm bản đồng tinh anh, mà dồi cho thật láng, rồi lấy cây cọ bằng sắt nhỏ, có cáng, ngoài đầu lưỡi có tỉa dạt cho bén nhọn mà vẽ lên trên bản những lằng chạy tréo nhau, làm thế nào cho ra hình ra bóng. Người thợ vừa vẽ vừa gạch xuống bản đồng ấy phải thật là tài tình lắm mới vẽ ra được nhiều cái hình nay ta xem thấy trong sách thật là khéo léo vô cùng Phải khéo rạch lằng cho có nơi hủn sâu nơi cạn, nơi lằng to nơi lằng nhỏ tùy theo cái bóng hình. Tấm bản đã khắc xong, bây giờ nếu dùng đồ phết mực in lên bản ấy, thì mực chun vô mấy cái lằng hủn, chùi mấy chỗ trơn cho đi hết mực, rồi đặt tờ giấy lên mà in thì mấy nơi có mực đều in xuống tờ giấy mà ra cái hình. Sau người ta lại khắc bản bằng nước mạnh còn dùng cọ thì sau khi nước mạnh đã ăn xuống bản, dùng nó mà sửa lại cho đều, cho khéo thêm mà thôi.

Cách khắc hình bằng nước mạnh có kẻ cho là của ông Alber-Durer bày ra, kẻ khác lại cho là của ông François Mazzuoli; mà đem ra thực dụng trước là nhờ ông Wanceslas d'Olmutz hồi năm 1466. Cách ấy làm như vầy: người ta dùng nước mạnh pha nước lả mà cho nó ăn hủn tấm bản đồng (hoặc bản sắt). Trước hết lấy một tấm bản đồng tinh anh thật láng, đem hơ lửa cho nóng, rồi lấy một tấm lụa bao sáp (vernis) mà rà lên trên mặt bản; sáp bị hơi nóng bèn chảy ra đóng lên trên mặt bản một lớp, rồi đem lật lại hơ trên ngọn đèn cho nó chảy lộn với khói đèn. Tráng nó cho đều trên mặt. Bây giờ

uốn vẽ hình chi, hoặc lấy theo hình
o mà họa lại, thì dùng giấy mà đồ
eo hình ấy hoặc vẽ ra cho kỷ, rồi
ờ giấy ấy lên bản mà đồ lại nữa
bằng một cây nhọn, kêu là *cây đồ* (pointe à calquer), đồ thế nào cho những lằng vẽ phải xuống đụng iếng đồng, trống đường không có p vernis bít, thì sau nước mạnh mới ăn đồng cho hủn được. Đồ ng rồi, bây giờ phải lấy sáp mà ng cái bìa lên, đặng đổ nước mạnh n mặt nó không chảy ra ngoài. Đổ ớc mạnh (nước đạm-cường toan ide azotique) lên, để vậy chừng nữa ờ hoặc một giờ cho nó ăn hủn ống bản tùy theo sức nước mạnh tùy ý mình muốn cho nó ăn cạn y sâu. Hình in ra có chỗ không n cho đậm quá, thì trong bản nơi ỗ ấy phải bao sáp lại, chừa chỗ ác, mà cho nước mạnh ăn lại ng mấy nơi phải in ra hình đậm hủn thêm. Vậy trước khi bao lại p sáp nơi mấy chỗ kia, phải đem a nước nó lại. — Cái bản đồng ấy n xong rồi, cạo hết sáp vernis rồi iều khi người ta còn dùng cọ burin à khắc lại. Cách ấy bây giờ dùng ờng lắm.

Cách khắc hình có lằng nổi. (Gravure en relief). — Cách khắc hình nổi thường khi khắc trên cây cứng kêu cây *buis* nhuyễn sớ mà cứng lắm. y một tấm ván cây buis đã bào đã nh bóng láng và bằng mặt, rồi rắc ấn chì lên trên mặt mà chà cho nó hết những lỗ kẻ con con. Người vẽ (dessinateur) dùng viết mực ặc viết chì mà vẽ lên trên mặt bản như vẽ lên mặt tờ giấy vậy. Vẽ xong rồi thì giao lại cho người thợ khắc; khắc thế nào cho mấy cái lằng vẽ thì còn lộ nổi lên, còn mấy chỗ trắng thì phải chạm hớt đi cho nó lủng xuống. Rồi chừng in ra thì không khác gì như in chữ in sách. Những hình ấy thường dùng mà in chen trong sách một lược với khi in chữ. Người ta dùng cách ấy mà in hình trong các sách học.

Cây buis dùng mà khắc bản in tuy là cứng lắm, song in không được tới 15 ngàn cái hình thì đã mòn mất đi thành ra ra hình in phải lem luốt đen thui. Vậy muốn cho có bản mà in hình hniều lần nữa thì phải dùng cách làm bản khuôn thêm (clichage). Cách ấy dùng điển-khí mạ đồng lên trên cái bản cây đã khắc cho nó lấy y nguyên cả cái hình khắc trong cây (galvanoplastie); làm như vậy được chừng đôi ba tấm thì để dành mà in ra hoài.

Cách khắc hình nỗi chẳng phải khắc trên cây không mà thôi; người ta cũng khắc lên trên bản sắt bản đồng nữa.

Cách ấy thường dùng để khắc ra con dấu, con hiệu để đóng bằng tay (timbre-cachets). Nhưng mà đó là sự thường, người ta còn dùng cách đó mà khắc bản hình để in ra trong sách mới là thật khéo. Người ta dùng cách đó mà khắc hình in ra giấy bạc. in cò gởi thơ thường lắm.

Khắc hình nỗi trên bản sắt, dùng nước mạnh cũng được nữa.

Khắc hình lên bản đá in (Lithographie). — Cách nầy mới bày ra hồi năm 1799, của ông *Aloys Senefelder*.

Đá để in có thứ đá riêng, bên Tây

họ dùng đá kiếm được ở thành Munich (bên nước Đức, Allemagne) và ở Châteauroux, ở Vigan, ở Bruniquel.

Đá in đem về đẻo cho đều, làm cho bằng mặt như mặt đá cẩm thạch. Người thợ vẽ dùng một thứ mực riêng và viết chì riêng (có dầu, mỡ) mà vẽ hình lên trên đá ấy. Vẽ xong thì đổ nước mạnh có lộn keo lên trên mặt. Những chỗ nào có lằng mực, lằng chì viết vẽ thì nước mạnh không ăn được, chỗ nào không có thì nó ăn hủn xuống. Xong rồi đem rữa nước cho sạch, rồi rữa lại bằng dầu thông (essence de térébentbine) cho nó tan cái mực có dầu mỡ đi. Mấy nơi vẽ bây giờ lộ nổi lên, người ta chỉ lăng cái ống mực in lên thì mấy chỗ nổi dính mực, còn chỗ hủn thì không; đặt tờ giấy lên mà in thì nó ra cái hình. — Làm như thế, thì người thợ vẻ phải cho giỏi, đặng khi vẻ thì vẻ ngược, đến lúc in nó ra xuôi. Máy in bằng bản đá in phải có thứ máy riêng, nếu máy in thường in nó ép mạnh ắt là nó phải bể.

Cách in hình chụp (Photogravure) — Cách nầy dùng yến sáng mặt trời mà khắc vô bản nên kêu là *photogravure, héliogravure*; có khi cũng kêu *simili-gravure*.

Bản khắc thì làm hoặc hủn hoặc nổi tùy ý và tùy cách. Vi như muốn có bản khắc hình hủn, thì dùng một thứ dầu kêu là *bitume de Judée* mà bao lên mặt một tấm bản kẻm (plaque de zinc); có khi lại dùng *albumine bichromatée* lại còn hay hơn. Xong rồi để tấm kiến hình chụp xuôi lên (1) trên mặt, để vô khuôn đem ra nắ mà phơi một lác. Đem vô dùng th nước thuốc riêng mà rữa cho t bitume cùng là albumine đi, song c nào không có yến sáng mặt trời l vô hai vật ấy, thì nước thuốc nó m ăn tan được, còn chừa ra chỗ khá Xong cach ấy, thì dùng qua nư mạnh mà cho nó ăn xuống kẻm, cù như dùng cách khắc hình hủn bằ nước mạnh đã nói trước kia vậy.

Có một cách khác làm cho hình ra giấy thấy có hột nho nhỏ. Họ dù một thứ *gélatine* (một loại xu-xoa) k kị yến sáng (sensible) mà làm nh cach trên, rồi dùng nước mạnh riê mà cho khắc vao bản kẻm.

Cách khắc bản ra hình nổi cũng dùng bitume de Judée hoặc bumine, nhưng lại nghịch với cá trên, nghĩa là phải để tấm kiến hì chụp ngược (plaque négative) lên c nó ăn, làm cũng như in hình ch ảnh (photoghaphie) vậy. Song p làm sao cho tấm bản in đừng tr tru lắm, e khi in ra giấy nó đen th đi. Vậy phải lót phía dưới kiến m miếng cước chỉ cước thật nhỏ rí đặ cho nó áng bớt yến sáng đi; chừ đến khi cho khắ bằng nước mạ thì nó thành ra tấm bản nổi lên hột nho nhỏ như hột cát; đến lúc ra ngó thấy hình có hột nho nh Cách đó người ta thường dùng mà hình chụp lên nhựt báo, lên sách, cù là các tập chí bây giờ.

THANH TÂN.

VĂN CHƯƠNG NÔM

Nhị độ mai chú giải (*N*° 7)

(Tiếp theo)

Ngày xanh thắm thoát đưa thoi, (81)
Lư-công tuổi thọ (82) sáu mươi vừa tuần.
Định ngày vui mở tiệc xuân,
Vua cho lễ vật nội thần đem ban.
Lại truyền văn vỏ bá quan,
Cứ ngày cũng đến tướng-môn lễ mừng.
Phủ-đường dọn dẹp tưng bừng,
Rỡ ràng kết thể trương đăng trong ngoài.
Vóc đề chữ gấm thiêu bài,
Vịnh ca thiên-bảo (83) chúc lời Nghiêu Hoa. (84)
Dập dều chốn võ, nơi ca,
Trò bày bá hí nhịp hòa bát âm. (85)
Chong giá sáp, quạt lư-trầm,
Rót bình rượu ngọc, dâng mâm đào vàng. (86)
Vỏng đầy cửa, ngựa chen đàng,
Khắp triều quan đến, khắp hoàng thân ra.
Bay phô chén ngọc đũa ngà,
Gia hào bấy thức, trân la mọi mùi.
Lư công thẩm thẩm xa ngồi,
Tiếp tân phó mặc con nuôi họ Hoàng.
Mai-công lễ vật tầm thường,
Miến vài cân với lạp hoàng vài đôi (87)
Huỳnh-tung xem thấy nín cười,
Tìm Lư-công đến tận nơi tấn trình.
Tướng công ngồi trước thọ bình, (88)
Chói vàng bông mảo, ngắt xanh hoa bào.
Tư bề trướng gấm, màng đào,
Mùi hương-xạ nức, tiếng thiều nhạc rung,
Trông ra lát thấy Huỳnh-tung.
Xem đơn lễ mới thung dung dạy lời:

Ít nhiều, có lễ thời thôi.
Hảy thâu lấy đấy, khuyên mời hẳn hoi.
Tay nầy là bực đại tài,
Để ta mua chuộc làm tôi tớ nhà.
Cứ lời Tung mới bước ra,
Chào rằng: vưng mạng ân gia mời ngồi.
Lễ đơn nầy đã thâu rồi,
Dám khuyên vài chén tiệc vui gọi là.
Mai công rằng: những ở xa,
Chẳng hay qui chức tuổi đà bao nhiêu? »
Tung rằng: tuổi cũng chưa nhiều,
Năm mươi tư tuổi gần theo cõi già. »
Ông rằng: « Thiệt cũng khéo là!
Thế mà ngãi phụ! thế mà ân nhi!
Sống lâu thấy lắm chuyện kỳ;
Sao xưa nay vẫn không nghe tiếng đờn?
Mới hay vượng khí tướng môn,
Năm nên sáu tuổi sanh con đầu lòng.
Tung nghe ra giọng đâm hông,
Mặt ngần ngắt tim mắc sùng sực trông.
Các quan biết ý Huình-Tung,
Giả đều mời rượu Mai-công ép nài.
Ông rằng: lượng rượu kém ai?
Tiệc vui dầu chẳng đợi mời cũng say.
Nghe hơi tử-khí đâu đây, (89)
Dẫu rằng nữa chén đưa say chẳng màng.
Đến đây vưng mạng thánh hoàng,
Sá vùi bàu chuốc với tuồng quyền gian?
Huình-Tung đỏ mặt đốt gan, (90)
Bất thình lình bổng trong bàn mất vui.
Như mèo nguyụ nguỷu trập tai,
Chẳng thâu một lễ, chẳng mời một ai.

*
* *

Vào trong tốc thẳng một hơi,
Bên màn Lư-khỉ ghé ngồi nĩ non.
Nhỏ to chua cái chua con, (91)
Hôm xưa kiệu đến nghi-môn còn ngồi.

Mới rồi đưa lễ giễu chơi,
Lại câu sữa mắc, lại lời đưa chinh. (92)
Gần chùa gọi Bụt là anh,
Không văn pháp nữa còn danh giá gì ?
Lư rằng: Con chớ lo chi;
Ra tay rồi sẽ liệu bề bễ mai.
Cho vào bạn đảng thời thôi,
Bây giờ dầu nghĩ kêu trời cũng xa.

(*Sau tiếp*)

Giải nghĩa chữ mắc *(Tiếp theo)*

(81) Tháng ngày qua mau như thoi đưa qua lại.

(82) *Tuổi thọ* — Đời người 100 tuổi thọ là lâu hơn hết kế đó 80 tuổi à bực trung, còn 60 tuổi là tuổi thọ bực chót.

(83) *Cá thiêu bảo*, là thứ bài ca của các quan đại thần làm mà chúc cho vua

(84) *Nghiêu Hoa*. Lấy tích vua Nghiêu thuở xưa mùa đông đi săn bắn vào đến núi Hoa, có vua chư hầu nói ấy đến mà chúc cho vua được *phước lộc thọ*-Vua Nghiêu từ chối lời chúc mà rằng: « Sanh nhiều con thì nhiều cực; có nhiều của thì nhiều lo; sống lâu lắm thì càng nhục lắm. » Ông kia nói: « Trời sanh dân ra để cho người cai trị; nếu bệ-hạ có nhiều con thì bệ hạ chia dân cho con bệ-hạ trị, thì có việc gì mà cực? Còn nhiều của cải, thì cho kẻ khác hưởng với có sự gì mà lo? Lấy đức mà trị dân thì nước được cường thạnh; có nước mà không lấy đức sửa trị, sống đặng ngàn năm rồi mới về cõi Trời như thế, thì có sự chi gọi rằng nhục? »

(85) *Bát âm*, 8 thứ tiếng nhạc, kể ra là 8 món nhạc sanh 8 thứ tiếng là cái bồn, đất, da, cây, đá, kim, tơ, tre.

(86) *Đào vàng*, sánh với trái bàn đào ở cõi tiên, nơi vườn đào của bà Tây-vương-mẫu, 3000 năm mới chín.

(87) hai câu búng với 4 bánh sáp vàng (2 cặp đèn).

(88) *Thọ bình*. Tấm bình phong để chúc thọ. Tục xưa già 60 tuổi thọ, bước qua 61 thì chọn ngày lành mà ăn lễ thọ. Những người bà con trong kiến họ đến chúc thọ, cũng những kẻ thân bằng quyến hữu đến chúc đều mặc áo lễ, đem lễ những vật chúc-thọ như là búng, kêu là *thọ miến*, ý chúc tuổi dài, bánh làm hình trái đào, kêu là *thọ đào* tỉ với trái đào tiên, ăn vô thì sống đời khỏi chết; một cặp đèn bạch lạp đỗ kêu là *thọ chúc*; một ché rượu. Có khi lại lễ một cái áo lụa tơ, kêu là *thọ bào*, có thêu chữ *thọ* lớn, sau khi chết thì đem theo, và một cái bình-phong kêu là *thọ-bình*. Trên tấm thọ-bình có thêu hình bác-tiên.

(89) Nghe ở đây như có hơi chết (tử-khí)

(90) Huỳnh-Tung rất giận đỏ mặt, gan đau như lửa đốt.

(91) *Chua cái chua con*, kể hết những sự to sự nhỏ.

(92) *Sửa mác. — đưa chinh*. Lời nói xốc hông như giáo kia đâm xéo vậy

T. T.

Gương luân lý

Gương an phận thủ thường

Chuyện đứa nhỏ không tham mồi phú quí

Tên Marcellin là đứa chăn dê, thường bữa dắc dê vào núi mà cho ăn. Ngày kia nó vào tận trong núi mà kiếm một con dê đi lạc trong đám rừng rậm, xảy gặp một người nằm thiêm thiếp trong bụi, xem thế mệt mỏi lắm, thở chẳng ra hơi.

Người ấy thấy đứa nhỏ đi lại bèn kêu nói: «Nhỏ Mục-đồng ơi, ta đói khác lắm. Từ hôm qua ta vào đây mà săn bắn, rủi lạc đường về, phải ở đây cả đêm nên đói khát.

Tên Marcellin nghe qua bèn lấy bánh mì với phô-mách tươi trong giỏ ra mà đưa cho ăn và nói:

«— Ngài hãy ăn đi, rồi theo tôi mà về; tôi dắc ngài lại chỗ gốc cây đại thọ kia trong bộng nó có sẵn nước uống luôn luôn.»

Người săn bắn bèn ăn xong xuôi, rồi theo đứa nhỏ lại gốc cây mà uống nước, lấy làm ngon đã khát lắm. Rồi tên Marcellin dắc đường cho người ấy đi ra khỏi chốn núi non rừng rậm.

Người săn bắn bèn nói với nó rằng: «Nầy nhỏ ơi, em đã cứu mạng qua khỏi thát; nếu qua còn ở lại trong rừng một giờ nữa mà không ai cứu cấp, ắc qua đã thác rồi. Nhờ em cứu mạng, không biết lấy chi báo đáp, vậy xin em hãy theo qua mà về ngoài thành phố; qua sẵn giàu có, sẽ đãi em như con ruột trong nhà.»

Đứa nhỏ trả lời:

— Không đâu ngài, tôi theo ngài về thành phố chẳng được đâu. Tôi còn cha mẹ nghèo khó trong nầy, song tôi thương lắm, dầu ngài là vua chúa đi nữa, tôi cũng không lẽ bỏ cha mà đi theo ngài.

Người săn bắn nói:

— Mà ở đây thì em ở chòi tranh rất chí tệ, chớ như về nhà qua thì đài các nguy nga, cột to chạm trổ, cẩm thạch lót nền. Em uống nước bằng chén thủy-tinh, ăn thì có mĩ-vị sớn trân để trên mâm bạc.»

Đứa nhỏ lại trả lời:

«— Tuy thế nhà tôi không chí tệ đến nỗi như ngài tưởng vậy. Nó không có cột cao cữa rộng, chớ cũng có cây trái phủ che. Chúng tôi được uống nước trong múc ở giếng gần đem về; chúng tôi ra sức làm việc thì có chi ăn nấy cũng đủ no, và trong nhà chúng tôi tuy không có tiền bạc, không đồ bằng thủy tinh, không vật bằng cẩm thạch, chớ cũng chẳng thiếu kiền huế.»

Người săn bắn rằng: «Nầy em nhỏ, hãy cứ đi với qua; ngoài thành ta cũng có cây to, hoa đẹp vậy. Ta lại có một cãnh vườn rất tốt, có đường ngay bóng mát, cây rậm cỏ tươi, có vườn bông đủ thứ kỳ huê dị thảo quí trong đời; giữa vườn lại có giếng nước xẹt cao đẹp mắt; thiệt vậy, em

chẳng hề thấy đâu được như thế. Nước giếng xẹt lên tua vòi, rớt xuống hồ trong bằng cẩm thạch trắng.

Đứa nhỏ lại nói:

— Trong rừng nầy, chúng tôi cũng đủ vui đủ sướng. Bóng cây rừng cũng mát mẻ chẳng thua đường tốt của ngài. Đồng cỏ tươi xanh chúng tôi cũng có kỳ huê dị thảo vậy. Chung quanh nhà nhỏ chúng tôi cũng có bông hoa, nào là hoa hường, hoa thủy thảo (tím) hoa huệ hoa lan. Ngài tưởng giếng của chúng tôi chẳng đẹp bằng của ngài sao? Tôi lại thích xem mỗi nước trong kẹt đá chảy ra, trào lên sôi trên mặt đá, hoặc khi trên núi chảy xuống, bò theo đồng cỏ hoa tươi, bơn.

— Nhỏ ơi, em không biết mà lại từ chối Ở ngoài thành có trường học tốt, như em về đó qua sẽ cho vào trường mà học đủ các khoa; có nhà hí-viện có người ca-nhạc tài tình đờn ca cho em nghe rất đỗi êm tai. Có phòng đẹp, em về đó chơi nhiều cuộc lễ rất vui.

Đứa nhỏ nói:

— Không ngài ơi, theo ngài về thành phố chẳng được. Trong làng tôi cũng có trường học, thầy dạy đủ món cần ích, thầy tôi dạy nhứt là kính Đức-Chúa-Trời (bên Tây không có thờ Phật) kính nể cha mẹ cùng học đều đức hạnh. Bây nhiêu cũng đủ rồi, cần phải biết thêm chi nữa. Mấy người ca nhạc ngoài thành ca xang lãnh lót có bằng tiếng chim quyên trong rừng tôi chăng? Ở đây chúng tôi cũng lễ vu nhạc trỗi tiêu thiều vậy. Còn như đến ngày chúa nhựt, gia quyến hiệp vầy ngồi chung dưới bóng mát, mà nghe tiếng suối đờn lại càng vui sướng hơn nữa. Chị tôi hát, tôi thổi tiêu, tiếng rập nhau nghe rầm rĩ đến nơi xa. Cha mẹ chúng tôi nghe được lấy làm vui dạ, lấy mắt nhìn chúng tôi mà mặt tươi cười ý dường như đẹp dạ lắm. Vậy thì tôi không theo ngài đâu »

Người săn bắn biết thế không dắc trẻ ân nầy được nên phải chịu, bèn hỏi: « Vậy bây giờ qua biết lấy chi mà trả ơn cứu tử cho em? Thôi em hãy lấy cái túi bạc nầy, đầy vàng bạc trong đấy.

Đứa nhỏ trả lời: « — Tôi lấy tiền bạc ấy mà làm chi? Tuy chúng tôi nghèo, chớ cũng chẳng thiếu thốn món chi; tôi không dám thọ lãnh bạc của ngài đâu, vì e phải mang tiếng bán ơn cầu của sao? Như vậy thật chẳng phải, mẹ tôi ắc quở trách nặng lời; mẹ tôi thường răn tôi, hễ gặp ai trong cơn đói khó thì phải cứu giùm làm nghĩa, chớ khá làm ơn mà cầu lợi.

— Em nhỏ ơi, vậy qua biết cho em vật gì bây giờ? Làm sao em cũng phải lãnh một vật gì của qua làm của tích, chớ không, qua thật rất đau lòng lắm đấy.

— Vậy thôi ngài cho tôi cái chai nhỏ gì của ngài đeo một bên mình đó; tôi xem hình như có chạm bầy chó rược con hưu trên ấy thì phải. »

Người săn bắn bèn lấy cái chai mà cho đứa Mục-đồng; nó bèn thọ lãnh mà đi, lòng mừng nhảy nhót trở về.

T. T. lược dịch.

3e ANNÉE — Nº 124 — 4 MARS 1926

KHOA HỌC TẠP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1° — M. BUI QUANG-CHIÊU *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*

2° — M. LÂM-VĂN-HUÊ, *Commis indigène des Services Civils.*

3° — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics à Cholon.*

4° — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*

5° — M. NGUYỄN KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon*

6° — M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*

7° — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*

8° — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN, *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*

9° — M. TRẦN VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Paris.*

10° — M. TRẦN-QUANG-NGHIÊM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*

11° — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*

12° — M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3,00		

MỤC LỤC

Sơ luận cách trí..... 2240
Công nghệ đời nay..... 2245
Văn chương nôm..... 2248
Gương luân lý..... 2252

SO' LUẬN CÁCH TRÍ

Loài động-vật (*tiếp theo*)

Loài ếch nhái (les Batraciens)

Loài ếch nhái là một loài rất lạ kỳ, khi còn nhỏ thì ở dưới nước như cá, khi lớn lên thì lại ở trên khô. Như vậy thì nó phải thay hóa hình nó, cũng như tằm hóa nhộng, nhộng hóa bướm vậy.

Những loại nầy thay hóa hình nhiều lần, nhứt là loại *cóc, ếch nhái* và *chàng hiêu.*

Ban đầu con ếch (hoặc cóc nhái...) đẻ trứng, trứng ấy nhỏ mềm cũng như trứng cá, mà ở trong một cục bọt đùm của nó làm, đeo dính theo cây, cỏ. Ít lâu trứng ấy nở ra một con thú nhỏ đen đen, cựa quậy. Lần lần nó lớn có đuôi dài, cái hình trơn lu, cái đầu to tròn như hột đậu; ấy là con *cá nhái* (têtard). Lúc còn hình cá nhái thì không có chưn cẳng chi cả; lần lần sau nó lú mọc ra 2 cẳng nhỏ ở dưới bụng nơi phía sau. Cái đuôi nó thủng thẳng rồi lại cụt lần mà mất đi thì hai cẳng trước đã mọc ra. Bây giờ nó mới thành hình con ếch, nhái hay là con cóc tùy theo loại nó, và trong bụng nó lại hóa ra cái phổi, còn cái man nó ở dựa mép tai nó khi còn hình cá nhái thì cũng đã rụng mất rồi. Thuở nó còn cá nhái thì ăn rong ăn cỏ, lúc thành hình ở trên khô lại ăn kiến ăn mối, ăn cá nhỏ, thật là lạ thay.

Còn những loại khác thuộc về loại Batraciens như con *triton* và con *salamandre*

(ngươi ta gọi là *thằng-lằng nước*) thì lại thay hóa hình ít hơn. Tới lớn cái đuôi nó vẫn còn hoài. Giống nầy ở trên khô hoài cũng được mà ở dưới nước lâu cũng được, nhờ nó có man mà lại có phổi nữa.

Sự có ích của loài cóc.— Nọc độc của nó. – Loài cóc rất có ích cho nhà nông lắm, mà nay ít có ai ngờ. Nó là giống ăn sâu bọ mòng muỗi và trùng ốc. Người bên Tây thấy nó dị hình xấu xa nên ghét mà giết hại nó, duy người ở xứ Australie biết sự ích lợi của nó cho nên kiếm bắt mà chở từ bên Tây (Âu-Châu) mà về đến xứ ấy đặng bỏ nó vô trong vườn cho nó ăn bớt những sâu bọ.

Tuy nó có ích như vậy mà nó độc lắm, bởi trong mình nó có nước mủ độc. Ta thấy mình con cóc nhám có u có nần, trong mấy cái mục u đó có mủ trắng như sữa; mủ ấy độc lắm, nếu ta lấy mà chít thử vào mình con thú chi khác nho nhỏ thì nó chết mau lắm.

Những loại ếch nhái mình nó cũng có nước độc vậy. Nếu ta bắt nó mà cầm tay hồi lâu, rồi dụi mắt thì thấy cay xốn khó chịu lắm.

Loài cá (les Poissons)

Cá là loài ở dưới nước tư niên; lên khỏi nước thì khô chết, có thứ chết mau, như cá cháy, cá lòng-tong, thứ chết chậm như cá-rô, cá-lóc, lương vân vân; nhưng thế nào cũng phải chết

Có thứ cá biển to hay đi đường xa lắm; nhiều khi lại vô sông mà lội đi lên tới nguồn. Tuy vậy mà không phải thứ cá nào cũng ở sông ở biển được. Cá có thứ ở biển, có thứ ở sông. Cá biển nếu ta bắt mà đem bỏ vào sông liền, hay là bắt cá sông mà đem bỏ ngoài biển liền thì nó phải chết ngay. Nhưng vậy mà nếu tập lần nó thì nó cũng chịu vậy. Vì thế mới có thứ cá đi đường xa như đã nói trên kia. Có thứ cá như cá *saumon*, cá *alose*, cá *esturgeon* và những *lương* (lamproies) thường

năm ở ngoài biển đi vô lần trong sông mà lên gần tới trên nguồn đặng đẻ trứng. Khi con nở trộng lên thì đi lần xuống biển mà ở. Có thứ lương (anguilles) lại khác, chừng đẻ thì đi ra biển lớn lên lại trở vào nước ngọt mà ở. Những con nào ở đìa ở rạch thì cả đời không khi nào đẻ.

Loại cá có nhiều hình dáng lắm, nhưng cái hình dáng thường hơn hết thì giống tựa như cái thoi dệt vải mà hơi dẹp. Có thứ cái hình giống như rắn, ví như con lương; thứ hình lại dẹp đép như con cá lưỡi trâu, cá trèn, vân vân, thứ lại dẹp bề lưng và bụng như con cá đuối.

Nhưng vậy gần hết thảy mấy thứ cá đều có *cái bơi* (nageoires) để lội dưới nước; cái đuôi để mà xô quạt nước đi tới, và những kỳ: kỳ trên lưng, kỳ dưới bụng, kỳ sau đít. Hết thảy những cá đều có man để thở (branchies) man ấy đỏ đỏ, sấp lớp như răng lược ở hai bên mép tay nó, ngoài có tấm da như tấm cửa, ta thấy nó khép ra khép vô mà thở.

Những loại cá. — Cá có nhiều thứ lắm: cá ở nước ngọt (cá sông) thì có những cá trê, cá lóc, cá he, cá chày, cá tra, cá bông, cá rô, cá sặc, cá lòng tong, cá út, cá chốt, vân vân; cá ở nước mặng (cá biển) thì có cá thu, cá mòi, cá mập, cá đuối, vân vân, nhiều thứ lắm.

Ít thứ hình cá biển

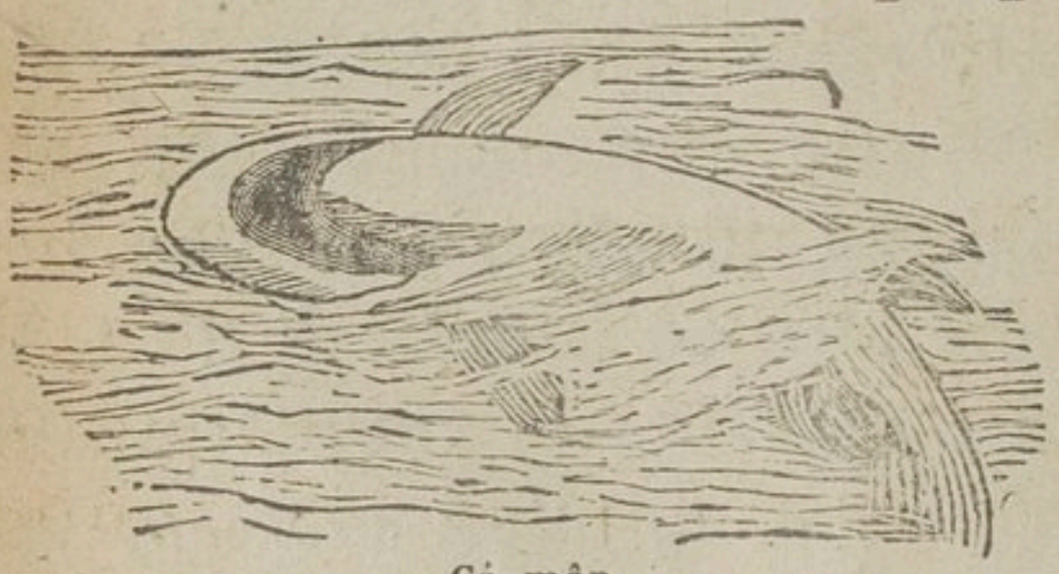

Cá mập

Cá lamproie

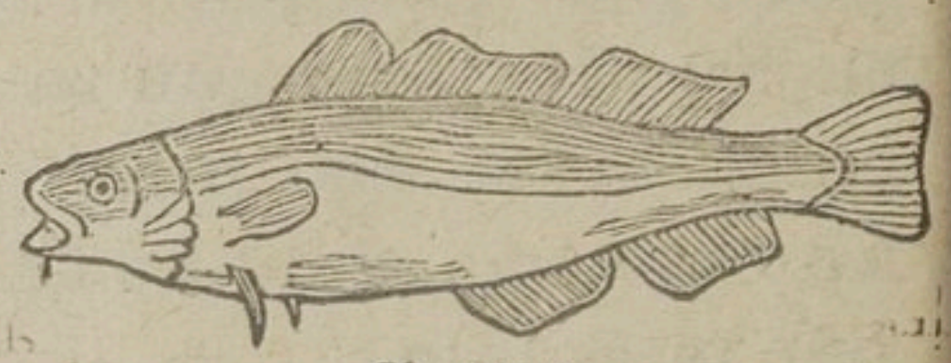

Cá morue

Cá biển có nhiều giống nhiều loại hơn hết, mà mỗi thứ lại sanh ra cả triệu hằng hà sa số.

Như cá *harengs* cả đời cứ ở dưới nước sâu nơi biển bắc, chờ đến mùa đẻ thì kéo nhau cả bầy có đám dày và xa cả một đôi mươi ngàn thước trên mặt biển, gần xứ Anh Quốc (Angleterre) và Pháp-quốc (France). Qua những lúc ấy thì cá to như cá nược, và chim biển xúm ăn rất nhiều. Vậy mà không bao nhiêu, chỉ có người ta đi đánh cá ấy bắt mới thật nhiều nữa. Họ đi cả đoàn tàu lớn, bắt chở khẫm hết tàu mà đem về. Cũng may cá ấy mỗi con đẻ ít nào cũng có 5 muôn trứng, bằng không e nó phải hết tuyệt.

Cá *mòi* (sardine) cũng một thứ cá hareng mà nhỏ con hơn cũng ở cả bầy như cá ấy vậy.

Cá *morue* là thứ cá lớn con hơn, dài chừng một thước tây mà mập lắm, cũng như cá tra, mình không có vảy. Nó ở cả bầy gần cù lao Terre-Neuve nơi biển Thái-tây-dương (Océan atlantique). Mỗi năm đến kỳ người ta đi bắt cá ấy, thì tàu bè đua nhau tới đó hơn cả trăm chiếc. Người ta bắt cá ấy mà lấy một thứ dầu cá ở trong gan nó, kêu là *huile de foie de morue* để àm thuốc uống trị về bịnh tức

Cá *thu* (*maquereau*) cũng ở có bầy ngoài biển, qua mùa hạ kéo nhau ở gần bờ biển Pháp.

Cá *thon* ở biển Trung-Địa (mer méditerranée) dài lắm có khi đến 5, 6 thước, câu bắt nó cũng khó lắm. Người ta đi lưới nọ bắt cả tàu.

Mấy thứ cá ấy cái xương đều cứng. Còn như cá *đuối*, (raie) *cá mập* (requin) xương lại dẻo mà hơi trong Cá mập là thứ cá to lớn dài có mười thước, mà ham ăn dữ tợn lắm, gặp cái chi cũng táp mà nuốt mất cả, ăn cá nhỏ không biết bao nhiêu. Ba bàm răng nó bén lắm, táp đứt cẳng người ta như ta chặt củ cải. Cái họng của nó to lớn mà ở gần dưới bụng, ló cái mủi ra dài. Cái man của nó có 5 lỗ thở.

Cá *lamproie*, giống như con lương mà không có 2 cái bơi. Hai bên cổ nó có bảy cái lỗ thở để làm man. Cái miệng nó tà lòa tròn vo mà có răng hễ đụng vật chi đeo nút dính lại đó như con đĩa.

Ngoài biển còn nhiều thứ cá lắm, kể sơ bao nhiêu cũng đủ.

(Sau tiếp)

T. T.

Công Nghệ Đời Nay

Nghề làm bánh mì

Bánh mì tây làm bằng một thứ bột iêng kêu là hột mì. Bột mì là bột ạo của một thứ lúa mì (lúa mạch), ia thử (blé, froment, orge) mà người a đã xay ra thành bột Chánh gạo để m bột bánh mì là gạo froment, cho ên có dùng bột khác mà làm bánh ì thì cũng phải có pha thứ bột mì oment vô. Gạo để làm bột mì hễ ã trắng chừng nào thì nó bớt cái hất bổ chừng nấy ; cái chất bổ ấy là ám của nó.

Nay ta luận về bánh mì và cách m bánh. Những người thuộc về ống da trắng ở Âu-Châu từ đời ượng cổ đến nay vẫn lấy bột mì à làm món ăn thương bữa, cũng hư bên cõi Á-đông ta những dân uộc da vàng cùng là dân Ấn-độ lấy m mà làm vật nuôi thân vậy. Ngày ay người Âu-Châu tràng đi khắp xứ ong hoàn cầu, thì bánh mì cũng eo người Âu-Châu mà tràng theo. ên xứ ta nay ai ai cũng biết dùng ánh mì, song không phải dùng mà m món ăn thường bữa như người u-Châu. Nhưng vậy mà Annam ta y lại ưa bánh mì lắm. Song ưa là a vậy, chớ ít có ai mà biết cách m bánh mì ra thể nào.

Người ta làm bánh mì tại nơi lò m bánh mì (boulangerie). Làm bánh i có hai công việc làm chánh: là *nồi bột* làm vỏ (pâte) để nắn bánh, *nướng bánh* trong lò. Công việc ấy coi tuy là rất dễ nhưng cũng phải có học tập cho quen mới là làm xong được.

Nhồi bột (Pétrissage). — Nhồi bột thì để bột mì vô trong cái máng to (pétrin) rồi đổ nước vô cho vừa nhồi thành ra một vỏ sệt sệt dễ nắn ra hình bánh được. Thường khi người ta có để thêm vô một chút muối đặng cho nó thêm vị ngon và bổ hơn nữa. Nhưng vậy nếu không thêm một vật khác nữa cho nổi thì bánh hấp ra không xốp mà lại ăn khó tiêu. Vật thêm vô đó *men* (levain) ; men ấy là một thứ bột cũ đã nhồi làm bánh mì khi trước mà đã nổi dậy rồi. Khi bột nhồi đều xong hết rồi, thì để nó đó, nhờ có hơi ấm và men nó lần lần dậy nổi lên (fermentation panaire), nghĩa là trong cái vỏ bột ấy nó hóa hơi thán toan (gaz carbonique) và rượu mà kiếm chỗ chun lên, làm cho trong vỏ bột có bọt mà nở ra. Nhờ cái hơi và bọt ấy mà khi đem vào lửa nướng thì nó lại càng thêm nở tung ra, xốp hơn nữa. Vậy nên những lỗ trống ta thấy trong ruột bánh mì đó là bọt mà đã nở ra lớn trong khi nướng bánh.

Khi bột nổi rồi (levée) thì người thợ làm bánh bèn lấy một cục to mà nắn ra, phân ra từ khúc mà cân cho có chừng mực tùy theo ổ bánh lớn nhỏ, rồi mới nắn hình cái banh mì, lấy dao mà xẽ trên mặt nó cho có

đường cạn cạn Nắn xon rồi thì sấp bánh vô trong một cái thúng để đo một lát cho nó dây thêm, rồi có đem nó vào lò mà nướ g.

Nướng bánh mì (La cuisson). — Bánh làm xong, dây th êm rồi thì đem nó vô trong lò riêng kêu là lò nướng bánh mì mà nướng cho nó chín vàng. Lò nướng bánh m phải làm thế nào cho khi chụm lửa nướng bánh thì nó phải nóng cho đều hết ặng cho bánh chín đều.

Chừng nào lửa cháy nóng đều cái lò hết, thì người ta cào hết than lửa đỏ ra, rồi dùng đồ mà đưa bánh mì đã nắn dậy rồi, mà sấp nó vô trong lò. Thăm chừng hễ vỏ nó vàng đều hết thì là chín, phải đem nó ra. Bánh mì nướng xong đem ra sấp đứng lên kệ bàn, chớ đừng sấp chồng, vì sợ e khi mấy bánh trên nặng đè bánh dưới phải dẹp hết đi.

Các thứ bánh mì (Différentes sortes de pains). — Từ xưa hiên hạ dùng bánh mì kẻ ưa thứ nầy người ưa thứ kia, tùy theo hạng người, cho nên người làm bánh mì cũng chìu theo ý kẻ dùng mà làm ra nhiều thứ bánh mì.

Thứ bánh mì thường để cho phần đông trong thiên hạ dùng thì làm bằng bột thường. Tuy vậy mà ăn ngon và bổ hơn các thứ khác. Bánh mì tốt để cho bực giàu sang dùng (pain de luxe) thì làm bằng bột tốt nhứt hạng và thiệt trắng hơn hết. Bánh ấy cũng nhiều hạng nhiều thứ tùy theo cái bình thức cái sự to nhỏ, cùng là cái cách nhồi bột mà làm ra nó. — Banh mì quân binh (pain de munition) là bánh làm để phát cho quân lính trong cơ binh ăn. Bánh ấy thường làm bằng bột xấu (bột gạo lúa tiểu mạch. scigle) pha với bột mì.

En nước Pháp thì dùng ròng bột mì. song không phải bột trắng Banh mì đi biển pain d'embarquement, de marine, biscuit ou galette) la bánh làm để cho theo tàu bè các nước đều dùng. Banh ấy làm không có để men và nước nhiều, có ý làm cho bánh được chắc, giẻ thịt. Vã lại khi nướng trong lò đem ra rồi, còn phải đem nó vô lò kín (étuve) mà phơi hơi nóng cho nó thiệt khô đặng để dành nó lâu ngày được.

Làm bánh mì bằng máy. — Đời bây giờ văn minh người ta tìm thế làm bánh cho được tiện và sạch sẽ, chớ không phải cực nhọc mà làm ra bánh không được sạch sẽ như thường khi ta thấy đó vậy. Cách ấy là cách làm bằng máy thế cho tay. Nhồi bột cũng có máy gọi là *pétrin mécanique* Nhưng cái tiếng pétrin mécanique cũng là để chung trong các máy làm bánh mì. Máy ấy càng ngày càng chế luyện thêm nhiều lắm. Cái sự tiện lợi của nó rất nhiều, công việc làm thảy đều bằng máy, không có tay thợ rớ vào bột. Tuy vậy cũng có nhiều cớ làm cho sự phổ thông việc làm bằng máy không được tiện, chỉ có một ít lò máy của nhà nước mà thôi, hoặc lò làm bánh ở trong nhà thương lớn, cùng là một ít lò to tác của mấy hảng lớn lập ra.

Trước người ta còn dùng củi dùng thang cây mà chụm lò và lại chụm ngay trong lò sau người ta lại dùng đến than đá cùng thang đá cặn mà đốt lò, lại đốt ở phía ngoài còn bánh

thì sấp ở phía trong lò, cho nên bánh đã chín đều mà lại không đính tro bụ cùng là thang.

Lịch sử nghề làm bánh mì.— Thuở ban sơ chưa ai biết làm banh mì, chưa biết cách nau nướng hột gạo, thì họ dùng gạo lúa nguyen ma ăn hoặc sống, noặc rang chín. Đến sau có kẻ bay ra cách ngâm nước cho hột gạo mềm rồi nấu ra mà ăn (cũng như nay ta nấu cơm, xôi nếp vậy). Sau nữa lại có người bày cách xay gao cho nát thành bột mà nấu, rồi lần lần bày ra cách lấy bột mà làm bánh đem vào lò mà nướng mới thành ra bánh mì. Tuy vậy thuở ấy chưa ai biết dùng men mà làm cho bột nổi, cho nên bánh không xốp, ăn chẳng đặng tiêu. Sau người ta biết tìm men mà dùng cái tánh chất của nó thì mới được thứ bánh mì ngon xốp như ta thấy ngày nay vậy. Những công việc đã tìm kiếm được lần lần mà làm ra thứ bánh mì được tinh như ngày nay đó, đều là nhờ dân ở Đông-Phương bày ra từ đời thượng cổ, không biết là hồi năm nào, đến sau mới truyền lần qua cỏi Âu-Châu nhờ có dân Hy-lạp (Gơ-rec) và La-mả (Rô-manh).

Cai cách xay gạo ra bột mà làm bánh cũng là bày biểu đã nhiều phen mới đến cách xay như ngày nay vậy. Trước hết thì người ta chỉ biết đùng 2 cục đá mà nghiến gạo cho nát sơ, sau lại bày ra cối đá, lần lần mới bay được cối xay ra bột. Hồi đời ông Moïse, nghe ra bên nước E-díp người ta đã biết dùng máy xay bột rồi (moulins), song may ấy chỉ dùng sức thú vật, hoặc người ta xay mà thôi. Đến sau lâu đơi nữa mới biết dùng sức nước chảy hoặc sức gió thổi mà cho chạy cánh quạt xây ăn vào máy xay.

Máy xay chạy bằng sức nước chảy nghe đâu đã bày trước nơi Tiểu-Á-đông (Asie mineure) hồi đời ông Mithridate thứ VII nhằm năm 90 trước Ch. G. S. Qua đời chúa César mới truyền qua đến xứ La-mả (Italie bây giờ) mà đến kỷ thứ tư sau C. G. S mới rảy khắp trong xứ. May xay chạy bằng sức gió cũng là gốc ở Á-đông, qua đến kỷ thừ 8 mới thấy truyền bên Âu Châu, tại xứ Hongrie. Máy chạy bằng hơi nước thì mới dùng sau đây, nhằm năm 1789 ở tại xứ Anh (Angleterre). Đến bây giờ máy móc tinh xảo trăm phần, nghề xay bột thật là phát đạt.

THANH TÂN

VĂN CHU'O'NG NÔM

Nhị độ mai chú giải (*N° 8*)

(Tiếp theo)

Bè gian đương sấp mưu lo,
Bỗng đâu nội giám đã ra truyền đời.
Liền tay thảo sớ một bài,
Theo chân nội giám vào nơi đền rồng.
Vua Đường rằng : « Buổi thung dung.
Hứng vui nên triệu tướng công bầu cờ.
Bàn soa bày sẵn con ngà,
Lư-công cố ý chịu thua hai bàn.
Đứng tâu trước mặt long nhan :
Lòng lo việc nước nào toan đến cờ?
Ai hay những kẻ chẳng ngờ,
Lời biên qua báo thiệt là chẳng sai.
Ong trong tay áo có người,
Giao thông giặc *Thát*, toan bề nọ kia.
Tâu lời e những ngô nghê, (93)
Một tờ đoản biểu tức thì dở ra.
Vua Đường cất lấy xem qua,
Mới hay bạn nghịch ấy là *Bá-Cao*.
Truyền đem chánh pháp thị tào,
Lư-công xin để buộc vào có tang.
Ghé tai tấu mật mọi đàng:
Xin làm như thế mới tường đầu đuôi.

*
* *

Buổi triều vừa sáng ngày mai,
Đường hoàng rằng mới tin ngoài lại tâu.
Ải quan rợ Thát khuấy rầu,
Định ngày tấn thảo (94) ngõ hầu an biên.
Cho Đông-Sơ với Lạc-Thiên,
Kẻ quyền Tham tán, người quyền đồng binh.
Văn thần ra sức dẳng binh,
Dẹp an khói giặc quét thanh bụi Hồ.
Hai người nghe thấu căn do,
Trước thềm phủ phục, mướt mồ hôi lưng.

Mai-công ra trước tâu rằng:
Dám bày lòng kiến (95) xin dâng bệ rồng.
Phen nầy động việc binh nhung,
Cũng vì Lư-Khỉ Huỳnh-Tung hai người.
Khéo là bày việc trêu ngươi.
Cầm cờ chẳn mẽ cướp mồi tiễu di.
Thóc kho của nước thiếu chi ?
Xin cho chẳn thại lại y lệ thường.
Lấy đầu hai gã Lư, Hoàng,
Ắt là Thát Đát về hàng không sai.
Can chi gây việc cõi ngoài,
Đem tài qua giáp (96) ép người văn-chương ?
Đường hoàng nổi giận vội vàng,
Rằng: vì giặc Thát tìm đàng huởn binh.
Kíp truyền đao phủ chánh binh,
Mới hay tấm dạ kiên trinh khác thường.
Hãy còn ngảnh lại triều đường,
Miệng còn xỉ nhục Lư Hoàng chưa thôi.

*
**

Thương thay trung ngãi như ai,
Sa cơ một phút ra người cửu nguyên ! (97)
Trần-đông-sơ với Lạc-Thiên,
Vạ lây cũng phải cách quyền hồi dân.
Hai người thương kẻ trung thần,
Nghĩ tình bạn hữu, ân cần thở than.
Cùng Mai-Bạch mới lo toan,
Vào chùa tướng quốc luân bàn với sư.
Xin đem linh cửu để thờ,
Giục chàng Mai-Bạch về nhà đem tin.

*
**

Mới hay tục ngữ thế truyền,
Lời rằng: họa chí vô đơn (98) cũng thường.
Lòng chua xót, bước phong sương, (99)
Nữa đường Bạch cũng suối vàng chơi xa.
Lư-Công nó đã lập cơ,
Sai người về nả một nhà họ Mai.

Ruỗi mau linh tiễn hỏa bài, (100)
Bấy người thoát đã tới nơi *Châu-thường*.
Còn đương trách cứ phủ đường,
Mỏng tai may có một chàng *Đồ-thân*.
Đêm khuya kíp vội dời chơn,
Mách công tử với phu nhơn liệu đàng.
Mẹ con xiết nỗi kinh hoàng,
Sụt sùi nỗi thảm, vội vàng trốn đi.
Chia đường tìm chốn tế thì,
Đở khi gấp rút, đỡ khi vận cùng. (101)
Phu nhân về đất *Sơn Đông*,
Có em lị đó cũng trong đồng bào. (102)
Đồ thân nó tiết ngãi sao, (103)
Tưởng ân nghĩa trước xin theo đi cùng.
Sửa sang bành lý vừa xong,
Một công-tử với *hỉ-đồng* đi ra.
Nghi-Tương huyện ấy chẳng xa,
Nhạc thân lị đấy tên là *Hầu-Loan*.
Ngại ngần chơn bước gian nan.
Người bưng khuâng mẹ, kẻ bàn hoàn con.
Trời đà trổ lối sanh môn,
Rồng về biển, hổ về non bao giờ. (104)
Phủ binh khen khéo hẵng hờ,
Canh năm vừa kéo đến nhà họ Mai.
Trước sau nào thấy một người ?
Khói nhà lạnh ngắt, tiếng người vắng tanh.
Sai nha nó những nghi tình,
Bảo nhau tìm nả xung quanh trong làng.

(Sau tiếp)

Giải nghĩa chữ mắc *(Tiếp theo)*

(93) *Ngô nghệ*, không được rõ ràng, mờ mịt lắm.
(94) *Định ngày tấn thảo*, đinh ngày đặng mà khởi binh.
(95) *Lòng kiến*, cái lòng của con kiến (nghĩa là mình khiêm nhường lắm, sánh mình nhỏ như con kiến không đáng vậy).
(96) *Đem tài qua giáp*, tài đi đánh giặc, giỏi về việc binh.
(97) *Cữu-nguyên*, chín suối (suối vàng, chốn âm-ti).

(98 *Họa chỉ vô đơn* — (Họa vô đơn chí). Họa không có đến một mình.

(99) *Bước phong sương*, đi ngoài sương gió (dầm gió dầm sương mà đi).

(100) *Linh tiên hỏa bài*, dấu hiệu, phải có cây tên lịnh, và bài lửa để làm hiệu lịnh.

(101) Đương khi gấp rúc, trong lúc vận cùng, phải chia đường mà trốn đi kiếm nơi nương đỡ.

(102) *Đồng bào*, cũng trong một mẹ (chỉ nói như là anh em ruột).

(103) *Tiết ngãi sao*, khen tên Đồ-thân thiệt là một đứa tiết ngãi.

(104) Nói Trời đã trổ ngã sanh cho mà trốn đi bao giờ.

(Rồng đà về biển, cọp đã về non bao giờ rồ, phủ binh mới là kéo tới, nên tìm không thấy chi cả, chỉ thấy nhà lặng lẻ vắng tanh, không lửa không tiếng người.

(*Còn nữa*)

T. T.

Gương luân lý

Gương có nghĩa

Chuyện người mọi hiền

Tên mọi Eustache sanh đẻ tại thành Saint Domingue trong năm 1763, nơi nhà ông Belin. Tuổi đã còn nhỏ mà lòng nhơ đạo, ham việc đạo đức, cho nên chẳng bao lâu bạn tác cùng là chủ nhà thảy đều yêu mến. Xảy đến năm 1792 dân trong nước nổi dậy làm loạn, đánh đuổi ngoại bang (người Pháp). Nhờ tên mọi Eustache ăn ở ai nấy đều thương nên lúc ấy nó hết lòng cãng đản dân trong xứ mà cứu được chủ mình và nhiều người nghiệp chủ nơi đó nữa.

Đến sau quân mọi đã quyết tình sát hại hết những dân da trắng thề giết hết chẳng chừa một con đỏ, nên kêu tên mọi Eustache đi theo mà bàn tính, ta rập mưu mô ngở anh ta cũng sẵn một lòng quyết chí sát sanh, dè đâu anh ta là một kẻ có nhơn có hậu, tuy dạ cũng muốn được tự-do độc lập mà lòng chẳng nở ra tay sát hại sanh linh. Vì thế cho nên khi quân mọi xông vào chém giết quân da trắng, đốt nhà phá cửa, mà anh ta chẳng có làm dữ theo kẻ đồng bào, chỉ theo đồng bào mà làm theo phận sự, chớ không phải vì sự thù ghét ngoại bang.

Nhờ lòng có nghĩa của tên Eustache ấy mà hơn mấy trăm mạng người da trắng khỏi chết vì tay quân mọi. Tên ấy lén dắc mấy người da trắng xuống tàu, chở theo cho chủ là ông Belin hơn mấy ngàn kilos đường, cứu được người khỏi chết mà lại sau khỏi nỗi khổ sở nữa. Chàng làm như thế là có ý trả nghĩa thầy trò trong 20 năm trời nuôi dưỡng mình trong nhà vậy. Chàng lại còn trốn xuống tàu mà theo chủ, lòng còn muốn theo phò hộ cho hết nghĩa tớ thầy nữa.

Rủi thay! tàu trốn nạn loạn lại gặp phải quân Ăn lê cướp biển. Vậy thì ông Belin cùng thân bằng quyến thức ông trốn khỏi chết vì loạn trong nước, rồi lại bị phải làm tôi mọi cho kẻ khác nữa chăng? Chuyến nầy lại cũng là nhờ tay anh Eustache cứu ra khỏi nữa. Chàng ta ngó thấy quân binh tàu ăn cướp mảng lo ăn uống no say không để chút đề phòng mới mưu tính với bạn bị bắt cùng mình. Bèn thừa dịp quân ăn cướp đương vui chơi, thấy mình diều cột mà cươi giởn, mới ra hiệu lịnh áp tới bắt hết quân ăn cướp mà trói lại, rồi cho tàu chạy thẳng đến thành Baltimore bình an vô sự. Thế là chàng đã cứu khỏi chủ mình được hai phen rồi.

Một người sanh trong hàng tôi tớ như thế lại rất đáng mặt làm người, người chẳng phải ra tay độ kẻ khác trong cơn nguy hiểm mà thôi, đến thuở thái bình cũng là tìm thế chước mà thiệt hành đạo-đức nữa. Đã ra tay cứu người khỏi lâm nguy khổn rồi, bây giờ lại còn lo mà nuôi dưỡng họ nữa. Cực nhọc bao nhiêu, mất thời giờ bao nhiêu cũng là để mà cứu giúp

mấy người mắc nạn khi trước. Đến đâu cũng là cứu cấp cho người, đi đâu cũng là làm việc nhơn đức cho thiên hạ mà thôi. Ai sống lo tưởng đều làm ác, chớ người sống thật suy nghỉ những sự làm lành mà thôi.

Chừng nghe tin đâu đó bằng yên, thì ông Belin với tên Eustache cùng là mấy người khác đều lật đật trở về, chẳng dè khi lên bờ thì lại nghe quân dậy giặc đã cất trại quân trên nồng cao gần thành phố Fort Dauplin là nơi người Y-pha-nho đã chím khi ấy. Ông Belin cùng các bạn nài xin quân Y-pha-nho cho mượn binh-khí, mà Y-pha nho chẳng khứng, để cho quân mọi ùng ào đến mà chém giết cắt cổ hết mấy bà con. Ông Belin tầm đường chạy trốn bị một toán quân mọi rượt theo đến tận nơi bờ biển, vừa muốn nhảy xuống biển, xảy thấy một toán quân Y-pha-nho, người bèn ra mặt mà hô rằng: «Xin cứu tôi với!» Quân lính chạy tới cứu giựt người khỏi tay quân dã man, rồi đem về bót mình mà cho ăn mặc theo quân Y-pha-nho; chừng ấy quân mọi thấy vậy mới bớt làm dữ hung hăn: người lại được cứu khỏi một lần tử gồm ghê nữa.

Còn nghĩa-bộc kia thì số phận thể nào? Khi lạc mất chủ trong đám đông, tìm kiếm chẳng ra, thì chàng không biết tính sao phải phú thác rủi may cho Trời Đất, rồi lo mà gìn giữ của cải chủ mình còn, cho khỏi quân người cướp giựt. Chàng tính xong bèn tìm ngay đến bà chúa đảng mà xin gởi gấm đồ vật chàng vô năn nỉ bà chúa xin cho gởi gấm xong rồi, bèn trở ra đi tìm chủ, kiếm trong mấy đám thây ma người bị giết cũng chẳng thấy, hỏi thăm cùng mới hay chủ mình đã thoát nạn được, rày ở chốn Saint-Nicolas; chàng ta mới trở lại lấy đồ, tìm thế chở xuống tàu mà qua bên ấy cùng người chủ. Ai nấy nghe danh chàng hữu nghĩa cũng đều đem lòng thương mến tiếp đãi hậu tình

Bây giờ các nạn đã qua, tớ thầy đều an cư lạc nghiệp. Tháng ngày thắm thoát, ông Belin nay tuổi đã già, sanh thêm bịnh yếu con mắt cũng lờ không xem đặng sách mà giãi muộn cơn sầu. Chàng Eustache muốn đọc sách cho chủ nghe, nhưng nghỉ tức mình vì nhỏ không được học nên nay không biết chữ. Chủ cũng tiếc mình xưa không lo cho kẻ tớ trung học hành đặng mà ngày nay nhờ nó đọc nhựt báo, truyện sách cho mình nghe. Tuy vậy buồn ấy cũng chẳng lâu. Tên Eustache lén kiếm được một ông thầy dạy học, hèn ngày đêm cần mẫn học hành cùng ông thầy ấy. Chẳng bao lâu chàng biết đọc được. Ngày kia chàng vô kiếm chủ, tay cầm một cuốn sách mà đọc cho chủ nghe. Cách ít lâu, ông Belin du tiên cởi hạt, để của cải bạc vàng lại cho tên Eustache. Của cải dầu cho bao nhiêu đi nữa mà về tay một người hiền nhơn đại độ như thế, lẻ đâu còn giữ được bền. Số tiền để lại cho chàng ta được một muôn hai ngàn quan, chàng nghĩ cho của ấy là của Trời cho để mà cứu nhơn độ thế! Bèn lấy mà giúp đỡ cho kẻ nghèo khó. Nhưng mà trong nước có biết bao nhiêu kẻ đau ốm tật nguyền nghèo nàn khốn khó? Tiếc thay người như Eustache chỉ có một mà thôi. Cho nên mỗi ngày người mỗi nới bao bố thí, mà phải hết lần;

dân đói rách thì cho ăn cho mặc, nào áo xống, nào ghế bàn, chang cũng thí cho ; đến quân binh thiếu lương, thì người cũng xuất tiền mà châu cấp. Phân phát cho đến khi của cải sạch trơn rồi thì chàng lại rất vui lòng đẹp dạ, tạ ơn Trời đ t nửa.

Sau ngươi về bên nước Pháp, ở tại Paris mà làm đầu bếp nấu ăn ở tại nhà hàng cơm. Chàng ăn lương tháng cũng dư giả, tuy vậy cũng chẳng bớt sự làm nhơn làm phước, con ai ngh èo khó, chàng ta cũng giúp đở mà nuôi, thợ thầy nghèo không tiền sấm vật, người cũng cho của mà mua. Tiền cho mượn ra không khi nào trông trả. Vậy ma ai có khen lòng chàng nhơn đức, thì chàng lại khiêm nhượng mà nói : « Không phải tôi làm như thế là cho thiên hạ đâu, ay là vì Trời trên kia mà ! »

Ấy đó một người đày tớ ở bực hạ lưu mà vì lòng đạo đức mà ra kẻ cao nhơn, thiên hạ kính vì, nghỉ cho dầu thần-thánh biết cũng phải kiên.

T. T. dịch thuật

3e ANNÉE — Nº 125 — 11 MARS 1926

KHOA HỌC TẠP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1º — M. BUI QUANG-CHIÊU *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*
2º — M. LÂM-VĂN-HUÊ, *Commis indigène des Services Civils.*
3º — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics à Cholon.*
4º — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*
5º — M. NGUYỄN KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon*
6º — M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*
7º — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*
8º — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN, *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*
9º — M. TRẦN VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Paris.*
10º — M. TRẦN-QUANG NGHIÊM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*
11º — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*
12º — M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3,00		

MỤC LỤC

Sơ luận cách trí..... 2255
Công nghệ đời nay..... 2260
Văn chương nôm..... 2263
Liệc nữ Truyện..... 2266

SƠ LUẬN CÁCH TRÍ

Loài động-vật (*tiếp theo*)

Loài không có xương

Loại mình có mắc

(Les Annelés)

Những loại thú nầy cái mình chia ra từ khúc từ ống mà dính với nhau dường như xỏ xâu. Trong loại mình có mắc lại còn chia ra nhiều thứ loại khác nhau nữa, như là: loại *côn trùng* (insectes), loài *nhện-nhện* (araignés), loài nhiều chưn (rít, mille-pattes), loài *lưng tôm* (crustacés) và loài trùng-đỉa (vers).

Loài côn trùng (Insectes).— Loài côn trùng như con bướm, con bò-rầy, bò-hun vân vân đều có *sáu cẳng*. Mình nó có 3 khúc: một cái đầu (tête), một cái mình (corselet) và một cái thân bụng (abdomen). Cái đầu thường có 2 cái râu dài (antennes), 2 con mắt to (mắt ấy nếu ta dùng kiến chiếu to mà xem thì ngó thấy có nhiều mặt, cũng như mặt hột thủy xoàn vậy). Sáu cái chưn nó dính với cái mình. Hai cánh nó cũng dính với cái mình ở về phía trên.

Loài côn trùng cũng sanh hóa nhiều lần như loài ếch nhái vậy. Thử như loài sâu bướm (con tằm) thì biết. Con bướm đẻ ra trứng, trứng nở ra một thứ sâu nho nhỏ; sâu ấy lớn lần, thay đổi 4 lớp da, kêu là 4 lần lột, qua lần thứ năm thì cái da nó dày cứng. Có thứ như loại sâu tằm qua đến lúc ấy thì nó kéo chỉ tơ làm ra cái kén (cocon) chun vô trong ấy mà đục, không ăn uống chi cả, ít lâu nó thành ra *con nhộng* (chrysalide). Qua kỳ thứ 6 thì nhộng hóa ra con bướm ở trong cái kén mà chun ra.

Loài bò-rầy, bò-hun hóa sanh cách khác hơn một chút. Bò-rầy làm han để trứng dưới đất nở ra con sùng; sùng lớn lên ăn phá rễ cây, bộng cây, vân, vân, cho đến khi nó lột ra con

nhộng ở trong một cái bao, giống như cái trứng chim, con nhộng lớn lên nữa thì hóa ra con bò-rầy.

Con cào-cào hóa sanh, lột ít hơn. Lúc mới nở ra thì còn nhỏ không có cánh, chừng lột được 6 lần mới thấy cái cánh nó ra dài; chừng ấy mới thiệt con cào-cào.

Những loài muỗi, mòng ruồi, bò-chét, ong, vân vân cũng đều phải lột hóa nhiều lần mới thành ra được.

Loài côn trùn cái hàm cũng khác hơn các loài thú có xương. Mỏ nó thường có 2 cái càn bén nằm ngang. Thử xem như con dế, con kiến, con mối, con bò cạp vân vân thì ngó thấy cái miệng nó có 2 cái càn rất bén, để mà bắt những côn trùn nhỏ hơn mà ăn.-- Những loại côn trùn ăn lá cây như loại bò rầy thì cái càn miệng yếu hơn. Đến như loại hay cắn hút máu mủ cùng là mật thì lại có cái vòi nhọn mà bén như loại mòng, ruồi, bò-chét, rệp và nhứt là loại ong. Con bươm bướm lại có cái vòi dài quấn cuốn tròn lại, khi nào đáp vào bông có mật thì tháo vòi ra đút vào nhụy bông mà hút mật.

Trong các loài thú trên đời, không có loại thú nào mà nhiều giống hơn là loại côn trùn. Đến ngày nay người ta biết có hơn ba mươi muôn thứ khác nhau.

Loại côn trùn có thứ hữu ích cho người, thứ lại phá hại lắm. Có ích như loài *ong mật, sâu tằm, sâu sơn* (cochenille) vân vân. Loài phá hại thì nhiều lắm kể cả mnôn vàn, song nhờ có loài chim chóc nho nhỏ bắt ăn bớt hết đi, bằng không thì mùa màn phải hư hại chẳng còn. Trong mấy loại ấy ta kể sơ những là *sâu, bò rầy, bọ xít, ruồi, mòng muỗi,* vân vân. Bên Tây có một thứ bò-hong-xanh ăn phá cây nho lung lắm, kêu là con *phylloxera.* Nó sanh sản ra mau lắm, nội trong vài tháng một năm thì nó sanh ra chẳng biết mấy triệu con mà kể, bò ở dưới đất sâu mà ăn phá rễ nho, làm cho hư hao mùa màng, tốn mất cả mấy mươi triệu quan.

Sau người ta tìm hết đủ cách mới trừ khỏi những loại ấy được.

Loài nhện nhẹn (Araignées). — Loài nhện nhẹn có 8 chưn (có thứ 6 chưn) — Cái đầu nó với cái mình nó dính chung nhau khó phân biệt được. Chưn nó ở trong ấy mà ló ra. Nhện nhẹn không thấy thứ nào có cánh.

Thiệt giống nhện nhẹn cái miệng có càn nọc độc, hễ kẹp thú nhỏ khác thì làm cho tê chết mà ăn. Bên Mỷ-Châu (Tân-thế-giái, Amérique) có thứ to bằng ngón cẳn cái, làm ổ chỉ rất chắc, bắt đến chim nhỏ mà ăn.

Trong cái đít nhền nhện có dựng một thứ nước kéo chỉ, nó kéo chỉ ấy ra mà làm ổ, giăng ra rất khéo để mà làm bẩy, bắt những côn trùn nhỏ mắc vào ổ nó mà ăn.

Con *bò cạp* (scorpion) cũng là thuộc loại nhền nhện. Nó hay ở theo kẹt đá, kẹt cữa, ở dưới ngạch dưới đống đá. Ngoài trước nó có 2 cái càng to giống như con cua, cái đuôi có cái kiêm bén thường hay ngóc lên. Trong đuôi nó có nọc độc lắm, chít nhằm người thì phải đau nhức phát rét, có khi phải chết nữa.

Còn một thứ nầy nữa cũng thuộc về loại nhền nhện, nó nhỏ lắm, con mắt thường không thấy nó được, phải dùng kiến hiển-vi (microscope) mới là thấy nó được. Ấy là con *sâu ghẻ* (sarcopte de la galle). Hình thù nó tựa như con bọ xít mà có chưn cẳn râu ria dài. Nó hay đụt da người mà ăn vào thịt, đẻ trứng sanh sản thêm, ăn tới đâu thì chảy nước tới đó, làm cho ngứa ngáy phải quàu gải, rồi nó chảy nước trôi lan ra nơi khác, nó lại ăn nữa. Vì thế cho nên thành mục ghẻ, lây cùng cả mình, lây đến mình kẻ khác nữa. Xưa người ta không hiểu thấy có ghẻ ngứa ngỡ là tại máu nóng mà sanh ra, từ ngày khoa học cách trí mở mang, mới hiểu là tại con sâu ghẻ bèn tìm thuốc trừ đặng. Vậy chỉ dùng sanh tán nhỏ mà làm thuốc dán

thuốc thoa, chà xát vào nơi có ghẻ cho trầy, con sâu ghẻ bị sanh mà chết thì tự nhiên hết bịnh ghẻ ngứa.

Loài nhiều chưn (Rít, mille pattes.— Loài rít có ít nào cũng 20 cập chưn. Cái đầu nó rõ ràng dễ phân biệt với cái mình nó. Nó không phải phân làm 3 khúc như mấy loài đã nói rồi, mà lại phân ra nhiều mắc giống nhau, mỗi mắt có một cập chưn. Có thứ như con *cuốn-chiếu* có trên 50 mắt xỏ liền nhau, mỗi mắt có 2 cập chưn. Thứ to dài chừng 7, 8 phân tây. Nó có tài cuốn mình, khi nào đụng nó thì nó cuốn cái mình lại làm như sợi dây thiều. Nó là loại có ích cho người vì nó ăn trùn bọ cùng kiến mối nhỏ.

Loài lưng tôm (Crustacés). — Loại nầy là loại mình không xương mà ở nước. Ấy là những loài tôm tép, cua, rạm, ba-khía, vân vân. Bởi cái lưng nó cong vòng bầu cho nên tiếng Tây kêu loại ấy là *crustacés*.

Tôm có nhiều thứ, nhứt là tôm ngoài biển. *Tôm hùm* (homard) là tôm lớn con dài có khi đến 5, 3 tấc, 2 cái càn to dữ tợn như càn cua. Tôm kêu là *langouste, écrevisse* cũng lớn con vậy. Loài *tép* (crevettes) có thứ nhỏ lắm như *tép rong*.

Loài trùn đỉa (vers). — Nói đón loài nầy, xem qua cái hình nó thật là khó phân biệt cái đầu với cái đuôi nó. Chưn cẳng nó ta cũng không thấy.

Trong loại nầy thì có *con trùn đất* (lombric ou ver de terre) là ta thường thấy hơn hết. Nó có tánh lạ nầy là khi nào ta chặt đứt 2 nó ra, rồi để dưới đất nơi chậu ít lâu thấy nó thành ra 2 con đủ đầu đuôi cả.

Loài đỉa (sangsue) cũng một loài mà hay ở dưới nước. Cái đầu nó có một cái miệng tà loa, có răng có khía hễ đụng vào da người cùng thú thì cắn nút lấy máu. Đỉa dùng trong y khoa để cho cắn hút lấy máu độc ra thì là đỉa lớn con, miệng dữ tợn cắn vào da có dấu. Ấy là *đỉa trâu*. Ngoài biển có nhiều thứ trùn có chưn, hình dáng nhiều thứ lắm; có thứ

lại có cái vỏ bao ngoài như loài ốc.

Trong ruột người ta cùng thú vật cũng có loài trùng ở nữa. Trùng ấy ta kêu là *con lải* (ascaride lombric) và *con sên* (taenia). Con lải hình tích nó giống in như con trùn đất, còn con sên thì hình nó giống như một sợi dây băn (ruban) dài mà chia ra từ lóng, dài có khi đến 20 thước tây. Nó có một đầu lớn. một đầu nhỏ ; đầu nhỏ nó có một cục tròn tròn như hột tiêu : ấy là cái đầu nó. Dùng kiến chiếu-đại (loupe) mà xem thì ngó thấy cái đầu ấy có lỗ hút (ventouses) và có răng để mà bấu hút dính theo da ruột.

Cách sanh sãn nó thật lạ. Mỗi cái lóng mình nó đều có trứng ở trong. Hễ lóng chót rụng thì đi theo phẩn mà ra ngoài. Trứng ấy ra ngoài khô đi rải rát theo trên mặt đất. Nếu có con thú nào khác lại kiếm ăn cỏ rác, ăn nhằm trứng ấy vào bụng, thì trứng bèn nở ra mà hóa con sên con. Con ấy ăn lòn theo ruột, lộn vào máu thịt mà ở. Lâu ngày nó đùng lên một cục như con sên. Những cục ấy người ta thường thấy ở trong da bụng con heo, ta thấy nói là heo có gạo. Bịnh ấy kêu là *ladrerie*. Nếu thịt heo có bịnh như vậy mà nấu nướng không được chín, đến khi ăn vào bụng nó lại lớn lên, hóa thêm những lóng mình mà thành con sên như lúc trước.— Bây giờ người ta dùng kiến hiển-vi mà thấy một thứ trùng nữa rất nhỏ, ở trong thịt con heo, kêu là *trichine*. Nếu ta ăn thịt nấu không đặng chín thì nó sanh hóa ra thêm vào thịt ta mà ăn nhức nhối phải đau mà chết.

(Sau tiếp)

T. T.

Công Nghệ Đời Nay

Nghề làm hàng thịt, làm sữa, làm đường

(*Boucherie, charcuterie — Laiterie — Sucrerie*)

Những thú người ta mần mà ăn thịt ì có nhiều lắm, nhưng mấy con thú gười ta nuôi để mà ăn thịt thì là bò, eo, dê, trừu. Ấy người ta gọi là hàng ịt sống (boucherie). Những kẻ nuôi hú để ăn thịt ấy lo nuôi dưỡng nó ho mập, rồi giao bán cho nhà hàng ịt, lo về việc mần thịt.

Đập thú (Abattage).—Người làm thịt ập thú nghĩa là làm thịt nó, thì giết ó tại nơi lò thịt (abattoir). Lò thịt một cái chỗ riêng để cho mấy gười làm thịt dắc thú lại đó mà làm ịt để bán đặng cho khỏi sanh ra hững sự trở ngại về đường vệ sanh à sự rủi ro cho dân sự. Cách giết hú làm thịt phải giống nhau hết, hưng phải làm thế nào cho nó chết ật mau, khỏi phải đau đớn vô ích ì thôi.

Làm thịt (Habillage). — Con thú ết rồi, thì còn phải làm nhiều việc ữa mới đem ra thớt mà bán được. hững công việc ấy là: phải lột da ặt đầu, chặt chưn, mổ lấy ruột gan. m nó ra; vân vân, rồi thì xẽ hai nó từ cổ xuống tới đuôi mà cl ở ra ớt thịt. Lột da thì người ta bôm hơi ò phía dưới lớp da, cho nó bùng lên hỏi cái lớp thịt rồi lột nó ra rất dễ. hững con thịt nhỏ như heo, dê, rừu ì không cần phải xẻ hai nó ra, chỉ ể nguyên vậy mà đem ra thớt. Chừng em ra thớt rồi thì người ta mới cắt thịt ra từ miếng, từ chỗ mà bán tùy theo ý người muốn mua.

Mấy con thịt chẳng phải cho ta thịt mà ăn thôi người ta lại còn dùng da của nó mà bán cho thợ thuộc da trong công nghệ; dùng mỡ của nó (suif, mỡ bò) mà bán cho thợ làm dầu thơm, làm đèn cầy, làm xà-bong; dùng xương của nó trong nhiều việc, như là làm thang xương, làm cán dao, bàn chải răng v. v. cùng là lấy nhựa (gélatine), lấy lân-tinh ra (phosphore); dùng sừng của nó để mà làm cán dao, làm núc, làm lược, làm hộp đựng thuốc v. v.; cái chưn nó thì có gân, trong gân có một thứ dầu người ta lấy để mà thoa máy đồng hồ cho trơn. Chẳng phải bao nhiêu mà thôi. Lông và lông gáy nó thì cũng dùng mà làm khảm, làm vãi, bao núc, làm cung dờn, vân vân; lông chiên thì dùng mà làm nĩ, thành ra có một cái công nghệ to nữa là nghề làm nĩ. Mau khô nó để mà làm phân; bóng bóng để làm dầy; ruột nó để phơi làm dây dùng nhiều việc.

Nghề làm hàng thịt chín (charcuterie)

Trong các con thịt dùng mà làm hàng thịt chín thì nhứt là con heo người ta dùng thường hơn hết. Bên xứ Huê-Kỳ người ta nuôi heo cả ức triệu để mà làm thịt, roi muối hoặc làm dồi cùng là các món đồ ăn nguội. Họ lại làm ra thịt chín mà vô hộp gởi đi khắp cả hoàn cầu.

Con heo chết rồi, mấy vật bỏ của nó cũng còn dùng được. Da của nó cũng để thuộc mà làm da đóng giày, bao rương, làm hoa-li (valise), làm đồ bắt kế được. Lông của nó lấy làm bàn chải áo, làm chổi phết sơn — mỡ sống của nó thì lấy mà thoa khoăn và thoa lưỡi cưa, thoa máy móc, hoặc có khi cũng dùng mà bó rịt.

Nghề làm sữa (Laiterie)

Sữa là một vật rất bổ có đủ chất bổ để nuôi con người được. Những loại thú ăn cỏ thì lại có sữa tốt mà nhiều, như là dê bò, ngựa, mà người ta dùng nhứt là sửa bò. Bên mấy xứ núi non, cùng là nơi đồng cỏ rộng người ta nuôi bò cái rất nhiều mà rất kỷ lưởng, để dành nặn lấy sữa nó. Nặn sữa bò thì dùng thùng để dưới cái vú nó mà hứng sữa rồi lấy tay mà nặn. Bây giờ người ta lại có máy để nặn sữa rất mau. Sữa nặn xong đem về nấu kỷ lưởng mà đem vô hộp mà hấp lại rồi hàng cho kín mà gởi bán đi các nước. Có thứ sữa đặc là sữa đã nấu cho đi bớt hơi nước và có thêm đường cho ngọt.

Người ta không phải dùng sữa để ăn mà thôi; họ còn dùng để mà làm mỡ sữa (beurre) và làm bánh sữa (fromage). Bơ (mỡ sữa) là thứ mỡ ở trong sữa. Muốn lấy mỡ sữa, thì dùng sữa của loài thú ăn cỏ đều được, song người ta hay lấy nhứt là sữa bò cái, thi có mỡ tốt.

Những hột mỡ sữa rất nhỏ ở lộn theo trong nước sữa, mắt ta không trông thấy được. Nhưng khi nào đựng sữa mà để vậy cho nó bình yên thì mỡ sữa bèn lên trên mặt mà đóng lại thành *crème*. Tuy vậy những hột mỡ không có dính liền nhau, còn lộn cái chất *caséine*. Muốn cho nó ra mỡ sữa thiệt (bơ) thì phải làm sao cho nó dính liên nhau và đừng có lộn vật khác. Muốn nó dính liên nhau thì duy có đánh nó cho đều và cho thật mạnh.

Cách làm bơ.— Vậy thì làm bơ có hai việc, là để mỡ nổi (montée de la crème) và đánh mỡ (battage ou barattage) Để cho mở nổi thì là đựng nó trong thùng sạch để cho nó bình tịnh lâu lâu cho mỡ đều lên đóng một lớp dày trên mặt, thành ra crème, rồi cho nước đọng ở dưới ra, lấy cái lớp crème ấy đem vào máy đánh (barattes) đặng mà đánh nó. Đánh đều rồi thì đem nó ra dùng cách mà ép cho nó ráo nước sữa còn lại ở trong.

Mỡ sữa làm như vậy để ở ngoài khí trời nó hay hư hôi. Vậy cũng phải dùng cách thế mà để dành nó cho được lâu. Nhiều nơi người ta rửa nước nó nhiều bận, ép đi ép lại, rồi đựng nó trong ghè thật kín và phãi có trộn vô chừng 5, 6 phần trăm muối cho nó mặn thì để lâu mới được; pha vô một chút nghệ cho nó vàng. Có chỗ người ta lại đem nấu nó cho sôi vớt bọt hết đi, chừng nó lỏng trong lại thì đổ nó vô hủ mà đựng để dành.

Làm bánh sữa (phố-mách, fromage).— Ta đã biết trong sữa có chất *caséine* lộn với mỡ sữa như đã nói trên kia. Cái chất ấy là chất bổ, sau nó thành ra *fromage* vậy. Nhưng trước khi thành fromage nó cũng phải chịu nhiều công việc nó mới thành được.

Cái chất caséine ở lộn trong sữa có hột rất nhỏ. nếu để cho sữa đọng

bình yên, chừng nó hơi chua thì chất ấy hiệp lại mà đông đặc (caillé). Muốn cho nó đặc mau nữa thì người thêm vô một thứ bánh sữa cũ làm như men, Tây kêu là *présure*. Khi nó đặc lại hết thì còn lại cái nước lỏng gọi là *petit lait*.

Làm phố-mách (fromage) có ba công việc chánh: việc thứ nhứt là phải đổ vô trong sữa một phần *présure* đặng cho nó mau đặc. Việc thứ nhì là phải lấy cái sữa đả đặc rồi (caillé) mà dùng máy đánh nó cho cái sữa lỏng (petit-lait còn lại ở trong đi ra cho hết.

Việc thứ ba là lấy cái bả đặc lại rồi đó mà đem ép vào khuôn cho nó ra hình dáng cái bánh sữa.

Ấy là những công việc chánh làm fromage, chớ người ta còn dùng nhiều cách khác lắm. Muốn làm thứ fromage để lâu được, họ lại dùng cách muối nó; kẻ lại dùng cách ép cho nó đóng cứng lại. Có chỗ lại dùng cách nấu nó mà để dành lâu.

Công việc cùng là nhưng cách lam fromage tuy là nhiều như thế, nhưng fromag chỉ có 2 thứ là một thứ *mềm* (fromage mou) và một thứ *dẻo cứng* (fromage ferme).

T. T.

VĂN CHU'O'NG NÔM

Nhị độ mai chú giải (*N° 9*)

(Tiếp theo)

Phu nhân phận ấy đã cam,
Cũng may được chốn nhà em nương mình.
Thương thay công tử tuổi xanh,
Long đong bấy hội, gập ghình bấy phen.
Từ khi thầy tớ xuống thuyền,
Thuận dòng thủy đạo tới miền *Nghi-trưng*.
Tới nơi lên bộ giùng giằng,
Vào nơi phạn điếm hỏi chừng trước sau:
Lạ lùng xin tỏ cho nhau
Huyện quan có phải họ Hầu tên Loan?
Nhà hàng thấy nói hỏi han:
Chường người thôi! chớ hỏi bàn làm chi?
Lòng người ăn xổi ở thì,
Nặng bên danh lợi, nhẹ bề thân hơi,
Cho hay giàu điếc, sang đui,
Tìm vào trước đã lắm người ra không.
Nghe rồi công-tử ngại ngùng,
Ngồi bên khen đứa hĩ-đồng mỏng tai.
Đêm khuya ghé lại rỉ lời;
Lòng người nham hiểm, thói đời viêm lương. (105)
Mới rồi nghe chuyện nhà hàng,
Họ Hầu đây cũng là phường lăng nhăng;
Mà ta lánh tội băng chừng,
Chúng tôi dại dạ nghĩ đừng vội tin.
Chấp kinh nếu chẳng tùng quyền,
Sợ khi muôn một châu triền làm sao? (106)
Tôi xin thay mặt trước vào
Xem binh tình ở thế nào thử xem.
Bằng ra lòng cá đạ chim,
Tôi đương nạn ấy người tìm nẻo xa. (107)

*
* *

Túi hành lý gỡi vào nhà,
Tớ thầy đổi áo bước ra lên đàng.

Lạ lùng lẫn lộn hèn sang,
Hỉ-đồng đi trước để chàng theo sau.
Hỉ đồng liệu trước mưu sâu,
Mua tì sương (108) đã buộc đầu giải lưng.
Bước vào cữa huyện Nghi-Trưng,
Đề công-tử chực nghe chừng một nơi.
Cậy người môn lại thưa lời,
Đưa tin bán tử (109) họ Mai sang hầu.
Truyền cho vào tận nhà sau,
Hầu-Loan hỏi hết gót đầu vân vân.
Hỉ-đồng thưa chuyện xa gần,
Nỗi nhà oan khúc, nỗi thân lạc lài.
Thốt rồi giả khóc sụt sùi ;
Nào hay Hâu thị là người bạc đen !
Dứt lời trở mặt quở liền ;
Tội nhơn ai dễ có quyền dám dung.
Con ta yểu điệu quê phòng,
Có Tây Tử đó thiếu đông-sàng nào ? (110)
Ở đây mười mắt trông vào,
Rõ ràng án ấy tha sao cho đành ?
Kíp truyền ngục tốt giao canh,
Rồi đây ta sẽ lại kinh cho rồi.
Bây giờ công tử đứng ngoài,
Trông vào đã thấy tơi bời đều ra.
Quá thương dường muốn hỏi qua,
Hỉ đồng liếc mắ dường đưa ý chàng.
Trong mình sẵn cục tì sương,
Lấy ra nuốt ựt quyết đường quyên sinh
Nghĩ người còn trẻ thương tình,
Nghĩa thầy tớ nặng, thân mình xem không.
Những là Mai thị thân vong,
Giả hình ai biết Hỉ đồng là ai ?
Một đoàn ngục tốt tơi bời,
Khiêng ra cửa bắc táng ngoài đồng không.
Mai sanh theo hót xa trông,
Viếng thăm làm dấu mới phong nên phần. (111)

*
* *

Nghĩ đi nghĩ lại tần ngần,
Tay không, đất khách, một thân quê người.
Biết cùng ai, tỏ khúc nôi ?
Dỡ dang, hai lẽ tới lui khó lòng.

Bước lần bỗng thấy gần sông,
Dưới thuyền như để tìm vùng lánh xa.
Trọn ngày đến bến lên bờ,
Trời hôm vào đấy là chùa thọ am.
Than rằng tội báo cho cam.
Thế nầy trời hãy còn làm đến đâu.
Họ Lư tầm nã còn lâu,
Tấm thân đã biết về sau thể nào ?
Trong lương sẵn giãi lụa đào,
Cồi ra sanh dã buộc vào một cây.
Thương ôi! sao khéo đương tay !
Thân kia đã quyết với dây ấy rồi. (112)

(Chưa hết)

Giải nghĩa chữ mắc *(Tiếp theo)*

(105) *viêm lương*, nghĩa là nóng mát.

(106) Hai câu nầy nghĩa nói : nếu như ta đãc hấp kinh (theo lẽ) mà chẳng tùng theo thời thế, rũi có xảy ra tai nạn cho ta thì ai đâu mà bảo hộ cứu giúp ?

(107) Bằng như họ mà có lòng xấu hèn mạt như cá như chim thì tôi sẽ ra mà gánh cái nạn , còn thầy thì phải tìm nẻo mà lánh xa.

(108) *Tỉ sương* là một thứ thuốc độc (vị san, thạch tính...)

(109) *bán tử*, con nửa (rễ họ Mai).

(110) Ta đã có con gái l ch sánh với Tây tử, có lẽ gì mà chẳng đặng rễ Đông sàng (quí).

Tích xưa bên Tàu hồi đời nhà Châu, ở nước Việt có một nàng con gái nhà nghèo mà lịch sự vô cùng trên đời có một. Thuở ấy lại có chúa nước Ngô là cừu địch của nước Việt thề chẳng trả được thù cha (vì cha đã bị chúa nước Việt giết đi) thì quyết chẳng chung đội trời trọn đời ăn mật nằm đất mà thôi Đến khi vua Ngô đánh thắng nước Việt vua Việt bèn dưng nàng Tây Tử mà chuộc mạng. Chúa nước Ngô được nàng Tây-Tử, bèn mê-mẩn vì tình mà quên cả thù cha. Vì ngày đêm sa đấm nàng mà không lo việc nước, cho nên nước Việt thừa thế chỉnh tu binh mả mà phá tan nước Ngô đi. —Trong Đông-châu liệc quốc nói khi nhà Ngô mất nước thì nàng Tây-Tử lai trở về tay chúa Việt. Bà chánh-hậu Việt ghen, bèn dạy quân bắt nàng cột vào đá ma quăng xuống nư ớc chết.— Có kẻ lại nói quân-sư Phạm-Lải sợ e chúa nước Việt mình mê nàng mà mất nươc nữa ,bèn lén dắc nàng mà trốn đi nơi khác.

(111) Lén thăm mộ hỉ-đồng, rồi đấp nên phần mộ mà làm dấu.

(112) Chàng Mai-lương-Ngọc dùng dây lưng mà thắt cổ. Chỗ nầy, người Tây xem thì chê bỡi làm trai anh hùng mà sao lại chẳng có gan anh hùng, lại làm theo thói nữ nhi.

T.T.

Liệt Nử' Truyện

Người con gái có hiếu *(N° 5)*

(Tiếp theo)

Thanh-Tân dịch thuật

Hai ông bà coi bộ sốt sắng muốn nghe chuyện nàng thuật và tỏ rằng cái việc mình làm đêm đó chẳng qua là vì nghi nàng là đứa trộm cắp nên mới lục kiếm coi nàng có tiền trong mình hay không, chớ như nàng mà coi tính số tiền nàng lại thì đủ biết ông bà đây vốn không phải là quân ăn trộm đâu.

Chừng nàng từ giã ra đi, nghĩ không biết mình có nên cám ơn cùng không, nhưng khi nàng ra khỏi được nhà đó cũng là lấy làm mừng lắm!

Khi đi được vài dặm đường, nàng có ý mở gói ra mà đếm tiền lại. Độc giả xem tới đây lấy làm lạ cho nàng vì thấy sao cái số tiền ấy chẳng phải 80 su lại ra 120 su. Là bởi chủ nhà có thêm vô 40 đồng nữa cho nàng.

Nàng Prascovie thường hay thuật chuyện lại, nói đó là trời phù hộ nàng mà khiến cho kẻ bất lương bỗng nhiên đổi tánh.

Cách ít lâu nàng cũng bị một chuyện nữa làm cho nàng cũng sợ hãi kinh tâm.

Bữa ấy nàng cũng phải đi luôn không nghỉ cho nên vừa mới hai giờ sáng, nàng từ giã chủ quán mà lên đường. Vừa mới ra khỏi lang bị một bầy chó xúm vây, nàng vừa chạy vừa lấy gậy quơ đập, song làm như vậy chó lại càng hăng nữa. Có một con cắn được vạt áo nàng mà xé rách đi. Nàng hoảng kinh nhào đại xuống đất, nhắm mắt phó cho Trời Đất hộ trì, nàng nghe hơi lạnh nơi lỗ mũi: có một con chó lại hửi nơi lỗ mũi và nơi cổ nàng.

Trong bụng nàng nghĩ rằng: « Ai phò hộ tôi trong lúc dông mưa, trong cơn bị kẻ trộm, có lẽ cũng cứu giúp tôi trong cơn nầy nữa. »

Mấy con chó ấy không làm hại đều chi vì lúc ấy có người ta đi ngang qua đuổi nó đi hết.

Mùa đông đã đến, tuyết xuống dầm dề, bít cả đường đi, không thế đi bộ được, nàng bị cầm lại đó hơn tám bữa. Chừng đường tuyết nhờ có dấu xe cộ mà đông đặc thì nàng tín hliều dời gót đi bộ, song mấy chủ nhà nàng ở ngụ đều cản và cắt nghĩa những đều nguy hiểm cho nàng nghe. Lúc tuyết sa nhiều như thế, dầu cho đờn ông mạnh dạng cũng không khỏi lạc chết trong đồng lạnh lẽo giá tuyết mình mông, nhứt là khi có gió thổi tuyết bay lấp bít cả đường.

Cũng may cho nàng lúc ấy có một đoàn xe chở đồ qua thành Ekaterinenbourg (Ê-ca-tơ-ri-năn-bua) mà dùng trong lúc lễ Sanh nhựt. Người đánh xe nhường để cho nàng một

chỗ trên xe cộ mà ngồi. Nhưng tuy nhờ mấy người ấy chiếu cố cho nàng song vì nàng mặc áo chẳng nhằm mùa cho nên phải chịu lạnh lẽo thấu xương, ngồi mà núp theo sau tấm vải đậy đồ. Qua ngày thứ tư trời càng lạnh hơn nữa, đến nỗi khi xe ngừng lại, thì tay chưn nàng đà tê cứng, bước xuống không đặng, phải nhờ người đỡ vào quán nghỉ, là quán giữa đồng, xa nhà cửa hơn ba mươi dặm; chỗ ấy cũng là nơi thay đổi ngựa trạm. Mấy người ở đó thấy nàng bị lạnh hết một gò má, bèn lấy tuyết mà chà cho nàng, săn sóc cho nàng ân cần lắm. Nhưng mà mấy người đánh xe lại không chịu chở nàng đi xa nữa, nói rằng trời lạnh lùng như thế, có lẽ còn lạnh hơn nữa mà nàng chẳng có áo lạnh mang thì lại càng nguy hiểm cho nàng lắm. Nàng nghe nói bèn khóc mùi, nói sau nầy ắt chẳng còn gặp đặng dịp nào may mắn như vậy nữa, chẳng gặp người tử-tế như vậy nữa Vã lại chủ quán thì cũng không muốn giữ nàng ở lại, lại muốn cho ai đã dắc nàng tới đó thì phải đem nàng đi theo.

Trong cơn bối rối như thế, lại thấy mình mất đều sở vọng rằng mình chắc đến thành Ê-ca-tơ-ri-năn bua bình yên được, nên nàng lấy làm áo nảo buồn rầu, nằm than thở một mình nơi góc phòng.

Mấy người dắc nàng thấy vậy động lòng thương xót, bèn xúm hùn tiền mua cho nàng một cái áo lông trừu trong xứ đó bán có năm đồng một cái mà thôi. Mà nũi chỗ đó không có ai bán, phần thì dân trong xứ đó cũng không có ai sẵn lòng nhượng lại của mình, vì là khó kiếm mua lắm. Mấy người kia hùn góp lại được 7 đồng bạc đặng mua lại cái áo lông của người con gái ở trong quán đó, nhưng người con gái ấy không chịu để.

Đương lúc nan phân ấy trong bọn đánh xe thiếu niên, có một chàng xướng lên cách giúp cho nàng được mau mắn. Người ấy nói: « Thôi thì chúng ta thay phiên nhau mà cho nàng mượn, hoặc để tôi cho nàng mượn bận luôn cái áo của tôi, còn chúng ta thì thay phiên đổi áo nhau mà bận trong mỗi dậm. » Ai nấy thảy vui lòng. Bèn tính coi đường đi bao xa phải t ay đổi mấy bận. Tính xong rồi mới để nàng ngồi trên cộ, có áo lạnh bao phủ, còn người cho mượn áo bây giờ lại lấy tâm vải chiếu quấn mình, ngồi chồm hổm mà hò hé om sòm ra lịnh lên đường. Tới mỗi dậm đường cứ thay đổi áo lạnh nhau mà bận, cho đến khi cộ đi tới thành Ê-ca-tơ-ri-năn-bua bình an vô sự.

Trong lúc cộ đi đường, nàng Prascovie chẳng ngớt khẩn vái đất trời cho mấy kẻ ân nhân mình được mạnh giỏi.

Khi tới thành Ê-ca-tơ-ri-năn-bua nàng cũng ghé ở chung quán với mấy người đánh xe cộ kia. Bà chủ quán nghe mấy người kia nói chuyện những nỗi truân chuyên của nàng, hiểu rằng nàng chẳng có đủ tiền, mới điềm chỉ cho nàng biết những người đại độ trong thành, biểu nàng cầu xin trợ giúp, đặng có đi đường xa cho đặng. Bà khen nhứt là một người đờn bà

hiền lương nhơn đức hơn hết tên là bà Mi-lanh (Milin), thường hay cứu giúp kẻ nghèo nàn. Mấy người trong quán cũng đều nói : thiệt như vậy. Mà giả như nàng không hiểu ý bà chủ quán dược, thì có lẽ nàng cũng mắc kiếm nơi chỗ khác mà tá túc. Qua bữa sau nàng Prascovie thức dậy sớm có ý muốn đến nhà bà Mi-lanh mà ra mắt ; nhưng tánh nàng thường trước khi đi thì hay lại nhà thờ mà làm lễ ; bữa ấy thiên hạ lại đi xem lễ rất đông, vì là nhằm ngày Chúa-nhựt. Thấy nàng sốt sắng đọc kinh và mang gói mặc áo như thế ai cũng biết nàng là kẻ lạ đi đường.

Khi xem lễ ra, có một bà già lại hỏi nàng là ai. Nàng đáp lại vui vẻ, rồi nàng muốn tử giả mà đi nói rằng đi kiếm nhà bà Mi-lanh mà tá túc, chẳng ngờ bà nói chuyện với nàng đó chính là bà Mi-lanh mà ai ai cũng đều biết cái lòng nhơn đức. Bà Mi-lanh nghe nàng khen lòng nhơn đức của bà, lấy theo lời mà đoán thì những lời nàng khen đó chẳng phải là lời bợ đở. Mà trước khi bà muốn cho nàng biết mình là ai, bà muốn giả ngộ chơi, thấy nàng ngập ngừng bối rối, bà mới nói rằng: « Bà Mi-lanh mà nàng khen dồi đó, không phải nhơn đức quá như nàng tưởng vậy đâu Như nàng muốn tin qua thì hãy theo qua đây, qua cũng sẽ hết tình tiếp nàng hậu vậy.»

Nàng vì nghe những sự khen bà Mi-lanh nơi quán, nên nay gặp người khác nàng không tỏ ý vui lòng, tuy vậy nàng cũng đi theo chớ không dám chối từ, song cũng không nói rằng nàng ưng chịu hay không.

Bà ấy thấy nàng đi chậm chậm dường như chẳng muốn đi theo nên bà nói : « Vậy thôi như nàng muốn quyết tới nhà bà đó thì ta cũng đi vào đó, nhà bà cũng ở gần đây chớ chẳng xa ; nàng hãy theo vô với qua, coi người ta tiếp rước nàng ra thể nào, mà như họ không cầm nàng lại, thì nàng hãy về với qua nghe. »

Nàng chẳng trả lời, cứ đi vô nhà, thấy người ở bà Mi-lanh. nàng mới hỏi có chủ ở nhà không. Mấy người ở nghe nàng hỏi như vậy lấy làm lạ, nên chẳng trả lời. Nàng lại hỏi nữa và nói rằng : « Tôi muốn ra mắt bà Mi-lanh có được chăng ? » Sau rốt có một người bèn nói : « Thì bà kia kìa ! »

Nàng day lại thì thấy bà Mi-lanh dan tay ra rước nàng. Nàng mới ôm tay bà mà hun và nói : « Tôi biết rõ lắm, bà Mi-lanh thiệt là hiền đức ! »

Cái cảnh tình trong bữa ấy khiến cho bà thật là hết sức vui lòng.

Bà mới sai người đi mời bằng hữu của bà là G.*** cũng là người hiền lành nhơn đức như bà vậy, đặng mà bàn tính gởi gấm nàng và giúp đỡ cho nàng. Chừng ăn lót lòng rồi, lần lần nàng quen với chủ, thuật rõ hết công chuyện khốn khó của cha mẹ mình và cũng không dấu cái chí lạ của mình muốn đến kinh thành Xanh bê-tiết-bua mà xin tội cho cha. Bà tuy không chắc rằng ý nàng định như vậy mà có thành được cùng chăng, song cũng chẳng cản nàng. Nhưng hai bà cũng tính cầm nàng ở lại cho đến mùa xuân tới. Vì lúc ấy trời rất lạnh lẽo nàng không thể đi được. Còn mấy bà muốn cầm nàng lại nên cũng chưa

nói đến sự mình làm thế nào, làm sao mà giúp cho nàng đi được. Còn nàng ở đó lấy làm vui vẻ bằng lòng lắm. Nhờ ân người thương yêu hậu đãi và gần gủi mấy bà tôn quí khiến cho nàng có cái cảm giác vui vẻ mới lạ, cho nên đến sau nàng cũng chẳng hề quên cái lúc sung sướng ấy. Sau hễ mỗi khi nàng thuật chuyện đến lúc ấy, nói đến tên bà Mi-lanh thì nước mắt ân nó đã rưng rưng bên khóe.

(Còn nữa)

Bàn hội đồng trị sự hội Khuyến học Nam-kỳ

Hôm kỳ nhóm 3 Mars, sắp đặt bàn hội đồng trị sự như sau nầy :

Ông	Bùi-quang-Chiêu,	làm *Hội trưởng*
—	Ng.-văn-Thinh	*Phó hội-trưởng*
—	Ng.-tấn-Văn	*Phó hội-trưởng*
—	Ng. khắc-Nương	*từ hàng*
—	Bửu-Đình dit Hà Tri	*phó từ hàng*
—	Lưu-v-Lan	*(commissaires)*
—	Trần-v-Đôn	id.
—	Cao-Chánh	id.
—	Ng.-kim-Đinh	*tàn thơ viên*
—	Trương-v-Bền	*phó tàn thơ viên*
—	Ng.-v-Bá	*thủ bổn*

Hỉ tín

Bổn tạp chí mới hay tin ông quan ba Ng văn Xuân mới trổ sanh được một cô quí-nữ là Mlle Simone, vậy bổn tạp chí để ít lời cầu chúc cho mẫu-tử vuôn tròn, đều bình an mạnh giỏi.

Ai tín

Bổn tạp chí lại hay tin chẳng lành rằng ông Cựu hội đồng quản hạt Trương-văn-Ngàn đã từ trần tại Gò-vấp hôm ngày 2 Mars 1926, thọ được có 46 tuổi. Cuộc tống chung định đến ngày 10 Mars, lối 8 giờ sáng.

Bổn tạp chí kính ít hàng phân ưu cùng quí quyến và cầu cho linh hồn ông hội đồng Trương được tiêu diêu nơi cỏi Thọ.

3e ANNÉE — Nº 126 — 18 MARS 1926

KHOA HỌC TẠP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1º — M. BUI QUANG-CHIÊU *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*

2º — M. LÂM-VĂN-HUÊ, *Commis indigène des Services Civils.*

3º — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics à Cholon.*

4º — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*

5º — M. NGUYỄN KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon*

6º — M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*

7º — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*

8º — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN, *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*

9º — M. TRẦN VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Paris.*

10º — M. TRẦN-QUANG NGHIÊM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*

11º — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*

12º — M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3,00		

MỤC LỤC

Công nghệ đời nay.....	2234	Văn chương nôm.....	2242
Sơ luận cách trí.....	2238	Dựng nêu.....	2247
Gương luân lý.....	2240	Chẳng nên gian tham.....	2248

Công Nghệ Đời Nay

Nghề làm đường (*Sucrerie*)

Đường là những vật có mùi ngọt diệu mà ngon. Cái chất ngọt ấy thường là của loài thảo mộc sanh ra ; nó ở trong cây, trong trái, trong bông, trong rễ cùng là trong củ. Nhưng cái chất ngọt người ta thường dùng mà làm đường đều là lấy ở trong *cây mía* (canne à sucre) và trong *củ cải ngọt* (betterave à sucre)

Vậy thì đường có hai thứ là *đường mía* (sucre de canne) và *đường cải* (sucre de betterave). Tuy vậy hai thứ cũng đều y một chất như nhau, cũng dùng trong mấy việc y như nhau, nghĩa là cũng một vật đường ngọt như nhau vậy.

Làm đường có hai công việc làm khác nhau, nghĩa là có hai thế ; thứ nhứt, là làm đường ra có hột như cát mà hoặc đen, hoặc vàng, ăn không được diệu ngon ; ấy là đường chưa lọc trắng, như đường táng, đường cát mỡ gà, đường sắt, vân vân... (cassonnade ou sucre brut) ; thứ nhì là đường đã lọc ra trắng, nghĩa là đường đen mà đem nấu lại, lọc cho hết những vật khác lộn trong ấy là những vật làm cho nó phải có màu khác và bớt mùi ngon, đặng cho nó trong trắng lại ; ấy gọi là *đường lọc* (sucre raffiné).

Như vậy thì có hai thứ lò làm đường ; một lò để nấu nước mía, nước cải ra đường kêu là *lò làm đường* (sucrerie) và một lò để lọc đường, kêu là *lò lọc đường* (raffinerie).

Cách làm đường (Fabrication). — Làm đường mía thì trước hết đem cây mía đút vào trong cái máy ép cho nó ra nước. Nước mía chảy rọc theo ống ép mà xuống cái hồ đựng, làm ở ngay phía dưới cái máy. Khi nước mía dưới hồ đầy thì múc ra mà

lóng trong, rồi đem đổ vô nồi nấu sấp hàng trên lò lữa. Nấu nơi nồi trước rồi đem qua nồi kế đó mà nấu nữa, lần lần cho đến khi nó lên bớt hết hơi nước mà đặc lại. Chừng nó đặc thì người ta đem đổ nó lên trên mâm cho nó nguội, hoặc đổ vô khuôn cho nó đóng lại (đường táng). Còn cái xác mía còn lại có khi người ta lấy đem ép lại, khi lại để dùng làm rượu rơm (Rhum).

Cách làm đường cải thì công việc lại nhiều hơn khó hơn. Trước hết đem củ cải ra rửa cho sạch, rồi đem vô máy nạo cho nó ra nhỏ thành xác. Cái xác ấy đem để vô bao bằng nĩ, rồi đem vào máy ép thật mạnh mà ép cho ra hết nước. Nước ấy phải đem mà lóng cho trong, rồi đem đổ vô nồi máy lấy hơi nó cho nó đặc lần lần. Mỗi lần san nồi nầy qua nồi kia đều phải lọc nó cho đừng có cặn cáo chi cã. Chừng nước đường ấy hơi đặc rồi thì đem nó vô những nồi sô-de làm hình thức riêng đặng để cho nó đặc lại, rồi sau rốt đổ nó vào khuôn cho nó khô có hình.

Cách lọc đường (Raffinage du sucre).-- Đường mía hay là đường cải cũng đều lọc một cách. Đường chưa lọc còn đen, đem nấu nó lại với nước, rồi đổ nó vô thùng có đựng thang xương mà lọc cho nó thiệt tinh anh. Nấu nó thì nấu trong nồi sô-de, cho hơi nước nóng chạy vô; thêm chừng năm phần trăm thang xương cà nát vô; chừng nó khởi sự sôi lên, thì người ta đổ vô chừng một chút huyết bò mà khuấy nó cho đều : cái chất albumine trong huyết bò bèn đóng đặc lại kéo những vật lộn trong nước đường theo mà lóng; xong rồi đem để cho nó lóng mà lược ra. Nước đã lược trong ấy đem mà lược lại trên đồ lọc bằng vãi gọi là đồ lọc Taylor (filtre Taylor) rồi dùng thang xương nát mà lóng lại cho trong; trong rồi lược một lần nữa. Nước trong ấy phải đem vô nồi trống hơi mà lấy hơi nước nó cho đặc rồi thì đổ lên mâm riêng bằng thau cho nó đóng

thành đường đặc; đường ấy đem dúc vô khuôn cho nó cứng lại thành cục đường trắng. – Cái xác củ cải còn lại thì để cho thú vật ăn, hoặc để dùng mà làm rượu cũng được.

Sự công dụng của đường. — Người ta dùng trong nhiều việc lắm, nhứt là trong nghề bào chế thuốc, có nhiều thứ thuốc tây đều có dùng đường mà làm cho ngọt dễ uống. Ngoài công nghệ người ta dùng nó để mà làm chocolat, làm bánh mức, làm các thứ rượu, để pha với sữa, ca-phe cùng là trà tàu mà uống. Người ta cũng dùng nó để mà riêm trái cây cùng là thịt, cũng như muối nó vậy. Người ta thí nghiệm rõ ra cách dùng đường để riêm thịt mà để dành lâu thì lại coi còn tươi tốt và không đổi cái mùi thịt như muối bằng muối biển vậy.

Lịch sử nghề làm đường. — Người ta biết nghề làm đường mía lâu đời lắm. Ở bên Tàu bên Ấn-độ người ta biết làm đường lâu lắm chẳng biết là hồi đời nào. Cho đến hồi lối 300 năm trước Chúa Giê-Su, lúc hoàng-đế Alexandre le Grand đi chiếm xâm châu Nam-Á, thì người Gờ-rec mới biết được mà truyền lần qua cho dân La-mã dùng. Tuy vậy ở bên Âu-châu cũng lâu đời lắm rồi mà đường vẫn có ít người dùng lắm, người ta chỉ có dùng nó trong việc thuốc men mà thôi. Lần lần cho đến kỷ thứ 12 đường bên Âu-châu mới có nhiều. Lúc ấy bên xứ Syrie và bên Egypte. người ta lại trồng mía nhiều lắm; mía ấy gốc ở Ấn-độ mà đem qua. Sau đến kỷ thứ 16 thì mía đã tràng khắp các miền xứ nóng nực. Từ năm 1650, bên cõi Tân-thế-giái nghề trồng mía rất thịnh hành, những đường làm ra chở qua Âu-châu mà bán rất nhiều. Hễ đường có nhiều lắm thì tự nhiên giá rẽ; mà vả lại từ lúc ấy đến sau người ta lại biết dùng chocolat, cà-phe và trà-tàu cho nên thiên hạ lại dùng đường càng ngày càng nhiều hơn nữa.

Cho đến kỷ thứ 18 chưa ai biết rằng trong củ cải có thứ nước ngọt làm ra đường được. Đến năm 1745 có ông hoá học *Margraf* (người nước Prusse) mới tìm ra cho mấy ông bác sĩ cùng nhà nước hay rằng trong củ cải betterave có đường. Tuy vậy mà cho đến năm 1810 mới có ông *Crespel-Delisse* và năm 1812 có ông *Beniamin Delessert* biết được cách lấy đường trong củ cải ra mà làm đường. Hai ông ấy đều là người ở nước Pháp, một ông ở tỉnh Nord, và một ông ở tỉnh Seine. Qua đến năm 1830 nhờ cách chế biến thêm tinh xảo trong nghề trồng cải ngọt và nghề làm đường mới được thịnh hành bên nước Pháp-Cho đến ngày nay nghề làm đường cải cũng là thịnh hành hơn hết ở bện nước Pháp.

THANH TÂN

SƠ LUẬN CÁCH TRÍ

Loài động-vật (*tiếp theo*)

Loài thú không xương

Loại thú mình mềm
(Les mollusques)

Loại nầy mình không có mắc, cái thịt mềm lắm nên thường phải có một cái vỏ cứng bao ở ngoài.

Con ốc (Escargots). — Vỏ ốc bao ở ngoài thì hình như một cái ống cuốn tròn, từ phía trong thì nhỏ, lần lần ra ngoài miệng thi lớn, xem như cây còi thổi vậy. Cái mình con ốc chun trong cái vỏ ấy vô tới tận trong đáy nhỏ.

Bình thường con ốc nó ló cái đầu ra khỏi vỏ, đưa ra dài, ta thấy nó ngóc đầu lên, đưa bốn cái sừng thịt lên, có hai cái ngoài chót đầu có con mắt. Chưn nó thì là hết cả cái mình dài bò trên mặt cây mặt lá. Hễ ta đụng nó thì ngó thấy nó thụt hết cả mình đầu cổ vào trong cái vỏ bao nó.

Có thứ ốc cái mình lại không có vỏ, như con ốc *limace* hay bò trên cây mà ăn phá lá cây dữ lắm.

Trong loại ốc có nhiều thứ lắm, ta không thế biết tên cho hết được. Có nhiều thứ hình thù kỳ dị, có thứ lại xem tốt lắm, thứ thì to lớn phi thường, thứ lại nhỏ tí mà cái mình thì giẹp dẹp. Những ốc ta thường ngó thấy thì có ốc bưu, ốc len, ốc gạo, ốc đắng, ốc lăng, ốc phương, ốc dừa, vân vân. Còn ốc ngoài biển có nhiều thứ to lớn, ta ít biết tên được, duy có mấy người ở gần biển mới biết.

Loại hào nghêu (Huitres). — Trong loại nầy thì có những là sò, vọp, nghêu, hào, vân vân. Có thứ ốc có vỏ chiếu màu ngủ sắc rất đẹp, ta gọi là ốc xa-cừ; có thứ trong vỏ có hột ngọc trắng tốt kêu là *hột trai* hay là *ngọc điệp*.

Loài hào nghêu, mình mềm có hai cái vỏ cập nhau mà bao lấy cái mình nó. Giống nó không thấy rõ cái đầu, và không khi nào ở trên khô, chỉ gặp ở dưới nước mà thôi.

Những vỏ ốc tốt, to dày có đủ màu sắc đẹp thì người ta lấy về để mà làm ốc xa cừ, cẩn đồ, làm núc áo, làm cán dao, làm vỏ đồng hồ, làm cà rá, vân vân. Ốc trong vỏ có hột trai thì ốc ở về biển Ấn-độ có nhiều Giống nó ở gần xứ Ceylan. Người ta lấy ngọc trai để mà làm đồ nữ trang, đồ trang sức, giá bán mắc tiền lắm.

Loại thú hình cây (Les zoophytes)

Sao ta lại kêu là thú hình cây? Là bởi nó sanh sẵn ra, cũng ăn uống sanh hóa động địa như các loài thú, nhưng mà cái hình dáng nó xem ra không giống con thú, mà lại giống như loài cây. Hình dáng nó có nhiều thế, mà hết thảy đều loại thú ở dưới biển. Trong những loại nầy thì có con *sao biển* (étoile de mer) con *nhiếm biển* (oursin) con ma-da (méduse) vân vân.

Con san-hô (corail polype) cũng là thuộc loại thú hình cây. Nó sanh sẵn hóa ra nhiều đeo dính nhau lâu ngày thành ra một thứ cây đá. Lâu đời nó

snh hóa ra nhiều qúa đền nỗi thành
ù lao. Nói Dương-châu (Océanie)
ần nhiều cù lao nổi lên cũng vì
ế ấy.

Loài *rong-đá* (éponge) cũng chung
ong loại. Ta thường ngó thấy rong-
á (bông-đá) chớ: nơi trường học
gười ta dùng nó để mà lau bản
hùi phấn), ngoài nhà xe hơi, họ
ùng để mà chùi rửa xe. Ta thấy nó
ó phải là con thú chút nào đâu. Vậy
à nó là loại thú mới kỳ. Lúc nó
òn sống nó đeo theo đá ở dưới đáy
iển, cũng cựa quậy như loài san-hô
ia vậy. Chớ cái thứ ta đã thấy bán
ường nơi mấy cái nhà hàng đó,
hẳng qua là cái cốt nó mà thôi. Vớt
ông đá dưới biển phải có thợ lặng,
ó đồ dùng mà cào đem nó lên, rồi
ùng nước tro mà giặt nó lại, phơi
ó, sửa nó lại cho ra vật dùng được
ới đem bán.

Loài tế-vi (infusoires)— Loại nầy
à loại rất nhỏ, con mắt thường ta
em cũng không thấy nó được rõ,
hải dùng kiến hiển-vi (microscope)
ới ngó thấy. Tuy nó nhỏ vậy mà nó
ất quan hệ cho sự sống của người
a lắm. Giống ấy ở trong các thứ
ước không được tinh khiết (nghĩa
à không phải nước đã lọc hoặc bằng
ách lấy hơi, hoặc bằng đồ lọc nước)
úc một ly nước đựng ngoài thùng
sau hè đem vào, lấy kiến hiển-vi rọi mà coi thì ngó thấy trong ấy có ngàn trùng vạn ức những con tế-vi, hình thù đủ thứ. Một giọt nước ấy xem trong kiến hiển-vi cũng có hơn mấy vạn con tế-vi. Vậy ở đâu mà có những con ấy trong nước vậy? Nó ở cùng hết; trong không-khí, trên cộng rơm cộng rát, nơi áo quần tay chưn mày mặt ta, trên vách, trên mái nhà ta, vân vân. Mà ở ngoài khí trời thì nó khô như chết, khi vào nước thì nó sanh hóa ra thêm, mà lội huậy trong nước. Những rong cỏ đeo theo gạch ngói, theo mái nhà ta cũng là loại vi-trùng. Lúc khô thấy nó cũng như chết, mà hễ có vào một giọt nước thì nó nở tháo ra mà lội dường như đi kiếm đồ ăn. Vì thế cho nên hễ có mưa xuống thì nó trôi theo nước mưa. Ta hứng nước mưa mà dùng thì nó ở trong lu trong mái. Vậy cho nên ta có uống nước mưa thì phải lọc lại, hoặc phải nấu nó cho chín mà dùng, không thì những loại vi-trùng vào mình ta mà phá hại ta, có khi cũng phải chết, nhứt là có lộn những vi-trùng bịnh ho lao, cùng các thứ bịnh truyền nhiễm.

Hết loài động vật.

(*Sau nói về loài Thảo-mộc*).

THANH-TẦN

Gương luân lý

Gương chí công làm lụng

Có một người hay làm nhiều sự lỗi, sau tính muốn tự sửa lỗi mình mà vào đường đạo đức. Mà đến khi anh ta tự xem xét kỷ lại mình thì lại thấy mình lỗi nhiều mà phải ít, vì bởi cái thói quen mình thuở nay hay làm lỗi, cho nên nay nghĩ mình không thế nào mà chừa lỗi nữa được, lấy làm thối chí chẳng biết mình phải khởi sự đi đường nào cho được. Đến sau tìm biết được một ông già đạo đức, bèn hỏi ý. Ông già ấy an ủy chàng ta và thuật chuyện sau nầy mà nông chí anh ta rằng:

«Có một người biểu con đi vô đồng mà khai phá một miếng đất đầy những lau sậy chông gai. Thằng con ra tới nơi thấy thế công việc dông dài khó khăn lắm lòng đà thối chí. Chàng thiếu niên không khởi làm sự chi hết lại nằm dưới bóng cây mà ngủ nữa. Vậy ngày ấy chàng không làm sự chi hết, mà đến mấy ngày sau cũng vậy.

Vài ngày sau người cha đi ra xem coi con đã làm được bao nhiêu, té ra ngó thấy người thiếu niên sợ công việc dài mà chưa khởi làm được chút chi hết cả. Người cha thấy vậy mà không đem lòng giận dữ lại nói êm thắm với con rằng: «Cha chỉ biểu con khai khá mỗi một ngày chừng một khoảng đất mà thôi.» Rồi chỉ một góc đồng chừng bằng một góc mười miếng đồng mà thôi. Người thiếu niên nói: «Như vậy thì có khó khiết gì!» Bèn ráng sức khai phá, đến chiều thì góc ruộng ấy làm xong. Người cha mới nói: «Vậy thì cứ mỗi bữa con chia ra một khoảnh đất mà làm, thì công việc dầu có lớn lao bao nhiêu cũng ra nhẹ mà dễ.» Người con nghe lời bèn chia cái miếng đồng to ấy ra làm 10 khoảnh bằng nhau; nội trong 10 ngày, công việc đều thành, Miếng đồng ấy xưa đầy những cỏ gai mà bây giờ thành ra một miếng đất sung túc, hoa quả đơm đầy.»

Ông già thuật chuyện ấy xong rồi thì nói: «Còn việc sửa lỗi của mình thì cũng vậy. Ban đầu nhà ngươi hãy coi cái tình sa đấm nào mạnh hơn hết mà chống bỏ lần, rồi sau sẽ dần dần bỏ mấy cái sự lỗi khác nữa thì tự nhiên trong lòng ngươi sẽ được bình yên vậy.»

Gương lòng trong sạch.

Chuyện bà già nghèo.

Có một ông quan coi về việc chẩn bần làm phước, làm sổ biên tên những kẻ nghèo nàn đặng mà phát đồ. Bữa kia vào nhà một bà già mà biên tên bà vào sổ những người đói khó đặng giúp đỡ cho bà. Đến nơi thấy bà ở trong một cái phòng nhỏ nghèo tệ lắm, mà đương quây bánh xe chỉ. Bàn ghế trong nhà chỉ có vài cái ghế ngồi, một cái bàn hư bể hết phân nửa mà thôi,

Khi bà già đã rỡ ý mấy ông tới nhà đặng biên tên bà vào sổ những người nghèo, thì bà đứng dậy, lấy ra một đồng tiền đã gói kỷ mà nói rằng : « Tôi xe chỉ mà kiếm tiền được còn bao nhiêu đây, thiệt cũng là ít. nhưng mà tôi cũng còn có thế làm có thêm nhiều hơn nữa. Tôi thấy có nhiều kẻ còn nghèo khổ hơn tôi, vậy xin các ngài hãy lấy vật mọn nầy mà bố thí cho họ. Tôi không muốn tên tôi vào sổ mấy người nghèo mà xin ăn đâu. Hễ tôi mà còn được một miếng bánh, còn được chút sức đủ mà đi xách nước giếng gần đây, thì tôi không muốn cho ai nói rằng tôi giành phần bố thí của kẻ nghèo khó thiếu thốn đâu »

Gương kiên nhẫn

Chuyện ông Võ-tướng Philopémen.

Ông Philopémen là tướng có danh bên xứ Hy-lạp (chết hồi năm 183 trước C. G. S.) tánh không bay chưng diện, nên ăn mặc tầm thường. Bữa kia có ông quan Tòa trong thành mời tới ăn tiệc. Ông Philopémen tới sớm lắm, bà chủ nhà ngỡ đâu là người ở của ông sai tới trước đặng giúp việc, nên sai ông ra sau mà bửa cũi. Ông cũng chẳng rói rằng gì hết, cứ việc đi ra mà bửa cũi. Sau mới rõ lại là ông.

THANH PHONG lục.

VĂN CHU'O'NG NÔM

Nhị độ mai chú giải (*N° 10*)

(Tiếp theo)

Trời còn cứu kẻ anh tài,
Trong chùa bỗng có một người bước ra.
Lòng lành thấy sự oan gia,
Trở vào bạch với sư giả trước sau.
Sư ra dạy cổi xuống mau,
Cương thang kíp đỗ, giờ lâu tỉnh dần.
Thấy người trạng mạo văn nhân, (113)
Quá thương sư mới hỏi gần hỏi xa.
Nỗi mình đâu dám dở ra,
Sanh bèn chống chế kêu ca liệu lời. (114)
Rằng: con chút phận tôi đòi,
Giữ đồ thầy đề, mất vài bốn bao.
Trở về nghĩ chẳng tha nào,
Bực mình nên phải quyết liều quyên sanh.
Sư rằng: cửa Bụt thanh thanh,
Tùng quyền thôi hãy gởi mình ở đây.
Nhà chùa công việc cũng đầy,
Dẫu rằng lau án tưới cây cũng là.
Vả trông ra dạn con nhà,
Sẵn nghiên bút, viết một vài tờ xem.
Dẫu rằng xấu tốt chẳng hiềm,
Sanh bèn đề chữ « thọ [illegible]m tự thuyền ».
Sư rằng: « nầy bút thiền [illegible] nhiên,
Lọ tìm võ kiếm, (115) lọ khen [illegible] lan đình. (116)

*
**

Vườn hoa giao phó một mình,
Cây cây vung tưới, nhành nhành sửa sang.
Sức người như giúp hơi dương,
Một vườn tươi tốt, bằng dường thêm xuân.

Những mong bóng *Phật* nương thân,
Hay đâu một phút lương nhân dắc vào.
Nỗi sư nào biết đâu nào,
Chẳng là tên gọi *Nhựt cao* họ *Trần*?
Thám-hoa võ cử xuất thân,
Ba nơi tọa trấn, bấy lần đồng binh.
Thừa ưa án lợi nền danh,
Vui lòng tuyền thạch, gởi mình thuyền am.
Trần đông-Sơ ấy là em,
Một ngày thong thả mới tìm sang chơi.
Anh em kể lễ lôi thôi,
Có khi nhắc chuyện họ Mai khóc *thầm*.
Mai sanh riêng dạ nghĩ *thầm*, (a)
Xem trò chuyện ấy biết tâm tích rồi.

*
**

Hai ông tìm hứng mua vui
Dắc tay, Sanh bước, chân dời vườn hoa.
Xem hoa vừa ý gật đầu, (b)
Trình anh mới kể bấy câu nằm nì :
Bấy năm theo việc vương kì,
Sân đào bấy lớp đông li bỏ xàm.
Gốc cằn, cội rụi khó xem,
Cỏ cây ví với am thuyền kém xa.
Tiểu đây kẻ khéo có thừa,
Nhà em bên ấy xin nhờ vài tay.
Sư rằng: anh cũng là may,
Ngày xưa được chú tiểu nầy bồng không.
Họ Vương, tên gọi Hỉ-Đồng,
Bút nghiên tay giỏi, nghi dung con nhà.
Việc quen sửa kiểng vun hoa,
Cho về bên ấy nương nhờ cũng hay.

*
**

Mai sanh bèn lạy tạ thầy
Theo về Trần phủ, một giây tới nhà.

Trần công cười nói lui ra,
Đòi công-tử với cùng là phu-nhân.
Tiểu thơ cũng gọi đến gần,
Rằng: hôm nay buổi đời chơn tham thuyền.
Xin anh được gả thiếu-niên,
Việc hoa kiểng biết, bút nghiên nghề nòi.
Những xem phong dạng con người,
Một nhà ai cũng một lời khen *sao*.
Mai sanh đành phận biết *sao*, (c)
Khi ra viết thiếp, khi vào sửa hoa.
Cửa người ngày tháng lân la.
Một mình riêng những x t xa sự mình
Sanh li xa cách huyên đình,
Một nhành bóng ngã bên mành tang du. (117)
Sơn-đông non nước mịt mù,
Niềm thương nỗi nhớ biết hầu có nguôi ?
Nghi-Trung một nắm cái vùi,
Vì ai nên nỗi thiệt thòi đến ai.
Lâu nay dầu nhẫn có lời
Nghĩa kia có biết đền bồi được chăng ?

*
* *

Thành sầu cao chất tằng tằng,
Một vườn ngày gió, đêm trăng thần thờ.
Hay đâu con tạo thừa ưa,
Chen vòng hắc vận trao tơ xích-thằng. (118)
Có phen trên gió dưới trăng,
Buổi man mác bóng, cơn thanh vắng người.
Trong vườn tha thướt dạng ai ?
Xem huờn bẻ lá, giục đòi hái hoa ? (119)
Vẻ đâu trong ngọc, trắng ngà,
Mặt vành vành nguyệt, tóc dà dà mây ?
Lập lóa mở đánh mở thay,
Sắc xiêm hoa nở chiếc giày phụng thêu. (120)
Đào vàng một lũ nối theo,
Quạt phơ phất gió, lò trầm vai mang.
Xa xa thoang thoảng mùi hương,
Mai sanh trông liếc rỗ nàng tiểu-thơ.

Mối tình buộc lấy trơ trơ,
Hồn bưng khuâng quế, phách thờ thẩn mai. (121)
Của đâu trêu gỡi chi ai ?
Ấy người cung Quảng, hay người đài Dương ? (122)
Tấc riêng riêng những mơ màng,
Chữ tư đề dưới chữ tương ngày ngày.
Nghĩ mình lưu lạc đã đày,
Chút niềm tâm sự dám bày cùng ai ?
Lại mang cái tiếng tôi đòi,
Nhân duyên trời có chìu người cho chăng ?

(*Chưa hết*)

Giải nghĩa chữ mắc (*Tiếp theo*)

(113) *Trạng mạo văn nhơn*, xem ra dáng người nho học.
(114) *Chống chế kêu ca*, liệu chước mà nói thoát.
(115) *Võ kiếm*, Tích có người đờn bà tên Về, xem múa gươm thấy cách múa hay, bèn ngụ ý bày cách viết chữ, ra nét rất là hùng hồn.
(116) *Lan đình*, là nơi mấy người danh nho tụ hội mà làm thơ (hồi kỷ thứ tư trước Chúa Cứu-thế) Những thơ đặt xong thì có một người viết chữ hay chép lại — Theo Tàu hễ người biết chữ hay thì tự nhiên là người có học giỏi.
(a, b, c,) Đọc giả xem kỷ có lẽ thấy tác giả đặt thơ khi trùng vận khi lạc vận.
(117) *Tang du*, là cây tang, cây du. Cây tang là cây dâu (mûrier), cây du (orme), Câu nầy ý nói mẹ già lần, cũng như mặt trời lặng, bóng đã xuống tới ngang cây tang cây du rồi.
(118) *Trao tơ xích thằng* — Xích thằng là chỉ đỏ — Tích có anh Quách Chấn muốn nói con gái quan Tê-tướng. Nguyên ông Tề-tướng có 5 người con gái, không biết phải gả người con nào, bèn lấy năm sợi chỉ đỏ trao cho năm người con gái đứng núp trong màng, mỗi người cầm mỗi sợi ; mấy sợi chỉ đều buộc ở ngoài. Ông Tề-tướng biểu tên Quách Chấn bắt lấy sợi nào thì người con cầm sợi ấy sẽ làm vợ. Anh ấy bắt nhằm sợi chỉ của người thứ ba là người lịch sự và hiền đức hơn hết.
(119) Câu nầy có ý dẫn tích một cách chơi của bà Công-chúa An-lo Cách ấy như vầy : biểu nhiều người con gái chạy đua trong vườn hoa, vừa chạy vừa bẽ bông, bông nào không bẽ thì bức mà quăng cho mấy người chạy sau đừng bẽ được.
(120) Áo có thêu bông nỡ, giày thêu phụng.
(121) Quế với mai chỉ là người con gái. Hồn phách của anh Lương-ngọc lúc ấy mắc lo tưởng quế nhớ mai mà bưng khuâng thờ thẩn.

(122) *Cung QuảngHàng* là cung trăng, chỗ Hàng Nga ở. Tích xưa hồi đời vua Nghiêu có tên tướng bắn tài là Hậu-Nghệ; lúc có nguyệt hết hực, anh ấy bắn hết nguyệt thực, nên bà Tây-Vương-Mẫu có bạn cho thuốc trường sanh Vợ anh Hậu-Nghệ lén ăn cắp mà uống, sợ chồng bắt bèn trốn vào cung trăng, anh Hậu-Nghệ tuy nhờ có kẻ dắc đường mà theo không được. Vợ anh ấy lên cung trăng mà ở hóa ra nàng Hằng Nga.

Đài dương là cái đài sáng rỡ, là nơi tiên-thánh ở.

(Sau tiếp)

THANH-TÂN

Légende Annamite

DỰNG NÊU

Cu kêu ba tiếng cu kêu
Cho mau tới tết dựng nêu ăn chè

Nguyên tích xưa bên Tàu, tại cây bàn đào của bà Tây-Vương-Mẫu, có hai con quỉ lớn ở, kêu là Thần-Đồ và Uất-Lủy. Quỉ ấy thường lề mỗi năm ngày đầu năm mới nó hay xuống bắt quỉ xấu mà ăn. Trong xóm, thiên-hạ in trí sự đó. Ông Khương-Thượng sợ trong xóm náo động, nên cuối tháng chạp, hễ cận ngày đầu năm cho tới bảy bữa sau thì mỗi nhà muốn cho yên-ổn sự quỉ phá thì đốn một cây bàn đào và nêu trên cây ấy một lá bùa của ổng vẽ, cậm cây ấy trước nhà thì quỉ nào thấy cây phù-đào cũng phải kiên, không dám xuống phá khuấy.

Sau lần-lần con dân yêu-ổn, tinh theo cây phù đào là cây đào có nêu thân trên chót lá bùa; mới bày ra ăn mầng lễ khỏi chết, khỏi sự quỉ khuấy. Nguyên gốc ăn tết bảy bữa, hễ ba mươi tháng chạp thì dựng nêu rồi mồng bảy thì hạ nêu, bên Tàu kêu là ăn lễ khai hạ, theo lời ông già, bà cả ta truyền lại thì *ăn lễ mầng khỏi chết* chớ sau lần-lần nói trại lại là *ăn tết*. Bảy bữa, ngày xuân trong đầu năm bình-yên mạnh-khỏe, khỏi đều ruồi đến nhà, nên bày ra, kẻ thì nấu *bánh tết*, nếp có nhưng đậu, có mỡ heo, để mà *tết nhà*, kẻ thì đồ *bánh ổ*, bột nếp giáo trùng đường hạ, gia vị. rắt mè trên mặt, hắp từ dỏ tròn-tròn, để *cúng ông tổ* bày đặt cây phù-đào dựng trước nhà ba ngày tết, trừ ma, ếm quỉ đó, nhiều nhà giàu có, bày ra, hễ lên nêu, nấu chè đậu, xôi, hồng, cam, mức, nước trà, nhan đèn, vàng bạc, giấy tiền mà dựng nêu, rồi hạ nêu cũng bày lễ khai-hạ vậy.

Lần-lần phong-tục ta đã bỏ phong-tục tàu, trong làng, trong xóm, có chỗ còn dựng cây tre trước nhà, trên chót có treo cái dỏ, trong đó có têm ba miếng trầu, ba miếng cau vọng tưởng *ông tổ* bày đặt cây phủ-đào, và y theo lệ ông bà truyền ngôn, lấy giấy vàng bạc đại, vẻ năm sổ xuống, bốn sổ ngang cho có lỗ vuôn vuôn cho đều, ấy là bắt chước bùa ông Khương-Thượng đó.

Có nhiều kẻ, ta hỏi vì cớ chi mà dựng nêu vậy, thì người nói sợ đầu năm, con Thiên-cẩu trên trời xuống ăn người-ta, nên dựng cây tre cho cao hơn mái nhà, treo cái dỗ, cặp lá bùa, thượng lên một cái lồng đèn kiến, ban đêm soi sáng, con quỉ ấy chang dám xuống ăn thiên-hạ. Có kẻ dựng nêu rồi đốt một cây pháo tre, đặng cho nó hay, nó không dám xuống thế gian. Tại chợ, trong làng, có nhà bỏ cây nêu, cậm cây cờ tam sắc, cây tre sơn tam sắc theo sắc cờ Langsa, thượng lên một cái lồng đèn, trước cửa ngõ, cột ba tờ vàng bạc đại, cũng vẽ như ta nói ở trên và thêm một nhành xương rồng cho kị tà-ma, quỉ báo ba ngày tết. Tại châu thành, phong-tục ấy bỏ lần, ta ít thấy bày đặt chi, kẻ ở theo Tây, người ở theo Tàu, đều bỏ sự dị đoan.

Pour qu'on sache l'Annamite

Chẳng nên gian tham

Tên lính hầu ở trong dinh ông huyện Tây-an, đi (a) qua Tô-châu mà thăm bà-con. Đi (a) vừa nửa đường, gặp (a) một người kia, tay cầm một cái chén sừng tây. Tên lính đó nghi nó ăn cắp của người ta, mới bắt nó đem trở lại dinh ông huyện mà tra hỏi. Ai dè tra ra thì là của ông Thôi-tuần-Thần bị ăn cướp. Trong khi nó cầm đi ở trên đường, ý nó muốn đem chỗ địa phương khác mà bán đi. Để cho khỏi tiếng ra, hay đâu(b) phải kẻ (b) sai nhơn bắt đặng. Ấy cũng là trời ghét sự gian nó (b), Tuy cầu may khỏi đặng một lúc, rồi cũng không trốn đặng tội ác (b).

Règles Grammaticales.— (a) Le sujet doit être sous-entendu quand il y a la proposition complétive explicative qui se place après la proposition principale; (b) Nous remarquons que dans ce conte il y a certaines expressions qui sont empruntées à la langue chinoise et que la règle de position n'est pas aussi importante en annamite qu'en chinois, mais elle existe.

3e ANNÉE — Nº 127 — 25 MARS 1926

KHOA HỌC TẠP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1° — M. BUI QUANG-CHIÊU *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*
2° — M. LÂM-VĂN-HUÊ, *Commis indigène des Services Civils.*
3° — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics à Cholon.*
4° — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*
5° — M. NGUYỄN KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon*
6° — M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*
7° — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*
8° — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN, *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*
9° — M. TRẦN VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Paris.*
10° — M. TRẦN-QUANG NGHIỆM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*
11° — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*
12° — M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3,00		

MỤC LỤC

Công nghệ đời nay..... 2250
Liệt nữ truyện..... 2255
Thường luân lý..... 2259
Câu chuyện luân lý..... 2262
Cùng chư độc giả.....

Công Nghệ Đời Nay

Nghề làm cà-phê

Ở nơi mấy xứ nóng nực có một thứ cây gọi là cây cà-phê (caféier) tươi xanh luôn luôn. Trái nó đeo có chùm theo nhành, gần nơi kẻ lá; trái lớn chín thì bằng trương ngón tay cái; trong trái có từ 2 hột đến 4 hột, nhưng thường thường nó có 2 hột nằm ép với nhau. Người ta lấy cái hột của nó mà làm ra cà phê. Muốn lấy nó ra, thì lột vỏ trái, rồi lột luôn lấy cái thịt bao hột của nó, rồi để hột vậy phơi khô mà bán, kêu là cà-phê xanh (café vert).

Người ta nói cây cà phê là gốc thổ sản ở xứ Abyssinie, người ta đem trồng qua tỉnh Yémen thuộc xứ Ă-rập không biết là hồi đời nào. Đến sau, nhằm năm 1690 người Hoa-lan qua buôn bán bên ấy, gặp bèn chiết được vài gốc mà đem qua thuộc địa mình là xứ Mả-lai (Malaisie) mà trồng, đến sau người ta ương giống mà trồng càng ngày sanh sản ra rất nhiều. Từ ấy các nước bên Âu châu mới tranh nhau mà trồng nó trong mấy thuộc địa mình ở về miền nóng nực.

Ai ai cũng biết rằng hột cà-phê để dành mà nấu nước cho ra một thứ nước có mùi thơm mà uống như ta uống trà, gọi là nước cà-phê. Muốn uống nước cà-phê không phải để hột còn xanh vậy mà nấu. Trước phải rang nó cho cháy đen cho đi bớt những chất vô ích của nó đi, còn lại những chất có ích. Việc rang nó cũng phải biết cách rang cho kỷ, cũng phải là tay thợ quen rang mới khéo được; bởi vì có nhiều thứ cà-phe, có thứ phải rang bằng lửa nhiều, thứ lại phải rang lửa ít. Bởi vậy nên bên Tây mới có lập công nghệ riêng để chuyên lo về nghề rang cà-phê. Nhờ vậy mà những cà-phê xấu người ta có thể biết

cách rang ra tốt được. Có người họ lại pha nhiều thứ cà-phê theo cân lượng làm cho ra tốt nữa. Có kẻ lại ngụ ý khi rang xong rồi bèn rắc đường lên mà rang nữa, đường thắng chảy ra đóng lên hột cà-phê một lớp đen láng tốt, chừng sau nấu nó ra nước đen thơm, có nhiều người ưa lắm. Cà phê ấy Tây gọi là café caramélisé, họ dùng nó mà nấu cà-phê trộn sữa.

Cà-phê rang xong, muốn nấu cho nó ra nước mà uống thì phải xay nó nát như bột, rồi khi nấu phải lược nó, chừa cái xác ra.

Trong cà-phê có chất thuốc bổ rất có ích cho sự mạnh giỏi của con người. Vì thế cho nên bên Âu châu người ta dùng cà-phê càng ngày càng nhiều lắm. Những người có dùng cà-phê thường, ngó thấy trong mình được mạnh khoẻ mà lại làm cho mình thêm sức mạnh nữa. Bởi vậy trong quân binh thủy bộ, cùng là những thợ thầy làm mỏ kim mỏ thang đều có cho dùng cà-phê. Những người làm công việc nặng nề đều nên dùng cà-phê, thì tốt hơn là uống trà. Mỗi năm bên Âu châu dùng hơn bốn năm trăm triệu kilos cà-phê. Một mình nước Pháp dùng cà phê kể có 5, 6 mươi triệu kilos, tính ra có hơn một trăm rưỡi triệu quan tiền tây. Vậy thì nghề trồng cà-phê rất có lợi lắm. Nội trong hoàn cầu, chỉ có xứ Brésil bên Tân-thế giới là có trồng cà phê nhiều hơn hết cả. Ở Nam-kỳ ta tại tỉnh Biên-hoà có thứ đất đỏ, trồng cà-phê rất chịu lắm.

Nghề làm trà

Trà là một thứ lá cây phơi khô, gốc là thổ sản nước Tàu, người ta dùng mà nấu nước đặng uống, gọi là nước trà. Bên Trung-huê (Tàu) và Nhựt-bổn có trà mọc nhiều lắm. Người ta trồng trà bên ấy, dùng lá mà nấu nước uống đã lâu lắm không biết là tự hồi đời nào. Mới sau đây, nơi xứ Ấn-độ và ở các đảo Mả-lai thuộc Hoa-lan người ta lại trồng trà nhiều lắm.

Ở bên Tàu qua mùa xuân thì trà trổ bông. Khi ấy người ta đi cắt mấy nhánh đọt trà mà đem nhún vào nước sôi một chút rồi đem ra mà ép cho nó ra bớt cái nước xanh của nó rất đắng. Xong rồi đem phơi nó hoặc ở ngoài trời nắng, hoặc để trên một tấm sắt nóng. Lá trà nóng khô bèn cuốn tròn lại. Những trà tốt nhứt hạng là trà lựa mà cuốn lại từ lá, cuốn bằng tay. Trà ấy lại còn phải ướp với bông thơm cho nó có mùi thơm.

Trà cũng có nhiều thứ nhiều hạng lắm, song lấy theo màu nó mà kể thì có 2 thứ là *trà đen* và *trà xanh*, mỗi thứ lại còn phân ra 7, 8 hạng nữa. Tuy vậy những trà ấy cũng chung trong một loại cây trà mà ra. Những trà khác nhau vì cái hình dáng, cái màu, cái mùi thơm là tùy theo cái phong thổ, cái đất đai, hoặc là hái lâu mau, hoặc tại nơi cách mần trà ướp trà. Trà nấu nước mà uống cũng có một chất khỏe. Người Tàu người Nhựt biết dùng nó đã lâu đời. Đến năm 1602, nhờ có dân Hoa-lan buôn bán tới bên Tàu, nên mua về được mấy thùng bán vào thành Paris và xứ Hoa-lan. Đến nay các nước ở phía bắc Âu châu đều dùng trà mà uống nhiều lắm, nhứt là nước Anh (Angleterre) nước Hoa-lan (Hollande) nước Rút-xi (Russie) nước Pháp có dùng trà thì chỉ là để làm một món quí đải khách, ngoài ra dân dả chỉ dùng café mà thôi.

Nghề làm choco'at

Chocolat thì làm bằng hột cây cacao. Cây cacao là thổ sản xứ nóng nực ở bên Tân-thế-giái, như là xứ Mexique xứ Brésil, xứ Guyane, xứ Equateur, vân vân. Cây nó cao lớn chừng 3 thước đến 10 thước. Trái nó dài chừng 1 tấc hai đến 1 tấc rưỡi, hình tựa tựa như trái mướp màu xanh xanh vàng vàng trong ruột nó có năm hàng hột, hột có thịt bao trắng trắng ăn có hơi ngọt mà chua chua.

Hái trái cacao rồi, phải đem đổ đống hột nó mà vùi dưới cát ít lâu cho nó có hơi

rượu và đi bớt cái chất đắng của nó mà lại thêm cái mùi thơm. Xong rồi đem phơi nắng cho nó khô mà bán ra cho nhà thương mãi.

Cách làm chocolat. — Hột cacao khô đem về lựa hết đồ dơ lộn ra cho sạch rồi về rang cho cháy như rang cà-phê. Rang rồi phải xay nó cho nhuyễn như xay bột, rây sạch mà trộn với đường, có khi thêm sữa bò vô nữa mà nấu. Nấu nó không phải thêm nước chi cả, trong cacao có chất dầu giống như mỡ bơ, cho nên tây cũng kêu nó là *beurre de cacao*. Nấu chừng nào xem nó vừa tới thì lấy cái về chocolat ấy mà đem vào khuôn ép cho ra hình có miếng gọi là *tablettes* hình thức nhiều kiểu tùy theo chỗ mần.

Hồi trước người ta làm chocolat thì chỉ dùng sức tay mà làm ra, bây giờ công việc làm thảy đều bằng máy móc tinh xảo, làm ra thiệt là khéo léo. Từ lúc rửa hột cacao cho đến khi làm xong ra tablette, rồi gói vào giấy thiết, giấy bao có nhản, thảy thảy đều làm bằng máy cả. Người ta bày cách làm máy là có ý đừng cho tay thợ động đến chocolat, sợ e truyền nhiễm; ấy là về việc vệ sanh. Sau nữa là đừng cho cái về chocolat đụng tới vật bằng sắt, sợ e nó có hư về sau, mà ra vật xấu đi.

Lịch sử nghề làm chocolat. — Bên Âu châu nhờ có nước Y-pha-nho (Espagne) mới biết được chocolat. Trước hết lối đầu kỷ thứ 16, những quân Y-pha-nho qua xăm lăng đất cát bên Thế-giái mới, đến xứ Mexique thấy dân ở đó thảy đều dùng cacao mà ăn. Họ dùng hột nó mà rang, rồi xay mà nấu với nước đặng uống như cà-phê, hoặc là họ trộn với bột bắp và gia vị thêm mà làm bánh. Người Y-pha-nho, lấy nó mà làm ra cách khác mà ăn. Họ dùng cacao rang xay nát rồi trộn đường với hoa-ni (vanille) mà ăn, thì chocolat mới bày ra được là hồi đó.

Đến năm 1550 mới truyền vào xứ Y-pha-nho. Thuở ấy có một mình xứ Y-pha-nho

làm chocôlat mà bán cho các nước bên Âu-châu. Sau người Hoa-lan và người Ăn-lê mới ăn cắp được nghề mà làm ra. Người Pháp đến sau mới biết làm. Tuy vậy chocolat của nước khác làm ra không bằng chocolat của người Y-pha-nho làm, bởi không kiếm được giống tốt mà làm ra. Cho đến năm 1815, nhờ bày ra được máy móc càng ngày tinh xảo thì nghề làm chocolat bên Pháp mới được mở mang bành trướng thêm, mới tranh với đồ ngoại hoá được. Nhờ vậy mà chocolat mỗi ngày một có nhiều, mà giá cũng hạ, ai nấy đều được dùng. Ngày nay đâu đâu cũng đều có dùng chocolat, mà thứ nhứt là những dân thuộc về giống La-tinh thì lại ưa chocolat lắm. Những dân ấy là dân Pháp, dân Y-pha-nho, dân Bút-tu-ghe (Portugais) và dân Ý-đại lợi (Ytalie).

THANH TÂN

Liệt Nữ Truyện

Người con gái có hiếu (N° 6)

(*Tiếp theo*)

Thanh-Tân dịch thuật

Khi đó nàng còn bịnh hoạn lắm, cái đêm nguy khốn ở trong rừng khi xưa nay mà còn làm cho nàng nhức đầu ho gió mà trời lạnh nầy lại càng làm thêm bịnh nữa. Nàng nhờ lúc còn ở trong thành Ê-ca-tơ-ri-năn-bua mà săn sóc dưỡng bịnh và nhứt là tập đọc tập viết. Thấy bấy nhiêu cũng đủ biết cha mẹ nàng vụng tính, vì tưởng mình tha xứ chung thân, dầu cho dạy dỗ con mình học hành hay chữ mà ở bực hạ lưu cũng là vô ích. Nàng dốt nát như thế cho đến chừng nầy, mà tâm tánh lại khoan nhơn hiền hậu thật là một đều rất lạ vậy. Nàng khi còn ở xứ Xi-bê-ri vì mắc lo việc trong, nên bỏ luống không chút công học hành. Cho nên ngày nay nàng cố chí châm học, ráng hết sức mình học trong vài tháng đà hiểu sách kinh của mấy bà tặng cho; nàng châm mê cho đến đỗi phải có người biểu thôi và năn nỉ biểu nàng đi nghỉ. Vì nàng đọc kinh ấy thấy lời dạy giống như cái tâm tánh thiên nhiên của mình, chỉ ra một cách tỏ rõ, rất động lòng, khiến cho nàng càng ham học vô cùng; nàng nói: «Có phước thay cho những người ở trên dương thế đã thông hiểu đạo đức, biết được nhiều nẻo làm đều đạo đức, vậy họ rất nên cầu nguyện Chúa Trời, để mà tỏ cái lòng cảm tạ Trời đất ban ơn cho.

Bà Mi lanh nghe nàng nghĩ thế nên mỉn người, tưởng chắc không lẽ việc chi cũng khó cho nàng vì lòng chí hiếu, vì tánh châm cố đọc kinh của nàng Hai bà tưởng chắc vậy nên ra sức giúp nàng cho xong việc, phó cho Trời đất vì thấy Trời đất dường như có ý phò hộ nàng. Tuy vậy chớ hai bà cũng thường kiếm đều mà can gián, đãi buôi nàng nhiều thế, cho nàng nhiều đều ích lợi lắm, đặng mà cầm nàng ở lại với mình, song nàng cũng chẳng hề xiu dạ.

Nàng cũng than trách vì mình ở đây sung sướng vô hồi, nghĩ đến cha mẹ thì càng chua xót, rằng: «Cha tôi rày hiu quạnh ở chốn đồng hoang, nay không biết ra thể nào, lẻ đâu tôi thung dung nơi chốn khoái lạc nầy mà không nhớ đến mẹ cha.» Ấy là câu nàng thường hay nói. Vậy bây giờ hai bà mới quyết ý giúp nàng tìm cách lên đường.

Mùa xuân đã đến bà Mi-lanh sắm đủ các vật cho nàng cần dùng, mướn cho nàng một chỗ dưới thuyền buôn, gởi gấm cho anh lái thuyền. Anh nầy quen nghề đi buôn sông, qua thành Nijeni lo việc thương mãi. Trước khi qua khỏi dải núi Ourals là núi ngăng thành Ê-ca-tơ-ri-năn-bua với thành Nijeni thì phải qua những rạch ở trong núi mà ra trở lên phía bắc, phải đ-

cho tới thành Tô-bôn (Toboslk) rồi mới đi gần núi. Đường đi chẳng cao chẳng hiểm lắm ; qua đó rồi thuyền đi thẳng xuống sông Volga.

Nàng Prascovie không thế mướn xe mà đi, nhờ có thuyền chở sắt chở muối qua Rút-xi đi sông Tô-su sô-hoa (Tochousova) và Kha-ma nhiều lắm nên nàng quá giang mà đi. Người lái thuyền kiếm hết thế tiện cho nàng đi đường, chớ như nàng đi một mình ắc nhiều đều hiểm trở ; nhưng mà nàng vô phước cho nên xui khiến cho anh lái thuyền khi qua đèo phải mắc bịnh, nên phải đậu thuyền trong làng nhỏ kia dựa bến sông Kha-ma.

Tới đây nàng bơ vơ một mình, không nơi nương dựa, nhưng cũng may thuyền đi lần lên tới vàm sông Kha-ma mà qua sông Volga. Từ đó thuyền đi thì nhờ có ngựa kéo trên bờ. Trong lúc đấy nàng phải bị một cái nạn rất nguy hiểm. Trong khi dông lớn mà xứ ấy thường thường hay có, mấy người chèo thuyền muốn bụng ra khỏi bờ, bèn xúm nhau chèo một cây chèo làm lái, xô qua một bên rất mạnh, rũi trớn kéo lại không kịp làm cho nhiều người bộ hành ngồi phía bên ấy phải té xuống sông. Trong số ba người té, có nàng Prascovie, song người ta vớt lên được hết Nàng chẳng hề gì, nhưng bởi ướt mình mà nàng không lẽ thay đồ trước mặt người ta, nàng lấy làm mất cở phải để mặc vậy chớ khô. Vì cơn ấy mà làm cho nàng phải cảm bịnh ho hen long óc, trong mình càng thêm ương yếu.

Xưa mấy bà gởi gấm nàng cho anh lái thuyền chở nàng qua thành Nijeni mà không có gởi nàng cho ai trong thành ấy, nên đến nơi nàng chẳng có ai quen biết, cũng không người bào giúp. Mấy kẻ chèo thuyền ghé lại cho nàng lên bờ, mang gói sùm sề, vì bà Mi-lanh có sấp cho thêm nhiều vật trong gói. Ngay cầu tàu dựa mé sông Volga, có một cái nhà thờ và một cái viện tu ở trên gò nổng. Nàng mới đi thẳng lại đó mà đọc kinh, rồi kiếm nơi an nghỉ trong thành. Vô đến nhà thờ nàng nghe mấy bà phước vừa mãn kinh chiều, nàng lấy làm một điềm tốt, nàng mới nói: «Một ngày kia, như Trời cho lời nguyện tôi đặng thành rồi, tôi cũng nguyện đội lúp, quyết một lòng đội ơn Thiên Chúa đã ban cho.»

Chừng nàng ra khỏi nhà thờ thì mặt trời đà khuất bóng: Thấy cảnh tượng ra vẽ tốt tươi nàng bèn ngừng lại xem nhằm. Vì thành Nijeni ở tại ngã ba hai sông lớn là Oca và Volga, cho nên chỗ nàng đứng mà xem thấy cảnh tượng vui đẹp không cùng, thành phố xem coi rộng lớn minh mông, khiến cho nàng đem lòng kinh sợ.

Thuở nàng ra khỏi quê hương, lòng tưởng thấy những nỗi nguy hiểm về thân, mà cũng quyết cam bề đói lạnh, không nề sự chết. Từ ngày biết việc đời trong xả hội thì xem đều nguy hiểm lại ra khác gan dạ nàng rày khó nỗi chịu qua.

Đã khỏi chốn đồng không, nay vào thành lớn mà xem vẽ đìu hiu, bởi người nghèo trong giữa chốn phiền ba náo nhiệt không người đoái ngó, dầu kêu xin rên siết đến đâu người ta cũng tai ngơ mắt lấp, thật cũng rất lạ lùng cho lắm thay! Từ khi nàng quen ở với mấy bà bên È ca-tơ-ri-năn-bua cái tâm tình lễ phép nàng

biến đổi, cái ý hơi kiêu nó làm cho
nàng khó chịu nổi những cơn khốn
khó mà phải cầu xin. Nàng than rằng:
«Hỡi ôi! tôi còn biết thuở nào gặp
đặng bạn tử tế như kẻ tôi đã lià, bây
giờ cách xa ngàn dậm rồi .Ngày nay
tôi gần những chốn lều hèn mà còn sợ
hể nầy, đây đến thành Bê-tiết-bua
Pétersbourg) gần đền chúa thượng,
ô mới ra thể nào nữa.» Vì nghĩ mình
như thế cho nên nàng ngày nay mới
biết thối chí, làm cho nàng sa dầm giọt
ụy. Nhớ đến cha mẹ mình, mình bỏ
nhà lià xa vô ích, khiến cho nàng hối
ận, sợ hải mà rồi sau nàng lại trách
mình sao lại non lòng chẳng tin cậy
ấy lòng Trời; nàng bèn tạ tội với Thiên
hần mình và nói: «Chắc cũng là một
i thần ấy khiến cho tôi trong cơn
hối chí như vậy lại vào nhà thờ, mà
âu Trời cho được nông chí lại » Nói
ôi nàng bèn vô nhà thờ mà khẩn vái
rồi.

Lúc ấy có một bà phước vừa ra mà
óng cửa, thấy nàng sốt sắn đọc kinh
à nàng thì chẳng thấy mình, bèn
lại gần mà hỏi nàng và nói đã tới
ờ đóng cửa nhà thờ. Nàng hơi bợ
gợ mới tỏ thiệt chuyện mình vì sao
à vô đây, nói rằng mình chẳng chịu
ao quán, sau lại xin bà ấy làm ơn
ho nàng ngụ đở trong hiên nhà.
gười ấy nói trong viện nầy không
ho người ngoài ngụ. Nhưng mà có
à cai viện có lẽ giúp đở cho được.
àng chỉ cái gói mình có đựng bạc
ong ấy mà nói: «Tôi chỉ xin tá-túc
ột đêm mà thôi. Có mấy bà nhơn
ức cho tôi có phương thế khỏi ăn
n được ít lâu nữa. Nay tôi xin ngụ
ờ một đêm trong viện nhà mà thôi,
ày mai tôi sẽ lên đường. »

Bà coi cửa bèn dắc nàng vô, đi vô đến đó thấy bà nhứt còn đương đọc kinh; người coi cửa bèn ngừng trước cửa mà quì gối; nàng Prascovie cũng bắt chước quì theo và cầu Chúa khiến bà nhứt rộng ơn với nàng.

Chừng bà nhứt đọc kinh rồi bà bước lại gần nàng mà đở dậy rất tử tế. Nàng nói tên và tỏ ý mình đi đâu. Rồi chỉ giấy thông hành và xin tá túc một đêm. Bà nhứt nhặm lời. Lần lần mấy bà phước nghe lạ đều tới nhà bà nhứt mà hỏi thăm nàng. Nàng thuật chuyện mình hoạn nạn đối đáp như lưu. Nghe ra ai nấy thấy đều sa nước mắt, đều động lòng thương xót mới vỗ về và săn sóc cho nàng. Bà nhứt để nàng ở lại nhà mình và từ ấy ý muốn cầm nàng trong liêu viện và kể nàng trong hàng đệ tử mới vào dòng. Khi xưa nàng có hứa nguyện hễ việc xong rồi thì nang sẽ vào thọ giáo.

Xưa cho đến lúc nàng tới thành Ê-ca-tơ-ri-năn-bua, nàng tưởng lầm thành Kiêu (Kiew) ở nhằm đường nàng đi, nên đã tính khi đi ngang qua đó sẽ ghé mà viếng mấy cái lăng thánh dưới đất và kính lạy mấy cái dấu tích thánh, rồi kiếm trước một chỗ trong thành để dành ngày sau vô đó mà gởi thân tu trì.

Nay nàng biết mình lầm nên chẳng ngại, đành chịu lựa viện tu ở thành Nijeni mà dung thân ngày sau; nhưng mà nàng chỉ hứa với bà nhứt thôi, chớ đến khi thôi thúc biểu nàng làm lời khấn nguyện, thì nàng lại từ chối. Nàng nói: «Tôi có biết Trời khiến cho tôi thể nào đâu? song tôi thiệt tình ước nguyện gởi xương đây ngày sau mà thôi. Như lòng Trời khiến như vậy, thì ai chạy đâu cho

khỏi được.

Nàng chịu ở đó vài ngày mà nghỉ và kiếm thế đi đến thành Moscou, song nàng bị mệt mỏi mà phải bị bịnh đau nguy hiểm. Từ khi nàng bị té dưới sông Volga đến nay nàng phải bịnh hoheo khó chịu lắm. Chẳng bao lâu lại phát lên bịnh sốt rét. Mấy quan lương y khán bịnh nàng đều than thở cho bịnh nàng. Nhưng mà nàng chẳng chút buồn rầu. Nàng lại nói : «Tôi không chắc số mạng tôi mà vẫn vỏi sớm bây giờ, nên cũng ước ao Trời nhặm để cho tôi lo xong việc cho thành.»

(Còn nữa)

THỂ THÁO TỔNG CUỘC ANNAM

Cuộc trong chức vô địch banh tròn năm 1925-1926

Chúa nhựt trước 14 Mars-Dakao foot ballclub thắng Donai sport par forfait. (Homologué) Etoile de G adinh thắng Cholon sport ba bàn (Homologué)

Chúa nhựt rồi 21 Mars 1926 từ 3 giờ rưỡi Đánh cờ người đặng góp tiền giúp cho Patronage Laïque M. Lợi được lảnh chức vô địch. Từ 5 giờ tới sáu giờ Etoile de Giadinh đấu cầu với Giadinh école, thắng G. E. được 5 bàn.

Arbitre M. Thoi

Vì bửa 4 Avril 1926 tới đây, Sélection Phom Penh mắc đấu cầu tại Phom Penh nên xuống không được vậy ngày ấy, sẽ phát mấy phần thưởng cho mấy hội, và Distamy sẽ đấu cầu với commerce sport đặng giành phần thưởng thứ tư.

Có lẻ Etoile de Giadinh sẽ đấu cầu với Tândinh sport lại một lần nữa cho biết sức.

Gương luân lý

Gương ham học

Chuyện ông Pétrarque

Những anh em bạn của ông Pétrarque thường hay viết thơ cho ông, mà có từ việc không nến mà thăm ông được nói rằng « làm sao mà chơi với ngài được. Cách ngài ăn ở tại Vaucluse không giống ai hết: mùa đông thì tốn núp trong nhà như chim ụt, mùa hè lại đông đi đâu ngoài đồng chẳng thấy ở nhà! » Ông Pétrarque nghe vậy? mỉ cười mà rằng: «Mấy người ấy chỉ ấy sự vui chơi mà làm sự quí, nên không biết xa lánh mà lại chê ta. Thưng họ có biết đâu ta cũng có bạn hữu rất tri âm, bạn hữu ở các nước lối nhiều đời, danh vang trong các hoa, nào là vỏ bị, nào việc trào ánh, nào trong cách-trí. Tôi làm ạn với họ thật lấy làm đắc chí. ôi lại muốn kêu họ tới lúc nào ông được, mà cho về lúc nào cũng ý ý. Những bạn ấy không làm cho i phiền lòng khi nào cả, mà tôi có ỏi chi họ cũng trả lời cho tôi; kẻ thì uật những chuyện đời đã qua gười lại chỉ cho tôi biết những cơ ật nhiệm của lò Tạo-hóa. Kẻ thì ạy cho tôi biết cách ở đời, sống hết sao cho đáng mặt râu mày, kẻ ại giễu cợt cho tôi giải khuây cơn h ền muộn. Có thứ bạn lại tập cho ôi được cứng lòng trong những khi au, đớn, dạy tôi dẵng bớt cái inh dục; sau rốt có bạn lại dắc tôi ào đường cách trí học thuật, làm ho trí tôi rất vui vẻ. Ấn họ nhiều như thế, mà họ chỉ cậy có một cái phòng tầm thường để mà ở cho khỏi đóng bụi dơ mà thôi Khi tôi có đi ra thì cũng đem họ theo đi đường với tôi, ở ngoài đồng trống thanh tịnh họ lại chịu hơn là ở trong thành phố tiếng tâm rầy rà khó chịu.»

Vì thế cho nên khi ông Pétrarque nghỉ tuồi viết cùng thôi đọc sách nữa thì ông đĩ đau ốm bịnh hoạn lắm. Lúc thường ông đi du lịch đâu cũng là học là viết sách hoài. Khi ấy có ông linh-mục Cavaillon là bạn của ông, thấy ông châm lo mần việc quá, sợ e ông có hao mòn thân thể, nên ngày kia biểu ông đưa chìa khóa tủ sách cho coi. Ông Pétrarque không biết ý bạn mình muốn lấy chìa khóa mà làm gì, song cũng đưa cho. Ông linh-mục bèn đem cất sách cùng đồ văn phòng trong tủ hết mà khóa lại, rồi nói với ông Pétrarque rằng: «Tôi kỳ cho 10 bữa anh không nên lam việc gì hết cả.» Ông Pétrarque cũng chịu, ráng sức mà nghe theo. Ngày thứ nhứt, ông xem ra thiệt là dai đẳng đẵng; ngày thứ hai ông nhức đầu tối ngày chịu không nổi; qua ngày thứ ba không biết sao phải trả chìa khóa lại cho ông.

Chuyện bà Sophie Germain

Có một người đàn bà nhờ ham học mà nổi danh tiếng, đứng hàng voi mấy nhà số-học bên Tây kỷ thứ 19. Giữa lúc loạn ly trong nước hồi đờ

cách mạng, trong bà con gia quyến ai cũng mắc lo cho mình, thì cô Sophie, lúc ấy tuổi vừa mới nên 14, mà cũng biết lo sợ về sau, nên phải tìm học cho vững nghiệp. Thời may cho cô gặp được quyển sách toán, tựa đề là *Lịch sử số học*, cô bèn đọc được cái chuyện của ông Archimède lúc chết, bị quân binh nghịch áp tới nhà đưa gươm lên chém mà ông vẫn điềm nhiên còn suy nghĩ. Tức thì nàng Sophie bèn nhứt định học nghề toán. Không thầy dạy, không ai chỉ biểu, mà nàng chỉ nhờ có một cuốn sách toán tìm được trong tủ sách của cha mà học. Cha mẹ cấn trở thế nào nàng cũng chẳng nghe; đến đêm trời lạnh lẻo, mực trong bình đà đông đặc mà nàng thức khuya mà đọc sách, quấn mền nương bóng ngọn đèn mà châm học. Cha mẹ thấy nàng ham học quá, thì muốn cho nàng nghỉ duy có lấy mền, cất đèn, tắc lửa hết đi thì nàng mới chịu đi nghỉ. Sau cha mẹ không cấn đẫn nữa, để cho nàng học mà trở nên một người đờn bà toán học trứ danh, đậu được giải thưởng của tòa Cách-trí hàn lâm viện.

Chuyện tên Adrien Florent

Lối kỷ thứ 15, nơi trường Cao-đẳng Louvain, có một người học sanh danh tiếng là tên Adrien, con của một người thợ dệt ở thành Utrecht.

Tên Adrien học hành chẳng mỏi. Nhiều khi đêm hôm mệt mỏi, con mắt liêm diêm, không thể đọc sách nữa; mà hễ chàng nhớ đến sự học thì lại khoẻ lại; chàng tìm học các thứ khoa cách trí đến tận ngọn nguồn.

Chẳng bao lâu chàng học hành tấn phát lắm, anh em bạn thấy vậy đều đem lòng ghen ghét, nhứt là mấy kẻ nhà giàu mà hay làm biếng.

Chúng nó thường hay rình coi, có ý thấy chàng mỗi bữa chiều tối thì lén ra học đường mà đi theo một ngã đường kia, cho đến khuya lơ mới trở về trường học. Chúng nó lại có ý thấy chàng hay kiếm chuyện nói thoát cho đừng ai đi theo.

Một bữa tối kia, ít đứa mới rủ nhau đi rình chàng coi có làm sự chi quấy chăng. Chàng biết có kẻ rình, bèn đi trốn núp. Mấy đứa kia cứ việc đi rảo ngoài thành đặng may có gặp chàng đâu đó. Lúc ấy trời đã vừa khuya, chúng nó bèn tính trở về lối xung quanh nhà thờ Saint-Pierre lòng chẳng phải cố gặp được chàng, nhưng cũng muốn đi tìm cho khắp, chớ đã thấy chàng đi ngã khác cách xa, không lẽ lại về đó.

Khi chúng nó đi tới gần nhà thờ thì có một anh ngó thấy bèn la: « Ngừng lại anh em, tôi thấy dưới cửa kia có kẻ ngồi im liềm nương dưới bóng đèn kia, có lẽ là nó đó!» Nói rồi bèn nhẹ nhẹ đi tới, mấy người kia theo sau. Vừa đến nơi chúng nó thấy có một người ngồi châm chỉ xem sách mà học, gương mặt xem ra đã xanh mét, coi ý đã mệt mỏi rồi. Chúng nó bèn nói cả lên rằng: «Anh Adrien đây mà!»

Chàng thấy anh em kêu tên mình, bèn ngước mặt lên, bèn đỏ phừng trên tráng. Chàng nhẫn lại mà rằng: « Việc mật nhiệm của tôi, nay các anh đã rõ rồi; tôi vì nghèo quá không tiền mua đèn mà học nên từ 4 tháng

ny tôi chịu lạnh mà đến đây nương
eo bóng đèn, hoặc ngồi heo góc lộ
đâu có bóng sáng đèn mà học .»
ấy người kia nói: « Mà làm sao
h chịu lạnh cho nổi ?» Chàng chĩ
ìn cười mà đưa tay ra nắm tay
ười anh em bạn, nói: « Tôi có lạnh
ông ?» Rồi lại đặp tay vào ngực
nh mà nói « Tôi còn ở đây một
t không biết sợ lạnh, cũng không
mấy anh ngạo báng nữa ». Mấy
ười kia nghe vậy không ai dám
ngạo, mà tình ghen ghét xưa kia nay lại đổi ra tình yêu mến chàng nữa.

Nhờ tánh ham học mà đến sau chàng Adrien trở nên danh tiếng làm đến chức đức giám-sư, dạy thái tử Charles-Quint, sau là hoàng đế Charles Quint. Nhờ ấn ấy mà hoàng đế phong cho đến chức Tướng quốc nước Y-pha-Nho, sau rốt lên ngôi vua lấy hiệu Adrien thứ sáu

THANH PHONG

Câu chuyện luân lý

Xã hội tương-quan (la solidarité)

Nhiều kẻ tưởng rằng : mỗi người có thế riêng mình ra, không ai ăn thua với ai, ai làm đến chi hay thì hưởng, thì nhờ, ai làm đều chi dở thì chịu lấy. Cá nhơn không nhờ gì của xả hội, mà xả hội cũng chẳng ảnh hưởng gì với cá nhơn. Nghĩ như thế thì lầm to, vì con người đã sanh ra chung một trời, thì tự nhiên phải liên lạc với nhau, tuồng như có một sợi dây vô hình mà chắc lắm, nó cột bết thảy mỗi người chung lại với nhau mà làm ra xả hội.

Ta có thể sánh xả-hội như một miếng gỗ to, còn mỗi người như mấy cái số cây nhập lại thành ra miếng gỗ. S nh như thế cũng chưa đúng, vì miếng gỗ kia, nếu cắt hai ra, thì thành hai miếng, không ăn thua gì với nhau hết; chớ mỗi người, không thế riêng mình ra, dẫu chết rồi cũng còn ảnh hưởng cùng xả hội.

Đời nầy với đời trước và đời sau. — Bây giờ đây, chúng ta nhằm thế kỷ thứ hai mươi. Thế thì trước ta ắc có thế kỷ thứ 19, 18, 17 và nhiều thế kỷ khác, còn sau ta thì phải có thế kỷ thứ 21, 22, 23 vân vân. Đời nầy nối với đời trước chẳng khác gì mấy cái khoen kia hiệp nhau lại thành ra sợi dây lòi tòi. Nhờ cha mẹ sanh ra nên chúng ta mới sống đây. Rồi ta lại truyền cái sống ấy lại cho con cháu ta. Trong mình ta đây, có khí huyết của cha mẹ ta của ông bà ta và của tiên nhơn ta, cũng như trong mình của con ta, cháu ta, chít ta, có khí huyết của ta vậy. Nếu ta nhớ rằng loài người nhờ cưới gả lẫn nhau, khí huyết người nầy nhập với khí huyết người kia, lần lần sanh con đẻ cháu ra nhiều thì chúng ta phải nhận rằng biết bao nhiêu người tuy lạ, không quen biết nhau chớ vẫn là bà con nhau hết, vì chưng một máu một thịt mà ra. Hiền xưa có câu : Tứ bãi giai huynh đệ! Lời tuy có nghĩa sâu xa, song lấy con mắt nhà y học mà xem thì cũng thiệt vậy.

Về thân thể. — Mỗi ngày Tạo hóa bằng chỉ rõ sự liên lạc của ta với cha mẹ ta, ông bà ta và tiên nhơn ta : con thường giống cha giống mẹ, hai anh em ruột thường có nhiều nét nh ều vẽ chung nhau, dầu người xa lạ thấy cũng nhìn hiểu được. Khoa học đã chỉ rõ rằng cha mẹ mạnh khoẻ thì sanh ra con mạnh khoẻ, cha mẹ đau ốm thì sanh ra con đau ốm.

Bởi vậy cho nên ta thường thấy cha mẹ có bịnh gì, thì con cháu dễ mang bịnh đó lắm. Chẳng những vậy thôi mà cha mẹ có thói xấu gì, hoặc ghiền rượu, a phiện, hoặc cờ bạc, thì con cháu cũng dễ mang thói xấu đó

Sự tương-quan lẫn nhau, chẳng những ở trong gia tộc mà thôi đâu. Nó có thể lan ra cùng xả hội. Trước hết cái sống vì sức mạnh của ta do nơi cha mẹ ta và bạn của ta chọn lựa. Sau lại nó rất quan hệ với chỗ ta ở, với người lân cận và các loài

nú ở chung quanh ta. Người nầy au, có thể truyền nhiễm bịnh mình bo người kia.

Trong xóm nọ, có một đứa con nít au trái, thì ta lại thấy mấy đứa con it khác cũng lần lần đau trái như nó. ưa kia bên Ấn-độ có sanh bịnh hạch. hẳng bao lâu, dân mấy đão khác ũng mang bịnh hạch mà chết. Nhờ ác nhà danh y tiềm cội rễ, thì mới ỏ rằng sự truyền nhiễm ấy do nơi ấy chiếc tàu ở xứ Ấ :-độ đem giống ua.

Nếu con người muốn sống cho nạnh-khoẻ thì phải lo tiếp dưỡng âm thân. Bảo thọ, chẳng phải là một ều cần, mà lại là một phận sự nữa, hận sự đố với mình, đối với nhân ại. Người ăn-dơ ở dáy, chẳng hững đáng thương-hại mà thôi, mà ại đáng sửa phạt nữa.

Nói tóm lại là chú g ta nhờ cha mẹ sanh ra đây, thì chúng ta phải coi ài sống nầy như một vật qui báu. Chúng ta phải gìn giữ cho kỷ, cho nó nạnh-khoẻ luôn. Ngày sau nầy. chúng a phải trao cái sống đó lại cho con cháu ta, cho trọn tốt, y như hồi cha mẹ chúng ta trao cho ta vậy.

Về học thức. — Trí huệ con người cũng giống như thân thể, cũng ảnh hưởng lẫn nhau. Người kia tự-kiêu, vì mình thông minh v có nhiều ý kiến lạ. Có dè đâu rằng sự thông minh đó những ý kiến hay đo không khác nào cái bóng chiếu của tấm kiến kia, mà tấm kiến kia tức là sự thông minh và ý kiến hay của cha mẹ mình hoặc của người đồng-thời với mình. Anh thợ kia, nay nay được khéo, thì cũng nhờ công-trình mấy anh thợ vụng đời xưa. Khoa-bọc ngày nay tấn hóa nhiều, đó cũng nhờ mấy ngàn năm trước, ông cha ta chung sức nhau mà đúc nên một cái nền khoa-học. Chúng ta có tàu bay. bay mau như chim thì chúng ta đâu nở quên rằng trãi mấy trăm năm, biết bao nhiêu người đã thử bay mà vong mạ g. Mãi đến ngày nay, tàu bay mới gần được hoàn toàn, mới dùng đưa hành khach như tàu khói vậy. Đời nầy ta có máy in chữ đồng. có thể xuất bản mỗi ngày 1 2 tờ báo. Vậy ta chớ quên rằng đã mầy trăm năm bên Tau có người khắ ccâ v nên chữ mà đùng; những tàu khói, xe điển, auto. tnảy là sự nghiệp của nhiều đời nhập lại. Khoa học khác nào một cái đài cao chất ngất mà mỗi tuế kỷ mỗi người mỗi ôm một cục đà dắp vô, Ai dám tư phụ rằng đời nay nhờ đơi trước, Cái đài cao ấy chẳng qua-là 1 cái gia tài chung của ông bà để lại cho con-cháu dùng và bồi bổ thêm.

Về đạo đức Lương tâm là gì? Ta có thể tỷ nó như một người bạn vô hình, khen ta khi ta làm phải, trách ta khi ta làm quấy. Bởi vậy cho nên khi ta được một đều hay thi tự nhiên ta vui, còn khi nào ta l m một đều dở thì tự-nhiên ta buồn. Đó lá sự thưởng phạt của lương tâm. Lương tâm chẳng những thưởng phạt mà lại còn khuyên nhủ ta trước khi ta hành sự. Lương tâm cũng như nền khoa-bọc, phải lâu ngáy chầy tháng mới thành được.

Người thượng cổ giống như loài cầm-thú, không biết phải chẳng-gì cho lắm, chỉ lo đều no đói ấm lạnh mà thôi. Dân Romain xưa tuy có học song

cũng ham đổ máu, ham chiến tranh, lý chuyện hơn thua vô lý làm dinh diệu. Bên nước Langsa tới thập bát thế kỷ hãy còn thói buôn người như thú vật, hãy còn dùng những hình phạt giã man, đánh đập người cho người thú tội. Mong rằng những cách tra khảo giã man của xứ ta ngày sẽ nay tiêu diệt mau mau.

Mỗi thế kỷ mỗi sanh tư-tưởng mới, mỗi có nhà triếc học mới, lần lần chung đúc nên một nền luân-lý càng ngày càng cao thượng Xưa kia, loài người vẫn phàm vi phận sự mình trong gia tộc trong quốc gia.

Thương nhà thương nước mà thương cách hẹp hòi. Thương nhà mình, nước mình, tức là ghét nhà người nước người đó. Xưa kia Đức-phu-tử muốn «Bình-thiên hạ» mà bởi trình độ người còn thấp thỏi, cứ mang cái lòng duy kỷ hẹp hòi nên ngài «bình» không đặng. Lần lần tư tưởng mỗi ngày mỗi rộng, loài người biết nghe xa rộng thấy, trình độ càng bữa càng tiến lên. Mải đến bây giờ, trời lại sanh những đấng như Jaurès, như Lenine ra thi hành cái xả hội chủ nghĩa rồi cái cọng sản chủ nghĩa, gồm cả thể giái vô một nhà, hưởng chung đều hạnh phúc, thương nhau như anh em ruột.

Ôi! xả hội chủ nghĩa, ngươi tự phụ vì ngươi là cái cao vọng của thế giái mai sau nầy, mà ngươi có nhớ rằng trãi mấy ngàn năm, hao biết bao nhiêu tâm huyết mà người mới gần được thành hình chăng?

Nói tóm lại là ngày nay chúng ta tư tưởng khác hơn xưa là cũng tại chịu ảnh-hưởng những gương trước mặt và ý kiến của người đồng thời.

Cái khổ sở của người ở riêng — Trừ ra những bực tu-hành, những người yếm thế thì mới ở riêng mình được. Chớ cảnh riêng là cảnh khổ nên loài người hay muốn ở gần nhau. Gần nhau đặng nương nhau, cho bớt buồn bớt sợ. Đứa phạm sợ ngục thất, song nó sợ là sợ bị cầm riêng một mình chớ hẳng phải sợ đều cực khổ. Sợ đến đổi phải đau, phải ôm, nhiều khi phải cuồng. Ban đêm thanh vắng, nếu ta có diệp đi ngang qua một cái đồng trống thì ta có hơi sợ mà nhiều khi ta không rõ chắc ta sợ đều chi. Tóm lại là người bỏ riêng khi thanh-vắng thì phải sợ. Đó cũng là một cái luật tự-nhiên.

Loài người cần phải tương quan.— Lòng muốn chung cùng của loài ngươi, không phải là một đức mà thật là một sự cần. Làm người dầu muốn dầu không, đều phải ăn thua cùng xả hội. Đời trước tương quan với đời nầy, đời nầy tương quan cùng đời sẻ tới. Nhờ cha mẹ sanh nên ta mới được nên vai nên vóc như vầy. Khoa học ta, lương tâm ta đều nhờ có mấy đời xưa ung đúc mới nên được.

Sự văn-minh ngày nay đây, nào phải của ta Chẳng qua là một cái gia tài của ông cha để lại, mà phận sự ta là phải trao dồi, bồi bổ thêm rồi truyền qua cho con cháu.

Nguyễn-văn-BÁ

CÙNG CHƯ ĐỘC GIẢ

Bổn chí đã gắn công tìm tỏi đem những bài hữu ích vào Khoa học tập chí đến nay, mong cho đồng bào ta nhiều người được xem mà học cho mở mang thêm đường học thức. Bởi vậy bổn chí mới chẳng nệ tốn hao mà gởi cho không nhiều người nghèo khó có lòng muốn học mà chẳng có sức mua sách cùng tạp chí mà học. Còn như những đọc giả có tiền, đủ sức mua nhiều sách vở, tạp chí cùng nhựt báo, thì nghĩ cho trong một năm trả 6 đồng bạc chẳng phải nhiều mà lại được một phần ơn với đồng bào, bởi tạp chí lập ra đây chẳng phải vì tư lợi mà vì sự ích lợi chung cho đồng bào. Cho nên bổn chí thiết tưởng những độc giả có tiền không lẽ làm ngơ mà chẳng giúp cho tạp chí được khá lên mà mở rộng thêm cho có nhiều bài hữu ích cho đồng bào học nữa.

Vậy bổn chí xin nhắc mấy người mua tạp chí chưa trả tiền xin trả giùm cho bổn chí.

Luôn dịp bổn chí đính theo đây một tờ chịu mua tạp chí, như ngài nào chịu mua thì hãy biên tên họ nghề nghiệp và chỗ ở cho rõ ràng rồi ký tên, cắt tờ ấy ra mà gởi cho bổn chí thì sẽ có tạp chí gởi luôn cho; còn ngài nào không gởi lại thì bổn chí không gởi nữa. Vậy hễ được vài số thì xin hãy gởi mandat mà trả tiền cho bổn tạp chí, hoặc gởi một lược với tờ chịu mua cũng được,

K. H. T. C.

Tờ chịu mua tạp chí

(Bulletin d'Abonnement)

Tôi tên là *làm* (nghề nghiệp)

ở tại

xin ông Quản lý Khoa học tập chí *gởi cho tôi mua* (1)

tạp chí, giá là (2) , *tôi sẽ gởi* (3)

, *le* 192

Ký tên :

(1) Một năm hoặc nửa năm.

(2) Một năm 6$, nửa năm 3$.

(3) Theo đây hoặc ngày sau đây.

3e ANNÉE — N° 128 — 1er AVRIL 1926

KHOA HỌC TẠP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1° — M. BUI QUANG-CHIÊU *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*
2° — M. LÂM-VĂN-HUÊ, *Commis indigène des Services Civils.*
3° — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics à Cholon.*
4° — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*
5° — M. NGUYỄN KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon*
6° — M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*
7° — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*
8° — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN, *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*
9° — M. TRẦN VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Paris.*
10° — M. TRẦN-QUANG NGHIÊM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*
11° — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*
12° — M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3,00		

MỤC LỤC

Quận cách trí..... 2268
Con số VII..... 2279
Cách trí luận đàm 2277
Gương luân lý..... 2279
Ông Bùi-quang-Chiêu đã về..... 2281

SƠ LUẬN CÁCH TRÍ

(*tiếp theo*)

PHẦN THỨ NHÌ

Loài thảo mộc (Les Végétaux)

1 Các bộ phần trong cây

(*Structure des arbres*)

Cây cối có nhiều hình thế lắm, lại lớn nhỏ cũng không đồng. Xem như cây dầu-rái, cây lan huệ, cây cỏ may, cây rong thì đủ thấy nó khác nhau thế nào rồi. Vậy cho nên ta mới gọi là *thảo mộc*. *Thảo* nghĩa là những cây nhỏ, mình không có sớ cứng như cây, trong ấy thuộc những loài rau cỏ, chuối, vân vân... *Mộc* là những cây có gốc to cứng, có nhánh chắc như cây xoài, cây mít, cây cam, cây dầu vân vân... Trong loài mộc người Tây lại còn phân biệt thứ cây to, thứ cây nhỏ nữa (arbres et arbustes). Các thứ thảo mộc thường thường đều cây lá xanh lục, trừ ra những loại thảo kêu là *nấm* (champignons) thì có nhiều thứ màu xanh đỏ trắng, dà không chừng.

Bây giờ ta hãy dẹp các thứ cây ấy để về sau sẽ nói, nay trước hết ta nên biết cái bộ phận của cây cối ra thể nào.

Trong một cây thì có: 1° *cái rễ* (racine) mọc đâm xuống dưới đất rồi chia ra nhiều rễ con con; 2° *cái thân cây* (tronc ou tige) ta cũng kêu là *cái gốc* nó mọc đâm ngay lên trời; 3° *nhánh cây* (branche) ở trong cái thân cây mà mọc đưa ra tứ phía rồi còn mọc chia ra nhiều nhánh con nữa; 4° những *lá cây* (feuilles), ở trong mấy nhánh con con mà mọc ra. Ngoài chót đầu nhánh cây thường khi thấy lú ra một *cái đọt* (bourgeons). Nhiều khi ở theo kẽ lá kẽ nhánh cũng thấy có cái đọt ấy. Cái đọt đó ngày sau nó lớn lên

ành ra một cái nhánh
ác, hoặc cái lá khác; mỗi
t ở theo kẽ đều có thành
nhánh mà mỗi kẽ lá đều
cái đọt nhỏ. Nhiều khi
oài chót đọt ta lại còn
ấy có *cái nụ bông* nhỏ nhỏ
outons) ngày sau nó lớn
nở ra *cái bông cây* (fleurs);
ng ấy (tàn đi thì còn lại
trái cây fruit).

Về cái thân cây (tige) -- Ta
y nói cái thân cây trước.
Vậy hãy thử cưa xẻ ngang
ột cái gốc cây chi mà
m coi, ta thấy rõ ràng nó
3 phần từ trong giữa ra
n ngoài: 1° *cái lỏm cây*
oelle) màu trắng trắng
à mềm, kế đó là 2° *cái thịt*
(bois) cứng chắc, và 3
ngoài bao xung quanh thịt
y thì là cái *vỏ cây* (écorce).
Cây dầu cho lớn lên thêm
o nhiêu thì cái lỏm cũng
n y như lúc còn nhỏ,
y có cái thịt cây nó cứ
nh thêm lần lần; mỗi năm
sanh ra một lớp thịt, vì
ế cho nên khi nào đốn cây
i, ta xem thử cái thịt cây
à đếm cái lớp của nó thì
ắc rõ được cái tuổi của
nó là bao nhiêu. Cái vỏ cây thì khác, lúc nó còn nhỏ thì cái vỏ hơi láng và màu xanh, đến khi nó to lớn thì nhám, có lằng có đường nứt mà lại trổ ra màu dà màu xám. Nó lại có hơi dày hơn lúc trước nhiều. Vì cớ nào vậy? Cái thịt cây nó sanh ra lần lần đó nó sanh tại nơi giáp mối thịt và vỏ cây, chớ không phải sanh gần nơi lỏm trước, vì nếu nó sanh gần lỏm trước thì cài lớp thịt ở ngoài phải nứt hết. Vậy thịt cây sanh ra lần lần ở phía ngoài mà lớn, thì cai vỏ nó cũng phải sanh thêm mà nở ra, song cái lớp ngoài nó sanh ra không được thì nó phải nứt, vì thế mới có nhám có đường nứt.

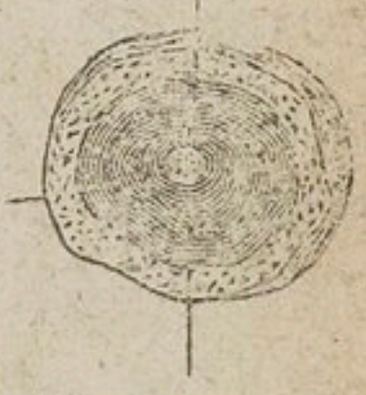

Ta cũng nên có ý coi mấy cái lớp thịt cây mà xét, ta sẽ thấy mấy cái lớp ấy không đều, gần phía trong lỏm thì dày hơn ở ngoài. Vi sao thế? Thì cũng như ta lúc còn nhỏ 4,5 tuổi thì mau lớn đến khi trộng tuổi chừng 14,15 thì thấy lâu lớn nữa lắm;

cây cối cũng vậy, lúc nó còn nhỏ ta thấy nó lớn mau lắm, đến khi nó lớn rồi ta xem lại dường như nó không có lớn nữa. Bởi vậy cho nên ta mới thấy mấy cái lớp thịt cây ở phía trong gần cái lỏm là thịt cây sanh ra trước, nó lại dày hơn mấy lớp gần cái vỏ là thịt mới sanh ra sau.

Ta cũng nên biết thêm rằng cái lớp thịt cây ở phía trong gần cái lỏm thì nó cứng hơn lớp ngoài nhiều lắm, bởi nó sanh trước nên già hơn thì phải cứng hơn cho nên khi đốt nó mà làm củi làm than, thì cây phía trong đó cháy nóng hơn và tro nhiều hơn lớp ngoài. Cái lớp cây trắng trắng phân liền cái lớp thịt với lớp vỏ tây kêu là *aubier* là cái lớp mềm trong ấy có gân làm cho nước mủ cây chạy lên xuống trong cả thân cây được.

Về cái rễ cây. — Đã nói về cái thân cây, bây giờ nói qua rễ cây. Rễ cũng như cái thân cây nhưng khác hơn là trong chính giữa lắm khi không có cái lỏm. Nếu ta thử xem một cái rễ non bằng cái kiến chiếu-đại (loupe) thì ngó thấy chung quanh nó có những lỗ nho nhỏ rất nhiều, lỗ ấy hút nước đồ ăn mà đem từ nơi rễ mà chạy theo gân lên thân cây, đem ra đến ngoài lá cây.

Về cái nhánh cây. — Có thứ cây như cây thông (sapin), cây tòng (pin) thì cái nhánh đâm ngay ra từ trong gốc cây ra ngoài mà đều đều xung quang gốc cây mỗi khoản mỗi có nhánh. Có thứ cây khác (mà là phần nhiều) thì nhánh mọc ra không chừng, khi đâm lên khi đâm xuống, khi đâm xiêng xẹo, khi lại chia tẻ gốc ra làm hai ba làm cho ta không biết cái nào là chánh gốc cây. Nhưng dầu thế nào cái chánh gốc cũng phải lớn hơn nhánh, và gốc nó thì ở dưới to lần lên chót thì nhỏ lại.

Về cái lá. — Bây giờ xem qua cái lá. Lá cây ở phía trong dính với nhánh nhờ có một *cái cuống* (pétiole). Cuống chạy dài ra làm cộng, hai bên có tờ mỏng xanh rộng trong có gân chạy, cả thảy chung lại lam ra cái lá cây. Cái tờ lá ấy kêu là limbe

cái phần trọng thứ nhứt, vì có nhiều thứ lá chỉ có i tờ lá đó mà không có ống.

Hình lá cũng có nhiều thứ: thứ lá chiếc như lá mít lá rỡi, lá ổi, vân vân; có thứ phân như lá đu đủ, lá xa-; có thứ lá chung, một ng mà sanh ra nhiều lá m như thể lá muồn, lá ùm ruột, lá me vân vân. em ra mỗi một cái lá đeo eo 2 bên cộng thì không ác nào một cái lá chiếc; ưng vậy mà nếu kêu riêng i cái lá đó là một cái lá iếc thì không phải. Vì sao y? Ta đã biết rằng mỗi lá đều có một cái đọt nơi cuống nó. Xem như cái me, lá điệp nơi mấy kẽ lá đâu có cái đọt, đọt ấy chỉ ơi kẽ cuống dài của nó thôi. Vả lại mỗi khi rụng, rụng hết cả cái cuống ấy, chớ nếu cuống đó kể ng như cái nhánh thì nó ông rụng.

Về cái bông cây. — Xem một bông vì như cái bông mai ta thấy nó có mấy phần ấy: một phần có năm sáu cái lá mỏng màu trắng hoặc vàng, ấy là *cánh hoa* (pétales) một phần ở chính giữa bông, có sợi nhỏ nhỏ ngoài đầu có phấn vàng vàng, ấy là cái *nhụy bông* (étamine), cái phấn vàng vàng đó là *phấn nhụy* (pollen). Phía dưới cái bông, nghĩa là bề dưới mấy cánh hoa thì có cái cuống, gần trên cánh hoa, nó nở ra chia năm sáu cái cánh xanh mà dài nhọn kêu là *sépales*, hiệp lại mà làm ra cái *dĩa bông* (calice). Bây giờ ta hãy rứt hết những cánh hoa, nhụy hoa đi, thì nó còn lại một cái bầu, ví như cái bông lê đã rứt hết cánh rồi thì còn lại như cái hình đây.

Về trái cây. — Chừng cánh bông, nhụy bông đã rụng hết rồi thì ta thấy còn lại cái trái non, trong ấy có hột non nhỏ lắm; lần lần trái lớn lên mới có nước (đây nói tỉ về trái lê); nước ấy khi trái còn non, thì còn chua chát; chừng nó trộng, già rồi thì nước trở nên ngọt, bèn thành ra *trái* lê.

Trong cái trái lê thì có những *hột*; hột ấy ở trong mấy cái lỗ nhỏ, bao quanh cái cuồi nơi chính giữa trái; lúc nó còn nhỏ thì Tây kêu là *ovule*, khi trộng lên thì kêu là *graine* (hột).

Bông thiếu. — Nhiều người ngó thấy cái bông có cánh hoa hoè màu sắc rất đẹp, ngở cho cái cánh hoa là phần chánh của cái bông, nếu tưởng vậy thì lầm; phần chánh của cái bông là cái nhuỵ nó và cái trái non nó (ovaire), nghĩa là cái *phấn nhụy* và cái hột non. Bởi vậy cho nên mới có nhiều thứ bông không trọn (fleurs incomplètes) nghĩa là nó thiếu cánh-hoa và dĩa-hoa (corolle et calice). Nếu bông mà không có phấn nhuỵ và hột non, thì bông không có khi nào kết quả bởi 2 vật ấy là vật rất quan trọng cho cái bông. Cho nên dầu ta có bức cánh (hay là tai) hoa thì cũng không quan hệ gì cho cái sự kết quả của cái bông trọn, miễn đừng bứt mất cái nhuỵ nó thì thôi.

Cũng có thứ bông hoặc thiếu nhuỵ, hoặc thiếu cả nụ trái (pistil). Cây nào c bông mà không có nhuỵ t gọi là cây cái, cây nào c bông có nhuỵ mà không c cái nụ trái thì gọi là cây đự Nếu cây đực cây cái ở x nhau lắm thì bông cái khôn khi nào kết quả. Như câ đu-đủ.

Cũng có thứ cây một gố mà sanh ra 2 thứ bông: bôn đực và bông cái, như câ dưa, cây bấp.

Cách bông giao hiệp cho k quả. — Ta đã biết bông trọ thì có đủ nhuỵ và nụ trá Cái nhuỵ bông là về phầ đực (dương), cái nụ trái l về phần cái (âm). Nụ trái l ra một cộng dài ngoài đầ có một cái núc nhỏ có lôn con con và có một thứ nướ rít như keo. Hễ phấn nhụ bị gió phất bay dính the đầu nút ấy rồi thì bị nụ tra rút vô lần lần, cái phấn ấ chun theo cái đường lỗ nh mà vô tới tận hột non: ấ dương tương hiệp, thì cá hột non lần lần lớn m thành cái hột cái.

Còn như cây cái cây đụ

ợ cách nhau thì phải nhờ có gió hoặc có ong bướm. Gió thổi nhụy bay, hoặc ong bướm đi hút mật thì nhụy bông dính theo vòi, theo cẳn, hừng nó bay qua cây khác có bông cái mà hút mật nữa thì nhụy dính lại đầu nụ cái làm cho bông cái ấy sau kết quả được.

Xem như hình vẽ theo đây thì hiểu cách bông kết quả thể nào.

Gió thổi đưa phấn nhụy rớt dính trên đầu nụ, hoặc là ong bướm đáp lại làm cho phấn nhụy dính nơi đó. Phấn nhụy bèn bị cái nụ nó hút lần mà chun vô cho đến cái hột non ở trong cái nụ trái. Trong cái hột non có một cái vật nhỏ như trứng gọi là oosphère, gặp cái phấn nhụy bèn dính hiệp lại mà thành ra cái hột, cũng như là đậu thai vậy. Cái hột non đậu rồi thì lần lần nó lớn lên mà thành ra cái *hột lo* (hột cái); còn cái nụ trái nở lớn lên thành ra cái *trái cây*. Hễ trái lớn lần lần thì mấy cái phấn khác trong cái bông trở nên vô ích, cho nên nó khô lần mà rụng đi, còn lại cái trái.

THANH TÂN

ĐOẠN SỐ VII

Cách học về máy Dynamo à courant continu

Người ta ít dùng thứ máy *Dynamo-série* và *Dynamos à excitation séparée.*

Những Dynamos-série thì dùng nó theo moteur là mấy thứ máy để dùng làm công chuyện ; còn Dynamo à exitation séparée thì để dùng làm « Survolteurs » mà thôi (chừng học đến khoản Accumulateurs thì sẽ biết survolteurs là máy gì.)

Thường khi người ta dùng Dynamo-compound và thứ nhứt là Dynamo-shunt đặng lấy hơi điền khí mà thắp đèn và chạy máy moteur dùng chuyện thường. Như vậy thì tôi sẽ cắt nghĩa thứ dynamo nói trên đây là thứ người ta thường thấy.

Bổn tính của cái dynamo-shunt. — Chúng ta đã có cắt nghĩa trong khoản trước đây về cách chạy của Dynamo Thứ nầy nó để làm cho hơi đúng một bực luôn luôn.

Nếu cái máy moteur (lửa hay là chạy hơi essence, gaz vân vân) kéo nó chạy vừa sức rồi, mà mình muốn cho cái hơi nó không lên sụt xuống trong khi xài hơi, hoặc khi ít khi nhiều, thì phải dùng thêm một cái rhéostat đặng gắn theo đường dây Inducteur của cái máy đó,

Người ta kêu rhéostat là một cái résistance mà mình bớt bay là thêm sức hơi cũng đặng.

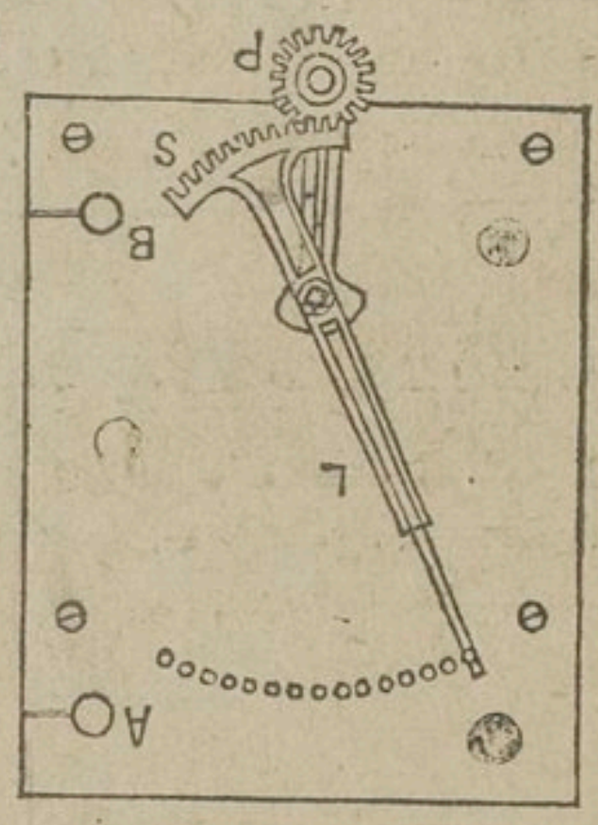

Hình số 124

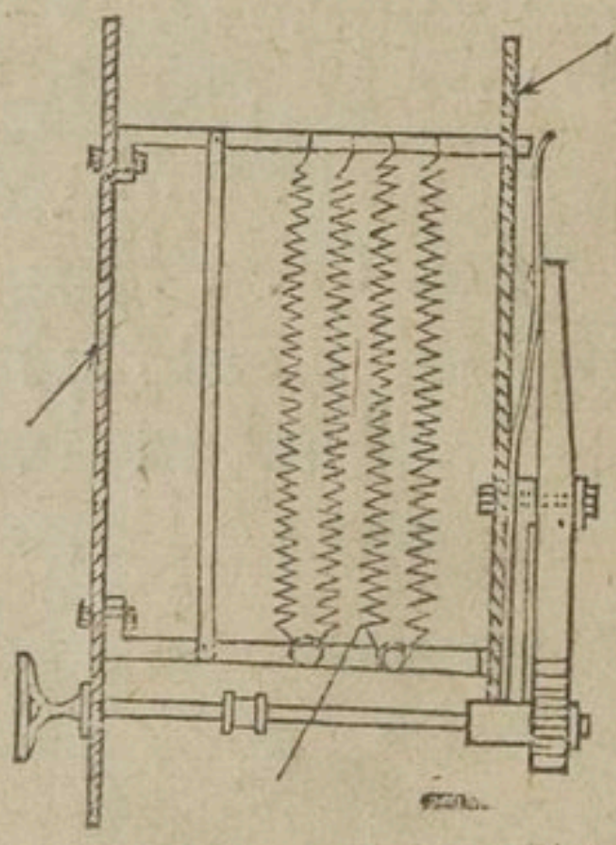

Hình số 125

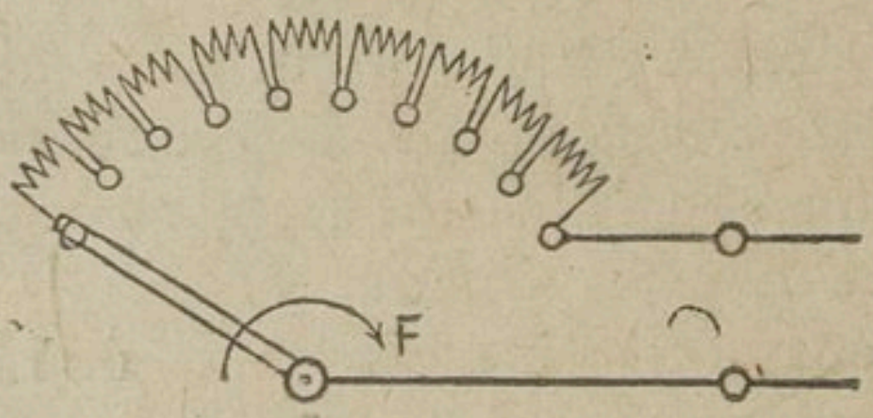

Hình số 126

Muốn thêm hay là bớt sức hơi thì người ta dùng một cái Manette, (manết), là một cái cáng bằng thau cho cạ trên một hàng nút cũng bằng thau, (hình số 124, 125 và 126), hay là dùng một miếng đồng kéo qua, kéo lại dài theo đường của résistance kêu là curseur (kuyệt-sưa).

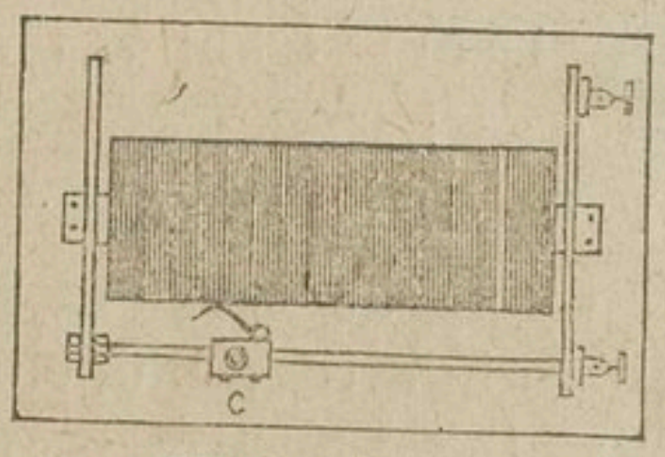

Hình số 127

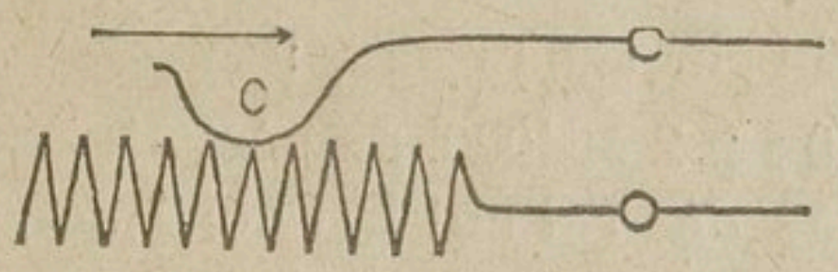

Hình số 128

Theo hình số 127 và 128, thì cái curseur kéo dài theo cái résistance.

Còn hình số 125 là dùng để coi theo hía hông của cái rhéostat (hình số 24.)

Hình số 126 và 128 là hình sơ sài ủa hình số 124 và 127 : khi mình xây ái manette theo hướng mủi tên F, ì thấy bớt cái résistance của cái rcuit Q, hay là đẩy cái curseur C ạy qua bên tã thì cái résistance ó bớt.

Mấy cái rhéostats có curseurs hay ùng theo circuit nào có ít ampères, on thứ nào nhiều thi dùng rhéostat nút thau thì tốt hơn.

Rhéostat nào mà gắn theo đường y inducteur của máy Dynamo-Sunt kêu là rhéostat d'excitation ? gười ta dùng nó đặng thêm hay là bớt hơi khí của nó đã đi trong mấy cái Electros-aimants của Inducteur. Hơi đó kêu là courant d'excitation. Chúng ta đã có nói trong khoản trước đây, hễ khi nào cái máy lửa chạy thiệt mau, cái flux-inducteur có đặng nhiều chừng nào thì cái force-éclectomotrice có lớn chừng nấy trong máy Dynamo. Chúng ta muốn thêm hay là bớt résistance theo circuit của Inducteur, là khi nào chúng ta thêm cái résistance của nó thì tự nhiên Ampères phải ít hơn, theo luật Ohm mà chúng ta đã có nói trong khoản số II về phần thứ nhứt của quyển sách nầy.

1.— Ampère $= \frac{\text{V : Volts}}{\text{R : Ohms}}$

Chúng ta đã biết rằng: (hãy coi lại khoản số 1 phần thứ hai) trong cái Electro-aimant, chung với ampères-tours nghĩa là cái số của Ampères nhơn mấy vòng dây đã theo trong cái Electro-aimant đó lớn chừng nào thì cái champ-magnétique theo mấy cái pôles của nó sẽ trở nên mạnh chừng nấy. Muốn cho số Ampères chạy trong inducteur của máy dynamo-shunt nhiều hay là ít, thì phải kéo cái manette của rhéostat, tức nhiên hơi mạnh của champ-magnétique liền đổi theo. Hơi mạnh của Dynamo khi nhiều khi ít phải tùy theo cái résistance chạy trong circuit inducteur của nó nhiều ít. Như muốn cho hơi khí của dynamo nhiều hơn bực thường thì phải bớt cái résistance ; còn muốn ít hơi thì thêm nó lại.

Thứ máy Dynamo-Shunt nầy có một sự tiện nữa là nó sanh hơi ra đặng, nếu cái circuit ngoài đóng lại mà xài

một đèn hay là nhiều đèn thì có đủ hơi đùng Dẫu cho cái circuit ngoài không đóng lại đi nữa thì nó cũng có hơi luôn luôn.

Bởi tại sao volts của máy Dynamo hay sụt xuống. — Chúng ta nhắc lại mấy đều của chúng ta đã cắt nghĩa force-électromotrice của cái Générateur. — Hãy coi lại cuốn thứ nhứt đoạn số III thì chúng ta đã có nói rằng cái for.e-élec'romotrice cũa máy Dynamo nó là cái Diff rence de potentiel và tại nơi cái Chute de tension của máy Dynamo thêm với résistance của induit. Cái Chute de tension nầy là cái số résistance R của cái induit nhơn với intensité I là mấy Ampères chạy theo trong induit; cái chute de tension đó là RI Volts.

Ví dụ: như cái résistance nó là 0 ohm5, còn cái hơi nó là1 ampère, thì cái Chute de tension nó là:

$$0\ ^{ohm}5 \times 1^{a} = 0\ ^{volt}5$$

Nếu thắp đèn nhiều, như dùng thứ bóng tim bằng thang 32 bougies (ba mươi hai bu-ri) dùng chừng 20, thì cái chute de tension sẽ ra nhiều như là:

$$0\ ^{ohm}5 \times 20^{a} = 10^{volt}$$

như vậy nếu máy dynamo có sức đặng 100 volts,chừng không thắp đèn: nếu thắp một cái đèn thì hơi nó sụt xuống cón có:

$$100^{volts} - 0^{volts}5, = 99^{volt}5$$

Mà thôi, còn như thắp 20 cái đèn rút 20 ampères thì hơi sụt xuống nữa còncó: $100^{volts} - 10^{volts}5 = 90^{volts}$, vậy thì đèn phải lu; nếu không biết cách gì mà làm cho hơi khí trở lại như cũ. thì những đèn của mình thắp phải lu luôn luôn,

Còn theo kiểu máy nầy, thì dây Inducteur câu tại hai mối cái trong Induit mà ra;

Ví dụ : như theo cách cắt nghĩa trên đây mà cái Circuit của Inducteur. nó là 50 ohms trong lúc không có thắp đèn, thì cái hơi khí đi theo cái inducteur đó là:

$$100 : 50 = 2 \text{ ampères;}$$

còn cái Chute de tension bớt hết o ^{volt}5 thì hơi đi trong Inducteur còn có: $90 : 50 = 1^{a}8$. Như trong cái inducteur đó có 2000 vòng dây thì cái số Ampères-tours, theo cách cắt nghĩa đây thì ban đầu đặng:

$$2000 \times 2 = 4000 \text{ ampères-tours;}$$

khi nào đèn rút hơi khí nổi 1 ampère mỗi bóng nó còn lại:

$$2000 \times 1{,}99 = 3980 \text{ ampères-tours}$$

còn đèn rút nổi 20 ampères thì nó còn có:

$$2000 \times 1{,}8 = 3600 \text{ amèpres tours.}$$

(Hãy coi lại phần thứ nhì của quyển sách nầy), phải biết rằng cái hơi thì sanh ra nhiều hay là ít thì bởi tại cái inducteur mà ra số ampères-tours, còn cái số nầy hễ thắp đèn nhiều thì nó còn lại ít hơn; như vậy thì hơi hit sanh ra tại đó. Nếu hơi hít yếu thì volts của induit tức nhiên phải yếu luôn luôn.

Chúng ta đã chỉ rằng: circuit của inducteur mà gắn thêm cái rhéostat dùng để thêm hay là bớt résistance thì có lẽ nó làm cho hơi khí của dynamo sẽ đúng đặng.

(Còn nữa)

Cách trí luận đàm

(Causeries scientifiques)

Trí khôn của loài thú (Intelligence des animaux)

Chó biết kêu cứu người mắc nạn

Có một người đi đường tên là M. Hulot, đi dạo chơi theo mé sông Seine, bỗng nghe có tiếng chó tru rất nên thê thãm, gần lối mé Bas-Meudon, nhằm lúc tám giờ rưỡi tối. Nghe tiếng tuy đã biết là tiếng chó tru, nhưng người biết chắc có người mắc nạn, bèn đi riết lại chỗ tiếng chó tru. Khi gần đến nơi, thấy con chó mực chạy lại vừa la vừa cắn lấy vạc áo mình, mà kéo đi. Người ấy cũng cứ việc đi theo con chó, đến mé sông thấy con ngựa đương nằm dưới nước, mà chỗ ấy không sâu mấy. Người bước lại gần mà xem thì ngó thấy có một người bị nằm mắc ở dưới mình con ngựa mà một lát thì ngước đầu lên mặt nước đặng thở, rồi cũng hụp xuống liền chớ không la chi được. Là vì người ấy cởi ngựa mà lại có hơi rượu xoàn xoàn, muốn dắc ngực xuống đó mà tắm, nhưng vì con ngựa không chịu tắm, bèn nằm ghì xuống đó, làm cho anh cởi ngựa ấy té xuống, còn mắc chưn trong bàn đạp, gở chẳng ra, mà mỗi khi ngước đầu lên mặt nước thìđau đớn khó ngước lâu cho nên phải hụp xuống nữa.

Ông Hulot thấy vậy bèn đi xuống nước gở ra, không thì đã chết rồi. Ấy là cũng nhờ con chó kia kêu cứu mới là có người lại cứu cho anh kia khỏi chết một cách rất khốn nạn.

Con ngựa khôn

Chuyện nầy có kẻ thấy tận mắt mà thuật lại rằng: Có một tên gia-đinh đi có việc, cỡi ngựa mà đi; tới ngang nhà máy lấy hơi khí thắp đèn, bỗng nhiên người bị đau chi không rõ, mà nhào xuống đất, bất tỉnh nhơn sự, trào bọt mồm bọt miếng, dãy dụa rên la gần chết, mà tay vẫn còn nắm chặt sợi dây cương mắc trong cánh tay. Lúc ấy con ngựa nó làm sao? Có lẽ ai cũng tưởng nó cứ việc chạy đi luôn. Mà không đâu. Nó đứng lại, cúi đầu xuống mà hửi chủ nó, rồi lại dậm chưn, ngoắt đuôi la bí om sòm dường như kêu người lại cứu vậy. Nó thấy chủ nó dẫy dụa, nó biết rằng chủ nó đau đớn sự gì đó, cho nên nó mới kêu la như vậy. Nhưng thấy không ai lại cứu, nó bèn cắn lấy áo chủ dường như muốn xách lên mà chở đem đi đâu vậy. Nhưng lúc ấy mấy người đi qua thấy vậy rất động lòng thương bèn xúm lại đỡ người ấy dậy mà chở đi điều trị.

Chó biết ơn

Gần đường xe lửa đi Genève có một người kia có nuôi một con chó rất khôn. Bữa kia người lấy đồ vật nho nhỏ mà quăng ra ngoài sông xa cho con chó lội ra vớt đem vào. Những người đi đường đều đứng lại xem chơi. Người chủ con chó cứ làm

như vậy hoài hơn chín mười lần, làm cho con chó rất mệt mỏi. Lần sau chót nó đuối lội không nổi nữa bèn trôi theo dòng nước. Người chủ nó thấy vậy sợ nó chết đuối, bèn lật đật lội xuống, ra giữa sông mà vớt nó. Khi ấy nó trôi xa được gần 500 thước. Chừng chủ nó ra tới thì nó cắn lấy vạc áo chủ nó, còn chủ nó cứ việc lội vào bờ. Rũi lại chủ nó vô gần tới bờ thì mệt đuối, bèn chết giấc bất tỉnh. Nó thấy vậy, biết rằng chủ nó vì nó mà ra thân ấy, bèn chẳng cho ai lại gần, rồi cứ việc liếm mặt mày tay chưn chủ nó một hồi cho ấm, chủ nó mới tỉnh dậy.

MINH-NGUYỆT

Lời luận:

Ai nói rằng loài thú chẳng có trí khôn? Loài thú cũng biết tư tưởng, cũng có linh hồn vậy, song linh hồn nó khác hơn của ta, không thể so sánh được. Cái bực tư tưởng của nó có nhiều hạng tùy theo con thú. Như ta kể cho con chó mà có linh hồn, thì phải kể lần lần xuống bực dưới nữa cho đến con cua, con ốc, cho đến loài thảo mộc cũng có linh hồn.— Nay kể trong những thú trên đời, tưởng cho không có con thú nào mà khôn ngoan hơn con chó. Những gương chó khôn làm cho lắm con người vô lương tâm vô luân thường đạo lý phải hổ thẹn cùng nó, người ta biết đến nay chẳng thiếu gì: nào là gương trung nghĩa, gương yêu mến chủ, gương liều thân cứu chủ, gương can đảm, gương khoan hồng, nào là cái tánh vui vẻ hay mơn trớn, khiến cho nhiều người phải đem lòng thương yêu loài chó. Đến như ông danh sĩ đời xưa là ông *Byron* nghiệm xét tánh tình con chó mà nghĩ cho nó có nhiều tánh đức hơn loài người ta. Ông *Bursis* đem con chó mà kể là một thầy luân lý cho thiên hạ, chẳng những là một thầy luân lý mà thôi, lại kể cho là một thầy giảng đạo bằng cách làm gương cho thiên hạ.

Từ xưa nay có nhiều gương chó khôn làm cho ta phải tưởng cho rằng con chó phải có một cái hồn khôn linh. Như chuyện nầy đây, xem ra ai lại chẳng cho con chó là loài có trí.

Có một con chó kia thường hay đi săn thỏ cho chủ nó mà nó có ý coi hễ có người thợ săn nào khác đi qua thì chủ nó thường hay biểu cho họ một vài con. Nó thấy vậy bộ chẳng bằng lòng cho nên nó tính kế như vầy. Bữa kia nó cũng đi săn, bắt được một con thỏ, nhưng mà để trong bụi, chờ khi bầy chó kia đi tản trên núi mà kiếm thỏ thì nó lén đi ra mà chạy riết về nhà. Nó thấy bà chủ nó đương đứng dựa cửa sổ, bèn chạy về ngoắt đuôi cắn áo, dường như biểu đi theo nó. Chủ nó bèn đi xuống, nó bèn dắt đi tới chỗ bụi rồi nó ngay cổ ra mà ngó dường như chỉ chỗ. Bà chủ nó lại ngó thấy có con thỏ mới bị săn chết còn nằm đó, bèn bắt xách về. Chừng nó thấy bá chủ nó xách về thì nà ngoắt đuôi mừng rỡ lắm, vì nó biết rằng con thỏ ấy chắc về phần chủ nó ở nhà rồi. Rồi nó chạy theo đám đi săn, thấy họ trở về mà chẳng bắt được con thỏ nào, thì nó lại càng ra dáng hân hoan nữa.

Những chuyện nầy đây nữa cũng

chĩ rõ trí khôn của nó. Có con chó kia bắt được con rắn, bèn cắn lấy đuôi nó mà chạy riết lại chỗ có đá có sỏi, là có ý làm vậy cho con rắn bị trớn chạy mà va đầu vô đá phải chết.

Còn một con nữa đi với người chủ đau mới mạnh, nên cỏi ngựa đi choi. Rủi người chủ ở trên lưng ngựa mà té ngã, mắc chưn trong yên ngựa. Khi ấy đã thả cương ngựa ra rồi, con ngựa vừa muốn. chạy Con chó vì có trí khôn, thấy thường khi chủ cầm cương ngựa mà biểu, cho nên lúc ấy nó bèn nhảy đại lên cắn lấy sợi dây cương ngựa mà trì lại, không thì con ngựa đã chạy lôi người chủ nó phải dập đầu vở óc mà chết.

Những chuyện chó khôn cùng là nhiều thú khôn eòn nhiều lắm, để sau nầy chúng tôi sẽ lần lược đăng ra ít chuyện mà làm gương cho người ta ngó thấy.

MINH-NGUYỆT

THỂ THÁO TỔNG CUỘC ANNAM

Cuộc trong chức vô địch banh tròn năm 1925-1926

Chúa nhựt 28-Mars 1926. Donai sports sẽ đấu cầu với Chợlớn sports ăn Chợ-lớn 5 bàn Arbitre M. Pierre Tông Tânđịnh sports sẻ đấu cầu với Dakao foot ball club. ăn Đakao 1 bàn (3à2) Arbitre M. Lân.

Chúa nhựt 4 Avril 1926 Lễ Phục sinh từ 4 giờ tới năm giờ Distamy sports sẽ đấu với Commerce sports (M. Trần-đình-Minh cho phần thưởng) từ 5 giờ tới sáu giờ Etoile de Giadinh sẽ đấu cầu với hội « La Flèches » (Olympic cũ) ở Phom Penh xuống.

Cuộc đấu cầu nầy lập ra đặng góp tiền giúp cho hội Lương Hữu ti diên tính, ngo có táo thanh nghĩa dia.

Giá vô cửa : Tribune 0$50
Banc... 0 30
Pelouse 0 20

Mấy ông có carte hương của thể tháo tổng cuộc phát phải trả 0$30 mới đang vô ngồi tribune, và phải trả 0$20, mới được vô chỗ banc, và vô cửa.

Gương luân lý

Gương kiên nhẫn

Chuyện ông Socrate

Ông Socrate có tánh dằng lòng rất hay, dầu việc chi trắc trở hay là bị ai chưởi mắng, ai vô lễ đánh đập ông, ông cũng cứ tự nhiên, không chút giận hờn. Tuy vậy mà người ta nói ông hiền ấy lại có tánh hay giận dữ nóng nảy lắm; ông kiên nhẫn được như thế cũng nhờ tập luyện lâu ngày lắm mới được hiền từ. Ngày kia ông bị người ta đánh cho một bạt tai trên đầu, ông chỉ cười mà nói: « Ta lấy làm tức ma không biết trước được lúc nao ta phải đội mão sắt mà che cái đầu ! »

Ở nhà ông có sẵn lắm dịp để cho ông tập tánh kiên nhẫn. Vì như ông có người vợ tên là bà Xantippe; bà ấy lại là một bà tánh tình nóng nảy độc dữ lắm thường hay rầy rà gây gỗ với chồng lắm. Có một buổi chiều kia, ông mời một người anh em bạn tới ma dùng cơm; trong lúc đương ăn thì bà Xantippe cứ kiếm chuyện gây gỗ với chồng hoài, la hét vang rân làm tuồng dữ tợn, đập đỗ dĩa bàn bề hết. Người anh em bạn của ông thấy bà kỳ chướng vậy, lấy làm ngạc nhiên, muốn tránh đi về, mà ông Socrate cứ cầm lại mà rằng: « Anh đừng về, cứ việc ở đây ăn uống với tôi; anh không nhớ lúc trước tôi qua nhà anh mà ăn cơm, có một con gà mái bay đáp trên bàn làm cho đỏ dĩa hết sao? Rồi chúng ta chỉ cười mà thôi. Vậy thì nay ta cũng cứ bắt chước như xưa mà! »

Lại có một bữa kia vợ chồng ông đương đi ngoài lộ; trong lúc bà Xantippe giận dữ bèn giựt cái áo choàn của ông mà quăn xuống bùn đi. Mấy người bạn hữu của ông thấy vợ ông hỗn hào vô phép như vậy đều bất bình đều biểu ông răn phạt bà ấy, làm cho bà biết sức chồng là chúa vợ là tôi. Ông Socrate lại trả lời: « Nghĩa là vợ chồng đánh lộn với nhau làm một cái trò vui cho mấy anh xem chớ còn tôi thiệt không dạ nào vui mà làm tuồng diễu cho thiên hạ chê cười đâu.

Ông Alcibiade (1) thấy ông nhẫn lòng chịu được những tiếng la hét rầy rà của bà cũng lấy làm lạ lắm. Ông Socrate nói: « Ta nghe những tiếng ấy đã nhàm tai, nên tưởng chẳng khác gì như nghe tiếng bánh xe chạy mà kêu vậy ». Ông Socrate nhẫn nhịn như vậy mà chịu với một bà rất khó như thế cho đến chết mà cũng chẳng thấy phàn nàn một chút nào cả.

Chuyện ông vua Casimir

Có một ông tướng nước Pologne đánh bài chơi với vua Casimir thứ II đến thua hết cả bạc tiền, vì thua quá nên nỗi cơn giận quên hết cả nghĩa

(1) Ông Alcibiade là đệ tử của ông Socrate, làm đến đại-tướng; công-thần của nước Gơ-rec khi xưa, chết hồi năm 404 trước Chúa Giê-Su

chúa tôi, bèn chưởi mắng vua mà lại còn dám phạm đến long thể nữa. Ông ấy bèn chạy trõn, chẳng dè gặp quân hầu gát cữa rượt theo bắt đặng đem vào. Ông hoàng Casimir ngồi im liềm giữa các cận thần mà chờ, xảy thấy quân dẫn ông tướng ấy vào, vua bèn nói: « Nầy mấy bạn, người nầy chẳng phải lỗi gì hơn tôi; lỗi tôi còn nặng hơn nữa, là vì tôi làm mất thể mà chơi bài với nó, làm cho xui giục nó phải ra tay bạo động như thế. Nói rồi bèn day qua mà phán với người phạm nhơn rằng: « Nhà ngươi biết ăn năn, thôi cũng đủ rồi thôi, ngươi thua ta bao nhiêu thì hãy lấy lại hết đi, rồi từ nay đừng có chơi bài bạc nữa ».

Chuyện cái binh vỡ

Có một người dì phước coi săn sóc cho một người lính quăn trái phá bị bịnh và đau nặng lắm. Tên lính ấy đã quen tánh hung hăng ngoài trận mạc, cho nên không biết kiên nể kính trọng gì đến mấy bà cô làm việc phước thiện nữa. Bởi vậy cho nên thường khi anh ta xua đuổi mấy người bưng cơm nước thuốc men cho anh ta, có khi lại chưởi mắng nặng lời là khác nữa. Người dì phước chịu lòng nhịn nhục lắm phen, mà lại cứ giữ lòng hiền lành tử tế, làm cho anh lính phải xiu dạ mà bớt lần tánh nóng.

Ngày kia anh ta đau đớn nhiều hơn nữa, dì phước ấy bèn bưng chén thuốc của quan thầy cho mà đem cho anh ta uống. Nhưng mà anh ta không chịu uống; nàng lấy lời dịu ngọt mà năn nĩ biểu uống, anh ta đã chẳng nghe mà lại còn mắng nhiếc và hâm dọa nữa. Nàng lại năn nĩ biểu anh ta hãy nghĩ đến sự hiểm nghèo về sau mà lo uống thuốc cho lành mạnh. Anh nọ tức mình thấy nàng kia cứ ở đó mà nói mãi bèn giả bộ nghe lời, biểu đưa chén thuốc cho anh ta uống, chẳng dè anh, ta bưng chén rồi hất ngay vào mặt người dì phước.

Nàng nhơn đức chẳng chút giận hờn chi cả, cứ trở vào mà bưng ra chén thuốc khác cho anh ta uống. Anh lính thấy nàng lì lợm với mình nghĩ cho trái ý lắm nên càng thêm nỗi giận, bưng cái bình thuốc mà quăn bể nát, thuốc văng cùng áo nàng. Anh ấy làm vậy, ngở nàng chẳng dám trở lại mà làm rộn nữa; lòng những tưởng sự gan dạ nơi chốn chiến trường, chớ có biết đâu còn có cái gan dạ của người có đạo đức còn hơn nữa.

Vậy người dì phước cũng còn bưng thuốc trở vô một lần thứ ba nữa, mà năng nỉ với anh ta rằng: « Xin người hãy ráng mà uống một miếng thuốc nầy cho lành mạnh mà ! » Tên lính bịnh thấy người sao bèn chí nhẫn nhịn quá, lòng cứng cỏi nóng nẩy của mình thấy thế mà cũng phải chịu, phải cảm động mà sa nước mắt, bèn nói: « Nàng thiệt là vị thiên thần ! » Nói rồi bèn lấy chén thuốc mà uống hết.

Nhờ lòng kiên nhẫn của cô phước thiện ấy mà anh lính kia mới được toàn tánh mạng. Vì vậy nên anh lấy làm đội ân lòng mới ước ao cho rõ cái mầu nhiệm của đạo mà đã tỏ ra lắm đều đức hạnh rất cao rất diệu ấy.

THANH PHONG.

THỜI-SỰ NAM-KỲ

Ông Bùi-quang-Chiêu đã về

Từ xưa đến nay, chưa có một cuộc đón rước nào long trọng bằng cuộc đón ông Bùi-quang-Chiêu

Trước khi thuật cuộc đón ông Bùi-quan-Chiêu ở Pháp mới về chiều hôm qua, xin nói qua — vì tờ báo nầy từ xưa đến giờ chưa nói tới — cái duyên-cớ, tại làm sao mà đồng-bào đi đón ông Bùi một cách nhiệt thành vá sốt sắng như vậy.

Ông Bùi sở-dĩ được quốc-dân hoan-nghinh như vậy là vì trong một năm trường nay, ông nghỉ việc, bỏ những quyền-lợi riêng, qua Pháp mà hô-hào, mà cổ-động cho người Pháp được biết đến cái tình-thế chánh-trị ở Đông-Pháp để Chánh-phủ ở bên Pháp tìm cách mà sửa sang lại nền chánh-trị bên nầy.

Khi ông ở Pháp, hết nay diễn-thuyết ở hội-nghị nầy, lại mai diễn-thuyết ở hội nghi khác. Mỗi khi ông đăng-đàn diễn-thuyết, người đến nghe rất đông. Dầu con người về phái nào hay giống nào cũng đều công nhận những sự vận-động của ông là chánh đáng cả.

Sau khi kêu la đẳng đẳng ngót một năm, cái tiếng nói của ông vang động khắp nước Pháp, ông Bùi mới trở về nước.

Thấy ông Bùi có tấm lòng thương kẻ đồng-chủng, làm được những việc có ích cho như vậy và được tin ông tới Saigon bữa 25 vừa qua, đồng-bào mới rủ nhau ra đón ông.

Theo như trong báo nói thì 5 giờ tàu tới, nhưng mãi tới 7 giờ tàu mới tới.

Trước khi tàu tới, mấy con đường đi vào hảng nhà Rồng đông ních những người: nào người già, nào con nít, không thiếu một hạng người nào. Các bậc phụ nữ cũng đi đón rất đông.

Ngoài người Annam ra người Tây đến bến tàu cũng rất đông, nhưng họ tới để coi xem cái thái-độ người mình đối với ông Bùi ra sao, chớ không phải họ định đi đón ông Bùi.

Đến 7 giờ tàu tới, có ba mươi người, — mấy ông trong bạn trị-sự và mấy bà — ra bến để đón ông Bùi. Còn thì bao nhiêu người đều phải đứng — theo lịnh của sở Cảnh-sát — chờ ở ngoài cửa hảng Messageries Maritimes.

Ông Bùi mới ra đến cửa, từ 15 ngàn đến 20 ngàn con người cất mủ và trung hô: « *Bùi-quang-Chiêu vạn tuế* ». Tiếng hoan hô của hai muôn đồng-bào chắc làm cho ông Bùi cảm động vô cùng, thế mới biết « *gái có công thì chồng chẳng phụ vậy.* »

Ngay lúc bây giờ, có một đám người Pháp đứng thổi tu-hít (còi) rầm rĩ cả lên !!

Tuy rằng rộn rịp, náo nhiệt như vậy mà vẫn bình tĩnh không có dầy ra chuyện gì.

Ra khỏi cửa hãng nhà Rồng được ít bước, có một bọn anh em thiếu-niên nghe nói là hội viên *Thanh-niên đảng* đeo băng màu vàng ở tay vây ở xung quanh để dẫn đạo cho ông Bùi đi. Các anh em thiếu-niên dẫn ông đi bộ từ ngoài bến cho tới con đường Bonnard mới mời ông lên xe hơi về quí-xá ở đâu gần Phú-Nhận

Lúc đi ở dọc đường đồng-bào đi theo đông quá. Mải đến khi ông bước chơn lên xe hơi, đồng-bào cất mũ chào và tung hô một lần cuối cùng, ông cũng chào lại rồi thì ai nấy mới ra về. Về rồi mà đi đường vẫn còn nghe bên tai kẻ nầy, người khác nhắc đến ba chữ « *Bùi-quang-Chiêu* » mải và xem ra người nào, tuy mệt mà cũng có cái vẽ hớn hở cả.

Không kể sự ra bến đón ông Bùi, ngay cả ngày hôm qua, các nhà buôn Annam muốn tỏ dấu mừng cũng đóng cửa gần hết.

Thế là liễu-kết việc đón ông Bùi-quang-Chiêu.

Một người tận-tuy với nước mà được người trong nước hoan-nghinh như vậy, tưởng hồi nào đến giờ cũng chưa ai chắc đã được cái vinh-dự vô song như vậy.

(kỳ sau sẽ đăng tiếp cuộc tiệc trà)

ĐẲNG-XUYÊN.

(L. T. T. V.)

Một cái tang chung

Cụ Phan-châu-Trinh tạ thế

Cụ Phan Châu-Trinh, là một nhà ại-chí-sĩ ở nước ta từ khi ở Pháp ề tới bây giờ bị đau luôn. Tưởng ứng cụ bị yếu rồi thế nào cũng ạnh, ai ngờ hồi 10 giờ đêm bữa 24 ars vừa rồi cụ đã tạ thế.

Sự nghiệp cụ như thế nào, tiết áo cụ như thế nào, chẳng nói ra ầy quốc-dân ta đã rõ, nay Bổn-báo ỉ xin nhắc cho các bạn đọc báo được biết rằng đến bữa 4 Avril sẽ có cuộc tống chung cụ thì mong rằng ai là người Annam đều nên đi đưa hết thảy.

Cụ Phan mất đi, hết thảy mọi người đều thương tiếc, thật là một cái tang chung cho dân Annam vậy.

Trong dịp đau đớn nầy, Bổn-báo đồng nhơn xin phân ưu với quí quyến và quốc-dân.

CÙNG CHƯ ĐỘC GIẢ

Bổn chí đã gắn công tìm tỏi đem những bài hữu ích vào Khoa học tập chí đến nay, mong cho đồng bào ta nhiều người được xem mà học cho mở mang thêm đường học thức. Bởi vậy bổn chí mới chẳng nệ tốn hao mà gởi cho không nhiều người nghèo khó có lòng muốn học mà chẳng có sức mua sách cùng tạp chí mà học. Còn như những đọc giả có tiền, đủ sức mua nhiều sách vở, tạp chí cùng nhựt báo, thì nghĩ cho trong một năm trả 6 đồng bạc chẳng phải nhiều mà lại được một phần ơn với đồng bào, bởi tạp chí lập ra đây chẳng phải vì tư lợi mà vì sự ích lợi chung cho đồng bào. Cho nên bổn chí thiết tưởng những độc giả có tiền không lẽ làm ngơ mà chẳng giúp cho tạp chí được khá lên mà mở rộng thêm cho có nhiều bài hữu ích cho đồng bào học nữa.

Vậy bổn chí xin nhắc mấy người mua tạp chí chưa trả tiền xin trả giùm cho bổn chí.

Luôn dịp bổn chí đính theo đây một tờ chịu mua tạp chí, như ngài nào chịu mua thì hãy biên tên họ nghề nghiệp và chỗ ở cho rõ ràng rồi ký tên, cắt tờ ấy ra mà gởi cho bổn chí thì sẽ có tạp chí gởi luôn cho; còn ngài nào không gởi lại thì bổn chí không gởi nữa. Vậy hễ được vài số thì xin hãy gởi mandat mà trả tiền cho bổn tạp chí, hoặc gởi một lược với tờ chịu mua cũng được,

K. H. T. C.

Tờ chịu mua tạp chí

(Bulletin d'Abonnement)

Tôi tên là *làm* (nghề nghiệp)
ở tại
xin ông Quản lý Khoa học tập chí *gởi cho tôi mua* (1)
tạp chí, giá là (2) , *tôi sẽ gởi* (3)
, *le* 192

Ký tên :

(1) Một năm hoặc nửa năm.
(2) Mộ năm 6$, nửa năm 3$.
(3) Theo đây hoặc ngày sau đây.

3e ANNÉE — Nº 129 — 8 AVRIL 1926

KHOA HỌC TẠP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1º — M. BUI QUANG-CHIÊU *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*
2º — M. LÂM-VĂN-HUÈ, *Commis indigène des Services Civils.*
3º — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics à Cholon.*
4º — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*
5º — M. NGUYỄN KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon*
6º — M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*
7º — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*
8º — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN, *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*
9º — M. TRẦN VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Paris.*
10º — M. TRẦN-QUANG NGHIÊM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*
11º — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*
12º — M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3,00		

MỤC LỤC

Công nghệ đời nay.....	2285	Gương luân lý.....	2292
Bách trí luận đàm	2289	Liệt nữ truyện	4994
Việt sữ tiểu truyện.....	2290	Tiệc trà.....	2296

Công Nghệ Đời Nay

Nghề dệt vải và may áo quần

Khi nào ta xem kỹ một miếng vải hay là hàng chi thì ta ngó thấy nó làm bằng những sợi chỉ xỏ rế luồn với nhau mà khít khít lại. Xỏ rế chỉ cho luồn nhau khít lại ta gọi là *dệt vải*. Dệt vải cũng có một nghề riêng gọi là nghề dệt vải ; những người làm nghề ấy kêu là thợ dệt.

Vải dệt ra có nhiều kiểu nhiều thứ lắm. Nó khác nhau chỉ vì cách tréo chỉ nhau mà thôi. Thứ vải ta thường thấy, thường dùng hơn hết thảy là thứ vải trơn nghĩa là trên mặt vải không có làm ra bông ra hình chi hết cả, duy có một hai khi người ta dệt thêm lẳng thêm sọc chút đỉnh mà thôi. Những vải ấy thì là vải bố, vải trắng (hoặc nhuộm đen) ta thường mặc, vải may bường, vải calicot, madapolam, percale, mousseline, batiste, vân vân, và nhiều thứ hàng tơ lụa. Những vải ấy dệt bằng chỉ nhuyễn, ngay mà dài, lại dệt rất khít nhau, đến nỗi đưa ngay lên mà xem thì không thấy lỗ chỉ cho rõ được.

Dệt vải có 2 thứ chỉ, chỉ dọc (chaîne) và chỉ ngang (trame). Chỉ dọc là chỉ sắp hàng dài xỏ luồn qua không cưởi, để tréo lên tréo xuống ; còn chỉ ngang là chỉ chạy lòn theo chỉ dọc, lúc chỉ dọc chạy tréo lên xuống. Chỉ ngang ấy là chỉ ở trong cái thoi mà tháo ra ; nó chỉ chạy qua chạy lại, hễ ra vừa tới khỏi bìa bề ngang hàng chỉ dọc thì chạy trở lại. Vậy cái bề dài của chỉ ngan chạy qua chạy lại thì để mà làm cái bề khổ của xấp vải. Còn bề dài của chỉ dọc thì để mà làm cái bề dài.

Lịch sử nghề dệt. — Không rõ nghề dệt có tự đời nào ; nhưng nghề ấy đã biến cải được tinh xảo khéo léo sớm lắm. Theo như mấy nhà sử

học nói và thấy những dấu tích xưa thì hồi đời thượng cổ (antiquité) và Trung cổ (moyen-âge) người ta đã biết dệt vải hàng bông hoa khéo léo cũng như người đời nay. Người nay chỉ bắt chước theo mà chế sửa lại cho ra tiện dễ hơn và bày thêm cái cách dệt bằng máy móc mà thôi. Trước hết hồi năm 1678 bên Tây có ông quan thủy tên là De Gennes, tìm cách dệt vải trơn bằng máy; sau đến năm 1745 có người thợ máy Vaucanson bày nữa; nhưng cũng chẳng đặng kết quả lắm. Vài năm sau ở bên xứ Anh-quốc lại bày ra máy dệt được kết quả hơn bên Pháp, bỡi nhờ bên ấy có sẳn máy kéo chỉ, làm ra chỉ nhiều lắm, nên bày thêm máy dệt, dệt hàng vải nhiều đặng cho đủ để thiên hạ dùng. Thiên hạ càng dùng nhiều thì phải chế biến ra máy tinh xảo hơn nữa mới có đủ vải. Vậy bên ấy nhờ có ông bác-sĩ Edmond Cartuvright làm ra cái máy dệt rồi hồi năm 1787. Từ ấy đến sau máy dệt cứ chế biến thêm hoai, thì nghề dệt vải trơn bằng máy cũng tinh xảo và thịnh hành lắm. Lần lần đến bước qua đầu kỷ thứ 19 nghề dệt máy mới truyền qua nước Pháp.

Đến như nghề dệt vải có bông cũng là người Pháp ngụ ý bày ra trước bằng cách dệt máy. Tại thành Lyon dụng máy dệt mà thiệt hành cách dệt vải có bông. Như hồi năm 1606 có anh thợ máy Dangon khởi bày ra trước. Đến thế kỷ sau có nhiều người thợ khéo như Garon, Bouchon, Falcon và Vaucanson tìm tỏi cách dệt hàng có bông. Cho đến đầu kỷ thứ 19 mới có anh thợ dệt có danh tiếng là *Jacquard* nương theo mấy cách bày trước nhứt là cách của ông *Falcon* và *Vaucanson* mà chế ra thứ máy dệt riêng tinh xảo hơn nữa, lấy theo tên người mà đặt tên cho cái máy dệt ấy. Nhờ công ơn đó, nên sau người ta nhớ ơn ma dựng hình ông Jacquard Máy ấy tuy tinh xảo chớ cũng không được tiện lắm, chỉ đến năm 1816 mới

nhờ có hai ông *Breton* và *Skola* chế bày thêm nữa mới được tiện dụng, dệt hàng mau mà khéo léo hơn nữa.

Cách dệt hàng vải. — Trước hết xin nói về cái không-cửi để dệt vải. Một cái không-cửi (métier à tisser) có mấy phần chánh sau nầy: 1°) một cái ống để quấn chỉ dọc vô; 2° những khuôn (cadres ou lisses). khuôn ấy làm bằng chỉ tréo, sắp hàng ngay xuống với nhau. Dệt vải thường thì không cửi có hai khuôn, còn như dệt vãi khó hơn nữa thi làm nhiều khuôn.

3°) Mấy cái bàn đạp, ăn liền với mấy cái khôn, để đạp cho khuôn chạy lên chạy xuống.

4°) Một cái battant làm như lược; mấy sợi chỉ dọc đều chun theo mấy cái lỗ răng lược; hễ mỗi lần đánh cái thoi chạy qua thì kéo cái battant lại cho chỉ khít rồi đạp khuôn cho chạy, đánh thoi chạy trở lại rồi cũng kéo cái battant lại cho chỉ khít nữa.

5° Một cái ống (ensouple) để quấn vải dệt rồi vào đấy.

Bây giờ muốn dệt thì trước phải xỏ chỉ dọc vô không cửi. Vậy thì phải quấn chỉ vào ống, rồi quấn sắp hàng theo một cái trống, sau mới đem vô trong cái ống tròn dài lớn mà để ở ngoài đầu cái không cửi. Chỉ trong ống phải xỏ luồn qua cho dính ngay giữa cái mặc khuôn — Còn chỉ ngang thì phải quấn vô trong cái thoi.

Chỉ đã xỏ xong hết rồi, bây giờ phải dệt như vầy: Người thợ dệt ngồi phía bên chữ B, lấy chưn mà đạp nơi bàn đạp số 2, cho hàng

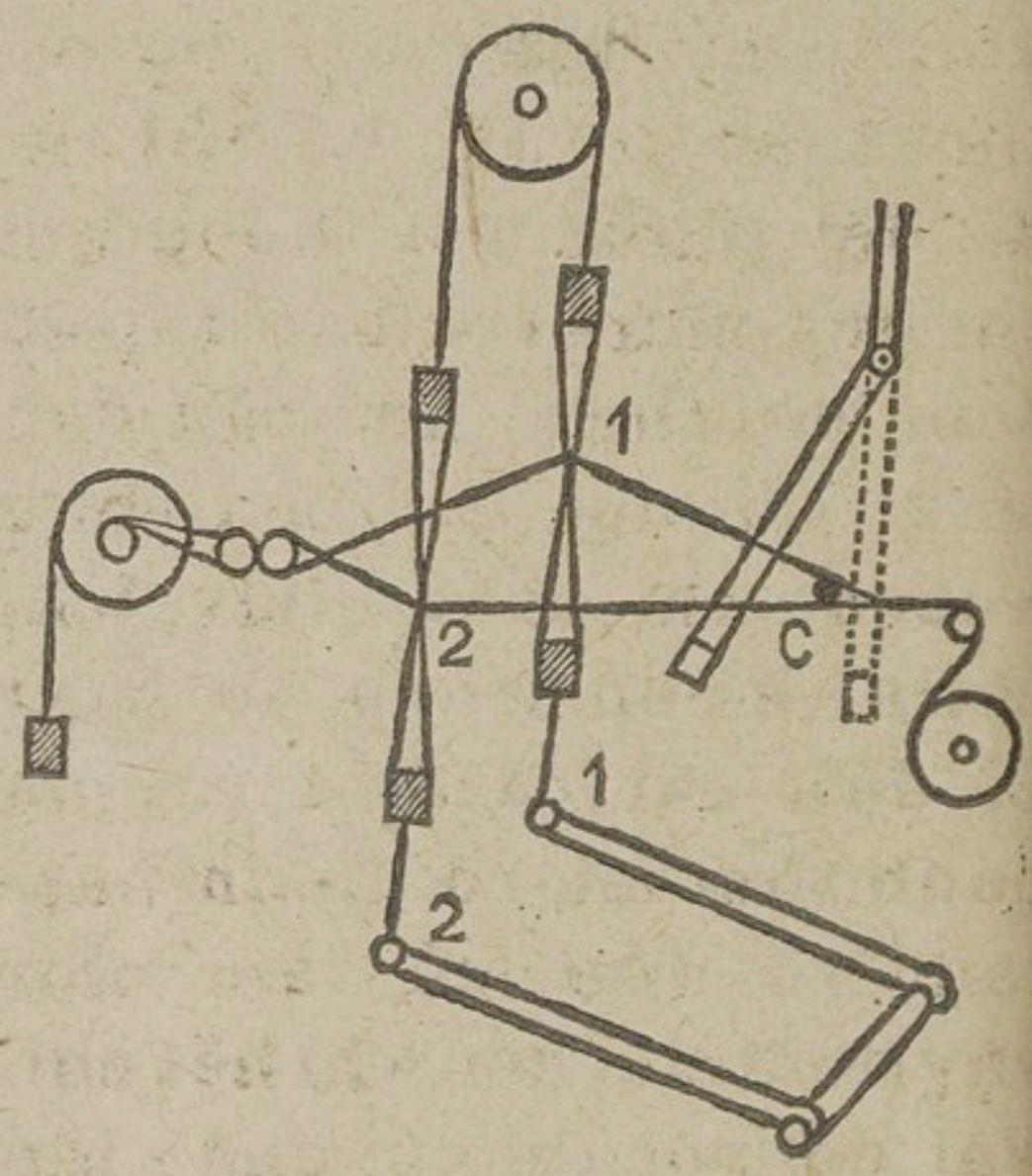

chỉ dọc số 2 chạy xuống, còn dở chưn nơi bàn đạp số 1 cho hàng chỉ dọc số 1 chạy lên, chừa chỗ trống nơi chữ C; người thợ bèn đưa cái battant ra, rồi đánh cái thoi chạy qua (chữ C). Khi ấy phải lấy cái battant mà đánh vô cho chỉ ngan (trong cái thoi tháo ra) sát lại với chỉ đã dệt trước rồi. Xong rồi thì đạp chưn lên bàn đạp số 1 mà dở chưn nơi bàn đạp số 2. Chỉ dọc số 1 bèn chạy xuống, chỉ số 2 chạy lên, chừa ra chỗ trống nơi chữ C, đưa cái battant ra, rồi đánh cái thoi chạy qua (chữ C). Khi ấy phải lấy cái battant mà đánh vô cho chỉ ngang (trong cái thoi tháo ra) sát lại với chỉ đã dệt trước rồi. Xong rồi thì đạp chưn lên bàn đạp số 1 mà dở chưn nơi bàn đạp số 2. Chỉ dọc số 1 bèn chạy xuống, chỉ số 2 chạy lên, chừa ra chỗ trống nơi chữ C, đưa cái battant ra mà đánh thoi lại, rồi đánh battant vô nữa, cứ làm như vậy hoài cho đến khi hết chỉ. Vải dệt rồi thì cứ quấn lần vô cái ống ngoài đầu (ống quấn vải, ensouple).

Ấy là cách dệt những vải thường. Vải dệt cách ấy xem ra không thấy có bề mặt trái, duy có vải dệt ra bông, vải long hai, vải satten, vân vân là có bề mặt bề trái. Dệt vải ấy thì không-cửi phải có ít nữa là ba cái khuôn (lisses).

Dệt vải bằng tay thì dùng khuôn nhiều hơn hết chỉ có đến 5 cái là cùng. Chớ dệt vải hàng khó hơn nữa, thì phải có nhiều khuôn lắm. Như vậy thì dệt bằng tay không thế nào được, phải dùng máy dệt theo kiểu máy của ông Jacquard bày thì mới có thế dệt được vải có hình khó khăn ấy.

Những vải dệt cách ấy Tây gọi là *étoffes façonnées*.

Vải dệt xong rồi còn phải chịu nhiều việc khác nữa, như là *đốt lông* (grillage), *hớt mắc chỉ* (tondage) *ép vải* (foulage) cùng là *cáng vải* (calandrage) *hồ vải, ủi vải* làm cho nó láng, vân vân.

(Sau tiếp)

THANH TÂN

Cách trí luận đàm

Trí khôn của loài thú (*Tiếp theo*)

Trước tôi đã nói chuyện chó cứu người chết đuối, nay lại cũng có thứ chó không ai cầu cứu mà nó lại cũng vớt người dưới nước lên. Những người dưới nước đó là những người đi tắm. Con chó thấy người ta tắm hụp lội dưới nước, nó tưởng đâu là thết chìm nên lội ra mà cắn lấy chéo áo quần của họ rồi lội lên. Người ta vùng vẫy la cự thế nào cũng không lại nó, nó cứ cứu đem vộ bờ, tưởng làm được sự rất đáng trên đời mà thôi. Nó cứ vớt như vậy trong một giờ đồng hồ được 14 người Có kẻ tức mình tới rầy người chủ ;chủ nói: «Cái giống chó ở Terre Neuve là chó cứu người ở dưới nước; cái tánh tự nhiên trời biểu nó như vậy, thì là một sự rất hay, ta nên khen cái đức nó, chớ rách nó làm sao ?» Kẻ kia nói: «Cứu cái gì, tôi có mắc sự gì nguy hiểm đâu mà phải cứu ?»

— Có lạ gì cái đó. Người ta có kẻ cũng hayái nhơn ái chủn hơn con chó tôi nữa. Thiên hạ không phải mắc nguy sự gì mà có kẻ họ thương lo cho hết sức,mà nhắm có ai cầu họ đâu !

* * *

Hồi năm 1867 bên xứ Belgique lại có chuyện chó tìm kiếm con người chủ nhà bị tuyết chôn mất. Lúc ấy trời xuống tuyết rất nhiều, có một đứa nhỏ 6 tuổi đi ngoài đồng Voorschoten gần thành Bréda, bị tuyết xuống chôn lút mất. Ở nhà đi kiếm cả mấy giờ mà kiếm không ra. đều lo cho đứa nhỏ May đâu con chó nhà thấy đi kiếm cũng bắt chước chó ở núi Saint-Bernard mà đi theo tìm chủ nhỏ. Chẳng bao lâu nó tìm được chỗ bèn miệng sủa chưn quàu kêu riết ai nấy đều lại moi tuyết lên thì gặp đứa nhỏ. Bèn đem về hơ lửa, đổ cháo, săn sóc kỷ lưỡng và nhờ người mẹ nưng niu mà đứa nhỏ sống mạnh như thường.

Trong năm ấy báo *l'Illustrated London News* ra ngày 8 Juin thuật chuyện rằng, tuần trước có một đứa nhỏ tên Hargreaves 11 tuổi, đi chơi dựa theo bờ kinh Couldon, xẩy trật chưn té xuống nước gần chết chìm, may đâu có con chó của ông Elijah Boulton ngó thấy bèn nhảy theo vớt lên. Một lát đứa nhỏ tỉnh dậy đi về. Con chó theo đưa về cho đến nhà người cha của đứa nhỏ ấy. Khi về đến cửa ngỏ, nó đứng ngó giây lâu rồi ngoắt đuôi dường như mừng, rồi mới trở về.

* * *

Còn nói đến chó kêu chủ nhà cho hay hoả hoạn cứu khỏi cháy nhà thì chẳng thiếu gì gương. Nó nhờ sáng hơi, đánh hơi khói trước mà biết có lửa cháy thì dầu khó thế nào nó cũng tìm nẻo kêu chủ mà cho hay.

(*Sau tiếp*).

MINH-NGUYỆT.

Việt sử tiểu truyện

(Récits d'Histoire d'Annam)

Chuyện đời Hồng-Bàng

Trên địa cầu ta có nhiều nước khi xưa sử tích đều mờ mịt, đều cho chủng tộc mình là dòng dõi thần tiên. Nước Việt-Nam ta cũng thế. Dân Giao-chỉ ta cũng cho mình là giống Rồng Tiên sản xuất.

Nước Giao-chỉ có vua ban sơ là thuộc họ Hồng-Bàng. Vua *Đế-Minh* là chắt vua *Thần-Nông* bên Tàu đi tuần qua phía Nam, đến núi *Ngũ-lãnh*, gặp tiên-nữ phải lòng, bèn lấy nhau mà sanh ra một người con trai đặt tên *Lộc-Tục*. Vua Đế-Minh lập Lộc-Tục làm vua xứ ấy, lấy hiệu là *Kinh-dương-Vương*. Còn xứ vua Kinh-dương-vương cai trị đặt tên là nước *Xích-quỉ*.

Thuở vua Kinh-dương-vương mới lên ngôi trị nước thì bên Tàu nhằm đời vua *Đế-Nghi* năm thứ mười (1). Vua Kinh-dương-vương đi chơi gặp nàng công-chúa *Động-đình-quân*, là con gái Long-vương ở Động-đình-hồ cưới về làm vợ. sanh ra thái-tử *Sùng Lãm*. Thái-tử lên nối ngôi cha đặt hiệu là *Lạc-long-quân*.

Vua Lạc Long vốn là con Rồng cho nên hay ở dưới nước Thuở ấy có vua *Đế-Lai* bên Tàu tuần qua đến nước Xích-Quỉ nhân dân mắc lo cung tiến nặng nề cực-khổ, bèn đến hồ Động-đình mà kêu rêu vua lên cứu vớt. Vua nghe kêu bèn lên, tìm đến trại cung vua Đế Lai mà ra mắt, song vua Đế-Lai mắc đi khỏi. Vua Lạc-Long thấy có *Mụ-Cơ* là ái phi của vua Đế-Lai vốn là tiên-nga đẹp đẻ, nên phải lòng, bèn dắc về nhà mà làm vợ.

Sau Mụ-Cơ có nghén sanh ra một cái noãn-bào là một cái bọc trong có *một trăm trứng*. Sau 100 trứng ấy nở ra được 100 người con trai.

Ngày kia vua Lạc-Long nói với vợ rằng: « Ta vốn là dòng dõi rồng, còn nàng là dòng dõi tiên, cho nên lửa nước khắc nhau khó nỗi ở chung nhau đặng. Vậy thì ta hãy chia con ra, nàng dắc 50 đứa, ta đem 50 đứa mà tìm chốn ở riêng ra. » Tính rồi vợ chồng bèn dắc con nhau phân rẽ. vợ lên non, chồng về biển.

Vua Lạc-Long để người con trai đầu lòng ở lại làm vua, còn dắc theo 49 người về biển Nam-hải mà ở.

Người trai đầu lòng lên làm vua ấy hiệu là *Hùng-vương* thứ nhứt. Từ ấy cho đến sau hễ con lên nối ngôi cha cũng đều lấy hiệu Hùng-vương cho đến Hùng-vương thứ 18 mới là hết họ Hồng-Bàng.

Thuở ấy dân Giao-chỉ còn mọi rợ, chỉ biết lấy nghề săn bắn cùng nghề đánh cá mà ăn nuôi thân, cho nên lắm khi bị hùm ăn rắn cắn, cá tập sấu ăn. Vua Hùng-vương thứ nhứt mới bày cho dân xâm vẽ cùng mình, cho loài độc thú thấy mình ngở cũng

(1) Tính ra nhằm 2879 năm trước Chúa Cứu Thế ra đời.

đồng loại mà không bại nữa. Vua lại dạy đóng ghe thuyền theo hình con cá, rồi vẽ hai con mắt cho to, đặng cho thú to dưới b ển thấy tưởng là đồng loại mà không đặp đuôi cho thuyền đắm nữa.

(*Sau sẽ nói truyện tích trong mấy đời Hùng-vương*).

CÔNG-THƯỜNG-SINH.

THỂ THAO TỔNG CUỘC ANNAM

Cuộc trong chức vô địch banh trỏn năm 1925-1926

Chúa nhựt 28 Mars 1926-Donai sport thắng Cholon sport năm bàn (đình lại tuần sau sẽ định, coi sự kêu nài của Cholon có lý hay không.)
Tânđinh sport thắng Dakao foot ball blub ba bàn thua hai (Homologué).

Chúa nhựt tới 4 Avril 1926 nhằm lễ Phục Sinh từ 4 giờ rưỡi tới 5 giờ rưỡi.

Etoile de Giadinh sẽ đấu cầu với hội «La Flèche» ở Phnom-Penh, đặng góp tiền giúp cho Lương Hửu ti điền tỉnh, đặng tạo thành nghĩa địa. Etoile de Giadinh ;

Của I
Giỏi I Xường
Của II Trung-Qui (Thomas)
Dành Thi Giỏi (II) Xuân Gông
Réserves : Thom Chánh Chỉ Tám Phòng.

La Flèche
Từ Bình Giác Penghong L. Penfrat
Laurent Si h Linh
Sam Voitel (Cap ;)
Ngà
Réserves: Lang Lo A. Penfrat Cuisin Voilquin.

Giá vô cửa : Tribune 0$50
Banc... 0 30
Pelouse 0 20

Lời dăn-Mấy ông có carte hưởng của thể tháo tổng cuộc phát, thi phải trả 0$30 vô ngồi tribune và 0$20 đặng vô cửa và ngồi banc.

Gương luân lý

Gương biết ăn năn chừa lỗi

Thuở trước có ông đạo-nhơn tên Jean, ở cù lao Pathmos trở về, ông nhân từ lại càng rãy khắp hơn ữa. Ông xem thấy có một gả thiếu-iên nét mặt coi là còn người vô tội, ng bèn căn dặn một ông linh mục ãy giữ gìn bảo hộ dạy biểu người hiếu-niên ấy.

Ông linh-mục vâng lời dạy người hiếu-niên, nhưng bởi lòng tin cậy ọc trò quá má thã lỏng. không ghiêm nhặc thành ra chàng tự do uá mà phải hư; bởi nghe lời người ợ đở dua nịnh mà luống bỏ sự học ành, đắm mê sự sung sướng, chơi bời ùng những kẻ côn quan thất giáo. gười thiếu-niên ấy bội hiệp được ột lũ anh em, bèn dắc nhau vào rng mà làm ăn cướp. Anh thiếu-ên lại làm người đầu đảng.

Ông thánh Jean đi làm phước xứ trở về, trước hết hỏi thăm ông nh-mục về việc chàng thiếu-niên à rằng: « Thằng con ta đâu ? » Ông nh-mục cúi mặt bạch rằng: « Dạ nó ã chết rồi ! »

— Nó chết bồi nào, mà chết làm sao?

— Nó chết không được thấy Chúa, i nghĩ đến c ug thêm xót dạ lụy. ôn; nó đã thành thằng ăn-cướp rồi!

— Bây giờ nó ở đâu?

— Bây giờ nó ở trong núi.

Ông đạo nhơn nghe rồi bèn nói: « Ta phải kiếm cho thấy nó mới ược. »

Nói rồi bèn đi liền vào nùi. Vừa đến rừng thì ông gặp phải quân lâu la áp bắt điệu về; ấy cũng là điều ông ước nguyện vậy, cho nên ông nói rằng: « Bây hảy dẫn ta về ra mắt chủ trại bây. »

Quân lâu la dẫn ông về tới trại, người thiếu-niên ngó thấy ông bèn chưng hửng, ngó đi chỗ khác. Ông bèn nói: « Thiếu-niên ơi, con đừng có trốn đi đâu cả, đừng có tránh cha mà chi. Cha đã hứa nguyện con cho Trời rồi, cha phải giữ lời mà gìn giữ con. Vậy như con có muốn thì cha cũng liều bỏ cái mạng sống cha cho con, chớ còn bỏ con thật cha chẳng đành vậy. Cha đã tin cậy con, dâng con cho Trời, cha phải thí hồn cha mà nhận phần trách nhiệm vì con. »

Người thiếu niên nghe nói, mũi lòng chứa chan nước mắt, bèn chạy lại ôm ông già, tức tửi chẳng nói được lời chi cả, mà bai hàng giọt lụy tuôn rơi xối xả. Ông đạo-nhơn bèn hun con biết ăn năn sớm bối. Bèn dắc chàng thiếu-niên trở về, lấy lời thánh triết, cách ngôn hiền từ mà dạy biểu cho chàng lòng càng trong sạch lại.

Gương con thảo

Chuyện đứa nhỏ 5 tuổi.

Có một ông cha kia ở gần thành Rennes có biểu ba đứa con của một người trong họ rất khốn khó đến, đặng người đo cắt, áo quần cho: vì

trời lạnh lẻo lắm, ba đứa nhỏ lạnh đá tê cứng. Ông cha bèn biểu chúng nó lại lò lửa mà hơ, rồi đem cho chúng nó bánh mì với thịt. Hai đứa lớn ăn coi bộ ngon lắm, còn đứa út dòm coi phần mình tuy vui lòng lắm, nhưng nó không rớ tới. Ông cha mới hỏi nó rằng: « Ủa, sao con không ăn đi? » Đứa nhỏ mới trả lời: « Thưa ông, tôi không ăn, tôi để dành bánh và thịt cho mẹ tôi vì đau xưa rày.

— Con cứ việc ăn đi, cha gởi cái khác cho mẹ con

— Dạ không, tôi không ăn, để tôi đem cái đó về cho mẹ tôi, vì mẹ tôi đau. »

Vừa dứt lời, thì đứa nhỏ hai hàng giọt lụy tuông rơi; ông cha mới nói rằng: « Mẹ con không thiếu món chi đâu, con hãy tin cha, đừng lo, con coi bộ đói lắm.

— Dạ, nhưng mà mẹ tôi đau làm sao?

— Thôi, hãy ăn đi, con đem bánh mì và thịt nầy về cho mẹ con; còn con ăn phần của cha phát đi.

— Thưa, như vậy, tôi ăn bánh mì không, còn thịt tôi để dành cho mẹ tôi. »

THANH-PHONG.

Liệt Nữ' Truyện

Người con gái có hiếu *(N° 7)*

(Tiếp theo)

Thanh-Tân dịch thuật

Xứ đó thành rộng lớn mà xả hội tụ nầy, người thì nghèo khó kẻ giàu sang, người phước dư còn kẻ khốn nạn. đầy đường qua lại, gặp nhau mà tỉnh chẳng thấy; khác nào như hai thế giái, cách nhau chẳng giống, nưng mà trong ấy lại cũng có ít kẻ lộng nhơn làm cho đôi bên giao thiệp nau, mà cũng ìt khi lắm.

Ngày kia có một thầy làm việc chắc thường có ý thấy nàng, bữa nay đi nang qua bèn đứng lại lấy cái đơn ca nàng rồi thò tay vào túi móc ra một gói giấy, nàng có lòng trông cậy nưng mà người ấy mở gói ra lấy một tấm giấy năm đồng rồi đề vô lá đn đưa lại cho nàng mà trở vô đi đu mất.

Nàng lấy làm bợ ngợ ôm kín tấm giấy rồi trở về. Ngày kia nàng nói với củ nhà rằng: «Tôi chắc như có một người em nàocủa bà Milanh, trong đám tượng nghị thì người ấy có lẽ sẽ lấy ci đơn của tôi mà không biết tôi.»

Nhờ diệp lễ Phục-Sinh toà thượng-nhị đều nghỉ việc, thừa lúc rảnh ới lo việc kệ kinh. Mỗi khi đọc kinh, ng cầu xin cho việc mình được tành. Lòng nàng thật tình đến đổi i làm lễ xong rồi, nàng trở về trong ng chắc ý hễ đưa đơn chuyến nầy ì là quan thượng nghị làm sao ng thâu, lại còn tỏ quyết với iếm lái buôn nữa. Thiếm nầy không chắc được chút nào biểu nàng thôi đi; nhưng mà đến bữa nhập hầu, thiếm có việc đi qua bên đường Ăn-Lê, nên sẵn xe thiếm cho nàng cùng đi với:

Dọc đàng thiếm nói: «Tôi không biết làm sao mà nàng đi hoài lần nào cũng vô ích mà nàng không thối chí vậy, chớ như tôi, thì tôi dẹp bỗ cái đám thượng nghị đó đi. vì họ không làm gì được cho nàng cả, khác nào như nàng dưng đơn cho cái hình ông Pierre Le Grand kia chớ không được việc gì hết», và nói và chỉ cái hình dưng gần đó.

Nàng trả lời rằng: «Vậy mà tôi ước ao cho cái lòng tin của tôi nó đở vớt cho tôi được. Bữa nay kiếm thế đến thượng nghị lần chót chắc họ sẽ thâu đơn tôi:» Nàng vừa bước xuống xe vừa nói « Phải, Trời phép tắc vô cùng, như Trời mà định vậy, thì phải khiến cho người hình sắt nầy phải cúi xuống mà thâu đơn tôi.» Thiếm lái buôn nghe nói vậy bèn cười lên, nàng đương lúc vui cũng cười theo.

Nàng đương đứng xem cái hình, thiếm lái buôn mới kêu nàng mà chỉ cái cầu bắt ngang qua sông Néva đã sửa ráp lại rồi, xe cộ rần rộ lại qua bên Wassiliostrouv. Thiếm mới hỏi: «Nàng có đem nang thơ gởi cho bà L*** không. Tôi cũng không gấp gì, sẵn dịp tôi chở nàng đến cửa nhà bà

cũng được. » Lúc ấy cũng còn sớm nên nàng bằng lòng đi : qua cầu thấy cảnh rày đều lạ vì 15 ngày trước xem như đồng giá tuyết, ngày nay giá tan, tuyết rã, thuyền bè lai vảng dập dều xem ra thật là đẹp mắt. Từ bề phong cảnh tốt tươi, thiên hạ lao xao, buổi trời mát mẻ nàng lòng vui khấp khởi bụng chắc việc mình thành. Nàng mới ôm bà chủ xe mà nói : «Tôi chắc Trời theo hộ giúp tôi chẳng bỏ tôi đâu.»

Đến nơi, thấy có bà L*** rước đải rất hậu vì bà có được thơ trước của mấy bà bên Ê-ca-tơ-ri-năn-bua rồi. Chứng nghe nói nàng đã tới đây lâu rồi bèn trách nàng lắm. Thấy cách tiếp đải hậu tình nàng nhớ khi ở bên bà Milanh hết sức, Chứng quen biết nhau rồi mới tỏ ý mình qua dưng đơn xin tội cho cha, và thuật chuyện mình mấy phen vào đơn chẳng đặng. Ông L*** mới xem cái đơn thì thấy đơn làm không hiệp phép mới nói ; «Dầu ai có thế trần hơn tôi cũng không giúp nên đặng chuyện nầy ; có một người bà con tôi coi một việc cũng ở trong bàn thượng nghị, mà tôi không giấu chi nàng, lâu nay tôi với người ấy cũng có biểm với nhau, nay thừa sẵn dịp tôt nầy, không lẽ vì một chuyện nhỏ mọn kia mà chẳng kiếm thế giúp cho nàng. Vã lại nay cũng còn bữa lễ Phục Sanh ta rất vui lòng, vì chuyện nàng mà ta có thể giải hoà nhau được».

Bèn cầm nàng ở lại ăn cơm tối. Khách lần lần tựu đến đều thảy sẵn lòng với nàng. Đương khi vừa ngồi lại ăn, người bà con ta nói khi nảy ở ngoài bước vô mà nói : «Chúa đã sanh thì rồi» theo thế tục đến ngày lễ ấy. Nói rồi ôm nhau hun thiệt tình chẳng có đều chi lạ khác.

Ông L*** nhờ lúc người bà con vui vẻ nên giới thiệu nàng Prascovie. Buổi ăn cơm ai nấy bàn luận chuyện nàng và nói ai bày quỉ đơn cho thượng nghị thiệt là bậy lắm. Chớ như xét án cha của nàng cho theo phép cũng lâu mất ngày giờ tưởng cho hay hơn là cầu xin ngay đức thượng hoàng mà nhờ ân huệ. Bèn hứa sẽ lo thế giúp giùm. Sau rốt khach biểu nàng đừng có đến toà thượng nghị cho mất công như thể chuyện nàng đến toà mà nói đó ai nghe cũng lấy làm ức cười. Đến chiều bà L*** sai người nhà đánh xe đưa nàng về nhà người buôn bán ! Về tới nhà nàng tưởng cho Trời khiến nàng đến nhà ông L*** nhằm lúc hai bà con lại hoà nhau cũng như khiến cho nàng sẽ được việc nàng vậy. Về tới ngang toà thượng nghị nàng nhớ lúc vái nguyện cùng Trời chỉ trở lại đó một lần nữa mà thôi. Nàng nghĩ rằng: «Lòng Trời rất tốt nên còn cho tôi hơn những lơi vái nguyện nữa vì bỡi tôi khỏi mất công trở lại đó nữa.» Rồi ngó cái bình ông Pierre Le Grand mà rằng, cũng nhờ Trời mà cái hình người sắt nầy đây giúp việc cho tôi nữa, chớ không có nó ắt tôi không hay cầu đã ráp, không biết được mấy người tử tế chịu cứu giúp tôi mà xin cho cha tôi khỏi tội.»

Ấy là những lời vì lòng nàng tin cậy lắm mà nghĩ ra vậy, chớ tuy có mấy người bạn thương giúp cho nàng, mà sự may phước của nàng không phải gốc vì đó.

(Còn nữa).

THANH-TÂN dịch thuật.

THỜI-SỰ NAM-KỲ

Tiệc trà

Thết ông Bùi-quang-Chiêu

Số báo ra ngày hôm qua, bổn-báo có lược-thuật cuộc nghinh-tiếp ông Bùi quang Chiêu, nay xin nói về tiệc trà mà quốc-dân ta thết ông Bùi tối hôm qua.

Đồng-bào ta nhiệt-thành ra đón ông Bùi khi ông mới ở tàu xuống như thế nào thì tối hôm qua tiệc trà thết ông cũng long trọng như vậy và có lẽ còn sốt sắng hơn.

Thiệt vậy, mới 8 giờ tối mà ở trong một cái miếng đất rộng rải đã đông cật những người: đủ cả người trong sáu nông công, thương tam kỳ chớ không phải chỉ riêng đồng bào Nam-kỳ mà thôi.

Ngoài đồng-bào ra, có cả mấy nhà làm báo Tây cũng có tới dự tiệc trà như ông Colonel Sée, Tổng-lý báo Opinion, ông Monribot chủ bút báo Opinion, ông Neuman tổng thơ ký báo Opinion, ông Ardin, Tổng-lý báo Saigon Républicain, ông Camille Delong, chủ-bút báo Saigon Républicain, ông Fontaine Laporte, Tổng lý báo La Liberté Cochinchine. Lại có cả quan Trạng-sư Gallet cũng có mặt tại tiệc trà.

Đến 8 giờ rưỡi thì ông Bùi tới. Khi ông vừa bước chơn lên diễn đàn (tribune) đồng-bào đều đồng thanh mà la lên mấy tiếng: «Bùi-quang-Chiêu vạn-tuế» như khi đón ông ở tàu mới xuống.

Đoạn đợi cho các ngài có chưn trong cuộc tổ-chức đón ông Bùi tề-tựu đông đủ, ông Lê-quang-Liêm mới thay mặt cho bàn trị-sự mà đứng lên nói mấy lời như sau nầy: « Tôi xin có lời cảm tạ các anh em, chị em có lòng tốt không ngại xa xuôi mà đến đông để dự vào tiệc trà, làm cho tiệc trà ngày hôm nay được long-trọng như thế nầy. Đáng lẽ bữa nay, chúng tôi có đọc nhiều bài diễn-thuyết để ca tụng cái công lao của ông Bùi song vì chẳng may, dân ta mới phải cái tin đau đớn là cụ Phan-châu-Trinh là một bực chí sĩ mới tạ thế cho nên bữa nay chúng tôi chỉ đại-quyền cho ông Nguyễn-phan-Long đứng lên tỏ đôi lời để ông Búi được biết cái thạnh tình của quốc-dân đối với ông ». Ông Lê-quang-Liêm nói dứt lời thì đồng bào vỗ tay hồi lâu. Xong dịp vỗ tay, ông lại nói tiếp rằng: « Vì cụ Phan-châu Trinh mới tạ thế xin anh em im lặng trong hai phút để tỏ dấu chia buồn ».

Cảnh-tượng đang nào nhiệt mà nghe ông Lê quang-Liêm nói đến cụ Phan-châu-Trinh mất, ai cũng đều cảm-động mà đứng im không có lấy một tiếng nói cười, khác nào như có mấy tầng mây sầu thãm bao học chung quanh anh em.

Vừa dứt hai phút đồng-hồ, ông Nguyễn-phan-Long đứng ra đọc một bài diễn-văn như sau nầy: « Tiệc trà mà anh em tổ-chức để thiết quí-hữu bữa nay lẽ ra vui vẻ mà vì một nhà đại-chí sĩ ở nước ta là ông Phan-châu-

Trinh mới tạ thế cho nên nay tôi chỉ xin thế mặt anh em mà có đôi lời chào mừng qui-hữu. Trong cái thì-giờ mà qui-hữu ở Pháp, qui-hữu thật đã làm hết cái bổn-phận một người dân Annam. Qui-hữu đã đem bao nhiêu những điều áp-chế ở Đông-pháp sang trần-tình ở bên Pháp làm cho người Pháp biết đến « *sự thiệt* » ở Đông-pháp. Có lẽ nhờ đó từ đây về sau, ta sẽ không thấy những sự áp-chế và người Pháp với người Nam mới mong hiên lạc thành thật với nhau là đều ta bằng mong mỏi! »

Ông Long đọc bài diễn văn đó rồi, ông Chiêu giơ tay ra bắt tay ông Long và mọi người đều vỗ tay mừng rộ.

Đợi cho hết dịp vỗ tay, ông Bùi-quang-Chiêu mới đứng đáp lại. Trước hết, ông nói bằng tiếng ta mấy lời như sau nầy: « Trước sau, trong « một năm ở Pháp, tôi chỉ có một « chút nhiệt tâm đem cống hiến đồng bào mà nay về đây được đông đảo chị em, anh em trong ba kỳ có lòng quá yêu trọng đãi tôi thế nầy, tôi nghĩ công lao chưa có gì là xứng đáng với cuộc nghinh tiếp nầy mà nay được thế nầy thật lấy làm cảm động vô cùng. Nhưng trong sự vui hôm nay, tôi phải có một điều rất buồn, buồn vì ông Phan-châu-Trinh mới mất. Xưa kia, cách 12 năm đây, tôi đã có dịp gặp ông và gần ông. Lúc đó tôi với ông, hai người thường bàn với nhau những chuyện nước, chuyện nhà, không hen mà gặp. tôi với ông có nhiều chỗ đồng ý. Tưởng rằng tôi về đây, thế nào cũng còn gặp ông một lần nữa, thế mà ai ngờ giữa ngày tôi bước chưn lên bộ thì ông mất! Thật là đáng thương tiết vô cùng! (*Chỗ nầy ôngBùi đang khi nói tự nhiên như người muốn rơi lệ, chính nhiều người trông thấy mà nhiều người cũng có tấm lòng xót xa như ông Bùi cả*). Tấm lòng thương tiếc đó chẳng những tôi có, chắc anh em đây ai cũng có một lòng thương tiếc như tôi. Nhưng xin hãy cho ngừng lại để tôi nói qua bằng mấy lời tiếng Pháp cho cả người Pháp cùng nghe rồi tôi lại sẽ phiên dịch ra tiếng ta. » (*Vỗ tay hồi lâu*). Nói xong mấy lời đó, ông Bùi mới rút một bài diễn văn ra đọc đại để như sau nầy: « Khi tôi ở Pháp, hoặc qua Bordeaux, hay Toulouse, dầu học-sanh Annam hay là các nhà lao động ta bên Pháp đều tiếp tôi một cách trọng hậu, tôi rất lấy làm cảm về tấm lòng của đồng-bào đối với tôi. Đồng-bào đã tin yêu tôi như vậy thì từ rày về sau. tôi phải gắng làm làm sao cho xứng với cái lòng tin yêu đó. Tôi xin thề trước linh-hồn ông Phan-châu-Trinh rằng tôi xin tận-tụy về việc nước, anh em đồng-bào có thể tin cậy ở tôi ở cái người lãnh-tụ cho cái đảng lập-hiến ở nước ta.

« Nhưng yêu nước không phải là xuần-động, là phải thân thiện với người Pháp. Người Pháp là một giống người rất trọng công-lý và nhơn đạo, ta cứ tin ở người ta và liên lạc với người ta một cách thành thật. Vậy ta hãy nén lòng mà đợi. Tôi nói rằng đợi không phải là cúi đầu mà đợi, ta phải biết rằng *người dám đợi tức là người có can đởm*. Đợi khi nào mà người Pháp không làm điều gì và chịu hứa xuông thì tớ cái giờ chót đó ta sẽ xử trí về sau. (*Vỗ tay*). Tuy vậy trước sau tôi xin anh em cứ tin ở

người Pháp và người hai giống thế
ào cũng phải liên-lạc với nhau. Xin
nh em cùng nhau tung hô: « Việt-
am Vạn-tuế, Đại-Pháp Vạn-tuế !»
ng nói dứt lời cả người Tây và N m
êu vỗ tay cả. Đoạn ông Bùi có dịch
i tiếng ta đại lược như đã thuật
na ở trên.

Kế đó rồi thì ông Colonel Sée, ông
rdin, ông Gallet đứng lên cảm ơn
ai thanh-ý của ông Bùi đối với người
háp. Ông Ardin và ông Gallet có
ói mấy lời r ất hùng-hồn đại để rằng:
Người Pháp ở đây, người tốt thì
ing có nhưng là số ít, còn thì là
hông phải chơn-chánh pháp-nhơn.
Dẫu thế nào mặc lòng người Annam vẫn có thể tin cậy ở cái số ít đó và khi nào có điều gì nghi-vấn thì cứ có thể hỏi ở họ. » Mấy ông nói còn dài nữa, tiếc rằng bài kỷ thuật nầy đã dài, không tiện thuật hết ra đây. Tóm lại xem ra ai cũng có ý mến mấy vị người Pháp đó cả.

Sau hết, ông Lê-quang-Liêm đứng lên nhắc lại rằng đến bữa 4 Avril thì sẽ có cuộc tống chung cụ Phan-châu-Trinh, anh em nên đi cả. Ai cũng biểu đồng tình.

(L. T. T. V.) ĐẰNG XUYÊN.

(*Kỳ sau sẽ thuật chuyện đám táng Ông Phan*).

CÙNG CHƯ ĐỘC GIẢ

Bổn chí đã gắn công tìm tỏi đem những bài hữu ích vào Khoa học tập chí đến nay, mong cho đồng bào ta nhiều người được xem mà học cho mở mang thêm đường học thức. Bởi vậy bổn chí mới chẳng nệ tốn hao mà gởi cho không nhiều người nghèo khó có lòng muốn học mà chẳng có sức mua sách cùng tạp chí mà học. Còn như những đọc giả có tiền, đủ sức mua nhiều sách vở, tạp chí cùng nhựt báo, thì nghĩ cho trong một năm trả 6 đồng bạc chẳng phải nhiều mà lại được một phần ơn với đồng bào, bởi tạp chí lập ra đây chẳng phải vì tư lợi mà vì sự ích lợi chung cho đồng bào. Cho nên bổn chí thiết tưởng những độc giả có tiền không lẽ làm ngơ mà chẳng giúp cho tạp chí được khá lên mà mở rộng thêm cho có nhiều bài hữu ích cho đồng bào học nữa.

Vậy bổn chí xin nhắc mấy người mua tạp chí chưa trả tiền xin trả giùm cho bổn chí.

Luôn dịp bổn chí đính theo đây một tờ chịu mua tạp chí, như ngài nào chịu mua thì hãy biên tên họ nghề nghiệp và chỗ ở cho rõ ràng rồi ký tên, cắt tờ ấy ra mà gởi cho bổn chí thì sẽ có tạp chí gởi luôn cho; còn ngài nào không gởi lại thì bổn chí không gởi nữa. Vậy hễ được vài số thì xin hãy gởi mandat mà trả tiền cho bổn tạp chí, hoặc gởi một lược với tờ chịu mua cũng được,

K. H. T. C.

Tờ chịu mua tạp chí

(Bulletin d'Abonnement)

Tôi tên là *làm* (nghề nghiệp)

ở tại

xin ông Quản lý Khoa học tập chí *gởi cho tôi mua* (1)

tạp chí, giá là (2) *, tôi sẽ gởi* (3)

, le *192*

Ký tên :

(1) Một năm hoặc nửa năm.

(2) Mộ năm 6$, nửa năm 3$.

(3) Theo đây hoặc ngày sau đây.

3e ANNÉE — No 130 — 15 AVRIL 1926

KHOA HỌC TẠP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1° — M. BUI QUANG-CHIÊU *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*
2° — M. LÂM-VĂN-HUÊ, *Commis indigène des Services Civils.*
3° — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics à Cholon.*
4° — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*
5° — M. NGUYỄN KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon*
6° — M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*
7° — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*
8° — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN. *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*
9° — M. TRẦN VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Paris.*
10° — M. TRẦN-QUANG NGHIÊM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*
11° — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*
12° — M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3,00		

MỤC LỤC

Định dịch ẩu tả..... 2300
Liệt sữ tiểu truyện..... 3303
Lương luân lý..... 2805
Văn chương nôm..... 2306
Lễ quốc tan cụ Phan-châu-Trinh..... 2310
Văn-tế cụ Phan-tây-hồ..... 2314

Bịnh dịch ẩu tả

Cách hai năm nay, trong « Khoa-học-tập-Chí » ta có nói một bài về bịnh ẩu tả, ỉa mữa, có nhiều người cũng bỏ qua rồi ; — Lúc nầy trời nắng, nước uống cực khổ, nghe có bịnh đó nhiều, cũng có nhiều người chết về nó ; vậy ta xin nhắc lại và chỉ sơ vài lời khuyên ; ta xin người nào đọc tới mấy lời sau đây chỉ lại giùm cho mấy người ở xung quanh mình làm phước. — Ẩu tả, là bịnh độc hiểm lắm, có nhiều khi mang tới nó trong năm bảy giờ đồng hồ n à đi xuôi cũng có. — Có người sớm mơi đi chợ, ăn hàng bánh, rồi về tới nhà ỉa, mữa, vọp bẻ nội trong một ngày thì chết. — Có người khuya đi chơi bời hát xướng, ăn đồ khuya về gần sáng phát đau bụng ỉa mữa nội một buổi sớm mơi thì thấy chết. Có khi cũng chẳng mau dữ vậy đâu. Một đôi bữa, ba bốn bữa mới chết.— Bịnh ẩu tả thấy điệu dễ biết, vậy ta xin nói về sự truyền nhiễm và sự lánh lìa nó mà thôi. — Con trùng độc sanh sãng của, bịnh ẩu tả ở trong nước ; nó có muôn hà lạc số trong phẩn và nước mữa đồ của người bịnh ; phẩn và nước mữa, đồ bậy bạ, dưới sông dưới rạch, xanh quanh hè, hay là trong thùng tiêu ; — Vậy nên ai uống nước sông nước rạch, nước ao thường hay bị ẩu tả. Ai mà ăn rau, cải, cùng trái cây rửa hay là tưới với nước dơ đó cũng có thế mà đau nữa. — Ở chợ búa, con ruồi nhứt là độc hiểm lắm ; con ruồi nhứt là ruồi xanh, đậu nơi phẩn, ở trong cầu tiêu, ở nơi cống, nơi đầu mươn, ch ỗ đơ dáy độc hiểm, khi đậu mấy chỗ đó thì cẳng nó dính trùng độc và bay đậu chỗ khác, nơi bánh, thịt đồ ăn, đồ u ống trong chợ, đậu đến đâu để dính trùng độc đến đó. Ông docteur Montel, lúc còn ở Châu-đốc và Kampot đã có thấy rằng năm nào lúc trời độc, hễ có ruồi nhiều thì năm đó lại có bịnh ẩu tả nhiều lắm. — Người bịnh

đau, cũng là độc lắm cho bà con ở nhà cũng là xóm láng riềng.— Chén bác của người bịnh dùng rồi cũng là độc; quần áo cũng vậy, khăn khiếu mền mùng cũng vậy. — Mấy người nuôi bịnh ẩu tả, cũng có thế mà đem bịnh đến chỗ khác nữa. — Tay chơn, áo quần của họ, chà lết gần người bịnh thì cũng có dính trùng độc được và đem lây đến chỗ khác được. Cũng có người trong ruột có trùng độc ẩu tả, song có ít hay là trong mình mạnh mẻ, qua lước được không đau, cùng đau chút đỉnh, chảy hay là chột bụng một chập thì hết ; — Song phần của mấy người đó cũng là độc hiểm và cũng có thế mà làm cho nhiều người khác đau nặng vậy.— Vã lại, muốn tránh bịnh ấu tả thì đứng uống nước lạnh; nước phải nấu cho sôi ; — phải trừ ruồi, đừng cho nó đậu trên đồ ăn, đồ uống; đừng ăn hàng bánh có ruồi đậu nhiều. — Rau sống, trái cây sống, điều, xoài, dưa, trái dâu, trái trường, chẳng khá ăn đến, vì ăn vô hay đau ruột chãy, mữa, và thường khi trong lúc trời độc, trong mình mình hay có trùng độc. — Trùng độc dùng dịp bụng mình yếu, đau mà làm ra bịnh nặng được. Bởi vậy trong lúc dơ độc, cũng chẳng nên uống thuốc xổ lắm.

Phải nhớ, trước khi ăn cơm, phải rửa tay bằng Savon, rồi rửa lại với rượu mạnh cùng nước có bỏ thuốc tím.

Khi có một người đau, lập tức cho quan thầy hay, đặng đem vào nhà thương mà chửa trị bịnh ; có nhiều khi cùng hết bịnh, lành mạnh được, vì thuốc men phải chít cũng săng sóc cho họ liền liền và phải có người biết nuôi dưỡng; sau nữa đặng mà lánh sự truyền nhiễm cho mấy người ở gần. —Có người thấy có bịnh đó lật-đật đem giấu nhà nầy nhà nọ, chùa nầy chùa kia : sự làm làm vậy là độc nhứt vì bịnh đem chỗ nào hại đến chỗ nấy. —

Như ruồi chết thì phải chôn mau mau và trong hàng phải bỏ vôi cùng nước cré-

sự với mặt cưa. Đám tiệc, ăn uống đông đảo chỗ độc cũng là hại lắm và cũng có thế dễ mà làm cho bịnh truyền nhiễm cho cả xóm cả làng nữa. Có thuốc để dùng mà chít cho mấy người mạnh đặng mà chẩn bịnh ẩu tả ; — chít một lần rồi bảy tám bữa chít một kỳ nữa.— Thuốc chẳng hạnh chi cà, song như trong mình có đau bịnh khác cũng phải hỏi quan thầy coi rồi mới dám.—Cũng nên chít mà phòng hờ trong mình, vì chít hai lần có thế mà tránh bịnh được cả năm. —Thôi mấy lời chỉ sơ xin bà con lo đến mà giữ mình và làm ra có ích lợi cho xóm láng riềng.

Dr TRẦN VĂN ĐÔN

Việt sử tiểu truyện

Truyện đời Hùng-Vương *(tiếp theo)*

Sữ-đồng-Tử gặp thầy đắt đạo

Vua Hùng-Vương thứ ba có một người con gái tên là Tiên-Dung công-chúa, nhan sắc tuyệt vời trên đời có một. Tuổi đã được 18 mà chưa chịu lấy chồng, chỉ ham vui chơi theo thú tự nhiên non xanh nước biếc. Vì nàng công chúa thông minh, cho nên vua yêu thương như ngọc, chẳng cấm chẳng rầy, để cho nàng tự do ngoạn du phong cảnh.

Mỗi năm đến lúc mùa xuân mát mẽ, thì nàng dắt quân thể nử chèo thuyền đi chơi nơi mạn sông Chử-xá mà vui thú xuân-sơn.

Thuở ấy trong làng Chử-xá có một người tên là Sữ-cù-Vân có đứa con trai tên Sữ đồng-Tử. Cha con vốn là người đức hạnh phụ từ tử hiếu, cho nên nhà giàu có dư dã, lại thường hay bố thí thi ân cho kẻ nghèo người khó. Chẳng may gặp khi vận bỉ thời suy, nhà bị hỏa tai, tiu điu sự nghiệp, của cải sạch trơn, chỉ còn có một cái khố vải mặc trong mình. Cha con ấm lạnh chỉ nhờ có một cái khố vải ấy, có đi đâu thì thay đổi cho nhau mà mặc.

Sữ-cù-Vân tuổi tác đã cao, mà lại xưa kia là nhà cao cữa rộng, rày phải cơn lao khổ, đói rét thất thường cho nên phải mang bịnh nặng. Lúc bịnh ngặt rồi, người mới kêu con mà nói: «Nầy con ơi, chẳng may cha thác đi rồi, thì con cứ táng trần cha đi, con bãy để cái khố lại mà mặc thân che lạnh.»

Sữ-đồng-Tử nghe cha dặn mấy lời, lòng càng đau đớn, nước mắt chứa chan. Đến khi cha mất rồi, chàng không nỡ dạ nào trần táng cho cha, bèn lấy khố quàng liệm mà chôn cất.

Xong rồi thì chàng phải trần truồng rét lạnh, cái cảnh lại càng xa xót hơn xưa. Thân đã như thế bây giờ mới biết làm sao mà nuôi mình cho sống? Thân thì loả lồ, biết làm sao mà đi mần mướn xin ăn? Vậy ngày ngày chàng phải nương náu dưới sông, trầm mình dưới nước, chờ khi thuyền buôn bán lại qua thì lội ra mà xin ăn đỡ đói. Thuyền buôn vắng thì phải làm sao? Không lẽ ngồi chờ chết. Mà tiền đâu mua chỉ sắm câu? Vậy chàng tìm dây cây cỏ, kiếm lượm cây sắt nhọn mà mài uốn lưỡi câu, náu hình câu cá đem phơi nướng mà ăn cho đỡ cơn đói khát, hoặc đem bán đổi cho thuyền buôn mà chi độ hồ khẩu.

Đêm kia nhằm khi trời thanh gió mát, lại nhằm buổi trăng tỏ mọc lên, Công-chúa Tiên-Dung mới thừa lương sai chèo thuyền dạo cảnh, cờ xí nhấp nhô, đèn lồng sáng rỡ, lại thêm thể nử ca xang, tiu thiều nhạc trỗi, đờn sáo trống chiêng bên tai rầm rĩ, Sữ-đồng-Tử khi ấy đương ngồi câu nơi bãi cát bồng nghe tiếng trống chiêng kèn sáo bèn xem thấy đuốc cờ tàng,

trạo phu reo hát, giựt mình biết có Công-chúa du chơi. Thuyền đi phấp phới, lướt nước như bay, chút đã đến gần, Sử-đồng-Tử không biết đâu chạy trốn, bèn chạy vô đám lau nơi bải cát mà moi cát chun xuống vùi mình, chừa đầu lên mà thở.

Lúc ấy mây lên áng khuất bóng trăng còn tỏ mờ mờ, thuyền Công-chúa đi qua gần bải cát, thấy nơi trống trãi, cát non trắng sạch, bèn biểu quân đáp thuyền mà lựa chỗ che màng làm trại tắm.

Công-chúa bèn lên đứng trên bải cát nhìn xem phong cảnh tư bề, gió mây mát mẽ Ngó qua phiá mặt thấy có một nồng cát lau sậy le the, bèn đẹp ý, biểu quân giăng màn tứ phiá, rồi đem mấy thùng nước trong vô màn ấy mà tắm, chẳng ai dè rằng trong ấy lại có người đàn ông.

(*Sau tiếp.*)

CÔNG-THƯỜNG-SINH.

Gương luân lý

Gương khiêm tốn

Chuyện ông Turenne

Ông Turenne là tướng có danh bên ước Pháp. Lúc ngài mới thắng được một trận to danh vang lừng lẫy, mà hiều bữa ấy ngài viết giấy gởi về ho vợ hay, chẳng thấy có một lời hi tự khoe mình cả. Ngài nói ằng: « Quân nghịch nó đi tới ngay inh ta, nhờ Trời binh ta đánh thắng ó vỡ tan; trong ngày ấy tôi có hơi nệt mỗi một chút; bây giờ tôi xin hào chúc phu-nhơn, và tôi đi ghĩ. » Ngài chỉ nói bấy nhiêu, chớ không khoe tài, khoe mưu kế, cùng à cách điều binh khiển tướng của mình. Có ai tặng khen ngài vì nhờ mưu mô thao lược mà thắng trận hì ngài chỉ nói thoát rằng chẳng phải ại ngài giỏi, ấy tại quân nghịch bị ầm mà thôi. Khi có chạy tờ báo tin hắng trận, ngài chẳng quên kể đều hi hết, duy có không nói là nhờ mình má thắng trận. Khi có ai hỏi hăm ngài thuật chuyện ra binh khiển ướng đánh giặc thì ngài nói như là kẻ đi coi mà thôi.

Ngài có đánh thắng trận đâu mà rở về thì ngài hay ẩn trốn không muốn cho bá tánh tung hô khen tặng mình và chẳng hề dám về trào ra mắt thượng hoàng sợ e mắc phải thọ lãnh những lời bạn khen.

Ngài làm đến bực tướng soái mà chẳng hề hay chưng diện, bắt chước theo mấy bực anh hùng đời xưa của dân La-Mả. Thường khi nhiều kẻthấy ngài đi chưn không, đến nhà thờ mà đọc kinh, chớ chẳng có một tên quân nào theo hầu tiền hô hậuủng gì cả.

Ngày kia ngài đi dạo chơi ngang qua một đám thợ thầy đương đánh trái đạn mà chơi. Mấy người thợ thấy ngài mà chẳng biết, mượn ngài làm giám cuộc, xữ coi ai ăn thua. Ngài bèn lấy gậy mà đo thử, rồi mới nói người nào ăn thua. Anh thợ bị ngài xử thua nỗi giận mắn ngài; ngài mĩn cười, bèn cầm gậy sửa soạn đo lại, kế thấy nhiều ông quan võ đi tới, thấy ngài bèn cúi chào. Tên thợ hồn hào mời rõ lại là ngài, trong lòng ăn năn sợ hãi bèn xin tạ tội. Ông tướng soái chỉ nói rằng: « Nhà ngươi tưởng ta muốn xữ hiếp gạt ngươi thật lầm to quá. »

Ngài ít khi đi xem hát lắm. Nhưng có một bữa kia ngài vào rạp hát ngồi một mình trong một cái phòng. Sau có một đám công tử, công hầu chi ở tĩnh ăn mặc rất trang hoàng cũng đi vào đó, thấy ngài mà chẳng biết, biểu ngài phải nhường chỗ trước cho họ ngồi. Ngài chẳng nhường thì họ lại dám giựt nón và bao tay của ngài mà quăng lên sân khấu. Ngài chẳng tỏ lòng giận giỉi chi cả, biểu một anh hoàng nhỏ ngồi gần đó lên lượm giùm. Chừng mấy người kia nghe đến tên chức ngài, thì biết nước lỗi, lấy làm hổ thẹn muốn trở ra đi: Ngài cản lạimà nói: « Chỗ chật ta ngồi ép nhau lại cũng đủ cho nhiều người được mà! »

THANH-PHONG.

VĂN CHƯƠNG NÔM

Nhị độ mai chú giải (*N° 11*)

(Tiếp theo)

Thu đông trải bấy gió trăng,
Bông đào trót đã báo chừng nửa xuân.
Một vườn cảnh vật tiêm tân, (123)
Mỗ xa kiến bướm, kệ gần lưỡi oanh.
Trần công phải buổi dạo quanh,
Đầy vườn thấy nở bấy nhành hoa mai.
Tính ngày mai, đêm hai mươi.
Truyền làm tiệc rượu, đặt nơi hoa đình.
Vào trong khi bất thình lình.
Phu nhân xem thấy ra tình không vui.
Rằng: vườn ta cảnh ưa người,
Sắc ông sao bỗng kém tươi thêm sầu?
Ông rằng: « chẳng đánh mà đau!
Ngày may sực nhớ đồ đầu *Mai* huynh;
Nghĩa bằng hữu, bực trung trinh,
Thấy mai hoa bỗng động tình xót ai.
Rạng ngày mượn tiếng thưởng mai,
Đem lòng thành kính viếng người tinh anh
Có thiêng chăng nhẽ mai huynh?
Chớ nề u hiển (124) thấu tình anh em.
Bây giờ kẻ khuất đã cam,
Kẻ còn rông ruổi cho tìm thấy tôi »
Trông hoa lại dặn bấy lời,
Họ Mai còn chút lạc loài nên th ơng.
Phỏng ngày sau có ra tuồng,
Thời hoa lại nỡ bội thường hơn xưa.

*
* *

Hóa nhi khen khéo lẵng lơ;
Bỡi đâu một trận gió mưa đêm trường?

Rạng mai trông tỏ bốn tường,
Nhành hoa dưới đất, mùi hương trên trời.
Trần công thấy chẳng như lời,
Thương tình bạn, giận sự đời ngổn ngang.
Gác ngoài phú quí một trường,
Mũ ni trường các quyết đường xuất gia. (125)
Phu nhân công tử vào thưa :
Xưa nay mưa gió rụng hoa đã thường.
Làm chi nhọc bụng lo lường.
Tuổi già, nhà vắng, thêm đường dỡ dang.
Ông rằng : « Thôi ! chớ bàn ngang ;
Một lời nói dẫu ngàn vàng đổi đâu? »
Cả nhà xiết nỗi thẫm sầu,
Tiểu thơ lạy trước thưa sau tỏ bày.
Rằng: xin đợi lại bấy ngày,
Cầu Trời khẩn Phật hoa nầy lại tươi.
Ông rằng: thiệt có như lời,
Mai hai độ nở mới dời lòng ta.

*
* *

Tiểu thơ ra trước vườn hoa,
Khẩn năm bảy lượt, lạy vài bốn phen.
Lòng thành thấu cửu trùng thiên,
Nhành phàm đã chấp hoa tiên bao giờ,

*
* *

May sao đến bữa thứ ba,
Mai sanh thức dậy, bây giờ còn khuya.
Hương đâu phức phức tư bề?
Hoa đâu xác xác đầy khê một vườn.
Tấm lòng mừng rỡ như sơn,
Đề thi tứ tuyệt thất ngôn một *bài:*

Bấy dải quỳnh mai ngất bóng gần,
Móc mưa một trận giục tin xuân.
Hoa đêm xưa thế, đêm nầy thế,
Rụng lại thêm tươi dễ bấy lần ?

Đề rồi bẻ một nhành *mai*,
Trao con đòi, cậy thưa lời Trần công.
Một nhà thấy sự lạ lùng,
Trước sau một lũ đều cùng ra coi.
Trần công rằng: sự tỏ mười,
Chắc rằng *Mai* thị còn người làm nên.
Nỗi tu gác để một bên,
Truyền đem tửu quả đặt trên hoa đình.
Trên bày bài vị Mai huynh;
Bây giờ tình cảnh mai sanh thiệt thà.
Tầm nơi đình tử (126) xa xa,
Trông ngay trước mộc-vị cha thở dài.
Vô tình ai biết là ai ?
Tiều thơ liếc mắt đưa chơi biết tình.
Sanh xem biết ý chơn thành,
Nỗi nghi dường đã bớt canh cạnh lòng.
Nhớ tên hiệu chữ Mai công,
Đề vào mảnh giấy dán trong tráp hòm. (127)
Ra vào giấu giếm nom dòm,
Gọi là tiện chút sớm hôm phượng thờ.

*
* *

Trần công đi lại xem hoa,
Truyền đòi công-tử tên là *Xuân* sanh.
Rằng: ta xưa những ở kinh,
Chẳng hay con đã học hành tấn chưa ?
Rày nhàn nhị độ mai hoa, (128)
Con đề tức cảnh một thơ tấn trình.
Còn đương truyền bảo Xuân sanh,
Trông lên đã thấy bên bình có thơ.
Trần công đòi hỏi bây giờ
Mới hay đề đấy là thơ bĩ-đồng.
Khen câu ngọc đúc vàng dung, (129)
Vóc trong miệng, gấm trong lòng vẽ nên. (130)
Xuân sanh thấy sẵn thi trên,
Cũng theo vận ấy đề liền bốn câu.

Bấy sắc mai hoa bóng dễ gần,
Khác chi hớn hở một nhà xuân.

Chừng cho trời khiến hoa kia nở,
Xưa một lần nay là một lần.

(*Còn-nữa*).

Giải nghĩa chữ mắc (*Tiếp theo*)

(123) *Cãnh vật tiềm tân*, cảnh vật đều xem ra mới, cây cối xanh um, cỏ cây tươi tốt.

(124) *U hiển*, chỗ tối, chỗ âm-ti. Chớ nệ rằng người sống kẻ chết, xin hiện về cho có bạn. Câu ấy bắt chước trong câu Kiều : *Chớ nề u hiểm mới là chị em*.

(125) Quyết xuất gia đầu phật, đội mũ ni (mão thầy chùa) mặc áo trường các (ca-sa), không màng chi phú qui danh lợi nữa.

(126) Kiếm một chỗ đinh ở xa xa.

(127) *Tráp hòm*, cái rương, cái tráp — Ngoài Bắc kêu cái rương là cái hòm.

(128) *Nhị độ mai hoa*, hoa mai nở lần thứ nhì, vì thế nên lấy ý đó mà đặt ra tựa quyển thơ *Nhị độ mai*.

(129) Câu thơ, hay sánh như vàng như ngọc, qui.

(130) Văn hay cũng sánh như gấm vóc. Ván ông Lý-thái-Bạch ha người ta khen vóc trong miệng, gấm trong lòng mà ra (Cẩm tâm tú khẩu).

T. T.

THỜI-SỰ NAM-KỲ

Lễ Quốc-tang cụ Phan-châu-Trinh

Sau khi nhựt-trình đã rao (!) tin cụ Phan tạ thế, gần thì Saigon ta đây, xa thì khắp cả Lục-châu và Trung, Bắc-kỳ, đâu đâu cũng chộn rộn về sự cất đám cụ Phan, đâu đâu cũng bàn luận về sự tổ-chức lễ quốc-tang. Thấy nói lễ quốc-tang thì nhiều người thức-giả lấy làm lo lắn lắm, mà chúng tôi đây cũng đã lo lắn sợ sệt như ai. Vì sao lại lo sợ cho cuộc tổ-chức lễ quốc-tang? Vì rằng đương buổi quốc-gia khuynh-nguy nầy, quốc-hồn mê mẫn, quốc-thị mơ màng, quốc-túy phai màu, quốc-hoa lợi vẻ. cho đến quốc gì, quốc gì nữa cũng toàn là dỡ dang dang dỡ cả; nay bỗng nghe đến quốc tang, thì cũng phải lo sợ mà tự hỏi rằng: lễ quốc-tang nầy tổ-chức chưa biết chắc có được hoàn toàn không. Lễ quốc-tang được hoàn toàn thì chẳng nói làm chi, nếu vạn nhứt lễ quốc-tang mà không ra quốc-tang, thì có phải là quốc-dân đã đắc tội với cụ Tây-Hồ ở nơi chín-suối mà quốc-thể ta lại phải thẹn nhục với thiên-hạ trên cỏi dương-gian đó không?!

Đến nay lễ quố -tang đã hành, dưới ba thước đất khách anh-hùng đã ra người thiên-cổ. thì bao nhiêu cái bụng lo bụng sợ đã đổi ra cái bụng vui bụng mừng cả, vui vì cộc tổ chức đã thành công, mừng vì lễ quốc-tang long trọng.

Sáng ngày chủ-nhựt 4 Avril cất đám, thì tối thứ bảy ở trên con đường Pellerin — linh cửu cụ để tại nhà số 54 đường ấy — người ta qua lại tấp nập, cái quang-cảnh có giống như bốn phía chợ Bến-thành vào mấy bữ chợ đêm 28, 29 Tết, song có một đ khác là ở đây người tuy đông đ mà vẫn có vẻ yên lặng và người n cũng có đeo băng hoặc đen hoặc trắn Vao lúc 8 giờ đêm ấy, tôi cùng b bạn nữa dạo ra Chợ-mới. kiếm hà cơm Các-chú để vào ăn, thì đã g hai ba bàng đều đầy những người người chật nức.

4 giờ sáng tôi ở Giadịnh lật đật d ra uống café và mua giấy xe điện ra Saigon, thì trông thấy mấy hi café Giadịnh đều hết chỗ ngồi c Lúc bước lên xe điện thì người đô như nêm. Đến lúc 6 giờ thì khởi hàn Khi còn ở trong đường Pellerin t còn hơi lộn xộn, khi đi đã đến đườ Norodom mới được chỉnh-túc: cứ m hàng 4 người đi về phía tay m không hút thuốc, nói chuyện và m khi đến ngã ba ngã tư, gặp xe t dừng lại để xe qua trước.

Đám tang đi mãi tới chừng lối hơ 10 giờ thì mới tới Tân-sơn-nhứt. Lú tới nhà mồ, ông hội trưởng hội G công Tương-tế đứng lên đọc một b điếu văn như sau nầy:

Bài điếu-văn của hội Gò-công Tương-tế

Thưa cụ

Ở đời có nhiều vận-hội, làm ch con người phải đau đớn buồn-rã mà cũng có cuộc làm cho ta đụ

n vinh hạnh-phúc. Vận hội ấy là
hội hôm nay đây.
Thưa cụ, cụ là một nhà Đại-chi
Việt-Nam, bình sanh cụ thương
ực yêu dân hơn gia-đình thê-tử.
ời Annam xa gần, ai ai cũng đều
h mến cụ. Chúng tôi là người An-
n, bởi vậy khi chúng tôi hay tin
ta thế. thì thảy đều thán tích buồn
vô cùng, nhưng mà chúng tôi
c nghinh tiếp linh cữa của cụ vào
ĩa-địa chúng tôi thì chúng tôi
làm hạnh phúc lắm.
ậy hội Gò-công Tương-tế chúng
tạm bày lễ mọn nầy, cúi xin cụ,
ng một ly rượu, một chén trà
chứng lòng thành của hội chúng
kính mến một nhà Việt-Nam Chí-

Thưa cụ, chúng tôi vẫn biết, chí
cao tợ non, lòng cụ rộng dường
n, nên chúng tôi chắc cụ cũng coi
ồn bể ấy là nhà »
hôm nay chẳng may cụ tạ thế
ng xứ Nam-kỳ, hài-cốt quí báu
cụ gởi trong một khoảnh đất
tuy hẹp hòi thấp thỏi không
ng với tâm tánh cao-thâm của cụ
c đầu, nhưng mà cũng là một
ảnh đất Việt-Nam, nên có lẽ cụ
ng vui lòng nơi chín suối.
Vậy chúng tôi cúi xin cụ an giấc
n thu nơi Nghĩ-địa Gò công chúng
chúng tôi nguyện sẽ xem sóc gìn
i bồi bổ phần mồ cụ đời đời.
Gạt lụy dưng lời thành thiệt, chúc
hương hồn cụ cỏi thọ tiêu diêu.
Đọc dứt lời, có một người thay mặt
đảng lao-động đọc một bài ai-
ếu cũng rất là ai-bi và hùng hồn,
ưng tiếc rằng không có bổn thảo
nên không có thuật ở đây.

Đoạn đến ông Lê-văn-Huân thay mặt cho anh em, chị em ở Trung-kỳ đọc một bài khá dài như sau đây :

Bài điếu-văn của ông Hoàng-thúc-Kháng

Tây-hồ Phan-tiên-Sanh,

Ngày nay là ngày Tiên-sanh và anh-em chúng tôi vĩnh quyết! tôi xin thay mặt cho đồng-bào Trung-kỳ đứng ngay trước linh-cửu Tiên-sanh và trước mặt đồng-bào Tam-Kỳ mà tỏ ít lời ái điếu.

Vẫn biết kiếp người dường khách tạm sanh-tử là lẽ thường, Tiên-sanh chánh là người đại gia, chẳng bao giờ lấy làm quan tâm, nhưng mà trong lúc hiện thời nầy xã-hội Việt-Nam ta đặng một người ái-quốc nhiệt-thành như Tiên-sanh, tài học lịch duyệt như Tiên-sanh, nghị-lực như Tiên-sanh, khí tiết như Tiên-sanh chắc là ít có. Vậy thì cái sống cái chết của Tiên-sanh chẳng là có quan hệ cho dân tộc ta lắm ru ?

Một đoạn lịch-sử của Tiên-sanh hơn hai mươi năm trời, nào bị tù, bị đày, ở nước nầy sang nước khác, trải bao nhiêu phen nguy-hiểm, trong giây phút nầy không thế lịch thuật lại cho hết được ; chúng tôi xin tóm tắc lại mà nói sơ : Chủ-nghĩa Tiên-sanh đệ nhứt là đánh đổ chuyên-chế, làm dân quyền tự-vo, còn cái phương pháp tiến hành thì Tiên-sanh thường nói rằng : Tình-hình trong nước ta bây giờ, đang vào nguy-ngập, nếu muốn cải cách thì cần phải có liên lạc đoàn thể mới được. Tiếc cho người nước

mình, đương còn mê mộng, đồng chí với Tiên-sanh chẳng được mấy người, vì vậy mà tấm lòng bi-phẫn hóa ra uất-ức, uất-ức hóa nên đại-bịnh ; huống gì những đều mắt thấy tai nghe để làm cho Tiên-sanh cảm xúc mà đau được chết được, thương ôi !

Bắt đầu Tiên-sanh mới đau, trông thấy Tiên-sanh người đã gầy, khí sắc đã kém mà Tiên-sanh còn tổ-chức hai cuộc diễn-thuyết, diễn-thuyết rồi thì bịnh thế một ngày một tiến thêm. Đến khi Tiên-sanh bịnh đã trầm-trọng, mà Tiên-sanh vẫn cứ khẳng-khái như thường. đôi khi Tiên-sanh còn gượng dậy vừa cười vừa nói rằng : Tôi vẫn thường. chỉ thỉnh-thoảng một chút đỉnh thôi, rồi đây tôi sẽ về Trung-kỳ thăm ông SÀO-NAM, để chung cùng bàn định.

Ôi một người như Tiên sanh mà chỉ chưa thành tựu mà đã vội vàng già rồi, vội vàng chết rồi, đáng kính mến thay, đáng thương tiếc thay.

Từ khi Tiên-sanh đau, đến khi Tiên sanh mất, đồng-đào Trung-kỳ chúng tôi ở đây, chỉ có năm bảy người tới lui săn sóc, sự điều-hộ châu- toàn phần nhiều nhờ chị-em anh-em Nam-kỳ, chúng tôi vẫn tự lấy làm hối-bận.

Nói đến đây, càng khiến cho chúng tôi ngậm-ngùi mà bi-cảm vô cùng.

Thôi đất vàng một nắm, giấc mộng ngàng thu, sự nghiệp anh hùng, ngày nay kết cuộc, chúng tôi chỉ mong mai sau nầy những người kế chí Tiên-sanh, làm cho vẻ-vang dân-tộc Việt-Nam ta, thì linh-hồn Tiên-sanh sẽ được yên ổn mà ngậm cười nơi chín suối vậy.

Trót cùng ông Bùi-quang-Chiêu mới đứng ra thay mặt cho anh em chị em Nam kỳ đọc mấy lời vắn tắt mà cảm động như sau đây.

* * *

Bài điếu-văn của ông Bùi-quang-Chiêu

Chị em, anh em đồng-bào,

Cái quan-cảnh âu-sầu buồn bã mà chúng ta đặng thấy đây mọi người đều nhỏ giọt ai-bi để thương tiếc một đấng Việt-Nam Anh-kiệt.

Người ấy là ai ? Thì chúng ta đồng nhận là ông Tây-Hồ Phan-châu-Trinh vậy.

Ôi Tây-Hồ anh ơi !

Anh đã vì nước vì đồng bào mà lăn lóc trong đám chông gai, cl ẳng quản thân chẳng quản nhà mà chịu hao mòn tâm huyết, để yêu cầu đều công-lý sự tự-do, nên anh đã để xướng cái chủ-nghĩa Ỹ Pháp cầu tấn-bộ, cái chủ nghĩa cao-thượng ấy ngày nay các phái Pháp-Việt quốc-dân học thức đều quan nghinh sùng bái.

Than ôi ! !

Người thế ấy, ai ngờ mạng thế ấy khiến lòng người cho thiên-lý chưa đặng công. Chị em ơi, Anh em ơi. ai là người có tâm huyết mà chẳng đau lòng. Huống chi chúng ta một dòng Hồng-lạc, một máu Tiên-Rồng, bao đành ngơ lấp.

Tây-Hồ anh ơi ! !

Còn giây phút đây, âm dương hai ngã, phân kẻ còn người kiêm. Đau đớn thay ! Dưới suối vàng anh có thấu tấm lòng nầy chăng ?

Vậy tôi và anh em chị em đây xin thề cùng anh rằng nắm chặt mối dây

ɔàn thể Trung Nam Bắc để gìn giữ
nau mà bảo thủ cho cái chủ-nghĩa
háp-Việt đề huề ấy là chủ nghĩa
ıo-thượng mà anh đã thủ xướng lâu
ıy, đặng chúng tôi tỏ lòng bồi đáp
ıo xứng cái chí cả của đấng Việ'-
am chí-sĩ. Ấy mới rõ rằng anh tuy
ất mà cái chủ-nghĩa của anh sống
ɔn dài dặc.

Tây-Hồ anh ơi ! !

Trước vong linh anh tôi xin thề
ột lần nữa rằng, cái thân dư-sanh
ầy :

Nguyện hi-sanh cho xã-hội

Nguyện hi-sanh cho chủ-nghĩa Pháp-Việt đề huề.

Thế là liễu-kết đám táng cụ Phan-châu-Trinh. Quốc-dân đối với cụ Phan như thế, chưa chắc đã đủ đền công cho một nhà chí-sĩ, nhưng cũng đã tạm gọi biểu tấm lòng biết ơn người bỏ mình vị nước ; duy có một đều đáng thương tâm là xưa nay biết bao nhiêu vô-danh anh-hùng cũng chết vì nước mà không kẻ đoái người hoài vậy !

M. C.

Văn-tế cụ Phan-tây-Hồ

Than ôi! Tuồng thiên diễn mưa Âu gió Mỹ, cuộc nọ kém thua hơn được, ngó non-sông nên nhớ bậc Tiên-tri; dấu địa linh con Lạc cháu Hồng, người sao trước sau có không, kinh sấm sét hồi tai lòng hậu bối. Vẫn biết tinh thần di tạo hoá, sống là còn mà thác cũng như còn; chỉ vì thời thế khuất anh hùng xưa đã rủi mà nay càng thêm rủi. Lấy ai đây nối gót ngàn thu, vậy ta phải kêu người chín suối.

Nhờ ông xưa tú dục Nam-Chu, linh chung Đà-hải, Nghiệp thừa gia cung kim cũng pha đường, nền tác thánh thi thư từng thuộc lối. Gan to tày biển, sức xông pha nào kể sức muôn người, mắt sáng hơn đèn, tài lanh lẩu từ khi năm bãy tuổi. Vận nước gặp cơn giâu bể, đeo vai thân sĩ còn lòng đâu áo mũ xuênh xoang, thói nhà chăm việc bút nghiên, đấu mặc hào-hùng khi sạm cũng khoa trường thao đuổi.

Song le, khí vẫn tranh vanh, chí cùng viễn đại, tài Uạ-vê đương chứa sức hô-hào, tường Lồ-Địch quết ra tay đào thải. Đội tiến phong đâu tá? Gió đuy tân từ Đông-Hải thổi vào, gương ngoại-quốc kia là? sóng cách mạng bởi Âu-châu đồn tới. Dọc ngan trời đất, rực vẽ văn-minh, tức tối nước nhà cam đường hủ bại. Cá chậu chim lồng vơ vẩn thế, sau công danh thôi vất lối tầm thường, rồng mây cọp gió lạ lùng gì, miền thanh khí thử hỏ người trung ngoại Cậy tây học dặng dò phương « Tự chủ », Lư soa mạnh Đức so sánh người xưa mượn Đông Du thăm hỏi bạn đồn tâm, Hương-Cãng Huỳnh Tân lỏi le đường mới. Ba tất lưỡi mà gươn mà súng nhà cương quyền trông gi đã gai ghê, một ngòi lông vừa trốn vừa chiên, cữa dân chủ treo đèn thêm sáng chói, Phỏng khiến; Trình đ dân ta cao, trí thức dân ta giỏi, sức dân ta ngày một dồi dào, khí dân t ngày càng cứng cỏi. Một tiếng xướng có muôn tiếng họa, thần tự-do nê đũng đỉnh về đây . . . . . bạ người Việt với thầy người Tây mà chuyên chế dám dùng dằn c mải. Nào hay: Trời đã éo le, ngườ càng quỉ quái, chứa chan máu quốc nước vô hồn, xao xác tiếng gà, Trời mù mịt tối. Tràng nô lệ chung quanh là rắn rít, văn cứu thời khen khéo gây oan, ồ dã mang ngao ngán những hù n beo, miệng ái quốc hóa nên buộc tội. Thành Hanoi ùn ùn mây ác độc, nào kẻ lánh mình, nào người chống thuế, chữ âm mưu tỏ vẽ đủ trăm đường Đão Côn lôn rực rực lửa oán cứu thấy người yêu nước, thấy kẻ thương dân, tơ xướng loạn dệt thêu ra một mối. Mưa dào gió dập xui khách lưu ly, bể thẳm trơi xa, xát ông chìm nỗi. Thân, dậu, tuất, bấy nhiêu năm tân khổ, khi đào cây, khi lượm đá, giữa bể trân gió bụi cũng thung dung. Đặng. Hoàng, Ngô, ba bốn bác hàn huyên, khi dốc rượu, khi ngâm thơ, ngoài cữa ngục lầm than mà khẳng khái. Hội đen may cũng lần lửa, lòng đỏ vẫn còn hăng

hái. Quay đầu lại giã ơn từ đảo tấm, hân già còn nặng gánh giang sơn, ước chơn đi tìm bạn Âu-châu, đôi ay trắng quyết phất cờ xã hội. Ấn tái phạm vì lời thông Đức. Dạ ắt vàng chẳng kinh cùng chẳng hại. ương vỉ nhơn treo những bao giờ, ồn cố quốc về vừa năm ngoái. Trước hặt nào ai hớn hở, thấy ngựa xe uống ngẩn ngơ chiều, bên tai những iếng kèn van, nghe sưu thế càng gao ngán nỗi. Dnới miệng cọp gởi àng con đỏ, phúc trùng lai thêm ận dạ thơ lương, Trên quyền người ầu g ống da vàng, lòng cảm tử quyết ia quân hậu đội. Ước những chuông ều trống nhịp, khắp bà kỳ chó vạng ếng reo hô, mới là anh trước em sau, ắc một lũ để đồng bào gắng gỏi. Khéo ô tình trời chẳng chìu người, nên bất anh mừng mà hoá tủi. Tiệc hoang ghinh mới đó, nảo nùng rượu chưa phai mùi, hội truy điện liền đây, thấp thoáng hương trà đà bén khói. Anh em ta đất rẻ đôi đường, tình chung một khối, Gánh tồn vong ai cũng nặng nề, nghĩa chung thủy lòng càng bối rối, sóng gió một con thuyền chung chạ, ngọn chèo đương lúc cheo-leo, mây mù muôn dặm đất xa khơi, dấu ngựa nhờ ai dong ruổi. Ngại ngùng thay người ngọc núi sa, ngậm ngùi những dọt châu mưa xối.

Thương ôi ! Bể hạc còn trơ trời xanh khó hỏi. Nghìn vàng khôn chuộc lấy anh hào, tấc đạ dám thề cùng sông núi. Trước đà giỏi thì sau nên giỏi nữa. dấu cọng hòa xin cũng ráng sức theo đòi, thác còn thiên thời sống phải thiêng hơn, thang độc lập quyết đều tay xin vói. Lời nầy ông có xét cho chăng ? Lòng ấy đà soi dọi.

CÙNG CHƯ ĐỘC GIẢ

Bổn chí đã gắn công tìm tỏi đem những bài hữu ích vào Khoa học tập chí đến nay, mong cho đồng bào ta nhiều người được xem mà học cho mở mang thêm đường học thức. Bởi vậy bổn chí mới chẳng nệ tốn hao mà gởi cho không nhiều người nghèo khó có lòng muốn học mà chẳng có sức mua sách cùng tạp chí mà học. Còn như những đọc giả có tiền, đủ sức mua nhiều sách vở, tạp chí cùng nhựt báo, thì nghĩ cho trong một năm trả 6 đồng bạc chẳng phải nhiều mà lại được một phần ơn với đồng bào, bởi tạp chí lập ra đây chẳng phải vì tư lợi mà vì sự ích lợi chung cho đồng bào. Cho nên bổn chí thiết tưởng những độc giả có tiền không lẽ làm ngơ mà chẳng giúp cho tạp chí được khá lên mà mở rộng thêm cho có nhiều bài hữu ích cho đồng bào học nữa.

Vậy bổn chí xin nhắc mấy người mua tạp chí chưa trả tiền xin trả giùm cho bổn chí.

Luôn dịp bổn chí đính theo đây một tờ chịu mua tạp chí, như ngài nào chịu mua thì hãy biên tên họ nghề nghiệp và chỗ ở cho rõ ràng rồi ký tên, cắt tờ ấy ra mà gởi cho bổn chí thì sẽ có tạp chí gởi luôn cho; còn ngài nào không gởi lại thì bổn chí không gởi nữa. Vậy hễ được vài số thì xin hãy gởi mandat mà trả tiền cho bổn tạp chí, hoặc gởi một lược với tờ chịu mua cũng được,

K. H. T. C.

Tờ chịu mua tạp chí

(Bulletin d'Abonnement)

Tôi tên là *làm* (nghề nghiệp)
ở tại
xin ông Quản lý Khoa học tập chí *gởi cho tôi mua* (1)
tạp chí, giá là (2) , *tôi sẽ gởi* (3)
, *le* 192

Ký tên :

(1) Một năm hoặc nửa năm.
(2) Mộ năm 6$, nửa năm 3$.
(3) Theo đây hoặc ngày sau đây.

3e ANNÉE — Nº 131 — 22 AVRIL 1926

KHOA HỌC TẠP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1° — M. BUI QUANG-CHIÊU *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*
2° — M. LÂM-VĂN-HUÊ, *Commis indigène des Services Civils.*
3° — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics à Cholon.*
4° — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*
5° — M. NGUYỄN KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon*
6° — M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*
7° — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*
8° — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN. *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*
9° — M. TRẦN VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Paris.*
10° — M. TRẦN-QUANG-NGHIÊM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*
11° — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*
12° — M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3,00		

MỤC LỤC

Công nghệ đời nay..... 2318
Liệt sĩ tiểu truyện..... 2322
Liệt sĩ tiểu truyện..... 2324
Văn chương nôm..... 2327
Cách trí thiệt hành..... 2332

Công Nghệ Đời Nay

Nghề may áo quần và làm nón

Nghề may áo quần đờn ông cùng đờn bà đâu đâu cũng đều có ; đồ may bằng hàng vải đủ thứ, đủ kiểu, đủ hạng. Đồ mặc của đờn bà, may thứ tốt giá từ 1000 quan cho đến 30.000 quan, có khi còn mắc hơn nữa.

May áo quần có hai thứ ; thứ của đờn ông và thứ của đờn bà. May đồ của đờn ông thì có thợ may kêu là *tailleur*. Có ba hạng thợ may: hạng may đồ cho bực giàu sang vạn hộ, may những đồ tốt nhứt hạng cho bực giàu có sang trọng ở Paris và ở ngoại quốc ; hạng may đồ cho bực giàu có trong dân (bourgeoisie) may những đồ khéo mà rẻ tiền ; hạng may đồ cho những người giàu có bực trung (bourgeoisie moyenne). Sau nữa có thợ may may áo quần cho hàng dân giã tầm thường, kể hết hai phần ba số dân.

Thợ may cho đờn bà thì có bọn thợ may kêu là *couturières*. Những thợ may ấy thường lo bày chế kiểu áo may nhiều thứ đồ rất tốt các giá lắm, rẻ hơn hết là một ngàn quan. Những thợ may kế đó là thợ hạng nhì hạng ba để lo may đồ cho dân giàu có bực trung.

Sau nữa có bọn thợ may chuyên môn, chuyên lo may những áo quần mặc trong việc thể tháo, có thợ may áo choàn, áo lạnh, áo mưa, vân. vân.

Những vật liệu để dùng ma may thì là hàng tơ lụa, gấm vóc, nhung, tố, sa-ten, nĩ, vải, và các món trang điểm thêm, như là kim tuyến, ren, dây băng, bông, lông chim, lông thú, vân vân.

Muốn may thì trước phải có thợ đo mình người, rồi mới cắt vải, ráp lại, ủi xếp mà may lược đặng bận thử cho thợ xem lại, sửa đi sửa lại những chỗ sái, chừng nào người mặc xem cho vừa

bằng lòng cho may luôn hì mới may. Khi ấy thợ bèn i cho thẳng thớm mà may lỷ lưởng, tra núc đơm khuy, ung các món giền thêm ang sức thêm cho đẹp nữa.

Công việc lo cắt áo may áo ường có 2 thứ thợ : thợ ời đo cắt áo là thợ chánh và ợ coi may là thợ làm công. hợ may ăn công (à façon) là hi nào người mướn chịu ải, thì thợ chỉ tính lấy tiền ong mà ăn; còn thợ may harchand-tailleur) là thợ hịu vải chịu công. Thợ ấy ường khi họ nhắm độ ình người mà may ra sẵn o quần để dành bán cho iên hạ ai muốn dùng thì ua mà dùng.

Thợ may đờn bà thường hi thì cứ may ăn công chớ kẻ chịu luôn vừa hàng vải ra công may. Cách chừng 4 5 chục năm nay đâu đâu ang bày ra nhà hàng riêng để lo cắt may áo đờn bà bên Tây. Bên xứ ta mới chừng 20 năm nay cũng có bày ra mấy nhà may áo quần cho đờn bà.

Thuở trước chưa bày được máy may, thì các công việc may phải may bằng tay cả, cho nên may chậm mất ngày giờ, tuy vậy mà đồ may thật khéo và chắc. Ngày nay đâu đâu cũng đều dùng máy may, cho đến thợ may nho nhỏ, ở nhà nghèo trong chốn nhà quê cũng là. có một hai cái máy để mà may mướn áo quần. Nhờ có máy cho nên một người thợ chỉ trong một giờ đồng hồ mà có sức may được nhiều áo quần bằng năm bảy người thợ may bằng tay.

Máy may bày ra được đâu lối đầu thế kỷ thứ 19, song đem ra mà thiệt dụng được đều là cũng đâu lối năm 1850. Ngày nay người ta chế bày ra nhiều thứ máy may thật là tinh xảo lạ kỳ, muốn may muốn thêu vật chi cũng. đặng, mà mỗi máy đều thường khác nhau.

Nghề làm nón (Chapellerie)

Nghề làm nón bên Tây cũng có 2 thứ : làm nón đờn bà thì có thợ đờn bà kêu là *modiste*, và làm nón đờn ông có thợ kêu là *chapelier*.

Bên xứ ta đờn bà không có đội nón như đờn bà Âu

Mỷ, vậy ta chỉ nói về nghề làm nón đờn ông mà thôi.

Nón đờn ông có nhiều thứ tùy theo vật liệu để dùng mà làm ra nón, nào là nón nĩ, nón tơ, nón rơm, nón cây.

Nón nĩ (chapeaux de feutre). — Nón nĩ đã bày ra mà dùng lâu hơn hết và lại là thứ nón chắt tốt nữa. Nghe đâu bên Âu Châu người ta bày làm nón nĩ hồi lối rốt kỷ thứ 11. Nón nĩ tốt hơn hết làm bằng lông thỏ. Nón nĩ xấu hơn thì làm bằng lông chiên con, lông dê.

Làm nón nĩ thì nhờ nĩ có tánh hay đeo hay móc dính với nhau, nên người ta mới dùng nó mà nện mà ép ra một thứ nĩ vải kêu là *feutre*. Những nĩ có tánh ấy thì duy có nĩ lông chiên trừu, chớ lông thỏ thì suông sẻo trơn không hay móc nhau. Cho nên làm nĩ bằng lông thỏ thì trước khi hớt lông (nhổ lông) trong da ra phải dùng cách riêng thoa nước thuốc nó kêu là *secrétage*. Công việc ấy làm ở trong xưởng riêng; nơi ấy họ thoa thuốc nhổ lông, rồi lựa sắp ra từ hạng. Những nĩ lựa rồi, còn công việc làm ra nón thì nhiều lắm và khó tả ra, nay ta chỉ biết rằng công việc làm nón bây giờ thảy đều làm bằng máy móc trong xưởng lớn, có thợ cả trăm cả ngàn người.

Nón tơ. — Thuở trước người ta chỉ dùng nón nĩ cho đến năm 1760 tại Florence mới có bày ra nón làm bằng tơ lụa. Cho đến năm 1825 bên Pháp mới thấy nghề làm nón tơ được tấn phát. Từ ấy nghề làm nón tơ mới mỗi ngày mỗi được rảy khắp các nơi. Nón tơ làm bằng một cái sường ở trong ngoài may hoặc dán bao trùm một lớp tơ lên. Cái sường thường làm bằng nĩ mỏng sô, có hồ ép cứng, làm cho đừng hay rút nước được, hoặc bằng vải bô thường có hồ cho cứng. Lớp tơ ở ngoài thì là tơ lông dài dệt lên một lớp vải, xem ra có hình như nhung vậy. Làm nón tơ có ba thứ thợ: thợ làm sường (galetier); thợ hồ sường và lợp vải tơ lên sường (apprê-

eurs) và thợ coi may viền, ăng, vân vân.

Nón rơm. — Nón rơm để ùng trong lúc mùa hạ nóng ực. Làm nón rơm phải lựa ơm nguyên cộng có ống kể r cái lóng nó, nghĩa là bỏ ái mắt nó đi (nœuds). Như m nón thường thì chỉ núng rơm cho nó ướt nó ệu mềm cho dễ thắt ; còn m nón tốt thì trước phải nơi rơm ngoài trời và phải ông hơi sanh cho nó trắng, ôi sau mới thắt. Mà trước hi thắt phải đem rơm vào áy lựa cộng rơm cho ra ó hạng to hạng nhỏ. Thợ ờn bà thắt nón bằng rơm, hì thắt ra có dây như dây ăng (ruban) bề ngang lớn hỏ tùy theo cở làm. Thắt ra dài sẵn rồi, sau có thợ may nối dính nhau như khu ốc mà phải chìu theo cho ra cái hình nón.

Nón tốt của đờn bà thì làm bằng rơm còn tươi, có thợ khéo kết rơm thắt lại không thấy được lằng chỉ may ; nón ấy làm hình như cái chuông.

Nón cây. — Là nón làm bằng thứ dây cây như dây băng nhỏ sợi mà thắt lại. Nón có danh nhứt là nón làm ở Nam Tân thế giái, kêu là nón *Panama*. Nón ấy làm bằng lá cây kêu là cây *bombonaxa*. Cắt lá ấy ra từ mảnh sợi nho nhỏ như dây băng, rồi đem làm cho nó trắng, phơi nắng nó rồi giao cho thợ thắt.

Cách trí thiệt hành

Nói về nước uống và cách lọc nước.

Trong nước có những vật gì? — Nước dưới sông, dưới hồ cùng trong nguồn trong suối chảy ra chẳng hề có nước tinh khiết bao giờ! Nó lộn nhiều vật khác lắm nào là vật trộn lợn cợn trong nước, nào là vật tan ở trong nước.

Vật lợn cợn trong nước ấy là những bùn cát cặn cáo đất sét cỏ cây mụt vân vân. Những vật ấy lộn trôi trong nước, đến khi nước chảy ra biển hoặc biển hồ, thì nó đọng lại lần mà thành ra đất bùn non, đất bồi lâu ngày lên cao làm cho sông cạn. Múc lên một tô nước đục ở dưới sông, để một lát những cặn cáo ấy lần lần chìm xuống đáy mà đóng thì nước trong lại. Ấy chẳng khác nào bụi trong không khí, khi nào có yến sáng giọi vào chỗ tối ta thấy bụi trong không khí luôn luôn. Bụi ấy hễ bình tịnh, hoặc nặng thì nó rớt lần xuống thấp cho nên ta mới thấy có bụi đóng trên mặt ghế bàn của ta.

Còn những vật tan trong nước thì nào là vật mặn, vật chua, vật đắng, vật chác, như phèn như vôi, vân vân Mà vẫ chăng nước dưới sông là nước chảy trên mặt đất, nước trong nguồn, trong núi mà chảy ra, đi qua nhiều chỗ đất vôi đất phèn, vân vân thì những chất vôi phèn đều tan ra mà ở trong nước. Bởi vậy cho nên nước dưới sông rạch, hồ biển đều chẳng phải là nước tinh khiết, là nước ta không nên dùng mà uống liền. Muốn dùng nó cho được trong sạch kêu là nước uống được thì phải làm cách nào? Vì nếu để vậy mà uống thì đã dơ dáy mà lại e khi ta phải sanh bịnh nữa. Sao mà sanh bịnh? Bởi chẳng phải nó dơ dáy vì lộn nhiều vật khác mà thôi đâu, nó lại còn chứa muôn trùng loài tế-vi độc hại nữa; nó nhỏ lắm thì nhẹ không chìm lóng xuống đáy được thì tự nhiên dầu cho nước có lóng trong cũng không e là tinh khiết uống được. Nước trong suối mới ra thì chưa có con tế-vi, chớ hễ ra sông rạch rồi thì chừng một giọt cũng có hằng vạn ức con tế-vi ở trong ấy. Những loại tế-vi đó là tế-vi của các thứ bịnh, nhứt là những bịnh truyền nhiễm hại to lắm. Cho nên muốn uống nước ấy thì trước phải lo làm cho nước được tinh khiết, nghĩa là cho đừng còn một vật chi, một con chi nhỏ tí đến đâu, thấy cùng không thấy ở trong nước rồi sẽ uống.

Như vậy thì phải dùng cách nào làm cho nước tinh khiết? Phải dùng *cách lọc* (filtrage). Lọc đây nghĩa cũng như lược, song lược bằng đồ lọc làm bằng vật có lỗ trống rất nhỏ (corps poreux), nhỏ đến nỗi chỉ nước qua được mà loài tế-vi không qua được, thì nói chi đến cặn cáo là to hơn có thế nào qua được. Vật có lỗ trống nhỏ để làm đồ lọc tiện được thì duy có đất kiều hầm (porcelaine cuite) mà không có tráng lớp ê-mai thì để làm đồ lọc theo cách của ông bác sĩ Pas-

ér là rất hay.

Tuy vậy làm như thế thì chỉ nhà giu dùng được còn nhà nghèo thì phải làm sao ? Vậy họ chỉ dùng nước lóng trong bằng phèn, rồi đem nấu sôi để mà uống thì bao nhiêu tê-ri cũng phải chết hết cả. Nhưng mà có một đều bất tiện nữa là nước nấu sôi thì hơi khí trời trong ấy bay đi mất hết, uống vô nó không tiêu được. Muốn nó mau tiêu phải để nó nguội và lấy đánh nó cho khí trời chun lộn vô. Nếu có là mkỷ như vậy thì không sợ binh rét vỏ da, cùng ban cua mới trắng được.

Có kẻ lọc nước bằng thang cũng là một cách tốt lắm. Dùng một cái thùng đậy kín khạp, làm đồ ngăn có lỗ nhỏ, rồi ở trên đồ lên nhiều lớp cát sạch rồi nhiều lớp thang nát, cứ mỗi lớp cát thì mỗi lớp thang. Đổ nước lên lớp trên hết cho đầy, nước rỉ qua mấy lớp cát và thang mà xuống dưới thì thành nước lọc trong sạch vô cùng.

Cách lọc nước lấy hơi (Distillation de l'eau). — Làm theo mấy cách lọc trên kia thì chỉ làm cho bớt những vật trôi cợn trong nước mà thôi, chớ không thế nào làm cho nước tinh anh được. Muốn làm cho nước tinh anh thì duy có làm bằng cách đặt lấy hơi, cũng như đặt rượu vậy, mới là không còn lộn những vật tan trong ấy. Như vậy phải dùng một cái nồi nước để nấu nước lấy hơi kêu là cái *alambic*. Cái alambic là cái nồi đặt thơi nước, trong nồi đựng nước thường mà nấu: trên nồi có một cái nắp bầu để đựng hơi kêu là chapiteau. Cái chapiteau ăn liền với một cái ống ruột gà (serpentin) để trong nước lạnh, chót đầu ống ló ra ngoài. Hơi nước thành ở trong cái nắp bầu chạy ra ống ruột gà, nhờ có nước lạnh thay đổi hoài làm cho ống phải nguội luôn luôn, nên hơi nước ấy gặp lạnh bèn đóng lại mà thành giọt nước chảy ra ngoài đầu ống, nhờ có bình đựng nước để ngay đưới đầu ống mà hứng nước lọc ấy.

(Sau tiếp)

MINH-NGUYỆT

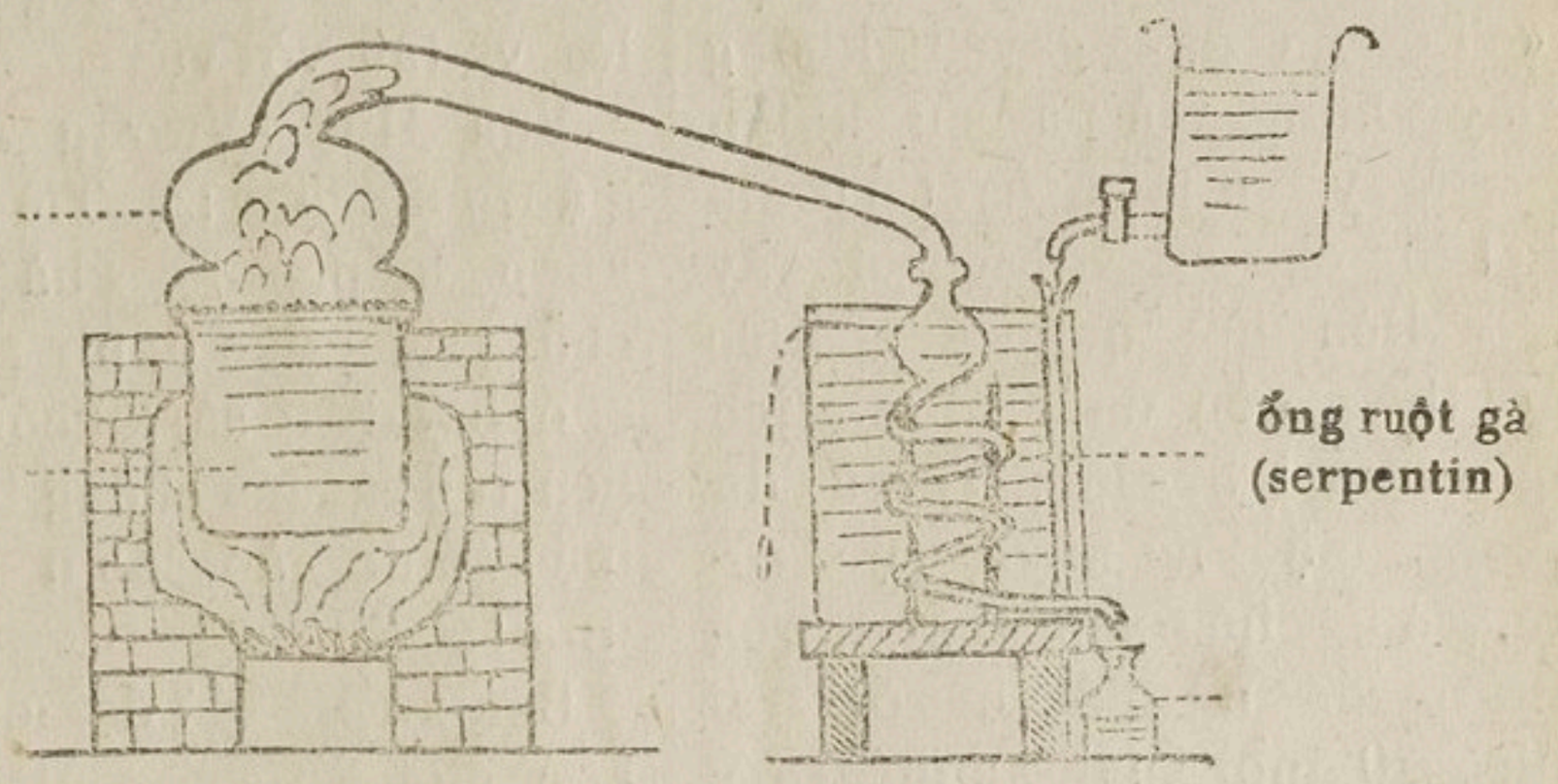

Cách lọc nước lấy hơi

Việt sử tiểu truyện

Sử-đồng-Tử gặp thầy đắc đạo *(tiếp theo)*

Ngoài màng hiu hiu gió phất, trên trời mây khuất bóng trăng, khi mờ khi tỏ, công chúa Tiên-Dung trong màng thay cỗi áo xiêm, mút nước tắm giây lâu, nước giội cát trôi, Sử-đồng-tử ló mình lên, chẳng biết làm sao, phải trồi lên, trong lòng rất sợ sệt. Công-chúa thấy hoản kinh bèn la lớn, thì Sử-đồng-Tử bèn sụp lạy xin tha thứ. Công-chúa lật đật mang áo xiêm vào, hối thế nữ dắc anh ta về thuyền mà tra hỏi.

Khi Công-chúa đã về thuyền, trang hoàng mĩ lệ rồi, biểu quân dẫn Sử-đồng-Tử ra. Quân cho chàng Sử mặc áo xiêm đến ra mắt Công-chúa. Công-chúa hỏi vì cớ nào, thì chà g kể lại hết mọi nỗi đầu đuôi.

Nghe qua công chúa rất động lòng, sanh cảm mối thương tâm, mới biểu quân dắc vào cho chàng tắm rửa sạch sẻ thay đổi áo xiêm tử-tế.

Khi ấy công chúa Tiên-Dung nghĩ rằng: « Ta vốn đã nguyện không muốn lấy chồng, mà nay sự khiến xui ra cớ nầy, âu là nguyệt lão đã xe tơ kết tóc cho tôi với người nầy chăng. » Bèn hối quân làm tiệc diên, nỗi thêm đèn đuốc, đờn địch ca xang và mời Sử-đồng-Tử ra dự tiệc. Chàng mặc áo xiêm rực rỡ, bước ra, công-chúa xem thấy tướng mạo đường đường một người trai thanh lịch 20 tuổi xuân xanh trong lòng đã khiến nảy tình thương. Khi công-chúa mời chàng ngồi tiệc thì chàng từ chối đôi ba phen chẳng được. Khi ấy công-chúa mới tỏ thật lòng rằng: « Chàng ôi ! Thiếp thuở nay vốn quen tánh du sơn du thủy ưa tự do mà bạn cùng nước biếc non xanh, cho nên đã nguyện chẳng muốn lấy chồng. Đến nay duyên trời khiến xui kỳ ngộ, gặp nhau một cách lạ thường nầy thì ấy là Trời đã định, xin chàng chớ khá chối từ. »

Ai nấy thấy sự dị kì cũng nghĩ cho là phải duyên tiền định bèn khuyên Sử-đồng-Tử hãy nhậm lời.

Sử-đồng-Tử mấy phen từ chối không dám mà cũng không được, nên phải nghe theo. Từ ấy Đồng-Tử với Tiên Dung đã kết nhau thành chồng vợ. Đêm ấy tiệc diên vui vẻ vô cùng; mãn đến canh tàn trăng lặng mới tan, vợ chồng mới về phòng an nghĩ.

Có kẻ vì muốn nàng công-chúa mà chẳng được, nay thấy việc đã thế nầy nên đem lòng ghét ngỏ, đêm lén về tâu với vua.

Vua Hùng-Vương nghe nói nổi giận mà rằng: « Tiên-Dung là đồ khốn kiếp, con nhà kim chi sao chẳng biết tiếc danh giá, hoang du chơi bời đàng sá, lại còn lấy kẻ nghèo hèn rân rác mà chẳng biết thẹn lòng, mặc mũi nào nhìn đến ta đặng nữa ! »

Bèn xuống chĩ dạy quan quân chớ khá cho về cung điện nữa. Công-chúa nghe tin lấy làm sợ hãi nên cũng chẳng dám về, mới nói với Đồng-Tử hối quân chèo thuyền đi

ếm nơi mà lập nghiệp. Bèn tìm được
ột chỗ nơi Trung-châu gần biển
à lập nên phố xá buôn bán với
n. Lần lần việc buôn bán càng ngày
ng thịnh, chỗ ấy thành ra một cai
ợ, sau lại thành ra một chốn phiền
đô hội, các khách buôn ngoại
ốc vô ra đông đảo, mà ai cũng tôn
Tiên-Dung là chủ cả vùng ấy.

Nơi chốn ấy lại có một người lái
ôn to, thường khi lai vãn chơi bời
ng vợ chồng Đổng-Tử. Ngày kia
ười lái buôn dưng ý rằng: « — Thưa:
ếu công nương có một trăm cân
ng, cho người đi với tôi, tôi sẽ
n đường vượt biển ra ngoại quốc
buôn những đồ quí báu, trong
ột năm ắt sẽ được lời thập bội. »
Công chúa nghe nói mới thưa cùng
ồng rằng: « — Nầy phu quân, vợ
ồng ta xưa nay đến đây lập nên
hiệp cả như vầy, vốn là Trời diều
c, cho ta đủ cơm ăn áo mặc lại
n dư dả thế nầy, thì là Trời phù
ta lắm đó. Vậy thì xin phu quân
y đem vàng ra ngoại quốc mà
buôn thử coi thể nào. »

Sử-đồng-Tử nghe lời, bèn đem vàng vượt bể với người lái buôn mà đi ra ngoại quốc. »

Ngày kia thuyền đi xuôi gió, vùng vụt như tên, xảy đến một chỗ cù lao, trên có núi cao chớn chở tên gọi là Quỳnh-lãng-sơn, thấy trên đảnh núi có cái am nhỏ, cây xanh, bèn đáp thuyền mà dạo xem phong cảnh. Thấy cái am nhỏ mà đẹp, vừa muốn bước vào xem, xảy có người bước ra chào mời Đổng-Tử, nói có thầy cho ra rước Đổng-Tử vào. Sử-đồng-Tử lấy làm ngạc nhiên, chẳng rõ sao ở đây lại có kẻ biết tên mình, bèn cũng theo vào. Vào trong thấy có một người đạo cốt tiên, hong mặt mày còn trẻ. Thầy ấy xưng mình là Phật quang bồ tát. Thấy Đổng-Tử có tướng mạo thần tiên nên muốn truyền cho phép Phật. Sử-đồng-Tử nghe nói rất mừng, bèn xin ở lại mà học đạo.

(Còn nữa)

CÔNG-THƯỜNG-SINH

VĂN CHU'O'NG NÔM

Nhị độ mai chú giải (*N° 12*)

(Tiếp theo)

Trần công vừa ý gật đầu,
Tiểu thơ lại thấy ở đâu đến gần?
Dạy rằng: nữ tử văn nhân,
Theo đòi con cũng hòa vần thử coi.
Tiểu thơ cầm bút vưng lời.
Bên tường cũng vịnh một bài nối *sau*.

Phẩm mai qui cách bấy hoa gần,
Lữ trẻ lòng thành hóa lại xuân.
Trời chớ dứt lòng trung nghĩa ấy,
Nên cho hoa lại nở hai lần.

Khen tài nhả ngọc phun *châu*, (131)
Ba vần già dặn, bốn câu thanh kì.
An xong ông trở gót về,
Cùng phu nhân mới nằm nì một hai.
Hỉ đồng là kẻ có tài,
Ở đây chớ để tôi đòi xem khinh.

* * *

Mai sanh hui hút bên đình,
Một mình tính quẩn bàn quanh việc nhà.
Xưa nay nghe tiếng đồn xa,
Phiền hoa (132) thứ nhứt ấy là *Châu Đương*.
Hôm nay có buổi thanh lương, (133)
Dời chơn xem thử phố phường những sao.
Chập chồng quán thấp lầu cao,
Ta Vương bấy chốn, *Nguyễn Đào* bấy nơi. (134)
Xe lừa, dù lọng chen vai,
Kìa nhà đại cỗ, nọ ugười phú thương.
Màn che mái, gạch lót đường,
Cửa nhà vàng bạc, rèm hàng lưu li.

Khắp người viễn khách cư kì,
Tây dương chung cảng, *Cao-li* riêng hàng
Lớp ngoài một dãy trường giang,
Tàu chen mũi đậu, thuyền giương bườm về.
Chài giăng xác xác lá tre,
Chiếc đua đánh cá, chiếc kề bến neo.

* * *

Những là mến cảnh nối theo,
Khi về vừa bóng xế chiều tới nơi.
Phòng riêng đã vắng tăm hơi,
Tráp hòm bỏ đó chỉ bài thấy không.
Tìm sau tìm trước lung tung,
Nghĩ riêng lòng những ngại lòng đòi cơn
Chẳng hay khi lúc du quan,
Tiểu thơ cùng với *Túy-hoàn* ra chơi.
Mở hòm liếc thấy mộc bài,
Ngạc nhiên cất lấy thưa lời đến ông.
Trần công rằng: mới lạ lùng;
Hỉ đồng nay thiệt Mai công-tử rồi.
Đòi Túy-hoàn mới dạy lời,
Dặn dò hảy thử ướm chơi xem tình.
Hoàn rằng: « hỏi hỏi Mai sinh!
Toan gieo cái vạ tày đình (134 bis) cho ai ?
Bây giờ Lư tướng nghe hơi,
Sai về trách cứ một hai lấy người.
Kẻo còn quanh quất những lời,
Còn nay Vương thị, còn mai Hỉ-đồng.
Mai sanh nghe tỏ sự lòng,
Chịu lời thú thiệt tỏ lòng van xin:
Mai nay muôn đội ơn *Hoàn*,
Mưu chi cứu được khỏi cơn đường cùng.
Túy-Hoàn mới ngỏ thiệt lòng:
Vưng lời trước thử, ướm lòng ấy, thôi.
Mới rồi nhơn thấy vị bài,
Tỏ tình ông dạy cho lời làm sao ?

* * *

Mai sanh lén lén theo vào,
Nửa mừng nửa sợ, biết bao nhiêu tình ?
Ông rằng: sao bổng giấu quanh ?
Nghĩ rằng ai chẳng là mình đấy ru? (135)
Thế mà bác những hẵng hờ,
Thử cho lỗi ấy từ xưa đến rày.
Lạy rồi sanh mới tỏ bày,
Từ ngày về quán, từ ngày nghe oan :
Bao nhiêu tình tự nguồn cơn,
Sơn-đông chia bước, *Hầu Loan* trở lòng;
Ơn Đồ-Thân, nghĩa Hĩ-đồng,
Dây oan khi cởi, cửa không khi nhờ. (136)
Bước đường xa, cái sống thừa,
Tấc riêng riêng những nào ngờ có nay.
Ông rằng: « nương náu ở đây,
Thù kia ắt cũng có ngày trả xong.
Niềm cùng công tử một phòng,
Anh em liệu đấy dốc lòng nghiệp nho.
Tình thế nghị nghĩa ngao du,
Văn chương tri kỉ, chuyện trò chiếu tâm,»

*
* *

Mặc ai gặp bạn tri âm;
Ông bà vốn những bàn thầm rỉ tai.
Mai sanh là bực thiên tài,
Câu văn cẩm tú, vẻ người y quan. (137)
Lòng ta muốn gả *Hạnh-Nguyên*,
Thiên tài, quốc sắc, (138) hai bên cũng vừa.
Chẳng lâu thấy đó bây giờ,
Bảng vàng rỡ mặt, đuốc hoa định ngày.

*
* *

Bà rằng được thế là may,
Thế thì lòng tuổi tác nầy cũng an.
Tha ra có một Túy Hoàn,
Ra vào nghe thấu chuyện bàn đinh ninh.
Gươm hai lưỡi, miệng trăm hình,
Cũng ra rông rã với sanh thì thầm.

Người quê khôn, khách thơ cầm,
Bên e tai vách (139) bên phòng hồ ngươi.
Ông tơ (140) khen khéo cợt người,
Đã xe vào lại thử rời bắc nam.
Làm cho chí tái chí tam,
Rồi ra đưa lại vào ngàm, mới thôi. (141)

(Còn nữa)

Giải nghĩa chữ mắc *(Tiếp theo)*

(131) *Nhả ngọc phun châu*, ý tặng sánh như bài thơ của ông Lý-thái-Bạch nói về một bà ái phi của một ông vua nhà Hán, ở trên lầu phun nước miếng xuống, gió thôi đưa đi rớt xuống thành hột châu. (Khen câu thơ hay quí sánh với hột châu)

(132) *Phiền hoa*, chỗ đô hội, ngựa xe dập dều, việc chơi bời đủ thứ.

(133) *Thanh lương* mát mẻ.

(134) *Tạ, Vương, Nguyên, Đào* là bốn anh giàu có, ăn chơi sung sướng lắm. Tạ đây chắc là *Tạ Huyên*, tướng đời nhà Tấn. Vương là *Vương Khải*, Đào đây là ông *Đào-Khẩn*, còn Nguyễn là *Nguyễn-Tịch*.

(134 bis) *Tày đình*, vạ to sánh bằng cái đình.

(135) Nghĩ rằng người chẳng phải một lòng với mình sao ?

(136) — Thuật chuyện lúc thắc họng có người cứu, khi vào chùa mà tu trì. Cửa Không là chùa Phật.

(137) *Y quan*, áo rộng xanh, theo như học trò lễ. chỉ là người văn-nho .

(138) *Quốc sắc*. Quốc sắc, thiên hương, sắc nước hương trời chỉ là người lịch sự trong đời. Cái sóng sắc của đờn bà đủ mà nghiêng thành đổ nước.

(139) *Tai vách*. Tục ngữ có câu: *Rừng có mạch, vách có tai*. Chỉ là ở đâu kính đáo, mình làm sự chi, nói sự chi cũng có kẻ rình nghe thấy.

(140) Ông Tơ. Tích Nguyệt lão xe tơ, chủ trương về việc vợ chồng.

Tích xưa hồi đời nhà Đường có tên Vi-Cố kén vợ. Có kẻ điềm chỉ cho anh cưới nàng Phan-Phóng. Ảnh đi ngang qua chùa Long-Hưng ngó thấy có một ông già ngồi dựa cái đẩy, tay lật sách mà xem dưới bóng trăng. Vi-Cố bèn hỏi là sách gì, ông ấy nói là sách *Hôn Thơ*, biên chép việc vợ chồng ở dưới nhơn gian. Vi-Cố mới hỏi : « Còn cái đẩy gì kia ? » Ông già nói là cái đẩy đựng dây tơ hồng để buộc chưn vợ chồng ở dưới thiên hạ. Hễ buộc vào cho ai rồi lhì dầu giàu có sang hèn, hay là nước nghịch kẻ thù thế nào, rồi đến sau cũng phải hiệp. Vi-Cố lại hỏi, còn vợ mình có phải nàng Phan-Phóng chăng? Ông già rằng: « Không, vợ chàng bây giờ mới được nên ba mà thôi, mà người mẹ là một kẻ ban rau nơi phía bắc trong làng. »

Vi-Cố bèn đi xuống chợ, thấy có một bà già tay bế đứa nhỏ xấu xa. Chàng tức mình đi về mướn đứa ở một muôn quan tiền đi giết cho được đứa nhỏ ấy. Bữa sau thằng ở rình chém, trúng nhằm chơn mày đứa nhỏ Đến 14 năm sau Vi-Cố cưới được con gái quan Thứ sử Tướng-châu là ông Vương-Thái. Về nhà thấy vợ mình cứ dán một miếng chi nơi chơn mày, bèn hỏi han nhiều lần. Vợ mới nói nàng là cháu quan thứ sử, cha nàng chết thuở nàng còn thơ nơi thành Tống, có người đờn bà nuôi nàng thường khi hay bồng ra chợ mà bán rau nuôi miệng. Xãy có một đứa du-côn chém trúng chơn mày, nên nay còn dấu theo. Vi-Cố nghe mới rõ, ông Tơ khi xưa nói phải.

(141) **Xe đi xe lại, tháo** ra tháo vò, đến sau rốt cột lại rồi thì việc vợ chồng mới là hiệp nhau mà thành đặng.

T. T.

Liệt Nữ Truyện

Người con gái có hiếu *(N° 8)*

(Tiếp theo)

Thanh-Tân dịch thuật

Chú lái buôn về nhà đã mấy ngày ay, nay thấy nàng còn ở tại nhà thì y làm lạ, mới lo đi tìm nhà bà Công-úa T*** mà đưa thơ gởi gấm của ang cầm; bà nầy cũng có được tin ước rằng nàng sẽ tới đây, cho nên ing đương trông đợi nàng. Chú lái on gặp bà và được lịnh đem nàng i rã mắt.

Từ ấy nàng mới lìa nhà ân chủ giã thiếm lái trong dạ đau đớn buồn u song nhờ có bà nầy bảo hộ, còn o cậy trông cho nên lần lần cũng ui ngoai sự buồn thảm. Đến nơi ấy người ra mở cửa có mang ga-lông ng ngở là ông quan thượng nghị o trong đến đi ra, vừa muôn cúi ào, chú lái buôn đánh xe cho nàng bèn nói nhỏ rằng: « Người đó là ười gát cữa của ba công-chúa đa.»

Lên tới thềm trên nàng thấy người gi cửa nằm chuông rung nàng không iu ý gì; song nang thường thấy ước tiệm co để chuông, nàng tưởng ch là để phòng trộm đạo. Vô tới phòng khách thay cách chưng dọn ng hoàng và cai cánh lặng lẻ im lim trong lòng nàng bợ ngợ vì xưa ay nàng chưa từng thay nhà ai dọn ợc tử tế như thế.

Lúc ấy trong nhà có người ta đông đủ, những kẻ thiến niên đương vầy nhu nơi bàn trong goc phòng, đều đa lại ngó nàng. Bà Công-chúa đương chơi bời với ba người khác thấy nàng vô bèn biểu lại gần và nói: « Chào con, con có đem thơ cho bà chăng.» Khốn thay! nàng không có lo sẵn trước, chừng nghe hỏi mới lấy cái đải ra, mở mà lấy thơ, tò mò lâu lắc mới được. Mấy người ngồi đàng kia xầm xì nhau mà cười. Bà Công-chúa lấy thơ mà đọc kỷ lưởng. Lúc ấy có một người đánh bài đương sấp chia thấy việc như vậy làm mất cuộc vui, ngồi gỏ tay nhiệp bàn mà ngó nàng. Nàng xem lại dương như người mập lớn khi xưa không chịu thâu đơn nang nơi thượng nghị.

Chừng thấy bà Công-chúa xếp thơ lại nói lớn rằng: «Thôi đánh Bóc tom chớ.» Nàng Prascovie sửng sốt thấy người dòm ngay mặt mà nói, tưởng la hỏi mình bèn nói: «Thưa ông hỏi chi?», làm cho ai nấy đều cười rộ lên

Bà Công-chúa nói rằng bà lấy làm vui đẹp mà thấy tánh nết nàng thuần hậu, lại có hiếu cùng cha mẹ cho nên hứa sẽ giúp nàng. Rồi day lại nói tiếng Phan-sa với một người đờn bà trong nhà rồi ra dấu sai biểu đi:

Trong mấy ngày đầu, nàng Prascovie ở nhà mới, lấy làm bực bội như ở riêng một mình nàng nghĩ, tha ở bên Hoát-sỉ-ly hoặc ở nhà người buôn bán còn vui hơn. Cách ít ngày coi hơi quen dễ chịu mới làm quen với mấy người ở trong nhà. Mấy người cũng

đều tử tế với nàng, không khác gì người chủ. Nàng Prascovie ăn cơm một bàn với bà Công-chúa, mà bà vì lớn tuổi hay bịnh tật ít khi ra ngồi bàn, cho nên nàng không dịp mà tỏ ý mình. Lần lần ai nấy cũng đều quen với nàng hết, bây giờ không ai lo đến nàng nữa.

Nàng thường khi mượn tâu giùm với bà Công-chúa cái ý mình qua đến đây và cái đều hi vọng của mình, mà hoặc bà ấy coi chuyện khó thành, hoặc người nàng mượn tâu giùm quên lảng hay sao, nên những lời xin của nàng chưa kết quả, cho nên mấy đều hi vọng của nàng, nay chỉ còn trông về bằng hữu ở bên Wassili-Ostrow mà thôi.

Khi nàng còn ở nơi nhà chủ trước, có ông quan làm việc nơi phòng chưởng ấn là M V... làm thơ ký của bà hoàng thái hậu, biểu nàng làm đơn xin cứu giúp, người sẵn lòng trình đơn cho. Người bèn giúp cho nàng 50 đồng bạc ngờ nàng cũng như kẻ bần khác và biểu nàng đến nhà người dạy việc. Bữa sau sáng sớm mai nàng qua đến, ông M... V.. mắt đi ra thành phố, thì có bà V*** rước nàng tử tế. Nghe nàng thuật chuyện thì lấy làm lạ và vui lòng lắm. Nàng rày gần được thành sở nguyện của mình rồi. Bà V*** biểu nàng ở chờ ông V*** về ; trong lúc ấy hai người chuyện vảng bà V*** lấy làm đẹp ý và thương nàng lắm..... .....

Chừng ông V*** về nghe lại thì ông cũng hiệp ý với vợ, biết nàng rồi thì mới ra sức giúp giùm. Vì người sẽ đi vào chầu nên hứa như may có việc gặp dịp sẽ gởi gấm nàng mong ơn chúa thượng, rồi biểu nàng ở lại ăn cơm và chờ tin tức.

Bà hoàng thái hậu dạy đem nàn ra mắt bà nội buổi chiu ấy lúc 6 giờ Nàng hay được tin mừng rỡ vô cùng mừng đến đổi thất thanh gần muố xiễu, vì không dè mình có phước đế dường ấy.

Nàng bèn tạ ơn ông V***, lại nhướn mắt tạ trời đôi hàng lụy chảy mà nói «Hỡi Chúa ơi, tôi rất đội ơn Chú vì lòng con tin cậy Chúa không để vô ích.»

Trong lúc ấy nàng rối rãm khôn biết lấy lời chi tạ ơn cứu giúp bèn ôn tay bà V*** mà hun và nói: «Chỉ mo mình bà, mới đáng tỏ lời cám tạ củ tôi được mà thôi.» Chiều bữa ấy nàn cũng ăn mặc tầm thường mà đi vo ông V*** vào chầu.

Tới đền bèn nhớ mấy lời cha mìn nói vào đền rất khó, nàng mới nói «Chớ phải cha tôi mà thấy tôi tron lúc nầy, biết tôi nay ra mắt trước mặ ai đây thì cha tôi vui mầng biết ch xiết nỗi. Hỡi Chúa ơi, xin giúp co cho xong luôn việc với nào.» Nàn không hỏi thăm ra mắt cách nào phải tâu làm sao, dạn lòng bướ thẳng vào phòng hoàng hậu. Bà hoàn hậu cũng tiếp nàng tử tế như thuở nay, và hỏi nàng công chuyện thuở nay làm sao cho biết, vì có nghe ông V*** nói nàng còn sợ.

Nàng cứ tự nhiên đối đáp thiệt tình như người từng biết lễ phép sự ở đời, nàng tỏ ý mình qua đây làm chi, nói cha mình mắc phải tội oan, nàng không dám xin tha tội nhưng mà xin xét án lai cho rõ ; bà nghe qua khen nàng dạn dĩ hiếu để, hứa tâu cùng hoàng thượng ban ơn, rồi truyền đem cho nàng 300 nguyên bạc để cần dùng,

au còn giúp cho thêm nữa.

Nàng trở ra về nghĩ phước phần nình quá lớn, lại được ơn hoàng hậu ộng lượng, trong lòng vui mừng quá lỗi cho nên khi tới nhà bà V*** hỏi thăm nàng vào chầu có đẹp ý cùng chăng thì nàng chỉ xối hai hàng lụy mừng mà thôi.

(*Sau sẽ tiếp*).

THỂ THÁO TỔNG CUỘC ANNAM

Cuộc trong chức vô địch banh tròn năm 1925-1926

Chuá nhựt tới 25 Avril 1926 từ 4 giờ tới 5 giờ *Télépost* sẽ đấu cầu với *Godonnuises* portive từ 5 giờ tới 6 giờ Etoile de Gia-dinh sẽ đấu cầu với Tândinh sport.

Tại sân Govap sport sẽ đấu cầu với Dakao foot ball club.

Cuộc tranh hình đồng *Khoa học Tập Chí*, chuá nhựt 2 Mai sẽ kỹ sự. vậy hội nào muốn tranh hình đồng, xin phải gỗi đón đến trước ngày 27 Avri, 1926

Bữa 27 Avril, sẽ cữ bàn sự thể tháo tổng cuộc lại, và sẽ lập *calendrier* cuộc tranh hình đồng khoa học tập Chí, vậy xin mấy hội đến cho đủ mặt.

3e ANNÉE — No 132 — 29 AVRIL 1926

KHOA HỌC TẠP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

— M. BUI QUANG-CHIÊU *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*
— M. LÂM-VĂN-HUÊ, *Commis indigène des Services Civils.*
— M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics à Cholon.*
— M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*
— M. NGUYỄN KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon*
— M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*
— M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*
— M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN, *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*
— M. TRẦN VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Paris.*
— M. TRẦN-QUANG NGHIÊM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*
— M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*
— M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3,00		

MỤC LỤC

Soạn cách trí... 2336
Đơn số VII..... 2339
Vi sữ tiểu truyện..... 2346
Cách trí luận đàm 2344
Gương luân lý..... 2348

SO' LUẬN CÁCH TRÍ

Luận về bác vật học

Bác vật học là một khoa học gồm cả về *bác vật* (physique) và *hóa-học* (chimie) và lại thêm cả khoa *cơ quan học* nữa (physiologie).

Trong mấy món học nầy người ta thường hay dụng cách xem xét và thí nghiệm lắm, cho nên cũng gọi là *thí nghiệm học khoa*.

Thí nghiệm là nghĩa gì? Ta hãy thí dụ ra đây thì rõ: lấy một cây đồng hoặc bạc đem để vào lửa mà đốt, một lát thấy nó nở hình thêm; ta đốt lửa thêm cho nó thật nóng, ta thấy cây bạc ấy chảy ra lỏng. Vậy thì cái loại kim ấy đã đổi hình dáng khi trước nó là một cây cứng ta bẻ không nổi mà bây giờ nó ra mềm xụi, lỏng le như nước. Tuy vậy chớ cái vật chất của nó chẳng đổi, nó vẫn là còn loại bạc luôn, và như ta đem nó ra ngoài một lát lâu nó nguội, cứng lại thì là một cục bạc như trước chớ không phải vật gì khác. Ấy là một cách thí nghiệm.

Còn như ta đem một cây kiến (bâton de verre) lấy một tấm nỉ mà đánh nó một hồi lâu, đưa ngay lên đống giấy nát thấy nó hút giấy, thì cũng là một cách thí nghiệm. Cái cây kiến nhờ đánh cạ mà sanh điển, điển hút giấy là nó thêm một cái tính chất khác, nhưng kiến thì vẫn còn là kiến, mà đến khi để yên nó, không đánh cạ nó nữa thì điển-khí cũng đi mất hết, còn lại cây kiến như cũ chẳng lạ chẳng khác.

Còn như ta để cây sắt ngoài trời ướt, ít lâu thấy nó đóng ở ngoài một lớp vàng vàng ta gọi là sét, thì cũng là một cách thí nghiệm. Ấy là cách thí nghiệm về hoá-học, bởi vì cái vật thí nghiệm nó hoá ra một cái vật khác, là sét, tánh chất cùng hình thức đều khác hẳn với cái vật trước, bởi sét với sắt không giống nhau chút nào.

còn xem xét là làm sao? Như miếng cây quẹt ta cầm trên tay mà xem coi nó ra thế nào, hình thức vật chất của nó ra làm sao, thì là cách xem xét. Mà nếu ta dằn nó xuống nước, ta thấy nó nổi lên mặt, biết nó nhẹ hơn nước, ta bèn lấy đồ gì nặng cho nặng chừng nào nó chìm xuống cho sức nặng bằng nước thì cách ấy là cách thí nghiệm. Nếu ta đem đốt lửa mà đốt, thấy nó cháy ra gọn, ra khói, rồi ra than ra tro. Ấy cũng là cách thí nghiệm.

Trong mấy cách thí nghiệm ấy hễ cách nào thí nghiệm vật mà còn y nguyên như cũ không đổi hình hoặc tánh chất thì là *cách thí nghiệm về vật* (expérience de physique) còn hễ vật đổi cả hình, cả tánh chất như ta mới thấy đốt cái cây ra tro đó thì gọi là *cách thí nghiệm về hóa học* (expérience de chimie).

Nay chúng ta chỉ luận về vật cho biết những tánh chất chung của các vật trên đời cùng là các sự thay đổi trong vỏ trụ.

Ba thể chất của các vật.

Trong trời đất muôn vật ta ngó thấy đều có ba thể chất là vật *cứng* (solide), vật *lỏng* (liquide) và vật *hơi* (gazeux). Những vật cứng đều có hình thế riêng của nó, nó cứng hoặc nhiều hoặc ít; vật lỏng thì chỉ lấy theo hình thế của cái đồ gì đựng nó mà thôi, mà hễ có nghiên cái đồ đựng nó thì vật lỏng ấy chảy ra; còn một vật nữa là vật hơi, hễ ở đâu có chỗ trống thì có vật hơi ở được. Khí trời ta thở cũng là vật hơi. Ta thử lấy một cái ly lớn mà đưa úp vào chậu nước trong mà nhận xuống, ta thấy nước không vào trong ly được, trong ly lại có một chỗ trống, nếu ta nghiên cái ly thì ngó thấy hơi trong ấy chun ra thành bọt mà nổi lên mặt nước rồi tan ra mất. Ấy hơi đó, là khí trời (không khí) đó.

Mà mỗi vật trong trời đất đều có thể thành được 3 hình thể như đã nói trên kia, nghĩa là cứng, lỏng và hơi. Tỉ như nước kia, nếu ta làm cho nó ra lạnh quá thì nó

đặc lại thành nước đá, còn để cho nó ấm thì nó chảy ra nước lỏng, nậu nó cho nóng thì nó nở ra thành hơi mà bay lên. Các vật khác cũng vậy, song có vật phải làm cho lạnh thái quá nó mới đặc, có vật phải đốt cho nóng thái quá nó mới lỏng được và lên hơi được, nghĩa là phải cho nó lạnh hoặc nóng nhiều hay ít thì nó ra mấy thể chất đã kể đó. Cứng như sắt như đồng như kẽm kia mà hễ ta đốt nóng quá nó cũng phải chảy ra lỏng. Còn như có lửa mạnh lung nữa thì nó thành hơi mà bay đi. Vậy thì vật nóng thì nó càng chảy, lên hơi, càng lạnh thì nó càng đông đặc lại. Đến như khí trời kia thuở nay ta chưa hề biết nó đặc được, nhưng nay người ta có thể làm cho nó lạnh quá ra khí trời lỏng, rồi làm ra khí trời đặc được nữa.

(*Sau tiếp*).

THANH-TÂN.

ĐOẠN SỐ VII

Cách học về máy Dynamo à courant continu.

(Tiếp theo)

Khi cho máy chạy thì trọn hết cái résistance câu en série trong cái circuit của inducteur, nếu như ampères tự lên nhiều mà mình muốn cầm volts lại một bực, thì phải xây cái réostat đặng bớt lần cái résistance của nó.

Cũng bởi tại sắt của Induit rút hết một phần hơi hít của cái champ inducteur, cho nên volts của may dynamo hạ xuống. Trong lúc may chạy mà chưa xai hơi thì người ta kêu là máy chạy không, cái hơi hít đi theo trong cái induit từ hướng Bắc qua hướng Nam (hình số 129) của cái inducteur.

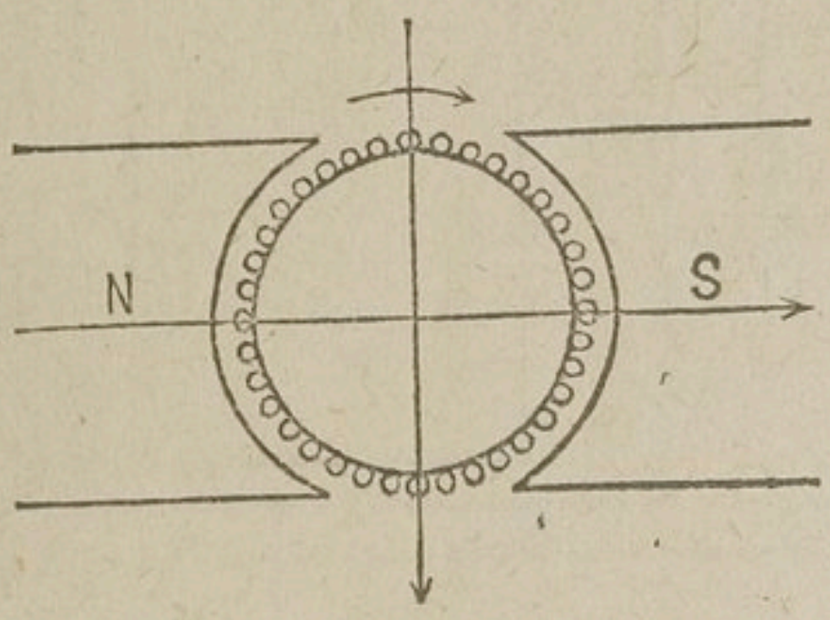

Hình số 129

Chúng ta tưởng cái cách vấn dây trong cái induit thì ví chẳng khác nào cái solénoïde :

Nếu có nhiều ampères thì nó sanh hơi hít riêng của nó, nhưng mà nó theo chữ F' bắt từ phía Bắc chữ N nhỏ chạy qua Nam chữ S nhỏ (hình số 129). Hơi hít riêng làm cho hơi hít mạnh chữ F yếu là bởi tại 2 hơi nầy nghịch nhau; nếu hơi hít của chữ F yếu, thì volts tại chỗ hai mối cái của dynamo phải hạ xuống. Muốn cho bớt đều hại nầy thì xây mấy cây chỗi cho qua khỏi cái ligne neutre ns nhỏ (theo hình số 129) theo hướng của induit chạy.

Cách câu dây của máy dynamo-Shunt.— Hình số 130 chỉ cách câu dây của máy dynamo-Shunt D.

Cái máy dynamo nầy có một cái máy hơi M kéo chạy bằng một sợi dây trân c ăn dính với bánh xe trớn của máy đó và một cái bánh xe bằng sắt hay là bằng gan kêu là poulie gắn trên cây cốt của Induit theo máy dynamo D. Hai sợi dây đồng lớn đi từ hai mối cái cho đến hai cây ngang bằng đồng giẹp B kêu là Barres omnibus ; hai cây nầy gắn phía sau Tableau là tấm bản bằng cây hay là bằng đá cẩm thạch ; còn mấy cái circuits chia hơi ra theo hình số 130 thì có hai cái circuits ăn nối theo hai cái barres omnibus đó : ở trước mối cái circuits nầy có gắn một cái Disjoncteur D để dùng cắt hơi ở phía ngoài khi nào hai sợi dây ngoài khác hơi đụng với nhau. Nếu không cắt hơi thì induit phải hư. Người ta kêu sự đó là court-circuit và nó làm cho circuit rút nhiều Ampères quá sức mà phải cháy cái dây vấn trong cái Induit của dynamo. Trong đường dây lớn rước hơi tại chỗ máy dynamo vô

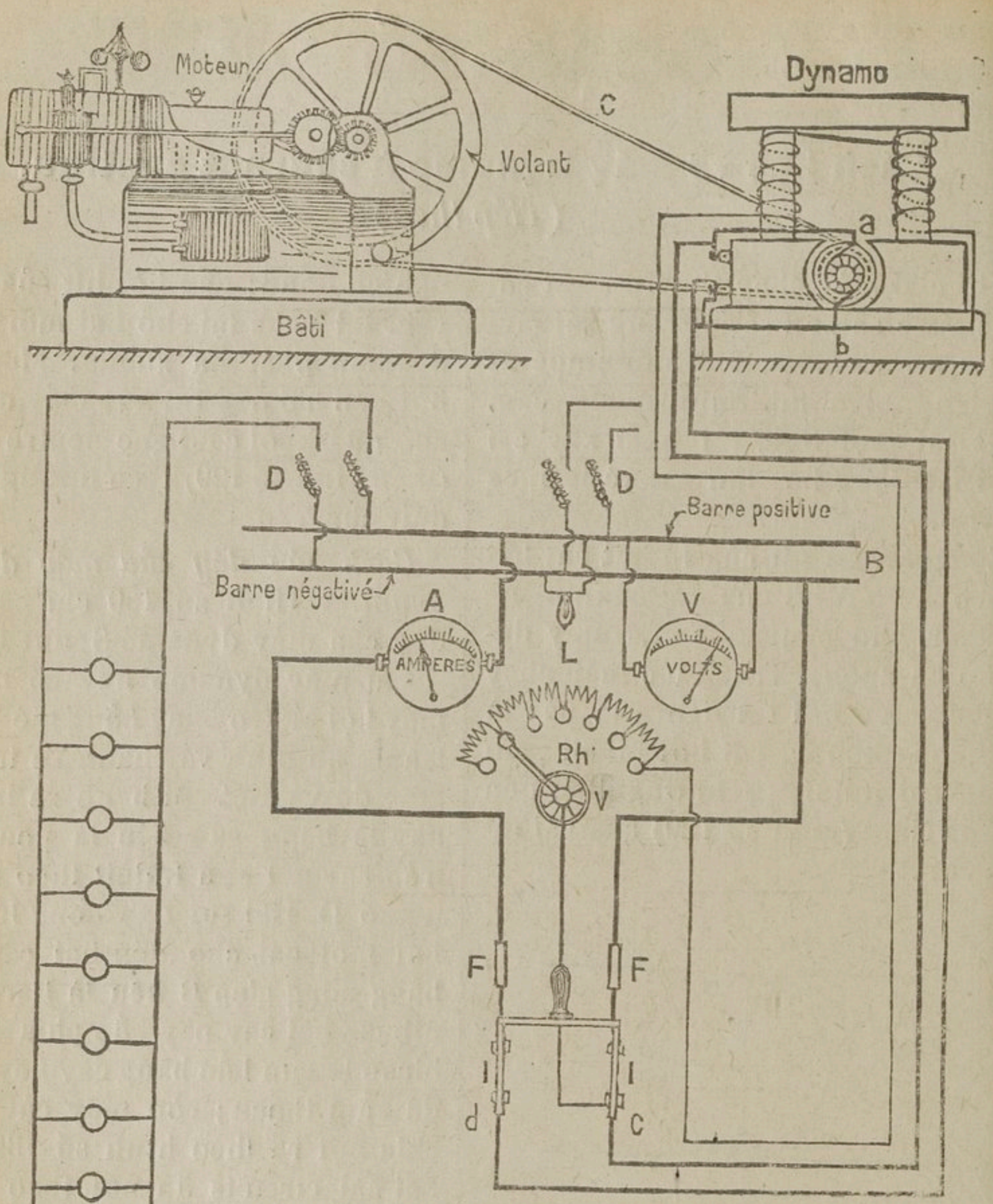

Hình số 130

hai cái barres omnibus, có một cái hãm đôi I và hai miếng chì F (khi nào có sự gì mà Ampères lên quá sức thì chì nầy nó nổ làm cho hơi qua hết đặng. Trong đường hơi qua đó thì phải câu một cái ampéremètre **A** để mà coi hơi ra đèn đó nó là bao nhiêu. Như máy nhỏ thì để chì F, còn máy lớn thì phải dùng disjoncteur còn như circuit có ít đèn thì không cần gì để disjonteur D, gắn vô một cái hảm và một miếng chì mà thôi. Còn cái voltmètre V thì phải gắn en dérivation theo hai cái barres omnibus và một cái đèn L kêu là đèn témoin đặng biết có hơi hay là không

như có hơi thì nó cháy). Một đầu của Inducteur theo máy dynamo thì âu vô chổi positif còn đầu kia thì vô ái rhéostat d'exitation Rh ở trên ta-leau; còn cái rheostat nầy lại ăn với ảm I bên phiá hơi négatif. Chúng ta ẽ hết thảy mấy món như sau đây bằng đường mực lớn rõ ràng như là-hảm đôi, chì, ampérémètre, voltmètre: disjoncteur, cái bánh xe nhỏ để xây cái manette của rhéostat, cái đèn té-moin. Những món nầy ở phiá trước tableau, còn phiá sau thì dây lớn, dây nhỏ và rhéostat d'excitation Rh.

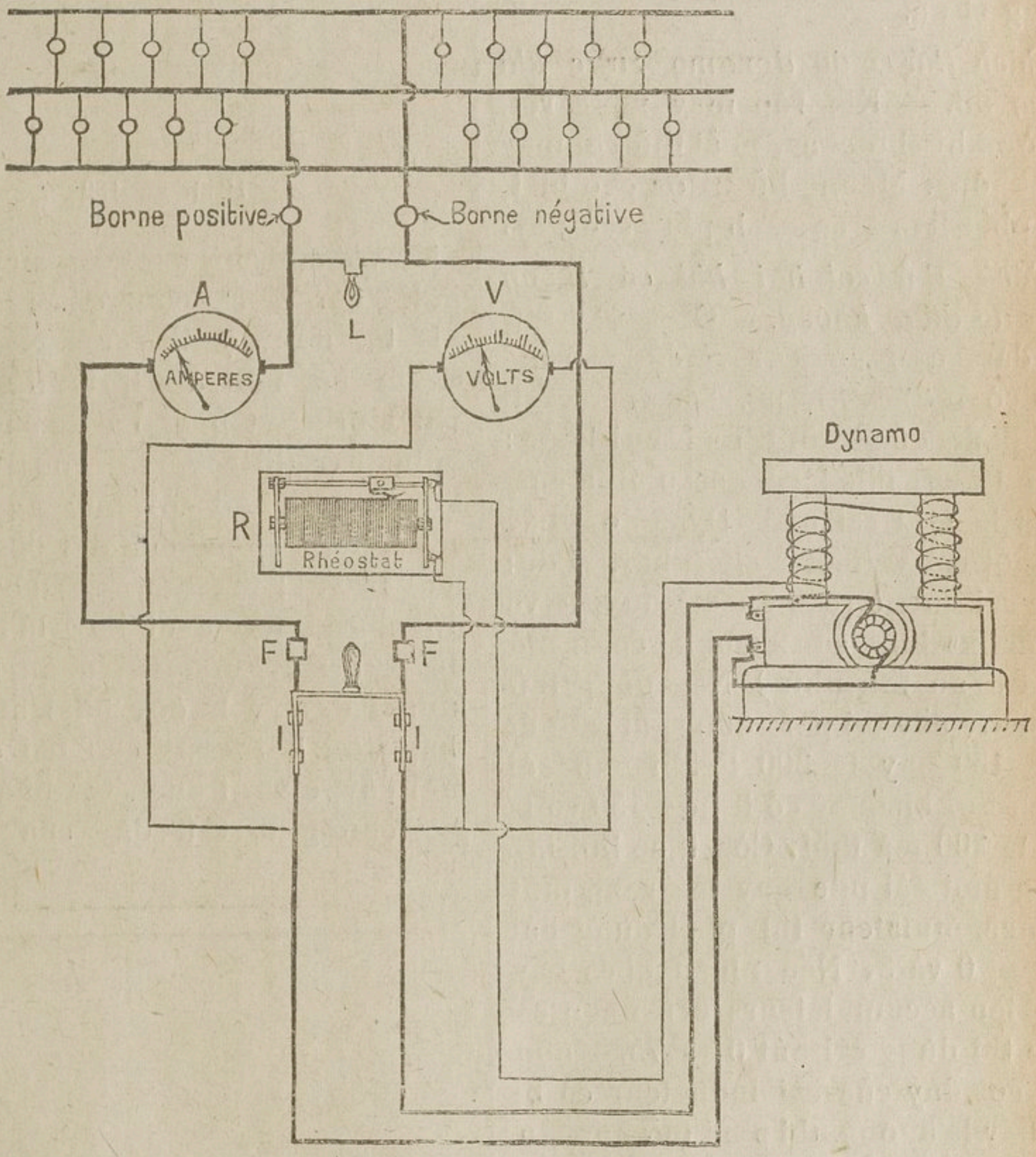

Hình số 131

Theo mấy cái installation nhỏ, không cần gì phải dùng cái tableau nói trên đây. Hình số 131 chỉ cách câu hơi trong cái tableau để dùng theo installation nào nhỏ.

Cách câu hơi nầy thì có hai miếng chì F và L thế cho hai cái disjoncteurs của tableau trước đó. Nếu dây có đụng thì Circuit ngoài làm cho cái máy trong rút nhiều ampères thì hai

miếng chì nổ. Theo cái tableau nầy dùng một cái rhéostat có curseur thí đũ (hình số 137.) Theo hình nầy thì chúng ta câu cái volmètre trước cái hảm cái; câu theo cách nầy, trước khi đống hảm thì cái volmètre đó chỉ coi sức hơi khí của cái dynamo lên đúng chưa.

Cách thử máy dynamo trước khi dùng nó. — Khi ráp máy xong rồi, trước khi cho chạy, phải thử coi máy tốt không. Muốn thử trước cho biết, thì phải làm theo cách như sau đây.

Cách thử coi hơi khi có thông thương đặng không. — Cách nầy thử coi dây của inducteur và dây của induit có đứt hay không. Thử theo cách nầy phải dùng một mối hơi khác: hoặc là hơi pile hay là accumulateur, cùng là một cái máy Dynamo khác và một cái volmètre cho nhạy, ví dụ: như cái volmètre biệu «Chauvin» và «Arnoux» hình số 12 (coi lại cuốn thứ nhứt đoạn thứ nhứt). Nếu dùng thử volmètre nầy thì phải dùng hãi cái nút 0 và 150 hay là 300 là khi nào cái mạch hơi khác đó có ít hơn 150 volts hay là 300 mà thôi. Còn theo hơi lấy trong một cái pile hay là trong một cái accumulateur thì phải dùng hai cái nút 0 và 3. Nếu nhiều piles hay là nhiều accumulateurs câu nhau en série thì dùng cái nút 0 và 75. Muốn thử coi dây của cái inducteur có bị đứt hay là không, thì phải mở hai đầu mối dây A nhỏ và B nhỏ của cái inducteur, đoạn câu hơi theo hình số 132; theo hình nầy thì chữ S là chỗ mạch hơi riêng, chữ I chỉ về cuộn dây của cái inducteur và chữ A là induit. Phiá bên nầy thì cái mạch hơi S câu

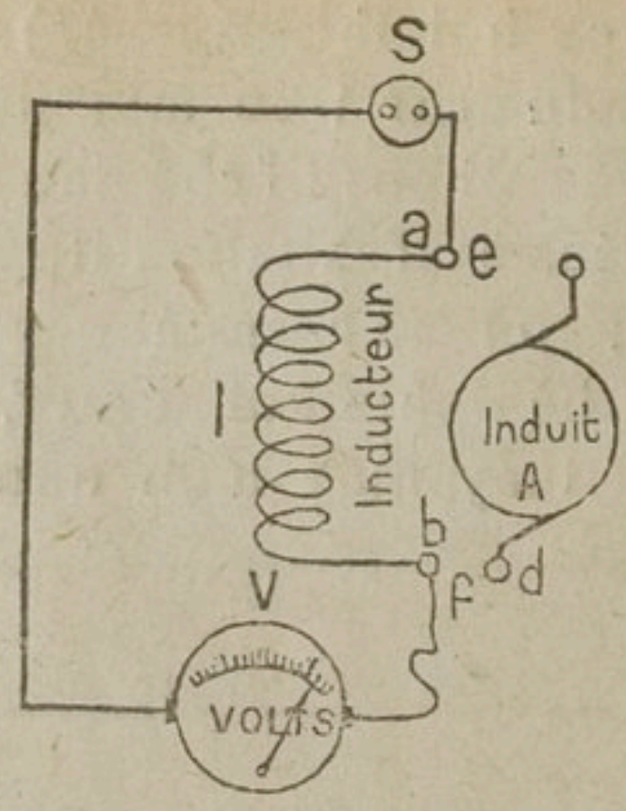

Hình số 132

dính với mối chữ a nhỏ của cuộn dây inducteur và cái volmètre; còn bên kia thì một sợi dây rời. Nếu mình chấm cái mối dây rời bỏ không f với mối chót b nhỏ của cuộn dây indu teur thì cây kim của volmètre nó phải lên gần tới bực cũng như chúng ta nhập hai mối dây của inducteur bị đứt; mà nếu sợi dây đó nó đứt chừng một chút hay là hai mối đã đứt mà đụng với nhau thì cây kim của cái volmètre phải hạ xuống thấp hơn khi mình cho hai cái đầu mối dây e và f đụng với nhau. Bây giờ chúng ta thử dây của induit.

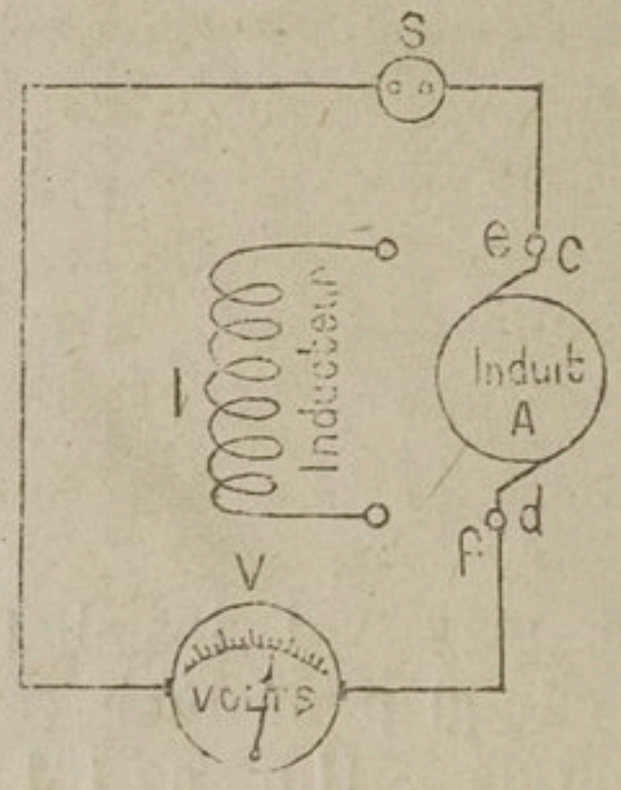

Hình số 133

úng ta câu hơi theo cách chỉ trong
nh số 133; hai mối chót e và f nói
ước đó thì chấm tại hai mối cái là
ỗ mấy sợi dây dẫn hơi tiếp của
áy cây chổi. Nếu mình xây cái in-
dit lăng nhẹ nhẹ thì cây kim của vol-
tre cứ chỉ một bực luôn luôn. Phải
ết rằng cách thử nào có dùng volt-
tre, nếu kim của nó chạy lui thì
ải tréo hai mối dây mà câu với
ch hơi.

2° *Thử coi dây trong máy có đụng sắt không.*— Theo cách nầy thì coi
y dynamo có đụng sắt không và
ải dùng cái ohmètre, thứ chúng ta
có nói trong cuốn thứ nhứt. Trước
khởi sự thử, thì mở mấy sợi dây
dynamo, rồi lấy mối dây của oh-
re ăn với một mối dây cái của máy,
mối kia thì chấm vô trong sắt,
chỗ nào không có sơn (như là:
ốc vân vân....) Rồi mình nắm
P mà quây tới chừng nào kim
mètre chỉ gần số 0. Quây rồi mình
ng nút P ra và đọc theo số của cây
chỉ trên mặt đồng hồ.

Máy nào sức đặng chừng 120 volts
số đó phải bằng hay là lớn hơn
.000 ohms.

Như mình muốn đo cái số đó bằng
cái volt mètre mà mình biết cái
résistance của nó là bao nhiêu
số résistance đó thường có chỉ
mặt đồng hồ), còn cái mạch hơi
ng thì dùng thử theo dưới đây:

Phải câu mấy sợi dây theo hình
134 rồi thử như vầy:

°) Đo coi cái mạch hơi nầy lên
g bao nhiêu volts thì phải chấm
cái mối giấy E và F đụng với
u; cái mối F thì câu qua bên

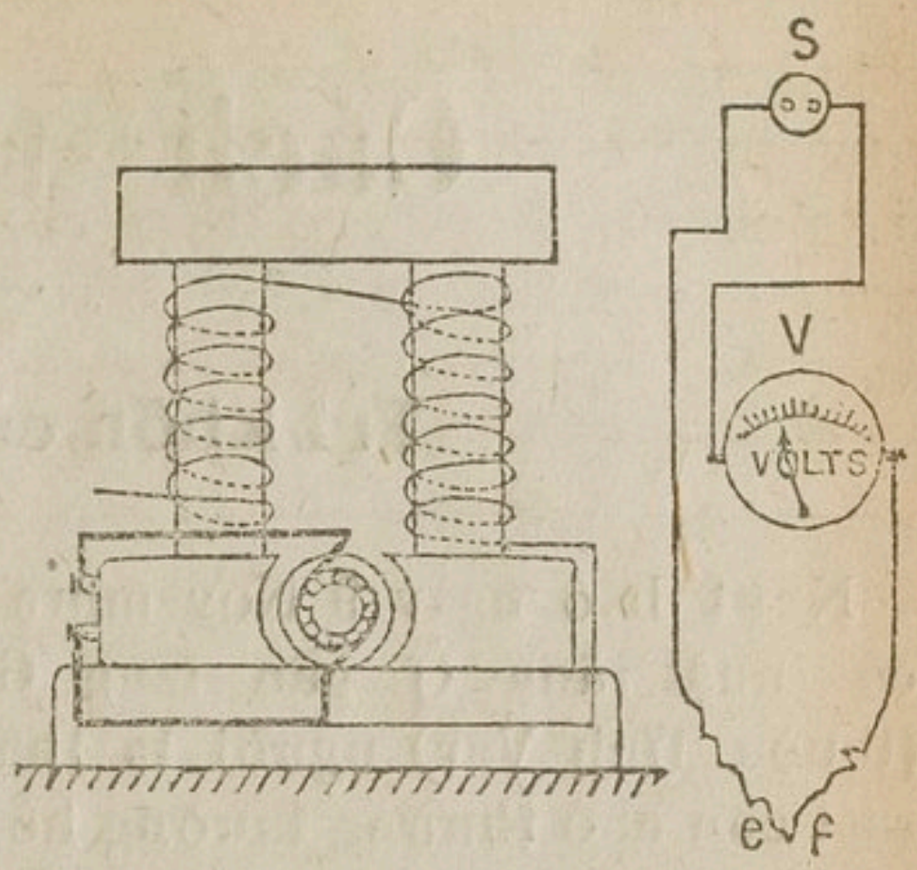

Hình số 134

pôle positif của mạch hơi S, và trong đường dây đó phải xen vô một cái voltmètre V mà mình đã biết cái số résistance của nó; còn sợi dây e thì ăn với bên pôle négatif của cái mạch hơi (hình số 134). Thử theo cách đó thì cây kim voltmètre lên tới 120 mức. Sau lại mình chấm mối dây e vô trong sắt, còn mối f thì ăn với mối cái của máy Dynamo (hình số 135).

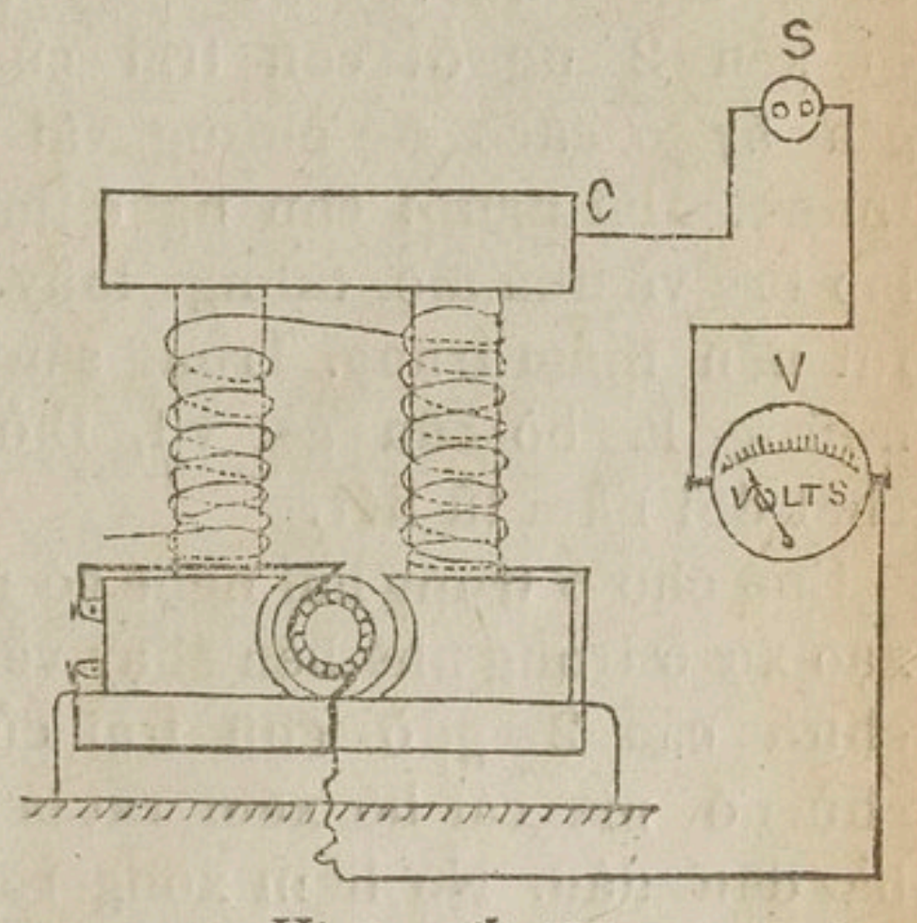

Hình số 135

Theo cách nầy thì cây lên đặng sáu mức. Còn trên mặt đồng hồ có chỉ cái số résistance của voltmètre, số đó là 19.000 ohms.

(Còn nữa)

Cách trí luận đàm

Trí khôn của loài thú (*Tiếp theo*)

Nhựt báo ngày 9 Novembre 1864 có thuật rằng: Ở gần làng Gassin (thuộc tỉnh Var) người ta thấy có một con chó thường thường hễ có ai đi ngang qua đường thì nó ở trong bụi chạy ra mà sủa kêu dường như cầu khẩn việc chi, song chẳng ai rõ là vì cớ nào. Có kẻ thấy vậy đứng xem một lát, rồi cũng đi luôn.

Tuần rồi có bà X... tới nhà bà goá Raymond, năm ấy tuổi được 70, ở một mình hiu quạnh một cái nhà ngoài đồng. Bà ấy tới nhà 2 lần mà vẫn thấy cửa đóng then gài, trong nhà lặng lẻ. Đến lần sau nữa bà cũng thấy như vậy bèn cho người đi kêu 2 người con trai của bà góa ấy ở cách đó chừng vài ngàn thước. Hai người con nghe tin bèn lập tức về nhà mẹ, thì ngó thấy cảnh rất nên thảm trạng. Trong sân thấy những là bò cầu gà vịt, thỏ đều chết đói nằm lủ liệt.

Con chó ở trong bụi nghe có người xạo xự ở trong nhà, bèn chạy về, liếm chưn cẳn 2 người con trai của bà chủ nó, mà cái bộ xem rất là buồn bả dàu dàu. Nó liếm xong rồi trở lại, dường như muốn dẫn ngỏ cho mấy người đi theo.

Mấy người kia thấy vậy bèn đi theo nó. Nó dẫn đi xa cách chừng 150 thước, bèn đi theo một cái đường nhỏ rồi chun vào bụi đến một chỗ của nó nằm giữ hơn 5 bữa rày, c lẻ nó chẳng có ăn uống chi cả.

Cái lùm bụi cây ấy che khuất mộ cái hang thẳm, lại đo mà xem mớ thấy một cai cảnh rất là thê thảm một người đờn bà với một con ngự chết nằm nơi ấy đã mấy ngày rày, còn con chó thì ở đó mà giữ, nhịn đói nhịn khát. Chừng ấy mới biế duyên cớ con chó vì sao mà mỗ khi có hành khách qua đường thì nó ra mà sủa vậy.

Người ta nghĩ chắc là bà Raymond thấy ngựa mình tệ xuống hố, muốn đem nó lên chẳng dè bà cũng tệ xuống mà chết liền.

Chó biết tức mình mà tự tử

Nhựt trình hồi tháng tư năm 1868 cũng có đặng chuyện nầy nghe ra rất nên thương xót cho con chó bị oan. Có một con chó đẹp của một người ở thành Rochester nuôi, nhảy xuống sông Medivay mà tự tử. Số là con chó ấy — đặt tên Brace — bị nghĩ là điên, cho nên thả riêng nó một xó nhà, không ngó ngàng tới nó nữa. Nó thấy người nhà bạc đãi nó như vậy cho nên buồn bả không ăn uống. đến bửa sớm mai thứ năm kia nó bèn bỏ nhà mà đi qua thành Ilposi, lại nhà người anh em bạn của chủ nó mà cào cửa, sủa kêu. Nó chờ

ãi không thấy mở cửa cho nó, nó
tua buồn bèn chạy riết ra mé rạch,
ay mặt trở về cái nhà hồi nảy mà
u một tiếng dài thảm thiết như có
từ giã biệt ly, rồi đâm đầu nhảy
ống nước mà trầm mình. Có nhiều
ười thấy tạn mắt, nghĩ cho con
chó ấy tức mình vì người ta nghi nó là chó điên nên nó tự tử như vậy, chớ thật nó không có điên.

(*Sau tiếp*).

MINH-NGUYỆT

THỂ THAO TỔNG CUỘC ANNAM

Cử bản trị sự năm 1926-1927

ng Nguyễn-đình-Trị, đắc cử....
Hội Trưởng.
Lê-văn-Hà đắc cử Phó Hội Trưởng
Nguyễn-khắc-Nương id
Lê dẫu Ngưu đắc cử Từ hàng
J.Cho — Phó từ hàng
Vỏ-thành-Bút đắc cử Thủ bổn
Lê văn-Lượng — Phó thủ bổn
Vì cần ngày giờ nên đình lại tuần tới, mới sắp chương trình, cuộc tranh hình đồng khoa-học Tập-Chí.

Chúa nhựt tới 2 Mai 1926 tại sân Etoile de Giadinh từ 4 giờ tới 5 giờ Gocoanaise sportive sẽ đấu với Commerce sport từ 5 giờ tới sáu giờ.

Donai sport sẽ đấu cầu với Dakao tại sân Paul Bert, Dytamy sẽ đấu cầu với Paul Bert sport.

Việt sử tiểu truyện

(Récits d'Histoire d'Annam)

Sử-đồng-Tử gặp thầy đắc đạo *(tiếp theo)*

Sử-đồng-Tử vui lòng ở đấy học đạo, ngày đêm cần mẫn kệ kinh. Thắm thoát thoi đưa, ác tà thỏ lặng, Đồng-Tử học đạo rày đã đầy năm.

Ngày kia Phật quang bồ-tát mới kêu Đồng-Tử vào mà rằng: «Con ở đây một năm công phu luyện tập nay cũng đã đủ rồi, thôi thì thầy cũng cho con trở về mà độ cho vợ con bởi thầy biết vợ con cũng có số thần tiên.»

Nói rồi bèn tặng cho Đồng-Tử 2 món phép linh, là một cây gậy và một cái nón, và dặn: «Những phép linh thông đều ở cả trong 2 món bữu bối nầy, con hãy ráng mà kệ kinh luyện tập.» Đồng-Tử rằng: «Thưa cùng thầy, quê hương con ở cách xa ngoài muôn dặm, lại là ở cách bể khơi thì làm sao con có thế đi về nhà cho đặng bởi thuyền bè bây giờ chẳng có, biết với ai mà cho đặng quá giang ?»

Phật-quang bồ tát nói: « Con chớ khá lo, thầy đã liệu trước cho con rồi. » Bèn dắc Đồng-Tử ra ngoài mé biển, tay cầm một cái lá cây mà làm phép, niệm kinh xong, thì đưa lá cây ấy lên mà thổi, bèn hoá ra một chiếc thuyền to, bay đậu dưới nước, có đủ buồm lèo, Rồi biểu Đồng-Tử xuống thuyền. Đồng-Tử vâng lịnh, từ giả tôn sư xuống thuyền, xong rồi thì ngó thấy thầy mình làm phép, gió thổi đưa thuyền lướt đi như tên bắn. Chẳng bao lâu Đồng-Tử về đến nhà. Tiên-Dung ra rước, vợ chồn mừng rỡ vô cùng.

Công-chúa Tiên-Dung mới hỏ thăm chồng rằng: « Thiếp nghe ch lái buôn thuật rằng lang quân đã gặ thầy dạy đạo, chẳng hay lang quâ nay học đạo mầu thể nào, xin lan quân dạy bảo. » Sử-đồng-Tử bèn đe cả đạo Phật Bà-la-môn mà dạy b công-chúa Tiên Dung. Bà công chú học đặng đạo mầu mới tỉnh ngộ ra bèn bỏ hết cửa nhà, hàng buôn, 2 v chồng mới dắc nhau tìm chỗ tu t dưỡng tánh học đạo. Bữa kia v chồng đi đã xa mệt mỏi, trời đã tố mà chưa đến xóm nhà, còn ở chốn đồng không mông quạnh, tư bề biển trở núi non xa. Vợ chồng mệt mỏ chẳng biết sao, phải tạm nghỉ bê đường, chống cây gậy dưới đất, v che cái nón lên trên. Vợ chồng ngồ đó mà nghỉ, phút chút hiu hiu gi phất bên tai, vợ chồng bèn thiu thỉ dựa nhau mà ngủ. Đến canh ba đêm hôm ấy, nghe gió thổi vù vù, hà quang sáng rở bổng đâu mà nơi ch cấm gậy treo nón lại hoá ra đền đà thành quách, lầu cát nguy nga, đề châu, lầu ngọc, vách bạc, cửa vàng giường ngọc, màn thêu, trướng gấm lại có kho, tàng dinh phủ, ngọc-nử tiểu-đồng, quân binh, tướng sĩ th vệ, không thiếu một đều chi.

Khi vợ chồng Đồng-Tử giựt mình thức dậy thấy mình nằm trên nệm

gm, tư bề đài cá nguy nga, thì ết phép linh đã biến.

Sáng ngày ai đi qua ngó thấy cũng u lấy làm lạ lùng kinh hải, đồn au xa gần nô nức đến dưng hương a trà quả. Thấy có vách thành cao , cữa thành lính gát, trong thành n quan vỏ tướng rất đông, xem ra ằng khác nào kinh đô một nước. Vua Hùng-Vương nghe được tin ngỡ con làm loạn, bèn sai quan c-Tướng tức-tốc điểm binh ròng gia phạt.

Binh trào đến nơi bèn chia ra ng trại quân phía bên kia bờ sông, i châu Tự-Nhiên (nay là phủ oái-Châu).

Quan quân trong thành thấy vậy u câm tức vào tâu cùng Công-chúa đem binh ra mà đanh đuổi binh no. Công-chúa không cho lại cười nói rằng: « Ta biết các khanh ng hết lòng trung với ta, song việc y vốn chẳng phải là tại ta làm ra, bởi tự nơi Trời khiến xui như . Sự Trời đã làm ra như vậy thì ta dầu có sống hay thác cũng phú cho Trời chớ lẽ đâu dám khán cự với cha, mà thêm tội bất hiếu. Vậy ta phải thuận theo lẽ Trời, mặc dầu cha ta có giết cũng cam. »

Công-chúa nói xong, thì dạy quân bế thành, chẳng cho ai ra trận cả.

Đêm ấy binh trào sấp sửa độ qua sông, đặng ngày mai giao chiến, chẳng dè vừa mới canh ba, trời nổi cơn dông gió, mịt-mù trời đất, gió thổi ầm ầm, dưới sông sóng bủa ba đào, trên bờ cát bay đá chạy, cây cối ngã lăn, chặp lâu thấy nước dưng lên, thì cả một khu vùng thành bà Tiên-Dung và Đồng-Tử ở đều bay mất hết cả lên trời, người vật cùng bay theo hết, chỉ còn lại một cái bãi đất không ở tại nơi đầm mà thôi.

Sau dân thấy bỗng không mà chỗ ấy thành bãi, cho nên mới đặt tên là bãi *Tự Nhiên*, còn cái đầm là *Nhứt-dạ*, nghĩa là có một đêm mà thành ra.

(*Sau nói về Phù đổng thiên vương*).

CÔNG-THƯỜNG-SINH

Gương luân lý

Gương anh hùng trong cơn hiểm trở

Chuyện ông Guatimozin.

Hồi thuở quân Y-pha-nho qua chiếm đoạt đất cát của dân Mexicains thì có ông Guatimozin là tướng soái dân ấy bị quân Y-pha-nho rượt theo đến biển hồ mà bắt ông, dẫn về cho ông thống soái Y-pha-nho là Cortez. Quân Y-pha-nho bắt ông Guatimozin là vì tham của cải vàng bạc của ông, cho nên khi bắt về thì khảo kẹp ông, biểu phải khai thiệt coi vàng bạc ông để chỗ nào phải chỉ. Ông Cortez sợ e quân tướng nghi mình có ăn ý với ông Guatimozin mà lấy vàng bạc một mình, cho nên bày cách khảo hình ghê gớm, ép ông Guatimozin phải chỉ nơi chứa vàng. Người bèn hạ lịnh đốt lửa thang, rồi để ông Guatimozin nằm trên ấy. Lửa cháy thấu vào xương vào chủy ông Guatimozin, còn người độc ác kia là Cortez thì ngồi châm chỉ ngó, xem lửa cháy thấu người đau đớn, mà lại nói rằng: «Như người có đau nóng quá chịu không nổi muốn khỏi thì hãy chỉ chỗ vàng bạc ngươi cất ở đâu đi.»

Không rõ vì ông Guatimozin không có dấu vàng bạc hay hoặc nghĩ mình vì bị người dụng cường quyền mà ép phải khai, nếu nói ra thì nhục thể hay sao cho nên ông anh hùng nước Mexique kia cứ một dạ cắng răng mà chịu đau đơn. Còn Cortez thấy ông chẳng khai, lại hâm sẽ bày cách nữa, thì ông trả lời rằng: «Thằng dã man kia, không có cách khảo hình nào ngươi bày ra mà khiến cho ta đau đớn bằng ta thấy mặt ngươi đâu!» Nói vậy, rồi ông cũng chẳng mở một lời mà cầu khẩn, năn nĩ xin tha chút nào.

Trên đống lửa thang ấy quân độc ác lại cũng có để một người bạn thiết của ông nằm mà khảo nữa. Người ấy gan dạ yếu hơn, nên chịu đau không thấu; lúc gần chết người ấy day lại mà nói cùng chúa mình rằng mình không thế chịu đau đớn nữa đặng. Ông Guatimozin bèn nói: «Vậy chớ ta đây lại nằm được nệm hoa hồng sao?»

Tên Cortez nghe mấy lời ấy, không biết sao phải chịu thôi khảo hình. Sau nghe lại thì ông Guatimozin nơi đã ném hết bạc vàng xuống dưới biển hồ rồi.

Chuyện tên Hubert Goffin

Ngày 28 tháng hai năm 1812 mỏ thang đá Ans ở gần thành Liège bị nước lụt tràng xuống dưới giếng mỏ, làm cho đất sụp mất đường thông lên trên mặt, chôn bít hết cả những thợ ở dưới hầm sâu chẳng khác như bị chôn sống dưới mộ to. Lúc đương nguy cấp có anh Hubert Goffin là người làm đầu trong đám thợ, có thể dắc đứa con mình mới nên 12 tuổi mà kiếm đường tháo ra được, song người lại chẳng muốn vậy, nói rằng: «Nếu tôi lên đây thì mấy người thợ

ôi ắc là chết hết; tôi muốn cứu
ho khỏi chết rồi tôi sẽ ra sau,
g thì thà là chết. » Bèn kêu hội
nấy thợ thầy xúm lại được 90
i, mấy người ấy thấy đều thối
hông còn chút hy vọng nào mà
g sống được. Nhờ có tiếng Gof-
ốc chí, bèn xúm nhau cuốc đất
nang ra ngả sáng. Đào giây lâu
mỏi đều rủng chí muốn thôi.
ng con của anh Goffin thấy vậy
nói câu nầy làm cho họ mắt cỡ
ẳng có gan, rằng: « Mấy người
như trẻ con hãy nghe theo lịnh
ôi : mấy người không nghe cha
ới chủ mỏ thang nầy không bỏ
u sao ? » Thình lình mấy người
èn phấn chí lại, kẻ nghe có tiếng
i t ấu đến tai, mới biết rằng ở
ngoài có kẻ cũng đào đất mà
mình. Tuy vậy mà việc lâu lắc
làm cho mấy người thợ đều kêu
hối chí. Anh Goffin hết sức đốc
thế nào cũng không đặng nữa.
ốt người tức mình, không biết
sao, bèn la lên mình sẽ cùng với
con trầm mình chết cho rồi
họ không còn trông cậy vào ai
Mấy người kia nghe nói vậy thất
bèn áp lại ôm người mà năn nỉ
nguyện sẽ hết dạ nghe lời người
iều. Chẳng bao lâu đèn dưới
đều tắc hết, phải ở trong chốn
m u ám, không còn chỗ nào cậy
ng nữa, phải ở dưới mà chịu như
ọn cả năm ngày; nhờ có anh Gof-
ết lòng an ủy họ mới ráng ma
ực với nhau. Đến sau mới đào
ọ xong ngã thông ra ngoài, thì
90 người thợ, chỉ còn 70 người
ên khỏi chết. Ấy cũng nhờ tánh
ởm anh hùng của anh Goffin
mới được sống sót như vậy.

Thuở ấy thành Liège còn thuộc của nước Pháp, Hoàng đế Napoléon nghe được tin người gan dạ như thế lấy làm khen ngợi bèn ban cho khuê-bài (Croix de la Légion d'Honneur) và tiền trợ cấp.

Chuyện người thợ mù

Ở bên xứ Irlande có một người đui mà biết được rất nhiều nghề, ai ai cũng đều khen tài, thường muốn nghe người thuật chuyện của mình lại vì sao mà biết được nhiều nghề như vậy. Người ấy nói: «Khi cha mẹ sanh tôi ra thì tôi cũng sáng mắt như thiên hạ, cho đến lúc nên năm mới phải bị tật mù. Thuở ấy tuổi còn niên thiếu nào có biết cái sự khốn khổ của kẻ mù là dường bao, nhưng chẳng bao lâu thấy bực mình tức tối nghe được rờ được mà chẳng thấy chi thật là khốn nạn vô cùng, xung quanh mình người vật vui cười mà mình chẳng biết chi cả không khác nào như mình ở chỗ u ám quạnh hiu. Trước những vật chi mình cũng thấy, nay chỉ phải rờ rẫm mới là biết được. Chừng tôi lớn lên lần mới biết mình phải lo tập luyện nghề nghiệp chi đè mà hộ thân về sau, Vả lại tôi thường nghe cha mẹ than trách đất trời xui chi cho con mù quáng, mình phải nặng lo mà chẳng đặng cậy nhờ. Nghe bấy nhiêu khiến cho lòng tôi đau đớn, nghĩ cho mình sống không giúp mẹ cha để cho cha mẹ nhọc lòng lo lắng thì mình thật là con bất hiếu. Nghĩ vậy tôi bèn kiếm thế mà học nghề. Nhờ cái quen rờ rẫm mà biết đặng hình vật, tôi mới mò tháo những vật chơi của tôi ra, rồi

lần lần ráp lại sau tôi bắt chước làm được đồ chơi khác cũng đặng y như của người ta bán. Ấy là tôi học được một nghề thứ nhứt rồi đó. Tuy vậy tôi muốn học riêng đặng nghề nào tự do cho mình. Cha mẹ tôi thấy tài học của tôi vậy cũng chìu, bèn cho tôi đến thành Ạt-ma (Armagh) mà học nghề đờn. Sau tôi lại nghĩ nếu ở đời mà biết được ít nghề, e khi mần ăn chẳng đủ. Tôi bèn thừa dịp lúc cha mẹ cho ở tại nhà người thợ làm khảm bàn ghế mà học thêm được nghề đóng bàn ghế. Nhờ vậy mà đến khi tôi về làng thì đã biết được thêm mấy nghề làm ăn khá.

Thuở ấy cha mẹ tôi lại đã già yếu rồi, mà buôn bán lại thất lỗ ra nghèo. Tuy đui mù mặc dầu, mà nhờ nghề nghiệp của tôi, bây giờ tôi phải lo thế kiếm tiền mà nuôi lại đặng báo bổ nghĩa sanh thành dưỡng dục; trong đời tôi chỉ có lúc ấy thật tôi lấy làm vui đẹp vô cùng. Ấy cũng nhờ lòng kiên nhẫn, chí gan dạ của tôi tìm tỏi học hành, ngày nay mới được thế mà trả ơn cho cha mẹ.

Vậy mà tôi cũng còn muốn học thêm nghề nữa. Tôi có mua những kèn đờn hư về mà tìm xem máy móc chế luyện thêm ra cho khéo léo hay hơn; tìm tỏi hơn 9 tháng mới làm ra được một cái của tôi bày ra ai nấy thảy đều chuộng lắm.

Trong làng tôi lại có một người thợ làm đồng hồ, mà người ấy lại muốn học đờn với tôi. Tôi chịu dạy, song tôi giao phải dạy đổi nghề lại với tôi. Nhờ như vậy mà tôi biết thêm được nghề nữa, mới được dư đã mà nuôi mẹ cha. Rủi thay lúc ấy cha tôi qua đời, rồi chẳng bao lâu mẹ tôi cũng du tiên. Tôi thua buồn, nghĩ ở trong làng càng gần chỗ quê cũ mẹ cha mãn phần thì lại càng thêm buồn bã cho nên tôi mới về thành Ạt-ma mà ở và cưới vợ đó luôn đến nay. Bây giờ tôi không còn sự chi, phải lo lắng nữa, của cải đã sẵn rồi duy cầu Trời cho tôi được mạnh giỏi là mãn nguyện của tôi.»

THANH-PHONG.

3e ANNÉE — Nº 133 — 6 MAI 1926

KHOA HỌC TẠP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1º — M. BUI QUANG-CHIÊU *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*
2º — M. LÂM-VĂN-HUÊ, *Commis indigène des Services Civils.*
3º — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics à Cholon.*
4º — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*
5º — M. NGUYỄN KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon*
6º — M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*
7º — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*
8º — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN, *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*
9º — M. TRẦN VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Paris.*
10º — M. TRẦN-QUANG-NGHIÊM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*
11º — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*
12º — M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3,00		

MỤC LỤC

Sơ luận cách trí... 2352
Đoạn số VII..... 2354
Liệt nử truyện..... 2360
Tiếng Annam..... 2363

SƠ LUẬN CÁCH TRÍ

Thảo mộc luận (tiếp theo)

Cách sanh sản của loài cây có bông

Nói về hột cây

Chúng ta đã biết hễ cây có bông thì có trái, trong trái thì có hột. Ta thử xem một cái hột cây chi cho rõ (như hột cam, hột mít, hột đậu, vân vân) thì ta thấy nó có mấy phần nầy: ở ngoài hết thì có một lớp vỏ; gở lớp vỏ ấy thì ngó thấy có một cái *rễ con* (radicule) cợm ra nhọn nhọn; một cái *cộng con* (tigelle) trên đầu có một *búp con* (cái nụ, bourgeon); cái cộng con và búp con, kêu là mộng (germe), đều bị ép nơi chính giữa hai cái (cotylédons) là một thứ lá dày đầy những đồ ăn để mà nuôi cái cây con cho nó trộng lên, chừng nó đủ rễ, có lá trộng thì 2 cái ấy rụng. Ấy là cái hột chưa gieo. Bây giờ nếu ta đem nó mà gieo nơi đất ướt, có hơi khí trời, có hơi nắng sáng, thì chừng trong 3, 4 ngày thấy nó lú mộng ra mà mọc-lên. Nhờ có hơi ướt dưới đất, cho nên nó nở ra to lần mà nứt cái vỏ ngoài đi; chừng ấy cái rễ con nó lú ra mà đâm xuống đất. – Lần lần nó trộng lên, thì cái rễ nó ra dài được vài ba phân; cái

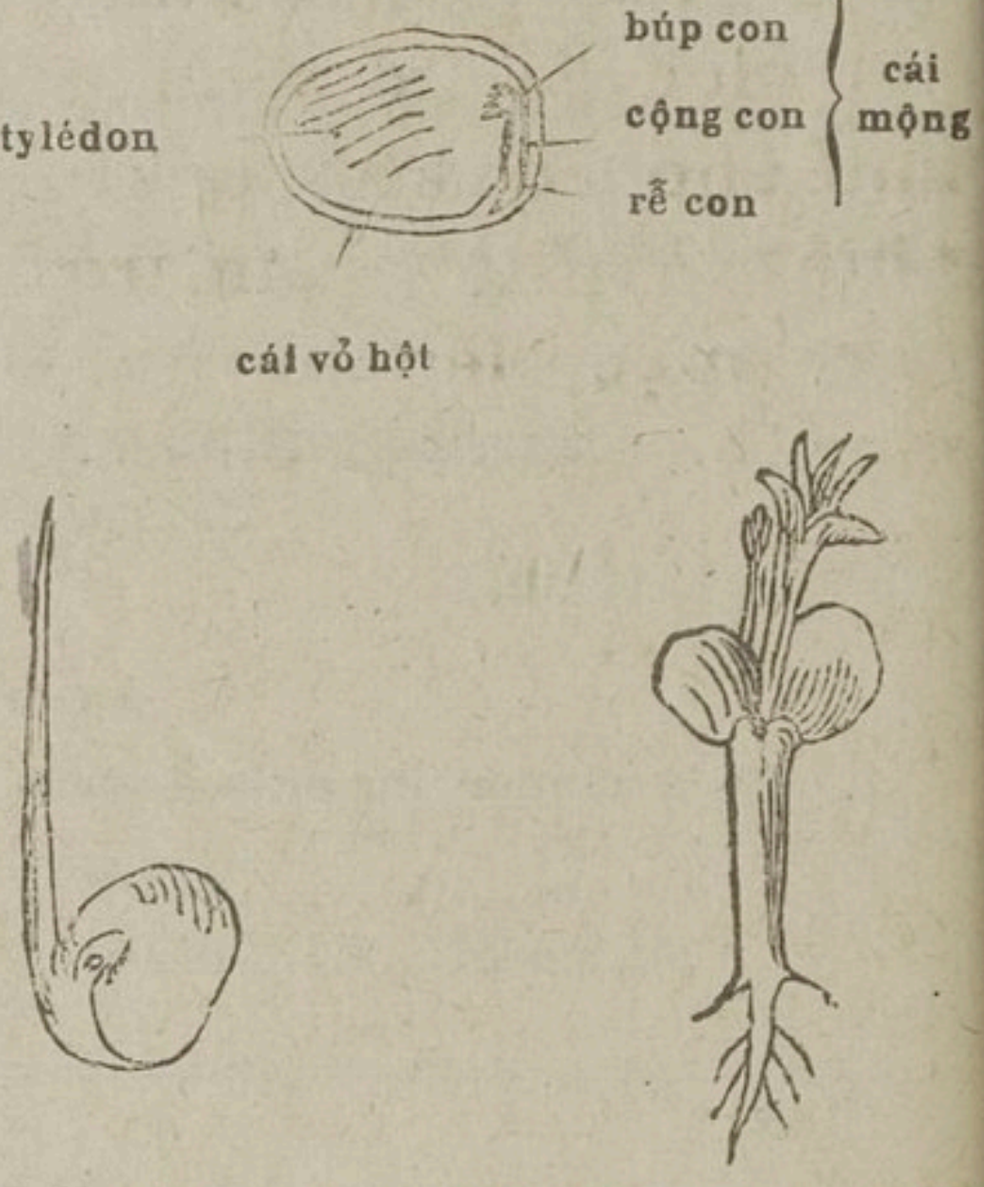

cộng cũng to lên lần mà đội 2 cái cotylédons chun lên khỏi mặt đất; chừng ấy 2 cái cotylédons, bèn vẹt vỏ hột mà nở ra. Bây giờ nó thành ra một cây con rồi,

thì ta ngó thấy nó có một cái rễ chia ra mà chun xuống đất; một cái cộng cây trên đầu còn đeo 2 cái cotylédons nở và hơi héo lần, và nơi giữa 2 cái colylédons có cái đọt chót nó sanh lá sanh nhánh ra. Chừng 2 cái cotylédons đã hết chất đồ ăn của nó rồi thì nó rụng. Vậy cái hột cây bây giờ lại thành ra một cái cây khác có 3 phần chánh là: rễ, gốc và lá.

Nhiều cây ta thấy đều sanh ra bởi nhờ có hột. Muốn cho hột mọc ra thì phải ở chỗ nào cho có không khí, có nhiệt và có hơi ẩm ướt nó mới mọc lên được. Cây mọc lên rồi còn phải bồi bổ vun phân nó, nó mới có đủ đồ ăn mà sống và lớn lên được.

Vậy thì khí trời, khí nhiệt và hơi ướt rất là cần kiếp cho hột mọc mầm lên lắm.

Muốn cho hột mọc lên được cây tốt, lại còn phải lựa giống nó, bởi vì không phải hột nào cũng lên mộng mà mọc được cả. Muốn có cây mọc lên to tốt, thì phải có hột tròn trịa, và to lớn.

Mấy thứ rễ cây

Rễ cây góp lại có hai thứ là *rễ chánh* (racines pivotantes) và *rễ chùm* (racines fasciculées). Rễ chánh là rễ gốc, to hơn các rễ con mọc ra xung quanh nó; còn rễ chùm là rễ không phân biệt thứ chánh thứ con, nghĩa là rễ chánh cùng rễ con cũng đều bằng nhau, một gốc mà tua ra có chùm đi xuống đất mà không xuống sâu lắm, chỉ bò ở gần gần trên mặt đất. Ví như rễ cây lúa, khi ta nhổ lên thấy nó có một chùm rễ.

Có nhiều thứ cây như là cây cải củ lại có cái rễ chánh rất to, trong ấy đựng đầy những đồ ăn, cái rễ chánh ấy ta lại gọi là *rễ củ* (racine tuberculeuse). Vì củ nó có chất đồ ăn nhiều, cho nên ta thường dùng nó mà ăn, hoặc để cho thú vật ăn.

Có những cây hay leo theo cây khác, đi tới đâu cũng mọc rễ theo đó thì chẳng khác nào là *rễ phụ* (racine latérale) để đeo theo cây cho dính, mà mọc thêm lên nữa.

(*Sau tiếp*).

THANH-TÂN.

ĐOẠN SỐ VII

Cách học về máy Dynamo à courant continu.

(Tiếp theo)

Muốn biết cái số résistance d'isolement đặng bao nhiêu thì mình trừ số 6 cho 120 nó còn lại:

$$120 - 6 = 114$$

Sau đó lấy số 114 nhơn với 19.000 là cái số résistance của cái voltmètre đặng mấy ohms.

$$19.000 \times 114 = 2\,166.000$$

Rốt hết chia số 2.166 000 cho số 6 là số chỉ nơi mặt voltmètre trong khi mình chấm mối E đụng với sắt và mối F đụng với mối cái của Dynamo.

$$2.166.000 : 6 = 361.000$$

Cái résistance d'Isolement đặng 361000 ohms.

Khi nào cái số isolement ít lắm thì phải kiếm coi trong máy dây hư tại chỗ nào. Như vậy thì phải mở mấy mối dây ăn vô máy, rồi kiếm coi dây đụng sắt tại đâu:

1° Inducteurs

2° Induit

3° Porte-balais và cái cáng porte-balais.

Kiếm được chỗ nào đụng sắt thì phải dời riêng ra cho cách xa nhau.

Cách cho máy Dynamo chạy.

Trước khi cho máy chạy phải coi lại mấy cây chổi có cạ trên cái collecteur và coi nó ăn tốt không. Kế đó xem lại hết thảy mấy mối dây và mấy cái vis siết mấy mối dây coi có sạch sẻ và có vặn chắc chắn không. Lấy tay xây nhẹ nhẹ cái induit coi nó chạy tốt không và phải thăm chừng mấy cái đầu paliers có đủ dầu không và mấy cái nắp vặn chắc không Rốt hết mình phải coi lại cho kỷ, coi có bỏ quên món chi bằng sắt gần bên máy không, như là tournevis, dủa, búa, vân vân... Nếu không đề phòng thì mấy cái Pôles inducteurs bít mấy món đó ma phải sanh ra chuyện hiểm nghèo.

Cho máy chạy. — Ban đầu cho cái may hơi chạy chậm chậm đặng coi mấy cái khoen rút dầu nhớt rút tốt không. Lấy miếng giấy nhám nhỏ cập theo một miếng cây giẹp đặng chà trên cái collecteur, rồi chùi lại bằng miếng vải khô, đoạn lấy miếng khác cho thiệt sạch thoa một chút mỡ vaseline mà phết trên cái Collecteur. Coi lại mấy cái ruột ga của mấy cái porte-balais có nhúng lên nhúng xuống và đè sát mấy cây chổi hay không rồi mới cho máy chạy mau thêm một chút nữa và kéo cái Rhéostat d'excitation đặng cho volts lên đúng.

Đóng cái hảm cái tại Tableau và đóng lần lần mấy cái circuits ngoài. Chẳng nên đóng mấy cái circuits ngoài một lược, phải đóng lần lần mới được, *Trong khi máy chạy.* — Trong khi chạy thì cái rhéostat d'excitation làm cho hơi khí lên đúng một bực luôn luôn; như nó có trồi

lên sụt xuống thì phải kéo cái manette của cái rhéostat đó lên hay là xuống đặng cho hơi trở lại bực thường. Lâu lâu phải chùi cái collecteur chớ nên để cho buội than chồi dính vô đó. — Coi chừng thường thường dầu; nhưr có cạn phải chế thêm.

Giử gìn kỷ lưởng, coi nội cái máy đừng cho chỗ nào nóng quá.

Khi ngừng máy.— Mở lần lần mấy cái hãm theo circuits ngoài rồi kéo lần lần cái rhéostat lại đặng cho nó hạ volts xuống. Rốt hết mở hãm cái đặng ngừng máy lại.

Những sự sái trong máy Dynamo làm cho nó không sanh hơi ra đặng đều.

A. — Máy chạy mà không có sanh hơi ra.— Máy chạy mà không có sanh hơi ra là tại như sau đây:

1° Chồi nằm không trúng chỗ: Chúng ta phải xây cái giàng chồi lại đặng cho kim của voltmètre lên đúng.

2° *Câu lộn dây.* – Có nhiều khi máy hư sữa lại rồi, chừng ráp lại câu lộn dây, như dây của inducteur ăn vô trong cái rhéostat d'excitation lộn nhằm sợi dây cái mà hơi cũng không khác với hơi tại chỗ câu mối kia của inducteur (hình số 130) Cho nên phải coi lại mấy mối dây của inducteur câu trúng không; như trúng thì đầu nầy ăn vô dây cái positif, còn đầu kia thì ăn vô négatif.

Như cây kim voltmètre không lên, thì tréo hai mối dây vô cái inducteur, như mối dây của nó câu tại b nhỏ đem qua a nhỏ, còn mối kia câu tại c nhỏ đem qua d nhỏ. Làm như vậy nễ cây kim voltmètre lên thì tại nơi cái hướng máy chạy làm cho cái máy đó sanh ra hơi hít nghịch với cái hơi dư (magnétisme rémanent), đã có sẵn trong sắt của inductenr đó.

Thử coi dây của Rhéostat d'excitation có đứt không.— Muốn thử cách nầy thì chấp mối dây đầu và mối chót của rhéostat đó lại. Như cây kim voltmètre lên thì chắc rằng dây của rhéostat đứt.

Lấy ngón tay đè mấy cây chồi coi nó có sát vô với collecteur không.

Muốn thử máy Dynamo multipolaire đó có nhiều Pôles không thì lấy cái địa bàn đem gần pôle nầy qua pôle kia coi cây kim địa bàn có xây ngược lại không.

Tại cái hơi hít trong magnétisme không có đúng sức.— Muốn biết có đủ hơi hít không thì đem một miếng sắt nhỏ lại gần mấy cái pôles đó; như nó không hít miếng sắt nầy thì biết rằng nó không đủ hơi hít: thì phải câu hai đầu mối dây của inducteur đó vô trong cái mạch hơi riêng. Hơi nầy của Accumulateur hay là của máy Dynamo khác.

Nếu thử đủ thứ mấy cách đã nói trên đây mà hơi chưa sanh ra đặng thì chắc mấy mối dây mà hàn vô trong ocllecteur đó sái : như không biết sửa thì phải gởi máy đó lại cho người nào làm hay là mới sửa nó.

Nhắc thêm. — Như cây kim voltmètre không lên mà cái đèn témoin cháy, thì cái voltmètre đó hư: nếu cây kim của nó sụt xuống khỏi o, thì phải tréo hai mối dây mà câu lại vô cái voltmètre đó thì tự nhiên nó sẽ lên đúng.

Có nhiều đồm lửa dưới mấy cây

chổi. — Nếu cái máy Dynamo chạy không nghĩa là hảm cái mở ra mà không cho hơi ra ở đâu hết thì bởi tại mấy cây chổi nằm không trúng chỗ: phải xây tới hay là lui cái hàng chổi; nếu còn lửa hoài, thì cuộn dày của induit bị đứt cùng là cháy.

Như một cuộn hay là nhiều cuộn dây trong induit nó đứt thì mỗi lần mấy cái dát collecteur mà ăn hơi với mấy cuộn đứt đó qua tới mấy cây chổi thì có chốp lửa tại mấy chỗ đó luôn luôn.

Cho máy ngừng chúng ta xem cho kỹ lại thì thấy mấy miếng sắt mỏng đã bị cháy, còn mấy miếng khác hãy còn tốt. Khi máy chạy mau quá, thì cũng có đều trắc trở nầy luôn luôn là vì cái Dynamo ăn với circuit ngoài và cũng có khi hàn dây vô cái collecteur không kỷ, hay là dây của bobine bị đứt.

Còn máy chạy theo lệ thường, thì nó làm ra chốp nhán, hảy coi theo sau nầy:

Collecteur xây không đều;

Mica nằm không vừa. có hơi lồ ra ngoài;

Chổi chạy không đều; vân-vân....

Lời dặn về chổi nằm không trúng chỗ. — Cứ theo kiểu bobinage, thì thấy rõ cái đường Neutre a b ở trong trung tim hai đầu pôles (hình số 136

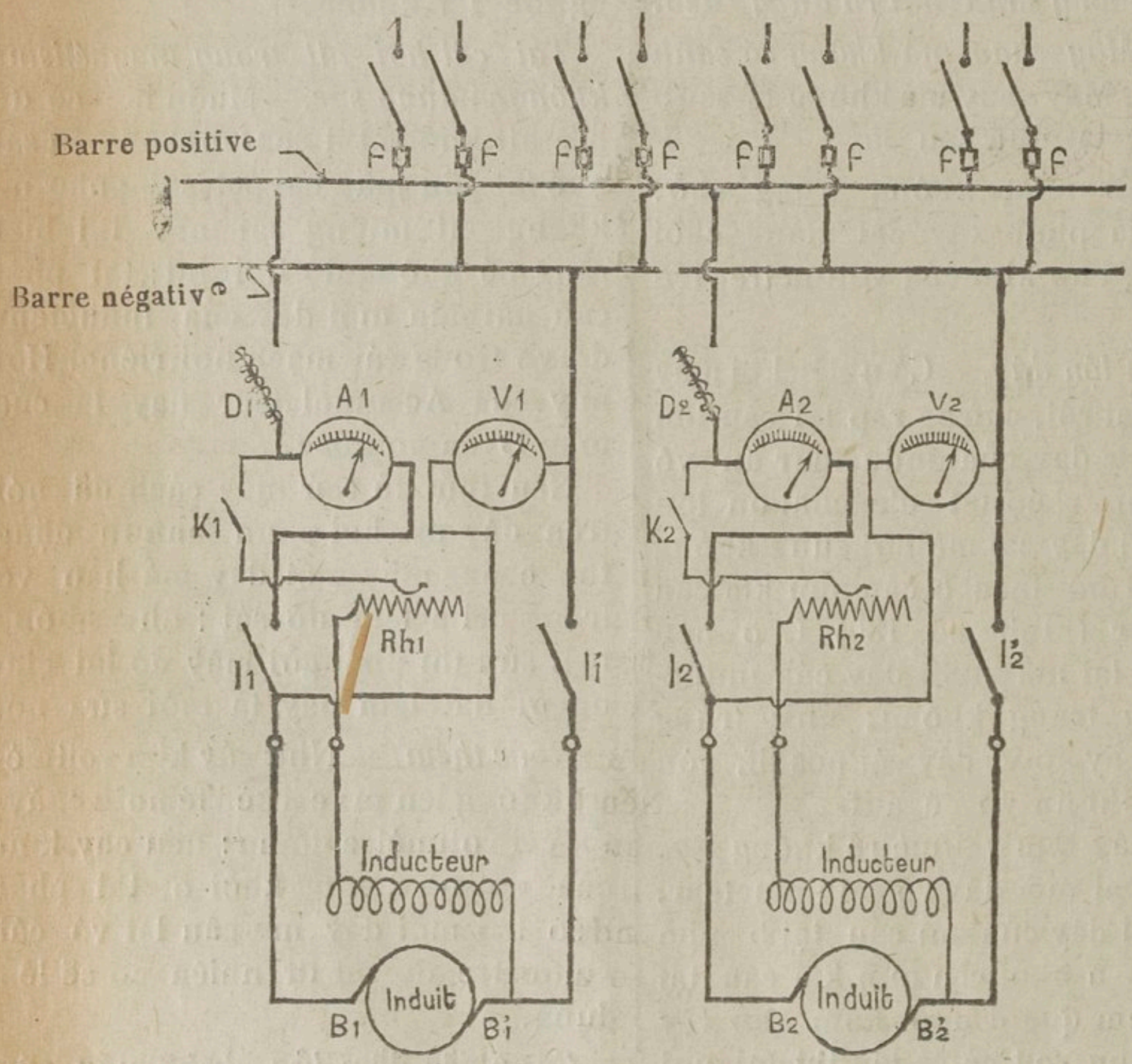

Hình số 136

137). Còn cách khác thì chổi nằm theo đường m n. Nên xít cái đường neutre a b hay là m n tới trước một cút theo hướng máy chạy đó.

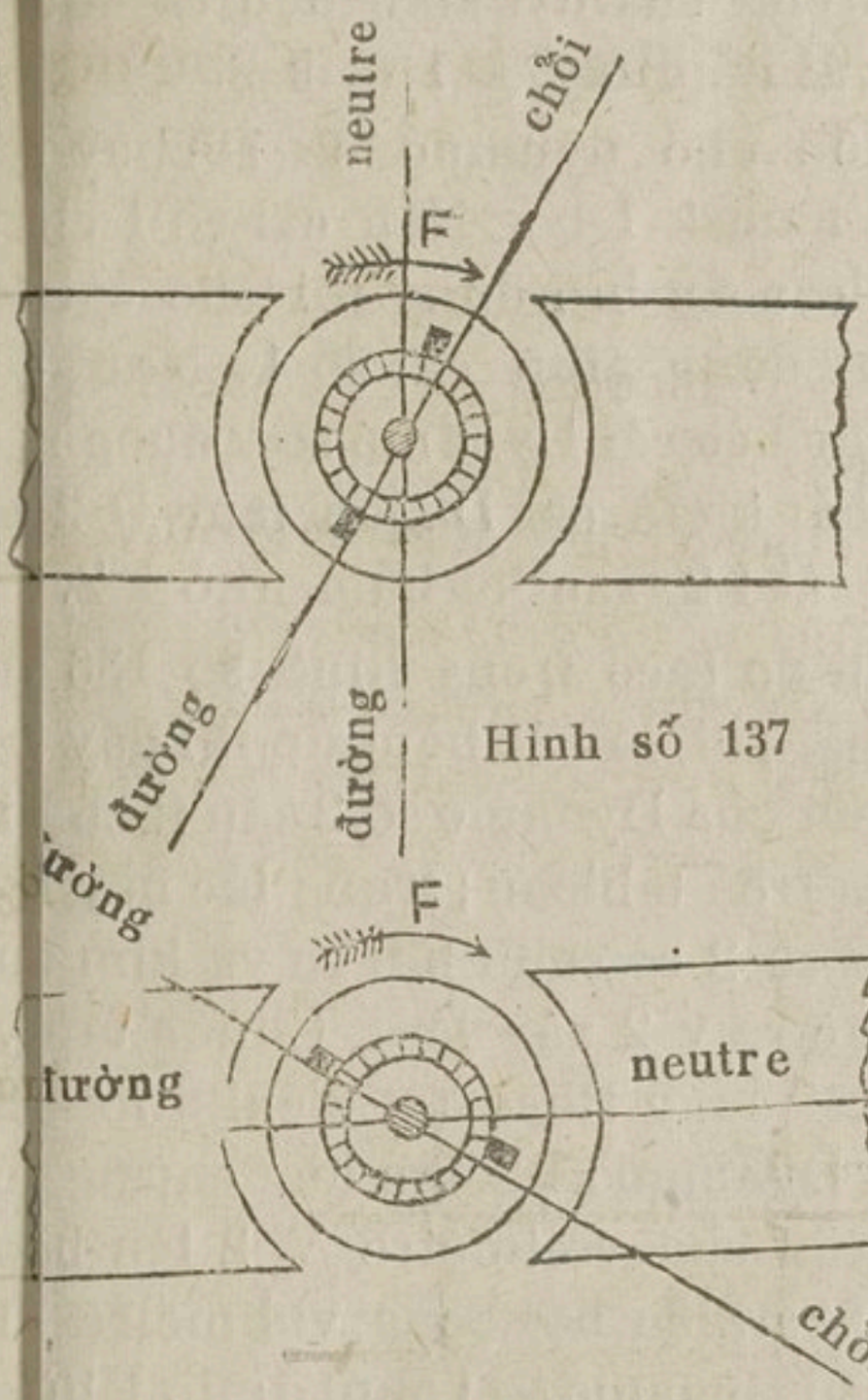

Hình số 137

Hình số 138

. — *Cái Dynamo sanh ra hơi khi thì tự nhiên volts của nó lên chẳng đúng đặng.*— Hãy coi theo đây mà tránh đều trắc trở.

° *Chổi nằm không trúng chỗ.* — Như có đều nầy gần đường Neutre.

° *Sức hơi Moteur mà kéo dynamo chạy yếu không có đủ mau.* — Như vậy thì phải đổi cái poulie của dynamo dùng cái poulie nhỏ hơn.

. — *Máy móc của dynamo nóng một cách lạ thường.* Ấy là cái Induit nó làm nóng máy và phải coi theo sau đây mà tránh đều tệ nầy:

° *Cái Intensité của circuit ngoài lên quá.*— Nếu cây kim Ampéremètre lên đúng theo mấy sự dùn ghơi đó thì tại máy Dynamo không có đủ sức ; còn theo thế khác, như cây kim Ampéremètre mà lên nhiều hơn hơi đèn của mình thấp, ấy là tại dây đem hơi khí ra đèn nó chập với nhau. Vậy phải ráng kiếm trong đó cho ra mối đặng sửa lại.

2° *Tại cái Bobine của Induit bị ướt:* Như vậy thì chúng ta hãy lấy Induit ra và đem xông nó cho khô.

3° *Tại Court-circuit trong cái Induit.* — Chúng ta biết cái đều tệ nầy là khi rơ cái Induit thì có chỗ nào nóng hơn mấy chỗ khác, là bởi tại nên dây trong Induit chập nhau tại chỗ đó.

4° *Tại máy làm không kỷ.*— Như vậy thì phải tháo Induit ra và gởi trả lại chỗ làm nó hồi trước đặng sửa lại.

Nếu mấy Bobines của cái Inducteurs nó nóng, bởi tại mấy đều trắc trở như sau đây :

1° *Mấy cái bobines nó bị ướt.* — Chúng ta phải tháo nó ra đặng xông nó cho thiệt khô.

2° *Dây vấn trong bobine đó nó đụng với nhau* : Nếu có cái Bobine nào nguội hơn mấy cái kia thì tại dây trong Bobine đó nó chập với nhau ; phải tháo cái Bobine đó ra đem vấn dây lại. Mấy cái Bobine phải nóng cho đều thì tốt.

3° *Hơi khi excitation có nhiều.* — Nếu hết thảy bobines mà nóng đều như vậy, thì chúng ta phải thêm một cái rhéostat gắn chung theo circuit de l'inducteur của máy Dynamo ; khi nào nó đã có sẵn một cái rồi, thì chúng ta cũng phải gắn thêm một cái nữa và cho máy Moteur chạy mau

thêm đặng cho cây kim của voltmètre lên đúng như hồi cũ.

4o *Máy làm không kỷ hay là người độ máy đó ra tinh lộn.* — Máy tân thời thì ít có đều nầy lắm.

Nếu sự nóng là bị mấy cái paliers, thì phải xem lại coi dầu có lên tốt hay là không. Nếu dầu lên tốt thì sự nóng nầy là bị :

Buội bặm hay là vật chi ở ngoài rớt vào trong Paliers ;

Coussinets bị siết chặc quá hay là không ngay ;

Dây trần căng thẳng quá ;

Dầu xấu ;

Coussinets mòn nhiều nên Induit bị hạ xuống mà cạ vô trong Inducteur.

E. — *Hơi chóp lên xuống làm cho mệt con mắt.* — Khi cái máy Moteur lửa hay là hơi mà kéo cái Dynamo chạy thì tự nhiên có đều tệ nầy ; bởi tại máy Moteur chạy không đều ; muốn tránh khỏi đều nầy thì trước hết phải gắn vô cái Moteur một cái volant cho đủ sức nặng làm cho máy chạy cho đều.

Về sự nhiều Dynamo chạy cập nhau Chúng ta nói đây về sự cho chạy cập nhiều máy Dynamos-shunt là cách nầy mà người ta thường dùng.

Sự hữu ích phải dùng máy chạy cập với nhau.— Như dùng hơi nhiều quá mà một cái Dynamo không đủ sức thì phải cho chạy thêm một cái nữa. Chúng ta nói đây là có hai máy ăn chung mà thôi. Như muốn cho chạy thêm nữa thì sự cho máy chạy cũng giống như vậy, chẳng có đều chi khác.

Nếu cuộc của máy đã lám xong rồi (dây câu theo hình số 136) thì chúng ta cho nó chạy cái thứ nhứt theo cách chúng ta đã có nói rõ trước rồi (trương số .....)

Trong hình dạng số 136 trong mỗi cái circuit của dynamo dều có thêm một cái hảm nhỏ k 1 và k 2.

Muốn cho dynamo số 1 chạy thì đóng hảm k 1 lại. Nếu cái số 1 chạy má chưa đủ hơi dùng thì cho cái số 2 chạy đặng giúp cái số 1. Như cái moteur kéo cái Dynamo số 2 đúng rồi, thì phải khóa cái Disjoncteur D 2 và hảm cái I 2, sau lại hảm nhỏ k 2.

Nếu do theo trong hình số 136 thì nếu gài rồi ba cái hảm đó thì dây Inducteur của Dynamo số 2 câu theo hơi cái tại trên tableau ; trong lúc nầy Dynamo số 2 có sanh hơi ra và kim của voltmètre v 2 xây lên. Chúng ta hãy xây cái cáng Rhéostat d'exitation Rh 2 của Dynamo số 2 cho đến chừng nào cây kim của voltmètre V 2 lên bằng hay là nhiều hơn của voltmètre V 1 của cái Dynamo số 1 chút đỉnh. Chừng ấy thì trúng; chúng ta hãy đóng hảm cái I 1 lại.

Xong rồi thì chúng ta bớt excitation của Dynamo số 1 và thêm exitation của Dynamo số 2 cho đến chừng nào hai cây kim Ampéremètres A 1 và A 2 chỉ tròm trèm gần bằng với nhau.

Chừng lúc hai cái Ampéremètres sụt xuống mà hai cái số cong lại ít hơn cái sức của một máy mà thôi. (Số nầy thường thường biên trên một miếng đồng nhỏ gắn trên máy đó mà có đề tên người làm máy đó ra).— Chúng ta có thế ngừng lại một máy. Ví dụ: như không muốn cho cái máy số 1 chạy, thì phải bớt cái excitation của máy đó và thêm excitation cái máy số

2 một lược với nhau. Chừng nào kim Ampéremètre máy số 1 chỉ gần số 0, chúng ta hãy mở cái Disjoncteur D 1 và ngừng lại máy moteur lửa hay là hơi mà kéo nó, tự nhiên sức máy chạy sẽ bớt lần lần, còn kim voltmètre v 1 cũng bớt xuống lần lần đến 0; như tới 0 thì chúng ta phải cắc hoi hảm k 1, kế hảm cái I 1 và l'1.

Alexis LÂN
Ingénieur électricien

THỂ THÁO TỔNG CUỘC ANNAM

Calendrier du challenge Khoa Học Tập Chí

(Năm thứ nhì)

Chúa nhựt 16 Mai 1926. Goconnaise sportive sẽ đấu cầu voi Govap sport Commerce sport sẽ đấu cầu vơi Tân-định sport

Dimanche 30 Mai 1926 Electro sport sẽ đấu với Dakao foot ball club Télépost sport sẽ đấu cầu với d stamy sport

Dimanche 6 Juin 1926 Donai sport sẽ đấu cầu với Paul Bert Etoile Gia-dịh sẽ đấu cầu với gagnant B

Dimanche 13 Juin 1926 Gagnant D sẽ đấu cầu với gagnant C Gagnant A sẽ đấu cầu với ganant E

Dimanche 20 Juin 1926 Gagnant F sẽ đấu cầu với gagnant H

Dimanche 27 Juin 1926 Gagnat G contre Gagnant I

Chúa nhựt tới, 9 Mai 1926

Etoile de Giadinh sẽ đấu cầu với sélection indigène.

Phía sélection sấp như vầy:

Đỏ (Donai)

Đĩnh (commerce) Lai (Donai Hà (Dakao) Trung (Distamy) Hoài (Donai) Nuôi (Paul Bert) Ngôn (Dakao) Cường (Commerce) Cho (Télépost) Liêng (Télépost Réserves: Thành (Electro) Lê (Electro) Sang (Commerce) Đó (Télépost) Huê (Dakao.

Liệt Nử' Truyện

Người con gái có hiếu *(N° 9)*

(Tiếp theo)

Thanh-Tân dịch thuật

Còn ở nơi nhà bà Công-chúa T*** có một bà thấy nàng từ sớm mai không trở về nhà mới hỏi thăm người ở dắc nàng, thì hay rằng người ở thấy nàng đi xe với ông V*** mà vào đền, mới biết nàng đã ra mắt bà hoàng-hậu rồi.

Chừng lối chín giờ tối nàng trở về, thì được mời vào phòng khách lầu đầu hết, vì cái sự đạt vận của nàng nó khiến cho ai nấy cũng đều chộn rộn trong trí. Cái phước của nàng đó làm cho bằng hữu của nàng hết sức vui mừng và lại khiến cho những người bấy lâu lơ lảng với nàng, nay cũng vui mừng hơn nữa.

Bây giờ xem gương mặt nàng sáng láng và vui vẻ đi đứng diệu dàng. Khi nàng thuật qua chuyện hứa của hoàng hậu, và những đều hy vọng của nàng cầu cho cha khỏi tội thì ai cũng cho là tự nhiên chắc được. Có nhiều người sẵn lòng giúp nàng nói để nói với quan thượng thơ giúp đở, bảo hộ cho nàng; bây giờ hết thảy ai cũng bằng lòng; cho đến người đánh bài bốc-tôm (boston) khi trước, nay thấy việc nàng gần thành thì cũng lấy lòng yêu chuộng.

Xong rồi nàng vào phòng mà đọc kinh tạ ơn Chúa mới ban ơn lành cho mình. Cái sự vui phước đó nó khiến cho nàng thao thức cả đôi ba giờ, cũng như xưa mắc chuyện chi khác mà nàng ngủ không được vậy.

Bữa sau nàng thức dậy rồi, đến khi nhớ tới việc vui hôm qua nàng vùng nói lớn: «Có phải giấc Huỳnh-lương mộng ứng khuấy rối tôi chăng, có quả thiệt rằng: tôi đã ra mắt Hoàng hậu và ngài tỏ lòng tử tế mà nói chuyện với tôi chăng.» Lần lần tri nàng càng tỉnh, nàng càng nhớ rõ sự hôm qua, thì cái sự vui của nàng nó càng thêm nhiều hơn nữa.

Nàng mới lật đật mặc áo vào chạy lại mở tủ mà coi có quả phải còn bạc của hoàng thái hậu ban hôm qua, nàng cất còn hay không.

Vài ngày sau bà hoàng thái hậu truyền chỉ định cho nàng phần tiền cơm tháng và sẵn lòng bổn thân dắc nàng ra mắt hoàng đế và hoàng hậu được ơn tiếp đải. Nàng lại được hoàng đế bậu tình ban cho 5000 đồng bạc và truyền lịnh cho các quan xét án của cha nàng lại, vì nhờ có quan thượng thơ, là ông K*** cùng là bữu quyến thương tâm, giúp cho nàng nên việc, nên dầu khó khăn cũng ra dễ.

Ông quan nầy có hai đều đáng phục, người khác ít có, là có quyền thế và có lòng hay giúp đỡ, cho nên những kẻ nghèo khó mà cầu ơn ngài thi chắc ngài giúp xong việc. Ngài lấy hết sức

ni và bổn phận mình mà xét kỷ
ái giao cho ngài, từ ấy nàng khỏi
đi chi nữa. Bởi trong trào biết
ng quan thượng thơ yêu nàng cho
n hiên hạ ở ngoài ngày nay ai
ngỏ lòng sốt sắng cùng nàng, nàng
ngấy làm lạ hơn là cái sự vui của
ngữa. Cho đến mấy quan thượng
goại quốc và mấy người quyền
ong thành ai cũng muốn thấy
ng cho biết và tỏ ý khoan nhơn
Còn bà công chúa Y*** với bà
hồi người cũng cho nàng lương
100 đồng. Được những ơn nhờ
hế mà nàng chẳng hề thay đổi
ình, chẳng chút nào kiêu căng
úng. Ở đời nàng chỉ lấy chỗ thật
hông tưởng lòng người tốt xấu
ả ?

gy kia đương khi nàng thuật
n có kẻ vùng hỏi nàng trong giữa
đám đông vì cớ nào (tội gì) mà
àng phải chịu đày. Lời hỏi bất
làm cho ai nấy đều ngạc nhiên
ẻ xem dường chẳng vừa lòng.
àng ngó người ấy một cách bất
mà rằng : «Thưa ngài, hễ con
ẳng hề cho cha có lỗi bao giờ,
a tôi thiệt là vô tội.»

Để lần nàng thuật rõ cái tánh tình
ình, tỏ cái tánh cao của mình
không ý khoe, thấy mọi người
ai lòng đẹp dạ thì lấy làm lạ,
ng mình không có tỏ rằng mình
ái. Vì nàng nói là muốn làm cho
ng người hỏi đó thôi, những câu
grả lời đều là vì ý và kính vưng,
không phải lòng muốn khoe
g, hoặc mua ý dẹp của người.
ghe người khen tặng nàng lắm
ng lấy làm lạ, mà đến chỗ khen
phải cách thì thấy nàng tỏ dáng
bất bình. Cái buổi mà nàng ở chốn kinh thành mà chờ nghị định tha tội cha nàng, nàng có ngày giờ gặp dịp vui vẻ rất nhiều. Nàng xem thấy cái chi cũng mới cũng đẹp Những người quen lớn đều khen nàng bình phẩm hữu lý những vật nàng xem xét.

Trong trào có hai bà nàng yêu kính riêng là hai bà bá tước tên W***. Ngày kia hai bà tính dắc nàng đi xem trong đền vua, chừng thấy nàng xem trong đền có lắm việc quí báu, đền đài rộng lớn mỗi bước nàng mỗi lấy làm lạ thì hai bà vui cười lắm. Vào tới căn đền Saint Georges nàng bèn làm dấu thánh giá tưởng là mình vô trong nhà thờ. Có khi nàng trở lại phòng nàng đã có vào trong lúc ra mắt hoàng thái hậu rồi mà không biết bởi trí nàng mắc lo tưởng cái địa vị mình với cái phận sự nàng đi đến đây hoài nên không nhớ. Chừng qua căn rộng nàng đương xem nhiều vật quí lạ, có một bà chỉ cho nàng coi cái ngai vua, nàng vùng đứng lại, bộ rất cung kỉnh rất sợ sệt mà nói : « À nói về ngai hoàng đế đây sao : hồi tôi còn ở bên Si-bê-ri tôi kinh sợ chỗ đó lắm.» Cái ý đó, xưa khiến cho nàng sợ sệt, nhớ tới cái hoàng ân, tưởng tới cái sự tha khỏi tội cha mình bao nhiêu, trí của nàng khiến cho nàng nhớ tới ơn non biển, mà bối rối vô cùng. Nàng hai tay chấp lại, tái mặt và nói hơi rung rét mà rằng: « Đó là ngai hoàng thượng đấy. » Nàng mới xin phép bước lại gần mà xem chưn đi rung rẫn, hai bà mới dìu dắc nàng đi tới. Thấy vậy rất cãm động tấm lòng. Nàng Prascovie quì gối dưới ngai vua, hung hai, ba cái dưới nất ngai mà nước mắt tuôn chảy, rồi nói: « Hỡi

cha ôi, cha có thấy phép tắc trời dắc con đến đây chăng. Chúa ôi, xin Chúa làm phép lành cho ngai nầy, phù hộ cho người ngồi trên ngai nầy, người được sống đời hưởng dư phước đức. »

Dắc nàng qua căn phòng khác thiệt cũng hết sức, nhưng mà nàng xin trở về, vì bởi nàng mắc cảm động tấm lòng nên chẳng muốn ở lâu, phải chờ qua khi khác sẽ xem nội các nữa. Ít lần hai bà lại dắc nàng đi xem am-tự (chỗ thầy tu ở). Cái dài tốt đẹp ấy chưng dọn rất tốt, đồ quí báu rất nhiều, dường thể cảnh tiên, khiến cho nàng xem thấy càng đẹp mắt hơn mấy lần trước nữa. Nàng mới thấy lần thứ nhứt những tượng vẻ. mà lấy làm vui mắt, nên đứng xem kỷ lưởng lắm. Nàng xem biết có nhiều ượng vẻ theo truyện lấy ở trong sấm truyền.

Đền chừng xem qua truyện ông Luca, Giosdano vẽ hình tên Silène say rượu, có thầy rượu phò đỡ đôi bên nàng thấy vậy mới nói: « Cái đó thật là một tấm tượng xấu xa, vẽ hình đó ý nghĩa chi vậy. » Người ta cắt nghĩa cho nàng nghe chuyện ấy là lấy trong biến ngôn mà vẽ ra. Nàng hỏi chuyện biến ngôn nào, vì nàng chưa hiểu đến thần học (chuyện quái thần dị thần) cho nên cắt nghĩa cho nàng nghe được cũng là rất khó, nàng mới nói: «Nói vậy mấy chuyện đó không có thiệt mà : coi đó, người ta gì mà cẳng dê. Thiệt ai điên cuồn gì và vẽ chuyện không có vậy, xem dường như không có vật thiệt mà vẽ hay sao? » Nàng nay 21 tuổi mới biết những chuyện của người ta học thuở còn thơ. Tuy nàng hay lúc láo chớ không hay nhạy miệng, nàng ít khi kiếm hỏi, nghỉ lấy một mình những chỗ nào mới lạ cho mình thôi.

(Còn nữa).

TIẾNG ANNAM

BẮC-KỲ và NAM-KỲ

Trộm nghỉ nếu tiếng nói trong nước mà người cùng một nước không thông ều nhau đặng, chẳng phải hại quyền lợi của một nước mà thôi, lại chia là cho tiếng nói ta được gom thêm nhiều nữa, mà văn nước ta càng êm rộng rãi, và người trong nước giao thông thêm thuận tiện. Có người i ng: Người thượng lưu trong ba Kỳ gặp nhau ngồi nói chuyện cũng u hiểu nhau cả. Tôi xin thưa rằng: Điều ấy cũng có, mà là có số ít ông thượng u nào đã hay xem hay luyện quốc văn thì mới hiểu nhau thôi, ấy là ngoại r mấy ông cựu học (chữ Hán) chớ phần nhiều nói tiếng Pháp giỏi hơn ngta thì người ở Kỳ khác không sao hiểu nhau được; huống chi tiếng ò ỏm các vùng trong ba Kỳ khác nhau xa lắm, không từng ở các nơi ấy không học, không thế hiểu được.

Sự giao thông trong nước thì cần nhứt cho từ trung lưu sấp xuống, vì c thượng lưu phải ít số hơn.

Vậy muốn thông được tiếng ba Kỳ thì có sách nào mà học, mà muốn n sách «Từ Điển Việt Nam» thì phải có đủ tiếng nói trong nước. Nay dầu người đã từng lội lặn và ở lâu khắp trong ba Kỳ đi nữa, cũng khó mà n nhờ nhớ lại từ tiếng góp thành sách. Việc khó như vậy chẳng lý ngồi n khó mãi, để người một nước vì tiếng nói chẳng hiểu nhau mà giảm h ền-lạc, thân ái như kẻ Việt người Hồ, việc giao thông rất là bất tiện.

Tôi xin tỷ một câu nói ra đây, chắc nhiều người trong nước Nam không u nghĩa: «Con tê đem đôi triêng ra ngoài rào, sương đôi nát», nghĩa là n so ? là: con kia đem đôi vờ ra ngoài sông gánh đôi nước.

Tiếng nói là hồn của một nước, nước ta đã trãi mấy độ tang thương, ngôn ói của tiên nhơn ta lưu truyền lại tới ngày nay, tuy không được phong á, hưng ta chớ vì văn hay chữ tốt, tiếng Tây chữ Tàu mà phụ bạc cho nh.

Vậy tôi có biên dưới đây một mớ non ba trăm tiếng Bắc tiếng Nam để ngào xem, và xin anh em trong Nam khi xem sách xem báo ngoài Trung c gặp tiếng nói nào khác trong nầy, nên biên cất để dành lâu lâu hiệp nhiều tay vỗ nên kêu, thì có ngày đoạt tới mục-đích vậy.

LÝ-HỮU-DƯ.

Nam-Vang.

BẮC KỲ	NAM-KỲ	BẮC-KỲ	NAM-KỲ
áo quan	cái hòm	cái chăn	cái mền
băng hà	thăng hà	chái phải	trái phải
cái búi tóc	cái đầu tóc	cưỡi ngựa	cởi ngựa
bán buôn	bán sĩ	chít khăn	bịt khăn
bố (cha, thầy, cậu)	ba, tiá, ông già	nói chua	nói mắc, nói xốc
cái bác to	cái tô	chầm nhau	nhảy nhau (nhảy cái)
béo	mập		
nước bọt	nước miếng	cái cơi	cái ô
con bao	con beo	cồng kềnh	kình càng,
biếu	cho (đồ)	chén quân	chén chung
bồ gìn	bù nhình	cây dầu dầu	đu đủ tiá (dầu dầu tiá)
bồ côi	mồ côi		
đi bách bộ	đi lẩn quẩn (bước một)	quả dứa	trái thơm
		củ đậu (chử sơn đậu)	củ sắn (chữ cũng kêu: cắt căn)
bè nghịch	phe nghịch		
cái bu	cái lồng	con đam (tiếng huế) cua đồng (tiếng bắc)	con cua đồng
bận việc	mắc việc		
bắt được	lượm đặng	dần dần	lần lần
bầu bạn	bậu bạn	đúng	nhằm đúng
cành	nhành, nhánh	đuổi	rượt
chụp ảnh	lấy hình (chụp hình)	do dự	dụ-dự
		con dện	con nhền nhện
cầu vồng	cái mống dài	bán đắt	bán mắc
cựa cậy	cựa quậy	cái đỉnh	cái lư
chú chiệc	chú chệc	đẻ (mẹ)	mé
con cừu	con trừu	tây đen	chà và
tháng củ một	tháng hay có trộm cắp và hỏa hoạn	dầu tây	dầu lửa
		đàn thập lục	đờn tranh
chè	trà	đàn nguyệt	đờn kiểm
chầm hương	trầm hương	đốt tay	lóng tay
cái cốc	cái ly	con dím	con nhím
cúc áo	núc áo	đánh rớt	làm rớt
đệm	nệm	nhà đồ	nhà sập
dúng nước	nhúng nước	giồng giọt	trồng trặc
đầm dìa	đầm dề	giút-giát	nhút nhát
dát gan	nhát gan	giúng nước	nhúng nước
nói đốt	nói đốc (nói thêm rói tức)	khô giáo	khô ráo
cái dọ	cá rọ	gồ ghề	ô đề, giô giám

BẮC-KỲ	NAM-KỲ	BẮC-KỲ	NAM-KỲ
bá h đa	bánh tráng	gầy	ốm
đa nghiến	cẳng nhẳn	gá bạc	thổ chứa
đồ cho chín)	chưng, hấp	giấy giáp	giấy nhám
cái đại	cái chén	hoa đại (hoa xứ)	bông sứ-ma
cây gụ (bắc và nứ chệ)	cây gồ	hiếp chóc (đáp)	hiếp đáp
		hòn than	cục than
con giun	con trùn	răng hàm	răng cấm
	(chữ: khâu dẫn)	húi tóc	hớt tóc
lẩy	chờ dậy thức dậy	hoang toàng	hoang đàng
gửi gưởi)	gởi	hòm	rương
gọi	kêu	hòm diêm (bao diêm)	ống quẹt (hộp quẹt)
ót nhặt	lượm lặt	hạt (hợt)	hột
im nước	nhận nước	hoa nhài	bông (hoa) lài
trả	trả	ông chủ hiệu	ông chủ tiệm, tàu kê (tiếng khách tàu)
con giai	con trai		
tro	tro		
giăng	trối trăng	đại hiệu, cửa hàng lớn	tiệm cái, tàu khậu
ồng cây	trồng cây		
Đức Chúa trời	trời, Đức Chúa trời	hào (2 hào)	cắt bạc (2 cắt)
giăng	mặt trăng	hắt hơi	nhảy mũi
đầu	cạo đầu	hiếm có	ít co
gai góc	đầu có chóc	vượng hót	vượng hú
giờ	tráo trở	hoa mắt	chóa mắt
lại	xếp lại	hộp vào	hiệp vào
gia	suôi gia	hói tóc	sói (tóc) đầu
nhà	căng nhà	tiền hồ	tiền xâu
	nỉ	khuyên giục (giử)	khuyên lơn
khách	thiếm xẩm	mướp đắng	khổ qua
hảm	đồ cẩn	quả muồn	trái xoài
úi	hà tiện	rao mùi	roa ngò
rọn	kén chọn	mộc nhỉ	nấm mèo
có kẻ	giấy có gạch hàng	cái mề gà	cái bốp
canh	tá điền	ma rà	ma gia
	đậu phộng	mốm mồi	đúc mồi
ách	lót gạch	mùi	màn
ợn	thịt heo	hạt lúa mảy (kẹ)	hột lúa lép
	cái bình	con mối	con thẳng lẳn
mấy	mấy tuổi	mù tít	mau lắm
	lảnh		

BẮC-KỲ	NAM-KỲ	BẮC-KỲ	NAM-KỲ
thắt lưng	dây lưng	chạy mù tit	chạy riết, chạy mù
Lạng	Lượng	mù tít	đui hẳng
lóm xuống	hủng xuống	quả na	trái mãng cầu
làm đã lọn (xong)	làm đã xong rồi	nình ba (linh ba)	chỉa ba, linh ba
thầy lang	thầy thuốc	nhầm	lầm
Lãi	Lời	nhẻ	lẻ
Mọc mầm	đâm, chồi tược đọt)	nhẹ nhàng	lẹ làng
		nhời nói	lời nói
mu mắc	Mí con mắt	nhớn nhao	lớn lao
quả mơ	trái ô-môi (chử: ô-mai)	nguyên súy	(nguơn soái) nguyên soái
cá mương	cá lòng tong	ngắm	nhắm xem
cây móng nước	cây bông móng tay	nhở rồi	lở rồi
mồng két (chữ: phù)	le-le (vịt nước)	một ngình	một ngàn
		nhanh	lẹ
minh	mạng	nho nhoe	ngo ngoe
mình man	minh mông	nghiện rượu	ghiền rượu (á phiện)
mà cả	trả giá		
mủn mỉn	tròn trịa	nhiệm nhặc	mủ mỉ
ngành	cười mún mím	cái nhạc	cái lục lạc
thợ nề	nhành	nhặt	(lặc (rau)
nén hương	thợ hồ	rong-rủi	dung rũi
nấc nức	cây nhan	ròng rỏi	giồng giỏi
nến tây (bạch lạp)	nức cục	rề đường	lề đường
nhạt nhẽo	đèn cầy	quả rứa	trái thơm
nến sáp	lạc lẻo	rượu vang	rượu chắc
	đèn sáp (đèn dầu có bình đựng, Bắc kỳ cũng kêu bằng đèn)	rủ rích	củ mèm, củ xì
		rước đèn	cộ đèn
		rủa mài	dủa mài
		cái riếng	cái giếng
nằm nặp	nườm nượp	xui rục	xui giục
con nhặn	con lằn	rút rát	nhút nhát
ma nam (Bắc kỳ) ma rà (Trung kỳ)	ma da	con rện (nhện)	con nhện nhện (tri thù)
nhãng trí	lãng trí	cải rào (xứ Nghệ)	cái sông
nhường nào	dường nào	con rẻ cùi	con chim trỉ
nấp bóng	núp bóng	rồi việc	rảnh việc
ngạt hơi	ngột hơi	săng lẻ (xứ Nghệ)	cây bằng lăng
muông con	cưng con	song	rồi

BẮC-KỲ	NAM-KỲ	BẮC-KỲ	NAM-KỲ
ốm	đau	giúm lửa	nhúm lửa, chụm lửa
hường	tốp (bọn)	sưởi	hơ
lậu phụ	tàu hủ	sẩm (loà)	mù (đui)
hong bì	bao thơ	xà phòng	xà bông (savon)
ằng phẳng	bằng thẳng	sành	rành (sành sỏi)
ay phải	tay mặt	sốt sét	nóng lạnh
á quả (cá lóc đầu iẹp, kêu là cá sộp	cá lóc (lễ ngư, cá bông)	nói sẽ	nói nhỏ
		sẹo	cái thẹo
á Tràn đô, (cá chuối)		săng	hòm
		cá sộp	cá lốc
uoay	day	tậu (trâu, bò, vật lớn)	mua
uả cây	trái cây		
ây roi (Huế)	cây đào đỏ	thanh quất	lưỡi lê (gươm)
ây re	cây bằng lăng	thua kém	thua súc
á rới	cá đối	tính tình	ánh tình
hu	thâu	tầu	tàu
ư	thơ	nương tựa	nương dựa
ối tha	thúi tha	tụm lại	giụm lại
ời	trui	tựm 5 tụm 7)	(giụm 5, giụm 7)
í tuệ	trí huệ	trú ý	chủ ý
uyền vần	luân chuyển xây vần	u (mẹ, mợ)	má mẹ (bà già tôi, bà, thân tôi bà vú)
		vủ	vỏ
ái thưng	trái thăn	cái vai bò, ách	cái ách
ách bạch	sách hoạch	vừng	hột mè
ói thàm	nói xàm	cái ví (mề gà)	cái bốp
ối lại	dội lại	con vẹt	con két
hìa khóa	chìa khóa	xoang đâu	cây sầu đâu
ư thả	thong thả	xa xôi	xa xuôi
áo trưng	láo liên	cái xăng	cái hòm
ái tem	con cò, (con niêm)	xúc bách	thôi thúc. hối
on tò-vò	con vò vò	cai xống	cái vay
ạch	rau câu	xồm xam (xam xưa)	lộn xộn
óc mách	tọc mạch		
eo leo	cheo leo	xén tóc	hớt tóc
i trâm trích	lời châm chích	ngồi xồm	ngồi (xe hẻ) cho hỗ, ngồi chồm hỗm
ạm, khắc	chạm, khắc		
ói lói	chói lói		
ớ cây	sớ cây		
ói thàm (nhảm)	nói xàm (bậy)	cái xẻng	cái vá (xúc đất)
ẻ	chẻ (bữa)	xoa tóc (dầu)	xức dầu (tóc)
a ma	nghĩa-địa	chim yểng	con nhồng
ao láo	trao tráo	(chữ : tần cát liễu	(con sảnh)

3e ANNÉE — N° 135 — 20 MAI 1926

KHOA HỌC TẠP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1° — M. BUI QUANG-CHIÊU *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*
2° — M. LÂM-VĂN-HUÊ, *Commis indigène des Services Civils.*
3° — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics à Cholon.*
4° — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*
5° — M. NGUYỄN KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon*
6° — M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*
7° — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*
8° — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN, *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*
9° — M. TRẦN VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Paris.*
10° — M. TRẦN-QUANG-NGHIÊM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*
11° — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*
12° — M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3,00		

MỤC LỤC

Bệnh dương-mai hay là chancres.... 2370
Công nghệ đời nay 2372
Khỏi nầy không các nước trong Hoàn cầu đều có dính giấp nhau trong các Việt 2374
Liệt nữ truyện..... 2376
Dân Annam hồi đầu hết 2379
Cuộc tranh hình đồng Khoa Học Tập Chí 2381
Đông-pháp thời sự..... 2382

Mụt dương-mai hay là chancres

Mụt dương mai, tiếng Langsa gọi là chancres cũng là bịnn truyền nhiễm, song thường thường ở nơi chỗ k n đáo. — Ta xin tỏ cho biết liều bịnh chancres có hai thứ: một thứ chancre mou ta xin gọi rằng dương-mai bay, dương-mai mềm lấy làm khác thứ dương-mai kia, chánh dương-mai, gọi là chancres induré dương-mai cứng, bịnh đầu nghĩ cũng chánh bịnh tim la. Hai bịnh tuy nổi mụt chỗ kín đáo, tuy cũng bởi hoa tinh bậy bạ mà sanh ra, chẳng có giống nhau đâu; mụt dương-mai bay — chancre mou — mềm, và trong khi bị nọc độc nó rồi thi đôi ba bữa nổi lên mụt ăn khuyết vô sâu và ăn ra mau lớn, còn mụt dương-mai tim la khi bị nọc độc rồi ba tuần lễ hay là một tháng mới nổi ra, nổi ra một mụt cứng như da thuộc, như bia sách vậy, mụt nổi cao lên khỏi mặt da chỗ nó mọc — chẳng có ăn sâu vô và cũng ít nổi ra lớn ở xung quanh

Song phải biết trong mộ. mụt dương-mai mà có hai bịnh cũng có, chancre mixte. — Khi hai bịnh nổi lên một chỗ thi bịnh nào đi theo bịnh nấy. Như mụt chung lanh được rồi, sau chừng một háng thi thấy bịnh tim la nổi tầy quầy ra cả minh. Bịnh chancre mou, sanh sãng ra bởi trùng độc gọi là bacilles de Ducrey trùng độc nầy ở nội chỗ mụt dương-mai mềm đó ở trong mủ mà thôi. — Còn bịnh chancres induré, chancre syphilitique, mụt dương-mai tim la, sanh sãng ra bởi trùng độc gọi tên là Tréponême de Schandiun, trùng độc nội trong một tháng thi đi cùng cả thân thể minh, trong máu người bịnh đều có nó. — Vả lại bịnh chancre mou thi nhẹ vì nó bay chỗ nào ở chỗ nấy còn bịnh chancre induré là mụt khởi đầu tim la. Mụt chancre mou chẳng phải nổi chỗ kín đáo mà thôi, nó cũng có thế mà mọc nơi da bụng, da tay, da chơn nữa. — Thường thường cái mủ nó có độc trùng nên chỗ nào bị trầy da và có mủ vô thi có lẽ chancre mou nổi lên được. — Thường thường có mụt chancre mou hay nổi hạch, và hạch ở nơ

hạng hay nổi lớn có khi bằng hạt xoài, nên Annam ta hay kêu hột xoài và thường thường hột xoài cũng hay làm mủ và bể ra. — Khi hột xoài bể ra chảy mủ cũng có khi bị mủ chancre mủ sang qua ăn lở tầy quầy, có khi đôi ba tháng mới lành — như có thuốc bó sạch sẻ.

Khi có chancre mou, phải lấy nước nóng mà giầm cái mụt đó sớm mai cùng chiều, mỗi lần giầm chừng nửa giờ đồng hồ, giầm nóng được chừng nào lại kể chừng nấy; như giầm một lát mà nước nguội thì pha thêm nước nóng. — Con trùng độc bacilles de Ducrey yếu sức, nóng chừng 40 bực — 40° — thì nó phải chết. Song cũng phải biết hễ khi nào có lở lói ra, mấy chỗ đó lại có thứ trùng độc khác sang vô mà làm độc thêm nữa, bởi vậy nên lâu lành. — Cũng có mới tìm được thuốc để chít cho chancre mou mau lành. —

Chancre mou cũng là một mụt truyền nhiễm bởi cái mủ của nó. — Khi nào nơi da mình có trầy một chút mà như chỗ trầy có đụng chạm nhằm mủ chancre mou, thì chỗ đó có nổi lên mụt bịnh đó được. — Ấy cũng bịnh truyền độc, như rủi mình có lở, thì phải kỷ cang cho dữ, quần áo khăn khiếu, và vợ chồng cũng phải lo liệu, vì rủi đau chẳng có lỗi, song ấy là một sự tội lỗi nặng lắm lúc mình biết đau độc mà sang nọc độc cho người khác.

Sau sẽ nói qua chánh bịnh tim-la.

Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN

Công Nghệ Đời Nay

Nghề đóng giày và may bao tay

(Cordonnerie et ganterie)

Nghề đóng giày bằng da có hai phần, một phần lo đóng giày đờn ông và một phần lo đóng giày đờn bà. Đóng giày cũng như may áo quần, nghĩa là phải đo chưn cho biết thước tất rồi mới đóng theo cho vừa cái chưn. Cũng có khi độ theo chưn người mà đóng sẵn để bán. Ở nơi kinh đô lớn, cùng các nơi có hảng to đóng giày thì có thợ riêng, chuyên đóng hoặc ròng giày đờn ông hoặc ròng giày đờn bà, chớ ở các nơi thôn quê, cùng là thành thị nhỏ thì có thợ đóng giày vừa của đờn ông vừa của đờn bà.

Từ xưa đến nay những nước văn minh cũng đều dùng có một thứ vật mà đóng giày, là *da* với nhiều thứ *vải*. Vậy thì nghề đóng giày ngày nay cũng không khác gì nghề đóng giày ngày xưa cho mấy. Khác hơn là chỉ có bày ra máy móc để đóng giày mà thôi. Cái hình thức giày xưa nay cũng có chế đổi đi ít nhiều. Lại nhiề nước đóng kiểu giày cũng có khác nhau: như nướ Tàu thì đóng giày thường cái kiểu không giống củ người Âu Châu, cùng ngườ Arabe và Ấn-độ, còn kiể hia quan vỏ mang (như hi học trò lễ) thì cái mủi cong lên, có hơi giống như giày của đàn bà Á-rặp. Ta đã biế giày của người Âu-Châu thế nào rồi, không cần phải nói và giày đờn ông đờn bà cũng khác nhau, ta đã thấy.

Nay chỉ kể ra cái cách đóng giày theo bên Âu Châu là giày bây giờ đâu đâu cũng có, nước nào cũng dùng, thì có ba thế đóng giày: 1° *giày may* (chaussures cousues) là giày đóng và may bằng tay; 2° *giày đóng đinh* (chaussures clouées) và *giày vặn ốc* (chaus-

ures vissées) đều là giày
àn bằng máy. Cách đóng
ày bằng tay là cách dùng
từ thuở xưa đến nay, còn
ách dùng máy là cách mới
ày sau đây.

Giày may (chaussures cou-
ues). — Ấy là những giày
ó nhau các phần chung
bằng cách may chỉ, mà
hần nhiều là phải may bằng
cả. Tỉ như may một chiếc
ày ta mang thường kia,
trước hết cắt da ra mà
n 2 phần, phần gót (quar-
ier) để bao cho vừa hết cái
ó chưn, và phần chưn là
hần bao cả cái bàn chưn
empeigne). Cắt 2 phần ấy
ong rồi, bây giờ ráp nối nó
a lấy mấy miếng da nhỏ
ấy là *cánh* (ailettes) mà
hêm nơi bìa dưới của cái
hần chưn (empeigne) mà
ay lại. Cũng lúc ấy người
ta kê vô cái phần gót một
miếng da nữa gọi là *contre-*
or. Bây giờ lấy miếng da để
ên cái khuôn (forme) mà
đánh cho ăn, làm ra cái *se-*
melle, rồi úp cái empeigne lên
may ráp lại. Ráp xong
thì may cái miếng semelle
đầu đó cho dính với cái empeigne; mà phải nhớ lót chêm vô một sợi da kêu là *trépointe* đặng mà may lại cho nó chắc; sợi da ấy may dính vòng vòng theo cái semelle giày, ráp đầu lại nơi phía gót. Kế đó phải lót một miếng da dày nơi chỗ hủn bàn chưn (cambrure) kêu là miếng da lót (*cambrion*), đặng cho nó bít cái chỗ hủn ấy. Sau nữa lót chồng lên một miếng da semelle nữa mà may dính lại với miếng semelle trước, rồi mới đóng luôn cái gót vô (talon). Đóng xong hết bây giờ chỉ có gọt lại xung quanh cái semelle cho đều, cho khéo, rồi ủi đánh nó cho bóng láng. Chừng rồi hết thì chỉ lấy khuôn ra, rồi thêm những vật chưng thêm trong chiếc giày, như bông, khuy núc, dây vân vân.

Giày đóng đinh, giày vặn ốc (giày may máy, chaussures mécaniques). Giày nầy mới bày hồi lối kỷ thứ 19 ở bên xứ Huê kỳ và xứ Anh-quốc. Nó khác hơn giày may là vì cái semelle với cái empeigne dính nhau nhờ có 2 hàng

đinh đóng lại. Đóng giày cách ấy thì người thợ dùng một cái khuôn (forme) phía dưới có một tấm sắt để cho đinh đóng tới đó bị tấm sắt mà tà lại, móc trở vô miếng da. Giày đóng cách ấy ít tốn công và rẻ hơn giày may, nưng mà nó nặng nề lắm, và cái semelle của nó cứng quá, đinh đóng vô đi không được chắc, mà lâu thì sợ e gót và semelle nó hay bể. Cách ấy chỉ dùng để đóng giày to cho đờn ông thì mới có tiện lợi.

Giày vặn ốc khác hơn giày trên kia là vì lấy đinh ốc thau mà đóng thế cho đinh kia. Cách ấy mới dùng từ hồi năm 1844, ngày nay đâu đâu cũng đều dùng. Mà công việc làm thảy đều bằng máy, nào là cắt empeigne, semelle, gót talon, cho đến khi may bìa, đóng đinh cả thảy đều làm bằng máy và ốc. Người ta bày ra những máy tinh xảo để cho thợ coi làm rất mau mà lại khéo. Thợ chỉ đem miếng da vô máy mà chừng ra thì là thành chiếc giày rất khéo.

Giày làm như cách ấy cũng nặng cũng cứng như giáy đóng đihh, nhưng nó chắc hơn đinh kia nhiều là vì nhờ có khuốc của nó nên nó kéo da khít nhau lại mà không tuột. Nhưng thế nào cũng phải nhờ có da tốt thì giày mới được tôt và chắc.

Nghề làm bao tay (ganterie)

Bên cỏi Đông-phương ta xưa nay ít thấy ai dùng bao tay, duy ở bên Âu-Châu là xứ lạnh thì người ta có dùng bao tay thường. Bao tay ấy bao trùm hết cái bàn tay, mà mỗi ngón đều có bao riêng nhau hết. Thuở xưa thì người ta chỉ dùng bao tay để mà phòng ong cùng là gai chít mà thôi. Đến sau lối kỷ thứ 15 mới có bày ra bao tay để mà làm món chưng diện. Từ ấy đến sau nghề làm bao tay mỗi ngày mỗi phát. Ngày nay đờn ông đờn bà cũng đều dùng bao tay làm món cần kíp.

Có 2 thứ bao tay: một thứ dệt thêu như đồ thun, đồ lưới, và một thứ may cắt, làm bằng da hoặc bằng vải

t ra rồi ráp lại mà may.
hề làm bao tay bằng đa
một nghề rất thịnh hành
ày nay lắm.

Những da dùng để may bao
ay thì phải da thật tốt và thật
êm: người ta chỉ dùng
chiên trừu, cùng da dê
n thường hơn hết. Nhưng
dễ may bao tay là da
uộc bằng cách riêng kêu là
mégissés hoặc là chamoisés
(cuirs mégissés) Da dê con
là da rất mịn, nhuyễn,
hơn hết mà lại chắc nữa.
Người ta dùng da ấy mà
ay bao tay (gants) thì
ặc trở bề lông ra ngoài
u là (*sur poil*) hoặc trở vô
ng kêu là (*sur chair*). Da
uộc để may bao tay là
uộc có mỡ và tròng vàng
ứng gà, cho nên nó mới
ợc mềm và mịn như
ung, và mắc tiền.

Da đem tới xưởng làm bao tay thì phải lựa nó ra, rồi nhún ướt, kéo nó, làm cho nó mỏng rồi mới cắt ra mà may bao tay. Mấy cái da cắt ra hình bao tay rồi, đem giao cho thợ may, may dính lại thành cái bao tay, rồi tròng nó vô cái bàn tay giả có ngón thật tròn, để cho nó khô, rồi đem ra xếp gói vào hộp.

Nghề may bao tay trước còn làm bằng tay, bây giờ có máy cắt sẵn theo hạng, theo cỡ, có máy may, công việc ấy làm rất mau. Còn bao tay dệt thì cũng có máy dệt riêng, làm cũng như dệt vớ, dệt áo thung vậy. Còn bao tay cắt và may bằng hàng vãi hoặc tơ lụa, hoặc bằng chỉ vãi, bằng nĩ thì cách may cũng như cách làm bao tay bằng da vậy.

THANH-TÂN.

Buổi nầy không các nước trong Hoàn cầu đều có dính giấp nhau trong các việc.

Thuở xưa Ông Bà nghĩ rằng là nội con người ta sinh ra chỉ có biết nước mình mà thôi, không ăn thua chi tới các nước khác. Bởi vậy cho nên dân khờ khệt ngó lên trời nói có vì sao chổi trở đầu hướng nầy, trở đuôi hướng kia thì ra điềm nguy biến cho trong nước tàu hay là nước Nam nghĩ như vậy thì nghĩa là mình tưởng là bầu trời là bầu trời hai nước ấy mà thôi.

Có khi là thấy một vì sao băng thì nói rằng có cang nệ đến nhà Vua-Ta-Làm sao mà biết là sao đó là cang hệ đến vua ta, chớ không cang hệ đến vua Nhựt Bản, vua Xiêm vua Langsa, vua Espagne, vua Huê Kỳ, vua Hồng Mau. Bầu trời là bầu trời chung chớ chẳng phải là bầu trời nước Annam.

Mà đây chúng tôi xin bỏ cuộc thiên văn mà đem việc thế gian mà nói cho mấy trò nghe thì lại càng dễ hiểu cái chủ nghĩa làm sao mà các nước trong hoàn cầu dều dính ăn thua nhau luôn luôn.

Như trong năm 1914 1918, các nước Âu-châu chiến tranh thì nước Annam, nước Tàu, nước Nhựt-Bổn, nước Xiêm đều rúng động cũng như các nước khác bên Afrique, (A-phi-li-gia), bên Amérique (Mỹ-châu), và bên Europe (Âu-châu). Còn như nói chuyện làm ăn, thì mình nghĩ lại một thí sẻ thấy rằng ta ở Nam-kỳ mà ăn bánh mì làm với bột mì ở xứ Russie, xứ Canada, xứ Langsa đem lại. Ấy vậy nếu mà ruồi một xứ ấy thất mùa, thì ở Nam-kỳ bánh mì lên giá. Mà xứ ta thất mùa thì gạo bên Tàu bên Tây lên giá. Nếu mà dân làm mỏ than đá tại Hồng-mao nhưng công, thì giá than đá lên cao, tức thì tiền tàu đi từ Âu-châu qua Á-châu phải tăng lên, thì tiền chỡ chuyên đồ vật dụng phải thêm, rượu, vải sẽ lên giá tại Nam-kỳ Bắc-kỳ.

Ai ai cũng còn nhớ rằng năm giặc 1914-1918 bên Âu-châu thì xứ ta thiếu đồ khí nghệ, thiếu vãi, thiếu màu nhuộm.

Ấy vậy thì rõ rằng cả Hoàn cầu, loại người đều là một giống có dính ăn dính thua với nhau, nên diều dắc nhau mà tấn bộ, đừng có tưởng rằng nước nầy bị hại không cang hệ đến nước khác. Tuy hoàn cầu là rộng lớn, song cả nhơn tộc là con một nhà, huốn hồ là một loài một giống một nước mà chẳng là anh em ?

BÙI-QUANG-CHIÊU.

Liệt Nữ' Truyện

Người con gái có hiếu *(N° 10)*

(Tiếp theo)

Thanh-Tân dịch thuật

hông có chi làm cho nàng được òng hơn là được vào đám thông không biết đến nàng mà nghe những lời diễn thuyết của họ. ghe ai nói thì nàng cũng châm ngó mà nghe. Cái nào nàng nghe được thì chẳng hề quên. Hễ khi nói chnyện với mấy người quen thiết, nàng thường hay nhắt lòng khoan nhơn hậu đải của à hoàng hậu. Nảng nhớ kỷ cho những lời nói của hai bà mà mỗi nói chuyện đến hai bà thì nước nàng rưng ướt hai mi; thấy ai ý mà khen nàng trong khi nàng khen hai bà thì nàng lấy làm nước lắm, mà không nói đến chỗ u, theo ý nàng thì nàng lấy làm m.

ng ngóng tin đã lâu mà chưa chỉ dụ tha tội cha nàng. Những hữu nàng đương lo giúp việc cho bớt khó, thì nàng nghĩ nhớ gười tội nhơn xưa lúc nàng lên ng có lòng giúp chút ít cho nàng, ng khi nói chuyện hai người ấy những người có thế cứu đặng. ng mấy người bảo hộ nàng biểu có lo thêm chuyện người để việc của cha nàng cho xong, chuyện khác vô 2 chuyện nầy hó nỗi lo xong. Mà cũng rất may c cho hai người ấy nên khiến cho hoàng đế rộng lòng sẵn dịp mà được ích cho hai người. Chừng có chỉ dụ truyền ra tha tội cho cha nàng cho nàng bay rồi, thì gởi qua Sibérie. Hoàng-đế lại còn dạy quan thượng thơ hỏi nàng còn muốn xin đều chi cho nàng nữa. Nàng bèn nói như chúa thượng mở lượng hải hà nhậm lời nàng xin mà tha tội cho cha mình rồi còn cho phép nàng ước xin nữa, thì xin hoàng thượng cũng mở lượng tha luôn cho hai người bạn đồng khổn của cha mình. Ông K*** mới tâu qua hoàng thượng rằng: Nàng là gái nhờ ân đức của hoàng thượng rộng lòng cho phép nàng nên nàng không xin cho mình đều chi mà lại xin tội cho hai người ơn xưa giúp nàng mấy cắt bạc lên đường. Lời ước xin của nàng được nhậm tấu. Kế ít ngày sau chỉ dụ thã tội cha mình thì có chỉ dụ tha tội cho hai người kia.

Ấy vậy vì cái lòng rộng rãi của hai người xưa khiến giúp nàng sức mọn lên đường mà ngày nay được cái tự do thong thả. Còn nàng Prascovie được trọn đều sở nguyện nay mới tưởng đến lời nguyền xưa, bèn quyết giữ trọn niềm; mới qua thành Kiew viếng Chúa thánh.

Vì bởi nàng giữ lời nguyền ấy và nghĩ đến ơn Tạo hóa ban cho mình

thuở nay, nàng mới quyết chí tu hành. Lúc nàng đương vào thánh giáo đội lúp ở Kiew thì bên xứ Si-bê-ri cha nàng bổng được tin tha tội; nàng từ giả cha mẹ mà đi tới nay, là 20 tháng trời, ma Trời khiến cho trong 20 tháng đó cha mẹ nàng không hay tin tức chi của nàng hết cả. Trong khi đó nhằm lúc Hoàng-đế (Alexandre) lên ngôi, phần nhiều tội nhơn được ân xá, song những tội ở bên Ischim (Ích-Sim), không được, cho nên vợ chồng anh Lopoullof chắc số phận mình càng khổ nảo, từ đây mất hết hy vọng, đứa con yêu dấu của mình, xưa có mặt đây cũng đở bớt sự buồn, nay càng vắn biệt nghĩ đến nỗi đau lòng mong chắc chết, dè đâu có tin quan toàn quyền ở Toboslsk đến gở mối khổ tâm. Vợ chồng được tin chỉ dụ ân xá, lại được giấy thông hành, cùng tiền lộ phi mà trở về Nga quốc. Dân ở Ischime quen biết anh Lopouloff và những tội nhơn ở đó, vừa hay tin đồn dậy cả xứ Si-bê-ri thì đều tới nhà mà thăm viếng. Còn những kẻ xưa nở ngạo nàng Prascovie tinh việc bá quàng nhứt là những kẻ xưa có thế giúp nàng đi đường mà đành dạ làm ngơ, ngày nay lại ra tình theo mến, chia vui. Ai nấy cũng đều đến chúc mầng cho anh Lopouloff, anh hết lòng cảm tạ song cái sự may mắng vui mừng của ảnh không đặng trọn, vì lòng còn thương xót cho hai người bạn mình không đặng trọn như mình, không dè cái phước nó còn đến sau. Hai người nầy nay tuổi đã già, thuở Pougatcheff làm loạn 2 người tuổi hởi còn xuân, chẳng may sa vào đám ấy, cho nên phải bị đày ở bên Si-bê ri đến nay Từ ngày con gái anh Lopouloff lên đường rồi, tình bằng hửu ảnh càng gắn chặc với 2 người. Trong những người quen biết, chỉ có hai người nầy biết chung lo cho số phận nàng hiếu nữ Cách đã lâu rồi anh em lắm lúc bàn luận đến nàng, luận khi may mắng, luận lúc rủi ro, tùy lúc vui buồn, khi lo sợ khi cậy trong. Anh Lopouloff sẵn lòng giúp cho hai bạn một phần tiền của mình mới lãnh song hai người từ chối mãi nói rằng « Chúng tôi không có cần dùng chi, còn tôi cũng còn đồng bạc xưa nàng Prascovie không chịu lãnh đây nữa.»

Cái từ chối của hai người ấy chẳng phải vì sự ganh, bởi nghe tin cách biệt bạn hiền, lòng đau đớn lấy làm rủng chí. Hai người mới nhớ đến lời nàng Prascovie xưa có hứa sẽ lo giùm nay thiên hạ ở bên Ischim đều nghe chắc tin nàng Prascovie được thọ ân vô cùng của hoàng thượng, 2 người trởng nàng đã quên mình, song chẳng chút phàn nàn với bạn, cứ dằng lòng chịu nỗi đắng cay.

Trước bửa Lopouloff sẽ cách biệt giả từ, 2 người đến từ giả trước, sợ e đến bửa lên đường khó lòng cầm đậu nỗi xót xa; chín giờ tối hai người ra đi về rồi vợ chồng anh Lopouloff than khóc và thương cho số phận hai bằng hữu mình. Nghĩ rằng: « Chắc là con mình không quên hai người đó đâu, chắc chẳng bao lâu đây nó cũng xin cho hai người đó khỏi được, ta sẽ biểu nó lo thế giùm. »

Nghĩ như vậy rồi, vợ chồng bèn đi ngủ, chờ ngày mai có dậy sớm mà lên đường. Vừa mới thiêu thiểu ngủ, bổng nghe ngoài cửa có tiếng người

g rất mạnh. Xem lại thì anh linh đ n tin mừng cho mình hửa trước, vi kiếm ông quan ba mà đưa tin gởi cho ngài không được và biết nhà vợ c ng anh, nên đe n tin ấy cho hai người, rằng có chỉ truyề tha tội cho h bạn hửu mình. Anh Lopouloff lật đ t đứng dậy ra dắc người đến nhà bn hửu. Hai anh em đương cơn sầu thảm gớm ghê, về nhà ngồi trên g ế làm thinh trong chòi tối, nghĩ mà buồn bả vô cùng. Biết nói sao bây gi? Nhũng sự trông cậy đều mất h , cái sự lưu xứ nầy mối nặng đ n đau. Đã gần hai giờ anh em đương buồn phận khốn khó ngày n y, lại tưởng đến số mạng ngày sau th m lòng đau đớn, bỗng thấy bóng đ n chói lồng vào cửa sổ, anh em lóng tai nghe thử có tiếng nhiều người, đi đến chào rào, nói chuyện gần bên lều. Kế nghe gỏ cửa, lại có tiếng quen, tiếng bằng hửu kêu lên rắng: «Bớ mấy bạn, mấy bạn hảy mở cửa cho mau, có tin ân xá, xá tội mấy bạn đây nữa, mở cửa ra.» Cái nồi mừng nầy không thế nào kể cho xiết đặng. Trong một lúc lâu chỉ nghe tiếng tức tửi rằng: «Ân xá! Hỏi hoàng-thượng ôi! Trời ôi! pnù hộ cho chúa thượng tôi! Hỏi trời ôi! xin ban ơn lành cho nàng Prascovic chẳng hề quên chúng tôi.» (1)

(Còn nữa)

(1) Dịch giả vì có việc nên thôi chấp bút K. H. T. C. từ đây. Xin đọc giả lượng tinh.

Dân Annam hồi đầu hết

Người Annam thông thái đã lâu đời tỉnh ra cũng lâu như dân nước Tàu vậy, tính ra cũng trên 2320 năm trước Chúa Giê-Su. Giáng-sanh.

Dân Anpam gốc dòng Giao-chỉ, vì người bổn thổ ngón chơn rẻ ra. Phần nhiều, Annam thuở trước hay ở gần dưới ranh hướng nam nước Tàu nên thành ra tông tộc Annam bây giờ. Hồi đầu, người Giao chỉ cũng tùy tùng người Tàu. Qua năm 1428, dân Giao-chỉ tự chuyên thong thả một mình và đặt lại là «dân nước Annam», song trong sử vẫn còn giữ theo Tàu đời nầy qua đời khác: sự lễ nghi phép tắc tiếng nói, chữ nghĩa văn chương, đạo đức, luật phép nước, phép làm thuốc, cùng là nghề nghiệp. Lại dân sự kính nhường dân Tàu vai anh vai chị và cho là bậc kẻ chợ, người dinh, mỗi khi có người Tàu lại buôn bán với người Annam.

Người Giao-chỉ thuở xưa đóng khố: đàn-ông, đàn-bà để tóc, bới đầu như nhau, đi chơn không ít năng đi giày dép. Kẻ sang giàu ăn mặc áo quần rộng lòng thòng, cột dây đai nơi lưng quần.

Đàn-ông, nhà có ăn, đi ra bịt khăn nhiều đen, hoặc nhiều xanh. Khi đi ngựa thì đội nón ngựa làm bằng lông chim, ngù thao, bạc. Dân thường đi làm công chuyện đội nón lá don-don che nắng lại mát.

Ông quan đội mảo bằng lông, có ngọc ngà châu báu kết lên trển, mặc mãng rộng bằng hàng lụa đày, trên vai trước ngực có miếng bố tử, thêu kim tiếng rồng, lân, phụng, dây đai đỏ nhận thủy tinh, cột theo mảng thêu. Đi giày đi hia theo người Tàu.

Đàn-bà bận quần dong lòng thòng. Lỗ tai xỏ đeo bông mù u bằng đồng bằng vàng bằng hồ hoặc nhận thủy tinh trên bông vàng. Thường đi ra thì đầu trần, có khi đội nón cụ quai tơ, có khi nón chảo mào khói xanh. Tay thì đeo vòng vàng, chuỗi hổ, ngón tay thì cà rá chơn nơm. Cổ đeo kiền bạc, chuỗi hổ, đầu bới tóc, giắc trâm. Quần hàng đỏ, hàng xanh. Đầu tóc xứt dầu dừa láng nhuốc, miệng ăn trầu đỏ mỏi, răng đen huyền, bóng láng.

Số dân Đông-Pháp

Trong xứ Đông-Pháp ta đây, hồi năm 1924 kiểm điểm dân số thì tính ra được 19.610.000 người da vàng. Số ấy chia ra như vầy :

Annam.....	14.522.000
Minh-hương.....	81.000
Cao-mên.....	2.490.000
Lèo, thổ.....	997.000
Indorrésiens.....	640.000
Mường.....	170.000
Mán.....	73.000
Meo.....	87.000
Các thứ mọi.....	141.000
Dân Trung-Hoa.....	398.000
Dân Á-Đông khác...	11.000

Số dân Âu-Châu ở trong xứ Đông-Pháp kể được 26.137 người, chia ra :

Người Pháp.....	24.882
Người Ngoại-quốc....	1.255

Số dân da vàng thuộc quyền nước Pháp kể chung là 19.201.000 người, chia ra như vầy:

Bắc-Kỳ.....	7.105.000
Trung-Kỳ.....	5.163 000
Nam Kỳ.....	3.752.000
Cao-mên quốc.....	2.345.000
Lèo.....	836.000

Số dân nước Nhựt-Bổn

Nước Nhựt-Bổn mới kiểm điểm dân số ngày 1er Octobre 1925. Trong 5 năm sau đây số dân tăng thêm được 3.773.651 người, thành ra mỗi năm trong nước thêm tới 750 ngàn dân.

Hiện bây giờ đây dân số Nhựt-Bổn kể đến 59.736.704 người, nước Huê-Kỳ kể được 105.710.620, còn nước Đức được 62.475.872.

Có một điều lạ lắm, là bên Nhựt-Bổn số đờn-ông lại trội hơn số đờn-bà. Trong số 59 736.704 đó, số đờn-ông tới 30.012.820, còn số đờn-bà có 29 723.884 mà thôi; thế thì 101 người đờn-ông chỉ có 100 người đờn-bà chẳng phải như các nước, dầu nước nào số đờn-bà cũng nhiều hơn số đờn-ông.

Trong nước Nhựt-Bổn có hai thành-phố dân số đông hơn hết là thành Osaka với thành Tokyo (kinh-đô). Thành Osaka số dân kể tới 2.114.809, còn thành Tokyo số dân kể tới 1.995.303 Số dân thành Yokohama (Hoành-Tân) được có 405.888 người mà thôi.

Cuộc tranh hình đồng Khoa Học Tập Chí

Nhơn vì ông Nguyễn-kim-Đính. là chủ nhơn Đông Pháp thời Báo có hiến cho một phần thưởng thứ nhì như năm rồi, nên hôm tối 11 Mai 1926. Commission interclub annamite. định sữa cách tranh hình đồng lại như sau nầy:

16 Mai 1926 Commerce sport sẽ đấu cùng Donai sport..A

Gòcông sportif de Distamy sport B

30 Mai 1926 Dakao foot ball de Giadinh école C

Paul Bert sport de Tandinh sport D

6 Juin 1926 Télépost sport de Etoile Gadinh E

Govap sport de Electro sport F

13 Juin 1926 Gagnant match A de Gagnant mat h B G

Perdant match A de Gagnant match B H

20 Juin 1926 Gagnant match C de Gagnant match D I

Perdant match C de gagnant match D J

27 Juin 1926 Ganant mat h E de gagnant match F K

Perdant match E de perdant match F L

4 Juillet Gganant G de gauant H M

Gagnant I de gagnant J N

11 Juillet gagnant K de gagnant L O

18 Juille gagnant M de gagnant N P

25 Juillet Perdant P de gagnant O Q

1er Août Gagnant P de gagnant Q R

Hội nào thắng được match R thì lảnh hình đồng Khoa Học Tập Chí, hội nào thất match R thì lảnh phần thưởng của tòa Đông Pháp Thời Báo.

Thứ năm 13 Mai 1926.

Etoile de Giadinh sẽ đấu cầu với sélection Bên sélection sắp như vầy:

Lành (Télépost)

Học (Gocông) Công (Tandinh) Lê (électro) Qui (Tandinh) Hà (Dakao) Télépost An (Dakao) Huê (Dakao) Cho (Télépost) Ngôn (Dakao) Liên Réserves: Do (Télépost Thành (Electro) Lâm Tu (Gocông) Chúa nhựt tới 16 Mai 1926 Commerce sport sẽ đấu cầu với Donai sport Arbitre M Thơm Gocông sportif sẽ đấu cầu với Distamy sport Arditre M. Thi.

Đông-pháp thời-sự

SAIGON

Cuộc thi

Những hoc-sanh xin thi Brevet élémentaire, Diplôme d'études primaires spérieurs franco-indigènes và Brevet spérieur, thì phải đính theo đơn xin ghi tên minh vào sổ dự thí, một tờ khai-sanh và cuốn sổ trường (livret solaire) y theo lời nghị ngày 26 Décembre 1924 buộc.

* * *

Thưa bót

Tên Nguyên-văn-Khoe dit Khuê, bán cạt bốt-tanh (cartes postales) ở trới một chiếc ghe, thưa tên Tinh 20 tuổi, (đã trốn mất rồi) vì tội bẻ khóa lấy rương mà ăn cắp đồ đạt đáng giá 35 đồng.

Sang-veng Các puẫng đông, giúp việc tại nhà ngân-hàng Đông-dương ở tại Pháp-hoa học-đường Choquan, thưa rằng bị ăn-cắp mất một cái bóp-phơi có đựng 8$ và giấy tờ khác.

Thầy Nguyen-van-Lieu, làm thơ-ký sở Thương-chánh ở đường Colonel Boutonnet số 132 thưa rằng bị ai không biết ăn-cắp mất cái xe-máy của hãy hiệu Peugeot số 388987, đáng giá 50 đồng.

Thầy Michel Phú, thơ-ký sở Tạo-tác ở đường d'Espagne số 165 thưa tên Tran-v-La 25 tuổi, (trốn biệt) ăn-cắp của thầy 1 cái bóp-phơi giá 1 đồng 2 cắt, có đựng 30$.

Đường thông thương

Kể từ ngày 17 Mai 1926, được lại qua như trước nơi con đường quản-hạt số 1 từ Biên-hòa tới Budop, từ cây số km 21 thêm 100 chỉ cây số km 22.

* * *

Thuốc phiện lậu

Xế chiều bữa chúa-nhựt, cớ người mạch cho sở lính mật-thám hay rằng một người đầu bếp Langsa dưới chiếc tàu Angers bán thuốc phiện lậu.

Tức thì xuống tàu xét thì xét ra được 2 kí-lô thuốc phiện.

Tên phạm liền bị bắt tống giam.

* * *

Bị xe hơi cán

Tên lính sơn-đá A C. (11è Colonial) đi xe máp tới đường Bonnard, rồi bị xe-hơi số 4715 đụng rất mạnh.

Tên lính bị trọng bịnh, nên khi đở anh ta dậy thì liền chở đến nhà-thương thí bó rịt rồi chở luôn vào nhà thương Đồng-đất.

Thế nặng lắm. Tưởng khi anh ta bị gãy xương sống.

* * *

Vì chữ điên nên mới dứt chữ tình

Tên chệc Hải nàm Vuong-châu-Tr., bán bánh mì, số 62 đường Sabourain cớ rằng vợ là Phú-boi-Tu, 39 tuổi,

sanh bịnh điên cuồng, nên bỏ nhà mà đi hồi 10 giờ sớm mai ngày 16 tây.

*
* *

Chó cắn

Ng-van-Th., 14 tuổi, ở mướn, nhà số 10 đường Marcel Richard, bị chó cắn, mà không biết chó của ai và chó có điên hay không, nên đã đem lên nhà-thương thuốc chó mà chích thuốc.

*
* *

CẦN DÙNG NGƯỜI LÀM

Cần dùng 3 người Surveillants coi về việc vun bón cùng sửa sang dọn dẹp trong vườn cao-su, và một người coi về việc chích cây lấy mũ.

Lương tháng mới vô được 35$00. Người xin làm phải được từ 25 tuổi sấp lên.

Ai muốn làm, xin cứ do nơi sở vườn *Cao su Quan-lợi* (*Hơnquan*).

*
* *

CAMAU

Cũng ăn-cướp

Đêm 4 tây rạng mặt 5 tây, ăn cướp đứa vát hèo, đứa cầm rựa quéo kéo đến phá nhà tên Huỳnh-van-Hội, tại Tân-lợi Trói quách chủ nhà lại, ăn-cướp lục soát cùng nhà, lấy hết 80$ và nhiều y phục.

Chủ nhà kiện tên Lam-Giat, Hữu-Tuân, Hữu-Sen vì nghi quyết cho ba tên ấy đánh phá nhà mình.

Cách vài ngày sau, tại làng Tân-hưng, đêm 11 tây, Hồ-van-Hữu, lại bị 12 bợm cầm đuốc, cầm dao và có một cây súng, đền đánh phá nhà va. Va quyết chống cự, nên tên bợm xông vào nhà va trước hết bị va chém một dao trúng nhằm ngực. Ăn-cướp thấy vậy cả giận, bèn đốt nhà tên Hữu rồi bườm ráo, xóm giềng chưa đến tiếp cứu kịp.

Hữu thưa tên Nguyen-van-Nam là cựu giáo-tập, vì Hữu có việc bất bình với thầy giáo Nam nên nghi rằng thầy xuối ăn-cướp đánh.

*
* *

Ăn cướp đốt nhà

Trong đêm 10 rạng mặt 11, vào lối 1 giờ khuya, tên, Ha-van-Muu 54 tuổi điền-chủ tại Tan-hung (Camau) đang ngủ. hồn phảng phất dạo chơi; bỗng nghe tiếng chó sủa vộ lên, ban đầu sau nhiều, làm đến nỗi bác ta phải giực mình tỉnh giấc. Lập tức lồn-cồn ngồi dậy. ngó ra thấy cữa mở hoác 12 thằng ăn cướp đang xôn dao mã chinh-chòng.

Tuy thế mặc dầu, Ha-van-Muu cũng còn tỉnh trí và không chút chi gớm rằng sợ-sệt, đoạn vội vàng xách bị lỗn ra cữa sau, đi vòng ra quyết chí địch. Cũng may đang lúc ấy khiến cho trong bọn có một thằng thình lình vắp ngạch cữa qui xuống, Ha-van-Muu thừa thế bèn chém bổ xuống một búa tại vai. Thì liền đó cả bọn bèn thối lui, phóng hỏa lên đốt nhà đánh phá một chập rồi kéo nhau trốn mất.

Vì trong cơn nhà cháy, Ha-van-Muu túng thế phải cam dắc gia-quyến chạy ra, tri hô lên để cầu cứu. Theo như lời của Ha-van- Muu có báo thì chắc trong bọn cướp nầy duyên-do bởi tên Nguyễn-van-Nam bày đầu, vì tên Nam nầy trước kia có oán thù Muu vụ đất cát sao đó.

Ông Cò Rouquette sau khi làm enquête rồi, có do bắt được 2 bợm trong bọn cướp.

3e ANNÉE — Nº 135 — 27 MAI 1926

KHOA HỌC TẬP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1° — M. BUI QUANG-CHIÊU *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*
2° — M. LÂM-VĂN-HUÈ, *Commis indigène des Services Civils.*
3° — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics à Cholon.*
4° — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*
5° — M. NGUYỄN KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon*
6° — M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*
7° — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*
8° — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN, *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*
9° — M. TRẦN VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Paris.*
10° — M. TRẦN-QUANG-NGHIÊM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*
11° — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*
12° — M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3,00		

MỤC LỤC

Ba rẽ, trả tiền công mắt mà lại lời thiều ?..... 2386
Bịh tim-la hay là syphilis..... 2387
Thứ một loài mà lại ăn nhau..... 2390
De requêtes introductives d'Instance nói về đơn nạp kiện thưa chuyện. 2392
Petite légende chinoise chuyện phong thần bên Tàu..... 2393
Ngày và đêm..... 2394
Đông-pháp thời-sự..... 2390

Bán rẻ, trả tiền công mắt mà lại lời nhiều?

Ai ai đều nghỉ rằng phàm công nghệ mà muốn lợi nhiều thì phải thuê nhơn công rẻ, mà tạo đồ khí dụng ra thì phải bán mất thì mới có lời to, mau làm giàu. Ấy là ý nghĩ chung của nhiều người, mấy ấy cũng là ý nghĩ sai.

Chúng tôi xin cắt nghĩa sơ đây về chủ nghĩa làm sao mà cách công nghệ thời bây giờ, trong các nước văn minh thì phải làm sao mà bán đồ khí dụng rẻ mà trả tiền công mắt thì mới nhằm chánh sách công nghệ.

Ông Carol. D. Wright, nói rằng: năm 1813 nhà công nghệ dùng 3 người thợ mà làm 236 giờ 25 phút mới được 20.000 cái đinh sắt, tiền công là 101 quan hai tiền.

Đời nay, dùng máy thì người ta thuế 83 người thợ, làm trong 2 giờ 15 phút. ăn tiền công 1 quan bốn tiền rưỡi mà làm cũng được 2 vạn cây đinh sắt. Ấy vậy hiện bây giờ làm 2 vạn cây đinh, tiền công 1 quan bốn tiền rưỡi, còn năm 1813, tiền công 101 quan 2 tiền, nghĩa là tiền công mắt xấp 70 lần hơn.

Tính cho kỹ thì tiền công làm 2 vạn cây đinh bắt được

$$101{,}20 - 1.45 = 99\text{f}.75$$

Ấy có phải là lợi nhiều hay chăng? Chẳng những vậy mà thôi mà lại tiền giờ nhơn công bây giờ cao hơn năm 1813. Năm 1813 thì thợ ăn mỗi giờ là 0 quan 43 bây giờ tiền công là 0 quan 65.

Vậy chỉ rõ là nhơn công thì thêm tiền, mà tiền nhơn công mà tạo vật dụng lại bớt. Ấy là nhờ dùng máy mà tạo đồ khí dụng.

Năm 1813, người chủ hảng làm đinh sắt dùng 83 người thợ, làm mỗi ngày 10 giờ, trong 360 ngày, ăn tiền công 107.070 quan. Tiền công mỗi giờ là 0f 43.

Đến năm 1897, thì dùng thợ coi máy mà làm đinh, tiền công 0f65 mỗi giờ, tổng cọng là 161.850 quan, thì phải xuất thêm là 101.8 0 – 107.070 = 54.780 quan, mà trả cho thợ. Song năm 1813 thì làm được 22 triệu cây đinh còn trong năm 1897 thì làm được 2 milliards 891 triệu tính ra thì 1000 cây đinh hồi trước phải trả 48 f. 86. Mà đến sau 1000 cây đinh tốn tiền công chỉ có 0f. 056 mà thôi. Rẻ biết bao nhiêu! Cho nên giá đinh bây giờ rẻ hơn năm 1813 nhiều lắm.

Có phải là trả công thợ thì cao, mà giá đinh lại trở nên rẻ, thì bán ra rẻ. Ấy là vì nhờ dùng máy.

Chúng ta nói đây là có ý chỉ cho mấy trò rõ rằng nên dùng máy trong các nhà công nghệ mà tạo ra vật dụng thì mới tranh lợi quyền với ngoại quốc được.

BÙI-QUANG-CHIÊU.

Bịnh tim-la hay là syphilis

Ta xin chia bịnh tim-la ra
m hai thứ tim-la cho dễ
hỉ về bịnh nầy: Tim-la mới
ị lây trong lúc ở đời, từ
ic mới sanh cho ra tới chết
à một thứ tim-la nòi nghĩa
a của cha hay là mẹ sang
ua cho con trong lúc còn ở
ong bụng mẹ.

Bịnh tim-la mới khởi sự
a bởi một mụt dương-mai,
oặc là mụt dương-mai đó
anh sãng bởi vì bị trùng
ộc của một mụt dương-mai
oặc là bị trùng độc của mấy
hỗ lở lói nơi da mỏng hay
a nơi da của người khác
ang đau tim-la. — Sự lở
ói hay là dương-mai cũng
ó một thứ trùng độc mà
nôi, trùng độc Tréponême
e Schandiun. Chỗ nào trùng
ộc vô thì nổi nên mụt dương
ai chẳng phải bị nọc mà
ồi lên liền: Từ ngày bị nọc
ô mình cho đến ngày có
ụt dương-mai cũng chừng
a tuần lễ hay là một tháng.
— Chẳng phải nội chỗ kín
áo có được dương-mai mà
thôi: trong mình bất kỳ chỗ
nào cũng có thế mà dương-
mai nổi ra được.

Mấy người vú cho con nít
nhỏ bú có khi cũng bị con
nít có đau tim-la nơi miệng
lây qua cho người vú: mụt
dương-mai sợ đầu nổi nơi
núm vú. Còn như người vú
mà có bịnh tim-la và có nổi
mụt nơi vú hay là trầy nơi
vú thì đứa nhỏ nào bú vú
đau đó cũng sẽ bị đau và
khởi sự nổi mụt dương-mai
nơi mép môi cùng nơi hai
bên khóe miệng nó.

Còn như đồ dùng của
người đau tim-la, ống điếu,
đủa, chén bác, muỗng, nĩa,
ly, khăn, khiếu, quần áo
cũng có thế mà sang bịnh
qua cho mấy người dùng
chung đồ đó với mấy người
đau.

Có một bữa kia, một người
làm việc giấy đi tới chỗ làm
của người anh em bạn nói
chuyện. Trong lúc đó anh
ta ngứa đầu thấy trên bàn
có cây viết chì liền lấy mà

xoi xoi trên đầu mình cho đở ngứa. Rủi người chủ cây viết chì có đau trong miệng và thường lúc anh ta viết thì hay lấy cây viết chì mà thấm nước miếng mình đặng viết cho đậm. Anh gải đầu trong ba tuần lễ thì bị mụt dương-mai tim-la nổi lên trên da đầu chỗ bị trầy trong lúc anh ta lấy bút chì mà xoi xoi trên đầu mình.

Ta cũng thường hay thấy con nít nhỏ nhứt là con gái năm ba tuổi bị đau tim-la nơi đít hay là chỗ kín đáo là vì bởi đứa ở có bịnh cùng cha mẹ có bịnh chùi khăn rồi lúc tắm rửa đứa nhỏ lấy khăn đó mà chùi cho nó.

Còn sự ống điếu, bàn chải, cây sỉa răng, cây nạo lưỡi của chủ mà đứa ở có đau bịnh tim-la, khi chủ đi vắng nó lấy nó dùng rồi để lại cho chủ. Cũng nhiều khi chủ bị mang bịnh cũng bởi tại đó mà ra. Mấy người thổi kèn, cũng là hay bị lây bịnh tim-la nơi miệng. — Thuốc điếu, ống điếu bình, thuốc lào người nầy hút rồi trao qua người nọ cũng là hiểm nghèo lắm. Còn thầy thuốc, mụ, mấy người thợ giặt quần áo cũng có khi bị bịnh tim-la mà thường thường nơi tay. — Song cũng có mụ đau nơi tay mà làm cho mấy người họ đi đẻ ra đau cũng có. — Có một người mụ đau nơi tay đi đẻ trong chừng nửa tháng mười hai người đờn bà; — mười hai người đờn bà nằm bếp rồi bị vương bịnh tim-la cả mười hai người biết là dường nào độc ác. Kềm, kéo, ống bôm, ống thục của người nầy cho người kia mượn, chẳng có nấu, chẳng có hắp, chẳng có khử độc trước khi dùng cũng là thiệt hại vậy.

Thuở xưa, trồng trái trời rồi lúc trả trái lại nghĩa là coi trái của ai lên tốt, lấy mủ trái đó mà trồng lại cho người khác. Song cũng có một hai khi người có tốt nó đang đau tim-la như vậy nên có khi cả xóm, cả đồng người đi trồng trái giống mà đều bị đau tim-la cả chòm cả lũ. — Bởi đó nên bây giờ chẳng có dùng trái người nữa, dùng trái trâu con mà

tiôi, đã khỏi mất công trả tiái mà lại lúc trồng trái chẳng sợ lây bịnh tim-la cho mấy người trồng trái, như đ trồng trái sạch sẻ, có nấu hay là khử độc trước rồi.

Sau sẽ nói tiếp thêm.

Dr TRẦN-VĂN ĐÔN.

Thú một loài mà lại ăn nhau

Ở xứ ta thường thường ai ai cũng biết và ngó thấy cá lóc ăn cá ròng ròng cá thia thia lớn ăn cá thia thia con. — Ta mới thấy trong báo « La Nature » chuyện cũng lạ nên ta xin dịch vô đây và xin như ai có biết như vậy xin tỏ thật lại cho ta in vào báo mà học với nhau.

Ông thầy Roule ở nơi Muséum bên Pháp có thấy trong lồng rắn có một chỗ có hai con trăng « python » một con lớn dài chừng ba thước và một con nhỏ dài chừng hai thước. Thường thường chừng một tháng mới cho hai con đó ăn chừng hai con chuột tảu.

Một bữa nọ người ta đem thả vô chỗ hai con trăng đó ở hai con chuột tảu. — Liền con trăng nhỏ bắt một con chuột mà nuốt bởi cái đầu nó vô trước. — Con trăng lớn cũng bắt con chuột đó mà nuốt cái đuôi vô trước. Té ra hai con trăng giành nuốt một con chuột, con nhỏ nuốt cái đầu, con lớn cái đít.

Ai ai cũng biết nòi rắn ăn chẳng có nhai, nuốt sống từ chút từ chút và bị răng của chúng nó đâm chỉa về sau, nên nuốt vô được mà nhả ra không được, bị răng cảng lại. — Vậy nên hai con trăng nuốt một con chuột, nuốt một chập hai cậu ta đụng đầu nhau và cứ nuốt mải làm cho con trăng lớn miệng rộng hơn và mạnh trong mình hơn, mới nuốt luôn cái đầu, cái mình và cả trọn con chuột và con trăng nhỏ luôn tất cả. — Chừng được vài giờ con trăng lớn bụng binh bình, nằm đó một mình mà thôi, còn trong Muséum ai ai cũng tiết vì mất con trăng nhỏ.

Còn một chuyện nữa : M. Coguet thầy thuốc -- pharmacien -- thuật rằng lúc mình còn bé, anh ta ham nuôi ếch (grenouilles). — Trong cái bầu kia anh ta nuôi năm con ếch một con lớn và bốn con nhỏ. Thường thường anh ta cho ếch ăn ruồi sống của anh ta bắt bỏ vào bầu. — Có một bữa kia anh ta mới bỏ một con ruồi vô, ếch xúm lại mà giành ăn ; có một ếch nhỏ bắt được con ruồi, còn con ếch lớn bắt hụt. — Liền nó chụp con ếch nhỏ, mới bắt ruồi, và nuốt trộng luôn trong bụng nó. —

Bụng nở binh rinh, ngồi đó. — Mấy ngày sau, có lẽ đói hay là ăn thịt ếch ngon hơn ruồi, mà con ếch lớn rượt mấy con ếch con, bắt ăn hết ba con ếch nhỏ nữa.

Ở xứ mình cũng nhiều xứ khác, nhiều người hay ăn thịt ếch. — Tưởng thường cũng nhiều người bắt ếch nhỏ, kêu bằng con nái, xỏ vô lưỡi câu mà câu ếch lớn, nên ta cũng tưởng ếch ưa ăn ếch, chẳng khác gì heo ăn thịt heo và ở mấy xứ mọi ở Océanie hay ở Afrique, con người ta mà bắt người ta mà ăn.

Có nhiều con thỏ mẹ cũng có khi ăn thỏ con mới đẻ; heo nái cũng có khi ăn heo con, ta tưởng khi cho bú heo con bị đè ngộp chết. — Khi heo con chết rồi heo nái mới ăn con nó.

K. H. T. C.

Des requêtes introductives d'Instance

Nói về đơn nạp kiện thưa chuyện hộ

Trong Nam-Kỳ, xứ Annam ta, nhà nước Langsa đã lập lực thuở nay tòa hộ lớn và tòa nhỏ xử việc người bổn-quấc kiện thưa hoặc với nhau (actions personnelles) hoặc của cải (actions mobilières).

Hễ vụ kiện nào giá tiền không quá số một ngàn rưỡi quan tiền tây (1500 francs) tính bạc theo tòa hai quan năm (2 fr. 50) nghĩa là không quá hạng sáu trăm đồng bạc lớn, thì tòa phân xử hai đàng theo bậc chót khỏi bị chống án kêu oan nữa đặng. Xử bậc chót là (en dernier ressort) Còn trong vụ điền-thổ mà án xử theo bậc chót thì cũng khỏi bị kêu oan chống án nữa đặng ; nghĩa là khi nào sở đất đương lúc tranh-tụng mà huê lợi mỗi năm tính ít hơn một trăm quan tiền tây (100 francs) hoặc bằng số bạc ấy, tính ra bạc đồng lớn là bốn chục đồng bạc.

Khi vào đơn kiện nhau việc hộ mà muốn cho tòa xử khỏi lầm thì phải ra giá tá, hoặc chiếu lời khai cho rõ, nạp tờ giấy cho đủ, đặng tòa phân định huê lợi cho.

Có khi không tờ tá hay là trong tờ giấy kiện thưa không nói tới, thì tòa phải dạy hai đàng hiệp lại mà trị giá huê lợi ấy là bao nhiêu, bằng nghịch ý nhau, thì tòa dạy làng tổng chỗ điền thổ mình đang tranh tụng đó mà đánh giá huê lợi giùm không tốn kém sở phí chi hết.

Trong luật hộ không thấy nói khoản đánh giá giùm có ức hiếp đặng kêu nài hay là không, ta không thấy lời luật dạy bảo chuyện đó.

Đơn kiện cứ theo giá lúa tòa một trăm giạ là sáu chục đồng bạc lớn, chớ không phải vô hạng đâu.

Tưởng lại hễ vụ kiện nào xử mà bởi bị cớ chi mà số tiền không có trị giá đặng thì chắc án ấy xử về bậc sơ (en premier ressort) tòa cho chống án kêu oan.

Áu xử việc người-ta để bỏ nhau, án xử việc danh tánh (về bộ đời) thì tòa cũng cho chống án vậy.

Tỷ như tòa sơ lên án xử theo bậc chót thì mình chẳng khá buộc tòa trên là chỗ mình chống án phải nghe lời mình. Tự quyền tòa suy xét coi án tòa dưới xử vậy có nhằm theo tục lệ annam hay không.

(Sau còn nói chuyện xiệc hộ xử người bổn quấc nữa).

PETITE LÉGENDE CHINOISE

Chuyện phong thần bên Tàu

Sự tích bánh trung thu

ua Minh-Hoàng đời nhà Hớn yêu chộng nàng Dương-quới Phi lắm. Nàng ấy là con hát trong tửu-điếm-trà đình. Lịch-sự và nhan-sắc hơn hết lú đời đó.

ua mê đến đỗi quên việc trong trò và trong nước. Ngày đêm theo gần nàng dâng rượu cho uống say xoàng xong cũ g vì mê tiếng hát của nàng.

ưới thế tưởng lại không có chi tâ tình cho bằng nàng; giọng hát, giọng ca, mỉn cười, lúc dâng rượu cho vua bằng chén vàng. Cặp mắt đen trong ngó vua đến đỗi vua phải bỏ phế việc nước, làm cho lâm-lụy. Nên quần công-thần đời đó phải toan mưu định kế mà làm cho nàng Dương-quới-Phi lìa-trần.

úc gần mất ngôi mà vua còn thương tiếc nàng lìa-trần và còn tưởng việc trước. Nhờ các quan đại-thần trong trào can gián vua sự sa-dâm nên trong nước mới vượng lại trị nên thái bình. Tuy vậy mà vua mỗi tưởng nàng hoài, tưởng nàng gần một bên luôn.

ần tới bữa rằm trung nguơn, là rằm tới, vua nghĩ buồn thân phận nàng không gần vua, nên bỏ ăn tới yếu gần thác theo với nàng.

ua đúng bữa rằm tháng tám, lúc canh ba có sứ thần tiên trên mặt trăng đem thiệp đòi vua và xin theo về đền trên cõi mặt trăng. Vua theo sứ lên mặt trăng thấy vợ mình yêu mến hung mà còn sống. Vợ chồng hủ-hỉ đây phút rồi vua bị đệ trở lại thế gian, vì chưa tới số chết.

Đến bây giờ, tục lệ hãy còn. Bữa rằm tháng tám, lúc canh ba vắn vẻ, cúng rằm. Các-chú cúng bánh in trắng, tròn như mặt trăng, lớn có, nhỏ có, bánh đó các-chú kêu là «nguyệt-bỉnh» nghĩa là bánh mặt trăng. Bụng tin tưởng bữa ấy, lúc trăng trong trời thanh tịnh cũng có lẽ có tiêm chi lạ, hoặc tin rằng có phước chi đó, lúc cúng vái nhan hương đèn bánh trong nửa đêm, cầu chúc sự phước mình ước ao.

ETYMOLOGIES

Gốc tiếng nói

Tiếng *Cochinchine*, *Tonkin*, *Annam*, không phải gốc cội rễ tiếng người xứ đo nói ra mà là tiếng bày đặt của người phương Tây.

Mỗi xứ dân sự đều có tên riêng như *Tonkin* kêu là *Bắc-kỳ*, Annam, kêu là *Trung-kỳ* còn *Cochinchine*, là *Nam-kỳ*.

Song vậy xứ thì phân biệt tên xứ mà người *Annam* thì tiếng chung hết cả và ba xứ.

Duy có bên *hướng đông nước Annam* ta thì không kêu là *người Annam được* mà phải kêu phân biệt người xứ *Tsiampa Tiampa*, *Siampa* hoặc *Champa*. Ta cho dân xứ ấy là người *Chàm* ráo. Dân đó bây giờ ở tại *Cambodge*, bên *hướng đông sông Mékong*, tại *hướng nam xứ* Annam cho tới gần *Tourane* (*Đà-nẵng*).

Xứ ta ở đây là *Nam-kỳ*, khi xưa người phương *Tây* lại đây thì gặp nhằm *chỗ mên* ở, xứ đó họ kêu là *cổ-chiên*. Người Langsa nào đến trước hết đặt là *Basse-Cochinchine*, vì xứ ta ở *dưới xứ Annam*.

NGÀY VÀ ĐÊM

Ai ai cũng biết ngày và đêm là gì? Trong khi có mặt trời sáng sủa, hoặc có nắng hoặc không, thì ta gọi là «*ban ngày*». Còn trong khi vắn mặt trời, hoặc có trăng hoặc không thì ta gọi là «*ban đêm*». Người ta thường nói *mặt trời mọc và mặt trời lặng*, song ít ai hỏi cho biết coi sớm mai mặt trời ở đâu mà *mọc lên*, còn chiều mặt trời *lặng đi đâu* mà bỏ ta tối thui vậy?

Buổi xưa người bên Tây nói rằng trái đất ở một chỗ còn mặt trời xây chung quanh trái đất, xây đến phiá nào thì phiá nấy ban ngày, còn xây khỏi chỗ nào xứ nào thì chỗ ấy xứ ấy là ban đêm. Song le đời sau, sự học thiên văn mở rộng, người ta nghiên cứu, tầm xét, biết rằng chẳng phải mặt trời xây tròn chung quanh trái đất mà làm ra «*ngày đêm*». Ấy chính là trái đất của chúng ta ở nó quây-ên tròn chung quanh cái cốt của nó, vửng vàng dường như con «*vụ ngủ*» vậy *nên mới sanh ra ngày đêm*. Phần trái đất nào mới day lại mặt trời thì phần ấy thấy mặt trời mới mọc lên gọi là sớm mai. Khi phần đất ấy xây dần dần ngó ngay mặt trời thì là «*đứng bóng*» Phần đất ấy cứ việc xây qua như vậy cho tới chừng nào xây khuất, hết thấy mặt trời thì gọi là «*chiều tối*» hay là mặt trời lặng.

Để tôi chỉ cách làm như vầy thì các trò dễ hiểu hơn. Đốt một cái đèn tạ-đăng, (hay là đèn chong, đèn cầy cũng được) để trên bàn mà «*làm mặt trời*». Lấy một cái ô (hay là vật chi tròn tròn) đặng làm trái đất. Nơi hông cái ô ấy ta lấy mực hay là phấn ghi làm *chỗ ta ở* trên mặt trái đất. Để cái ô xa cái đèn ấy chừng 5, 6 tất tây, rồi ta thủng-thẳng xây cái ô ấy, bắt hướng tây xây tròn qua hướng đông, và xây và ngó chừng chỗ ta ở trên mặt đất là vết mực hay là vết phấn ta ghi hồi nảy đó. Khi chỗ ấy mới thấy yến sáng đèn chiếu vào thì là *trời sáng* đó, mặt trời hồi còn thấp vì là *mới mọc*. Ấy là bang ngày.— Ta cứ việc xây cái ô lần lần thì *chỗ ta ở* cũng thấy mặt đèn lần lần đi lên cao, cho tới chừng cái chỗ ta ở nó tới ngang đối với mặt đèn thì là «*đứng bóng*». Ấy vì nếu ta đứng nơi chỗ ta ở mà ngó lên trời (mặt èn) thì là «trật ót,» còn ngó xuống đất thì thấy bóng của ta ở dưới chơn ta, nên gọi là «*đứng bóng*». Ta cứ việc xây cái ô mãi cho tới khi chỗ ta ghi mục hay ghi phấn đi ngang qua mặt đèn (đứng bóng), đi xa mặt đèn (xế), rồi thủng thỉnh xây gần khuất mặt đèn (chiều) cho tới chừng hết thấy mặt đèn nữa, ấy là mặt trời lặng đó. Chạng vạng khởi sự từ đây rồi kế tối—ấy là *ban đêm đó*! Ta cũng cứ xây cái ô dần dần cho tới khi chỗ ta ghi mực hay ghi phấn hồi nãy xây ngang ngang mặt đèn, phiá trong tối, vì mất cái ô án bóng mặt đèn, nên chỗ ấy phải ở trong tối, lúc ấy là nửa đêm—12 giờ khuya. Còn xứ *đối-túc* (antipode) với mình là «*đứng bóng*» vì ở ngay đối mặt trời — 12 giờ trưa. Ta cũng cứ xây cái ô lần lần chỗ ta ở—là chỗ ghi mực, ghi phấn nơi hông ô

hấy yến sáng mặt đèn một lần nữa— hì à tảng sán mặt trời mọc một lần nữa Đó từ khi ta thấy mặt đèn lần rướ cho tới lần nầy là : «*một ngày một lên* — 24 giờ. Hễ chỗ mình *tảng sáng* thì ứ *đối-túc* với mình *xế chiều*, hễ chỗ mình ở *đứng bóng* thì xứ đối-túc ở *giữa đêm*, 12 giờ khuya.

Cách thí nghiệm nầy làm cho các trò tỏ hiểu vì làm sao *có ngày có đêm*.

Thì đất của ta ở quây-ên (tự quây) còn chung quanh cái cốt của nó, cũng hườn con vụ quây vậy, song bắt bên ướng tây quây qua hướng đông. Bởi vậy nên ta mới thấy mặt trời đi tự ướng đông qua hướng tây.

Bởi trái đất của ta ở lớn lắm và bởi húng ta nhỏ nhit lắm, cũng bởi trái ất của ta quay một cách êm ái lắm à mặt trời ở xa trái đất lắm, cho nên *tưởng lầm* rằng trái đất ta *ở vững* một chỗ, còn mặt trời đi vòng quanh trái đất của ta. Ấy cũng tỷ như ta đi xe lửa, ngồi dòm dưới đất gần hai bên đường rầy một hồi ta sẽ *tưởng lầm* rằng đất bắt đàng trước chạy ra đàng sau thoáng ngang qua mắt ta, còn ta thì ngồi vững trên xe. Nếu ta dòm ra cữa sổ xe thì thấy cột dây thép hay là cây cối hai bên, bắt đàng kia chạy lại, rồi ta *tưởng lầm* rằng ta ngồi yên một chỗ còn cột dây thép và cây cối bắt đàng kia chạy lại. Đi tàu đi ghe cũng vậy tàu chạy ghe chèo êm ái, ta ngồi dựa be ngó xuống nước một hồi thì ta sẽ tưởng rằng nước bắt đàng mủi chảy lại đàng lái, thoáng ngang qua mắt ta, còn ta thì ngồi yên một chỗ, chớ không dè chiếc ghe chiếc tàu của ta nó đi tới chạy tới, chớ chẳng phải nước chảy lui.

Đó là sự « *mà* » con ngươi ta đó.

(Optique).

(*Rút trong quyển sách Càn khôn Lý học của Ng-v-V. đứng đặt.*)

THỂ THAO TỔNG CUỘC ANNAM

Cuộc tranh hình đồng Khoa Học Tập Chí

Thứ hai 24 Mai 1956-Donnai sport nắng commerce sport par forfait hotologué).

Chúa nhựt tới 30 Mai 1926-từ 3 giờ rưỡi tới 4 giờ rưỡi Dakao sẽ đấu cầu với Giadinh école.

Cầm cuộc M. Nguu.

Jues de but M. M. Minh Phú từ 4 giờ 45 tới 5 giờ 45.

Paul Bert sẽ đấu cầu với Tândinh sport.

Arbitre M. Lân.

Juges de but: M. M. Quí Phương.

Tại sân Paul Bert, ở Chợ đủi-Distamy sẽ duợt chơi với Commerce sport.

Đông-pháp thời-sự

NAM-KỲ KHUYẾN HỌC HỘI

Đổi chỗ

Kể từ ngày 22 Mai 1926, hội quán của Nam-kỳ khuyến học hội, đã dời về đường Lagrandière số 98.

Diễn thuyết

Đến bữa thứ năm đúng chín giờ tối, nhằm ngày 27 Mai, tại hội quán của Nam-kỳ khuyến học hội, ông Capitaine Nguyen-văn-Xuân, sẽ diễn thuyết về vấn đề:

Téléphonie sans fil (dây thép nói không dây).

Cours d'Annamite

(dạy tiếng Annam)

Ông Nguyễn-văn-Mai, nguyên là giáo sư dạy tiếng Annam tại trường bổn quấc, sẽ dạy tiếng Annam tại hội quán, của Nam-kỳ khuyến học hội, số 98 đường Lagrandière, một tuần lễ là hai lần. (Người Langsa hay là người bổn quấc học cũng được).

Ngày nào được chừng mười lăm người đến xin học, thì sẽ kỷ sự dạy.

Xin gởi thơ hoặc dến ghi tên vào sổ, nơi Nguyễn-khắc-Nương, từ hàng, hội, số 98 đường Lagrandière.

Kể từ ngày 1er Juin, Nam-kỳ khuyến học hội sẽ mở lập ra tại trường Chợ-đủi, day tối (cours d'adultes) ngỏ cho mấy người ban ngày mắc đi làm việc, tối lại dư giờ đến học thêm.

Mỗi tuần dạy năm bữa, trừ ra bữa thứ bảy và chúa-nhựt.

Vậy ai muốn xin vô học xin gởi đơn hoặc bổn thân đến tại hội quán Nam-kỳ khuyến học hội số 98 đường Lagrandière, mà xin ghi tên vào sổ.

Xin hãy do nơi M. Nguyễn-khắc-Nương, là từ hàng của Nam-kỳ khuyến học hội.

Mỗi bữa dạy từ bảy giờ tối đến tám giờ rưỡi tối.

Mấy món dạy xin kể ra dưới đây:

Thứ hai — Orthographe et grammaire française: M. Chương.

Thứ ba — Lecture expliquée et conservation française: M. Nho.

Thứ tư — Traduction: M. Điều.

Thứ năm — Arithmétique, Système métrique et géométrie: M. Phước.

Thứ sáu — Rédaction française: M. Mào

Có thể thi Certificat d'études primaire được.

* * *

SAIGON

Ôtô ăn hiếp người gánh nước

Bà Phạm-thị-Tron, năm nay 60 tuổi, chuyên nghề gánh nước, ở tại đồ Tân-Thuận (Giadinh), hôm ngày 26 Mai nầy có việc đi Saigon. Dè đâu vào lối 10 giờ 15, bà bị phải chiếc ôtô số C. 2681 của M. B... nhà ở đàng Mac Mahon số 204, chẳng rõ oán hận bà nỗi nào, nên bổng nhiên vùng chạm bà một cái nhào hớt, ở tại góc đàng Jean Eudel và Charles de Cappe.

Bà bi thương cũng trọng, nên lập tức chở bà vào nhà-thương Chợ rẫy để cứu cấp.

Vụ nầy còn đang làm ăn-kết.

Thật thấy tai-nạn xe-hơi càng bữa mà càng ghê.

3 ANNÉE — Nº 136 — 3 JUIN 1926

KHOA HỌC TẠP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION:

— M. BUI QUANG-CHIÊU *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*
— M. LÂM-VĂN-HUÊ, *Commis indigène des Services Civils.*
— M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics à Cholon.*
— M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*
— M. NGUYỄN KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon*
— M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*
— M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*
— M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN, *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*
— M. TRẦN VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Paris.*
— M. TRẦN-QUANG-NGHIÊM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*
— M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*
— M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT: Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS:

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3,00		

MỤC LỤC

Bịnh tim-la hay là syphilis..... 2398
Tàu phương xuống đáy biển..... 2400
Cũng nên uống rượu..... 2402
Cours de littérature annamite..... 2404
Văn uyển..... 2406
Petites ignorances de la convertion annamite..... 2410
Đông-pháp thời-sự..... 2411

Bịnh tim-la hay là syphilis

Ta để chỉ sơ qua cái cách truyền nhiễm của bịnh tim-la; nay ta xin chỉ về bịnh từ khi có chancre induré.— Mục chancre induré, cứng thường thường có, một mục mà thôi.— Chừng bảy tám bữa sau thì có nổi hạch; hạch nhỏ nhỏ, cứng, rờ đến nó thì nó tròng tròng cũng như cục đạn; song trong một đám hạch thì cũng có một cục lớn hơn hết.— Hạch nổi theo mục chancre induré cứng mải vì không mềm làm ra mủ.— Chừng một tháng thì hạch cũng hay nổi ra nhiều nữa; nổi nơi háu, nơi cổ, nơi ót, nhứt là ở nơi bên cúi-chỏ.

Khi có mụt chancre induré cũng có người hay nóng lạnh hơi nhứt là lúc chiều, hơi nhức đầu, đau mình, đau trong xương, trong lắt léo.— Coi trong mình bần thần và sợ đau nên người buồn bực lắm. Mụt chancre induré rửa ráy sạch sẽ và xứt thuốc cũng mau lành, song tuy mụt đó lành được mà bịnh tim-la còn trong mình nữa.— Từ khi nổi mụt chancre induré cho đến chừng một tháng thì trong mình hay nổi ra dấu khác, khi thì mụt chancre lành rồi khi thì nó còn đang mọc đó.— Khi mụt chancre lành được thì cũng ba bốn tháng mới mất dấu nó.

Nơi da, nhứt là nơi da bụng nơi da lưng hay nổi mục đỏ đỏ, làm như mụt rận rệp cắng.— Roséole— khi thì nổi mụt nhỏ nhỏ cao hơi lên, có vảy như là vỏ tôm mỏng, và mảo đặm như thịt phơi khô.

Syphilides crustacées.— Mấy mụt nầy lại hay mọc nơi ót, nơi tráng, nơi cổ.

Còn nơi da mỏn trong mình như trong miệng, trong đốc dọng nơi chỗ kín đáo hay lỡ mụt nhỏ nhỏ trắng trắng bằng múc đủa— plaques musqueuses.— Khi mấy mụt plaques musqueuses mọc trong đốc dọng, người bịnh ho và khan tiếng có khi tắc tiếng; thuốc ho uống không hết mà thuốc tim-la làm tiếng trong lại mau lắm.

Từ khi mà có nổi mụt nơi da và da mỏng thì người gọi rằng bịnh tim-la qua bực thứ hai—

accidents secondaires.— Trong úc có accidents secondaires, nóng lạnh và nhức đầu cũng hưng có; nhứt là vật xế chiều.— Xương cốt lắt léo lại hay nhức nỗ; bãi hoải tay chưn; ăn uống cũng mất ngon.— Đàng bà máu huyết chẳng tốt và nhiều khi mất lương kinh. – Như có thai được trong lúc nầy, thì làm sao cũng sẩy thai, như thuốc men uống hay là chích không kịp.— Bịnh tim-la trong bực thứ hai lại hay lắm vi nơi mấy mụt ở da, trong máu, trong nước miếng, trong mũi gì cũng là có trùng độc.— Trong lúc nầy hễ trong minh mình mà trầy trụa chi và đụng chạm nhằm người bịnh ắt là phải mang bịnh vô minh.

Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN

Petites ignorances de la conversation Annamite

Ăn ít nói, ít tới luôi chơi bời với anh em chị em thì mở miệng ra nói nhiu khi lầm vấp tiếng nói.— Tưởng sao nói vậy, nhiều lời nói xốn tai gai con mắt cũng có. Ví như thằng con trai cũng trộng là có vợ rồi. Bữa nọ mẹ nó, mắc công chuyện nhà, chẳng rảnh đi về thăm mẹ già được. Bèn sai con về thăm bà ngoại hỏi bà coi có rảnh ra chơi vài bữa. Con đi thăm bà về má nó hỏi lại: «Vậy chớ mầy đi thăm bà ngoại, thấy bà làm sự chi?— Thằng con thiệt thà, bụng tưởng sao nói vậy; tôi vô thăm bà thấy bà đang lặc cao rồi hồi gần về thấy bà ra ngoài vườn lặc cỏ nghe ra lời nói quê kệch quá mà cũng như nói lái vậy. Rõ lại rằng thằng con ít năng chơi bời với chúng bạn, nên ít biết nói chuyện cũng một ý mà nói sái thì ra quê kệch. Phải chi nó lanh thì nói: Khi vô tới nhà, thấy bà ngoại đang lựa cao rồi hồi tội thăm bà về thấy bà ra ngoài vườn làm cỏ. Cũng có nhiều kẻ dốt chữ nhu mà hay nói lẽ: «Sự mất bát dĩa tao mới đánh mầy cho tới đâu nữa. Bởi tại gáo tra dài cán mầy mới dữ nguơi tao làm vậy!»— Chớ thiệt trong chữ nhu thì vầy: «Giáo đa thành oán sự bất đắc dĩ tao mới đánh mầy!»

Tìm phương xuống đáy biển

Đời nầy khoa-học phát minh đến nỗi cải tử hườn sanh, đường xa thâu gần, các việc của Tạo-hóa sanh ra coi ý người ta muốn chế sửa lại hết đặng lợi dụng cho thuận tiện.

Người ta đã làm máy bay lên trời, đóng tàu qua biển cả, mà cũng chưa vừa lòng, còn tìm phương xuống cho tới đáy biển đặng xem xét coi đáy biển chứa những vật gì.

Lúc cuối năm 1925 có một chiếc tàu lặn Ăng-lê chìm trong biển Manche; dịp ấy làm cho người ta nhớ chuyện đi xuống dưới mặt nước hiểm trở là dường nào mà lại cũng làm cho người ta càng muốn đi xuống tột đáy biển đặng kiếm vớt tiềm của xưa nay vì bị tàu chìm nên mất không biết bao nhiêu.

Những người có tánh mạo hiểm xưa nay thường muốn vớt tàu chìm đặng lấy tài vật mà dùng. Trong lúc Âu-châu chiến đấu, những tàu lớn chở bạc vàng hàng hóa bị tàu lặn bắn chìm rất nhiều. Hồi năm một 1918 người tính số tài vật bị chìm dưới đáy biển đã hơn 30 ngàn triệu. Có nhiều chiếc tàu chìm nằm chỗ sâu không quá 100 thước, thế thì dầu muốn vớt lên nghĩ cũng không khó cho lắm.

Vì phương diện khoa-học, thì từ xưa các nhà bác-sĩ cũng đã muốn lập thế xuống tột đáy biển đặng coi dưới ấy có những con thú gì, có những vật gì, bởi vì trên trái địa-cầu biển choán hết 3 phần tư, còn đất có một phần mà thôi, nên cần phải dòm cho biết hình thức dưới đáy biển ra thế nào.

Mà loài người sanh ở trên mặt đất, vậy thì làm sao mà xuống tột đáy biển cho được? Người ta phải lập phương thế mà xuống. Xin đọc tiếp dưới đây rồi sẽ biết người ta dùng phương thế nào.

*
* *

Ở đời có việc nầy coi kỳ lắm: loài người, nếu không luyện tập, hễ té xuống dưới sông, hoặc dưới biển, thì tự nhiên chìm liền chớ chẳng hề nổi trên mặt nước được. Mà lại hễ lặn xuống mặt nước, thì lặn sâu được ít thước mà thôi. Nếu muốn lặn cho sâu hơn nữa, thì cột đá, cột chì hoặc vật chi khác cho nặng, thì mới chìm xuống sâu được. Mà hễ mình lặn xuống sâu quá thì bị sự nặng của nước nó đè chịu không nổi, có người trồi lên phải sặc máu ra lỗ mủi, hoặc chảy máu ra lỗ tai.

Nghe nói có một người ở nước Hi-lạp lặn vớt bông đá dưới biển, có một lần lặn sâu đến 84 thuốc, mà chừng trồi lên không hại chi hết. Ấy là một đều phi thường. Còn loài người sanh ra ở trên mặt đất chớ không phải ở dưới nước như tôm cá, bởi vậy nếu lặn xuống dưới nước thì trầm lâu lắm là 4 phút đồng hồ rồi phải trồi lên mà thở, chớ ở lâu nữa phải ngột.

Ấy vậy nếu muốn cho người ta lặn sâu cho tột dưới đáy biển mà khỏi sặc máu, và ở dưới cho lâu mà khỏi ngột thì cần phải bày máy thế

nà cho khỏi bị sự nặng của nước đè và có hơi mà thở luôn luôn, dụng ấy mới ở lâu dưới đáy biển mà tìm kiếm tài vật hoặc xem xét đáy biển kỷ lưỡng được.

Thiệt người ta chẳng phải đi thấu hoặc phải dòm ngó mới biết đáy biển chỗ nào sâu, chỗ nào cạng. Người ta chỉ dùng cây, hoặc dùng dây cột chì mà dò, làm như người mù dùng cây gậy mà dò đường đi vậy thì cũng được. Thuở trước người ta làm như vậy mà vẽ hải-đồ đặng tàu chạy khỏi mắc cạng. Ông Hoàn Albert de Monaco lại bày thêm ra một cái máy để luồn xuống biển mà dò sâu cạng, lại có cột lưới sắt để mà bắt cá hoặc vớt đồ ở dưới đáy biển lên được nữa.

Tuy vậy mà người ta cũng chưa vừa ý, còn muốn chơn đạp, mắt thấy tường tận đáy biển mới ưng lòng, bởi vậy phải bày một cái máy thế nào đặng ở dưới nước cho nhiều giờ và lặn sâu đến bao nhiêu cũng được.

Ban đầu người ta làm như một cái chuông, rồi đến năm 1845 ông Payerne mới chế sửa lại như một cái thùng, đựng khí trời đủ cho mình thở. Cái thùng ấy chia ra 3 từng: từng dưới hết nằm sát đáy biển thì để cho thợ lặn ở mà làm việc, từng giữa thì đựng nước, còn từng trên chót thì để trống đặng cho thợ, hễ lấy đồ dưới biển rồi, thì bỏ vô đó. Năm 1847 người ta dùng thứ máy đó mà mó đá làm lòng lạch cho tàu vô ra hải-khẩu Brest.

Thứ máy đó tuy dùng được, song có chỗ bất tiện, nên người ta coi lại thì phải bày máy thế nào cho thợ lặn xuống sâu nữa cho được, rồi đi đứng thong thả dưới đáy biển mà lựa coi tài vật thứ nào đáng lấy đem lên. Vậy thì phải dùng cái máy lặn kêu là *scaphandre* mới được. Thứ máy nầy bày đã lâu rồi, song mấy năm sau đây người ta mới chế sửa lại nên dùng rất tiện lắm.

(*Còn nữa*)

Chẳng nên uống rượu

Que boit cet homme dans un verre qui vacille en ses mains tremblantes d'ivresse?

Il boit le sang, les larmes de sa femme et de ses enfants.

Président Kruger.

Người kia uống giống chi trong cái ly lắt qua lắt lại trong bàn tay nó say run như vậy?

Nó uống máu, uống nước mắt của vợ nó và của mấy đứa con nó.

* * *

I. — Mới đây Tòa-áo-đỏ có xử một năm tù tên Lê-văn-Thông, người làm ruộng ở Cholon. — Tên Thông uống rượu say về nhà vợ nói phải chẳng cho mà nghe; nó chẳng nghe mà lại đá vợ nó một đá lang cù; - vợ té xuống rồi mà còn lại đá thêm một đá cho vợ nó chết. — Vợ chết rồi, làng lại bắt nó thì nó còn say mèm.

* * *

II. — Tên Sử-văn-Tiền người kêu Hương Ấp Tiền là bợm rượu tại chợ ai cũng biết danh; năm nay tuổi đã dư sáu kỷ mà cũng còn kĩnh bài nhì như thường chó không có giảm sức chút nào cả.

Lối chín giờ tối đêm 15 Mai ra chợ uống rượu như hủ chìm rồi không chịu về nhà ở lẫn quẫn lối đó gặp đứa nhỏ chừng 12 tuổi thấy ông già say nó cười rồi ông ta rầy ó với nó om sòm nhiều người đến khuyên giải bảo về mà ông ta không đếm xỉa đến.

Lính tuần cảnh thấy vậy bắt ông về ngũ bót một đêm sáng ngày ông cò giải tuốc xuống tòa, vì ông đã say nhiều lần lắm rồi.

* * *

III. — Ngồi nghĩ cuộc đời — mà là cuộc đời ngày nay ,hiện-thời bây giờ đây — càng ngày càng thấy nảy sanh ra lắm việc rắc-rối lạ-lùng, chẳng bữa nào là vắng nghe vắng thấy. Ấy cũng bởi tại cái phong-trào đảo-điên, lầm mặt văn-minh mà xui ra rộng-nổi

Như mới hôm ngày 24 Mai vừa qua đây, có nghe một chuyện bán con giết vợ rất lạ-kỳ, tại tỉnh Cantho, nghĩ ra quá ngán. Chớ thường người ta hay nói « *bán vợ đợ con* » thì có chi gọi rằng lạ lắm.

Câu chuyện ấy, theo như tin báo tới cho hay, thì cớ tích như vầy:

Có đôi vợ chồng kia, tên họ là chi thì chẳng rõ, mà tuổi-tác bao lớn cũng chưa tường; nhưng chỉ đoán được là cũng vợ-chồng nghèo, vì bởi mang cái chữ bần hàng nên mới đến đều mải tử chớ. Chồng bấy lâu vốn chuyên nghề bán trà. Một hôm người chồng mới dắc đứa con trai 7 tuổi đi Sadec, mà chẳng rõ là đi việc chi, đi dạo chơi hay là vì trong cuộc làm ăn buôn-bán. Hai cha con đi rồi, thì vợ thủ phận ở nhà, lo việc trong việc ngoài, giỏi sức tề-gia nội trợ. Ngờ đâu, chồng dắc đứa con đi đến Sadec rồi,

ngĩ hơn nghĩ thua, xét phải xét chẳng sao đó không biết, mà vùng đang-tâm cắt lấy đoạn ruột của mình, đem thằng con còn nhỏ dại ấy bán cho một người Khách-trú, bán được một số bạc là mười đồng. (Không rõ lúc bán đó, giao con cho người, hai cha con có bịnh-rịnh chi hay không há.)

Bn rồi, tiền bạc lấy bỏ túi rồi, người bèn quày trở lại Cantho ; nhưng khi về đến nhà không có nói rằng bán dối vợ với rằng: « Mình đừng có , mà cũng đừng có buồn rầu, thằng con tao để gởi nó ở nhà cô (hay dì) tại Sadec đặng cho nó chơi ít lu. »

Tôi ! nghe chồng phân tỏ vậy thì cũn hay vậy chớ biết sao ! Nó ở nhà cô-dì cho nó chơi, chớ chết-chóc gì mà sợ ! Dè đâu thúng khó úp cho được voi khiến bạn của chồng là tên Tha, mội bữa kia vui miệng lại thừa lúc anh chồng vắng mặt, bèn ngồi thu chuyện cho người vợ của chàng kia hay, rằng: đứa con trai ấy có chắ là gởi nhà cô-dì chi đâu, rõ-ràn là đã bán cho một tên Khách-rú ại Sadec, giá bạc là 10 đồng rồi đó nớ.

Trời đất ôi ! Nghe tin ruột rối bời-bời khóc than máu gần muốn tuôn hec nước mắt: « Con hởi con ôi ! Tệ lắm chi lắm hởi chồng ! bạc làm chi hởi chồng ! Con hởi con ôi ! » Rồi tức khóc rồi lại ra vào dặm chưn chắ lưởi, đừng cắn móng tay dựa cửa nhà lụy đổ như chan !...

Đoạn khi anh chồng về, vợ quyết làm gì cũng hỏi-han cho ra duyên cớ. Hay đâu anh chồng bữa nay về lại có nhậu ba-man, có rước ông thần-men về nhà hầu chuyện. Nên vừa khi vợ vì đau lòng mẫu-tử phân chia — mới để lời han-hỏi trước sau, và phàn-nàn lòng chồng sao quá tệ: « Dẫu rằng cùng nhau có chẳng may phải cảnh khốn cùng, thì cũng ráng ôm hụng cắn răng mà nuôi lấy chút con thơ, chớ có lý đâu lại đành nhẫn-tâm đem con ra mà bán. « Thật lời nói nghe như rót vào tai, càng nghe càng thêm thâm-thúy lắm chớ. Vậy mà anh chồng ta có biết gì, phải là phải với ai, chớ bao giờ có phải với người say rượu. Đoạn chẳng thèm trả lời, cứ việc chưởi mắn đôi hồi, rồi nỗi điên nỗi dại lên, vùng rút dao chém vợ có trên bảy vít. Thôi rồi tánh-mạng của người đờn bà, dẫu vít nhẹ nào tưởng trong bảy vít cũng khó lòng cứu khỏi. Mà thật, nghe đâu người đờn-bà ấy nay đã giỏi bước xa chơi, hồn về miền dị-lộ rồi.

Tức thì có kẻ báo tin cho quan hay, đến bắt chàng ta giải lên tòa để chờ ngày trừng trị !

Ấy đó, bà-con ta thử xem coi có phải rõ-ràng là một việc rất quá đỗi ly-kỳ chưa ? Ai đi : vì chữ nghèo mà đành dạ bán con, rồi lại còn trở rút dao giết vợ. Ôi ! đau đớn thay !

LIỆT-HẢI.

COURS DE LITTÉRATURE ANNAMITE

Văn chương Annam

Kim-vân-Kiều

Cha con còn đang kể-lể mọi nỗi sầu bi với nhau khôn kể xiết thì khi ấy nghe trống lầu canh trở đã nhiều hồi rồi, gần sáng rồi. Sáng ra, thấy kiệu hoa Mả-giám-Sanh đã tới chực ngoài cửa, nào đờn địch quyền-sáo gì om-sòm, nó đến nó thúc rước dâu làm cho nàng phải lìa cha cách mẹ mà đi! — Ôi! đau-đớn biết là chừng nào, cho kẻ ở lại với người rá đi! hai đàng khóc-lóc nước-mắt tràn-trề thấm đã chín khút ruột tằm bối-rối! Trời chiều lại mây kéo tối hầm, sương sa ngọn cỏ dầu-dàu, nhành cây ướt đẫm-đẫm. Mã-giám-Sanh rước Túy-Kiều đem về chỗ trú đở ở đó có dọn cái phòng tứ phía màn che sáo phủ bịt-bùng để nàng vào ở trong một mình đó. Ngó quanh ngó quất thấy những người lạ mặt lạ mày, nên mắt-cở thẹn-thuồng, nghĩ tới lòng mình giữ trinh-tiết thuở nay thì nó bắt đau-đớn xót-xa luôn-luôn.

*
* *

Lục tiếng chữ nhu ra, giải nghĩa chỗ mắt, dẫn tích truyện.

Xiết bao — là kể sao cho xiết ?
Thăm sầu — bởi chữ nho mà ra.
Khắc canh — bởi chữ nho mà ra
Nam lầu — đồng bồ coi canh để tại cửa nam lầu, nên nói là *nam lầu*.
Hồi — bởi chữ nho mà ra.
Kiệu hoa — bởi chữ nho mà ra.
Ngoài — bởi chữ nho mà ra.
Quản quyền — bởi chữ nho.
Sanh ly — lìa cánh nhau khi còn sống.
Luỵ — bởi chữ nho ra.
Tằm — bởi chữ *tàm* : *Xuân tàm đáo tử ti phương tạn, lập chúc thành khôi lụy thủy cón*
Sương (chữ nho) — mù sương.
Trú phường — (*phòng*), chỗ trơ, ở tạm.
Xuân toả — ở trong, bởi chữ *u trung*.
Lộc... hông — (chữ nho)
Phẩm tiên (chữ nho)
Hoài công, (chữ nho) — tiếc công, uổng.
Biết... —phải chi biết trước.
Thân (chữ nho)
Đào (chữ nho)
Tình chung (chữ nho) — *chung* — là nghĩa chữ *đồng*.
(gió) *đông*, là gió mưa động.

*
* *

Kim-vân-Kiều

Nghĩ mình là gái thục-nữ mà mắc nhằm cũa thất-phu thì tiếc công mình ngày đêm giữ tiết với người tình-nhơn của mình (Kim-Trọng) ở đâu ấy! thì ước trông lòng rằng: « Phải chi mình biết trước, sau thân-phận mình sẽ vô duyên mà phải trôi-nổi như vầy, thì khi xưa đã để cho người tình chung mình là Kim-Trọng bẻ lấy hoa con-gái mình đi chẳng là hay ? — « Ấy tại ai gàng-trở đón-ngăn mà không giao tình với nhau cho rồi khi ấy ? là tại mình ; nên khi còn ở thì thiệt cho chàng Kim với mình phải khát tình, khi ra đi như bây-giờ thì xót-xa đau-đớn tiết trong lòng ; — « hoặc là được gặp nhau kiếp khác nữa ấy chăng thôi, chớ kiếp nầy thì thôi có còn gì nữa mà trông-mong ? — « Thôi, mình trời đã

sinh ra mắc cái số vất-vả lao-đao lắm đận như-vầy, thì còn mang lấy kép má hồng làm chi, có đeo-đuổi cũng không đặng. Túy-kiều tư-tưởng tủi-than một mình như-vậy, rồi nó lên thấy trên ghế có cái dao nhỏ, bèn lấy mà gói vào trong chéo khăn. Lẽ có ý để hờ khi có túng nước thì lấy dao ấy mà đâm họng đi cho xong, không tiếc gì cái thân-phận như vậy nữa. Những mảng rầu-rĩ càng thao-thức càng khuya, những bâng khuâng tư-tưởng như tỉnh như say một mình vậy. Tưởng là ai đâu tử-tế, chẳng nhờ là gã Mã-giám-Sanh là một đứa quen nghề chơi-bời trai-gái thuở xưa kia. Mà chơi quá bộ lỡ đi, lại nằm lúc vận đen, nên cứ nghề quen lại phải đi làm nghề nuôi đĩ mòi điếm mà ăn; may đâu trong bọn điếm có mụ Tú-bà là con đỉ già quá hèn duyên đi. Ở đâu không hẹn mà gặp nhau cũng là bợm lỡ, cả hai cũng là đồ thừa chúng không thèm. Rủ nhau với nhau mà lập nhà đĩ, quen năm những làm nghề buôn phấn bán hương đã quen. Đi rảo khắp xứ mọi thiềng-thị chỉ nhằm thú-quê, giả làm người ăn chơi, đi kiếm con gái đem về làm đĩ.

* * *

Lục tiếng chữ nhu ra, giải nghĩa chỗ mắt, dẫn tích truyện

Trùng-phùng — gặp lại. — *Điểm* (chữ nhu).

Thân — mình — *Sinh* — (cũng chữ nhu), sanh ra.

Hồng — (cũng chữ nhu). — *Án:* bàn-ghế. — *Đao* bởi chữ *đao* mà ra. —

Phỏng: dè. — *Liệu* (chữ nhu). — *Thân phận* (chữ nhu)

Sầu (chữ nhu). — *Khắc* (chữ nhu). — *Như tình* (chữ nhu)

Phong tình (chữ nhu). — *Nguyệt hoa* (chữ nhu). — *Lầu* (chữ)

Duyên (chữ). — *Bên* (cũng bởi chữ mà ra). *Phường* (chữ)

Mạt cưa, mướp đắng: đồ chúng không thèm. — Tích có đứa kia, cùng túng mới đi hái mướp đắng đội đi bán, tưởng lừa người-ta được mà không ai mắc, chiều tối về gặp con kia cũng cùng túng mà xúc một thúng mặt cưa bưng đi bán giả là cám mà cũng không ai mắc mớp, mới đổi cho nhau, khi đổi đứa nào cũng tưởng mình gạt được, ai hay cả hai cũng mắt mớp vì cái nào cũng là đồ vô dụng cả, chỉ hai bên cũng một phường đánh lận nhau.

VĂN UYỂN

"Ráng" hay "Rán"?

Nhiều tiếng An-nam có cái hay kỳ, mà ta thường chẳng ngỡ. Đây là nói về cách-thế nó tỏ bày sự-vật, làm cho người nghe nói tiếng chi, dầu không hiểu nghĩa, cũng biết đặng tròm-trèm nghĩa ấy làm sao. Như nói «hào-hển, ho-hen, hít-hà, hò-hét, hun-hít, v. v.», thì nghe cái hơi mệt, cái hơi ho, cái hơi hít, cái hơi la, cái hơi hun, v. v. nó tuôn vô tuôn ra nơi miệng hay là lỗ mủi. Nói «rung-rinh, run-rẩy, rục-rịch, rột rạt, rầy rà, rồn-rảng, v. v.» thì cái đại-ý *rung động* của mấy tiếng ấy nó bày ra rõ-ràng ở nơi chót luỡi của ta. Nói «cứng-cỏi, cộc-cằn, cộp-cạc, kịch-cợm, kình-càng, v. v.» thì cái giọng mấy tiếng ấy nó đều tỏ ý *chẳng êm*.... Còn như muốn chỉ cách «*dùng hết sức mà làm việc chi*» thì phải nỏi «*ráng* sức» hay là «*rán* sức»?

Chớ rằng phải lật tự vị — mấy ông học cao ngày nay kêu là tự vựng — mà coi cách viết, vì tự-vị chẳng qua là sách góp tiếng người, còn cái tiếng của mình vốn ở trong tình ý mà ra, chớ chẳng phải tự nhiên sanh ở trên tờ giấy trắng. Chẳng phải hỏi đây là có ý chỉ cho trẻ viết trúng chữ đặng khỏi một lỗi mà kiếm thêm một điểm của thầy. Hỏi vậy là muốn luận về một cái *dấu* của tinh người, dường như đã bày ra trên giấy, chẳng phải là muốn động tới cái *dấu* ấy làm chi, chỉ ước ao cho *cái tinh người tự-nhiên hết bày ra dấu ấy*. Ta phải biết trọng bề trong hơn bề ngoài.

***

Tiếng «*ráng*» nói mau, không kéo dài. Cái giọng nó vắn, phát ra mạnh, rồi dứt liều như chớp, như «nháng».

Còn tiếng «*rán*», nghĩa chánh nó là «kéo ra cho dài, làm cho thẳng». «Rán dây» là kéo dây ra cho dài, cho thẳng, làm cho nó nới ra hết sức, không để dùn tại. «Rán cung» là giương cung lên, làm cho nó chẳng dây ra hết sức thẳng. Nhơn nghĩa chánh ấy, người ta mới nói «rán sức» mà tỏ *kéo dài cái sức của mình, căng nó ra cho thẳng, và làm cho nó nới thêm, không để yên hoài một thế*. Rán...! rán... nữa! rán... thêm! rán... hoài! rán... cho cùng cái sức của Trời cho ta. Như thế mới thiệt là «*rán*», mà như thế, thì sức *rán* có mau bao giờ, mà biện ra như trời chớp nháng, như cái giọng đọc chữ «*ráng*» của người viết lộn thuở nay?

Vậy mà người Nam-kỳ thường viết «ráng sức» chớ không viết «rán sức». Như tiếng nói là cái dấu của tinh người phát hiện ra ngoài thì nên buồn cho cái tiếng «ráng» ấy vì nó chỉ rằng người mình không bền chí, vẫn biết ó-ré rồi thôi!

Dùng sức, mà như chớp như nháng, thì chẳng ích chi, mà còn thêm hại. Tinh thần Annam dùng một tiếng «rán» mà chỉ luôn sự dùng sức, căng dây thì là có ý lắm. Cái sức mình cũng như một sợi dây, nói một sợi *dây thun* mới là hạp lý. Sợi dây-thun của mình đó, như để yên, thì nó cứ trơ-trơ chẳng khác nào dây khác dài

ng bao nhiêu thì chỉ có bấy nhiêu ; nư để chẳng ngay lại còn thêm vắn. Ey giờ, mình kéo dây ấy ra.... Như nnh thình lình kéo một cái mạnh, i thôi, thì có khi cái dây-thun của nnh phải đứt, và dẫu không đứt, thì ng phải hư nhiều. Còn như mình bt khôn, kéo «sợi dây-thun» của nnh lần lần nhẹ nhẹ, song bền lòng, ta nắm chẳng buông, thì chẳng ững nó không đứt không hư mà l còn nới ra nhiều, còn thêm sức nh. «Rán...» lâu như thế, mới là c lợi chẳng phải như cái «ráng!» k, bạo phát bạo tàn cái «ráng» khoe-koang không cần thành tựu.

Mượn đỡ dây-thun mà tỉ, chớ cái sc của người có thể nở thêm, không phải có ngắn như là vật ấy : người lớn lê, thì sức lớn theo, người càng tập th sức càng thêm mạnh. Thiệt cái sức nh của con người, rốt rồi làm sao cng có hạng ; song có dùng hết sức t mới biết hạn ấy ở đâu. Mà nếu cái sc riêng mỗi người đã đành như th, cái sức chung của người nầy tiếp v người kia, của đời sau nối theo đ trước, thì mạnh mẻ vô cùng. Tong cuộc văn-minh đồ-sộ ngày nay, th cái sức riêng của mỗi người vùa giúp có khác gì những cục đá ở giữa nn cao : mỗi cục, lấy ra, thì không cra gì ; song chẳng có đó, thì chẳng thnh non ấy :

ức người, muốn mạnh thì mạnh, mốn yếu thì yếu, biết dùng thì lợi vcùng, không biết dùng thì có khác nà nước đổ lá môn? Dùng sức phải ch bền chí và phải biết để làm chi— my ông thích chữ Tàu thì nói phải rành *mục-đích*. Dùng sức ; chẳng phải cả cái thế mạnh ban đầu, chỉ vụ đều nên việc ngày sau, phải «rán...» thêm hoài, phải *kéo dài* cái sức mình hay là nối sức mình với sức của ai mà đi cho đến nơi đến chốn, mà hay hơn là đi tới hoài đừng cho mỏn chí bình sanh. Người xưa có nói : «Con một mảnh hơi, ta cũng còn vửng chí !» Lời nói như vậy, nếu có người thật hành mãi mãi, thì việc khó thế nào rốt cũng phải nên.

Đồng-bang ta, mỗi người nên có một cái chí ấy đặngkhỏi uổng công *sanh-sản* trong đời. Chớ rằng : «Tôi không sống hoài mà lo nhọc trí». Mình có mút hơi thì còn người sau tới tiếp. Có nối công-phu, có rành nghĩa «rán ...», thì cái tiền-đồ của mình mới là có chỗ trông cậy ngày sau...

Ôi ! bảy chục năm khai-hoá, bảy chục năm học-đòi, mà người mình chưa phát-minh ra một vật, có một đều học lóm mà học cũng chưa xong ! Học làm chi? Chúng ta mảng nói «học là bắc chước» rồi cứ một bề coi chúng nhái theo, có rán sức kiếm bày làm chi cho mệt! Văn-minh như thế là văn-minh làm tuồng, văn-minh rất tiện ; «ráng» mau một cái thì thấy văn-minh ! Không, không! Từ rày sấp tới, ta nên bỏ cái tiếng «học là bắt chước» đi mà nói quyết rằng : «học cho biết đặng bày.» Cái «bày» đó mới thiệt quí, mới giùp thêm hay, mà phụ ích cho đều tấn-hoá. Song có «rán...» có kéo chẳng sức ra cho tới chết, mới mong bày đặng chút chi ; chớ «ráng» theo nhiều người, «ráng» một cái cắp-bằng bỏ túi, «ráng» một cái thành «Thầy» thành «Ông», «ráng» một cái cho đủ «vinh» hơn chúng bạn «đui mù» rồi... thôi, thì tưởng có một nghề

«làm lớn», chớ không có thế làm thành một cái «cóc» chi đâu.

Tiếng «rán» có chỗ giống tiếng «nán», tiếng «rặn». Để cho học-trò coi tự-vị mà nói mấy tiếng ấy, viết ra quấc ngử không g. Chúng ta nên lấy việc trong hơn mà luận. Đại-ý ba tiếng ấy đều chỉ sự lâu-dài, nên nói ra phải kéo hơi dài mới trúng «Ở nán» là ở lại cho lâu, chưa chịu đi. «Làm rán» là làm thêm chưa chịu thôi. Còn «rặn» thì chẳng qua la nin hơi, rán sức mà làm cho vật chi ra khỏi mình đó...

Tiếng «rán» với tiếng «rặn» gạy ra nhiều ý. Hai tiếng ấy đều chỉ hai việc có dùng sức nhiều và lâu. Có rán lâu, rặn lâu, trong lòng mới sạch. Ai chớ rằng lời khiếm-nhã, như rằng khiếm-nhã, thì đừng làm như vậy thử coi. Trong sự rán nầy, tưởng người người tự-nhiên biết rán .. lâu dài, vì đây là việc rất can-hệ cho mình, làm bưa bưa nửa chừng chẳng tiện...Chớ chi ai ai cũng biết dùng cái «rán» cho tới cùng ấy, mà lo đều ích-lợi cho nhau! Chớ chi cái «rán» đó nó có thể nhắc mỗi người phải ăn ở làm sao cho khỏi ra hình đai cơm giá áo! Đặng vậy thì hạnh phước biết ngần nào!

Còn cái «rặn» nầy, cái «rặn» ai cho là tục, mà tôi coi quí trọng vô cùng. Tôi muốn nơi cái «rặn» mà sanh ra năm giềng ba mối, cái «rặn» mà làm cho có cồ có kim. Rặn kia thì hiềm vì tưởng việc mình, rặn nầy thì nhơn vì lo lợi thế. Rặn cách kia là bỡi cá cơm hiệp một đặng cho mình nở thịt nở da; rặn cách nầy là vì máu mũ chia đôi dặng cho họ thêm tay thêm cách! Ai rặn thì lẫn-quẩn bên nhà, kẻ rặn tợ «mồ-côi giữa biển»!

Cái rặn quí-báu ầy là của Trời cho, mà trước khi có vậy thì kể biết bao sự rán âm thầm! Chín tháng trường, một ngày một rán, rán chẳng chút ngưng. Tâm huyết bao nhiêu cũng đổ vào chỗ rán, tinh-thần bải-hoải cũng vì rán ấy mà thôi! Rán cho rộng lòng, đặng nuôi chồi nhơn loại; rán thôi hết sức, mà phụng sự tổ-tiên. Kế đến ngày công-phu kết-quả, người thôi một mất một còn! Song một hai cũng rán... Rán một hồi... cũng chưa xong. Rán nữa... cũng chưa gì. Càng rán..., càng rặn..., hết hơi mỏn sức, song dầu sao cũng dầu, rán tới... rặn thêm, bỗng nghe một tiếng «tu-oa», đời có thêm một đấng con người ở đó! Có khi thân mẹ chẳng còn, mà dẫu thế nào, mẹ cũng đã rán hết sức vì con, rán hết lòng vì thế!

Ôi! cái «rặn» kia cũng đã đủ dạy người lo rán; cái «rặn» nầy còn thêm soi dạ thể gương nhơn! Rán mà lâu dài như thế, rán mà nên ích-lợi cho đời, không quản gì số mạng, ai là con người mà chẳng quí, chẳng yêu, ai nghe tới mà chẳng nhớ đến ơn sanh-thành dưởng dục!

Hại thay cho cái «ráng» thình-linh! Lòng mẹ rán sanh con thì rộng rãi phi-thường mà vô hại, vì rán đã lâu, lần lần mà rán. Chớ «ráng» như con ếch, khi không phình bụng muốn lớn kịp bò, thì sao cho khỏi nổ liền cái «bụp» như bong-bóng trẻ chơi!

Còn rán như chú nọ làm thơ, nghĩ bắt tức cười. Học-thức kém, tư-tưởng nghèo, ngồi trót giờ mà làm chẳng đặng mấy câu, vợ thấy cười, nói

cười rằng: «Mình làm thơ nhọc quá tổ đỉ! » Anh ta «hứ» một cái rồi nói: «Anh đẻ dễ tự-nhiên, vì có đồ sẵn ở trỏng, hễ rặn thì ra; chớ tôi đây không có thơ sẵn trong đầu mà phải rặ cho ra, mới là ngặt chớ! Người ấy, nói ra lời hữu-lý; cần phải «có cái chi ở trỏng.» Mà cái ấy chẳng phải rán mau mà đặng.

Tôi «rán» chớ không cần «ráng». Hai cái rất khác nhau!

NGUYỄN NGỌC-ẨN

THỂ THÁO TỔNG CUỘC ANNAM

Cuộc tranh hình đồng Khoa Học Tập Chí

húa nhựt rồi, từ 4 giờ mười tới 4 gi bốn mươi ;

iadinh école đấu cầu với Dakao.

(Đình sau sẽ phân xử)

từ 4 giờ 45 tới 5 giờ 50

ândinh sport thắng Paul Bert sport một bàn (homologué)

húa nhựt tới 6 Juin 1926 từ 3 giờ 30 ới 4 giờ 35

lectro sẽ dấu cầu với Govap sport Aritre M. Mạnh

từ 5 giờ tới sáu giờ Etoile de Giadinh sẽ đấu cầu với Télépost sport Arbitre M. Lân

Vì ông Nguyễn-đình-Trị, hội trưởng đổi đi Thudaumôt, và ông Nguyễn-khắc-Nương, xin từ chúc Phó hội trưởng, nên xin mấy ông đại biểu của mấy hội trong thể tháo tổng cuộc bữa 8 Juin đến cho đủ mặt đặng bào cử Chánh và Phó hội trưởng khác.

Petites ignorances de la conversation Annamite

Nói chuyện không nhầm ý

Người mình, hễ thọ ơn ai thì trọng lắm, ghi trong xương, chẳng hề quên. Đến mồng năm tháng năm là ăn Tết nhỏ, và lúc tháng chạp gần Tết lớn, lo sấm vật kia, vật nọ, bánh trái, mứt, rượu, trà, đi Tết người mình mang ơn. Ấy là tỏ dấu biết ơn đời đời. Có khi đi Tết gạo, nếp sáp bánh, tơ-lụa, bạc-tiền. Vậy hễ người mình mang ơn chi, theo thói, trước mặt người làm ơn cho mình, thì ít có nói: tôi cám ơn anh, thầy, ông, bà, cô, chú, thiếm, chị, em, chi hết; mà ghi vào lòng, dầu trên thế gian trả không đặng cũng truyền ngôn lại cho con cháu trả ơn lại. Chớ như bây giờ, gặp gở hoài đường, nói chuyện vui cười, hồi lâu không nhằm chuyện cũng nói cám ơn khác, không nghĩa lý gì. Ví như hai người đi mua ăn về quẫy xách dọc đường rủi rớt, người nọ, anh em quen củng đi một lược đang chuyện vản vui cười thấy rớt, lượm giùm, bưng xách giùm. lúc đó làm thinh không nói cám ơn, để gần về nhà từ giã đàng nọ và nói :«thôi! cám ơn anh nghé!»

Theo phép tắc người phương tây không phải như mình. Hễ cậy chi, bất câu là dễ là khó, là trọng hay là ít trọng vọng thì nói liền : tôi cám ơn anh. Người ta giúp mình chi nội lúc đó cám ơn chẳng đợi mai chiều đi nói cám ơn.

Có người có ăn học theo phong tục người phương tây thì quen dùng theo người ấy, nói liền cám ơn khi người ta giúp mình sự chi. Nghĩ lại theo ý mình, xét cho kỷ, nghĩ tức cười, vô ơn, hễ làm ơn rồi, phuỗi ơn, nói mẹt-xi đủ rồi. Hai nữa tưởng người phương tây, thông-thái quá, so đo từ chúc, hà tiện sự vô ích như mang ơn phải dải ăn, uống rượu, cho đồ, thà lập vị nói cám ơn cho khỏi mích lòng kẻ nhỏ, hoặc anh chị ngan vai với mình.

Tiếng cám ơn của mình dùng theo thì thế, tỉ như ai đem cho mình miếng thịt rừng, mình nhắn lại với người cho mình rằng thảo-lảo, nên nói: «em, cháu về nói qua cám ơn.»

Đông-pháp thời-sự

LỜI RAO

Cấm những thí-sanh « Văn-bằng Việc-Nam sở đẳng tiểu học » chẳng đặng phép gởi đơn xin thi chỗ nào khác hơn là chỗ mình phải thi.

Ngoại trừ thí-sanh nào có giấy chiếu chứng chắc rằng đã dời chỗ ở, hay là mắc điều chi ngăn trở, phần ấy để cho quyền hành thâu đơn thì thính nghiệm.

***

NAM-KỲ KHUYẾN HỌC HỘI

Diễn thuyết

Hội Khuyến-Học mới dời hội-quán về đường Lagrandière số 98 thì đã khởi cuộc diễn-thuyết,

Hôm tối thứ năm 27 Mai ông quan ba Nguyễn-văn-Xuân, cựu học-sanh trường Tạp-Nghệ (Ecole Polytechnique) bắt đầu diễn thuyết trước hết về vấn-đề dây thép gió và dây thép nói không dây.

Đúng 9 giờ tối, ông quan ba Nguyễn-văn Xuân ghé xe-hơi trước hội-quán thì trong nhà hội đã chật ních, mà thiên-hạ đứng ngoài cửa cũng đông. Ông Bùi-quang-Chiêu, là hội-trưởng, ra tiếp ngài vào. Trong số người đến dự thính, thấy có ông Labolet là Quản-đốc sở học-chánh, ông Laubinet giáo-sư, ông Neuman là phụ-bút báo L'Opinion và nhiều bà đầm. Còn Annam thì thấy có quí ông Dr Thinh, Dr Đôn, quan ba Phạm-công-Bình, Nguyễn-kim Đính, Commis Lễ, Commis Huê, Huyện Trị, Huyện Trung, Đốc Phủ Long, và nhiều ông khác không nhớ mà kể tên cho hết được.

Ông Bùi-quang-Chiêu tỏ ít lời mà tấn dẫn ông quan ba Xuân cho công chúng rồi ông Xuân liền đứng dậy mà diễn-thuyết. Vả vấn-đề ông nói hôm nọ là vấn-đề khoa học, nên lấy làm khó mà giải cho mọi người hiểu được. Tuy vậy mà ông ra công vẽ hình trên bản đen rồi cắt nghĩa rõ ràng kỷ lưỡng, dẫn giải cho công chúng biết nhờ ai bày máy gì lần lần mà bây giờ cả trong hoàn cầu đều thông tin và nói chuyện với nhau được chẳng cần phải giăng dây thép nữa.

Ông Xuân diễn giải gần một giờ rưỡi đồng-hồ mới rồi. Công chúng đến nghe ai cũng khen ông văn nói lưu lợi, tài học bát lãm.

Nghe nói từ nầy về sau mỗi tối thứ năm sẽ có diễn-thuyết luôn luôn, và tối thứ năm tới đây thì ông Pandolfi, là giáo-sư, sẽ diễn về đạo đức Khổng-Tử Mạnh-Tử.

Công-chúng nghe Hội Khuyến-Học lo công ích như vậy ai cũng vui mừng, nhưng tiếc vì hội-quán ở trong một căn phố chật hẹp quá nên phần nhiều tới trễ thì đứng ngoài chớ không thế chen vô được, hỡi vậy ai cũng ước ao bực thượng-lưu hiệp

nhau cổ động quyên tiền mà cất một nhà hội Annam cho rộng lớn xứng đáng đặng có chỗ cho công chúng tựu hội.

Nam-kỳ là xứ giàu, không lẽ các điền-chủ không rộng lòng giùm giúp đặng quản khai trí thức cho đồng bang.

*
* *

SAIGON

Cảnh Saigon khổ quá !

Tội nghiệp, Huynh-v-Xuong, làm thợ-máy cho sở Tạo-tác ngoài Dalat, vừa rồi có việc đi Saigon đặng sẵn dịp chơi luôn thể.

Đến Saigon, ngụ tại phòng-ngủ «*Ngãi Thanh*» ở tại đàng Colonel Boudonnet. Rủi đâu, thình-lình lại bị tên Thuy nào đó, 25 tuổi, lén nưng cái túi của chàng ta rồi trốn mất. Trong cái bóp-phơi ấy có đựng một số bạc to-to là 200 đồng.

Cha chả ! Đất Saigon gì mà khổ hại quá vậy. Một lần nưng chơi cái túi mà hao hết 200 đồng. Thật là khóc hổ ngươi mà cười ra nước mắt đa. Nếu vậy sau ai dám đến nữa.

*
* *

Chơi bức họng dữ chưa !

Banh-Huong, chủ tiệm làm đồ mây, ở đàng d'Ormay số 71, có mướn thợ cũng nhiều, nhưng có tên Huynh-Lân, dân Akas đây, không biết giỏi dở thế nào, chớ coi bộ lanh lắm. Mới bữa rồi đây, khách Huynh-Lân tạ thừa dịp chủ hơ-hỏng bờ-thờ sao đó, bèn lén lại bức họng chủ, ấy là lén đến tủ tiền lấy hết một số bạc 259 đồng rồi bỏ túi ra đi mất.

Ấy thật rõ-ràng là chơi bức họng đó đa Dường ấy, ai còn nói chệc tử-tế nữa thôi. Khách-trú cũng gian-tham như ai vậy chớ giỏi gì.

*
* *

Bị dòng họ Đạo rồi

Mlle S... nhà ở đàng Ohier số 7, hôm rồi chẳng rõ bị bợm nào đâu lạ mặt, lỏn vào lấy đồ đạc của cô cũng nhiều. Nào là đồ bằng chai và một cái mâm cả thảy giá đáng 70 đồng. Lại với một cái quạt máy giá đáng phỏng cũng 60 đồng, Tổng-cọng thì hết thảy cũng gần một trăm rưỡi bạc đồ.

Vậy mà cô nói không biết ai! Tưởng không lạ gì, đó là cũng trong dòng họ Đạo mà ra chớ gì !

*
* *

Vì cái khăng mà ở tù oan mạng

M. C.... chủ nhà hàng Nation, bữa rồi vừa khi đi trờ tới tại chỗ nào đó, mà cũng là nội nhà-hàng, thình-lình bắt được tên Vo-van-Hoa, làm bồi làm bồi nhà-hàng, đang sửa soạn lấy cái khăng bàn thồn vào túi. Cái khăng ấy giá đáng 0$70 chớ không nhiều, đều ông ghét cái nố tham, nên ông nhảy lại đặng chụp; dè đâu nó mạnh quá nó vùn một cái rồi nó chạy trốn mất.

Chi vậy không ? Thứ cái khăng như vậy mà cũng là ăn cắp. Rồi đây chúng bắt được cũng ở tù oan mạng vậy chớ phải không sao. Tưởng đâu cái khăng không đáng gì rồi người ta bỏ qua sao ? Nầy ! Một cái bánh-tráng cũng ở tù được vậy mà !

2 ANNÉE — Nº 137 — 10 JUIN 1926

KHOA HỌC TẠP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1 — M. BUI QUANG-CHIÊU *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*
2 — M. LÂM-VĂN-HUÊ. *Commis indigène des Services Civils.*
3 — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics à Cholon.*
4 — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*
5 — M. NGUYỄN KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon*
6 — M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*
7 — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*
8 — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN, *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*
9 — M. TRẦN VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève ... diplômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Paris.*
10 — M. TRẦN-QUANG NGHIÊM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*
11 — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*
12 — M. TRẦN-VĂN-TỸ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3,00		

MỤC LỤC

Cáchgiáo huấn xứ ta..... 2414
Bịnhtim-la hay là syphilis..... 2317
Cáchtrí góp glanes scientifiques..... 2419
Nhàhội Annam..... 2421
Văn yuển..... 2423
Tìm phương xuống đáy biển..... 2425
Trồng dâu để tằm..... 2427

Cách giáo huấn xứ ta

và các nước bên Au bên Mỉ khác nhau như mặt trời với mặt trăng

Từ xưa đến nay, cái phép ta dạy con không có đổi. Sanh con ra thì mong cho nó ăn học. Mà ăn học làm gì? «Học cho hay chữ vợ tơ thiếu gì». Học mà làm quan, mà hưởng lộc vua. Nhứt tử thọ Hoàn gân, Toàn gia thực Thiên Lộc».

Bởi vậy cho nên ai ai cũng nuôi con mong học hay chữ mà làm quan, trước là mình được phong lưu. Ăn trên ngồi trước, sau là cha mẹ, vợ con họ hàng được dựa hơi mà nhờ. Bởi vậy cho nên cái cách giáo huấn ta khác hơn các nước Huê-Kỳ, Hồng-mao và cũng khác nước bên Âu-châu. Ấy là nói về cái tư tưởng riêng của cha mẹ và học sanh; mà suy cái cách dạy con nít trong nhà và tại nhà trường cũng khác với cách xa xứ ta nhiều lắm. Xứ người ta dạy con cho biết làm ăn. Ở xứ ta, phàm con nhà có dư dã, con nhà quan nhà giàu, thì muốn cho con khỏi lao động một mảy nào: thậm chí đến đó đi nhắc một cái ghế mà ngồi, đánh một đôi giày mà đi cũng để cho đứa ăn đứa ở làm, một là sợ mệt hai là coi ra sự làm là hèn hạ. Vẫn mấy năm sau nầy, xứ ta có ý bắt chước người Tây mà tập cho chuyển động gân cốt chơi đá Balle, đánh Tennis, chuyển động thân thể, song phần nhiều hảy còn ham tịnh hơn động, hay ở không hơn làm. Còn nói về dạy tánh nết thì hay ép con nít theo cái lễ phép rất nghiêm trang vẫn là tốt, song thái quá cho nên sai đi. Thí dụ như con thì phải vâng lời cha mẹ, nghe lời kẻ lớn, phải kỉnh người niên xỉ, phải kỉnh kẻ có chức tước. Ấy là phải làm. Mà mình buộc con nít phải kép nép trước cha mẹ, không dám nói không dám cười, không ăn một mâm, mỗi cái cứ nương theo ý người lớn cho đến đổi đói thì nói no, buồn thì giả dạn làm vui, lần lần tập ra tánh

con nít dối trá không cho lộ
ý riêng mình ra trước mặt
người lớn. Ấy là cách mình
ập con nít ra dối trá từ nhỏ
ến lớn; và mình tưởng đó
à dạy con có phép; bởi vậy
ho nên con nít Annam, lúc
hỏ, tùng quyền cha mẹ thì
hu mì, mủ mỉ như con gái;
ăn ít nói, kép nép sợ sệt
rước mặt người lớn kẻ bề
rên; mà đến lúc nó đến 19,
0 tuổi, đi học xa cha mẹ,
hì hay buông lung ra tánh
am chơi bời quá độ lượng.
là bởi vì từ nhỏ tới lớn
hông tầng tập cái tánh tự
o, nay vừa lớn lên, mới
ược thong thả, thì chẳng
hác nào khó không từng
hấy của, như chim sổ lồng
ho nên hay hoang đàng thái
uá.

Bên Âu-châu Nhựt-bổn, Tuê-kỳ, Hồng-mao dạy con hác lắm. Từ lúc thiếu niên, ha mẹ thì dử phần mà chỉ ẽ đều nên làm, việc không ên làm, song không ép con ít phải kép nép nhắm mắt à vưng lời, cha mẹ cho hép con có một thí tự do hư đói thì nên ăn, no thì r, lúc đi chơi, khỏe thị theo, mệt thì dừng lại, có phép ăn nói với người lớn, miễn là dữ lễ phép không thô lỗ, không hồ đồ thì thôi, được có tư cách riêng, tư tưởng riêng. Cha mẹ chỉ đều phải chỗ quấy, song để cho con nít có quyền tự do mà lựa chọn, nếu làm quấy thì bị hại. Chơi nghịch thì bị tai, tập cho con nít cũng biết lựa đều phải mà làm, đều quấy mà tránh, tự ý riêng mà làm chớ không có phải vì sợ la sợ rầy mà làm hay là không làm. Bởi vậy cho nên người Mỉ-châu Âu-châu, từ nhỏ đến lớn quen thói tự do, không kép nép, không sợ sệt, chỉ tùy theo ý nên trí khôn mình, nghĩ cái nào nên thì làm không nên thì tránh, chớ không phải sợ roi vọt quyền áp chế mà làm với không làm.

Tôi có một lần kia đi vảng tĩnh Ninh-bình, đi coi trồng cây cối (lát) và dệt chiếu, tới Huỳnh-phát-Diệm vô ở đậu dinh quan Huyện. Ngài có đứa con trai lối 5 tuổi; nhà ở quê, thành ra quan Huyện và cậu nhỏ ở nơi dinh. Bình nhựt hai cha con ăn cơm

với nhau. Lúc có tôi đến thì quan Huyện truyền dọn cơm cho ngài với tôi ăn mà thôi cho nên trò nhỏ lén ra đứng đựa cột mà ngó. Tôi thấy đứa con nít ăn mặt tử tế, đứng kép nép, bộ buồn bã mới kêu hỏi thăm. « Cháu đây là ai ? » Nó là con tôi.

Tôi liền gọi trò lại mà hỏi; cháu ăn cơm chưa ?

Tức thì quan Huyện trả lời. « Con bẫm quan lớn con ăn rồi ». Song trò nhỏ đứng làm thinh và buồn bực lắm. Tôi mới nói « xin quan lớn cho cháu ngồi ăn cho vui, không ai lạ » Tức thì trò nhỏ chạy lại bên tôi rất mừng rở ; thì tôi mới thêm một câu. « Quan lớn ép cháu trả lời như thế, sợ e tập tánh không th ệt. »

Muốn dạy nó có lẽ, mà ép nó nói dối, ấy là một phép giáo huấn sai đi, làm cho nó mất tánh chơn trực.

BÙI-QUANG-CHIÊU

Bịnh tim-la hay là syphilis

Đã biết bịnh trong lúc thứ nhứt
thứ nhi rồi; ta xin tỏ vài lời
bịnh trong bực thứ ba.

Khi bịnh được tới ba năm, như
uốc men không được kỷ thì
ong mình hay nỗi mụt, nổi u
ầm nơi tay, nơi chưn, nơi đầu
ơi cổ chi cũng được. Mấy cục
chẳng đau, lâu ngày làm mũ,
hành nóng lạnh, có khi nó cũng
ra làm như ghẽ hờm ăn tầm
y ra mãi, ăn sâu xuống và hay
chung quanh: — xanh quanh
iệng ghẽ sâu, mảo tím bầm, mũ
áu hôi thuối quá. -- Nơi xương
ing hay sưng có cục u nần, có
hi lâu ngày cũng mụt ở xương
m mũ chảy ngang qua da. —
ũng có khi trong óc, trong
ương sống sưng lên làm kinh
ong bại bản thân, cũng bại
ửa thân mình, từ lưng quần
ống cẳng, đi đứng chi, cựa
ậy gì cũng không đặng, nằm
mà báo cô ỉa đái cũng một
ỗ mà lại nhiều khi chẳng biết;
hi thì bí đái, bí ỉa, khi thì chảy
áu đái và ỉa; lấy làm dơ dáy
m. — Có khi cũng bị tim la ăn
ng muỗi làm cho muỗi sụp
xuống, khi thi xương nơi ổ gà
bị ăn khoét có lỗ; nói tiếng đơ đớ
và đồ ăn đổ uống, lúc ăn hay
chạy lên lỗ muỗi làm cho sặt ra.
Người thì bị mấy lắt léo sưng
lên; rụng tóc. đi đứng cả khêu
cả niền, nóng lạnh mãi, nhức đầu,
ốm o gầy mòn. Còn đờn bà
thường thường mất đường kinh,
hay là tầm bậy, tảm xảm, có thai
hay hư, mà như có đẻ được cũng
là khó nuôi lắm.

Người mẹ có đau tim la cũng
phải dữ minh, tuy rằng trong
khi thứ ba không lây không
truyền nhiễm, chớ cũng là hiểm
nghèo cho người bịnh lắm, mấy
người tuổi lớn bịnh đó lại mau
hơn nữa. Ta xin tỏ chuyện sau
đây là chuyện thật. — Cách ba
năm nay có một người tuổi lớn
dạu dương mai, lại ta cho thuốc,
vừa mạnh bỏ đi chẳng thèm
nghe lời ta khuyên: — Cách
chừng ba tháng, ta thấy người
đó trở lại. Trong minh coi như
mạnh, song ở dưới chưn bên
tay trái có một mụt ghẽ hờm.
người nói không phải tim la. —
Ta cho thuốc tim la trống, và

chắt trong mươi bữa thi hết mà lại mập mạp lại nữa. — Ta dặn biểu phải uống thuốc thêm. Cho toa về nhà bỏ có ý mình làm thầy thuốc bắc giỏi. Ba tháng sau người vợ chạy lên rước ta xuống thi người thinh linh đang đi có té xuống, hai chưn đở lên và cục cựa cục quậy chi cũng không được, nằm đó đái ỉa chi chẳng hay chẳng biết, còn miệng thi nói lẽo lẽo, ăn uống như trưởng.

Bị nằm và bị tuổi lớn nên thêm sưng phổi mà chết trong chừng mười bữa sao. Té ra người bị tim la trong chứng một năm vi thuốc men chẳng kỹ cang và chẳng nghe lời khuyên giáng nên trong một năm mà bị ba bực tim la mà phải chết.

Dr TRẦN-VĂN ĐÔN

Cách-trí góp *(Glanes scientifiques)*

Giống cá chuồn
(les poissons volants

Trong loài thủy tộc cũng có thứ
ết bay la giống cá-chuồn. Cá-chuồn
ển ta cũng có nhiều ; nó là một thứ
c mình tròn, trên lưng xám-xám,
nh-xanh, hai bên hông và dưới
ng thì trắng bạc. Nó phân biệt với
ài cá khác, là có vi cánh (*nageoires
ctorales*) rất rộng và dài phủ đến
i phần mình. Nó dùng hai vi ấy
m cánh mà bay. Vì tài bay ấy nên
y gọi nó là cá-bay, hay là chim én
ển (*hirondelle de mer*), cũng kêu là
ocet (exocetus).

Nhưng con cá-chuồn không bay
ợc tự ý như con chim én cũng như
ài đơi. Khi bay thì nó nhảy lên
ỏi nước, rồi cứ bay thẳng tới một
ng; đòi khi cũng hơi cong-cong
ột ít, chớ không biết bẻ lái bay
ng như các thứ chim. Khi nào có
ng dụng: hoặc ghe tàu chạy tới,
y bị cá-xà cá mập đuổi theo, thì
ó vọt lên khỏi nước mà bay trốn
o mau.

Nhiều khi đi tàu thấy đàng trước
ũi nó bay cả bầy nhiều lắm. Bay xa
ết sức là vài ba trăm thước tây. Nó
y mau lắm, và nhiều khi bay lỉa trên
ặt nước, như ta liếc miềng sành
y. Ban đầu thì bay mau, một giây
ồng hồ tới 15 20 mètres, khi gần
ối thì từ 6 mètres đến 10 mètres.

Cá chuồn có hai thứ: một thứ nhỏ
ừng bằng cổ tay, chỉ có hai cánh
ước dài. Thứ nầy gọi là *exocetus
olitans*, biển ta có nhiều; nó ở cả
ầy hai ba chục con, có bầy đến bốn
năm chục, có khi nhiều hơn nữa.

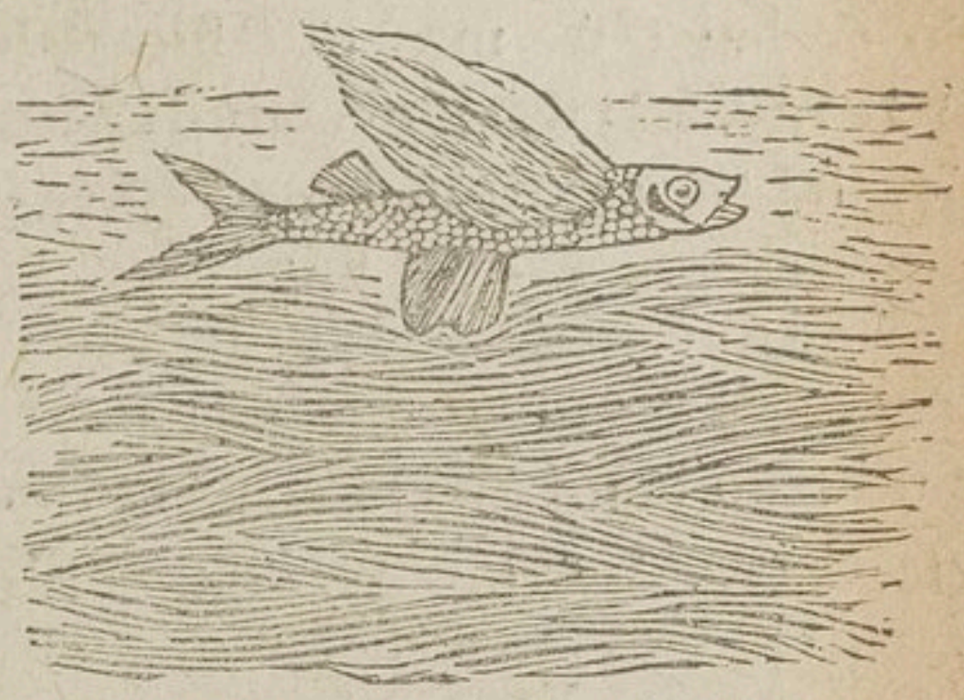

Còn một thứ cá-chuồn khác lớn hơn : dự bằng con cá-thu, gọi là *exocetus exitiens*, xứ ta ít gặp. Nó có 4 cánh : hai cánh sau cũng rộng cũng dài mà nhỏ hơn hai cánh trước. Nó hay đi lẻ loi một mình, hay là chừng đôi ba con, năm bảy con, chớ không ở bầy như thứ kia.

Cá-chuồng thịt ăn cũng được, mà không ngon, lại hơi độc, kẻ có ghẻ ăn thì nổi ngứa và cương nhức.

Cá-chuồn không bay cao, nên không khi nào bay vào tàu lớn; còn những ghe câu thuyền nhỏ thấp be, thì bắt được nó hoài, có khi nó bay vào đến đỗi chìm ghe.

*
* *

Giống cá có nọc
(Les poissons venimeux.)

Trên bờ loài rắn rít có nọc độc, dưới nước cũng có ít thứ cá độc như vậy.

Cá độc thì nọc nó không ở nơi miệng nơi răng, không phải nó cắn như loài rắn rít: nọc nó thì ở nơi vi nơi ngạnh trên lưng, trên ngực hay sau đuôi nó; nó đâm nó chích mà truyền độc qua.

Trọng những thứ hiểm nghèo ấy, thì có giống cá *Vive vipère* cũng gọi là con nhện biển (*Araignées de mer*), dọc theo biển nước Pháp có nhiều. Nó có hai thứ; một thứ lớn dài 40 phân tây, một thứ nhỏ chừng 12 phân. Hai thứ cá nầy trên lưng và hai bên tai có những gai rất nhọn. Lúc bình thường thì nó xếp vi lại theo mình, khi động dụng thì nó giương lên chơm-chởm. Nó hiểm một điều, là hay nằm vùi dưới cát, chỉ ló cái đầu không. Nhiều khi có người tắm hay là đi mò cá đạp phải nó thì vi nó giương lên đâm vào thịt, truyền nọc độc vào máu, làm cho đau nhức cùng sưng lên và phát sốt rét. Thường nó hành nhức nhối đến 12 giờ, và có khi bị rét đến mười lăm bữa, nửa tháng.

Dọc theo mép biển cũng có một thứ cá độc khác dài chừng 20, 25 phân tây, gọi là *Cotte scorpion*. Giống cá nầy khi giận thì phùng ra, chỗ mang nó có gai rất nhọn, gai ấy có nọc, đâm vào thịt cũng nhức đau độc-địa như vi cá Vive-vipère.

Bên châu Nam-Mỹ có thứ cá *Pastenaques* thường gọi là *Tuturs*, cũng vùi dưới cát. Nó giống hình con cá-đuối, đuôi dài mà nhọn, hai bên đuôi có nhiều kim nhỏ, nó chích độc lắm. Đạp phải nó thì nó quật đuôi rất mạnh, những cây kim ở đuôi nó đâm vào thịt, thì cũng như bị rắn độc cắn.

Cá-xà (*Requin*) quen gọi là con chó biển (*chien de mer*) hay ăn thịt người, cũng là một thứ cá có nọc đọc. Trên vi kỳ (*nageoire dorsale*) nó có một mũi nhọn đâm vào thịt cũng hiểm nghèo, vì nơi gốc mũi nhọn ấy có thuốc độc.

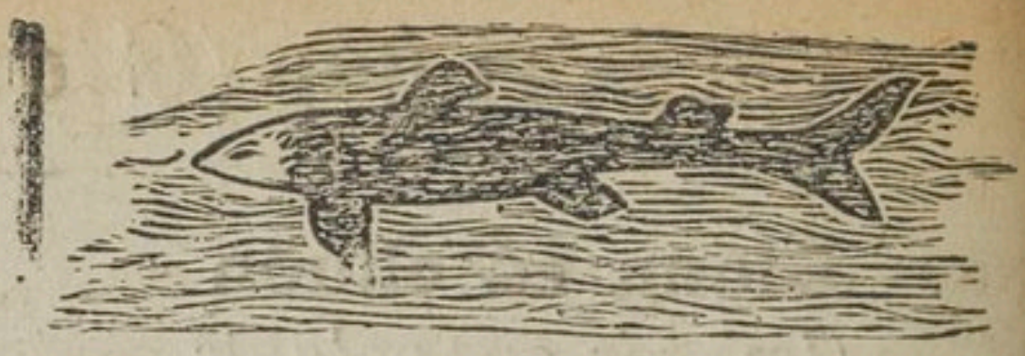

Ông tấn-sĩ Muir Evans ở thành Londres (Angleterre) mới xuất bản một quyển sách bàn về những giống cá có nọc Trong sách ấy có kể nọc cá-xà. Ông nói rằng: Lấy nước độc ở vi cá xà mà tiêm vào mình giống cá khác, thì chỗ tiêm ấy sưng lên, con cá bị tiêm ấy thở không được, mà phải nằm đơ. Tiêm vào da người thì chỗ tiêm sưng bầm lên có hoàn đến 12, 15 phân tây.

Nhưng giống độc nhất là thứ cá *Scorpènes*. Cá nầy hình ngó xấu xa lắm: vi nó dài chơm-chởm như ngón tay và rất độc.

Những giống cá nầy có thứ bì-hộm hơn hết và đáng sợ nhất, là thứ cá-đá (*poisson-pierre*) ở Australie. Mỗi cái gai trên vi kỳ nó đều xo lòng nứa và có nước đực như sữa, ấy là thuốc độc rất dữ. Ai đi chơn không mà đạp phải gai nó, thì chắc chết không thuốc gì cứu được.

Xứ ta trong sông cũng có hai thứ cá độc, như là cá-chốt, cá-trê... ai xuống phải gai phải ngạnh nó cũng nhức nhối rên la và phát nóng lạnh.

*
**

Kể qua ít thứ cá độc cho ai nấy biết phải mang giày mang dép, kẻo đạp nhằm vi cá độc.

Ai rủi xuống phải, thì hãy lo nặn máu ra, dùng nước biển mà rửa nơi thương tích, cùng lấy dầu săng mà thoa, thì cũng đỡ. THOMAS TRỬ

(Lời thăm *du 1er Juin 1926.*)

Nhà-hội Annam

hơn vì có thơ của ông Bùi-quang-Chiêu là Hội trưởng hội Khuyến-học mở nên tối thứ bảy 5 Juin 1926 những người làm đầu các hội tương-tế và các hội thể tháo nhóm-nhau lại tại nhà hội Khuyến-học ở Saigon đường Lagrandière số 98. mà bàn tính về sự cất một tòa nhà hội cho rộng lớn để cho các hội đến đó mà nhóm cho tiện, và c o nguy-nga đẹp-đẽ, lặng khi có dịp tiếp rước khách quí hoặc có ai diễn-thuyết thì có chỗ tử-tế xứng đáng.

Ông Bùi-quang-Chiêu tọa chủ trong cuộc nhóm nầy; ông đứng dậy tỏ rằng người Annam bây giờ lập hội tương-tế, hội thể-tháo, hội đồng-nghiệp đã nhiều, mà vì không có thế lực không có tiền tài, nên hội nào cũng mướn một căn phố nhỏ nhỏ mà làm hội-quán, nay ở đường nầy mai dời chỗ khác, đến khi có dịp diễn-thuyết tựu đông người thì không đủ chỗ ngồi. mà khi có dịp tiếp khách quí cũng không có chỗ tử-tế xứng đáng. Bởi tình hình như vậy, nên hội Khuyến-học mới đề xướng mời người làm đầu các hội nhóm hôm nay đây mà bàn coi phải làm thế nào mà tán thành việc ấy cho mau.

Ông lại nói rằng ông có viến và tỏ ý cho quan Toàn-Quyền Varenne và quan Thống-Đốc Le Fol nghe thì hai bượng quan nầy lấy làm sẵn lòng giúp, hoặc cho phép xổ số, hặc cho phép lạc quyên để lấy tiền nhà tạo thành « nhà hội Annam », song có buộc một đều nầy là nhà hội sẽ cất ra đó phải định chắc là nhà hội chung của dân Annam, chớ không được làm nhà hội riêng của một phe hoặc một đầu nào. Ông Bùi-quang-Chiêu có đáp với quan Toàn-Quyền và quan Thống-Đốc rằng nhà hội tính cất ra đó là nhà-hội chung của Annam, bất luận là người hạng nào hoặc phe nào cũng đều đến được hết thảy. Hôm nay Hội Khuyến-học khởi xướng việc nầy, ông làm Hội-trưởng ông phải tỏ trước cho quan trên biết, rồi chừng quyên tiền mà làm thì các hội công cử một bàn trị-sự riêng để mà lo việc ấy, chớ hội Khuyến-học không dự đến nữa.

Quan Thống-Đốc khen phải, mà rồi ngài lại phàn rằng có ông Lê-quang-Trinh cũng đến viến ngài và tỏ rằng sự lập « nhà-hội Annam » thì ông Trinh đã lưu tâm trước nên ông giành phần đứng quyên tiền mà làm việc ấy. Quan Thống-Đốc khuyên ông Chiêu phải hiệp ý với ông Trinh mà làm, chớ nếu hai đàng chia ra hai phe, thì ngài không biết phải giúp cho phe nao.

Ông Bùi quang-Chiêu tỏ rõ ràng như vậy rồi ông lại nói rằng hội Khuyến-học có gởi thơ mời đủ các Hội-dồng Quản-hạt : ông Trinh Vĩnh, Mẫn, đều có mời hết thảy, song mấy ông không ai chịu đến, ông Trinh có trả lời nói rằng vì ông chưa nói chuyện trước với ông Chiêu, nên không thế đến được, còn ông Hội-đồng Thơm trả lời thì khen sự lập « nhà-hội Annam » song buộc nhà-hội ấy dầu kẻ « bản nước» hay là người

« bán thương-khẩu » cũng đều đến đó được hết thảy.

Ông Bùi-quang-Chiêu hỏi ý các vị đến nhóm coi tình hình như vậy bây giờ phải liệu thế nào mà tán thành cuộc công ích ấy cho được.

Có người phân rằng sự lập « Nhà-hội Annam» thì ông Lê-văn-Trung là cựu Nghị viên-Thượng nghị-viện khai xướng đầu hết, vì năm 1916 ông đã có đem vấn đề ấy mà diễn-giải giữa Thượng-nghị-viên rồi, vậy thì nào phải ông Trinh mà ông giành phần. Mà như ông Lê-quang-Trinh thiệt có lòng muốn lo tán thành «nhà-hội Annam» thì sao ông không chịu đến đây mà bàn tính với người thay mặt của các hội.

Ông Nguyễn-văn-Thinh có trình một cái bản đồ ông mướn thợ vẽ phóng nhà-hội ấy. Ông tính số tiền cất chừng 50 ngàn số tiền mua đất chừng 20 ngàn, và số tiền sắm đồ từ khí chừng 10 ngàn nữa, cọng lối 80 ngàn đồng thì đủ.

Ông Bùi-quang-Chiêu mới đọc một bức thơ của ông Trần-trinh-Trạch ở Bac-lieu gởi cho ông Lưu-văn-Lang mà hứa ông sẽ giúp một số tiền lớn và sẽ dắc bàn trị-sự đi quyên-tiền đặng làm cho thành việc nầy.

Đại-hội bàn tính với nhau rồi nhứt định mời hết thảy các nhà thân hào ở Saigon và Lục-Tỉnh, bất luận thuộc phe nào đản nào, nhóm chung lại một lần, rồi bỏ thăm trạch cử một bàn trị-sự để chung lo tán thành cho mau. Đại-hội lại xin ông Hội-trưởng Khuyến-học hội kiếm mượn nhà, rồi sẽ định chắc ngày nhóm.

VĂN UYỂN

Solidarité

Nous montions un chemin. Les chênes effeuillés.
Tendient au vent du nord leurs grands bra dépouillés,

Dans l'air sifflait encore un reste de tempête.
Et les nuages fous couraient sur notre tête
Comme de gros oiseaux emportés dans leu vol.
Nous allions devant nous, las, courbés vers le sol.
Portat avec effort notre tête affaissée
Au sourd et douloureux travail de la pesée,
Devat nos yeux, au loin, se dressait le chemin.
Pre comme la vie, et comme elle sans fin
Et nous montions toujours.
Le la nue entr'ouverte.
Soutà coup un rayon tomba sur les hauteurs.
Clairant devant nous la campagne déserte ;
Semblа qu'il était tombé dans nos deux cœurs.
Combien en peu de temps un même frisson passe.
De la nature en nous, des choses à l'esprit !
Noueux tout changea, tout chanta, tout sourit
Nous sentîmes en nous je ne sais quelle

Chữ Đồng (*đoàn-thể*)

Ta lên dốc đường măn khi ấy.
Hai bên đầy cây thấy lá thưa,
Rã nhành gió bấc xơ-rơ.
Nghênh-ngang nào khác tay đưa giữa trời,
Trên không-khí còn hơi giông-tố.
Thổi vù-vù khắp chỗ cùng nơi,
Đầu ta mây chạy tơi-bời.

Đường chim bạt gió khuôn trời lúc bay,
Chúng ta cứ đi ngay tới trước.
Mệt khòm lưng, sầu bước khi-khu,
Im-lìm nhọc trí lo-âu.

Rán gân may đặng cất đầu vừa lên,

Xa trước mắt, khúc trên đường dốc.

Như bước đời gai-gốc vơi vơi ;

Chúng ta một thế lên hoài.

Bồng đâu mây rẻ, sáng trời dồ tuôn,

Đầy trên nồng, rạng đồng trốngtrải :

Đường rơi vào hai cái lòng ta,

Mau thay cảm-xúc truyền ra.

Vật qua thân thể, cảnh qua trí-tinh!

Chúng ta ngó xung-quan đều đồi.
Đều âu-ca, mỗi mỗi đều tươi,
Chúng ta như thấy ơn trời.

grâce.
Se glisser ; par la nue entr'ouverte on eût dit.
Que s'étaient envolés le souci, la souffrance,
Je me trouvai plus fort et par l'espoir grandi ;
Et je me demandai: Quelle étrange puissance.
Nous tient donc dans sa main ? Un rayon de soleil.
Peut donc changer un cœur ! et la pensée humaine.
Emportée au hasard où le monde le mène.
Ne s'appartient donc pas! Notre esprit est pareil.
A ces arbres tremblants que la brise balance.
Et qui ne savent rien que se pencher au vent.
Je ne puis même pas, tant mon cœur est monvant.
Y fixer un instant la joie ou la souffrance.
Je ne suis même pas le maïtre de mes pleurs !
Oui, pour que de mes yeux une larme jaillisse.
Pour que naisse un sourire, il faut que le caprice.
Des choses y consente; il faut qu'à mes douleurs.
A ma joie, il se trouve au sein du vaste monde.
Une larme muette, un rayon qui réponde.

(à suivre)

Jean-Marie-GUYAU

Cho chi chẳng biết vào nơi can-trường,
Xem như thể theo đường mây rã.
Việc nhọc-nhằn bay đã sạch trơn,

Ta bèn thấy sức mạnh hơn.
Lại mình thêm lớn về phần ước,
Ta hỏi thầm trong lòng-dạ.
Sức lạ gì cầm cả thân ta?
Một tia anh-sáng nọ lòa,

Thế thì có sức đổi ra tinh người!

Còn tư-tưởng lạc-lài vỏ-trụ,

Thế không bề tự-chủ hay sao!

Trí ta dường thể cây cao.

Đưa theo ngọn gió phía nào cũng day.

Lòng ta rất đổi-thay tráo-chác,

Cuộc vui buồn giây lát không yên.

Cũng không chủ đặng ưu-phiền,

Giọt sầu chưa ắt mảnh riêng đã thành !
Thiệt quả vậy dạ đành u-ám,

Khóc hay cười, do cảm không sai.

Buồn vui chỉ đổi cảnh ngoài,

Hoặc người thầm khóc, hoặc đời rỡ xinh.

(còn tiếp)

NGUYỄN-NGỌC-ẨN dịch.

Tìm phương xuống đáy biển

(tiếp theo)

Thứ máy lặn kêu là *scaphandre* là một cái máy có thể làm nặng đặng cho thợ lặng chìm xuống đáy biển cho được, mà lại cũng có thể làm cho thợ lặn thở cho được nữa.

Cách 20 năm trước cái máy ấy đơn sơ lắm. Có một bộ áo quần bằng vải cao-su, bao trùm hết cả mình người thợ lặn. Dưới chơn thì đeo giày có gắn chì cho đặng nặng trì xuống cho đứng thẳng dưới nước, còn trên đầu thì có một cái nón bằng đồng bao phủ xuống tới vai. Cái nón ấy có đục lỗ gắn kiến đặng cho thợ lặn ngó thấy chung quanh mình và có chứa khí trời để cho thợ lặn thở. Ở trên tàu phải đặc ống bôm hơi luôn luôn vô cái nón ấy cho thợ lặn thở.

Tuy nhờ có hơi cho thợ lặn thở được, song hơi bôm xuống thường nóng, nên thợ lặn hay chán-ván nhức đầu. Lại chừng trở lên trên mặt nước, còn phải kéo lên một khúc để nghỉ một hồi, chớ kéo tuốt lên một lần thì thợ lặn phải bị máu đùa vào trái tim rấp mà chết. Như lặn sâu xuống 60 thước và ở dưới 20 phút đồng hồ thì chừng trồi lên phải 50 phút và nghỉ 6 lần. Còn như ở dưới đáy biển 2 giờ thì kéo lên phải chậm chậm 4 giờ, lại phải nghỉ 8 lần mà hai lần chót phải nghỉ mỗi lần tới 40 phút.

Tuy làm kỷ lưỡng như vậy mà nhiều khi thợ lặn lên rồi còn phải chống mặt nhức đầu, nên phải đem vào phòng bịch kín mà để rồi bôm hơi vô cho thở cũng như lúc ở dưới nước vậy. lâu lâu quen hơi khí trên mặt đất rồi đem ra mới được.

Bỡ. cái máy cũ đó có chỗ bất tiện, không thể xuống sâu được, nên người ta chế lại làm bằng sắt hết thảy đặng cho thợ lặn thong thả khỏe-khoắn.

Hồi đầu thế-kỷ 20 nầy, cái máy lặn tốt hơn hết thì xuống được có 20 thước mà thôi. Năm 19 5 có một người Huê-Kỳ bày ra một cái máy xuống sâu được tới 63 thước. Lần lần có một vị kỷ-sư Huê-Kỳ tên là Simon Lake chế sửa nên xuống sâu tới 85 thước. Ai cũng tưởng cái máy làm như vậy thì thôi, chớ không thể nào chế sửa chi được nữa.

Mà có nhiều chiếc tàu chở bạc vàng và đồ quí chìm nằm chỗ sâu trên 100 thước, nếu dùng cái máy xuống có 85 thước thì làm sao vớt tàu ấy cho được. Các kỷ-sư trong-hoàn cầu mới đua nhau mà tìm nữa.

Bên Huê-kỳ họ mới lập thế chế máy bằng thép, xuống sâu tới 120 thước. Máy ấy nặng lắm. Người ta dùng thử mà vớt chiếc tàu Ăng-Lê chìm hồi năm 1917 gần cù-lao Terre-Neuve có chở 85 muôn đồng tiền vàng. Thợ lặn lặn xuống mà vớt, ở dưới đáy biển sâu lối 100 thước, có 34 giờ đồng hồ mà đả vớt được hơn 12 muôn đồng vàng. Coi đó thì biết cái máy ấy quí là dường nào.

Mới đây có một người Đức quốc tên là Gutsmache lại chế ra một cái máy lặn có thể xuống sâu tới 160 thước. Cái máy ấy rộng lớn, thợ lặn ở trong

phương tiện lắm, mà có chứa khí trời đu thơ tới 6 giờ đồng hồ, trên khỏi bôm hơi xuống, mà thợ lặn dầu xuống sâu tới 200 thước cũng khỏi bị sức nặng của nước đè nlư các máy khác vậy. Thợ lặn ở trong cái máy muốn lên xuống thông thả; hễ muốn xuống sâu thêm thì mở ba cái thùng phia ngoài cho nước vô tự nhiên chìm xuống, còn muốn trồi lên thì tháo nước ra rồi mở ống hơi cho vô thùng ấy tự nhiên máy trồi lên. Chừng lên thì lên tuốt một lần, khỏi phải nghĩ từ chặu như máy cũ vậy.

Các nhựt-báo bên Đức quốc dều khen ngợi thứ máy lặn nầy lắm. Nếu thiệt có máy lặn được như vậy, thì chắc sẽ vớt được hết các vật quí trong các chiếc tàu chìm xưa nay nằm đưới đáy biển.

THỂ THẢO TỔNG CUỘC ANNAM

Cuộc tranh hình đồng Khoa Học Tập Chí

Chúa-nhựt 30 Mai 1926, Giadinh école với Dakao foot ball club (Hội xử Giadinh école thắng)

Chúa nhựt 6 Juin 1926 — Etoile de Giadinh thắng Télépost sport một bàn (homologué)

Govap sport với Electro sport Huề (0 à 0) Homologué

Chúa nhựt tới 13 Juin 1926 — từ 3 giờ rưỡi tới 4 giờ rưỡi Commerces sport sẻ đấu cầu cùng Gocông sportif Giám cuộc M Thơm

Từ 4 giờ rưỡi tới 5 giờ ruỡi.

Distamy sport sẽ đấu cầu cùng Donai sport (Giám cuộc M. Gồng).

Ông Huỳnh-văn-Chính và ông Trần-minh-Châu được đắc cử làm Chánh và Phó hội Trưởng thể tháo tổng cuộc Annam, thế cho ông Nguyễn-đình-Trị, và ông Nguyễn-khắc-Nương.

Trồng dâu để tằm

Trong xứ Nam-kỳ ta, người-ta trồng dâu khác cách hơn ngoài Bắc-kỳ. Dâu trồng nơi đất bồi gần mé sông, thứ nhứt tại cù-lao chỗ nào đất các có sạng thì dâu đặng tốt.

Chánh chỗ trồng dâu nhiều mà tốt và thạnh lợi thì tại xứ Cao-mên.

Tính phỏng ước các xứ trong cỏi Đông-Pháp ta, xứ nào trồng nhiều cây dâu, xứ nào trồng ít thì là: xứ Cao-Mên đứng nhứt, trồng được 7000 mẫu tây: Bắc-Kỳ, được 3100 mẫu; Lèo, 200 mẫu; Annam, 2.300 mẫu, còn Nam-Kỳ ta có chừng 590 mẫu đất trồng dâu.

Con tằm trong các xứ nói trên đây thì có nhiều thứ; kén tằm vàng, có thứ xanh lợt, ít có thứ trắng. Phần nhiều họ ít lo tới tằm sanh ra bướm bướm luôn luôn.

Cách ta để tằm tiện. Nuôi tại trong nhà một chỗ nào đó. Tằm để trong cái sịa, rãi lá dâu cho ăn. Khi con mái sanh sảng ra thì lót giấy cứ từ bốn năm trứng, chụp cái chén lại 24 giờ. Mấy tờ giấy đựng trứng để trong sịa chụp chén lại treo lên phòng kiến ăn, hoặc để trứng trong sịa ngoài có rộng nước.

Chừng trứng nở sâu ra, họ sang qua sịa rải lá dâu xắt nhỏ cho ăn. Trong sịa thì rải lá đâu xắt nhỏ, ngoài sịa thì che mùng, sáo tre, đương mịn, che ruồi che muỗi cho mấy con sâu mới nở.

Con tằm của ta lột có bốn kỳ: Kỳ nhứt, năm ngày kể hồi nở ra sâu, còn mấy kỳ lột khác thì nối đuôi luôn luôn ba ngày rồi tới kỳ lột chót được tám ngày thì là thành nhộng.

Kén làm bằng tay, kép công lắm, làm nó ít nữa là hai ba ngày rồi phơi nắng đặng bán tơ kén sống.

Lời ông Socrate nói.

Ngày kia ông Socrate cất nhà, mỗi người đều bắt tỳ bắt ố công việ; ông ấy làm; kẻ nói nội tâm thiệt đà chẳng xứng đáng cho đứng trưởng thượng thể ấy, người chê bai mặt trước, hết thảy đều nói một ý rằng buồng the hẹp quá. Người như vậy, sáo ở nhà như vầy! Cửa quậy gần không đặng. Ông Socrate mới rằng: «Vái trời cho nhà thể ấy có đầy người thiệt bằng hữu!» Ông hiền nầy lấy nhà mình làm lớn quá cho những kẻ đấy thì là phải.

Mỗi người nói mình là bạn hữu; mà kẻ khùng mới đem bụng tin điều ấy; chẳng chi là thường hơn tiếng nầy (tiếng bằng hữu), chẳng chi là lạ hơn tên ấy (tên bằng hữu).

Núi đẻ

Hòn núi kia chuyển bụng gầm bét rất lớn đến đỗi ai ai nghe tiếng chạy đến, cũng tưởng nó chắc sanh ra một cái thành to hơn Paris; ai ngờ nó sanh ra một con chuột lắt.

Đạp gai, lấy gai mà lể

Phạm-năng-Cải ở đó đặng đi xé đồ mướn, mang bịnh sa đám rượu chè mà may quá. Ông thầy thuốc nói với nó rằng: «Nếu chú không bỏ thói quen

đó, thì chú không sống được; vì rượu là thuốc độc làm hại cho người còn trẻ.

Người bịnh thưa rằng: Không lẽ đặng, uống đã quen rồi. Mỗi bữa tôi phải uống rượu một ve nhỏ như vầy. — Ông thầy thuốc đáp rằng: «Vậy thì ta tính thế khác.»

Qua ngày mai ông ấy trở lại có đem theo một hộp vẻ rắn rực đầy tinh những sạn, mà rằng: «Phải chịu khó bỏ mỗi ngày một cục nầy vô trong ve rượu chú uống đó, mà phải để nó ở trong ve luôn đừng có trúc ra. Cách ấy thì rượu chú uống không hại chi.»

Người bịnh tưởng sạn đo là thuốc hay làm cho rượu hết tánh độc. Mỗi ngày bỏ một cục vô ve, vậy nên mỗi ngày uống ít hơn một chút mà không dè. Đến khi ve ấy đầy những sạn, thì nó đà dảm lần bớt uống rượu.

Kẻ muốn sữa mình mỗi bữa rán sức một chút, thì chẳng bao lâu sẽ được. *Việc đời khôn khó, gắn vó thì nên.*

NAM-KỲ KHUYẾN HỌC HỘI

Diễn thuyết

Hôm tối thứ năm 3 Juin 1926, ông Pandolfi, là Giáo-sư tại trường Chasseloup-Laubat, có đến Hội-quán Khuyến-học hội mà diễn-thuyết về «Luân-lý của Khổng Phu-tử là nhà triết-học nước Tàu và luân-lý của Descartes là nhà triết-học nước Pháp».

Đúng 9 giờ nhà hội Khuyến-học đã chật hết trong ngoài. Ông Nguyễn-văn-Thinh, là Phó Hội-Trưởng, tỏ sơ ít lời tấn dẫn, rồi ông Paudolfi lên diễn-đàn mà biện giải luân-lý của Khổng Phu-tử và luân-lý của Descartes. Ông chỉ rõ hai nhà triết-học ấy khác nhau là chỗ nào và giống nhau là chỗ nào. Tuy hai nhà sanh khác đời, làm khác cách, nhưng mà lý-tưởng và lời nói cũng như nhau, bởi vậy ông chắc rằng nếu trộn hai cái luân-lý mới, để dạy người Annam thì chẳng có chi hay bằng.

Ông diễn giải hơn một giờ đồng-hồ, câu nói tao nhả, ý tứ cao thâm, bởi vậy khi ông nói dứt rồi thì thính giả Tây Nam thảy đều vỗ tay khen ngợi.

3e ANNÉE — Nº 138 — 17 JUIN 1926

KHOA HỌC TẠP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1º — M. BUI QUANG-CHIÊU *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*

2º — M. LÂM-VĂN-HUÊ, *Commis indigène des Services Civils.*

3º — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics à Cholon.*

4º — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*

5º — M. NGUYỄN KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon*

6º — M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*

7º — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*

8º — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN, *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*

9º — M. TRẦN VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Paris.*

10º — M. TRẦN-QUANG NGHIỆM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*

11º — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*

12º — M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3,00		

MỤC LỤC

Ngồi nghĩ chuyện đời 2430
Tim-la nòi bay là Hérédo-syphilis ... 2432
Sử ký Phan-sa đời thượng cổ 2434
Văn chương tập giãi 2436
Văn uyển 2438
Liệt nữ truyện..... 2340
Cách trí luận đàm 2444

Ngồi nghĩ chuyện đời

Sớm mai ngủ dậy, uống nước trà, trà thì Tàu, chén thì chén Tàu, ngồi ghế Thonet ở Âu-châu đem lại. Lúc uống vừa xong, lại mang giày soulier, gia bò xứ Argentine đem qua Paris thuộc, thợ tây đóng rồi gởi qua bán Đông-Pháp.

Bước lên xe hơi, thì máy làm tại Huê-kỳ hay là Đại-pháp, bánh xe làm với mũ caoutchouc trông xứ Hạ Singapore cùng Sumatra đem qua nước Pháp mà đúc ra làm ra vỏ ruột xe hơi.

Ngòi viết làm với thép chế tại nước Hồng-mao cùng là nước Langsa, nước Phổ, giấy trắng làm với cây ở xứ Suède Norvège. Viết một chập nghĩ hút thuốc thì là thuốc xứ Algérie, vấn với giấy làm với cây alpha trông tại xứ Maroc và Algérie.

Trời nực, đặt quạt máy thì tạo tại xứ Huê-kỳ cùng là Đại-Pháp, làm việc xong bước chơn lên xe hơi đi ra thành thị mà lo sự buôn bán, thì coi điển báo ở Ấn-độ, ở Huê-kỳ, ở Hạ-châu, ở Hướng-cảng, ở Thượng hải, ở Paris, ở Londres, vân vân đều gởi lại mà cho giá cả mỗi vật. Mình đánh dây thép trả lời thì dùng hoặc là dây thép có dây, hoặc là điển báo không dây, mà điển báo không dây, tục kêu là dây thép gió thì là người Langsa, người Italie và người anh tài nước khác bày ra mà mình được nhờ, dùng mà thâu dường, thâu ngày giờ. Từ Saigon qua Marseille đường đi 15.000 kilom. đi tàu 25 ngày, mà đánh dây thép đi lập tức tới liền, mình mua vải dệt tại xứ Hồng-mao và xứ Tây, dùng bông vải trồng bên nước Égypte đem qua Annam may áo quần mà mặt.

Nghĩ như vậy thì mới hiểu rõ rằng, đương thời bây giờ, các nước trong Hoàn-cầu, nước nào cũng phải cần dùng nước nào, không nước nào lớn, cường phú mà cho khỏi cần dùng nước nhỏ. Nước Tàu, nhơn số

450 triệu người, thì ăn cơm gạo xứ Nam-kỳ và xứ Xiêm-la; nước Huê-kỳ và các nước bên Âu-châu dệt hàng lụa nhờ tơ sợi ở bên Tàu và Nhựt-bổn ướn ra. Ấy thì rõ ràng là nhơn loại, bất câu da vàng da trắng đều là anh em vì phải nhờ lẫn nhau mà làm ăn, mà ở đời.

Đã rõ rằng trong Hoàn-cầu, các ưước đều phải nương cậy nhau, thì phải biết rằng Nam-kỳ, Bắc kỳ, Trung-kỳ, là anh em ruột, con một nhà, dã mấy nhiêu lần, dân Truug-kỳ bị thất mùa. bão bùng, dân Bắc-kỳ bị Thủy tai, thì nhờ có Nam-kỳ cứu giúp. Lúa Nam-kỳ đem nuôi dân nghèo xứ Trung-kỳ Bắc kỳ, nhơn công Bắc-kỳ vô làm các sở Caout-chouc và ruộng xứ Nam-kỳ.

Mà xứ Nam-kỳ, nếu lấy gia phổ mà xem thì nhà nào là nhà không có ông Cố, ông Sơ, ông Sờ, ở Quản-nam Quản-bình, Quản-trị (Ngủ quản) lưu lạc mà vô xứ nầy làm ăn sáng tạo ra cơ nghiệp ta đây.

Tôi ngồi nghĩ như vậy thì muốn tỏ cùng các trò biết cái ý kiến tôi mong cho trước là nhơn tộc bất câu là da vàng da đen da trắng bất câu là nước nào, lấy tình liên lạc mà diều dắc nhau mà làm ăn, sau là người tam-kỳ, Nam-Trung-Bắc, lấy tình anh em mà đải nhau trong việc sanh nhai.

BÙI-QUANG CHIÊU

Tim la nòi hay là Hérédo-syphilis

Xét đi xét lại và ở xứ nào ai ai cũng tưởng rằng chẳng có bịnh nào mà giết hại con nít nhỏ cho bằng bịnh tim-la của cha mẹ nó sang truyền qua cho nó.— Bịnh hại giết con nít hoặc lúc còn trong bụng mẹ hoặc lúc khi con nít sanh sãng ra rồi.

Ta cũng thường thấy có nhiều người đờn bà mỗi năm mỗi có chửa mà có chửa chừng đôi ba tháng thì sảo thai; sảo thai thinh linh chẳng thấy có động chạm cùng đau đớn bịnh chi lạ khác. Có người sảo thai như vậy ba, bốn năm, cũng có mươi lăm lần, buồn rầu lắm; — có người cũng bị sảo thai mà đau tử cung luôn thể; có người làm băn mà bỏ thây cũng một hai lần có thấy.

Ta cũng thấy có vài người đờn bà có thai hư mải, sau mới có thai lật đật uống thuốc kỷ cang thai tròn vẹn và đúng ngày tháng đẻ con ra nuôi được, song phải có thuốc men.

Có người đẻ con ra chừng đôi ba tháng thì làm kinh phong cũng khóc mải mà chết; — chết như vậy đôi, ba, bốn đứa. — Tục lệ mình gọi là con ranh con thẹo lên mà bảo cô; thầy chùa, thầy pháp bóng chảng chi cũng không hết; — Song như uống thuốc tây có nhiều khi khỏi; chẳng phải để đang làm kinh mới uống thuốc: — người nào có con như vậy lo uống thuốc lúc đang còn có thai và lúc đứa nhỏ còn mạnh giỏi đặng mà phòng giữ trước.

Người đang có bịnh tim-la trong mình, cái trống — Spermatozoïte — hay cùng cái trứng — oveule — có lẽ cũng đau, yếu hay là hư chẳng được mạnh, đều đặng tiền vẹn: — bởi như khi có thai thì bị trống cùng trứng không có tiền vẹn nên có khi thai không đậu đúng ngày tháng, khi thi đẻ ra hình tượng dị kì: hai đầu, năm răng, hai miệng, mất tay mất chưn, không mũi; đầu lớn, xương sống hay vạy, còn tay chưn hay cà tong cà tiêu.—

Con của mấy người có đau tim-la thấy cũng hay dễ biết; có đứa đầu binh rỉnh mình thì nhỏ xiếu; ổ gà sâu hóm; răng mọc tầm bậy tầm bạ, hay có lỗ có hang. — xương đầu hay có u, có nần, nhứt là nơi tráng; —

con nít hay đau lỗ tai, đau con mắt; câm, vả điết, từ nhỏ đến lớn lỗ muổi hay xụp xuống. — Có khi sứt môi cũng tại nơi máu cha mẹ nó mả ra. — Có đứa hai cẳng cong vòng; có đứa có tật nơi chưn, có đứa có xương cẳng cùng xương sống, xương sườn dẹo qua dẹo lại; — Có đứa thi nhỏ mải hai ba chục tuổi mả chừng bằng năm ba tuổi đứa mạnh thường. — Nam — Có nhiều đứa chẳng phải tậ nguyền trong thân thể mả thôi, mả lại còn khở dại, chẳng sáng láng chẳng minh mẳng; điên, cuồn, mặt mày minh mẩy thấy mả sợ, xét hay là thương hại cho nó; tiếng tây gọi là avorton, nghĩa là đứa sanh non hay là con «hảng nảm» mặt mày da dùng nhăn nhiếu cũng như khỉ già.

Vả lại bịnh tim-la của mẹ cha làm cho ít có thai; mả như có thai được cũng hay hư, hay sảo; hay là đẻ non tháng, đẻ con có tật có nguyền khở dại; mả lại mấy đứa đó hay dễ có bịnh khác nữa vi yếu đ ối, nhứt là mang bịnh — tubercubose, — ho lao.

Cũng có khi con nít nhỏ đau mả người tim tới gốc tim-la tới đời ông cố nội cố ngoại nó lợn. — Ông thầy Gaucher có nhắt tích chuyện sau nầy:

Trong một họ: 1° hảng ông cố nội chết lúc còn nhỏ tuổi, bị đau bại bản thân (tim-la vô xương sống.). — 2° — ông nội lé con mắt; chẳng có bị tim-la riêng mả bị ra máu trong óc mả chết. — 3° — Cha chẳng có đau bịnh chi lạ mả lại có cái lụ ởi lở có sọc; — 4° — Ba đứa con; một đứa thi khỏ khẻ, trễ nải trong sự học hảnh; — một đứa thi xương ống bị vạy một bên: — ổ gả sâu hóm, đau trong họng hoải; — đứa thứ ba hay đau trong đóc dọng vả nơi ruột. — Thứ máu của cha vả mấy đứa con đều có nọc độc tim-la; máu người mẹ cho bú đều ba đứa, lại tố như thường. — Té ra nọc tim-la ba đời người mả còn sức mả làm hại cho người ta.

(Sau sẽ tiếp theo)

Dr TRẦN-VĂN ĐÔN.

Sử ký Phan-sa đời thượng cổ

Tích truyện phong thần

Đời thượng cổ bên nước Phan-sa, không phải chánh một nước kêu Phan-sa như bây giờ. Nhiều nước, ít nữa là sáu chục nước riêng ra. Trong sáu chục thứ dân nước đó một thứ dân lập một quấc-chánh riêng. Chúng nó đánh giặc với nhau lộn-xộn.

Nội sáu chục quấc-chánh đây thì một thứ dân mạnh bạo hơn, đánh giặc giỏi hơn, choán một địa, phận mình mông gần với dân ở núi-non. Thuở đó kêu là dân của miền Auvernes. Ngày kia, có ông vua của miền Auvernes, niên hiệu là Bituit, ổng cất binh đánh một trận giặc lớn với dân Romains nơi ngọn sông Rhône với sông Isère. Đạo binh ổng bị thua vỡ chạy, lớp thì bị chém, bị chặt, lớp thì bị chết trôi sông. Vua nước Auvernes bị bắt còng lại, nộp cho vua Romain, đem về xứ Rome nơi kinh-đô.

Tích xưa của vua Bituit, người ta thuật lại, rằng ông vua nầy đại phú gia đời ấy. Vua cha là Luern dạo chơi đi kiệu, dọc đường liện đồng vàng và đồng bạc cho dân nghèo lượm; ổng lập một cái vựa tinh là thịt, rượu thùng, để cho mọi người ai muốn ăn uống bao nhiêu thì tới đó.

Thái-tử là Bituit, có một đạo binh được hai muôn người. Khi đi ra thì đi kiệu bằng bạc, có bầy chó săn theo tập luyện theo chuyện đánh giặc. Ngài đi tới đâu mà gặp ít binh Romaine thì ngài la lớn lên: « Đây ít binh lính romains đủ cho bầy chó săn ta ăn thịt ».

(*Sau sẽ nói tiếp*)

Cách chạm hình trên kiến

Muốn chạm khắt hình chi trên miếng kiến, thì dễ quá, lấy một miếng kiến sạch để nằm trên bàn, trên ván, rồi thoa một lớp mỏng dầu vernis hoặc là thứ mỡ dùng làm đèn cầy kêu là paraffine. Thoa rồi để khô mặt, lấy cái dùi, hoặc cây kim, mà gạch trên kiến chỗ thoa hai thứ nói đó; tự ý muốn gạch, chạm hình chi theo ý. Bao cái tấm kiến mình chạm mình gạch hình đó trong miếng dẻ bọc diệu có thoa mỡ paraffine, rồi để cho có ý trong cái dỉa sâu như thứ cuvette họ chụp bình ngâm hình vậy. Chế vô một chút nước acide fluorhydr que (*lục khí toan*). Để cho « *lục khí toan* » nó rút vô tấm kiến hình; hơ nóng tấm kiến cho chảy hết mỡ, rồi cứ rửa tấm kiến cho nhiều nước, cho thiệt sạch mỡ, trước khi đem phơi.

Khi kiến khô, sạch rồi thì thấy cái hình mình chạm hồi nảy trong kiến. Có nhiều cách nữa, mà kép công lắm. Bởi cách chạm vô kiến, vô chai, người ta chạm khắc vô ống thermomètre (*ống hàn thử biểu*) và trong mấy cái ve cặng biết *thước-tất*.

***

Về loại người

Annam ta, hễ thấy người xứ lạ đến xứ ta mà đen thì gọi là Chà-và. Người Phan-sa kêu là người nègre (da đen). Bổn sở loại người ấy ở phương Afrique (A-phi-lợi-gia) mà thứ nhứt là các miền ở phía dưới Nam cái trảng cát Sahara (Tác-hạp-lạp). Tại Cù-lao

Madagascar (Mả-đạt-gia-tư gia), bên Indes (Ấn-độ), trong châu Australie (Úc-đại-lý-á) và bên xứ Amérique (A-mỹ-lợi gia) thì cũng có người thứ người nègre (người đen) nữa. Song các xứ ấy, không phải chánh loại: lai giống loại người da vàng, da đỏ-hồng.

Trong sự vóc-giạc lớn nhỏ và sự trí hóa khôn-ngoan thì cũng khác nhau lung lắm.

Bên nước Phan-sa mấy ông thông-thái nói: không phải tùy theo nước da mà xét con người, mà tuỳ-theo sự tài-năng trí-hóa mình cùng lòng-dạ mình.

Các ông danh-sĩ thường nói: nước da con người thiệt là dấu riêng trời sanh cho mỗi loại, nhưng mà cũng tùy theo phong-thổ tiết-khí chỗ ở cùng sự ở ăn mình.

Bởi lý ấy cho nên trong nước An-nam ta và trên Cao-mên có nhiều người làm rượng nước da đen-thùi, nhưng mà là người, hoặc trọn hết, hoặc một phần, thuốc về loại da vàng.

VĂN CHƯƠNG TẬP GIẢI

Cours de littérature Annamite

Văn lưu thủy

Bất kỳ chuyện chi, hễ nói ra cho nên lời, thì là có hai ba phần chữ tàu. Vậy học chữ tàu là học cho rõ tiếng ta, đặng nói ra cho thanh lịch viết ra cho tran -nhả. Ví như lời nói trong chuyện sau đây là chấc-phát, không văn chương, mà cũng hai ba phần chữ tàu:

Chuyện-Thằng-Lằng

Người kia học-hành không được bao-nhiêu, mà muốn làm thầy thuốc, vì nghĩ rằng: dầu có hốt thuốc lầm, người ta có chết, thì họ cứ đổ tại mạng, chớ chẳng đổ cho thầy; nên mới bày hốt thuốc. Thời may gặp bịnh chúng chửa gần lành, mà chủ thấy lâu mạnh ngã lòng, chạy đến thầy ta, nhờ vậy được rạng danh rở tiếng. Ai có bịnh chi chạy tới; dầu không biết chứng gì, cũng chịu bốc. Hốt thuốc không nhằm đâu là đâu; chúng chết thôi chẳng biết bao nhiêu, mà may không ai tới than trách; họ một đổ tại số tại mạng mà thôi.

Lão thấy biết hết thời rồi, nên tổ không đãi nữa, mới tính làm thầy bói. Bỏ xứ đó đến xứ khác. Trong việc bói, thì thầy ta nghĩ cũng còn dễ hơn việc thuốc, vì có một cái nói láo mà kiếm ăn, lại không hại đến ai. Chú thầy ta lấy làm tiếc, phải chi khi trước đừng làm thầy thuốc, để làm thầy bói còn hơn, cũng tại không dè cho uống nước lạnh, ăn cơm nguội mà phải chết. Thuốc nước của thầy ta thì là nước lạnh còn thuốc hườn thì là cơm nguội quệt với mật ong, gia thục-địa rồi vò viên lại, thành đen dẽo.

Đi làm thầy bói, cứ nói đưa đẩy theo chúng mà ăn tiền. Như chúng tới bói, bỏi cha mẹ, anh em, đi chừng nào về nói; thì thầy ta: « Sớm tối cũng về », cứ dùng những tiếng trồng mà nói dựa hầu mé. Có nhiều quẻ chúng cũng lấy làm ứng lắm. Họ đồn dậy xóm dậy làng, thấu tai bà tổng-trấn. Bà nầy có làm mất một chiếc cà-rá thủy-xoàn trọng giá. Bấy lâu rao cùng xứ, ai có được đem dưng mà lãnh thưởng; song không thấy ai đem tới hết Chiếc cà-rá của ông chồng cho hồi mới cưới.

Lúc ấy quan tổng-trấn đi chầu vua chưa về. Bà vợ nhơn ông chồng đi khỏi, đòi tên thầy bói vào, bói thử họa may có được chăng. Cho quân gia đem vồng lọng ra rước lão thầy bói vào dinh. Lão thầy thấy linh tới nhà, không biết lành dữ thể nào. Quan đòi thì phải đi, mà trong lòng không yên được. Khi đi dọc đàng lão mới chợt nhớ thuở nghèo nàn có ước phải chi Trời cho được sung sướng một ít ngày rồi chết cũng ưng mạng. Nghĩ mình làm thầy bói, quan đòi tới làm chi, chắc sao bà lớn cũng đòi vô bói chẳng không, vì đờn bà hay tin dị-đoan, lại lão cũng có nghe bà ấy có làm mất một chiếc cà rá. Lão tính thôi cái số lão nó cũng đà mãn, nên mới khiến tới đó mà bói. Vậy mới

rằng: « Ố.! chết thì chết! Tao cũng làm làm-sao cho được phỉ chí một đôi ngày rồi hãy chết »

Vô tới nơi, lão nói với bà tổng trấn rằng: « Xin bà cho tôi quản-suất tại đây ba ngày, rồi tôi chỉ chiếc cà-rá cho bà, bằng không thì thôi. Ấy là tôi thử bà coi có hết tình không, chớ bây giờ đây, tôi cũng đã biết nó ở đâu. » Bà tổng trấn ban đầu còn hưởng lự, mà bởi nghe đồn thầy ấy có tài lắm, lại cũng bởi muốn kiếm cho được chiếc cà-rá của mình, cho nên phải chịu.

(Còn tiếp nữa).

VĂN UYỂN

Solidarité

(Suite)

J'étais presque indigné de me sentir si peu.
Et de ne pas pourvoir m'enfermer en moi-même.
Seul avec ma pensée et libre comme un dieu.
Puis je me dis : Pourquoi cet orgueil? Un poème
Eternel se déroule et vit dans l'univers.
J'y suis une syllabe, un mot, pas même un vers;
Qu'importe, si je trouve un charme qui m'enivre.
Dans le rythme divin où je suis emporté ?
Vibrant avec le Tout, que me sert de poursuivre.
Ce mot si doux au cœur et si cher : Liberté ?
Je préfère encore un ; c'est Solidarité.
Un concours, un concert, telle est en moi la vie.
Il est beau de sentir dans l'immense harmonie.
Les êtres étonnés frémir à l'unisson.
Comme on voit s'agiter dans un même rayon.
Des atomes dorés par la lumière.
Je ne m'appartiens pas, car chaque être n'est rien.
Sans tous, rien par lui seul ; mais la nature entière.
Résonne dans chaque être, et sur son vaste sein.

Chữ Đồng *(đoàn-thể)*

(Tiếp)

Ta tức giận sao mình rất dở.

Không phương gồm *thầy, tớ*, một thân,
Một thân tư tưởng trọn phần.
Đem người tự-chủ, sánh thần tự-do,

Rồi ta nghĩ : Khéo p' ô tình xấc ?

Vịnh cổ- kim, vạn-vật liên vần,

Đó thì ta chỉ một thân.
Một lời, một vận, dễ tần nên câu.
Song chẳng xá, chẳng cầu chi nữa.
Nếu trong vòng, ở giữa có ta,
Đặng theo thiên-lý điều-hòa.
Vui nương thế-cuộc mê sa cảnh-tình,
Với Đại-đồng, xung-xinh chập-trồi.

Dần Tự-do rất đổi đẹp lòng,
Ích gì ta luống trong mong ?
Thà ta để chuộng chữ Đồng còn hơn,
Đồng thinh-khí rập-ràng nên nhạc.
Ấy bề ta sanh-hoạt ở đời,
Thái-hòa đầm-ấm nơi nơi.

Đẹp thay ăn-nhịp mọi loài xôn-xao,
Dường như thấy nơi nào rẻ nẳng.

Bụi vàng bay trong sáng cùng nhau,
Ta không tự-chủ chút nào.

Vì không cùng sức, riêng sao ra bề ?

Cả thế-giới ứng về mỗi vật.

Nous sommes tous unis, égaux et solidaires.

Je crois sentir la ros eéclore dans mon cœur.
Avec le papillon je crois baiser la fleur.
Il n'est peut-être pas de peines solitaires.
D'égoïttes plaisirs ; tout se lie et se tient.
La peine et le plaisir courent d'un être à l'autre.
Et le vôtre est le mien, et le mien est le vôtre.
Et je veux que le vôtre à vous tous soit le mien !
Que mon bonheur soit fait avec celui du monde.

Et que je porte enfin dans mon cœur dilaté.
— En dût-il se briser — toute l'humanité !

(à suivre)
Jean-Marie-GUYAU

Trên ấy ta không mất chữ Đồng,
Đồng nhau đồng sức đồng lòng.
Đã đồng thể-thống, lại đồng đẳm-đương,
Hoa hường nở, xem dường trong dạ.

Bướm hôn hoa, như thỏa lòng nầy,

Mọi đều hay cảm hay lây.
Dễ ai riêng khóc, dễ đây riêng cười !
Chỉ cũng dính, không rời một chỗ.

Nhọc cùng vui truyền đó qua kia,

Đó kia, kia đó, khôn lìa.
Ở đây như đó, đó thì như đây,
Và ta muốn thân nầy gồm trọn.
Việc người làm món của ta !
Muốn cho phước gội sơn-hà.
Hầu đem phước chúng làm ra phước mình,
Và rốt muốn âm-tình huợt-bát.

Chứa loài người, dầu nát, cũng đang!

(còn tiếp)
NGUYỄN-NGỌC-ẨN dịch

Liệt nữ truyện

Người con gái có hiếu (*Tiếp theo và hết*)

Khi ấy nàng ở bên thành Kiew ngóng tin cha về mỗi mắt, nàng tính toàn ngày giờ tưởng khi cha mình viết thơ kịp, Nàng đi lúp bên thành Kiew, chớ không quết lòng ở đó, muốn trở về tu viện Nijeni cho trọn lời hứa nguyện của nàng cùng bà nhứt ngày xưa. Xong việc lễ phép bên thành Kiew rồi, nàng mới thơ cho bà lớn, rồi lên đường qua bên ấy.

Bà đương ngóng trông nàng hết sức, song không cho nàng hay tin cha nàng đã tới nơi; để mà làm cho nàng lấy làm lạ vui mừng chơi. Vợ chồng Lopouloff tới đó đã lâu rồi.

Khi nàng tới nơi bà lớn dắc các cô ni ra trước cửa mà tiếp rước nàng, còn nàng tới nơi quì gối đáp lễ dưới chơn bà. Rồi nàng hỏi bà rằng: « Thưa bà, không biết có ai được tin cha tôi chưa » Bà nhứt mới nói: « Con đi theo vào đây, có tin mừng, rồi về nhà bà sẽ cho hay.» Bèn dắc nàng tu viện. Còn mấy bà phước (ni cô) cũng im liềm theo sau, mà nếu như mấy bà không [mĩm cười ngoài miệng ắc là cái sắc mặt bí nhiệm của mấy bà làm cha nàng rất đau xốn tâm càng lắm. Về đến nơi nàng thấy có cha mẹ mình, mà bà lớn giấu không cho mình hay trước. Bởi vậy trong lúc vui mừng ấy tự nhiên cha mẹ thấy gái yêu dấu mình lại ăn mặc theo kẻ ni cô phúc động lòng vì ngải, vì đau đớn, bèn sụp quì gối xuống trước mặt con. Người thấy vậy la lên một tiếng rất thãm thiết rồi cũng quì lạy trước mặ mẹ cha mà rằng: « Cha ôi, cha làm cb vậy, cha ơi, cha hảy tạ ơn Trời, ấy là trời khiến vậy đó cha. Trời có phép tắc giúp cho con được đó thôi. » Bà Nhứt và mấy bà kia thấy vậy cũn đều quì xuống cọng mừng. Rồi đó bà con ôm nhau hun hít; mà hễ người mẹ xem thấy cái lúp của con chừng nào thì nước mắt chảy tuông chừng nấy, ngĩ đến cái phước nầy chẳng đặng lâu dài càng thêm đau xót. Bỡ nàng thọ giáo qui y, khiến cho cha mẹ già càng xa cách con yêu mà cá xa cách nầy càng thêm đau đớn hơ buổi trước nữa, vì không thế nào còn trông đoàn viên hiệp mặt nhau nữa

Còn cái bề gia thế của vợ chồn Lopouloff không thể ở tại Nijeni được mẹ nàng Prascovie còn bà con ở tạ Huê-la-đi-mia (Wladimia) biểu người về bên ấy ở, vì bỡi có việc cần kiếp cho nên vợ chồng cực chẳng đã phả làm theo thế đó. Hơn 8 ngày vợ chồn khi vui khi thãm, tưởng đến nỗi l biệt con đây mà lòng vò vỏ, sau mớ lo việc lên đường, lo nghiệp mới, th nhứt mẹ nàng sầu thãm vô cùng kh bề an ủy đặng.

Bà mẹ nàng nói: « Được thong tho ra mà chi cho vô ích thế; con nó cự khổ, nó lo cho ta khỏi bề lao khổ rồi đặng mà nó tách vời ta muôn thu như vầy sao. Phải vậy để ta ở bê Sibérie với nó còn hơn.

Khi nàng từ giã cha mẹ tại nhà b

nhứt nàng hứa cùng cha mẹ sẽ qua thăm bên Wladimir trong năm, rồi bà con với bà Nhứt và mấy bà phước đều đi lại nhà thờ. Nàng tuy cũng xót xa vì nỗi ly biệt như mẹ mình, song nàng chắc dạ hơn nên ráng sức an ủy mẹ già. Nàng lo trước sợ khi giờ từ giã chót đến mà khó nỗi cầm lòng, nên khi đọc kinh với mẹ rồi, nàng lén nhẹ bước vào trong đám ni cô rồi lại song cữa dòm ra mà nói: « Thôi giã từ cha mẹ con nay đã thuộc về Chúa, song con chẳng hề quên cha mẹ. Hỡi cha yêu dấu mẹ hiền từ ôi! hãy ráng chịu cực giữ niền đạo đức của Trời dạy, Trời ban cho cha mẹ muôn vàng ơn lành trọn vậy. » Nàng nói xong phúc cám động tấm lòng khôn cầm giọt lụy, đứng vịnh song cửa mà nước mắt tuôn ròng ướt má. Bà mẹ thấy vậy chạy riết lại gần con mà khóc, thì bà nhứt khoát tay xủ màng áng bít.

Mấy bà phước đồng ưng ca ngâm: « Có phước thay cho những người giữ đạo theo luật Chúa Trời. »

K i ấy phải có người kéo dắc vợ chồng Laponloff ra khỏi cửa nhà thờ mà lên xe đương chờ vợ chồng; khi vậy hai ông bà thấy mặt con lần nầy là lần sau chó vậy.

Nàng thọ giáo rồi hết sức cần mẫn theo công phu trong viện làm mọi việc không hề trễ nãi, lần lần cả viện đều thương. Nhưng mà rủi cho nàng trong mình càng yếu khó nỗi cho công phu cực khổ, vì phổi nàng đã hư nặng, mà nhà tu viện thành Nijeni thì cốt trên gò núi tư bề gió tạc mưa sa, càng quan hệ cho bịnh nàng lắm vậy.

Ở đó được một năm, thì các lương y dạy nàng phải đổi về nơi khác. Bà nhứt có việc đi lên thành Pétersbourg nên tính dắc nàng đi theo. Bà tính như vậy tiện lợi hai bề, một là họa may nàng được mạnh, hai nữa là cái danh hiếu nữ của nàng nội kinh thành đều biết, đều thương thì cái tu viện của mình được dư phần danh tiếng, bởi nàng tu ở đó. Song lúc nầy nàng đà vào bực ni cô, khó lòng ở theo thuở trước, chỉ có thăm thân bằng cố hữu mà gọi chút nhớ ơn đó thôi.

Lúc nầy nàng vì bịnh mà nét mặt càng ốm, tuy vậy chớ trên gương mặt vui cười ít ai có đặng. Nàng tác tầm thường mà đề đạm; nàng đội choàn đen bao phủ tóc, nét mặt tròn thuẩn xem rất đẹp. Nàng cập mắt đen, tráng rộng, trong cái gương mặt ngó và đến cát miệng cười, cũng có cái vẽ bình tịnh mà sầu thảm.

Nàng biết cái bịnh trong mình e chẳng khỏi, cho nên bao nhiêu trí cứ tưởng về cỏi thọ, không lo sợ, không ái náy, chẳng kh ác một người làm mướn đã xong việc, bây giờ nghỉ mà chờ công vậy. Công việc xong rồi hai người mới tính trở về thành Nejeni. Trước bữa lên đường, nàng đi từ giã bằng hữu, khi vào nhà họ nàng đứng dựa thang lầu có một người con gái ngồi dưới nất chót mà ăn mặt rất là đồ khổ. Người đi xin ấy nàng đi có kẻ gia đình theo bèn ráng đứng dậy thò tay vào túi lấy một tấm giấy và kêu xin: «Cha tôi đau bại chỉ nhờ có tôi đi xin về nuôi dưởng. Nay tôi cũng đau e khó nỗi giúp dưởng cha tôi, xin cô làm doan làm phước.» Nàng lật đật lấy tấm giấy tay hơi

rung rẩy, coi ra mới biết là giấy chứng chắc người người nghèo khổ, tánh hạnh tốt, đức cha trong địa sở đã cho. Nàng nhớ thuở mình hàng khó, cũng ngồi nất thềm thượng nghị kêu ca mà chẳng kẻ đoái hoài, nghĩ cho thận phận mình xưa với nàng nầy chẳng khác, rồi nhớ đến thân mình đã trải bao phen lao khổ khiến tấm lòng cảm động muôn phần bèn lấy lấy tiền trong mình mà cho và hứa sẻ giúp nữa. Những người bằng hữu của nàng giả từ nhờ nàng xin biểu, cũng hết sức cứu giúp cho người khốn khó và từ ấy bảo hộ cho nàng nọ.

Trước khi lên đường nàng Prascovie có xin miễng luật cấm người mới thọ giáo làm lễ trọn nguyện khi chưa 40 tuổi, nàng hết sức xin cầu mà không được. Khi về ngan qua thành Novogorod bà ghé nơi tu viện sở tại đó là nơi điền lệ ít nghiêm khắc hơn và có thể dễ cho nàng Prascovie ở đó được. Nàng có kết bạn với một người thân thiết ở thành Nijehi, cô ấy lại có một người chị ở tại tu viện nầy. Nên khi nàng ở dây chị ấy hết lòng hậu đải mà kết bạn. Chị có hay tin em mình xin đổi về viện Novogorod bèn biểu nàng chừng ấy theo về bên nầy.

Còn bà lớn tuy thương nàng lắm song nàng càng ngày càng bịnh yếu thì không nở cầm, khi về đến Nijeni bà lo sủa soạn cho nàng đi. Từ ấy nàng mới giã từ viện cũ; những người ban đồng đạo trong viện cùng những thân bằng trong thành ấy đều lấy làm tiếc lắm.

Đến thành Novogorod trong 2 tháng đầu lo coi cất một cái nhà cây nho nhỏ hai căng để cho hai chị em nàng ở, vì khi mới qua đó không có nhà thống cho mướn, nhưng chị em cũng lấy làm đẹp ý ở cái nhà mới ấy. Những chị em bạn của nàng khi trước ở đó thấy nàng vô tu viện ấy là điềm lành trời ban, nên hết lòng giúp nàng trong những công việc nàng phải làm mà không hạp với cái sự mạnh khoẻ của nàng; nhờ săn sóc tịnh dưỡng lắm nàng sống cho tới năm 1809.

Đã lâu rồi các lương y đều lo sợ số mạng nàng mà nàng cũng biết vậy, hết sức chịu, song nàng tưởng chưa có chết bây giờ. Chắc cũng lòng trời khiến không cho người biết trước, nên cái bịnh xem thế nan y mà thình lình mạnh lại, tưởng là số chết đã qua khỏi, hình như dấu cho mình không nên biết trước cái giờ ghê gớm đó.

Trước khi nàng Prascovie tạ thế, nàng đi xem trong viện bộ không mệt mỏi như khi trước. Nàng mặc áo nỉ lạnh cho ấm rồi nàng ra ngồi trước cửa viện. Mặt trời đông dường như dục sức nàng, lại cảnh trời tuyết trắng khiến cho nàng động nhớ buổi xưa, nhớ xứ Sibérie. Xem thấy cô bộ hành đi ngan qua rồi xa mất, lòng trong cậy còn ở trong tim. Nàng bèn nói với người chị em bạn rằng: «Mùa xuân tối, như may tôi mạnh được, tôi sẻ qua Wladimir mà thăm cha mẹ tôi chị đi với tôi nghe.» Nàng nói như vậy xem cập mắt thấy vui, mà môi như đã lìa thế. Người rán sức vui vẻ mà cầm nước mắt lại.

Qua ngày sau là ngày mồng 8 tháng chạp ngày lễ Thánh Tu (Sainte Barle) nàng còn ráng sức đi đến nhà thờ làm lễ rước Mình thánh Chúa, mà đến 3 giờ chiều bịnh nàng trở nặng. Bèn

ngồi nơi giường mà nghĩ không thay đổi áo xiêm; mấy bà phước đến thăm nơi phòng tưởng không hề chi, nên nói nói cười cười có ý cho nàng vui vẻ. Chẳng dè đông người ở đó làm cho nàng mệt. Chừng nàng nghe chuông nhà thờ đổ kêu xem lễ chiều nàng biểu mấy bà đi xem lễ và xin đọc kinh giùm cho mình. Nàng nói: « Ngày nay mấy cô cầu Chúa cho tôi mạnh, chớ ít tuần sau đây thì cầu cho linh hồn tôi được tiêu diêu. » Mấy người đi rồi còn có một người chị em bạn nàng ở lại. Nàng mới biểu chỉ đọc kinh chiều đặng mà giữ trọn phận cho đến cùng. Cô bèn quì gối nơi giường đọc kinh ca thâm trầm; chừng giứt bài đầu nàng kêu lại ra dấu chiếm cười. Bạn nàng bước lại gần nghe dặn, mà tiếng nói rất nhỏ, nàng nói: « Chị yêu dấu ôi, đừng ca kinh nữa, như vậy em cầu nguyện không được, thôi chị trả bày kinh đi » Cô mới quì gối đọc kinh, còn nàng một lác, làm dấu thánh giá. Trời bây giờ đả tối đen, mấy bà phước bưng đèn về, thì hồn nàng đả lìa ra khỏi xác tay mặt còn để trên ngực, xem ngó ra kỷ thi nàng đến cùng còn làm giấu thánh giá.

Xem hết truyện nầy tôi nghĩ cho nàng Prascovie đúng bực nữ trinh hiếu đức vẹn toàn, dầu cho nam nhân trung hiến bực nào cũng khó sánh cùng nàng nầy được.

Cách trí luận đảm

Trí khôn của loài thú (*Tiếp theo*)

(Intelligence des animaux)

Chó có nghĩa

Ông Mac Dowal Stuart là nhà du lịch có tiếng, khi qua du lịch bên xứ Australie, mắc bịnh nên trở về có dắc theo một con chó nuôi bên xứ ấy rất khôn ngoan. Con chó ấy đặt tên là Hopp. Tuy nó khôn nhưng còn tánh hăm hừ dử tợn tự nhiên của nó. Nhưng ró ở với chủ nó thì rất là trung tín hiền hậu và dễ dạy biểu lắm, chẳng hề rời chủ bao giờ. Trừ chủ ró ra thì không ai lại gần nưng niêu nó được. Nó có tài săn rất giỏi hễ chủ ra dấu bắt con thú chi thì nó bèn rượt mà bắt cho được mới nghe.

Ban đêm chủ nó ngủ thì nó cứ thức mà coi chừng gần bên chủ nó; hễ nghe có động tịnh chi, cùng có sự chi nguy biến đến thì nó lật đật kêu chủ nó. Dân một bổn thổ thấy bọn ông Mac Dowal Stuart có đồ đạc khí giái nhiều rên đem lòng tham, thường khi muốn giết ông mà đoạt của, nhưng lập mưu kế nào cũng chẳng làm cho con chó Hopp rời chủ nó được. Khi chúng nó đến mà ăn cướp thì thình lình bị con chó ấy nhảy a vô cắn cổ chết đôi ba người, còn quân mọi có bắn nó thì nó tránh mủi tên rất lẹ, có chém nó thì nó chạy né rất hay. Ông Mac Dowal Stuart nhờ nó cứu nhiều phen mà khỏi chết.

Bây giờ chủ nó đau nặng, trong mấy tháng sau chót không chờ dậy đặng ra ghế dựa mà ngồi, thì nó cứ nằm một bên chủ mà hôm sớm. Có khi nó mệt mỏi liêm d êm một lác, rồi cũng thức dậy mà ngó chừng người chủ, coi có sai khiến việc chi. Nó chỉ ngó con mắt chủ mà biết ý, chớ không đợi rói ra.

Đến ngày ông Mac Dowal Stuart gần tắc hơi, con chó Hopp càng băng xăng lo lắng bồi hồi. Mỗi lát nó chạy lại đầu giường mà dựa đầu vô mặt chủ nó mà rên 'a thảm thiết dường như khóc. Thình lình nghe nó kêu la lớn tếng ai nấy xem lại thì là ông Mac Dowal Stuart đã vừa tắc hơi. Từ ấy con chó cứ nằm dưới chơn giường mà im lim gìn giữ. Những người đến tầa liệm ngài thấy con chó, biết tánh nó hun tợn và cái sức mạnh nó, nên trong lòng cũng lo sợ lắm. Nhưng mà chẳng dè con chó nằm im lìm đó là đã chết rồi, chết vì nỗi đau đớn lòng vậy.

*
* *

Nhựt-báo ngày 17, 18 Janvier 1867 thuật việc tai biến xảy ra trên mặt nước đặc tại Regent's Park, có hơn 40 người chết đuối giữa lúc ban ngày. Vớt lên được có 35 thi-tử còn lại chìm dưới về nước đặc chưa 'ìm thấy. Những người chết đuối phần nhiều là những bực danh giá thượng lưu.

Thuở ấy báo *Morning Star* có kể chuyện nầy: Có một con chó mực Terre-Neuve khi ấy cũng theo chủ,

lúc tai biến con chó lội lên bờ được rồi, cứ lẩn quẩn theo bờ, lính gát đuổi thế nào nó cũng chẳng chịu đi. Có một người thấy vậy thương, bèn bèn mua đồ ăn mà cho nó ăn, song đả 3, lần như vậy nó cũng chẳng chịu ăn uống chi cả. Đả 3, 4 ngày đêm như vậy nó cũng cứ đi quanh quẩn theo bờ mà ngóng ehừng người chủ nó. Nhiều người thấy vậy đều động lòng thương xót, nên có gởi thơ cho sở tuần thành, xin cho con chó ấy đậu nhờ. Con chó tuy nhờ có kẻ thương cho ăn uống, nhưng xem bộ rất buồn rầu dau đớn. Có người đem nó về nhà mà nuôi, hoặc dắc nó vào quán cho ăn, song làm thế nào nó cũng chẳng theo lại thấy nó cứ đi quanh quẩn theo bờ hồ mà kêu chủ rất thảm thiết.

VỎ-THÀNH-VINH

Chẳng nên uống rượu

Que boit cet homme dans un verre qui vacille en ses mains tremblantes d'ivresse?

Il boit le sang, les larmes de sa femme et de ses enfants.

Président Kruger.

Người kia uống giống chi trong cái ly lắt qua lắt lại troug bàn tay nó say run như vậy?

Nó uống máu, uống nước mắt của vợ nó và của mấy đứa con nó.

3e ANNÉE — Nº 139 — 24 JUIN 1926

KHOA HỌC TẠP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1° — M. BUI QUANG-CHIÊU *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*
2° — M. LÂM-VĂN-HUÈ, *Commis indigène des Services Civils.*
3° — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics à Cholon.*
4° — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*
5° — M. NGUYỄN KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon*
6° — M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*
7° — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*
8° — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN, *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*
9° — M. TRẦN VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Paris.*
10° — M. TRẦN-QUANG NGHIÊM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*
11° — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*
12° — M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3,00		

MỤC LỤC

Tim-la nòi hay là Hérédo-syphilis....	2448	Conte Chinois.	2455
Một cách trừ dịch ẩu tả tại làng.....	2450	Rượu nho.....	2556
Máy lặng xuống đáy biển	2452	Cours de littérature Annamite.....	2458
Giải tiếng chữ cùng tiếng mắt nghĩa.	2454	Dân Esquimaux.....	2460

Tim la nòi hay là Hérédo-syphilis

Có người còn đang đau, có khi đẻ con ra, con ốm yếu, hay sổ mủi, khịt khịt mải, ở nơi miệng cùng nơi đít nơi khu hay có lở, có mụt — ploques-muquenses, có đứa bàn tay bàn chưn đỏ mà hay lột da có vè — pemphigus.

Phải biết rằng mấy đứa nhỏ đó có nọc độc nhiều lắm và có thế mà lây bịnh nó cho người khác được. — Người đờn bà nào mà có con như thế, thì phải cho con mình bú, phải chịu khó, đừng gớm, đừng sợ, cho bú vì con yếu mệt phải cần dùng sữa mẹ. — Bằng như mẹ đau không có hế mà cho con bú được thì phải mướn một người vú, song phải mướn người vú đã có đau tim-la rồi ; vú như vậy, cũng là khó kiếm, vì có ai mà chịu rằng mình đã có đau tim-la trọng mình rồi. Có một mình thầy thuốc chọn và tim giùm được cho mà thôi, nên chuyện mướn vú phải cậy thầy thuốc của mình. — Như người vú không có đau, cho đứa nhỏ đau vậy bú, làm thế gì cũng sẽ mang bịnh của đứa nhỏ. — Như người vú có con, khi về thăm con, cũng có lẽ thương con bồng ẵm nó và khở dại cho con mình bú chẳng dè sang nọc bịnh độc qua cho con. — Như người vú có chồng thì chồng cũng có lẽ sẽ bị bịnh đó. Tè ra người vú nghèo khổ, tưởng đi ở vú mà kiếm chút đỉnh nuôi chồng, con, cha, mẹ già, chẳng dè mà phải bịnh độc về lây hại lại chồng con.-- Cho nên người có con đau trước khi mướn vú phải suy nghĩ cho xa, đừng tưởng rằng mình có tiền muốn làm gì cũng được ; chẳng tội chi nặng cho bằng làm hại hết cả họ hàng của người mình mướn : tuy có tiền chớ cũng phải bị tội và bị thưởng sở tổn như người vú đi kiện chủ tới tóa.— Ta cũng tưởng người nào mà làm hại vậy cũng lấy làm hổ thẹn với lương tâm mình lắm chớ ; — nên chuyện độc đó ta nói sơ qua mà thôi, vì ai ai cũng có lương tâm hết thảy, và hễ đặt ra có lương tâm thì mỗi cái đều tinh sạch và chánh tả ngay thẳng tất cả.

Còn con nít như bú vú mẹ hay bú vú thép không được thì phải nuôi nó bằng sữa bò. Sữa làm cho kỷ cang lắm, vì mấy đứa

nhỏ đó đã đau yếu sức lắm, nên mỗi chút mỗi đau. — Người nuôi phải cho có ý tứ cho lắm và phải nhớ rằng cái miệng đứa nhỏ có mụt độc, khi nó bú rồi; như còn trong chai một chút sữa chẳng nên đưa cho mấy đứa nhỏ khác bú cái chai đó. — Núm vú nào nó dùng rồi, liền rửa và bỏ vô nước thuốc — nước có thuốc tím — cũng liền đi nấu cho sôi. — Mấy đứa nhỏ đau như vậy cũng phải thuốc men và như mà nó có mạnh cũng phải cho thuốc đặng bịnh đừng trở lại.

Con nít có nọc tim-la trong mình, hay làm kinh phong đều nhứt: nóng lạnh, trúng thực, cảm hương hàng cũng làm kinh có lẽ đó nên người ta kêu là làm kinh nói.

Có người lúc có chửa, có thuốc men nên đẻ con mạnh giỏi như thường; song đừng quên bịnh trước của mình và phải nhớ mà săn sóc con mình về bịnh đó. — Cách năm sáu năm nay ta có cho một người thầy thông vi bịnh đó, sau lại chừng hai năm, thầy lại rước ta coi giùm đứa con thầy lúc trước mạnh, mập, mà chừng mươi bữa rày khóc mải, ốm và mửa hoài. Ta lại thi thấy mặt người cha nhớ lại người có uống thuốc mình khi trước, liền cho thuốc dán mà đánh hai bên hong đứa nhỏ. — Liền trong đôi ba bữa thi đứa nhỏ hết khóc và hết mửa mà lại mập lại như cũ.

Chẳng phải mới đẻ mà ngó thấy bịnh liền; có khi năm ba năm, khi tới đôi ba chục năm mới ngó thấy nọc lòi ra và sanh bịnh nầy bịnh kia, có khi đôi ba đời người cũng còn nọc.

Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN.

Một cách trừ dịch ẩu tả ở tại làng

Mỗi năm thường thường gần cùi mùa hạng, ở trong làng thường nay có bịnh thiên thời ẩu tả. — Năm nào hạng nhiều, trời nắng lâu lại năm đó nhiều người chết bịnh đó.

Như năm nay, nắng quá, ao vũng đều khô cạng, nước uống khó tìm khó kiếm; uống nước ở dưới đáy ao, đáy vũng, trùng độc đọng cặng lại nhiều nên nhiều người phải đau ẩu tả. Ta chắc trong mấy xứ không giếng nước tốt, như hạt Chợ-lớn, Gò-công, bịnh ẩu tả cũng bởi tại nước ao nước vủng mà sanh ra vì có nhiều người uống nước lạnh chẳng có nấu cho sôi vì mắc công chuyện, cũng sợ mất công hay tốn củi lửa.

Ta thấy nơi đồng Chợ-lớn và Gò-công có ao lớn mà trống lổng chẳng che đậy chi cả và bên bờ cũng chẳng có xây miệng bằng xi-mon hay là gạch.

Mỗi năm cũng đều đổi nước ghe, nước ghe tuy trong chớ cũng không lấy gì làm sạch; mà lại nước có khi hút cùng tới một hai cắt một đôi thùng; — sự đó cũng là mắc lắm.

Mỗi làng đều có tiền công nho, tiền đó nhiều khi để dành mà làm đường xá; cất đình cất miễu; mà cũng có khi dùng tiền mà vô ích cho dân trong làng.

Chớ phải chi mỗi làng đều cất một cái hầm bằng xi-mon, cất bên trường học hay là cất bên nhà vuôn. — Cất hầm chứa nước mưa rồi qua mùa hạng lúc trong nhà dân nước rong lu mái hết lại đổi thì làng bán rẻ chừng hai ba su một thùng. Chẳng phải là có lợi tiền cho dân trong làng mà lợi dân nữa, vì ít người chết thì dân đông đảo mạnh giỏi, làm ăn nhiều, lại nhiều dân thì tiền công nho lại thêm nữa mà làm ra chuyện có ích nữa.

Làng nào nghèo không đủ tiền cất hầm thì xin phép quan trên, hương chức đứng vay tiền làm hầm rồi mỗi năm lấy tiền bán nước mà trả lại, trong năm, ba năm hết nợ mà dân lại được chỗ chứa nước tinh sạch mà uống mạnh giỏi khỏi đau.

Mấy ông điền chủ giàu có, có tá-điền nhiều cũng nên làm phước như vậy. — Sự làm phước đó có ích cho dân sự mà lương

tâm mình lại bằng an lắm. — Đó là một sự làm phước lớn, dân sự kính nhường hơn là có chức huyện hàm phủ hàm vi cũng có nhiều người không có công trận chi hết, mà nhờ lo lót, tốn tiền năm mươi ngàn đồng mới được chức hàm. — Mấy ông gia-phú phải thương xót mấy người làm tôi cho mình và làm giàu cho mình.

K. H. T. C.

Máy lặng xuống đáy biển

Bổn chí đã có đăng mấy bài nói về máy lặng dùng xuống cho tột dưới đáy biển đặng vớt vàng bạc trong mấy chiếc tàu chìm. Bổn chí có nói máy lặng xưa nay làm bằng vải bọc cao-su, nên thợ lặng hễ xuống sâu thì sức-nước đè bởi vậy xuống chừng ba bốn chục thước mà thôi, chớ không xuống sâu nữa được; mà khi trồi lên phải nghỉ nhiều chặn, mất nhiều ngày giờ, lại có khi cũng còn bị bịnh nữa.

Có nhiều chiếc tàu chìm nhằm chỗ sâu đến 100 hoặc 150 thước, thì máy lặng ấy không thế dùng được. Bổn chí lại có nói hiện người nước Đức mới bày một thứ máy rất tinh xảo dùng xuống sâu hơn 150 thước, và thợ lặng ở dưới đáy biển tới bốn năm giờ đồng hồ cũng được. Vậy nay bổn chí xin chỉ sơ thứ máy ấy cho độc-giả biết trí xảo của loài người là dường nào.

Trong tháng Mai năm 1922 có một chiếc tàu thơ của Ăng-lê tên là *Egypt* chở 1.200 thùng vàng và bạc nén cọng chung giá hơn 150 triệu, mà đem qua Ấn-độ. Tàu chạy dựa mé biển nước Pháp, gần Cù-loa Ouessant, bị sa-mù không thấy đường, nên đụng chiếc tàu *Seine*. Hai chiếc tàu đều chạy mau nên sức đụng mạnh quá, lám cho chiếc *Egypt* phải chìm liền, số người chết kể 96 người.

Tàu *Egypt* chìm nằm chỗ ấy sâu tới 120 thước, mà lại bị giọt nước chảy mạnh lắm.

Năm 1923 có một hảng Ăng-lê bỏ neo mà dò đụng chiếc tàu chìm rồi, song không thế xuống được mà vớt vàng bạc.

Hiện bây giờ đây hãng Ăng-lê bảo kê chiếc tàu ấy, đương mướn một hảng của Pháp hiệp lực với một hảng của Đức là hảng Neufeldt et Kuhnke coi vớt chiếc tàu ấy. Người ta buộc neo vào hai chiếc tàu mà kéo đặng dò coi chiếc *Egypt* chìm nằm chỗ nào. Dò được rồi và đã có buộc 4 cái thùn sắt lớn làm phao, rồi neo chiếc tàu *Iroise* ngay trên chỗ ấy cho thợ lặng Đức biết chỗ mà lặng.

Máy lặng và thợ lặng toàn thuộc của Đức-quốc. Dùng thứ máy nầy khác hơn các máy trước hết thảy bởi vậy thợ lặng xuống tới 120 thước và ở dước đáy biển 4 giờ đồng hồ mà chẳng lo ngột, khỏi bị sức-nước đè, lại chừng muốn trồi lên thì lên liền chẳng cầu phải nghỉ năm mười chặn nữa.

Máy của người Đức dùng đây làm bằng Aluminium nhẹ mà chắc lắm, làm như một cái chuông bao trùm thợ lặng ở trong nước không vô được. Ngay mặt có chừa một chỗ gắn kiến bề dày tới 7 phân rưỡi, và có chừa ba lỗ nhỏ cũng đều gắn kiến dày hết thảy đặng cho thợ lặng ở trong dòm ra ngó thấy mà làm công việc. Hai tay hai chưn thì nối làm có khúc có nẫn đặng co dủi cho dễ. Thợ lặng ở trong thông thả muốn rút tay ra mà vặn máy chừng nào cũng được. Lại hai tay đều có gắn những kềm, móc, giủa vân, vân, sẵn sàng cho thợ lặng dùng. Chừng nào dùng thì tay ở trong

nắm kềm, móc, khỏi đụng ra ngoài nước, nên khỏi bị sức-nước đè.

Có gắn sẵn ve đựng hơi cho thợ lặng thở, khỏi đặt ống bôm hơi ở trên xuống nửa. Hơi ấy đủ cho thợ dùng đến bốn năm giờ đồng-hồ. Bởi thợ lặng không đụng nước, khỏi bị sức nước đè, nên xuống bao sâu cũng được và ở dưới đáy biển nhiều giờ. Mà chừng trồi lên thì vặn máy cho nước vô chút đỉnh cái máy phình ra tự nhiên vọt lên, chẳng cần gì phải ở trên kéo.

Vã xuống nước sâu rồi thì không thấy chi hết nên máy có gắn đèn rọi sẵn đặng cho thợ lặng vặn đèn mà rọi. Hễ gặp chiếc tàu, muốn phá mà vô, thợ khoét lỗ đặt trái phá mà bắn bể trước rồi sau sẽ vô.

Cái máy nầy thiệt là tinh xão. Từ nầy về sau chắc sẽ vớt lần lần được hết những vàng bạc và các vật quí trong mấy chiếc tàu chìm ngoài đại hải.

Giải tiếng chữ cùng tiếng mắt nghĩa

Trước mai là trong tam hữu, vì mùa đông các thứ cây đều rụng lá xơ-rơ đi mà chỉ có *tre, mai, tùng*. còn lá và tươi-tốt luôn, nên kêu là *tam-hữu*.

Tình (chữ) ta — *Khối tình* (chữ) — *Tuyền-đài* (chữ) — *Tan* = bởi chữ *tán* là nát ra.

Khối tình: Có ông quan tri phủ về kinh dẫn kiến, mua một con gái tốt đem về dưng cho quan tể-tướng, chẳng dè con ấy có tình riêng với một tên học trò. Khi nghe ông phủ chở con ấy đi thì tên học-trò chạy theo trên bờ sông mà khóc. Tới ngã ba cùng đường không chỗ chạy theo nữa được, bèn nhảy xuống sông mà chết; con gái ấy cũng nhảy theo mà chết.

Ông phủ giận vớt lên đốt hết cả hai xác, thì được hai cục khối tình; bên xác con gái thì ra hình học-trò bên xác con trai thì ra hình con gái, lớn bằng cổ tay; như người sống xinh tốt lắm.

Ông phủ lấy làm quí tưởng là ngọc, may cái đẩy gấm bỏ hai cái hình vô làm một để đem về dưng cho quan tể tướng. Chẳng ngờ nó được ở lại một chỗ với nhau thì nó huờn nguyên lại tan ra làm hai cục máu mà thôi. Quan Tể-tướng biết nguồn-cơn làm vậy thì làm tội ông phủ.

Lại có tích một đứa con-gái kia ham chơi sơn-thủy lắm, gặp một chỗ sông núi phong-cảnh tốt lắm thì làm một cái lầu ở đó, sớm tối ở đó nhằm cảnh chơi cho đến chết. Thiêu xác chị va ra, được một cục đá. Có người biết, mua lấy cục đá ấy, đem cưa ra thì thấy ở trong có vẽ cảnh sơn-thủy ấy ra lại có cái lầu và hình con ấy ngồi trong lầu nữa.

Bàng-hoàng = kinh sợ;

Đa đoan = nhiều mối.

Tương tư = nhớ nhau = tình ngải.

Keo loan = da chim loan (là chỉ vợ chồng) nấu thành keo, chỉ gắn dây đờn đứt lại. Vợ chồng nửa chừng mà khuất nhau, rồi kết bạn khác chữ nhu nói là *tục huyền* (nghĩa là chỉ đờn lại) tiếng tục kêu là *vợ chồng chắp nối*.

Bất kì = chẳng có hẹn; khi không thình-linh tới.

Hiếu tình (chữ) — Ngày *xuân* bởi chữ *xuân nhựt* — Mạng bạc = mạng mủng.

Rụng cải rơi kim = hổ phách nó hít hột cải, đá nam-châm hít kim, mà nó rả ra không hit không dính nữa thì là làm cho rẻ phân nhau ra.

Nàng bởi chữ *nương* — *Nghĩa* (chữ) — *Thân phận* (chữ)

CONTE CHINOIS

Biết lỗi chẳng đổi

Xứ Sơn-Hửu có ông quan đô đường họ Hà, gốc nhà đại phú gia, tánh hay giận, hay quở trách người. Hễ khi kêu gia thần không nghe, gậy đánh k ông đến thì chạy xuống thềm, tay thoi, chơn đạp đến khi hết giận mới thôi. Còn khi giận gia quyến thì tức mình không đánh đập được, cứ việc nói giai.

Ngày kia, đang ăn vui-vẻ bà mẹ tuổi cao tóc hạt, già lẩn, lú quên, vui miệng lở lời trước mặt họ Hà. Tức giận mắng đùa chẳng kể là cha trời mẹ đất. Dây phút ra còn hung trí thuật đi thuật lại chuyện mình với anh em, chúng bạn, trước mặt vị tinh nói phớt, sau lưng họ ngạo cười, Qua bữa sau, giận chưa hết, phát bịnh tức, mặt đỏ lên, miệng khát nước, bụng phát trướng. Vợ họ Hà sợ chết, rước thầy thuốc coi mạch thì thầy coi rồi nói rằng: gan thuộc mộc, tâm thuộc hỏa. Quan lớn thường hay xét việc không rõ khí giận hại gan, mẹ làm lụy cho con là mộc sanh ra hỏa, ắt phải bình tâm định khí lại, làm cho khí nóng nảy tiêu đi, thì tự nhiên bịnh hết mình yên. Uống thuốc vô thì vô ích. Thầy thuốc nói như vậy mà họ Hà còn giận thầy nói bậy, trước mặt đuổi đi. Đến khi bịnh càng ngày càng nặng. Một bửa kia, gần ngặt mình, vợ con khóc la, họ Hà dực mình tỉnh lại, ăn năng trở lại hiền và nhẫn nhịn; thề bỏ những sự quấy k-i trước, bị h mới được yên.

Chẳng bao lâu mà đặng lành mạn-h; mới biết là *hòa lấy ở với người, huởn lấy xử việc* thì thiệt là một phương thuốc: *bảo mạng điều nguyên*, là giữ mạng hòa nguyên khí. Bèn đổ chỗ ở và đổi hiệu lại là: » *thối âm cư sĩ.* »

RƯỢU NHO

Thuở trước, xứ ta ít nhà dùng rượu nho. Nay bây giờ nhiều nhà hay dùng rượu nho: rượu nầy có hai thứ, thứ rượu nho trắng và thứ rượu nho đỏ. Có kẻ kêu rằng rượu chác trắng và chác đỏ, là vì tánh nó có hơi chác một chút. Đây ta xin nói cách đặt rượu nho là làm sao, gốc nó bởi xứ nào có hồi đầu và sự nó bổ sức mạnh là thể nào.

Cây nho là một loại dây leo, lá nó có răng-cưa xung-quanh bìa, mà thường nó có ba cái chia lớn.

Người-ta nói cây nho trước hết gốc bởi trong cái miền ở dưới phía nam biển Caspienne mà ra, sau mới lần lần tràn qua bên phương Asie-Mineure, bên nước Egypte, nước Grèce, sau nữa mới tới miệt bải biển Méditerranée, bên nước Phansa, nước Đức-quốc cùng lối chính giữa phương Tây.

Đời thượng cổ, hồi đức hoàng-đế Jues César thì tại miền dưới phía nam nước Phansa, đả có nhiều vườn nho xinh-tốt lắm Thuở ấy, bên xứ đó có tiếng cho đến đổi đức hoàng-đế romain hiệu Domitien dạy phá bớt hơn nửa, đặng giúp cho những người trồng nho bên nước Italie họ bán thứ nho của họ cho được. Sau nhờ đức hoàng-đế Prolens bải sự buộc trái-phép ấy, nên đất Gaule (xưa là nước Phansa), dân mới lo trồng nho lại nhiều và đặt nhiều thứ rượu nho qui-trọng đã làm trong xứ nổi danh tiếng rượu nho và nước Phansa được thạnh-lợi, làm giàu về chuyện rượu ấy.

Cây nho không phải trồng đặng khắp hết bầu trời, có chỗ lấy giống mà trồng, lên cây tược tốt, mạnh mà không có trái. Đất nó bạp, có trái tốt là nhằm chỗ khi trời tầm-thường trong mùa hè thì hàn-thử-xích, chữ số lên chừng lối bậc 20 chữ (20°), còn mùa đông thì xuống chừng tới chữ 0° (không có chữ) mà thôi. Xứ nóng quá, nho lên mạnh mà ít có trái, xứ lạnh quá, mủ cây nho đặc lại cũng chết ráo.

Trai nho thì có nhiều thứ: tròn, hoặc dài như trứng gà, mọc xúm xít nhau có buồng, có nhiều thứ màu da đổi từ sắc xanh giợt, cho tới sắc xanh sậm như chàm vậy.

Khi làm rượu nho thì người-ta bỏ nho vô thùng lớn, lấy cây nghiền hay là đạp cho giập bể ra, rồi đổ và trái và hột nho vô trong máy ép, đặng ép ra nước ngọt. Lấy nước ép đổ vô thùng, để nó dậy cho tới nước ngọt trở ra rượu. Phải để trong thùng từ ba bữa cho tới sáu tuần-lễ, tùy theo phong-thổ xứ đặt rượu nho. Làm cách đó xong rồi phải sang rượu qua thùng khác mà để cho được lâu ngày và còn làm nhiều công việc mới thành rượu chác uống ngon, bổ sức lực.

Làm cho ra được thứ rượu ngon thì công-lao nhiều lắm. Phải lựa từ trái nho mà làm.

Khi đặt được rượu nho ngon như vậy, thì người ta làm cách nầy thế kia cho tới vài năm, hoặc lâu hơn nữa, rồi mới chiết ra ve.

Trong mấy tiệm thuốc và nhà bào

chế thuốc bổ huyết thường dùng thứ rượu nho tinh anh, thiệt rượu tốt mà làm thuốc.

Trong sách Phansa thường hay nói: rượu nho thượng hạng là sữa của người già cả, chỉ nghĩa là nho tốt ròng, thì bổ sức mạnh kẻ già-cả, tuổi-tác lớn. Song vật ẩm quá lượng chỉ tưởu, vật uống quá lường thì say, làm cho phải đau thêm nữa. Kẻ thường hay nói: việc rượu-trà cũng phải dùng một chút một đỉnh mà thôi, nhứt là xứ ta, nóng nực, uống nhiều sanh bịnh. Uống chơi một cốc thì còn biết ngon mà nó bổ sức ăn cơm được, chớ như uống cã một ve, thì chắc phải say, hết bổ khỏe.

*
**

Quấc gia dời nết na khôn dời

Tên thợ may kia đau mê-mết, nằm thấy một điềm chiêm-bao rất lạ. Thấy trên trời sa xuống phất-phơ trước mặt một cây cờ đủ thứ hàng-dẻ nó ăn bớt của người-ta bấy lâu đó. Hoảng-hốt con mắt mở ra, mình đổ mồ-hôi hột, không dè còn ở dưới dương-gian. Nghĩ mình có phước cho nên thánh thần mách-bảo cho chiêm-bao thấy vậy đặng cải ác tùng thiện. Nên mới khấu vái cho lành mạnh từ nấy sấp tới chẳng dám sai ngoa. Đó rồi, chẳng bao-lâu mạnh lại như thường, mà sợ mình hay lẳn, bèn dặn thằng nhỏ học nghề rằng: « Hễ tao có cắt đồ may chỗ nào, thì phải nhắc cho tao nhớ cây cờ, đừng để tao quên».

Dẫn lòng được một ít lâu. Ngày kia cắt một cái áo nhằm thứ hàng trọng giá lắm. Chém thì chết, chớ nết thì không chừa, thấy hàng quí, liền quên cây cờ mải. Thằng nhỏ cứ việc nhắc cây cờ. Chàng va nổi thầu-lậu mới nói: « Cái thằng rầy quá! Cây cờ tao thấy đó có thứ hàng nầy ở đâu! »

MAI-NHAM

COURS DE LITTÉRATURE ANNAMITE

Kim-Văn-Kiều

Tương tư thơ

Bóng trăng hé-hé giại bên lầu,
Ngồi với trăng mà ngỡ những đâu ;
Trăm mối vò tơ lần gỡ khắc,
Một mình nương gối trót canh thâu ;
Ba sanh âu hẳn còn vương nợ,
Tấc dạ nay khôn dập mối sầu ;
Mới biết tương tư là thế ấy.
Cho hay chớ trách kẻ ôm cầu.

Mộng đạm tiên thơ

Trướng loan ôm gối giấc vừa êm,
Chợt thấy người đâu độ thiếu niên ;
Tha-thướt phô màu in vóc tố,
Thanh-tân dạng dấu chốn đào-nguyên;
Giấc tan gối điệp bâng-khuân những.
Sầu vẫn canh gà chất-chứa nên,
Còn nghĩ chưa xong duyên-phận ấy,
Bóng trăng đâu đã xế ngoài hiên.

Chàng Kim-Trọng qua tới Lam-Kiều, đứng ngoài coi vô nhà Viên-ngoại (cha Túy Kiều), thì thấy nghiêm-trang, sâu thăm-thẳm, cửa thì kín, vách thì cao. Tin ra tin vô không thấu, nhắn-nhe cũng không thông.

Còn cảnh cuối xuân, bông liễu tơ nó như bông mà mành hơn đã đầm ra lơ-thơ, chim anh tới đậu trên nhành nó kêu díu-da díu-dít như học nói gió.

Mấy lớp cửa trong ngoài đều khoá đóng, then gài hết, coi ngoài thềm thì hoa rụng đầy-dẫy, mà vắng-tanh không ngó thấy người (mình tìm) ở đâu.

Đứng chần-ngần đó mà xem lâu trót cả giờ, rồi mới bước rảo quanh ra phía sau vùng thấy có nhà. Là nhà của người Ngô-việt là người lái buôn kia, bỏ không đó, chủ mắc đi buôn xa chưa có về. Nhân tiện chàng Kim mới hỏi thăm xin mướn ở mà học, mới dọn đồ-đạc, túi đờn, tủ sách... đem qua đó ở.

Ở đó thì sẵn có cảnh có nơi bộ đủ đồ chơi thích-tình lại có tấm bản đề chữ *Lâm-tủy* thếp vàng còn đỏ tươi. Thấy chữ đó trúng ý coi vọi có điềm thì mầng thầm trong bụng rằng: Thế khi có duyên trời định cho mình làm bạn với Túy-Kiều hay sao đây, chớ không không đâu. Ở đó nơi cửa sổ song có dán giấy, để hở hé hé nửa cánh, thường ngày cứ dòm ra phía đó mà trông-mong mãi. Mà trong nhà Túy-Kiều là chốn tiên nguyên-đào đông-đào đóng kín bi-bít, không hở lấy một tấc một gang nào, nên mù-mịt không thấy bóng Kiều ra vô khi nào hết. Tính từ ngày làm khách mướn quán dọn qua ở lân-la đó cho đến nay, mới đó day đi day lại đã được vài con trăng (—tháng trời) rồi. Bữa ấy nhằm buổi chiều trời thanh gió mát, coi cách vách bên kia dường như thấy bóng Túy-Kiều ra dạo cảnh hái hoa chơi trong vườn. Kim-Trọng mới lật-đật bỏ cây đờn kìm đang khảy xuống, lấy áo bận chạy ra. Nghe mùi còn thơm ngát, mà người thì không thấy ai. Mới chạy quanh ngoài tường mà coi, thì-may đâu ngó thấy trên nhành cây có cây trâm cúc vàng mắc lấy đó. Đắc chí giơ tay lên với lấy quách đem về nhà, rằng: «Của nầy

là của trong khuê-các, sao mà lại rớt đây cho mình được kia? Xét rõ thì của báu nầy là của cái người ấy... đây thôi chẳng sai, nếu chẳng phải là duyên-kiếp trời định, thì có lẽ nào khiến cho nó về tay mình?» Cứ cầm liều trên tay đó mãi mà nhắm-nhía hoài đi đứng không thèm ngủ. Ngửi coi thì mùi thơm nước hương nước ướp còn như thoảng-thoảng nơi cây trâm đó vậy.

⁂

Cắt nghĩa tiếng chữ cùng là chỗ mắt

Thâm là sâu là thẳm vô ra.— *Nghiêm* là nghiêm nhặt.— *Cao tường* là vách tường xây thành rào quanh nhà thì cao.— *Cụn dòng lá thắm*... Tích bầu vua ở trong cung vua không hay ngự đến, lâu buồn thỏn-mỏn, mới lấy lá rụng đề thơ thả theo dòng nước mương ngự câu. *Vu-hựu* được á thơ ấy, họa thơ lại thả vô vô... Đến sau thải ra gặp làm bạn với nhau thành vợ thành chồng, (= không thông tin tức).... *dứt đường chim xanh*. Tích bà *Tây-vương-Mẫu* khi muốn xuống chơi với vua *Võ-đế* thì có chim xanh đem tin tới trước. (Đây chỉ không có thế chi mà đưa tin vô ra được).

Du học là học-trò đi học dạo, đi xứ khác tìm hầy mà học.— *Đề huề* là mang xách gánh-gồng. *Song-hồ* là cửa sổ song có dán (phất) giấy kẻo chói qúa bay là kẻo bụi.—

Cánh mây là cánh cửa sổ có vẽ hình mây khép hé-hé. - *Tường đông* ...chẳng phải quyết cho hướng nhà con Tùy-Kiều ở phía đông, song dùng tích tường *đông*, *đông lân*, là tích *Nữ-đại* gái ở bên đông nghe *Tư-mã-Tương như* khảy đờn hay, phải lòng mà leo vách mà dòm qua, mà chỉ *tình*, chỉ ý *lẹo tẹo*.— *Tấc gang động tỏa nguyên phong*.... Chỉ chỗ nhà Túy-Kiều là như động tiên ở, là chỗ nguồn đào cũng là cảnh tiên ở mà *tỏa phong* là đóng bịt-bùng bi-bít lại không hở lấy một tất một gang....

Tuần trăng là con trăng thượng huyền hạ huyền hết bận thì là giáp tuần, chỉ là *tháng*. *Kim xoa* (= kim thoa), là trâm vàng — *Quê Các* (= *khuê các*) là chốn *khuê-các*, nhà sang-trọng đài các.— *Hương trầm* là mùi thơm như trầu hương kì nam....

Họa-viên ngộ thơ

Thơ thần vườn xuân dạo gót chơi,
Thướt tha bóng liễu buổi im trời ;
Trên đào đương mộ hoa cười gió,
Góc núi xa nghe khách ướm lời ;
Ngơ-ngẩn hương e cùng phấn lệ,
Mơ màng lá rụng với hoa rơi ;
Một rằng duyên phận hai rằng nợ,
Mây nước lòng người dễ chắc thôi.

Dân ESQUIMAUX

Tiếng gọi Esquimaux (Ê-ky-mô) là là thổ dân nơi Bắc-cực. — Lâu nay, chưa ai mấy rõ đặng phong tục xứ ấy; là vì ít ai dám đi đến, hễ có đi thì không chắc toàn mạng. Nhưng cũng có danh-sư, cố ý tìm học, dự bị lương phạm đủ vài năm, xuống thuyền đánh liều thả trôi lên hướng Bắc. Nhiều khi lạc đường, chịu chết đói, chết lạnh biệt tin tức, may trở về đặng, thì rạng tiếng khắp hoàng cầu. Nhờ đó thiên hạ mới thông biết bờ cõi và phong tục xứ ấy:

Nơi Bắc-cực, thì mờ mờ trên trời, dưới biển. Bởi xa vòng xích đạo nên lạnh lẻo trọn năm, nước đông thành giá. — Sáu tháng mùa hè, còn thấy dạn ánh sáng, qua sáu tháng mùa đông u ám dường ban đêm. Tư bề quạnh hiu, không đất, không thảo mộc. Sao có sanh linh đặng, mà thổ dân ở được cũng là lạ. Phải lo phương kia kế nọ đặng chịu gió, đụt tuyết, nhà thì bằng đá-nước. chặt ra từ khúc như gạch, đắp tròn vung lên chừa phía trên đặng thông hơi, chừa phía dưới đặng làm cữa. Đèn thắp bằng dầu cá may ao và hia bằng da cá. Làm giáo, cung, tên. bằng xương cá. Vợ chồng cha con, đi săng cá mà nuôi nhau. Vã lại tại biển Bắc-cực, có một thứ cá phoque, kêu là đà-ngư mà thôi. Mình dài hơn một thước miệng có hai nanh, sức mạnh hơn thường, khi nằm trên giá, khi lặn xuống nước: rình trọn buổi, lẹ tay, nhạy mắt mới bắt được một con, mà chia nhau, rồi, sang ngụ bải khác. đắp nhà cữa lại. Phần chịu lạnh, phần ăn cực, nên người đến 25. 30 tuổi mới đúng lực thành nhơn. Hình tượng bề đứng, chừng 1^m50, 1^m60, gương mặt tròn mủi có thấp, có cao, tóc thâm và trơn, râu thì đen, mà ít có râu, còn da lại trắng.

Thấy đó, nói đó, nào có rõ dòng giống dân esquimaux ở đâu? Kẻ nói vầy, người lại nói khác. Hoặc dân Mông-cổ khi xưa tràng qua. Hoặc một căng một cội với dân Âu-châu khi trước.

Trong sách *Les hommes fomiles* của Mr Marcellin Boule, có nói:

Tại Périgord (Bên Langsa) có đào gặp được sọ và cốt người cổ, tương tựa sọ và cốt ngươi esquimaux đời nay Hay là thuở trước, tại miền Âu-châu, có dân tựu tập chuyên ròng nghề săng hưu nai; nhằm tiết nóng nực, hưu nai chịu không nổi, lần lên phía bắc kiếm ăn. Dân ấy cũng lần theo bầy hưu nai đó. Như vậy trót vài muôn năm thành dân esquimaux hăng?

Tuy vậy chớ dòng giống còn lại chẳng dặng bao nhiêu vì trong 50 000 số nhơn thì lai lộn với dân mỹ quốc, bỏ hết phong tục xưa, ở theo cách thức Văn Minh dè đâu thêm đều tác tệ là đắm mê tửu sắc mang bịnh nọ bịnh kia mà thêm khổ cho thân.

TRƯƠNG-VĂN-BÍNH.

3e ANNÉE — No 130 — 1er JUILLET 1926

KHOA HỌC TẠP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1° — M. BUI QUANG-CHIÊU, *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*
2° — M. LÂM-VĂN-HUÊ, *Commis indigène des Services Civils.*
3° — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics à Cholon.*
4° — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*
5° — M. NGUYỄN KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon*
6° — M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*
7° — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*
8° — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN, *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*
9° — M. TRẦN VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Paris.*
10° — M. TRẦN-QUANG NGHIÊM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*
11° — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*
12° — M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3,00		

MỤC LỤC

Bá nghệ lược giải..... 2462
Thiệt hành bác học 2465
Gương lnân lý 2467
Những sự lạ trong đời công nghệ.... 2470
Cours de littérature Annamite..... 2472
Sử kỷ Phan-sa đời thượng cổ 2474
Một điều cho những người làm cha mẹ nên biết..... 2475
Văn uyển 2477

Bá nghệ lược giải

Nghề nhuộm vải, in vải.

(Teinture—impression des tissus)

Người ta có kẻ dùng vải trắng trong xưởng đã dệt mà đã làm cho trắng sẵn rồi mà may ỵ phục, có kẻ lại dùng thứ đã nhuộm ra màu nầy màu kia, cho nên cũng phải có xưởng nhuộm hàng vải cũng như xưởng làm cho hàng vải được trắng vậy.

Nhuộm vải thì phải dùng một vật kêu là màu: màu ấy khi thì lấy trong loại động vật ra, khi lấy ở trong loài thảo mộc, có thứ lại ở trong loại kim mà luyện ra, thứ lại lấy trong một chất dầu thang đá gọi là dầu hắc (goudron de houilles); màu lấy trong dầu hắc mà ra thì kêu là màu giả (couleurs artificielles); ấy là những màu rất tốt, rất chói đẹp không hay phai, người ta thường kêu là *couleur d'aniline*.

Màu tốt quí là những màu đã chói sáng mà lại trong, nhuộm màu vào hàng vải thì ngó thấy mặt vải rõ tự nhiên.

Trong mấy thứ màu người ta dùng để mà nhuộm hàng vải, thì có thứ chịu đựng với nước, với không khí cùng với ỵến sáng mặt trời và lại chịu giặt chịu nấu bằng xà-bong mà cũng không phai màu; ấy là những màu thiệt tốt, gọi là màu hay ăn; có thứ lại không chịu nổi với các sự ấy, thì là màu xấu, màu không hay ăn. Cũng có thứ dùng nó tự nhiên mà nhụm thì nó ăn ngay vào hàng vải mà chịu bền, có thứ lại phải thêm một vật chi khác nữa gọi là *mordants* mà trộn với nước nhuộm thì nó mới chịu ăn thắm vào vãi. Những vật ấy không phải có nhiều thứ song phần nhiều là vật lấy trong những chất thuộc loài kim ra. Nó có thứ trong, thứ lại có màu. Thứ trong thì để mà phụ cho màu ăn thắm

vào hàng nhuộm, còn thứ có màu thì để vừa làm cho màu ăn thắm vào hàng vừa đổi cái màu nhuộm ra màu khác hơn. Vì vậy cho nên người ta có thể pha màu nhau mà chế đổi ra nhiều màu khác để nhuộm được. Nhưng thế nào khi pha nước nhuộm cũng phải làm cho nó thiệt lỏng, phải để cho màu tan hết ra, thì mới nên nhuộm được.

Cách nhuộm hàng vải

Nhuộn hàng vải phải có 2 công việc chánh phải làm, là 1° nhún hàng vô nước thuốc thắm (mordançage ou apprêtage); 2° nhún vào nước màu nhuộm mà nhuộm hàng (teinture). Tuy vậy cách nhuộm đều có khác nhau tùy theo thuốc thắm, theo màu và nhứt là theo thứ hàng vải.

Ví như nhuộm những hàng vải bằng bông vải, bằng chỉ gai bố thì trước hết phải nhún nó vào nước thuốc thắm (mordant), chừng nó ướt đều thì đem ra giặt cho bớt cái nước dư, rồi thì mới đem nhún nó vô nước màu nhuộm. Còn như muốn nhuộm hàng tơ lụa và đồ nĩ thì thường khi người ta trộn thuốc thắm lộn với màu nhuộm, hoặc khi người ta nhún nó vô nước thắm trước rồi sau nhún vô nước màu pha lộn với nước thắm. Những màu nào không cần phải có nước thuốc thắm, thì tự nhiên nhuộm hàng vào nó ăn màu vô. Sau nữa cũng có khi cần phải làm cho màu tươi tốt, nghĩa là phải dùng cách riêng mà làm cho màu nhụm trong hàng nó trở nên tươi sáng.

Người ta nhuộm màu có khi thì nhuộm nguyên vật chưa dệt ra hàng hoặc chưa kéo ra chỉ, khi thì lại nhuộm nguyên xấp hàng. Vật còn nguyên hoặc đã kéo chỉ thì nhuộm rất dễ, song đến lúc dệt ra hàng thì khó, bởi nhiều khi trong lúc dệt nó, đụng chạm mà phai màu đi.

Người thợ nhuộm phải làm sao cho nước màu nhuộm phải cho đều và xấp hàng nhuộm phải ăn màu đều nhau hết. Như vậy thì phải nhún đi nhún lại hết cã xấp

hàng cho đều mặt ở trong nước thuốc thắm cùng nước màu nhuộm. Như nhuộm nĩ lông thì bao nó trong cái đảy lưới mà nhún vô nước màu nhuộm, huậy nó cho thắm đều. Còn như nhuộm chỉ, thì xỏ 2 chiếc đủa vô khoanh chỉ rồi vừa nhún vừa quây tháo chiếc đủa cho chỉ xuống đều trong nước màu nhuộm. Phải nhớ rằng thường khi nhuộm, người ta nấu nước màu nhuộm cho nóng thì nó mới ăn thắm vô hàng nhiều. Nay người ta bày ra có thứ màu để nhuộm nguội cũng được. Nhuộm như cách mới nói đó là nhuộm ít đồ, chớ như trong mấy xưởng nhuộm to lớn người ta có máy để quây đồ nhuộm vô nước màu gọi là *liseuses*. Nhún hàng nĩ thì có máy quây kêu là *tourniquet*; xấp nĩ kết nối 2 đầu lại bao trên cái bánh xe gió (tourniquet) để ngay trên chảo nước màu nhuộm, rồi quây cho 2 mặt nĩ xuống đều dưới nước nhuộm. Nhuộm hàng bằng chỉ vải, chỉ gai bố thì người ta thường dùng cái máy kêu là *foulard* mà quây. Hàng chỉ nhuộm xong rồi thì đem giặt nước lạnh mà phơi cho khô.

(Sau sẽ nói cách in vải bông)

THANH TÂN.

Thiệt hành bác học

Sấm sét và *Thâu-lôi-thiên*

(*La foudre et* le paratonnerre)

Mấy nhà bác-sĩ chuyên học về điển khí, biết rõ tánh chất của điển, biết trên trời có điển không khác nào điển-khí máy làm ra, cho nên mới ngụ ý bày ra thâu-lôi-thiên để rút sấm sét trên trời cho khỏi đánh sập nhà cửa, hại mạng người ta. Bởi sấm sét là hơi điển rất mạnh trên trời sanh ra, cho nên bày thâu-lôi-thiên mà cứu thiên-hạ trong nhà cửa cao lớn thật là một việc rất nên đại hữu ích cho loài người.

Thuở xưa dân các nước từ Á-châu đến Âu-châu, tuy đã văn-minh cực điểm rồi, như nước Tàu, nước Ấn-độ, nước Hy-lạp (Gơ-rec) mà cũng còn tin tưởng rằng sấm sét làm ra bởi tay thần thánh giận hờn. Cho đến ngày nay cũng còn nhiều người, nhiều dân tin tưởng như vậy; người Nam ta nhiều kẻ lại nói là thiên-lôi trời sai xuống đả yêu đánh quỉ. Bây giờ nhờ khoa học cách-trí tìm ra được nguyên cớ sấm sét thể nào rồi, cho nên ít người còn tin tưởng dị đoan nữa. Những chớp nháng, sấm nổ, sét đánh ấy chẳng qua là hơi điển trên hai đám mây khác nhau mà rút lấy nhau, làm cho sanh ra lằng lửa cháy, động khí trời mà nổ.

Từ ngày nảy ra khoa bác-học (physique), các nhà bác-sĩ lo tìm kiếm nguyên do sấm sét, rồi mới tuyên bố ra cho thiên hạ hiểu rõ, lại còn dùng cách thí nghiệm cho thấy thật rõ ràng.

Ông Descartes là nhà triết học có danh bên Pháp luận về nguyên-do sấm sét, nói rằng sét sanh ra bởi cái đám mây kia đụng đám mây nọ mà sanh ra hơi nhiệt cao mới thành ra sấm sét. Người lại đoan rằng những mây sanh ra bởi nhiều lớp nước đặc, còn chớp nháng là bởi hơi khí đạm cường, hoàng cường (vapeur nitreuse, sulfureuse) cháy lên mà sanh ra.

Còn ông Boerhaave lại cho nguyên do sấm sét bởi nhiều thứ hơi khí trên mặt địa cầu bay lên rồi động cháy với nhau mà sanh ra.

Những lời luận đoán ấy đều không trúng, nhưng thuở ấy ai ai cũng cho là phải cho nên lúc ấy khoa học chậm tấn, đã lâu mà chẳng ai cắt nghĩa ra cho rành cho trúng.

Điển Sấm sét với điển-khí giống nhau. — Người ta có ý coi ngó thấy hễ khi trời chuyển dông mưa thì trên những chót cột bườm tàu, trên chót lầu nhà thờ, trên chót cột dây thép, vân vân thường có một ngọn lửa nháng nháng dường như ngọn đèn cầy leo lét. Ngọn lửa ấy người Pháp gọi là *lửa Saint-Elme*. Ấy là lửa điển khí trên mặt đất chun theo mấy vật ấy mà tua ra cháy có ngọn chẳng khác nào điển khí trong máy quây sanh điển cho chạy ra mấy đầu nhọn mà người ta thường thí nghiệm ngó thấy vậy.

Thuở ấy có ông bác-sĩ Ăn-lê là ông Wall nói cái ngọn lửa điển khí không

khác nào cái chớp nháng của sét, mà cái tiếng kêu của điển khi nháng lửa ấy cũng chẳng khác tiếng sét nổ (trời gầm) kia vậy, nhưng mà vì nó yếu lắm nên không nghe nổ lớn đấy thôi.

Ông Franklin là một nhà hiền triết có danh bên Mỹ-quốc hồi kỷ thứ 18 cũng có thí nghiệm điển khí thấy nó giống với điển sét trên trời. Ông có nói rằng:

« *Lửa nháng của sét cũng hay uốn dợn và cong quẹo như lằng lửa điển khí vậy.*

« *Sét thường ưa đánh lên trên những vật cao mà nhọn; mà hết thảy những vật nhọn đều chịu điển khí hơn là những vật tròn.*

« *Sét thì cứ đánh theo những vật nhạy dẫn điển hơn hết và gần hơn hết; điển-khí thường trong chai điển Leyde (bouteille de Leyde) lại cũng thế!*

« *Sét đánh thường hay làm cháy những vật nhạy lửa, làm cho loại kim phải chảy làm rách nhiều vật, giết loài động vật chết; điển khí thường của người ta làm ra cũng như thế.* »

Ông Franklin lại còn nói rằng một cây sắt nhọn dài cậm đứng lên thật cao, có dây sắt cột cho ăn liền xuống dưới đất thì có lẽ nó rút hết hơi điển trên đám mây dông mưa mà tránh khỏi sét đánh.

Ấy là một cái thuyết để mà làm nguyên do về cái cách dụng thâu-lôi-thiên. Ông luận ra như thế là để chỉ rõ rằng ở trên trời cũng có điển khí giống như điển khí của ta làm và chỉ cải tánh chất của những vật dẫn điển mà có đầu nhọn vậy thôi, chớ ông cũng chưa thí nghiệm ra, qua đến sau mới bày ra thâu-lôi-thiên thiệt dụng.

Ông Franklin luận như thế, nói về việc điển khí ở trong quyển « *Lettres sur l'électricité* » của ông làm ra. Quyển sách ấy truyền qua Anh quốc được nhiều người hoan nghinh, lần đến Âu-Châu, nước nào cũng hoan nghinh cả, nhứt là nước Pháp. Ông Buffon bèn biểu một người bạn mình là ông Dalibard dịch quyển ấy ra tiếng Pháp, rồi nương theo ý của ông Franklin mà tính làm thí nghiệm.

Thí nghiệm cái thuyết thâu sấm sét

Vậy ông Buffon và ông Dalibard mới ngụ theo ý thuyết của ông Franklin mà thí nghiệm. Ông Buffon dùng một cây sắt dài nhọn một đầu, phía dưới chưn có một lớp keo khẳn để cho nó đừng dính với nhà, rồi để lên trên chót nóc đài Montbard của ông. Lúc ấy ông Dalibard cũng có làm một cái như vậy nơi trong sân nhà ruộng của ông, ở tại Marly, gần Paris.

Ngày 10 Mai 1752 có dông mưa tại Marly, mà lúc ấy ông Dalibard mắc đi khỏi nhưng có dặn một người tên Coiffier ở nhà, coi theo lời dặn của ông mà giữ khi có dông mưa sấm sét. Lúc trời dông mưa tên Coiffier lấy một cây sắt nhỏ đút vô ve, ve để làm cán cầm cho khỏi điển rút vào mình, rồi đưa gần cây sắt cậm nơi sân, thì ngó thấy có 2 ngọn lửa sáng xẹt ra. Người bèn chạy đi kêu mấy người lân cận lối xóm và có ông cố-đạo ở Marly đến xem. Lúc thí nghiệm thấy ngọn lửa xẹt ra màu xanh và nghe kêu tiếng như chìa khoá gỏ vào cây sắt vậy.

Ngày 17 Mai 1752 ông Buffon thí nghiệm cũng dược như thế.

(*Sau tiếp*).

THANH-TÂN.

Gương luân lý

Gương can đảm *(gan dạ)*

Chuyện Guillaume Tell.

Xưa Hoàng-đế nước Đức là Albert muốn đánh lấy nước Thoại-sĩ (Suisse) mà cho dòng vua Áo quốc đời đời vĩnh viễn. Người lập kế đem nào là của cải châu báu nào những lời hứa phong quan tước mà mua lòng những kẻ thân thế trong nước đặng họ thấy thế lực mạnh của mình mà tùng quyền. Được rồi người bèn dạy đắp thành lủy nơi mấy tổng-trấn, sai tướng đi trấn nhậm các thành ấy và dạy phải xử với dân tình cho thiệt gắt gao hết sức, cố ý làm cho nhân oán hờn mà chống trả lại, chừng ấy sẽ dùng vỏ lực mà đoạt luôn cả nước. Thuở ấy có một ông quan tổng-trấn là Gessler, có trấn nhậm hai tổng Sơ-huit (Schwitz) và Uy-ri (Uri); quan ấy thấy thế lực mình to, càng đem lòng kiêu hảnh, độc ác vô cùng, xem nhân dân hết thảy như tôi mọi. Quan ấy ỏ lòng kiêu cang khinh khi dân trong nước quá thế, đến nỗi dạy quân cậm một cây sào nơi giữa lộ ở trong thành Altort trên chót có một cái mũ (nón) của người, dạy hễ ai đi ngang qua đó, bất kỳ là ai, cũng phải cúi đầu mà chào cho có lễ phép. Người người đều kính sợ, chào cái nón ấy. Có tên Guillaume Tell là người cang đởm lạ thường mà là tánh tình hiền hậu, hay biết thương xót kẻ nghèo, bữa kia đi ngang qua chỗ nón ấy, thấy sự huyện kỳ, lòng chẳng phục nên giả bộ không thấy mà đi luôn. Quan tổng-trấn Gessler hay được giận dữ, dạy quân bắt tên Tell đem đến trước mặt mình mà la quở làm dữ, nói rằng y muốn đem lòng làm phản. Tên Tell vẫn cứ làm thinh chẳng thốt một lời. Quan tổng-trấn thấy càng thêm tức giận, tỏ lòng độc ác hơn nữa. Vả chăng tên Tell nầy có một đứa con trai còn nhỏ tuổi, mà người thì có danh về cái tài bắn ná. Quan ấy mới dạy anh ta phải đứng xa trăm bước mà bắn một cái trái bôm để trên đầu của đứa con đội, cho rớt theo cây tên. Những người đi xem đều thảm thiết sợ run.

Người ta bèn dẫn thằng con của anh ta ra. Tên Tell hết sức khẩn cầu cũng không làm cho ngui lòng giận của ông quan ấy : người lại nói nếu anh ta chẳng nghe lời người sẽ giết hết cha con lập tức.

Tell chẳng biết sao phải vưng lời, bèn khẩn vái đất trời, rồi lại ôm hun con, biểu con phải đứng bình yên lặng lẻ, người mới để trái bôm (pomme) lên đầu đứa con rồi đứng xa ra trăm bước, nhắm trái ấy mà bắn một mủi tên bay đi. Trái bôm liền bay đi với cây tên, còn đứa nhỏ thi bình yên vô sự.

Cách ít lâu ông quan Gessler bị giết chết đi, thì nước Thoại-sĩ đã thoát vòng nô lệ của ngoại bang,

Chuyện ông Pierre, hoàng-đế nước Nga

Hoàng-đế Pierre là vua lập văn minh cho nước Nga, tỏ lòng can đảm

dị thường ít ai có, trong một lúc nguy hiểm như sau nầy :

Thuở ấy mấy người đầu đảng bọn quân vô đạo dữ tợn lập mưu muốn thí vua. Chúng nó toan nổi lửa đốt cả kinh-thành Moscou.

Chúng nó biết rằng hễ lửa cháy lên thì làm gì vua cũng chạy đến trước mà chửa lửa ; trong lúc chộn rộn ấy, chúng nó sẽ ra tay sát hại ; xong rồi thì ra sức giết luôn mấy người ngoại quốc của vua đem về mà dạy văn minh cho nước mình.

Chúng nó đã toan mưu định kế xong rồi, giờ định thi hành đã đến. Những quân đồng đảng với chúng nó cũng nhiều, nhưng chẳng có ai đi mách cả. Chúng nó lại xúm nhau vầy tiệc rượu, uống rượu vô cho thêm sức gan dạ, đặng đến lúc mà dạn dĩ ra tay.

Song hễ có rượu vào mình, thì kẻ vầy người khác, có người ra dạn dĩ, có kẻ lại lo sợ. Cho nên trong đám khốn nạn ấy, có hai người ngồi đứng không an, bàn với nhau rằng sợ nỗi ăn năn, cùng nhiều đều nên sợ ; bèn kiếm chuyện nói thoát với chúng bạn rằng để ra ngoài một chút rồi trở lại tức thì ; hai người ấy mới chạy riết vào đền vua mà mách tin chúng lập mưu ám sát.

Chúng nó định tới nửa đêm thì khởi sự ; hoàng-đế hay tin ấy bèn hạ chỉ cho quân lính đến mười một giờ khuya phải tới vây nhà quân loạn. Chẳng bao lâu, hoàng-đế tưởng đã tới giờ, bèn bổn thân đến tận nhà quân loạn.

Tới nơi ngài thong thả đi vào chẳng chút lòng sợ sệt, vì tưởng rằng quân ấy đã bị các quan bắt trói hết rồi. Ấy bởi ngài nóng nải quá mà ra đến sớm, chưa kịp tới giờ. Chừng thấy mình tay không đi tới một mình giữa đám quân loạn có khí giải lại đương lúc thề cùng nhau quyết hạ sát người cho được.

Nhưng mà quân ấy vì thình lình lại thấy ông đến nơi thì lấy làm ngạc nhiên. Còn phần ông Pierre vào đến nơi, thấy chỗ nguy khó tránh biết mình đi tới lộn giờ, nghĩ trót đã lỡ thôi hãy đánh bạo gan, chớ không lẽ trở lại. Người bèn bước thẳng vào giữa đám quân nịnh chẳng chút ngập ngừng, mà chào chúng nó dường như quen biết nhau rồi. Ngài mới nói tỉnh táo rằng, ngài vừa đi qua nhà thấy đèn sáng rỡ, tưởng có lẽ khi chúng nó đương vui chơi trong ấy nên ngài cũng đi vào mà chia vui. Nói rồi ngài ngồi xuống uống rượu với chúng nó. Mấy quân khốn nạn ấy chẳng lẽ không uống rượu mà chúc cho ngài.

Một lát chúng nó bèn liếc mắt ngó nhau, chuyền lần mà làm hiệu lịnh. Có đứa kê tai nói nhỏ với đầu đảng rằng: « Giờ đã đến rồi kia anh, ta hãy ra tay mau.» Anh kia ngập ngừng, sau lại nói: « Khoan đã. » Hoàng-đế Pierre ngồi đó nghe hết đã biết ý, vã lại ngài nghe có tiếng quân hầu đi ngoài trước cửa, nên ngài liền lẹ tay, nhảy tới thoi một cái rất mạnh vào mặt người đầu đảng mà nói: « Giờ của ngươi chưa đến, chớ giờ của ta đã đến rồi. » Người đầu đảng quân nịnh ngã ngửa ra, kế quân hầu của vua bước vào cửa, chúng nó thấy vậy hãy kinh chẳng biết chạy đâu, phải

đành bó tay chịu tội.

Như vậy nếu vua lúc ấy không tỉnh, không gan dạ thì đã phải chết về tay quân hung ác kia rồi.

VỎ-THÀNH-VINH.

Cùng chư độc giả

Vì bận việc tôi nghĩ mấy tháng, nay trở lại chấp bút K. H. T. C., tôi xin sẽ tận tâm làm cho chư độc giả vừa lòng. Vậy từ đây tôi sẽ lần lược đăng những chuyện hay tích lạ, đều có bổ ích cho đồng bào ta về đường khoa học: nào là *Tạo hóa kỳ quan* **(những sự lạ trong trời đất muôn vật), nào là** *những sự lạ trong công nghệ*, **nào** *Thiệt hành bác học*, **nào là** *Bá nghệ giãi sơ*, **và lại thêm một cái cách trí tiểu thuyết, tựa là** *Thay hồn đổi xát*, **cùng là những bài** *Gương luân lý*. **Tôi tưởng chắc chư độc giả sẽ vừa lòng lắm.**

THANH-TÂN.

Những sự lạ trong công nghệ

Lòi tói khó chở

Tiếng Langsa kêu *chaîne* là để chỉ dây dài từ dây chuyền đồng hồ cho đến dây xiềng để trói tội nhơn, từ dây chuyền xe máy, xe hơi không mối để chuyền sức cho máy động bánh xe quây cho đến dây lòi tói đủ kiểu để mà neo tàu cột đỏi. Dây sên (chaîne) chuyền sức máy thì phải có sức chịu cho mạnh, bởi lắm khi nó phải chuyền xây luôn luôn cả giờ cả buổi, cả ngày mà chịu cho cái sức máy mạnh đến hơn cả trăm mả-lực. Trong một cái dây sên xe hơi phải cho có đủ sức chắc mà chịu đựng; cái sự chắc của nó rất có quan hệ cho cái sự rủi ro tai nạn về xe hơi lắm, nếu có rủi mà nó đứt thình lình đi thì ắc là xe cùng bộ hành phải mang hại.

Nhưng dây sên (chaîne) nào làm cho chắc cũng chẳng qua cái sự chắc phải làm cho những dây sên đỏi (lòi tói) để mà neo, mà cột những tàu bè. Ngày nay tàu bè mỗi ngày mỗi đóng thêm to lớn, thì lòi tói để cột nó cũng phải càng ngày càng làm ra thêm lớn nữa, mới là chịu nổi với cái sức nặng của tàu bây giờ. Nếu lòi tói ấy mà không chắc, để đứt đi thì cái rủi ro hại mạng lại là càng nặng hơn nhiều lắm.

Ở dưới một chiếc tàu sợi dây lòi tói có nhiều công việc nặng nề, quan trọng lắm. Nào lòi tói để treo hàng chở lên xuống, nào lòi tói để xây bánh lái, mà quan hệ thứ nhứt là lòi tói cột neo phải chịu lắm việc nặng nề, cho nên phải chắc vô cùng. Tàu đậu trong bến trong sông thì tự nhiên ít dùng đến lòi tói duy dùng dây luộc đỏi bằng chỉ gai hoặc bằng dây luộc sắt mà cột thôi, bỡi đậu trong bến khỏi lo sóng gió dữ dội mà phải làm cho tàu bê đỏi đứt. Chớ gặp khi ở chốn biển khơi, phải mắc việc chi hư hiểm, buộc phải tạm neo giữa biển, cùng đậu trước cữa biển mà chờ khi nước lớn đi vào, thì dùng đến lòi tói mà quăng neo. Trong khi đậu tạm giữa biển, còn phải e khi dông gió bất kỳ; nếu dây lòi tói cột neo không chắc, mà rủi phãi cơn gió vập sóng dồi, tàu lôi đưa đẩy, dây đứt đi thì cái hại biết đến đâu kể xiết. Cái sức mạnh dây lòi tói phải chịu cùng sóng gió lại còn tùy theo cái sức lớn của tàu, theo cái mặt be tàu đưa chịu ngay ngọn sóng gió. Một chiếc tàu dài chừng 5, 6 mươi thước đã phải có một sợi lòi tói to mạnh vô cùng, nói chi đến mấy chiếc tàu khổng-lồ *Kaiser Wilhelm II*, của người Đức-Quốc, đến chiếc *Lusitania*, chiếc *Mauretania* của hảng Cunard (Anh-quốc) đến chiếc Paris của Pháp và chiếc Olympic, Titanic ngày nay, mỗi chiếc dài gần có 300 thước.

Ta chỉ nói cái sức lòi tói của tàu to nặng 40 triệu kilos thì hiểu cái sự lạ thể nào. Một sợi lòi tói dài, thường làm bằng những khoen sắt nối nhau. Khoen ấy làm hình thuẩn, giữa có cây thép chống ngang. Mỗi một cái khoen dài gần 6 tấc bề tròn cây sắt làm khoen, đo ngang gần một tấc,

nghĩa là cũng bằng một cái ống chưn của người lực lưởng. Như thế thì một cái khoen nặng có trên 72 kilos rưởi, nặng hơn một người cao lớn bực trung.

Một chiếc tàu to của hảng Cunard phải có dây lòi tói dài ít nữa 500 thước để buộc neo mà neo những nơi sâu, thì lòi tói ấy phải có đến 1200 khoen. Như thế một sợi lòi tói phải nặng đến 90 ngàn kilos. Tàu lớn như mấy chiếc Lusitania và Mauretania chẳng phải có một sợi lòi tói như vầy thôi; còn phải hờ khi nó đứt, thì phải có sợi lòi tói thứ nhì mà thế vô, sức nặng lòi tói ấy phải có 6 cái wagons xe lửa chở hàng thường mà chở một lược mới là nổi cho.

Tuy là vì cẩn thận mà sắm thêm phòng ngừa vậy chớ tưởng không đến nỗi nào dây lòi tói như thế mà đứt cho đặng. Bởi sao ta dám tưởng như thế? Bởi trước khi làm ra sợi lòi tói, người ta đã có thí nghiệm cho biết cái sức chịu của mỗi cái khoen là thể nào. Người ta thí nghiệm bằng máy kéo rất mạnh. Trước họ thử kéo một cái khoen chịu sức mạnh bằng treo theo khoen ấy một cái sức nặng 190 tấn (19 muôn kilos); nặng bực ấy mà thấy khoen chẳng có sao, người ta bèn thêm sức nữa, nó chịu đến 270 tấn mà cũng chưa thấy đứt. Đến sau người ta muốn thử coi đến bực nào cái khoen ấy mới chịu đứt, bèn cho máy kéo thật mạnh trong đời, sức mạnh đến 37 muôn kilos rồi mà khoen cũng chưa đứt, vì là không còn sức máy nào mạnh nữa đến làm cho nó đứt đặng.

Cours de littérature Annamite
VĂN CHƯƠNG TẬP GIẢI

Chuyện-Thằn-Lằn (tiếp theo)

Lão thầy cứ sớm mai bắt xe của quan Tổng-trấn, đi dạo chơi cho đến, rồi về ăn uống cho no say rồi đi ngủ. Chiều lại say quá bội, chúng phải khiêng vô để nằm trên giường, chớ lão đi thôi đà không đặng. Ngủ mê-man tới sáng, dậy nằm nói: «Làm sao, làm sao đi nữa cũng được một rồi». Lão nói một ngày, mà quân hầu đó tưởng là nói nó. Nó mới chạy học lại với hai thằng kia, và biểu không tin thì thay phiên hầu, đặng vô nghe mà coi. Bữa thứ hai cũng vậy, chúng khiêng vô ngủ một giấc tới sáng, dậy nằm nói: «Làm sao. làm sao đi nữa cũng được hai rồi». Đứa hầu ấy tưởng nói nó với thằng trước.

Qua bữa sau, ba đứa vô hầu, lão cũng cứ ăn chơi no say rồi, chúng phải khiêng vô giường, ngủ cho tới sáng, dậy mơ-màng nằm nói: «Làm sao làm sao đi nữa cũng được ba rồi.» Ba đứa hoảng-hồn, áp lại lạy thầy xin cứu vì nó dại lấy lở, bây giờ không biết làm sao mà trả cho được. Lão thầy nghe chúng nó nói vậy thì rằng: «Chưa tới đây thì tao đà biết là bây, mà tao nghĩ mình ăn thưởng, chúng bị phạt tội-nghiệp, nên tao muốn lập thế mà cứu bây. Vậy thì đi lấy chiếc cà-rá đem ra đây cho tao». Chúng nó đưa ra, thì thầy ta biểu đi lấy một nhúm cơm, bao nó lại mà cho con ngồng nào đó, nó nuốt đi, rồi nhổ một ít cái lông trên lưng nó mà làm dấu cho tao thấy. Chúng nó làm y theo lời thầy dặn.

(*Sau còn nói tiếp*).

*
**

Tham thì thâm

Tục rằng: «Thấy chúng ăn khoai, vát mai chạy vấy». Người kia trồng củ cải, nhổ được m t củ to quá chừng. Ai ai cũng lấy làm lạ ! Nó mới tình: «Để đem vào dinh dưng cho qnan Tổng-rấn, ngày ưa xem vườn trồng-kỷ-lưởng». Tính rồi đi vào dinh dưng củ cải ấy cho quan Tổng-trấn, ngài khen nó siêng-năng, giã-ơn nó có lòng kính trọng ngài; rồi biểu nhắc ra cho nó năm chục quan tiền.

Phạm-tam Thổ ở một làng, nhà giàu lớn, mà tánh tham-lam, nghe nói thì nghĩ rằng: «Mình đem dưng một con chiên cho mập, thì không lỗ chi. Quan Tổng-trấn thâu một củ cải, cho lại năm chục quan tiền. Mình dưng một con chiên, chắc sao cũng được nhiều hơn». Suy như vậy rồi, lấy dây cột cổ một con chiên tơ hung, dắc đem dưng cho quan Tổng-trấn xin ngài thâu vật ấy. Ông nầy biết ý chú chàng ganh-ghẻ, bèn nói cùng nó rằng: «Thâu thì ta thâu, song ta không muốn ở hẹp hơn nhà-ngươi vậy ta phải c o lại một vật trọng giá bằng ba con chiên đó». — Ông ấy nói rồi, liền đưa cho Phạm-tam-Thổ (nó chưng-hửng sửng-sờ) cái củ cải rất to mà nó nghe nói chuyện đó.

MAI-NHAM.

Sử ký Phan-sa đời thượng cổ

Các miền bên nước Gaule đời thượng cổ Phan-sa chia ra nhiều dân sự. Phần nhiều tu hành luyện tập theo chuyện thầy đạt đức, ngày nay ta gọi thầy tu ở chốn núi-non, cây cao bóng mát dưới cây thanh cương vạng thọ đó là thầy Druides. Thường lề mỗi năm hay nhóm nhau lại nơi giữa miền nước Gaule nơi nhà dòng, chỗ thầy cả luyện tập ở. Bổn đạo nào muốn làm thầy tu Druides thì ở nơi chốn nhà dòng đó học tập thuộc lòng sách thánh hiền chơn tu nhiều năm cho lung mới làm thầy Druides đặng. Tuy là tu tiên, ở theo núi-non dưới cây vạng thọ mặc dầu chớ là quyền hành phép tắc vô cùng cho tới tướng giặc cũng chẳng dám bì. Có một mình thầy Druides được tế thờ các thần và xử đoán con dân. Hễ dân nào nghịch mạng không tuân thì thầy cả ấy dứt tuyệt sự thù tạc với nhau.

Thầy tu Druides có khi làm thầy sải, thầy pháp, thầy bói, thầy thuốc. Đời đó chẳng thấy chùa chiền chi, hễ có cúng chi tế lễ chi thì nhóm trên chót núi, hoặc nơi trẫng trong rừng mà tế tề giữa trời thanh bạch.

Thuở đời đó, người ta tin rằng hễ con người ta chết rồi hồn nhập cho kẻ khác sống lại nữa mà đi qua xứ xa hơn nữa, nơi hướng mặt trời sập.

Có kẻ thuật lại rằng linh hồn người thát mỗi năm rũ nhau qua biển mà đi cõi khác. Bữa nọ, người ta thuật lại rằng mấy người bạn tàu gần bải nước Phan-sa nghe gõ cửa kêu, có tiếng dường như một thần kia đem những linh hồn đi. Các bạn tàu ở dưới tàn, coi lại thì không có ai đi lắm, mà có gió thổi, lại coi chiếc tàu hơi nặng bườm nặng chèo, tuồng như đông bộ hành vậy. Đó cho nên bạn tàu tưởng linh hồn kẻ chết mà mình không thấy được, họ đi đó. chúng nó thượng bườm lên cho đở nặng chèo, cách chừng một giờ thì qua khỏi biển Mauche, tới bải Angleterre (xứ An-lê) Tới nơi, thì bạn tàu nghe thần kêu mấy linh hồn người chết phải leo lên bờ, vừa nghe kêu, thì tàu bè đều nhẹ bổng rồi các bạn tàu quày luôi trở lại xứ mình.

(Sau sẽ nói tiếp).

Một điều cho những người
Làm cha mẹ nên biết

Tôi có biết một nhà kia, hai vợ chồng đều là người tân học, trong nhà ăn ở nhứt nhứt cái gì, cũng theo đúng cách thức vệ-sinh, vừa đây bỗng có một đứa con nên ba đương khỏe mạnh béo tốt hẳn-hòi mắc bịnh dịch tả mà chết. cả nhà lấy làm quái gở và đau-đớn lạ thường sau mới xét ra chỉ vì con vú nuôi con đem đứa bé đi chơi cho ăn bậy mất một miếng dưa mua của hàng rong mà nên nỗi thế. Một sự xãy ra đó đủ chứng cho ta biết rằng cái hại giao con cho vú nuôi thật là hiểm nghèo ghê gớm, chẳng những là một lúc thiên thời xao xiến nầy, mà dầu lức nào thì những người làm cha mẹ có cái trách nghiệm nuôi con cũng nên lấy cái hại ấy mà làm quan tâm cần thận lắm mới được.

Cái tình thường người ta đối với con cài người ngoài không hề có ai thiết tha đằm thắm cho bằng con cái mình được, đàn ông có học-thức cũng không sao thoát khỏi cái thường ấy, huống chi là đàn-bà, mà lại là cái hạng người đi ở vú thì phần nhiều là cái hạng trí khôn thấp kém quá, cái thường thức vệ-sinh, cái phương-phàp nuôi trẻ, thật không có mấy đứa biết một tý gì, gia-dỉ lại là cái tư cách hạ lưu lười biếng dong dài, dòi-dá khinh-suất, ăn mặc thì bẩn-thĩu, nhem-nhuốc, cữ-động thì láo-quáo hồ đồ, vì đói cơm rách áo mà phải đem thân đi ở vú nhà người, cái nghề là cái nghề đi làm mẹ mướn cho người ta mà tự họ cũng chĩ coi là một cái nghề làm mướn làm thuê, cơm nhà chúa múa tối ngày, trong lúc nhận cái đứa con yêu dấu là cái cục máu của người ta chia xẽ ra mà đã sẳn có cái bụng sống chết mặc ai, tiền ta bỏ túi, không cần gì phải có cái tư-cách làm mẹ, cái trí thức làm mẹ, may mà con người ta được trơn lông đỏ da, dễ nuôi chóng lớn, thế là phước chủ lộc thầy, chẳng may mà có sài, có đẹn, có ốm-o gầy mòn cũng là tự số tự mạng, không thưởng phạt gì đến mình, không trách nhiệm gì ở mình, miễn là trước mặt ông c ủ bà chủ, khéo làm bộ làm tịch chăm chút vờ, nưng-niu hão cho qua khỏi quở mắng thế là xong, mà cái hạng ông chủ bà chủ đã giao con cho vú nuôi thì cũng ít có người chịu săn sóc dòm ngó tới con, xét nét tới vú em trong nhà lắm nữa, phần nhiều có cái tánh làm sang. có cái thói ưa rãnh mới đem con giao phó cho kẻ không phải máu mủ nhà mình, đã có cái tánh làm sang thì thường cho việc nuôi con là hèn hạ. đã có cái thói ưa rảnh thì thường cho việc nuôi con là rộn ràng, đã lấy tiền mướn người để đở mình vào cái việc hèn hạ rộn ràn đó, cũng coi như cái việc quét nhà đã giao phó cho thằng nhỏ, cái việc rửa bát đã giao phó cho con đòi, cái thì giờ săn sóc dòm ngó tới con, xét-nét tới vú em trong nhà đổi sao được cái thì giờ vui chị vui em, khi lá bạc lúc quân bài khi đi rạp hát tuồng lúc vào nhà chớp bóng. Thôi ! cái tánh

mạng của đứa con mạnh hay yếu, nên hay hư chĩ toàn trông cậy ở trong tay một kẻ người dưng nước lã, vệ-sinh nó không hiểu, nuôi trẻ nó không tường mà nó lại chẳng có chút lương tâm gì đối với cái nghề nuôi con mướn, cũng chẳng khác gì cái nhà quét kỹ hay không mặc thằng nhỏ, rồ bát rửa được hay chớ mắc con đòi; như thế mà mong con ngoan con khoẻ. con khôn lớn nên người, thật là chuyện trời đẻ trời nuôi, may mắn lạ thường quá!

Đàn-bà nước ta trừ một hạng người buôn bán là bận công mắc việc, có con phải nuôi vú để dở đần, còn những người công việc rảnh rang, chỉ có một cái phận sự chìu chồng nuôi con, nếu đẻ con lại phải nuôi người nuôi, thì cái phận-sự ấy cũng khoáng khí hết mà cái hại mướn người nuôi con như trên kia đã kể đây, lẽ nào ôn chút lòng nghĩ tới máu mủ lại không biết lấy làm băn-khoăn lo ngại hay sao? Mong rằng ai nấy đều nghiên cứu cho kỹ cái phương-pháp nuôi con, luyện tập cho nê cái đức tính làm mẹ, mà có con, bỏ hẳn cái tánh làm sang, cái thói ưa rảnh, một con một vú, hai con hai vú như trước đi. Hoặc có những bà vì công việc bận rộn phải nuôi vú cho con thì nên thường săn sóc đến con mình, xét nét kẻ nuôi con mình, giữ cho cách dưỡng-dục không đến rồi cẩu-thả sai lầm; chẳng những lúc thường con được yên lành mạnh khỏe luôn luôn, mà dầu gặp những lúc thiên-thời xao xiến nầy cũng tránh cho con được mọi đều nguy hiểm, chẳng là một cái hạnh-phúc cho gia đình, cho xã-hội lắm ru?

L.T.T.V.

VĂN UYỂN

Solidarité

(Suite et fin)

Une joie ici-bas est d'autant plus profonde.
Qu'elle est plus large : un jour, je le crois, doit venir.

Où nul ne pourra seul ni jouir ni souffrir.
Où tout se mêlera, plaisirs, peines, pensées.
Où chantera dans l'âme un éternel écho.
Tous les hommes alors, de leurs mains enlacées.
Formeront une chaîne immense où chaque anneau.
Palpitant et vivant, ne pourra sans secousse.

Voir un autre frappé : la souffrance s'émousse.
Lorsqu'elle unit les cœurs comme fait un aimant.
Et les soulève tous d'un même battement ;
Ainsi que la pitié, la douleur devient douce.
Elargissons-nous donc ; laissons nos cœurs ouverts.

Chữ Đồng (*đoàn-thể*)

(Tiếp và chung)

Dưới đây vui có khắp đàng.

Mới càng thêm thấm, mới càng thêm hay.
Ta dám tưởng một ngày nọ sẽ.
Chẳng có ai vui lẽ sầu riêng,

Cùng nhau khoái-lạc ưu-phiền.

Nhơn tình tiếp vận, thiên-duyên hòa đàng,
Người khi ấy liên hàng tay nối.

Thành dây dài kết mối giăng giăng,

Thảy đều thân-thiết bền-săn.
Phanh-phui một mối, dùng-dằng cả dây.
Số dầu phải đắng cay, cũng dịu.

Miễn đặng lòng dăn-díu keo sơn.

Đồng thinh tương ứng, chi sờn ?

Thành-tâm nghĩa nhạn, Thái-sơn lông hồng, (1)
Vậy ta phải mở lòng cho rộng.

(1) Nếu người ta thành-tâm giúp nhau như chim nhạn hay bay liên hàng, thì cái chi dầu nặng như Thái-Sơn cũng thành ra nhẹ như lông chim hồng vậy.

Trong *Chinh-phụ-ngâm* có câu : Chí làm trai giậm ngàn da ngựa, gieo Thái-Sơn nhẹ tợ hồng-mao.

A tout tressaillement de ce vaste univers.
Demandons notre part de toutes les souffrances.
Dont le poids fait frémir les êtres révoltés;
Demandons notre part de lointaines élartés.
Qui se lèvent sur eux comme des espérances.
Faisant tomber enfin cet obstacle éternel.
Le « moi », réfléchissons en nous toute lumière.
Qui monte de la terre ou qui descend du ciel ;
Soyons l'œil transparent de la nature entière !

Jean-Marie GUYAU

Đề lừng theo hơi động vủ hoàng,

Nhiều người bực gánh gian-nan.

Kề vai ta khá xin sang một phần;

Trên người đã lố vầng hi-vọng.

Ta hãy xin chút bóng xa vời.

Triệt phên « duy-kỹ » ngăn đời.

Mình ta giọi cả ánh ngời mấy nơi.

Ánh dưới đất, trên trời, dầu rạng.

Ta khá làm mắt sáng dương-gian !

NGUYỄN-NGỌC-ẨN dịch.

3e ANNÉE — Nº 141 — 8 JUILLET 1926

KHOA HỌC TẠP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1° — M. BUI QUANG-CHIÊU *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*
2° — M. LÂM-VĂN-HUÊ, *Commis indigène des Services Civils.*
3° — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics à Cholon.*
4° — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*
5° — M. NGUYỄN KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon*
6° — M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*
7° — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*
8° — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN, *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*
9° — M. TRẦN VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Paris.*
10° — M. TRẦN-QUANG NGHIÊM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*
11° — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*
12° — M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3.00		

MỤC LỤC

Giải sơ bá nghệ..... 2480
Thiệt hành bác học..... 2484
Hiền triết cách ngôn..... 2486
Tạo hóa kỳ quan..... 2487
Thay hồn đổi xát..... 2489
Văn uyển..... 2491
Đông-pháp thời-sự..... 2494

Giải sơ bá nghệ

Nghề in vải bông

Những hàng vải nhuộm thì hết cả thân vải 2 mặt đều có một màu, còn vải in thì màu ăn có một bề mặt mà thôi. Vã lại mầu ấy chẳng phải ăn đều cùng hết một mặt, có chỗ ăn màu có chỗ không tùy theo hình in xuống vải. Vải in bây giờ thuở trước kêu là vải vẽ, bởi những bông cùng là hình trên vải đều là hình vẽ bằng bút lông chấm mầu. Chớ như bây giờ thì người ta dùng máy mà in ra hình rất là mau lắm. Xưa người ta chỉ vẽ hình lên vãi mà thôi, chớ nay bất kỳ hàng vải chi (tơ lụa hay vải bố, vãi bông, vân vân) người ta cũng in hình lên được cả. Những nghề in đó người ta dùng nhứt là để in vải bằng bông vải (tissus de coton).

Người thợ in vải đây cũng dùng một thứ màu, một thứ thuốc thắm màu như thợ nhuộm vậy, song dùng cách khác mà thôi. Vã chăng màu ấy phải in xuống vải nơi có nơi không, nghĩa là chỗ nào ra hình thì mới cho xuống màu, chỗ trống thì không cho xuống màu, cho nên dùng màu mà in thì phải làm màu đặc, chớ nếu làm lỏng thì e nó ăn lang thắm ra ngoài hình. Vậy muốn làm cho nó đặc thì phải trộn nó với hồ (hồ bột) với keo, vân vân. Chẳng phải màu làm như vậy rồi, mà in lên hàng vải thì xong, còn phải làm sao cho hàng vải nó láng, nghĩa là đừng có lông quá mà màu nó không ấn xuống, thứ nhứt là về vải bằng bông, chẳng phải làm cho nó trắng tinh mà thôi còn phải làm cho nó hết lông. Có thứ máy quây làm cho mặt vải phất ngang lên ngọn lửa, thì lửa cháy những lông ấy đi hết. Người ta cũng phải lựa màu riêng tùy thứ hàng vải, và cũng tùy theo thứ hàng vải, theo màu, theo hình in mà người

ta phải dụng cách khác nhau mà in. Những cách ấy gọi là cách in (genres d'impression) đều có khác nhau không thế tả ra đây, song chúng ta chỉ nói vài lời về cách thường dùng mà in hình lên mặt vải.

Cách in hình màu lên vải

Cách thường dùng là cách in bằng bản khắc hình nhận lên trên mặt vải. Có bốn cách in: cách in bản khối (impression au bloc), cách in bằng máy Perrot (impression à la perrotine) cách in bằng ván chạm bằng-mặt (impression à la planche plate) và cách in bằng ống quây (impression au rouleau).

Cách in bằng bản khối.— In bằng cách nầy thì người ta dùng một tấm ván cây dày kêu là khối cây (bloc), mà cây phải lựa thứ nhẹ nhàn cho dễ cầm một tay. Tấm cây ấy một bề thì chạm hình in nổi, để in ra hình, còn một bề để cầm thì có khoét lỗ cho dễ thọc ngón tay vô mà cầm.

Khi in, người thợ cầm tấm ván in đó mà nhận lên một cái khuôn có phết màu hoặc nước thuốc thắm màu rồi đem ra in lên trên mặt tấm vải trải dài trên bàn; trên mặt bàn lại có trải trước 2 tấm nĩ dày cho êm. Khi đặt cái khuôn in lên mặt tấm vải rồi, người thợ bèn lấy tay, hoặc lấy cây chi mà đóng lên trên lưng cái khuôn cho hình nó in xuống dính đều. Người thợ cứ như thế mà in hoài cho đến khi mặt vải đã in có hình đều hết thì thôi, rồi trải lên một xấp vải khác mà in nữa.

Người ta in như vậy phải bắt một đầu mà in trước; in tới đâu thì phải đem cái đầu vải in rồi mà phơi lên mấy cái ống tròn để phiá trên cao (trển nóc nhà, plafond), đợi chừng nó khô rồi mới đem xuống để lên trên bàn khác.

Như hình in nhiều màu, thì phải làm nhiều khuôn, mỗi khuôn một màu, mỗi lần in màu nào thì cũng phải làm y như cách đã nói trên kia. Mỗi khuôn đều có đóng đinh tà ló ra để cho biết phải lót ngay cái khuôn

xuống vải nơi chỗ nào cho nó ra cái hình có nhiều màu được. (Nghĩa là một cái hình mà phải in chồng lên nhiều bận, mỗi bận là một màu riêng, chừng xong thì thấy cái hình ấy có nhiều màu).

Cách in bằng máy Perrot.— In như cách nói trên kia đã chậm mà lại hao công cho nên phải dùng cách in bằng máy kêu là *perroline*. Cái tiếng kêu như vậy cũng bởi chưng người chế bày ra tên là ông *Perrot*, người gốc ở thành Rouen. Máy ấy làm nhiều tấm ván chạm hình nổi, mà để chung vô trong một cái sường, rồi nhờ có máy riêng phết màu lên, lại có một cái máy khác nữa nó làm cho mỗi tấm ván in đều chạy in lên mặt vải lần lược nhau, còn xấp vải thì chạy tự nhiên ngay vô mỗi tấm ván in.

Cách in bằng ván mỏng chạm mặt bằng.— Trong cách nầy thì hình đều in bằng khuôn chạm hủn. Người ta chạm hình làm hủn ở trên một tấm đồng bằng mặt và láng bóng, to rộng chừng một thước vuôn. Khi in phải lấy bàn chải lông chấm thuốc và màu mà phết lên, rồi cho nó chun ngang 2 cái ống để kề mặt nhau. Khi cái khuôn chun ngang 2 cái ống thì có một lưỡi sắt nó cạo đi hết những màu ở trên cái mặt khuôn, chừa lại màu ở theo đường hủn của hình chạm, rồi kế cái mặt vải bèn chạy lại in vào mặt khuôn, khuôn và tấm vải đều chạy ngay vô 2 cái ống làm cho ống ép lại, vừa ép vừa quây tròn thì vải và khuôn đi tới, mà màu ở trong khuôn nơi mấy chỗ hủn đều in ăn vào mặt vải.

Cách in bằng ống quây.— Trong cách nầy thì khuôn hình chạm hủn ở trên mặt cái ống đồng; có máy làm cho ống khuôn ấy quây mau hoặc chậm cũng được. Cái ống khuôn vừa quây thì một phiá mặt ống đều chun xuống một cái thùng đựng màu, cũng dài bằng cái ống khuôn. Khuôn quây lên, phiá ống có dính màu chạy lên khỏi mặt nước màu thì có cái lưỡi sắt để cạo ráo

màu dính phiá ngoài mặt khuôn, còn chừa lại mấy nơi hủn (có hình) còn màu. Khi ấy vải hàng chạy theo một cái ống to có bao nĩ mà ép lên trên mặt ống khuôn đương quây chạy, nơi phiá đã cạo sạch màu ngoài mặt rồi. Hễ máy cứ việc quây như vậy hoài tới đâu thì vải có hình in tới đó.— Thứ máy ấy in một lần nhiều màu khác cũng được, song như thế thì phải có nhiều khuôn ống, mỗi khuôn ống để in một màu, mỗi ống đều mỗi có vật dụng riêng của nó (thùng đựng màu, lưỡi sắt cạo màu v. v.) Bây giờ người ta bày ra nhiều thứ máy tinh xảo, in một lần sáu bảy màu.

(Sau sẽ nói về lịch sử nghề in trên hàng vải).

THANH-TÂN.

Thiệt hành bác học

Sấm sét và *Thâu-lôi-thiên*

(*La foudre et le paratonnerre*)

(*tiếp theo*)

Lần lần ở tại thành Paris nhiều người thí nghiệm về điển khí trên trời. Nhờ vậy nên có ông Lemonnier thí nghiệm được nhiều lần mới thấy chẳng phải đợi trên trời có mây mưa mới có điển khí, mà chính khi trời trong trẻo cũng là có điển khí luôn luôn.

Còn ở tại thành Nérac có ông Romas sửa cách thí nghiệm mới biết rằng hễ cây sắt càng làm cao thêm chừng nào, thì có điển khí xuống mạnh chừng nấy, bởi vì nó xẹt ra ngọn lửa mạnh hơn là ở nơi cây sắt vắn hơn. Người bèn tính làm thêm cây sắt cao hơn nữa, đặng thử lấy thêm lửa trời.

Ở tại kinh-đô Nga quốc là thành Saint-Pétersbourg, khi ấy cũng có ông bác-sĩ Richmann là chơn cách-trí hàng lâm ở tại kinh thành, bắt chước theo cách đã chỉ đã thí nghiệm trên kia mà làm theo, lại rủi khi điển xuống rất mạnh làm cho ông bị sét đánh chết tươi.

Ông Richmann cậm cây sắt trên nóc nhà, rồi cho chuyền ngay xuống chỗ phòng ông làm việc chó không cho ăn liền xuống đất. Vì vậy cho nên điển khí trên trời chun vào cây sắt, không chỗ mà đi ra phải tích trữ troug ấy, thành ra hơi điển rất mạnh.

Ngày 6 Août 1753 trong lúc mưa dông dữ dội ở tại thành Saint-Pétersbourg, ông Richmann tay cầm một cái máy đo sức điển (électromètre) nói để vào thử coi sức điển trên trời xuống đó là bao nhiêu. Ngài không dám lại gần cây sắt lắm vì sợ e lắng điển xẹt ra, cho nên ngài có ý đứng xa xa một chút. Rủi thay! lúc ấy có người thợ khắc hình của ngài đi vô, ngài vô ý bèn bước tới, còn chừng một thước mộc nữa thì tới cây sắt, thình lình có một bầu lửa xanh bằng một nắm tay trong cây sắt xẹt ra đánh ngay vào tráng ngai ngã xuống chết liền.

Thả dều điển (Cerfs volants électriques). — Dụng cây sắt cậm lên cao mà lấy điển thì không có bao nhiêu, bởi vì nó lên không cao mấy. Muốn thử coi ở trên trời cao, sức điển đến bực nào cho biết, nên có 2 ông bác-sĩ bày cách thả dều lấy điển. Bên Tân-thế-giái thì có ông Franklin, còn bên Âu-Châu thì có ông Romas ở Nérac.

Hồi ngày 14 Mai 1753 ông Romas có làm một con dều, trên đầu có để một cây kèo sắt nhọn, rồi thả dều ấy lên, để cho chuyền xuống dây, nhưng sợi dây ấy không được dẫn điển, cho nên không được kết quả lắm. Sau người nghĩ ra một thế, bèn lấy dây cước đồng mà xe bao theo sợi nhợ cột con dều điển ấy, làm một sợi dây dài có 260 thước.

Ngày 7 Juin 1753 nhằm bữa dông mưa, ông Romas thí nghiệm được kết quả lắm. Nơi phiá dưới sợi dây nhợ ông cột sẵn một sợi nhợ tơ (vì

nhợ tơ không dẫn điền) rồi nhợ tơ ấy cột vô một cục đá to nặng lắm, để ở dưới góc nhà. Nơi chỗ đầu mối nhợ tơ với nhợ có dây đồng, ngài có cột thòng xuống một cái ống thiết để hêu hỏng đặng cho điền xuống đó mà thí nghiệm. Lúc ban đầu chưa dông mưa lắm thì điền khí xuống ít, nên dùng cây sắt nhỏ có cán mà đưa gần thì thấy ngọn lửa còn nho nhỏ. Đến sau lần lần dông mưa đến nhiều thì điền khí xuống mạnh lắm ; ngọn lửa xẹt ra xa đến một thước mộc. Mỗi lần xẹt ra thì nghe nổ một tiếng to như súng, đứng xa 200 bước cũng nghe. Còn xung quanh sợi dây chạy dài lên con dều thì có ánh lửa sáng bao theo. Trong lúc ấy có mùi hôi sanh bay ra. Có một lúc ông Romas thấy điền khí xuống nhiều quá, bèn tính thôi thí nghiệm, sợ e có sự nguy hiểm, thình lình nghe một tiếng sấm nổ, nội cả thành phố đều nghe : ấy là điền khí trong cái ống thiết đánh xuống đất mà nổ như vậy.

Qua năm 1757, ông Romas lại thí nghiệm nữa, thì ngọn lửa xẹt ra xa có gần chín mười thước mộc, tiếng nổ nghe như tiếng súng.

Bên Mỹ-quốc ông Franklin cũng thí nghiệm như vậy, hồi tháng September năm 1752. (Trước ông Romas).

Như vậy thì lấy theo mấy cách thí nghiệm đã kể đó, người ta đoán chắc trên trời có điền khí, mà có sấm sét cũng tại nơi điền khí ấy.

Cây thâu-lôi-thiên trước nhứt

Năm 1760 ông Franklin dạy làm cây thâu lôi-thiên trước hết. Ông để cây thâu-lôi ấy trên nóc nhà của một người thương gia ở tại thành Philadelphie. Cây thâu-lôi ấy làm bằng một cây sắt dài gần 3 thước, trên đầu nhọn, dưới góc to chừng 4, 5 phân. Nơi gốc có một sợi dây sắt cột theo, cho chạy ăn liền xuống đất sâu chừng một thước rưỡi nữa.

Ông vừa đặt cây thâu-lôi ấy xong rồi, thì nghe có sét đánh lên trên nóc nhà ấy, mà nhờ có cây thâu-lôi ấy rút sét đi nên không có hại chi cả. Ấy cũng nhờ tài ông Franklin mà khỏi hại vậy.

Bên Mỹ-quốc vừa bày thâu-lôi-thiên thì thiên hạ đều hoan nghinh lắm, mà bên Âu-Châu thì còn lắm kẻ phản đối, cho đến hơn mấy năm sau cũng còn chưa chịu hoan nghinh. Bên Anh quốc vì thiên hạ ghét ông Franklin (bởi ông Franklin là một người nhiệt tâm ái quốc, có dự một phần to trong cuộc cử đồ đại sự, đánh đuổi người Anh mà lấy nước lại tự trị) cho nên không ai chịu bắt chước theo, hoặc bắt chước mà sửa cách thế, có ý làm cho ông Franklin bớt danh đi, như là sửa lại, không làm cây thâu-tôi trên đầu nhọn, lại làm có một cục tròn, thành ra người ta không mất danh, mà mình lại phải mang tiếng dốt. Bên Pháp ban đầu cũng không thấy ai hoan nghinh lắm. Bởi vì có ông linh mục Nollet là một người bác-sĩ có danh về việc điền khí bên Pháp, bắt bẽ, cho nên mãi đến năm 1782 mà vẫn không ai chịu dùng cây thâu-lôi-thiên, nói rằng hiểm nghèo thêm cho thiên hạ lắm.

Nhưng vậy mà trước hết có mấy nhà ở về tỉnh phía nam nước Pháp khởi sự dùng. Chừng ai nấy thấy linh nghiệm rồi, ở thành Paris người ta bắt chước làm theo.

Bên Anh-quốc qua năm 1788 người ta mới khởi sự bắt chước theo Trong lúc ấy quận-công ở Toscane và Áo-quốc hoàng-đế cũng dùng thâu-lôi-thiên. Lần lần các nước Âu Châu đều bắt chước mà dụng cách thâu-lôi-thiên của ông Franklin bày.

(Còn nữa).

Sau sẽ nói cách làm thâu-lôi-thiên.

Hiền triết cách ngôn

Je n'ai qu'une seule affaire, qui est de m'étudier, de m'approfondir, et surtout de me vaincre, pour me rendre digne de parvenir à la vérité. (Fénelon).

C'est sans doute un mal que d'être plein de défauts ; mais c'est encore un plus grand mal que d'en être plein et de ne point vouloir les reconnaître, puisque c'est y ajouter encore celui d'une illusio volontaire. Pascal).

L'avare est celui qui n'ose toucher à son argent, qui n'en est que le gardien, et semble ne se réserver aucun droit que celui de le regarder. Quel bien lui en revient-il ? (Bossuet).

Quand on me fait une injure, je tâche d'élever mon âme si haut que l'offense ne parvienne pas jusqu'à moi. (Descartes).

Tôi chỉ biết lo có một việc mà thôi, là tôi tự xét lấy tôi, tự làm sao cho được hoàn toàn, và nhứt là lo tự thắng lấy tôi cho được trở nên xứng đáng mà lên tới nẻo chánh. (Lời của ông Fénelon).

Khi nào mình có đầy những tội lỗi thì là mình quấy, lẽ ấy chẳng chối được. nhưng mà nếu mình có lỗi, lại chẳng chịu rằng mình lỗi thì lại càng thêm quấy nhiều hơn nữa, bởi vì mình thêm vô một cái ý muốn lầm lỗi như vậy. (Lời của ông Pascal).

Người hà-tiện là kẻ chẳng dám động tới tiền bạc của mình, chỉ là kẻ giữ tiền mà thôi, và hình như chẳng để cái quyền chi cho mình khác hơn là để ngó tiền đó mà thôi. Như thế thì họ có được lợi gì chăng? (Lời của ông Bossuet).

Hễ có ai mà làm nhục đến tôi, thì tôi phải ráng làm sao cho tâm tánh tôi lên thêm cực cao thượng cho cái nhục ấy đừng có đến tôi được. (Lời của ông Descartes).

VỎ-THÀNH-VINH.

Tạo hóa kỳ quan (n° 1)

(Những sự lạ trong trời đất muôn vật)

Tác giả: THANH-TÂN

Luận về sức mạnh của sóng biển

Có nhiều người đã nghe đã thấy sức mạnh của sóng thần rồi. Nay nói về sức mạnh của sóng biển. Sóng biển sức mạnh cũng chẳng vừa. Những người chưa đi biển giả, đứng trên bờ hay là trên bãi biển mà xem khi biển tịnh gió êm, thấy những sóng con con đập vào bãi, lấp xấp dưới chưn, ngở rằng sóng ấy không đủ gì phá hại được. Nhưng mà thử đến khi đi thuyền nho nhỏ, đáp theo cạnh cầu, cạnh đê mới biết sức nó đưa đẩy thuyền đập vô ra, đụng cây đụng đá hòng muốn vở, mà không thể chịu lại cho êm. Gặp đến lúc dông gió ba đào, mới hay sức mạnh của sóng đến dường bao, dầu cho đê cho đá cũng phải rúng động long lay. Lúc có bảo tố, sức sóng lại còn mạnh hơn trăm phần nữa đem nổi đến đá to nặng năm bảy ngàn kilos, xoi vở nổi những vách thành cao lớn.

Những sóng to thường có luôn luôn trên mặt biển, khi rất cao lớn, có dài có vắn có lúc mạnh dữ lắm, tùy khi gió mạnh cùng yếu. Ngoài biển chẳng lúc nào mà không có gió, cho nên không lúc nào mà chẳng có sóng. Hễ có gió thổi thì sóng nổi lên mà đi lần lần, cái nầy tiếp cái kia đi xa đến 4, 5 trăm hải lý (1); đến khi gió lặng rồi sóng cũng còn bủa lượng hoài mà tấp đập vào bờ, vào bãi biển.

Ta đứng trong bờ xem ra ngoài biển thấy sóng đưa vô cuồn cuộn, ngở nó muốn tấp vào đập ta, nhưng nó vẫn sanh ra gần như ở một chỗ nổi lên lặng xuống liền liền không ngớt. Khi ấy nếu nó gặp vật chi cản trở thì nó đập vào, tiếng nghe ầm ầm như bảo tố, nước văng lên trắng giả như mây ngút.

Nước biển nặng hơn nước sông, cho nên cái sức của một đống nước sóng to đập vào thì càng nặng càng mạnh biết là bao nhiêu, cho nên những vật chắc như sắt đá cũng còn phải vở phải tan.

Khi có bảo tố ngọn sóng lên cao đến 15. 16 thước thì sức uặng lại càng nhiều hơn nữa, đậy vô be hông, lên sân tàu, dẫu cho sắt dày cây chắc đến đâu cũng phải hư vỡ như cái hộp giấy thường; những lang cang sắt to gần bằng tay cũng gãy ngoẹo như ta vò dây kẽm. Như thế khuyên những người đi tắm biển chớ nên ham giỡn sóng như thuyền kia.

Xưa kia có chiếc tàu lớn đưa qua biển Thái-tây-dương kêu là chiếc *Normandie* bị một ngọn sóng đập vào leo lên cao đến tận chuồng cu cột bườm, rồi đổ xuống sân tàu, thì cái sức nước ấy tính ra nặng có trên 30 muôn kilos.

Còn trong biển Irlande ngày kia

(1) Hải lý = mille marin — Một hải lý dài 1852 thước.

dông gió lớn, sóng bủa rứt trôi đi mất một cái neo to nặng 4 ngàn kilos ràng chắc trên mủi tàu có dây lòi tói lớn buộc lại. Neo đã có lòi tói to, mỗi khoen bằng bắp tay người lực lưởng ràng buộc lại, mà sóng còn giựt đứt đi mất nồi, nói chi đến thuyền con buộc trên mui tàu, làm sao cho khỏi bị sóng rứt đi.

Sức sóng đã mạnh như thế, nếu tàu chạy đi ngược sóng thì cái sức nó lại càng mạnh đến đâu nữa. Ấy cũng như hai người chạy mau mà đụng đầu nhau thì phải mạnh hơn là hai người đi chậm. Người ta tính sóng ngược đập vào tàu như thế thì cái sức mạnh mỗi thước vuôn nặng hơn 3 muôn kilos.

Những khi dông bão t ì cái sức sóng càng mạnh vô cùng nữa. Ví như hồi năm 1902 bão tại Boulogne, sóng đánh vở bờ đê đá Sainte Beuve, tróc hết những đá hàng xi măn làm đê, thành ra một lỗ rất to, sau phải mất ba tháng mới sửa lạ xong. Còn những cừ bằng cây to, đóng nọc ràng sắt, bị sóng đánh rạp hết như là đồ chơi con nít. Cho đến những đá to nặng 3, 4 ngàn kilos để làm đê mé biển thành Cherbourg cũng bị sóng biển rút đem ra ngoài khơi hết.

Ở bên Anh-quốc nơi xứ Shetlands mỗi khi nước thủy triều dưng, người ta thấy những hòn đá nặng hơn 3 ngàn kilos bị sóng biển đánh đem ra ngoài khơi xa hơn trăm thước. Cũng nơi ấy, có một đêm kia người ta để theo mé biển một cây cột sắt dài gần 8 thước nặng nồi ba tấn, qua bữa sau không biết đâu mất, chẳng dè bị sóng đánh đứt dây lòi tói ràng mà văng tuốt lên khỏi bờ cao hơn 3 thước. Nghĩ một cây cột sắt nặng như thế mà đem đứng lên cao từ dưới bãi lên tới bờ cao 3 thước, thật là sức mạnh vô cùng.

Vì thế cho nên ngoài biển mấy nơi có làm lầu vọng đăng, gặp những khi dông gió sóng to, sóng đập vào chưn lầu nước văng lên trắng giả, như lầu vọng đăng ở Eddystone bên Anh-quốc là cao chắc có danh, thường khi bị sóng bủa nước văng cao hơn 25 thước. Cũng ở bên bờ biển Anh-quốc, trong khi làm một cái lầu vọng đăng, người ta có ráp đá lại thành một cục nặng 28 tấn, để trên cao hơn 15 thước khỏi mặt biển mà cũng bị sóng lôi đi đâu mất. Còn ở tại vàm kinh Amsterdam (xứ Hoa-Lan) một cục đá nặng 20 tấn cũng bị sóng đem lên khỏi bờ đê, chỗ ấy cao có gần 4 thước. Trong lúc làm đê doi ra biển ở tại Mortaganem những đá đúc bélon armé nặng hơn 70 tấn cũng bị sóng đánh dời đi như rơm-rác. Nhưng mà cũng chưa quá mấy, bây giờ người ta dùng những đá nguyên cục to lớn dữ tợn, để chịu đựng với sóng mà cũng phải nhường sóng. Ví như ở thành Wick bên xứ Ecosse một cục đá to nặng 1350 tấn bị sóng đập ngã nằm dài; cách ít lâu nữa cũng ở nơi nhằm chỗ chịu n ay sóng biển, một cục đá nặng 2600 tấn bị sóng đánh dời đi. Hết sức đá, đến cầu sắt bắt ra biển như ở bờ biển belge những cột sắt đóng vặn sâu dưới đáy biển trong một đêm bão những cột sắt đều bị gảy ngang dưới chưn cột nằm rạp dưới dáy nước hết cả một hàng dài 125 thước — Thật ghê gớm tha !

(Còn nữa).

Thay hồn đổi xát (n° 1)

Cách trí tiểu thuyết Tây: THANH-TÂN diễn nôm

I

Tên Jacques le Marquand (Rắc-lơ-mạt-căn) nói rằng: « Trong mấy sự tín ngưỡng của người đời cũng có cái thật, nhưng tôi nói có thật là những chuyện tín ngưỡng mà có ăn nhập với thời sự đã chắc, đã có thường. »

— Vậy thì cái phép thuật phù thủy chớ gì...

— Nhưng kể chung lại tôi không cho là có, vì trong ấy có nhiều đều mờ mịt và lại hay biến đổi khác nhau quá lắm. Vậy mà cách trí đời nay cũng dụng lắm công thiệt hành về nghề bóng chàng thầy pháp: bởi vậy nếu không cho nghề phù pháp là thật do có gốc thiệt hành chút nào thì là cũng ngặt... Tôi không nói việc đó chi giống dài, bởi tôi không rõ cho lắm. Nhưng nếu tôi cho là có thật yêu quái, thì các anh mới nói sao?

Tên Charmel (Sạt-men) diễu lớn lên rằng: « — Cách trí không chối rằng không có, nhưng chỉ đem loại người mà cho vào một thứ dơi kia thôi... »

Le Marquand (Lơ-mạt-căn) nhúng vai tiếp rằng: « — Tôi có biết một con yêu (tinh) ở trong quận Islington (Ai-linh-ton) tại kinh thành Long-đong (Londres) hồi năm 1902 đến năm 1905. Tôi lại mới nghe tin nó còn sống bây giờ. Mà nó lại có chồng, có bốn đứa con nữa. »

Tên Charmel (Sạt-men) hớt cách nghiêm chỉnh rằng: « — Đều là tinh (yêu) con hết cả, phải? »

Lơ-mạt-căn càng nghiêm nét mặt mà nói: « — Cái sự yêu quái chắc là không có truyền tử. Cái người tinh quái nhỏ tôi nói đây là con gái thứ ba của vợ chồng ông Grovedale (Gơ-rô-huê-đên), mà nàng khác hơn mấy người chị là vì nàng đẹp để hơn chị nhiều. Khi tôi biết nàng thì nàng lịch sự lạ kỳ. Là ý tôi muốn nói nàng có thêm một cái đều rất lạ, rất phi thường. Trước hết mặt nàng thiệt trắng tinh như tờ giấy nầy đây, nên thấy mà càng thêm sợ. Nhưng cũng có một lẽ kia lẽ nọ mà khiến không lấy chi làm sợ, lại mấy người lân cận gọi nàng có cái vẻ quến mê. Mà cũng nhờ cặp mắt, tóc và miệng của nàng làm cho bớt cái nước da xanh mét của nàng đi; tôi không biết có cái chi mà quến mê, nay là cái bụi tóc lửa của nàng, hay là cặp mắt to khuynh thành của nàng, hay là cặp môi son đỏ như hoa ngải hoang kia chẳng biết. Nàng xanh mét cũng chẳng bao lâu nay chừng đã vừa năm năm rồi. Mẹ nàng nói nàng chết, đã chết thật rồi vậy. Có hai ông quan thầy tới chứng nghiệm rằng nàng chết rồi nữa. Theo tục lệ Ăn-lê, người ta thường quàn thây một ít lâu. Qua đến bữa chiều ngày thứ ba, thì vừa khởi sự thúi... Vậy mà qua ngày thứ tư, lại thấy nàng Y-huê-linh (Evelyn) Grovedale sống lại. Đều ấy làm cho các nhà bác sĩ

lấy làm một sự lạ nên biết, mà người nhà càng lo sợ. Nàng sống dậy rồi, trí nhớ thường bấn loạn, thỉnh thoảng lâu mới nói, mà nói thì chẳng nhằm đâu cả lại không thấy có chút tình triếu mến cha mẹ chị em.

Đến lúc trí khôn của nàng tỉnh táo, thì người ta tưởng đâu như nàng có hai hồn vậy. Nói theo việc hiện thời và các việc từ lúc sau khi nàng chết, thì nàng nói theo như người trước; còn nói đến việc trước khi nàng chết, thì hình như có lộn một người lạ nào không chắc vậy. Vã lại trí nhớ nàng coi dường như để chỉ đường noi đi tới chớ không biết chi đến việc đã qua hết. Đến lúc nàng muốn hun hót bà con thì nựng niệu rất sốt sắn; mà một cách rất lạ thường. Lần lần lâu ngày, xem nàng ăn ở gần như thường. Nàng ngập ngừi, cải cự sợ hải lắm khi mới là chịu nghe chuyện thật của mình lúc trước, dường như kẻ chịu lời giảng đạo, người chịu nghe tin một đạo nào vậy.

Bây giờ tới lúc nói qua mấy sự lạ thường xảy ra sau khi sống lại. Vợ chồng ông Gơ-rô-huê-đên, hai người con gái và đứa con trai nhỏ đều khương cường tráng kiện, mà lần lần trở nên xanh xao vàng vọt. Có người cha thì ít xanh hơn hết cả. Người mẹ thì nói có hơi mệt nhọc, người chị cả là cô Ha-rich (Harriet) cũng thế. Cô thứ là Ô-rô-ra (Aurora) xem dường như bị bịnh mất máu, còn thằng nhỏ Rắc (Jack) càng thấy giảm sức, không thể học hành nơi trường, cùng làm bài vở, ở trong nhà đặng; xem nó càng ngày càng yếu; trong 24 giờ nó ngũ gần hết 19 giờ. Vã lại nhà họ Gơ-rô-huê đên ít hay suy xét nên chẳng nghiệm xem định việc ấy tại đâu; quan thầy trong họ cũng lấy làm lạ, mà chỉ đặt tên nầy tên kia, để cho rằng bịnh mét da truyền nhiễm, rồi cho trị những thuốc hoàn thuốc thang đủ thứ.

Qua mùa xuân, bình tịnh xem hơi giảm bớt. Người mẹ và cô Ha-rich trở nên tráng kiện; cô Ô-rô-ra có phần mạnh khỏe, còn thằng bé Rắc tuy học hành chẳng phấn chấn, mà cũng bớt ngủ, một ngày đêm còn ngủ có 15 giờ. Là vì trong lúc đó trong nhà thêm có tên Ram-Bơ-lu-hoanh-cơn (James Bluewinkle) là một anh trai tráng vậm vỡ người, thấy nàng Y-huê-linh chàng đem lòng mê đắm lắm.

Sau hai nhà vì thấy hai trẻ thương nhau, nài nĩ nên cũng bằng lòng, gần cúi tháng tư đã định xong việc hôn nhơn. Vợ chồng mới dắc nhau đi du lịch đường bộ, rồi trở về ở tại thành Long-đong (Londres).

(Còn nữa)

VĂN UYỂN

Les animaux malades de la peste

Un mal qui répand la terreur,
Mal que le ciel en sa fureur.
Inventa pour punir les crimes de la terre,
La peste (puisqu'il faut l'appeler par son nom),
Capable d'enrichir en un jour l'Achéron,
Faisait aux animaux la guerre.
Ils ne mourraient pas tous, mais tous étaient frappés :
On n'en voyait point d'occupés.
A chercher le soutien d'une mourante vie ;
Nul mets n'excitait leur envie ;
Ni loups, ni renards n'épiaient.
La douce et l'innocente proie ;
Les tourterelles se fuyaient ;
Plus d'amour, partant plus de joie.
Le lion tint conseil, et dit : « Mes chers amis,
Je crois le ciel a permis.
Pour nos péchés cette infortune.
Que le plus coupable de nous
Se sacrifie aux traits du céleste courroux ;
Peut-être il obtiendra la guérison commune.
L'histoire nous apprend qu'en de tels accidents,
On fait de pareils dévouements.
Ne nous flatons donc point ; voyons sans indulgence.
L'état de notre conscience.

Thú mắc dịch

Bịnh náo-động, bịnh trời nộ phát.
Bày ra trừng tội-ác dương gian,

Dịch-ôn (phải biết rõ ràng).

Có bề làm thạnh Huỳnh-toàn một mai,
Đương lừng-lẫy hại loài bay chạy.
Chẳng chết đều, song thảy đều vươn,

Chẳng con nào thấy lo toan
Kiếm chi gượng đỡ cho toàn mạng nguy,
Chẳng có mồn ăn gì thèm đến ;
Sói chồn không núp lén rình mồi ;

Chim câu tránh chẳng tìm đôi ;
Hết cơn tình hiệp, hết hồi vui chung,
Sư-tử nhóm hội-đồng, bèn phán.
« Qui-vị ôi, ta tưởng việc nầy,
Trời hiềm tội-ác mình đây.
Cho nên xui khiến họa gây thế mà.
Ai nhiều tội bọn ta hơn hết
Phải đành ra chịu chết tế trời ;

Họa may đặng mạnh cùng nơi.

Sử rằng cứu nạn, có người quyên sinh.

Vậy thì chớ khoe mình rằng tốt.

Hãy vô tư soi tột tấm lòng,

Pour moi, satisfaisant mes appétits gloutons,
J'ai dévoré force moutons.
Que m'avaient-ils fait ? nulle offense ;
Même il m'est arrivé quelquefois de manger.

Phần ta, ăn mạnh vô cùng,

Xơi trừu cho đã, trùng-trùng biết bao.
Chúng nó mích ta sao ? nào mích,
Cũng nhiều khi ta ních.

Le berger.

Je me dévonerai donc, s'il le faut ; mais je pense
Qu'il est bon que chacun s'accuse ainsi que moi ;
Car on doit sonhaiter, selon toute justice,
Que le plus coupable périsse. »

« Sire, dit le renard, vous êtes trop bon roi ;
Vos scrupules font voir trop de délicatesse.
Eh bien ! manger moutons, canaille sotte espèce,
Est-ce un péché ? non, non. Vous leur fites, seigneur.
En les croquant, beaucoup d'honneur ;
Et quant au berger, l'on peut dire
Qu'il était digne de tous maux,
Etant de ces gens-là qui sur les animaux.
Se font un chimérique empire. »
Ainsi dit le renard ; et flatteurs d'applaudir.
On n'osa trop approfondir,
Du tigre, ni de l'ours, ni des autres puissances.
Les moins pardonnables offenses ;

Tous les gens querelleurs, jusqu'aux simples mâtins,
Au dire de chacun, étaient de petits saints.

Thằng chăn.

Vậy ta đành thí, như cần ;
Song ta tưởng phải lần lần nỗi ai.
Đều xưng tội như lời ta trước ;
Vì lẽ công, phải ước một đều.
Là ai tội lớn hơn nhiều,

Phải cam chịu thát, phải liều cho nhau. »
Con chồn nói : « Muôn tân bệ-hạ,

Ngài minh quân, đức cã thường tu ;
Thấy ý ngại, rỏ lòng nhu.
Thứ ăn trừu chó, đồ ngu tràn đồng.

Tội đó hả ? Không, không, bệ-hạ.

Ngài nhai giùm thì quá hiển-vinh,
Còn thằng chăn ấy, thiệt tình.
Nói rằng nó đáng trăm hình chẳng sai,
Vì nó vốn cái loài ở thế.

Ngở mình là chũ-tể muôn sinh. »
Chồn tâu, nịnh ứng inh-sình.

Gấu, hùm, thú dữ, tới mình khai qua.

Tội dầu lớn không tha, mặc cẳng.
Ai dám đâu xét thằng không nhường,
Nố lung, cho đến chó thường.

Theo lời mỗi vị, cũng dường thánh con.

L'âne vint à son tour, et dit: «J'ai souvenance:
Qu'en un pré de moins passant,
La faim, l'occasion, l'herbe tendre, et, je pense,
Quelque diable aussi me poussant,
Je tondis de ce pré la largeur de ma langue;
Je n'en avais nul droit, puisqu'il faut parler net.»
A ces mots, on cria haro sur le baudet.

Un loup, quelque peu clerc, prouva par sa harangue,
Qu'il fallait dévouer ce maudit animal,
Ce pelé, ce galeux, d'où venait tout leur mal.
Sa peccadille fut jugée un cas pendable.
Manger l'herbe d'autrui! quel crime abominable!
Rien que la mort n'était capable,
D'expier son forfait On le lui fit bien voir.
Selon que vous serez puissant ou misérable,
Les jugements de cour vous rendront blanc ou noir.

LA FONTAINE

Phiên lừa tới, lòng son bày thật:

«Tôi nhớ khi qua đất chùa người,
Đói lòng, dịp sẵn, cỏ tươi,

Lại dường như có quỉ giục mời tôi ăn,
Tôi xớt cỏ, đâu bằng ngang lưỡi;

Chẳng phép nào, nói lợi cho mình.»

Vừa nghe lừa thú sự-tình,
Chúng bèn hét phải buộc hình lừa coi.
Con sói nọ cũng sòi vài tí,

Diễn một bài: phải thí cho rồi.
Đồ tồi, đồ chốc, đồ hôi,
Làm đến cho họa hại thôi tan tành.
Lỗi lừa nhỏ, xử thành tội trọng,

Ăn cỏ người! tội lộng trời xanh!

Một lên án tử, xứng hình,
Họ làm nó thấy rành-rành chẳng tha.

Tùy người mạnh hay là yếu nhỏ,

Án cữa quyền làm rỏ trắng đen.

NGUYỄN-NGỌC-ẨN dịch

Đông-pháp thời-sự

SAIGON

Xe-hơi đụng

Ngày hôm qua bộ tốt ngày cho xe-hơi đụng lộn lắm sao mà mới trong một buổi hai cái đụng nhau coi cũng khá quá.

Sớm mơi hôm qua lối 9 giờ 15 tại ngã ba đường Alsace-Lorraine và Belgique cái xe-hơi số C. 8530 của M. Lưu-Muôi, ở đường Blancsubé số 3 do tên sớp-phơ Châu-Vong cầm bánh đụng lộn với cái xe-hơi số C. 720 của ông chủ hãng «Ateliers Forges & Chantiers» ở Khánh-hội do nơi sốp-phơ Pol-Sam cầm tay bánh. Không có hại gì đến tánh mạng người ta còn hai cái xe-hơi thì cũng bị hư hao chút đỉnh vậy thôi.

Thì mới một đám nói trên đây tính là xong gì đâu kế qua 12 giờ rưỡi trưa tại đường Richaud cái xe-hơi số C. 3851 của Mme Tran thi-Nga, nhà ở đường Lagrandière số 138bis cũng cụng lộn với cái xe-hơi số C. 6628 của một người Tây nhưng chưa biết được là tên gì. Đám đụng lộn nầy cũng không hại mạng ai nhưng có cái xe-hơi số C. 3851 thì bị hư hao nhiều hơn hết.

*
* *

Ăn trộm xe máy

Hôm tuần rồi đây. Vợ bé của cựu Hương-hào T.... đi coi hát bộ An-nam gánh của Bầu Thạch hát tại chùa ông Cholach; lúc vản hát chừng 12 giờ khuya vợ bé T... về đến nhà mở cửa vào đốt đèn lên thấy cửa sau mở dòm lại thì mất cái xe máy. Chị ta vừa ẵm con vừa la lên. Xóm riềng nghe chạy đến coi theo dấu Ăn trộm đi đó, thì đã lâu; có bỏ lại một cái bi thuốc, cựu Hương-hào T... .. và dân mở ra coi thì có thuốc giấy Annam chớ không có vật chi.

Kế đây vợ-chồng đánh lộn la làng vang trời làm náo động trong lúc ban đêm. Vợ thì đổ cho chồng biểu đi coi hat mà mất xe, chồng thì rầy vợ ham coi hát mới mất của, ấy cũng may đã bỏ nhà-không, đi coi hat mất một cai xe; đồ đạt còn nguyên, mà không muốn; còn muốn mời Hương-quản dưng cho làng 1$20 mới ngộ chớ.

*
* *

Đuổi heo ban ngày

Mới đây tại Rạch-miễu thuộc quận Chợ-lách; vợ chồng Hai-Táng có nuôi 1 con heo đáng 25$, độ 12 trưa quân gian nào lén đuổi heo của Hai-Táng; vợ chồng than khóc vì nghèo khổ, thuê mướn độ nhựt, mót mày mua mới được 1 con heo mà quân gian nở nào đành bắt của y. Xóm riềng thấy vậy ai cũng động lòng an-ủi vợ chồng Hai-Táng và đi kiếm giùm, theo dấu đuổi heo đây thì qua Rạch-Sung mé Sông-cái biệt mất dấu, thật cũng là tức thuở nay không có ăn trộm nào dám cả gan như thế.

*
* *

3e ANNÉE — Nº 142 — 22 JUILLET 1926

KHOA HỌC TẠP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1° — M. BUI QUANG- CHIÊU *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*
2° — M. LÂM-VĂN-HUÊ, *Commis indigène des Services Civils.*
3° — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics à Cholon.*
4° — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*
5° — M. NGUYỄN KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon*
6° — M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*
7° — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*
8° — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN. *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*
9° — M. TRẦN VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève ...ômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Paris.*
10° — M. TRẦN-QUANG NGHIÊM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*
11° — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*
12° — M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3.00		

MỤC LỤC

...á nghệ lược giải (nghề in vải — Làm ... kim móc kim may)..... 2496
...ương luân lý (Gương thủ tín : thủ ... tiết..... 2499
...ý luận cách trí (Cách hô hấp của ... loài cây)..... 2501
Những sự lạ trong công nghệ (Tàu đi biển ăn thang bao nhiêu)..... 2504
Nhị độ mai (nº 13)..... 2506
Thay hồn đổi xát (nº 2)..... 2510

Bá nghệ lược giải

Nghề in vải (*Tiếp theo*)

Lịch sử nghề in trên vải

Trong các thứ vải in duy có vải bông tàu (coton) là xưa hơn hết, cho đến bước đầu kỷ thứ 19 cũng chưa ai biết in lên các thứ hàng vải khác. Ta đã có nói thuở trước bông màu trên vải đều phải vẽ bằng bút lông, cho nên vải thuở ấy không gọi là vải in bông, lại kêu là *vải vẽ bông* (étoffes peintes). Vải ấy cũng gọi là *indiennes* là vì cái nghề vẽ, in hình lên vải là gốc bởi bên Ấn-độ bày ra trước, không biết là hồi đời nào. Rồi nghề ấy lần theo phía nam Á-châu mà qua đến Tiểu-á-đông, truyền cho nước Ba-Tư (Perse), nước Assyrie và nước E-díp. Nó qua đến phương Âu-châu chẳng biết là đời nào. Nhưng hồi đời Trung-cổ (moyen-âge) thấy bên ấy có ít lắm, cho nên giá bán mắc vô cùng. Nhưng vải ấy bán vào Âu-châu được là nhờ mấy người buôn ở xứ Perse cùng của người Á-rập chở bằng tàu qua bán tại mấy thành ở theo ven biển xứ Syrie, xứ E-díp, xứ Tiêu-á-đông, rồi từ đó mới bán qua Âu-châu.

Hình vẽ để cắt nghĩa cách nhuộm và in bằng máy

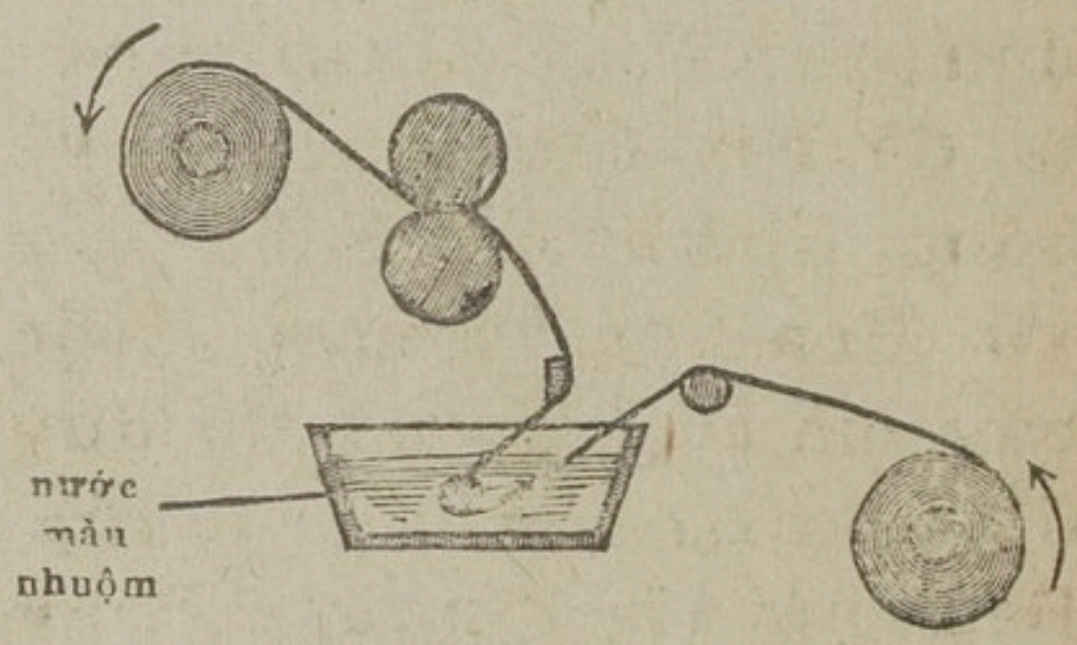

Máy nhuộm *foulard* để nhuộm vải

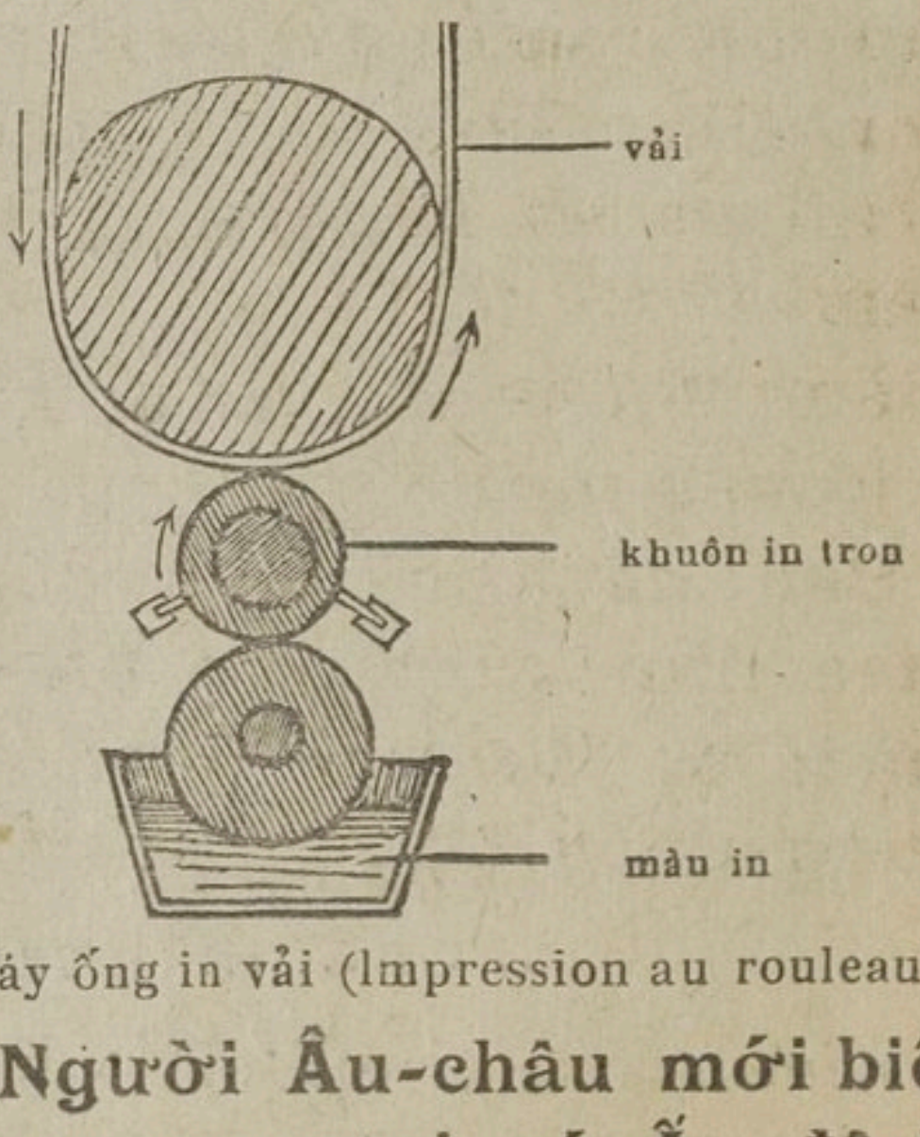

Máy ống in vải (Impression au rouleau)

Người Âu-châu mới biết mua ngay tại xứ Ấn-độ là

kể từ hồi người Bọt-tu-ghe (Portugais) tìm được ngã Bonne-Espérance, hồi năm 1486 mà qua Ấn-độ. Người Bọt-tu-ghe biết đường qua Ấn-độ rồi thủ lợi món hàng hóa ấy, họ chỉ mua hàng làm sẵn bên xứ Ấn-độ mà đem về bán lại thôi. Sau người Hoa-Lan họ khéo hơn, họ học được nghề ấy mà đem về nước làm ra.

Người ta truyền rằng lối đầu thế kỷ thứ 17 thì người ta đã bắt đầu làm vải vẽ bông. Họ khởi sự làm thử ở xứ Hoa-Lan, nhưng cuộc bày mà có kết quả thì duy ở xứ Suisse làm được trước. Đến năm 1743 người Pháp mới có nghề ấy. Khi đó họ lập nhiều xưởng ở tại Paris, Corbeil, Sèvres, Nantes, Oranges và Marseille. Đến năm 1746 thì truyền vào thành Mulhouse, năm 1759 ở Rouen mới có xưởng.

Ban đầu họ cũng dùng theo như cách bên Ấn-độ mà làm, đến sau thiên hạ dùng nhiều, họ mới tính tìm cách thế làm cho mau mà tiện rẽ đặng làm thêm ra cho nhiều. Vậy nên họ mới bỏ lần cái cách vẽ bằng bút lông đi, mà bày ra cái cách in.

Cái cách in bằng khối gỗ thì mới bày ra đâu hồi cuối kỷ thứ 17, nhưng không ai biết gốc gác nó bởi đâu mà ra. Cách in bằng ván bằng mặt có chạm cũng chẳng biết gốc gác bởi đâu, duy người ta biết rằng nó khởi có đâu hồi lối năm 1768 hoặc 1769. Trong lúc ấy hoặc sau ít lâu, bên nước Anh cùng nước Pháp lại bày ra cách in bằng khuôn ống. Còn cách in bằng máy Perrot thì ta đã biết nó bày ra tại thành Rouen, trong lối năm 1834. Nói tóm lại cũng nhờ các công của người trước mà mấy người sau bày chế thêm lần rất khéo léo tinh xảo. Đến nay nhờ mấy nhà hóa-học tìm tỏi thêm nhiều thứ màu tốt lạ, cho nên nghề nhuộm và nghề in vải cũng theo đó mà trở nên tinh xảo hơn nữa.

NGHỀ LÀM KIM MÓC KIM MAY

Kim móc (Epingles). — Bên nước Pháp mấy nơi làm kim móc đều ở về thành. Viroflay, Laigle, Rugles

Xưa nghề ấy làm phải có đến 14 công việc riêng, mỗi việc đều có thợ riêng coi làm, đều lo làm bằng tay mà thôi. Nay trong nghề ấy công việc đều làm bằng máy hết cả. Nghề làm kim móc bằng máy đó bởi bên xứ Anh-quốc bày ra, sau nhờ có ông Henri-Cribier ở Viroflay đem nghề về truyền qua nước Pháp và chế tạo ra thêm tinh xảo hơn.

Làm kim móc thì trước hết làm bằng dây thép thau (fil de laiton); có một cái máy làm cho dây thép ấy ngay ra, rồi cắt ra từ khúc vừa đủ làm một cây kim, có máy làm cho mấy khúc ấy ra nhọn một đầu. Có máy khác nữa lo đập dẹp đầu kia mà làm ra cái chỗ móc. Kim làm xong thì đem giao cho thợ coi nhúng vô nước xuy hoặc bằng thiết hoặc xuy ni-kên, rồi đem ra để khô ráo, đánh lại cho bóng láng, rồi mới đưa qua máy ghiêm nó vào giấy để vô hộp.

Kim may (Aiguilles à coudre). — Nói sơ qua nghề làm kim may, thì nước Anh và nước Đức đều chiếm hết nghề ấy. Bên Pháp nghề làm kiêm may chẳng được thịnh hành lắm; có một mình thành Laigle là chỗ làm nghề ấy có danh mà thôi. Nhưng vậy mà kim làm ra cũng chẳng bằng kiêm của nước Anh và nước Đức. Bên nước Anh, kim may cũng còn làm bằng tay rất lâu, đến nay mới có máy móc làm kim rất tinh xảo. Bên nước Đức, tại xứ Prusse, nghề kim rất thịnh hành tấn phát lắm, cho nên kim đã khéo đã tốt mà lại bán rẽ tiền.

Làm kim may có nhiều công việc lắm. Tuy đã có máy móc làm cũng như làm kim móc, nhưng công cuộc rất nhiều và khó, nên không thể tả ra cho rành rẻ được. Nhưng chúng ta cũng nên biết rằng, nước của người ta nhơn dân văn minh khéo léo, việc chi cũng có bày ra sẵn máy móc mà làm, đã mau lại khéo lắm, những nhà đại phú gia nước ta có con cũng nên cho đi học mấy nghề ấy mà đem về truyền cho đồng bào ta.

THANH-TÂN.

Gương luân lý

Gương thủ tín

Chuyện ông Dreux và ông Chamillard

Hồi vua Louis XIV (Lu-y thứ 14), có ông Dreux và Chamillard đều làm hội đồng thượng nghị-viện, kết tình bằng hữu với nhau.

Ông Dreux thì giàu có, mà ông Chamillard lại nghèo. Trong một ngày kia, hai nhà cũng đều có sanh con hết, ông Dreux thì sanh được đứa con trai, còn ông Chamillard thì có đứa con gái. Qua ngày sau ông Dreux đến nói với ông Chamillard đính ước, chịu hứa với nhau ngày sau cho 2 đứa nhỏ kết làm chồng vợ.

Ông Chamillard lấy lời thật tình nói rằng, đây đến lúc nó tới tuổi lớn khôn thì con của anh cũng gặp nơi xứng đáng hơn con tôi nhiều. Ông Dreux chẳng nghe cứ biểu bạn mình phải hứa lời đi, ông Chamillard phải nghe theo, hai người thề nhau xin giữ lời đính ước.

Cách 22 năm sau, gia thế 2 người đều đổi khác; ông Dreux thì vẫn cứ còn làm hội đồng nơi thượng nghị viện như cũ, còn ông Chamillard thì càng được phú quí vinh huê, được đai cân mũ áo của vua ban cho, lại làm đến bực binh-bộ và tài chính thượng-thơ. Khi ngài được quyền cao chức trọng rồi, ngài chẳng hề quên lời hứa cũ, lại lật đật nói với ông Dreux rằng: « Nay con ta đã đến tuổi thành nhơn, thôi ta hãy lo cưới hỏi nó nhau đi cho rồi, vã lại 2 đứa xem như đã có tình mến nhau nữa; vậy ta hãy kíp thi hành lời đính hẹn của ta ngày xưa đi.»

Ông Dreux nghe nói cảm lòng rơi lụy, nhưng cũng hết lòng từ chối chẳng dám vưng theo; ông Chamillard bèn buộc ông phải nhớ lời ước hẹn ngày xưa. Đôi ba phen ông nói như thế đã hơn mấy ngày, rốt lại ông Dreux không thế chối từ nên phải nghe theo. Lễ nghinh hôn bèn định, 2 trẻ đều được kết nghĩa vợ chồng, trăm năm thuận hòa tơ tóc.

Đó, tình bằng hữu xưa như thế, bỗ một lời dẫu mấy mươi năm vận đổi sang bèn, cũng chẳng quên lời ước hẹn mà lạt nghĩa anh em. Ta cũng nên noi gương mà bắt chước.

Gương thủ tiết

Chuyện nàng Marguerite

Ở gần nơi giáp ranh tỉnh Jura, thuộc về phía núi non, phong cảnh đẹp, có cây xanh nước biếc, hồ rộng nước trong, là quê hương của vợ chồng tên Gaspard và nàng Marguerite. Hai vợ chồng nầy đều thuộc về con nhà hàn vi, mà cha mẹ lại mất sớm; thuở ấu niên, hai trẻ đã có lòng dan díu thương yêu nhau lắm; và cũng bởi cha mẹ mất sớm mà khiến ra 2 đứa càng yêu nhau, yêu nhau vì bởi cũng chung một số mồ côi. Hai đứa đã trọn lời thề cùng nhau trăm năm keo sơn chẳng rã.

Rủi thay! hôn nhơn kia đến kỳ, mà chàng Gaspard phải mang lấy họa. Lúc chàng làm đá, dùng thuốc bắn đá, rủi phải đá văng trúng nhằm chàng mắc bịnh nặng, phải chịu đau đớn khổ sỡ, thuốc men hết sức mà bịnh chẳng lành, phải đành một kiếp chịu nỗi đui mù. Chàng bèn nói với cô Marguerite rằng: «Nàng ơi, thôi thì chớ nên tưởng đến qua làm chi nữa; nàng hãy chọn người có thế làm việc ma nuôi nàng được đặng kết duyên cầm sắt, chớ như qua đây rày đã ra thân mù quáng, e không phương nuôi được vợ con mà mong việc vợ chồng nữa; qua sẽ kiếm một đứa nhỏ để dẫn đường đi xin ăn cũng đủ.»

Nàng Marguerite nghe qua như sét đánh bên tai, bèn nói lớn rằng: «Tôi phải bỏ anh à! đến lúc bây giờ tôi lại đành bỏ anh sao? Còn nói tỉ như cái tai nạn rủi ro nó khiến cho tôi đây phải tật vậy, thì anh có bỏ tôi được chăng?

Chàng Gaspard ngước mặt lên kêu trời, làm chứng mà rằng:

— Không đâu em, trời chứng minh cho qua, giã như có vậy qua chẳng hề trở dạ bao giờ.

Cách ít lâu đã làm xong đám cưới; cũng có kẻ lòng dạ iễm gay thấy vậy trề môi nhúng mặt mà nói rằng nàng Marguerite làm sự điên cuồng; nhưng mà trừ mấy kẻ ấyra thì hết thảy ai ai đều cũng đem lòng khen ngợi nàng lắm.

Còn nàng Marguerite về nhà chồng hết lòng thờ chồng trọn đạo, ngày đêm lo lắng việc nhà, giữ niềm tiết liệt, khiến cho nội tổng ai ai cũng cãm phục. Bởi tánh tình nàng hiền hậu, đức hạnh vẹn toàn, cho nên chị em hết thảy đều thương, đều sẵn lòng giùm giúp. Vợ chồng nàng ở như vậy cho đến trọn tuổi già rất nên hòa thuận. Ai ai biết chuyện cũng đều kính mến hai vợ chồng lắm.

VỎ-THÀNH-VINH.

Sơ luận cách trí

Thảo mộc luận (*Tiếp theo*)

CÁCH HÔ HẤP CỦA LOÀI CÂY

Cây làm sao mà sống ? — Trong mỗi thứ cây đều có các bộ phận, mỗi bộ phận đều có công việc riêng. Như cái rễ, cái gốc cái lá cây, hết-thảy đều có công việc phải làm làm sao cho cây sống được, mà lớn lên lần. Ví như *cái rễ* thì để làm cho cây dính xuống đất và hút những đồ ăn ở dưới đất mà đem lên nuôi cây; *cái lá* thì hút những hơi khí trong trời mà làm cho đồ ăn (mủ cây) trở nên tươi tốt, tiêu hóa được gọi là *sève élaborée* cũng như máu trong thân ta vậy. Cái *gốc cây* thì đem cái mủ tươi tốt đó đi cùng khắp cả cây mà nuôi lấy cây sống.

Bây giờ ta hãy kể riêng ra công việc của mỗi bộ phận trong cây thể nào.

Công việc của cái rễ cây (Fonctions de la racine). — 1° Rễ cây để chịu cho gốc cây dính xuống đất. Hễ rễ xuống đất càng sâu thì gốc cây càng dính chắc hơn nữa. Bởi vậy cho nên những cây nào đâm rễ xuống sâu như cây gai, cây bố, cây nho vân vân thì khó nhổ lên lắm, còn như cây lúa, cây bắp, cây mía vân vân, ra rễ chùm mà không xuống sâu thì ta nhổ lên rất dễ.

2° Rễ cây tìm đồ ăn ở dưới đất lên mà nuôi cây. Nó cũng thở như loài động vật vậy, nghĩa là nó hút dưỡng khí (oxygène) trong trời cùng ở dưới đất mà thở rồi phà hơi thán khí (gaz carbonique) ra. Nó thở bằng mấy cái lỗ nho nhỏ ở xung quanh theo rễ nó. Vì thế cho nên ta làm ruộng nương cùng trồng cây trái thì trước phải cày xới đất lên, đào lỗ cuốc đất đặng cho khi trời lộn xuống và nước mưa dễ chảy xuống đất sâu. Hễ đất đào xới sâu chừng nào thì cây càng được tốt thêm chừng nấy.

Rễ cây cũng uống (hút) nước ở dưới đất và các chất diêm lộn tan trong nước đó. Cái rễ mà hút được các thứ đồ ăn để nuôi cây cũng nhờ những lông con nho nhỏ của nó gọi là *lông hút* (poils absorbants). Những đồ ăn, ấy là nước vào rễ thì nó thành ra *mủ sống* (sève brute) chạy lòn theo những đường nho nhỏ trong cây mà lên cho đến gốc, nhánh và lá cây. Mủ ấy lòn lên cao được là cũng nhờ một cái lực riêng nó đẩy lần lên hoài, nhiều khi lên rất mạnh.

Người ta có thí nghiệm, cắt ngang một cái gốc cây nhỏ, rồi nối lên một cái ống bằng kiến, bao nơi chỗ nối mà để vậy, thì ngó thấy nước mũ cây lòn theo ống kiến mà lên rất cao.

Rễ thành củ (racines tuberculeuses) để chứa đồ ăn đặng mà nuôi cây. Ví như củ khoai, củ cải kia, nó chứa những đồ ăn trong củ như là bột đường. Nếu ta đem để dành riêng nó một nơi nào, chờ đến khi qua mùa mưa ta đem trồng nó lại xuống đất, thì ta thấy nó lên mộng lên cây, có dây có lá tươi tốt lắm. Ấy là nhờ nó có chứa đồ ăn từ năm trước mà để dành, nay gặp thì tiết nó bèn đâm tược đâm lá mà lên.

Công việc của cái gốc cây. (Fonctions de la tige). 1° Cái gốc cây để mà chịu đựng nhánh nhóc, lá, bông trái của nó; 2° nó cũng thở như cái rễ nó vậy; 3° nó đem cái nước mũ từ dưới gốc mà lên đến tận chót lá. Ấy là công việc chánh của nó. Mũ ra tới lá, nhờ lá làm cho nó ra tươi tốt kêu là sève élaborée, rồi thì nó trở lại chạy cùng trong cây, xuống gốc cây, chạy tới rễ cây mà nuôi cả cái cây; 4° cũng có thứ gốc cây mà thành củ nữa, như củ gừng, củ nghệ, cùng là cây mía, vân vân. Cây mía trước khi trổ bông thì gốc nó chứa đầy nước đường; nếu không ai đốn nó thì nước ấy dễ dụng mà nuôi nó cho trổ hột.

Công việc của cái lá cây (Fonctions de la feuille). — Công việc của lá cây không khác nào như công việc của cái phổi ta, nghĩa là nó cũng lo thở, lo làm cho cái mũ cây trở nên tươi tốt. (Cái phổi ta cũng để thở và làm cho máu bầm vô đó trở ra đỏ tươi nhờ hơi dưỡng khí ta hít vào trong ấy). Lá cây nhờ có yến sáng mặt trời cũng làm cho mũ cây trong gốc đưa ra tới đó, trở nên mũ tươi tốt bổ dưỡng cho cây.

1° Mũ cây còn sống (nghĩa là chưa tươi tốt) ra tới lá nhờ lá cây thở ra (transpiration) thì hơi nước trong mũ bay ra ngoài khí trời hết một phần.

2° Nhờ nó thở, thay đổi dưỡng khí đạm khí, rồi hóa ra cái chất lục (chlorophyle) làm cho cây được tươi xanh màu lục. Người ta đã có dụng nhiều cách thí nghiệm rồi nên mới biết rõ được những đều ấy.

Lá cây thở phà hơi nước ra nhiều lắm; nhứt là những khi trời nắng cùng trời hạng, thì hơi nước ấy lại càng ra mau hơn nữa. Người ta tính ra trong một mẫu đất trồng lúa mì, một ngày nó thở hơi nước ra kể có 25 ngàn kilos; đất trồng bắp, nó lên 36 ngàn kilos nước. Một cây *chêne* lớn tầm thường mà trong một ngày (mùa nắng) nó thở hơi nước ra hơn 10 muôn kilogrammes.

Bởi vậy cho nên ta trồng cây nhằm mùa nắng phải lo tưới nước nó cho thường.

Còn lá cây nó thở, là nó hút lấy dưỡng khí mà phà hơi thán khí ra cũng như ta vậy. Người ta có cách thí nghiệm nên biết rằng nó hít dưỡng khí mà phà thán khí ra, cái hơi thán khí của nó phà ra đủ làm cho nước vôi trong mà ra đục được.

Cái lá cây thì nó thở luôn luôn ngày đêm, nhưng nó có công việc khác nữa là nó làm cho sanh cái chất lục ra thêm, mà phải là những lá màu xanh lục mới làm ra công việc ấy được, và lại khải có yến sáng nữa mới được. Vậy thì ở ngoài chỗ có yến sáng nhiều thì lá cây xanh lục lo làm công việc ấy, nghĩa là nó phà hơi dưỡng khí ra mà hít hơi thán khí vào, nghịch với cái cách thở ta nói trên kia. Cũng là nhờ có cách thí nghiệm mà người ta biết như vậy.

Cây ban đêm thì thở hít lấy dưỡng khí mà phà thán-khí, còn ban ngày thì nó thở hít lấy thán-khí mà phà dưỡng-khí ra. Những nơi sáng sủa nhiều thì cây nó càng hít lấy thán-khí nhiều; nhờ nó hít lấy hơi thán nhiều cho nên nó sanh ra chất thán (carbone) nhiều lắm mà thành ra cây được tươi xanh mạnh mẻ. Vì thế cho nên cây ở ngoài trời có nắng

thì mau lớn, còn cây ở trong tối, hoặc bị khuất bóng mặt trời thì không to lớn được. Còn cây để trong tối tâm lâu ngày nó nhỏ yếu lần, mà không được xanh tươi. Ta thấy như cây cải nồi, cải bắp, bởi nó bị đậy bị bao không thấy được yến sáng mặt trời cho nên lá nó trắng tươi, chớ không xanh tươi được là cũng vì thế.

Lá cây cũng có ít cho ta lắm, là tại nó hít bớt cái thán-khí trong trời mà phà dưởng khí ra, làm cho khí trời được tinh khiết lại. Ta đã biết, ban đêm nó hít lấy dưởng khí mà phà thán-khí ra, cho nên khuyên ai ai chớ khá trồng cây kiểng mà đem vào phòng trong lúc ban đêm.

Những sự lạ trong công nghệ

Tàu đi biển ăn thang bao nhiêu

Trước ta thường có nói chuyện đến mấy chiếc tàu Khổng-lồ Lusitania, Mauretania là 2 chiếc tàu to của hảng Cunard ; ta lại có nói chuyện những dây lòi tói to lớn của nó rồi. Nay ta nói sơ qua mấy chiếc ấy phải ăn uống bao nhiêu mới có sức mà chạy nổi. Nhưng trước ta cũng nên biết rằng những tàu to tác như thế ra đời thì thiên hạ dị nghị và hoan nghinh biết là bao nhiêu.

Trước hảng Compagnie Transatlantique có đóng chiếc tàu *Provence*. đóng ở tại ụ Le Havre, bề dài có 190 thước mà đã là cho quá lớn ; nước Đức lại đóng chiếc *Kaiser Wilhelm II* dài đến 215 thước. Hồi năm 1893 người Anh đóng chiếc *Lucania* dài 189 thước rưỡi, mà đã nổi danh khắp cả — Sau lại có chiếc *Lusitania*, chiếc Mauretania dài đến 239 thước 26 phân. Sức chở nặng là 38 ngàn tấn. Tàu bây lớn đó mà phải chạy một giờ đến 25 gút (một gút « nœud » là 1852 thước, thì ra 46 ngàn 300 thước trong một giờ) thì phải biết cái sức nồi nước sô-de của nó là bao lớn, phải đựng bao nhiêu nước, phải chụm bao nhiêu thang cho đủ hơi chạy máy.

Một chiếc tàu to như thế, chở 2350 người hành khách thì có khác nào một cái thành phố nổi, muốn cho nó có đủ sức chạy đến 46 ngàn thước trong một giờ thì không phải chạy bằng máy thường như các máy tàu kia, hoặc các máy ở trên bờ, máy ấy lá những máy chạy bằng ống quây *turbines*. Thấy như cái sức mạnh của máy tàu Lusitania kia, đến 68 ngàn mã-lực (hơn chiếc Kaiser Wilhelm II 28 ngàn mã-lực) thì những nồi nước sô-de của máy tàu ấy phải ăn đến bao nhiêu thang lửa cho đủ. Như lúc trước ta đã nói thì trong cái số 68 ngàn mã-lực máy phải bằng 205 ngàn con ngựa thiệt rồi.

Vã chăng máy móc ở dưới tàu không khác nào như bộ phận máy móc trong thân ta. Kia như ta phải ăn cơm ăn đồ ăn vào bao tử, nó mới tiêu hóa sanh ra máu mà chạy khắp trong thân, vào trong thịt ta mới sống mới có sức lực mà đi đứng làm công chuyện. Máy móc tàu kia cũng phải có ăn uống mới có sức lực chạy được. Vậy đồ ăn đồ uống của nó là thang với nước. Thang phải chịu chụm vô lửa cho cháy, mà nấu nước trong mấy nồi sô de, nước hóa ra hơi chạy đi khắp trong máy, trong bánh xe ống quây (roues des turbines) mà làm cho máy chạy. Ta cũng phải biết rằng hễ người ta lớn chừng nào, thì bao tử cũng phải lớn, phải ăn nhiều chừng nấy. Chiếc tàu càng to bao nhiêu thì nồi nước sô-de của nó cũng phải lớn thêm nữa. Cho nên tàu lớn như chiếc *Lusitania* kia nó phải có 25 nồi sô-de to-tác, phải có 192 lò lửa, ngày đêm phải quăng thang đá vào mấy họng hỏa-lò ấy biết là bao nhiêu mà kể. Hết thảy 192 lò lửa ấy nhập lại thành một cái mặt rộng cho đến 355 thước vuôn, trên 355 thước

vuôn ấy phải để biết bao nhiêu thang mà chụm. Còn mấy cái nồi nước kia nếu kể chung hết cái mặt rộng chứa lấy ngọn lửa, hơi lửa nóng lòn vào, nước trong nồi sôi lên thì có 14.400 thước vuôn, rộng bằng một sở đất một mẫu. 44 sào.

Thuở chiếc Kaiser Wilhelm ra đời, thiên hạ cho là lớn nhứt, thì cái mặt rộng của những nồi sô de chỉ có 10 ngàn thước vuôn mà thôi, sánh với chiếc Lusitania nầy thì còn thua xa lắm. Còn mấy cái lò lửa gộp lại không đến 300 thước vuôn. Như thế mà nó còn phải dùng cho đến 3500 tấn thang mới đủ, chở bao nhiêu thang đó cũng phải khẩm hết một chiếc tàu lớn như chiếc «*Orénoque*» của hảng M.M. đưa đi Bắc-Kỳ lúc trước. Một ngày chạy đi đường mấy lò lửa của nó ăn tiêu hết 630 tấn thang. Vã lại nó cứ ăn hao thang như vậy luôn luôn chẳng dứt mà đi từ Âu-Châu qua Mỹ-Châu, tì mỗi giờ nó ăn hết 26 tấn rưỡi, kể ra mỗi phút nó ăn hao hết 440 kilos thang.

Chiếc Kaiser Wilhelm nhỏ hơn mà còn ăn hao thang như thế, thì chiếc *Lusitania* ăn thang nhiều đến bực nào ! Mỗi chuyến nó đi thì phải chở đến 5000 tấn thang, nghĩa là 5 triệu kilos. Nó chở bao nhiêu thang đó rồi còn chỗ đâu mà chứa hàng hóa cho đủ ? Nói vậy chớ nó có chở thêm hàng hóa đi nữa cũng chẳng nặng quá 1500 tấn. Nó phải lo nhứt là món thang cho đủ dùng mà chụm lửa cho máy chạy, tàu đi đến nơi đến chốn, mà đưa bộ bành cho bình yên mau tới chỗ. Cho nên trong lường tàu nội cả phía dưới nơi nào trống cũng là để chừa chỗ mà chứa thang.

Một chiếc tàu mà ăn hết bao nhiêu thang đó, ta cũng chớ khá tưởng rằng nó ăn phá vô độ hủy hoại đâu. Những nhà bác vật bày chế những máy càng ngày càng cực kỳ tinh xảo, cho nên dùng công việc chi cũng đều lấy sự hữu ích mà lại ích tốn hao nữa. Tuy chiếc Lusitania nó phải ăn hao đến 5000 tấn thang, chớ sánh ra theo sức lớn nhỏ, sức chạy mau chậm của nó với những tàu hồi thuở trước nó, chừng lối năm 1848 thì cái sự hao thang của nó chỉ còn có một góc ba của những tàu đi biển thái-tây-dương thuở ấy mà thôi.

VĂN CHƯƠNG NÔM

Nhị độ mai chú giãi (*n° 13*) (1)

Phủ Trần chưa hết chuyện vui,
Bỗng đâu có chỉ đến nơi, quan hoài! (141)
Đảng Công Lư Khỉ ngồi ngoài,
Truyền rằng có chỉ dạy đòi Trần gia.
Đọc rồi mới biết rằng là,
Biên quan có nước *Sa-đà* động binh.
Khói lang bụi ngựa tung hoành,
Khuấy hôi cõi *Hán*, chọc tanh ải *Tần*.
Lư Công dâng chước hòa thân,
Ban đòi con gái họ Trần kết nhân;
Ban cho áo mão *Chiêu quân*, (142)
Đảng Công vưng mạng đưa chưn cõi ngoài.
Nghe ra xiết nỗi bồi hồi.
Ấy ai mưu hiểm giục người sanh li?
Khởi hành đã định nhựt kì,
Lư Công giục giã ngận tùy quan sai.
Hạnh-Nguyên ra yết nhà ngoại,
Ngứa gan tấm tức mấy lời vân vân:
Vĩ chi một chúc Hồ trần?
Những tài thao lược (143) kinh luân đâu nào?
Dẹp an mượn sức má đào,
Khen ai đặt để cái mưu cũng già.
Kiếp nầy không xé được da,
Kiếp sau quả báo oan gia, sợ gì,
Những tuồng mộc vị thần vì,
Mãng thêu hoài chỉ, đai xuy uổng vàng. (144)
Lư Công nghe giọng ngang tàng,
Mắt sùm sụp khóc, mặt sần sượng gân.

* * *

Tiền đường dọn tiệc chủ tân;
Đảng Công cất lén vào dần nhà trong.

---

(1) Tiếp theo số 131 ngày 22 Avril 1926

Trần-Công rỉ bảo Đảng công,
Trỏ Mai sanh mới tỏ tòng một hai.
Rằng: nầy công tử họ Mai,
Trong khi hoạn nạn lạc loài đến đây.
Em cho nương náu những ngày,
Rắp đem tiểu nữ sum vầy kết duyên.
Mưu kia ai vẻ cho nên,
Đề loan chích bóng, cho uyên (145) chia hàng.
Việc nhà nhờ bác sửa sang,
Cho cùng Trần điệt đưa đàng xuất quan.
Thốt rồi nghe có lịnh truyền,
Bốn mươi thị nữ dân gian kén rồi.
Trong danh sách bấy nhiêu người,
Cũng ra *Phiên* quốc theo đòi Hạnh-Nguyên.
Lại truyền không được trì diên,
Trong hai ngày hạn xe tiên lên đường.
Áo đồ đưa lại một rương,
Dạy cho nương tử cãi trang xuất hành.
Nàng rằng: quân mạng đã đành;
Tủi nền quê khổn liều mình tinh *Chiên*.
Bao giờ khỏi đất Trung-nguyên,
Bấy giờ thay áo *Hồ-Phiên*, vội gì?
Chịu trời (146) chăng một chữ thi,
Áo nầy dầu đổi lòng kia không dời.
Đảng-Công khen đã nên lời,
Buộc lòng thiết thạch hổ người tu mi.
Thẹn thay cho kẻ vô nghì,
Khi nầy dạ *Sở*, lúc kia bụng *Tần*.
Lời trung khêu ruột gian thần,
Bưng tai giả điếc, nổi cơn bất bình.

*
* *

Ngoài thì quan khách linh đinh,
Trong thì nàng những đau tình biệt ly.
Lạy hai thân, kể mọi bề,
Châu chan nét liễu, dầm dề giọt mai.
Rằng: con chút phận nữ hài,
Công cha nghĩa mẹ, trót mười bảy năm.

Môn mi (147) mong những nhờ duyên,
Ngõ đem tấc cỏ quyết đền ba xuân. (148)
Hiềm thay chước kẻ gian thần!
Xuì nên kẻ *Tấn* người *Tần* như không.
Có ra chi phận má hồng,
Không đem chữ hiếu đền công chữ cù?
Rồi đây muôn đặm đất Hồ,
Biết câu: thập nữ viết vô (149) từ rày.
Xin đừng nhớ thẫm sầu thay,
Liều bằng muôn một những ngày một hai. »
Thốt rồi sùi sụt vắn dài,
Gập ghềnh mới ngụ một bài biệt thi.

Hòa Phiên khen chước đã nên cao,
Để thiệt chi cho phận má đào?
Trời thẫm luống đau tình viễn biệt,
Biển sâu khôn giã nghĩa cù lao;
Quạt nồng, ấp lạnh đà bao nả, (150)
Hỏi ngủ hầu cơm lại lúc nào? (151)
Mong mỏi hai thân dầu thấy mặt,
Có chăng phưởng phất giấc chiêm bao.

Giờ lâu lượng lự sụt sùi,
Gọi Xuân sanh lại một lời rỉ tai:
Nặng vì chút nghĩa bọ Mai,
Gẫm ra khi cũng có trời ở trong.
Lời cha mẹ nghĩa vợ chồng,
Nhân duyên chưa ép, chữ đồng đã in.
Vã xem bực ấy không hèn,
Rõ gương khoa giáp, rõ nền tướng khanh.
Nhờ em đãi lấy lòng thành,
Ngoài tình bậu bạn, trong tình anh em.
Mọi bề trong ấm ngoài êm,
Chị dầu chín suối cũng cam tấc lòng.
Chị nhờ em gánh hiếu trung,
Dạng uyên gần rụi, dạng thung gần già.
Công danh tuổi ấy đương vừa,
Trâm anh chung đỉnh đấu nhà sẵn đây. (152)
Dầu thương đến chị sau nầy,
Hặc tuần hàn thực, hoặc ngày thanh minh. (153)

Suối vàng rưới một giọt tình,
Triện hương, tờ giấy, chén canh cũng là. »

(*Còn nữa*).

Giải nghĩa chữ mắc

(141) *Quan hoài*, đáng lo, đáng sợ.

(142) *Chiêu-quân*, là cung nữ đời Tiền-Hán (năm 48 đến 32 trước C.G.S.) nhằm vua Hán Nguyên-đế. Thuở ấy có quan Thừa-tướng là Mao-diên-Thọ, vẫn có thù oán với cha Chiêu-quân, cho nên lúc kén cung phi vào đền, Mao-diên-Thọ dạy vẻ hình Chiêu-quân, sữa hình nét đi, thành ra xấu xa, vua không dè, nên để cho nàng riêng tủi trọn 2 năm. Đến sau rõ lại tài sắc nàng trong đời ít có cho nên vua đem lòng thương mến. Nhưng mà lúc ấy Mao-diên-Thọ tư thông với giặc, bị lậu cơ mưu nên trốn qua Hun-nô mà ở lại xúi chúa, Hun nô cữ binh qua đánh Hán, bắt cho được nàng Chiêu-quân là bực thiên hương quốc sắc. Vua Hán đế phải dưng nàng cho chúa Hun-nô. Nàng đi tới sông Thương liền gieo mình xuống sông mà tự-tữ. Vớt thây lên chôn dựa bờ sông, mã nàng có cây xanh bóng mát che chở đời đời.— Thiệt sữ nói hồi năm 33 trước đạo Gia-tô, vua Hán-đế có cho quân Hun-nô nàng Chiêu-quân ; nàng về bên nước ấy được làm hoàng-hậu.

(143) *Thao lược*, lục thao, tam lược, là sách binh-thơ dạy cách cầm binh khiển tướng đi đánh giặc. Người ta cho rằng cuốn Lục-thao là do của ông *Khương-lữ-Thưởng* làm ra, có 6 chương, còn cuốn tam lược là do của ông *Huỳnh-thạch-công* làm, có 3 chương.

(144) Những tuồng kẻ trơ trơ như hình tượng không làm sự gì cho ích nước lợi dân, mà mang những mãng bào thêu rồng, thêu phụng thiệt là uổng chỉ, mang giày đai xuy thật là uổng vàng.

(145) *Uyên*, là chim uyển, con chim trống kêu là uyên hay là *oang*, chim máy kêu là *ương* không rời nhau, chỉ nghĩa vợ chồng .

(146) *Chịu trời*, chịu cái số mạng trời đã định cho mình.

(147) *Môn mi*, nói con gái nuôi trong nhà mong lớn lên đặng nhờ.

(148) *Tấc cỏ*, tấc lòng, cỏ sánh với cái tim, đền *ba xuân*, là ba năm nuôi nấng ẫm bồng.

(149) Nhứt nam viết hữu, thập nữ viết vô, Nghĩa là nói có một đứa con trai thì kể như đã có con, chớ dầu có 10 đứa con gái thì kể cũng như không có. Ý Hạnh-Nguyên nói đây là như nàng có mất đi thì cũng chẳng quan trọng gì đến gia đình.

(150) (151) Tích trong Nhị-thập-tứ-hiếu. Huỳnh-Hương quạt muỗi cho cha, ấp giường cho ấm cha lúc mùa đông; vua Văn-Vương có hiếu thường hỏi thăm nom cơm nước mẹ cha.

(152) *Trâm anh, chung đỉnh*, nghĩa là nhà quyền quí, giàu có sang trọng. Nhà quyền quí, có con trai con gái lớn lên thì gái giắc *trâm*, trai đội *mão* (anh). *Chung đỉnh* nghĩa là có ăn lương, có làm quan với nhà nước.

(153) *Hàn-thực*, tích Giái-tữ-Thôi. — *Thanh-minh*, lễ đi Tảo mộ.

(154) Là mấy vật để cúng kiến.

Thay hồn đổi xát (n° 2)

Cách trí tiểu thuyết Tây: THANH-TÂN diễn nôm

(tiếp theo)

Khi nàng Y-huê-linh đi rồi, trong nhà họ Gơ-rô-huê-đên ai nấy càng ngày càng mạnh khỏe, đến đứa bé con cũng mạnh, bây giờ chỉ còn ngủ có 10 giờ mà thôi. Còn tên Ram Bơ-lu-hoanh-cơn (James Bluewinkle) bây giờ lại trổ sắc xanh xao. Chàng mạnh ăn dường sư-tử, mỗi ngày dầu ăn mấy cân thịt bò, thịt đùi cùng ngỗng vịt chi nữa, cũng thấy trong mình càng ngày càng yếu. Bao nhiêu thầy thuốc đến xem, ông nầy tới ông kia cũng không ai tìm ra mối bịnh. Sau rốt có một ông thầy trị bịnh bằng cách tiêm thuốc có ngụ được một ý, bèn biểu anh ta đi ở nơi thanh vắng một mình tại nơi nhà dưỡng bịnh ở Ip-xuýt (Ipswich).

Cách điều dưỡng ấy thật có kết quả lạ dường; trong 2 tuần lễ thấy anh Ram Bơ-lu-hoanh-cơn đã lành mạnh như xưa. Còn nàng Y-huê-linh thì buồn rầu càng xanh yếu. Vài ngày sau nàng phải trở về ở với cha mẹ, thêm khổ cho gia-đình, vì mẹ con cô Ha-rích thấy trong mình hơi khó chịu, còn cô Ô-rô-ra và thằng bé thêm vàng vọt.

Vì không biết cho nên trong nhà cũng chẳng hiểu là tại sao. Duy có hơi lấy làm lạ, vì thấy cái sự ấy nó cũng trùng với cái lúc anh Bơ-lu-hoanh cơn trở về thì cái bịnh trong nhà cũng đi đâu mất, dường như có phép lạ chi vậy.

Bây giờ lại thấy anh chồng trở lại lừ-đừ mòn-mỏi như cũ. Thiệt một tháng sau khi anh ở nhà dưỡng-đường mà về thì anh càng yếu càng xanh. Song chàng ít khờ hơn bên nhà Gơ-rô-huê-đên, nên có lòng buồn bực, có dạ nghi ngờ, bèn dò ý coi chừng vợ. Nhưng nàng cứ ăn ở như thường đủ lễ phép, không bam lạ lại ít lãng phí; cách nàng ăn mặc xem đẹp đẻ mà chẳng trang hoàng; nàng ăn uống chẳng bao nhiêu. Vã lại anh Ram biết lòng giữ bổn phận làm chồng, không tham dâm cho đến nỗi hao tổn tinh thần dãm bớt sức lực người, nhứt là người mạnh bạo to lớn như anh ta vậy. Nhưng anh ta có thấy mỗi khi nàng Y-huê-linh hun mình — hun như thường vậy — thì trong thân mình mờ-mệt bần-thần. Bởi vậy nên tuy chàng không biết tại sao, chớ trong lòng đã tự-nhiên, ngụ riêng một ý.

Vậy bữa chiều kia, chàng lén vợ mà uống cho hai bát cà-phe thật đậm, đặng có gượng chịu cho khỏi cái buồn ngủ mê mang nó báo hại mỗi đêm, rồi giả ý ngủ như thường. Đã lâu chàng không thấy đều chi lạ, đến chừng 11, 12 giờ khuya, một giờ, đồng hồ gỏ lần lần cũng chẳng thấy đều chi... Sau hết nghe hơi thở nàng Y-huê-linh càng mạnh. Ban đầu nàng còn ngủ im lìm, rồi lần lần lén chồi dậy thì chàng Bơ-lu-hoanh-cơn thấy nàng nghiêng qua mình mình. Hai cái môi dịu êm của nàng đặt vào cổ anh ta thì anh ta thấy trong mình có cái cảm lạ, vừa khoái thú vừa buồn bực. Môi dường như có nút vật chi, mà nút thật là êm thắm

lắm. Chàng thấy mình bủn rủn yếu lần, tâm thần thêm dã dượi. Dầu đã có uống cà-phê, chớ nếu chàng để vậy mà chịu trong một phút nữa, thì chàng biết chắc không khỏi ngủ mê mang. Chàng bèn khoát tay nhẹ, xô cái đầu nàng Y-huê-linh ra, thấy cồ mình khó chịu, bèn la; — Đồ-khốn!

Thì chàng nghe trong bóng tối có tiếng khóc tức tửi. bèn vặn đèn điện lên, thấy nàng Y-huê linh sấp mình nơi giường mà rung rẫy tay chưn.

Chàng nói tiếp nữa rằng: « — Mầy khốn nạn! ta làm gì mầy, mà mầy nở dạ muốn hại ta? »

Hai người nhìn nhau, nàng thì cặp mắt nhláy lia; mặt mày xem dường có ý sợ sệt lạ dường; nàng trả lời nghe như lúc chiêm bao rằng:

— Thưa tôi không biết làm cách nào khác... tôi ắc phải chết!

Thình lình trong não cân, trong tận lòng óc của con người nó khiến cho anh Bơ-lu-hoanh-cơn rõ thấu ra duyên cớ; chàng quyết chắc nàng Y-hêu-linh Gơ-rô-huê-đên là con tinh hút máu.

⁂

Tới đây người thuật chuyện bèn ninh. Tên Sạt-mên lại hỏi:

« — Cái sự ấy lấy chi mà quyết chắc? » Thì anh Rắc Lơ mạt-căn lấy đồng hồ ra xem, rồi nói để mai sẽ thuật tiếp.

(Kỳ sau tiếp).

Hoài-quốc-công « Võ-Tánh »

liệt truyện

Quan *Võ-Tánh* vốn là người ở tỉnh Biênhoa, tổ quán ở tại làng Phước-An, tổng Thanh-tuy hạ, sau về ở huyện Bình dương, tỉnh Giadịnh. Ông nội ngài là *Võ-Đỗ,* phong tặng chức Ca -Cơ, cha là *V Toán*, phong tặng Chưởng-Cơ. Anh ngài là *Võ-Nhàn*, trước là thuộc tướng của ông Đồ-thanh-Nhơn. làm đến chức Cai-cơ. Từ ngày Đồ-thanh-Nhơn bị Cao-Hoàng (sau là Gia-Long) tru lục. thì Võ-Nhàn lại tụ dư đảng ở Đông-Sơn mà làm nghịch, nên phải bị bắt mà mắc tử hình. Đến năm Giáp-Thìn (1784) quân Tây-Sơn vào đánh Gia-định đức Cao-Hoàng phải chạy sang qua Vọng-các (Bangkok), ông Võ-Tánh mới tụ dư đảng của ông Võ-Nhàn, chiêu tập anh hùng hào kiệt mà chống cự với quân Tây Sơn. Ông Võ-Tánh vẫn là người thông minh dõng đạt, tài trí hơn người cho nên nhiều kẻ phục tùng. Ngài tụ nghĩa binh ở tại Vườn-Trầu thuộc tỉnh Giadinh. Nhơn vì xứ ấy là nơi đồng trống mông quạnh, khó nỗi dụng binh, ngài bèn dời xuống Định-tường (Mytho) mà thiếm cứ Gò-Công, tụ nghĩa binh dư muôn kêu là đạo binh *Kiến-hoà*, tự mình làm Đồng-nhung. Binh giặc Tây Sơn đi tới đo thảy đều bị yểm sát; chúng no biết danh, đều truyền nhau rằng xứ Giadinh có tam hùng, mà Võ-Tánh là một (Tam-hùng là Võ-Tánh, Lê-văn-Duyệt và Châu-văn-Tiếp, có chỗ lại nói là Đồ-thanh-Nhơn). Đức Cao-hoàng từng nghe danh tiếng, nên sai ông Nguyễn-đức-Xuyên qua tỏ bày ý chỉ, mà rước về. (Mùa xuân năm Đinh-vị) (1787).

Qua mùa xuân năm Mậu-thân (1788) ngự-giá đến Nước-Xoáy (Sađec) sai chư tướng đem binh đánh Thái-bảo giặc là Phạm văn-Tham, Thái-húy là Nguyễn-v-Hưng tại ngã Ba-Lai. Binh giặc thua phải rút về Bà-Hôn (Mytho) bèn gặp Võ-Tánh chận đánh vở tan luôn ba trận, làm cho quân giặc kinh tâm tán đởm, phải rút về sông lớn.

Qua mùa hạ, có chỉ vua sai Trương-phước-Giáo qua triệu ông Võ-Tánh. Ông Võ-Tánh bèn phụng mạng, đem bộ hạ theo là Võ-văn-Lương, Nguyễn-văn-Hiếu, Mạc-văn-Tô, Trần-văn-Tín về đến Hành-tại mà bái kiến. Vua Cao-hoàng rất đẹp phong cho làm Tiên-phong-d nh Chưởng-cơ, lại gả công-chúa Ngọc-Du, con thứ nhì của Đức Hưng-tổ cho nữa. Còn mấy bộ hạ của ngài đều được phong chức Cai-cơ.

Từ ấy đến sau quan Võ-Tánh hết lòng giữ dạ trung thần, phơi gan trải mật mà phò vua giúp nước, lắm phen xông tên đục pháo, nam tảo bắc trừ làm cho quân giặc phải kinh tâm vở mật: như ngài đem binh triệt hậu tên Nguyễn-văn-Tham, nơi Bến-nghé, bắt ngươi Ôc-nha-Ôc tại Cần-thơ.

Ngài tuổi còn niên thiếu, nên tánh khí cang cường, không hay nhẫn nhịn; bởi vậy có nhiều kẻ công thần làm đại tướng đã lâu, như ông Hậu-Quân Nguyễn-văn-Quân, mà ngài

chẳng chút kiên vì, mới xảy ra lắm đều biếm khích.

Qua năm Canh tuất (1790) hai ông phụng mạng đem binh ra đánh Phan-rí, Đô-đốc giặc là Đào-văn-Hổ chạy trốn, mới thâu phục được tỉnh Bình-Thuận Ông Quân nhơn ấy lấy làm công của mình, ông Võ-Tánh cho là bỉ sỉ lắm. Đức Cao Hoàng biết việc bèn để cho ông Quân ở lại trấn thủ Bình-Thuận, mà triệu ông Tánh trở về.

Lúc quan Võ-Tánh trở về, ông Quân đem binh đến Phan rang xảy bị quân giặc đến vây, ông bèn gởi thơ về cáo cấp nhưng mà Võ-Tánh chẳng chịu đoái hoài. Thời may lại có ông Nguyễn-văn-Thiềng, đến giải vây cứu cấp mới là khỏi rạn. Qua năm sau ông Quân lại phải bại binh một lần nữa, ông lấy làm xấn hổ, tự nghỉ e khi ông Tánh khinh cười, người vì tức bây nhiêu mà bỏ mạng.

Năm Quí-sữu (1793) Đức Cao hoàng thân chinh ra đánh Qui-nhơn, bèn phong cho Võ-Tánh làm chức Khâm sai, quản suất hậu quân dinh, lãnh tước Bình-tây-tham-thắng tướng-quân hộ giá. Ông Võ-Tánh nhờ tài ba tót chúng, đánh đâu thắng đó, công trận rất nhiều mới thâu phục được tỉnh Phú-yên. Lúc ngự giá ra đánh lấy đồn Thị-nại, thì Võ-Tánh đem quân đóng tại làng Bình thạnh. Chúa Tây-Sơn là Nguyễn-v.-Nhạc sai con là Ng.-v.-Bửu đem binh chống cự, bị Võ-Tánh đánh thối về đóng tại núi Úc-Sơn, kế bị binh Cao-hoàng đánh phá một trận nữa, tên Bửu phải bỏ chạy về Qui-nhơn. Khi ấy Ng.-v.-Nhạc đóng thành chống cự, cho nên ông Võ-Tánh cùng với ông Tôn-thất-Hội hiệp các đạo binh đem tới vây thành Qui-nhơn. Vì gặp quân cứu viện của giặc đến, nên phải rút quân trở Gia-định.

Qua năm Giáp-dần (1794) giặc Tây-sơn đến vây thành Diên-khánh, vua Cao-hoàng bèn sai đem binh cứu viện, đánh giặc vỡ tan. Vua bèn sai Tôn-thất-Hội làm tiên phuông, Võ-Tánh làm hậu tập ra đánh thành Qui-nhơn. Đến chợ Phú-yên Hội-Võ-Tánh đánh thắng nhiều trận, đem quân qua đến Thị-nai, mà quân giặc chiếm cứ lắm nơi hiểm yếu, cho nên khó thế thành công. Vua mới dạy thâu quân trở về Diên-khánh mà lập đồn chứa thêm lương thảo, lo chước phòng giặc. Lúc vua muốn chọn quan lưu trấn mà chưa kiếm được người. Võ-Tánh bèn tâu xin tự đương việc ấy. Vua khen lòng can đảm bèn cho làm trấn thủ.

Vậy từ ấy quan Võ Tánh chuyên tập luyện quân binh, sửa sang khí giới, chứa đầy lương thực, xây thành đắp lủy, ngày đêm lo việc tuần thành rất nghiêm-chỉnh. — Mùa đông năm ấy có tổng quản Tây-sơn là Trần quang-Diệu đến xâm phạm tỉnh Phú-yên, làm cho Nguyễn-Long cùng Võ-v.-Lượng phải bại binh, thối về Bình khương. Quan Võ Tánh bèn đệ biểu về tâu với đức Cao-hoàng. Đức Cao hoàng ban chỉ dạy rằng: « Giặc từ xa mà đến cho nên mệt, thì lợi tại đánh liền vậy ta nên kiên thủ dùng kế an-binh mà đợ bì lao, khi ấy ta đánh thời ắt thắng đặng toàn công » Vua lại sai đệ y phụng ngự hàn mà ban cho tướng sĩ.

Giặc lại đến xâm phạm Bình khương, Võ-Tánh dưng sớ về tâu rằng: « Nay giặc đến đây là quỷ

lấy thành Diên-khánh, mà trong ành ta binh sung lương túc, giặc thiện công thì ta thiện thủ; vậy chớ khinh động, hãy đợi chúng nó ồn mỏi, khi ấy ta sẽ thừa cơ đánh há, thì ắt là đặng đắc thắng thành ng.» Vua lại sai Chưởng-hữu-Quân guyễn-hoàng-Đức, với liên-phuông guyễn v.-Th ềng điều bát bộ binh ẳng đến Phan-rang đặng xem cơ a tiếp ứng cho thành Diên-khánh. Thiệt quả nhiên Trần-uang-Diệu o hết quân binh đến vây thành ên-khánh, lại sai tì-tướng Lê-Trung ận đường binh viện Bình-thuận, o nên binh Hoàng-Đức, Văn-Thiềng ông qua tiếp thấu. Quang-Diệu lại i chận ngỏ không cho trong thành ân ra lấy nước. Võ Tánh bèn sai c chi Tiền-du, Tiền-kích đánh lui ân ấy. Quân giặc liều chết xông ành, bị pháo đài bắn tan vô số. ân giặc bèn đắp lủy ngoài thành à làm bức. Võ-Tánh chẳng nao cứ ệc lo kiên thủ, lại hờ cơ chận đường t đặng đô-đốc giặc là tên Định. ặc vây phá càng ngày càng hung, à trong thành muối ít, binh tướng ếu ăn, Võ-Tánh hết lòng trung hĩa lo khuyến khích tướng-binh; ư-tướng đều vui lòng ra sức liều ân chống cùng binh giặc, cho nên ặc khôn phương phá nổi. Võ-Tánh a quân can đảm trong thành, liều nh sống chết xông phá trùng vây ong cơn ơ hờ tâm tối mà chạy về a-định phi-báo, xin binh cứu viện. hi ấy có tên đội-trưởng Nguyễn-n-Công phụng mạng lén ra khỏi y đệ biểu về tấu với vua.

Vua xem biểu rất vừa ý, phán ng: «Làm tướng như vậy, dầu người xưa cũng ít kẻ sánh bằng, như thế nước nhà rất nên hữu phước!» Rồi lại ban chiếu ra khuyên gắng khích tướng sĩ phải án binh cố thủ.

Qua năm Ất-mảo (1795) vua cất thủy bộ đại binh ra cứu viện. Võ-Tánh hay cứu binh đã đến, bèn thâu suất tướng sĩ ban đêm mở cửa thành ra phá giặc, đốt phá trại giặc lửa cháy đỏ trời từ núi Sĩ-lâm đến Cầu-bông có hơn bốn chỗ. Quân giặc đại bại, bỏ khí giái rất nhiều quân binh chết thôi vô số. Võ-Tánh bèn chia binh ra chiếm cứ các nơi, lập đồn bảo mà ngăn chống.

Lúc ấy tướng sĩ trong thành nhiều người lâm bịnh, quan Võ-Tánh hết lòng an ủy, chạy sớ điệp về tâu. Vua bèn sai kẻ lén đem thuốc men ra ban cấp.

Đến mùa thu, vua đem hết các đạo binh hiệp lại mà đánh, Trần-quang-Diệu phải bỏ vây trốn thoát.

Vua an úy Võ-Tánh rằng: «Quang-Diệu là tướng giặc mạnh, nhưng chỉ có một mình tướng-quân mới giữ đặng thành nầy. Ấy nhờ có gió dữ mới biết sức cây dai.» Bèn ban thưởng cho Võ-Tánh một muôn quan tiền, dạy cho ban sư về trước và khiến tiền quân Tôn-thất-Hội ở lại trấn thủ thành Diên-Khánh.

Giá ngự về tới Gia-định, vua truyền dọn yến diên thết lao tướng sĩ và phong cho Võ-Tánh làm Khâm sai-chưởng hậu quân dinh Bình-Tây-tham-thặng tướng quân, gia tước Quận-công.

Mùa đông năm Bính-thìn (1796) có quân-đội tiểu-hầu (trai hầu trong nội) ra trấn thành Phan-Yên (Gò-Công) mà thâu thuế chiếu, rồi lại làm đều

giả trá mà thủ lợi. Võ-Tánh bẩm với Đông-cung xin tâu cùng hoàng-thượng mà ngăn cấm. Đông-cung rằng: — Việc ấy là chỉ trong nội, ta đầu dám nói.» Vỏ-Tánh bẩm: — Soái-phủ là trừ-nhị trong nước, chúng tôi đây cũng bực thân thần; hễ có việc chi sái phép thì phải lập tức biểu tâu, bằng mỗi việc đều vưng dạ, thì sao cho gọi nước có tôi ngay nhà sanh con thảo cho đặng. Nay như soái-phủ chẳng tâu, thì tôi cũng nguyện cùng tiền-quân Tôn-thất-Hội mà tâu đến thượng-hoàng, chớ lẽ đâu dám điềm nhiên mà phải phụ tình cùng nhà nước.

Võ-Tánh có ý ỷ mình là thân quí nhà vua, nên càng kiêu mãn. Quan Lễ-bộ Nguyễn-thái-Nguyên thường hay dứt can; ông Tôn-thất-Hội cũng phiền về việc ấy, nên lắm khi có khuyên dứt rằng: «Sao ngài chẳng nhớ chuyện Sĩ-Hoát phiêu-kị hay sao ? Ngài cũng nên bỏ sự kiêu-căng mà giữ gìn tiếng tốt thì phải hơn.»

Vỏ-Tánh nghĩ phải lấy làm cảm tạ; từ ấy hằng giữ lòng giản chí, nên lại được mua lòng tướng sĩ càng nhiều.

Mùa hạ năm Đinh-tị (1797) đức Cao-Hoàng ra đánh Qui-nhơn, Võ-Tánh với Nguyễn-v-Thiềng đem bộ binh tới Phú-yên đánh lấy đồn Hội-an. Vua điều-bát châu sư ra đánh Quảng-nam; quân ra đóng tại cửa Đà-nẳng đánh với thiếu-bảo giặc là Nguyễn-v-Huấn lại cho đòi Võ-Tánh lập tức ra cửa Đại-chiếm (cửa Đại, ở Quảng-Nam) mà đánh phía hậu quân giặc. Võ-Tánh lãnh mạng đem binh thuyền vượt biển đánh phá đô-đốc giặc là Nguyễn-v-Ngự, thâu đoạt được hơn 30 chiếc thuyền, bèn vào cửa Đại-chiêm mà hội binh cùng Đông-cung Cảnh, mà đánh đuổi quân giặc, và đem chiến thuyền vào trong sông mà đóng. Khi ấy thanh thế được càng ngày càng mạnh, đi đến đâu quân giặc cũng đều ra hàng đầu tới đó.

Đô-đốc giặc là Lê-v.-Chất và Lê-v-. Thanh ở Qui-nhơn đem binh ra đánh, bị Vỏ-Tánh chận đánh giết quân giặc rất nhiều, rồi luôn dịp lại qua Mỹ-khê (Quảng-ngãi) mà đánh Đô-đốc Nguyễn-v.-Giáp. Nguyễn v.-Huấn và Lê-v-.Chất bèn hiệp binh lại mà đương cự. Gặp lúc trời đông rét mướt, nên phải thâu binh trở về Gia-định.

Qua mùa hạ năm Kỉ-vị 1799), vua thân-chinh ra đánh Qui-nhơn, Vỏ-Tánh đem châu sư theo bộ giá. Đến cửa Thị nại hiệp binh cùng Chưởng-hữu-Quân Nguyễn-hoàng-Đức đồn binh tại Phú-trung, rồi đanh thiếu-húy giặc là Trương-tấn-Túy tại Thị-giã chạy dài, bắt được 13 thớt tượng, đuổi giặc chạy đến cầu Tân-An, chém được Đô-đốc giặc là Nguyễn-v.-Thiệt, bắt sống binh tướng rất nhiều. Đại-đô Đốc giặc Lê-v.-Chất đến xin hàng phục, có linh vua truyền Vỏ-Tánh tùy tùng điều khiển.

Binh vua đến gần thành Qui-nhơn, Vỏ-Tánh điều binh vây phủ. Thái-phó giặc là Lê-v.-Ứng biết trước ra thành, qua núi Tây-sơn thâu vận quân lương làm mưu ỷ-giốc. Lê-v.-Chất bèn thưa cùng Vỏ-Tánh, Vỏ-Tánh liền sai Nguyễn-đức-Xuyên làm tả đạo, Chất làm hữu-đạo, còn mình thì thống lảnh trung quân, chận đánh Lê-v.-Ứng tại Kha-đảo, bắt đặng 6000 binh 50 thớt tượng. mà tên Lê-

v.-Ưng lại thoát đi trốn khỏi. Đại-tổng-quản giặc Lê-v.-Thanh, Thượng-thơ binh bộ Nguyễn-đại-Phát đều mở thành hàng phục.

Xe giá vào thành vỗ an tướng sĩ, bèn cải danh thành Qui-nhơn lại là thành Bình-định. Có kẻ tâu vua, xin thừa thắng kéo binh đến lấy Phú-Xuân. Vua phán hỏi, Võ-Tánh bèn tâu: « Qui-nhơn tuy lấy được, nhưng Phú-Xuân còn thế mạnh, vả lại binh ta mới đánh nhọc nhằn, chưa nên khinh động. » Vua khen phải bèn thâu binh khải hoàn, lại truyền cho Võ-Tánh với quan Lễ-bộ Ngô-tùng-Châu ở lại trấn thành Bình-định.

Lúc nầy thiếu-phó giặc là Trần-quang-Diệu ở Phú-Xuân nghe tin Võ-Tánh lưu thủ Qui-nhơn, mới tính cùng Võ-v.-Dõng: « Ta nghe danh Võ-Tánh đã lâu, chư tướng không ai dám địch; nay va cô thành độc thủ, lui tới khôn phương cứu viện, ta nên đem bộ binh vào đánh, thủy binh thì chận cửa Thị-nại đặng ngừa binh viện ở Gia-định, thì chắc là lấy được thành Qui-nhơn.»

Sang mùa đông, Quang-Diệu đem binh mấy vạn, chiến-thuyền cả trăm, thủy bộ lẫy lừng oai thế, đều tấn binh phát hành. Thủy thì có Võ-v.-Dõng kéo vào cửa Thị-nại, bộ thì có Quang-Diệu kéo binh xâm lấn Thạch-tân. Võ-Tánh xem thế biết giặc đương hăng, nên chưa cho giao chiến, bèn khiến hậu quân phó-tướng Nguyễn-văn-Biện thâu binh vào thành, lại sai Lê-v.-Chất đem thuộc binh về Gia-định. Võ-Tánh cứ lo kiên thủ thành trì.

Quang-Diệu nói cùng Văn-Dõng rằng: « Võ-Tánh chẳng chịu ra đánh là có ý muốn để chầy ngày cho binh ta mòn mỏi. Vậy thì ta nên đắp lủy ngoài thành mà cố vây. »

Bèn đắp lủy dài ở ngoài thành, lại quản suất bộ binh vây tứ phía. Võ-v.-Dõng quảng suất thủy binh, coi việc làm đồn bảo, lại đem chiếc thuyền « *Định-quốc* » giăng ngang giữa cửa Thị nại mà phòng bị rất nên nghiêm cẩn.

Khi vua hay tin bèn c o đòi chư tướng hội-nghị, thì hết thảy đều xin vua mau mau t ếp cứu. Vua lại phán rằng: « Võ-Tánh là người Thiện-thủ, chưa nên khinh động, mà giặc lại sợ Võ-Tánh như cọp, nên chưa dám rụt rịch đâu; lương thảo trong thành Bình-định cũng còn vừa đủ một năm. Lúc nầy còn đương cơn ngược gió, đường thủy kho đi, chờ đến sang xuân rồi sẽ đem b nh cứu viện, nhắm cũng hẳng muộn chi. »

Khi ấy trong hàng tướng sĩ thành Qui-nhơn lại có tên Võ-v-.Sự cùng Nguyễn-bá-Phong rũ phe đảng của chúng nó mà giấy loạn, ban đêm lén mở cửa thành tuôn ra đầu giặc. Võ-Tánh nghe quân phi-báo, bèn khiến Ngô-văn-Sở chận cửa, thì bọn làm phản đã ra được 400 người, còn bao nhiêu chẳng dám rut rịch nữa Vẫn quân ấy là quân mới hàng, Võ-Tánh sợ e sau chúng nó sanh ra phản trắc, bèn truyền lịnh điển-hình tất cả. Lúc trước khi giặc đến, ông Võ-Tánh có sai bọn Lê-v-.Chất về Gia định, có kẻ nói Lê-v-Chất là tay đại-tướng nên để mà dùng, ông Tánh làm t inh, chẳng nói rằng chi cả. Nay vì có xảy ra chuyện nầy ông mới nói: « Các ngươi có hiểu vì sao ngày trước ta sai Lê-v-.Chất về Gia-định chăng? Lê-v-.Chất tuy là lương

tướng, nhưng lại là tướng mới đầu, và bộ hạ của va đều là người thổ trước, để đây thì là một nỗi thêm lo. Vả lại trong thành ta lương ít, nếu giặc vây lâu mà binh nhiều lương ít thì lại càng thêm lo một nỗi nữa. Ta sai Lê-v.-Chất về trước đây là có ý muốn khỏi đường hậu hoạn, cùng thêm lương thực cho quân đặng toan mưu cố thủ mà thôi.» Chư tướng nghe thảy đều kính phục.

Qua năm Canh Thân (1800) vua đồng suất châu-sư ngự ra cứu viện, đình quân tại Cù-mông (Phú-yên) sai Nguyễn-văn-Thiềng điều bát bộ binh từ Xuân-đài tới Hội-an thẳng qua núi Ải-thạch, lắm phen đánh cùng binh giặc, giặc tháo lui dần dần. Võ-Tánh nghe có cứu binh đến, bèn mở cửa nam ra đại chiến cùng giặc tại núi Tam tháp, đốt phá đồn giặc; lúc ấy trời vừa tối nên phải thâu binh vào thành cự thủ. Lúc ấy giặc vây thành canh giờ nghiêm nhặt. Quang-Diệu lại khoe mình là trang tướng lược, cho người ra vô trong thành đặng có chiêu hàng. Võ-Tánh thường sai người ra đến Hạnh-tại, vua cũng có sai đem thơ vào thành ủy an tướng sĩ. Tin tức tuy thông nhau được, mà đánh giải vây cũng không nỗi. Bộ binh vua ở Thi-giã, thủy-binh ở Cù-mông. hai đường cũng không phương giải tiếp, chầy ngày mà vây chưa thấy giải, vua lấy làm rầu rĩ ngồi đứng chẳng yên. Ngày kia vua ngự ra cửa hiền Thị-nại, thấy binh giặc tuần phòng nghiêm cẩn, bèn than rằng: «Trời chưa muốn trừ yên Tây-sơn tặc bay sao mà khiến cho tướng sĩ ta phải mắc nạn như vầy?»

Mùa xuân năm Tân-dậu, vua dụng chước hỏa-công, truyền cho Nguyễn-văn-Trương đem binh tới trước, Lê-văn-Duyệt theo sau, lén vào cửa Thị-nại đốt phá binh thuyền giặc, lại sai người thông tin cho Võ Tánh hay trước. Ban đêm Võ-Tánh mở cửa thành đông, đánh phá quân giặc tan tành, đốt trại giặc xa hơn một dặm. Còn Võ văn-Dõng ở thủy-đồn cũng bị Văn-Trường, Văn-Duyệt đánh phá, nên phải chạy lên hiệp binh cùng Quang-Diệu mà vây thành càng thêm khuẩn bức nữa.

Vua nghĩ trong thành lương ít, thế giữ không bền, mới bảo cùng chư tướng rằng: «Thà chịu mất thành, chớ chẳng thà mất một lương tướng.» Bèn khiến người lén đem thơ vào thành dạy Võ-Tánh phá vây ra mà hội cùng đại binh. Võ-Tánh nghĩ rằng lũy giặc rất bền, phá e chưa được, nếu giải vây ra ắt có tử thương rất nhiều, bèn lén gởi biểu đến thành tại, nói rằng: «Tướng mạnh binh ròng của Tây nguỵ đều rút ở tại đây, Phú-xuân chắc là chẳng gai nghiêm phòng. Vậy nay có kế nào hơn đổi ngói lấy vàng. Xin vua tạm bỏ thành Bình-định này, hãy thừa cơ thẳng đến đánh lấy Phú-xuân thì ắt nên việc lớn. Lấy thành Phú-xuân mà bù mạng tôi bèn này, thì chúng tôi rất vui lòng ước nguyện.» — Vua xem biểu than thở giây lâu, chư tướng tâu rằng: cuộc cờ có nước, cũng nên phải thí xe. Vua cũng còn dụ dự không đành. sau mới là quyết ý.

Mùa hạ, vua dạy Nguyễn-văn-Thiềng ở lại Thị giã mà chống cùng quân giặc làm thinh ứng cùng Võ-Tánh. Binh vua mới do đường thủy, nhắm Phú-xuân thẳng đến. Đêm ấy vua truyền đốt lửa trên núi Một mà làm hiệu cho Võ-Tánh. Võ-Tánh thấy lửa

bèn mở cửa thành ra đánh. chém tướng giặc vài tên, giặc lại thêm binh vây nữa.

Võ-Tánh bị vây càng ngày càng lâu, hết phương chống cự. Tuy vậy quân lính cũng nghiêm minh, cho nên mỗi khi đấu chiến cùng quân giặc, cũng không hề thua sút. Có kẻ thưa cùng quan Võ-Tánh nên bỏ thành mà đi, Võ-Tánh nói: « Không nên đâu chúng ta đã phụng mạng thủ thành dầu chết sống mất còn, cũng phải ráng lo cho trọn đạo Bằng không liều chết kiên thủ thành trì, thì sau mặt mũi nào mà thấy chúa thượng ? » Chư tướng cũng nghe theo.

Đến khi lương thảo hết, phải làm đến thịt voi ngựa mà ăn lần. Có kẻ xin liều cố phá vây mà ra. Võ-Tánh thấy tướng sĩ đều đói khó, cũng tính đánh liều một trận mà thoát vây, mới sai người lén ra hẹn cùng Văn-Thiềng ban đêm đem binh đến gò Phú-quí mà tiếp viện. Hẹn hò xong xuôi, đến khi điểm lại tướng sĩ, thấy mất hết một tên Phó vệ-húy. Võ-Tánh kê tai nói nhỏ cùng Ngô-tùng-Châu rằng: « Việc nầy ắt là tiết lậu ra rồi ! » Vì thế nên việc ấy cũng bỏ qua.

Tướng sĩ đói quá, quan Võ-Tánh phải bắt ngựa mình mà làm thịt cho quân lính ăn. Võ-Tánh thấy tướng sĩ thương tổn, lại e thành bảm, bèn lập tức gởi thơ nói cùng Quang-Diệu rằng: « Trong thành lương hết, khôn bề cố thủ lâu dai. Vã chăng sách có chữ: *tướng quân tử tuy* (làm tướng khi ra đánh giặc phải liều chết nắm lấy dây cương cho chặc không thả mà chạy) là bổn phận của ta, ta đã định liệu rồi còn quân sĩ trong thành đều là vô tội, xin ngươi chớ khá thương tàn. »

Võ-Tánh lại nói cùng chư tướng trong thành rằng: « Cớ sự như vầy nay ta chỉ đành phận thát; nhưng ta nghĩ vì nếu uống thuốc độc thì giặc hãy còn thấy dược mặt ta, mà ta đây cũng không muốn thấy giặc; chi bằng để ta dùng lửa thiêu mình, ắt là vẹn vẽ đôi đường. » Nói rồi bèn khiến quân chất củi khô giữa lầu bát giác rồi bỏ thuốc súng vào. Khi ấy vì trong thành nguy cấp, Ngô-tùng-Châu cũng chạy đến hỏi ý Võ-Tánh toan liệu kế nào, Võ-Tánh chỉ lầu bác-giác mà rằng: « Ấy là mưu chước tôi đó. » Rồi tiếp: « Phận tôi là chủ tướng, không lẽ sống chịu đầu giặc; còn ông đây là bực văn-thần, có lẽ giặc không gia hại, xin ông bảo trọng lấy mình. » Ngô-tùng-Châu bèn cười và đáp: « Trung quân ái quốc ai chẳng một lòng, văn võ dễ nào có khác. Nay tướng quân vì nước mà liều mình, lẽ đâu Châu nầy há chẳng biết xả thân cho trọn đạo tôi trung sao ? » Nói rồi ngài trở về dinh, sấm sửa cân đai áo mão mặc vào, ngảnh mặt lại đền vua mà lạy tạ rồi uống thuốc độc mà thác. Võ-Tánh ngậm ngùi thương tiếc mà than rằng: « Quan Ngô-tùng-Châu hơn ta một nước ! » Bèn đến xem tẩn liệm tống táng hậu tình. Qua hai ngày sau Võ-Tánh mặc đồ triều phục, ngó về cửa đền vua mà lạy tạ, rồi lên lầu bác-giác mà ngồi. Xong rồi cho đòi tất cả chư tướng sĩ đến mà bảo rằng: « Từ khi ta lãnh mạng trấn thủ thành nầy, giặc Tây đem cả hùng binh tới đây vây phủ ta, tính đã hai năm; nhờ ơn chư tướng hiệp lực đồng tâm mới

gìn giữ được thành trì, ngăn ngừa quân giặc tới nay. Chẳng may nay lương hết sức cùng, thế giữ bền không tặng. Vậy thì phận ta cam đành chịu chết, không nỡ nào để cho chư tướng lụy lâm.» Tướng sĩ nghe mấy lời thảy đều than khóc. Võ-Tánh khoát biểu lui ra, rồi lấy cây súng hai lòng bên chỗ ngồi, đưa c o Lưu-hủ Nguyễn-văn Thạnh mà bảo rằng: «Ngươi hãy lãnh lấy vật nầy mà đưa c' o Quang D ệu nói rằng, ta xin gởi gấm quan quân cho nó». Nói rồi liền biểu Nguyễn- văn-Biện châm lửa. Văn-Biện khóc rồi bỏ mà chạy. Võ-Tánh đương hút thuốc thấy vậy bèn gạc tàn lửa trên thuốc súng, thuốc bèn bắt cháy tưng bừng xãy có quan thống-binh Nguyễn-văn-Huyến chạy vào. Vỏ-Tánh hỏi: «Ngươi đi đâu đó ? » Tân-Hnyến thưa: «Chúng tôi xin theo hầu tướng quân xuống suối vàng...» Nói chưa giứt lời bèn nhảy a trong lửa mà thác cùng quan Vỏ-Tánh.

Bữa ấy nhằm ngày 17 tháng 5 năm Tân-hợi.

Than ôi! một đấng trung lương tử-tiết, ngàn năm danh tiếng hãy còn, non mòn biển cạn, tiếng thơm thanh sữ vẫn còn biêu!

Vỏ-Tánh tự tữ rồi, Quang-Diệu đem binh vào thành, thấy vậy cũng động òng thương tiếc, mới dụng lễ nghi lống táng rất trọng. Tướng sĩ trong thành cũng khỏi đều gia hại, song rồi cũng đều xin về nhà, chẳng có một ai chịu ra đầu giặc. Ấy là nhờ tấm lòng ái quốc trung quân của quán Vỏ-Tánh mà cãm được lòng quan như thế.

Vỏ-Tánh liều thân cố thủ thành trì, khiến cho sức mạnh giặc đều về đó mà hơ hỏng Phú-xuân. Vua nghe lời Võ-Tánh nên một lược đánh mà khôi phục đặng kinh sư, thiệt nên công đệ nhứt của cơ nghiệp Nguyễn trào trung-hưng.

Lúc vua đánh lấy được thành Phú-xuân rồi, liền sai Lê-văn-Duyệt Lê-v-. Chất, Tống-viết-Phước trở vô cứu viện cho Võ Tánh, nhưng vừa đến Quảng-nghĩa thì nghe thành đà bị hãm, Võ-Tánh tử phần, Tùng-Châu phục được. Vua hay tin buồn rầu khóc than khôn xiết, mới phán cùng các quan rằng: « Võ-Tánh, Tùng-Châu trọn niềm tử tiết như vậy, dầu trung liệt như Trương Tuần, Hứa-Viễn đời xưa cũng không e hơn đặng.» Vua bè n truyền cho quan Lưu-trấn Gia-định cung cấp cho Gia-quyến quan Vỏ-Tánh rất nên trọng hậu.

Năm đầu niên hiệu Gia-Long sắc ban truy tặng *Dực-văn-công-thần, Phụ-quốc thượng-tướng-quân, Trụ-quốc-Úy*, gia tước *quốc-công*, thụy là *Thái-trung liệt*. Lại sai ban áo mão gấm hàng vô Thị nại thâu liệm bài cốt mà đem về Gia-định cải táng, rồi lập Từ-đường trước lầu bác giác mà phụng tự.

Năm thứ ba niên hiệu Gia-Long sắc ban vào liệt-tự chín căn giữa nhà thờ Hiển-trung, lại cấp tự-điền tự-dân, mộ-phu mà cho người con là *Vỏ Khánh* làm giám-thủ. Vua có ban lời dụ rằng: « *Tôn trọng kẻ trung lương là phép thường nhà nước. Nhớ cha ngươi xưa: Quên mình vì nước, liều thát trọn ngay; khi triều phục lên lầu vọng bái, quỉ khóc thần kinh; lúc can sài đốt lửa tự phần, thiên sầu địa thãm. Ngư i như bực ấy, ngàn năm tiết liệt dễ phai. Vậy nay Triều-đình báo đáp công-lao, sắc ban tế tự, cấp tự-điền, tự-dân, chút*

tỏ tấm lòng tôn trọng, ban mộ-phu mộ-thổ, ngõ hầu phỉ dạ trung-lương. Ngươi là con, vẹn giữ hiếu thành, chăm lo tế-tự, đời đời hương đội ơn trời mà cũng thỏa lòng ta thù báo. »

Qua năm thứ năm vua Minh-Mang cho liệt vào tùng tự Thái-miếu ; năm thứ 12 truy tặng làm *Tá-vân-công-thần*, đặt tấn *Trấn-vỏ-đại-tướng-quân*, Hậu-quân *Đô thống-phủ-chưởng-phủ-sự*, *Thái-sư*, thụy là *Trung-liệt*, phong tước *Hoài-quốc-công*.

Chánh thất quan Võ-Tánh là bà *Phước lộc-công-chúa* con là *Võ-Khánh*, phong làm *Vệ úy*, sau mắc tội giáng làm *Phiêu-kỵ-đô-úy*, để cháu là *Vỏ-Mỷ* tập phong tước *Hoài-hầu*, cũng kén công chúa, làm Phò-mã.

C. T. S.

HẾT

3e ANNÉE — Nº 143 — 29 JUILLET 1926

KHOA HỌC TẠP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1º — M. BUI QUANG-CHIÊU *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*
2º — M. LÂM-VĂN-HUÈ, *Commis indigène des Services Civils.*
3º — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics à Cholon.*
4º — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*
5º — M. NGUYỄN KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon*
6º — M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*
7º — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*
8º — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN, *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*
9º — M. TRẦN VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Paris.*
10º — M. TRẦN-QUANG NGHIÊM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*
11º — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*
12º — M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3,00		

MỤC LỤC

Đạo hóa kỳ quan nº 2 (những sự lạ ngoài biển) 2524
Thiệt hành bác học (tiếp theo) (sấm sét và thâu lôi thiên)..... 2527
Loài kiến giúp nhau 2529
Khoa-học tiến bộ đã đến cùng chưa.. 2531
Nhị độ mai chú giải (nº 14) 2533
Thay hồn đổi xát (nº 3)..... 2537

Tạo hỏa kỳ quan *(n° 2)*

Những sự lạ ngoài biển

Các nhà bác vật đồng nhận rằng trên địa cầu ta, biển choán hết 3 phần, đất có một. Biển phân phát không đều, ta xem họa đồ trái đất thấy nửa bầu trên thì đất nhiều hơn biển, nửa bầu dưới thì biển nhiều hơn đất.

Biển là nơi minh mông nước, sóng gió thường thường, hơi lên nghi ngút. Ban ngày biển bị mặt trời chói nóng hơi bay lên rất mau ta không thấy được, ban đêm biển còn hơi ấm bay hơi lên gặp trời mát mẻ, lên chậm làm cho sanh ra sa mù tâm tối; nếu có gió thổi mạnh bay đi thì mới ngó thấy đường. Những hơi nước bay lên đóng dày trời thành mây gặp gió thổi bay vào bờ bao phủ núi non mưa tưới cỏ cây xanh tốt, đổ đầy sông suối, ruộng hồ rồi rốt cũng chảy trở ra ngoài biển. Nếu không mưa sa nước chảy như thế, ắc là đất đai cây cối khô khan còi hẻo.

Dưới biển minh mông, nên trời sanh ra nhiều loài thủy tộc rất lớn để cho nó thong thả vẫy vùng. Sách Tàu nói nhứt điểu nhi ngư; trên trời minh mộng rộng lớn hơn biển nữa nên xưa có chim đại bàn rất lớn, một lần vỗ cánh bay đi che án mặt trời mát cả một phương; dưới biển có con cá kình cá côn mình dài hơn mấy dậm, mỗi lần trở mình mà lội thì sóng nổi ba đào. Những thú ấy nay ta không còn thấy, song ngoài biển còn những cá voi (cá ông) cá nược, cá mập, cá đao v-v. đều là loại lớn con, dài cả đôi ba mươi thước. Dưới biển lại còn thêm nhiều loài thú rất dị hình, nhiều cây cối rất lạ mắt, mà những cá ngon ở biển chẳng biết bao nhiêu mà kể. Những loài san hô, hàu ốc, rong đá ngọc châu, xa cừ mả nảo đồi mồi cùng nhiều hải vật quí khác cũng đều là vật ngoài biển cả Tạo hóa sanh ra, để mà nuôi nấng trang sức cho còn người.

Dưới đáy biển không hay bằng thẳng, cũng có núi non hiểm trở, có đồng nội minh mông, cây cối sum sê như trên mặt đất. Dưới đáy biển cũng có suối nước ngọt trong tuôn đổ, có hỏa-diệm sơn

xịt lửa văng tro, cũng có củ lao đá-hàn, cũng có chót núi chót non, núi non liên tiếp mà thành ra dãi núi tiếp cùng dãi núi trên bờ.

Đáy biển sâu cạn không chừng, có nơi cạn năm bảy mươi thước, có chỗ một đôi trăm, nhiều nơi lại sâu thăm thẳm tàu đi dò đáy biển, dùng trái dò mà đo nhiều chỗ sâu đến 4, 5 ngàn, 7, 8 ngàn thước tây; có nơi như gần biển Nhựt sâu hơn 9 ngàn thước, dầu núi cao hơn hết trên đất ta (8840 thước) cũng không lấp được cho bằng mặt nước).

Quan ba tàu người Huê-kỳ là ông Maury lên bắc-đảo Bermudes mà dò đáy biển thấy có nơi sâu đo 9600 thước. Song thường lấy bực trung mà tính thì biển sâu chỉ 4800 thước, bằng ngọn núi cao nhứt bên Âu-châu (Mont Blanc 4810^{m}). Biển sâu dường ấy thì đáy biển ắc tối đen mù mịt; sâu dường ấy người ta tưởng cho không còn thứ chi ở được nữa, chỉ ở tới 2500 thước sâu là cùng. Vậy mà mới sau đây, đời người văn minh cơ xảo, nên tìm thấy được dưới đáy sâu 4, 5 ngàn thước còn nhiều vật lạ lùng nữa. Những loài cá trạnh ở nơi sâu tới dường ấy thường thường cái mình sáng rở, cái miệng rất to sức nuốt loại thú to hơn mình nó cũng nỗi.

Nước biển cái mùi hôi nghe ra buồn mửa, nếm thử thì lại đắng và mặng lắm. Cái mùi hôi ấy bởi đâu mà ra? Bởi chưng dưới biển có nhiều loài thủy tộc cùng cỏ cây chết thúi mà sanh ra; cái mùi đắng nó bởi có chất muối đông-hoàng thạch (magnésium) mà ra, nước biển mặng nhiều lắm là bởi nó có muối mặng. Bởi có chất muối, cho nên nước biển dầu có hôi, thú vật dầu có chết sinh ở dưới, nước cũng không hư độc. Nhưng khổ một đều là nó không dùng mà nấu nướng hoặc uống được. Song cũng may, về sau người ta nghĩ được cách thế dùng nước biển mà uống. Ấy cũng nhờ đời cơ xảo bày ra máy móc chạy bằng hơi nước. Người ta nấu nước biển, lọc lấy hơi nước để lạnh cho nó đóng lại thành ra nước ngọt mà dùng; nước ấy đã tinh khiết mà lại diệu dễ uống. Cho nên nay tàu đi biển, dầu ở ngoài biển bao lâu cũng không lo thiếu nước ngọt mà dùng.

Bởi nước biển có nhiều chất

muối lộn trong ấy làm cho nó nặng hơn nước sông nhiều, cho nên tàu chở khẫm trong sông, ra ngoài biển lại nỗi nhẹ hơn mà vững hơn. Tàu ở nước mặng chở nên chở khẫm lắm e khi vào sông nó nặng khẫm thêm mà chìm.

Nước biển rất trong cho đến nỗi sâu cả một trăm rưởi thước, ta cũng dòm thấy dưới đáy, nào sỏ ốc trăm màu, cả rong đủ thứ. Mút nước biển lên mà xem thi nó trong vắt như nước suối trong; mà ở chỗ sâu thâm thẩm ta thấy nó xanh dường thể da trời. (Bởi nó có chất lục-khí chlore).

(*Còn nữa*).

Thiệt hành bác học

Sấm sét và Thâu-lôi-thiên (tiếp theo)

Cách làm cây thâu-lôi. — Thâu-lôi-thiên làm bằng một cây sắt dài nhọn cặm đưa ngay lên trời, và một sợi dây dẫn điển cũng một loại kim, nối theo dưới gốc cây sắt nhọn ấy và ăn liền xuống dưới đất nơi chỗ có chứa nước; nước ấy phải thông chảy ra suối, ra rạch. Cái đầu dây phía dưới đất cũng có thế cho ăn liền xuống dưới giếng được vậy.

Đây xin kể mấy đều cần yếu phải theo mới làm ra cây thâu-lôi có hiệu nghiệm và không hiểm nghèo;

1° Cái đầu nhọn cây sắt ấy phải cho thiệt nhọn và phải đủ sức cứng mà chịu cho hỏa-nhiệt của sét đánh không chảy nổi.

2° Sợi dây dẫn điển (conducteur) phải cho ăn liền dính xuống đụng dưới đất, đừng cho hỏng khỏi đất chỗ nào.

3° Từ trên chót đầu nhọn xuống cho đến chót đầu dây dẫn điển phải đừng có chỗ nào hở lìa ra hết cả và cũng đừng có dinh với nhà chỗ nào hết.

Bây giờ ta phải nói làm cách nào cho ra cây thâu-lôi-thiên.

Cây thâu-lôi cặm trên nóc nhà, làm cho tốt thì phải dài đến chín thước, chia làm ba phần: một cây sắt dài 8 thước 6 tất, ở dưới to trên nhỏ; trên đầu cây sắt ấy nối một cây đồng dài 6 tất nơi chót đầu có bịt thêm một cây bạch-kim (platine) nữa dài chừng 5 phân. Bạch-kim là một loại kim rất cứng chẳng sét chẳng ten, cho nên người ta mới dùng nó mà làm chót đầu cây thâu-lôi. (Bởi ten sét không nhạy dẫn điển). Nếu dùng luôn cái đầu nhọn bằng cây sắt, sau nó sét thì chẳng hiệu nghiệm gì cả.

Dây dẫn điển thì làm bằng một cây sắt dài vuôn, chừng một phân rưỡi, 2 phân góc, rồi nối với nhau mà chuyền xuống cho tới đất. chớ không nên cho đụng với nóc nhà cùng vách tường nơi nào hết. Dây dẫn điển phải làm chuyền xuống đường nước chảy, hoặc xuống hầm nước. Từ dưới chưn nhà ra cho tới chộ hầm nước phải làm một cái rảnh nhỏ bằng gạch mà để sợi dây dẫn điển lôi trong ấy, song phải đồ thang hầm bánh mì mà bao sợi dây đó, vì thang đó nó nhạy điển lắm.

Bây giờ ít thấy người ta làm dây dẫn điển như thế nữa. Thường khi thấy họ làm bằng một sợi dây luộc kẽm, hoặc sắt mà cho chạy thẳng xuống hầm nước, giếng nước mà thôi.

Có nhiều kẻ tưởng cho dây dẫn điển lôi chạy xuống nước là để cho lửa trời xuống gặp nước mà tắc đi. Nhưng không phải vậy.

Ta hãy thí dụ như dưới đây thì biết rõ vì cớ nào mà cây thâu-lôi lại ngăn ngừa sét đánh trên nhà được. Giả như có một đám mây mưa bay ngang trên trời ngay với cây thâu-lôi,

thì điển khí trên mây nó có ảnh hưởng xuống điển khí ở trên nhà. Ta phải biết rằng hễ điển khí mà một loại với nhau thì nó xô nhau, mà khác loại thì rút nhau, nghĩa là điển khí dương (électricité positive) thì rút điển khí âm (électricité négative). Vậy cái điển khí ở trên mây nó ảnh hưởng vào điển khí trên nhà. Như cây thâu-lôi mà liền xuống đất trọn hết thì nó rút hết cả điển khí dưới đất mà đem lên chun theo đầu nhọn mà ra làm cho đam mây tan bớt điển đi. Còn phần điển một loại với đám mây thì chun lòn theo dây dẫn điển mà xuống đất tan lần hết. Nó làm như vậy từ từ cho đến khi đám mây bay khỏi mà chẳng có sanh hại chi cả.

Cây thâu-lôi nó có hiệu nghiệm vì bởi 3 lẽ nầy :

1° Nó làm cho đám mây bớt hơi điển khí ; nhưng cái đó không quan trọng lắm, vì thường đám mây có điển khí nhiều không biết bao nhiêu mà kể, lúc nó đi ngang ngay cây thâu-lôi, chỉ có vài phút thì không đủ cho cây thâu-lôi nó làm giãm bớt sức điển trên ấy được ;

2° Cây thâu-lôi nó làm cho điển khí khác nhau với điển trên trời không ở chất chứa trên nhà được, cho nên nó cũng giãm bớt cái sức rút của điển mà bay làm cho có sét nổ ;

3° Cái đầu của cây thâu-lôi là nơi cao hơn hết trên nóc nhà và lại là nơi chứa nhiều điển hơn hết. Cho nên khi nào mây có điển nhiều và mạnh lắm, cây thâu-lôi làm giãm sức điển không nổi thì chỉ đánh nơi đó mà thôi, nghĩa là ngọn lửa sét chỉ xẹt ngay vào cái đầu nhọn của cây thâu-lôi, chớ không đánh lan chỗ khác mà làm hư hại nhà được.

Cây thâu lôi-thiên của ông Me'sens bày. — Chúng ta đã rõ biết thứ thâu-lôi thường thấy kia rồi. Sau có ông bác sĩ nước Belgique là ông Melsens lại lấy theo cách cũ của ông Franklin mà chế lại, thứ nhỏ hơn, nhưng, mà linh nghiệm hơn nữa. Thâu-lôi ấy làm bằng những cây sắt nhọn nhỏ nhỏ mà nhiều lắm, để bao chỉa chỉa xung quanh nóc nhà va ăn liền với nhau tất cả, nhờ có dây dẫn điển. Thứ nầy tiện nhiều bề, là nó ít tốn tiền hơn, nhẹ hơn và lại làm cho nhà ít chứa điển hơn thứ kia. Bên xứ Belgique người ta dùng thứ nầy nhiều lắm.

Loài kiến giúp nhau

(L'entr'aide chez les fourmis.)

Cách thế những loài sâu-bọ ăn chung ở lộn với nhau và làm việc chung cùng với nhau, có nhiều đều lạ, dầu những thầy bác-vật thông minh cũng lấy làm khó hiểu. Nhất là không hiểu làm sao, nó không biết nói chỉ dùng một hai dấu hiệu đơn sơ, lại cả bầy đều lục-lục như nhau, không có con nào quản cai đốc suất, mà chia công chỉ việc cho nhau được. Những con ta gọi là « *mối vua* » « *ong chúa* » thì không có quyền hành chi, chỉ có một tài sinh-sản. Vậy mà sao có thứ-tự tôn-ti cùng hòa-hợp với nhau được ? Nhiều người cắt nghĩa đều ấy, thì dùng những tiếng bông-lông không rõ như là « *nghĩa sảo huyệt* » (esprit de ruche), « *tiếng tự-nhiên* » (voix de l'instinct), nhưng dùng những cách nói ấy, thì chẳng qua là câu trang-khẩu để giấu che sự mình không hiểu mà thôi.

Ta chỉ biết rằng: các giống ấy cũng đồng công hiệp lực với nhau mà làm việc, mà cách thế nó làm tuy không khôn khéo bằng loài người, song cũng thật là trí-hóa. Ta hãy xem công việc loài kiến.

*
* *

Bên châu Phi có giống kiến Annoma. là thứ hay đi săn, khi nào nó đuổi theo thịt mà gặp có mương hay là khe suối chận đàng, thì nó cũng lập thế bắc cầu mà qua không chịu lui lại.

Cùng bên châu Mỹ, khi hai thứ kiến đánh giặc với nhau. mà thứ nào thua chết hết nhiều, tính bề ở đó không đặng, phải đào tị nơi xa, hay là hoặc ở chỗ nào ít đồ ăn muốn di cư sang nơi khác, phải qua mương qua suối thì nó cũng bắc cầu mà qua. Nó làm cách nầy: trước hết một con bò xuống mé nước, cắn một cộng cỏ cho chặt day lưng ra mương kế một con khác xuống t eo cộng cỏ ấy bò trên mình con kia, cắn vào chỗ eo nơi lưng nó mà gie mình ra như con trước ; con khác xuống cũng làm như vậy, cho đến khi tới mép bên kia. Con sau hết thì ở trên bờ bên

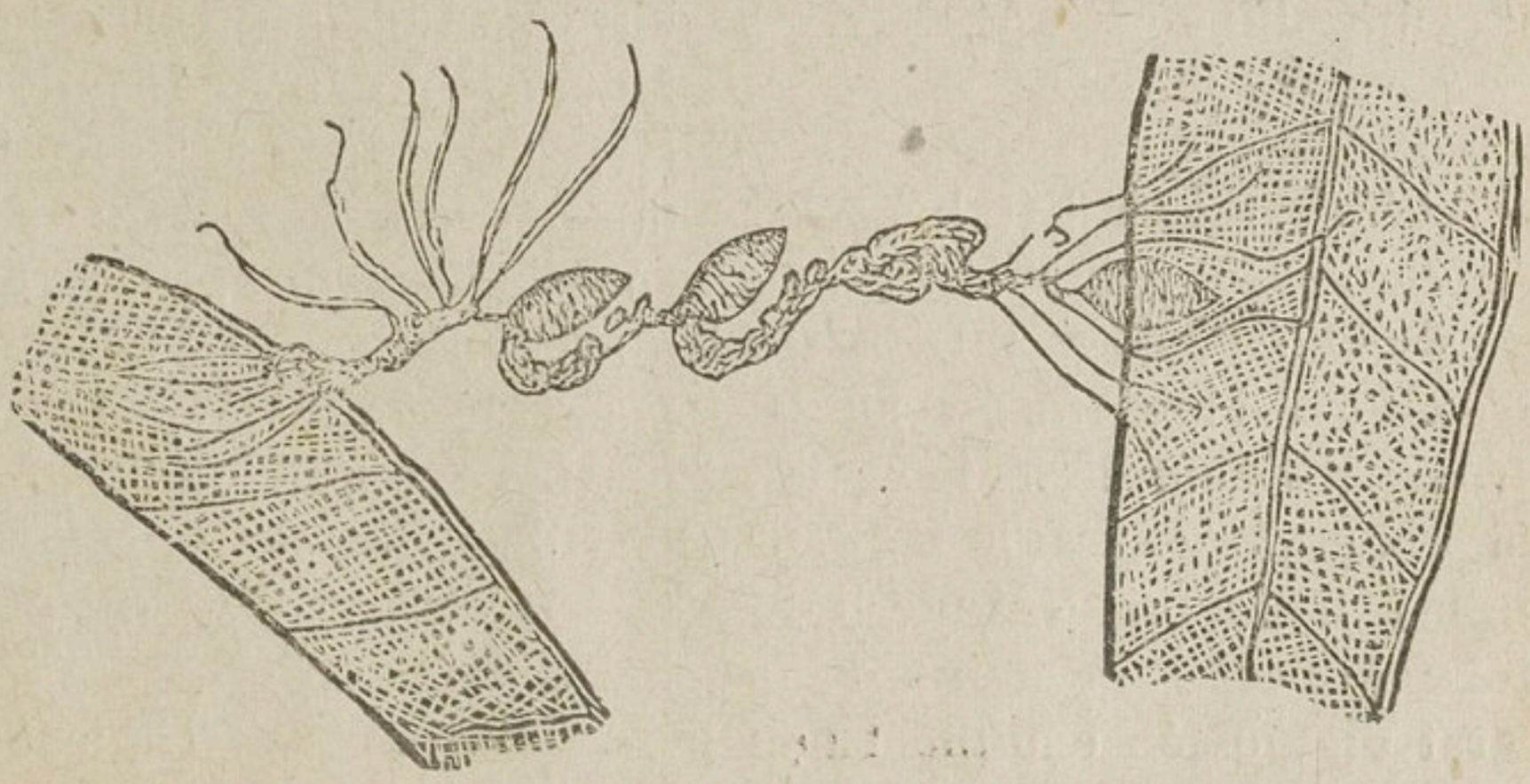

kia mương, bốn chưn bịn lại cho chặt kẻo tuột. Khi nước chảy thì nó trôi dài-dài mà không cho đứt; cho nên cái cầu nó bắc như vậy có khi dài bằng hai bề rộng cái mương. Đợi cho bầy kiến qua cầu cho hết, (có khi đến một ngày trọn), thì con xuống nước trước hết nhả công cỏ ra, day lại bò trên mình con kề đó và đi theo cầu kiến mà lên bờ. Con kế đó cũng làm như vậy, lần lần cho đến hết không còn con nào ở dưới nước. Ấy là cách kiến bắc cầu qua suối qua mương.

*
* *

Mấy thứ kiến ở trên cây, kết lá mà làm ổ, khi gặp những lá xa nhau, một con níu lại không tới, thì nó cũng làm như cách bắc cầu qua mương, là cắn lưng nối đuôi nhau, ngay mình ra cho đến khi đụng cái lá nó có ý dùng. Coi hình nầy:

Nhiều khi nó nối nhau như vậy đến vài chục dây ngay hàng, mỗi dây 6 7 con, ngó tòn-ten như giăng ren vậy. Khi những tụi nầy đã níu lá cho giáp lại rồi, thì có tốp khác lấy nhựa đem trét lại cho dính với nhau; nhựa ấy là thứ tơ bởi miệng kiến con mà nhả ra. Kiến vàng, kiến hôi ở xứ ta, kết lá làm ổ cũng dùng cách ấy

*
* *

Những khi tai hoạ bất kỳ, như gặp cơn thủy lạo nước lớn thình-lình chạy không kịp, thì nhiều thứ kiến, như kiến lửa ở xứ ta, ngậm trứng tha con để chính giữa, rồi xúm nhau đóng thành một cục bao bọc lấy trứng mà trôi nổi linh-đinh trên mặt nước, cho đến khi gặp núi Ararat mà đổ lên cho thoát nạn hồng thủy. Có điều lạ là những con chịu đựng ở lớp dưới phải chìm dưới nước lâu mà không chết. Cho đặng hiểu điều ấy thì hãy nhớ: nhiều thứ sâu bọ có tài ở trong đất dưới nước lâu ngày mà không chết ngột, nhất là loài kiến có thể chịu ngập nước 7 ngày mà không chết

Có người lại nói rằng: nó tương-tư với nhau, liệu chừng lớp dưới ngâm nước đã lâu, thì nó lật lại cho lớp dưới lên trên, mà lớp trên lại trở xuống dưới, cũng như đoàn chim bay lâu, thì mấy con bay đầu lại ra đàng sau, mà mấy con sau lại bay tới trước.

Khi nào có công việc chung, như đào hang, làm ổ, hay là tha mồi vận lương, thì nó đồng tâm hiệp sức cách lạ.

*
* *

Nhưng mà đừng tưởng công chuyện loài kiến hiệp lực với nhau mà làm là có ích và được việc luôn đâu. Nhiều khi có con cũng làm chuyện vô lối, như trong một hang kiến có đến một góc tư đồ vật nó đã tha về mà vô dụng, mấy con thạo hơn khảo lại thì đã tha bỏ ra ngoài. Lại còn những khi có vật gì nặng phải xúm lại mà khiêng, thì cũng có con đeo vào chỉ làm chàng-ràng ngăn trở cho khó đi thì có chớ không đở gì: giã như đừng có những con nầy, thì lủ kia đi được mau hơn. Cái đó chẳng phải là tại bắt mánh, vì con nào cũng làm tân lực, mà thất công là bởi không biết thế mà thôi.

Rút *Lời-Thăm*:

Thomas TRỬ

Khoa-học tiến-bộ
đã đến cùng chưa ?

Chắc là chưa. Nhưng đương buổi cỏi Đông-dương cùng nước Xiêm-la mắc bịnh dịch tả nhiều người tự hỏi rằng sao những bậc thiên tài trong thế-giới đã biết cái nguyên-nhân bịnh tật là thế, mà lại không tìm được cách trị bịnh cho công hiệu hơn.

Cứ kể phép chích thuốc phòng bịnh cũng đã tài: như phép chủng tả (vaccination anticholérique) chủng lao (vaccination antituberculeuse). Nhứt là phép chủng lao bằng một thứ thuốc gọi tên là B. C. G. (vaccin B. C. G. của ông Calmette) nếu có công hiệu thật thì sau nầy thế-giới không phải lo về cái bịnh ghê gớm ấy nữa: chỉ còn bịnh phong bịnh giang mai, bịnh ung độc mà cũng chích được thuốc để phòng, thì rõ là cái phạm vi của khoa học không biết đến thế nào đo lường cho cùng được, mà cái sức học của người ta không có giới hạn nào, càng ngày càng phát minh được lắm sự mới lạ.

Trong sách chép rằng: « Cứ xem như có nhiều sự cách mấy năm trước cho là không thể nào làm được, bây giờ đã làm thành cả rồi. Như năm 1824 hai ông bác sĩ Prévost và Dumas nói rằng: « Chúng tôi đã hết sức thí-nghiệm không thể phân tích được cái chất đỏ trong máu ra: chắc rằng sự đó có lẽ không bao giờ làm được» vậy mà cách bốn mươi năm sau tìm được phép kết tinh cái «huyết hồng» (hémoglobine) tức là cái chất nhuộm cho máu có sắc đỏ.

Lại năm 1839 ông Muller cũng thí-nghiệm mãi không được nói rằng: «Sức hoạt động của thần kinh mau lắm, không thể nào đo lường được»; vậy mà hai năm sau ông Helmholtz tìm được phép do sức thần kinh.

« Lại khi ông Velpeau đến trình cho hộ bác-sĩ biết rằng: Ông mới dùng chất « ê-te » (éther) để làm thuốc tê mà mổ cắt cho người thương khỏi đau, trong hội có ông Magendie đứng lên phản đối, nói rằng không khi nào làm cho người ta mất sự đau đớn được, và túng sử làm được cũng không nên, vì trái với luân-lý lấy sự đau đớn làm một cách mà luyện cho tâm hồn người ta: vậy mà ngày nay các nhà ngoại khoa phàm mổ cắt đến thân thể người ta đều dùng thuốc mê (chloroforme) khiến cho người đau không biết đau.

« Chính ông Pasteur là một tay khoa học đại-gia đời nay cũng có cái lầm như thế: ông quyết đoán rằng các chất đơn không thể dùng phép hóa-học tổng hiệp lại được (synthèse chimique), vậy mà ngày nay nhờ sự nghiên cứu của các thầy trò ông Berthelot nhiều chất đơn có thể tổng hiệp lại làm thành ra chất mới, như thán chất (Carbone) với khinh khí (hydrogène) hiệp lại làm thành ra chất để thắp đèn (acétylène) chính rượu «côn» (Alcool) cũng chế bằng phép hóa-học tổng hiệp v. v.

« Sau nữa, ông Auguste Comte trong sách « thực nghiệm triết-học» (Philosophie positive), cũng có câu nói rằng các ngôi sao ở trên trời có những vật

chất gì có lẽ người ta không bao giờ biết được, vậy mà ngày nay, nhờ phép «phân tích quang-tuyến» (analyse spectrale) phần nhiều những vật chất trong các tinh-tú trông thấy được và có thể biết được cả.

« Xét như thế thì ta không bao giờ vội-đoán rằng : Sự nầy, vật kia không bao giờ phát minh được.

« Ta không nên bao giờ tưởng rằng trong bầu trời có sự vật gì là sức ta không nghiên-cứu được, trí ta không thể thấu hiểu được.

« Cái phạm-vi của khoa-học mỗi ngày một khoán trương mãi ra ; nhà triết-học nước Anh tên là Herbert Spenser đã ví khoa-học như một quả cầu to và sáng, càng ngày càng bành trướng mãi ra mà xâm chiếm vào cái cõi mờ mịt tối tăm ở xung quanh».

Có lẽ thế thật ; nhưng nói về riêng bịnh tật các nhà khoa-học có mau mau tìm phương đặt kế mà cứu khổ cứu nạn, lại để tìm ra những phép như phép chủng đậu của ông Jenner khi trước thì mới có thể mong rằng sẽ có ngày nhơn-loại thoát khỏi được cái tai-hại tật bịnh chớ hiện nay còn khổ-sở lắm, không có ngọn bút nào tả cho hết được.

K. H. N. B.

ĐÔNG-PHÁP THỜI-SỰ

SAIGON

Vì hai con gà mà ở tù mới ức

Tên Ng-v-Ky 21 tuổi, làm cu-ly hằng ngày và Ng-v-Bé, 13 tuổi, không có làm nghề nghiệp gì mà cũng không nhà không cửa. Vừa rồi cả hai đồng lòng rủ nhau (bộ thèm lắm) bắt trộm của chúng hết hai con gà mái giá đáng 1$30. Chẳng may lúc bắt bị gà la choé-choé, làm chủ nhà hay bèn hô lên kế có lính lại nắm óc cả hai giải lên tòa.

Nhưng trong vụ nầy ,tưởng tại thằng lớn bày đầu là phải hơn. — Đó, coi có phải vì có hai con gà-mái bậy như vậy mà bị ở tù oan không ? Chút đó thì đủ biết rằng cái thói tham là hại lắm, vậy mà sao chẳng chịu chừa, thật lếu quá !

Cùng nhau cũng bạn đàn-bà mà !

Ng-thi-Le, 30 tuổi, bán quán, ở tại đàng Filippini và Ng-thi-Chau, 24 tuổi, cũng ở chung một nhà với thị-Le; vừa rồi đây chẳng rõ vì sự xích-mích gì với cô Ng-v-Phai, 25 tuổi, gốc ở trong Hanh-thông-xa (Giadinh) mà đến nỗi cả hai đồng áp lại đánh cô ta xửng-vửng, có vít-tích cũng khá.

Đoạn lập tức có lính lại điệu hai cô ta lên tòa để chờ ngày xử. À há ! tưởng đánh cho sướng rồi sao chẳng dè cũng bị chúng bắt. Như vậy thì đánh đập làm chi. Vã lại cùng nhau cũng bạn đờn-bà chớ có xa lạ gì mà làm rầy chi cho vô ích. Đó là đờn-bà mà chẳng biết thương đờn-bà đa.

*
* *

VĂN CHƯƠNG NÔM

Nhị độ mai chú giãi (*nº 14*)

Lôi thôi xiết nỗi gần xa,
Trông Mai công-tử dường đưa chút sầu.
Thẹn thuồng khôn nói năng đâu,
Sóng thu một liếc, (155) hột châu đôi hàng.
Cửa ngoài chực sẵn xe hương, (156)
Lư Công giục giã lên đường xuất quan.
Kiệu phu bước nhặt bước khoan,
Đẳng Công một ngựa điệu đoàn viện binh.
Đoản đình, thôi lại trường đình,
Bên xe Mai-Bích, Xuân Sanh hai chàng.
Bắc nam ai khéo đôi *đường*?
Ải quan ai khéo chia *đường* biệt ly?
Khi sao cửa cát phòng khuê,
Khi sao thoi thỏi một xe đất người?
Hồn hoa tỉnh tỉnh say say,
Mới trong hai bữa xem tài bấy *năm*.
Trông xa khi khoát rèm *lên*.
Vòng thành chân ngất, tòa đền tháo lui.
Kiệu-phu quì bẩm mấy lời;
Cam đơn huyện ấy có nơi trùng-đài.
Nàng truyền đóng lại nghỉ ngơi,
Lên đền dạo kiểng xem chơi gọi là.
Huyện thành sắm sửa một giờ,
Đài vừa dọn sạch nàng vừa xuống xe.
Hương đèn vừa đủ lễ nghi,
Tiện nàng lên đấy lạy về gia hương.
Quan quân đóng chật huyện đường,
Một nàng *Hạnh* với hai chàng cũng lên.
Từng từng thớt dưới thớt trên,
Nhắm xem phong kiểng bốn bên lưng chừng.
Cao cao, thôi lại từng từng,
Trời như khỗ thấp, đất bằng dạng xa.

Bảo nhau rồi mới nhìn ra,
Đông nam phương ấy, ấy là cố hương.

☆☆☆

Xuân-sanh đòm biết ý nàng,
Muốn đều tự biệt với chàng Mai sanh.
Một mình bước xuống làm thinh,
Mặc ai trên ấy tự tình với ai.
Trông chàng nàng mới rỉ tai,
Trăm năm ghi tạc một lời từ đây.
Bao nhiêu tình tự xưa nay,
Tóc tơ tỏ một chốn nầy là thôi.
Mai sanh nhơn lúc vắng người,
Bặt ngang nước mắt, bày lời trước sau:
«Nói càng như chọc lòng sầu,
Trách vì phước bạc sánh đâu má đào.
Tấc lòng thề với trời cao,
Quản chi trắng tóc, nỡ nào nối dây?
Phiên bang, đến đấy phen nầy,
Sẵn ngôi phi hậu đành ngày vinh hoa.
Riêng ai trách lẫn trời già,
Sợi tơ xe khéo bẩn hờ cợt ai.»
Nàng rằng: «Lời nói dường sai,
Tấm thân đã nấy cữa Mai những ngày.
Sông dầu cạn, núi dầu lay,
Đã liều xương trắng, dám thay lòng vàng.
Đem thân đối với cang thường, (157)
Tạ lòng người cũ, (158) treo gương dưới đời.
Mình nào sánh với tanh hôi?
Mặt nào còn đứng cõi người được ru?
Khuyên chàng ghi nghĩa *Xuân thu*,
Mối tình bãy gác, nỗi thù chớ quên.
Cùng em cho tiện sách đèn,
Công danh gặp hội, thanh niên đương vừa.
Một may lộc nước phấn vua,
Danh mình cũng rạng, thù nhà cũng xong.
Thân ai đành trọn chữ tòng,
Suối vàng rưới mát, má hồng lây thơm. (159)

Rồi đây kẻ bắc người nam,
Nhành xoa xin tặng để làm của tin ;
Vật thường gọi chút làm duyên, »
Tự tình mới ngụ một thiên luật Đường : (160)

Thêu dệt ra chi một chữ tình,
Để người kim cổ buộc vào mình ?
Ngang mày Mạnh-thị *chưa nưng án,* (161)
Thấp mặt Chiêu-quân *đã mất tranh.*
Li biệt nỡ nào rời nửa bước ?
Đoàn viên chắc hẳn đợi ba sinh.
Trời già khen cũng chua cay lắm,
Thêu dệt ra chi một chữ tình ?

Trùng đài còn nhớ là đây,
Giã nhau còn nhớ đến ngày biệt li.
Mai sanh đôi giọt dầm dề,
Xoa thì chịu lấy, thơ thì hòa theo.

Não người chi bấy, hỡi chung tình !
Nông nỗi nào ai tỏ với mình ?
Để vạch tơ sầu tìm lấy mối,
Khôn đem nết thắm vẽ nên tranh.
Gieo lầu dám ép tình Trương-phụ (162)
Ôm cột thêm buồn phận Vỉ-sinh ; (163)
Rắp những vạch trời kêu một tiếng,
Não người chi bấy hỡi chung tình !

Bâng khuâng nói ít tình nhiều,
Thị tì đâu đã dập dều kéo lên.
Cùng nhau lạy trước đài tiền,
Lần thang bước xuống giục liền chóng xe.

* * *

Gia hương tình nặng bề bề,
Ải quan đâu đã gần kề tới nơi.
Tổng binh sửa chốn nghỉ ngơi,
Đảng Công đã dạy cho mời cãi trang.
Gấm mình ra vẻ Man phương,
Xiêm tơi tả bức, áo lang lổ mùi.
Lông chiên trên mũ một đôi,
Đổi hình khuê nữ ra người *Yên-chi*,

Ngựa dâu dắc đến tức thì,
Mai sanh gần đấy phò trì lên yên.
Hình dung ai vẻ cho nên,
Hương xa đã đổi mã yên bao giờ.
Hai chàng cám nỗi gần xa,
Đều cùng đọc một câu thơ tiễn hành:

(*Còn nữa*).

Giãi nghĩa chữ mắc

(155) *Sóng thu một liếc* — Sóng thu là con mắt. Con mắt trong ngó, sánh như nước mùa thu trong trẻo vợn sóng. *Một liếc*, ngó một cái.

(156) *Xe hương*. xe thơm, cũng như nghĩa *xe tiên*.

(157) *Cang thường*, tam cang, ngủ thường — đối với bổn phận mình.

(158) *Người cũ*, người tình cũ. Tình cũ nghĩa xưa.

(159) *Lây thơm*. Chàng được nên danh rồi, thù riêng đã trả xong, thì ai mà giữ được trọn chữ tùng với chàng cũng được thơm lây, xuống suối vàng cũng được mát dạ.

(160) *Luật Đường*, là thơ Đường luật, bày ra hồi đời nhà Đường, làm thơ phải noi theo phép luật, theo vận, theo bình trắc.

(161) *Mạnh-thị*, tích bà Mạnh-Quang có chồng là anh Lương-Hồng, thờ chồng rất mực cung kỉnh. Dưng cơm cho chồng ăn thì đưa mâm ngan mày (cử án tề mi) mắt chẳng dám ngó ngay chồng.

(162) *Trương-phụ*, đây có lẽ là nàng *Lương Phụ*, tức là nàng Lục-Châu, vợ của Thạch-Sùng là người giàu có lớn có danh thuở trước. Có một tên Tôn-Thú muốn đoạt nàng ấy về làm vợ, nên cậy hoàng-tử Luân giết chồng nàng đi. Thạch-Sùng biết bèn trách vì cái nhan sắc của vợ mà khiến cho mình phải chết. Người vợ nói rằng nàng sẽ chết trước chồng. Nàng gieo mình xuống lầu mà chết.

(163) *Vỉ-sanh*, tích anh Vỉ-sanh người nước Lỗ có hẹn hò với một nàng con gái sẽ gặp nhau nơi dưới cầu Lam. Anh Vỉ-sanh ở đó chờ mãi, mà không thấy nàng con gái đến. Trong lúc ấy nước lụt dưng lên ngập cầu, chàng cứ ôm gốc cột cầu mà chịu, nên nước dưng lên chìm chết, làm gương trung tín, trung tiết với tình.

Thay hồn đổi xát (n° 3)

Cách trí tiểu thuyết Tây: THANH-TÂN diễn nôm

(tiếp theo)

HỒI THỨ NHÌ (II)

Qua ngày sau Rắc Lơ-Mạt-Căn thuật tiếp rằng:

Trước hết cái cảm tình nó vấn vít anh Bơ-lu-oanh-Cơn là cái tình rất nên ghớm ghiết sợ sệt. Sau chàng ngó thấy nàng Y-huê-linh dòng châu lụy nhỏ, chàng bắt động lòng thương, vì chàng có dạ hiền lương mà nàng thì đẹp đẻ, tóc tơ bào nhào, chàng mới nói: «Có lầm lỗi thì thôi! người không chuyện gì tới nỗi phải chết.» Nàng nói:

— Tôi ắc chết!

Chàng thấy nàng nói thật tình, bèn ngồi suy nghĩ, càng định chắc trong lòng rằng nàng Y-huê-linh thật là con tinh hút máu, nhưng khác hơn tinh khác xưa nay người truyền khẩu. Chàng Ram cũng có chút triết học, nên biết lời truyền khẩu thường hay bia thêm những sự hoang đàng. Trong cái giống tinh nầy đây cũng chẳng nên tin tưởng rằng là yêu dưới mồ mã mà chun lên; đấy là phần yêu ma riêng, trong dân hay mê tín. Cũng nên tin cho là một sự lạ về hài cốt có thấy chết rõ ràng thì trong chuyện nàng Y-huê linh đây cũng có vậy. Chẳng phải nàng đã chết mà thôi, mà khi nàng sống lại thì thấy xanh mét lạ thường, trí khôn cũng khác.

Chàng nói nữa rằng: «Cái cớ nàng không chết là vì trong phần nhiều đời của nàng, nàng không có đều chi lỗi nặng.»

Nàng thầm thỉ cách ghớm ghê rằng: «Trong đời của tôi! Có quả thiệt là một đời sống của tôi chăng?»

Câu hỏi ấy không lấy gì làm lạ cho anh Bơ lu oanh-cơn lắm, vì chàng biết vợ mình trí khôn nhiều lúc lạ kỳ. Nhưng vậy mà chàng nghe càng châm chỉ hơn lúc bình thường lắm: vì xưa nay chưa hề thấy nàng Y-huê-linh mà nói rõ ràng như thế. Chàng bèn tiếp hỏi:

— Nàng muốn nói đều chi đó? Nàng có tỷ cho cô Y-huê-linh nầy xưa với cô ngày nay chẳng phải một người không? Nàng không trả lời liền. Môi nàng rung rẩy mà nàng ngước mặt ngó chàng dường như muốn lạy lục, mà không có chút lòng tin cậy lắm vậy. Sau rốt nàng bèn thỏ thẻ, nói dường như có cái lực nan ngử nó khiến vậy, rằng: «— Thiệt hai người có khác nhau!..».

Cái dọng nói của nàng làm cho anh ta cảm động dường như gần sợ hải lắm. Chàng đứng mà ngẩn ngơ giây lâu, mới mở lời nói xẵng xớm rằng: «— Vậy thì sao? Cô Y-huê-linh Gơ-rô-huê-đên xưa đã quả nhiên chết thật rồi sao?... Còn nàng bây giờ trước mặt tôi đây là ở đâu mà tới?. Vì là cũng một thân mà!

— Phải, cũng một thân... nhưng mà một thân...

Chàng nóng nẫy, nói lớn: «Nàng hãy ráng nói rõ cho ta nghe. Một thân... mà khác hồn... có phải chăng?

— Mà khác giống người...

— Người hay hồn gì chẳng cần. Mà đây là người lạ vào ở trong thân nàng Y-huê-linh Gơ-rô-huê-đên... người lạ nhập vào đó rồi.

— Tôi không biết.

— Ủa, sao mà nàng không biết? Nàng đã chắc nàng không phải thật Y-huê-linh mà nàng nhập vào thân Y-huê-linh thì cũng như nảng rồi chớ gì.

Nàng lắc đầu suy nghĩ buồn bực, rồi nói:

— Tôi không thế trả lời được. Tôi không biết dụng tiếng chi mà nói cái điều tôi muốn nói ra ... Tôi chỉ biết rằng những điều tôi nhớ thấy trong thân nầy trước khi tôi nhập vào thì chẳng phải của tôi ... Ừ, tôi biết vậy...

— Mà làm sao? Nàng có nhớ điều chi khác với cô Y-huê-linh nữa chăng?

— Tôi còn có nhớ.

— Những điều nào?

— Tôi đã nói tôi không biết dụng lời chi mà nói ra được ... và lại cái óc nầy cũng không có thấy hình chi đặng mà khiến cho tôi nhớ việc trước của tôi! — Nhưng điều là sự nhớ về cõi ngoại kia thôi! nó ở kia ... riêng xa — ờ ờ, tôi hay nó rồi đây! — mà tôi cũng không đem theo về được.

Anh Bơ-lu-oanh-cơn không biết sao được, bèn nói: «— Thôi, mà nàng còn nhớ cái chi trong lúc nàng về nhập xác của cô Y-huê-linh không?

— Tôi không nhớ chi hết.

Anh Ram bèn đứng dậy lấy thuốc bổ uống vào mà lấy sức lại rồi đứng nơi đầu giường của nàng, trong lòng hồi hộp vì sự thật quả vậy, nhưng nữa phần an dạ vì cũng còn nghi ngại. Bởi thường tình cũng có vậy nên chàng có khi tự hỏi mình không biết nàng Y-huê-linh có cuồng trí chăng? Song nếu như cái sự điên cuồng thì cách cử chỉ xem dễ biết, chí như cái cử chỉ rõ ràng thật sự của nàng ở với anh Bơ-lu-oanh-cơn không thể nào mà cắt nghĩa được. Liền day lại nói:

— Nàng hãy cắt nghĩa cho tôi nghe từ khi nàng chết rồi, nàng ăn ở làm sao mà sống cho đến khi nàng biết tôi?

Nàng thú thật: «— Tôi sống nhờ mấy người kia ... và trong lúc chàng đi vắng mặt nữa».

Chàng nhớ lại vì vậy mà thằng bé Rắc và con Ô-rô-ra xanh mét, khiến cho lòng chàng dường sởn ốc. Chàng tiếp:

— Nói vậy nếu không có tôi đến, chẳng là nàng giết mấy đứa trẻ ấy rồi!

(Còn nữa).

Thuốc bổ Mô-ba

(MAUBAR)

Thứ thuốc rất quí dùng trong xứ nóng nực thiệt tốt vì nó làm bằng cola, coca, quina, Glycéro-phosphate và nhiều thứ rượu rất quí bên Pháp. Có thể làm cho máu điều hoà, trị bịnh nóng lạnh.

Những người mệt mỏi dùng nó thì càng hiệu nghiệm.

Nơi Đại-dược-phòng Pháp-quốc có bán.

84-94, Rue d'Ormay

Maurice BARBEROUSSE, Pharmacien de 1er classe

Ancien Interne des Hôpitaux de PARIS

3e ANNÉE — Nº 144 — 5 AOUT 1926

KHOA HỌC TẠP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1° — M. BUI QUANG-CHIÊU *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*
2° — M. LÂM-VĂN-HUÊ, *Commis indigène des Services Civils.*
3° — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics à Cholon.*
4° — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*
5° — M. NGUYỄN KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon*
6° — M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*
7° — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*
8° — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN, *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*
9° — M. TRẦN VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Paris.*
10° — M. TRẦN-QUANG-NGHIÊM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*
11° — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*
12° — M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3,00		

MỤC LỤC

Bá nghệ lược giải (tiếp theo) (nghề làm lược, làm bàn chải)..... 2540
Sơ luận cách trí (cố mấy thứ rễ cây?) 2553
Những sự lạ trong công nghệ (cái đời của xe lửa ra thế nào)..... 2545
Y-khoa (bệnh của vật truyền cho người)..... 2547
Gương luân lý (gương bền chí)..... 2549
Văn uyển..... 2551
Thay hồn đổi xát (nº 4)..... 2553

Bá nghệ lược giải

(*Tiếp theo*)

Nghề làm lược, làm bàn chải

(Industrie des peignes et des brosses)

Những lược dùng mà chải gở đều làm bằng sừng, bằng ngà hoặc bằng đồi-mồi. Bây giờ người ta lại làm thêm bằng celluloïd, bằng bạch thiết nhẹ (aluminium) nữa.— Những sừng để dùng mà làm lược thì thường là sừng trâu, sừng bò, sừng trâu rừng. Những sừng ấy bên xứ Brésil thuộc Nam-Mỷ châu có nhiều lắm. Họ gởi về bên Âu-châu để mà làm lược. Sừng đem về còn phải chịu nhiều công việc trước khi rồi mới dùng mà làm ra lược được.

Công việc làm sừng trước khi lấy làm lược. (Préparation de la corne).— Trước hết phải lo cái ruột ở trong cái sừng ra, như vậy thì ban đầu phải đem nó mà ngâm trong nước lạnh, rồi cầm cái đầu nhỏ nó mà đập vô một tấm cây cho đến khi cái ruột trong sừng lần lần sút văng ra. Xong rồi dùng cưa mà cưa bỏ một khúc đầu nhọn và một tí khúc đầu to. Hai khúc cưa bỏ ra đó để dành bán cho thợ làm dao đặng họ dùng mà làm cán dao, hoặc bán cho thợ làm gậy, làm dù đặng làm cán gậy cán dù. Còn lại cái khúc giữa thì người ta đem mà ngâm nước lại cho nó mềm; ban đầu thì nhúng nước lạnh, sau đem nhúng vô nước sôi nấu trong nồi to, sau lại còn đem ra mà hơ vô ngọn lửa trong nữa đặng cho nó mềm thêm. Trong lúc nó còn nóng đó, đem ra mà chẻ hai. Chẻ một chút, rồi dùng kẹp mà niếu 2 mí chẻ đặng tét lần nó, vừa tét vừa hơ trong lửa cho nó còn dẻo mềm, dễ tét. Tét hai xong rồi, tét ra làm tư, làm tám cho thành ra từ miếng mỏng mỏng tùy theo sừng to nhỏ, và theo bề dày của cái lược mình muốn làm. Tét hết rồi đem sấp mấy miếng sừng ấy lại, dùng 2 tấm ván sắt mặt bằng mà ép nó lại và để cho nó nguội lần

Cách làm lược (Fabrication des peignes).— Mấy miếng sừng ép đó, bây giờ phải đem nó ra mà làm lược. Làm lược như thế

phải có 13 công việc nối nối nhau ta không thể tả rõ ra được. Nhưng ta cũng nói sơ qua rằng, người ta còn dùng cưa mà cưa nó nữa cho ra bề dày cái lược, rồi nhờ có khuôn bằng đồng làm cho nó ra hình cái lược nữa; làm răng lược thì lại phải có những cưa nhỏ nhỏ cưa bề ngang tấm sừng đã làm ra hình lược rồi đó. Xong rồi còn phải làm qua nhiều công việc khác nữa, cốt để làm cho cái lược được trơn láng, đừng có chỗ nào xơ xước, hoặc còn góc bén. Ấy là công việc mài nó trong cối làm bằng cang-sa.

Lược làm xong bây giờ phải đem nhuộm màu nó cho ra đẹp để, hoặc cho giống vật quí. Như thế thì người ta đem nó mà nấu trong một thứ nước màu riêng chi đó, thường thợ họ hay giấu không cho người ngoài biết được. Chừng nhuộm xong đem ra thấy lược ấy nó có màu đen hoặc màu chi khác, xem rất đẹp mắt hơn là để tự nhiên vậy.

Còn như muốn làm như đồi-mồi giả, thì họ cho nó tẩm trong một thứ nước có thuốc làm cho sừng thành ra có chỗ trong như vảy đồi-mồi vậy.

Đánh cho nó bóng láng thì dùng mạc đá nổi (pierre ponce) để trên cối làm bằng miếng sừng, bằng da trâu da trừu, hoặc bằng nĩ mà đánh nó. Còn trong mấy kẽ răng nó thì đánh bằng cây giữa móng tay.

Cách trau đồi-mồi (Préparation de l'écaille).— Người ta thường khi cũng hay dùng vảy đồi-mồi mà làm lược nữa. Ấy là một thứ vảy có to, có nhỏ, có mỏng có dày bao lấy cái mu con qui (rùa biển) kia. Thứ đồi-mồi tốt hơn hết là đồi mồi lấy của con qui kêu là *ca-ret*, là giống ở về phương Á-châu và Mỹ-châu. Ở xứ Nam-kỳ ta đồi-mồi có danh nhứt là ở tại Hà-tiên Phú-quốc,

Cái mu đồi mồi còn vảy hễ vào hơi nóng thì vảy tự nhiên tróc ra. Công việc làm đồi-mồi cũng tựa như làm sừng vậy; nhưng nó có tánh vào hơi nóng (nước sôi) thì nó mềm, dễ hàng, dễ ráp nhau lắm. Công việc làm ra lược đồi-mồi cũng y như làm bằng sừng vậy.

Người ta lại cũng dùng ngà voi, dùng cây mà làm lược nữa.

Bây giờ người ta dùng một thứ vật kêu là celluloïd mà làm lược giả ngà voi hoặc giả đồi-mồi xem ra rất khéo, chẳng khác nào ngà và đồi-mồi thiệt. Lược cây,

bản chải răng cũng dùng thứ ấy mà làm ra rất khéo.

Bên Tây ở tại thành Ezy (thuộc tỉnh Eure) và thành Airaines (thuộc Somme) có nhà máy làm lược rất có danh tiếng.

Nghề làm bàn chải răng

Bên Tây nghề làm bàn chải có danh và thịnh hành nhứt là ở về thành Beauvais và mấy thành nhỏ ở chung quanh đó.

Một cái bàn chải dầu để dùng trong việc nào, thì cũng là có hai phần là cái *khuôn* cán (patte) để chứa lông và để cầm tay, và *lông* của nó (soies) Cái khuôn cán thì làm bằng cây, bằng xương hoặc bằng ngà. Lông để dùng mà làm bàn chải thì thường là lông heo nhà, hoặc lông heo rừng. Cái khuôn cán để mà đựng những lông ấy. Người ta làm thế nào cho lông ấy dính trong khuôn-cán mà đưa ra, đặng khi chà chải vật chi thì nó phải làm cho tróc hết những bụi bậm cùng đồ dơ chi khác dính nơi vật ấy.

Lông heo đem về lựa ra có hạng, tùy theo màu, theo sức cứng, chắc của nó rồi rửa sạch, đem xông sanh cho nó trắng. Xong rồi còn phải đem làm cho nó ngay, nghĩa là cho nó hết cái hình cong cong của nó, rồi mới lựa ra bực to nhỏ.

Khuôn cán bàn chải thì làm bằng cây, xương hoặc ngà; dùng cưa mà cưa nó ra, rồi nhờ có đồ máy móc để làm cho nó ra sơ hình bàn chải. Có máy giũa nó cho trơn láng, có đồ xoi lỗ để mà nhét lông vào đấy. Lông heo nhét vào mấy lỗ xoi ấy, rồi nhờ có chỉ xỏ ngang mà niếu nó lại; chỉ chuyền lỗ nầy qua lỗ kia cho nó mắc trong bàn chải. Cũng có thứ người ta khoét đường chạy ăn ngay với mấy hàng lỗ, để xỏ sợi chỉ cước mà niếu lấy lông, lông nhét ngay chính giữa mình nó cho cong xuống lỗ, rồi chỉ xỏ ngang lên mà cầm lông lại. Lông nhét vô xong rồi thì nó có chỗ dài chỗ vắng, phải đem vô máy cắt nó cho bằng nhau.

Sơ luận cách trí

Có mấy thứ rễ cây?

(Les différentes sortes de racines)

Người ta ai cũng đều biết rằng những cây cối đều có rễ, nhưng ít ai biết rằng rễ cây có mấy thứ.

Mấy thầy bác-sĩ tim học về môn thảo mộc, có ý xem rễ các thứ cây cối nên biết đặng nhiều thứ rễ cây lắm. Bởi vậy mới nghe nói có thứ rễ cây ở trên không khí (*racine aérienne*), rễ cây hút mũ (*racine-suçoir*), rễ mọc leo (*racine latérale*), rễ làm cốt (*racine pivotante*), rễ chùm (*racine fasciculée*), rễ mắc (*racine noueuse*), rễ củ (*racine tuberuleuse*) v. v.

Chúng ta đã biết rễ cây để mà ám cho cây dính chắc và để rút đồ ăn mà nuôi cây, nhưng cũng có thứ cây mà không có rễ. Những cây có rễ thì nhờ rễ trong nhiều công việc lắm; có thứ rễ ở dưới nước, như loại rau muống, rau dừa, rau mát, vân vân, có thứ ở trên không như rễ dây ba-ni (vanille). Rễ hút mủ thì là rễ của cây chùm gởi (gui) cây parascute, nó chỉ ăn nhờ ở đậu với những cây khác mà hút lấy nhựa cây ay; cây ay có chết đi thì nó cũng chết theo. Có thứ rễ cây đâm ra xem hình như là gai gốc vậy, khi thì nó đứng lại một cục thành ra như cái củ.

Thường hễ ta nói đến rễ cây thì ta hiểu là một cái phần cây nó nối theo gốc cây mà chun xuống đất; cái đó là thật rễ kêu là rễ nối chót (*racine terminale*); nhưng mà có nhiều thứ cây lại thêm rễ phụ mọc theo tư bề của cái gốc cây (*racine latérale*), như các thứ dây leo cây như trầu, cây bim-bim, vân vân.

Ta phải hiểu rằng, xem như thế thì là rễ cây nó có 3 tánh chất như vầy; 1° nó chun xuống đất; 2° nó không phải màu xanh dầu nó ở trên không khí cũng vậy; 3° nó không sanh lá, sanh nhánh tược chi cả.

Những rễ cây thường thì là như các thứ cây ta ngó thấy, vì nó có một cái rễ cốt, rễ chánh, hai bên có đâm ra những rễ con. Ấy là rễ *pivotante*.

Thứ rễ chùm (*racine fasciculée*) không phải có một rễ cốt to rồi đâm thêm rễ nhỏ, mà nó lại

ra một chùm rễ bằng nhau hết, bắt tại gốc mà đâm ra. Những rễ ấy thường không khi nào xuống đất sâu như rễ cốt vậy. Thuộc về rễ ấy thì phần nhiều là các giống lúa, giống cỏ, và một ít thứ cây to như cây xốp thịt (peuplier)

Rễ có mắc *(racine noueuse)* là rễ đâm ra mỗi khúc lại đụng một cục to làm như có củ vậy. Như cây tilipende,

Lại có thứ rễ củ chùm (*racine tubéreuse)* như rễ cây khoai mi (dahlia ou manioc) từ trong gốc mà đâm ra một chùm rễ rất to, mỗi cái rễ hình như cái củ, rồi trong rễ ấy mới đâm ra rễ con nho nhỏ.

Cũng có thứ rễ ở trong gốc cây trên khỏi mặt đất mà đâm ra thòng xuống đất *(racine adventive)* như cây da cây gừa. Như thường khi ta chặc một nhánh cây còn tươi mà cậm, hoặc để nằm trên mặt đất ướt, lâu lâu ta thấy nó đâm rễ ra. Cũng có thứ lá cây rất lạ, bỏ xuống đất ướt lâu nó đâm rễ ra mà mọc thành cây.— Như lá cây đậu (haricot) đem xắt ra từ khúc dài dài rồi bỏ xuống nước lâu nó cũng mọc ra rễ, nếu đem lên trồng lâu nó cũng thành ra cây đậu thiệt. Có thứ trái cây *figue de Barbarie*, thứ rễ cây paulonia xắt khoanh, làm như vậy mà cũng ra rễ ra cây. Có thứ cấm trong nước nó cũng ra rễ ; chừng đem cậm xuống đất mềm, nó lại ra rễ khác nữa.

T. T.

Những sự lạ trong công nghệ

Cái đời của xe lửa ra thế nào

Xe lửa bày ra đến nay đã hơn sáu bảy chục năm rồi. Sáu bảy chục năm nay, xe lửa giúp ích cho người biết là bao nhiêu. Cái đường của nó đi trong mấy chục năm đó mà đưa thiên hạ từ chốn nầy đến chốn kia mau bằng năm bảy lần xe ngựa chạy, kể đến nay biết là triệu ức nào ki-lô-mét mà kể.

Bên Tây hồi năm 1850 có một cái xe lửa đưa bộ hành, giúp ích cho thiên hạ đã nhiều công rồi, đến nay đã già hơn 70 tuổi mà hãy còn giúp thiên hạ được nữa. Tuy nó đã cũ, đã xấu, máy móc còn *quê kịch, hũ-lậu*, thua tài, thua sức, thua khéo của mấy cái đầu xe lửa đóng sau nó đây, chớ nghĩ ra công của nó rất nhiều mà đường đi của nó thiệt là xa xuôi lắm lắm. Như thế, có đáng kỉnh trọng, có đáng khiến cho người cảm vì thấy nó giúp người sáu bảy mươi năm nay, đến máy mòn sức tụn chăng?

Người bên Âu-châu, nhứt là nước Pháp thường hay trọng vật xưa vật cũ, cho nên máy tuy đã lâu năm mà vẫn cứ để dành, lâu lâu sửa đi sửa lại chút đỉnh mà dưỡng sức nó lại đặng dùng qua việc khác, chớ không như người Huê-kỳ hễ đầu xe lửa chạy trong 15, 20 năm thì bỏ, thì phá cho hư, dùng những đầu máy khác. Mỗi năm mỗi thấy chế kiểu máy khéo lạ, xe chạy mau, kéo nổi chục xe hành khác, cho nên thường ngó thấy thay đổi đầu máy xe rất thường; xưa đầu xe lửa vẫn có 2 bánh động-cơ, sau 4 bánh, lần lần đến 6 bánh, 8 bánh, nay đến 12 bánh. Mới đây bên Anh, bên Mỹ lại đóng đầu xe lửa rất to, đếm cả hơn hai mươi mấy bánh vừa nhỏ vừa lớn, xe cao lớn dị thường, dài đến hơn 60 người sắp hàng từ trước đầu ra sau đầu máy mới giáp, mà sức chạy mau có hơn 130 ngàn thước trong mỗi giờ.

Kể ra những công cáng của một cái đầu xe, trừ ra những lúc nó phải kéo hàng hóa cùng là củi thang, cây đá thì nó đi chẳng bao xa, chớ kể những đầu-xe phải cần kéo hành khách đưa đi đường xa, chạy rất mau, thì trong mấy mươi năm đó nó đi hơn mấy chục lần giáp vòng trái đất ta rồi. Muốn đi đường xa như vậy mà không mệt không mỏi, không hư trặc thì nó cũng phải cần cái đường đi cho tốt, không thì nó phải hư hỏng, phải sửa hoài, phải *đau nằm mà dưỡng bịnh*, thì có giờ đâu mà đi giúp cho đời nữa.

Người Huê-kỳ có tài đóng xe tinh xảo, ngặt không tài làm đường xe lửa cho chắc cho tốt, cho nên xe dầu tốt dầu khéo bao nhiêu, cũng không thể dùng lâu năm được như xe của người Anh người Pháp.

Trên kia đã nói không phải kể xe để kéo hàng hóa, đồ vật mà tính ra cái đường dài của nó đi giúp cho đời được, là vì nó chạy chậm rì, đi đường vắn tắc, chớ ít có đi đường trường trăm ngàn dặm như xe để đưa hành khách vậy.

Bên Tây xét ra một cái đầu xe lửa chạy bực trung, mỗi năm hơn 4 muôn ki lô-mét đường dài, thì một ngày hơn

100 ki-lô-mét. Còn những xe chạy mau, đi thường ngày, như những đầu máy mạnh của mấy hảng xe lửa về miệt Bắc (Réseau du Nord), miệt Orléans (Réseau d'Orléans) và miệt Paris-Lyon-Marseille của Tây, thì mỗi cái đầu máy chạy đi mỗi năm tính có hơn 10 muôn ki-lô mét, thành ra mỗi ngày nó chạy hơn 275 ngàn thước. Như vậy mà cả năm, nó chẳng phải mắc nằm không mà sửa máy móc lại, nó phải chạy như vậy hoài, ngày nầy qua ngày kia, tháng kia qua tháng nọ, đến năm nầy sang năm khác, chớ chẳng phải trong một năm mà thôi. Thế mà nó cũng chẳng sờn, chẳng hư, cũng không mệt không mỏi.

Trước khi nhờ mấy ông kỷ sư, bác-vật bày chế ra các đầu máy tinh xảo như ngày nay, thì xe thuở trước đã thấy nhiều cái kết quả lạ dường rồi. Ngay như có cái đầu máy xe đóng hồi năm 1885, là xe thua cái khéo, cái chắc, cái sức của những xe ngày nay nhiều lắm, mà chạy từ năm ấy đến năm 1903, đường xa được có *1 triệu, 77 muôn* ki-lô-mét rồi! Cũng còn nhiều cái, đến nay đi đường đã xa được bấy nhiêu đó rồi mà hãy còn chạy được nữa mà giúp ích cho người.

Bên xứ Anh-quốc, xe lửa đóng còn tinh-xảo hơn đường đi lại còn thường hơn bên Pháp nữa, thì một cái đầu xe chạy không mấy năm đã thấy đường xa đi đã biết là bao xa rồi, vì những xe bên ấy chạy luôn luôn, không mấy khi được nghỉ lâu. Vì như có một cái đầu xe của hảng *London and North Western Railway*, chạy trong *chín năm* mà đã đi xa được một đường dài là *một triệu, 60 muôn kilomètres* rồi!

Sau nầy xin kể ra tại bên Pháp có một cái đầu máy xe lửa chạy trong một năm mà xa được 116 ngàn ki lô-mét; tuy sánh với cái xe của người Anh trên kia, thì chẳng ra chi song phải tưởng cho trong một năm mà nó chạy được bao xa đó thì phải biết cái sức chắc, sức chịu, sức hay của cái máy xe ngày nay nhờ tài trí khéo léo của các nhà kỷ sư, bát vật đời nay đó.

Bây giờ hỏi lại người Nam ta, đến mấy mươi năm mấy trăm năm nữa mới tự nơi mình mà đóng được một cái đầu xe như đường ấy! Đồng bào ôi! nghĩ có thẹn chăng?

THANH-TÂN.

Y-KHOA

Bệnh của vật truyền cho người

(Maladies transmissibles des animaux à l'homme)

Bệnh ho-lao (*tuberculose*)

Hai tiếng « ho-lao » dùng để chỉ bệnh lao bộ hô-hấp là phải. Còn tiếng «*tuberculose*» là tiếng chung chỉ bệnh có hột, có cục, v. v. (*tubercules*). Tạng-phủ mắc bệnh khác cũng khi có hột, có cục, nhưng về bệnh *tuberculose* thì hột, cục phải có vi-trùng mới thành bệnh lao. Trùng ấy do tiên-sanh Koch tìm ra gọi là *bacille de Koch*.

Người và loài cầm-thú có mắc bệnh nầy. Hiện nay các nước văn-minh vẫn khảo-cứu về bệnh ấy để tầm phương trừ-khử cho khỏi hại chung, vì biết bệnh lao người và vật đều do một thứ vi-trùng.

Thân-thể, phủ-tạng, nơi nào mắc bệnh là có vi-trùng; lại các chất xuất ngoại cũng có, như nước mũi, đờm, dãi, phân, nước tiểu, máu mủ, sữa, v. v.

Đã nói phủ-tạng, thân-thể mắc bệnh, thì nên kể qua xem vi-trùng thường tụ ở đâu mà làm bệnh. Vậy cứ thứ tự mà nói, thì những nơi sau đây thường thụ bệnh: bộ hô-hấp, các màng bọt phổi, bọt tim, bọt ruột, các hòn hạch, bộ tiêu-hoá, bộ sinh-sản, vú, xương, gân, tủy, não, ngoài da, v. v.

Ta thử nên xem vì cớ gì mà thành bệnh, nghĩa là xem vi-trùng vào thân-thể cách nào:

a) Xưa kia y giới cho bệnh lao, là thân-truyền (*hérédocontagion*), sau mới nghiệm ra rằng: trẻ nhỏ mới sinh ra không có thụ bệnh ngay tự khi còn trong cung-thai, song tạng-thể trẻ ấy sau dễ mắc bệnh lắm. Về phần loài vật cũng vậy, có nhà lại nghiệm thấy vật mới đẻ ra đã mắc bệnh lao của vật mẹ rồi.

b) Súc vật mắc bệnh là vì hít phải vi-trùng của vật bệnh ho ra. Trùng ấy bám vào bụi lẫn với không khí, nên dễ vào bộ hô-hấp.

c) Trùng vào bộ tiêu-hoá thường làm bệnh ở cuống-họng hay ở ruột.

d) Trùng có thể vào tạng-thể bởi chỗ sứt, lở. Loài vật mới sinh mà rốn chưa khô hay mắc bệnh, vì phân tro có trùng dính đó mà nhập thể, v. v.

Đành rằng vi-trùng vào thân-thể do mấy cách vừa nói qua trên đây, nhưng bệnh có phát ra cũng là tùy tạng-thể, tùy sức-khoẻ, tùy cách ăn chỗ ở của từng con vật, v. v.

Người ta muốn khỏi lây bệnh lao của vật, thì không nên uống sữa, ăn thịt vật bệnh. Khi chó mèo thật có bệnh ho-lao mà mình không muốn chạy chữa (vì chữa bệnh hai giống nầy phải dùng dược-khoa nhân trị) thì nên trừ khử nó đi, kẻo lỡ lây trùng sang người, nhất là trẻ nhỏ và người già yếu.

*
* *

1°—Chứng bệnh ho-lao thể nào?

a) Bò: Mệt nhọc, nóng sốt, ho khan, ho từng hồi một. Dần dần, gầy ốm, lông dựng đứng, da sát vào xương, ăn uống thất thường, sau thì cứ chiều

hôm thấy nóng sốt, thở mạnh, ho nhiều, có khi sặc ra máu, v. v. bệnh lâu ngày, vật phải chết.

b) Ngựa: Chứng bệnh cũng gần như chứng bệnh bò, gầy ốm, yếu mệt, đi tiểu tiện nhiều (gấp hai, gấp năm mọi khi) nóng sốt, ho khó, v. v.

c) Heo: buồn phiền, yếu mệt, ăn uống không tiên, đau bụng, nổi hạch ở bụng, hoặc ở cổ, ở hầu, tựa hồ như người sưng tràng nhạc (*collier de tumeurs*).

d) Chó mèo: gầy còm máu lắm, ho khan, khi thì phàm-ăn, khi thì biếng ăn, mắc thì lỗm vào, sau cùng đi đại tiện nhiều rồi chết.

e) Chim, gà, vịt, cá, tôm, v. v. cũng mắc bệnh lao.

*
* *

2° – Cách xem bệnh

Coi các chứng bệnh không đủ biết, phải dùng kính hiển-vi soi các chất nghi có trùng, hay dùng thuốc tiên thử bệnh (*tuberculine*).

*
* *

3° – Cách điều trị

Bệnh nầy là trường bệnh, nên cách chữa phải hao tốn, lâu ngày. Không mấy khi chữa loài vật lớn, chỉ thường chữa chó mèo theo cách vẫn chữa cho người bị bệnh ấy.

*
* *

4° – Cách đề phòng

Tuy bệnh ho-lao về trâu bò chưa thấy-ở bên ta, ta cũng nên biết trước cách thức, vì nghị-định 2-10-16 đã kể bệnh ho-lao là bệnh truyền nhiễm cũng phải đề-phòng khi có bệnh ấy tại thuộc địa nầy:

Khi khám nghiệm mà biết con bò nào mắc bệnh, thì phải đem ra lò sát-sinh, mổ thịt cho đặng làm biên-bản kê-trình vì cớ gì mà thịt vật ấy có thể cho ăn hay phải bỏ chôn cả.

Nơi nào đã có loan-báo bệnh rồi, thì những con vật chưa mắc bệnh phải đem tiêm thử xem có bệnh hay không.

Phải tẩy uế phân tro cùng các chỗ có vật bệnh ở, v. v.

N.-v -CHÍNH.

Vétérinaire auxiliaire.

(LỜI THĂM N° 85)

Gương luân lý

Gương bền chí

Chuyện ông Sickler

Xưa nay những người biết chuyện tên Sickler là một người Tạo hóa học nước Đức cũng đều lấy làm khen ngợi cái chí rất bền của người. Nhờ cái chí bền của người mà nước Đức sau có thêm một cái món giàu có, rất hữu ích hơn hết trong các vật. Ngài chỉ lo trồng cây trái, cho nên lấy giống trồng được một sở đất có hơn 8 ngàn cây chiết mà lập vườn nơi xứ Saxe-Gotha. Năm 1806, sau khi trận giặc Iéna, có một toán quân mã-kỵ thắng trận vào đóng trại nơi sở đất ấy làm cho tiêu điều hết cả, không còn chi mà kể nữa. Những ngựa chạy qua lại đạp phá chết hết cây vì bao nhiêu công khó nhọc mới trồng lên được vậy; có cây cũng vừa trổ nụ trổ bông mà đã tiêu điều hư hết nữa.

Như vậy mà ông Sickler cũng chẳng hề rủn chí, người trồng lại một sở khác nữa và cũng ra công săn sóc rất kỷ lưởng như lần trước vậy.

Cách bảy năm sau, nhằm năm 1813 lại phải mắc đạo binh Pháp qua tàn phá nữa, kế một đám quân Cosaque cũng áp đến mà hại tiêu hết cả sở trồng cây của ông Sickler; chừng ấy không còn một cây nào sống sót cả.

Nhưng vậy mà ông Sickler nào có thối chí đâu; ngài lại cũng ra công sốt sắn làm lại như cũ nữa; bận nầy có một tay ông lo lắng trồng từ cây; đến năm 1820 những cây ấy lên xanh um mát mẽ tươi tốt lạ thường, thành ra một nơi kho quí báu của cả xứ Saxe. Từ ấy miền bắc nước Đức trở nên một nơi giàu có, có lắm thứ cây trái rất ngon, rất lạ từ trước nơi ấy chưa từng có bao giờ.

Tuyết đổ chôn nhà
(1840)

Lối đầu tháng mười có một tên dân ở Valais đi lên thành Sion mà trở về nhà, nhằm lúc tuyết sa dầm dề trên núi; tìm đường về cho đến nhà thì cũng đã hết hơi. Nhà ở nợi góc vắng trong triền núi non. Người ấy ráng sức đi, trải lắm lúc mệt nhọc mới leo lên được trên một cái hòn đá to; đứng đó mà nhắm thì ngó thấy xa đến nhà mình. Mà thình lình người ấy lấy làm sợ hãi vô cùng! vì là người chỉ thấy một đống tuyết đồ gớm ghê, chôn mất cả nhà cửa, có lẽ đã sập tiêu mất rồi.

Vã chăng nơi miền ấy tuyết đóng trên núi rất dày, lâu nó nặng bèn nứt ra mà đổ xuống, từ trên núi cao mà lăng rớt xuống lần lăng tới đâu thì đụng cây cây ngã, đụng đá đá gảy mà lăng theo, đụng tới nhà thì nhà

sập, huống chi đụng bò heo dê ngựa, đụng đến người ta thì lẽ đâu còn sống. Tuyết đá lăng xuống rầm rầm như dông tố, chôn lấp cửa nhà, ruộng vườn có khi lấp đi cả xóm.

Như vậy thế nào mà tên dân kia lại chẳng thở than kinh khủng. Phần thì trong nhà ấy còn một người vợ yếu một đứa con thơ. Người ấy lấy làm rầu rĩ ngồi trên cục đá mà xem cái cảnh gớm ghê kia, miệng những thở than, chớ không tài khóc lóc. Thình linh chàng nghĩ nếu mình ráng công bền chí, có lẽ cứu vợ con ra khỏi cảnh hiểm nguy nầy. Bèn chạy đến hàng xóm mà năng nỉ xin thương người, ra công phụ lực. Những người lân cận đều thương xót cũng ra sức giúp giùm, bèn xúm đem cuốc xuổng, hô hào cả ngày móc moi đá tuyết lên. Trời tối rồi mà công việc chưa được một phần. Ai nấy đều lo trở về nhà an nghĩ Còn anh kia có một mình lui cui ra sức vẹt tuyết cuốc lên cả đêm. Qua ngày sau ai nấy đều xúm lại giúp sức cho chàng mà đào tuyết lên nữa. Nhưng ra công cực nhọc trọn ngày ấy cũng chẳng thấy việc đến đâu. Đêm thứ nhì đến; ai nấy đều lui về, thì cũng một mình anh ta lui cui, lòng đau, buồn bả, chớ cũng chẳng thối chi, lo cuốc tuyết lên, vì còn chút lòng hy-vọng nữa. Qua hừng đông ngày thứ ba, trời trong mây tạnh; người ấy đào nhằm cái ống khói nhà, trong lòng thêm mừng rỡ hăng hái mà rất bồi hồi, kê đầu xuống ống khói mà dòm vô trong nhà, thấy lò xửi còn đó, có bóng đèn leo lét, vợ bồng đứa con, có con dê cho bú. Ôi! Chàng mừng vui biết mấy! Chàng bèn vạch tuyết chun vô trong nhà, cứu cả vợ con, thú vật đều khỏi cảnh khổ, thấy chết trước mặt kia. Vợ con chàng được sống sót trong nhà đó cũng nhờ trời khiến có cục đá to ở phía trên kia che chở cái chòi mới khỏi bị sức tuyết rớt đè, vì nhờ nó vẹt ra bớt, làm cho giảm sức tuyết đỗ mới khỏi sập nóc nhà.

Nay vợ chồng con cái được sum hiệp lấy làm mừng rỡ tạ ơn Trời xuống phước; người mẹ ôm con vào lòng mà hun hít, vì tưởng nếu không chồng về giải cứu ắt là mẹ con đã chết đói lạnh, bị chôn sống dưới tuyết rồi.

Ấy là vì bền chí cực nhọc mới có ngày được sung sướng vui mừng như vậy.

VĂN UYỂN

Fantômes d'aujourd'hui et de demain

Certain jour, je m'accoude au balcon d'où l'on voit.
L'humanité qui passe avec ses moignons rouges;
Et ses minces habits transpercés par le froid;
Des flammes d'alcool teignent le seuil des bouges.
Où donc vont-ils, ces gueux et ces estropiés,
Faisant sonner sous leurs talons le trottoir blême?
Ils ont l'air de traîner, attachés à leurs pieds,
Des boulets, et leurs fronts semblent lourds d'anathème.
Je les ai reconnus déjà! C'est le troupeau
Courbé sous le fouet des besognes funèbres
Ceux qui marchent sans foi, sans guide, sans flambeau,
Ceux dont un poids d'horreur fait craquer les vertèbres.
Ils sont si décharnés qu'on a peur de les voir,
Parfois un grand frisson de fièvre les secoue;
Ils laissent après eux comme un sillage noir,
A force de rester dans l'ombre et dans la boue!
Lorsque tombe le soir, ils défilent, vomis,
Par des hangars où gronde un peuple de machines.

Ma-nay, ma-mai

Bữa nọ dựa hiên lầu mà ngó.
Thấy loài người nghèo khó đi qua,
Áo bày thịt, lạnh thấu da;
Hơi men phưởng-phất ngạch nhà banh-hao,
Người cùi-cụt lao-đao cùng-khổn.
Chớ đi đâu nghe rộn đường xanh,
Lang-thang đạp sỏi giày sành.
Chon như buộc xích, đầu in đóng niền,
Mắt thấy vậy, đây liền nhận biết!
Ấy bọn làm công-việc bạc-đen;
Chẳng tin, chẳng đạo, chẳng đèn.
Đã từng vất-vả, đã quen gánh-gồng,
Thân gầy-ốm, mắt trông phải sợ.
Một đôi khi rung tợ rét ngắm;
Mỏng vùi hóc tối bùn thâm.
Sau chơn như để một dắm sắc đen!
Khi chiều tối, người chen ra xưởng.
Là mấy nơi chạ những máy rền,

La griffe des labeurs métalliques a mis.
Son stigmate à leurs fronts et tordu leurs échines.
Mais, si vous les croyez vaincus regardez-les,
Quand ils passent sous le reflet d'un réverbère :
Une flamme s'allume en leurs yeux d'exilés,
L'orgueil qui nous rend forts et qui veut qu'on espère.
Confusément leur âme a soif de s'élargir,
Vers l'exacte science aux problèmes fertiles.
Et leurs poings sont crispés d'un occulte désir,
De respirer la vie ailleurs qu'au trou des villes.
Derrière ces murs gris, plus loin que ce faubourg,
Rayonne la bonté du soleil... Ils le savent.
Et sentent s'agiter d'un frémissement sourd,
Les chaînes qui depuis des siècles les entravent.
Alors, un blanc rayon lunaire les atteint,
Du haut des toits de fer où l'astre vient d'éclore.
Et c'est un peu, déjà, le présage lointain,
D'une mystérieuse et tromphiale aurore!

Marcel ROLAND.

Phải gông lao-khổ giữa rèn.
Đã ra tráng nám đã nên lưng rùn,
Như ai tưởng số cùng người chịu.
Coi người qua nơi chiếu bóng đèn,
Thân đây, mắt tợ lửa nhen.
Tinh kiêu khiến mạnh, phận hèn bắt mơ,
Lòng người vẫn mập-mờ ấm-ức.
Khuynh-hướng về học thuật đa-phương.
Tay rung tức chí, lo-lường.
Lánh hầm thị-tứ, tầm đường sanh-nhai,
Sau tường ấy, phía ngoài xóm nọ.
Gương ngày thường rạng tỏ hồng-ân.
Người dư biết, giận trăm phần,
Mấy đời gốc-gác một lần rung rinh.
Trên nóc sắt, thình-linh trăng tỏ,
Một ánh trong chói rõ thân người.
Chút như đã ứng điềm trời,
Im-lìm sẽ thấy rạng ngời vừng-đông!

NGUYỄN-NGỌC-ẨN dịch

Thay hồn đổi xát (n° 4)

Cách trí tiểu thuyết Tây: THANH-TÂN diễn nôm

(tiếp theo)

Nàng liền trả lời: «Không đâu, hễ người nầy hơi gần mòn yếu thì tôi dụng đến người kia... tôi không phải ác... nhưng thiệt tôi khốn nạn lắm... tôi hết sức chống chỏi lấy tôi... tôi cũng biết tôi làm vậy là quấy... mà tôi cũng rõ không vậy thì lúc nào tôi cũng ở trong cái khổn phải chết, cho nên không thế nào tôi dằn lòng được.

Nàng nói nghe giọng rất hữu duyên mà yểu điệu, khiến động thấu tâm can chàng nọ. Chàng nhìn xem cặp mắt hữu tình quến rủ kia, rồi nghĩ thầm rằng: «Nàng xem ra thật chẳng phải người độc ác gì!...

Bèn sanh lòng tọc mạch mới hỏi: «— Mà vậy chớ nàng ăn uống vật chi?» Nàng day đầu chỗ khác, dấu mặt vào gối mà nói nhỏ rằng:

— Huyết của chàng.

Anh ta cũng biết vậy, nên chẳng lấy chi làm lạ, bèn lại kiến mà xem chỗ cổ nơi nàng Y-huê linh đã đút môi mà nút: chàng chỉ thấy một cái dấu hơi hồng hồng một tí mà thôi. Chàng mới nói:

— Không có lẽ! Máu làm sao mà hun ra khỏi da dễ như vậy...

Nàng nói: «— Chàng tưởng như vậy sao à?»

Anh ta dẹp chuyện ấy lại sau, rồi hỏi: «— Ma ta cũng thấy nàng dường như không có ăn chi hết vậy! Vì nếu nàng ăn uống thì có đâu làm đều ghê gớm kia!»

— Tôi ăn nhiều không được. Ăn quá một phần kia, thì đồ ăn của chàng nó cũng dường như thuốc độc vậy.

— Mà tại sao nàng lại sanh tâm hút máu người?

— Tôi nghĩ tôi cũng đã có sẵn tâm ấy rồi. Hễ tôi vừa để môi nơi da... Tức thì...

Nàng nói tới đây thì khoát tay mà than thở. Chàng không biết làm sao, trong lòng bối rối như tơ vò. Chàng càng bỏi Y-huê-linh, càng quen với cái sự kỳ nầy, thì không còn thấy bờ cõi ngăn với các sự thường tình nữa. Rồi nghĩ đến khi tối, đến cái thuốc bổ kia, cái nàng lạ lùng đẹp đẻ nọ... chàng tưởng như ở trong giấc mộng, mới hỏi:

— Nàng biết nàng làm vậy là quấy, mà nàng có ăn năn chăng?

— Tôi nghĩ ăn năn tiếc lắm!

— Vậy thì nàng thương cha mẹ, chị em cô Y-huê-linh sao?

— Ban đầu tôi không thương... mà sau lần cái tình yêu nó đến...

— Còn tôi đây?

— Ôi! còn như chàng... tôi thương nhiều lắm!

Chàng nghe nói động lòng — Thấy nàng Y-huê-linh đẹp đẻ, càng khiến dục lòng thương, bèn hỏi tiếp:

— Vậy nàng có xem tôi như người đồng-bào của nàng chăng?

— Có, tôi lại càng yêu mê lắm. Dầu ở đâu mà đến, tôi cũng là gốc nhơn loại. Tôi biết tôi là người lạ

trên đời nầy, mà tôi cũng biết tôi là một người phụ nữ. Vả lại tôi cũng ham cái đời mới nầy... nhứt là từ khi tôi ở với chàng...

*
* *

Cái cơn thúc giục của chàng Bơ-lu-oanh-cơn bây giờ, chẳng khác như cơn say vì rượu, mê vì nha-phiến, cho nên không còn biết gì đến sự lấy làm lạ nữa. Cõi ngoại kia bây giờ chàng tưởng lại là một sự rất thường, cái phi thường với cái thường cũng chung như là một. Chàng bèn hỏi: «— Vậy chớ nàng không tiếc cái đời kia của nàng sao?»

Nàng nghe qua phát rung sợ, rồi nói hơi cảm rằng:

— Tôi sợ cái đời kia lắm! Nay tôi còn biết nơi đó, tôi đã bị một sự lạ kỳ ghê gớm nó khiến cho hồn tôi phải bỏ đó mà đi. Thiệt là một chuyện ghê gớm không thể tả được. Mà chi, tôi đã thương chàng lắm rồi?

Nàng nói câu chót nầy, giọng nghe ra có chìu rất thanh rất diệu, rất nhơn, mà lại nàng rất đẹp, cái đẹp khiến mê người đó, làm cho chàng Ram chỉ còn tưởng là vợ yêu mến của mình mà thôi. Chàng bèn ôm lấy đầu nàng, kề môi mà hun nhau trong khi mê mẩn nầy, tưởng tượng như vào đến cõi tiên. Cho nên trong lúc yêu nhau đây, không còn nhớ chi nữa hết. Lần lần chàng nghe trong thân thể, trong óc mình càng nhọc lắm, vừa gần muốn xiểu... bèn gượng xô ra cho khỏi...

Chừng ấy chàng mới thấy rõ nơi khoé môi nàng Y-huê-linh còn ướt đầy những máu, nơi kẻ răng ngọc còn điểm dấu huyết hồng.

Chàng bèn la: «— Máu! máu của ta!» Nàng bèn than dài một tiếng.

(Còn nữa).

Thuốc bổ Mô-ba

(MAUBAR)

Thứ thuốc rất quí dùng trong xứ nóng nực thiệt tốt vì nó làm bằng colá, coca, quina, Glycéro-phosphate và nhiều thứ rượu rất quí bên Pháp. Có thể làm cho máu điều hoà, trị bịnh nóng lạnh.

Những người mệt mỏi dùng nó thì càng hiệu nghiệm.

Nơi Đại-dược-phòng Pháp-quốc có bán.

84-94, Rue d'Ormay

Maurice BARBEROUSSE, Pharmacien de 1re classe

Ancien Interne des Hôpitaux de PARIS

3e ANNÉE — Nº 145 — 12 AOUT 1926

KHOA HỌC TẬP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1° — M. BUI QUANG-CHIÊU *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*
2° — M. LÂM-VĂN-HUÊ, *Commis indigène des Services Civils.*
3° — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics à Cholon.*
4° — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*
5° — M. NGUYỄN KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon*
6° — M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*
7° — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*
8° — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN, *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*
9° — M. TRẦN VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Paris.*
10° — M. TRẦN-QUANG NGHIÊM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*
11° — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*
12° — M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3,00		

MỤC LỤC

Bá nghệ lược giải (nghề làm đồ nguội) 2556
Tạo hóa kỳ quan (nº 3) (những sự lạ ngoài biển)..... 2560
Thiệt hành bác học (thắp đèn điển eclairage électrique)..... 2563
Cách thế loài ong nhắm hướng..... 2566
Gương luân lý (phải biết ăn năn sửa mình mới ra người quân-tử..... 2568
Văn-minh kim-thời tấn-lộ..... 2570

Bá nghệ lược giải

Nghề làm đồ nguội

(Industrie des Conserves alimentaires)

Cái tiếng đồ nguội đây là để chỉ cho những vật nào mà người ta đã dụng cách để dành được lâu năm mà chẳng hư; khi đem ra mà dùng thì cái chất nó cũng còn nguyên như lúc còn tươi vậy. Những vật người ta thường làm mà để dành thì hoặc là thịt cá, hoặc là rau đậu.

Bên Tây nghề làm đồ nguội mà để dành thịnh hành nhứt là ở mấy thành Nantes, Bordeaux, Le Mans, Paris.

Trước khi nói đến cách làm đồ nguội, ta cũng nên nói ít lời vì ý nào mà người ta phải dụng cách thức riêng để mà làm đồ nguội để dành cho được lâu năm. Vã chăng trong không khí ta ở đây có nhiều giống vi-trùng ăn phá lắm; những đồ ăn, cùng rau cỏ, hay thú vật chi chết, để ngoài không khí lâu thì bị giống vi trùng ấy nó ăn làm cho thúi tha hư hỏng. Bởi vậy muốn lập thế mà để dành đồ ăn, thịt cá, rau đậu, vân vân, cho lâu mà khỏi thúi hư thì duy phải tìm cách ngăn ngừa cái giống vi trùng trong không khí cho đừng động tới vật để dành thì tự nhiên nó khỏi hư khỏi thúi. Vậy thì phải tìm thuốc khử trừ cái giống vi trùng ấy cho nó đừng sanh sản ra thêm.

Những cách người ta dùng mà để dành đồ ăn thì có nhiều, có cách phơi khô, có cách muối, cách sấy, cách un khói, cách riêm đường, cách làm mắm, cách làm dưa, vân vân, nhưng cái cách người ta hay dùng thứ nhứt tới ngày nay là cách đựng vào hộp kín của ông Appert bày ra.

Để dành đồ ăn theo cách của ông Appert.— Ấy là cách thường dùng hơn hết, các nước văn minh đời nay đều có bắt chước theo. Cách ấy là cách dùng hộp thiết mà đựng đồ ăn như thịt rau, trái cây, mà đã lạm rồi, nấu thật chính, gia vị mắm muối sẵn rồi để vào hộp mà hấp lại và hàn cho thật kín, đừng có một chút hơi hở. Vậy những đồ ăn làm kỷ lưỡng sẵn rồi mới để vào hộp

cùng các món gia vị rồi mới hàn cái nắp hộp lại cho kín, đem để vô nước sôi, hoặc nước muối nấu đương sôi nóng lên tới 105, 106 bực mà hấp giây lâu, nghĩa là mau hoặc chậm tùy theo món đồ ăn. Thịt rau làm như thế thì không còn sợ hư thúi gì nữa, bởi nấu đến bực đó thì dẫu có vi trùng trong hộp cũng chẳng thế nào mà nó còn sống được, và lại cái hộp thì đã hàn bít rồi, vi trùng ở ngoài cũng không thế nào mà vô trong được nữa. Hộp làm kín kỷ như thế, dẫu để dành tới 15, 20 năm cũng sao.

Hộp đã làm kín, khi hấp lại thì hơi khí trong ấy nỡ ra mà phùn cái hộp lên, đến khi nó nguội thì nó xẹp lại. Nếu đồ để dành làm không được khéo thì sau nó ương sinh, hóa hơi khí mà phùn cái hộp lên lại. Những hộp ấy chẳng nên dùng mà ăn.

Bên nước ta không thấy có xưởng nào làm đồ hộp để dành thịt cá hay rau đậu chi cả. Ta chỉ thấy người nước ta dùng cách muối cá làm cá mặn, hoặc làm mắm, hoặc xẽ khô, nhưng cái cách của ta làm đều còn là cách rất quê kịch, hũ-lậu, không hạp với cách vệ sanh, cách mau mắn của người nước văn-minh đời nay. Vậy chúng ta nên biết những cách thức để dành đồ ăn của nước người mà học theo, cũng là một sự rất hữu ích cho ta lắm.

Cách phơi khô (Conservation par dessiccation).— Cách nầy cũng là hiệu nghiệm lắm. Nhưng mà dụng cách đó mà để dành thịt cá, thì không được toàn hảo lắm. Cách đó để dùng trong việc để dành trái cây cùng là rau thì thiệt là có kết quả. Như muốn phơi rau cho khô mà để dành lâu, thì trước hết lặc rửa nó cho sạch, cắt ra xong rồi, đem vô máy nấu hơi thật nóng cho đến 112, 115 bực, một lát rồi mới đem ra sắp trến vỉ, để vào lò hơ kêu là *séchoir*; trong lò hơ người ta có cho hơi khí nóng mà khô chừng 45 bực. Hơi ấy lúc mới vào lò hơ thì nóng 45 bực đến lúc đi ra ngoài thì còn chừng 30 bực. Nhờ hơi nóng ấy, rau sắp trong lò chẳng bao lâu đều khô cứng, giòn lắm. Vậy phải đem nó ra ngoài để phơi giây lâu cho nó rút một ít hơi ẩm mà mềm dẻo lại đặng cho dễ cầm. Những rau khô ấy nếu dùng để chở đi tàu biển, hoặc để chở theo lương phạn cho quân lính thì trước họ đem vào máy ép chạy bằng

sức nước (presse hydaulique) đặng cho dễ việc chở chuyên, nghĩa là đặng chở được nhiều mà nó choán chỗ ít. Khi muốn dùng nó thì đem ngâm nước trong nửa giờ nó nở ra bằng như lúc còn tươi vậy.

Cách sấy và cách muối (Fumage et par salaison).— Đã lâu rồi người ta biết có một thứ vật để mà khử độc (antiseptiques) có tánh làm cho thịt khỏi thúi được. Ví như thịt sấy để cho có hơi khói, nó nhờ có hơi *acide phénique* và *créosote* trong củi chụm bay lên mà đóng vào thịt sấy làm cho nó khỏi sợ ương thúi, để dành lâu năm cũng được.

Muối cũng có tánh khữ độc, trừ được loài vi trùng ăn thịt cá mà làm cho thịt cá phải ương thúi; cho nên người ta hay dùng muối để mà muối thịt muối cá cho được để dành lâu. Nghề muối thịt cá ấy đâu đâu cũng có dùng cả, cho nên thật cũng là một nghề rất quan trọng lắm. Bên Âu-mỹ người ta muối thịt cá rất là kỷ lưởng; nghề ấy làm to lắm, cho nên cũng có xưởng có máy móc rất nhiều. Loài thú vật để làm thịt muối phải làm cho thật kỷ lưởng và sạch sẽ, rồi xắt xẻ ra từ miếng, những vật nào nên bỏ thì bỏ ra. Thịt làm xong thì rắc muối lên mà chà giày lát cho nó thấm vào trong thịt. Mỗi miếng thịt đều phải làm vậy, mà chuyền nhau cho đôi ba người làm, sau rốt đưa cho một người chót xem kỷ lại, coi miếng thịt nào to, muối không thấm vào trong thì phải vẹt nó ra mà rắc muối nó nữa. Rắc muối xong hết rồi đem sắp nó vào thùng to mà để như vậy trong nửa tháng. Mỗi ngày phải nhớ rưới nước mắm lên trên thịt đó. Mắm đó thường là nước của nó đã rĩ xuống dưới đáy thùng to, phải có đồ bôm nó lên mà tưới thịt muối đó. Sau rồi người ta mới lấy thịt muối ấy ra mà sắp vô thùng thịt, rắc muối lên từ lớp, rồi đóng kín lại mà gởi đi.

Bây giờ bên xứ Huê-kỳ (Mỷ-quốc) người ta nuôi heo, bò cả triệu con, mỗi ngày làm thịt hơn mấy muôn con thú, đều nhờ có máy móc tinh xảo trong đời. Một bầy heo dẫn lùa vào đầu máy có máy tắm rửa, cắt cổ, máy cạo lông, máy xắt thịt, máy muối, vân vân... nội trong giây phút đã thấy làm xong con heo mà thịt đã muối đã vào hộp rồi. Chẳng phải làm mau như thế mà vụng

về, dơ dáy đâu! Thịt ấy làm ra thật là tinh khiết sạch sẽ, gởi bán đi về Âu-châu và các nước trong hoàn cầu chẳng biết bao nhiêu mà kể.

(Sau sẽ nói cách làm cá mòi, cá morue).

THANH-TÂN.

Y-khoa *(Notes médicales)*

Cách cho con bú.

Khi đàn bà mới sanh con, thì người mẹ còn yếu không thể ngồi trên giường được mà cho con bú. Vậy đến lúc phải cho con bú, người mẹ phải nằm nghiêng và chúc cái vú cho đứa con ngậm bú được. Phải để đứa con nằm trên giường ngay mẹ. Cách mấy bữa sau, bà mẹ ngồi, hoặc lấy cái gối lót dựa lên cho cao một chút; để đứa bé ngang trước ngực mà cho bú. Bà mẹ phải giữ thế đừng để con úp mặt sát vú quá, kẻo nó ngột, thở không được. Người mẹ lấy tay nâng núm vú nặn sữa ra có chừng, mà đừng thình lình nặn vọt ra mạnh quá, làm vậy con trẻ sặc hoặc ói ra. Thấy nhiều đứa bé mới sinh, đến lúc cho bú thật khó quá, nên người mẹ phải rán chịu khó với con.

Phải cho con bú bao lâu thì không định chắc được, phải tùy theo tuổi đứa con. Trong mấy tuần đầu đứa bé nút yếu lắm, nên phải để cho nó ngậm vú 20 phút hay nửa giờ; sau nó mạnh lần lần, thì cho bú chừng 15 phút hay 10 phút đồng hồ.

Như người mẹ tốt sữa, thì mỗi lần cho bú một vú, lần sau cho bú vú khác; nếu ít sữa, thì mỗi lần cho bú đủ hai vú.

Lương-y PIERRE MENARD.

(Lời thăm n° 86).

Tạo hóa kỳ quan *(n° 3)* (1)

Những sự lạ ngoài biển (tiếp theo)

Còn nhiều nơi có màu khác nữa tùy theo vật ở dưới đáy nó: ví như màu xanh lá chuối là khi dưới đáy nó có cát trắng: màu lục sậm khi cát ấy vàng; màu xám khi dưới đáy có đất bùn. Cũng có nơi nước biển chứa muôn vàng con thú nhỏ, cùng rong cỏ con làm cho nước trổ màu khi vàng khi đỏ, khi trắng khi đen. Nước sông chảy ra vàm, gặp nước biển mặng và nặng hơn thì nổi linh đinh trên mặt nước nhiều khi lan ra ngoài xa mà pha màu nước biển.

Có một điều rất lạ là những khi ban đêm tăm tối, ta thấy ngoài biển thì ánh lánh có sóng búa sáng lòa, như một lằng sóng lửa. Sóng ấy vẫn có thường ở nơi biển-cả cùng là Ấn-độ-dương là những nơi thuộc nhiệt đái. Sóng ấy thường thấy trong những khi chiều hôm dầm ấm thanh tịnh, biển lặng trời êm, sóng con lấp xấp.

Có người du-quan đi ra biển về thuật lại rằng: «Mặt trời vừa chen lặng, thì cảnh biển đà thay đổi, cả triệu vật nhỏ sáng lòa cuốn theo giữa ngọn sóng Trên mấy ngọn sóng, hai bên hông tàu cùng mấy nơi hòn đá sóng búa dập vào thì cái yến sáng càng tỏ rõ hơn nữa; mỗi mái chèo bơi cũng văng lên một lằng lửa rất dài, tàu chạy càng xa thì nó bớt sáng lần.» Có kẻ du-quan khác cũng nói: «Mỗi khi tàu bị sóng lắc nghiêng, thì thấy bên hông tàu, dưới nước chun lên một ngọn lửa đỏ, sáng như chớp giăng ở dưới lườn tàu mà xẹt ra tràng lên mặt biển.»

Nhiều người hay bàn luận về cớ sáng choang ấy, cho rằng tại có muôn vàng con thú nhỏ mình có yến sáng lội trong nước biển rất mau. Có kẻ tưởng cho bởi loài thủy tộc cùng cỏ cây chết mà thành ra vật sáng — Kẻ khác lại cho rằng tại nơi 2 lẽ kia nhập lại mà nước bèn ra sáng.

Ngoài biển dầu cho trời thanh tịnh không có chút gió mây, mặt biển cũng vẫn có sóng luôn. Mặt biển cũng không phải đứng hoài một mực, nó cũng có khi lên khi xuống, khi đầy khi vơi. Ấy ta gọi là con nước.

Một ngày có hai 2 con nước là một con nước lớn và một con nước ròng. Mỗi ngày con nước lớn dưng lên 6 giờ đồng hồ, ngập lân hết cả bãi biển. Khi lên hết sức mực cao thì đứng lại đó giây lâu kêu là nước *đứng ròng*. Rồi đó nước giựt xuống lần lần mà ra con nước ròng, bày đá hòn, chừa bãi bể ra nữa; như vậy trong 6 giờ. Tới hết mực ròng rồi cũng đứng lại giây lâu, ta gọi là nước *đứng lớn*. Nước biển cứ lên xuống lớn ròng như thế hoài không con nào sai.

Nước biển có lớn ròng như thế bởi vì đâu? Bởi luật Tạo hóa, mặt trăng, mặt trời cùng trái đất hút lấy nhau. Trái đất ta ở bị một đàng thì mặt trời

(1) Tác-giả giữ bản quyền.

một đàng thì mặt trăng bút. Song mặt trăng ở gần trái đất hơn mặt trời nhiều lắm cho nên sức hút lại mạnh hơn sức hút của mặt trời bằng ba. Bởi thế con nước tùy theo mặt trăng nhiều hơn mặt trời. Ta biết trái đất vẫn tự xây một mình giáp mỗi vòng là 24 giờ. Trong khi xây hễ nơi nào mặt nước biển đưa ngay mặt trăng thì nước bị mặt trăng hút lấy mà dưng lên làm ra nước lớn. Ở nơi ngay mặt trăng nước bị rút đùng lên thì phải rút nước ở nơi xa mặt trăng bơn mà đem lại, làm cho nơi ấy nước phải bớt đi mà hạ xuống làm ra nước ròng. Vậy mỗi khi nơi nầy có một con nước lớn thì nơi kia có nước ròng. Bởi trái đất xây tròn cho nên nơi nào qua khỏi mặt trăng thì nước hạ xuống, còn nơi khác đến gần ngay mặt trăng lại dưng lên. — Mặt trời cũng rút nước cho nên mặt biển ở ngay về mặt trời cũng bị bút mà có nước lớn. Lại nhằm khi mặt trăng và mặt trời ở về một phía thì 2 sức rút đồn lại, mạnh thêm, làm cho nước dưng lên cao nữa mới có sanh ra nước rông. Nhằm lúc thu phân đông phân, nước rông dưng lên cao hơn hết. (Xem bài cuộc nước: Nước lớn nước ròng, về sau).

Nơi sông rạch cùng là các nơi biển nhỏ, đến khi nước lớn ròng ta thấy không mấy rõ, chỉ ở ngoài mấy biển cả mới là thấy nước lên xuống cao thấp chẳng nào. Nơi biển nhỏ như Trung địa-hải (Méditerranée) một con nước lớn dưng lên cao không mấy tí nước rông lên cao chỉ vài tấc tây mà thôi.

Ta thấy biển mình mông rộng rải, ngờ rằng nước đứng tự nhiên một hồ, nào dè đâu ở nơi mình mông như thế mà lại có đường nước chảy. Ví như ở biển Thái tây-dương (Océan atlanttque) có ngọn nước chảy từ Pai-châu qua Nam-mỷ-châu, ra giữa biển đường nước chảy rộng kể đến 7, 8 trăm ngàn thước. rồi chảy vòng theo vịnh Mexique mà đi lên phiá bắc lần qua đến cõi Âu-châu, người Ăn-lê gọi là ngọn nước *Gulf Stream*. Nơi biển Thái-bình-dương (Océan Pacifique) có ngọn nước *Kouro-Civo* chạy vòng lên đảo Nhựt-Bổn. Hai ngọn nước đó là có danh trong hoàn cầu. Những người hoa tiêu đi biển giã thường biết hết mấy ngon nước chảy, cho nên thuyền đi phải biết nương theo ngọn nước, không thì nương theo ngọn gió mới thâu được ngày giờ, bớt được đường đi cho mau tới chốn.

Biển đã không bình tịnh về nỗi con nước lớn ròng lại còn thêm gió máy làm cho mặt nước luân chuyển ba đao, thuyền đi nghiêng lắc, đôi thuở phải chìm. Người đi biển có kẻ nói rằng sóng cao như non núi, ấy là quá lẽ. Thật thì sóng cao quá chỉ lên đến 14, 15 thước là cùng, nhưng gặp khi bảo lớn cũng có lẽ cao hơn một ít nữa. Có một đều nầy thật, là khi những sóng to gặp vật chi cản trở thì nó dội lên cao đến 4, 5 mươi thước.

Còn về sức mạnh của nó bao nhiêu ta đã rõ rồi nơi bài trước. Song cũng còn có kẻ thấy sức nó đánh đổ đá hòn nặng đến 3, 4 muôn kilos, văng đi xa hơn năm bảy thước.

Trên mặt biển sóng dậy dường ấy, mà ở dưới sâu chừng 7, 8 mươi thước, nước vẫn bình yên, nếu không vậy thì bùn đất phải nổi lên mà nước đụt, cỏ rong, sò ốc, cá tôm không ở được mà phải chết.

Nước biển chứa nhiều chất thuộc

hóa học, những nhà thông thái hóa-học lấy ra mà dùng trong nhiều việc, Trong mấy chất ấy chỉ có chất muối là nhiều hơn hết (chlorure de sodium). Trong chất muối người ta lấy ra chất lục-khí toan (chlorhydrique) cùng là lục-khí (chlore), còn nó thì để dùng trong việc nấu ăn nêm đồ ăn cho mặng, cùng là để muối khô, làm mắm vân vân. Kế đó thì có chất đông-hoàng-thạch (magnésium), chất iodure, v. v. nhưng mà không có bao nhiêu. Dưới biển lại còn nhiều vật quí báu nữa. nào là châu điệp san hô, nào là cá tôm bữu vị; lại thêm những ngọc ngà châu báu bạc vàng, tàu lo tàu nhỏ trầm dưới đáy xưa nay kể ra giá đáng không biết muôn vàn ức triệu nào mà kể. Như thế biển là một cái kho báu vô tận của loài người, ta chỉ lo sao tìm cho được cách lấy vật báu ở dưới biển về mà dùng, thì nghĩ cũng không khi nào hết được.

(Còn nữa).

Thiệt hành bác học

Thắp đèn điện *(Eclairage électrique)*

Từ ngày người ta biết thiệt dụng điển-khí đến nay và có nhà máy làm điển-khí đến nay, thì sự công dụng của điển-khí mỗi ngày một nhiều, nghề điển-khí mỗi ngày một thịnh, cho đến trong các công nghệ ngày nay không thứ nào là chẳng có cần dùng đến điển-khí. Trước khi người ta thiệt dụng điển-khí trong các nghề thì có hơi nước nấu là gốc của sự phát đạt công nghệ, nay điển-khí là gốc của sự phát đạt trong các nghề nữa. Vậy cái tương lai sự tấn hóa của người đời bây giờ đều ở trong cái điển-khí.

Điển-khí để dùng trong những việc nào? Những việc nào ta từng thấy từng nghe cũng đều có dụng đến điển-khí cả; nào là các thứ máy móc, nào là điển-tín, điển-thinh, nào tàu bay, tàu lặng, nào lò lửa điển, máy thắp đèn, vân vân, song cái sự công dụng điển-khí thường nhứt hơn hết, đâu đâu cũng có là dùng trong sự thắp đèn điển (éclairage électrique) cho nên ta cũng nên nói qua sự thắp đèn điển cho đồng bào ta rõ biết.

Vậy trước hết ta kể qua sự tích thắp đèn điển. Trước khi có đèn điển bóng pha ly như ngày nay thì người ta thắp đèn điển bằng tim thang gọi là *arc électrique*. Ngọn lửa điển thắp như thế chiếu ra ngọn sáng chóa như yến sáng mặt trời.

Người bày thắp đèn điển là ông Humphry Davy, nước Anh-quốc. Hồi năm 1813 ông làm ra được ngọn lửa điển sáng lạ kỳ; ông cho hơi điển trong một cái pile chạy ra, chun theo 2 sợi dây dẫn điển ngoài đầu có 2 cục thang cây và để chung vô trong một cái ống kiến đã làm cho mất hơi không khí rồi. Hai cục thang ấy để gần nhau, hơi điển chạy tới đó, bèn rút lấy nhau sanh ra ngọn lửa điển bắt cháy thang cho nên nó sáng lắm.

Một cái đèn điển tim bằng thang kêu là *à arc* thì làm bằng 2 cây đồng để ngó ngay nhau, một cái ở trên một cái ở dưới, 2 cây đồng ấy chuyền dây dẫn điển vô trong một cái pile, hoặc trong máy sanh điển (dynamo-électrique) — Ngọn lửa điển cháy ra nóng lắm, nếu dùng hai cây đồng không thì lâu nó phải hư, cho nên ngoài đầu nó, nơi chỗ nó đâu nhau người ta nối theo 2 cây thang dẫn điển (charbon de cornue) lâu mòn cho nó cháy. Tuy vậy nó cháy lâu nó cũng phải mòn lần, nếu để nó mòn thì 2 cây thang nó dan ra xa lần thì nó không cháy nữa. Vậy thì phải thâu nó lại gần gần cho thường. Nhưng mà như thế thì cũng bất tiện lắm. Muốn cho nó tự nhiên mà gần nhau hoài, mòn tới đâu thì nó thâu gần lại tới đó, thì người ta lại dùng thứ đèn kiểu của ông Léon Foucault và ông Serrin bày. Đến sau lại có mấy ông Gramme, Cance, Siemens vân vân bày ra thứ đèn còn tiện hơn nữa. Qua năm 1876 một người bác-vật nước Nga là ông Jablochkoff lại bày ra một thứ đèn điển khác hơn

mấy thứ hồi trước, kêu là đèn cầy điển (bougie électrique). Hai cây thang dẫn điển của nó không phải để một cây trên một cây dưới mà đâu đầu nhau nữa; nó sấp đứng ngang nhau dài bằng nhau và nằm khít với nhau, nhưng phải có một vật ngăn điển lót chính giữa mà ngăn 2 cây thang dẫn điển đặng cho nó đừng có đụng nhau; vật ngăn ấy thường làm bằng đất-p' ấn (plâtre). Cái đầu 2 cây thang để cho ra ngọn lửa điển thì nhọn mà gần gần nhau. Khi rào cho điển khí chạy vào thì nó bắt cháy trên đầu ấy, rồi mòn lần xuống, cái đất-phấn cháy thì cũng tan chảy đi không khác nào như một cây đèn cầy.

Từ ngày bày ra được thứ đèn cầy điển ấy thì nghề thắp đèn điển mỗi ngày thêm phát đạt lắm. Nhờ vậy nên hồi năm 1878 đấu xảo vạn quốc tại Paris, mấy nơi lộ trong thành đều thắp đèn điển toàn bằng kiểu của ông Jablochkoff bày ra vì nó rất tiện dụng lắm. Thuở ấy nơi mấy kinh thành to bên các nước Âu mỷ cũng đều thắp đèn một kiểu như vậy. Đèn ấy tuy là tiện nhưng mà mắc tiền và hao điển lắm. Bởi vì muốn thắp cho sáng bằng kiểu đèn bày lúc trước kia thì phải sức điển mạnh hơn. Những đèn kiểu trước kia, còn bất tiện, đến sau người ta bày chế thêm tinh xảo hơn thì nó lại tiện hơn kiểu của ông Jablochkoff nữa.

Đèn điển bóng pha-ly — Dùng đèn điển như ở trên kia thì phải sức điển cho mạnh vì ngọn đèn nó cháy sáng lắm, chiếu bằng 150 ngọn đèn cầy là ít hơn hết. Cho nên người ta chỉ dùng nó để mà thắp ngoài đường thành phố chớ dùng trong nhà không được. Bởi thế cho nên người ta mới bày ra thứ bóng đèn điển bằng kiến pha-ly, trong bóng có làm sợi chỉ thang, cùng là chỉ bằng loại kim để cho hơi điển chạy vào cháy sợi chỉ ấy mà sáng lên. Cái yến sáng của nó vừa đủ cho người ta dùng trong nhà, mà nó lại ít tốn hao nữa.

Người ta biết rằng điển-khí chạy trong dây bằng loại kim, mà nếu sợi dây dẫn điển vừa trộng thì điển-khí chạy như thường ta không thấy chi cả. Nhưng hễ sợi dây mà nhỏ quá, sức điển-khí chạy trong dây, đi không kịp thì dây ấy phải cháy lên nóng đỏ sáng đủ sức mà chiếu sáng trong tối. Mấy nhà bác-sĩ ngụ theo tánh chất đó mà làm ra bóng đèn điển như đã nói trên kia.

Một người bác-vật nước Pháp là ông Changy đã ngụ ý bày ra thứ bóng đèn điển ấy trước hết, nhằm năm 1859, người làm ngọn đèn ấy bằng sợi chỉ bạch-kim (platine), còn điển-khí thì lấy trong cái pile de Volta mà cho chạy vào. Nhưng rũi sợi chỉ bạch-kim chảy đi nên không cháy được. Ông Changy thấy vậy bèn tế cho sợi chỉ bạch-kim bằng một cây thang dẫn điển nhỏ. Nhưng mà ở ngoài không khí thang nó cũng cháy đi hết. Ông bèn bắc chước theo ý ông Davy, mới để cây thang ở trong một cái bóng bằng kiến rồi rút hết hơi khí trời trong ấy ra bằng máy rút hơi (machine pneumatique) thì ngó thấy được kết quả lắm. Nhưng vậy mà ông cũng chưa làm ra được cách thiệt dụng cho ai nấy được hưởng. Phải nhờ có một ông bác-sĩ có danh nhứt trong hoàn-cầu là ông

Thomas Edison người nước Huê-kỳ mới bày ra thứ bóng đèn điện được hoàn toàn như ta còn thấy ngày nay đó. Lúc đấu-xảo điển-khí tại Paris hồi năm 1881 có đem ra chưng cho thiên-hạ biết nữa. Ấy là một cái bóng tròn bằng kiến bít bùng hết, ở trong bóng rút hết khí trời, nơi giữa bóng có sợi chỉ thang; chỉ thang ấy thường là thang tre đốt trong lò kín.

Thứ bóng đèn ấy kết quả lắm, cho nên sau người ta nương theo đó mà làm ra rất nhiều, chế kiểu chỉ thang ở trong bóng ra, làm nhiều hình, hoặc sửa chỉ thang làm ra chỉ bạch-kim, vân vân. Thứ bóng đèn điện ấy xem ra thật là mỏng mảnh mà nó lại dùng được lâu lắm. Một cái bóng đốt lâu hơn 1200 giờ. Mà dầu như nó có hư be đi thì thay bóng khác cũng không tốn hao gì lắm, bởi ngày nay người ta làm ra không biết bao nhiêu bóng đèn mà kể, cho nên giá bán cũng rẻ lắm.

(Sau xem qua bài nói về nghề làm điển-khí thắp đèn ở nơi CÔNG NGHỆ LƯỢC GIẢI*)*.

Cách thế loài ong nhắm hướng

(L'orientation chez les abeilles.)

Bỏ một nơi mà đi xa rồi trở về cho nhằm đàng trúng chỗ, nhiều khi dầu người cầm bản-đồ cùng địa bàn trong tay cũng lấy làm gay-go khó trở. Mà không hiểu sao những loài cầm thú chẳng biết dụng phương pháp như người, dầu đi xa hang cách tổ, cũng biết đàng trở về không lạc. Như con mèo, bắt đem đi cách mãy cây số mà thả ra, dầu đàng xa và nhiều chỗ phải lội suối băng sông, nó cũng trở về nhà nó ở trước. Nhiều loài chim giống cá cùng thứ sâu bọ côn-trùng, đến lúc về cũng thuộc đàng biết ngõ trở về: thật là lạ lắm.

Vậy loài cầm thú nhắm đàng nhận lối thể nào? Nó dùng những cách thường-thường như ta là: Nhớ chỗ, coi dấu, đánh mùi, hay là nó có tai riêng tự-nhiên chỉ hướng như cái địa-bàn sống vậy chăng?— Nhiều thứ còn nghi chưa giải quyết được: kẻ nói cách nầy người bày thế khác. Nay chỉ bàn về, cách nhắm hướng của loài ong, là điều mọi người đã hầu công nhận.

*
* *

Ai ai cũng biết loài ong thì có bộng, có hang hay là có tổ, và thường-thường nó phải bỏ tổ bỏ hang mà đi kiếm của ăn hoặc tìm vật liệu để cất nhà xây tổ, nhiều khi phải đi xa như thứ ong nhà ta nuôi co hồi đi xa tới 12 kilomètres. Quãng đàng chừng ấy sánh với sức bé vóc nhỏ của nó cũng thật là xa lắm, vậy mà nó đi về không hề lộn đàng lạc lối bao giờ. Mới nghe qua thì coi bộ như nó có tài riêng tự nhiên biết hướng; nhiều thầy bác-sĩ cũng tưởng như vậy.

Ông Gaston Bonnier bắt mấy con ong, lấy dầu sơn mà trét hai con mắt cùng cắt hai cái râu-tôm (antennes), cho nó hết thấy đàng cùng không đánh mùi được, rồi ông đem cách xa tổ nó 2 kilomètres mà thả, thì thấy nó cũng bay ngay về tổ.

Ông Darwin tưởng loài ong biết hướng vì nhớ phía, nên ông đã bàn với ông Fabre bắt con ong mà xây nhiều vòng cho mau cho nó lộn đầu sai hướng. Ông Fabre lấy giấy cuốn tròn lại bỏ ít con ong vào, rồi xây lăn tứ-tung quật đầu nầy trở phía khác, đoạn đem đi cách mấy kilomètres mà thả; mà thả ra thì nó liền bay ngay về tổ. Ông đã thử mấy lần như vậy, thì luận rằng: loài ong có tai tự-nhiên biết hướng.

*
* *

Nhưng gần hết các thầy bác-vật đời nay không theo ý ấy. Vì đã quan sát nhiều lần thì thấy quả giống ong biết đàng là nhờ mắt coi và trí nhớ địa thế xung quanh tổ nó mà thôi.

Ai đã từng nuôi ong và có ý coi, thì sẽ thấy những con ong tơ lúc ban sơ mới ra khỏi tổ thì không hay đi xa mấy. Khi mới bay ra thì đảo vòng xung quanh tổ, ban đầu bay gần, lần lần bay nới ra xa, mà cứ day đầu về tổ để dòm coi cho nhớ cái cảnh tượng chỗ mình. Con nào chưa tập như vậy mà bắt nó thả ra xa tổ ít nhiều, thì nó

không bay về tổ được. Vã lại dầu những con ong lớn ong già đã từng đã thạo, mà nếu đem thả ngoài biển khơi hay là trên mặt bàu rộng không cách tổ nó bao xa, thì nó cũng bay lạc bậy hết vì không có dấu gì coi được.

Sửa đổi các cuộc xung quanh tổ ong-nghệ hay là ong-bầu một ít, như chặt cây cắt cỏ lối đó đi, thì đủ mà làm cho nó lạc đàng tìm không ra tổ; nhất là bắt nó ngửi thuốc gì cho say, thì nó lộn đầu lộn đuôi, không nhớ tổ nữa.

Về ong vò vẽ người ta cũng xét thấy như vậy. Mới đây ông Rabaud, là giáo-sư trường đại học Sorbonne, nói rằng: như bắt ít con ong vò-vẽ mà thả chỗ nào nó hay vãn-lai, dầu có xa xui nó cũng bay về tổ như chơi, bằng thả nơi nào tuy gần mà nó chưa từng lui tới, thì phần nhiều là bay lạc. Còn mấy con đã mặc may bay về tổ được, có bắt thả lại: nơi ấy nữa, thì nó sẽ bay về đủ không mất con nào, vì đi một lần thì nó đã quen đàng thuộc lối rồi. Ông Bell kể lại: ông đã thấy một con ong vò-vẽ khác bắt một con sâu, rồi cắt làm hai khúc đặng tha đi cho nhẹ; mà trước khi nó tha khúc thứ nhất đi thì nó bay vòng-vòng trên ngọn cây, nó còn để mồi lại đó nhiều bận cho nhớ chỗ, rồi mới bay đi. Một chặp thấy nó bay trở lại mà đỗ cái khúc sâu nó để một ít; song rủi nó trợt trên lá và sa xuống gốc cây nhiều lần; mà mỗi lần bay lên, nó bay vòng-vòng trên ngọn cây đó một hai phút, thì đỗ được trúng chỗ nó nhớ. Sau hết nó tìm ra khúc mồi nó để, thì tha mà bay thẳng chỉ về tổ không bay vòng-vòng như lần trước, vì mồi đã tha hết rồi, không cần phải nhớ nơi ấy nữa.

Các thứ ong khác ở lỗ ở hang cũng dùng một phương pháp ấy cho đặng nhắm đàng về tổ, bay là biết chỗ tha mồi. Mỗi lần bỏ chỗ nào mà bay đi, thì trước cũng bay vòng ít bận mà coi cho nhớ cảnh. Ông Ferlon, là kẻ đấu lực đua tài với ông Fabre về khoa côn-trùng học, lại nói rằng: Những con ong tha mồi nặng, thì khó tìm tổ hơn, bộ như nhọc sức thì cũng lảng tâm ít cầm trí được.

*
* *

Lời kiết luận.— Phần nhiều các ông bác-sĩ đời nay dạy rằng: Loài ong biết đàng thuộc lối là bởi coi chỗ, nhớ dấu cùng nhớ cảnh xung quanh tổ. Giống ong nhắm đàng, thì đã chắc như vậy; còn về loài kiến nhận lối thể nào, cái là khó hơn, số sau sẽ nói.

THOMAS TRỬ.

(Lời thăm n° 86).

Gương luân lý

Phải biết ăn năn sửa mình mới ra người quân-tử

Chuyện tên Polémon

(Tích xưa).

Polémon là chàng thiếu niên ở Athènes (Nhả-đ ền) tánh nết hoang đàng, sa mê việc chơi bời tửu sắc chẳng kể tới việc cao sang. Bữa kia chàng du chơi tửu sắc đến lúc ra về thì trời đã rạng đông. Khi chàng đi ngang qua nhà ông hiền-triết Xénocrate (1) thấy rờ tuy còn sớm mà cửa đã mở rồi. Chàng bèn nghĩ ra một ý cuồng rằng: để mình vào tận nhà ông hiền nầy mà phá ông thử coi thể nào. Chàng đầu đội tràng hoa huờng, vai c oàn áo màu sáng rở, để hai cánh tay trần, cặp mắt liêm dim mà đi vào, ngồi dựa trên bàn ngồi, chung với đám đệ-tử của ông hiền đã tới đông đủ rồi. Cả đám đệ tử thấy chàng kia làm đều vô lễ đều có dạ bất bình, vừa toan ra xua đuổi thì ông hiề Xénocrate khoát tay bảo đừng. Hết thảy đều nín lặng trang. Ông Xénocrate ngưng dạy học, bèn đứng lên diễn thuyết cho học trò nghe cái vấn đề khiêm tốn thật thà, cái lòng người thanh bạch, cái khoái lạc của đạo đức ảnh hưởng cho kẻ thanh niên. Ông hiền triết càng nói thì chàng Philémon nghe càng sanh cảm tình, khiến cho chàng không còn bạo gan, hết vẻ vui cười nữa, mà bộ tịch bây giờ trở ra nhu-mì đề-đạm: chàng đã biết hổ thẹn lần nầy là một; bèn cúi mặt, tay lần lấy cái tràng hoa xuống, lấy áo choàn kín mình lại mà châm chỉ nghe thầy giản dạy. Lần hồi mối cãm càng thâm, chàng phải sa nước mắt. Một buổi học ấy cũng đủ mà sửa nết cho chàng.

Từ ấy ch ng Philémon mới biết ăn năn, nội đám đệ-tử của ông hiền Xénocrate không còn ai châm chỉ hơn chàng nữa, nội thanh Nhả-điền k ông anh dân nào đáng bơn chà g nữa. Ấy chẳng qua là chàng biết ăn năn sửa lỗi mà trau mình mới được vậy.

(1) Xénocrate là đệ-tử của ông thánh hiền Platon, mất hồi năm 314 trước Ch.G.S.

GƯƠNG KIÊN NHẪN

Chuyện anh Lepelletier

Anh Lepelletier là người ở xứ Orléans, tánh hiền-từ, hay làm nhơn bố thí, một mình ra ơn bố thí của cải chưa vừa, nên hay này nỉ khẩn cầu kẻ khác quen biết với mình mà xin bố thí làm phước. Bữa kia anh ta đến nhà người thương gia Aubertot, thấy người đang đứng dựa nơi trước cửa, bèn bước lại gần mà nói: « N y a h Aubertot, anh lẽ nào không cho tôi vật chi đặng làm phước cho kẻ nghèo sao? » — Anh kia nói: « Không, tôi không có chi mà cho anh được. » Anh Lepelletier cứ nói: « Anh biết tôi cầu xin với anh đặng cho ai không? Ấy là đặng cho một người đờn bà ngh èo khó kia đang buổi thai sanh mà lại kh ng có chăn áo cho con!

— Mà tôi giúp không được.

— Lại còn một ông già thiếu ăn đang chết đói nữa.

— Tôi giúp cũng không được.

— Lại còn một người thợ làm công chỉ nhờ tay chưn mới nuôi thân được mà người ấy nay phải rủi mới té gãy chưn rồi, anh không giúp sao?

— Tôi đã nói tôi không giúp được mà.

— Thôi mà anh Aubertot, ẽ nào anh nhẫn tâm; không động lòng thương xót ai hết sao? Anh không làm phước được dịp nầy thì uổng lắm đa.

— Không được đâu không được đâu mà!

— Anh Aubertot ôi, anh nhơn đức lắm mà, đành dạ làm ngơ sao anh?

— Nầy chú Lepelletier, chú có để cho tôi được bình yên hay không?

Aubertot nói dứt lời bèn xây lưng trở vào trong tiệm, thì anh Lepelletier cũng cứ đi theo bên đít hoài, hễ anh kia đi vào nhà sau thì anh Lepelletier cũng theo vào sau, anh kia trở ra trước thì anh nọ cũng theo ra trước, làm cho anh Aubertot nổi xung, day lại xáng anh Lepelletier một bốp tai choát óc. Vậy mà anh Lepelletier chẳng chút giận hờn, lại vui cười mà nói: «Cái đó là để cho tôi phải rồi; còn mấy người nghèo khó của tôi kia, anh cho họ cái gì?»

Anh Aubertot thấy vậy mất cở hổ thẹn lấy mình, nên lật đật lấy lời nhỏ mọn mà xin lỗi cùng anh Lepelletier và lại còn cho thêm nhiều của vật hơn của anh nọ xin nữa.

Ấy cũng nhờ lòng kiên nhẫn của anh kia mới là được thêm của để bố thí, bằng nếu như anh ta không nhịn nhục, bị đánh mà nóng giận thì có lẽ phải về tay không. (1)

---

(1) Tác giả giữ bản quyền những bài «*Gương luân lý*»

Văn-minh kim-thời tấn-bộ

Tôi ở Nam-kỳ ra làm việc tại Trung-kỳ hơn 38 năm. Khi ra đi xứ thôn quê tôi còn đang mộ Khổng Mạnh chi đi thơ, còn thích luân-lý cang thường chi tổ truyền, còn giữ cái thói phép phong tục chi Annam.

Năm nay tôi về, thấy mọi sự ra khác, nghe mọi điều ra lạ: cha kêu, thì con hữ; mẹ biểu, thì con ừ: chú bác dạy thì cháu hứ; vợ kêu chồng là nó là thằng: đầy tớ gọi ông chủ là lão, có lối cũng kêu thằng v. v.

(Tôi nói đây chẳng phải nói về trẻ sáu bảy tuổi, song la trai thanh niên, gái xuân thời.)

Tôi lấy làm lạ, bèn hỏi thăm mấy người trang tác với tôi, thì họ nói: «Đó là văn-minh kim-thời tấn bộ; đời bây giờ trẻ đã mở mang trí hoá, học biết rõ những *liberté, égalité, fraternité*, không còn muốn chịu quật bạ, cung kính như xưa.

Khi hạng chúng ta còn nhỏ ra đàng ra ruộng, gặp ông già bà cả, ta phải tránh xê nhường cái đàng; ta khoanh tay chào, chơn bước xuống ruộng để cái bờ cho ông già bà cả đi; đời bây giờ nếu có đứa nào làm như thế, thì bị chúng chê là mê hủ tục, không biết giữ chữ *liberté*.

Khi xưa kẻ lớn kêu, thì ta dạ, ta xưng con xưng cháu; vợ kêu chồng là anh, còn nói với kẻ khác thì rằng: bạn tôi, nhà tôi v. v.; rày ai có xưng vậy, thì bị chúng cười là dốt, chẳng biết chữ *égalité*, v. v.

Khi xưa ta vào nhà ai, chào hỏi nhau, rồi chủ mời ngồi, ta kiếm nơi hèn hơn mà ngồi; rày có ai giữ như vậy, thì bị chúng nhạo là đồ làm bộ cóm róm giữ thói y-nam không biết nghĩa chữ *fraternité*, hễ tới nhà chào nhan rồ, cứ việc kéo ghế mà ngồi, v. v.

Ông mới về đây chưa thấy đủ mọi đều, vài bữa đây ông sẽ rõ mà chán ngán: nọ mấy câu qua Tây học, cha mẹ tốn hao bạc ngàn bạc vạn, chừng đi về dắc theo một ả phu nhân; vì thấy cha mẹ tay lấm chơn bùn ít muốn chào hỏi; nhà cha mẹ thì chê thấp thỏi, ở nóng nực, sợ cực cho phu nhân phải mướn nhà hàng một tháng bốn năm trăm đồng mà ở; đến tháng chủ nhà hàng cứ cha mẹ mà đòi; cha mẹ có nói chi thì phải ra Toà hầu kiện. Vì vậy cha mẹ phải lo chia gia tài mới yên nghĩa mạng.»

Tôi nghe vậy phát bùng tai, miệng phải than: ôi là văn-minh tấn bộ! Vậy phần tôi thấp bèn, ngữa xin các vì cao-kiến có phương nào cho trẻ đàn em đang xuân hiểu rõ hai chữ văn-minh, kẻo nó tấn bộ lạc đàng mà xiêu đổ nền phong hoá.

Thomas TỜN.

(*Lời thăm nº 86*).

3e ANNÉE — Nº 146 — 19 AOUT 1926

KHOA HỌC TẠP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1° — M. BUI QUANG-CHIÊU *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*
2° — M. LÂM-VĂN-HUÊ, *Commis indigène des Services Civils.*
3° — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics à Cholon.*
4° — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*
5° — M. NGUYỄN KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon*
6° — M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*
7° — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*
8° — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN, *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*
9° — M. TRẦN VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Paris.*
10° — M. TRẦN-QUANG NGHIÊM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*
11° — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*
12° — M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3,00		

MỤC LỤC

Bá nghệ lược giải (nghề làm đồ nguội) 2572
Sơ luận cách tri (thảo mộc luận) (*tiếp theo*)..... 2576
Văn chương nôm (nhị độ mai chú giải) (nº 15)..... 2579
Thay hồn đổi xát (nº 5)..... 2583

Bá nghệ lược giải

Nghề làm đồ nguội (Conserves alimentaires)

(Tiếp theo)

Nghề làm cá, làm mắm

Cách làm cá mòi để dành (Sardines). — Cá mòi (sardines) thường hay đi chung có bầy rất nhiều; ta khó biết được cái đường của nó đi ngoài biển là nơi nào cho rõ được hoài; nhưng mà đường của nó đi lại ít có dời đổi lắm. Cá mòi ở biển nào trên địa cầu nầy cũng đều có hết thảy, nhưng nghề đi đánh cá mòi thịnh nhứt thì duy có ở biển Âu-châu mà thôi. Ở bên Pháp-quốc, thì người ta đi đánh cá mòi gần theo bờ doi biển xứ Bretagne. Mỗi năm lối từ đầu tháng năm (mai) cho đến tháng mười một (novembre) thì có hơn hai ba ngàn chiếc thuyền đi đánh cá lưới cá mòi tại nơi ấy. Mỗi chiếc thuyền đánh cá đi sáu người, chèo thuyền mà lôi cái lưới thả đằng sau thuyền. Người ta rãi trứng cá thu (maquereau) lên mặt nước hai bên lưới, thì cá mòi ham mồi ấy mà kéo lên mặt nước cả bầy nhiều lắm. Khi ấy chủ thuyền tnấy cá lên nhiều bèn rãi thêm mồi nữa, cá ham bèn lội giành, chun ngang lưới thì mắc cái mang vào đấy mà không ra được; người ta bèn kéo lưới lên mà bắt cá.

Sớm mai người ta đánh cá sớm, đến chiều tối đi về, đem cá về mà bán. Bán được bao nhiêu thì chia phần ra cho chủ thuyền, chủ đánh cá và cho bạn bè, tùy theo lời ước định trước.

Cá bán ra đó thì đem lại nơi chỗ muối cá, đựng trong thúng, rắc muối lên trên, vừa rắc vừa xốc nó cho đều. Xong rồi đem sắp nó vào thùng với muối (bên ta họ sắp vô lu, vô hủ làm mắm). Như cá mòi muối để gởi bán đi xa thì phải làm kỷ lưỡng ở trong thùng có trộn muối cho đều. Cá mòi để làm hộp, ướp có dầu thì phải làm sạch, móc ruột ra hết, bỏ cái đầu nó đi. Làm xong rồi đem rửa sạch, sắp lên lưới sắt, hoặc trong thúng mà phơi nắng, hoặc phơi trong lò hơi ấm (étuve) hoặc trong lò sấy; chừng khô rồi đem nấu trong chão to với

dầu sôi; chín rồi đem ra để gát trên lưới trên thúng cho nó ráo. Chừng nó nguội rồi, đem sắp nó vào trong hộp, tưới dầu lên rồi hàn nắp hộp lại cho kín mà đem hấp lửa lại một lần nữa.

Cách làm cá morue để dành.— Cá morue cũng là một thứ cá rất ngon, người ta thường dùng lắm, mà trong công nghệ cũng dùng nó rất nhiều, cho nên lại sanh ra một nghề thương mãi cá morue cũng lớn lắm. Cá morue ở trên biển băng tuyết phương bắc cực mà sanh sãn, mỗi năm lội sang xuống các miền biển bắc phương Âu và phương Mỹ châu. Mỗi năm đến kỳ thi những tàu đánh cá Pháp chạy qua cù lao Terre-neuve và đảo Saint-Pierre et Miquelon mà đánh cá morue. Đánh cá ấy mỗi năm người ta đi hơn 5. 6 trăm chiếc thuyền, lợi có hơn 15, 20 triệu quan. Ngày nay người ta đánh cá lại thường dùng tàu máy tàu bay mà đánh nữa, thì tưởng đánh cá lại còn nhiều còn lợi hơn nữa.

Cá morue bán ra ngoài thương mãi bằng 2 thứ: 1° một thứ làm cá muối, phơi khô rồi đựng trong bao; ấy là cá khô; 2° một thứ cá tươi kêu là cá xanh lục (morue verte) là cá muối mà đựng trong thùng.

Mỗi năm từ ngày 10 đến 30 tháng ba thì những thợ câu thợ đánh cá lui thuyền mà qua bên xứ cá ấy; đường đi từ 10 ngày đến 30 ngày thì tới, tùy theo lúc gió xuôi ngược. Tới nơi họ đánh cá có nhiều cách: tàu có chiếc vào bến mà đậu rồi cho bạn xuống cất chòi mà ở và làm cá luôn thể; chỗ để phơi cá thì dọn lau sạch sẽ cho sẵn; xong rồi mới lo đi đánh cá. Đánh cá đây thì hoặc là câu bằng nhợ to bằng ngón tay có cột chì dằng nặng tới 4 kilos, nơi cục chì có một sợi nhợ to cũng vậy nữa ngoài nhợ có cột lưỡi câu. Mồi thì dùng bằng cá nhỏ kêu là *lançons* và *capelans*. Không dùng câu thì nhiều khi người ta lại dùng một thứ câu khác gọi là *arbalète;* ấy là một thứ câu có ba lưỡi. Mỗi ngày thợ câu xong thì đem cá về cho thợ mần cá ở nhà lo *mần*. Mần cá thì là coi lo móc ruột, chặt một phần mấy cái vi kỷ nó, rồi đem rửa, muối và phơi khô nó. Có kẻ lại không phơi ở đó, họ chỉ muối sơ, phơi tạm ở trên tàu, rồi chờ khi về bên Pháp mới làm lại.

Còn thứ cá morue tươi (cá

morue xanh) thi làm như vầy : chừng cá câu lên khỏi nước rồi, người ta cắt lưỡi, khoét họng nó đi cho chảy máu, rồi bỏ nó vô trong một cái thùng để trên tàu. Chừng câu được bao nhiêu cá rồi, thi người chủ câu kêu một phần thợ lên sân tàu, còn để lại một phần lo câu nữa. Mấy người thợ lên sân tàu đó phải mần cá, lấy trứng và gan để riêng ra. Cá mần xong trao cho người bạn khác coi cạo rửa cho trắng sạch, rồi giao cho thợ muối cá. Thợ muối cá xẽ một đường nơi dưới bơi nó mà xát muối vô, rồi đem sấp khoanh vào thùng mà rắc muối lên nữa. Chừng thùng đầy rồi, để vậy cho nó thấm từ 48 đến 72 giờ, mới đem nó ra mà rửa trong nước mắm, rồi muối khô lại mà sắp vô thùng khác nữa. Chẳng bao lâu muối ấy chảy ra nước, thi phải cho nước muối ấyra ngoài cho nó ráo lại, bằng không thi cá nó vàng xấu; cho nước muối đó ra rồi, nhét núc lại cho chặt mà đem thùng xuống sắp ở dưới lường tàu.

Chừng về tới bên Pháp họ đem cá ấy lên mà xả nước ngọt lại; có mấy người đờn bà cầm bàn chải mà đánh rửa nó; xong rồi thi đem sấp nó lên bàn, có người coi xem lại cho kỷ mà cắt lại mấy chỗ làm không được kỷ.

Sau rốt người ta lựa nó ra từ hạng to nhỏ, rồi mới sắp nó vô thùng mà muối lại nữa. Trước khi muốn gởi nó đi đâu xa mà bán, thi lại phải tháo cho nước muối chảy ra, rồi rắc muối khác lại mà đậy, rồi mới gởi đi.

Cách làm cá harengs để dành. — Cá harengs cũng là một thứ cá mòi ở trên biển bắc mà đi xuống. Mỗi năm lối đầu tháng 10 tới cúi tháng chạp thi người ta xúm đi đánh cá harengs theo bờ biển Pháp; còn qua mùa hạ thi người ta đi đánh dựa theo bờ biển xứ Ecosse, xứ Orcades, ở cù lao Nam, cách xa bải biển hơn ba dặm biển (hải lý). Thuyền đi đánh cá kể hơn 5, 6 trăm chiếc, mỗi năm lợi có hơn mười mấy triệu quan.

Đánh cá nầy cũng như đánh cá mòi sardine, cũng dùng lưới mà lưới cá gần theo bờ biển, trong những lúc ban đêm. Lúc nào biển không êm, thi mới đánh cá lúc ban ngày, nhưng vậy cũng không được nhiều lắm. Xungquanh theo lưới người ta có cột dây, dây ấy cột liền vô những thùng rượu không mà thả trôi trên mặt nước một lược với cái lưới, còn lưới ấy thi cho dính theo trên be thuyền đánh

cá. Mấy cái thùng không nỗi trên mặt nước để chịu cái lưới. Cá ấy vẫn đi có bầy như cá mòi, nên khi chun vào lưới thi mắc trong lưới; thỉnh thoảng người ta cũng kéo lưới lên mà bắt cá. Nhiều khi lưới cá được nhiều lắm thuyền nho nhỏ không thế nào chở cho hết mỗi một lần lưới như vậy.

Cá lưới xong đem vào bờ mà bán thi có người ta mua mà mần liền. Có hai cách mần cá harengs tùy theo minh muốn làm cá mặng hay là cá ướp sấy khô.

Muốn làm cá mặng, thi trước họ mần, rút ruột nó ra hết. Làm cá bỏ vô trong thúng, chừng thúng đầy thi đem trút vô trong một cái máng kêu là *mée* dài chừng 3, 4 thước mà trống đầu; ngay nơi phía dưới đầu trống cái máng người ta có làm một cái hố bằng gạch tráng xi-măn. Cá làm xong đem trút vô máng nơi phía đầu kia, có người cầm cây chỉa như cái cào mà trộn, mà khuậy nó, vừa khuậy vừa đùa lần nó lại đầu trống; còn một người khác lo rắc muối lên trên mặt đống cá. Cá đùa xuống hố, mỗi lát cũng phải rải muối lên trên, đến chừng nó đầy, thi tráng lên trên mặt nó một lớp muối dày mà làm như nắp đậy. Chừng được 10 ngày, thi đem cá ấy ra, bỏ vô hồ mắm (nước mắm nầy đây làm bằng nước muối trộn với máu cá lúc mới làm cá) mà rửa nó. Rửa như vậy xong thi đem ra mà đỗ lên trên máng lại, có mấy chị đờn bà coi lựa mà sắp vô thùng.

Muốn muối cá sấy khô, thi người ta không có làm cá như nói ở trên kia. Lúc người ta đánh cá lên, thi có người coi muối liền nó ở trong cái máng nhỏ để trên sân tàu và để gát lên trên 2 cái thùng. Mấy người bạn dùng bao bằng nĩ, thọc tay vô đó mà chà mà khuậy cá, vừa chà vừa bỏ muối vô. Thợ đánh cá chở cá vào bờ thi bán riêng ra thứ cá muối như vậy và thứ cá đã làm như nói ở trước kia. Cá muối đem về trước khi sấy khô còn phải *rửa* ngâm nước nó lại cho bớt mặng. Phải rửa nó cho nhiều nước, rồi có mấy người đờn bà dùng cây kêu là *hénets* mà xõ xâu nó, đâm ngang nơi chỗ cái mang nó mà xỏ xâu, rồi đem treo lên trên lò bếp, chụm lửa bằng cây *hêtre*. Cách chừng một tuần nó vừa đủ đóng những chất khữ độc, cho sau nó đừng hư thúi, thì người ta đem nó ra mà lựa và sắp vô trong thùng.

(Sau nói về nghề đặt rượu, làm giấm, nghề thắp đèn, làm diêm quẹt, vân vân).

Sơ luận cách trí

Thảo mộc luận (*Tiếp theo*)

Những loài cây không có bông

(Les plantes sans fleurs)

Những loại cây không có bông thì có 3 giống: một giống có rễ, gốc, lá, kêu là *cryptogames vasculaires*, một thứ có gốc có lá mà không có rễ, kêu là *muscinées* và một thứ nữa không rễ, gốc lá chi cả mà lại có một cái thân kêu là *thalle*, nên giống ấy kêu là *thallophytes*.

Cái giống cây kêu là *cryptogames vasculaires* thì nó hút đồ ăn dưới đất nhờ nơi cái rễ của nó, rồi đồ ăn đó thành nước mủ cây theo mấy cái đường nhỏ trong sớ cây mà lên gốc, ra cho đến lá. Trong loại nầy thì có những loài rán (*fougères*), rau chại, rau co, vân vân, cùng là một thứ rong đồng kêu là *prêles*.

Giống cây kêu *muscinées* thì giống của mấy thứ rong đất, rong cây (mousses) v. v. nó dính dưới đất nhờ có lông nó móc xuống, chớ nó không có rễ.

Còn giống *thallophytes*, thiệt là khó phân biệt cái nào rễ, cái nào lá, cái nào gốc cây của nó cả. Trong giống nầy thì có những rong nước rong biển (algues, lichens, varechs) và các loại nấm (champignons).

CÁCH SANH SẢN CỦA LOÀI CÂY KHÔNG CÓ BÔNG

Cách sanh sản của loài rán. — Bộ phận sanh sản của loài rán đều ở vào cái lá của nó. Nơi cái lá rán ở về phía dưới lá 2 bên cộng của nó đều có những hột đen đen nho nhỏ đeo cạnh theo gân lá, kêu là *sporanges* trong ấy đựng những phấn cũng như phấn nhụy bông. Những chùm sporanges hiệp lại làm ra *sores*. Những phấn ở trong cái sporanges thì kêu là *spore*. Chừng nào phấn ấy chính mùi thì cái vỏ sporange nứt ra, phấn ấy bèn bay đi. Bây giờ nếu ta theo xem cho rõ cách sanh sản nó thể nào thì sẽ thấy như vầy: Hột phấn rớt xuống đất ướt, chẳng bao lâu nó ra dài mà thành ra một cái *prothalle* hình như là một cái lá, nơi mặt lá sanh ra những mục u u, cái thì gọi là *anthéridies*, cái lại kêu là *archégones* Trong mấy cái *anthéridies* (mục dương) thì có đựng thứ nước mủ nhớt trong mủ nhớt ấy lại có những chỉ giẹp cuốn tròn khu ốc mà lại có lông con con; những chỉ đó kêu là *anthérozoïdes*, cũng như con tinh-trùng của loài động vật mà sách thuốc gọi là spermotozoïdes vậy.

Còn mấy cái mục *archégones* (mục âm) thì lớn lên sau mục dương mà lại to hơn mục dương; mục âm đó hình như cái túi, trong túi có đựng những hột bầu bầu, trong mỗi bầu ấy đều có trứng kêu là *oosphères*. Chừng mục âm đó sanh đủ rồi thì mục dương (anthéridie) bễ ra, những

chỉ anthérozoïdes bèn lội ra, nhờ có lông nó uốn éo đưa nó lại gần cái mục âm (archégone). Khi ấy mục âm bèn hả cái miệng ra, thì những chỉ giẹp anthér zoïdes bèn chun vào tận đến trong, gặp những trứng thì là cây bèn đậu.

Xem thế cách nó sanh sẵn cũng gần như loài cây có bông. Hột đâu xong thì mọc luôn tại chỗ, trên đầu nó bèn ló lên một cái đọt con, còn ở dưới thì ló ra những rễ con. Khi ấy cái lá prothalle không dùng đến nữa thì lại tiêu héo lần.

Về cách sanh sẵn của loại rong kêu là *prêle*, thì cũng tựa như vậy. Song cái phấn không phải như của loài rán, nghĩa là không phải sanh ra ở nơi lá. Ngoài chót đầu nó có một chùm phấn đựng trong cái bao cứng như vãy. Phấn nó cũng lạ, là vì nó có 2 sợi dây giẹp dính nó nơi giữa. Chừng nó rớt xuống đất ướt thì cách sanh sẵn nó cũng hơi giống như của loài rán.

Cách sanh sẵn của loài rong (mousse). — Rong sanh sẵn ra nhờ những trứng âm dương hiệp nhau mà đậu thành cũng tụa như nhụy bông với cái hột non trong bông vậy. Nhưng ở đây cái vật âm và dương của nó thì cũng như của loại rêu dưới nước, cùng loại rong prêle, nghĩa là dương thì có *anthérozoïdes* âm thì có *oosphères*, nhưng nó tương hiệp nhau một cách khác. Thí dụ như cái loài rong cỏ kêu là *politric*, thì trên ngọn nó có ló ra một cộng dài nhỏ hình như sợi tóc, ngoài đầu có một cái bao, bao ấy có những trứng, thì sánh cũng như cái mục âm *archégones* vậy. Trong chùm rong lại cũng có những cộng có lá lên tới ngọn và ở gần với cộng có mục âm kia; ngoài đầu cộng có lá đó lại có một cái đãy nhỏ dài sánh cũng như cái đãy dương (*anthéridies*) trong ấy có những ngăn vuôn vuôn, mỗi ngăn đều có đựng một sợi chỉ giẹp kêu là *anthérozoïdes*. Lúc nó mùi, thì cái đãy dương ấy (anthéridie) nức ra thì anthérozoïdes rớt ra ngoài nhờ có nước mù sương nó bèn lội như vi trùng mà tìm đến cái đãy âm (archégone). Gặp đãy ấy rồi thì nó lòn theo cái lỗ ống của cái đãy âm ở trên đầu mà vào cho đến tận những hột âm *oosphères* thì là nó đậu trứng. Trứng nó đậu rồi thì ngó thấy có một cái đãi sớ bao nó mà trộng lần thành ra *spores* ở trong cái *sporanges*. Cái sporange nầy hình như cái ly mà trên đầu lại có nắp đậy kêu là *opercule*. Lúc nó già thì nắp ấy nứt ra, những hột trong ấy bèn rớt xuống đất. gặp hơi ướt thì mọc ra một cái lá kêu là *prothalle*, lần lần nó thêm cộng thêm lá, hình như cây rong mẹ nó vậy.

Cách sanh sẵn của loài nấm thallophytes. — Chúng ta đã biết trong loài thallophytes thì có những loài *nấm*, loài *rong lichens*, loài *rêu algues*. Vậy cũng nói sơ qua cách sanh sẵn của nó.

Những loài nấm thì cách nó sanh sẵn như vầy: Thí dụ như một tai nấm mối, hay nấm rơm kia. Ta xé thử ra một tai mà coi, thì ta thấy ở phía dưới cái tai nó có những lá sắp lớp nhau như lá sách. Cái phần sanh sẵn của nó đều ở trong những lá ấy. Nếu dùng kiến hiển vi mà xem thì thấy rõ, nơi mỗi cái lá nhỏ ấy đều có mọc ra ngoài đầu nó 2 cái râu con, nơi đầu râu có một cái hột tròn tròn. Hễ nấm già khô, mấy hột ấy rớt

xuống đất ướt thì mọc lên cây nấm khác.

Rong *lichens* là một thứ rong con nho nhỏ hay đóng trên gạch trên đá làm cho trơn trợt. Rong ấy cũng có thứ bay ở trên trời, nhỏ như loài vi trùng. Trong thân của cây rong lichens nảy mọc ra một thứ đãy kêu là *apothécus* lần lần trồi lên mặt mà ra ngoài, gặp hơi ướt thì nứt mà rớt những phấn *spores* trong ấy ra. Phấn ấy rớt ra ngoài vật chi có hơi ướt thì nó nảy mọc ra hình như sợi chỉ.

Giống rêu *algues* là loài ở nước, có nhiều thứ lắm, có thứ như mũi kim, thứ to như cây cối 4, 5 thước, có thứ lại dài đến ba trăm thước; ấy là những loại rêu ở ngoài biển. Giống nó ở đâu cũng đều có sanh sản ra hết từ miền bắc cực, ở dưới tuyết đặc, từ trên chót núi xuống đến lòng đáy biển đâu cũng đều có nó mọc nhiều cùng ít.

Cách sanh sản của nó có nhiều thế khác nhau, song cũng chẳng qua cái việc âm dương tương hiệp mà thành, vậy nên cũng không kể ra chi nữa cho dài.

(Sau sẽ nói về các thứ cây cối).

T. T.

VĂN CHƯƠNG NÔM

Nhị độ mai chú giãi (*n° 15*)

Xuân-sanh :

Thẫm nỗi vua Đường khéo khéo là !
Hòa Phiên há phải việc đờn-bà ?

Mai-sanh :

Người lên cật ngựa ngồi không vững,
Chi để lòng ai rối mối tơ.

Lên yên nàng cũng gởi tình,
Đọc rồi mới giục hai sanh trở về.

Hạnh-nguyên :

Nam Bắc từ nay chia một bước,
Dằm dề vó ngựa giọt dường sa.

Ngại ngần thay lúc lâm kỳ,
Người về cố quận, kẻ đi sa trường.
Người đông thất, kẻ hai phương,
Hàng châu sùi sụt bước đường chia đôi.
Nàng còn dặn với bấy lời :
Thù riêng chớ để đội trời ở chung.
Sao cho tâm lực hiệp đồng
Mồ gan nghịch tặc thỏa lòng nữ nhi.

☆
☆ ☆

Xót người tú các hương quê,
Mối tình li liệt, đường đi phong trần.
Lạ tai mấy tiếng Man nhân,
Giọt xa rủ rỉ, giọng gần ét eo.
Bên trời phong cảnh điều hiu,
Sương soi cỏ áy. (164) gió reo cây già.
Sắc quân hiệu lịnh càng gia,
Tiếng còi lư diệp, lá cờ ngô công ; (165)
Bước đường ngày một lạ lùng,
Tiểu-thơ ngày một đau lòng biệt ly

Quen tài, tức cảnh vịnh đề,
Trên yên mới vịnh cổ thi một bài:

Thỗi lá ngô đồng trận gió thu,
Nhàm tai tiếng lạ khiến người sầu;
Chớ rằng riêng một lòng ta thãm,
Trăm vạn người theo cũng cúi đầu.

Ngựa giong bấy lối dặm khơi,
Núi đâu đã thấy gần nơi diện tiền?
Thổ binh qui trước thưa lên,
Núi *Hạ-lan* ấy có đền *Tô-quân*. (166)
Bước vào xem tượng truyền thần,
Mặt tròn khuôn nguyệt, môi nhuần vẻ đơn.
Tấc lòng kính kẻ trung thần,
Liền tay vịnh miễu, vịnh sơn đôi bài:

Vịnh miễu

Nước tuyết, cơm chiên, vững thuốc cầm,
Truyền thơ cậy đã nhạn về thăm,
Trong tay cờ tiết (167) nêu trung hiếu,
Giận phải chăn dê mười chín năm.

Vịnh sơn:

Sứ Hồ *vưng mạng dám từ nan?*
Núi Hạ *nào như núi* Trử-san? (*168*)
Đình Lý, (*169*) *tiếc thay không* Phạm-Lải (*170*)
Hồn si thêm ngại cửa Lam-quan.

Lần lần gió tối sương mai,
Đường đi thoát đã tới nơi đại hà.
Hỏi ra mới biết rằng là,
Ấy sông *Hắc-thủy* mộ bà Chiêu-quân.
Nàng bèn truyền gọi thổ quân,
Mang hòm áo, phó gành ngân tức thì.
An xong mới bảo thị tì:
Đã thay Hồ-phục, để chi áo nầy?
Lần theo một khúc sông đầy,
Hoa trôi mặt nước, bướm bay giữa dòng.
Vì đâu y phục bất đồng,
Bỗng đem nữ sắc phó cùng thủy hương.

Trông theo tấc dạ thêm càng,
Tả lòng lại ngụ luật Đường bốn câu :

Hòm áo Trung-nguyên phó giữa dòng,
Kêu xin Hà-Bá *(171) giữ cho cùng,*
Rắp đem mạng bạc theo dòng bích,
Trung-thổ còn gần chữa quyết xong.

Đường trường dặm ngựa ruỗi mau,
Trông lên đã thấy miễu đâu gần gần.
Trên yên dạy hỏi thổ quân,
Thưa rằng : «Miễu ấy Chiêu quân một tòa.
Xuất quan từ thuở *Hán* gia,
Quyết liều đến Hắc-thủy hà đầu châu.
Tiết trinh khôn đổi được đâu,
Vóc thiêng ngược nước trở đầu về nam.
Cõi nầy mến chút danh thơm,
Dựng làm miễu võ sớm hôm phượng thờ.
Một phương bực tối linh từ,
Kể năm, ba bốn trăm thừa đã lâu.
Linh oai đã khắp đâu đâu,
Kẻ xin cứu bịnh, người cầu chiêm bao.
Tiều thơ nghe biết mừng sao,
Trước đền xuống ngựa, bước vào thử coi.

(Còn nữa).

Giãi nghĩa chữ mắc

(164) *Cỏ áy* — cỏ khô, héo.

(165) *Lư diệp* — bằng lá cỏ cọng cỏ — *lá cờ ngô-công* — cờ chưn rít, *ngô-công* là con rít.

(166) *Tô-quân* là Tô-Vỏ, làm quan đời nhà Hán. Nhà Hán sai ông qua xứ Hung-nô (hồi năm 100 trước C.G.S.) mà lập thế giết tên Tàu nịnh qua đầu bên ấy, chẳng may cơ mưu tiết lậu, bị chúng nó bắt cầm tù hơn 19 năm, ở đó mà chăn chiên trừu cho chúng nó. Người ta nói trong lúc ông bị tù bên ấy thì ông vẫn giữ cây gậy của vua Hán ban cho, một lòng trung tín Sau ông tìm thế viết thơ cột vào chưn nhạn mà thả. Nhạn bay về nước Hán, vua Hán bắn được gặp tin mới hay Tô-Vỏ đã 19 năm khổ sỡ bên xứ Hung-nô.

(167) *Cờ tiết*, là cờ-lịnh, cây gậy đã nói trên kia.

(168) Núi *Trử-san* là quê hương của nàng Tây-Tử (Tây-thi) là nàng đã làm cho nghiêng thành đỗ nước Ngô. Ý nói Núi Trử-san không

sánh được như núi Hạ-Lan là nơi có miếu ông Tô-Vỏ, là bực trung-thần.

(169) *Đinh-Lý*, Lý đây là *Lý-Lăng* tướng nhà Hán sai đi đánh giặc Hung-nô, vào tận nước nó cho nên phải bị giặc bắt, rồi hàng luôn; vì thế nên nhà Hán nói người ninh thần sánh không bằng Phạm-Lải.

(170) *Phạm Lải*, làm quan nước Việt hồi đời Chiến quốc nhờ tài hay, mưu lạ, tài trí khôn ngoan mà giúp nước Việt phá nước Ngô; sau thôi làm quan qua ở bên nước Tề, lại làm giàu có lớn. Vua Tề lại rước về cho làm quan. Người chẳng muốn làm quan làm giàu nữa, bèn bố thí của cải mà đi du lịch năm hồ tứ hải, cãi tên lại rồi sau lại cũng làm giàu to nữa. Ấy là người rất có phước lộc to lắm. (Đông châu liệt quốc, quyển 18).

(171) *Hà-Ba* là than ơ dưới sông dưới nước. Tích có ông Phùng-Di coi việc làm công ở dưới nước, sau chết được thành thần giữ nước, kêu là Hà-bá.

Thay hồn đổi xát (n° 5)

(tiếp theo)

Cách trí tiểu thuyết Tây: THANH-TÂN diễn nôm

HỒI THỨ BA (III)

Sữa sau chàng Ram thức dậy nằm
ng ghế dài là nơi người đã nằm ngủ
t giấc mê mang, trong lòng nghĩ ngợi
ay lâu mà chẳng phân được sự chơn
sự giả. Rồi có một cái sợ nhiệm mầu,
t cái sự gớm ghiết nó đeo buộc anh
Đến chừng chàng thấy mặt. Y-huê-
in thì phút động lòng thương mến.
ng không xanh xao như lúc bình
hường, nhưng vài giờ sau thì xem
ng thật gầy ốm. Cặp mắt nàng sâu
huần, xem vẻ rất buồn, gò má có hơi
ốm. Nàng hơi rung rẫy luôn, có lúc
dường thể lập cập như rét. Thấy vậy
n Ram quên cả đều kinh sợ, chẳng
tưởng nàng là khác loại của ta nữa.
lần cái tư tưởng việc phi thường
bợt đi thì anh ta nhớ đến nàng Y-
ê-linh, tưởng cho nàng là một người
nh kia vậy thôi. Nhưng, chẳng biết
bịnh của nàng đây, cách trí bác học
nhà nước không rõ được, mà lời
yền ngôn e chẳng đúng nó có thế
o mà được trị hết cùng chăng? Không
cho vào bịnh gì khác thì người ta
ng có thể cho nó vào bịnh não căn,
bịnh ấy làm ra có nhiều cái tính lạ
người thường không có và người bịnh
khi ăn uống thất thường. Anh Ram
hết sức cách hỏi nàng cho có mực
c, thì nàng cũng trả lời cung kính,
ng vàng, không sai chạy. Đầu bài ra
nàng không nói đều chi mờ mịt
nữa. Nàng cũng cứ nói chắc nàng đã có một kiếp trước và nàng không biết dùng tiếng chi mà tả hình kiếp ấy, cùng là nói cái hình tích kiếp ấy ăn nhập với cái thân nầy.

Vì chàng Ram thấy nàng càng yếu lần và rung rẫy, bèn tính rước thầy thuốc não cân đến xem bịnh thể nào. Chàng có biết một người tên Bệt-xi Cô-li-manh (Percy Coleman). Người nầy rất châm chỉ nghe chàng nói. Khi nghe tả sự tình đêm trước rồi nhứt là nói đến sự tình đêm sau đây thì người định cho là bịnh điên-cuồng.

Nhưng vậy Cô-li-manh cũng xem nàng Y-huê-linh. Thấy nàng xanh mét như ma, người đẹp ý lỏ, nên ra mặt vui vẻ, vì người ưa mấy sự phi thường lắm. Ban đầu nàng chẳng chịu nói đều chi với người hết, sau có chàng Ram năn nỉ, nàng mới chịu phú thác cho mạng trọi, thì nàng cứ nói y những đều nàng đã tỏ ra khi trước.

Quan thầy nghe lấy làm đẹp ý, vỗ tay, trong lòng nghỉ rằng:

— Thật rõ ràng chẳng sai sót một chút nào. Thầy đã đúng rồi. Thôi bây giờ ta hãy xem coi cái máy chốt nó chạy thể nao.

Nghiệm đến máy chốt người càng thêm đẹp ý. Thầy đều chạy đúng luật như thường. Người bèn liếm mép mà nói nhỏ một mình rằng:

«Hảo thật! Bây giờ hãy xem cái

mối kịch nầy coi thể nào.»

Người cực lòng hết sức mới thấy nàng chịu ôm hun chàng Ram. Tuy nàng hun qua rất chóng, chớ cái thí nghiệm nầy cũng đủ làm cho ông thầy ngơ ngẩn mà quả chắc được.

Người nói nhỏ rằng: — Một vọt trên không! Một nhào lặng xuống hang! Thật chẳng thấy một vít tích chi cả, mà máu đã sang qua!... thật rất trái hẳn với các đều ta học biết về phép ăn ngang qua da... Cái sự nầy ắc sẽ rúng cả trường bác học (*littéralement: động cả ao ếch*).

Ban đầu ngài lấy làm lạ, sau nét mặt càng nở vui; ngài bèn ngó nàng Y-huê-linh nửa phần hy vọng nửa phần khoan nhơn. Người bèn nói;

« — Tôi sẽ hết lòng cùng cô, không nệ công chi khó, đặng mà cho cô khỏe mạnh. Hễ cần huyết người, thì sẽ có người cho huyết chẳng kể đâu.» Rồi cười cười mà tiếp:

— Như có vậy chúng tôi hùn tiền mà mướn! Ở đây ta không thếu chi người trai tráng, cùng kẻ phụ nhơn sẵn tâm hết dạ giúp nền bác học cách tri...

Buổi quan thầy đến thăm đây khiến nàng Y-huê-linh bình tịnh. Nàng bằng lòng dụng thuốc của thầy bảo cho, nàng chìu lụy tỏ ý rất nhu mì diệu dẻ. Chàng Ram thấy vậy cũng an lòng. Chàng thuở nay không có học đến nghề thuốc, song hết lòng tin cái sức mầu nhiệm của nghề y khoa, Chàng quên hẳn các ý tưởng việc phi thường kia: cái sợ cũng tan đi mất. Chiều lại có lúc chàng âu ấp với Y-huê-linh rất mặng tình vui dạ, càng tỏ ý hy vọng, càng nặng nghĩa ái tình.

Lần lần thấy vợ rung rẫy tay chưn, khoanh trong ghê dựa, cập mắt ngó ngay phía trước, lơ láo buồn bực vô cùng. Thấy rõ ràng nàng từ lần ương yếu, chàng bèn kêu hỏi:

— Bớ em, sao vậy!

— Tôi mệt lắm anh ơi!

Chàng bèn bước lại gần, lòn cánh tay ôm lấy mình nàng nhe nhẹ. Nàng chẳng nói gì, tóc nàng thì phủ bít cổ chàng. Khi anh ta vừa muốn hun nàng, thì nàng tránh môi đi mà than:

— Thôi không nữa đâu! không nữa đâu anh!

Chàng cứ nài, ôm riết vô lòng, song nàng cự lại; nhưng đến lúc chàng kề môi được vào cập môi son, thì chẳng thấy nàng hun lại... Nhưng vậy nàng vì chống cự nên cũng mệt mỏi. Nàng ráng sức lần sau mà tránh cho khỏi, rồi thì thấy cặp mắt nàng sẽ nhắm lại, nàng thở than một tiếng nhỏ rồi ngã đầu ra sau mà té xuống bất tỉnh nhơn sự... Chàng kia hết sức kêu tỉnh dậy cũng không được. Thấy mạch nàng dường đã tắc rờ ngực chẳng còn hơi nhảy, nơi miệng chẳng còn chút hơi thở ra.

Chàng kinh hải không biết sao, bèn sai rước ông Bẹt-xi Cô-li-manh đến.

*
* *

Đến khuya quan thầy mới tới có dắc theo một người lực lưỡng cao lớn tóc đỏ như lửa, nước da bầm như đùi thịt thành Do (Yord). Ông thầy bác sĩ vào, tay vỗ vai to lớn của người kia mà nói:

— Hão rồi! đó, tôi đem được một người bạn vậm vở cho chú đây, một người hết lòng vì khoa-học đó. Y không tiếc chi một vài tấm máu. Người bạn cười như nửa phần con trẻ nửa phần người cao lớn và nghiên mình chịu

phải. — Còn ông thầy Cô-li-manh nhờ rượu Bọt-tô hồi chiều nên bộ còn vui vẻ, nói tiếp rằng:

— Cô đây phải có bao tử cho to mới là làm mệt cho anh bạn nầy được.

Khi dắc người vào đến nàng Y-huê-linh, vừa thấy nàng thì người đã biết việc trở khó khăn. Tức thì hơi rượu đã bay đi đâu mất hết. Người bèn nghiên mình xuống mà nghe mạch nàng. Lần lần gò má người teo, cặp mắt tinh suốt của người trở ra như người đã mất cả luống trông vậy. Bèn nói thề rằng:

— Hỡi trời! Chắc khoa-học với ta phải mất một cái mồi bay rồi! Bơ lu-banh-cơn hoảng hốt kêu to rằng:

— Nàng không phải chết chăng?

— Không, cô không phải chết đâu, nhưng mà cô mê mang dường đã chết giã .. và phải cực khổ lắm mới may mà cứu cô cho khỏi được.

HỒI THỨ TƯ (IV)

Tuy Ông Bệt-xi Cô-li-manh ráng hết tài mà săn sóc, nhưng bịnh nàng Y-huê-linh cũng không thuyên giảm đã mấy giờ. Đến khi gần sáng, nhờ đã dụng hơi điển-khí cho vào thân, nên thấy mí mắt hơi chớp, giây lâu thấy mạch hơi nhảy.

Quan thầy mừng lấy khăn lau trán, vì người đổ mồ-hôi tợ như người chụm lửa máy tàu, rồi nói:

« — Nàng tỉnh dậy đây.. Nhưng mà biết ta có cầm nàng ở lại dặng chăng?»

Chang Ram đương xem cơn bấp hối trong lòng thêm khổ não xốn xan. Ngoại cái tình yêu (ân ái), tình cảm động, thì chẳng còn biết chi đến đều hy vọng, điều vô sở cậy nữa; quên đến nỗi mấy lúc tình trong kỳ dị từ lúc vợ chồng về ăn ở với nhau. Khi nghe những lời quan thầy, chàng giực mình, chạy a lại gần nàng Y-huê-linh. Quan thầy bảo:

« — Đừng, cô còn yếu lắm, chẳng khác bò câu vừa ra khỏi trứng. Không khéo e cô phải mất... mà chú thì là dở dang quá lắm.»

Ngoài người cao lớn dinh dàng, lại còn thêm hai người ở trong dưỡng đường cũng đến làm theo mỗi lời thầy thuốc bảo, lẹ làng chẳng sai một mãy.

Quan thầy nói: « – Ngừng điển-khí lại! Bây giờ hãy cho thở từng chập.

Người lớn tuổi hơn ở trong dưỡng đường đặt hai ống nhỏ dịu nơi lỗ mủi nàng bịnh, rồi nói vào một cái máy, còn người kia quây máy cho chạy. Quan thầy chỉ sơ cho người ấy quây mau hoặc chậm.

Cách vài phút, thấy nơi ngực mạch nhảy như thường, kế mi mắt mở ra, cặp mắt nàng dường còn tối hơi nháy nhẹ nhẹ.

Quan thầy nói: « Ta đã cứu ra khỏi chốn hang thẳm rồi!»

Người đứng chờ coi cái thân lạ nầy sống lại, trong lòng rất lo lắng. Người tự khen về cái cách dụng của mình và nhứt là cái máy ăn nhịp, người tưởng lại cho là nhờ sự may mắng. Mỗi sự làm đều là sự phó cho cái may rủi. Nàng Y-huê-linh sống lại đây chẳng phải làm cho công lao thêm dễ, thiệt là càng làm thêm bối rối hơn nữa. Ngài không biết liệu tính thế nào. Nàng thì xem còn ương yếu lắm, chẳng phải nhờ nơi Tạo-Hóa không mà được, phải cần có sức tài người mới được. Nhưng mà biết nhờ tài gì đâu bây giờ?

⁂

Lần lần cặp mắt mở sáng, nàng Y-huê linh khởi sự thấy. Nàng ban đầu thấy quan thầy thuốc đứng cuối bên m nh, kế người phụ ở dưỡng-đườ g. Thấy vậy chớ xem ý nàng cũng tưởng đến. Chừng nàng thấy rõ anh Bơ-lu-oanh-cơn, thì thấy môi nàng nhóp nhép nghe nói văng vẳng: — Lang quân ôi!

Ông Cô-li-manh nói lầm thầm nhưng không biết mình nói giống chi... Mi mắt nàng Y-huê-linh lần lần nhắm lại, dưới chơn mày thấy có lằng xem thật đau đớn, kế hơi thở nghe bớt. Quan thầy cứ nói:

— Huyết đâu; phải đem huyết lại đây. Tôi dám cá một ngàn lượng với một tiền, chắc hễ có máu thì nàng sống lại coi. —

Rồi người day qua nói với người vậm vở rằng:

— Nầy Đa-húit, cởi áo ra vén tay áo sơ-mi lên đi!

(*Còn nữa*).

Tin buồn

Mới tiếp được tin ai-phỏ rằng hiền nội-trợ của M. Lâm-văn-Huê, tham-tá tại Bienhoa; qui-danh là Trần-thị-Hạnh mới từ trần hôm bữa 13 Août 1926, tại Saigon. Cô hưởng dương mới đặng có tới tuần 24 tuổi.

Linh-cữu quàng tại đàng Colonel Boudonnet số 132 (Saigon); định ngày 18 Août 1926, đúng bảy giờ ban mai thì đưa cữu về Bình-thạnh (Mytho) đến 12 giờ trưa thì an-táng.

Bổn-chí xin kỉnh lời phân ưu cùng tang-quyến và cầu nguyện cho hương hồn cô được về chốn thảnh-thơi.

K. H. T. C.

3e ANNÉE — Nº 147 — 26 AOUT 1926

KHOA HỌC TẠP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1° — M. BUI QUANG-CHIÊU *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*
2° — M. LÂM-VĂN-HUÊ, *Commis indigène des Services Civils.*
3° — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics à Cholon.*
4° — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*
5° — M. NGUYỄN KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon*
6° — M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*
7° — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*
8° — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN, *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*
9° — M. TRẦN VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Paris.*
10° — M. TRẦN-QUANG NGHIÊM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*
11° — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*
12° — M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3,00		

MỤC LỤC

Bá nghệ lược giải (nghề xay bột làm bột, làm búng, bách)..... 2588
Gương luân lý 2501
Cách-trí tân-văn 2596
Những sự lạ trong công nghệ (đã lớn lại còn có lớn hơn nữa)..... 2594
Thiệt hành bác học (cách làm nước đá) 2608

Bá nghệ lược giải

Nghề xay bột làm bột, làm bún, bách

(Meunerie — Amidonnerie — Pâtes alimentaires)

Những lúa mì cùng các thứ lúa, nếp đều có một chất bổ quí, cho nên người ta đâu đâu cũng đều dùng mà làm vật ăn cần kíp thường bữa. Các thứ hột ấy đều có chất bột *amidon* và những vật thuộc chất đạm như là *gluten*, mà duy có thứ lúa mì là lúa có nhiều chất ấy hơn hết.

Muốn ăn nó thì trước phải làm sao mà lấy nó ra. Vậy phải xay nó làm cho ra mạc nhuyễn gọi là *bột* (farine); mà phải làm sao phân riêng cái bột với cám và trấu của nó ra. Vì thế cho nên phải có cái nghề xay lúa xay bột. Xay lúa hay xay bột cũng đều có đồ xay hoặc bằng tay hoặc bằng máy. Xay bằng tay thì là nghề làm nho nhỏ, hoặc ở nhà dùng, chí như làm ra công nghệ to thì phải có máy xay to tác, công việc làm rất mau mà xay ra lại nhiều bằng cả trăm cả ngàn lần xay tay vậy.

Nghề xay lúa xay bột bên ta còn vụng về, không thấy ai tìm ra được thứ máy móc chi làm cho mau, cứ theo cách thế cũ mà làm. Có lẽ chúng ta ai cũng đều biết cách ấy, nên không cần nói ra đây chi. Nhưng ta cũng nên biết cách xay cùng vật dùng để xay lúa, xay bột theo của người Tây từ xưa nay. Còn như việc xay bằng máy móc thì đã có nhà máy làm, công việc nhiều lắm ta cũng không thể cắt nghĩa ra cho rõ đặng.

Bên Tây nghề xay bột thạnh hành nhứt đều ở thuộc về mấy thành như Corbeil, Gray, Poitiers, Moissac, Montauban. cùng ở các nơi đại hải-khẩu như Marseille, Le Havre, là mấy nơi có tàu buôn chở lúa gạo ở ngoại quốc đem về ở đó rất nhiều.

Bên Tây người ta xay bột thì dùng thứ nhứt là lúa mì (blé). Xay lúa mì cho ra bột thì có 3 công chuyện chánh khác: là gục rửa lúa mì cho sạch, xay lúa mì ra bột và rây bột mà phân cám với bột to nhỏ.

Gục rửa lúa mì là làm cho nó sạch đất cát, bụi bậm, cùng là

rơm cỏ còn sót trong lúa. Cách gục rửa nó đều nhờ có máy riêng khác nhau tùy theo xưởng. Hột lúa đổ lên mặt đồ gục nhám, rồi cho hơi gió chạy luồn vào cho mạnh đặng cho bụi rác bay đi. (Bên ta không có máy đó họ đem ra ngoài gió mà giê lúa. Như thế bụi rác bay đi không hết nên lúa không được sạch).

Lúa mi sạch rồi đem vào cối mà xay. Cối xay của họ làm bằng đá cũng tựa như cối bên ta vậy, cũng 2 cái để trên để dưới trong có đường rảnh làm răng. Lúa đổ lên trên miệng cối phía trên, rồi cối quây mà xay nó dập vỏ chạy ra ngoài, nơi ngang hông giữa cối.

Vả chăng lúa mi cái vỏ nó mỏng láng tựa như vỏ hột bắp, cho nên khỏi phải xay phân trấu trước như ta xay lúa vậy. Lúa mi vào cối đá xay bột ấy chừng xay ra ngoài rồi thì đã thành ra bột nát, lộn với vỏ và cám nó. Vậy muốn phân vỏ, cám cùng là bột ro ra với bột nhỏ thì phải đem vào rây mà rây nó. Rây ấy (bluoirs) người ta làm bằng sường cây thành ra một cái thùng có 6 mặt ngoài có bao vải hàng thưa (gaze). Trong cái thùng rây ấy người ta đổ bột vô, rồi cho dây đôi chạy quây tròn nó, bột chun theo lỗ rây mà rớt ra ngoài, còn bột to ở lại sau phải xay lại nữa.

Nghề làm bột (Amidonnerie-Féculerie).— Bột amidon là một vật lấy ở trong loài bá cốc mà làm ra. Còn bột khoai (fécule) thì lấy ở trong mấy thứ củ, như củ khoai tây, khoai mi, khoai lan, khoai tím, vân vân.

Chất bột ở trong mấy loại ấy có nhiều ít kể như sau nầy:

Khoai tây được từ 16 đến 24 phần trăm -- Bắp 53 đến 70 phần bột;

Lúa mi, từ 56 đến 75 phần bột; gạo từ 70 đến 75 phần bột.

Cách lấy bột thì thường khi trước phải dả gạo cho trắng, nghĩa là cho tróc cái lớp vỏ bao hột gạo kêu là cám, rồi đem xay có nước cho bột nó trôi ra, để cho nó lóng mà lọc, lấy cái bột.

Cách lấy bột trong gạo ra như của ta làm thì coi rất dễ, nhưng bột ấy không phải là bột amidon ròng cho nên nó không được trắng tốt, nó còn lộn nhiều chất khác trong ấy lắm. Bột gạo nhà máy làm ra, lọc kỷ thì nó tốt tinh anh, gọi là bột amidon hồ áo, bột huỳnh-tinh.

Cách lấy bột trong lúa mi.— Bột mi có phần nhiều là chất Amidon, còn bao nhiêu thì chất

khác như albumine, đường, gluten vân vân. Bởi vậy muốn lấy bột Amidon ra phải dùng cách phân mấy vật kia.

Có hai cách lấy bột: một cách để ủ (fermentation) và một cách bằng máy. 1° *Cách ủ.*— Làm bằng cách nầy thì nên dùng những lúa mì hư. Cách ấy có hơi bất tiện vì nó đi mất hết cái chất gluten (là chất bổ nhứt). Phải dùng cái nước cũ của nó kêu là *nước cái* (eau sûre) đã dùng trong mấy bận trước mà ủ lộn với bột, mà ngâm với 4, 5 phần nước. Cách chừng vài giờ nó dậy, những chất gluten bèn thúi bay mùi khí cang-sa, khí thán vân vân, chất đường thì hóa rượu mà hôi mùi rượu, duy có bột amidon không sao cả. Để ngâm như vậy hoài chừng nửa tháng một tháng, tùy theo mùa. Bột amidon lóng dưới đáy, người ta bèn lọc ra mà rây, rồi đem phơi khô. Cách nầy bất tiện quá, vì nó bay mùi hôi thúi lắm.

2° *Cách lấy bột bằng máy.*— Phải dùng bột xay còn tốt đặng mà lấy chất gluten ra cho còn nguyên.

Bột mì (mì ngang) đem vào máy đánh kêu là pétrin mécanique mà trộn nước làm ra về. Bột để trong cái máy tròn tròn, có khúc cây tròn to nghiền đánh nó. Cho nước chảy lên trên, bột amidon bèn trôi theo nước còn cái chất gluten ở lại trong cái máng. Máng ấy kêu là amidonnière. Cái chất gluten đi theo bột thì có một chút đỉnh thôi. Người ta dùng *nước cái* mà làm cho nó hôi (như cách ủ ở trên kia) thì còn lại bột amidon không. Lọc rửa nó xong rồi đem đổ lên mặt một tấm đất phấn (plâtre) cho nó rút hết nước, rồi đem vào máy phơi chạy hơi nóng. Bột khô bèn nứt ra có cục nho nhỏ, như bột hồ áo ta thấy trong hộp vậy.

Còn cái chất gluten người ta lấy mà vò viên để dùng mà ăn. Họ cũng dùng nó để mà làm ra bách (pâte alimentaire). Cái chất ấy hễ để ngoài hơi ẩm thì mau hư thúi, có sâu. Cho nên bột mì ngang để ngoài trống, có hơi ẩm lâu thì mau hư lắm.

Bên Tây có xưởng làm bột amidon rất lớn ở về thành Saint-Denis, thành Toulouse.

(*Còn nữa*).

Gương luân lý (1)

Gương có thứ tự

Chuyện tên Lafitte với cây kim

Hồi thuở ông Lafitte mới đến thành Paris nhằm năm 1788, thì ông chỉ ao ước cho được một chỗ làm việc nho nhỏ trong một nhà ngân hàng mà thôi. Người bèn đến ra mắt ông Perregaux là một ông chủ nhà ngân-hàng rất giàu có. Người ở tỉnh quê mùa, lại nhút nhác nên lúc mới vào ra mắt ông chủ hảng bạc mà dưng đơn xin chỗ làm, thì ông Perregaux nói rằng: «Bây giờ đây không thế nào mà cho nhà ngươi làm việc trong hảng nầy, bỡi chỗ nào cũng có đủ người hết rồi. Để sau như ta có cần dùng người nữa thì sẽ biết: chớ bây giờ đây ta khuyên nhà ng ơi đi kiếm chỗ khác mà àm đỡ, chờ dịp, vì ta liệu chẳng bao lâu đây sẽ có chỗ trống nơi hảng bạc của ta.»

Tên Lafitte thấy mình xin chỗ không được, nên cũng buồn, cúi chào mà trở ra. Đi ngang sân, trong lòng buồn bực, cúi đầu suy nghĩ, xẩy thấy dưới đất có một cây kim người bèn cúi xuống mà lượm, rồi gắn lên trên áo. Người lúc ấy đâu có dè vì một sự nhỏ mọn như thế mà co ảnh hưởng cho tương lai của mình.

Lúc ấy ông Perregaux đứng nơi cửa sổ phòng làm việc của mình mà ngó ra, con mắt có ý xem cái cử chỉ của người thiếu niên kia; ông là người có con mắt tinh đời, quan sát một chuyện nhỏ mọn của người đời mà độ được tánh tình người, ít ai mà biết được như ông. Bỡi vậy khi ông ngó thấy người thiếu niên cúi lượm cây kim, thì ngài đã có bụng vui thầm. Thấy một chút cử chỉ ấy mà ngài hiểu rằng tánh người nầy, có thứ tự và hay cần kiệm lắm.

Chiều lại bữa ấy, tên Lafitte bèn được thơ của ông Perregaux gởi lại nói rằng: « Nhà ngươi có được một chỗ làm trong sở ta rồi, ngày mai ngươi hãy đến mà làm việc. »

Thiệt, ông chủ hảng nầy nghĩ không lầm, bỡi thấy chàng thiếu-niên có đủ tánh tốt làm hảng bạc, lại cũng còn thêm nhiều đức tánh tốt khác nữa. Chẳng bao lâu người thiếu niên được sau làm chỗ thâu giữ bạc, rồi lần lần làm đến chức cai hảng bạc to nhứt tại Paris, và lại là người thân-sĩ, người trí-quốc rất có oai quyền, sau rốt làm đến chức thủ tướng trong tòa nội các.

Có một đều nầy, ông Perregaux không biết được, là cái tay người lượm cây kim ấy là cái tay đại-nhơn đại-độ lắm; hễ việc đáng làm phước thì người làm phước không tiếc chút nào; trong lòng chứa sẵn thiện tâm, bố thí bạc vàng cho những người bần khó tai nạn như là tưới nước.

(1) Tác giả giữ bản quyền những bài *«Gương luân lý»*

GƯƠNG BIẾT LO CẦN KIỆM

Chuyện hai người thợ

Ngày kia có anh thợ dệt hàng tơ lụa ở thành Lyon đến viếng nhà dưỡng-đường Hôtel-Dieu. Người hỏi thăm coi cách nuôi dưỡng người có bịnh thể nào; người bịnh có được ăn đồ ăn ngon hay không, về mấy người coi săn sóc có được tử tế, có ăn nói diệu mềm với người bịnh chăng. vì cái cách ở với người bịnh tử tế hiền lành nhiều khi còn hay hơn thuốc men nữa. Thình lình người nghe có tiếng kêu rên siết; người bèn đi lại gần giường chỗ người rên siết ấy mà nói chuyện giây lâu, mới biết người bịnh ấy cũng là bạn cũ của mình, xưa cũng làm việc một sở mà cách nay đã 20 năm trời rồi.

Người bèn nói lớn lên rằng:« Có lẽ đâu vầy kìa, thiệt bạn cũ của tôi đây sao? Sao xưa kia tôi thấy anh mau mắn siêng năng cần mẫn giỏi lắm mà! Anh em ta cách mặt đã lâu năm, ngày nay tôi lại gặp anh nơi chốn buồn tanh nầy mà ra cớ đỗi sao! Mà tôi thiệt không đành dạ nào để cho anh ở đây đâu. Để tôi đem anh về nhà mà săn sóc lại còn tử tế hơn.» Người bèn chở anh bạn về nhà ruộng của mình ở, và cho người coi dưỡng nuôi săn sóc tử tế. Cách ít ngày người bịnh được lành mạnh. Anh Félix thường tới thăm khuyên lơn chuyện vãn, an ủi chàng cho nông chí lại như xưa.

Ngày kia người đánh bạo hỏi thăm bạn coi vì cớ nào mà phải khổ thân đến thế, rằng:« Từ ngày anh em ta làm việc chung nhau đến nay, anh có việc gì mà không may vậy?»

Tên Antoine nói: « — Tôi chẳng dấu chi anh. Cha tôi vẫn là cựu võ-quân, không giống như phụ-thân anh là người làm ăn thiệt thà tử tế. Cha tôi không cho tôi vào trường tiểu-học trước lại gởi tôi đi học nghề. Nhưng bởi trước tôi chẳng có học lễ học văn, không có giáo dục, cho nên nhiễm mau lắm tật xấu, không ưa làm việc, lại chơi bời quen lớn với kẻ chẳng ra chi, mới sanh ra cờ bạc điếm đàng, du thực du hí. Tôi đã chẳng biết lo cần kiệm, lại còn phải nợ nần. Đến một bữa kia tôi phải bị bắt, bị ở tù Mấy người chủ nợ tôi ngán vì nỗi mắc trả tiền ăn cho tôi lúc cầm ngục, nên phải thả tôi ra, Ra đây tôi mới biết làm nghiệp gì? Chẳng tiền mướn phố, phải bơ vơ ngoài đàng sá mấy đêm ngày, không nơi nương dựa. Phần buồn bực, phần đói khác, phần dầm sương giãi nắng, cho nên mới phải bịnh rét đau dữ tợn, mà vào nhà thương, may sao có hiền-hữu cứu mạng ra đây, thiệt ơn tày non biển. Mà còn hiền-hữu làm sao lại có phước, được nhà cao cửa rộng như vầy? chắc là hiền-hữu có hưởng được gia tài chăng, hay hoặc hiền-hữu được may mắn trong việc buôn bán?

Tên Félix trả lời rằng: « — Tôi không có mấy việc ấy chút nào cả. Tôi cũng dùng mấy cách thường ai ai cũng làm theo được cả, mà anh đây cũng có thể làm được như tôi vậy. Việc kín ấy tôi có thể chỉ ra cho anh nghe: Vả chăng tôi mần việc giỏi, tôi ăn lương được mỗi ngày là bốn quan thì 2 quan đã đủ dùng trong việc ăn mặc, còn 2 quan thì tôi để dành; vả lại ngày thứ hai tôi làm việc, thì mỗi tuần tôi gởi vào nhà gởi-bạc là 12 quan; như vậy

úi năm tôi để dành được 600 quan. ừ ấy đến nay đã nhiều năm rồi, mà ồi cũng cứ để dành, gởi vào nhà gởi ạc 600 quan như vậy luôn. Đến nay ược 20 năm rồi, vừa vốn vừa lời nhập ại thành ra có tới 20 ngàn quan. Tôi ền cưới vợ và mua được cái nhà nhỏ ầy, sanh được 2 con, và vợ chồng ồi cũng ước ao cho được mạnh giỏi m việc lâu ngày nữa mà nuôi lấy gia uyến.

Tên Antoine nghe xong bèn than ằng: « — Hỡi ôi! tôi đã chẳng làm ược như anh lại đi theo cái đường ghịch xa lắc. Tôi đã không biết cần iệm, lại xài phí vui chơi hết của làm ồ mồ hôi hằng ngày. Ngày thứ hai thứ a lại ở không mà đi chơi chừng làm iệc lại có hơi khó mà làm biếng nhác. rà đình, tửu điếm, cờ bạc, hội hè nó ít của tôi hết hai phần ba tiền bạc, ồn lại đến cúi tuần, chỉ thấy cái ăn ăn, tự- hối mà thôi. Vậy mà tật xấu đã quen, lúc ấy khôn phương làm việc ở ăn như thuở trước.

Tên Félix nói: « — Tôi cũng rõ thấy rồi, anh đi nhằm đường lối, vui chơi mà đến nỗi tù rạc, đến vào nhà thương. Nhưng anh cũng chưa mất hết đến hy vọng đâu, vì ngày nay anh còn gặp tôi đây, mà vã chăng nay anh phải tật nguyền không làm việc nữa đặng, thôi thì ở trong nhà đây với tôi, tôi sẽ sẵn lòng nuôi anh cho trọn tuổi già mới thỏa lòng bằng hữu của tôi ».

— Cám ơn anh biết mấy, tôi xin chịu ơn, mà ngàn ngày tạc dạ ghi xương; nhưng cái cảnh khổ đau đớn của tôi nó đã làm cho thân tôi yếu đuối, không, e được sống lâu mà hưởng lấy cai ơn dày, dạ tốt của hiền-hữu. Nhưng cái cản tình của anh em ta đây cũng nên nêu gương cho kẻ thiếu niên khác noi theo mà làm bài học trong lúc bắt đầu lo nghệ nghiệp vậy. »

Những sự lạ trong công nghệ

Đã lớn lại còn có lớn hơn nữa

Ta ở trên đời nầy bây giờ, thấy trong công nghệ có lắm đều nhờ nơi tài trí của con người bày ra thật rất nên cực kỳ cợ xảo, khiến cho ta sanh cảm phục muôn phần. Kìa như đường rầy sắt đi xa muôn dặm để cho xe lửa to nặng lại dài cả trăm thước chạy luôn ngày đêm, một giờ hơn 8, 9 mươi ngàn thước. Kìa là dây thép ngầm dưới đáy biển để nối năm phương thế giải cho liên lạc mà hay những tin tức cho nhau. Đến như sau lại thấy hãng tàu đò biển thái-tây-dương (C^ie^ Transatlantique) vừa đầy chiếc *Provence* cho chạy, chiếc ấy chỉ dài có 191 thước mà thiên hạ đã thất kinh ghê gớm tài người. Vì là từ xưa chưa ai từng thấy tàu đâu to đến thế, sức máy mạnh có 3 muôn mã-lực, chạy một giờ đến 41, 42 ngàn thước!

Nhưng vậy mà người Đức, người Anh lại cũng có tàu to lớn hơn nữa; như chiếc *Deutschland* dài 208 thước, máy mạnh 36 ngàn mã-lực, chiếc *Kaiser Wilhelm II*, dài 215 thước, sức máy đến 4 vạn mã-lực, có khi còn hơn nữa. Tuy hãng tàu của Tây đóng chiếc *Provence* là lớn hơn hết mà thua của người Anh người Đức, chớ cái thua ấy chẳng qua là vì nơi ụ Le Havre không đủ thế mà đóng tàu lớn hơn nữa được. Nhà nước tốn hao lo lắng biết mấy, nhưng nơi hải cảng ấy không chỗ đủ cho tàu to hơn nữa vào mà day trở-đâu được cho tiện. Bởi vậy nếu đóng theo chỗ rộng lớn tại hải khẩu Le Havre, thì phải chịu theo nó mà đóng tàu. Nhưng tuy thế chớ chiếc Provence kia dài 191 thước, mạnh 3 muôn mã-lực cũng ra là một vật to đã đẹp mà lại ít có.

Nếu sánh lại về trước nữa, như kể từ năm 1885 thì chiếc *Provence* cũng được liệt vào hàng bực nhứt. Vã chăng thuở ấy hãng tàu Ăn-lê Cunard chỉ có mấy chiếc tàu to hơn hết là chiếc *Servia*. chiếc *Umbria*, và chiếc *Etruria*; chiếc Servia đóng toàn bằng sắt, dài 160 thước. nhưng máy mạnh chỉ có đến 10 ngàn mã-lực mà thôi. Hai chiếc kia tài hơn, đi qua ngang biển Thái-Tây chỉ có 6 ngày, làm cho thiên hạ đều thất kinh khen ngợi. Hai chiếc ấy cũng dài bằng chiếc Servia, nhưng mà sức mạnh môi chiếc có 14 ngàn 500 mã-lực, sánh với 3 muôn mã-lực của Provence thì còn thua hơn phân nửa. Cũng trong thuở ấy hãng Tàu Compagnie Transantlantique của Tây cũng có đóng rồi hai chiếc *Champagne* và *Bourgogne*, dài mỗi chiếc cũng được gần 160 thước, nhưng mà sức mạnh có 10 ngàn mã-lực mà thôi.

Như thế, thì chiếc Provence sánh với tàu kia nó cũng là danh tiếng trong đời được và dầu không đứng bực nhứt trong ngày cận đây, nó cũng được bực nhứt hồi ngày trước vậy.

Nhưng vậy mà đã lớn như thế, đã danh như thế, chớ sánh lại với chiếc *Lusitania* hay *Mauretania*, thì nó không còn ra gì nữa. Khác nào mặt trăng sánh với mặt trời.

Những vật chi của chiếc tàu ấy

cũng đều khiến cho ta đem dạ kính thầm, nào như dây lòi tói của nó mà ta đã nói lúc trước rồi kia. Lúc chưa ráp máy vào thì đã thấy sức nặng của nó là 16 ngàn 200 tấn rồi (16 triệu 20 muôn kilô). Nặng như thế mà người ta đẩy xuống nước nhẹ như đồ chơi. Thật là tài tình thay. Vậy mà đến lúc ráp máy xong, sắp đặt phòng xong, lúc khởi ra chạy chở thêm hành khách vật dùng, hàng hoá nữa thì nặng có gần 46 triệu kilô nữa. Dẫu cho không chở thang, chở hành khách cùng các vật thì nó cũng là nặng được hơn 38 triệu kilô rồi! Đừng nói đến vật chi khác, chỉ nói cái cây sường sắt đưa lên ngoài sau lái tàu ấy cũng đã nặng có 50 tấn rồi; còn mấy cây chịu hai chơn vịt phía sau của nó cũng nặng đến 30 tấn. Chơn-vịt to mỗi cái đo bề ngang có hơn 5 thước; sánh với cái mình chiếc tàu, thì 5 thước ấy có là bao nhiêu, song phải biết rằng chiếc tàu ấy có tới 4 cái chơn-vịt như vậy: 2 cái ngoài sau chót 2 cái nữa ở cách 21 thước về trước nữa; phần cái bánh lái nặng tới 65 tấn.

Máy tàu ấy không phải dùng máy ống thục (cylindre) như các thứ máy tàu buôn thường qua bên xứ ta đây; máy ấy gọi là máy chạy *turbines*, sức nó mạnh đến gần 70 ngàn mã lực chiếc Provence mạnh có 30 ngàn, thì còn thua biết bao xa). Song phải biết tàu lớn chừng nào. dài chừng nào (chiếc Lusitania dài 240 thước) thì sức máy cũng phải làm to, làm mạnh hơn nữa nó mới chạy mau đến hơn 40 ngàn thước một giờ cho được.

Một chiếc tàu to như thế, nếu đậu day ngang sông Saigon ta nó cũng đủ thành một cái cầu lớn bắt ngang sông rồi. Chiếc Lusitania rộng 27 thước, sâu 18 thước, nếu để nằm dài theo một cái lộ nơi thành Paris như đường Rivoli, thì nó cũng đủ choán bít hết cả lộ, còn cai sân tàu nó cũng đã ở ngang với nóc nhà hàng. Còn nói gì đến mấy cái ống khói nó, nó đã cao hơn nóc nhà hàng tới 20, 25 thước nữa. Ống khói ấy rộng lớn dị thường, nếu để nằm dài xuống đất, nó cũng thành ra một cái ống đủ cho 2 chiếc xe to như xe autobus đưa đi từ Saigon-Phú-nhuận hoặc Cholon đi sấp hàng ngang mà chạy chun qua đó.

Tàu lớn như thế, muốn nấu cho nước sôi đủ sức hơi mà chạy máy mạnh đến 7 muôn mã lực thì phải chụm đến 192 lò lửa, nấu 25 nồi sô-de lớn.

Ghê gớm thay: tài tình thay cho trí bày biến, cho tài lực của mấy nhà Kỹ-sĩ bác-vật Âu-Mỹ. Rồi nghĩ lại đến người nước ta mà tủi thầm, mà chán ngán, tưởng cho ta không khác nào như không có ở trong chốn thế gian nầy;

Buồn thay!

THANH-TÂN.

Cách-trí tân-văn

Dầu châu-chấu

Châu-chấu là một loài đại tai hại cho nghề nông phố ở nhiều nơi. Như châu Phi, châu Mỹ thường phải hại lúa thóc hoa mầu cũng vì giống cào-cào châu-chấu kia. Mà hễ đâu có châu-chấu tác hại, người ta cũng vận động trừ khử nó đi, nhất là ở nước Á-căn-đình (Argentine) các nông gia vận động riết để trừ loài châu-chấu.

Muốn biết loài châu chấu làm hại đến mực nào, chỉ xem ngay một con châu-chấu cái trong vòng 220 ngày đẻ được biết bao nhiêu là trứng, trứng đẻ rồi từ 25 đến 35 ngày thì nở. Giống châu-chấu ấp trứng ở mặt đất, mà trước khi nở ra thành châu-chấu, nó nở ra thành những cái xác bò lan man trên đất, bò đi đến đâu gặp gì ăn được, là nó cắn nuốt cho hết. Xét ra một con châu-chấu trong một đời của nó có thể đẻ ra được 25 vạn con khác.

Muốn trừ loài châu-chấu thì lúc nó mới nở ra, còn bò ở mặt đất nên liệu cách trừ đi mới dễ. Có nơi người ta đào lỗ. cho châu-chấu sa xuống rồi vùi lấp đi. Một cách tiện hơn là chỗ nào lắm châu-chấu đẻ ra, nên đặt những tấm ván xoi từng khấc một chặn chỗ châu-chấu bò : nó bò đến tấm ván sẽ dừng lại, thì lấy nước sôi giội là chết hết.

Tuy giống châu-chấu vốn là một loài làm hại nhưng ta có thể lợi dụng làm ích cho mình được. Ví dụ bao giờ nhiều châu chấu họp đến chỗ nào toan làm hại hoa mầu, ta có thể giết làm phân bón ruộng hay là làm của nuôi gà vịt chim chóc được.

Năm 1893, có một bầy rất nhiều châu-chấu hay đến phá tàn hại hết cả rau cỏ lúa má ở hạt Oran xứ Algérie, rồi đẻ ra ngay ở đấy không biết cơ man nào là trứng nữa. Đó là một cái nạn lớn sắp lại xảy ra trong xứ lúc những trứng ấy nở ra. Chính phủ muốn cứu nạn cho nhân dân nên ra lệnh hễ người nào lấy được một đấu trứng châu-chấu là có thưởng. Trong dịp ấy mỗi ngày ở xứ Algérie lấy được kể mấy tấn trứng châu-chấu.

Ông Raphaël Dubois nói rằng: từ đã lâu ông vốn để trí khôn lợi dụng giống châu-chấu mà lấy dầu. Đến sau ông được ủy đi tìm phương pháp nào mà phòng cái nạn châu-chấu, thì ông đã phát ra được một ý kiến hay, là lợi dụng loài châu-chấu một cách có ích hơn là phá hoại nó đi mà chẳng biết sinh ra ích lợi gì. Sau thí nghiệm mãi thì ông đã đạt tới cái mục đích của ông là mỗi kilô trứng châu-chấu lấy được từ 50 đến 60 grammes dầu.

Dầu trứng châu-chấu sắc vàng đẹp mùi chua, hễ pha một chút dầu cá thu vào, là chóng hôi ra ngay. Dầu trứng châu-chấu gặp khí trời trung bình vừa phải, thì nó lỏng khí trời lên từ 20 độ trên độ zéro hàn thử biểu, thì dần trứng châu-chấu đông đặc lại trông như (beurre). Dầu châu-chấu dễ đốt cháy và ngọn lửa sáng xanh như lửa dầu còn lại không có khói.

Ở một viện Khoa-học hàn lâm; ngày 12 juin 1893, ông Raphaël Dubois

nghiên cứu về dầu trứng châu-chấu, thấy có chứa nhiều chất lân tinh. Vì thế mà làm cho ngọn lửa cháy hoá ra xanh. Dầu trứng châu-chấu lấy rất giản dị nhưng không lợi dụng trong việc kỹ nghệ được vì cái nguyên chất làm ra dầu tìm được thất thường lắm. Nhưng có thế mới khỏi hại đến rau cỏ lúa má. Lại nữa dầu trứng châu-chấu không dùng ma ăn được, cũng không đốt cháy cho nóng mạnh được, một là nó chua như đã nói trên, hai là nó không đủ sức đốt về việc kỹ nghệ, nhưng có thể dùng nó trong việc thuốc men được, vì dầu trứng châu-chấu chứa chất khinh lân dưỡng (acide phosphorique)

Đừng kể dầu trứng châu-chấu, lại lợi dụng chính châu-chấu mà lấy dầu nữa. Năm 1887, một người Mỹ-châu đã thử lấy dầu châu chấu thì đã phát minh được rằng dầu châu-chấu phản đối với dầu lấy ở trứng nó, nghĩa là dầu khí trời xuống thấp bên dưới độ zéro nhiều, nó cũng không đông lại. Lại dầu châu-chấu là một thứ dầu rất tốt dùng về máy bay. Mới đây nhiều nơi đã gởi đến nước Hoà-lan những 18 tấn con châu-chấu, cốt là để lấy dầu cho đủ việc thí nghiệm.

Nếu công cuộc mà được thập phần hoàn hảo, thì đó là một cách trừ nạn châu-chấu hữu ích nhất, nghĩa là bỡi một thứ tai hại lớn cho nghề nông phố mà lại nhờ đó làm ra được một thứ chất rất cần thiết trong nghề tàu bay vậy.

T. H. N. B. *du 24-7-26*

Thay hồn đổi xát (n° 6)

(tiếp theo)

Cách trí tiểu thuyết Tây: THANH-TÂN diễn nôm

HỒI THỨ TƯ (*Tiếp theo*)

Người kia nghe lời làm theo có phép, vậy mà Bẹt-xi người cũng còn nghi ngại. Có phải chít máu vào mình chăng? Hay là phải cho nàng hút tận nơi nguồn máu?... Theo ý người, chít vào thời phải hơn; nhưng mà cái sự nầy nó khác thường, nên ngài phải dẹp cái nguyên-lý thường đi mà theo cái phép phải làm như đã vừa thí nghiệm. Vả lại, nàng Y-huê-linh thuở nay chẳng có hút máu theo cách ngoại... Nên khi ngài lấy kim chít mà cầm rồi lại để lại chỗ cũ, xem kỷ cánh tay chàng Đa-huít và đặt cái môi nàng Y-huê-linh, nơi chỗ ngài lựa tốt hơn hết.

Cái linh-nghiệm thấy trong nháy mắt. Tức thì mí mắt mở ra, tròng mắt tươi sáng. kế nghe hơi thở càng mau càng mạnh. Trong một phút đã thấy sức mạnh, sự sống vào cơ quan dường sống bổ.

*
* *

Lúc ấy chàng Bơ-lu-aonh-cơn lần lại đứng bên cạnh giường. ban đầu xem vẽ mặt chàng rất nên vui vẻ, mà càng thấy nàng Y-huê-linh tỉnh lại chừng nào, lại càng thấy có một cái cãm tình riêng nẩy ra khiến cho anh ta tay chưn run rẩy: vì trong ý nghĩ rằng vợ mình sống lại đây chỉ nhờ huyết máu của người ngoài, nên càng nghĩ càng bức rức khó chịu trong lòng. Bèn cúi xuống mà xem thì cập mắt ghen của chàng đã gặp mắt nàng Y-huê-linh...

Nàng thấy vậy thở ra một hợi dài, rồi xô cánh tay người cao lớn mà day mặt vào vách, thì chàng Ram nghe nàng nói nho nhỏ như bữa hôm qua rằng: «Thôi! không đâu! không nữa đâu!»

Quan thầy Bẹt xi Cô-li-manh mắc châm chỉ xem chừng nàng day động nên chẳng rõ cái tâm lý người trong cái bi kịch nầy. Người tưởng cho là một lúc mê mang nhẹ mà mở vậy thôi, hay là một cơn bịnh dời đổi nặng nhẹ mà thôi. Người bèn nói: «— Một lát ta sẽ làm nữa!»

Thì nghe tiếng tức tửi, thấy nàng vung vai rồi day lại một cái, hai tay đưa vói chàng Ram, mà nói hơi nghe hấp hối rằng:

— Xin chàng thứ lỗi vì tôi chẳng biết tôi đã làm việc chi!

Quan thầy Cô-li manh nóng nẫy, bèn ra dấu cho phép chàng bước lại gần. Nàng Y-huê-linh bèn ôm cung chàng mà thỏ thẻ những lời khi êm ái, khi nhiệm mầu. Sau rồi nàng dựa ngã ra sau mà thầm thĩ:

— Lẽ gì tôi có phước mà được vui sướng... Vì đâu mà chẳng đặng, lại nên nỗi nầy?... Tôi không biết làm sao đặng... Phải trở về ngoại cảnh-Ôi! lang-quân ôi! khổ lắm! khổ lắm! ghê gớm lắm!..

Tiếng nàng nói nghe lần lần càng

bớt rõ. Sau hết nghe tiếng gió rằng:

— Xin kiếu biệt từ giả chàng!

Quan thầy tức giận nói rằng:

— Đó, nàng trở lại hang sâu rồi còn gì! Thiệt uổng công năm giờ lao khổ!

Chàng Ram đến qui nơi trước giường như đứa có tội, như người thất vọng vậy.

Quan thầy la gắt lên rằng: «— Tránh chỗ coi na! Phải lo liệu làm sao, chớ không phải để khóc mà chịu sao?..

Khi xem kỷ lại, ngài càng thêm nổi nóng. Bây giờ nàng Y-huê-linh cũng trở lại y như cũ, trước buổi khuya nầy.

Ban đầu thấy bịnh tình chẳng đổi, lần lần xem cơ việc càng mau đổi tới. Cái sự sống của nàng lần lần bớt đi. Cách trong mười phút, không còn thấy chút hơi chi là còn sống nữa. Quan thầy mới cắn nhắn: «— Bận nầy không còn kể gì may rủi nữa, chỉ còn cầu phép lạ thôi... Mà phép lạ biết làm sao nó, hỡi anh Đa-huít?»

Rồi người đứng chờ đó một chút nữa, xem lại kỹ lưỡng, rồi thò tay vô trong bị mà lấy ra một cái ống rất nhỏ, đầy một thứ nước chi trong trẻo mà có bịt một đầu bằng miếng da thun mỏng; người lấy kim chít lủn miếng da mỏng ấy, rồi nói hầm hừ rằng:

— Cái nầy là bì chốt hết đa!

Người bèn dút cái ống thuốc ấy vô lỗ mủi nàng kia mà chờ một lát. Lần lần thấy cài nước trong ống hoá ra mau đục đục.

Ông thầy buồn mà nói: «— Thôi! đã xong đời rồi! Nàng bây giờ về cõi khác rồi... Mà thật rất tiếc thay!

Chàng Ram thấy thế bèn nhào khóc tức tưởi! Rồi lấy tay khoát xô đại ông Cô-li-manh đi mà cúi xuống nhìn nàng Y-huê-linh xem bộ đau đớn sầu bi lắm.

Thình lình chàng vùng rung rẩy, cập mắt mở hoát ra, la lên tiếng nghe rất lạ lùng rằng:

— Coi đây... coi đây... *Từ hồi vợ tôi chết rồi, sao cái nước da nó bớt mét nhiều quá.*

(Còn nữa).

Thiệt hành bác học

Cách làm nước đá (Fabrication de la glace)

Về bác học người ta tìm thấy cái tánh chất của vật lỏng khi nó lên hơi mau quá thì nó lạnh lại. Vì thế người ta dụng cái ý đó mà dùng cái hơi hoàng khí lỏng kêu là *anhydride sulfureux liquide*; cái hơi ấy phải lạnh xuống đến 156 bực khỏi bực 0 nó mới lỏng, ép cho 8 không-khí-lực (atmosphères) nó mới đến gần lỏng. Bởi vậy người ta ép nó mà làm hoàng-khí lỏng, để dành mà lấy hơi lạnh của nó đặng dùng làm nước đá. Cái hoàng-khí lỏng ấy là một vật mau lên hơi hết sức, bởi vậy hễ nó lên hơi quá thì nó lạnh xuống tới khỏi bực lạnh của nước đặc thường xa lắm.

Cách làm nước đá. — Thường làm nước đá người ta dùng cái cách của ông Pictet bày, nghĩa là dùng cái lạnh của hoàng khí lên hơi mà sanh ra.

Người ta dùng cái thùng thật to mà bít (A), có làm mấy chỗ hủn sâu vuôn vức mà dài xuống (như hình vẻ cắt nghĩa sơ đây) C. D. E... còn trong thùng thì đựng nguyên những nước hoàng khi (anhydride sulfureux liquide) thật đầy. Cái thùng đó có ống chạy ăn liền với một cái ống bôm hơi chạy bằng máy (thường khi chạy bằng máy điện) rồi ống bôm đó lại ăn liền qua một cái thùng khác y như thùng hồi nãy (A mà trống không có đựng hoàng-khí. Bây giờ người ta đem nước lóng trong mà đổ vô mấy cái chỗ hủn C. D. E... cho gần đầy, rồi cho cái ống bôm máy chạy. Ống bôm chạy bèn rút hơi khí hoàng trong thùng A chạy ra, cái hoàng-khí ấy lên hơi mà vào ống bôm thì nước hoàng-khí phải rút lấy cái nhiệt của nước trong mấy chỗ hủn kia mới lên hơi được. Còn hơi hoàng-khí chun theo ống bôm thì chạy thẳng qua thùng trống kia mà đọng lại trong ấy. Chừng nào bôm hơi hoàng-khí trong thùng A đi hết rồi thì nó rút gần hết cái nhiệt của nước cho đến xuống khỏi bực 0° mấy chục lần, làm cho nước ở trong mấy chỗ hủn C, D, E... phải đặc lại như cục đá. Chừng ấy người ta lấy mấy cục nước đá ấy lên mà đổ nước khác vào nữa.

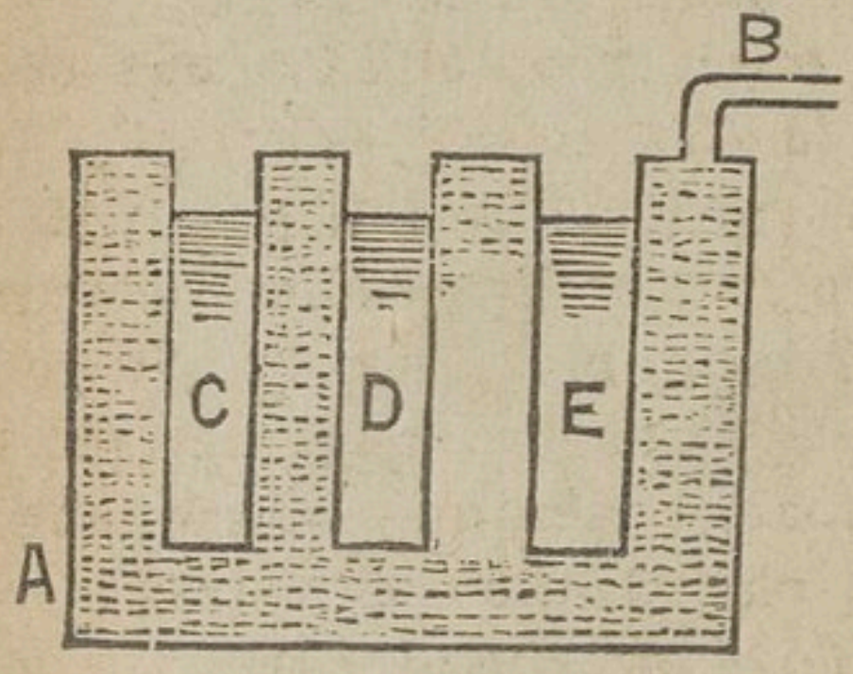

Máy làm nước đá

Bây giờ nước hoàng-khí bên thùng A đã qua hết bên thùng trống kia hồi nãy, thì cái thùng A lại trống trơn như thùng kia khi trước. Nơi mấy chỗ hủn thùng kia đã có đựng nước xong người ta bèn cho ống bôm chạy, mà bôm hơi hoàng-khí cho nó qua bên thùng A lại. Chừng nó qua bên thùng A hết rồi thì nước đựng trong mấy chỗ hủn bên thùng kia đã đặc thành nước đá hết rồi. Cứ như vậy mà làm đi làm

lại hoài thì người ta có nước đá luôn luôn.

Cái nước hoàng-khí đựng trong thùng để vậy làm hoài chẳng đổi.

Cách thiệt dụng cái tính chất lạnh. — Người ta dùng cái chất lạnh của nước đá để mà làm ra cà-rem (crème) hay là bôm gơ-la-xê (bombe glacée) bằng nước đường để trong thùng thiệt tròn, ngoài bao nước đá với muối hột mà quây. Người ta cũng dùng nước đá để mà chứa để dành đồ ăn cho lâu khỏi ương thúi như là thịt, cá, trái cây, vân vân.

Có thứ xe nước đá để chở đồ ăn lạnh kêu là *voitures frigorifiques;* có thứ tàu chở nước đá để chở thịt cá trái cây mà đi từ xứ nầy qua xứ kia, kêu là *navires frigori fiques;* còn mấy nhà hàng thịt làm thịt heo thịt bò rất nhiều, để dành lâu, thì lại để riêng nó trong một cái phòng lạnh kêu là *chambre frigorifique.*

Người ta lại dùng cái chất lạnh để mà làm rượu la-ve (bière) theo như ý kiến của ông bác-sĩ *Pasteur* bày ra.

(*Sau nói về cách chụp hình*).

ĐÔNG-PHÁP THỜI-SỰ

Cậu nào chơi ngang quá!

M. Nguyên-van-thê, làm thợ máy, nhà ở tại đàng Lagrand ère số 325, bề thế cũng chẳng lấy chi làm khá lắm, vừa dễ thở vậy thôi, cứ hễ tay làm thì hàm nhai đủ tháng ngày đắp đổi. Thế mà mới rồi đây chẳng rõ có một bợm nào chơi ngang ngược quá, dám thừa lúc chủ nhà vắng mặt hay là mắc say giấc mộng huỳnh lương, bèn lỏn vào ôm cái rương ra đi mất.

Trong cái rương ấy tuy chẳng có bạc trăm bạc ngàn chi, song cũng có đựng đồ-đạc chút ít và áo quần cũ thấy giá đáng 39 đồng bạc; lại còn có cái giấy thuế-thân đóng năm 1926 nữa. Bao nhiêu đó chớ cũng đủ hại. Kiếm tiền mà sắm lại cho đủ cũng là ugất ngưởng ngất-ngơ chớ phải chơi sao?

Thật cậu nào đây chơi ngang quá lẻ!

* * *

Con chó của ai?

Madame veuve C....., nhà ở tại đàng Richaud, số 254, chẳng rỏ con chó của ai mà bỗng không vùng chạy vào nhà của bà mà ở hai ba bữa rày. Bà có ý đuổi nó mà nó không chịu đi; dẫu có sợ mà chạy ra song chừng một chập cũng trở lộn vào. Vì vậy nên bà chẳng biết làm sao, phải đến cớ bot, coi chó của a mà lạ vậy.

Con chó ấy giống «Setter» sắc đen như mực, mấy cái cẳng của nó thì lông lá xồm xàm.

Chó vô nhà, bà không biết rõ nên bà puiền, chớ theo như thế thường thì người ta mừng lắm đa. Vì họ nói «chó tới nhà thì sang, mèo tới nhà thì hoang» nếu vậy thì rõ ràng cái triệu chứng nhà bà sẽ sang trong lắm đó. Phải không?

*

Mất con

Tong-thị-Qua, nhà ở trong Choquan, có một đứa con gái tên là Dương-thị-Thong 9 tuổi, bôm ngày 18 Août vừa rồi đây, chẳng biết nó nghe lời bạn bè gì rủ đi chơi, hay là có ai dụ dỗ nó, thấy nó ngô nghĩnh rồi muốn bắt về nuôi, nên từ hôm đó đến nay nó đi mất biệt, không thấy tăm thấy dạng gì cả. Tội nghiệp, làm hại má nó ở nhà trông đứng trông ngồi, ra vào lắt đầu chắt lưỡi, không rỏ con nhỏ dại như vậy mà lại đi đâu. Vậy ai có thấy con nhỏ ấy chốn nào xin chỉ giùm làm ngãi.

*
**

SADEC

Lâu ngày gặp bạn

Mới vừa thấy cái đề lâu ngày gặp bạn nơi trên đây chắc sao khán quan cũng nói rằng ký-giả đây muốn nói chuyện đời xưa hay sao đó. Không đâu! xin qui vị ráng đọc hết bài rồi có lẽ hết hồn mà chớ.

Số là ngày 16 Août 1926 lúc 11 giờ trưa thình lình có tin cho ông cò hay rằng 2 xe đụng lộn, mà vừa nghe tiếng xe thì chưa rỏ xe gì; chừng hỏi ra mới rõ là xe hơi, mới hại cho chớ. Liền ông cò liền vội-vả đi liền, còn ký-giả đây cũng cứ phận sự, nên đến coi cho rõ, chớ không phải như ai kia mà ngồi nhà nghe lóng rồi viết bướn nói liều nên khi ký-giả xuống đến tận nơi coi lại là tại cầu ông Bụng thuộc về làng Tân-xuân, là nơi hai cái gặp nhau rất dữ.

Số là tên mười Phòng cầm bánh xe-hơi số 4899 (nhỏ) ở Vinhlong chạy lên (Sadec); còn đàng nầy xe của Tinh-Duy số 5246 (lớn) ở Sadec chạy xuống Saigon, vừa chạy tới cầu ông Bụng nói trên kia, ngó thấy xe nhỏ hạy tới cầu liền tốp máy, mà tốp sao kịp vì chạy quá tên bay; còn đằng xe nhỏ thấy xe lớn thì ngừng liền, ngừng đặng chịu đa, nên khi xe lớn của tên Trịnh-Duy chạy trờ tới trước lên trên đầu cái nhỏ một cái rầm, ôi thôi còn gì mà kể, vì xe lớn đã nặng mà lại trớn chạy mau lại thêm hành khách ngồi đông, nên mặt-máy đèn đuốc gì đều tan nát, trừ ra có một chỗ tên Phòng ngồi hãy còn nguyên, song có một người hành khách bị trớn xe đụng mạnh quá nên nhào tới đàng trước rồi rớt xuống đất trặt chưn đi không đặng, và trầy mặt, nên phải chở đi nhà thương. Còn cái xe của tên Phòng còn bị kẹt, nên hê-hụi đam ra, coi lại rớt nên ghê gớm, là không phải cái đầu xe-hơi, mà như bề muôi. Tiết vì không có máy chụp hình, phải chi có mà chụp lấy hình, đam vào đây thấy mới ghê cho chớ.

Công việc nầy ông cò còn làm ăn-kết chưa xong, để coi ra sao tôi sẽ tiếp. Đó là lâu ngày gặp, mà gặp thì nhứt sanh nhứt tử, là cái xe của tên Duy không hư còn xe tên Phòng chạy không đặng.

3e ANNÉE — Nº 148 — 2 SEPTEMBRE 1926

KHOA HỌC TẬP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1° — M. BUI QUANG-CHIÊU *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*
2° — M. LÂM-VĂN-HUÊ, *Commis indigène des Services Civils.*
3° — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics à Cholon.*
4° — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*
5° — M. NGUYỄN KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon*
6° — M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*
7° — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*
8° — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN, *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*
9° — M. TRẦN VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Paris.*
10° — M. TRẦN-QUANG NGHIÊM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*
11° — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*
12° — M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3.00		

MỤC LỤC

Bá nghệ lược giải (nghề làm bột.... 2604
Sơ luận cách trí (thảo mộc luận).... 2606
Tạo hóa kỳ quan (nº 4) (cuộc nước : nước lớn nước ròng..... 2609
Những sự lạ trong công nghệ (ống khói nhà máy)..... 2611
Văn chương nôm (nhị độ chú giãi (nº 16) (tiếp theo)..... 2613
Thay hòn đổi xát (nº 7) tiếp theo.... 2617

Bá nghệ lược giải

Nghề làm bột *(tiếp theo)*

Cách lấy bột khoai (Extraction de la fécule de pomme de terre).— Thuở trước người ta lấy bột ở trong loài mề cốc ra, chớ từ năm 1710 đến sau người ta lại lấy bột fécule ở tron khoai ra. Người ta dùng cách nầy mà lấy: Để khoai củ vô trong một cái ống máy rửa mà rửa. Trong cái ống đó có làm ngăn bằng ván cây sắp xéo qua xéo lại, trong một cái khuôn sắt; sức nó quây mau một phút chừng 25 đến 30 vòng. Cả ống máy đều để ngâm phân nửa trong nước đựng ở trong một cái máng to. Ở trong cái ống lại có một cái khu ốc to chạy quây ở giữa ngược lại với cái bề quây của cái ống, làm cho củ khoai đụng cạ với mấy tấm ván cây. Nhờ nó cạ như vậy nên củ khoai rửa sạch, còn cái khu ốc thi đưa nó ra lần ngoài cái máy kêu là *épierreur*; ra tới đó nhờ có mấy cái chỉa lượm nó, mà quăng nó lên một cái mặt nghiêng nữa. Những đá sạn nhỏ lộn trong khoai ra tới máy đó thì lọt theo kẽ răng cái chỉa, còn những đá sạn to thì sau phải lựa ra mà bỏ. Khoai rửa sạch thì cái chỉa quăng nó lên trên cái ống nạo kêu là *cylindre dévorateur*, là ống tròn có răng đưa lên chơm chởm như răng cưa. Ống nạo đó cứ việc quây thì răng nó nạo củ khoai. Xác khoai nạo rớt xuống rây để trong máng có nước; từ lòng rây xuống tới đáy máng cách khoản chừng một tấc rưỡi. Có máy chạy cái rây ấy lúc lắt và lại có nước chảy trên rây và có cái bàn chải máy cạ lên trên rây làm cho xác khoai phân ra với bột khoai. Xác ấy đem đổ lên đồ đựng nó rồi cho vào rây khác mà rây nữa cho đến khi nó ra hết bột còn lại xác khoai không mà thôi, Còn bột khoai lọt dưới cái rây trước thì cho chảy qua cái rây thứ nhì, thứ ba, thứ tư có lỗ nhỏ rí lần lần, đặng những xác hay là hột bột to nào lọt khỏi cái rây trước thì qua rây sau nó cản ở lại; đến cái rây chót thì chỉ còn bột nhuyễn mà thôi. Nước bột ra khỏi rây thì chảy lên trên cái mặt ván lót nghiêng nghiêng, cái

lưới tiếp cái trên. Bột nặng đóng ên mặt thì ngó thấy màu trên mặt nó hơi xám xám. Bột ấy lấy ra mà bỏ vô trong thùng to có đựng nước đầy mà rửa nữa cho nó đi hết vật bùn của nó còn lại đi. Rửa đi rửa lại như vậy ít lần thì đem nó mà đổ lên ván đất phấn (plâtre) cho nó rút mau khô. Bột đó còn hơi ướt chừng 3, 4 chục phần trăm nước. Vậy phải đem phơi nó lại, trước phơi gió, sau phơi trong lò hơi ấm, thì nó thành ra bột khoai trắng sáng, cầm trên tay bóp nó bể nát ra.

Nghề làm bún làm bách

(Industrie des pâtes alimentaires)

Bách (pâtes alimentaires) là những vật làm bằng bột để dành mà nấu đồ ăn. Nghề làm bách bây giờ thành ra một nghề cũng thịnh hành lắm; người ta làm ra những là bún, là macaroni. Bên Tây có nhiều thành làm nghề ấy rất có danh tiếng nhứt là ở Clermont Ferrant; còn mấy nơi có danh nữa là thành Paris, Marseille, Lyon, Nancy, Poitiers, là mấy xứ làm bách nhiều lắm.

Mấy vật dùng để mà làm bách thì là lúa mì tốt và cứng chắc ở tỉnh Auvergne; lúa mì cứng ở xứ Algérie, trước nhờ có ông Brunet đem về bày; và các thứ bột mì đem về thành Paris mà luyện lại, và thêm chất gluten đã lấy trong khi làm bột huinh-tinh (amidon) ra cho nó bổ dưỡng.

Làm bột báng (semoule).— Bột nầy chẳng qua là thứ bột mì xay nát theo như cách xay bột mì ngang khác vậy. Ở Marseille người ta làm bột ấy bằng lúa mì cứng ở xứ Algérie đem về. Mỗi năm người ta làm được hơn ba bốn chục muôn hectolitres lúa mì như vậy.

Bột xay ra, nhờ có máy phân cám, bột mì và bột báng ra. Cám để cho thú vật ăn, bột mì để làm bánh mì, còn bột semoule thì lấy riêng ra rồi đem lọc lựa nữa đặng mà phân thứ hột to hột nhỏ và cám còn sót ra. Cách phân đó thì dùng rây bằng da dê có xoi lỗ nhỏ.

Làm bún tây và macaroni (Vermicelle et macaroni). — Bún thì làm bằng bột semoule. Người ta muốn thêm gluten vô cho nó bổ dưỡng và dễ nấu cũng được. Có khi muốn cho nó trắng người ta lại thêm vô một góc tư bột khoai (fécule) nhưng mà như vậy thì bún tây không

được bổ ngon và nấu nó cũng hay rã nữa.

Nhưng dùng bao nhiêu bột pha, thi cũng đều phải trộn bột mì bột báng semoule và gluten bằng nước sôi cả. Vã chăng người ta chỉ đổ vô có một góc tư nước sôi mà thôi, cho nên cách trộn không phải như cách trộn thường vậy. Hồi trước người ta dùng đồ trộn, kêu là broie de vermicellier (đồ tán bún); nay trong mấy xưởng to người ta dùng cối tán tựa như cối để tán hột lấy dầu vậy.

Chừng bột tán trộn đều thi để nóng vậy mà thồn vô trong cái khuôn ống bằng thau, dưới đít khuôn có khoét lỗ nhỏ nhỏ vừa bằng cộng bún mà ép cho bột nó chảy lọt theo lỗ ấy mà thành ra cộng bún, phía dưới khuôn người ta làm có hai lớp, bộng ở trong cho nước sôi hoặc hơi nước nóng vào trong bộng ấy cho cái khuôn nó còn nóng hoài. Trong cái khuôn người ta để cây thục vô ở phía trên bột, rồi cho máy chạy ép bằng sức nước (pression hydraulique) bột bèn chun theo mấy cái lỗ nhỏ dưới đít khuôn mà ra thành bún. Bột ra bún có chỉ dài còn ướt và nóng, nhờ có quạt máy hoặc quạt làm bằng tấm da dẻo để quạt nó cho nguội và ráo. Những thợ đứng làm phải hứng bún đó mà cắt khúc nó ra dài chừng 7 tấc rưỡi đến một thước, rồi sắp khoanh nó lại. Sau có người đem nó vô lò phơi mà phơi bằng hơi nóng cho nó khô.

Làm macaroni cũng dùng một cách thế giống vậy. Song cái khuôn thi làm có lỗ to hơn và tròn có khoen nên lúc ép nó ra, thi nó có ống bộng như ống trúc nhỏ.

Như thế thi công việc làm bún tây cũng không khác gì cách làm bún, làm bánh hỏi bên xứ ta, duy khác một đều là công việc của người ta làm không có mệt nhọc mà làm ra lại nhiều lắm, một lần làm nhiều bằng cả trăm lần của ta, bởi công việc của người ta làm đều có máy móc hết cả.

THANH-TÂN

Sơ luận cách trí

Thảo mộc luận (*Tiếp theo*)

Các thứ cây cối

Chúng ta đã biết trong loại cây cối có hai giống, là một giống có bông và một giống không có bông. Ta cũng đã rõ cách sanh sản của hai giống ấy rồi, nay ta kể sơ các thứ cây cối trong hai giống ấy.

Trong hai giống cây nầy, duy có giống có bông là nhiều hơn hết; trong giống cây có bông lại còn phân ra nhiều loại nữa; trong mấy loại nầy còn thuộc về hai khóm chánh nữa là: 1° khóm *Angiospermes* và 2° khóm *Gymnospermes*.

Khóm angiospermes là thuộc những loài cây có hột đựng ở trong cái trái; Khóm gymnospermes thì có hột trần, dính theo trong vảy như vảy cá.

Khóm angiospermes lại còn chia ra hai thứ cây nữa là: 1° thứ *dicotylédones* và 2° thứ *monocotylédones*. Thứ *dicotylédones* ở trong hột nó có hai cái lá dày kêu là *cotylédons*, như hột đậu, hột cam, hột quí, vân vân; thứ *monocotylédons*, thì hột chỉ có một cái lá dày mà thôi, như hột bắp, hột lúa, vân vân.

Nay xin kể sơ các loài cây có bông, trong mấy thứ mấy loại đã nói trên đây.

Trong những loài cây mà hột có hai lá dày, thì mấy nhà thảo-mộc bọc lại phân ra nhiều giống nữa: giống vạn-thọ tây (hoa-tai vàng, bouton d'or) thuộc loại *renonculacées*; giống *cây thầu* (loại *papavéracées*, thì có những loài hoa móng tay (œillet), hoa mồng-gà (coquelicot) vân vân; giống cây *chữ-thập (crucifères)* vì bông nó có bốn cánh hoa sắp như hình chữ-thập. Giống nầy có nhiều thứ cây lắm, như là cải, cải nồi cải bắp, cải củ, rau xà-lách son (cresso), rau đinh-hương (giroflée), rau julienne, colza, raifort, vân vân; giống cây *malvacées* thì có cây *mauve* người ta dùng mà làm thuốc, cây *guimauve*; giống *rau-đậu (légumineuses)* thì có các thứ đậu, cùng là những cây nào có bông giống như bông đậu vậy; giống *cây-hường (rosacées)* đều có bông giống như bông hường (rosiers), giống cây *bầu, bi (cucurbitacées)* thì có những cây bầu, cây bí, cây dưa leo, dưa chuột, vân vân; giống *hoa-lọng (ombellifères)* vì bông nó có tàng che ở trên đầu hình như cây lọng cây dù vậy, ví như cây ngò (persil), cây cải carotte, cây panais, cây angélique, cây cerfeuil, vân vân; giống *cây vang (rubiacées)* thì có cây vang rề màu đỏ tươi, có cây cà-phê người ta rang hột mà nấu nước uống, có cây quinquina, dùng làm thuốc kí-ninh uống rét, cây ipécacuanha, dùng làm thuốc uống mữa; giống cây *hoa cánh-chùm (composées)* vì bông nó có cánh đeo cả chùm như cây *bông cúc (marguerite)*, cây hoa nở ngày (immortel), cây camomille để uống tiêu-thực, cây absinthe, cây rau đắng (laitue), cây cải đắng (chicorées), vân vân; giống *cây thuốc (solanées)* thì có cây thuốc, cây khoai, cây

belladone, cây jusquiame; giống cây *hoa-thơm* (*labiacés*) thì có những cây để lấy bông mà làm dầu thơm, như là cây men he, cây thym, cây origan, cây mélisse, cây romarin, cây lavande; giống cây có mủ trắng đục như sữa, gọi là cây *euphorbiacées* thì có cây euphorbe, cây mercuriale, cây croton, cây buis, cây mancenillier, cây khoai mì (manioc); giống cây bố (*urticées*) thì có cây gai, cây bố để kéo chỉ, cây houblon để dùng lá đắng ngâm rượu la-ve, cây sung, cây dâu-tằm ăn; giống cây đại-thọ (*amentacées*) đều là cao to lớn như cây chêne, cây chataignier, cây noyer, cây hêtre, cây peuplier, v. v.; giống cây *conifères* trái có đầu nhọn, là giống cây tươi xanh hoài, thịt lại có mũ dầu, người ta lấy mà nấu lọc làm dầu thông (essence de térébenthine) dùng trong việc sơn vẽ thì có những cây thông, cây tòng, cây bá, cây dương-liễu, cây mélèze, cây genévrier, cây if, cây cyprès, vân vân.

Nói về loại cây mà hột có một lá dày, thì là có những là: ây hoa lan huệ (*liliacées*) thì có cây hành, cây huệ, cây lan, cây tỏi, cây kiệu, cây jacinthe, cây aloès; giống cây nghệ (*iris*) thì có cây nghệ, cây iris, cây glaïeul; giống cây *orchidées* thì là những cây có lá dị-kỳ hình như con sâu con bướm, như cây orchis, cây hoa-ni thơm để làm bánh, làm mứt; giống cây mục-măn tây (asparaginées); giống cây dừa (*palmiers*) là cây ở miền nóng nực, thì có những dừa, chà-là, cau, vân vân giống cây lúa (*graminées*) thì kể vào các loại mề cốc như lúa mì, lúa mạch, lúa thử, nếp, lúa gạo, lúa ngô (bắp), rồi kế loại mía, loại tre, loại cỏ chiendent, và phần nhiều các thứ cỏ để cho thú vật ăn.

Ấy là những loại cây có bông.

Còn về những loại cây không có bông chúng ta đã biết rồi, như trong bài trước ta đã thấy về cách sanh sản của nó. Vậy nay cũng nhắc lại, trong loài cây không có bông thì là có những loài ráng (*fougères*) thì có cây ráng hay đeo theo cây to lớn, có cây rau chạy, rau co; những loài rong (mousses) như rong đất, rong đá, rong cây, vân vân, những loài rong ở dưới nước; những loài rêu (*algues*), loài rong con như *lichens*; những loài nấm (*champignons*) có đủ thứ hình dạng, màu sắc, có thứ ăn được, có thứ độc hại.

HẾT LOÀI THẢO MỘC

Tạo hóa kỳ quan (n° 4)

Cuộc nước : nước lớn, nước ròng

Luật Tạo-hóa khiến cho mặt trời mặt trăng cùng trái đất hút lẫn nhau, mà bởi trái đất có nước lỏng trên biển mình mông, cho nên nước bị hút mà vun lên. hễ cứ trái đất xây qua đưa mặt biển ngay qua mặt trăng cùng mặt trời thì có nước lớn, cứ thứ luân chuyển như vậy qua lại thì có nước ròng nước lớn. Mặt trăng ở gần trái đất hơn mặt trời bội phần, cho nên sức rút của mặt trăng cũng hơn mặt trời (tới ba lần).

Phần biển ngó ngay mặt trăng ở thiên-đỉnh (zenith), nghĩa là nơi ngay mặt trăng chiếu xuống, đều ở gần mặt trăng, cho nên nước nơi đó bi rút mạnh hơn ở các nơi; còn phần ở cách mặt trăng về phía địa-đỉnh (nadir) thì cách xa lắm, cho nên bị rút càng yếu hơn. Vì thế nước biển ở ngay dưới mặt trăng phải vun lên, làm cho mặt biển phải nổi cao. Còn phía bên hoành-đối cách xa, không bị rút được thì thối lại mà làm cho mặt biển thành có nước lớn lần thứ hai. Ấy là hai *con nước lớn* : một con ở ngay mặt trăng, một con ở chỗ hoành-đối (antipode). Còn phần giữa chặn cách hai đầu nước vun thì gọi là *nước ròng*, nơi ấy không có mặt trăng rút nên không vun lên được.

Trái đất cứ việc xây tròn, giáp một vòng là 24 giờ, hễ mặt trái đất xây phía nào tới ngay mặt trăng thì nước phía ấy vun lên mà làm nước lớn, qua khỏi mặt trăng thì nước phía ấy lại ròng, cứ vậy mà luân chuyển, đến giáp vòng trái đất thì đâu cũng có thấy ngay mặt trăng một lần, và đâu đâu cũng có nước lớn và nước ròng.

Nước lớn đầy hay không, nhiều hay ít cũng bởi tại biển sâu cạn không đều, tại rộng hẹp không chừng và cũng tại gió, nước cùng nhiều sự cớ khác. Bởi vậy nước ở ngoài biển cả như Thái-tây-dương cùng Thái-bình-dương khi lớn khi ròng dễ thấy dưng lên xuống cao, còn ở mấy nơi hẹp cùng có đất đai, cù-lao ngăn trở thì ít thấy rõ cái sức của con nước như ở biển Trung-địa-hải vậy. Vả lại chẳng phải có một mình mặt trăng rút nước mà thôi, mặt trời tuy ở xa, nhưng cũng rút nước nữa. Cho nên những khi mặt trời và mặt trăng ở ngay về một phía thì sức rút lại càng mạnh thêm mà làm cho nước lên cao quá, thành ra *nước ròng* (syzygies) nhằm kỳ *sóc-vọng*.

Còn đến kỳ *thượng hạ huyền* thì trái đất ở chính giữa, mặt trăng mặt trời ở hai đầu, cho nên chỗ mặt trăng muốn bút nước lên thì bị chỗ mặt trời rút trở lại, làm cho *nước kém*, đắp đổi nhau, giành giựt nhau mà làm ra con *nước ương* :

Vậy khi nước ròng thì sức nước bị hút lên 138 lần (nghĩa là sức mặt trăng hút 100 lần, mặt trời 38 lần) chừng đến nước kém thì sức nước mặt trăng hút lên còn có 62 lần (nghĩa là 100 lần trừ bết 38 lần).

Qua tiết xuân-phân thu-phân, mặt trời ở gần trái đất hơn thì nước rút lên nhiều, có nước rống ; qua tiết hạ, đông

chi thì mặt trời ở xa nên nước nhỏ. Nước lớn lên bao nhiêu thì khi nhỏ lại xuống chừng ấy.

Ngoài biển nước lớn dưng lên đùa nước sông rạch trở lại. Song ở trong sông rạch xa ta không thấy nỗ sức nước lớn ròng ra thể nào, chớ ở ngoài biển, hoặc ở vàm sông to nước lớn dội nước trở vào sông làm cho nổi sóng rất to rất dữ tợn mà đập vào bờ, người ta gọi là sóng thần (mascaret.) (1)

(1) Tác giả giữ bản quyền.

ĐÔNG-PHÁP THỜI-SỰ

SAIGON

Châu đây còn Hiệp phố là đâu?

Nguyễn-thị-Theo, nhà ở đàng Colonel Grimaud, mới rồi có đem lại cho bót quận thứ nhì một cái bóp-phơi trong có đựng một cái giấy thuế-thân đề tên là Nguyễn-văn-Xa và một cái giấy căn-cước tên là Vỏ-văn-No, ở tại tỉnh Hai-Duong (Tonkin) và cái hình chụp, nói rằng xí được ngoài đường.

Đó, vật thì đó, mà người là ai đâu? Sao có của không rán giữ-gìn rỡ để hẩn-hờ cho lọt rớt ra như vậy. Vậy thì ai đó, nên nhớ lại mà đến nhìn xin lại đi. Và cũng khen lòng cô Nguyễn-thị-Theo thật tốt.

* * *

Đánh người sao lại trốn

Lê-văn-Tan, làm cặp-rằn cu ly, nhà ở tại đàng mé-sông La Marne, mới rồi đây bị tên Vo, 24 tuổi, chẳng rõ tiền cừu hậu hận gì, bèn đánh chàng ta có vit tích rồi bỏ trốn mất.

Sao vậy? Giỏi đánh thì giỏi chịu, vậy mới gan cho chớ, có lẽ đâu đánh người rồi trốn đâu. Chắc biết nước lỗi rồi đó đa.

BENTRÉ

Xe ngựa đụng con nít!

Vừa rồi đây có một cái xe ngựa, vừa chạy qua tới ngỏ tư đường (cá-lóc) có một đứa nhỏ chừng 4-5 tuổi không biết con của ai, đi chơi ngoài đường, xe ngựa chạy tới thằng nhỏ đương ngồi, xe chạy vừa cáng ngang cổ thằng nhỏ vội la! cậu cầm cương liền giò cương ngựa rất mạnh ngựa thục lui lại cái bánh xe đà gát ngay cổ thằng nhỏ. Ghê gớm quá! ấy cũng là may, chớ phải chạy ráng chút nữa chi cho khỏi thằng nhỏ gảy cổ và gảy chưn mà chớ?

Vậy hỏi ai có con nit, hãy coi chừng nó, thả ra đường chi cho khỏi xe cộ lại qua có ngày mang họa!

Còn mấy cậu đánh xe hãy coi chừng đàng trước chớ cứ việc đi phải đường (tay mặt) cứ chạy vậy, rủi cáng người không phải dễ gì đâu! Một ngày xe cộ quá đông đặc càng thêm sợ, nhứt là con nít cùng bà già lẫn lộ hay đi ngoài đường quá, ai có con hãy ráng mà coi chừng!

Những sự lạ trong công nghệ

Ống khói nhà máy

Xứ Đông-Pháp ta thuộc về xứ nóng nực nên không biết cái sự lạnh lẽo như bên Tây là gì mà phải có lò ung lò xửi, bởi vậy nhà cửa ở xứ ta chẳng hề có thấy ống khói trên nóc nhà như ở bên Tây. Ngoài Bắc-kỳ có khi trời cũng lạnh lẽo khó chịu, nên nhà của người Tây ở cũng có chỗ có làm lò xửi và có ống khói. Bên Tây có nhiều nhà lầu cao lớn thì ống khói lò xửi cũng phải chạy lên cao. Dùng ống khói ấy thì lâu ngày ở phía trong nó phải đóng khói rất nhiều. Muốn cạo cái lọ khói ấy ra thì phải có thợ nghề cạo lọ ống khói có danh chun vô trong ống khói mà cạo. Thợ cạo lọ đó kêu là *ramoneurs*. Như vậy thì ống khói phải làm cho rộng đủ chỗ cho thợ chun vô. Họ đem đồ nghề theo mà cạo, chun có đeo móc để leo theo kẻ gạch ống khói mà cạo hoặc từ trên xuống dưới hoặc từ dưới lên trên. Nay những ống khói ấy người ta làm nhỏ không thế chun vô được thì phải hai người thợ một người trên một người ở dưới rồi kéo cái đồ cạo lọ cho nó cào lọ đi.

Nhưng ta nói đó là ống khói thường, chí như ngày nay công nghệ phát đạt, nhà máy nổi lên rất nhiều, càng ngày càng to, máy móc càng ngày càng mạnh càng lớn, thì phải lò lửa thật to, chụm thang thật nhiều. Như thế thì ống khói cũng phải cho to và cao thêm hơn nữa. Bên xứ ta nay được thấy mấy cái ống khói to cao tột gần mây đó, như ở Cholon mấy cái ống khói nhà máy xay lúa gạo đó.

Ống khói càng lên cao thì bề rộng nó cũng phải thêm lên nữa, bề ngang phải rộng lên nữa cho có đủ chỗ đặng hơi nóng cùng là khói của cái lò lửa thang rất lớn kia nó chun lên mới được. Khi nào vì lẽ chi mà không làm cho cái ống khói cao lên nữa được thì phải dùng đến quạt máy to mà quạt cho lửa cháy hơi lên nhiều và mạnh được. Những tàu biển to lớn tuy ống khói cao đến 4, 5 mươi thước nhưng không đủ sức cho nó kéo hơi thổi lửa được, cho nên thường có cái thứ quạt máy ấy.

Ở trên bờ nhà máy cất trên đất muốn làm cho ống khói lên cao bực nào cũng dễ, cho nên càng ngày người ta càng làm ống khói cao lắm! Lúc đấu xảo hồi năm 1900 người ta có đem máy móc và nồi sô-de lại có làm ống khói cao đến 80 thước, tưởng đã cao bực nhứt không đâu làm bằng nữa. Vậy mà nay đã có lắm nơi làm ống khói còn cao nhiều hơn nữa.

Như ở bên xứ Huê-kỳ, tại Anaconda người ta có làm ống khói gạch lên cao đến 91 thước. Ống cao như thế ắt là phải gió thổi ngã đi. Vậy muốn cho nó có sức chịu nổi cùng gió thì ở dưới chun nó phải làm cho lớn. Nhưng vậy mà cái lòng trong của ống khói ấy cũng còn rộng đến 9 thước mấy nữa. Cái rộng ấy tuy nhiên nó phải nhỏ lần lần tới trên chót nó. Mấy cái ống khói như thế, thì ở trong phải có làm một thứ thang có nấc để cho thợ cạo lọ ống khói leo lên được. (Những thợ ấy bây giờ không kêu là *ramoneurs* nữa, lại

kêu là *fumistes*). Nhưng vậy leo từ dưới đất lên tới 91 thước đó cũng là như leo lên núi rồi. — Vậy mà 91 thước cao đó, chưa lấy gì làm lạ, bởi bên đất Huê-kỳ ngày nay có lắm nhà máy làm ống khói cao hơn nữa.

Như ở Kearney, thuộc xứ New-Jersey có một cái ống khói cao 102 thước, mà cái lòng trong rộng chỉ có 3 thước 3 tấc rưỡi mà thôi ở Denvez thuộc xứ Colorado là xứ nhà máy, nhà đúc kim có một cái ống khói cao 106 thước 7 tấc rưỡi, lòng rộng 4^{m} 85. Ở Butte thuộc xứ Montana, có một cái ống khói cao 107 thước 67; ở New-York có một cái cao 107 thước 67 của nhà máy điển khí; Comtable-Hook có cái ống khói của nhà máy nấu đồng, làm bằng gạch, cao 109 thước 8 tấc, lòng trong rộng 6 thước mốt ở dưới, còn ở trên chót rộng 3 thước 7 tấc rưỡi. Ống khói cao đến bực ấy thì phải nặng biết là bao nhiêu. Một cái ống khói cao 107, 108 thước thì ống nó phải nặng đến 2000 tấn, cái nền chưa nó phải nặng đến 4000 tấn, thì chỗ nền chịu cả cái ống khói phải làm to nặng đến 12.000 tấn nữa Ngày nay nhờ bày cách dụng xi-măn đút có sường sắt (béton armé) thì nó phải chắc hơn nhỏ hơn và nhẹ hơn nữa. Tuy vậy, nay cũng ít người muốn làm cao như thế nữa, chỉ để dùng thêm máy quạt lửa thì tiện hơn và hay hơn.

VĂN CHƯƠNG NÔM

Nhị độ mai chú giải (*n° 16*)

(Tiếp theo)

Nguy nga miếu mạo hẳn hòi,
Một tòa thần tượng trên ngồi nghiễm nhiên.
Oai linh vóc thánh dạng tiên,
Lồng màn vẽ trắng, bóng đèn sắc tươi.
Son vàng mặt khám tay ngai,
Lò trong ngát xạ, đảnh ngoài bay hương.
Lạnh lùng bát ngát hơi dương,
Nhìn qua mặt tóc, trông tường thêm ghê.
Nữ đồng võ sĩ đủ người,
Hầu trong hai gã, chầu ngoài tám viên.
Đồ thờ cậm giá án tiền,
Một bên bữu-kiếm, một bên tì-bà.
Tiểu-thơ luống lự một giờ,
Sụt ngồi bốn lạy xa xa tự tình.
Khấn thần thở ngọn than nhành,
Nỗi chồng oan uổng nỗi mình truân chiên.
Nhằm người vì chước hòa phiên,
Đem thân yếu điệu nấy miền hôi tanh.
Đánh liều bạo quản tử sanh,
Thề rằng quyết chẳng nhơ mình tiểu Man.
Thiêng chăng thâu lấy hồn oan,
Rộng cho chầu chực trước ban, là nhờ.
Khấn rồi nghỉ lại miếu thờ,
Đêm trường cho tiện đợi chờ chiêm bao.

* * *

Hay đâu mấy bộ công-tào, (172)
Đã đem lời khấn tâu vào Chiêu-quân.
Phán rằng: « Mới thiệt hiền nhân,
Nặng thề sơn hải, nhẹ thân yêu kiều.
Bảng trời hôm nọ mới treo,
Mai-sanh tên đã giựt lèo trạng-nguyên.

Ngày sau phu phụ đoàn viên,
Nay ta cũng cứu một phen mới là.»
Bèn ban nữ sử bước ra,
Đòi hồn nàng lại dạy qua ân cần.
Rằng: «Ta là Hán Chiêu quân,
Cứu cho cũng dự phu nhân trinh thành.
Rồi ra về đến quê mình,
Sau nầy phu quí phụ vinh vẹn tròn.»

☆
☆ ☆

Dạy rồi phó giã thần hồn,
Lại đòi lực sĩ (173) ôn tồn dặn qua:
Đón nàng khi lúc đầu-hà,
Đem về đạ quốc vườn hoa Bá-phù.
Người Trung-châu giả Trung-châu,
Mặc ai trọn nghĩa báo thù với ai.
Gió đâu lọt cánh cửa ngoài,
Tỉnh ra còn nhớ mấy lời chiêm bao.
Nghĩ ra nào biết thế nào,
Vững lòng, không dám chắc vào những đâu?
Án tiền lén lén cúi đầu,
Bước ra lại vịnh bốn câu lưu đề.

Đem thân nhi nữ giã ân vua,
Khiếp ngọn kim phong giục vó lừa;
Cung Hán đến nay tang hãi bấy? (174)
Nhạn môn còn vẳng tiếng ti-bà.

Lên yên chóng ngựa ra đi,
Núi cao đã thấy gần kề tới nơi.
Hỏi tên là lạc nhạn đài,
Trùm mây mù mịt, ngất trời chon von.
Nàng rằng: tích trước ghi lòng,
Chiêu Quân gởi nhạn thơ phong chốn nầy.
Đường đi nhân tiện qua *đây*,
Nhắn nhạn bắt chước chuyện *người* ấy chơi.
Kíp truyền Man tốt mấy lời,
Dọn đường núi nhạn kíp dời gót loan,
Phò nàng ngồi kiệu đăng san,
Hai hàng thị nữ một đoàn Phiên binh.

Bước cao, bước thấp gập ghình,
Quanh quẹo suối chuột, chín vinh tai mèo.
Lần đá móm, vịn nhành eo,
Chim xè xẹt lá, vượn leo lắt nhành.
Sẵn sàng cảnh vật xung quanh,
Lam sơn mở quạt, mây xanh buông màn.
Bước lên tuyệt đỉnh giăng giăng,
Trông dường chật đất, vói toan đến trời.
Mặt sau lần bước xem chơi,
Nhìn lâu bỗng thấy một nơi có đầm.
Mắt mèo trong vắt nỗi tăm,
Rắn quần quận khúc, mãng nhom nhép bàm.
Cheo leo sường núi xa nom,
Lối mòn đặc đẳm, đá hầm trải chông. (175)
Nửa ngày nổi trận âm phong,
Phất phơ lật lá, lạnh lùng thấu xương.

*
* *

Đất đâu sơn thủy lạ dường?
Ngẫn ngơ mình những cám thương nỗi mình.
Xót thay đòi đức sanh thành!
Bao giờ nguôi được chút tình nhớ thương!
Một ngày một ngã bóng tang,
Da mồi nám mặt, tóc sương điểm đầu. (176)
Biết nhau thêm dở dang nhau,
Quen hơi bén tiếng bao lâu mà rằng.
Ấy ai chấp mối xích thằng,
Biết mà đứt chỉ, thà đừng vương tơ,
Như lời thần mộng họa là,
Còn duyên chăng nữa cũng chờ tái sanh.
Đường cùng giữ lấy thơm danh,
Thôi! thời gác hiếu với tình một bên.
Chấp kinh nếu chẳng tùng quyền,
Nữa khi nước đến e nên cát lầm. (177)
Tấc lòng cã quyết khôn cầm,
Tấm thân phó mặc dưới đầm sâu sâu.
Thị tì trông trước nhìn sau,
Nàng đà đầu ngọc trầm châu bao giờ!

Ai ngờ ra sự chẳng ngờ?
Phiên binh giớn giác giớn giơ một đoàn.
Bảo nhau rắp sẵn mưu gian,
Cải trang bắt lấy Túy-Hoàn để thay.
Miệng bình, bịt kín ai hay?
Chăm chăm giục ngựa bấy ngày trẫy sang.
Im lìm thay nhẽ Man vương
Hẫn hờ nào biết là nàng là ai?
Túy-Hoàn riêng được hẫn hoi,
Đổi hình tì thiếp thay ngôi phi Tần.

(*Còn nữa*).

Giãi nghĩa chữ mắc

(172) và (173). — *Công tào, lực sĩ* — mấy vì thần theo hầu bà Chiêu-Quân.

(174) *Tang-hải*, dâu bể, nghĩa là trời đất đổi xây cồn hóa vực, vực hóa cồn, ruộng dâu hóa biển...

(175) *Lối mòn đặc dẳm, đá hằm trải chông* — mấy nơi đường mòn thì đầy những dấu chưn người đi, còn nú' 2 bên thì lông chông những đá.

(176) Già thì nước da mặt nám sánh như da đồi-mồi, còn tóc điểm bạc như mù sương trắng dinh.

(177) Nếu gặp khi chấp kinh, mà chẳng quyền biến thì e sau nước lên sóng đánh cát lầm (trôi dập). Nghĩa là cái đời mình ắt không được yên, cũng như cát bị nước vập vậy.

Thay hồn đổi xát (n° 7)

(tiếp theo)

Cách trí tiểu thuyết Tây: THẠNH-TÂN diễn nôm

HỒI THỨ NĂM (V)

Ông Cô-li manh sửa soạn đồ ra đi, bộ rất tự nhiên như người đã quen thuộc nghề, và quạu quọ như mấy người bác-sĩ thất vọng, nghe la bèn day lại rùng vai mà chẳng nói rằng chi hết. Đến chừng xem qua cái tử thi, thấy rõ vậy mới tin. Người bèn nói:

—Thật lạ thay! Người đàn bà nầy coi bộ khác thường lắm!..

Tuy người mệt mỏi vì thức cả đêm và mần không nghỉ, song người cũng còn rán ở lại nửa giờ nữa mà thí nghiệm đủ cách. Nhưng vậy mà cũng chẳng thấy hiệu nghiệm gì. Người bèn nói quyết rằng:

—Bây giờ nàng đã đi mất rồi, không còn trông cậy gì nữa. Để sau rồi tôi sẽ trở lại, chớ bây giờ óc tôi nó dồn dày như thịt dồi vậy. Như có cần dùng người lắm thì tôi sẽ cho một người thầy mới đi lại.

Chàng Ram Bơ-lu-oanh-cơn, nói hơi cọc quạu rằng:

—Tôi không cần dùng ai hết.

Bây giờ có mặt mấy người kia và ông thầy thuốc não-cân ở tại nhà anh ta thì làm cho anh ta khó chịu lắm. Nếu chàng không dẫn được lòng thì đã đuổi mấy người kia đi hết rồi.

Ông thầy Cô-li-manh nói rằng:

—Được a! Nhưng mà tôi cũng cứ việc cho người ấy lại đây... chừng lối mười giờ mai. Và chắc chừng lối trưa cũng sẽ có tôi lại đây nữa. Nầy, chú thiếu-niên, ở đời chẳng phải mình lo tưởng cho một mình mình mà thôi đâu, phải tưởng tới khoa-học với chớ.

Mà chàng Ram lại khinh ghét cái món khoa-học và mấy ông bác-sĩ vô hồi. Chàng ta ngồi nơi chưn giường của nàng Y-huê-linh, không tưởng nhớ chi tới cái tên Bẹt-xi và nội bọn người ấy nữa. Vã lại một lát kế mấy người ấy cũng đều đi mất hết.

Trọn một giờ anh Bơ-lu oanh-cơn cứ ngồi sầu bi đau đớn, ăn năn tự hối lắm. Người bề ngoài lực lưỡng dữ tợn, mà trong có cái lòng đa cảm và gần như người muốn mắc bịnh thất tình, đa nghi đa cẩn vậy. Chẳng những người tự trách mình vì những lỗi nhỏ mọn của người làm với nàng Y-huê-linh mà thôi, mà chàng lại còn tự thêm vô nhiều lỗi khác chàng tưởng tượng ra, chớ thật không có. Chàng lại tự trách mình không biết an ủi vợ mình lại còn làm ra cái vẽ ghen tương quá, trong lúc nàng nhờ hơi sống trong máu của anh Đa-huit sang cho.

Người khóc than tự trách rằng: Thiệt là tại tôi hại vợ tôi đó. Vợ tôi còn hơn tôi nhiều.

Trong khi tưởng nhớ suy nghĩ như vậy, mấy cái sự trước chàng cho là gớm ghiết, bây giờ chàng nghĩ cho là rất động lòng đáng thương. Thương thay! nàng hiền hậu, tánh tình nhúc nhát và hay chịu lụy, nàng biết tự

trách mình vì cái tật gớm ghê khôn tránh kia của nàng. Thật nàng cũng muốn sống với người ta lắm!.. Ôi! lẽ thì chàng phải biết động tình thương xót nàng với! Đến bây giờ đây như vầy mới sao?..

Chàng bèn nói nho nhỏ rằng:

Em Y-huê-linh ôi, xin thứ lỗi cho anh! Chẳng phải tại em đâu, ấy là vì anh chẳng biết mà làm lỗi vậy, đó em!

Nói xong chàng bèn giỡ bàn tay trắng nàng lên mà hun rất lâu, hun vì đau đớn ăn năng lắm vậy. Cái bàn tay đã lạnh ngắt như đồng mà vẫn còn diệu dễ lạ thường. Vã lại nơi mặt nàng thì chẳng thấy dấu chi là cứng cát như thây ma, duy có nằm yêm liềm chẳng cụt cựa là có vẻ như chết thôi. Chàng xem thấy nàng Y-huê-linh lại càng ít xanh mét hơn trước nhiều nữa. Nơi má và bàn tan nàng có một cái màu chi không biết mà có vẻ hồng như trời rạng đông. Từ hồi nào tới nay chàng chưa từng thấy nàng Y-huê-linh được đẹp đẽ lịch sự như thế, dầu cho xưa nhằm buổi chiều hè, ngồi ngó cảnh tưởng tư cũng chưa được thấy cái vẻ mặt tươi hồng, bớt xanh như thế.

Lần lần có một cái cảm tình chi không rõ, nó thêm vào trong cái nông nỗi bồi hồi rối rắc của chàng Ram nữa. Ấy là vì chàng thấy cái hoi hớp, cái hơi thở mật nhiệm, rồi sau có một cái sự chi không rờ không động được...

Chàng Bơ-lu-oanh-cơn thình lình vùng nói nhỏ một mình rằng:

Tôi không phải chiết bóng một mình nữa rồi! Đây có cái đều gì ghê sợ lắm!..

Từ xưa đến nay chàng chưa hề biết cái cảm tình đời nào mà lai láng, sâu sắt nó bao theo những người yếu tớ bao giờ. Chàng ngồi rung, biết rằng có cái sự lạ thường nó xảy ra đây. Ban đầu cái sự nghi chắc của chàng nó còn mờ mịt như đám sa mù, chẳng có hình thức. Chàng khi ấy không khác nào như một người đương nghe tiếng đông người chào rào nơi xa, mà nó lần đi lại. Ấy là có sự biến đổi đến, cho nên nghe có những lời xầm xì, những tiếng than van, những câu hâm dọa, những tiếng quở rầy... Còn đây anh Ram cũng dường như thấy cái thảm kịch nờ mịt như bóng. Thình lình chàng thấy rõ ra, bèn hai tay bụm mặt mà nói nhỏ:

—Nàng Y-huê-linh hết chết rồi!

Rồi chàng ngơ ngẩn nửa tỉnh nửa say, như cay bị bảo hoằn oặt ngã xiêng.

* * *

Chàng bối rối chỉ trong một phút rồi cũng bình tịnh như thương, thành ra có bộ cũng hiền-từ. Chàng bèn nhìn xem lại nàng Y-huê-linh. Nàng vẫn còn yêm lìm, nhưng cái vẽ hồng đã lộ thêm lần mãi. Bây giờ ở trên đôi má xem như có ánh sáng tuyết ở đầu non lúc mặt trời khuất bóng, Trong tâm trí chàng Ram bây giờ không còn nghi ngờ gì nữa; chàng bèn ngồi chờ người vợ thức dạy. — Kia chàng đã xem thấy dường như môi nàng có nhúc nhích rồi kìa. Cho nên khi chàng ngó thấy nơi ngực nàng thở ra vô lên xuống ma không lấy gì làm lạ nữa. Chàng mới kêu lên một tiếng nhỏ rằng!

—Y-huê-linh, em ơi!

Nàng không thức dậy liền hồi đó. Nàng dường như đương ngủ một giấc mê mang bình tịnh. Đến khi chàng

kêu đã năm ba phen, mới thấy chơn mày nàng nhúc nhích, chập lâu nàng mới mở mắt ra.

Chàng thấy cặp mắt ngó ra, mà ngó một cách thiệt là có cái vẻ tự-nhiên như người con gái đồng trinh, nên khiến cho chàng phải ngạc nhiên..Vả lại trên nét mặt nàng bây giờ sao lại có cái vẻ riêng mà từ thuở nay chàng chưa từng thấy trên nét mặt vợ.

Nghe nàng nói: Giống gì đó?

Thấy nàng ngó dáo dác xung quanh, mà dường như chẳng thấy có chàng Bơ-lu-oanh-cơn vậy. Mà thình linh thấy nàng như mất cỡ ửng đỏ mặt mày, kế nghe nàng nói:

—Uã, tôi ở đâu đây?... Sao mà tôi lại ở đây kia.. Bớ mẹ ôi!

Chàng Ram Bơ-lu-oanh-cơn nghe tiếng mà trong lòng rất bối rối, chàng dường như mất cỡ mà nói nhỏ nhoi rằng:

—Mình không biết tôi sao. Tôi là Ram... chồng của mình đây...

Nàng nghe nói, bèn la lên rằng:

—Chồng tôi à! Tôi đâu có cưới hỏi gì mà có chồng? Nầy anh kia, như anh thật là người tử-tế... xin anh mời giùm cha mẹ tôi tới...

Nàng vừa nói vừa giấu phân nửa mặt ở dưới tấm ra trải nệm mà nói tiếng nghe rất hung hăng thật tình lắm. Chàng Ram thấy vậy biết mình không khác nào như một người lạ: Chàng biết mình phải kính cái sự trinh bạch hay thẹn thuồng của đờn bà nên lấy làm khó chịu lắm.. Chàng nói nữa rằng:

—Hiền-thê ôi! Đức thầy ở Xanb Rọt (Saint-Georges) đã chứng min cho vợ chồng ta kết nghĩa, ở với nha đã có ba tháng rồi. Chắc có lẽ hiền thê cũng còn nhớ chớ!..

Nàng không trả lời. Nàng lại châ mặt, ngó xuống, kế nghe nàng nói thầ rằng:

—Thiệt là kỳ!... Tôi nhớ có biế mặt anh, nhưng không chắc rằng đ có gặp anh bao giờ... và lại tôi thấ anh .. Ối! chiêm-bao gì lạ ghê quá!.

Lúc ấy anh Bơ-lu-oanh-con khôn còn lấy gi làm lạ nữa: Chàng đã r thật mắc trong sự lạ kỳ. Chàng bè hỏi như thường rằng:

— Có phải nàng đây là thiệt cô Y huê-linh Gơ-rô-huê-đên chăng?

Nàng ngạc-nhiên nói rằng: Tô đây phải tên Y-huê-linh thiệt không hả Vậy chớ tôi là ai đây bây giờ?

—Tôi không biết, tôi không th biết được! Tôi tưởng cho rằng cô l Y-huê-linh... Nhưng mà cô có nhớ cá chi xảy ra cho cô từ hồi... sáu thán nay chăng?

Ban đầu nàng lần lần lấy làm ngạc nhiên lắm, mà rồi sau thấy nàng châ mặt lại, cả mình nàng rung rẩy sợ ắm Nàng nói nho nho rằn: Sáu thán rồi? Đã sáu tháng rồi sao?.. Tôi c biết đâu... Mà bây giờ tôi nhớ rồi.. Tôi vắng mặt... ở xa lắm... nhằn một chỗ rất ghê gớm.

(*Còn nữa*).

Đông-pháp thời-sự

BENTRE

Tửu nhập tâm

Mới đây vào lối 8 giờ tối, ký-giả vừa đi ngang qua nhà việc làng An-hội, vừa thấy một tốp đờn bà quá đông, lại nghe chưởi mắng um sùm! Ký-giả bèn dừng chơn, bước vào hỏi cho biết nguyên do; mới hay rằng: một bà già nào đó uống rượu say, chưởi người hàng xóm ở gần nên ai bị bà chưởi tức lòng đều lợi hỏi bà: người ta mắc mớ gì mà chưởi? Bà cứ việc chưởi đùa! liền đó có người chạy kêu hương ấp phân xử; hương ấp lại bà cũng chưởi luôn, chú Ấp bắt bà ra nhà việc đóng trăng, còn mấy người bị bà chưởi vô cớ đều ra nhà việc làm khai, thật là không có chi mạnh cho bằng rượu. Rượu là một vật không tay không chưn mà sai khiến người rất mạnh, thật rượu là một thứ nước tự-do, ai uống vào quá chén thì sẽ thấy cái sự tự-do ứng lộ; mà đờn ông thì phải, chí đờn bà có nhiều khi làm đều tồi bại chẳng kể là chi. Xin quí bà quí cô chớ nên luyện tập uống rượu mà hại thân thể; không phải cách khó coi quá mà. Cũng có nhiều người thù vơ oán chạ dùng tửu bôi, mà chưởi người ta tánh ấy là một tánh xấu nên chừa, rượu chè say sưa có tốt gì mà ham? mà tập?

☆
☆☆

SAIGON

Thời đã tới rồi

Trong tuần tháng Février 1925, tên Ng-văn-Chuot, làm chuột xuống dưới chiếc tàu *Porthos* ăn cắp hết bao nhiêu hàng lụa đó không rõ. Xong rồi bèn kiếm phương ẩn tích. Từ ấy dẫn nay, quan quân cũng có ý tìm kiếm hết sức mà không ra. Còn bợm ta vì lâu ngày ngỡ rằng việc đã êm rồi, nên mới đây lần mò ra mặt. Dè đâu để vậy thì cũ, chớ giở ra thì mới, còn nóng hổi, còn lên hơi ngui-ngút thê. Cớ nên mới ra đi lán cán lối đâu đó không rõ, kế lày-quày đã thấy có bị lính lại còng rồi dẫn lên tòa tức tốc.

Thôi, thời đã tới rồi, trốn tránh đâu cho khỏi. Ấy mới biết «thiên võng khôi khôi chớ sơ nhi bất lậu» là vậy đó đa.

Chắc rồi đây cùng năm bảy tháng tù la ít.

⁂

Giải nghiệp kiểu lạ

Chủ hãng cho mướn xe-kéo, ở đàng Bd Norodom số 34, mới rồi bị tên Pham-van-Cam, 42 tuổi, gốc ở Tan-my (Cho-lon) mướn xe của ông đi kiếm mối xài phí đã rồi bèn kéo lại góc vắng lột lấy đồ phụ tùng giá đáng 7$50 rồi tìm phang đào tẩu.

Ông có đi cớ bót vụ nầy, để chờ ngày gặp đâu bắt đ . Làm chi việc tội tình như vậy không. Không ai bảo àm nghề ấy cả đờ, dầu có muốn giải nghiệp thì giải, có ai cấm ngăn cản đảng chi đâu; song giải sao cho êm, cho khỏi trốn chui trốn nhủi, để đi kiếm nghề khác làm ăn chẳng tốt hay sao, lại nhẫn tâm làm chi việc giã-man đến thế.

3e ANNÉE — Nº 149 — 9 SEPTEMBRE 1926

KHOA HỌC TẬP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1° — M. BUI QUANG-CHIÊU *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*
2° — M. LÂM-VĂN-HUÊ, *Commis indigène des Services Civils.*
3° — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics à Cholon.*
4° — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*
5° — M. NGUYỄN KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon*
6° — M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*
7° — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*
8° — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN, *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*
9° — M. TRẦN VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Paris.*
10° — M. TRẦN-QUANG NGHIÊM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*
11° — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*
12° — M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3,00		

MỤC LỤC

à nghệ lược giải (nghề làm rượu, làm giấm)..... 2622
hiệt hành bác học (luận về phép chụp hình, chớp ảnh và in hình chụp 2626
nh của vật truyền cho người (maadies transmissibles des animaux à l'homme)..... 2629
Những sự lạ trong công nghệ (cái đời của một cái bánh xe lửa..... 2631
Gương luân lý gương chơn chất thật thà..... 2633
Thay hồn đổi xát (nº 8) tiếp theo..... 2635

Bá nghệ lược giải

Nghề đặt rượu, làm giấm

(Industrié du vin, de l'alcool, du vinaigre)

Rượu nho hay là rượu chác (du vin).— Nhiều người tưởng đâu cái tiếng *vin* (rượu nho) là để nói chung về mấy thứ rượu, chớ thiệt cái tiếng *vin* đó là để nói riêng về một thứ rượu làm bằng nước trái nho mà ra. Nhưng ở trong cái nước trái nho đó có chất đường kêu là *glucose*, chất ấy nó ủ hóa ra có hơi rượu (alcool) cho nên trong rượu nho (cũng kêu là rượu chác, vì cái vị nó chác) nó có thêm cái chất rượu (cũng như rượu trắng ta) làm cho uống nó nhiều cũng phải say.

Rượu nho ngon hay không cũng tùy theo nho tốt hay xấu, mà nho tốt hay xấu là tại nơi đất, nơi không khí, nơi cách trồng tỉa, vân vân. Nhưng dầu thứ nho nào cũng phải ép phải chà cho nó nát, cho lộn nước nho cùng các vật chất của nó chung lại, rồi để ủ hơi khí trời cho nó hóa ra hơi rượu.

Rượu nho thường có hai thứ: thứ đỏ và thứ trắng, là cũng bởi có hai thứ nho, thứ nho đỏ với thứ nho trắng. Người ta cũng có thể lọc rượu nho đỏ thành ra rượu trong trắng được. Rượu nho đỏ là rượu thường dùng, thường làm nhiều hơn hết, cho nên chúng ta cũng nên biết sơ cái cách làm rượu nho đỏ ra thể nào.

Cách làm rượu nho đỏ (Fabrication du vin rouge).-- Có bốn công việc làm là; hái trái nho (vendange), đạp nho (foulage), ủ nho cho thành rượu (fermentation) và rút rượu nho vào thùng (décuvage).

Hái nho. — Lúc nho chín rồi thì người ta đi hái nó, cũng như bên ta tới mùa đi gặt lúa vậy.

Đạp nho. — Đạp nho nghĩa là bỏ trái nho vào trong máng rộng to rồi rửa cẳn leo lên mà dậm nó cho nát. Ấy là cách làm theo thú quê. Thường thường có 5,7 người đờn ông lên mà dậm, có một người đứng mà kẻo đờn cho mấy người ấy nghe rồi dậm múa hát. Có người dùng cách khác, không phải

dậm, họ chỉ lột vỏ, lấy hột ra mà thôi. Làm nhiều thì người ta dùng máy ép chạy bằng hai ống ép như ép mía làm đường vậy.

Ủ nho cho thành rượu. — Đây là cái phần chánh vì là cái việc làm cho nước nho phải hóa ra rượu nho. Nước nho trong máng đạp ra, hoặc ép ra rồi, cho chảy vô thùng, xách đem trút vào mấy cái hầm rượu to (cuve) cho đầy mà ủ. Chẳng bao lâu thấy nước nho thành rượu. Khi nó hóa rượu thì nó sanh nhiệt độ nhiều lắm, làm cho nước nóng, chất đường trong nước nho bèn hóa ra những hơi thán khí mà trào bọt lên, ban đầu ít sau nhiều, làm như là nấu nước sôi lên vậy. Hơi thán khí bay ra lần lần đến hết, còn chất đường đã hóa ra rượu thì ở lộn trong nước nho. Khi hơi thán khí bay ra hết rồi thì nước nho đã thành ra rượu nho rồi.

Rút rượu nho ra thùng. — Rượu nho đã thành rồi, người ta bèn tháo lỗ hầm cho nước rượu chảy vào thùng đựng rượu mà khóa núc lại để dành đó, hoặc để chở đi bán. Còn lại cái xác nho lóng dưới đáy hầm thì đem ra mà ép lại, lấy nước làm rượu nho nữa. Rượu làm thế ấy thì phải thua vị hơn rượu trước. Có khi người ta ép đi ép lại đôi ba lần, thì rượu đó nó cũng càng dở lần lần.

Cách làm rượu nho trắng (Fabrication du vin blanc). — Cách làm rượu nho đỏ thì người ta để chung vừa xác vừa nước trong hầm, cho nên lúc nó hóa ra rượu thì là hơi thán khí trào lên nó đem lộn các chất đỏ trộn lên nước rượu mà hóa ra màu đỏ. Còn làm rượu nho trắng thì không cho để lộn vô. Nho hái, đạp xong rồi đem ép lấy nước bỏ xác ra, để nước nho vậy mà ủ cho nó hóa thành rượu. Mà thường họ không đổ nước nho vào hầm mà ủ như làm rượu nho đỏ. Họ chỉ để nó trong thùng kín cho nó hóa thành rượu luôn mà thôi.

Lịch sử rượu nho. — Người ta thấy có nhiều bằng cớ chứng chắc rằng nghề làm rượu nho đã biết từ hồi đời thượng cổ, gốc bày ra ở xứ Tiểu-Á-đông (Asie mineure). Sách thánh-kinh cũng có nói lúc ông Noé ở trong tháp mà ra sau khi lụt Hồng-thủy thì ông lật đật lo trồng nho và làm rượu nho.

Đã lâu rồi, nước Palestine và nước Perse hồi đời thượng cổ

là 2 nước làm rượu nho nhiều hơn cả. Đến sau nghề làm rượu nho mới truyền lần qua miền nam Âu-châu. Người Gơ-rec thì nói mình biết làm rượu nho là nhờ có thần Bacchus chỉ dạy (Bacchus là thần men của người Hy-lạp hay là Gơ-rec). Nước Pháp biết nghề rượu nho là nhờ có dân thành Phocée ở Tiểu-Á-đông qua buôn bán lập nên thành Marseille ngày nay đó, đem qua mà truyền.

Cây nho là cây chịu ở đất về miền phong khí điều hòa mát mẻ, cho nên mấy xứ nóng nực như xứ ta đây không ai trồng nho đặt rượu nho cho được. Nhưng ta dùng rượu đây là nhờ có người Pháp chở qua mà bán đấy thôi.

Bên phương Âu-châu duy có nước Pháp trồng nho nhiều hơn hết và làm rượu nho cũng nhiều và có danh tiếng hơn các nước. Nghề làm rượu nho cũng là một nghề làm giàu cho nước Pháp nhiều lắm.

Rượu la-ve (Bière) — Mấy nơi không trồng nho được thì người ta làm rượu la-ve (rượu mạch). Rượu ấy làm bằng lúa mạch (orge) với cây *houblon*. Lúa mạch làm ra chất đường (như mạch-nha) mà hóa thành rượu, còn cây houblon thì để làm cho chất rượu mạch không hư mà có thêm cái vị đắng riêng của nó.

Nghề làm rượu mạch tiếng Pháp kêu là *Brasserie*, chỗ làm cũng kêu tên ấy, như bên ta có chỗ làm rượu mạch của hảng Larue kêu là *Brasserie Larue* ở Saigon.

Làm rượu mạch có hai công việc chánh: ngâm lúa cho lên mộng (maltage) rồi lấy lúa mộng để làm rượu mạch (brassage).

Ngâm lúa cho lên mộng (maltage) thì là đem lúa mà ngâm nước cho nó nở, lú mộng, rồi mới trải nó lên ván để cho nó lên mộng, đặng cho chất bột amidon của nó hóa ra đường nhờ có chất diastase ở trong mộng nó. Chừng nó lên mộng dài bằng cái hột lúa thì phải ngưng lại đừng cho nó lên nữa. Như thế thì phải đem lúa mộng đó mà rang nó cho khô; xong rồi đem quạt gió cho mấy cái mộng bị dòn gảy đó bay đi, còn lại những hột lúa mộng gọi là *malt*.

Cách làm rượu mạch. — 1° *Nấu mạch nha* (démêlage). — Hột lúa mộng đã khô sạch bây giờ đem xay sơ nó cho nát, rồi

đổ vô nồi to mà cho nước nóng vô; cho nước vô càng lâu càng nóng lần lần, vừa cho nước vô vừa khuậy nó cho mạnh và cho đều hoặc bằng tay hoặc bằng máy. Xong rồi để vậy cho nó lóng lần lần mấy cái chất bột amidon nó hóa ra thứ đường kêu là *glucose* lộn trong nước. Người ta bèn lọc, rút cái nước đường ấy ra mà làm qua việc khác nữa, còn cái xác nó thì đem bán cho nhà canh nông họ cho thú vật ăn.

2° *Nấu mạch nha với trái houblon* (houblonnage). — Người ta nấu mạch nhã (nước đường glucose) với trái cây houblon đặng cho nó khỏi hư khỏi chua về sau. Nhiều khi người ta phải đổ thêm nước đường vô mà nấu với nó cho có hơi đặc đặc.

Ủ mạch nha cho thành rượu (fermentation). — Bây giờ cái nước đường mạch nha đã nấu với trái houblon kia phải đem nó mà đổ vô hầm rượu thật sâu mà để cho nó hóa hơi rượu và hơi thán khí. Chừng thấy nó còn hơi ấm, người ta bèn đổ men rượu (men đây là rượu ủ thành men trong mấy bận trước) vô mà khuấy nó nữa cho đều. Chẳng bao lâu thấy nó hóa ra hơi rượu và hơi thán; trong mấy ngày thấy nó hóa rất là mau lắm. Lúc nó đương hóa rượu thấy nó nổi bọt trào lên, ban đầu thì thấy bọt nó trắng và nhẹ, sau lần lần thấy nó vàng mà hơi dày đặc. Cái bột đó lấy làm men để sau dùng nữa. Chừng nào thấy nó hết lên bọt dày nữa thì là rượu đã thành xong. Chừng ấy đem ra mà dùng được. Mà thường rượu đó nó đục, vậy còn phải dụng cách thế mà lóng nó cho trong, nghĩa là làm cho mất cái vật cặn lộn trong rượu phải đi riêng ra.

Lịch sử rượu mạch la-ve. — Không rõ ai đã khởi bày ra cách làm rượu mạch, nhưng chắc là các nước, dân nào cũng biết làm rượu bằng lúa mộng. Nhưng xét ra thì người Ê díp (Ai-cặp, Egyptiens) đả biết làm rượu la-ve lâu đời rồi.

Người Gô-loa (Gaulois, Tây hồi đời xưa) và người nước Y-pha-nho biết làm rượu mạch mà lại biết cách để dành lâu được. Không biết thuở ấy họ dùng vật chi mà để dành lâu được, chớ dùng trái cây houblon mà để dành rượu mạch là mới sau đây, tính ra không xa hơn hồi thập ngủ thế kỷ (kỷ thứ 15).

(Sau sẽ nói cách làm rượu cidre và các thứ rượu mạnh).

THANH TÂN

Thiệt hành bác học

Luận về phép chụp hình, chớp ảnh và in hình chụp

(Photographie—cinématopraphie—Photogravure)

Phép chụp hình mới phát minh ra được là từ hồi ông Joseph Niepce mới bày ra. Ông nghĩ ra được phép chụp hình là hồi năm 1813. Ý ông nghĩ đó là dùng một cái phòng tối có chừa một lỗ nhỏ, hình các vật chi ở ngoài trước cái lỗ ấy đều chiếu lòn theo lỗ mà vô phòng tối, hiện nhỏ lại mà ngược đầu, lên trên mặt tấm vách phòng tối ở ngay phía sau lỗ. Cái phòng tối ấy làm bằng một cái hộp vuôn mà hơi dài bịt bùng hết bốn phía chừa một cái lỗ nhỏ nơi giữa cái tấm vách hộp ngoài đầu. Cái hình rọi hiện vào trong vách sau đó phải đồ y nó vô trong ấy.

Sau có ông bác-sĩ Porta người nước Y-ta-li ngụ được cái ý phòng tối ấy mà thêm vào chỗ cái lỗ nhỏ trước phòng tối một tấm kiến bầu (lentille bi-convexe). Chừng ấy cái hình in hiện vô vách sau càng tỏ rõ hơn nữa.

Đến năm 1824, ông Niepce tìm được cách lấy cái hình in rọi vào phòng tối ấy. Ông dùng một tấm đồng có bao bạc, trên tấm đồng ấy, ông thoa lên một lớp dầu Judée (bitume de Judée) là thứ dầu ăn yến-sáng, rồi ông để nó ở phía sau cái lỗ phòng tối dựa nơi vách phòng sau, thế nào cho hình rọi ngay vào cho rõ thì thôi. Để vậy vài giờ thì hình ngoài nó in vào đấy, cái yến-sáng nó đổi chất dầu đi; chừng đem tấm đồng ấy mà rửa trong nước dầu lửa trộn dầu săn lavande (essence de lavande) thì mấy nơi có yến-sáng ăn vào nó còn tự nhiên không tan, còn mấy chỗ khác tùy theo hình có bóng tối nhiều hay ít thì dầu nó cũng tan đi ít hay nhiều. Song cái cách nầy đây chỉ là để dùng lấy bản in hình kêu là héliogravure mà thôi.

Trong lúc ấy ở tại Paris có một ông khác tên là Daguerre cũng đương tìm cách chụp hình mà tìm chưa ra, xảy nghe ở tĩnh có ông Niepce tìm được. Ông bèn mời ông Niepce về, 2 người mới giao kèo hiệp nhau mà tìm nữa, chế ra cách chụp lấy hình cho ăn ngay vào tấm đồng mà thôi, khỏi phải in ra giấy. Hai người tìm cách chế biến thêm, nhưng rủi nửa chừng ông Niepce lại mãn phần, còn một mình ông Daguerre tìm được cách chụp hình trên tấm ván đồng. Ông dùng cái tánh chất hơi thủy ngân có ảnh hưởng lên chất thuốc *iodure d'argent* thể nào, và cái yến-sáng có ảnh hưởng lên chất thuốc ấy mà có hình làm sao. (Yến-sáng rọi hình ăn lên iodure d'argent mà không thấy, phải có hơi thủy ngân vào nó mới lộ hình ra).

Chừng toà cách-trí hàn-lâm-viện hay được tin bèn bố cáo cho thiên hạ biết, và nhà nước có ban tiền cấp dưỡng cho ông Daguerre và cho con ông Niepce.

Đến sau phải có nhờ nhiều người khác nữa bày chế thêm cái cách của ông Daguerre, mới được tinh xão hơn lần lần.

Cái cách ấy tuy có tinh xão lần,

nhưng mà nó bất tiện nhiều bề, là vì mỗi bận chụp thì chỉ có một cái hình ấy mà thôi chớ không in ra nữa được. Đã vậy lại vì hình ấy lộ ở trên miếng đồng (cùng loại kim khác) thì nó bị cái láng chói của nó nên thấy hình chẳng được rõ. Vậy phải dụng cách khác nào cho nó in hình ra ngoài giấy được. Năm 1839 nhờ có ông Fox Talbot là người nước Anh bày ra được cách mới, nhưng mãi đến năm 1845 mới truyền bố cách ấy qua cả xứ Au-châu.

Cách chụp hình in lên giấy. — Cái phép chụp hình lần lần mỗi ngày môi thấy được chế biến ra tinh xảo, cho nên sau người ta lại dùng thứ muối bạc (sels d'argent) mà lấy hình. Cái chất muối bạc nầy tự nhiên thì nó trong, mà hễ có yến sáng rọi vào thì nó đen. Người ta dùng cái tính chất ấy mà làm ra thứ giấy ăn hình kêu là *papier sensible* và thứ kiến ăn hình kêu là *plaque sensible*. Nếu đem tấm giấy hay là tấm kiến ăn hình mà để trong phòng tối cho ngay với cái lỗ nhỏ như ta đã nói trên kia (lỗ ấy gọi là objectif), mà để nhắm thế nào cho cái hình nó rọi vào thật rõ, rồi để vậy chừng một vài phân thì hình ở ngoại rọi ăn vào kiến hoặc vào giấy ăn hình. Nhưng mà cái hình ăn vào giấy thì lại ngược, vì hễ hình ở ngoài chỗ nào đen thì trong kiến (hay là giấy) lại ra trắng, còn chỗ nào ở ngoài trắng sáng thì rọi ăn vô kiến thành ra đen. Bởi cái yến sáng nó ăn chất muối bạc thành ra đen. — Lấy cái kiến hình ngược đó ra (bây giờ kêu là *plaque négative*) mà rửa nước thuốc xong, đặt tờ giấy ăn hình còn nguyên (nghĩa là chưa dùng đến) dưới kiến nấy, rồi đem phơi thì hình trong kiến ăn xuống giấy; chỗ nào hình đen trong kiến thì ăn xuống giấy thành ra hình trắng, chỗ nào trong kiến trắng thì ăn xuống giấy thành ra đen, ngược lại với hình trong kiến, đến khi lấy ra thì là thấy cái hình tự nhiên xuôi như ở ngoài không phải ngược nữa. Giấy ấy còn phải đem rửa lại nước thuốc cho nó đừng có phai, vì hễ gặp ánh sáng thì nó đen thui hết cả.

Chụp hình phải làm sao ? — Máy chụp hình ngày nay. — Tưởng lại ngày nay ai ai cũng đều có thấy có biết máy chụp hình rồi, nên không cần nói ra đây cho dài, nhưng cũng nên biết một vài phần trong cái máy ấy, vì nhờ đó mà người ta nương theo bày ra nhiều cái máy tinh xảo trong đời bây giờ.

Một cái máy chụp hình thì có một cái phòng tối vuôn vuôn một đầu nhỏ một đầu lớn mà xếp vô ra được như lồng đèn giấy vậy, nhưng bốn phía cái đồ xếp của nó phải làm cho kín và màu đen. Ngoài đầu nhỏ cái phòng tối nơi giữa có để một cái ống trong ống có để kiến pha-ly làm hình bầu kêu là *lentille*. Cả cái ống đó với kiến hiệp lại gọi là cái *objectif*. Ở trong cái phòng tối nơi phía sau ở về phía đầu lớn người ta có lót một tấm kiến nhám (verre dépoli).

Hết thảy cái máy chụp hình, khi nào muốn chụp hình, thì đều để nằm trên một cái chưn xếp ba cẳng, để cho thật ngay, cái objectif phải ngang ngay với cái gì mình muốn chụp hình. Bây giờ người ta bày ra nhiều thứ máy chụp hình lắm, có thứ nhỏ để cầm tay mà chụp khỏi có chưn.

Bây giờ muốn chụp hình thì đem cả máy để đưa ngay cái objectif vào cái gì mình muốn chụp, lấy miếng vải đen mà trùm ở phía sau, nghĩa là nơi có

tấm kiến nhám cho nó tối đặng thấy hình rọi vào đó, rồi có đồ vặn để thâu cái phòng tối vô ra mà nhắm, độ cho vừa cái hình, và tỏ rõ. Nhắm xong rồi, phải lấy nắp mà đậy cái objectif lại, đem cái hộp có đựng một tấm kiến-ăn-hình và có nắp kéo mà để nơi phía sau máy chụp, thế cho tấm kiến nhám. Để vừa vặng rồi, bèn kéo cái nắp đậy che kiến-ăn-hình ra.

Lấy kiến hình ngược. — Muốn để cái kiến ăn hình vô hộp có nắp đậy kéo kêu là *chassis*, thì phải đem nó vô phòng, hoặc nơi nào tối tăm mà để vô, vi sợ e nếu có yến sáng thì nó đen hư đi hết. Tấm kiến ấy một bề có dùng nước thuốc *bromure d'argent*, phải để sao cho chừng đút vô máy chụp thì bề đó ngó ngay ra ngoài objectif. (Kiến đó mấy tiệm chụp hình cùng tiệm thuốc Tây đều có bán).

(Còn nữa).

Bệnh của vật truyền cho người

(Maladies transmissibles des animaux à l'homme)

7 — Bệnh diptérie của gà vịt

(Diphtérie aviaire)

Bệnh nầy là bệnh truyền-nhiễm nặng lắm, thường phát hiện ra ba hình-thể khác nhau: bệnh ở mồm-hầu, ở mắt, ở mũi. Cũng khi gà vịt mắc luôn cả ba hình-thể ấy một lượt. Khi ấy xét bệnh dễ biết hơn; nếu chỉ mồm hay mắt, hay mũi có chứng bệnh, thì e lại lẫn với bệnh khác, khó xét.

Gà vịt có bệnh nầy cũng truyền cho người được, vì đã nhiệm thấy rằng: đương khi gà vịt có bệnh dịch nầy, người ta nhiều người cũng mắc bệnh diphtérie. Lại thứ bệnh diphtérie của người do trùng Loffler cũng truyền cho gà vịt được.

*
* *

1° — Chứng bệnh phát ra thể nào?

Gà vịt nhỏ mắc bệnh mau chết hơn. Chứng bệnh không dị dạng mấy, vì có nhiều chứng cũng thuộc về nhiều bệnh khác của gà vịt, như là; buồn-rầu, mỏi-mệt bỏ ăn, xù lông, sa cánh, vân vân..... Tuy nhiên, coi kỷ cũng biết được mà gọi bệnh vì trên đã nói rằng bệnh phát hiện có ba hình-thể.

a/ Mồm: vạch mồm ra coi thì thấy cuống lưỡi hay cổ họng, có màng vàng-vàng hay vàng-xám, nuốt xuống đau và khó, hả mỏ thở như là sắp ngạt. Gầy còm mau lắm, nếu chẳng sớm chữa, thì một vài tuần là chết. Khi mổ ra, thường thấy phổi hư nhiều.

b/ Mắt: mí mắt đỏ, mắt nhắm lại, góc mắt sưng, trong có nước, mắt loà. Nếu bỏ vậy thì con-ngươi mắt ung-thúi rồi gà vịt phải chết đói chết khát vì không biết lối mà kiếm ăn.

c/ Mũi: Trước còn chảy nước, sau vì không-khí nước mũi khô, đặc lại và đút-nút lỗ mũi, đến nỗi gà vịt phải hả mỏ mới thở được. Nếu lấy chất đặc ấy đi, thì nước mũi lại chảy ra ngay, rồi lại cứng khô lại như trước. Nhược bằng không chăm chữa, thì gà vịt ohải chết ngạt.

Ngoài ba hình-thể ấy, lại có thứ bệnh nổi mụn, như bệnh đậu ở mào, do nhà thú-y Truche mới thấy năm 1922. Lấy mụn ấy nghiền nhỏ ra, rồi hoà nước đem chủng cho gà vịt, thì thấy bệnh diphtérie phát ra.

*
* *

2 — Cách chữa bệnh thể nào?

a/ Một là phòng-bị, nghĩa là làm cho bệnh không lan ra cả bầy thiệt hại cho nghề nuôi gà vịt. Vậy khi ngờ có con nào mắc bệnh, thì lập tức đem riêng ra một nơi, rồi chia ra từng đàn ít, một cho khỏi lây chung, sau cùng, tẩy uế, quét vôi chuồng gà. v. v...

b/ Hai là chuyên-trị, hoặc chữa bệnh, hoặc tiêm chủng. Tuy nhiên, nhiều khi cũng không thấy hiệu-nhiệm cho lắm, tùy bệnh, tùy vật, vân vân.....

Lấy nước sát trùng mà rửa chỗ bệnh phát, như nước phéniquée, nước tanh-ký-dốt, dầu thông, dầu lửa, v. v. nhưng mấy thứ nước nầy không biết pha mà dùng e nóng quá làm. dộp màng da non, da ấy lâu mới lành.

Vậy, cứ cách của giáo-sư G. Moussu thì dùng thứ nước ngân-đạm (*Sotution de nitrate d'argent : 1 pour 250 ou 1 pour 400*) mà bôi vào mồm, vào mũi ; song trước khi bôi thuốc ấy nên tỉa hết màng mới mọc ở những nơi ấy. Cũng lấy thứ thuốc ấy mà nhỏ vào mắt, hoặc tẩm tí bông mà nhét vào mi-mắt độ một giờ, sáng một lần, chiều một lần trong vài ngày đầu, rồi sau một ngày mồt lần cũng được. Thứ thuốc ấy chữa mau lành. Chớ uống nước pha với cường-toan-thủy (1 phần *acide sulfurique*, 20 phần-nước ; phải rót acide vào nước, chớ có đổ nước rắt toan thủy mà bốc lên mặt) ; hay vào ít thuốc diêm-sinh bột (*fleur de soufre*) vào cám, vào lúa cho ăn cũng khỏi được

Báo Bizerte kể truyện rằng : Có người nuôi gà vịt đã thâm niên chữa bệnh ấy cách nầy trong một tuần mà gà vịt khỏi bệnh, trộn một nắm vôi bột vào 10 lon lúa cho gà vịt ăn, một vai ngày như thế, thấy bệnh bớt dần. Vã cho ăn vôi đã không độc mấy, gá lại cứng-cát, lanh lẹ, màu đỏ thêm và đẽ nhiều.

Ở bên Pháp, có nhiều thứ thuốc tìm cho gà vịt bị bệnh hay cho vật chưa mắc bệnh.

*
* *

8 — Bệnh dịch-vẹt (*Psittacose*)

Bên ta, chưa thấy bệnh nầy. Vẹt (kéc mái perruche) hay mắc bệnh. Vì ta có nuôi vẹt chơi, nên cũng lưu ý : khi thấy nó đau, phải phòng giữ kẻo bệnh cho người, sinh ra chứng đau phổi nặng lắm (*Pneumonie infectieuse*). Chứng bệnh nầy cũng giống như bệnh toi-gà (*choléra des poules*) đại ý là xù lông, sả cánh buồn bã đi ỉa lỏng, v. v.

N.-v.-CHÍNH.

(Lời thăm nº 86)

Những sự lạ trong công nghệ

Cái đời của một cái bánh xe lửa

Kể trên hoàn cầu nầy người ta đã làm ra biết là mấy trăm triệu cái bánh xe lửa rồi. Một cái đầu xe lửa nhỏ thường cũng là có đến 6 bánh rồi, chưa kể đến xe chở thang chở nước, mà số ấy là bực trung; còn như những xe hoa-gông để cho bộ hành, thì lắm khi phải có 6 bánh nữa, mà nay người ta hay đóng thứ 8 bánh. Kể nội trong nước Pháp nay cũng có hơn 20 ngàn cái xe lửa và hơn 35 muôn cái xe hoa-gông, tính ra thì có cả mấy triệu bánh xe rồi. Nội những xe lửa của nước Huê-kỳ tính ra cũng có gần 20 triệu cái bánh xe. Nhưng bánh xe của họ làm chỉ để dùng trong năm ba năm thì phải thay một lần, chi như bánh xe lửa của người Âu-Châu, như người Pháp người ta làm bằng thép sắt thật tốt, chạy cả mười mấy năm mới chục năm mới đổi một lần.

Tuy vậy, chỉ nói trong 5 năm cũng đủ thấy công cáng của một cái bánh xe là bao nhiêu, nó phải chuyển động cực khổ mà đi cho được một đường biết là bao xa. Trước ta đã biết trong một năm, một cái xe lửa chạy là bao xa còn xe hoa-gông thì chạy luôn luôn, mỗi năm kể có 50 ngàn cây số. Nếu tỉ cho mỗi cái bánh xe cao được một thước tây thì trong cái đường đi 50 ngàn cây số đó, cái bánh xe nó phải quây đến 8 triệu lần.

Như thế thì nó phải mệt mỏi đuối sức, những chất sắt của nó phải rúng động biết bao nhiêu; như thế thì nó mòn lần, và nếu nó không đủ sức chắc lắm thì có lẽ nó phải hư nức, mà hễ hư nức thì ắc là có sự rủi ro tai nạn lớn lắm. Nếu có rủi mà nó bễ văng ra, ắc là xe lật dầu có chạy chậm lắm cũng không e tranh khỏi cái họa lật xe chết hành khách.

Bởi vậy cho nên nơi mấy hãng xe lớn người ta có ý mỗi khi dùng bánh xe mới thì phải thử trước cho biết sức nó rồi sau mới dùng, đã vậy mà lại còn phải coi chừng nó luôn luôn. Bởi thế nên người ta thường thấy khi xe ngừng thì có người cầm búa lại gõ thử mấy bánh xe đặng nghe tiếng nó coi có nứt bễ hay chăng thì biết mà thay đi. Chẳng phải coi chừng cái bánh không mà thôi, còn phải coi chừng cái cốt bánh của nó nữa. Về cái cốt bánh xe đầu-xe lửa nó phải chịu một cai sức nặng đến 16 ngàn kilos.

Thường trước khi dùng người ta có thử trước. Mà hễ đem dùng nó thì hễ chạy trong đường xa kể được 80 ngàn cây số mà chẳng có hư thì mới để dùng luôn, bằng không thi người đúc bánh xe phải chịu thường sở phí.

Có nhiều cái cốt bánh xe để dùng chạy đi đến 70 ngàn cây số mà chẳng thay đổi lần nào. Lại cũng có lắm cái cốt bánh xe lửa người ta để dùng chạy tới 14 năm, có hơn 350 ngàn cây số mới không dùng nữa được; cốt bánh xe chở thang va nước chịu đựng được tới 15 năm.

Ấy cũng nhờ dùng bằng thép sắt ròng nó mới chịu đựng được lâu năm mới thấy nứt: tuy vậy chớ nó cũng có mòn

lần. Bánh xe bên Huê-kỳ thường làm bằng gan, nên cứng lắm không hay mòn, mà bởi nó cứng dòn nên cũng mau nứt. Tuy mau nứt vậy chớ dùng cho đến khi nó bể nó cũng chạy được một đường xa bằng 250 ngàn cây số rồi. Người Huê-kỳ lại cũng có dùng bánh xe làm bằng giấy ép có bao thép sắt chạy cho đến một triệu 300 ngàn cây số mới hư Cái vành bánh xe mắc cạ thường trên đường rầy sắt cho nên mòn mau lắm. nhưng nó lại chẳng phải mòn đều vì thế cho nên hễ nó chạy được 200 ngàn cây số phải lấy nó ra mà tiện lại cho đều, nghĩa là cho thiệt tròn. Thường bực trung thì các hảng xe để đợi nó chạy được 140 ngàn cây số mới thôi dùng nó; tuy vậy cứ mỗi 35, 40 ngàn cây số cũng phải đem nó ra mà tiện lại một lần. Như thế thì nó mỏng lần. Khi trước hết nó dày được 6 phân. Chừng nào nó mỏng còn 3 phân thì phải đem mà bỏ nó đi không dùng nữa Mấy cái vành bằng sắt thật tốt thì đi chừng 7, 8 ngàn cây số mới mòn chừng một ly; vậy một cái bánh xe tốt dùng đến mười hai năm mới không dùng nữa; thế mà có kẻ thấy có bánh xe chắc lâu mòn, dùng đến 25 năm mới trọn đời nó.

Gương luân lý

Gương chơn chất thật thà

Chuyện một nhà chẳng tham lam

Dân Ostiak là một thứ dân ở phía bắc nước Nga (Rut-xi) có tiếng về lòng chơn chất thật thà. Như có một chuyện nầy ai nghe cũng đều khen đều nhớ. Có một anh lái buôn Nga kia ở thành Tô bôn (Tobolsk) mà đi qua thành Bê-rê dốp (Bérésoff), rủi gặp trời tối phải ngụ nhờ ở trong một cái chòi người Ostiak; qua nầy sau người ấy ra đi dâu chừng một đỗi thì bỗ mất một cái túi bạc trong ấy có đựng đâu chừng một trăm đồng bạc. Con người chủ chòi bữa ấy đi săn về ngang qua đường ngó thấy cái túi bạc song chẳng rờ chẳng động tới, mà lại đi về luôn. Về đến nhà nó chỉ thuật lại cho cha nó hay rằng nó có thấy một cái túi bạc của ai bỏ rơi. Cha nó lật đật biểu nó trở lại chỗ túi bạc ấy lấy cỏ rác cùng đất mà đấp lại, có ý cho những người đi đường qua lại không thấy mà lượm, để chờ người chủ mất có trở lại kiếm thì sẽ chỉ.

Chờ như vậy đã hơn ba tháng mà chẳng thấy ai tới kiếm hết cã. Đến bữa kia người nước Nga ở bên thành Bê-rê-dốp trở về, ghé lại nhà ấy mà dậu nữa, bèn thuật chuyện mình có làm mất một cái túi bạc. Người chủ nhà bèn hỏi: « Nói vậy chú đây, làm mất túi bạc sao? Thôi, không mất đâu mà lo. Để tôi biểu thằng con tôi nó dắc chú đi lại chỗ túi bạc rớt mà kiếm thì xong. »

Người ấy đi theo thằng con của anh chủ nhà, dắc đến chỗ túi bạc rớt khi trước nó chôn còn đó mà chỉ thì người lái buôn kiếm lại được túi bạc còn y nguyên.

Chuyện thằng Phi-líp không tham

Có một người ở rẫy thiếu tiền của người lân cận, mà không có tiền trả, người bèn tính với chủ nợ mà trả nợ bằng gà của người nuôi. Chủ nợ cũng bằng lòng; người ấy bèn đem gà qua nhà chủ nợ mà trả thế.

Gà ấy không nhốt trong chuồng, nên qua bữa sau mấy con gà mái mắc đẻ, quen theo chỗ nhà cũ, nó bèn trở về nhà chủ trước mà đẻ. Lúc ấy chủ nhà mắc đi khỏi, còn có một mình thằng con là Phi-líp độ chừng 7 tuổi chớ không lớn ở nhà mà thôi. Nó nghe gà cục tác đẻ, một lát nó chạy ra vạch rơm rác nơi ổ mà kiếm, thì ngó thấy có trứng. Nó nghĩ rằng: « chà! đây có trứng gà ngon, tôi ưa lắm; đây chừng má về thấy chắc mừng lắm. Má đem luộc ăn ngon biết bao nhiêu. » Một lát kế nó nhớ rằng: « Uả mà không được, trứng gà nầy là của gà mái của người lối xóm ta mà! Lẽ nào ta đoạt của họ sao? Tôi nhớ bữa hôm thầy có dạy hễ thấy vật gì của ai rơi đâu hễ biết chủ thì phải tìm chủ mà trả lại. Thôi thì ta không phải chờ ba má về làm chi, ta phải đem mà trả lại cho họ thì xong. » Nghĩ rồi nó bèn lấy mấy trứng gà, chạy đến nhà người lân cận, gõ cửa vô mà nói rằng: « Đây

nầy, tôi đem trứng gà của mấy con gà chú nó qua đẻ bên nhà tôi.» Người lân cận mới hỏi:

—Ai biểu cháu đem qua đó?

—Dạ không có ai biểu cã.

—Uả, không ai biểu sao cháu lại đem qua?

—Dạ phải, dầu cháu không đem, cha mẹ cháu cũng có lẽ biểu đem trả chớ. Mà cha mẹ cháu lại không có ở nhà.

—Mà sao cháu lại không chờ cha mẹ cháu về.

—Dạ, cha mẹ cháu đến trưa mới về; mà từ bây giờ tới trưa, cháu không có được phép giữ vật chi của chú chớ không phải của cháu.

Chuyện ông già đui

Ở nơi đường đi từ thành Charité qua thành Nevers, có một ông già đui ngồi dựa lộ mà xin ăn. Ông có một đứa con gái còn nhỏ theo dẫn đường. Nhờ đứa nhỏ giỡn cười vui vẽ, ông già cũng được vui vẽ chút đỉnh Những kẻ đi đường thấy con nhỏ ngộ nghĩn cũng thương lắm khi bỏ su vào nón ông già mà bố thí.

Bữa kia đứa nhỏ đương ngồi chơi ngoài lộ, bỗng thấy buội bay mịt mù kế có một cái xe tờ chạy ngang qua. Đứa nhỏ chạy nép trong lề, chừng xe qua khỏi, buôi bay hết rồi nó trở ra lộ mà chơi nữa. bèn thấy có một cái túi bac, chắc là của người trên xe làm rớt. Nó bèn lượm đưa cho cha nó. Ông già cầm túi mà xem, biết có bạc tiền nhiều, và thấy túi có khóa, nên cũng không mở ra làm chi. Ông nói: của nầy là của hoạnh tài chớ khá lấy làm chi. bèn tinh đam đến thành Charité mà giao cho quan trên để tìm chủ mà trả. Lúc ấy có người nhà quê đi qua thấy vậy hỏi, ông già nói thiệt thì người ấy biểu ông lấy đi mà làm giàu, vì chắc là trong ấy có bạc giấy rất nhiều. Ông ấy nói thà đói rách nghèo khổ mà lòng trong sạch còn hơn lấy của hoạnh tài. Bèn đem đến thành Charité mà giao cho quan. Bữa sau có chủ bạc đến hỏi, biết người chơn chất, bèn thưởng tiền rất hậu, mà ông cũng từ chối không chịu lấy.

Sau người nhà quê gặp ông bèn hỏi: «Đó ông làm mặt thật thà không lấy túi bạc hôm trước, gặp của trời cho rất nhiều mà chẳng ham, đến nay ông coi có giống gì, ông có được giàu có chăng?»

Ông nói: «Tôi còn chứng đây là được cái lòng trong sạch, không hổ với lương tâm, vì biết rằng là tôi làm phải.»

Thay hồn đổi xát (n° 8)

(tiếp theo)

Cách trí tiểu thuyết Tây: THANH-TÂN diễn nôm

Mấy lời ấy khiến cho chàng Ram thêm bối rối và càng muốn tọc mạch hơn nữa. Những lời đó dường như ở trung-tim cái kin-nhiệm. Mà dầu nó có tả ra cái sự thiệt hay sự mơ màng đi nữa, thì nó cũng có dính dấp với cái số phận của chàng Ram một cách rất là chặc chịa. Chàng mới nói giọng vừa êm thắm vừa ồ ề rằng: « — Nàng ôi, như tôi có làm mệt nhọc hay làm rộn cho nàng, xin nàng tha lỗi... Nhưng bổn phận tôi buộc phải hỏi thăm nàng. Cái tương lai và cái phước mạng của nàng đang ở trong cơn nguy khốn. Nàng nói với tôi thì không sao, chớ nói cùng ai khác, dẫu là cùng thân-mẫu của nàng cũng vậy, đều là nghe ra rất lạ kỳ, khó nỗi tin được, thì cái tự-do của nàng e không khỏi phải bị bắt buộc. Chắc là chẳng có ai tin nàng được. Duy có một mình tôi đây nghe nàng mà rất tin cậy, rất khoan dung, rất ước ao muốn biết cái sự thiệt của nàng mà thôi. Cho nên tôi xin nàng ránh sức mà chịu phiền cho tôi ở trước mặt nàng đây trong một lúc cần kíp và xin nàng trả lời thật tình hết cho tôi nghe, đừng có ngại chi cả. Ấy là sự cần kíp lắm đó nàng!..

Nàng nghe chàng nói, nàng vừa buồn vừa nghiêm, nhưng thấy cái giọng nói cái cách ngó của chàng mà nàng vững bụng. Nàng nói mà có hơi rung ràng: «Tôi sẵn lòng lắm. »

Chàng suy nghĩ một hồi, tự thắng lấy mình, rồi làm gan hỏi rằng:

— Nàng nói nàng không biết tôi. Vậy chớ nàng chắc thật vậy không?

— Thiệt chắc vậy chớ.

Nàng Y-huê-linh nói mà cũng ràng làm tỉnh táo; nhưng thấy môi nàng hơi rung, dường như trong lòng bối rối. Chàng hỏi tiếp:

— Như vậy thì nàng không cho rằng chúng ta đã thành vợ chồng nhau, không chịu rằng vợ chồng ta ở với nhau được ba tháng rồi phải chăng?

— Tôi dám chắc rằng không.

Chàng bèn đi lại mở tủ, lấy ra một xấp bao thơ từ và một tờ giấy lớn dày trong, rồi nói rằng:

— Đây là những thơ của nàng gởi cho tôi. Còn đây là cái tờ chứng đám cưới của chúng ta.

Nàng châm chỉ nhìn mấy cái thơ, rồi xẹm cái tờ hôn thú mà cãm lòng rung sợ.

Nàng bèn nói tiếng nghe dường như tắc rằng:

— Tôi coi thiệt phải tuồng chữ của tôi đến trọn cái thơ viết cũng là của tôi, song thiệt là chẳng phải *chánh tôi* viết đâu!

— Cha mẹ, anh em, chị em, thân bằng quí hữu của nàng, đến hết thảy ai ai cũng đều sẽ nói cho nàng biết rằng, chúng ta đã ở trong nhà nầy từ khi chúng ta đã cưới hỏi nhau rồi; vậy ràng hãy ráng mà nghĩ nhớ thử lại hết coi...

Nàng chối cãi dường như phàn nàn rằng:

— Tôi thề chắc, tôi chẳng phải là vợ của chàng hồi nào cả.

— Như vậy thì nàng chẳng nhớ một việc gì xảy ra từ khi ta hỏi nhau và những sự chi trong lúc ta ăn ở chung với nhau tất cả sao?

— Tôi còn nhớ rõ ràng những sự cưới hỏi *của chàng* và sự ăn ở của chàng với *một người khác*.

Nàng trả lời câu ấy mà có hồi mất cở đỏ mặt có hồi mặt lại tái mét.

— Mà làm sao nàng lại nhớ được?

— Tôi không hiểu. Tôi thấy như trong giấc chiêm bao... như thể trong một việc mà có tôi chen vào một cách bí mật, không ăn nhập với tôi... hay hoặc như là một việc chi nó lộn vô công việc của tôi bằng một cách lạ thường tôi không hiểu được.

Chàng Ram nghe nói mà tháo mồ-hôi tráng, chảy xuống có giọt to. Chàng bèn hỏi tiếp:

— Như vậy thì nàng thấy người khác kia nơi nhà cha mẹ nàng được, nơi trước mặt Đức thầy Xanh-Rọt và tại nhà đây nữa chớ? Nang cũng biết rằng tôi phải mắc bịnh, mà bịnh của tôi đó cũng về người mà ra? Nàng cũng biết rằng rồi người đó cũng đau nữa, người đó đau thì có quan thầy... có lẽ nàng biết tên quan thầy đó nữa mà?

Nàng nói: « — Quan thầy Bet xi Cô-li-manh.

Chàng bèn giơ tay lên nóc nhà mà nói: — Phải a! Lẽ nào mà nàng lại nhớ rõ hết công chuyện của người khác, mà là người thuở nay nàng chưa hề thấy lần nào hết vậy? Vậy chớ như nàng mà tưởng rằng cái người đó là nàng, thì chẳng là phải lẽ tự nhiên hơn sao?

— Tự nhiên hơn? cũng có lẽ, nhưng không phải là sự thật vậy!

Nàng nói câu ấy mà dọng nghe rất quả quyết làm cho chàng Ram phải bắt ngạc nhiên.

Nhưng mà chàng đã quyết ý, chẳng kể gì đến mấy sự cảm tình ấy, chàng mới hỏi:

— Nàng nói cho tôi biết hơi hơi coi nàng có nhớ được những sự chi đã xãy ra trong lúc sau chót nầy hết là tự hồi nào chăng?.. Ý tôi muốn nói những sự nào nàng nhớ mà có ăn nhập về nàng Y-huê-linh thật mà thôi.

Nang suy nghĩ vài phân rồi nói:

— Tôi không nhớ rõ có phải là ngày 27 hay 28 tháng ba gì đo, nhưng có lẽ chắc là ngày 28 là chót hết.

Chàng Ram bèn đi lấy xấp nhựt-trình *Daily mail* nằm trên bàn gần đó mà đem lại chỉ ngày. Nang ngạc-nhiên mà rằng:

— Mồng hai tháng mười năm 1903 lận!

— Bởi vậy nàng không nhớ gì đến nàng nữa từ đã 6 tháng nay rồi. Như vậy có phải là vô ý chăng?

Nàng lấy làm bồi hồi. Trong gương mắt nàng mở hoát ra xem như có vẻ ưu sầu sợ sệt. Nang bèn nói:

— Vậy thì trong 6 tháng tôi ở cõi ngoại kia à!

— Mà nàng hãy tưởng nhớ rằng: xác của nàng thì đây... Nàng hỏi thử coi ai ai cũng sẽ nói như vậy hết thảy.

Nàng nghe rồi sững sốt. Trên nét mặt đẹp đẽ của nàng lộ vẽ lo sợ, còn chưa mày thấy lắng hủn biết

rằng trí nàng đương nghĩ ngợi. Nàng rỉ nói:

— Thiệt ghê lắm!.. mà làm sao bây giờ... Tôi vắng mặt đã 6 tháng nay mà xát tôi chẳng có theo tôi sao?

— Mà xác thân nàng lại sống nữa chớ. Nàng bèn giấu mặt mà rên la lên rằng:

— Khổ thân lắm. Trời ôi!

Chàng Ram bèn nói nho nhỏ có ý tưng tiêu nàng lắm mà rằng:

— Vậy nàng nói cho tôi biết coi lúc ấy nàng ở đâu, được chăng?

Nàng rung rẩy cả mình mà than rằng: «— Hỡi ôi! tôi tìm kiếm hết sức mà nói, ngặt tôi không biết được. Ấy là một nơi rất nên ghê gớm, làm cho tôi chẳng giứt đớn đau rên siết.

— Vậy chớ có giống người chi khá nữa sao?

— Có đủ thứ người hết.

— Mà là người ta phải chăng?

— Cũng người như tôi đây vậy.

Trong trí nàng xem như có vẽ sáng chi đi qua, nàng tiếp nói:

— Ừ, giống người cũng như tôi đây vậy... *cũng như tôi hồi còn ở đó vậy.* Cũng người giống như ta trên dương thế nầy mà lại có khác hơn À phải, hèn chi mà bây giờ tôi mới rõ tại sao cái thân tôi lại ở đây.

Lặng trang một hồi, chàng Ram tưởng mình không nên hỏi nàng lắm. Thấy nàng còn lúc ương yếu như vầy mà hỏi gắt quá, thì ra lòng hung ác lắm, chàng mới nói:

— Thôi, nàng bây giờ cần phải dưỡng sức lại. Để tôi đi kêu quan thầy và cũng cho cha mẹ nàng hay nữa. Nhưng tôi cũng muốn hỏi nàng một đều nữa, ấy cũng vì nàng vậy, tôi xin lấy danh giá người tử tế ma cầu hỏi nàng một đều. Vã chăng nàng đã rõ cơ sự xảy ra cho tôi với *người kia* có lẽ nàng cũng biết tôi vì sao mà tôi cầu ông thầy Cô-li-manh trước chớ!.. Vậy tôi ước ao sao nàng sẵn lòng kê môi vào bàn tay tôi đây mà làm như nàng đã biết vậy thử coi.

Nàng còn ngập ngừng dụ dự, nơi má ửng đào hồng, song khi ngó thấy chàng Bơ lu-oanh-cơn cung kỉnh thật tình, nàng bèn ra dấu chịu thử...

Chàng Ram ấy tay ra thấy không có gì bèn nói:

— Thiệt chẳng có gì hết.

Rồi chàng châm chỉ xem cái môi nàng mà nói nữa rằng:

— *Bây giờ đã ra người khác hẳn hơn trước rồi.*

(Hồi thứ bãy sau tiếp)

3e ANNÉE — Nº 150 — 16 SEPTEMBRE 1926

KHOA HỌC TẠP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1° — M. BUI QUANG-CHIÊU *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*
2° — M. LÂM-VĂN-HUÊ, *Commis indigène des Services Civils.*
3° — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics à Cholon.*
4° — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*
5° — M. NGUYỄN-KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon*
6° — M. NGUYỄN-VĂN-ĐỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*
7° — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*
8° — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN, *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*
9° — M. TRẦN VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Paris.*
10° — M. TRẦN-QUANG-NGHIÊM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*
11° — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*
12° — M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3.00		

MỤC LỤC

Bá nghệ lược giải (nghề đặt rượu, làm giấm) (tiếp theo)..... 2640
Văn chương nôm (nhị độ mai chú giải) (nº 17) (tiếp theo)..... 2645
Gương luân lý (gương có trí)..... 2649
Thay hồn đổi xát (nº 9) tiếp theo :... 2651

Bá nghệ lược giải

Nghề đặt rượu, làm giấm *(tiếp theo)*

(Industrie du vin, de l'alcool, du vinaigre)

Rượu cidre. Cách làm.— Mấy nơi không có nho, hoặc trái nho không chín thi người ta dùng nước trái bôm (pomme) mà làm ra một thứ rượu kêu là rượu *cidre*, lấy nước trái lê (poire) mà làm ra *rượu lê* kêu là *poiré*. Rượu cidre ngon hay không cũng là tùy theo thứ trái bôm. Mà trái cũng có nhiều thứ lắm, kể ra có hơn một trăm thứ. Nhưng mà người ta chia rượu cidre ra 3 hạng: đắng, ngọt và chua. Thứ tốt hơn hết là thứ đắng; nước nó hơi đặc đặc, ngọt hơn, mà lại dễ lóng trong, để dành lâu được. Kế đó thi trái bôm ngọt, chớ còn bôm chua thi làm rượu không ra gi cả mà lâu thi rượu nó trổ ra đen.

Cách làm rượu cidre không khó. Khi hái trái bôm về thi để riêng nó một nơi khô ráo chừng một tháng, một tháng rưỡi cho nó thiệt mùi, có trái nào thùi thi lựa mà bỏ đi, còn mấy trái tốt thi đem mà đâm nát. Cái thịt nát đó đem để đống lại một nơi chừng 10, 12 giờ cho nó trổ màu vàng hồng cho thiệt tốt thi người uống mới ưa. Rồi đem vào máy ép mà ép nớ trong 3 bận cho nó ra hết nước.

Như thế thi làm ra được 3 thứ hạng nước. Hạng nước ép lần thứ nhứt tốt hơn hết kêu là *gros cidre*, thứ nước ép hai lần sau kêu là *petit cidre*, là thứ dở không ngon vi là ép lại cái xác thi nước làm gì cũng phải thua cái nước nhứt. Nước ép xong đem đổ vô thùng to mà để chừng một tháng cho nó hóa rượu. Ba mươi ngày sau nữa thi nó thiệt thành rượu cidre uống được, Chừng ấy thấy nó trong vắc, nước ngọt, có hơi rượu nồng nồng mà uống ngon lắm. Nếu đem ra uống liền thi nó ngon, mà muốn để lâu thi phải tim cách để dành nó, chớ không thi nó hư nghĩa là nó hơi đắng và chua chua.

Lịch sử. — Nhiều người cho gốc rượu cidre là của dân E-dip và dân Do-Thái (Juifs) bày ra Nhưng người ta đã có bằng cớ

rằng những tổ-tiên của người Pháp là Gô-loa đã biết cách làm rượu ấy rồi. Tuy vậy mà cho đến rốt kỷ-thứ 13 đầu kỷ thứ 14 thì rượu ấy mới dùng đều cả xứ Normandie, rồi tràng ra các tĩnh khác gần đó. Đến ngày nay cũng tại nơi các tĩnh ở gần đó và nhứt là ở tại miền Normandie thì rượu cidre đều là ngon hơn các nơi.

Nghề đặt rượu mạnh

Chúng ta đã biết hễ vật gì có đường, hoặc làm ra đường được mà để ủ lâu thì nó hóa ra một thứ hơi kêu là *thán khí* (acide carbonique) và một thứ nước hay bày hơi là *rượu* (alcool). Bởi vậy mấy thứ rượu ta đã kể trước kia đều là có một phần rượu thiệt ở trong ấy, còn bao nhiêu thì là nước và các chất khác. Những rượu nho (rượu chác), rượu la-ve bán thường ngoài tiệm bên xứ ta ít có khi nào có rượu nhiều đến 15, 20 bực rượu lắm. Còn những rượu mạnh như rượu đế, rượu rơm, rượu cổ-nhác (Cognac) người ta dùng đó thì là rượu có đến 50, 60 bực, nghĩa là 50, 60 phần trăm rượu, còn bao nhiêu là nước. Những rượu ấy gọi là *rượu mạnh* tây kêu là *eau-de-vie*. Còn rượu lên tới 7, 8 chục bực thì gọi là rượu cao bực, tiếng tây kêu là *esprit*. Rượu ròng lên đến 100 bực mới gọi là rượu tinh anh *(alcool pur)*.

Tánh rượu hễ có hơi ấm thì bay lên mau lắm, cho nên cũng dễ lọc hơi mà lấy nó ra, kêu là *đặt rượu* (distillation de l'alcool).

Người ta có thể đặt rượu ở trong nhiều vật ra lắm, nhưng có vật dễ lấy, có vật khó lấy. Dễ lấy là như lấy rượu đã có sẵn ở trong mấy thứ rượu đã có nói rồi như là rượu chác, rượu la-ve, rượu cidre, vân vân. Rượu khó lấy, là rượu phải lấy ở trong mấy vật không có đường mà làm ra cho có đường, rồi đường ấy phải làm cho thành hơi rượu, mới lọc rượu ấy ra, công việc phải nhiều phải khó khăn; như rượu nếp, rượu khoai, vân vân.

Cách lọc (đặt) rượu mạnh. — Các thứ rượu mạnh đều phải dùng cách lọc hơi mới lấy ra đặng; lọc hơi thì phải cậy đến sức nhiệt (chaleur). Lọc như thế thì phải dùng nước gì mà có rượu lộn sẵn ở trong ấy (như nước cơm rượu, như rượu nho, rượu cidre, vân vân). Đã biết rượu alcool có hơi ấm thì bay hơi lên mau lắm (sức nhiệt

chừng 78 bực thì rượu đà lên hơi); nó lên hơi mau hơn nước (vì nước phải nóng đến đủ 100 bực mới lên hơi), cho nên nếu ta khéo chụm lửa cho vừa đủ sức nóng thì rượu hóa ra hơi mà bay lên; khi ấy ta dụng cách thâu lấy cái hơi rượu ấy mà làm cho nó lỏng lại thì ta có rượu.

Lọc rượu phải dùng đồ đặt rượu kêu là *alambic*. Đồ lọc rượu to lớn có nhiều thứ, có thứ để lọc luôn luôn không giứt, chừng nào hết nước để lọc mới thôi, có thứ để lọc chừng ít lâu phải ngưng mà tháo ra chùi rửa mới lọc lại.

Rượu lọc lần thứ nhứt còn lộn nước nhiều, cho nên rượu cũng còn thấp bực; muốn cho nó cao hơn chút nữa thì đem nó mà lọc lại như trước vậy nữa. Nếu lọc được nhiều lần thì rượu càng cao bực thêm.

Rượu lọc ra thì trong trẻo như nước mưa. Rượu mạnh cũng thế, nếu để trong veo vậy mà bán thì kêu là rượu mạnh trắng (eau-de-vie blanche) cũng như rượu trắng, rượu mai quế, tam chưng (rượu rừng) của ta vậy. Ta thường thấy rượu mạnh có màu vàng vàng đục, ấy là màu giả của người ta pha vô, nghĩa là đựng nó ở trong thùng rượu làm bằng cây chêne chừng ít lâu nó rút màu cây mà hóa ra hơi vàng đục vậy; nó cũng rút luôn lấy mùi vị của cây mà thành ra có mùi thơm chút đỉnh.

Những rượu mạnh có danh như bên Pháp thì có *rượu mạnh ở Cognac*, rượu *Armagnac*, rượu *ở Montpellier*.

Nghề đặt rượu ta nói sơ qua mà cũng đã nhiều, nên không thế nói rõ cách đặt rượu trắng (rượu nếp) ra đây nữa. Ngày nay có nhà máy đặt rượu nếp người ta dùng cách hóa học và dùng máy móc to lớn, làm ra mỗi ngày hơn mấy chục vạn lít rượu, thì cũng không thế tả ra đây cho hết.

Còn rượu người ta lọc lên cao bực đến 8, 9 chục bực thì không phải là rượu để uống được; rượu ấy để dùng trong công-nghệ, trong nhà thuốc kêu là *alcool rectifié*. Rượu để dùng trong công-nghệ lại có thứ rượu lọc ở trong cây trong củi ra kêu là *rượu cây* (esprit de bois) Những cây củi để vô trong lò kín mà đốt thì nó ra hơi khí đốt, ra vật khác và ra cái hơi người ta lọc lại nữa mà làm rượu cây. Rượu ấy không uống được, duy để làm rượu đốt lửa mà thôi (alcool à brûler).

Ngày nay nghề đặt rượu ở nước nào cũng thịnh hành cả. Bên ta đây nghề chi cũng còn vụng về, duy có nghề đặt rượu để cho dân uống thật là thịnh hành và lợi to lớn lắm. Cái rượu thi có ích trong việc công-nghệ mà hại con người chẳng biết bao nhiêu mà kể. Hết thảy các vị lương-y cũng đều cho rượu là hại cho thân thể, cho trí nảo con người. Annam ta sự học hành chưa tấn phát mà nhà nước lại có ý dục cho nghề đặt rượu thêm phát đạt đặng làm rượu cho nhiều mà bán cho người Annam dùng, càng dùng thi càng thêm gầy mòn thân thể, lu mờ trí khôn, thật là lợi cho ta không thấy bao nhiêu chớ hại thiệt là nhiều lắm. Nước nào cũng biết cái rượu là hại cho con người, nên mấy nước văn-minh có nơi cấm dân dùng rượu, có nơi làm sách khuyên răn người chớ khá ham rượu mà hại thân hại trí. Đồng bào ta thường có tài ăn uống thi giỏi mà tài lập thương công nghiệp nghệ thi dở, nhưng ít kẻ biết lo, không sớm tránh cái hại về rượu mà lo việc làm giàu cho nước thi ắc là để hại lớn về sau nhiều lắm.

Nghề làm giấm

Rượu nho để hở ngoài khi trời lâu ngày nó bị một thứ vi-trùng giấm kêu là *mycoderma-aceti* nó ra thành ra chua mà làm ra giấm (vinaigre).

Tuy vậy làm giấm cũng có nhiều cách:

Cách làm giấm ở Orléans. — Cách nầy làm ra giấm ngon lắm. Ở trong một cái phòng kín riêng người ta sắp năm bảy cái thùng rượu không, mà thùng đã có dùng mà làm giấm trước khi rồi, đặng nó còn cái gốc con giấm mẹ (mère de vinaigre). Thùng ấy có khoét hai lỗ ở phía trên đầu, một lỗ để đổ rượu vô trộng hơn, và một lỗ nhỏ để cho hơi ra vô.

Trước hết đổ vô thùng một phần giấm tốt mới nấu sôi; rồi cứ mỗi 8 ngày thi đổ thêm vô 10, 12 lít rượu nho. Chừng nửa tháng thấy nó thành giấm đều. Từ ấy về sau cứ mỗi 8 ngày thi lấy ra mỗi thùng 10 lít giấm mà đổ thế vô 10 lít rượu nho khác, cứ vậy mà làm hoài thi có giấm hoài. Rượu để làm giấm phải cho trong thi trước khi phải lọc nó trên mạc cưa cây hêtre.

Cách làm giấm của ông Pas-

teur. — Cách nầy mau lắm. Để rượu vô trong chảo cạn, rắc con giấm cũ đương thành giấm lên mặt nước rượu ấy, để chừng vài ba ngày thấy rượu đều thành giấm hết.

Cách làm giấm của A-lơ-măn. — Cách nầy đổ rượu lên trên giâm, mạc-cưa cây hêtre mà có rắc sẵn con giấm *mycoderma-aceti*, cho nước rượu chảy lọc xuống đáy thùng thi nó thành giấm. Cách đó tựa như cách lọc nước ở trong thùng có để cát với thang vậy.

THANH TÂN

VĂN CHƯƠNG NÔM

Nhị độ mai chú giãi (*nº 17*)

(Tiếp theo)

Mới hay trời với giai nhân,
Được riêng chữ tiết, nắm phần chữ danh.
Làm cho chán nỗi sự tình,
Trải bao nạn trước mới dành phước sau.
Tiểu-thơ từ xuống đầm sâu.
Hồng-vân một đóa đón đâu nửa chừng.
Ào ào tiếng gió riu vần,
Giữa trời vụ giá vần đẳng đem đi.
Bấy lời thần tướng xa nghe :
Ta đây vưng mạng đưa về Trung-hoa.
Giờ lâu bỗng thấy chửn sa,
Nhìn thôi mới rõ một tòa danh viên.
Canh khuya vắng vẻ bốn bên,
Thôi năn nỉ khóc lại rìn rỉ than.
Tỉnh mê riêng những bàn hoàn,
Nào non nước tá? ủy! vườn tược đâu?
Chẳng hay là đất Trung-châu,
Nhà quan Ngự-sữ là Trâu-bá-Phù.
Ông đương thượng lị đông đô,
Để lưu con gái với phu-nhơn nhà.
Tiểu-thơ vã bực tài hoa,
Quê phòng tiểu tự gọi là *Vân-Anh*.
Đốt hương vừa buổi đêm thanh,
Nghe đâu ti tí như hình tiếng ai.
Giờ lâu truyền dạy con đòi,
Soi đèn xem thử có người đâu đây?
A-huờn vâng mạng ra ngay,
Soi xem bồng rụng rời tay trở về.
Rằng : « Người đâu xem dị kỳ!
Đính đầu lông ngược, vẳn về áo lưng.
Ở đâu về đấy nhưng nhưng,
Ấy rằng quỉ sứ hay là hồ-tinh? (178)

Một nhà sào gậy xúm quanh,
Hạnh-Nguyên mới bạch thiệt tình trước sau.
Thấy người phong thể cữa hầu,
Dạy cho vào đấy trước lầu hỏi han.
Hạnh-Nguyên mới kể nguồn cơn,
Nỗi nhà chích mích, nỗi oan rạch ròi.
Hòa Phiên khi đến nước ngoài,
Miễu thần ứng mộng nhạn nhai gieo mình. (179)
Phép linh cải tử hoàn sanh, (180)
Ở hiền may lai gặp lành đến đây.
Phu-nhân rằng: « Ấy mới hay!
Thế gian cũng có sự nầy lạ ghê!
Thần còn cứu kẻ nhân nghì,
Dễ mà người chẳng liệu bề xót nhau?
Ở đây chớ ngại chi đâu,
Cho làm nghĩa-nữ (181) bạn bè tiểu-thơ.
Rồi sau nhắn bảo mẹ cha,
Trời cho khi dễ họa là gặp nhau.
Hạnh-Nguyên vâng mạng trước sau,
Sụt ngồi nàng mới gặc đầu mấy phen. (182)
Vân-Anh từ được bạn hiền,
Yêu bên chữ sắc, trọng bên chữ tài.
Hai người như thể một người,
Ngang tay tú các, sánh vai lan phòng. (183)
Dệt thêu học việc nữ công,
Lúc chia hoa ướp, khi chung phấn giồi.
Hạnh-Nguyên khi đứng khi ngồi,
Khóc thầm trong vắng, gượng cười ngoài sân.

* * *

Nàng đà được chốn an thân,
Xót thay chàng Bích chàng Xuân hai người.
Ải quan chân chữa kịp dời,
Mả bài đã có chỉ đòi Đảng-Công.
Chẳng ngờ Lư-Khỉ tấu trong,
Thiên-lao đã bắt vợ chồng Đông-Sơ.
Hai chàng còn tiễn tiểu-thơ,
Cũng cho mật chỉ truyền cho bắt về.

Đẳng-Công chống chế mọi bề,
Cấp thêm hành lý giục đi lánh mình,
Cùng nhau hai gã thơ sanh,
Ngẫn ngơ quê khách, gập ghình đất xa.
Trời hôm bóng xế tà tà,
Côn quang (184) đâu bỗng gặp ba bốn người.
Lòng tham còn biết thương ai,
Cướp hành lý hết, áo ngoài sạch không.
Tạm ngồi trước miễu bên sông,
Thuyền quan nghe có thùng thùng trống canh.
Nghĩ mình là kẻ gian tinh,
Nghe hơi kéo một đạo binh lên bờ.
Xuân Sanh kíp lánh đường xa,
Bắt liền Mai-Bích mới đưa xuống thuyền.

*
**

Chàng bèn cất mặt trông lên,
Thấy trong khoang giữa ngồi nền một ông.
Bấy lời xăng xăng tiếng đồng:
« Tên kia sao khéo cả lòng mưu gian ? »
Sanh rằng ; « Đâu dám to gan,
Đèn trời xin thấu nỗi oan cho người.
Tôi cùng người bạn anh tôi,
Tìm người thân thích lạc lài đến đây.
Nào ngờ ra sự chẳng may ?
Dám xin xét tấm lòng ngay được nhờ. »
Ông xem ra dạng con nhà,
Truyền đem nghiên bút thử vài câu chơi.
Chàng vưng lãnh bút cứ bài,
Viết xong chế nghệ một bài nạp đi.
Lão phu nhản nhục nan tri, (185)
Thử cho thời chớ, dầu chê dám nài.
Bước lên xin hãy mời ngồi,
Ảo đưa một cặp vắn dài quản *chi* ?
Gặp nhau dễ dấu nhau *chi*,
Họ tên sao đấy, ở quê xa gần ?
Dặn lòng Sanh những ngại ngần,
Giả danh ta sẽ nghe dần về sau.

Thưa rằng: « Xin kể gót đầu,
Tên *Vinh* họ *Mục*, *Thường-châu* là nhà. »
Ông rằng: « Quê đấy chẳng xa,
Có quen Mai thị những là hay không? »
Sanh rằng: « Cũng ở một vùng,
Bạn bè cũng biết có công-tử chàng.
Từ khi gặp biến phi thường,
Chẳng hay đâu đấy tìm phương lánh mình.
Tôi nay vưng đẹp duyên bình, (186)
Xin tường quí quán đại danh được nhờ. »
Ông rằng: « Cũng chẳng đâu xa.
Ở *Giang-nam* tỉnh, tên là *Lạc-Thiên*.
Cách quan làm việc binh Phiên, (187)
Rày vưng khai phục ra miền ngọc kinh. » (188)
Đêm khuya trống đã sang canh,
Truyền đem gối nệm nghỉ mình khoang trong.

(*Còn nữa*).

Giải nghĩa chữ mắc

(178) *Hồ tinh*, con chồn thành tinh. Xưa những chồn tu lâu năm thì hóa ra người con gái lịch sự như tiên, hay quến rũ phá hại thiên hạ.

Con tinh thường người ta nói là con gái đồng-trinh chết oan chết tức mà hồn hóa ra con tinh vẫn vơ ở theo mồ theo mã, theo cây cối: thường nó hiện ra người đờn bà xinh lịch mà ghẹo người, nếu ai trả lời với nó thì bị nó bắt hồn mà chết.

(179) Nàng thuật lúc ở miễu-thần chiêm bao thấy thần báo ứng đến hồ Nhan-thẫm thì gieo mình.

(180) *Cải tử hườn sanh*, chết mà làm cho sống lai được.

(181) *Nghĩa nữ*, con gái nuôi.

(182) Nàng *Hạnh Nguyên* ngồi lạy bà phu-nhơn mà tạ ơn nuôi nàng làm nghĩa-nữ.

(183) *Tú các*, *lan phòng*, là phòng của người con gái.

(184) *Côn quang*, quân du côn, ăn cướp.

(185) *Thần nhục nan tri*, nghĩa là mắt thịt mà biết đâu chỗ hay.

(186) *Vưng đẹp duyên bình*, may mà được gặp anh em bạn, cũng như bèo rong gặp nước đều hạp nhau.

(187 và 188) Xưa lúc có giặc với binh Phiên thì ta bị cách chức, nay vưng chỉ phục chức nên trở về kinh mà làm quan nữa.

Gương luân lý

Gương có trí

Chuyện ông đại-tướng Béli aire

Hồi năm 540 vua nước Ba-Tư là ông Cosroès cầm binh đến đánh chiếm xứ Đông-Phương của người La-mã; binh vào đến tận xứ nước Syrie rồi. mới có sai đại-tướng Bélisaire ra chống cự: lúc đến nơi thì thấy tiền bạc binh lính đâu không có, việc gì cũng là rối loạn hết cả. Vào đến thành Héliopolis (nay là Balbeck) thấy binh tàn còn đương liều chống cự; ngài bèn thâu góp binh tàn ấy lại; mà lạ, ngài chẳng được nghe quân binh vui dạ như thường khi, lại nghe những câu kêu rêu rên siết mà thôi, có đứa nhúc nhát lại khuyên mau lo trốn, người gan dạ lại biểu thối binh; đại-tướng Bélisaire bèn nói với chúng nó rằng: «Nầy các bạn ơi, các bạn chớ khá trốn tránh sau vách thành nầy, hãy làm gan mà đi ra, theo ta đây; ta sẽ làm cho quân Ba-Tư kiên sợ ta mà coi.»

Bởi đại-tướng Bélisaire là có danh nhứt trong thời ấy, nên từ khi nghe có người thượng cờ hạ trại ngoài đồng ấy, thì danh đồn càng ngày càng lừng lẫy, tuy binh có ít mà tiếng đồn ra mạnh như có đạo binh nhiều. Chúa nước Ba-Tư bèn sai tướng đến khêu chiến.

Đại-tướng Bélisaire biết mình binh tướng ít yếu thế, bèn dụng cách nghi binh lựa chỗ đất có cây cối rậm mà dạy binh cất trại rất nhiều, làm ra một dãi trại mình mông xa lắm, khiến cho binh nghịch xem thấy ngỡ là có binh tướng hằng hà.

Lúc sứ thần của vua Ba-Tư sai đến trại mà ra mắt đại-tướng Bélisaire, thấy ngài ngồi trong chòi, mà có ít tên lính ngồi xung quanh, chẳng có gươm giáo chi cả. Có đứa lại đương mang lưới rập, đứa thì cầm cung tên; binh nghịch đã gần mà xem thế chẳng lo, lại tuồng như lo đi săn bắn, rất lấy làm bình tịnh tự nhiên như mình đã sẵn binh ròng tướng mạnh nên chẳng sợ chi hết cả vậy.

Ông Bélisaire tiếp sứ thần Ba-Tư một cách rất tự-kiêu, lại buộc sứ phải về tâu lại với vua nước Ba-Tư, phải mau mau rút binh giãn hòa cho tử-tế, bằng không ngài sẽ cất binh quyết chiến tức thì chớ không đợi binh Ba-Tư vào đến trại mình đâu.

Kế ấy rất thành hiệu. Vua Cosroès thấy Bélisaire rất nên cứng cỏi, nghi cho là có binh hùng tướng dõng nhiều, cho nên chịu giãn hòa.

Chuyện thống-tướng Luxembourg

Con người nhờ có mưu có trí, mà gặp khi bối rối, gặp lúc hiểm nguy cũng ra khỏi được. Như thuở trước, nhằm năm 1692, đại thống-tướng Luxembourg phải mắc ra binh đối địch cùng vua Anh-quốc là Guillaume III. Ông nầy lại là một ông vua biết điều binh khiển tướng rất có danh thời ấy. Lúc hai đạo binh gần xáp chiến, hai

bên cũng đồng sức, mỗi đạo binh cũng có 8 vạn đến 10 vạn.

Lúc ấy có một người thám-tử của đại thống-tướng Pháp bên vua Guillaume bị quân vua ấy bắt, rồi ép người ấy phải làm mật thơ giả mà gởi về cho thống-tướng mình. Thống-tướng Luxembourg, mắc kế phải lầm, bị quân nghịch thình lình cướp trại, nhưng mà nhờ có mưu trí ngài nên trở bại làm thắng được.

Đạo binh của ngài còn đương ngon giấc, thình lình hừng đông bị quân nghịch đến hãm: có một toán binh đã bại chạy dài rồi, mà ngài cũng chưa hay chi cả.

Nếu lúc ấy ngài không mưu mô can đãm, không tài trí lạ thường thì ắc là phải đại bại rồi. Nhưng cũng chẳng phải nhờ có tài điều binh khiển tướng mới là khỏi bại được. Cũng phải có nhờ binh tướng hăng giặc, có gan đãm mà biết nghe lời chủ tướng, phải có chư tướng tài tình, hết lòng vì nước mới là khỏi bại trận.

Vả lại thống-tướng Luxembourg lúc ấy còn đau, không được sốt sắn mới là càng khổ nữa; vậy mà gặp cơn nguy cấp, ngài sanh sức lực lại. Trong cơn nguy biến, mắc quĩ kế như vầy, duy phải có phép lạ tài hay mới là thoát khỏi. Vậy mà chỉ trong hai giờ đồng hồ, đại thống-tướng Luxembourg khai bài trận thế, góp binh ba lược đã xong xuôi rồi hết. Khi ấy đôi bên giáp chiến cùng nhau dữ dội. Rốt lại thì binh Pháp được cả thắng.

Ấy có phải là nhờ tài hay trí lẹ của ông Luxembourg mà đổi bại làm thắng chăng?

Vậy mà lúc ngài viết biểu về trào cho hay tin thắng trận có danh nầy, ngài chẳng có một lời tự-khoe, cũng chẳng nói đến sự đau ốm của mình trong lúc ấy.

THANH TÂN

Thay hồn đổi xát (n° 9)

(tiếp theo)

Cách trí tiểu thuyết Tây: THANH-TÂN diễn nôm

HỒI THỨ BẢY (VII)

Chàng Bơ lu-oanh-cơn kêu dây thép nói, cách một khắc có ông quan thầy Cô-l-manh đi lại, mà xem bộ có vẻ bồi hồi lo lắng, không dằng được vậy. Ông có dắc theo anh Đa-huit lực lưỡng người và một cô mập mạp, gò má đỏ hồng, mỗi lần cười có thấy hai đồng tiền rất sâu, dầu để hai cục đạn vô cũng được.

Quan thầy vô đến nhà, bèn kêu Trời mà nói: — Nầy chú kia, chú còn gạt tôi nữa không vậy? Thiệt cô ở nhà còn sống phải chăng?

— Còn sống thiệt.

Quan thầy bèn kêu: «— Đa-huit, đây có một việc làm cho các thầy pháp trong nước phải mừng vui đến nỗi đau đa... Nhưng hễ ta chưa thấy thì ta không chịu tin chút nào cả đâu... Mà cô mạnh hay còn yếu?

Chàng Ram nghe nói bèn ra dấu. Quan thầy bèn nói:

— Chắc rằng còn yếu hơn còn ruồi tháng mười-một chớ gì. Đó, chú thấy không? Tôi còn hờ sẵn các vật thực rồi kia.

Ông b n chỉ anh Đa-huit và nhứt là nàng mập béo kia mà nói:

— Đó mới thật là một cái thùng máu đa! Tôi coi bộ hôm qua nàng bịnh có hơi chê máu của anh bạn Đa-huit tôi... Có phải vì mất cỡ chăng? chắc là cô ưa máu đờn bà hơn... Hay lắm! hay lắm! Đây cô sẽ có mà ăn uống no nê. Mà cô Anh-ni đây chẳng tiếc chi chút máu đâu.

Chàng Ram xem ý không vui mà nói:

— Tôi tưởng Y-huê-linh chẳng cần dùng nữa đâu!

Ông thầy Bẹt-xi ngó chàng, coi bộ nghi ngờ lắm; ngài bèn trách rằng:

— Coi bộ chú không có lo trước sao chớ

— Nếu có cần kíp thì tôi đã lo rồi chớ. . Nhưng mà...

— Thôi, được! được! Để rồi tôi sẽ tìm ra mối cho rõ coi thể nào.

Ngài nói mà châu mày lại, đến chừng dòm thấy nàng Y-huê-linh bước ra, ngài bèn tươi nét mặt lại mà chào:

— Chào cô lạ đời rất vui đẹp nầy. Cô được mạnh giỏi vui lòng chăng?

Ngài bèn bước lại gần, làm như bộ người thợ câu sợ có sẩy con cá lạ chăng, nên nhẹ nhẹ rờ cườm tay của nàng Y-huê-linh mà bắt mạch. Một lát ngài bèn nói: — Bảy mươi sáu: Mạch nhẩy đều quá, mạnh mẻ như đồng hồ của tôi đây mà!

Thiệt mạch nhẩy và hơi thở của nàng thường quá, không chi lạ cả. Ông thầy xem thấy nửa vui mừng, mà nửa buồn bực.

— Thiệt mạch lạ nầy! Bữa nay nàng cũng như thường mà... Còn cái màu nước da nầy... Ở đâu mà nàng kiếm

được vậy?

Lần lần mặt ngài châu lại, chừng xem xong lại càng châu mặt lại hơn nữa.

— Thiệt là kỳ đời cho chớ! Xem in như người mới đến lần thứ nhứt vậy.

Anh Đa-huit có ý xem nên nói: — Nhưng thế nào đi nữa, tôi cũng xem thấy nàng coi bộ yếu quá.

Ông thầy nghe vậy nén vững lòng lại mà mỉn cười có hy vọng, bèn vỗ tay mà nói:

— Thiệt vậy! Lại cần phải làm cho nàng dưỡng sức lại cho gắp nữa.

Người bèn vui vẻ cúi xuống mà hỏi rằng:

— Cô chịu anh Đa-huit hay chịu cô Anh-ni?

Nàng Y-huê-linh nghe lấy làm thẹn đỏ mặt. Nàng nói:

— Tôi không chịu người nào hết cả.

Ông thầy giận nói: — Không chịu của ai hết! Hay là cô loạn trí rồi. Tôi đã nói cô phải cần dưỡng sức lại lắm mà!.. Thôi, nầy cô Anh-ni, đem cánh tay lại đây coi...

Nàng Anh-ni đem cánh tay tròn vo, mập ú, màu hồng hồng lại cho quan thầy. Quan thầy bèn nói:

— Coi đây, tươi trong như suối, tinh-khiết như không khí núi cao. Thôi, đây rồi cô mạnh giỏi lại cho coi mà!

Nàng Y-huê-linh day mặt đi chỗ khác

Chàng Ram lúc ấy đứng xem chẳng nói rằng chi hết, có ý để xem lại cho chắc, chừng thấy vậy bèn nói:

— Nàng bây giờ làm như vậy không được nữa đâu.

Ông tức đỏ mặt, nói lên rằng: — Sao vậy? Nàng nút không được nữa à! Hay là chú khi ngạo Bẹt-xi Cô-li-manh nầy chăng? Vậy thì như nàng mà cứ không chịu như thế hoài, thì cái mạng của nàng đó tôi có chịu cho không?

Lặng trang một hồi, ông thầy Cô-li-manh thì đi tới đi lui, cập mắt sáng ngần. Anh Ram thì ngồi chờ, có ý xem coi việc thể nào, còn chú Đa-huit và cô Anh-ni ngồi mà ngó. Ông thầy đi như vậy đâu chừng một phút, thì định thần lại. Ông mới ráng nói ra tiếng mềm mỏng không như cái tiếng hầm hừ thường khi của ông vậy nữa. Ông nói rằng: « — Nầy cô, đều tôi biểu cô đó thiệt là cần kíp lắm đa! Trước khi dùng thuốc và cho ăn uống, tôi phải biết cho rõ coi bịnh tình cô thể nào đã chớ. Cô cũng hiểu như vậy, tôi tưởng cô cũng phải nghe theo mà!

Nàng Y-huê-linh dùng mình một cái. Rồi nàng day lại hình như phải chịu nghe theo, bèn ra dấu cho cô Anh-ni đem cánh tay hường lại cho nàng kê môi vào mà nút.

Ông thầy thấy vậy bèn nói cách dỗ tưng tiêu rằng: — Vậy mới thiệt là người dễ biểu dễ thương cho chớ!

Chừng cô Anh-ni lấy cánh tay ra, thấy có dấu đỏ, nhưng khi xem kỹ cái dấu ấy, và cái môi nàng thì chẳng thấy chút dấu chi là có mau cả, làm cho ông thầy Cô-li-manh lấy làm thất vọng tức tối lắm. Ngài bèn ngó chàng Ram rồi day ngo qua nàng Y-huê-linh như dòm kẻ lường gạt, giả dối kia vậy; sau người buồn trí mới nói:

— Vậy thì không có gì hết sao, như vậy nàng không có đau ốm gì hơn chú Đa-huit, không lạ lùng gì hơn cô Anh-ni đây hết sao? Như thế, vì bây nhiêu đó mà thành ra tôi nói gạt bà công, tước phu-nhơn Mau-sơ-hinh (Mouse-hill) và ông Phê-thich đại-nhơn sao

(Fathead)? Thiệt đáng bỉ quá! Đáng buồn ghê! Thôi, tôi kiếu.

Ngài bèn đi ra, khép cửa lại một cái mạnh.

* * *

Ông vừa đi ra khỏi cửa thì con ở cho hay có bà Gơ-rô-huê-đên tới. Bà ấy đâm sầm đi vào, không kể gì cái hình thân mập ú bèn chạy lại ôm cổ con mà hun. Chàng Ram thấy vậy sẽ lén tránh đi nơi khác (theo phép lịch sự). Phải xem bà chừng trong năm phút và nghe chừng ít câu của bà nói thì biết ngay rằng bà không có chút nghi ngờ chi cả. Nàng Y-huê-linh cũng hun lại bà rất là sốt sắn và ôm hun một cách rất thương yêu, nhưng nàng liền hiểu mình bây giờ không thế nào nói thiệt được.

Bà Gơ-rô-huê-đên nói tiếng dường như mệt rằng:

—Bớ con ơi... (1) con đau hay không con?

—Một chút đỉnh mà thôi, mẹ à... Còn ba con, mạnh giỏi thế nào?

—Cha con bây giờ ở tại thành Li-huợt-bun (Liverpool), đương lo việc buôn bán ni-kên. Chừng một tuần lễ nữa mới về.

Bà mẹ nàng nói tía-lia không giứt, nói những chuyện nầy chuyện kia, không nghĩa lý chi. Còn nàng Y-huê-linh thì ngồi mà nghe bà mẹ nói chuyện cũng như ai nghe chim sẽ kêu ngoài cửa vậy. Những lời nghe ấy khiến cho nàng nhớ đến những lúc vui vẽ không cùng hồi thuở tuổi ấu niên, nhưng nó lại càng khiến cho ý nàng muốn giữ cái sự kín nhẹm gớm ghê cho một mình mình biết mà thôi. Nàng vì đương suy nghĩ như thế. nên để cho mẹ nói chi thì nói.....

Mẹ nàng đưa cho nàng uống một chén nước cháo bò của con ở bưng lên. Nàng thở ra mà uống cháo ấy. Xong rồi nàng ngồi trơ mà tưởng-tư sầu thảm. Biết sao bây giờ? Số phận mình chẳng hay bao nả? Bây giờ nàng không khác nào nửa còn thiếu-nữ nửa ra đàn bà. Một phần thân mình đã vào tay chàng Bơ-lu-oanh-cơn rồi! Cái phần ấy khiến cho nàng càng nhớ đến càng thêm mối sầu, ấm ức lòng đau.

Nghĩ rằng cái sự gả cưới nàng đây nào khác thể dụng cường quyền (lực) mà dày uồn thân nàng trong khi nàng mê mang giấc ngủ. Mà tuy thế, lỗi kia chẳng phải của chàng Ram... Nhưng vậy mà nàng cũng đem lòng oán hận; nàng nghĩ đến nỗi anh Ram đã rõ biết cả châu thân mình rồi mà lại chẳng biết mình thì nàng lấy làm hổ thẹn lắm;

Đà lắm phen nàng gần muốn khẩn mẹ đem mình về nhà; mà mỗi lần muốn như vậy, nàng nghĩ còn sợ e phải tỏ thật chuyện mình cho bà từ-mẫu nghe. Nàng dẫu nói gạt cũng được, song nàng lại ghét tật nói láo... Rốt lại đến lúc mẹ nàng ra về rồi mà mình cũng chưa định được lẽ nào. Nàng bèn sai người đờn bà hầu đem áo bận cho nàng, rồi nàng nằm dựa nơi ghế dài mà chờ anh Ram vô.

Lúc chàng đi vô, nàng Y-huê-linh, trong lòng thêm bối rối khó chịu trăm bề, mà chàng cũng vậy. Cả

(1) Chỗ nầy có mấy tiếng, dịch ra tiếng Annam nghe không được, như là: Chérie!.. pauvre petite chose...ma pâquerette.— My love.—

hai lúc ấy cũng đều tưởng mình bây giờ lại càng nhu rời rả hơn trước khi bà Gơ-rô-huê-đên tới thăm nữa. Nhưng vậy mà chàng thì không còn cái sợ, cái buồn như lúc còn phải mắc người kia; còn người nầy bây giờ thì xem ra tươi tắng, lịch-sự — mà *đồng trinh* nữa. Cho nên chàng lấy làm mê mang kinh mến lắm.

Còn nàng thì tuy thấy chàng, tưởng mạo khôi ngô vừa lòng đẹp ý mình, song nghĩ đến thân mà lấy làm nhục thân, đau đớn, dễ mà giận hờn cho lắm...

Sau rốt nàng bèn nói: « — Thiệt đau đớn xiết bao! Không thế nào.. thiệt là chẳng còn thế nào đôi ta còn ở chung nhau được. Tôi e rầu mà phải điên cuồng đi chăng!

(*Còn nữa*).

3• ANNÉE — Nº 151 — 23 SEPTEMBRE 1926

KHOA HỌC TẬP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1• — M. BUI QUANG-CHIÊU *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*
2° — M. LÂM-VĂN-HUÊ, *Commis indigène des Services Civils.*
3• — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics à Cholon.*
4• — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*
5• — M. NGUYỄN KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon*
6• — M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*
7• — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*
8• — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN, *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*
9• — M. TRẦN VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève ...plômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Paris.*
10• — M. TRẦN-QUANG-NGHIÊM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*
11• — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*
12• — M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3,00		

MỤC LỤC

Bá nghệ lược giải (phụ bài : nghề đặt rượu, làm giấm)..... 2656
Tạo hóa kỳ quan (nº 5) luận về dông gió bảo tố..... 2659
Cách thế loài kiến nhắm hướng (l'orientation chez les fourmis)..... 2761
Gương luân lý (gương can đảm)..... 2664
Thay hồn đổi xát (nº 10) tiếp theo.... 2658

Bá nghệ lược giải

Phụ bài: nghề đặt rượu, làm giấm

(Industrie du vin, de l'alcool, du vinaigre)

Rượu nho trắng và rượu nho bọt (Vin blanc et vin mousseux). — Rượu nho làm bằng trái nho trắng thì tự nhiên nó trắng luôn; nhưng vậy mà người ta cũng có thể làm rượu nho trắng bằng trái nho đỏ (đen) được vậy. Người ta chỉ phân nước nho ra đừng cho lộn với xác nho đã đạp nát thì thôi. Cái nước nho đó đem để vô thùng cho nó hóa rượu, thì cái màu đỏ của xác nho chưa kịp ra, cho nên rượu vẫn còn trắng.

Rượu nho bọt là rượu làm bằng nước nho đem liền vô ve chai mà để cho nó hóa rượu luôn trong ấy. Cái hơi thán hóa ra không bay lên ra ngoài được thì ứ tan vào rượu, đến sau chừng giở núc ra thì hơi thán bay trào ra mà có bọt. Rượu nho có bọt có danh nhứt là rượu Sâm-banh (champagne). Công việc làm nó cũng là nhiều. Tuy vậy chẳng phải nó thật rồng bằng nước nho. Người ta thường có thêm rượu mạnh và đường phổi vô lắm.

Cách để dành rượu nho (Conservation du vin). — Rượu nho muốn cho thiệt ngon thì phải để thật lâu năm mới đem dùng nó. Chừng ấy nó có mùi ngon ngọt lắm.

Rượu để lóng lâu, thì cặn nó nằm xuống đáy, phải làm sao cho cặn cáo ấy đừng lên, nghĩa là đừng có xóc nó, vì nếu nó lên thì làm cho rượu đục phải chua; cũng đừng để nó nơi nhiệt cao. Vậy phải lọc nó ra; chờ lúc trời lạnh mà cho cái nước rượu sang qua thùng khác, chừa cái cặn lại.

Nước rượu tuy lọc như vậy chớ cũng còn cặn cáo nhiều, vậy phải dùng cách lóng nó nữa. Người ta dùng hoặc keo cá (colle de poisson), hoặc tròng trắng trứng gà, hoặc máu bò là mấy vật có chất albumine, mà lóng nó. Tỉ như dùng tròng trắng trứng gà thì cứ mỗi một trăm lít rượu thì đánh 10 cái tròng trắng trứng gà cho ra bọt rồi trộn với nước rượu mà đánh. Cái chất albumine vào rượu thì đặc lại

à kẻo lôi những cặn cáo theo
ó mà lóng xuống đáy. Nhờ vậy
à rượu mới trong được. Một
hần cái chất chác (tannin) cũng
heo cặn đómà xuống, nên rượu
ống cũng bớt chác mà ra ngon
ơn. Chừng san rượu vô chai
ới để cho nó tự nhiên, rồi
ủng thẳng nó ngon lần.

Bịnh của rượu nho (maladies
u vin).— Chẳng phải rượu để
àu năm mà tốt được hết. Nhiều
hi nó bị bịnh làm cho nó ra
hua, đắng, hoặc, sệt sệt lại.
Ông Pasteur nói cái bịnh ấy tại
ơi vi-trùng giấm kêu là *myco-*
derma-aceti lộn sót trong ấy lâu
ngày, chừng rượu thành tốt rồi
hủng thẳng nó mới sanh hóa ra
nà làm cho rượu chua thành
giấm. Ấy cũng tại rượu để không
được kín, hoặc núc ve không
được chắc, nên lâu ngày nó
hông với khí trời mà sanh ra
như vậy. — Cũng có khi rượu
để thông ngoài khí trời thì nó
sanh ra *bông rượu* (fleurs de
vin) bị con *vi-trùng-rượu* (my-
coderma-vini) làm cho rượu hóa
ra nước và thán-khí.

Cũng còn nhiều thứ bịnh khác, đều bởi do nơi mấy thứ vi-trùng mà ra. Ông bác-sĩ Pasteur nói muốn trừ cho khỏi thì phải nấu rượu trong nồi kín không thông với khí trời, nấu trong vài phút cho nóng đến 60 bực là đủ.

Bây giờ mấy tĩnh phía nam nước Pháp đâu đâu cũng dùng cách ấy nên rượu bây giờ ít có hư.

Rượu giả (Falsification du vin). — Rượu đem bán ra ít có thiệt lắm. Người ta dùng nhiều cách để giả, ta chỉ sơ ít cách cho độc-giả biết:

1° *Thêm đường* (sucrage) là thêm vô trong nước nho một vài phần đường *glucose*, đường ấy để ủ thì hóa ra rượu alcool.

Có kẻ họ thêm nước với rượu alcool vô hoặc nước với đường, song làm như thế chỉ thêm phần nước rượu chớ rượu hết được tốt.

2° *Thêm rượu* (vinage) là khi nào rượu nho có ít chất rượu alcool thì người ta thêm rượu mạnh (rượu lọc) vào đặng để dành lâu được. Nhiều khi rượu thêm vào không đặng tốt, thì sau người ta uống vô càng hại lắm.

3° *Thêm đất phấn* (plâtrage).— Thêm đất phấn (platre) vô nước rượu đặng cho nó lâu ủ hóa hơi. Làm như thế cái màu đỏ của rượu nó ở trong rượu lâu lắm.

Rượu màu ấy để sau muốn cho rượu trắng thành rượu đỏ thì pha nó vào.

Mấy cách giả ấy là mấy cách thường dùng, không có hại gì lắm.

Rượu mạch hư và giả (Altération et falsification de la bière).— Rượu mạch (la-ve) không để dành lâu được, vì nó mau hư lắm. Cũng bởi có thông với khí trời mà bị các thứ vi-trùng nó làm cho hư. Ông Pasteur có bày cách nấu rượu đó, rồi dùng đồ riêng để cho nó nguội mà hóa rượu, không có khí trời thông vào. Làm như vậy thì rượu để dành được nhiều tháng.

Còn muốn cho rượu mạch thêm mạnh và để dành lâu hơn nữa thì người ta hay thêm rượu alcool vô; khi thì thêm đường glucose vô trước khi nó hóa rượu. Như thế cũng không phải giả gì. Nhưng họ muốn bớt cái lá houblon nên phải thêm vật chi đắng vào mà thế. Họ bèn dùng thuốc vàng kêu là *acide picrique* vô, cái đó thật là hại cho sự mạnh giỏi của người uống nó lắm.

THANH-TÂN

ĐÔNG-PHÁP THỜI-SỰ

CHỢ-LÁCH

Cơ khổ không! bối!!

Đêm 13 rạng 14 Septembre 1926, chừng 2 giờ khuya; chủ đò là Chệt H... và các bạn thức giấc mới hay bối lấy đồ:

1° — 1 Cái bài thuế thân của Lê-văn-Có 32 tuổi dân bộ tại làng Phước-khánh, tổng Hòa-Quới (My-tho).

2° — Giấy cầm đồ 5 cái, giá 1 cái 1$00

3° — Giấy giặc uỗi, 1 cái áo cổ giữa, 1 cái quần.

4° — 1 cái áo bành-tô và một cái áo sơ-mi. Bởi ghe đò nầy chủ đò có đóng 1 cái buồng kín để đồ, nên bối vô không được, còn khoan trước trống, tên bạn là, có ý y là bối thấy sự chắc của chủ đò chắc bối chê chẳng phòng; bởi rứa nên bối qua ghe đò lấy cái áo của tên Có đây chớ không chuyện chi lạ vì để cho quân gian.

Xét vì vàm Cáinhum sông thông lưu Cholach vắng vẽ lắm khó gì mà dễ dui.

Nên chớ trách vì, nghèo chủ ý cho lắm, rất đỗi chủ đò là chủ mà họ còn sợ, huống mình là bạn mà lơ-mơ như thế. Vậy từ đây sắp sau ráng mà nhớ nghe chú bạn.

Tạo hóa kỳ quan *(n° 5)*

Luận về dông gió bảo tố

Trên một lớp đất nước của địa-cầu ta, chung quanh có một lớp hơi khí bao phủ, dày độ chừng chín mười muôn thước. Lớp khí ấy gọi là khí trời hay là không khí.

Không-khí không phải ở một nơi một chỗ, thường vận động chỗ nầy chạy chỗ kia, bay chỗ nọ mà sanh ra có luồng ta gọi là *gió*. Vì sao mà có gió? Gió có ích gì cho ta chăng? Ta ở trong không-khí chẳng khác nào cá ở dưới nước. Nước có sức chống ngăn cản trở, cho nên nước chảy ngược, thì ghe thuyền đi chậm chạp. Gió cũng thế, khi gió thổi ngược, cản ta làm cho ta đi mau không được. Còn ta đi xe chạy mau bị không khí cản thành ra như có gió.

Gió tự nhiên mà sanh ra bởi cớ có khí trời nóng hay lạnh.

Gặp nơi khí trời nóng quá thì nở tung ra mà đùa khí lạnh đi làm cho sanh gió. Còn nơi khí lạnh bị thâu đi thành ra trống chỗ bèn hút hơi khí nơi khác đem lại thì cũng sanh ra gió. Song mấy cớ ấy là sự thường. Gió sanh ra nhứt là bởi cớ nầy: trên địa cầu ta nơi nào nóng thì khí trời nhẹ bay bốc lên cao, làm ra một chỗ trống ở dưới. Chỗ ấy trống rồi thì hơi khí ở nơi khác bèn chạy lại mà lấp, cho nên mới có khí trời vận động mà sanh gió. Trên địa cầu ta gió thường thổi như thế ấy, ta gọi là *gió mùa*. Ví như bên cõi Á-đông ta qua mùa hạ nồng thì đồng trãng núi non trên phía bắc, ở gần ngay lằng giọi mặt trời, thọ khí dương rất nhiều nên khí trời nóng lắm, bèn bốc lên cao thành một nơi trống khí rất to, cho nên rút lấy hơi khí còn lạnh ở ngoài biển cả đi vào mà làm ra gió đông-nam ta gọi *gió nồm*. Bởi gió ấy ngoài biển thổi vào, cho nên quến mây mưa theo nghi ngút làm cho mùa ấy mưa to nước đổ dầm dề, nên ta gọi là *mùa mưa*. Qua mùa đông lạnh, phía bắc ở xa mặt trời hơn, còn ngoài biển thì thọ khí mặt trời nhiều, khí trời càng nóng, nóng càng nhẹ mà bay lên, làm ra một chỗ trống rút lấy khí lạnh trong bờ, mới có ngọn gió Tây-Bắc ta gọi là *gió chướng*. Gió ấy trong bờ thổi ra, cho nên khô khan không mưa được.

Tuy vậy mà khí trời mát mẻ, bởi gió trên phía bắc xuống đã lạnh mà lại thổi ngang qua ngọn núi Tây-Tạng (Thibet) gặp hơi tuyết mùa đông lại càng thêm lạnh nữa. Bên Phi-châu cũng có gió mùa mưa, nắng như thế.

Vậy gió có ích cho ta chăng? Có ích lắm! Không có gió đâu có mây mưa, cho cây cối được nhuần, có hoa tươi tốt làm sao cho tàu bườm lai vãn, không-khí đổi thay, cho bay mùi uế trược đi? làm sao cho mát mẻ người ta, cho máy xay cánh quạt được.

Cũng nhờ gió mà nhụy hoa, hột cây bay lang khắp xứ mới sanh giống thêm nhiều.

Gió thường thường có ích cho ta như thế, mà đến khi nó thổi mạnh lại hại cho ta rất nhiều, thành ra dông tố xô sập nhà cửa, đánh ngã

cây trốc gốc, thì sức nó mạnh vô cùng có lẽ thổi người cũng bay, đá cũng chạy.

Gió thổi nhẹ là gió hiu hiu mát mẻ, sức bay đi một phân chừng 2 thước. Gió thổi mạnh là dông, sức đi mau một phân hơn 15 thước gió mạnh nữa một phân đi tới hai ba mươi thước là gió tố, làm cho trái rụng lá rơi nhánh gẩy. Còn như mạnh hơn nữa là gió bảo, cuồng phong, đại phong, sức đi mau tới 4,5 mươi thước trong một phân đồng hồ làm cho sập nhà sập cửa, ngả cây ngả cối.

Nơi miền nhiệt-đái mỗi khi có bảo tố, đại phong, sức mạnh gió càng dữ dội lắm. Gió đi một giờ hơn 160 ngàn thước, mạnh đủ bức cây to trốc gốc, xô ngã đến nhà chắc chắn trên đời, cái hại càng to hơn nữa.

Ta đã nghe danh sức mạnh của sóng biển rồi, nay sánh ra với cái sức mạnh của gió lại biết sức gió còn hơn nữa, xem như sau nầy ai mà chẳng gớm ghê, chẳng tưởng cho là một sự phi thường khó tin được.

Như trong năm 1825 ngày 25 tháng bảy có một trận cuồng phong đại tố tại cù-lao Guadeloupe làm cho tanh bành nhà cửa, nền đá vách gạch cũng hư. Có một cái nhà to chánh phủ mới đựng lên rất chắc cũng bị sập đi hết một bên, súng thần-công lòng 24 cũng bay khỏi giàn mà rớt xuống đất, ngói gạch cũng bay đi như cỏ rác rất mạnh, rớt vào nhà ghiếm lủn đến cửa vách bằng cây dày nữa. Gió mạnh đến nỗi thổi bay đi một tám ván thông bề dài một thước, bề ngang 2 tấc ba, bề dày 2 phân rưỡi, bay mau như một cái lá cây, gió thổi nó đi vùng vụt xớt ngang qua một cây dừa to bề ngang có 4 tấc rưỡi mà phải đứt ngay như dao kia sả chuối vậy. Suy ra thì vô lý, mà thật thì có vậy.

(Còn nữa)

Cách thế loài kiến nhắm hướng

(L'orientation chez les fourmis)

Giống ong bay lên cao dòm thấy xa được, có lẽ dễ biết tổ nó ở vùng nào, cũng như người đi máy bay không có địa bàn, mà vì ở cao dòm xuống nhận ra các địa cuộc, những chỗ mình đã đi, nhớ cánh đồng nầy, hòn núi nọ, chòm cây kia, nên trở về không lạc; chi như con kiến không cánh mà bay, mình lại thấp bé, ngóc đầu lên khỏi đất chỉ được vài ly, gia dĩ nhiều thứ lại cận thị ngó xa không thấy, thì làm thể nào mà nhắm hướng nhận lối?

Người ta đã thử bắt một con kiến bỏ cách hang nó không bao xa, thì thường nó không biết đàng về, giả như có bắt một con ong bay là một con bồ-câu mà thả như vầy, thì nó bay về tổ như chơi. Nhưng khi một con kiến tự bỏ hang mà đi kiếm mồi có hồi cũng khá xa mà không lạc tổ, ắt là nó cũng có cách nhắm đàng nhận lối làm sao đó.

Những người đã gia công quan sát bấy nay dạy rằng: Loài kiến nhắm đàng nhận lối cũng nhiều cách tùy theo giống kiến. Có thứ thì dùng mắt mà coi dấu, có thứ lấy mũi mà ngửi mùi. Cũng có khi xét đủ các cách mà không hiểu cách nào thì người ta lại cho nó là có tài riêng kín nhiệm loài người không có.

* * *

Về cách dùng mắt mà coi, thì có kiến vàng (*formica rufa* ở cây xứ ta, con mắt cũng khá tỏ. Ông Fabre nói rằng: Thứ kiến kia hay đánh giặc bắt tôi (*Polyergus rufescens*), khi đi đàng nào, lúc về cũng theo nẻo ấy, thì nó coi dấu chớ không phải ngửi mùi.

Còn những thứ kiến có tài đánh hơi, như các thứ kiến hôi (*lasius, apinoma*), thì cứ ngửi mùi mà nhận lối. Khi một con kiến tapinoma đi ra khỏi tổ, thì nó kéo sà bụng nó dưới đất cho đặng trây mùi theo lối nó đi. Đàng nào càng đi đông thì mùi càng nồng nàng dễ nhận. Coi nơi hang kiến thì thấy xung quanh có những đường mòn, có hàng trăm con kiến kéo nhau đi đi về về theo lối ấy. Lấy cái chổi mà quơ ngang một thí liền thấy lũ kiến thất thứ loạn hàng không biết đàng mà đi nữa, bò lang chạy bậy ra hai bên, vì nó thuộc đàng là nhờ cái mùi nó rải theo đàng, đàng lấp thì mùi cũng hết.

Lại người ta cũng đã xét ra một điều lạ nữa, là cái mùi nó bôi theo đàng nó đi cũng có đầu có phía, như bắt một con kiến bỏ trên đàng kiến khác đã đi, thì chẳng những là nó biết có con kiến đã đi theo đàng ấy, mà lại nó cũng phân biệt được con kiến ấy đã đi ra hay là đi về.

Ông bác-sĩ Bethe lấy mấy miếng ván sắp lại, rồi thả kiến bò qua, đoạn lại cho con kiến khác bò lên, thì thấy có đổi thứ tự tấm ván mà cứ giữ phía con kiến trước đã đi, thì con kiến sau cũng cứ theo đàng ấy mà đi tới; bằng có tấm nào trở đầu ngược lại, thì con kiến sau bò tới đó, nó biết liền không chịu đi tới nữa. Điều nầy còn bí nhiệm xét chưa ra. *(Coi kinh III.)*

Nhưng cũng có thứ kiến mắt cận-thị và mũi cũng dở đánh mùi, thì không coi dấu và ngửi mùi được. Về những thứ kiến nầy ông Piéron, mà nhất là Cornetz, đã chiêm nghiệm và thấy được nhiều điều lạ lắm. Một con kiến đen cao cẳng đi ra khỏi hang, thì đi quanh-quanh quèo-quẹo sang bên tả ghé bên hữu, rồi cũng ra đàng ngay như nó đã bắt đầu đi. (*Coi hình I, a*)

Đến khi gặp được mồi rồi, mà tha về tổ, thì nó không theo đàng quanh-qnẹo nó đã đi trước mà đi ngược trở về, nó một đi đàng khác thẳng hơn. Đàng nầy cũng đối ngay với đàng trước mà cách xa ra; cho nên nó không về thẳng tới miệng hang, một tới ngang lối đó, rồi nó đi rù-rờ mà kiếm hang cách may rủi vậy. Cho nên càng về gần tới hang thì càng khó nhắm hướng. (*Coi hình I, b*)

Vậy thì thứ kiến nầy không cứ mùi mà cũng không nhớ chỗ. Nhưng nó biết tính đàng nó đi cách tổ là bao. xa, nghĩa là nó nhớ bề dài cái đàng nó đã đi quanh bên nay quẹo bên kia và ghé chỗ nầy sang chỗ khác mà kiếm đồ ăn, tổng cọng lại là bao xa, đến khi về nhà mới biết chừng nào là gần tới hang tới tổ. Vã lại nó cũng biết do những cái góc nó đã đi quanh, như ta bắt một con kiến đất đàng bò đi kiếm đồ ăn, mà bỏ trên một cái lá có để ít hột gạo lên, rồi xây cái lá ấy nhiều bận và dể cách xa ra một ít, thì sẽ thấy nó không đi lộn hướng, song thấy nò tha một hột gạo cứ đàng ngay với đàng nó đã đi tới mà về hang. (*Coi hình I, b*).

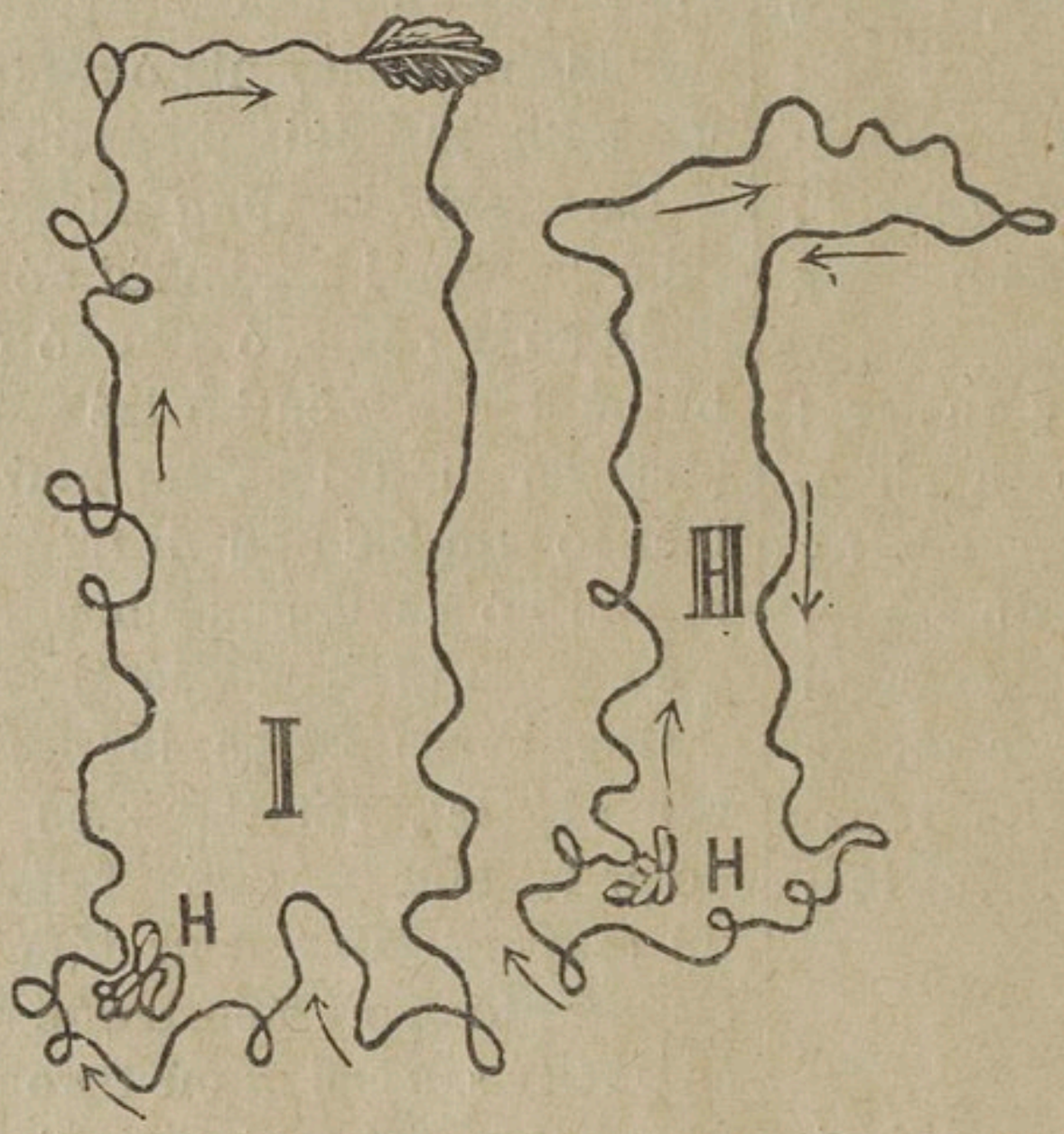

3	2	3
2	3	2
1	1	1

Có khi đàng nó đi tới không thẳng, một ra hình thước thợ, thì lúc về nó cũng không bỏ góc mà về thẳng cho mau, nó một đi đàng có góc như đàng trước, mà cách ra một thí. Nó biết phân biệt bên tả với bên hữu, quẵng đàng thẳng với khúc đàng quanh, không lầm không lộn. (*Coi*

hình II.)

*
* *

Những đều lạ ấy làm chứng loài kiến dầu rất nhỏ mọn cũng có trí nhớ và biết tính toán. Nên ta càng xét những loại côn trùng rất nhỏ mọn thì càng lấy làm lạ phép cả Đấng Chí-tôn, như lời ông Milne Edwards đã nói : « PLUS J'ÉTUDIE L'INIFINMENT PETIT, PLUS J'ADMIRE L'INFINIMENT GRAND. »

THOMAS TRỨ.

(Lời thăm nº 87).

ĐÔNG-PHÁP THỜI-SỰ

SAIGON

Làm quấy bị giải tòa

Những kẻ làm quấy bị giải tòa như sau nầy :

1º Ng-thị-N... 23 tuổi, ở mướn cho M. Ng-van-Manh, làm ký lục và Phan-Ngọc, cả hai đều ở tại đàng Verdun số 42, vừa rồi vì chút máu tham, nên đồng lòng nhau ăn-cắp hết một sợi dây chiền vàng có tấm médaillon cũng bằng vàng lại có nhận một hột xoàn tấm, cả thảy giá đáng 60 chục đồng của chủ.

2º Ng v-C... kêu là Tran-v-C..., 23 tuổi, làm bồi, nhà ở tại An-loi-xa (Gia-dinh) chẳng rõ vì chứng cốt gì mà bỗng không dùng đồ máu tham ra dữ quá, dám bạo gan ăn cắp hết một số bạc lối 370 đồng, y-phục một mớ đáng giá 20 đồng và một món về âm-nhạc với cái áo dài giá đáng 13 đồng của chủ nó là M. L... giáo học trường Sư-phạm, nhà ở tại đàng Barbet số 20.

Lại còn một gã nữa tên Thiệt, lối 20 tuổi, cũng can vào vụ cắp nầy, song đã trốn rồi ; hiện nay quan quân còn đang truy tầm.

3º Truong-ngot-T... 19 tuổi làm ký-lục cho hãng buôn Grands Magasins Charner, nhà ở tại đường Reins. ăn cắp của hãng hết 5 thước bố tơ giá đáng 15 đồng bạc.

4º Ng-v-Tien kêu là Tieng, 17 tuổi, làm cu-ly, không nhà không cửa, vừa rồi ăn cắp hai bộ đồ bằng hàng giá đáng 30 đồng của Ng-v-Xuân, chủ tiệm giặt ở đàng Bourdais số 116.

5º Ng-v H... 20 tuổi, làm cu-ly chở chuyên đồ ngoài chợ, nha ở đàng Bd Galliéni và Ng-v-U... kêu là C... mà cũng gọi là N... kéo xe-kéo, nhà ở đàng hẽm Chasseloup-Laubat, vừa rồi chẳng rõ vì tiền cừu bậu bận chi hay là bất bình nỗi nào mà cả hai đồng áp lại ẩu đả xâu-xé nhau chí tử.

6º Truong-v-D... 25 tuổi, làm sốp-phơ xe-hơi, gốc ở Traon (Cantho) vừa rồi cầm tay-bánh xe-hơi vô ý sao đó, để đụng phải thằng Bui-v-Thoan, 8 tuổi có vít tích khá.

Gương luân lý

Gương can đảm

Giặc đến nhà, đàn bà phải đánh

Chuyện bà bá-lước phu nhơn Sơ-hoạt-bua

Sau khi tan trận giặc Muhlberg rồi, đạo binh của hoàng-đế Charles-Quint đi ngang qua thành Thuringe (thuộc tỉnh Saxe) có một phần binh phải đi ngang qua đất của bá tước Sơ hoạt-bua (Schwaitzbourg-Rudolstadt) Bà phu-nhơn có đệ sớ tâu vua xin cho nhơn dân rầy bái ở trong phần đất của bà được khỏi quân binh nhiễu phá. Hoàng-đế đã nhậm lời rồi; còn bà thì cũng tự nguyện chịu cấp lương thảo cho quân binh, giao lương thảo ấy tại đầu cầu Saale, là nơi quân lính phải sang qua đó mà đi. Nhưng cầu ấy thì ở cận đền bà lắm, bà sợ e quân lính thừa cơ mà nhiễu hại lương dân, cướp của phá nhà nên bà đã dạy phá cầu ấy mà làm ở nơi khác xa xa. Bà lại cho phép nhơn dân ở mấy làng mà phải chịu cho binh lính đi qua, đều được đem của cải quí báu theo mà vào thành của bà đặng trốn tránh.

Khi ấy quận công Albe làm soái, thống lãnh binh Y-pha-nho và A-lơ-măn, kéo binh đi đã vào gần đất Rudolstadt, lại có hoàng tử Brunswick với 2 con của ngài theo. Bèn cho kẻ đem thơ đến trước, xin cùng bà phu-nhơn dọn đải một bữa ăn. Phu-nhơn trả lời rằng bà sẽ hết lòng hậu đãi mấy vị võ quan, và như rủi có thất lễ xin đừng chấp nhứt; luôn dịp bà cũng có nhắc những lời hứa của hoàng đế, xin các quan chớ khá thất lời.

Chẳng bao lâu quận công Albe đi với ba người bạn vào thành, đều được bà tiếp đải rất hậu. Cơm nước dọn xong, ai nấy đều xúm lại ngồi ăn, song mới vừa ngồi thì bà phu-nhơn nghe có kẻ kêu ở ngoài cửa. Bà lật đật chạy ra mới hay tin quân lính làm nhiều đều tàn hại, bắt ngựa, bò của dân, húng hiếp đàn bà con gái trong làng. Bà thấy người thất ước lấy làm tức giận, song bà cứ làm tỉnh mà chí quyết truyền cho gia tướng đóng hết cửa thành, đều mang khí giái mà chờ lịnh. Xong rồi bà mới trở vô ngồi với khách, và trách mấy quan ấy rằng không nghiêm cấm quân binh, để cho chúng nó phá phách dân tình, mà mấy quan sao cũng chẳng kể gì đến lịnh vua Mấy người ấy trả lời kiêu hảnh rằng: «Thường thói tục giặc giã thì vậy đa, không khi nào đạo binh đi tới đâu mà không có một it sự tai hại ải tới đó.» Bà phu-nhơn bèn nói: «Vậy ta cũng thử xem coi thể nào cho biết. Phải xử sao cho công bình với những dân nghèo nàn ấy, không thì tôi nói có chứng trời tôi phải lấy máu của chư tướng mà đền bồi thú vật của dân tôi.» Bà nói rồi, bèn ra dấu, thì

gia tướng đều tuốt gươm, áp vào phòng vây kín mấy người kia.

Albe quận công thất kinh xanh mặt, xem thế chẳng xong, lật đật năn nỉ bà, rồi viết hịch truyền ra cho quân lính phải lập tức đem ngựa, dê, heo, bò mà trả hết lại cho nhơn dân trong thành. Bà bá tước phu-nhân đợi trả xong của lại cho dân rồi mới chịu thả mấy người khách kia ra về.

Gương nghĩa khí

Chuyện ông giám quốc Fabricius

(278 trước C. G. S)

Thuở dân La-mả (Rô-manh) còn chinh chiến với chúa nước Epire, giặc giã lâu ngày chưa yên, thì có ông giám quốc lãnh binh La-mả là Fabricius có được mật thơ ủa ông thầy thuốc vua nước Epire (ngự y nước Ê-bia) hứa nếu giám quốc La-mả sẵn lòng rộng rãi trọng thưởng cho y xứng đáng, thì y sẽ ra tay thuốc chết chúa nước Epire là ông vua Pyrrhus cho. Ông Fabricius được thơ rồi, chẳng nói chi cả, lật đật viết thơ qua cho vua Pyrrhus mà tỏ thiệt rằng: «Ngài chẳng biết chọn tôi trung thần, cùng kẻ thù nghịch, chừng ngài đọc thơ tôi gởi theo đây là thơ của người ta gởi cho tôi, thì ngài sẽ rõ. Chúng ta đánh giặc nhau thì chọn lấy người danh dự, mà ngài sao lại tin cậy dụng chi người lòng độc ác hiểm sâu?»

Vua Pyrrhus được thơ ấy, lấy làm ngợi khen giám quốc La-mả mà rằng: «Thái độ nghĩa khí như vầy thì chỉ có Fabricius chớ có ai. Ta tưởng khi dễ khiến mặt nhựt đi sái đường được, chớ không thế làm chính đường đạo đức công bình của người La-mả nầy được đâu.»

Đến sau vua biết được người nịnh thần, bèn gia bình mà làm gương cho quân chúng. Ngài nghĩ nhớ ơn người nghĩa khí, bèn đem những tù binh La-mả mà trả lại, chẳng đòi tiền chuộc binh chi cả.

Chúa La-mả nghĩ việc chẳng đáng gì mà phải thọ công thưởng như thế, bèn cũng đếm đủ số tù-binh bên phe vua Pyrrhus mà đổi lại.

Vậy ông Fabricius làm như thế chỉ vì phận sự, nhưng việc rất đáng khen là ông vừa được thơ thì đã tức tốc mà cho vua Pyrrhus hay liền.

Chuyện một ông tổng thống Y-pha-nho

Lúc nước Anh với nước Y-pha nho chinh chiến cùng nhau, thì có một chiếc tàu Anh phải mắc bảo bùng tấp vào vịnh Jamaïque bị gió to sóng lớn không phương tránh khỏi, bèn phải liền mạng chạy vào thành Havane là thuộc đô của nước Y-pha-nho. Người chúa tàu Ăn-lê đến ra mắt quan tổng-thống Y-pha-nho mà thuật chuyện vì sao phải vào nơi hãi khẩu nước cường địch. Người nói rằng: «Nay tôi đến đây mà nạp tàu, bạn bè cùng là thân tôi; nhưng tôi xin ngài thứ dung tánh mạng cho bạn bè tôi.»

Quan tổng-thống bèn nói: «— Lẽ nào tôi đãi ngài cách tàn nhẫn như thế sao? Phải chi trong lúc trận mạc, bắt được quân binh ngài nơi giữa biển hoặc nơi bờ thì tàu bè, quân binh của ngài mới phải về tay tôi thâu đoạt. Chớ như ngài phải mắc bảo bùng mà buộc phải trốn tránh nơi thành tôi, thì tôi phải quên sự hai nước chiến tranh nhau, phải coi các người là

đồng nhơn loại : vậy thì cái lòng nhơn của người là phải ra tay cứu vớt cho mới phải. Thôi ngài hãy lo xuống bớt đồ đạc mà sửa sang thuyền tàu lại cho chắc chắn đi không hề gì. Tôi sẽ xuống lịnh cho phép ngài thong thả cho đến khi sửa tàu xong, đi ra khỏi vùng Bermudes mới thôi.»

Chuyện đại tướng La-mả Camille

(374 năm trước Chúa cứu thế)

Ông Camillc là đại tướng La-mả, vây thành Faléries đã lâu mà chưa lấy dược. Trong thành có một tên nịnh thần tính muốn dưng th nh. Người ấy là một ông thầy giáo, có tiếng là một người thông thái, mà lòng lại rất nên đê tiện; người hội hết các học trò trong trường, con của các nhà sang trọng, rồi một bữa bãi trường kia người bèn dắc chúng nó đi chơi ra khỏi ngoài vách thành, nhằm nơi ít sợ binh vây đi quanh lộn cho lạc đường, rồi lại dắc thẳng chúng nó vào trại La mả mà trưa cùng đại tướng Camillc rằng : « Bẩm nguyên soái, nay tôi đem hết các vị công-tử con của mấy bực quan sang trong thành mà dưng cho ngài; vậy thành Faléries nầy bây giờ đã c ắc trong tay ngài rồi, vì có mấy vị công-tử ấy thì tự nhiên nguyên soái-định liệu chi họ cũng phải nghe theo.»

Người nịnh ấy ngỡ là mình được thưởng công, nào dè đâu bị ông tướng soái ấy nhiếc mấy câu nầy, nghe qua dường sét đánh: « Đồ khốn ! ngươi tưởng đâu người La-mả là quân khiếp nhược như ngươi sao? Ngươi phải biết luật công là trọng, ai ai cũng phải tuân theo, dầu là nghịch quốc nhau cũng thế. dầu cơn chinh chiến cũng phải trọng lấy quyền người. Ta chẳng cậy người mãi quốc đâu mà phải mang lấy tiếng. Ta chỉ đánh giặc với kẻ thành nhơn chớ không phải làm giặc cùng trẻ thơ ngây nê a thiểu đâu .»

Nói rồi ngài bèn an ủy mấy đứa học trò, mà thả đi cho người dắc về thành Faléries, còn tên phản quốc kia thì xiềng lại mà dắc về cho dân chúng trong thành xử lấy

Trong thành thấy mất con, sanh nỗi lo buồn bỗng thấy con được thả về, thiệt khôn xiết chi mừng rở, đều oán trách kẻ nghịch t ần, n ặc tình mà trả oán. Thấy tướng soái La-mả thiệt lòng nghĩa khi nhơn dân trong thành thảy đều kỉnh phục, đều nghĩ thà làm liên hữu với người có nhơn nghĩa như thế hơn là làm kẻ nghịch thù, bèn mở cửa thành rước người La-mả. Từ ấy người La-mả đãi dân thành Faléries như anh em liên-hiệp (giao-hiếu) vậy.

Gương nghiêm chánh

Ông quan tòa thanh liêm

Hoàng-đế Đông phương Justin thấy trong nước nhiều kẻ ỷ quyền thế hiếp đáp dân nghèo, không kỏ gì pháp luật, ông muốn trị an trong nước, sửa lại pháp chính nghiêm minh, bèn chọn một ông quan tòa rất thanh liêm mà cho làm quan tổng trấn thành Constantinople. Vua cho phép hễ quan tòa ấy xử sao thi phải cứ y vậy mà thi hành, chớ vua không dung thứ cho ai cả. Nghe chỉ dụ rồi, hết thảy quan dân lớn nhỏ đều sợ khiếp

ía, không ai còn dám vi phạm đến phép luật nữa, duy còn có một người thế không sợ phép luật, tưởng mình trên cả phép luật, cho nên đoạt gia sản của một người đờn bà góa kia. Người đờn bà ấy tức mình đến thưa với quan tổng-trấn. Quan tòa nghĩ vị dụng, không nỡ phạt ngay, mới viết thơ khuyên người ấy phải xữ sao cho công-bình với người đờn bà góa, rồi giao thơ cho bà ấy đem về cho người kia. Người kia đã không biết nước lỗi lại còn lắm lời thị nhục, đánh chuởi người đờn bà. Quan tòa thấy người hồn ẩu bèn trát suất cho đòi đến, thì người ấy đem lòng ngạo bảnh, đã chẳng đến hầu tòa mà chớ lại còn đi vào đền mà dự tiệc mời bữa ấy nữa. Quan tòa hay rằng người ấy đi dự tiệc ngồi đồng bàn với vua, bèn thân hành đến dinh, xin ra mắt thượng hoàng. Vào đến nơi bèn tâu với vua rằng; «— Muôn tâu bệ hạ, nếu bệ hạ quả có lòng muốn sửa trị phép chánh nghiêm minh như bệ hạ đã nói, thì kẻ hạ thần vưng theo hết dạ lo đền ơn nước, còn như bệ hạ không muốn cho sửa lại, để cho kẻ bất nhơn ác đức được danh dự mà yến ẩm chung bàn cùng bệ hạ, thì kẻ hạ thần nầy xin phép bệ hạ cho từ chức đi, kẻo làm chức nầy hạ thần không khỏi phải bị người ta ghét mà hạ thần chẳng được chi hữu ích cho bệ hạ. »

Hoàng-đế Justin nghe mấy lời cao chánh, lấy làm khen ngợi, mới phán rằng: «— Quả nhân nào có nói sái lời, khanh hãy cứ việc theo phép luật nghiêm minh, quả nhân cho phép khanh tự quyền thưởng phạt, dầu người ngồi chuug trên ngai với quả nhân mà có lỗi, quả nhân cũng cho hạ người ấy xuống mà trừng trị.»

Ông quan tòa được mấy lời vua phán tức thì sai quân kéo lôi người phạm nhơn nơi giữa đám các quan ngồi tiệc mà đem đến pháp đường, nghe lời người đờn bà góa tiên cáo mà xữ việc. Người kia trước làm mặt kiêu căng, nay không lời chi bào chửa khỏi, nên sợ phép mà phát rung. Quan toà lấy phép luật xử nghiêm mà làm gương cho dân chúng. Của cải gia sãn người đều phải tịch ký mà giao lại cho người đờn bà góa.

Từ ấy đến sau không còn ai dám ỷ quyền đoạt của hiếp người nữa.

V. T. V.

Thay hồn đổi xát (n° 10)

(tiếp theo)

Cách trí tiểu thuyết Tây: THANH-TÂN diễn nôm

HỒI THỨ TÁM (VIII)

Chàng Ram nghe nàng nói càng thêm buồn bực. Chàng hiểu nàng lắm, biết cái cảnh nàng xem ra khốn khổ lắm, cho nên chàng tự nghĩ mà rất hổ thầm, tưởng như mình đã cư xử chẳng phải với nàng lắm vậy. Nhưng càng nghĩ, chàng lại càng thêm nỗi yêu thương nàng Y-huê-linh hơn nữa. Chàng là trai thanh niên khôn ngoan, nhưng tánh lại thiệt thà, cho nên lại cảm lắm tình rắc rối còn hơn kẻ ở chốn đô-thành Ba-Lê kia bị vấn lai với nhiều bực tình nghĩa mặn mòi và lắm truyện cao xa tình ái. Ấy cũng tại nơi cái cảnh ngộ mà ra. Chàng không thế nào mà chẳng yêu đương cái thân đẹp đẽ kia nữa được; chẳng còn thế nào mà làm cho cá thân đừng ra tươi trẻ khiến cho thấy đến mà mê. Cũng vì nàng Y-huê-linh rày đây là nửa vợ mình, nửa ra người khác mà khiến cho chàng càng mắc nỗi yêu mê — mà cái yêu mê ấy cũng là tự nhiên vô tội, nhưng không chánh đáng mà lại cũng là khó tránh đi được. Chàng dẫu là thuộc giống người Anh-xắc (Anglo-Saxon) từ sợi tóc chí dẫn lóng tay, chớ cũng còn một vài cái dấu tính người đời xưa (patriarche).

Chàng lại nghĩ rằng: «mà rốt lại, thiệt phải tôi cưới nàng!.. Vậy thì nàng bây giờ đã về tôi rồi, có khác nào của cải của tôi nữa đâu!»

Nhưng vậy mà chàng vì lòng quân-tử nên chẳng muốn vì quyền lợi ấy mà ép người, cho nên chàng mới trả lời cung kĩnh rằng:

— Nàng được tự do tùy ý đấy. Tôi không lòng nào mà nỡ đi ép uổng nàng đâu. Nhưng thế nào tôi tưởng nàng cũng chưa biết đặng ngày sau nàng sẽ suy nghĩ lại thể nào, và sau nầy nàng sẽ xem thấy cái cảnh tình của nàng làm sao. Nay tôi phải kính cái mối cãm lần đầu của nàng, vì là cái mối cãm chí cao chí trọng, nhưng mà tôi nghĩ thế nào cũng không bỏ được cái thời sự đã qua xong rồi: đây rồi chẳng có cái chi chứng rằng cái quan cảnh ngày nay mà sau nó chẳng khiến dinh dấp cho nàng... Dẫu thế nào đi nữa thì tôi cũng là chồng nàng.... Và trong các lẽ gỡ rối, chẳng có cái chi danh trọng hơn là...

Nàng bèn khoát tay hớt đi rằng:

— Cái lẽ cưới hỏi nhau kia không còn ăn thua gì nữa! Dầu cho thuở ấy tôi có thương chàng đi nữa — mà tôi tưởng lại từ đây không còn thế nào được nữa — tôi nguyện chắc cũng chẳng hề ở gần với chàng đâu, trừ ra có làm đám cưới lại thì có lẽ.

Chàng nói tiếp: « Nàng hãy nghe tôi nói. Cũng có cách chờ và sấp đặt công việc vậy... Vã chăng nàng không muốn ở chung với tôi thì nàng về ở bên cha mẹ nàng cũng được hoặc là

àng ở một mình nơi nhà tôi đây cũng ược vậy. Tôi cũng sẽ kiếm cớ cần ip mà đi du lịch. Nhưng có một đều i cúi xin nàng, là đôi khi cũng cho nép tôi thăm viếng thấy mặt nàng, bặc chung với bà con bên nàng, hay bặc như nàng muốn thì cho tôi gặp ột mình nàng nơi ngoài quan-lộ. ôi hết sức cần dùng muốn *thử cái ay* của tôi »

Nàng bèn hỏi gay (cay đắng) rằng:

« – Mà chàng muốn thử cái may của àng chi vậy?

— Bởi vì tôi thương nàng lắm...

— Vậy thì trước chàng không có ương người kia sao?

— Tôi muốn nói cho thật tình ra á: thiệt tôi có thương người kia... ưng mà nàng hãy hiểu cho tôi rằng: thương người đó thì cũng như ờng thường người ta thương những khác... mà không biết họ được rõ — và cũng có hơi gớm ghiết một t vậy, ấy lẽ tự nhiên, phải chăng?

Nàng chịu rằng: « – Phải, ấy là lẽ tự ên. Nhưng mà chàng biết tôi lại ít hơn nữa. »

– Chẳng phải vậy đâu. Cũng có lẽ t hai chỗ nhỏ mọn về cái tánh ý g thì tôi chưa biết thật. Nhưng tôi biết cái tánh khí cao cường của g, cái lòng trong sạch của nàng, sự ghét đều xão trá giả dối của g rồi. Ấy là những đều chánh của đức-hạnh con người rồi! Sau nữa, g có một cái đều chi nó xui khiến người ta, từ thuở mới có thiên hạ, i thương lấy nhau vì cái hình sắc ... Cái đó nó ở rất đỗi xa, rất đỗi thâm mà đến... Ấy là cái luật trời ! Nên ta đều phải chịu theo vậy!

Mấy cái lời lẽ ấy nó rất hạp ý với cái thái độ nước Anh của nàng Y-huê-linh, khiến cho nên nàng không có lời chi mà đối đáp lại. Nàng chỉ cúi đầu, mà lập lại rằng:

— Chúng ta đều phải chịu theo vậy!

Rồi nàng tiếp nói:

— Cũng được cho. Tôi không lẽ chối từ mà chẳng chịu thăm viếng cho thấy chàng một đôi khi. Tôi vì bổn phận cũng phải ráng mà làm theo vậy nhưng có một dều là cái sự ấy đừng có phải dây dưa lâu lắc thì thôi.

— Tự ý nàng định lấy ngày giờ.

— Ba tháng được không?

Chàng thở ra mà nói: « — Ba tháng... cũng được.

Hai người nín lặng giây lâu. Chàng Bơ-lu-oanh-cơn bèn đứng dậy mà ngó ra cửa sổ. Lòng chàng lúc ấy đau đớn xốn xang buồn bực lắm. Nghĩ đến lúc nàng Y-huê-linh sẽ lìa ra khỏi nhà, khiến cho chàng trăm chiu ruột thắt. Sau chàng bèn nói:

— Bây giờ nàng còn yếu lắm chẳng nên đi. Để tôi tính cho nàng. Nội chiều nay tôi sẽ đi du lịch. Ở nhà có con hầu và người đàn bà đầu bếp đều là người tử tế vui vẽ, nàng dễ tin cậy được cái nết na. Còn gia quyến của nàng đến thăm nàng lúc nào cũng được tùy ý nàng muốn. Như vậy thì việc đâu cũng đều phải đó và lại tiện lắm!..

Nàng Y-huê-linh nghĩ thầm rằng: «chàng cũng thật là người quân-tử.» Nàng bèn đưa tay ra cho chàng. Mà lúc nàng vừa đụng mấy ngón tay chàng Ram, thì nàng mất cỡ đỏ mặt: nàng nhớ đến cái thẹn, cái hận dữ tợn kia nó khiến cho lòng nàng tức sôi sùng

sục.

Nàng lật đật giựt lấy tay lại; còn chàng Ram thì bước ra khỏi phòng, ngẫn ngơ suy nghĩ, lấy làm khốn khổ vô cùng.

*
**

Chàng bèn lo sửa soạn đồ hành lý đặng có lên đường, trọn ngày ấy không thấy mặt nàng Y-huê-linh. Giờ ấy thật nên buồn bực ghê gớm. Chàng mắc nỗi sầu tư rất đớn đau cho người phương Bắc lắm Chàng lúc ấy lại cũng đau lòng vì tư-tưởng của mình. Nếu như ai khác t ì những cái tư-tưởng ấy thật là một sự lạ trong đời, nhưng gặp về một gã thiếu-niên Anh-xắc (Anglo saxon) là kẽ thường ở trong cái phép nghiêm luân lý bên ấy khiến cho sự chi xãy đến lạ dường cũng không đủ chi nghịch ý lắng lo mà chàng cũng là khó chịu lắm. Chàng lại sợ mấy cái vẽ lạ kỳ mỗi khi chàng than tiếc hay ước ao chi, cùng là mỗi sự hành động nho nhỏ của chàng, chàng cũng là đẹm lòng sợ hãi. Mấy sự ấy nhập lại với cái nỗi biệt ly xa cách nàng Y-huê-linh đây khiến cho chàng đa ưu sốt ret. Lắm khi chàng muốn đi biệt tăm biệt tích, đi đến chốn hoang vu lạnh lẽo dưới phương Nam cực, hoặc vào hơi đồng trãng mạc giữa chốn Úc châu hầm nóng.

Chiều chạn vạn lại, chàng kêu xe đến, rồi đi giã từ em bạn.

Thấy nàng đương nằm dài trên ghế trường kỹ, bộ xem còn ương yếu, nhưng mà mặt mày tươi tắng, vẽ xem sáng sủa, cập mắt đẹp như còn con nít, chàng lại tưởng mình đã thuyền đắm vì tình. Chàng bèn nói: « — Tôi xin kiếu biệt giã từ, chúc nàng ở lại được phước.

Nàng nói nho nhỏ: « — Thế nào tôi hữu phước được: »

Chàng nghe qua trong lòng phát lảnh. Chàng nghĩ sao nàng là người một giống mà lại nỡ dạ bất công, chẳng chút nghĩa thương chàng, còn người kia ở đâu trong hang cõi ngoại mà đến lại thương chàng như thế kia.

Khi chàng đã lên xe mà đi, nghiêng mình ra cữa ngó lại, thấy nàng Y-huê-linh còn đứng nơi cữa sổ ở trong cữa kiến mà ngó ra. Chàng tự nghĩ: « Phải chi nàng mỡ hé rèm lên một chút!...

Chàng ước vọng như thế, mà ngó lên cữa sổ rất lâu, nhưng chẳng thấy chút chi động tịnh....

Xe chàng mỗi phút càng xa, càng biệt trong đám sương mù.

(*Còn nữa*).

3e ANNÉE — Nº 152 — 30 SEPTEMBRE 1926

KHOA HỌC TẠP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1º — M. BUI QUANG-CHIÊU, *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*
2º — M. LÂM-VĂN-HUÊ, *Commis indigène des Services Civils.*
3º — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics à Cholon.*
4º — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*
5º — M. NGUYỄN KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon*
6º — M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*
7º — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*
8º — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN, *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*
9º — M. TRẦN VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Paris.*
10º — M. TRẦN-QUANG NGHIÊM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*
11º — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*
12º — M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3,00		

MỤC LỤC

Bá nghệ lược giải (nghề soi sáng) (industrie de l'éclairage)..... 2672
Thiệt hành bác học (luận về phép chụp hình (tiếp theo)..... 2675
Văn chương nôm (nhị độ mai chú giải) (nº 18) (tiếp theo)..... 2677
Gương luân lý (gương biết ơn)..... 2681
Thay hồn đổi xát (nº 11) tiếp theo.... 2684

Bá nghệ lược giải

Nghề soi sáng *(Industrie de l'éclairage)*

Nghề thắp đèn dầu, đèn khí, đèn điển

(Eclairage à l'huile, au gaz, à l'électricité)

Nghề thắp đèn dầu

(Dầu mỡ, dầu lửa, dầu săn)

Lịch sử.— Thuở xưa người ta chưa biết dùng đèn như ngày nay thì họ chỉ đốt đuốc mà soi sáng trong lúc ban đêm. Đuốc soi ấy thì dùng bằng cây có dầu mà đốt, nhờ dầu nó cháy lên ngọn mà soi sáng; cây có dầu thì có cây thông. Cho đến ngày nay cũng còn thấy một ít thứ dân mọi rợ chưa biết dùng đèn nên cũng đốt thứ cây dầu mà soi sáng.

Mấy nước văn minh đời thượng cổ như Trung-quốc, Ấn-độ, E-dip, Gơ rêch, vân vân, đều biết dùng dầu, mỡ sáp mà đốt, lại biết làm đèn có tim mà thắp soi sáng lúc ban đêm.

Đèn cầy mỡ (chandelles de suif) thì mới thấy bày ra mà đốt lần thứ nhứt ở bên xứ Anh-quốc hồi kỷ thứ 12, đến đời vua Charles V, năm 1370 bên Pháp mới biết dùng. Họ lấy sừng bò mà đựng mỡ ấy, có làm tim mà thắp.

Năm 1657, tại thành Paris mới bày ra thắp đèn ngoài lộ mà soi sáng thành phố, bắt dân trong thành phải chung đậu tiền mà làm sở phí.

Năm 1750 mới bày ra thứ đèn bóng có cột mà thắp soi để sáng ngoài lộ.

Nghề thắp đèn dầu chế biến ở ngày nay. — Từ xưa người ta thắp đèn dầu thì cứ dùng một cái bình để đựng dầu đựng mỡ; bình có làm cái họng đèn có tim bông thòng vô dầu, dầu thấm mà lên trên đầu tim bắt cháy. Mãi đến năm 1780 mới có ông bác-sĩ *Argand* ở thành Genève bày ra họng đèn có ống khói kiến và tim giẹp khoanh tròn như mấy thứ đèn tọa-đăng của ta thắp bây giờ đó. Nhờ có ống khói, nên hơi nóng của ngọn lửa tuôn lên rất mau, kéo dưỡng

hí vào nhiều, làm cho ngọn lửa
a sáng thêm và không có khói,
ởi cái khói đó nó là thang dầu
nà đã bị cháy tiêu hết đi thành
a sáng thêm nhiều. Bây giờ
hững đèn dầu có ống khói đều
inh xảo hơn xưa nhiều: cái ống
khói có eo nơi ngọn đèn, cũng
à một cái ý hay làm cho ngọn
đèn thêm sáng nữa. Tim đèn
có cháy lụn thì lại có cái đồ vặn
cho tim lên, xuống cho vừa ngọn
đèn nữa. Người Huê-kỳ lại bày
ra thứ họng đèn có miệng ngang,
im đèn giẹp, khi thắp đèn đậy
ống khói vào thì thấy ngọn đèn
lòa ra như cánh bướm. Còn như
đèn tim quấn tròn thì trên ngọn
đèn có để một miếng thau tròn
mà ngăn ngọn đèn làm cho nó
lòa vẹt ra bốn phía, lại càng
sáng hơn trước nữa. Những đèn
Huê-kỳ ấy phải đậy bằng ống
khói bầu nơi ngọn đèn.

Những đèn ống khói kể trên đây đều là đèn thắp bằng dầu lửa; đèn hồi xưa không có ống khói đều thắp bằng dầu hột cây (đậu phộng, hột mè, hột bông, hột dầu u, vân vân) hoặc bằng mỡ heo, mỡ bò, mỡ cá vân vân, hoặc bằng dầu lửa. Ngày nay chẳng phải người ta thắp dầu lửa mà thôi, người ta dùng thứ dầu lửa lọc hơi kêu là dầu săn (essence) để mà thắp đèn măn-sông (manchon) ngọn đèn ra màu sáng trắng tươi, như yến sáng mặt trời. Mấy nhà giàu ngày nay ai ai cũng đều ưa dùng măn-sông lắm, vì cái sáng của nó rất nhiều, thắp một cái đèn sáng bằng năm bảy cái đèn thường.

Còn những đèn cầy đèn sáp là đèn ngày nay người ta làm sẵn ra rất nhiều, để bán cho thiên-hạ dùng. Ta không cần phải nói ra đây chi cho dài, độc giả hãy xem về bài nói *nghề làm đèn cầy, xà bong* thì rõ.

Nghề thắp đèn khí

(Eclairage au gaz)

Lịch sử.— Cách thắp đèn khí mới bày ra từ năm 1820 tới nay, nghĩa là bày ra thắp trong châu thành, cũng cho cả thiên hạ dùng được thì từ năm ấy. Chớ trước năm 1820 cũng đã có người nghĩ ra rồi.

Vậy, ai bày ra đèn khí? Trước người ta biết rằng thang đá đốt, nó bay ra một thứ hơi khí dễ bắt cháy lên ngọn, nhưng không ai biết công dụng đến nó. Cho đến năm 1786 có ông bác vật Pháp là *Philippe Lebon* mới ngụ ý dùng cái hơi khí trong củi cây đốt làm thang, mà làm hơi thắp đèn thì ngó thấy nó sáng. Lúc người ta đốt mạc-cưa mà

lấy khói đặng tìm học cái chất khói, cho khói chạy vào một cái ống nhỏ mà chun ra, đốt cái khói ấy thấy nó cháy lên ngọn, thì từ ngày đó đã bày ra được cách thắp đèn khí. Ngài đốt củi trong lò mà un, rồi lấy cái hơi khí trong củi bay ra, để mà làm khí thắp đèn. Nhưng bởi vì hơi ấy không lọc cho tinh, nên bay hơi ra hôi hám lắm. Sau người dùng thang đá mà lấy hơi khí, nhưng cũng bởi chưa biết cách lọc cho nên nó bay mùi hôi thúi, thành ra dùng không tiện mà phải dẹp đi. Đến năm 1804 không ai biết vì sao trong khi ngài dự cuộc tôn hoàng-đế Napoléon thứ nhứt lên ngôi xong rồi thì ngài bị thích khách chết, nhà nước phải chịu tiền cấp cho vợ con ngài.

Năm ấy có người nước Đức tên *Winsor* lấy ý của ông Philippe Lebon mà qua bên Anh quốc, lập ra một hội làm khí thắp đèn bằng thang đá. Đến năm 1823 tại thành Londres có nhiều hội làm khí thắp đèn, mà hội của ông Winsor nhờ có vua Georges III trợ cấp, nên một mình hội ấy mà đặt hơn 50 dặm ống chạy hơi khí thắp đèn nơi dưới đất lộ (như ống nước bên ta bây giờ).

Năm 1819 nhờ vua Louis XVIII trợ cấp nên nghề thắp đèn khí được kết quả ở tại thành Paris.

Trong khí thắp đèn có vật chi mà cháy sáng? — Khí thắp đèn là hơi khinh khí (hydrogène) lộn với chất thán (carbone) ở trong cây củi, thang đá mà ra. Mấy vật có chất thán và chất khinh-khí nhiều hơn hết như dầu, đất thang (tourbe), mủ cây thông, mỡ, thang đá đều là vật để dùng mà đốt lấy hơi khí thắp đèn được nhiều hơn hết, để lấy hơi nó mà đốt thì cháy sáng lắm. Nhưng tà thường dùng nhứt là thang đá, vì nó tiện một đều là có lợi nhiều: một là lấy được hơi khí thắp đèn, hai là hơi khí cang-sa (ammoniaque), ba là dầu hắc (goudron) để mà lọc lấy ra được những dầu lửa, dầu benzine, dầu naphtol, bốn là còn lại cái thang đá-cặn (coke) để làm thang chụm lửa máy rất tốt.

Còn cái hơi khí nó sáng là nhờ có khinh khí là một thứ nhạy lửa, mà cháy nóng lắm, nó cháy cái thang (hơi thán, carbone) rất mạnh làm cho sanh ra ngọn lửa sáng trưng. (Hơi khinh cháy một mình thì nó xanh màu trong).

(Sau nói tiếp cách lấy khí thắp đèn và nghề thắp đèn đ ền)

THANH-TÂN.

Thiệt hành bác học

Luận về phép chụp hình *(Tiếp theo)*

Nói tiếp khi nhắm xong rồi, giở cái nắp hộp kiến lên, rồi giở luôn cái nắp đậy objectif cho hình các vật ở ngoài chạy lòn theo objectif mà vào ăn vô tấm kiến. Người ta giở nắp ấy để lâu hay mau tùy theo yến sáng nhiều cùng ít tùy theo tấm kiến ăn hình mau cùng chậm, tùy theo cái objectif tốt hay xấu, nhưng thường khi người ta giở lâu chỉ trong một phân đến 5 phân là đủ. Có thứ máy tốt, kiến tốt người ta chụp hình mau như chụp trời chớp cũng được. Những máy chụp hình mau khéo mắc tiền thì nay có những máy chụp hình hát bóng trong một phân đồng hồ người ta có thể chụp hình cả trăm, cả ngàn, cả muôn cái hình cũng được.

Làm cho nổi hình — Kiến để in hình (Développement de l'image, cliché). — Tấm kiến đã chịu ảnh hưởng yến sáng rồi, người ta bèn đậy cái khuôn chassis lại, đem nó ra rồi đi vào phòng kín tối có đốt đèn *đỏ* mà thôi. Lấy kiến trong khuôn ra đưa ngay ra đèn mà xem thì không thấy có hình chi cả, nghĩa là cũng y như hồi chưa chụp. Tuy vậy có chất muối bạc của nó vì yến sáng mà đã đổi ra rồi, bây giờ duy có đem rửa nó bằng một thứ nước thuốc khác như là *sulfate de protoxy de fer* hoặc *acide pyrogallique* thì sẽ ngó thấy lộ hình ra.

Cái nước thuốc sắt thì làm như vầy:

1°	Oxalate neutre de potassium.	300 gr.
	Eâu distillée (nước lọc hơi)..	1000 —
2°	Sulfate de fer (muối sắt).....	300 —
	Eaudistiltée (nước lọc hơi)..	1000 —
	Acide tartrique (phèn khế)...	4 —

Làm hai thứ đó xong rồi, lấy 3 phần cái số 1° và 1 phần cái số 2° mà hiệp lại. Cách nầy để cho mấy người mới học chụp hình. Chế nước thuốc đó phải làm ngay trong lúc rửa kiến. Làm cho đủ ngâm ngập cái tấm kiến. Nước thuốc đựng trong một cái dĩa để rửa kiến làm bằng kiến, bằng kiểu hoặc bằng celluloïd. Đổ nước thuốc lên dĩa rồi, nhún tấm kiến hình vô, mà phải nhớ để cái bề mặt có thuốc thắm của tấm kiến lên phía trên mặt nước, rồi lắc qua lắc lại cho nước chạy lấp đều cái tấm kiến.

Lần lần thấy cái hình nó lộ ra, nơi nào cái vật chụp trắng sáng thì trong kiến lộ ra hình đen, còn nơi nào cái hình chụp có bóng tối, hoặc đen hay có màu chi sâm thì trong kiến chỗ ấy lại trở ra trắng trong.

Rửa như vậy giây lát lấy ra xem thử coi hình nó đã lộ đều chưa; chừng nó đều thì lấy ra mà rửa nước lạnh lại, xong rồi thì tấm kiến ấy thành ra tấm kiến hình ngược (épreuve négative) cũng kêu là kiến để in hình (*cliché*).

Cách dùng nước thuốc acide pyrogallique thì khó hơn và công làm lâu hơn, nhưng mà hình ra rõ hơn lại cũng có thế dễ cho những kiến để chụp hình chậm hơn. Ta không cần nói cách ấy ra chi dài, nay người ta dùng nhiều thứ nước thuốc hóa học khéo hơn nhiều. Vì cái nghề chụp hình muốn cho rành phải học lâu, phải có sách dạy nhiều lắm, chớ không phải nói sơ như vầy được.

Làm cho kiến hình đừng phai (Fi-

xage de l'épreuve). — Kiến rửa như thế xong rồi, chớ không đem ra ngoài yến sáng được, vì gặp yến sáng thì nó phải hư, chất bạc phải bị yến sáng ăn đen thui hết. Muốn khỏi vậy thì phải rửa kiến đó trong nước thuốc làm bằng nước lạnh có pha từ 12 đến 15 phần trăm *hyposulfite de soude*.

Nước thuốc phải đựng riêng trong dĩa khác rồi ngâm tấm kiến vô trong ấy, chờ khi nào thấy tấm kiến đừng sót một chỗ nào trắng trắng ở sau kiến thì lấy rã mà đem rửa nước lạnh, năm bảy lần, có khi ngâm luôn trong nước và thay nước hoài như vậy cả đôi ba giờ, mới đem ra gát phơi cho khô ráo.

In hình ra giấy (Production de l'épreuve sur papier). — Cai tấm kiến hình ngược đó để dành mà in hình ra giấy chụp hình, muốn in ra mấy ngàn mấy muôn tấm cũng được, nó thành ra không khác nào cái *khuôn in* (cliché).

Bây giờ lấy giấy thấm hình (giấy ăn hình, papier sensible, có chất muối bạc) mà lót ở sau tấm kiến, rồi để nó vô khuôn ép chassis-presse mà phơi nắng thì nó ra hình xuôi.

Muốn để giấy thấm hình vô kiến mà in hình thì phải làm như vầy: trước hết để cái kiến hình vô khuôn ép, trở bề có thuốc lên trên, rồi để tờ giấy in hình lên kiến ấy, cái bề có thuốc thấm trong giấy ở phía dưới; lót lên trên tờ giấy một tấm nĩ mỏng hay là một tấm giấy chậm cho nó êm, sau rốt đậy nắp khuôn lại, khóa ép nó xuống cho nó sát đều mặt hết. Xong rồi hết thì đem ra nắng, trở bề kiến lên trên mà phơi; một lát thì lấy vô giỡ thăm chừng coi hình đã ăn vừa chưa; tốt hơn là để cho nó ăn đậm một chút, vì sau còn rửa thuốc nữa thì nó còn bay bớt đi.

Làm cho hình trên giấy đừng phai (Virage et fixage de l'épreuve). — Giấy lấy trong khuôn-ép ra thì màu nó đỏ bầm, nếu không rửa nước thuốc nó thì bị yến sáng nó phải ra đen thui hết cả. Vậy phải đem vào phòng tối có thắp đèn đỏ mà rửa nó cũng như rửa kiến chụp khi trước vậy. Tờ giấy hình đó phải đem rửa nước lạnh trước rồi nhúng vộ nước *chlorure d'or*; xong rồi đem ra ngâm trong nước pha *hyposulfite de soude* 15 phần trăm cho hình nó đừng phai. Bây giờ chỉ còn rửa nước lạnh lại nữa, rồi đem phơi gió cho nó ráo thì là xong việc, kế đem dán nó lên giấy dày.

(Còn nữa).

VĂN CHƯƠNG NÔM

Nhị độ mai chú giãi (*nº 18*)

Mấy ngày thuận biển xuôi dòng,
Mui bòng trăng tối, bườm giòng gió trưa.
Quan lão là khách tài hoa,
Cuộc cờ trên lái, đường tơ dưới lèo. (189)
Mây buổi sớm, nước ban chiều,
Thơ ngâm ngoài lại, rượu đầy trong khoang.
Kinh thành mong mỗi tấc gang,
Chiều lòng nước cũng một đường như tên.

☆
☆ ☆

Bỗng đâu một chiếc kề bên,
Hỏi ra mới biết là thuyền Trâu-Công.
Gặp nhau mới kể sự lòng,
Họ Trâu môn đệ, họ Phùng ân sư.
Trâu-Công rằng: chút gọi là,
Xin dâng một lễ gọi đưa tấc thành.
Hà-Nam vưng mạng tuần hành,
Một phương xích tử triều đình trong tay. (190)
Những là lơ lửng đêm ngày,
Dưới màn ai kẻ đỡ thay tờ bồi?
Ân sư liên hữu có ai,
Môn sanh xin được một người là ai.
Phùng-Công rằng: đã sẵn đây,
Mục-Vinh gặp bấy hôm nay cũng kề.
Văn-Chương tài mạo ai bì?
Có chẳng là một chữ thì kém ta.
Cánh bằng (191) khi nhảy gió xa,
Tuông mây chưa biết lên là đến đâu.
Nhân duyên may gặp được nhau,
Việc nhà xem đỡ, ta sau sá gì?

★
★ ★

Hai ông trò chuyện dã dề,
Mới đem họ Mục đưa về Trâu-công.
Của đưa gọi chút lấy lòng,
Một hòm tân phục, hai phong nhựt trình. (192)
Tiễn rồi lại dặn Mục-sinh:
Trượng-phu xin chớ quản tình biệt ly.
An xong trở mũi thuyền đi,
Kẻ thì phó lị, người thì tấn kinh.

*
* *

Thương thay còn một Xuân-sanh,
Liền đêm hôm ấy lánh mình xa xa;
Rạng mai rồi mới nhớ ra,
Sơn-đông quen một người là *Thể-Câu*.
Xưa từng lị phủ *Nhiêu-Châu*,
Cách quan nghe bấy năm lâu ở nhà.
Hỏi thăm tìm tới hỏi qua,
Cửa ngoài đã thấy có tờ biên phong.
Cũng vì Lư-khỉ, Huỳnh-Tung,
Chứng cho một án giao thông giặc ngoài.
Xuân-Sanh thấy sự kíp dời,
Một mình mặt đất chơn trời bơ vơ.
Than rằng: «thung rụi, huyên già,
Thiên lao biết có bao giờ biện oan?
Người tuổi tác khách cô đan,
Để ai tang nghé rẻ đàn vì ai? (193)
Xót ai thoi thỏi phương trời,
Hồng nhan (194) khi đã ra người cửu nguyên.
Hiếu tình đeo nặng hai bên,
Dặn dò những chắc châu triền có ta. (195)
Mai ca kia, hỡi Mai ca!
Rời nhau một bước nên xa mấy trùng!
Một đêm sương tuyết lạnh lùng,
Khỏi chăng bay đã mắc vòng trần ai.
Thương ôi! Trung ngãi bấy người,
Kẻ thời oan thác, người nơi ngục hình.
Trách vua Đường ở bất minh,
Dung bên gian đảng mà khinh hiền tài.

*
* *

Bền lòng trăm mối bời bời,
Trông ra một nước một trời minh mông.
Tử sanh xem nhẹ lông hồng, (196)
Quyết liều, sanh đã gieo sông bao giờ.
Hay đâu khéo cũng may mà!
Gần đâu đấy có ngư gia đóng thuyền.
Vãi chài vớt được chàng lên,
Tỉnh dần trông tỏ hai bên ngồi nhìn.
Trẻ già một lũ càn khan, (197)
Đầu thì gỡ tóc, mình thì hơ da.
Ngồi trên thuyền chủ một bà,
Kề bên một gái mặt hoa tót vời.
Ngồi trông ra tỏ mặt người,
Thương ôi! sao khéo thiệt thòi tuổi xanh.
Ở đâu trôi đến chài mình,
Sao còn im ỉm khí sanh lạ đời.
Thay quần đổi áo tơi bời,
Ngư-bà mới hỏi mấy lời trước sau:
« Chẳng hay quê họ nơi đâu?
Gặp nhau xịn tỏ cho nhau biết cùng.
Làm sao mà phải gieo sông,
Hay là tội lệ kiết hung thể nào?

Xuân-Sanh mới kể gót đầu,
Quê tôi ở huyện Thường-Châu cũng gần.
Cha làm quan họ là Trần,
Chẳng may mắc phải gian thần vu oan.
Tâu vua bắt chị hòa Man,
Thiên lao thì bắt thung đàng phú giam.
Tôi tiễn chị tôi xuất *quan*,
Bỗng nghe mật chỉ sai *quan* nả về.
Vậy nên tôi phải lánh đi,
Chẳng may gặp lũ gian phi giữa đàng.
Than ôi! đương hiệp mà tan!
Một mình lánh khỏi nguy nàn tới đây.
Cả liều nào quản vơi đầy,
Phước sao may khéo là may, gặp người.

(Còn nữa).

Giải nghĩa chữ mắc

(189) Quan lão là khách có tài, nên lúc thuyền chạy bườm thì hoặc ông đánh cờ chơi nơi bòng lái, hoặc đờn cầm chơi ở nơi khoang ghe dưới lèo buồm.

(190) *Xích tữ*, con đỏ, ý nói một phương dân sự đều được triều đình phú một tay mình cai trị.

(191) *Cánh bằng*, cánh chim đại-bằng. Chim đại-bàn là chim lớn hơn hết, một lần vỗ cánh bay đi che mát cả một phương trời như một đám mây, bay một cái xa 3 ngàn dậm. Ý nói tài học mau phát như chim đại-bằng bay cao xa vậy.

(192) Của lễ tặng. Hai phong nhựt trình chắc là 2 phong bạc gói trong giấy.

(193) *Tan nghé rẽ đàn*, làm cho trâu con rẽ đàn. Ý nói làm cho con phân cách cha mẹ chị em.

(194) *Hồng nhan*, khách má-hồng đây là chị của Xuân-Sanh Ý nói chắc khi chị mình (Hạnh-Nguyên) đã chết rồi.

(195) Lúc chị em xa nhau nàng Hạnh-Nguyên có dặn dò em. Nay chàng than « chắc đâu có ta gần bên cha mẹ mà lo săn sóc mẹ cha. »

(196) Coi sự sống chết nhẹ như lông chim hồng.

(167) Trẻ già một đám (lũ) ngồi đầy trong khoang.

Gương luân lý

Gương biết ơn

Chuyện ngươi Fréscobaldi

Ở tại xứ Florence có người lái buôn tên Frescobaldi có tiếng là người rộng rải hay làm nhơn làm phước lắm.

Ngày kia có người nước lạ xem hình dáng ra người tử tế mà cách ăn mặc lại thô hèn rách rưới, người ấy đến ra mắt anh lái-buôn mà rằng: «Tôi nghe ngài là người độ lượng rộng lớn, nên đến đây cầu xin ngài cứu g úp. Tôi sanh trưởng tại nước Anh, tên là Thomas Cromwe'l; tôi lìa quê hương mà đi lập nghiệp làm ăn, nhưng thời vận không có, khiến đến đâu cũng là nghèo khổ; mới đây lại phải mang bịnh đau, tiền hết tật còn, nay nghèo quá không tiền mà về xứ, xin ngài làm phước thi ân.» Người lái buôn thấy vậy động lòng thương, bèn biểu thôi ở lại nhà người mà săn sóc dưỡng bịnh, lại cấp cho áo quần mà ăn mặc tử tế. Đến lúc bịnh lành, người tạ ơn từ giã rạ về, thì anh lái buôn có cho thêm ba mươi đồng vàng nữa. Người về đến quê hương thì vận mạng đà thấy đổi, xin mần được một chỗ nhỏ trong nhà nước lần lần được bước hoạn đồ, chẳng bao lâu đẹp lòng vua Henri thứ tám, mà lần lên chức thừa-tướng.

Lúc nầy anh lái buôn vận càng thêm bĩ, buôn bán càng ngày càng lỗ, hàng hoá tàu bè hư chìm mất hết, người thiếu nợ cũng không ai chịu trả, cho nên anh ta phải mang lấy cảnh nghèo. Thuở ấy còn nhiều người lái buôn nước Anh thiếu tiền của anh ta, mà không ai chịu trả, nên anh ta phải đi qua bên nước Anh mà thâu tiền nợ lại. Đến nơi ngày kia người đi kiếm nhà mấy người thiếu nợ kia mà đòi, xảy gặp ông thừa-tướng đương cỡi ngựa đi qua. Ông thừa-tướng ngó thấy anh lái buôn bèn nhớ trực, biết mặt người ân, bèn nhảy xuống ngựa chạy lại ôm anh lái buôn mà hun. Anh lái buôn lấy làm chưng hửng vì bấy lâu đã quên hẳn tên Thomas Cromwell kia rồi. Cromwell bèn nói: «Anh quên tôi sao? tôi là người Ăn-lê khi trước anh cứu tôi khỏi cảnh nghèo nàn, lại giúp tiền cho tôi về nước mà nay được làm nên đây. Mà xin lỗi anh nay tôi vì bổn phận mắc đi làm việc, nên tức không cặng hầu chuyện bấy giờ, tôi xin mời anh thế nào bữa nay cũng lại nhà tôi mà dùng bữa cơm với tôi, kẻo lòng tôi hoài vọng lắm». Nói rồi hai người bắt tay từ giã.

Còn anh lái buôn thấy sự may mắn lấy làm đẹp ý lắm, nên hứa lời Tới giờ hẹn, bèn đến nhà ông tể-tướng. Ông tể-tướng rất hậu tình tiếp đải. Khi ăn uống xong xuôi, ông thừa-tướng hỏi thăm công việc, anh lái buôn thuật hết sự tình. Ông tể-tướng bèn đem ra 4 bao bạc mỗi bao có một số tiền rất nhiều mà ép anh lái buôn phải lấy. Anh

lái buôn từ chối mấy phen, thì ông tể-tướng nói: «Đấy là bạc cũa anh cho tôi lúc trước còn ở Florence nay nó sanh lời dồn vập bao nhiêu đó; chớ phải của ấy anh còn để mà buôn bán chắc cũng được lời bấy nhiêu vậy; thôi xin anh hãy lấy đi, đó là cũng như tiền của tôi trả lại cho anh, chớ không phải tiền của tôi tặng đâu!» Anh lái buôn thấy nài quá phải lấy. Rồi ông tể-tướng hỏi thăm số tên mấy người có thiếu nợ, ông bèn ra lịnh hối mấy người thiếu nợ phải lo trả cho tất, thì chỉ trong nửa tháng đã đòi xong hết nợ. Trong lúc ấy thì anh lái buôn ở tại nhà quan tể-tưởng. Nay anh quyết ý trở về quê hương, ông tể-tướng hết sức cầm bạn cũng không được, bèn tâu vua, vua bèn viết thơ gởi gấm cho Toscane quận công là chúa ở thành Florence. Lúc anh lái trở về thành Florence chẳng bao lâu trở nên một người lái buôn giàu có hơn trước nữa.

Người quan ba nước Thoại-sĩ

Hồi ngày mồng mười tháng tám năm 1792 (10 août 1792) (1) có ông quan ba Thoại-sỉ mắc chinh chiến, đánh giặc từ sớm mai 7 giờ cho đến 5 giờ chiều, thì mệt mỏi đuối sức phần bị vít tích cũng nhiều nên đau đớn mệt nhọc lắm. Người bèn chạy leo trốn trên ngọn cây trong vườn Tuileries, mà chờ trời tối đến 8 giờ. Lúc ấy trời tối, người bèn tuộc xuống có ý nương đêm tăng tối mà thoát thân cho khỏi nạn đặng kiếm nơi tá túc. Dè đâu ra đến ngã lộ Vendôme xảy thấy một đám đông người, người bèn chạy núp dưới cái sập dựng hình vua Louis XIV, kế thấy có một người thiếu-niên, là gia-đình của một ông phú-hộ ở đường gần đó. Người thiếu niên thấy quan ba chạy trốn vào đó, bèn chạy tới la: « Ai đi đó! » Quan ba phải ra mặt mà nói thiệt mình bị vít tích, phần đánh giặc đã lâu mệt mỏi lắm, thôi thì hãy bắt mình đi mà nạp, chớ người không còn muốn sống chút nào nữa. Người thiếu-niên ấy thấy vậy động lòng, bèn dắc về nhà mà săn sóc. Chủ nó hay được sợ tội liên cang bèn đuổi nó đi. Người thiếu-niên lại dắc quan ba đó đi về nhà mẹ nó mà chờ khi may khác.

Mẹ con của người thiếu-niên cũng biết nếu người ta biết mình chứa kẻ giặc trong nhà thì không khỏi phải chung tội tử-hình, song vì lòng ái-nhơn ái chủng, nên chẳng sợ tai nạn là gì. Mẹ con người cũng bị chúng nghi nan, nên họ có đến mà xét nhà. Vã chăng mẹ người thiếu-niên có lập tiệm bán thang, cho nên lúc ấy trong nhà vừa đem giấu quan ba ấy kiệp ở dưới mấy bao thang. Lúc quân dậy giặc vào xét nhà dùng xà nọ dài 4 thước mộc mà chỉa vào mấy bao, nhưng cũng may không trúng nhằm, nên quan ba khỏi chết. Chừng quân kéo ra đi khỏi nhà thì quan ba ấy được cứu khỏi. Bèn đổi tên mà xin

(1) Ngày ấy vua Louis XIV ở trong đền bị dân dấy loạn áp vô mà muốn thí vua, vua cùng gia-quyến đều chạy trốn nơi giữa đám hội nghị luật-hình. Còn mấy quan hầu-cận các tướng Thoại sĩ canh giữ đền vua vì hết lòng trung trực, hộ giá cho vua mà phải tử-trận đi gần hết.

giấy thông-hành trở về nước Thoại sĩ là nơi người có của cải muôn hộ. Về đến nơi người biết ơn, bèn gởi bạc tiền qua tặng cho mẹ con người thiếu-niên có ơn cứu tử, lại có viết thơ nài biểu mẹ con hãy qua xứ Thoại sĩ của người mà thăm người. Mẹ con nghe lời qua đó thì người tiếp đải rất hậu mà tỏ tình cảm nghĩa ân nhơn.

Chuyện hoàng đế Pierre với đại-tướng Menzikoff

Đại tướng Menzikoff đã nhiều phen xông tên đục pháo vào những đám gươm đao nguy hiểm mà cứu giá cho hoàng-đế mình là Pierre le Grand, cho nên được vua trọng dụng thương mến. Ông quan ấy tuy anh hùng trung trực, nhưng cũng có dạ tham lam vô cùng, nhiều khi lấy của công nho để làm ích nước lợi dân mà đem làm của mình.

Khi k a hoàng-đế phải ngự giá thân chinh xuống thành Azov rất gấp đặng quyết thâu đoạt thành ấy, thì đại-tướng Manzikoff cũng phải theo vua. Dọc đường có kẻ tâu vua biết tự sự, cho nên có người nói lại cho anh tướng ấy hay. Anh tướng thấy vua im lim mà nét mặt hơi sầu giận thì biết mình đã mắc tội, vua ắc bắt tội nặng, thì công danh mình cũng chìm sâu đáy nước. Người mảng suy nghĩ buồn rầu, tưởng đến sự đày nơi đồng trăng minh mông xứ Sibérie, đến lưỡi búa chặt đầu rời cổ, khiến cho người ngồi đứng chẳng an, máu trào lên mặt, làm cho người phải phát lên bịnh sốt rét, nên phải ở tạm tại nơi một cái nhà rơm thê thãm. Người phải bịnh mê mang nói mớ, nằm liệt có hơn cả ba tuần lễ. Bữa kia trong mình hơi bớt, tỉnh dậy ngó quanh trong chòi bộ xem buồn bả, thấy tư bề lặng lẽ chẳng có dạng người, nghĩ chắc mình bị bỏ, chẳng kẻ đoái màng. Ngó lại đầu giường thấy còn có một người đứng gần mà thôi, ở đó coi săn sóc thuốc men, lấy lời an ủi. Người ấy là ai? Ấy là hoàng-đế Pierre le Grand đó.

Ông quan thấy thế rất mừng, lòng ra yên, sức thêm mạnh, mà nghĩ ơn trời biển thắm lòng, bèn sa nước mắt ướt dầm đôi má. Người mới tâu: «Trời ô! Bệ hạ đây mà!» Vua phán: «Phải đó! Trẫm ở đây đã trọn ba tuần, không rời phòng một bước! — Tâu bệ hạ, bệ hạ còn thương tôi sao? bệ hạ đã thứ tội cho hạ thần nầy rồi sao? bệ hạ chưa ra chiếu xử tử-hình cho đứa có tội nầy chăng?

Hoàng-đế Pierre ôm hun tướng ấy mà rằng: «Khốn chưa! Khanh tưởng trẫm đã quên ơn khanh cứu tử mấy phen sao? Thôi thì khanh hãy ráng mà lập công chuộc tội, từ rày về sau chớ khá làm việc lỗi lầm, khanh hãy an lòng tưởng trẫm.»

Thay hồn đổi xát (n° 11)

(tiếp theo)

Cách trí tiểu thuyết Tây: THANH-TÂN diễn nôm

HỒI THỨ CHÍN (IX)

hàng Ram đi du lịch giáp vòng phương Âu, khi xem lầu cổ-viện khi xem những lầu-đài cổ-tích, nhà hát cùng là danh sơn thắng cảnh của người dẫn đường chỉ cho. Chàng lại có ghi vào sổ cho biết những giá trị của các danh tượng truyền thần, tuổi của các nhà thờ, bề cao của các tháp-đài, bề rộng bề sâu của các sông to nhỏ, giá xe bộ hành, nhơn số châu thành cùng là sự thịnh phát của các rơi hãi-khẩu.

Nhưng vậy mấy công việc ấy cũng chẳng đủ làm cho chàng vui đặng. Lúc người giữ mã giữ nhà thờ chỉ dẫn cắt nghĩa truyện tích các bực anh hùng, các bực thánh nhơn cùng là của tích, cơ vật cúng tế, thì trí chàng đương lúc tưởng mơ nàng Y huê-linh chẳng ngớt. Mắt xem tượng hình mấy ông giáo chủ phất cây seringues to lớn, tượng ông Phết (Phèdre) chọc phá con ông Tê-dê (Thésée) cùng thấy tượng nhạn kéo thuyền của Lô-hăn-ranh (Lohengren) đạo sĩ, mà lòng chàng vẫn chẳng hề quên cái nhớ nàng Y-huê-linh.

Có t'chanpaigne cũng chỉ khiến cho chàng thêm nỗi đớn đau. Chàng đi tới thành Phơ-lô-răn (Florence) thì chẳng đi nữa. Ở đó chàng về thẳng Long-dong, lòng cũng buồn bực, càng đa tình hơn trước nữa.

Chàng có cho hay tin ngày giờ chàng về đến. Buổi ấy sa mù bao phủ thành Long-đong, ngó xem chỉ thấy mặt trời hồng đỏ như sơn gắn dấu. Nàng Y-huê-linh lúc ấy ngồi dựa lò lửa thang dầu mà hơ. Lửa ấy lên ngọn cao dễ khiến lòng người xem mà tư tưởng. Nàng tưởng tư thiệt, tưởng phận vô duyên chẳng gặp nơi phải ý.

Nàng bây giờ xem bớt buồn rầu nóng nảy và lại dễ chịu lắm. Có mặt chàng Ram đó bây giờ lại như chẳng có làm cho nàng bực bội nữa. Còn nàng thì cũng khiến cho chàng được vui vẽ chút đỉnh. Bởi vậy nên hai người nói chuyện với nhau rù rì những chuyện kia chuyện nọ cho giãi khuây vậy. Tuy thế mà nàng Y-huê-linh vẫn còn giữ tình xa cách luôn.

Lúc chàng vừa bước chưn ra đi thì nàng lại nói:

— Nhưng vậy mà không lẽ tôi ỷ cái lòng tử-tế của chàng mà lạm dụng quá... tôi tính chiều nay tôi sẽ về nhà cha mẹ tôi!

Chàng Bơ-lu-oanh-cơn than rằng:

— Như thế thì tôi buồn lắm! Mà rồi nàng nói với cha mẹ nàng toế nào?... Vậy thôi chẳng thà tôi ở trên lầu còn nàng ở từng dưới đất đây, thì nàng cũng không có thấy mặt tôi vậy, trừ một hai phút mỗi ngày vậy thôi còn tôi cũng kiếm cớ mà đi ra ngoài thành phố ăn cơm.

Nàng nói: « — Như vậy thì rất là nhọc lòng khó chịu cho chàng lắm.

— Không sao đâu! Cái đều làm cho đôi ta nhọc lòng khó chịu đây là khi nào ta chưa quyết định được lẽ nào kia, ấy nhứt là cái xa cách biệt nhau kia, nó làm cho cha mẹ nàng và hết thảy cũng nghĩ không ra được. Tôi xin nàng hãy suy đi nghĩ lại vài ngày nữa.

Nàng biết chàng nói phải lý, Nàng cũng biết trước rằng đây rồi mẹ nàng sẽ hỏi han nhiều đều trắc trở và nhứt là đây rồi cha nàng không bằng lòng vì người có cái ý hay kĩnh người lắm.

Nàng ngồi xem ngọn lửa dài mà suy nghĩ giây lâu, bèn nói;

— Như chàng muốn vậy.. và như tôi ở lại thì chàng ít nhọc lòng buồn bã hơn thì cũng ở lại đây ít lâu nữa.

Thắm thoát đã qua nửa tháng. Chàng Ram thường khi thức dậy sớm hơn nàng Y-huê-linh, cho nên tức nhiên chàng phải ăn lót lòng một mình, rồi trưa chiều mới ra ngoài thành phố mà ăn cơm.

Muốn tránh đều dị nghị, nàng cũng cho phép chàng chuyện vãn cùng mình cho vui. Nàng tưởng đâu cái sự chuyện vãn nầy nó làm bực lòng chẳng đẹp, song không có vậy. Nhưng mà lần lần rồi cũng nói qua chuyện cũ. Cái chuyện ấy cũng là cái cớ khiến cho hai người xa cách với nhau, mà cũng là một cái sự kín nó khiến muốn nghe, một sự chi nó xui khiến cho hai người số phận in như một trong đời t có, dường như đã liên cang với nhau.

Nàng -Y-huê-linh b ết mình có lẽ phải triếu mến chàng thiếu-niên quảng đại hiền từ nầy, nhưng mỗi khi nàng nghĩ đến mình phải làm vợ của chàng thì lại mất cở thẹn lòng mà đỏ mặt tía tai không khác nào như bà bá-tước phu-nhân-E-mê kia mà ông Bạt-bay nói rằng lúc bà mất cở thì « tráng má cổ cho đến chưn lông kẻ tóc, lẳng sóng tóc vàng bà vợn chiếu cũng là đỏ như lửa son ».

Nàng bây giờ đà thiệt mạnh. Thường khi nàng hay đi về thăm bà mẹ, thăm cô Ha-rich và thằng bé Rắc. Xưa nay mới thấy nàng thiệt là mạnh giỏi, nước da tươi, trắng đỏ màu hồng, tươi hơn nước da mấy đứa trẻ thơ trững giỡn nằm lăng trên cỏ lục nơi bồn cỏ Hai-đê-Bạc cùng ở Huêch-Anh.

Lắm lúc thình linh nàng hay bần thần khó chịu. Thường khi thi lối buổi sớm mai, có lúc lại giữa ban ngày, trong khi dạo chơi. hoặc khi đọc sách, hoặc lúc đi thăm ai...

Có một buổi xế kia, bà mẹ nàng thình linh thấy nàng mặt mày tái ngắt, đi đứng không yên, khiến cho bà bồi hồi lo lắng.

Bèn hỏi to rằng: « — Con sao vậy con? Sao mà con xanh lét mặt mày vậy?

Bà nói mà ra bộ tịch như cánh quạt nhà xay bột quây vậy. Nàng Y-huê-linh nói thiệt mình có hơi khó chịu. Bà Gơ-rô-huê-đên nghe nàng nói ban đầu sợ sệt lần lần bớt lo lại có đều hy-vọng, Bà mới nói:

— Con ơi! Mẹ tưởng con phải rước ông thầy thuốc coi mạch. . hay là ý con chịu rước bà thầy thuốc chăng?

Nàng hơi mỉn cười, xem bộ biển-từ dễ thương mà có hơi bí mật và bộ dễ tức cười.

Bà mẹ nàng thấy nàng không hiểu, thì nhớn vai lên mà rằng: « — Có biết không? Thôi liền đây mẹ đi với con

lại nhà bà Tai-nê-rơm (Tneyrump). ở đầu đường ngã tư kia. Bà thầy thuốc đó rõ biết mấy chứng bịnh của đàn bà. Cha chả! mẹ muốn...

Bà không nói muốn cái chi, song dắc con lại chỗ đám cây to rậm nơi ngã tư kia, rồi dắc đến nhà bà Tai-nê-rơm.

Lúc ấy bà thầy thuốc còn đương ở nhà. Tóc bà như lông chồn, mỏ như mỏ chuột, mà cái miệng cười lại có duyên. Bà được tin của bà Gơ-rô-huê-đên nói bà liền hỏi thăm nàng Y-huê-linh thì ngó thấy nàng lần lần lại xanh mét lắm.

Bà phải xem xét chẩn mạch cần kiếp và kỹ lưỡng lắm, xong rồi bà lắc đầu làm như mấy bà tiên-tri mà nói rằng.

— Tôi xem thế không chắc được, thiệt chưa dám chắc được nhưng mà tôi quyết rằng..,

Chưa dứt bà bèn hạ tiếng xuống mà nói bịnh thế nào, thì nàng Y-huê-linh đà run rẩy cả mình.

Chiều lại đến lúc chàng Ram trở về, thì đi qua thăm nàng cũng như thường bữa vậy. Chàng ngó thấy nàng nằm dật dựa trên ghế dài, mặt mày đều ướt dầm nước mắt, cặp mắt thì như đớn đau thất vọng lắm vậy.

Chàng mới năn nỉ hỏi rằng: «— Nàng có đều chi vậy?»

Nàng rên siết rằng: «— Ôi thôi! gớm ghiết lắm! gớm ghiết lắm! chàng ơi!»

Nàng úp mặt vào cánh tay mà khóc dầm tức tưởi, còn chàng đứng đó buồn bã, vừa lấy làm lạ vừa muốn biết chuyện thể nào. Thấy nàng không trả lời câu hỏi mình, chàng bèn tính ngồi đợi.

Chừng nàng hết khóc rồi, giây lâu chỉ nghe tiếng ngọn lửa phất phơ, tiếng chuông kêu văng vẳng, tiếng xe chạy ngoài đường gần mà thôi. Chàng Bơ-lu-oanh-cơn nhìn cái thân yếu nằm ngữa nghiêng trên ghế, tóc xả đôi vai, cái cổ trắng ngà chập lâu run giựt như kẻ giực mình.

Chàng nhỏ lời han hỏi: «Sao nàng?»

Nàng ngước mặt lên, thấy miệng nàng dữ tợn, mặt mày ngơ ngáo, cập mắt dường như có ngọn lửa rét sợ lung lắm.

Thình lình nàng nói nho nhỏ lại rằng:

— Tôi sợ lắm chàng ôi!... đây tôi sẽ có con!

Chàng nghe, cúi nghiên mình xuống, trong lòng có ý mừng lỡ, thì nàng trong lúc sợ mà hô lên rằng:

— Mà con của người khác... con của quĩ ma ở cõi ngoại!. —

(Còn nữa).

3e ANNÉE — Nº 153 — 7 OCTOBRE 1926

KHOA HỌC TẠP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1º — M. BUI QUANG-CHIÊU, *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*
2º — M. LÂM-VĂN-HUÊ, *Commis indigène des Services Civils.*
3º — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics à Cholon.*
4º — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*
5º — M. NGUYỄN-KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon*
6º — M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*
7º — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*
8º — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN, *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*
9º — M. TRẦN VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Paris.*
10º — M. TRẦN-QUANG-NGHIÊM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*
11º — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*
12º — M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3,00		

MỤC LỤC

Bá nghệ lược giải (nghề soi sáng) (tiếp theo) (industrie de l'éclairage) 2688
Thiệt hành bác học (cách hụp hình) (tiếp theo)..... 2692
Những sự lạ trong công nghệ (dụng cách làm nhiệt độ lên cao)..... 2696
Thay hồn đổi xát (nº 12) (tiếp theo).. 2698

Bá nghệ lược giải

Nghề soi sáng *(tiếp theo)*

(Industrie de l'élairage)

Nghề thắp đèn khí *(tiếp theo)*

(Eclairage au gaz)

Cách luyện khi thắp đèn (Préparation du gaz). — Muốn luyện khí thắp đèn ở trong thang đá ra thi để thang vô trong nồi to bằng gan hoặc bằng sành hình như cái sô-de, người ta gọi là *cornues* mà đốt cho đỏ. Nồi ấy sắp chừng 3 cái hoặc năm cái vô trong lò bằng gạch rồi đốt nó như nấu vậy. Nồi bị lửa nóng quá, thang trong ấy bèn cháy phân các vật chất của nó ra, như là dầu hắc, muối cang-sa và các thứ hơi khí. Trong mấy thứ hơi khí thì có: khinh-khí tinh anh, có khí cang-sa, có khinh-thán-khí, có khinh-hoàng-khí, mùi hôi thúi như trứng vịt ung, hoặc như hơi thúi trong cầu tiêu (hydrogène sulfuré); có thán-khí (gaz carbonique).

Nếu hơi khí thắp đèn mà lộn nhiều thứ khí trong ấy thì ngọn lửa đốt ra không cháy sáng lắm; đã vậy mà ta hửi nhằm hơi của nó cũng sanh bịnh bại, áo quần màu bị hơi nó cũng phải trỗ, mà những sắt hay chì dầu có nước sơn cũng phải e bị hư sét nữa. Cái đó là tại trong hơi khí thắp đèn nó có lộn hơi cang-sa, hơi dầu hắc và nhứt là hơi khinh-hoàng-khí, khi nó cháy thì sanh ra chất hoàng-khí mà hại như vậy. Như vậy thì còn phải phân mấy chất khí sau đó ra mà chỉ chừa lại một chất khinh-thán mà thôi, vì khinh-thán-khí là chất cần ít thứ nhứt trong việc thắp đèn lên ngọn sáng mà thôi.

Muốn phân nó ra thì phải cho mấy hơi khí chạy theo ống mà chun vô trong một cái thùng bằng gan có làm ngăn kêu là *barillet* có đựng nước. Nhưng hơi khí chun vào đó, thì có khí cang-sa tan vô trong nước mà ở lại; dầu hắc cũng lóng xuống trong thùng ấy. Còn hơi khí kia không lóng thì cho chạy thẳng qua mấy lớp máy kêu là *dépurateur*, làm có lưới rây dày lỗ mà đựng những vôi bột có thấm nước. Cái vôi đó nó rút hơi thán-khí và hơi khinh-hoàng ở

lại, còn lại hơi khinh-thán thì cho chạy vào trong thùng đựng khí thắp đèn (gazomètre).

Người ta độ mỗi một kí-lô thang đá, đốt luyện ra được chừng 2, 3 trăm lít khí thắp đèn. Khí thắp đèn tuy đã luyện lọc như thế, chớ nó cũng còn sót mấy thứ hơi khí hôi trong ấy, làm cho khi đốt nó, nó cũng còn ra hơi có mùi hôi hám khó chịu.

Cái thùng đựng khí thắp đèn (Gazomètre). -- Cái thùng nầy làm có 2 phần: một phần làm như cái bồn to để đựng nước gần đầy, một phần nữa làm cái nắp đậy vô trong nước hình như cái chuông úp xuống nước, để cho hơi khí chạy vào ở trong đó. Cái bồn làm bằng xi-măn trét kín không rút nước và làm sâu xuống đất; bồn đựng nước lên gần đầy, trên mặt nước để úp cái chuông lên; chuông đó làm bằng sắt miếng ráp lại hàn kín, có sơn dầu hắc. Trên đầu chuông có cột dây lòi tòi, chạy lăn theo hai cái rốc-rách (poulies) ngoài đầu mỗi dây có cột một cái dái cân cho nó nặng vừa đủ chịu với cái chuông. Nhờ vậy nên cái chuông lên cao xuống thấp được. Như thế nó cũng nhẹ bớt mà làm cho hơi khí trong ấy không bị ép mạnh quá mà phải dội lại hoặc chun theo kẹt nhỏ được mà ra.

Muốn cho hơi khí thắp đèn chạy ra cho tới ngọn đèn mà thắp thì phải làm ống phát hơi khí, chạy từ trong thùng mà ra đến ngoài, rồi chia ra từ nhánh mà chạy vô các nhà mướn đèn, chạy ra đến ngọn đèn. Những ngọn đèn thắp trong nhà thì ngoài đầu nó có 20 lỗ nhỏ, một giờ hơi khí nó ra có gần 120 đến 150 lít. Hơi khí chạy bằng 2 ống nhỏ, ra đầu chung lại một cái họng. Đèn thắp ngoài đường thì làm bằng ống dày có khoét một lỗ hẹp. Hơi khí chạy ra cháy ngọn rẻ mà giẹp hình như cánh bướm.

Tại sao mà ngọn đèn khí sáng trắng? — Mấy thứ hơi khí cháy nóng không khi nào sáng được, mà nó có sáng là nhờ có vật chi khác cứng ở trong ngọn lửa. Vì như khinh khí tinh anh cháy thì nó xanh trong, dòm không muốn thấy, còn khinh-thán, là khinh-khí mà có lộn chất thán (thang, carbone) thì nó sáng lắm, vì là nó cháy mà còn đóng chất thang (khói đèn). Cái chất thang ở trong ngọn đèn bị hơi khinh khí cháy nóng quá nên mới sáng vậy.

Ông Drummont dụng cái tính chất ấy mà làm ra thứ ngọn lửa rất sáng kêu là *lumière Drummont*. Ông dùng hơi khinh và hơi dưỡng-khí mà cho xẹt đầu lại rồi đốt lên, xịt ngay lên một cây phấn thi nó cháy lên sáng lắm.

Nghề thắp đèn điển

(Eclairage électrique)

Từ năm 1880 đến sau người ta thiệt dụng điển khí để mà làm nghề thắp đèn. (Về sự dụng cách làm ra điển khí xin hãy xem bài «Nghề điển-khí!» ở sau).

Những đèn điển người ta dùng mà thắp cũng có nhiều thứ lắm. Như bài nói về điển-khí ở mục *Thiệt hành bác học* nói, thi có:

1° Đèn *arc volaïque* là đèn để dùng khi nào muốn thắp một cái mà sáng vô cùng, như thể đèn của người ta dùng để mà làm đèn rọi vọng-đăng (phare) sáng xa đến 4, 5 mươi ngàn thước. Đèn *arc électrique* có cái sáng hơn 2000 lần những đèn khí thường.

2° *Đèn cầy điển* (bougies électrique) thi sáng ít hơn, chừng bằng 20 đến 100 ngọn đèn thường, tùy theo sức điển-khí chạy mạnh cùng yếu. Người ta dùng đèn ấy để thắp trong xưởng dưới mỏ kim, cùng ở ngoài lộ cách khoản nhau chừng 5, 3 chục thước, cho vừa sáng thấy đường. Dùng đèn nầy thi có thể dùng một lần nhiều cái được vì một cái máy điển-khí dynamo électrique có sức làm cho cháy nhiều cái đèn cầy-điển được chớ dùng đèn *arc voltaïque* thì một cái máy điển chỉ đủ sức cho một cái đèn mà thôi.

3° *Đèn điển bằng bóng kiến* (lampes à incandescence) đèn nầy là đèn nhỏ, để chia yến sáng ra được, vì một cái máy điển có thể làm cho cháy một lược hơn cả trăm cả ngàn cái đèn. Đèn nầy sáng thua đèn cầy điển, nhưng bày giờ người ta có thể làm bóng đèn đốt sáng bằng từ 5 đến 50 ngọn đèn bạch-lạp.

Thắp đèn điển có lợi chăng? — Đèn điển thắp lợi hơn đèn khí nhiều. Yến sáng điển nó gần tựa như yến mặt trời, nên ban đêm thắp nó thấy màu sắc không đổi nhiều như đèn khí, vì đèn khí nó sáng màu hơi vàng. — Thắp đèn điển nó sáng bằng đèn khí thi nó ít nóng hơn tới 150 lần, cho nên ít sợ hiểm nghèo và thắp trong nhà, trong xưởng cũng ít nóng nảy, nực nội hơn

dùng bằng đèn khí. Vã lại thắp
en điển khỏi có hơi hôi hám
m cho nhơ uế khí trời và khỏi
sợ hỏa hoạn.

Đèn điển có bất tiện chăng?—
hỉ có một sự bất tiện là khi
nào ta muốn dùng máy chạy ở nhà, là vì phải mất công coi máy cho nó chạy. —

(Sau sẽ nói nghề lấy dầu lửa dầu săn và làm diêm quẹt).

THANH-TÂN.

ĐÔNG-PHÁP THỜI-SỰ

Tự tử

Mới rồi ở làng Phù-lương có xảy ra
một chuyện khiến ai nghe đến cũng
ải ghê, nguyên do chuyện ấy như
u nầy:

Con một người lý-trưởng nàng ấy
hông biết giận thân tủi phận hay là
n ức gì mà lại mượn sợ dây lưng
a mà đành thắt cổ tự tử ở giữa
rường học Quảng-điền mà khi đã chết
i thì thiên hạ thấy mặc áo quần sang
ọng lắm; dù dày khăn vấn chỉnh tề
m mà nơi cổ lại có một cuốn giấy,
ết chữ nho nói rằng: Chết đây là
i vì oan ức, hai bên vai cũng óc
i tờ giấy cũng nói rằng: Chết
n, dưới đội dày lại cũng có hai
ếng nói rằng: Chết oan lắm, oan
m!!!

Người bàn kẻ đoán chẳng biết ai
ải, ai trái, nhưng xét cho kỹ thì
he đâu dân làng ấy có đâm đơn
ện tên lý-trưởng ấy vì lẽ gì, chẳng
ết mà Quan-Huyện lại ép uổng, hay
i làng ép uổng mà lại chết một cách
n khổ như vậy.

Nghe đâu được tin ấy Quan-Huyện lập tức đến tận nơi xin phép quan vào mở mấy miếng giấy ấy nhưng quan-Đốc cứ khóa cửa không cho vào, hiện nay quan-đã cho người về khán xét.

Việc nầy ai phải ai trái, chậm đợi tin sau rồi sẽ rõ.

* * *

SAIGON

Cũng cái mửng đó hoài

Tran-van-Lê, 20 tuổi, kéo xe-kéo, nhà ở đàng hẽm Duranton, mới rồi đây bị bắt giải lên tòa, về cái tội chàng ta mướn xe của hãng S. I. C. đi kiếm mối cho đã đời, nào ăn nào hút cho phỉ chí rồi bèn làm thói giả-man, kéo xé lại góc vắng lột lấy cả đồ phụ tùng giá đáng 26 đồng rồi dông mất.

À há! ngỡ là dông cho biệt, ai hay đâu đến nay lại bị phải chúng thộp ngực kéo xềnh lên tòa.— Đáng lắm

Thiệt hành bác học

Cách chụp hình (*Tiếp theo*)

Chụp hình màu (Photographie en couleurs).— Ngoài sự chụp hình thường chụp hình mau để chớp bóng, người ta lại tìm được cách chụp hình màu nữa, chớ chẳng phải chỉ chụp ra hình đen với trắng mà thôi. Người ta đã bày ra được nhiều cách chụp như thế.

Trước ông bác-sĩ Lippmann có nhiều ông đã trù tính cách chụp hình màu rồi: Năm 1848 ông Becquerel chụp hình màu của yến sáng mặt trời lên trên tấm bạc có thoa nước thuốc iode; nhưng cái hình màu ấy chỉ phải để dành trong tối mới được. Ông Poiterin biết được thế chụp hình màu lên giấy, nhưng không biết thế nào làm cho nó ăn hoài mà đừng phai. Năm 1869 có hai ông thí nghiệm về việc ấy mỗi người một cách, nhưng cũng đều gần giống in nhau. Hai ông đó là Charles Cros và Ducos de Hauron. Trước hết 2 ông dùng ba tấm kiến hình trong chụp lấy cái hình màu; thì nó ra hình không có màu chi cả, rồi dùng 3 thứ màu mực mà thoa riêng ba cái kiến hình ấy, đến chừng để chồng nhập 3 tấm kiến lại thì xem cái hình vật có màu gần giống như màu cái vật của mình chụp ở ngoài vậy.

Ông Lippmann dùng một tấm kiến có thoa nhiều lớp thuốc, một lớp collodion, một lớp albumine, một lớp gélatine, rồi nhúng với nước thuốc azotate d'argent cho nó chịu ăn hình, rồi ở sau kiến ấy còn để một lớp thủy ngân đựng ở trên một cái khuôn bằng giẹp. Hình chụp ra thì không phải có màu tự nhiên, nhưng mà nhờ cái yến sáng giọi lên giọi xuống ở trong mấy lớp kiến hình mà nó chiếu ra màu gần như màu thiệt của cái vật cụp vậy.

Ông Lumière thì lại dùng cái cách chụp hình ba màu. Người ta thường biết rằng trong các thứ màu có 3 màu gốc hiệp nhau mà thành ra nhiều màu khác nữa. Ông Lumière dùng màu hỏa-hoàng (orangé), màu xanh lục (vert) và màu tím (violet) mà nhụm 3 lố bột huỳnh-tinh thật nhuyễn. Ba lố huỳnh-tinh có màu ấy đem rắc lên mặt kiến trộn một cách thật kỹ lưỡng cho nó đều, nhờ có một lớp hồ trong tráng trên mặt kiến nó làm cho 3 thứ bột màu kia dính trong kiến. Xong rồi ép nó cho láng mặt, ở trên mặt bao một lớp cao-su thật mỏng rồi ở ngoài bao lên một lớp gélatino-bromure nữa. Lúc chụp lấy hình phải làm thiệt kỹ cang vô hồi nữa. Chừng ấy mỗi một cái hột bột màu đều thọ lấy cái dấu yến sáng chừng ra hình thì cái yến sáng ấy làm sao thì ra như vậy. Ta thấy hình nó ra màu có hột nho nhỏ tròn tròn dính liền với nhau.

Đó, hồi trước công tìm mò ra cho được cách chụp hình màu thì phải khổ bao nhiêu trí não mới tìm lần ra được. Mà cũng nhờ mấy cái bước đầu khó khăn ấy mà ngày nay, người ta mới noi theo mà chế biến ra tinh

ảo hơn trước được: Vậy bây giờ người ta có cách chụp hình màu rất hay rất khéo, nhưng tiếc vì không rộng ngày giờ mà tìm kiếm cho rõ cách ấy đặng cắt nghĩa ra đây cho độc giả xem đặng biết thèm một nghề bay.

Cách làm kiến chụp hình xấp thời. — Dùng một tấm kiến trong láng thoa lên một lớp *albumine* (nghĩa là tròng trắng trứng gà) rồi phơi cho khô; trong ấy phải có trộn thêm một chút iodure de potassium. Lúc nào muốn chụp hình, đem tấm kiến ấy mà nhúng vô nước azotate d'argent phụ với acide acétique đặng cho kiến nó ăn thắm hình cho được. Kiến ấy đem để vào sau trong phòng tối máy chụp hình mà chụp thì nó ra hình vật chụp: đem rửa thuốc cho nó hiện ra hình, rồi dùng nước acide gallique với hyposulfite de soude mà rửa nó nữa cho hình dính, đừng phai, thì là nó thành ra cái kiến hình ngược (cliché négatif) để mà in ra hình trên giấy chụp hình.

Sau người ta bày ra được một thứ vật khác để làm kiến chụp hình dễ hơn cách trên nhiều mà lại rẻ hơn nữa, là dùng nước *collodion*: ấy là thuốc bông vả (coton-poudre mà bỏ vô rượu với éther cho nó tan thì ra nước ấy). Dùng nước đó mà thoa lên mặt kiến thì nó ra kiến chụp hình để dùng xấp thời.

Nhưng vậy mà đến sau (cách nay gần 50 năm) người ta bày được một cách làm kiến chụp hình bay hơn nữa: ấy là cách chụp hình bằng *gélatino bromure.*

Cách làm kiến chụp gélatino-bromure d'argent. — Làm kiến chụp cách nầy quí lắm, mà hình chụp ra cũng mau. Bây giờ có nhà máy làm ra kiến ấy nhiều lắm, một ngày có thể làm ra được tới bốn năm vạn tấm kiến hình để bán ra cho thiên hạ dùng. Kiến đó làm sẵn để dành được cho nên tiện lắm. Họ dùng một lớp gélatine có trộn bromure d'argent mà thoa lên kiến; công việc làm đều bằng máy, nên mới mau và nhiều được. Kiến ấy khi chụp hình xong thì đem rửa nước *acide pyrogallique* hay là nước *hydroquinone*, rồi rửa nước hyposulfite de soude thì hình chẳng hề phai.

Kiến nầy nó ăn hình mau lắm: một cái nháy mắt cũng đủ ăn hình rồi, cho nên người ta dùng nó để mà chụp hình vật chi trong khi lẹ hơn nháy mắt cũng được, như là chim bay, đạn súng bắn bay ngang qua, chớp nháng trên trời, vân vân.

Ông Marey dùng kiến ấy mà tìm được cách chụp ra hình luôn luôn một con ngựa chạy sải, hoặc một con cá lội, một người đi, các việc cử động đều chụp được cả vì trong một giây (phân) đồng hồ có thể chụp đến 3000 cái hình cũng được.

Chụp hình vật động, hình chớp ảnh (Photographie des mouvements-cinématographe. — Nhờ kiến ăn hình mau như thế, người ta mới bày ra được cách chụp hình để rọi làm hát bóng. Người ta bày ra máy để chụp cho thật lẹ những vật cử động như là người đi, xe chạy, ngựa sải, chim bay, lá rung, cây ngã, vân vân. Một cái cử động chụp ra được nhiều cái hình đến khi rọi ra nó hiện hình liên tiếp thành ra ngó thấy nó cũng cử động như lúc thiệt ở ngoài vậy. Lấy hình như thế không

phải dùng kiến được, phải dùng một dây băn (ruban) dài quấn tròn, kêu là *pellicule* khi chụp thì quây cho nó tháo ra chạy ngang phòng tối ở ngay phía sau kiến *objectif*. Cái dây băn ấy làm có nước thuốc thắm hình rất lẹ chụp xong rồi làm cũng như chụp hình ngoài giấy vậy, đến khi đem vào máy rọi chớp bóng, quây cho sợi dây băn tháo ra chạy ngang trước ngọn đèn sáng tỏ và ở sau kiến rọi, thì mỗi cái hình đi ngang qua kiến đều rọi ra ngoài in to lên tấm vải trắng để cách xa máy chụp hình chừng 5,7 thước, hoặc 10 thước, mà hình nó đi ngang qua lẹ. nên mắt ta thấy liên tiếp nhau làm cho ta tưởng như ở ngoài thiệt vậy.

Mấy cái máy để chụp hình trở động để mà chiếu ra cho ta thấy có sự sống đó thì là có máy *kinétoscope* của ông *Edison* nước Mỹ (Huê-kỳ) bày, và máy hát bóng của ông *Lumière* kêu là *cinématographe*. Máy của ông Edison bày ra trước có thể chụp hình để chiếu ra trong một giây đồng hồ đến 2000 cái hình, có khi đến 2700 cái hình nữa; cái máy của ông Lumi re thì dở hơn, chỉ có 900 cái hình trong một giây mà thôi; tuy vậy mà hình thì rõ hơn và có thể rọi ra lớn bằng hình thiệt vậy cũng được.

Cách in hình chụp (Photogravure). — In hình chụp là một nghề dụng cách chụp hình mà làm ra khuôn để in hình lên giấy thường cho ra hình giống như hình chụp vậy Trong nghề nầy không phải có người thợ để khắc khuôn như cách in hình khác vậy. Người ta do theo cái tánh chất của một thứ dầu kêu là *bitume de Judée*, hễ có bị ảnh hưởng yến sáng rồi thì vô nước dầu thông (*essence de térébenthine*) và dầu *benzine* thì nó không chịu tan, mà làm ra cách lấy khuôn in hình chụp. Giả như ta muốn in cái hình chụp chi, thì làm như vầy:

1°) Trước hết dùng một tấm kiến chụp hình mà chụp bằng máy như cách thường ta đã nói lúc trước đó. làm cho ra một tấm kiến hình ngược (cliché négatif).

2°) Dùng một tấm kẽm thiệt láng, có bán ngoài các nhà thương mãi, rồi đổ một lớp dầu vernis làm bằng bitume de Judée đánh tan trong dầu benzine, tráng trên mặt (một bề) tấm kẽm, làm một lớp mỏng mà cho thật đều, đừng có nơi dày nơi mỏng lắm. Để cho dầu benzine bay hơi lên hết còn lại dầu bitume để cho nó thật khô. Công việc làm đó phải ở trong phòng tối, có thắp đèn đỏ mà thôi.

3°) Để tấm kẽm ấy lên dĩa rửa hình, đổ nước lên cho ngập tấm kẽm vừa độ một ly; để tấm kẽm trong dĩa nước ấy, trở cái bề mặt có dầu bitume lên trên; rồi đem tấm kiến hình ngược mà úp mặt lên trên tấm kẽm ấy, làm thế nào cho khéo đừng có kẹt một chút bọt ở phía dưới tấm kiến. Xong rồi lấy ra mà để cho nó khô ráo. Công việc cũng phải làm ở trong phòng tối.

4°) Chừng nó khô rồi, đem ra phơi nắng lâu lâu. Nơi kiến hình ngược thì có chỗ mờ tối, có chỗ trong, mấy chỗ nào trong thì yến sáng chun ngang qua mà ăn cái dầu bitume làm cho chỗ ấy sau vô dầu thông nó không tan được còn mấy chỗ nào có bóng tối thì yến sáng không xuống mà ăn bitume được thì mấy chỗ ấy sau nó bị dầu thông làm cho tan đi.

5°) Bây giờ đem kiến và kẽm vô

phòng tối mà gở tấm kiến ra; rồi lấy tấm kẻm mà bỏ vô dầu thông đặng ngâm nó; chỗ nào dầu bitume có bị yến sáng ăn rồi thì không tan được, còn chỗ nào không bị yến sáng thì tan đi hết. Như thế cái hình bèn lộ nổi lên; người ta đem rửa nước nó lại cho sạch rồi phơi cho khô ráo.

6°) Bây giờ chỉ còn dùng nước mạnh (đạm-cường-toan, acide azotique) mà đổ lên cho nó ăn kẽm: chỗ nào dầu bitume bị tan đi thì bày mặt kẽm ra, mặt kẽm bị nước mạnh ăn hủn xuống. Chừng nó ăn độ vừa, thì trút nước mạnh ra, đem rửa lại cạo cho sạch, dầu ra, thì ngó thấy tấm kẽm thành phết mực in ra cái khuôn hình nổi, người ta chỉ lên mà in ra giấy như in chữ vậy.

Cách in hình chụp như vậy bây giờ người ta dùng nhiều lắm, để mà in hình trong sách, trong tạp-chí, vân vân. Người tà cũng dụng cách ấy mà chế ra cách in hình có màu nữa.

T. T.

ĐÔNG-PHÁP THỜI-SỰ

SAIGON

Ai thấy chỉ giùm

Ly-thi-Giàu, làm cu-ly hằng ngày, nhà ở đàng hẻm Louvain, vừa rồi có đến bót cớ rằng chẳng rõ thằng con trai của chỉ tên Tran-van-Một, 4 tuổi, bị ai dụ dỗ bắt đi hay là đi chơi lạc chốn nào đâu mất.

Thằng nhỏ đó tác nl ỏ thó, bộ tướng ốm yếu, tóc hớt trọc, mặt tròn vo, con mắt phía bên tả có hơi lé. Vậy ông bà nào có thấy nó xiêu lạc chốn nào chỉ giùm chị nầy mà làm ngởi.

*
* *

SAIGON

Vì hai vóc hàng mà ở tù

Nguyễn-thị-B... 22 tuổi, buôn bán chuối, nhà ở tại quai de la Marne, mới rồi chẳng rõ vì túng tiền xài, hay là muốn chưng diện cho sang mà rủi vì thiếu sức, nên không biết liệu sao, phải lén tò-mò đến ăn cắp hết hai vóc hàng giá đáng 20 đồng bạc của cô Trần-thị-Ngọc, không có làm nghề-nghiệp gì, nhà cũng ở tại đàng ấy.

Trong hai lẽ nầy cũng có một lẽ, là hoặc vì túng tiền xài nên quyết lấy đặng bán mắc bán rẽ chừng mươi hoặc mươi lăm đồng, còn nếu không vậy thì chắc rằng nàng ta muốn chưng diện cho sang chơi. Mà hỡi ôi! chưa được làm trò gì, thì bị chúng thộp được, lập tức giải tuốc lên tòa để xét. Thế thì rồi đây, làm gì cho khỏi nhảy vào khám lớn. Thiệt hại quá! Cũng vì tham có hai vóc hàng mà ở tù ít nào cũng đôi ba tháng mới oan mạng cho chớ. Rồi đây mặt sức cho vập liều vùi hoa, chớ tránh đâu cho khỏi lẽ

Những sự lạ trong công nghệ

Dụng cách làm nhiệt độ lên cao

Nhiệt độ là gì? Không ai rõ nguyên chất nó là gì cả, nhưng ai cũng biết tìm cách thế mà làm ra cho có nhiệt độ.

Lấy hai vật chi cứng mà cọ lấy nhau cho thật mau và mạnh thì ngó thấy nó nóng. Vì vậy nên người ta hồi đời thượng cổ và nhiều thứ dân mọi rợ đời nay dùng hai miếng cây khô xoi lỗ mà đút cây vô cọ quây mạnh một hồi lâu, thấy nó nháng lửa ra mà cháy cây cháy lá ra ngọn.

Hai vật đơn hiệp nhau lại cũng sanh ra nhiệt nữa: như mạc sắt kia (sắt dùng cách hoá-học làm cho nhuyễn như bột) bay động nhằm không khí thì liền phát cháy ra lửa: thang hiệp cùng dưỡng khí mà cháy thì lại nóng lắm. Thang cháy rồi thổi dưỡng-khí trong khí trời vào thì nó càng nóng thêm, càng cháy sáng mà thành ra hơi thán-khí.

Ngày nay người ta thường hay dụng thang mà đốt để lấy sức nhiệt cao. Có thứ thang như thang-đá-cặn (coke) đốt cháy thổi hơi khí trời vô thì nó có sức nóng cao đến nỗi làm cho chảy các loại kim như là đồng, gan sắt cùng là nhiều vật khác vào lử thường không cháy nổi.

Thang đá cặn đốt trong lò riêng thì nó cháy đỏ tươi, nếu thổi gió vào thì nó nóng lên tới màu đỏ trắng, thổi thêm cho mạnh nữa thì nó ra đỏ xanh. Chừng ấy nó nóng vô cùng, thấy ra ngọn lửa trong xanh. Muốn nấu vật kim nào cứng lắm thì phải dùng nồi riêng bằng vật chi đừng chảy được mới đựng mà đút vô lò nấu cho chảy được. Vật không chảy trong lửa nóng đó thì có vôi (chaux) alumine và đá chì graphite; nấu bạch kim platine là loại kim cứng hơn hết thì đựng trong nồi bằng vôi, nấu đá trong như kiến (cristal de roche) cho chảy mềm thì cũng đựng trong nồi bằng vôi.

Chẳng phải dùng thang với dưỡng khí mà làm ra nhiệt cao mà thôi dùng hơi khí khinh-thán (carbure d'hydrogène) như là khí thắp đèn, khí đá thì cũng có nhiệt độ cao lắm vậy. Dụng hơi khí đó mà thổi lộn với dưỡng-khí cho nó cháy thì lại sanh nhiệt độ rất cao, đủ sức làm cho bạch-kim phải chảy ra nước chớ cái vật kim ấy không vào lò nào mà chảy được duy có mềm thì được mà thôi.

Ông hóa-học-sĩ Lavoisier bày ra ngọn đèn khinh-dưỡng (chulumeau oxhydrique) cũng là để dùng làm ra nhiệt độ cao đặng hàng các vật kim cứng cho được. Bôm cho 2 hơi khí ấy thổi ra mạnh chung lại một ngọn lửa mà xịt vào các vật kim cứng thì làm cho vật ấy chảy ra, có khi bay lên hơi nữa.

Đưa cái ngọn lửa khinh-dưỡng ấy vào lò vôi đựng bạch kim mà nấu, thì bạch-kim chảy ra, cháy rất sáng choá, như yến sáng mặt trời. Nó nóng sáng cho đến nỗi xem vào không phân biệt được cái bạch-kim chảy với cái khuôn để đựng nó cho

được. Loài bạch-kim phải nung nóng cho đến 1900 bực nó mới chịu chảy ra; vàng thì phải nung đến 1200 bực. Như thế thì đủ biết cái sức nhiệt giả của người ta làm ra là thể nào.

Vậy mà có lấy gì làm lạ lắm. Khoa-học càng tấn phát, người ta càng tìm ra được cách làm nhiệt độ cao hơn nữa: cách mới đây là cách dùng máy điển dynamo, với cái hơi điển chạy mà làm ra lò điển (four électrique).

Cho hai ngọn điển mạnh chạy vào hai cây than đâu 2 đầu nhọn lại thì nó cháy ra một ngọn lửa rất sáng mà nóng vô cùng có thể làm cho vàng, bạc, bạch-kim, ngọc-kim-cang (ngọc-thủy-xoàn) cũng cháy thành than.

Trước khi chưa tìm được cách làm nhiệt độ cao đến dường ấy thì những vật như là bạch-kim cùng ngọc kim-cang đã liệt vào hàng các vật chịu lửa không chảy được. Đến nay khoa bác-học tấn phát, người tìm được máy điển làm ra lửa nhiệt cao đến 3000 bực sắp lên nữa thì nghĩ ra không còn vật gì trên đời mà chịu nổi đến bực ấy cho khỏi tan khỏi chảy, khỏi bay hóa ra hơi như hơi nước. Bác-học đã biết tìm cách làm nhiệt độ cao đến thế, làm cho vật cứng như sắt, như bạch-kim mà có thể thành ra hơi được, mà lại còn biết tìm ra cách làm cho nhiệt độ sục xuống xa, lạnh hơn nước đá đến hơn 200 lần nữa, làm cho vật hơi khí thuở nay không ai làm thế nào cho lỏng được mà nay lại cũng có thể thành vật lỏng, vật cứng nữa: vì khí-trời, khí-thán, khí-đạm protoxyde d'azote kia mà lại thành ra vật lỏng vật đặc được nữa mới thật tài tình cho, huống chi là những vật lỏng thường như rượu thì còn thế nào mà không đặc nữa.

V. T. V.

Thay hồn đổi xát (n° 12)

(tiếp theo)

Cách trí tiểu thuyết Tây: THANH-TÂN diễn nôm

HỒI THỨ MƯỜI (X)

Trong ba tháng trời nàng Y-huê-linh thiệt là khổ sở. Nàng tự biết mình phải mắc làm mồi cho những lực vô hình thù nghịch với mình nàng đã biết cái nỗi gớm ghê của những người xưa phải mắc quỉ ma nhập vào hành xác rồi. Bây giờ nàng thấy mình còn có một mình, thì tưởng cho cái bịnh nầy ắc khôn phương giải cứu, còn mấy người nàng thương hơn hết — cho đến mẹ của nàng — cũng chẳng có một ai mà hiểu được cái nỗi đau đớn của nàng... Nay duy có một mình chàng Ram mà thôi!... Trong mấy tuần lễ, hễ nàng thấy đến mặt chàng thì lấy làm khó chịu lắm. Lúc bấy giờ nàng chẳng t' èm đưa tay cho chàng nữa, có nghe chàng nói cũng vẫn âu sầu làm thinh; lúc đi hay lúc về có gặp mặt, cũng chẳng thấy nàng mở một lời chi-han hỏi cả. Càng ngày nàng càng đem dạ ghét chàng, càng nghĩ sâu đến cái nước bất công của chàng, nàng lại thêm ghét hơn trước nữa.

Cách sau ba tháng nàng vẫn còn giữ lòng gớm ghét, nhưng cũng có một chút nhẫn lòng mà chịu. Cho hên nàng muốn tỏ thật lòng sầu, cái ý đó nó dục người khôn ngăn khôn tránh. Nàng mới cắt nghĩa những nỗi khổ hình, ráng làm cho người hiểu cái cảnh khổ nó chống trả nhau trong lòng nàng mà nàng đã rõ là tại có lực yêu ma chi ãnh hưởng vào đấy.

Một buổi chiều tháng hai kia, ngoài Long-đong tuyết đóng dày đường, nàng nói to lên rằng: « — Ôi! tôi tưởng chắc tôi phải mắc căn đày kiếp đoạ, làm người nô-lệ rồi. »

Chàng vẫn điềm nhiên nghe nàng mà không rũng chi. Chàng vừa vén màng ngó xem tuyết đổ, vừa nói:

— Nhưng ấy cũng là con nàng vậy!

Nàng lật đật nói: « — Không, không, chẳng phải con tôi đâu!...

— Nàng nói xin hãy nghĩ lại. Có lẽ con đó trước là chẳng phải của nàng hoặc có phải cũng là một ít... không chừng được! nhưng mỗi ngày nó càng thành ra phải thiệt con nàng. Đã mấy tháng nay, vì máu ai mà nó sống? chẳng phải là khí huyết sức lực của nàng, chẳng phải cái sống của nàng truyền cho nó sống được đấy sao? Xin nàng hãy tưởng đến mấy vật của nó thọ hưởng của nàng chừng nó sanh ra đa, nghe!

Nghe mấy lời ấy khiến cho nàng ngơ ngẩn, giây lâu suy nghĩ tưởng tư, rồi lại cải lẽ song xem dường bớt nỗi hờn, bớt lòng cay đắng: « — Như thế, chẳng tệ lắm hay sao?

— Như nó sanh ra là giống gớm ghê, thì có lẽ. Nhưng mà lẽ nào nó lại sanh ra giống gớm ghê?

— Bởi vì người kia là giống ấy.

Chàng thiếu-niên nói lời khẳn khái rằng :

— Không phải đâu! Người kia thật cũng có lẽ lạ đời... nhưng tôi cũng dám chắc cùng nàng rằng, nếu nàng nghĩ nhớ lại những lúc nàng làm sao của người kia, thì nàng cũng có thể cho rằng người ấy thật là người tử-tế đáng thương đáng xót cho chớ!

Nàng Y-huê-linh nói nho nhỏ: « — Thiệt, cũng quả vậy! »

Nàng được vững dạ trong vài phút. Mà thình lình nàng lại xanh xao nét mặt, môi đánh lập cập mà rằng :

— Mà còn nếu như đứa nhỏ ấy cũng là giống yêu hút máu thì sao?

Bây giờ tới phiên chàng lại xanh nét mặt nữa; vì hễ thời giờ càng đi tới, thì chàng lại càng tưởng đến cái phận thương con mà thêm nỗi xói lòng. Chàng mới nói :

— Cái đó không lẽ chắc.

Từ buổi chiều ấy nàng mới hết đem dạ ghét chàng ta nữa.

Nàng lại tiếp rước chàng có vẽ hậu tình; có khi hai người chuyện vãn với nhau cả giờ. Bây giờ đông-thiên qua khỏi, xuân thanh lại đến, cây cối tươi xanh, cỏ hoa đua nở, gió xuân phất thổi vo vo ngoài ống khói; thấm thoát ngày lụn tháng qua, nàng Y-huê-linh đã đến kỳ khai hoa nở nhụy.

Ấy là nhằm cúi tháng năm. Trên thanh Long-đong trời chạn vạn tối rất lâu. Mãi đến sương tàn thì đồng hồ tòa Thượng nghị đã đồ hai lần kẽ thấy trời đã hừng đông sáng. Nàng Y-huê-linh đêm ấy, phải chịu đau đớn cả châu thân. Đến sáng ra thì nghe có tiếng trẻ trai oa oa tiếng khóc bưng đầu mà ra. Nhưng mà đứa nhỏ sao không đỏ tươi, hình như con ếch, mà lại nước da tái mét, nét mặt lờ khờ.

Bà Gơ-rô-huê-đên hô tình cờ rằng: « Cha chả là ngộ nghĩnh, thằng nhỏ sao mà nó giống con quá đi con! »

Thật cũng quả vậy, nhưng mà nàng Y-huê-linh không thấy được cái nét mặt nó, duy thấy cái nước da xanh mét của nó như là không phải đứa ở cõi nầy, cho nên nàng sợ lắm.

Nàng nói thầm: « Thằng nhỏ ma mà! » Rồi nàng không dám bồng đến nó trên tay. Lúc ấy nàng mệt mỏi lắm, và khi đẽ xong thấy trong mình được nhẹ nhàn như qua khỏi biển sông, bèn ngủ mê mang một giấc rất lâu, đến chiều mới thức dậy được một chút.

Qua ngày sau nàng thức dậy thấy có một người đờn bà còn trẻ bồng thằng nhỏ ấy mà cho bú.

Bà Gơ-rô-huê-đên bèn nói: « Bà thầy Tai-nê-rơm biểu con đừng cho nó bú, vì con còn ương yếu lắm, cần phải dưỡng sức lại. »

Nàng Y-huê-linh xem thấy thằng nhỏ ngậm núm vú của người vú mà bú, cho nên nàng ngẩn ngơ mà chẳng trả lời chi cả. Như thế đã lâu hơn vài phút. Còn thằng nhỏ, coi thấy mặt nó rung rung. Nàng Y-huê-linh lần lần thấy trong mình được vui vẽ một cách khoan khoái sâu xa. Sau rốt nàng nói :

— Đâu đưa nó cho tôi coi!

Người vú bèn bồng đưa đứa nhỏ lại cho nàng, thì nàng Y-huê-linh chẳng ngớt nhìn xem cái môi thằng nhỏ. Nàng bèn mỉn cười, trong dạ mừng thầm, lấy làm hữu phước vì cái môi của đứa nhỏ chỉ dính đầy những sữa mà thôi.

* * *

Chàng Ram đã ngóng tin chờ đợi từ buổi chiều hôm qua, mà lòng càng buồn bực. Đến lúc bà Gơ-rô-huê-đên đưa thằng nhỏ cho chàng coi, thì chàng hồi hộp rung rẩy, bởi chàng thấy cái nước da xanh mét lạ đời mà hiểu thầm, thấy nước da ấy mà nhớ lại cái nỗi sợ nỗi ghê của mình lúc nàng Y-huê-linh thiệt chưa nhập về khi trước. Chàng thốn thức một ngày buồn bã, một đêm khổ sở vô hồi; lòng chàng thương con chất chứa, mà thương vợ cũng tràng tình. Nay là đã đến kỳ mạng vận đầy đeo. Nếu đứa nhỏ cứ ăn uống máu, thì biết tính sao nuôi nó trên đời? Có lẽ ắt phải biệt ly nàng Y-huê-linh muôn thuở.

Chàng đương nghĩ suy việc ấy bỗng có con hầu đi vào mà dẹp dĩa lót-lòng của chàng không rớ tới rồi lại nói.

— Thưa ngài cô muốn mời ngài vào nói chuyện.

Chàng không dám đi liền; hình như kẻ đánh me còn dụ dự chưa dám quyết đặt liều...

Đến lúc chàng vào phòng, thấy nàng Y-huê-linh bồng đứa nhỏ trên tay, chàng mới vững bụng mà thở ra thong thả. Thấy mặt nàng bình yên, cặp mắt trong sáng chẳng có đều chi lo sợ. Chừng chàng lại gần, thì nàng thỏ thẻ:

— Nó cũng như mấy đứa trẻ khác vậy.

Nàng ra dấu hơi hơi mà chỉ người vú đứng nơi góc phòng, còn chàng đến nay mới thấy được một lần thứ nhứt nàng thật tình nắm tay mình mà trả lễ chào nhau.

Từ ấy ngày lụn tháng qua, trong nhà thuận hòa vui vẻ. Tháng sáu thiều quang tỏ rạng, hương nhụy bay nồng, thì vợ chồng lần lần cũng nguôi ngoai cái cảnh ngộ lạ đời, mà ăn ở như thường tình; cái việc xưa nay đã hẳn thành giấc mộng.

Một buổi xế kia vợ chồng ngồi chuyện vãn rất lâu, hơn mọi bữa nên trời đà tối đỏ đèn mà chẳng hay. Dưới đám cây nơi xa kia thấy người đốt lửa mà un, còn trên nhành cùng trên kẽ vách nghe lăn liếu chim kêu về chạn vạn tìm nơi mà đỗ nghỉ.

Chàng Ram nắm lấy tay nàng Y-huê-linh; thấy nàng chẳng lấy lại, thì chàng bèn nói nhỏ rằng:

— Sao nàng lại không muốn làm bạn với tôi?

Nàng ngẫm suy mà chẳng trả lời liền. Kế liền ấy lại thấy nàng vững lòng chắc dạ; nàng tự biết mình còn phải ở lâu ngày với cái anh trai hiền hậu nầy, nhưng nàng lại thấy còn sự trắc trở căn ngăn, nên nàng than rằng:

— Tôi chưa dám trả lời cho chàng bây giờ được, chàng ôi!

Thắm thoát tháng ngày, tháng sáu nay đà vừa qua. Trừ cái nước da trắng mét, thằng nhỏ cũng như thường như con nít khác. Người vú ban sơ thấy nó cũng sợ, mà nay lại đem dạ yêu thương. Đứa nhỏ ít khi la khóc; cặp mắt to ngó xem lạnh lẻo mà có hơi bằng, nay đã thấy biết vật biết người rồi. Chàng Ram cưng nó lắm, còn nàng Y-huê-linh, tuy lâu lâu có lúc trở lại sợ, nhưng rày lại thương yêu thằng nhỏ lắm...

Có khi nàng cũng nói với chàng Bơ-lu-oanh-cơn rằng: «Tuy vậy nó cũng không giống như mấy đứa con họ.»

Chàng thì nói không phải vậy và bởi chàng là gốc Anh-xắc cho nên cũng ráng mà tưởng cho con như vậy vì nỗi phận làm cha vì lòng muốn tùy tục và có lẽ cũng vì ý tưởng rằng bởi đó mà may ra được nàng nghĩ thương chăng

Tình thân rày xem có vẽ mặng nồng. Có buổi sớm mai kia, chàng có nói với nàng một lời nghe rất nên êm thắm dấu yêu, mà nàng lại trả lời rằng: «Mà chàng cũng biết rằng tôi tự xem tôi dường chẳng phải vợ chàng. Vậy ta làm sao mà cưới nhau được?»

Chàng lấy hết lời mà cải lẽ. Chàng cắt nghĩa rằng 2 vợ chồng mình đã cưới hỏi nhau trước mặt thiên hạ, mà lại hễ hai đàng đã thuận nhau rồi thì cái đám cưới đã là quang minh chánh đại, còn chỗ nào đáng chê đâu.

Nhưng vậy mà nàng cũng chẳng chịu nghe ; nàng phải cần có đều chịu phạt.

Chàng Ram rối tâm rối trí mà nghĩ chẳng ra mối gở sự lạ nầy. Trước chàng tính việc để vợ, rồi làm lễ nghinh hôn lại nữa. Nhưng nếu tính như thế thì phải bày đều nói láo, mà nàng Y-huê-linh lẽ đâu lại chịu theo, chàng thì lấy sự ấy là đáng bỉ lắm.

Chàng suy nghĩ hết sức mới ra được một kế rằng :

— Nếu có một ông đức Cha-cả chứng minh hôn lễ cho, thì có lẽ nào mà chẳng được ?

Thì nàng nói: «Ử, như vậy cũng là đủ. »

Vậy chàng Ram bèn đi tìm đức Cha-cả Xanh-Rọt mà tỏ thật sự tình. Ông cha nầy là người ít thấu lòng nhơn, nên hiểu cho là gặp phải người đờn-bà tánh kỳ cục, có bịnh hay bắt bướn kỷ cang. Ông là một thầy từng thế-đạo, lấy sự cần kíp mà dung bớt sự cực lòng.

Ông nói: «Ta chớ khá xét người lỗi thôi cho được; Người bực thượng lưu quân-tử thì có tính cẩn thận». Cái đều của nhà ngươi cầu xin ta đó thật là chẳng ngờ... Song cũng chẳng phải là sự cấm. Còn cái sở phí thì tự nhiên...

Ông nói đến đó bèn tằng hắng mà liếc xem chàng Bơ-lu-oanh-cơn. Chàng ôn hòa tự nhiên mà đáp: «Cái sở phí đó không ai chối cải đâu! »

Câu ấy nói ra đủ khiến cho ông vừa ý, nàng Y-huê-linh với chàng Bơ-lu-oanh-cơn bèn đến trước mặt đức cha Xanh-Rọt, thì đức cha lấy lời dạy biểu mà khuyên lơn vợ chồng rằng :

« Trước cô Y-huê-linh Gơ-rô-huê-đên đã có gả cho người nầy rồi cũng tại trong nhà thờ nầy, thì Ram Bơ-lu-oanh-cơn đã đem nàng về mà bảo hộ giữ gìn. Hai người trước đã hẹn non thề biển, nguyện giữ một lòng keo sơn gắn chặc, dầu giàu sang đói khó hay vui sướng tột cùng cũng chớ khá dời lòng đổi dạ, giữ một niềm thương nhau khắn khít. Vậy ta nhắt cho người vợ hãy nhớ đạo vợ thì phu xướng phụ tùy, cho người chồng thì phải giữ gìn bảo hộ cho vợ : Như thế thì Trời mới ban ơn nhỏ phước cho vợ chồng trọn đạo, trăm năm tơ tóc vửng bền!»

Xong rồi chàng Ram bèn đền ơn cho ông Bơ-lắc-phúc (Blacfoot) ba lượng vàng, 7 đồng bạc và 6 cắt.

Sẵn trời mát mẻ, vợ chồng ra bèn lên xe đi thẳng đến rừng Yp-b nh là rừng cây to tàn rậm, cồ-thọ nhiều thứ của nước Anh. Vợ chồng quanh quẩn

dưới bóng cây, lựa bồn cỏ non rậm mà ngồi chơi, rồi lại vào quán xưa nơi đó mà ăn uống ngõa nguê, đến chiều vợ chồng ngó về phía mặt trời chen lặng xem mấy đống mây từng lộ bình kia vẻ nọ mà ôm ấp tự tình, nàng thì như cô gái đồng-trinh phất phơ mái tóc trên vai chàng yêu dấu, chàng thì khác nào như người thắng trận ôm lấy tóc hồng mà đi.

Thắm thoát trải bao ác tà thỏ lặn, chuyện cũ nay đã lâu quá thành như giấc mộng: Chàng Ram tự hỏi các sự ấy thật có phải rằng là giấc mộng hay chăng!

Một buổi sớm kia chàng đương nghĩ suy như thế, — lúc ấy nàng Y-huê-linh còn đương ngũ giấc nồng — thì chàng thấy người vú đứng trên thềm vườn ở sau nhà mà nhẹ ru thằng bé Hoanh-tơ (Walter) (tên thằng con) mà cặp mắt xanh nó nhìn rgó trên ngọn cây dường như suy nghĩ.

Chàng Ram thấy con bèn chạy lại mà nưng niêu bồng ẵm, dạo chơi trên bồn cỏ. Lần lần chàng bé mĩn miệng cười, cách cười làm cho chàng lấy làm lạ, mới nghĩ rằng: « Thiệt, thằng nhỏ nầy chẳng giống con nít khác nào cả...»

Chàng bồng khiến trong lòng buồn bực sợ lo. Chuyện ngày xưa nay lại hiện về. Trí chàng ngó thấy nàng Y-huê-linh lúc trước với cái mặt xanh mét tợ ma; chàng mới nhớ đến lúc đêm trường lo lắng mà chàng biết được cái sự kín nhẹm kia. Rồi lại kế tưởng thấy đến lúc mình ở gần bên nàng khi sắp chết, nhớ đến khi mình ngồi giữ cái tử thi lạ kỳ...

Chàng bèn tự hỏi: « Có lẽ nào thằng Hoanh-tơ nầy chỉ hưởng của nàng có một cái sắc mét xanh đấy thôi sao?»

Chàng khi ấy đi tới đứng dưới gốc cây bạch-hoa kia, thấy thằng con đưa mắt nhìn trân mình, chàng bèn ngụ ý muốn thử xem ra sao. Chàng mới đút thử đầu ngón tay út vào miệng nó. Thịnh lình thấy môi nó ngậm lại... Chàng Ram nghe thấy trong mình hơi có chút mẫn mê. Chờ dâu vài phút, chừng lấy ngón tay ra mà xem, thấy có những giọt hồng nhỏ nhỏ... Chàng bèn than rằng: « — Cũng là một thứ tinh! » Rồi chàng sợ hãi mà rẫy run.

Thật chàng không phải lầm vậy. Thằng bé Hoanh-tơ Bơ-lu-oanh-cơn nầy rõ là con tinh, nhưng đã lâu lắm cha nó chẳng dám hở môi cho ai, cũng không dám tỏ thật cho nàng Y-huê-linh biết nữa. Tuy vậy nó là con tinh vô hại. Nó chỉ biết hút máu chút đỉnh ra ngoài da, chớ không có hề gì cho da cả. Thằng nhỏ ấy lại có trí khôn sáng láng sớm lắm, lại tánh ưa tìm học những sự mật nhiệm về cõi ngoại nữa. Có một khi thằng nhỏ đau, chàng Ram rước ông thầy Bẹt-xi Cô-li-manh về, và chàng nghĩ nên tỏ thật sự tình thì ông nói dầu ai đem đổi cho ông một cái nhà thờ bằng vàng mà bắt đứa nhỏ, ông cũng chẳng hề chịu đổi. Người ta nói ông thầy ấy nhờ đứa tinh con đó mà phát minh được một sự lạ vô hồi, ông sẽ bố cáo ra cho toàn cựu Anh-quốc được biết. Cái sự phát minh ấy nó còn làm cho náo động cái khoa-sinh-vật-học sâu xa hơn là cái quang-tuyến học mà nó đã làm náo động cái khoa lý-hóa-vật học nữa.

HẾT

3e ANNÉE — Nº 154 — 14 OCTOBRE 1926

KHOA HỌC TẠP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1º — M. BUI QUANG-CHIÊU, *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*
2º — M. LÂM-VĂN-HUÊ, *Commis indigène des Services Civils.*
3º — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics à Cholon.*
4º — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*
5º — M. NGUYỄN KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon*
6º — M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*
7º — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*
8º — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN, *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*
9º — M. TRẦN VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Paris.*
10º — M. TRẦN-QUANG NGHIỆM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*
11º — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*
12º — M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : **Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN**
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3,00		

MỤC LỤC

Bá nghệ lược giải (nghề soi sáng) (tiếp theo) (industrie de l'éclairage) 2704
Những sự lạ trong công nghệ (mặt trời giả)..... 2708
Tạo hóa kỳ quan (nº 6) luận về dông gió bảo tố (tiếp theo)..... 2710
Văn chương nôm (nhị độ mai chú giải nº 19)..... 2712
Gương luân lý (gương khoan nhơn đại độ)..... 2716

Bá nghệ lược giải

Nghề soi sáng (Industrie du l'éclairage)

(*tiếp theo*)

Nghề lấy dầu lửa, lọc dầu săn

(Extraction du pétrole)

Người ta biết được dầu lửa đã lâu đời lắm; hồi đời thượng cổ đã có người biết rồi, nhưng mà khai mỏ dầu ra làm công nghệ thì bên Âu-châu người ta mới biết dùng nó từ hồi năm 1860,

Những mỏ dầu có danh tiếng đều thuộc về phương Tân-thế-giải (nơi xứ Huê-kỳ); ở bên Âu-châu thì những mỏ dầu có danh thuộc về xứ Nga-la-tư (tại Caucase) ở xứ Galicie và Roumanie.

Cách khai lấy mỏ dầu lửa (Extraction du pétrole). — Những cách dùng mà khai lấy mỏ dầu thì đâu đâu cũng giống nhau.

Dầu lửa ở dưới đất sâu có mội to hoặc ở theo cát sâu dưới đất, khỏi mặt đất không chừng, khi sâu, khi cạn. Ở bên Mỷ-quốc (Huê-kỳ) có nơi đào xuống chừng một vài thước đã thấy có dầu.

Ở nơi xứ nào có mỏ dầu, muốn tim mỏ dầu thì người ta đào lỗ sâu mà thử; đào phóng chừng may đụng nhằm mỏ thì hơi dầu hoặc dầu nó xẹt lên. Vã chăng mỏ dầu thường có lộn nước, nước nặng hơn dầu thì ở dưới đáy mội, còn dầu nổi trên mặt nước một lớp, trên mặt dầu thì là những hơi khí. Nếu đào lỗ xuống gặp nhằm nơi chứa hơi khí trước, thì hơi khí ấy bốc xịt lên; nếu đào lỗ xuống gặp nhằm lớp dầu thì dầu bị hơi khí ép dằn ở trên mặt mạnh hơn sức ép của khí trời, thì dầu ấy phải lòn theo lỗ mà xịt lên. Chừng nào hơi khí ở dưới mỏ yếu rồi thì dầu không xẹt lên nữa; chừng ấy phải dùng đến máy mà bôm nó lên.

Ở tại xứ Bakou (thuộc Caucase) nhiều khi khai mỏ, dầu lửa xẹt lên như vậy từ ba tháng đến 5 tháng mới hết.

Lỗ đào xuống bề rộng bực trung tới ba tấc tây. Còn máy bôm thì chạy bằng sức hơi nước; tưởng khi bây giờ người ta cho

chạy máy bôm-quây bằng điển-khí.

Những giếng dầu lửa ở sâu cạn không chừng tùy theo các nước; như ở tĩnh Ohio bên xứ Huê-kỳ, thì đào giếng sâu có 10 thước, ở Pensylvanie (cũng Huê-kỳ) thì sâu 150 đến 180 thước; còn ở xứ Caucase nhiều giếng sâu đến 250 thước.

Dầu lửa khai dưới mỏ lên thì cho chạy về nhà chứa dầu làm có thùng to như thùng chứa nước cho thành phố vậy. Ở nhằm nơi có đất sét không rút nước thì người ta đào đường mương cho dầu chảy về nhà chứa, còn nơi đất cát thì phải dùng cống bằng gan như cống-nước để phát nước uống trong thành phố vậy.

Dầu lửa đựng nơi nhà chứa đó phải đem mà lọc lại. Như thế thì phải đem nó về nhà máy lọc. Vậy người ta phải dùng tàu chở dầu, hoặc xe chở dầu kêu là *bateaux-citernes, wagons-citernes* mà chở nó đi tới nhà máy lọc. Có khi như nhà máy ở không xa lắm, hoặc không cách sông cách biển thì người ta dùng ống to mà chôn dưới đất cho chạy đến nhà máy lọc, rồi dùng máy bôm thật mạnh mà bôm dầu vào đây cho nó chảy đến tận nhà máy lọc dầu.

Những dầu lửa mới khai lên không phải để vậy mà dùng liền được, vì nó có lộn những dầu khác nhẹ như là dầu săn (essence), như dầu lửa thường (bực trung và dầu nặng như dầu nhớt) và dầu hắc, mỗi thứ đều có công việc dùng riêng. Vậy phải dùng cách lọc mà phân nó ra.

Cách lọc dầu lửa (Raffinage des pétroles). — Lọc dầu lửa đây là lọc bằng cách lấy hơi (distillation) cũng như đặt rượu vậy.

Người ta đựng dầu lửa trong nồi sô de to lớn có thể chứa đến 30 muôn lít dầu được (3000 hectolitres). Ban đầu mới nấu nó vừa sôi thì nó bay ra những hơi khí không làm cho lỏng được, nên người ta cho hơi đó chạy thẳng vào lò lửa cho nó cháy phụ thêm sức nóng. Một lát chận hơi đó lại mà để cho dầu nó lọc. Cho hơi dầu chạy qua ống ruột gà to, chạy ngâm ngang trong nước lạnh rồi chạy thẳng ra ngoài; dầu bị hơi lạnh thì đọng lại thành nước lỏng mà chảy ra, người ta dùng đồ mà hứng.

Ban đầu thì hứng ra được những dầu nhẹ; kế đó dầu nặng hơn kêu là *dầu thắp đèn* (huiles

lampantes); sau nữa còn lại trong nồi sô-de những vật đặc và lỏng để sau người ta còn lọc lại nữa.

Dầu lọc ở trước kia còn lộn mùi lạ, khác với mùi dầu săn dầu lửa, cho nên còn phải lọc nó lại cho tinh-anh đừng có mùi hơi khác nữa.

Lọc dầu nhẹ lại cho tinh-anh (Traitement des huiles lègères).— Người ta lọc dầu nhẹ lại cho tinh anh bằng nước hoàng-cường-toan, nước lả và nước tro (*soude caustique*) đựng trong chảo to bằng chì. Có máy trộn để trộn lộn nó cho đều. Xong rồi để cho nó lóng lại, thì dầu nhẹ nổi trên mặt, người ta chiết nó ra, rồi cho nó chạy vào nồi sô-de trong có ống ruột gà chạy hơi nước nóng mà nấu như vậy (nấu bằng hơi nước). Người ta cho hơi nước chạy như vậy nóng ít hoặc nhiều thì được những thứ dầu như sau nầy:

1° Dầu *rhigolène* cũng kêu là *éther de pétrole*, nhẹ hơn hết để dùng trong việc hóa-học cùng là để làm thuốc-mê trong việc mổ-xẻ;

2° Dầu *gazoline* để mà lọc lấy dầu thơm.

3° *Dầu săn chạy đốt máy* (essence pour moteur) để dùng trong việc máy bay, máy xe hơi, máy nổ thường;

4° *Dầu săn thường* (essence de pétrole) để dùng mà thắp đèn và làm cho tan mỡ.

5° *Dầu benzine* để dùng trong công-nghệ mà ngâm đồ cho tan.

Lọc dầu thắp đèn. — Cũng như cách lọc dầu nhẹ, nhưng mà làm nhiều lắm; phải dùng nước hoàng-cường-toan (acide sulfurique) nhiều hơn nữa; máy trộn cũng phải cho to mạnh; cũng phải cho hơi gió thổi vào trong dầu mà trộn (gió làm bằng máy ép hơi khí trời) đặng cho nó bay hơi khí khác đi bớt.

Chất hoàng-cường-toan để làm cho dầu trong lại, vì nó lóng cái dầu hắc xuống; còn nước với sou-de để rút bớt chất hoàng-cường còn sót lại.

Người ta lọc như vậy rồi thì ra những: 1°) *Dầu lửa thắp đèn*, đựng trong thùng thiết 16, 20 lít mà gởi bán đi các nước trên hoàn cầu;

2° *Dầu xe lửa*, để thắp đèn trên xe lửa, hoặc theo đèn hiệu xe-lửa.

3° Dầu nhớt để làm cho trơn máy móc; 4° Dầu mỡ đặc, để dùng trong máy móc.

Còn lại cái cặn dầu người ta còn lấy mà lọc một bận nữa cho

ra hết dầu lửa, lấy dầu đó mà nấu lại với dầu lửa nữa đặng lọc lại. Cái cặn dầu đó dùng cách mà lọc nữa làm cho nó hết đen, ra trong thì nó thành vaseline dùng trong nhà thuốc men và trong công nghệ. Còn cái phần cặn kế đó thì là dầu *parafine* để nguội lại nó đóng thành sáp trắng trong như đèn cầy, người ta dùng để làm đèn cầy trong

Dầu lửa của nước Nga, lọc đi 2 bận thì còn lại cặn nhiều lắm gọi là dầu lửa cặn *mazout*, người ta dùng mà chụm lửa đốt máy xe lửa máy tàu đời nay.

(Sau nói về nghề làm diêm quẹt)

THANH-TÂN.

ĐÔNG-PHÁP THỜI-SỰ

SAIGON

Thổi vàng

Chiều hôm kia, có hai tên thợ bạc, làm công cho chủ tại đàng Douaumont, trong khi chủ trao cho mỗi tên vài chỉ vàng đặng làm trang vật cho người ta đặt. Hai tên ấy lãnh xong rồi, đoạn cũng ngồi lại làm bộ cậm-cụi đập dủa một hồi, kế cả hai trừng qua liếc lại, nháy-nhó sao đó, mà chập lâu liền kéo ra trốn mất.

Tên giỏi-giỏi thì thổi được 23 đồng bạc vàng, còn tên dở-dở thì chỉ có chừng ba đồng thôi. Nghe rằng cả hai cậu nầy đây tuổi mới có 18 và cũng đều mới tới học nghề.

Trời ơi ! Ý là mới tới học nghề mà còn dám thổi vàng cho đến nỗi ra bao nhiêu bạc đó, ước như thiện nghệ thì thổi ra giống gì nữa !

Mới có mấy tuổi đầu mà khéo tập tánh hư. Lớ quớ rồi đây bị nắm óc cho mà coi.

SAIGON

Xe-hơi đòi cởi xe-máy

Hồi chiều hôm kia, vào khoản 5 giờ, cái xe-hơi cho mướn số C. 3694, do nơi Nguyen-van-Thu cầm tay-bánh ở đàng Bd Gallièni chạy lại đàng Bd Kitchener đặng rồi có quanh qua đàng Lefèbvre.

Thình-lình mới tới giữa đàng, gặp phải tên khách-trú cởi xe-máy đi xớ-rớ đâu lối đó. Khách-trú ấy tên Lương-Khan; mà phải biết rằng tên khách-trú ấy cởi xe-máy chạy cũng chẳng phải mau gì. Thế thì chẳng rõ sao xe-hơi lại hờn, bèn chạy lại kê mủi mà đụng a vào cả vừa xe-máy vừa tên khách-trú ấy nhào xuống lăn-cù; nhưng may khi xe-hơi đụng xe-máy ngã, thì tên khách-trú văng ra ngoài xa, chỉ có cái xe-máy chịu phép để cho xe-hơi cán qua mình. Vụ còn đang ăn kết.

Những sự lạ trong công nghệ

Mặt trời giả

Cái yến sáng cũng cần kíp cho vạn vật như cái nhiệt độ vậy. Không yếu sáng thì ắc cả thiên hạ phải ở trong chốn tối tăm sợ hải Kìa những cây cối bông hoa đều nhờ yến sáng; chim chóc thú vật thấy mặt trời mọc đều đua nhau mừng rỡ chào mừng; người xưa thờ phượng mặt trời rất trọng, mặt trời là chúa soi sáng cho thiên hạ sống ở trên đời. Chớ như đêm tối ai mà chẳng sợ, người cùng thú đều chẳng thấy được kẻ nghịch thù, cùng con thú dữ mà chữa mình cùng trốn tránh; cho nên xưa ban đêm người hay đốt lửa trong rừng mà xa loài thú dữ.

Thuở xưa, người thượng cổ dùng cây khô quày mạnh cọ nhau cho nóng mà sanh lửa, đốt cháy cỏ khô, thắp đèn bằng đuốc cây có mủ dầu. Đến sau người Hê bơ-rơ (Hébreux) và người Ê díp-xen (Egyptiens) bày ra thắp đèn bằng dầu bằng mỡ.

Nay sánh lại đèn dầu, mỡ thuở xưa với đèn điển ngày nay không khác nào mặt trăng sánh sáng với mặt trời. Những yến sáng như yến sáng đèn khí, đèn điển, đèn Drummont, sáng magnésium, cai ngọn chóa như mặt trời mắt ta xem chịu không thấu. Những yến sáng đo có thể sánh cho là mặt trời giả.

Xưa ông hoa-học nước Anh là Humphry Davy bày ra ngọn đèn điển thắp bằng 2 cục than chiếu ra màu sáng như ánh mặt trời, những đèn khác để gần bên không khác nào một vật đỏ, bị yếu sáng kia giọi cái ngọn lửa sanh ra cái bóng không khác nào như một vật cứng thường.

Đến sau người ta bày ra được máy điển-khí to, chạy sanh sức điển mạnh thì đèn điển lại truyền ra thiên hạ dùng mà yến sáng lại càng mạnh hơn nữa.

Nhờ đèn điển sáng như mặt trời nên trong mấy phòng bác học thí nghiệm được nhiều cách lạ thường trong khoa-học cho nhiều người xem lúc nào cũng được, chớ trước thì phải cậy có yến sáng mặt trời, mà rủi có mây có mưa thì không thế nào thí nghiệm được.

Nhờ yếu sáng điển-khí mà nay người ta dùng kiến hiển vi rọi hình những vật tế-vi chi trùng như con chí, con bò chét, con sâu ghẻ cùng là các loại vi trùng nhỏ tế mắt ta xem không thấy ma rọi ra to lớn cả triệu lần cho một đám đông người đều xem thấy rõ được. Ấy vậy yến-sáng điển-khí ngày nay giúp khoa-học trong việc học nhiều lắm.

Yến sáng điển-khí thật không khác yến sáng của mặt trời, cho nên trong việc chụp hình người ta cũng cậy nhờ nó lắm.

Còn một việc hữu ích của cái yếu sáng điển-khí nữa là cách dùng nó để mà đốt đèn vọng-đăng cùng là đèn dưới tàu-biển. Đèn vọng đăng là đèn chói sáng rất xa cả đôi ba trăm dặm, thì cái yến sáng thật không khác của mặt trời. Ấy là đèn để rọi

ngoài-biển cho tàu bè đi ban đêm tăm tối, bảo bùng hoặc sa-mù cho thấy đường khỏi lạc, khỏi đụng với nhau. Cái yến sáng nó phải mạnh như của mặt trời mới là xoi thấu cái lớp sa-mù ma rọi cho tàu-biển thấy đường đi. Trên tàu lớn bây giờ cũng phải có đèn vọng-đăng và có máy điển-khí rất mạnh để thắp đèn dưới tàu cùng là đèn vọng đăng,

Xưa dùng điển-khí mà thắp đèn không tiện, chớ nay người ta đã chế biến ra tinh-xảo, đèn vọng đăng bây giờ nhiều cái sáng kể có cả triệu ngọn đèn cầy. Những tàu bè đi ngoài biển nhờ cái ngọn mặt trời giả đó mà khỏi lạc đường khỏi sa vào đá vào bải trong khi tăm tối bảo bùng, cứu được xưa nay chẳng biết mấy muôn mạng con người.

Ngọn lửa cháy bằng hơi khinh-khí (hydrogène) lộn với dưỡng-khí (oxygène) mà thổi ngay lên cục phấn thì nó cháy sáng cũng như yến sáng mặt trời cũng gọi là mặt trời giả. Ấy là yến sáng đèn Drummont.

Còn magnésium là một loại kim màu trắng trắng như thiết, người ta làm ra có dây, hoặc ra mạc như bột, hễ đốt nó cháy lên ngọn, thì ngọn nó sáng trắng cũng như yến sáng mặt trời mắt ta xem chịu không nổi. Người ta hay dùng nó để mà đốt đặng chụp hình trong chỗ tối tăm thế cho yến sáng mặt trời, nên cũng gọi nó là mặt trời giả.

ĐÔNG-PHÁP THỜI-SỰ

SADEC

Họa phước nan lương

Số là ngày 6 Octobre 1926 lúc 4 giờ chiều có thị-Tám năm nay 11 tuổi ở tại làng Tân-qui-Tây, khi công chuyện làm xong rồi mới xuống sông đi tắm; song nhà ở vườn, trước cửa lại có một cái mương ăn thông ra rạch, nên nước lớn vô nước ròng ra, lúc đó lại nhằm khi nước lớn, nên thị-Tám mới xuống đó tắm cho gần.

Dè đâu họa phước nan lương, con đĩa ở đâu không rỏ mà lại chun vào chỗ kín của đứa nhỏ nói trên đây mà cắng, khi đĩa chun vô thì thị-Tám cũng không thấy mà cũng không hay, đến khi lên nhà mặc quần áo xong rồi mới đi nấu cơm, thì khi ấy ở nơi chỗ... có hơi nhột nhột, nên thị-Tám thò tay xuống gải thì đụng nhằm con đĩa, thì thị-Tám hoảng hồn la lên, lộn xộn, lối xóm hay chạy lại bắt thị-Tám cồi quần ra thì đĩa rúc vô gần mất, may có người coi kỹ mới thấy con đĩa, rồi lấy tay nắm đĩa giựt ra, đĩa sút ra máu chảy theo quá nhiều trông vào rất nên ghê gớm.

Kế có người biểu cha mẹ thị-Tám đem qua nhà thương cầu quan thầy cứu cấp, mà từ đó tới sau thì máu cứ việc chảy ra dầm dề, cũng chưa rỏ tánh mạnh của thị-Tám đây ra thể nào, để sau sẽ tiếp.

Ấy có phải là họa phước nan lương không.

Tạo hóa kỳ quan *(n° 6)*

Luận về dông gió bảo tố

(Tiếp theo)

Một lần khác trời bảo nơi cù lao Martinique, gió thổi bay luôn một chiếc tàu còn vừa cột vừa lèo, hết thảy đều bị đưa tuốc lên đường lộ thành Saint-Pierre, sau phải phá vỡ mới dẹp trống được cho đường đi. Cách không bao lâu thêm một trận bảo nữa, gió thổi đưa một chiếc tàu khác bay lên khỏi bờ hơn 50 thước, cách một cái nỗng cao nước biển không tới được.

Hồi năm 1864, ngày 5 octobre một trận đại phong bên Ấn độ, giết hại 12000 người ở Calcutta, làm chìm hết 120 chiếc tàu buôn và làm cho hư sập nhà cửa tiêu điều làng xóm, kể sự tốn hao có trên 250 triệu quan.

Gió thổi cây cối bị hại cũng chẳng vừa. Như có một trận bảo bên cù lao Nouvelle Calédonie khi tàn rồi thì thấy cây cối chỉ còn nhánh cộng không như bị hoả tai đốt rụi hết vậy, lá khô rụng đầy đường, cỏ úa nằm rạp đất, bị nước biển bay lên thấm mặn queo hết, không còn dùng cho thú vật nào ăn đặng nữa.

Trên địa cầu ta những nơi phong khí đều hòa như Âu-châu thì gió thổi không chừng, khi thổi phía nầy khi thổi phía kia, không biết trước được. Chi như ở miền nóng nực, thì có gió mùa, hoặc thổi cả năm một phía, hoặc thổi phía nầy vài tháng phía kia vài tháng.

Thứ gió gọi là gió *alizé* tư niên cứ hồi một bề nơi miền nhiệt đạo. Gió ấy có hai ngọn thổi dồn về đường Xích đạo (équateur): một ngọn ở phương bắc thổi từ đông-bắc xuống tây-nam, một ngọn ở phương nam thổi từ đông-nam lên tây-bắc, về ngang đường xích-đạo thì gặp nhau mà dội lên không trung trở về bắc và nam cực. Cớ sanh gió ấy cũng không đâu xa lạ. Ta đã biết khí trời hễ nóng thì nhẹ mà bay tung lên thành ra một nơi trống rút lấy khí lạnh. Bởi ở miền nhiệt đạo, ngay chỗ mặt trời, hơi khí nóng mà bay lên làm một chỗ trống, bèn rút lấy hơi khí lạnh ở hai đầu bắc nam về mà sanh ra gió. Bởi khí ấy lạnh nên ở thấp, thổi ngay trên mặt đất mặt biển. Vả lại trái đất cứ tự xây mau quá, từ phía tây qua phía đông cho nên ta thấy gió thổi dường như ở phía đông mà thổi qua phía tây vậy.

Thứ gió *hiu-hiu* (*brise*) là gió thổi trong lúc chiều tối và lúc sáng sớm mai. Gió ấy ở trong miền xa xuôi biển gã không biết được, duy có ở nơi gần biển mới là thấy. Gió ấy là gió êm, mát mẻ lắm, mỗi ngày có một ngọn ngoài biển thổi vô bờ và một ngọn trong bờ thổi ra ngoài biển. Nguyên cớ gió ấy như vầy: Ban ngày sớm mai từ lối 8, 9 giờ mặt trời mọc lên chói nóng, đất nóng mau hơn nước cho nên những khi trời trên đất nhẹ trước mà bay bổng lên không, còn ngoài biển lâu nóng hơn, nên hơi khí trên mặt biển còn mát mẻ ở sà trên

mặt. Hơi khí trên bờ bay lên chừa chỗ trống bèn rút hơi khí mát ngoài biển vào. Gió ấy thổi vào như thế hoài, cho đến chiều lối 2, 3 giờ thì nước biển nóng lại, hơi trên mặt biển cũng nóng mà bốc lên, nên không có thổi vào bờ nữa, thì gió cũng hết. Đến tối lại chừng mặt trời lặng giây lát thì đất nguội lại mau hơn nước biển, hơi khí trời cũng mát lại mà trắng xuống. Còn ngoài biển nước lâu nguội hơn, cho nên khí trời ngoài biển ban đêm vẫn còn nóng mà bốc lên, làm chỗ trống rút hơi khí trong bờ ra, cho nên có gió trong bờ thổi ra biển; thổi như vậy hoài cho đến sáng 8, 9 giờ thì nước biển đã nguội khí trời mát lại, thì đất trong bờ vừa bị nắng mà nóng rát hơi lạnh vô nữa.

Gió *bấc* (*bises*) là gió thổi từ phương bắc, thổi lúc mùa đông, đi ngang qua mấy nơi giá tuyết, cho nên gió ấy lạnh lẻo thấu xương. Bên Tây lại có một ngọn gió bấc rất mạnh vô cùng thổi từ Tây-Bắc xuống Đông-nam, kêu là gió *mistral*. Nó thổi lòn theo triền núi, chạy theo ngọn sông Rhône, sức đi mau nghe vùng vụt, xe cộ đi phải bay phải lật, đến xe lửa cũng không chạy đi nổi.

Bên Phi-Châu cùng nơi xứ Arabie, xứ Perse ở ngoài trãng cát có một thứ gió nóng như lửa đốt dữ tợn gớm ghê. Gió ấy khởi từ nơi biển cát là nơi không cây không cỏ, chỉ minh mông những cát, mặt trời chói nắng nóng tợ như ở trong lò Thái hư. Gió thổi đi cát nóng bay theo mù mịt, người đi gặp gió ấy thì bắt khô trong cỗ, bắt khát nước chịu không nổi nà phải bỏ mình. Ngọn gió lửa ấy người Á-rặp kêu là *simoun*. Bộ hành cỡi lạc-đà đi biển cát sợ gió ấy lắm mà trời sanh con lạc-đà nó biết trước khi có gió lửa ấy gần thổi đến, nên nó bèn nằm sát đất đưa đít ngay ngọn gió mà chịu. Khi ấy người ta phải chui theo mình nó mà núp, không thì phải bị gió thổi bay. Nhưng mà núp như thế có khi cũng hại vì bị cát bay tới lấp mình mà chết.

Gió simoun nầy nhiều khi thổi đi thẳng qua biển Trung-địa mà qua đến bờ Âu-châu, làm cho phong khí nhiều lúc thình linh nóng quá, nhiệt độ lên đến 4, 5 mươi bực (50°). Người Y-ta-li kêu ngọn gió ấy là gió *Siroco*.

VĂN CHƯƠNG NÔM

Nhị độ mai chú giải (*n° 19*)

Ngư-bà nghe bấy nhiêu lời,
Nhủ rằng: « Thôi cũng có Trời chẳng không.
Năm xưa vớt được giữa dòng,
Một hòm ăm ắp những vòng với xoa.
Khen thầy nọ dặn lão bà,
Để cho con gái tên là *Ngọc-Thơ*.
Gặp ông thầy số năm xưa,
Đoán cung mạng cháu khen bà phụ nhơn.
Gạo công đòi đủ năm cân,
Khen đi, khen lại phu quân khác thường.
Bây giờ may vớt được chàng,
Mà xem tướng mạo đường đường đáng quan.
Hẳn rằng thiên địa tuần *huờn*,
Mà cho chàng lại trôi *ngay* vào chài.
Nên nay lại vớt được người,
Hai phen vớt được một đôi rỡ ràng.
Thôi! đừng quản thiệt tham hơn,
Bưng khuâng kén cá, chàng ràng luận canh.
Ngọc-Thơ cho kế duyên lành,
Họa là phu quí phụ vinh kịp ngày.
Được như số đoán là may,
Vong hồn cũng thỏa đến thầy nọ xưa. »

* * *

Xuân-Sanh nghĩ đã chút nhờ,
Và xem phong dạng Ngọc-Thơ ra tuồng.
Thưa rằng: « Chút phận tha hương,
Đã thương yêu đến dám dường dễ duôi?
Xin vâng, nhưng hãy xin chờ,
Bảng vàng rồi sẽ đuốc hoa cũng vừa. »
Bà mừng, kíp gọi Ngọc-Thơ,
Một lời đã định, phải ra chào mời.
Thẹn thuồng lững đững chơn dời,
Nàng e còn đứng, chàng coi đã tường.

Quả nhiên nhan sắc dị thường,
Mĩ hình tú hộ. (198) khác tuồng ngư gia.
Khi buồn nảy chút hứng thừa,
Khen thầm trong bụng, nên thơ một bài :

— Tốt đẹp ưa nhìn lọ điểm trang,
Nu gai ăn đứt vẻ nghệ thường, (199)
Vì dầu sắm sửa xinh xoang gió,
Ngờ những Hằng-Nga xuống một phương.

Thấy chàng nàng cũng mừng thầm,
Dạng người thanh tú, vẻ người văn chương.
Chắc rằng có phận giàu sang,
Hứng lòng cũng nghị luật Đường bốn câu :

Chìu thanh vẻ quí có nhường ai ?
Bỗng chút đem thân vướng áo chài,
Tiếng sấm đất bằng dành có lúc ;
Nhành hoa thượng uyển há nhường ai ? (200)

Dần dà quen thuộc bấy lâu,
Mới hay nương tử họ *Châu* ấy là.
Nực cười thay thú ngư gia,
Sớm qua *Tầm-thủy*, tối về *Hàn san* (201)
Ca chèo nhịp nhặt, nhịp khoan,
Trăng tròn sau lái, gió đàn trước mui.
Bốn mùa mặt nước sanh nhai,
Lưỡi câu, sợi chỉ, tai chài mặt sông.

*
* *

Mặc ai danh lợi trong vòng,
Xiêm văn vắt lưới, đai giăng thẳng chẳng
Thoi đưa nấn ná ba trăng,
Trải tuần đông quá, sang chừng xuân qua.
Cặm sào náo nức gần xa,
Neo thuyền phơi phới, giăng bờ dựng nêu.
Ngư-bà mới bảo Ngọc-kiều,
Mượn điềm bói cá, thay gieo trái cầu. (202)
Lưới nầy như được cá đầu,
Duyên con thời định xuân lâu (203) kén ngày.

Ví bằng ba lưới không tay,
Thành thân thong thả sau nầy sẽ hay.

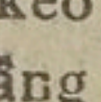

Bàn rồi chia việc làm ngay,
Kẻ buông giềng lưới, người gay cột chèo.
Cầm sào chàng cũng chống theo,
Ngọc-Thơ đỡ lấy có đều lần đâu.
Lạ chi đôi lứa vừa xuân.
Ai hay rơm bén, lửa gần với nhau?
Ngư-bà liếc thấy biết mòi,
Nghĩ thầm chuyện ấy có người có ta.
Người tiều-nữ, kẻ tài hoa,
Khi vào sát áo, khi ra chạm quần.
Nghe nặng lưới kéo lên dần,
Lý-ngư đâu thấy rằng rằng một đôi.
Sanh rằng: ăn những ngồi rồi,
Rày xin đem bán đi chơi một lần.
Cũng liều nhắm mắt đưa chơn,
Mà cho trải với thế nhơn đủ đều.

Chàng vừa đi khỏi chợ chiều,
Thuyền ai đâu đã ghé chèo tới nơi.
Trên mui dựa nính một người,
Nghinh ngang dạng cậu, nói cười giọng quan.
Một thuyền giậm dạ đã rân,
Tiểu hầu đày tớ một đoàn như ơi.
Khoe khoan nửa tấc đến trời,
Quần hồ sột sạc, áo giồi nhởn nhơ.
Trông sang liếc thấy tiểu-thơ,
Quạ quanh, rắn ếch, bướm hoa động lòng.
Đặt nên một sự hư không,
Bạc năm mươi lượng, một phong sẵn sàng.
Giao cho đày tớ đưa sang,
Mua làm tiểu-thiếp toan đàng ép duyên.
Thuận lòng bao quản sang hèn?
Tam bành bà đã nổi lên một hồi.

Ngọc-Thơ gấm ghé một hai,
Trong khi quá giận lắm lời vi sơ.
Khuyển Ưng một lũ mắt đưa,
Để phong bạc, bắt Ngọc-Thơ đem về.

(*Còn nữa*).

Giải nghĩa chữ mắc

(198) *Mỹ hình tú hộ* — khoe hình con nhà giàu sang, tú-hộ là rèm thêu, con gái nhà giàu đứng trong tấm rèm có thêu.

(199) *Nu gai*, hàng vải nhụm màu nu — *Nghệ* : màu nghệ vàng tươi.

(200) *Nhành hoa thượng uyển*— nhành bông ở trong vườn Thượng-uyên là vườn của vua.

(201) *Tầm-thủy, Hàn-sơn*, là tên cái rạch ở quận Long-nha, và cái chùa ở phủ Tô-châu. Sông *Tầm* ở trong núi Cư công mà chảy ra.

(202) *Gieo trái cầu*, tục bên Tàu Công-chúa đến tuổi phải lấy chồng; Công-chúa ngồi trên lầu mà gieo trái cầu xuống đất. Thiên hạ con trai đều đi hội dưới lầu mà xem, hễ ai bắt được cầu thì được làm phò mã.

(203) *Xuân lâu*, đài-xuân, thành vợ chồng được.

ĐÔNG-PHẤP THỜI-SỰ

SAIGON

Xe-hơi lật úp

Hồi tối nầy, vào lối 9 giờ, có một cái xe-hơi ở ngoài Saigon đang xình-xịch chạy vô Cholon ; ấy là xe đi dạo đa, vì đức nầy trong Cholon còn làm lễ kỷ niệm Đức-Khổng-Tử nên vui lắm. Dè đâu mới chạy tới con đàng cái Galliéni bỗng nghe xe nổ một cái đùng chẳng khác nào súng đại bác ; đoạn xe liền lật đật quày đầu trở lại, thì lại nghe bánh sau nổ luôn hai phát nữa, kế đó xe-hơi liền rắc cớ lật úp. Thảm thay, trên xe ngoài tên sớp-phơ thì có một thầy với một cô, nên khi xe lật úp thì tội nghiệp cho cô vì phận liễu yếu đào thơ, má hồng chậm lục, nhảy không khỏi phải bị xe đè úp cô lại, nhưng may là nhẹ chớ không có sao. Đoạn tên sớp-phơ và thấy nọ liền ráng sức hè hụi đỡ xe lên đặng cho cô ấy chun ra, rồi kêu xe-kéo chở tuốc cô lại nhà thương-thí để điều trị nội hồi đó.

Nghe đâu cái xe ấy số C. 7020 của chủ là M. Trần-văn-Cân ở đàng Jean Eudel.

Thiệt rủi quá !

Gương luân lý(1)

Gương khoan nhơn đại độ

Chuyện ông Bourbon quận công

Thuở ông Louis là ông hoàng quận công Bourbon bị cầm tù bên Anh-quốc mà trở về nước, ông có làm một sự khoan nhơn đại-lộ, thật rõ là một người anh hùng nghĩa khí, sử sách còn ghi. Lúc ngài phải tù bên nước Anh thì mấy vị chư-hầu của ngài thừa lúc ngài vắng mặt mà làm lắm sự lộng quyền cướp phá của ngài, lại dám xưng là không ai dám bẩm lại cùng ngài cả. Lức ngài trở về, các vị chư-hầu đều tới mừng. Hết thảy đều tựu lại đông đủ mà ra mắt ngài, thì có ông chưởng-lý của ngài trước ra dưng phúc-bẩm kể các sự lỗi của chư-hầu. Mấy vị chư-hầu đều thất kinh xanh mặt. May đâu ông hoàng quận-công bèn hỏi: «Mà khanh có ghi sổ những công lao của họ cùng ta chăng?» Quan chưởng-lý bẩm: «Tâu bệ hạ, không.» Ông Hoàng bèn nói: «Vậy thì hãy đốt mấy tờ giấy nầy đi, vì ta không dùng nó được đâu!» Nói rồi ngài bèn lấy mà đốt hết, chẳng có đọc qua một chữ.

Chuyện ông Molé trả thù

Lúc ông thừa-tướng Molé đi vào chầu bà hoàng-thái hậu đương nhiếp chánh trong trào đặng mà tâu xin thả hai ông quan toà bị cầm tù sái luật phép ra. Đi nửa đường bị dân chúng áp vây xe ông phải ngừng lại; khi ấy có một người lạ mặt chạy lại nắm bàm râu ông mà mắng chưởi hâm dọa đến đều. Qua bữa sau, lúc ông ở nhà thì có một người đến ra mắt ông mà nói rằng: «Thưa gài, tôi biết tên người làm dữ với ngài hôm qua; người ấy là tên bào-chế thuốc, nhà ở gần bên tôi.»

Thừa-tướng bèn sai kẻ đòi tên bào-chế thuốc ấy. Tên bào-chế thất kinh, biết nước lỗi mình, bèn đến hầu thừa-tướng, lạy mà xin lỗi: «Bẩm ngài tôi nay biết lỗi, cúi xin ngài rộng lòng tha thứ một phen.»

Thừa-tướng thấy người ấy đương sợ hãi, bèn nói rằng: «Ta sai đòi nhà ngươi đến đây đặng cho ngươi hay rằng ngươi có mộ người lân cận không tốt, vậy ngươi khá dè nó. Thôi đi đi, ta kiếu.»

Gương có nhơn

Chuyện ông Anicius

Hồi năm 383 bên xứ Ita-li bị thất mùa đói rét, thành-Rô Rôm sắp phải bị đói. Trong thành liệu trước cho khỏi, bèn đuổi hết những dân cư ngụ trong thành mà không phải sanh sãn tại nơi đó. Mấy người dân ấy ra đi ngoài đồng mông quạnh đói khát kêu rêu, đào cây ăn rễ, hái trái trong rừng mà ăn rất nên khổ sở. Thiên hạ thấy vậy thảy đều cảm động xót

(1) Tác giả giữ bổn quyền.

thương; mà không ai xót thương họ cho bằng ông Anicius là quan phủ trấn trong thành. Ông ấy già cả mà lòng thiệt nhơn đức và gan dạ. Ông bèn hội hết các nhà thế gia giàu có lại mà dụ rằng; « Chúng ta làm gì mà sống sót lâu được? Ta giết những kẻ cực khổ làm ăn mà nuôi ta sống sao? Những người ta đuổi ra khỏi thành kia chẳng phải là những thợ thầy, tôi tớ, thương-gia ta sao? Có kẻ lại cũng là bà con của ta nữa. Sao ta không dành ăn với loại chó ta nuôi, lại đành giựt miếng ăn không cho người ta ăn? Vậy thì từ nay còn ai đâu mà buôn bán, làm việc cho có vật dụng cho ta cần kiếp mà sống đặng? Vậy ta khá liều thí của ta ma cứu những người mắc nạn ấy còn hơn! Thôi thì ta hãy mở cữa thành ra mà cho họ trở vào; hãy xuất tiền ta mà mua lúa gạo cho họ ăn, ta có thiếu tiền thì đem đồ trang vật bàn ghế của a mà bán bớt lấy tiền cứu giúp cho họ: như thế ắc là Trời nhỏ phước cho ta, mà thiên hạ mến yêu ta, ta cũng được vui lòng khoái dạ vậy.»

Nghe mấy lời ai nấy thảy đều cảm động khen phải, đến kẻ bà-tiện xưa nay cũng dám mở lòng rộng rải. Bèn xúm đậu tiền mua lúa gạo các nơi chở về, mở cữa thành kêu mấy người bị đuổi khi trước trở lại mà phân phát cứu giúp cho họ khỏi cơn khốn đốn.

Chuyện tên Garrick

Có một người ở tại thành Long-đong kinh đô Anh-quốc thiên hạ đều thương. Người ấy có vay của Garrick một số bạc 500 lượng vàng (livres-sterling) và có làm giấy thiếu. Cách ít lâu người suy sụp, tiêu ma sự sản, phải bị khánh tận. Những bà con thân thích thấy vậy đều thượng hội lại mà làm sổ cho biết những ai là chủ nợ, coi số thiếu là bao nhiêu đặng lo kế giúp giùm.

Khi ấy tên Garrick hay tin, lòng đã chẳng thừa dịp mà tham lam bắt trả, lại viết một cái thơ và để cái giấy nợ vào trong ấy mà gởi lại cho người đó. Trong thơ nói lược rằng: « Tôi nghe anh hội các bằng hữu lại bữa nay. Phần tôi nếu được hội thì rất ấy làm hân hạnh! Vậy tôi xin anh cho tôi vào chung trong hội. Trời nay cũng lạnh, muốn bớt lạnh chắc là anh cũng phải nổi lửa lên un; vậy thì tôi gởi theo đây cho anh một tờ giấy nầy để mà nhúm lửa cho ấm.»

Chuyện người chủ phố có nhơn

Có một người chủ phố ở xóm Croix Rousse (thuộc thành Lyon) có cho một người thợ nghèo mà tánh tình rất tốt, mướn một căn nhà trên lầu của mình. Chủ phố thấy đã hai tháng rồi mà người thợ chưa trả tiền bèn đi lại nhà người ấy mà hỏi. Đến nơi thấy trong nhà đều lo lắng sợ sệt: người thợ thật thà mà khốn khổ kia lại mắc bịnh đau, chẳng còn phương chi mà trả tiền phố nổi. Người chủ phố xem kỷ thấy tình thế trong nhà người thợ như vậy, bèn nói: « Chú ở đây nữa không được đâu.»

Người thợ nghe qua xanh mặt, vì nghe mấy tiếng ngỡ đâu chủ phố

muốn đuổi mình đi. Người chủ phố lại nói tiếp:

— Thật vậy, chú không nên ở chỗ nầy; xem chú coi bộ bịnh oạn lắm mà gia quyến chú cũng là đông người: vậy chú hãy xuống dưới hai từng nữa, chú sẽ có đủ hai cái phòng rộng rải, mà chú khỏi trả tiền trội thêm đâu, mà chừng nào chú có trả được thì trả không hệ gì.»

Gương công bình chánh trực

Chuyện vua Saint Louis với ngự-đệ của ngài

Ông hoàng Charles làm bá tước Anjou là em của vua Saint Louis, thuở ấy có bất bình kiện thưa với một vì tướng quân kia, là chư hầu của ông, vì việc đất cát. Mấy ông tòa ở Anjou đều xữ cho ông hoàng được kiện, thì người tướng quân kia lấy làm ức hiếp, bèn cầu lên đến tòa vua xữ lại.

Ông hoàng hay được bèn nổi giận bắt người tướng-quân mà cầm tù. Chừng vua hay được bèn cho đòi ông hoàng đến tức thì mà quở rằng: «Nầy ngự-đệ, em tưởng đâu là hễ được làm em vua thì ở trên pháp luật hết sao? Em phải lập tức thả người chư-hầu ấy ra, biểu người phải đến trước mặt các quan tòa của vua mà đối nại.»

Ông hoàng Charles phải vưng lời. Nhưng vậy mà vì ai cũng sợ ông hoàng ấy, cho nên vì tướng quân kia khó nỗi tìm quan thầy kiện được. Vua thánh Louis phải ra ngồi xữ. Bèn đem việc ra mà xem xét, mới rõ việc ức hiếp người tướng-quân, bèn cho người ấy đặng kiện, giữ phần làm chủ gia sản kiện thưa kia, và phạt em của ngài bồ thường sở phí.

3e ANNÉE — Nº 155 — 21 OCTOBRE 1926

KHOA HỌC TẠP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1º — M. BUI-QUANG-CHIÊU, *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*
2º — M. LÂM-VĂN-HUÊ, *Commis indigène des Services Civils.*
3º — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics à Cholon.*
4º — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*
5º — M. NGUYỄN KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon*
6º — M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*
7º — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*
8º — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN, *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*
9º — M. TRẦN VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Paris.*
10º — M. TRẦN-QUANG-NGHIÊM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*
11º — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*
12º — M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3,00		

MỤC LỤC

Bá nghệ lược giải (nghề làm diêm quẹt) (industries des allumettes)... 2720
Thiệt hành bác học (điển-tín và vô tuyến điển) (le télégraphe et la télégraphie sans fil) 2727
Gương luân lý (gương c› nhơn) ... 2731
Sưu xuất tân kỷ (hai chiếc chiến thuyền mới của pháp-quốc)..... 2736

Bá nghệ lược giải

Nghề làm diêm quẹt

(Industries des allumettes)

Nghề làm diêm quẹt đã bày ra đến nay gần có trăm năm (1832). Trước nữa thi người ta phải để dành thang lửa, hoặc dùng đá lửa với bùi-nhùi mà nhúm lửa. Từ ngày bày được cách làm diêm quẹt đến sau, người ta bày chế ra nhiều thứ lắm. Hồi trước người ta làm diêm quẹt có dùng *chlorate de potasse* với *sulfure d'antimoine*, sau lại bày thêm lân-tinh *(phosphore)* vô, thi diêm quẹt rất nhạy mà hay hiểm-nghèo, sanh hỏa-hoạn. Lần lần người ta bày chế ra nhiều cách làm diêm, không còn hiểm-nghèo như trước nữa mà lại rẽ tiền hơn.

Công việc làm diêm quẹt, cùng là cây quẹt, hộp quẹt thảy đều bằng máy.

Nghề làm hộp quẹt bây giờ đâu đâu cũng có mà nhứt là mấy xứ có cây cối, có rừng to cây xốp thi lại có nghề làm diêm quẹt nhiều. Ở Đông-Pháp ta cũng có nhiều xưởng làm diêm hộp quẹt, như ở Hanoï, Bên-thủy, Vịnh, Saïgon Cholon. Ngoài Bắc người ta làm hộp quẹt bằng cây bồ-đề.

Làm hộp quẹt có mấy công việc nầy:

1° Cưa cây cắt cây (Débitage du bois): cây để làm hộp, cây để nhúng diêm.

2° Phơi cây đã cắt (Séchage).

3° Làm hộp quẹt và dán nhản.

4° Làm diêm quẹt.

5° Nhúng cây quẹt vô nước parafine.

6° Nhúng cây quẹt vô diêm.

7° Thoa về diêm lên 2 bên hộp quẹt.

8° Sắp cây quẹt vô hộp.

9° Dán nhản thương-chánh.

10° Gói thành bó.

Cưa cây cắt cây. — Cây xốp còn tươi hoặc đã ngâm nước cho mềm, đem vào cho cưa máy cưa ra từ khúc dài chừng 7, 8 tấc, rồi dùng 2 cây móc sắt đóng vô hai đầu ngay nơi chín giữa vành. Hai cây móc ấy có thế đem ráp vô máy được, cho nên đem khúc cây tròn đó vô máy nhờ 2 cây

móc ăn dính liền với máy cho máy quây khúc cây ấy lăn tròn như cái ống quây. Khi ấy có người thợ coi máy lừa lần cái lưỡi sắt rất bén vô, ống cây quây đụng nhằm lưỡi sắt bị nó tiện đi hết một lớp ngoài cho khúc cây được tròn đều và láng như cái ống cán. Xong rồi đem khúc cây đó để riêng ra một đống cho máy khác tiện nữa.

Đem khúc cây đó dùng móc khác mà đóng vô 2 đầu như hồi nảy rồi đem vào máy tiện khác cho nó quây. Người thợ đưa lần cái lưỡi sắt máy vô cho nó tiện cắt khúc cây ấy ra một tờ mỏng mà dài, cũng như tháo ống giấy khoanh ra cho đến khi gần hết khúc cây. Lúc nó đương quây mà tiện tháo ra, người ta lại có để lưỡi sắt khác trên mặt khúc cây cho nó có đường rảnh để xếp thành hộp quẹt. Người ta làm như thế cũng phải định có phân ly cho đúng vừa bằng như cái hộp quẹt thường. Còn những tờ cây tiện ra để làm cây quẹt thì không có làm như thế. Người ta chỉ để y vậy, rồi sau sắp chồng lại mà đem vào máy riêng nữa. Máy ấy đẩy nó ra thì có một hàng lưỡi sắt thật bén sắp như răng lược cắt nó ra; khi ra khỏi mấy lưỡi sắt ấy thì có dao máy chạy lên chạy xuống mà xắt nó ra có cây; máy chạy đưa nó ra vừa đúng bề dài là bao nhiêu thì lưỡi dao máy chặt xuống, làm như vậy liền liền, trong một phân nó xắt xuống có đôi ba cái, mà mỗi một lần xắt xuống thì ra cả năm sáu trăm cây quẹt. Trong một xưởng có nhiều cái máy như vậy để làm một lược, cho nên mỗi ngày làm ra được chẳng biết là mấy triệu cây mà kể, những cây ấy để mà nhúng diêm làm ra cây quẹt.

Làm cái hộp để đựng cây quẹt cũng có máy cắt, nhưng không cần phải nói ra chi nữa cho nhiều.

2° *Phơi cây.*— Những cây mới cắt ra đó đều là cây ướt, vì người ta muốn để ướt vậy cho nó mềm mà dễ cắt ra. Bây giờ phải làm cho nó khô. Vậy người ta phải phơi nó, nhưng không phải phơi nắng ngoài trời mà ra lâu lắc. Người ta bỏ những cây đã cắt đã xắt ra rồi đó vào trong thùng sắt to, có cho hơi nóng chạy vào, và có máy quây nó cho cây đựng trong thùng trộn lộn đều. Những thùng đựng nó đều sắp một đầu cao một đầu thấp, chừng nó quây thì cứ xây đổi nhau mỗi một đầu đều

có hồi lên cao có hồi xuống thấp, cho nên cây ở trong ấy chạy lộn xuống lộn lên mà đều. Chừng một lát nó khô hết thì lấy ra.

3° *Làm hộp quẹt và dán nhản.* — Mấy cây mỏng để xếp thành hộp quẹt thì đem vào máy làm hộp. Người ta sắp nó có chồng nơi một đầu máy, rồi có máy chạy đưa lần ra từ cái mà chun vô một cái khuôn vuôn; khuôn chạy quây thì nó bao theo cái khuôn; lúc nó chạy bao cái khuôn thì có tờ giấy xanh phết hồ bằng máy chạy bao lên mà dán liền vô hộp; khi ấy máy chạy đưa cái hộp chạy ngang xuống máy dán nhản thì có sẵn nhản hình của máy đưa ra và có hồ phết sẵn mà dán cái nhản ấy xuống. Đó là cái vỏ bao hộp quẹt; còn dán cái hộp đựng cây quẹt thì thường người ta dán bằng tay, nhưng làm nhiều thì cũng có máy dán mau lắm.

4° *Làm diêm quẹt.* — Cách làm diêm cũng có nhiều thứ, nhiều bài lắm. Có thứ người ta dùng lân-tinh *(phosphore)*, có thứ không dùng lân-tinh thì lại dùng *sulfure d'antimoine*, có thứ có dùng sanh thứ không có. Thường thường mấy người làm diêm quẹt hay dấu bài dấu cách hay của mình. Song ta xin kể sơ ra ít bài của người ta có in sẵn, hoặc của nhà hóa-học phân được ở trong diêm quẹt ra.

Diêm quẹt có lân tinh trắng

1° Phosphore (lân-tinh).	15	phần	
Gomme (keo).....	2	—	rưỡi
Sable (cát)	10	—	
Bioxyde de plomb ..	10	—	

2° Phosphore.....	9	phần
Salpêtre (muối diêm)	14	—
Oxyde de manganèse	16	—
Gomme.....	16	—

Diêm quẹt có lân-tinh đỏ

a) Thứ không có chỗ để quẹt.

Phosphore rouge.....	40	phần
Chlorate de potasse.....	40	—
Verre pilé (miếng chai cà)	15	—
Gomme.....	vừa đủ	

Lân-tinh với chlorate de potasse phải cà riêng ra và đừng cà mạnh. Khi 2 món trộn với keo đều rồi trộn chung lại nữa.

a) *Thứ có chỗ để quẹt (có diêm thoa ngoài hộp)*

Diêm để nhúng cây quẹt (allumette):

1° Chlorate de potasse.....	6
Sulfure d'antimoine	2 à 3
Colle-forte (pésée sèche)...	1

Diêm để thoa ngài hộp (frottoirs):

Phosphore rouge.....	10
Sulfure d'antimoine (ou bi-oxyde de Manganèse).....	8
Colle forte.....	3 à 6

Diêm để nhúng cây quẹt (allumette);

2° Chlorate de potase.....	1
Soufre (sanh).....	1
Terre d'ombre..,.....	1

Diêm để thoa hộp (frottoir):

Phosphore rouge.....	10
Colle forte.....	6

3° Diêm để nhúng cây (allumette):

Chlorate de potsse.....	5
Sulfure d'antimoine.....	2
Colle forte.....	1

Diêm để thoa hộp (frottoir):

Phosphore rouge.....	10
Sulfure d'antimoine.....	6
Colle forte.....	2

Diêm quẹt không có lân-linh

Allumette:

Chlorate de potasse.....	4 à 6
Bichromate de potasse.....	2
Ocre rouge.....	2
Colle forte.....	3

Frottoirs:

Bichromate de potasse....	2 à 4
Sulfure d'antimoine...	4 à 6
Ocre rouge.....	
Verre pulvérisé.....	2
Colle forte.....	2 à 3

5° *Nhúng cây quẹt vô nước parafine.* — Cây quẹt phơi khô xong thì đem ra mà sàn cho nó sắp lên một cái khuôn, đưa ngay lông chông lên như bàn chải, rồi đem mà nhúng hết vô trong nước parafine nấu lỏng. Xong rồi đem sắp lên vĩ cho nó khô ráo.

6° *Nhúng vô diêm quẹt.* — Những người coi nhúng diêm lấy ra từ khuôn mà đóng cho mấy cây quẹt đều đầu hết thảy, rồi đem để lật khuôn lại cho mấy cái đầu cây quẹt thảy đều nhận ở trong diêm. Diêm làm có về sệt sệt đổ lên trên mặt bàn bằng thẳng, bốn phía ngoài bìa có đồ ngăn lên cho nó đừng chảy tràng ra. Nhúng rồi, lấy cán cây mà đóng lên khuôn cho đầu cây quẹt đều lún xuống dính diêm đều, mới lấy ra đem sắp lên vỉ khác mà phơi cho nó khô, diêm khô đóng cứng lại.

7° *Thoa diêm lên hai bên hộp*

quẹt. — Vỏ hộp quẹt đem sắp vô trong một cái máng nhỏ vừa bề dài cái hộp rồi có máy đưa lần nó chun ngang dưới một cái bánh quây có dính diêm để thoa. Chừng nó qua khỏi thi diêm đã phết dính theo một bên hông hộp; máy đủa luôn nó ra ngoài thi có người coi hứng lượm mà sắp lại. Hai bề đã thoa, rồi thi đem phơi cho nó khô.

8 et 9° *Sắp cây vô hộp và dán nhản thương chánh.* — Có thợ rất nhiều lo sắp cây quẹt vô trong cái hộp rồi xỏ vô ống quẹt (cái vỏ quẹt) dán giấy thương-chánh lên bít một đầu. Cây quẹt thi đã làm đều, cho nên hễ để vô hộp đều có một số cây quẹt gần bằng nhau. Nói nào làm nhiều thi có may tinh xảo sắp cây quẹt vô hộp liền, cũng như có máy sắp thuốc vô gói mà gói thuốc điếu vậy.

10° *Gói thành bó.* — Có thợ khác nữa lo sắp hộp quẹt thành bó 10 mà gói lại, để gởi đi ra ngoài mà bán.

Nói tóm lịch sử nghề làm diêm quẹt. — Mới bày ra đến nay chẳng quá một trăm năm. Trước năm 1812 bên Tây chưa bày diêm quẹt ra thi nhà nhà ai cũng phải nhúm lửa vùi thang mà để dành. Còn có đi đâu thi đem theo một cục đá lửa (briquet, silex) với bùi nhùi. Đá lửa ấy thuở trước người ta dùng mà đánh lửa cho cháy thuốc súng mà bắn; người ta kêu nó *fusil*, còn súng dùng nó thi kêu là *mousquet à fusil*. Đến sau người ta bỏ lần chữ *mousquet* còn lại *fusil* chỉ nghĩa là cây súng. Vậy hồi xưa muốn có lửa phải quẹt cục đá lửa cho nhản lửa lên bắt bùi nhùi (amadou) cho cháy mới là nhúm lửa được. Nay sẵn diêm quẹt bày ra nên tiện dễ hơn trăm bề. Mà trước khi có dùng quẹt như ngày nay thi người ta bày diêm quẹt thể nào? Người ta bày diêm quẹt lân-tinh (briquet phosphorique). Diêm quẹt ấy làm bằng một ống chỉ có đựng lân tinh trắng, rồi lấy một miếng cây có nhúng sanh một đầu sẵn mà thọc vô ống chỉ ấy, vít một chút lân tinh mà cạ lên vật khô cứng tự nhiên nó phát cháy lên.

Đến năm 1833 mới phát minh ra thứ diêm quẹt mà dùng như ngày nay đó. Ấy là diêm quẹt hóa học (allumette chimique). Diêm quẹt ấy bằng những mãnh cây nhỏ, một đầu có nhúng trong về sanh bột trộn lân tinh mà phơi khô rồi đem nhúng lại vô

trong về keo trộn với bột chlorate de potasse. Chừng muốn quẹt nó thì quẹt lên một vật chi nhám tự nhiên nó phát cháy. Thứ diêm quẹt ấy nhạy lửa lắm, nhiệt độ lên ấm chỉ đến 60 bực (60°) thì nó phát cháy, là vì nó lộn lân-tinh trắng trong ấy, cho nên dùng nó cũng có hơi bất tiện, Vã lại lân-tinh cũng hiểm nghèo mà lại độc, cho nên thuở ấy có nhiều nước bên Âu-châu cấm không cho làm diêm quẹt hóa học ấy. Tuy vậy mà nước Pháp còn làm thứ diêm quẹt đó cho đến năm 1896 mới thôi.

Vậy mà trong năm 1845 người ta đã tìm ra được thứ lân-tinh đỏ, chỉ phải nhiệt độ lên tới 250 bực nó mới cháy Năm 1848 có một người nước Đức tên Boettcher mới bày ra được thứ diêm và hộp quẹt như thứ ta dùng ngày nay đây nghĩa là cây quẹt làm bằng cây nhúng một đầu vào cái về chlorate de potasse với sanh, chừng muốn cho nó cháy thì quẹt nó vô một bên hông cái quẹt có phết lân-tinh đỏ. Tuy người ấy bày cách đó rất tiện nhưng trong nước người chẳng ai hoan nghinh lắm, cho nên người phải ra ngoại quốc, qua bên Suède mà làm ra một cái xưởng công-nghệ hộp quẹt, càng ngày càng phát lang ra rất mau cho nên diêm quẹt thuở ấy gọi là diêm quẹt Thụy-điển (allumettes suédoises).

Còn bên nước Pháp xưởng làm diêm quẹt lại dùng lân-tinh đỏ mà làm ra *sesqui sulfure de phosphore* để làm ra đầu cây quẹt. Cây quẹt ấy quẹt vào đâu có hơi nhám cũng đều nháng lửa ra được.

Bên Pháp dùng diêm quẹt rất nhiều: nội trong năm 1922 dùng hơn 52 ngàn triệu hộp (52 milliards)! Có sáu xưởng làm hộp quẹt để làm ra, ở tại Aix, Bègle (gần Bordeaux), ở Marseille, ở Pantin. ở Saintines và Trélazé.

Những cây quẹt cắt ra đều làm bằng máy bào máy cắt, một giờ làm có hơn 30 muôn cây quẹt. Những công việc diêm quẹt hộp quẹt thãy đều bằng máy móc, từ khi cắt cây ra cho đến khi vào hộp cũng đều bằng máy. Hai người thợ coi đút cây nguyên (một khúc gỗ nhẹ như cây thông) vô đầu máy, đến khi nó đút chạy qua cúi máy, thì sẵn ở trong hộp quẹt đầy, dán lại rồi hết. Thật là tài lắm! Xưởng ở Marseille làm một ngày được 4 muôn cái hộp quẹt.

Xem số dưới đây thì ngó thấy rõ nghề làm diệm quẹt bên Pháp phát đạt thể nào:

Hồi năm 1877, bên Pháp dùng được	25 m.
» 1887 » » » »	27 »
» 1897 » » » »	33 »
» 1907 » » » »	41 »
Đến năm 1922, tăng lên tới	52 »

THANH-TÂN.

ĐÔNG-PHÁP THỜI-SỰ

SAIGON

Đánh xe-kéo

Nguyên-van-Chiêu, 18 tuổi, làm cu-ly và Ng-thị Huyên, 27 tuổi bán hàng rong; cả hai đều ở tại đàng hẽm Paul-Bert. Vừa rồi chẳng rõ vì duyên cớ làm sao, trong thế khi cũng bỡi đi xe đi cộ sao đó, rồi tên xa--phu nằn-nì nói nặng nói nhẹ sao đó, nên làm cho cả hai nổi xung thiên tên, bèn áp lại đánh tên xa-phu ta có vít-tích bộn.

Lập tức lính cảnh sát lại dẫn cả hai lại bót rồi giải lên tòa để nghĩ xét. Gã xa-phu ấy tên Lê-van-Thu cũng ở đàng hẽm ấy.

* * *

Cũng là ấu đả?

Nguyên-van-Tai, 17 tuổi làm cu-ly, nhà ở đàng Frères Guillerault số 96, mới đây cũng không rõ vì duyên cớ nào mà đến nỗi hành-hung đánh tên Huynh-van-Ho, làm thợ-mộc ở đàng Douaumont, có vít-tích bộn.

Đánh đã rồi, thì cũng chẳng lạ gì, liền đó có linh cảnh-sát lại điệu chàng ta xuống bót làm tờ phúc rồi giải lên tòa đặng chờ ngày. Làm dữ mà chi. Lếu quá!

Có chó phải giữ

Con chó của cô Nguyễn-thị-Day, buôn-bán chiếu ở đàng Huynh-quan-Tiên, mới hôm 15 Octobre vừa rồi đây, vào lối 8 giờ sớm mai, chẳng rõ có phải tới cơn điện của nó hay không, mà nó nhè tên Doan-van-Thom, cũng ở đàng ấy, vừa đi ngang qua, nó vùng nhảy lại cắn.

Lập tức người ta hay, liền bắt con chó ấy bỏ vào phú de! còn Doan-van-Thom thì lại y-viện, Pasteur để chữa nọc. Lúc nầy là lúc trời mưa mát-mẻ quá mà sao chó lại còn điên cũng lạ. Hay là bị lúc tuyển-cử nghị viên quản-hạt đây rồi phát sanh ra chăng? Thật hại quá!

* * *

Rủi ro trong việc làm

Hôm bữa thứ sáu, trong khi chiếc tàu *Apoey* đậu tại bến sông Yser đặng chuyên vận đồ, chẳng may người cặp-rằn cu-ly tên Huynh-van-Thong vì bất ý sao đó, ở trên cầu té nhào xuống khoang tàu số 2, bị bao lúa đè lên lùn-cục.

Lập tức giở bao lên kéo chàng ta ra, xem lại thì bị vít chút ít, trện mặt và ngực! song xem thế khá, chẳng có chi cho đến nỗi lắm. Ấy thật cũng là may.

Thiệt hành bác học

Điển-tín và vô tuyến điển

(Le télégraphe électrique et la télégraphie sans fil)

Từ ngày mấy ông bác-sĩ biết được tánh chất của điển-khí rồi, thì đã chăm trù nghĩ cách thiệt dụng cái sức điển đi xa mà làm ra cách thông-tin cho mau mà ở cách xa được. Trước khi tìm được cái tánh điển-châm (électro-aimant) thì nghề điển tín chưa có thông dụng được, song cũng đã có nhiều ông bác-sĩ kê cứu rồi. Đến sau ông bác sĩ Arago tìm đượ tánh chất nam-châm của miếng sắt tinh-anh mà có cho điển-khí chạy vào, thì mới bắt đầu thiệt dụng cái tính chất ấy mà bày ra điển-tín.

Lấy một cây sắt tinh anh rồi uốn cong lại như lưỡi câu làm ra hình móng ngựa hai đầu bằng nhau, rồi dùng dây đồng có bao vải tơ mà quấn riêng hết hai đầu cây sắt cong ấy, cho hai mối dây đồng của hai đầu đó ăn với hai sợi dây điển âm-dương, tức thì cây sắt ấy có thể rút sắt khác vào 2 đầu nó, không khác nào như đá nam-châm kia rút sắt. Vậy mà hễ ta không cho điển-khí chạy vào nữa, thì tự nhiên cây sắt cong kia hết rút nữa, nghĩa là hễ có điển-khí chạy vào thì nó rút sắt như nam-châm, mà điển-khí hết đi thì nó hết rút như nam-châm nữa. Nếu như ta để miếng sắt thường ở gần một bên đầu cây sắt cong ấy mà không có đụng, rồi hễ ta cho điển-khí vào thì miếng sắt bị hút vô đụng cây sắt cong, ngưng điển-khí đi thì nó rớt dan ra; trong một phân đồng hồ ta có thể làm như thế được nhiều lần lắm. — Nếu ta đổi cây sắt cong kia làm ra một cây sắt cong to lớn hon rồi quấn hai đầu cong nó bằng đây đồng dẫn điển cho thật nhiều vòng hơn nữa, rồi cho điển-khí mạnh chạy vào, thì cái sức rút của nó mạnh lắm, có thể rút nỗi cục sắt to nặng 500 kilos sắp lên. Cái cây sắt cong ấy gọi là *électro-aimant*.

Do luật thuyết nào mà làm ra máy điển-tín? (Principe où repose la construction de télégraphes électriques). — Các máy điển-tín dụng ngày nay cũng đều do theo cái luật điển-châm đã có nói ở trên đấy.

Vậy ta cắt nghĩa sơ cách thiệt dụng cái luật ấy để mà làm ra điển-tín đánh đi nơi xa. Thí dụ như ở tại Saïgon, ta có một cái bình-điển (pile électrique), sợi dây dẫn điển trong bình ấy cho chạy xuống Mytho rồi quấn vào 2 đầu của một cây sắt tinh-anh uốn cong, uốn xong rồi chạy trở về mà chun vô cái bình điển hồi nảy. Điển-khí trong bình-điển ở Saïgon chạy xuống Mytho mà làm cho cây sắt cong ở dưới có nam-châm. Nếu ở dưới Mytho người ta có để sẵn một miếng sắt nhỏ gần bên cây sắt cong ấy, thì thấy miếng sắt nhỏ đó bị rút vào cây sắt cong. — Bây giờ nếu ở trên Saïgon, ta không cho điển trong bình-điển chạy theo dây nữa, thì cây sắt cong ở dưới Mytho không có nam-châm mà

rứt nữa, tức thì miếng sắt nhỏ (có làm dây thiều cho nó chạy lên xuống qua lại được) hết bị rút bèn dan ra, nhờ có cái dây thiều đó. Xem như hình

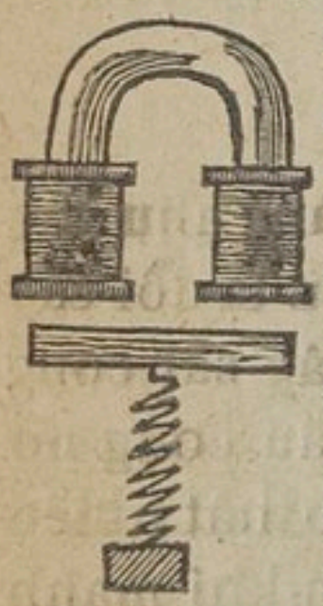

đây. Vậy thì nếu ta cho điển khí ở Saïgon chạy cùng không cho chạy thì miếng sắt nhỏ ở Mytho nó bị rút cùng không bị rút nữa. Người ta lấy cái ý rằng, miếng sắt ấy chạy tới chạy lui mà nghĩ ra cái cách thế đánh dấu để làm điển-tín.

Bây giờ người ta bày ra nhiều thứ máy điển-tín, tuy máy móc để đánh dấu có khác nhau, chớ cũng cứ do theo cái luật điển-châm tạm thời đó mà làm điển-tín. Mỗi nước hoặc mỗi người thợ máy bày ra một cách làm máy điển-tín, nhưng chỉ có mấy thứ máy nầy là thường dùng hơn hết cả: 1° Máy Huê-kỳ của ông *Samuel Morse*; 2° máy có kim của Hồng-mao (Anh-quốc); 3° máy có mặt như mặt đồng-hồ; 4° máy đánh in chữ.

Máy điển-tín Huê-kỳ của ông Morse. — Ông Samuel Morse mới thật là người bày ra điển-tín. Ngày 19 Octobre 1832 ông đi dưới chiếc tàu *Le Sully* mà bày ra được máy ấy, lúc ông ở Pháp mà về Mỹ-quốc.

Máy điển-tín của ông Morse như vầy: Nó có một cái cây sắt cong đôi để làm cây điển-châm (électro-aimant double), gần trên cái cây sắt điển-châm ấy có một miếng sắt để cho cây sắt điển-châm nó hút; miếng sắt ấy liền với một cái cây đòn-cân cong lên như cánh chỏ, ngoài đầu nó có một cây nhọn; giữa cây đòn-cân có một cây cốt chịu để cho nó dễ chồng lên xuống hai đầu. Ngay ở phía trên cái cây nhọn ngoài đầu cây đòn-cân, có làm cho một cái dây băng (ruban) giấy quấn trên cái đồ quấn ở phía trên, chạy xuống đó. Hễ khi nào người ta đánh dây thép thì điển-khí chạy tới mà vào trong cái cây sắt điển-châm làm cho nó rút cái miếng sắt mà kéo xuống, thì cái đòn-cân làm chồng đầu nhọn lên, cây nhọn bèn gõ vào cái sợi dây băn giấy. Ở phía trên cái sợi dây băn người ta có làm một cái ống lăng dính mực, để gần sợi băn, nên mỗi lần cây nhọn gõ sợi băn ấy thì nó đụng cái ống mực, làm cho có lằng mực in xuống sợi băn. Vậy hễ có gõ điển-khí chạy vào cây điển-châm thì đòn-cân mới chồng mà gõ lên tờ giấy băn, còn hết cho điển-khí vào thì đòn-cân chạy xuống mà chừa khoản trống, cứ như vậy mà làm hoài thì thấy có dấu mực in lên sợi băn giấy. Cũng phải nhờ có máy chạy dây thiều làm cho ống dây băn tháo ra mà chạy ngang trên cây nhọn của đòn-cân, mới có đường mực gạch dài theo dây băn được. Máy đó là máy để lấy chữ điển-tín, vậy còn phải có máy gởi chữ điển-tín nữa mới được. máy lấy chữ điển tín kêu là *appareil récepteur*, còn máy để gởi điển-tín kêu là *appareil expéditeur* hay là *manipulateur*.

Máy gởi điển-tín (appareil expéditeur). — Thì là có một cái nút sắt dính ở phía dưới đầu một cái đòn cân sắt; chính giữa đòn cân có cốt để cho nó chồng lên xuống được; ngoài chót đầu kia nơi phía dưới lại có một cái nút nữa. Nhờ có một cây sắt dẽo chịu lên phía đàng đầu hồi nảy là đầu có làm cái tay cầm cây ở trên cái nút để ma cầm gỏ được, nên cái đòn cân ấy vẫn chồng phía đầu ấy lên hoài·

Người ta có ý làm chỏng đầu ấy lên lặng cho cái nút sắt ở dưới nó không lụng với cây đồng để ngay ở dưới nó, vì là cây đồng đó nó ăn liền với 2 sợi dây dẫn điền âm dương của cái bình-điền (pile électrique). Ngay phía dưới đầu kia của đòn cân cũng ó một cây đồng, cây đồng ấy lại ăn liền với cái đòn cân nhờ có một cây cốt, và liền với sợi dây thép mà chạy thẳng qua đến máy lấy điền-tín (appareil récepteur). Vậy hễ người ta cầm cái tay cầm mà gỏ cái nút xuống thì cái nút sắt đụng với miếng đồng ở dưới, làm cho điền-khí trong bình-điền chạy vào nút mà ăn qua dây thép chạy cho đến máy lấy chữ điền; rồi hễ giỡ tay lên thì đòn cân chồng lên, cái nút sắt không đụng dưới nữa thì điền-khí hết chạy vào. Vì nhờ vậy mà nơi máy lấy chữ điền mới ngó thấy cây đòn cân có đầu nhọn khi thì chỏng lên khi hạ xuống mới có gỏ lên sợi dây băn giấy mà in ra dấu. Nếu người ta gỏ mau bên máy gởi điền-tín, thì bên đòn cân gỏ mau, nó in ra dấu cụt, còn hễ bên nây gỏ chậm (lâu một chút) thì bên kia nó in ra dấu dài, làm cho ta thấy sợi băn giấy có dấu khi dài khi cụt, tùy theo dấu của mỗi chữ trong vần A B.

Ví như muốn đánh ra chữ A thì gỏ một cái mau một cái chậm, nó ra dấu trên sợi băn như vầy. —, gỏ chữ N thì một cái chậm một cái mau, nó ra dấu —., vân vân.

Ta biên ra đây mấy thứ dấu đánh dây thép cho độc-giả xem:

.—	—...	—.—.	—..	.	..-.	— —.
A	B	C	D	E	F	G
...	..	.———	—.—	.-..	——	—.
H	I	J	K	L	M	N
— — — .	.——.	— —.—	.—.	...	—	
O	P	Q	R	S	T	
..—	...—	.——	—..—	—.—	—	
U	V	W	X	Y		
— —..						
Z						

Nhà điền-tín Poste de Télégraphe). — Mỗi nhà điền tín đều phải có một máy *gởi điền-tín* và một máy *thâu điền-tín* (manipulateur và récepteur). có máy gởi điền-tín thì tự nhiên phải có *bình-điền* (pile). Lúc bình thường không có đánh dây thép thì cho cái máy gởi với máy thâu trong một nhà điền-tín ấy ăn liền với nhau, cho nên lúc máy gởi nghỉ thì máy thâu của hai nhà điền-tín đều ăn với sợi dây thép luôn. Như vậy hễ có việc chi thì một nhà nầy chỉ đánh cái máy gởi thì cái máy thâu cùng là chuông điền ở nhà kia bèn chạy liền.

Máy điền-tín ta kể đó là máy thường dùng hơn nết thảy. Còn máy có kim để chỉ của Ăn-lê và máy có mặt như mặt đồng-hồ đều là máy khó dùng, bởi dùng không được tiện lắm nên ít ai dùng tới mà gởi điền-tín. Vậy ta cũng không cần nói ra đây cho dài.

Máy điền-tín của ông *Baudot* bày thì có ích nhiều vì có thế đánh một lược nhiều cái điền-tín được, mà chỉ dùng có một sợi dây thép mà thôi. Nhưng vậy mà vì máy ấy có nhiều máy móc khó cắt nghĩa ra đây cho rõ đặng. Còn thứ máy *Hughes* là máy in chữ lại tiện dùng nữa, là vì nó đánh ngay ra chữ đọc được liền.

Vậy ta cũng nói sơ lược ra đây: Máy ấy có làm sẵn mấy chữ trong vần A B, mỗi chữ đều có một chỗ đánh (touche) cũng như máy đánh chữ in (machine à écrire) vậy. Người

đánh dây thép chỉ lấy ngón tay mà đánh nơi chữ nào thì điển-khí trong bình-điển ăn vào mà chạy qua tới cái máy thâu điển-tín mà in chữ ấy lên sợi dây băn giấy ; sợi dây đó nhờ có máy tháo ra luôn luôn, nên chữ đánh thành ra sấp kế-kế nhau, dễ đọc ra. Máy đó của ông bác-sỉ Hughes người nước Huê-kỳ bày ra, bên Mỹ-quốc, bên Âu-châu ngày nay hay dùng máy ấy lắm. Bên ta cũng có dùng máy ấy vậy.

ĐÔNG-PHÁP THỜI-SỰ

SAIGON

Giải lên tòa

Nguyen-van-Manh kêu là Tu-Manh, 32 tuổi, nhà ở đàng Dariès, vừa rồi chẳng rõ vì xích mích chuyện gì mà đến nỗi hành hung đánh tên Tran-van-Quoi, ở tớ cho nhà người, bị phải vít tích.

Lập tức giải Manh lên tòa để chờ ngày nghị xét.

***

CHOLON

Lãnh tiền trước

Cô Nguyen-thi-Sam, 30 tuổi, buôn bán vặt ở đàng Bd Galliéni gần lối nhà thờ, mới rồi đây bị con tớ ở của cô ta tên Mai-van-Thân, 18 tuổi nó quỉ quyệt gian xảo quá, nó lãnh tiền trước của cô hết 40 đồng, rồi nó làm bộ ở có mấy ngày kế thừa lúc cô đi vắng bèn cuống gói dĩ-đào vi-thượng. Phải vậy mà thôi sao, nó lại còn giựt tước hết 5 đồng bạc, ấy là tiền của cô trao cho nó đặng đi chợ.

Cái thằng coi thì còn nhỏ mà dữ-dằn quá chớ phải chơi ! Bị nhảy vào khám bây giờ đa bậu !

***

Hát khan tiếng rồi

Cô Truong-thi-Nga, 32 tuổi, quản-lý gánh hát bộ Annam tại Đinh-hòa (Xóm-củi) vừa rồi bị con hát của cô là Pham-van-Hung, 22 tuổi, bỏ gánh trốn đi. Vã tên kép hát nầy có lãnh trước của chủ hết một số bạc 50 đồng, chớ phải không sao ! Đây chắc là chàng ta hát lâu quá rồi khan tiếng đa.

Gương luân lý

Gương có nhơn

Chuyện tên Eugène

Gần xứ Amboise có một tên nhà nghèo chết để lại một người vợ với bốn đứa con còn nhỏ tuổi ; vì nhà nghèo khổ thiếu thốn, chẳng bao lâu người vợ cũng chết theo chồng.

Bà con người ấy thấy vậy đến chia mỗi 3 đứa lớn về mà nuôi, nhưng chẳng ai chịu đem đứa út mới nên 6 tháng về mà nuôi dưỡng. Trong mấy người đó có một người bèn đến ra mắt ông cha mà hỏi ý thể nào, vì ông cha đó cũng có nuôi 2 đứa nhỏ.

Ông cha nói chỉ có thế đem nó vào nhà mồ-côi ở thành Blois hoặc ở nhà phước tại Tours mà gởi nó thì tiện hơn ; nhưng lúc ấy có người học trò tuổi mới 12 vùng nói lên rằng: «Thôi để tôi lo nuôi đứa nhỏ ấy cho ; đâu đi xem thử đứa nhỏ coi thể nào.»

Ông thầy (ông cha) cải lại, muốn thử nó, bèn nói nó đâu có đủ sức mà chịu tốn hao nuôi dưỡng đứa nhỏ, vì cha nó đã có chịu nuôi dưỡng săn sóc nhiều đứa con nhà nghèo rồi.

Tên Eugène bèn trả lời ngay rằng : «Ủa ! thầy nói vậy sao phải. Vã chăng người làm ruộng nầy lấy lòng tin cậy mà đến hỏi ý thầy, mà người thì xem thế nuôi lấy gia quyến còn không muốn xuể, lại đủ sức lo trong cơn nghèo khổ mà nuôi thêm một đứa mồ-côi vô phước kia thay, huống chi tôi là con nhà giàu có lẽ đâu không nuôi nổi đứa nhỏ kia. Thôi thì tôi cũng chịu nhịn ăn bánh ăn hàng, nhịn chơi bời mà để dành tiền nuôi đứa nhỏ đó, không lẽ cha tôi thấy vậy mà chẳng phụ giúp với tôi. Vậy thì hãy mau mau đi ủi an cái gia quyến vô phước ấy.

Nói rồi ai nấy đến chòi trẻ mồ-côi. Đứa nhỏ đưa tay đòi tên học trò có nhơn, tên học trò bèn bồng lên mà hun hít và nói với mấy người bà con kia rằng : «Xin mấy người chớ lo buồn vì đứa nhỏ nầy nữa ; để cho tôi lo, tôi nuôi dưỡng nó cho. Vậy mấy người hãy đi kiếm giùm một người vú tốt ở đâu cho được gần đài đây, đặng cho tôi gần gủi để thăm nom nuôi dưỡng.»

Từ ấy đến sau, thật tên Eugène nhịn việc xài phí chơi bời, để tiền mà nuôi dưỡng đứa nhỏ, đến lớn lại cho nó học hành đủ sức mà làm việc chi độ.

Chuyện áo sơ-mi mới

Ở tại thành Bordeaux có ông Giám-mục thật là một người rất là nhơn đức trong đời ; ông thường hay bố thí chẳng kể chẳng tiếc chi cả, tuôn hết của nhà ma bố thí cũng chưa vừa lòng, mà mình thì chẳng sắm chẳng dành vật chi, chỉ ăn mặc đồ củ rách mà thôi. Những bộ hạ trong nhà hết sức nói, ông cũng chẳng chịu sắm ăn sắm mặc cho nhiều. Trong mình đã gần hết đồ thay đổi, có ai biểu ông mua cái khác mà thay, thì ông cứ

nói : « Ử, ừ, để thủng thẳng rồi tôi sẽ sắm. »

Có Bà-phước thấy vậy mới tính ra một kế, bèn thưa với ông rằng: «Thưa, còn tôi đây, tôi cũng muốn làm phước như ông vậy. » Ông hỏi : « À phải đa! mà con làm phước cho ai ? Nếu có người, thì ta cũng sẵn lòng cho mà làm phước. »

« — Dạ con muốn xin phép ông để thừa mấy lúc rãnh con may ít cái áo sơ-mi cho một ông già nghèo kia cần dùng gấp lắm, con tưởng ông sẵn lòng chiu giúp vãi cho con may, thì cái làm phước đó phải lắm ; vã lại ông già đó thật đáng ông thương mà làm phước lắm ; người chỉ còn cậy nhờ có một mình ông nữa mà thôi. »

Ông Giám-mục nghe giứt lời bèn nói: «Ta sẵn lòng lắm mà! Đây nè! 200 quan tiền đây lấy đi mua vải, ta còn có bây nhiêu đó thôi. Vậy con lấy đi mà mua áo cho ông già đo ; còn như ồng có cần dùng chi nữa thì nói cho ta hay, đừng ngại chi cả.»

Nhờ vậy mà ông mới có áo sơ-mi mới mà bận.

Chuyện người gánh nước mướn

Có một người đờn bà nhơn đức kia nhà thì nghèo, có ba đứa con, chồng đi gánh nước mướn mỗi ngày kiếm được chừng một hai quan tiền Tây mà xây xài. Đã vậy lại còn nuôi thêm một người đờn bà góa nghèo nàn đến xin ở đậu đó nữa. Bữa kia người vợ anh gánh nước mướn đến nhà một ông Cha-sở mà xin làm phước cho người đờn bà, ấy vì người ấy tật nguyền không làm chi mà độ nhựt được. Ông Cha mới hỏi:

— Người đờn bà ấy bây giờ ở đâu?

— Dạ ở nhà chúng con.

— Từ hồi nào tới nay?

— Dạ, đã mười tháng rồi, nay bước qua mười một tháng.

— Rồi mỗi tháng hay mỗi ngày người ấy trả cho vợ chồng con bao nhiêu ?

—Thưa Cha, không có trả chi hết.

— Ủa, sao vậy?

— Vì người ấy nghèo lắm, ở ăn với chúng con mà thôi.

— Mấy con nghèo mà nuôi người vậy chịu sao nỗi? Mà người ấy có hứa ngày sau đền trả chi chăng?

— Dạ người ấy chỉ khẩn cầu hoài thôi.

— Chồng của con có nói gì chăng?

— Dạ, chồng con hiền lắm, chẳng nói chi cả.

— Chồng con có hay đi chơi bời rượu trà chăng?

— Dạ, chồng con chỉ chăm lo làm lụng mà nuôi vợ con, có ở chẳng hề chơi bời đâu cả.

— Người đờn bà đó ở đã mười tháng. thiệt lâu quá.

— Khi trước người đó bơ vơ ngoài lộ không nơi đùm đậu, nên xin tá túc nơi nhà con chừng đôi ba ngày, vợ chồng con thấy vậy cũng thương nên không nỡ đuổi xua

— Mà nhà con ở có mấy phòng?

— Dạ có hai phòng.

— Con mướn bao nhiêu?

— Dạ, 120 quan một năm ; mới đây họ tăng thêm 20 quan nữa, thành ra mỗi ngày là bốn tiền.

— Mà tưởng khi con xin cứu giúp cho con phải chăng?

— Dạ con không xin chi cả, vợ chồng con còn sống ngày nào, còn

làm việc được mà nuôi thân thì chẳng hề xin xỏ của ai mà phải bổ thẹn cùng người.

— Đây con, mười quan đây cha cho.

— Như vậy thì bà góa Fétrel kia chắc là mừng lắm.

Người đờn bà nhơn đức ấy rất mừng mà khóc, vì thương kẻ khó được may. Ông Cha bèn biểu người về nói với bà góa kia hãy làm đơn xin vào nhà thương rồi giao đơn cho ngài lo việc cho.

Sau người đờn bà góa ấy được vào nhà thương mà ở.

Đáng khen thay! nhà đã nghèo mà phần nào lo nuôi con, phần nào làm nhơn làm phước, được như vậy mới thật là nhà nhơn đức,

---

Chuyện bà góa Vignon

(Năm 1822)

Bà Vignon ở thành Bordeaux chuyên nghề chải lông nĩ mà độ thân. Bà có một người chị em bạn cũng góa chồng mà lại tật nguyền không thế làm ăn nuôi thân được, phải nhờ bà Vignon giúp đỡ. Khi ấy ở Bordeaux bà không đủ sức làm ăn khá mà kiếm tiền nuôi lấy hai mạng, nên tính lên thành Paris là quê hương mình, sẵn có bà con phụ đỡ mà dễ mần ăn hơn. Tính vậy ngặc mình nghèo tiền đâu cho đủ mà làm lộ phí đi đường cho mình với người chị em bạn. Bèn bán hết những bàn ghế của mình còn sót lại mà mua một cái xe như xe bò, đặng tính lần mò đi bộ, và chở người chị em bạn mà kéo đi, vì người ấy không thế đi như mình được.

Tính xong mới mua xe mà chở người bạn, rồi ráng sức lực đờn bà mà kéo đi lần hồi thành nầy qua thành kia làng kia qua làng nọ, chịu nhọc chịu khổ trăm bề, vì đường sá gập ghình đá sỏi, lại phải khi mưa nắng bảo bùng.

Ngày kia đi đến thàng Angoulême, xe phải mắc bùn lầy, ba góa Vignon hết sức kéo xe mệt đà thở dốc, trong thành thiên hạ lại qua ai thấy cũng đều thảm thương, nhưng chẳng có một ai ra sức giúp giùm. Vừa đâu khi ấy có một bà nhơn đức (ấy là bà Jumilnac phu nhơn) thấy vậy xót thương mới lại hỏi thăm căn do tự sự. Bà rõ được sự tình lấy làm thương quá, bèn trút vàng bạc của bà đi góp nhóp xin của mấy người nhơn đức mà cho hai chị em người nghèo ấy. Bà lại đến cầu xin với ông phủ sở lại mà giúp đỡ cho giấy đi đường cùng là tiền sở phí. Nhờ vậy cho nên bà góa ấy mới đi được lên tới thành Paris cùng người bạn.

Về đến Paris hai chị em bèn ở chung một căn nhà nhỏ; lần lần công việc mần đến, bà góa Vignon siêng năng làm lụng mà nuôi chung hai mạnh. Người chị bạn mỗi ngày đều cầu chúc cho bạn mình mạnh giỏi làm ăn khá. Người ấy tuy lớn tuổi hơn bà góa Vignon, nhưng lắm khi hay gọi bà Vignon là mẹ nuôi của mình.

Chuyện người vú

Có một người vú kia ở trong làng gần thành Besançon, có nuôi mướn một đứa nhỏ cho một người thương gia ở trong thành. Đến ngày mãn phải trả con lại cho cha mẹ nó thì

người vú ấy thương khóc vô hồi, vì nuôi dưỡng đứa nhỏ bấy lâu nên triếu mến nó lắm, mà không nỡ rời, tưởng như là con ruột của mình vậy

Chẳng bao lâu cha mẹ đứa nhỏ ấy, buôn bán lỗ to, thành ra nợ nần nhiều quá, mà nghèo khổ, người cha đứa nhỏ lén bỏ vợ con mà trốn đi mất. Người vú hay tin bèn chạy ra ngoài thành tìm kiếm đứa nhỏ thấy bỏ nó đói khát rách rưới rất thảm thương, bèn bồng mà nưng niêu hun hít một hồi rồi đêm về mà nuôi dưỡng, vợ chồng làm lụng mà lo săn sóc nuôi nó cho đến lớn khôn.

Gương có nghĩa

Chuyện con tớ hầu (tỉ-tất)

Có một người bá-hộ kia phải mắc vận bỉ mà suy sụp, của cải gần hết, nên phải ăn ở rất cần-kiệm. Ngày kia người nói với vợ rằng: « Nay ta vận suy, việc ăn xài phải kém bớt, ta không thế sắm ăn sắm mặc như trước nữa; vậy thì mụ cũng nên bắt chước ta mà cần kiệm. Bây giờ mụ còn một đứa tỉ-tất, ta xin mụ chịu khó cùng ta, thôi đừng mướn nữa; ấy là sự cần, ta cũng đau lòng mà xin mụ chịu khó vậy, nhưng nếu mụ nghe lời thì may cho ta lắm.»

Tuy người vợ mà lìa đứa hầu ra thật cũng đau đớn lòng lắm, nhưng gặp cảnh vầy cũng phải chịu vâng theo. Bèn kêu đứa hầu lên mà tỏ ý cho nó biết và cũng nói thiệt tình mình rời ra thì lòng cũng xót lắm. Đứa hầu nghe bèn bẩm: «Thưa bà, bà cũng rõ con biết chút nữ-công; không lẽ con ở lại cùng bà mà con dùng cái nghề của con chẳng đủ sở phí nuôi thân. Xin bà cho phép con ở lại hầu bà, con chẳng ăn tiền gạo chi, miễn được gần bà cũng là mãn nguyện của con.» Nói rồi thì hai chủ tớ đều khóc òa với nhau.

Một lát kế sai trẻ dọn cơm. Ông chủ nhà khi nghe biết chuyện tớ thầy thầy nói chuyện khi nảy, bèn vô phòng ăn mà biểu dọn thêm một dĩa ăn nữa. Người vợ bèn hỏi: « — Thế, ông có mời ai đó sao ?»

« — Không; mụ hãy kêu đứa hầu của mụ lên đi.»

Khi kêu đứa hầu lên rồi, người chủ bèn nắm tay nó mà nói: — « Nầy con ông thấy con có tánh tình cao thượng, hay xót động tâm cang, nên ta muốn cho con theo mà làm bằng hữu: vậy con hãy ngồi nơi bên vợ chồng ta đây mà ăn cơm, và từ rày sấp lên con cũng cứ việc ngồi đồng bàn với ta.»

Chuyện tên tớ Guénissel

Ở thành Marseille có tên lái-buôn là Antoine Magi, vì lúc loạn-li mà buôn bán lỗ to. Còn dư lại bao nhiêu của cải, người tin cậy nơi chánh-phủ, thấy hòa-ước ký xong, bèn đem hết của cải xuống tàu mà đi buôn. Chẳng may giặc có lại, tàu người phải bị quân ăn-cướp biển Ăn-lê đoạt thâu hết cả, người phải mất của cải sạch trơn, bèn trở lại Paris với 2 vợ chồng đứa ở là Guénisset, mà xin cùng chánh-phủ trả phần tiền sở tổn, nhưng mà xin chẳng đặng.

Từ ấy người chỉ nhờ có vợ chồng đứa tớ trung cấp dưỡng mà thôi. Nó thấy chủ mắc nạn, suy vi lại càng

động lòng thương mến mà triếu hơn xưa nữa, có ý làm cho chủ dầu không phục ng iệp, cũng đở sự đắng cay khổ sở. Ng ời chồng xin làm được một sở trong nhà thờ, mỗi tháng kiếm được mươi lăm quan tiền đem về mà để ở nhà. Còn người vợ thì kiếm nơi may mướn, vợ chồng hiệp của lại mà nuôi người chủ trong buổi khốn nạn nầy. Cách 20 năm sau người vợ mãn phần, còn một mình tên Guénisset lo nuôi người chủ mà thôi. Lúc rãnh việc nhà thờ thì đi làm mướn ăn công. Sau vì phải một lúc đau mà mất chỗ mần, chỉ còn một việc làm mướn ăn công mà nuôi chủ nuôi thân. Vì lòng có nghĩa nên trời phù hộ cho anh ta còn đủ sức mạnh mà làm việc nuôi chủ cho đến chủ mãn phần mà không thiếu thốn đói rách chi.

Thật là một tên nghĩa bộc trên đời ít có, đáng soi gương cho hậu thế noi theo

ĐÔNG-PHÁP THỜI-SỰ

SAIGON

Mất đồ khá quá !

M. Lê-văn-Du, làm ký-lục, song biện nay không có làm việc nơi đâu cả, nhà ở tại đàng Testard số 117; vừa rồi bị thim Do thi-Tien, 33 tuổi, không có làm nghề nghiệp gì, nhà ở tại đàng Chasseloup-Laubat, đến ăn cắp của thầy hết một mớ quần áo giá đáng 12 $ 80, qui nhứt là thim ta lại còn chọt thêm 3 chiếc nhẫn nhận hột xoàng giá đáng 150 đồng bạc,

Cái mất nầy cũng là khá quá !

Ủa, mà sao trên vậy mà dưới nầy lại vậy ! Do-thi-Tien lại đến bót cớ rằng thầy Lê-v-Du đoạt của thím hết một sợi dây chiền vàng.

Lạ quá ! Lạ quá !

***

Mất xe-máy

Nguyên-van-Loi, làm bồi nhà ở tại đàng Catinat số 71, mới rồi bị quân nào không rõ, lỏn đến giựt tước cái xe-máy hiệu « Dainty » số 3784, giá 35 đồng mà cỡi ra đi mất.

Nguyên van-Loi, mất của, làm gì cho khỏi túc giận, song biết làm sao bây giờ, thì có một lẽ là đi ngay lại cớ bót cho xong, may coi có nhờ sứ quân lính tìm kiếm lại giùm được cùng chăng vậy thôi.

Xui quá ! Rủi quá !

Sưu xuất tân kỳ

Hai chiếc chiến thuyền mới của Pháp-quốc

«Duguay-Trouin» và «Duquesne»

Nước Pháp có đóng rồi hai chiếc chiến thuyền mới là chiếc *Duguay-Trouin* trọng tải 8000 tấn và chiếc *Duquesne* trọng tải 10.000.

Chiếc *Duguay-Trouin* dài 181 m.60, rộng 17 m 20, sâu xuống nước 4 m 70, máy mạnh đến 10 muôn mả-lực! Xưa nay những tàu chiến to, trọng tải đến 23 ngàn tấn mà sức mạnh chỉ có đến 8 muôn mả-lực là cùng, mà chiếc tàu nầy có 8 ngàn tấn ma sức mạnh đến 10 muôn mả-lực.

Chiếc Duguay-Trouin cũng như kiểu mấy chiếc *Primauguet* và *La Motte-Picquet* kiểu đóng khéo léo lịch-sự mà chạy mau, chịu với sức sóng rất giỏi. Lại các nhà bác-sĩ tìm phương rất tân nhiệm mà đặt vô-tuyến-điện cùng tàu chở chứa phi-toàn khi bay khi đáp trên tàu.

Tàu nầy dầu lúc thái-bình, dầu cơn binh-cách cũng đều hữu ích cho nước nhà nhiều lắm: lúc có giặc thì coi việc thám thính, rọi sáng cho đoàn tàu đi rượt bắn phá tàu nghịch, chở quân binh mau mắn, bảo hộ đường tàu buôn; lúc thái-bình, nhờ sức chạy mau, nhờ sức chở nặng của nó, thì có tiện dụng để mà chở chuyên nhiều công việc cần kiếp trong nước.

Chiếc tàu *Duquesne* đóng tại xưởng Lorient, dài 191 thước, phía trước có một cột bườm 3 chưn, phía sau một cột, giữa có hai ống khói, một cái máy chở thuyền con lên tàu chạy điển-khí và 4 cái chuồn cu chứa 8 cây đại-bác thần công 203 ly. Tàu lại còn chở thêm 8 cây ca-nông 75, 8 cây ca-nông 37 để bắn pai-thoàn, 2 ống bắn thủy-lôi 550 và một chỗ để phi-thoàn bay ra. Có 8 cái nồi nấu nước sôi có ống nhỏ. Máy móc cả thảy đều chạy bằng ống quây turbines, sức mạnh đến 13 muôn mả-lực, có 4 chơn-vịt.

Sức chay mau của nó định trước là 34 gúc mỗi giờ. Tàu nầy đã đẩy xong hôm ngày 17 Décembre năm rồi, nay còn đương sắp đặt và ráp máy. Dưới tàu lại có đặt máy làm nước đá, có phòng lạnh để chứa thịt, có phòng nấu ăn chạy điển-khí, có may gọt khoai, máy rửa bát dĩa, có phòng dưỡng bịnh, phòng mổ xẻ vân vân.

Lúc đầy chiếc tàu nầy xuống phải tốn một muôn kilos mỡ bò, 600 kilos dầu và 500 kilos xà-bong mềm.

4e ANNÉE — Nº 156 — 28 OCTOBRE 1926

KHOA HỌC TẠP CHÍ

COMITÉ DE RÉDACTION :

1º — M. BUI QUANG-CHIÊU, *Ingénieur Agronome, Inspecteur des Services Agricoles.*
2º — M. LÂM-VĂN-HUÊ, *Commis indigène des Services Civils.*
3º — M. LƯƠNG-VĂN-MỸ, *Ancien Élève diplômé de l'Ecole des Arts et Métiers Angers Chef de Subdivision des Travaux Publics à Cholon.*
4º — M. LƯU-VĂN-LANG, *Ingénieur des Arts et Manufactures, Ingénieur Principal des Travaux Publics.*
5º — M. NGUYỄN KHẮC-TRƯỜNG, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole de Tissage de Lyon*
6º — M. NGUYỄN-VĂN-DỤNG, *Vétérinaire auxiliaire.*
7º — M. NGUYỄN-VĂN-THINH, *Docteur en médecine, ancien Interne des Hôpitaux de Paris.*
8º — M. NGUYỄN-VĂN-XUÂN, *Ancien Elève de l'Ecole Polytechnique, Capitaine d'Artillerie Coloniale.*
9º — M. TRẦN VĂN-NHIỀU, *Ancien Elève diplômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Paris.*
10º — M. TRẦN-QUANG NGHIÊM, *Commerçant, rue d'Espagne, Saigon.*
11º — M. TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Docteur en médecine.*
12º — M. TRẦN-VĂN-TỶ, *Ancien Elève breveté de l'Ecole Coloniale.*

DIRECTEUR-GÉRANT : Dr TRẦN-VĂN-ĐÔN
37, rue Philippini, Saigon.

ABONNEMENTS :

Pour l'Indochine et la France.		Pour l'étranger.	
Un an.....	6$00	Un an.....	7$00
Six mois.....	3,00		

MỤC LỤC

Bá nghệ lược giải (nghề điền khí) 2738
Thiệt hành bác học (điển-tín và vô tuyến điển) (le télégraphe et la télégraphie sans fil) 2741
Tạo hóa kỳ quan (nº 6) (nói dầu lửa) (le pétrol)..... 2745
Văn chương nôm (nhị độ mai chú giãi) (nº 19)..... 2747
Gương luân lý (nº1) (gương thủ tín). 2751

Bá nghệ lược giải

Nghề điển khí

Ở kỷ thứ 20 nầy, trong các công nghệ có máy móc đều dùng sức điển-khí mà thế cho sức hơi nước, vì nó đã tiện mau, lại sạch sẽ và ít tốn hao hơn là dùng máy chạy hơi nước. Bởi vậy cho nên nay mới có nảy ra thêm nghề làm điển-khí rất là thịnh hành, nước nào cũng đều có, mà nhứt là mấy xứ có núi non cao, suối nước đổ nhiều, hoặc có thác nước mạnh, như Huê-kỳ.

Bởi nghề làm điển-khí là một nghề rất hữu ích ngày nay, nên chúng ta cũng nên biết sơ những cách nào làm ra cho có điển-khí! Vậy những điển-khí của người ta dùng mà thắp đèn, đánh vô tuyến-điển-tín cùng dây thép nói, hoặc để mà cho máy móc chạy, cho xe điển đi, vân vân, là điển-khí làm ra bởi ba cách nầy :

1° Dùng bình điển (pile électrique de Volta);

2° Dùng máy trử-điển (accumulateur);

3° Dùng máy magnéto và dynamo-điển.

Bình điển la cách dùng hồi lúc ban sơ, chưa bày ra được máy điển-khí như bây giờ. Sức điển của nó yếu lắm cho nên dùng lâu không được và dùng thi chỉ để thắp đèn thường ít ít ở trong nhà mà thôi.

Máy trử điển hay là chứa điển là để dành trong khi máy chạy điển chết đi hoặc không có chạy được thì nhờ có điển để dành của nó chạy ra mà cho đèn cháy.

Máy điển magneto dùng bằng sắt nam-châm, chạy sanh được hai thứ điển (courants continus và courants alternatifs). Máy nầy cũng ít ai dùng.

Còn máy điển dynamo là máy người ta thường dùng hơn hết. Máy nầy dùng sắt điển-châm (électro-aimants) mà cho chạy cũng sanh được hai thứ điển. Máy nầy hoặc làm từ khóm hoặc để cho chuyền nhau. Nó sanh ra điển-khí mạnh lắm, để dùng mà thắp đèn và cho các thứ máy khác chạy.

Máy dynamo phải nhờ có sức khác làm cho nó quây nó mới chạy mà sanh ra điển-khí; vậy thì cái sức kia phải nhờ có máy khác nữa chạy quây cho đủ sức

mạnh mà chuyền cái sức động của nó cho dynamo quây thật mau thì nó sanh ra sức điển. Vậy máy làm ra sức động đó người ta dùng hoặc máy chạy hơi nước, hoặc máy chạy hơi dầu săn, hơi khí thắp đèn, hơi khí ép, hoặc sức gió thổi, sức nước suối, nước thác đổ, vân vân. Bây giờ ở các xứ núi non có thác nước đổ mạnh thường hay có những nhà máy điển chạy bằng sức nước đổ.

Máy điển-khí dầu làm thế nào cũng phải có dây đồng dây thép để chuyền cho sức điển-khí chạy đi từ trong máy cho tới chỗ dùng nó, hoặc là thắp đèn hoặc là cho chạy máy dynamo khác mà lấy sức máy quây cho các thứ máy khác chạy nữa. Những dây dẫn điển ấy gọi là *conducteurs*. Kể chung một khóm dây dẫn điển chánh hoặc phụ để cho cháy đèn cùng là máy chạy thì gọi là *canalisation* hoặc là *réseau*. Dây dẫn điển thường làm bằng dây đồng vì nó nhạy điển hơn dây sắt đến 6 lần. Muốn bao dây dẫn điển cho khỏi đụng cùng các vật chi khác mà truyền sức điển thì người ta bao nó bằng bông vãi, bằng tơ hoặc bằng mủ thun. Bao như vậy rồi quấn chùm nhau thì làm ra dây luộc dẫn điển *(câbles conducteurs)* phải đựng nó trong ống mà chôn dưới đất cho đi tới chỗ nầy chỗ kia.

Muốn cho điển chạy đều không hư hại chỗ nào thì phải có dùng máy kêu là *marche* và *sûreté*, để cho điển chạy hoặc ngừng, để cho nó chạy phía nầy hoặc nơi kia, để mà liệu chừng cho nó chạy có mực mạnh cùng yếu và ngừa cho dây khỏi bị cháy. Những máy marche là *interrupteurs, commutateurs* và *resistances*, đều dùng bằng tày; còn máy sûreté thì có máy ngưng-điển *(coupe-circuits)* và thâu-lôi-thiên *(paratonnrere)*.

Cái *interrupteur* là đồ để mà vặn cho điển-khí chạy qua dây, hoặc ngừng đi không qua nữa được: ấy là cái đồ để vặn cho đèn cháy hoặc tắc.

Cái *commutateurs* thì để mà đổi cái đường điển-khí đi nơi nầy qua nơi khác hoặc dây nầy qua dây kia tùy ý.

Cái *résistances* là thứ dây đồng quấn như ruột gà để nối hai đầu qua 2 sợi dây điển mà làm cho sức điển chạy vừa đủ cho mấy ngọn đèn phải dùng.

Cái *coupe-circuits* là một thứ

hộp nhỏ bằng kiểu, có nấp trong nấp có chỗ để nối 2 sợi dây chì mà nối liền 2 sợi dây điển, để phòng khi điển có chạy mạnh quá thì chì nóng chảy đi, điển không chạy qua dây đồng nữa được mà cháy xì lên thành ra hỏa hoạn.

Đời bây giờ nghề điển-khí rất thịnh, bởi ai ai cũng đều dùng, đều mướn sức điển để mà thắp đèn, cho nên mới có hảng lập ra xưởng máy điển-khí ở các nơi thành phố đông đảo để mà cho thiên hạ mướn sức điển. Vì vậy mới có bày ra cái máy đếm sức điển cho mướn kêu là cái *compteur*. Mỗi tháng có người đọc số chỉ sức điển của người mướn dùng được bao nhiêu mà tính tiền.

Sức điển-khí là một cái sức lạ vô hình, có ích nhiều lắm cho nên nay các nhà máy, cùng ở dưới tàu lớn sẵn có hơi nước, hơi dầu chạy máy mà làm luôn máy điển để thắp đèn cùng dùng trong các công chuyện khác ở dưới tàu. Bên các nước văn minh, trên xe lửa bây giờ cũng thắp bằng đèn điển chớ ít dùng đèn dầu như bên xứ ta vậy. Điển ấy hoặc là ở trong máy chứa-điển đem theo xe, hoặc là, ở trong máy dynamo để sẵn trên xe mà chạy bằng hơi nước.

Nghề điển-khí dùng trong việc điển-tín, điển-thinh, vô tuyến-điển cùng đèn điển có nói nơi bài *Thiệt hành-bác học*, vậy nay không nói lại chi nữa.

(Sau sẽ nói qua nghề mạ vàng bạc).

THANH-TÂN.

Thiệt hành bác học

Điển-tín và vô tuyến-điển *(tiếp theo)*

(Le télégraphe et la télégraphie sans fil)

Đường dây thép (*Lignes télégraphiques*). — Chúng ta đã biết những máy móc để gởi và thâu điển-tín, vậy bây giờ ta hãy nói qua những đường dây thép để cho điển-tín đi. Người ta dùng dây sắt tròn, to chừng 3, 4 ly chạy từ nhà điển-tín gởi cho đến nhà thâu điển-tín Ra khỏi nhà nó khởi đi thì dọc đường phải có những cột để đỡ chịu nó lên. Cột chịu dây thép hồi trước làm bằng cột cây, sau làm bằng cột sắt, bây giờ người ta hay dùng cột bằng xi-măn đúc hơn. Người ta dựng cột cách khoảng xa nhau chừng 7, 8 chục thước là nhiều, cột cao chừng 7, 8 thước tây. Cột làm thế nào, thì cái chỗ dây thép đeo vô cũng phải có làm một cái đồ ngăn nó cho đừng đụng với cột dây thép mà phải rút điển đi xuống đất hết. Cái đồ ngăn điển đó làm bằng kiểu (porcelaine) hình khum như cái chuông nhỏ, giống-giống như cái bình-tích nước, để cho sợi dây thép lòn vào trong cái lỗ nó mà đi, không đụng với cột được. Còn cái đồ ngăn đó có chỗ để vặn cho mắc, dính với cột dây thép.

Người ta sợ dây thép nó dùn lại mà thòng xuống thấp nên cách một đỗi xa xa, nơi cột dây thép có làm một cái đồ để quây dây vô như đồ vặn dây thiều vậy, nhờ có chìa khóa mà vặn nó cho dây quấn vô thì tự nhiên nó thẳng Chỗ mối dây quấn cũng có đồ làm cho 2 sợi dây nối đều liền nhau.

Đường dây thép dưới đất (*Ligne télégraphique souterraine*). — Làm đường dây thép trên không thường khi hay bị đứt vì nổi dông gió bảo tố, hoặc bị cây cối ngã đè, cho nên người ta lại làm dây thép cho chạy ở dưới đất nữa. Dây ấy làm bằng đồng ngoài có bao một lớp cao-su và lại quấn thêm kẽm sắt mà bao nữa thiệt chặc, rồi chôn dây đó xuống đất, thường khi chôn dài theo đường rầy xe-lửa. Các nước bên Âu-châu, như nước A-lơ-manh, nước Ăn-lơ-te, nước Phơ-răn (Pháp-quốc) hay dùng cách ấy. Đường dây thép từ Paris xuống Marseille làm như vầy từ hồi năm 1884 đến bây giờ.

Đường dây thép dưới biển (*Ligne télégraphique sous-marine*). — Hồi trước hễ hết đất liền gặp biển thì phải nước-nôi sóng-gió cản trở, người ta không thông-tin nhau được. Đến sau người ta tìm kiếm hết cách mới thấy cái chất mũ kêu là *gutta percha* ở bên xứ Malaisie để dùng mà bao dây thép thả xuống nước biển đi nước nầy qua nước kia mà chẳng có sao cả. Người ta bèn thiệt dụng nó để mà bao dây thép biển. Lần đầu hết người ta khai trương đường dây thép biển từ thành Douvres qua Calais, chạy ngang qua eo biển Manche. nhằm ngày 13 Novembre 1851. Sợi dây dẫn điển làm bằng dây đồng cho nó dẽo diệu mà lại chắc. Bốn sợi dây đồng đựng trong bao làm bằng gutta-percha, bao kín

hết cả 4 sợi, mỗi sợi lại có một lớp dây gai bao ngoài, rồi chấm vô dầu hắc trộn với mở bò ; ở ngoài 4 sợi dây đồng đó lại bao thêm một lớp dây gai nữa mà làm cái vỏ, rồi ở ngoài vỏ lại có dây sắt bao quấn thật mạnh. Nước vẫn là một vật nhạy dẫn điển, nhờ có một lớp gutta-percha là vật không dẫn điển nó bao dây đồng mà ngăn với nước. Đường dây thép từ Douvres qua Calais có 30 ngàn thước; sợi dây ấy to có 3 phân tây mà nặng tính cả thảy 180 ngàn kilos.

Để dây thép xuống đáy biển thật là một việc rất khó khăn thứ nhứt, phải có thợ giỏi, bạn tàu hay mới khéo để, không thì nó phải đứt hoài, mà tốn hao cả triệu bạc. Dây thép để khoanh dưới lường tàu, khi thả thì cho nó lên lần trên sân tàu mà quấn vô một cái ống cây to (như ống chỉ) rồi tàu chạy đến đâu thì thả lần cho nó tháo đến đó, cứ tháo hoài cho đến chốn. Tuy nói dễ như vậy chớ việc làm thì khó lắm, nếu không tài thì sóng đánh tàu đổi lên cũng đủ đứt dây, hoặc khi nhằm rơi biển sâu quá, thả dây thòng rất sâu mà không có chỗ dựa thành ra nó nặng quá cũng phải đứt nữa. Lắm khi cũng vì sóng đánh quá làm cho dây vận quấn, vặn nó đứt lìa nhau nữa.

Nghề làm dây thép biển thấy chẳng bao lâu mà tấn bộ quá; các nước liệc cường trong hoàn-cầu từ khi chưa có vô tuyến-điện ngày nay, thì đều được thông nhau nhờ có dây thép biển.

Ngày nay có hơn mười mấy đường dây thép biển chạy từ Âu-châu qua Mỷ-Châu, đi ngang qua đại-hải Thái-Tây-dương. Còn những đường khác nữa thì thông từ Âu-châu qua Phi-châu, qua Ấn-độ, qua Cực-đông, từ Ấn độ và miền Cực-đông xuố g tới Dương-châu (Océanie). A-châu qua đến Mỷ-châu, nói tắc lại là cả năm châu thế giái đều được thông tin nhau, những việc chi xảy ra trong một giờ thì cả 5 phương trên địa cầu đều hay cả, vì trong một khắc thì điển-tín đã có thế đi vòng cả trái đất.

Có một đều nầy khiến cho ai cũng lấy làm kỳ, là điển-tín đánh từ Âu-châu qua Mỷ châu, mà điển-tín chạy tới Mỷ-châu trước giờ bên Âu-châu đánh qua là 6 giờ đồng hồ ; nghĩa là một người ở bên Tây muốn đánh dây-thép qua Huê-kỳ, mà đánh hồi 10 giờ sớm mai, thì bên Hnê-kỳ được tin hồi 4 giờ sáng bữa ấy, 6 giờ đồng hồ trước bữa đó. Tuy vậy chớ bên gởi và bên thâu cũng một lược, nhưng mà tại xứ ở xa nhau trên trái đất nầy mà trái đất thì tròn, xây từ phía Tây qua phía Đông, cho nên mấy xứ ở phía Đông thấy mặt trời mọc trước, còn xứ ở phía Tây xây qua tới sau nên thấy mặt trời mọc sau. Bởi vậy hễ lúc bên Tây 10 giờ sáng thì bên Huê-kỳ tại Nhiêu-Do mới có 4 giờ sáng mà thôi, ấy là tùy theo xứ ở trên mặt trái đất. Như bên Saigon ta ở phía Đông nước Tây cách xa nhau lắm, lúc 7 giờ sáng bên ta thi ở bên Tây còn khuya mới có 12 giờ mà thôi; cho nên hễ ta đánh dây thép qua bên Tây hồi 7 giờ sáng thì bên Tây được liền dây thép nhằm 12 giờ khuya.

Một cái sự lạ nhứt trong các sự bày biến của khoa-học ngày nay là cái vô-tuyến-điển, nghĩa la gởi điển-tín mà không cần phải có dây dẫn-điển mới có điển-tín tới nơi. Ở hai nơi cách trở nhau xa muôn ngàn

dặm, mà người ta chỉ dùng có hai cái máy gởi và thâu điển-tín mà thông tin cho nhau không cần phải có dây thép dây đồng nối nhau chi cả.

Ấy là nhờ ơn của hai ông bác-sĩ Pháp và Ý là ông *Branly* với ông *Marconi* bày ra cái máy vô-tuyến-diển lạ kỳ ấy. Nhờ vậy mà ngày nay những tàu đi linh-đinh trên mặt biển vẫn được thông tin nhau luôn luôn, hoặc muốn thông tin với trên bờ lúc nào cũng được. Nghỉ ra cái tài cơ xảo trí-hóa của con người thật là vô cùng tinh-xảo. Nhờ cái phép lạ đó mà ngày nay tàu đi giữa biển cũng hay được tin-tức cả hoàn cầu, nhờ đó mà lắm khi tàu nguy-hiểm ngoài biển lại kêu cứu các nơi được, cho nên từ ngày bày ra vô-tuyến-điển tới nay biết là bao nhiêu mạng sanh linh cứu khỏi chết chìm chết đuối. vì là tàu rủi có chìm thì đánh dây thép kịp cho các tàu khá cở gần gần biết mà chạy đến cứu vớt.

Nguyên do cái thuyết vô-tuyến-điển như vầy: cái điển-khí nó chạy ra ngoài không-khí mà đi như lằng sóng; khi nào người ta cho điển-khí chạy trong ống quấn dây dẫn-điển kêu là *bobine d'induction* hay là *bobine de Ruhmkorff* thì nó sanh lại một thứ điển-khí chạy ngược, nếu cho 2 mối dây điển trong ống đó nó xuất điển ra, thì cái điển đó nó chun ra ngoài không-khí mà đi cùng tứ phía như sóng dợn trên thinh không. Nếu khi ấy có máy thâu thì điển-khí ấy chạy vào trong máy. Vậy nếu người ta bày ra cái máy để mà cho điển-khí ấy chạy ra ngoài không-khí từ giọt mà làm ra dấu biệu từ chữ trong vần A B, và máy để thâu lấy điển-khí chạy ngoài không-khí ấy cho nó in ra dấu thì là thành ra cái máy vô-tuyến-điển tín vậy.

Vậy nơi nhà dây thép gởi vô-tuyến-điển-tín phải dùng một cái ống Ruhmkorff chạy bằng điển-khí trong máy-điển dynamo; làm máy đánh có chỗ đánh (*manipulateur*) để đánh cho điển-khí chạy vô ống Ruhmkorff; rồi nhờ có máy *oscillateur* nó làm cho điển chớp ra ngọn lửa mà sanh ra lằng sóng điển chạy ra ngoài không-khí mà đi cùng 4 phía trời, nhờ có dây thép giăng lên chạy tới trên chót cột sắt dựng cao lên trời cho nó chun ra mà đi. Những cột dựng cao đó cùng mấy sợi dây thép giăng giăng, ta gọi là *antennes*, người ta làm cao đặng cho nó đi xa đến tại chỗ thâu mà vô máy thâu cho được. Chỗ nhà vô-tuyến-điển để thâu lại có máy thâu, trong ấy có nhiều cơ-quan, song cái cơ-quan chánh hết là cái ống dẫn-điển gió kêu *radio-conducteur* của ông Branly bày ra. Ấy là một cái ống kim ở trong ấy có đựng những mạc sắt. Ống để cho liền với đường điển chạy, nhưng làm như thế mạc sắt nó lại có tánh không dẫn điển nữa, vì nó có cách khoản nhau trong mạc sắt. Vậy mà nếu có lằng sóng điển chạy vào thì tự nhiên nó liền nhảy dẫn-điển, mấy hột mạc sắt đều dẫn-điển liền nhau như là một cây sắt nguyên vậy. Bởi vậy lằng sóng điển đánh nơi nhà điển-tín gởi đi chạy qua tới nhà máy thâu chun theo cột dây thép mà vô ống Ruhmkorff đó làm cho nó dẫn điển. Vì thế cho nên dùng theo máy điển-tín của ông Morse mà đánh dấu gạch ra dấu lên giấy cũng được. Nếu

lúc ấy, gỏ cái ống đi, thì mạc sắt liền hết dẫn điền. Cho nên mỗi khi nó gạch ra dấu rồ thì có máy liền gỏ cái ống cho hết dẫn điền, chừng có đánh nữa thì sóng điền chạy vô dẫn điền lại.

Sau nói về dây thép nói (điền-thinh)

ĐÔNG-PHÁP THỜI-SỰ

SAIGON

Bắt được tại trận

Hai gã cu-ly tên là Quach-Hi và Toan-Phát vốn là khách-trú làm d ới chiếc tàu *Roume*, lãnh chuyên vận hàng hóa ở khoang số 4. Hàng hoa ấy như là: đường, bột v. v. Vừa rồi hai gã ta chẳng rõ quỉ ma gì xui dục, thấy hàng hóa nhiều món dùng được, bán, được bèn đồng lòng ăn-cắp. Chẳng may mới vừa ra tay bỗng đâu gặp người giữ khoang ấy đi trờ tới bắt được hai gã ta tại trận. Liền đ đi thưa với quan tàu hạng nhì, đặng bắt hai gã ta lại bót. Trong k i ấy Toan phát bèn trà trộn lừa đảo một hồi rồi nhảy phóc lên cầu chạy trốn mất. Chĩ còn có một mình Quách-Hi phải bó tay chịu tội. Hiệu nay Quách-Hi đã bị giải lên tòa, còn Toan-Pr át thì quan quân còn đang truy tróc. Chắc làm gì chẳng kịp thì chầy đây cũng nắm óc được chớ chạy đâu cho khỏi lưới trời.

Hễ ăn quen chồn đèn mắc bẫy lẽ đó thường lắm mà không tởn hay sao?

* * *

Có phải bởi chăng

Cách mấy ngày rày, có chiếc ghe số 30 của tên Nguyên van-Huân, 56 tuổi, ở ngoài Annam chở nước mắm vào Saigon đặng bán. Ghe đậu lại đâu ông-lanh được đâu vài ngày, song chẳng rõ có chịu mối bán cho ai chưa mà đếm rồi đây cả vừa chủ và chín tên bạn đang ngủ dưới ghe, đồ-đạc, quần-áo giấy-ma cũng nhiều, cả thảy đều dồn vào hai cái rương cũng đó chung lối đó. Thế mà chẳng rõ chừng sáng ra bạn-bè và c ủ thức giấc dậy thì xem lại hai cái rương ấy đâu mất.

Người nầy hỏi người k a có nghe không kẻ kia hỏi kẻ nọ có thấy không, như hỏi giáp vò g không một ai biết ai lấy cả. Thế thì chắc bởi thừa lúc ngủ mê rồi xuống rin đi chớ gì. Đã vậy mà lại còn mất hết 15 tỉn nước-mắm là khác nữa chớ.

Thật cũng là xui-xẻo quá!

Tạo hóa kỳ quan *(n° 7)*

Nói về dầu lửa

(Le pétrole)

Mỏ dầu lửa nhiều nhứt đều ở về bên Mỹ-quốc (nước Huê-kỳ). Dầu lửa là một thứ nước đen sệt sệt. Có nhiều xứ như ở tỉnh Pens lvanie, Texas, Canada dưới đất sâu có nhiều mạch nước như đường kinh rạch ở dưới đựng đầy những dầu, nhiều khi hết cả một vùng một xứ. Ấy là mỏ dầu lửa đó. Mấy nơi có mỏ dầu thì người ta đào giếng xuống sâu đụng nó mà bôm nó lên; có chỗ hơi nó mạnh ép dầu xịt lên như vòi nước. Xung quanh miệng giếng dầu người ta làm những hồ để chứa nó. Có chỗ đào giếng đụng mỏ dầu xịt lên thình lình mà tràng trên mặt đất chảy lam khắp cả đồng nội mình mông những dầu.

Những người coi khai mỏ lắm khi cả mình cũng bị dính những dầu ấy. Còn cái địa cảnh chỗ khai mỏ dầu xem ra cũng là kỳ dị lắm. Mấy chỗ ấy mỗi nơi đều có thấy treo một tấm bản đề chữ cấm hút thuốc cấm đốt lửa. Bởi hơi dầu lên rất mạnh mà nhạy lửa lắm, nhiều khi cách xa hơi lửa năm ba trăm thước mà nó cũng bắt cháy được Mà hễ nó bắt cháy thì là ra cảnh gớm ghiết trăm phần, những thợ thầy tránh không kịp phải ra thang ra tro bụi. Ví như hồi ngày 11 Mai 1862 ở tại Idione thuộc xứ Pensylvanie, có một tên thợ đào mỏ dầu, đào đã mấy tuần mà chưa đến mạch dầu, bỗng đâu khi đào vừa tới mạch thì nghe có tiếng nước chảy cạ theo đá rất mạnh, kế tiếng sôi trào sùng sụt, kế thấy dầu xịch lên mau như chớp nháng, chun theo lỗ giếng mà xẹt lên rất mạnh, phung cao đến 12 thước khỏi mặt đất. Kế thấy một đam hơi dầu bay ra mù mù ở trên lằng dầu xẹt như là khói. Tức thì người ta truyền lịnh tắc lửa hết thảy. Rủi còn một ngọn lửa ở xa cách đó 360 thước chưa kịp tắc, nó bèn bắt cháy tận đến lằng dầu xẹt thành ra một ngọn lửa to rất mạnh, tư bề khói bay đen kịch che mát cả trời. Còn nước dầu chảy lan trên mặt đất đi tới đâu thì lửa cháy theo tới đó tàn hại một cách rất gớm ghê. Khi ấy mấy thùng dầu đã bít kín bị nóng nổ lên đùng đùng như tiếng súng ca-nông, làm cho thây ma mấy người thợ bị cháy thiêu banh ra từ mảnh mà văng cả lên trời. Những đờn bà con nít trong lúc hoảng kinh chạy đùa tìm đường mà tẩu thoát cho khỏi cái vùng lửa dậy minh mông. Thôi thì mạnh ai nấy lo chạy rốn chớ không thế nào cứu chữa cho khỏi cái tai bai ghê gớm như lửa lụt nầy. Lửa cháy cho đến khi cạn dầu cùng trên mặt đất còn những tro tàn cốt rụi mới thôi!

Nước Huê-kỳ phải lắm khi bị cái nạn tai ghê gớm ấy. Nhiều nơi khác có khai mỏ dầu cũng bị cái tai khốn nạn đ , sau các nước văn-minh mới biết khai phá mỏ dầu của trời đất mà dùng thì phải bị lắm cái hiểm cghèo ghê gớm.

Nay người ta đã tìm được cách lọc

dầu ấy ra mà dùng. Trong dầu lửa dưới mỏ khai lên rồi lọc ra có nhiều thứ, nhiều hạng dầu, thứ nào để dùng về việc chi. Nhờ biết sẵn vậy cho nên cách dùng dầu cũng bớt sự hiểm nghèo.

Cái hơi dầu lọc ra rồi, như dầu săn (essence) rất nhạy lửa vô hồi; mùa hạ nồng nó bay hơi lên mau lắm, nếu gặp ngọn lửa ở đâu xa nó cũng bắt mà cháy lan cho đến tận chỗ chứa nó. Tàu chở dầu săn lắm khi cũng vì thùng dầu không đặng kín lắm, làm cho có hơi dầu bay ra, nếu gặp một ngọn lửa nhỏ như lửa quẹt đốt thuốc cũng đủ làm cho cả chiếc tàu phải nổ tan ra từ mãnh mà văng dầu cháy lên đỏ cả mặt biển.

Nay người ta có sắm những tàu kêu là *bateaux-citernes* để dành chở dầu săn dầu lửa. Tàu làm bằng sắt có khoang, có ngăn kín mít để chứa dầu đầy nhóc cả, nên khỏi sợ nó lắc nó lên hơi. Tàu ấy cũng tiện vì đến khi muốn san dầu lên người ta chỉ dùng máy mà bơm nó, đi theo ống làm chắc chắn thì khỏi lo sự hỏa hoạn.

Dầu lửa tự nhiên chưa lọc thì nó đen và hơi sệt sệt như nước xi ra (cirage), đến khi lọc rồi, nó ra nước trong xanh có ngời mà rất lỏng, có mùi thơm ngát, chớ không phải hôi tanh như lúc chưa lọc. Cách lọc dầu lửa cũng tựa như cách lọc rượu (ặt rượu). Hơi dầu lọc, lóng ra trước hết thì là dầu săn, là thứ dầu nhạy lửa hơn hết. Lần lần tới sau chót thì ra dầu lửa thường để thắp; rốt lại còn dầu cặn để dùng làm cho trơn máy, hoặc đốt lửa cho máy chạy.

Mỏ dầu lửa chẳng phải một mình xứ Huê-kỳ có nhiều mà thôi, ở mấy nước như nước Rút-xi (Nga-la-tư, Russie), nước Ba-tư (Perse) nước Java, vân vân cũng đều có mỏ dầu.

Dầu lửa hồi đời xưa cũng đã có người biết đến. Mấy nhà danh sĩ hồi xưa có nói chuyện thấy dầu lửa ở gần nơi Tử-hải (Mer morte): ông Plutarque cũng có nói đến biển lửa (hay là hồ lửa) ở gần Ebatana. Ông Pline có nói người Rô-manh hồi xưa thắp đèn dầu lửa. Mỏ dầu lửa ở tại thành Bakou nơi xứ Caucasie gần nơi mé biển Caspienne cũng đã có danh tiếng lâu đời rồi. Sách xưa nói đến lúc có hội lễ trong đạo, thì dân sự chỗ đó cho nước dầu mỏ chảy trôi xuống biển, đốt cháy cho sóng bủa đi, xem ra thấy mặt biển nổi sóng lửa đỏ trời, chấp chóa rất nên ngoạn mục.

T. T.

VĂN CHƯƠNG NÔM

Nhị độ mai chú giãi (*n° 20*)

Tiếng nàng kêu dậy giang khê,
Một đoàn thuyền hộ chống bè la om.
Vác sào giơ gậy từ chòm,
Lao xao nỗi tép nỗi tôm một vùng.
Lời thô lời tục như ong,
Kẻ toan cướp lại, người hòng đánh theo.

* * *

Bàn dày bàn mỏng giờ lâu,
Xuân-Sanh trong chợ may đâu vừa về.
Can rằng xin hãy êm đi,
Khôn không qua lẽ, phép thì có quan.
Bảo nhau tìm chốn kêu oan,
Dắc theo chứng lá một đoàn ngư nhân.

☆ *

Bước đi bóng đã cúi thân, (204)
Nửa đường gặp lũ quan quân dài dài.
Đèn lồng trước kiệu hai hàng,
Hiệu đèn đề-đốc chữ giồi nét son.
Giữa đường quì xuống kêu giồn;
Nghe truyền dừng kiệu ồn ồn hỏi tra.
Thưa rằng: « Chút phận ngư gia,
Gặp chàng công-tử họ là họ *Giang*.
Khinh người hèn, cậy mình sang,
Lấy đều thần thế toan đường hiếp ai.
Kề thuyền cướp lấy vợ người,
Chuyện nầy muôn đội đèn trời xét cho.
Cao minh xin thứ dân ngu,
Vội vàng kêu miệng nào lo kịp tờ?
Lịnh quan một tiếng truyền ra,
Con quan ỷ thế của cha cũng thường.
Tên nầy phong dạng ra tuồng,
Nhìn xem chưa hẳn là phường ngư gia.

Kịp truyền tới bến Đại hà,
Bắt Giang công-tử về nha tức thì.
Nguyên đơn cũng bắt đem về;
Kiệu đi một phút đã kề đại đình.

*
* *

Hiên môn vẽ hổ trước bình, (205)
Giáo thăm thẳm đóng, quân rìn rỉ hơi.
Thung dung xuống kiệu thềm ngoài,
Tiếng la thị sự, bồi còi thâu quân.
Hầu bên hai dãy bền thân, (206)
Đệm chăm chăm trải, sáp đèn chật chong.
Ngậm tăm lặng ngắt như không,
Trại ngoài khắc trống, đinh trong kéo cờ.
Một vòng quân khảo như nêm,
Hàng giăng giá ngọc, chật liền túi roi.
Giao canh trống mới sang hai,
Phạm tù đã thấy lôi thôi điệu về.

*
* *

Giang khôi dạng cũng khiếp oai,
Liếc trông mặt sắt, (207) lẳng nghe tiếng đồng.
Quở rằng: cậy thế thị hùng,
Ra ngoài văn pháp, vào trong dâm tà.
Án nầy cứ miệng ngư gia,
Phỏng như tội ấy nghĩ đà đáng chưa.
Kiên gan, *Khôi* những lui ra,
Rằng mua, rằng bán, rằng lừa trăm muôn.
Rồi ra chứng tá phân minh,
Dường căng cắn lưỡi, (208) dường quanh quẩn lời.
Quân môn biết sự chẳng sai,
Lấy đều nhỏ nhặt truyền lời *Ngọc-thơ*.
Hỏi rồi mới biết rằng là,
Liễu dầu gặp gió sen chưa nhúng bùn. (209)

*
* *

Đòi *Giang* tri huyện (210) quở giồn;
«Khen làm dân mục dung con bất tài.

Mắt trông tay trỗ đủ mười,
Phép vua khôn thứ, miệng người khôn che.
Tội con phạt bốn mươi bê,
Cha đà biết tội tha về tham cho.
Nguyên đơn một lũ họ Châu,
Giờ mai thẩm lại mới hầu tha xong.
Truyền cho ở lại bên phòng,
Rạng ngày sẽ hỏi xem trong tình đầu.

*
* *

Ai hay sự bởi vì đâu?
Quan đề-đốc ấy họ *Khâu* gọi là.
Hiếm hoi có một mộng xà, (211)
Vân-tiên một gái mặt hoa khuynh thành.
Cũng trong người họ xung quanh,
Vốn là cậu ruột Xuân-Sanh đấy là.
Từ khi khỏi nạn Mai gia,
Phu nhơn sang đấy nương nhờ bấy lâu.

*
* *

Cách đêm vừa sáng hôm sau,
Buông rèm hỏi lũ họ hau xem tình.
Ngư-bà đâu dám giấu quanh,
Mới đem sự tích Xuân-Sanh tỏ bày.
Tủi lòng ông mới dạy ngay,
Hãy đem tên rể vào đây hỏi tường.
Xuân-Sanh thấy sự rõ ràng,
Bây giờ chàng kể nỗi chàng đầu đuôi.
Từ khi gặp gỡ họ Mai,
Khi toan xe chỉ, khi đòi xuất quan.
Khi lánh nạn, lúc nghe oan,
Cùng Mai-sanh nỗi hiệp tan mấy lần.

*
* *

Chàng vừa kể hết xa gần,
Mai phu nhơn bỗng khóc rân trong rèm.
Khóc rồi mới bước ra thềm,
Cầm tay chàng mới nhìn xem một giờ.

Dạy rằng: gan tấc nên xa,
Thế mà già vẫn còn ngờ rằng ai. »
Khâu-công rằng: Hãy khoan thai!
Dám xin mời cả vào ngồi nhà trong.
Thay quần đổi áo an xong,
Rồi ra sẽ kể sự lòng với nhau.
Ngu-bà chưa tỏ gót *đầu*,
Thôi! bâng khuâng nghĩ lại *bồi* hồi trông.
Úy! sao nhà kiện cữa công,
Ra tình nhìn nhận, ra lòng yêu thân?

(*Còn nữa*).

Giãi nghĩa chữ mắc

(204) *Bóng đã cúi thân*, bóng đã xuống cúi giờ thân. Giờ thân từ 5 giờ chi 7 giờ tối.

(205) Ở trước tấm bình phong có vẽ hình cọp.

(206) *Biền thân*, mấy người thơ lại, biên chép tờ trát.

(207) *Mặt sắt*, nước da mặt màu như sắt. Ấy là nước da mặt của Bao-công-Chuẫn đời Tống là một ông quan rất thanh liêm, có tài xữ kiện công bình. Ý câu ấy sánh như Bao-công, thanh liêm chánh trực.

(208) *Căng cắn lưởi*, nói ú ở dường như là bị cắn nhằm lưởi.

(109) Câu ấy nghĩa là nói phận gái tuy gặp đều dữ như vậy chớ vẫn còn trong sạch như tuyết băng, như sen thơm chưa đụng tới bùn. (Còn trinh bạch).

(210) Giăng tri huyện là cha của đứa phạm Giang công tử.

(211) *Mộng xà*, chiêm bao thấy rắn là điềm có con gái.

Câu nầy ý nói vì hiếm hoi chẳng có con trai chỉ có một gái.

T.T.

Gương luân lý[1]

Gương thủ tín

Chuyện ông Régulus

Ông Régulus là lãnh sự La-mả, lúc đánh giặc với dân Carthaginois, trước thắng trận, sau lại bại binh, phải bị quân Carthaginois bắt mà cầm tù. Đem về thành Carthage, bị quân Cathaginois hành hà khổ sở. Người La-mả thuở ấy là một nước cường thịnh binh hùng tướng dỏng đánh đông dẹp bắc tưng bừng danh vang huê hạ các vua các nước thấy đều tùng phục, nay rủi sa cơ bị quân Carthaginois cũng là quân cường thịnh đòi ấy, nó làm nhục như thế thì dễ gì mà chịu đặng.

Đến sau quân La-mả thắng lại, thì quân Carthaginois xin hòa. Bèn sai sứ thần qua Kinh đô La-mả mà điều đình việc ấy. Ông Régulus cũng theo sứ thần mà về. Người Carthaginois có biểu ông phải về mà tính xong việc ấy bằng không xong thì phải trở qua mà chịu tội. Ông bèn hứa lời.

Đến lúc sứ thần qua tính việc giao hòa, thì Régulus có nói vưng lịnh bên thành Carthagequa mà xin hòa ước cùng là thay đổi tù binh. Mấy vị sứ thần cắt nghĩa mấy đều lợi trong 2 việc ấy xong rồi trở ra nhà khách; ông Régulus cũng theo ra, thì các quan La-mả biểu ở lại mà xem xét bàn tính lại. Các quan buộc ngài tỏ ý mình coi thế nào, thì ngài nói các lẽ thành La-mã chớ nên hòa-ước mà cũng chẳng nên đổi tù binh. Các quan thấy ngài khẳn khái quá muốn cứu ngài cho khỏi mắc tội, thì có ông giáo chủ La-mả nói rằng ngài có thể bỏ lời thề, không trở lại bên quân Carthaginois nữa. Ông Régulus bèn nói cứng cỏi lên rằng: «Tôi xin các ông cứ việc nghe theo tôi, đương tưởng đến cái mạng Régulus nầy nữa. Tôi quyết chẳng ở nơi thành Rome nầy nữa mà phải vạ lây cho các ông chịu thần thánh giận hờn đâu. Phận tôi đã hứa lời, thì tôi phải giữ lời; hễ các ngài không chịu hòa ước thì tôi cũng nhớ lời mà về nạp mình cho kẻ nghịch, chớ như thất ước thì ra đắc tội với thánh thần.

Tôi vẫn biết phận tôi phải chết rồi, mà nếu tôi thất ước thì hồn tôi phải nhục, chớ như chịu tử hình, chỉ đau cái thân mà thôi, mà người anh hùng đâu có biết đau đớn là gì. Vậy các ông chớ lo sợ cho tôi làm chi; tôi quyết trở lại thành Carthage mà giữ phận sự tôi, còn các ông cứ việc lo phận sự các ông đi.»

Ngài nói mấy lời rồi cúi mặt trở ra, theo sứ thần mà về bên Carthage chịu tội, chẳng dám ngó lên sợ e thấy vợ con bịnh rịnh mà xiu lòng đi chăng. Ngài về tới Carthage bị quân thành ấy xử tử một cách rất nên độc ác. Ngài chết mà nên danh thơm tiếng tốt đời sau, thiên hạ nhớ người thủ tín và ái quốc như vậy thảy đều cảm phục.

---

(1) Bổn quyền của tác giả.

Chuyện ông Gudmond

Xưa (1650) có ông thiếu-niên thông thái nước Đơn-mạch (Đanemark) là ông Gudmond bị nhà nước nghi là truyền bá tứ-tướng nghịch cùng chánh phủ nên bị bắt câm tù trong khám Thanh-Đài (Tour-Bleue). Người giữ khám là một ông già nhơn đức, thấy người thiếu-niên hiền lành mà siêng năng nên đem lòng triếu mến. Ông bèn nói với người thiếu-niên rằng: « Như cháu chịu hứa lời đừng trốn và đừng thông-tin tức chi với ai ở ngoài thì lão sẽ để cho cháu ở nơi tử tế sáng sủa ngó ra vườn được. » Người thiếu-niên hứa lời, thì ông già bèn đem chàng ở nơi phòng tử tế, có cửa ngó ra đường lô thanh vắng lại có vườn tược cây cối xanh, duy có một cái rào sắt ngăn ngang mà thôi, chớ cửa sổ phòng cũng không có làm song sắt. Người thiếu niên tánh hay ưa thiên văn nên tối lại ngồi nơi cửa sổ mà xem trời. Đêm kia vì người ngó ra ngoài xa quá rũi trật chun té xuống đất, nhưng cũng thời may, chẳng có bịnh chi cả, duy bất tỉnh một hồi thôi. Lúc tỉnh dậy, như ai thì đã trốn rồi. chớ người thì lại không. Lòng vẫn nhớ lời hứa và nghĩ sợ cho ông già kia rất bậu tình tử tế với mình, nên không lẽ trốn mà để vạ cho người chịu, nên chàng bèn trở lại cửa đài lao mà kêu ông già mở cửa cho vô và nói thiệt chuyện lại.

Việc ấy sau thấu đến tai vua, vua rất khen, bèn đòi giấy tờ mà xét việc lại mới hay người thiếu-niên thông thái là vô tội, vì bị người gièm siểm mà phải tội oan. Vua bèn thả ra và lại trọng thưởng nữa.

V. T. V.

BIBLIOTHÈQUE INDOCHINOISE